

ĐÀO TRINH NHẤT

TÁC PHẨM



VĂN HỌC

Liêu trai chí dị (dịch)
Lê Văn Khôi

NGUYỄN Q. THẮNG
sưu tầm và giới thiệu

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

ĐÀO TRINH NHẤT - TÁC PHẨM

NGUYỄN Q. THẮNG

ĐÀO TRINH NHẤT

Tác phẩm

★★★★

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TIỂU DẪN

Đây là tập ★★★★★ của bộ sách *Đào Trinh Nhất - Nhà văn, nhà báo bực thầy, Đào Trinh Nhất Tác phẩm* (NXB Văn học 2010, 2011).

Theo dự kiến ban đầu, chúng tôi chỉ in cuốn *Đào Trinh Nhất - Nhà văn, nhà báo bực thầy* (604 trang), nhưng sau nhiều lần đắn đo; cuối cùng do duyên may chúng tôi in đủ toàn bộ tác phẩm Đào Trinh Nhất thành 5 tập; gồm 3052 trang khổ 19 x 26cm.

Trong số tác phẩm Đào Trinh Nhất, chúng tôi hiện có 20/22 cuốn trong toàn bộ trứ tác và sáng tác của ông trong 30 năm cầm bút - chưa kể các bài báo ngắn khác (trừ 2 cuốn sách dịch *Thần tiên kinh* và *Đông Chu liệt quốc* hiện biên giả chưa sưu tầm được). Trong số 20 cuốn, chúng tôi cho in đủ, trừ cuốn *Cái án Cao Đài*; không đưa vào phần *Tác phẩm*, vì đây là vấn đề tôn giáo tế nhị, như đã viết trong *Đào Trinh Nhất - Nhà văn, nhà báo bực thầy* (trong 119 - 120), nay xin khởi nhắc lại.

Thế cho nên, tập ★★★★★ này gồm: tiểu thuyết *Lê Văn Khôi* và truyện dịch *Liêu Trai chí dị*. Lẽ ra, cuốn *Lê Văn Khôi* phải in vào tập ★★★★★ nhưng tập này khá dày (khoảng 1000 trang), nên chúng tôi cắt ra đánh in chung với *Liêu Trai chí dị* (bản của NXB Bốn Phương, 1950, Sài Gòn).

Như vậy 5 cuốn sách về Nhà văn, học giả họ Đào có thể xem là một *Toàn tập Đào Trinh Nhất* như cách làm việc của chúng tôi từ nhiều năm nay nhằm giới thiệu một trong các khuôn mặt lớn của văn học, báo chí Việt Nam hiện đại.

Tác phẩm bây giờ đã có trên tay độc giả, các sai sót ắt hẳn còn rải rác đây đó trong sách. Kính mong bạn đọc hạ cổ chỉ cho các khiếm khuyết để biên giả có điều kiện đính chính khi tái bản.

Trân trọng
Gia Định tiết hạ thử, năm Quý mão (2011)
N.Q.T

ĐÀO TRINH NHẬT
(Hong Phong)

LÊ VĂN KHÔI
(Tiểu thuyết lịch sử)

TRUNG BẮC CHỦ NHẬT
(từ số 144 - 215/1944)



Lịch sử tiểu thuyết của Hồng Phong

I

MỘT BÓ ĐUỐC BẰNG THỊT NGƯỜI

Chạng vạng chiều hôm 18 tháng 5 năm Quý Tỵ (1833).

Thầy đội trưởng Nguyễn Kiều từ trong thành Phiên An tể ngựa như bay như biển, một mạch về đến nhà ở Bình Hòa xã. Buộc ngựa ngoài cổng, thầy rào bước vào trong nhà, kêu réo vợ và cô em gái đang hì hục giã gạo ở sau bếp để mai gánh đi Chợ Lớn bán:

- Bay đâu? Dọn cơm ta ăn ba hột mau mau, còn phải đi có việc thượng khẩn, nghe!

Thím đội và cô Tần cùng đưa mắt nhìn nhau, trao đổi ý tứ kinh ngạc. Mười mấy năm nay, thầy đội về nhà khinh thường dục dã bữa cơm tối là lần thứ nhất. Vì thầy vẫn quen tính phong lưu, bệ vệ, bao giờ bữa cơm tối của thầy cũng có ý nghĩa hầu như một vấn đề thể thống, một nghi tiết quan hệ. Dù gặp việc quan khẩn cấp đến đâu, ngay lúc Thượng Công hầy còn cũng vậy, thầy chỉ cắt người thay, không thì bỏ mặc kệ: cứ về nhà ngồi đánh chén một mình khề khà, ngất ngưỡng, hạc sách người nhà từng li từng tí, kéo dài từ giờ Thân đến giờ Dậu mới xong. Suốt ngày, chỉ đến bữa chén ấy, thầy đội mới cảm giác vui sống, cho nên người vợ và cô em gái vẫn phải hết sức cung phụng, chiều chuộng, quanh năm như một ngày, thành ra cổ lệ. Hôm nay, thầy bỏ thói quen, có vẻ vội vàng, học tốc, ý chừng vì một duyên cớ gì hệ trọng lắm.

Tuy vậy, hai người cùng phải bỏ dở công việc, để thắp đèn và dọn cơm bung lên, không ai dám mở lời vặn hỏi gì cả.

Thầy đội Kiều để nguyên cả nón áo võ phục và đeo thanh kiếm bên mình, chỉ ngồi ghé bên bộ ván, lẳng lặng và sắp và ngửa lấy hai bát cơm, đứng dậy bụng tô trà Huế uống một hơi, rồi tắt cả đi ngay.

Thím đội lờm theo và nói lầm rầm:

- Có giặc ở đâu mà chạy rồi lên thế, không biết!

Câu nói hình như chợt dạ thầy đội, cho nên thầy đã chạy ra đến giữa sân, bỗng ngảnh mặt lại, hỏi vợ:

- Ngày mai có đi chợ không?

- Có chứ! Thím đội trả lời, tôi với cô Tần đang giã năm sáu thúng gạo dưới bếp kia kìa! Cốt để mai gánh đi Chợ Lớn bán. Hôm nọ nhà ông bang Mạch Tấn Giai dặn lấy hai tạ, nhân thể đem giao cho người ta.

- Thế, lúc nào thì đi?

Cô Tần vừa nói vừa cười:

- Kỳ quá, hôm nay anh đội làm như khách lạ nhà này, hay là người đăng trí... Bao giờ chị em chúng tôi đi chợ, cũng phải dậy đi từ đầu trống canh năm anh còn lạ gì?

- Nhưng ngày mai để sáng rõ hãy đi, có được không?

Thím đội xem chồng như có vẻ khả nghi, nên thím bất bình:

- Không thể được! Phải đi thật sớm, đến nơi bán hàng xong, còn mua sắm các thứ, để trở về nhà này vào khoảng nửa buổi thì vừa. Sáng rõ mới đi, gánh nặng đường xa, trời nắng vát vả lắm, rồi đến quá trưa mới về à?... Nhưng mà thôi, công việc chợ búa buôn bán để mặc kệ chị em chúng tôi, miễn sao mỗi buổi tối có một mâm cao lương mỹ vị cho ông gật gù đánh chén, hạc lạc người ta, thế là được rồi; cần gì phải can thiệp vào giờ khắc đi sớm đi trưa của chúng tôi?...

- Đã thành như thế!... Có điều, tôi phải dặn trước hai chị em: khuya nay đi ngang chỗ lãng mộ Thượng Công, có thấy sự gì khác lạ, cứ việc ngậm tăm mà đi, chớ tò mò dòm ngó hay là hoảng lên, thì khổ thân đấy, nghe!

Nói xong, thầy đội Kiều chạy tốc ra ngõ, nhảy lên mình ngựa, gia roi đi thẳng.

Trở lại công việc xay lúa giã gạo, chị dâu em chồng vừa làm vừa bán tán thị phi. Cô Tần mở lời trước:

- Cũ chi anh đội nhà ta hôm nay lạ thật, chị hai nhỉ! Làm như có chuyện gì bí mật thì phải.

- Hứ! không khéo có mèo chó hẹn hò gì với anh chàng đêm nay đây thôi.

- Chưa gì chị đã ghen bóng ghen gió! Cô Tần nói. Vậy mà em vẫn nghĩ chị không biết ghen.

- Cô này nói lạ, ai có chồng lại chẳng ghen. Để cho thiên hạ mót lúa đồng ruộng nhà mình, liệu mình đứng trơ mắt mà nhìn được à? Một mai cô có chồng, thử xem có ghen hay không cho biết?

- Nhưng chị vịn lấy chứng cứ nào mà nghi đêm nay anh đội nhà ta hẹn hò với mèo chó?

- Tôi bảo cô nhớ: không thể sao hấn ta lại tính đi suốt đêm nay không về? Đàn ông có nhà, ở nhà có vợ, bỏ đi suốt đêm là đi đâu mới được chứ nếu không phải có ngoại tình? Không thể, sao hấn ta lại dằn dò chị em mình đi ngang lảng mộ Thượng công, đừng có dòm hành mà khốn?

- Thế ra chị đoán chừng anh đội nhà ta đêm nay sẽ đưa một cô nào tới chỗ đó tự tình à? Chị khéo nghĩ quẩn: trai gái nào dám đưa nhau tới bên mồ mà trò chuyện bao giờ, nhất là lảng mộ Thượng công tôn nghiêm và có quân lính canh gác.

- Cô quên rồi sao, lâu nay lảng mộ Thượng công bỏ hoang, làm gì còn lính canh gác như hồi năm ngoái, ngài mới qua đời. Vả lại, những thứ trai gái đến lúc say đắm u mê, còn biết kiêng nể gì nữa.

- Em hỏi câu này, chị nói cho thật nhé: một hai chị nghĩ anh đội có nhân tình nhưng người ấy là ai, chị có thấy chưa?

- Tôi quyết chắc như hai năm là mười, chả còn nghi ngờ gì cả... Hèn nào mấy lúc nay hấn ta về nhà hay khoe rằng ông chánh vệ Thái Công Triều có một cô cháu họ mới ở ngoài Huế vô, góa chồng mà tuổi trẻ sắc đẹp; hấn ta tấm tắc khen mãi, tỏ ý thêm muốn lắm. Tôi chắc là cô ả đó. Khuya nay chị em mình đi chợ, qua lảng Thượng công, tôi quyết bắt quả tang con đĩ cám dỗ chồng tôi, tôi xé tan xác nó ra, lấy thịt về làm mắm ngấu cho cô xem!

- Trời ơi! chị nói tôi nghe gớm quá, lạnh toát cả người. Cô Tần cười và đáp. Thôi, giờ chị em mình dọn dẹp đi nghỉ, sáng mai sẽ hay.

- Nhưng cô phải rình bắt với tôi, nghe?

- Vâng, nhưng thứ mắ mắ ngầu chị định làm, em không thèm ăn đâu, xin giao hẹn trước.

- Thím đội mắ mắ bắn khoả với ý nghĩ ghen tuông vớ vẩn, chỉ những trần trọc thờ dài, không sao chớp mắt được.

Đêm khuya thanh vắng, tiếng trống cầm canh trong thành vọng ra nghe rõ mồn một.

Mới sang canh tư, thím đội Kiều đã trỗi dậy nấu cơm, đánh thức cô Tần dậy ăn hời hỏ, rồi chị em quẩy gánh ra đi. Chủ tâm đi thật sớm đến lăng Thượng công, tìm chỗ ẩn núp để rình.

Trong ý thím đội chắc mắ mắ sẽ bắt được một đám dêu bợ quả tang, mà vai tuồng chính thức là thầy đội Kiều, chồng thím.

*

Không ngờ đến nơi, hai chị em cùng giựt mình kinh ngạc, thấy lăng Thượng công hôm nay không phải vắng vẻ tối tăm như mọi khi, ai nhát bóng vĩa qua đây khuya khoắt vẫn sợ thấp thỏm chọn tóc gáy. Trái lại, ở lăng Thượng công đêm nay, giờ này, lại có đèn đuốc sáng rực, cờ xí thâm nghiêm, có người tụ họp lố nhố, đông đảo; từ đằng xa đã nghe rõ những tiếng sóng người ồ ạt.

Họ bảo thăm nhau: hẳn là có cuộc tế lễ.

Nhưng nghĩ phải lấy làm quái lạ: Thượng công tạ thế mồng 1 tháng 8 năm ngoái, đến nay mới được ngót mười tháng, tức là chưa đến giỗ đầu, sao lại có cuộc tế lễ; mà tế lễ vào giữa đêm khuya thế này mới kỳ?

Như có liên cảm ước hẹn tự nhiên, chẳng ai phải bảo ai, hai người cùng đặt gánh xuống mé ruộng, rồi rón rén bước lại gần, đứng nép mình bên một bụi cây để xem. Cảnh tượng rùng rợn hãi hùng làm hai chị em run sợ mất vía. Họ phải khoác tay nương dựa lẫn nhau cho đầu gối đứng vững; cổ đề nén hơi thở hởi hởi chuyện khỏi bật tiếng kêu rú lên.

Vì những cái họ trông thấy mà khủng khiếp.

Từ trong từ đường ra ngoài mộ, hai hàng giáp sĩ đứng giàn hầu; mỗi người đứng bên một lá cờ, lạng lẽ uy nghi như pho tượng sống, toàn mặc áo trắng, đội nón lính, cầm gương tuốt trần. Ghê nhất là hai bên rìa mộ Thượng công, thấy cắm mỗi bên ba ngọn mác, lưỡi mài sáng quắc; dưới mỗi lưỡi mác, buộc một đầu lâu người, cái thì có râu, cái thì nhăn trọi, mà hình như mới cắt không lâu, vì chốc chốc còn mấy giọt máu đọng rơi xuống. Chưa kể trên mộ còn đến chục chiếc đầu lâu khác, máu me nhoe nhoét, bày trong một mâm cổ vuông vẫn có chân, đứng xa trông tựa tựa như mâm bông xếp toàn dừa quả có ngọn lên vậy.

Còn có cái đáng khiếp hơn nữa. Mộ cách từ đường bởi một cái sân nhỏ; chính giữa sân ấy thấy có một người bị đóng cọc trói đứng, quanh mình quấn vải chằng chịt từ chân lên đến cổ, để hở có cái đầu, búi tóc xéch ngược lên và quay mặt vào trong đền. Thím đội và cô Tần đứng chéo góc về phía ngoài, thành ra không thể nhìn được mặt người bị trói đứng quần giẻ ấy già trẻ hay là thế nào.

Nhưng chắc chắn là giẻ quần chung quanh thân thể người khôn khổ ấy có tấm dầu mỡ sẵn sàng, để làm một ngọn đuốc sống. Một lát, giữa bầu không khí êm lặng, nghe từ trong đền có tiếng thét nguyên đồng dục: “*Thắp đuốc lên!*”, tức thời một người lính cầm mỗi lửa ra sân, châm vào chân bó đuốc sống, để cho ngọn lửa từ dưới cháy lên.

Đồng thời, chuông trống cất tiếng vang động, nhịp nhàng, xé tan tản mạn tịch mịch lúc nãy. Trong từ đường, nhấp nhô bóng người chạy đi chạy lại: kẻ thì lúi húi thắp hương, đốt trầm, người thì sửa soạn khăn trắng áo trắng, lục tục kéo ra trước mộ, bài ban làm lễ.

Tội nghiệp! người làm bó đuốc sống ở giữa sân, tay chân đã bị trói chặt, thêm mấy lớp vải quấn quanh, bó kín thân thể, đành đứng trơ mắt nhìn ngọn lửa châm dưới chân mình từ từ cháy lên, đành cắn răng chờ đợi đau đớn sắp đến, không thể trốn tránh đi đâu, mà cũng chẳng còn cựa quậy đỡ gát gì được.

Ý chừng cũng là người có ít nhiều can đảm, nhẫn nhục, có vẻ khinh bỉ những kẻ hành phạt mình mà không thềm kêu van; hoặc chỉ là một xác chết đã lạnh từ hồi nào mà họ đem buộc vào đấy, cho nên thím đội nhận thấy từ lúc người ấy bị trói cho tới khi dưới chân bắt đầu châm lửa, chẳng nghe nói năng hay nhúc nhích tí nào. Nhưng rồi

lửa thiêu cháy hết lớp vải ngoài, sém đến da thịt và bốc dần lên cao, bây giờ vừa bỏng, vừa đau, vừa bị khói dầu tứ phía xông thẳng vào mũi, làm cho nghẹt đường hô hấp, người ấy không chịu được nữa, thấy cái đầu lắc lư bên này bên kia, - vì chỉ còn cái đầu là được tự do vận động, - còn miệng thì kêu gào rên rĩ thất thanh, nghe rất thê thảm.

- Ôi chao ôi!... Nóng quá! ... Chết! chết! Chết tôi mất!... Cởi trói ra hộ, mau!... Ôi chao ôi!... chết... chết...

Thịt cháy có tiếng xèo xèo, chị em cô Tần đứng cách xa mà cũng nghe rõ, và lại ngửi thấy mùi khen khét...

Có lẽ lúc ấy lửa đang nướng hai bắp đùi. Tiếng gào thét đau đớn, át cả sức mạnh chuông trống đang rền:

- Trời đất ơi!... Chết tôi!... chết tôi!... Trăm lạy các quan, sinh phúc tha cho tôi; các quan muốn bắt chuộc mạng bao nhiêu vàng bạc, tôi cũng xin chịu!... Nóng quá!... Đau quá!... Ôi chao ôi!...

Một người trong bọn khăn áo trắng, đứng trên thềm từ đường nói ra:

- Câm miệng! Ai thềm vàng bạc của nhà mi! Mi kêu van làm sao được truy hồn Thượng Công truyền lệnh chúng ta tha thứ, thì chúng tao tha cho.

- Ôi chao ôi!, ... Chết!... chết!... Bọn loạn thần tặc tử!... Nóng chết tôi mất, trời ôi! Bay hành hạ tao thế này à?

Người vừa mới rồi lại thét:

- Lính đâu? Vả bóp vào miệng nó kia! Đồ tham tàn khốn nạn, chết đến đít mà hãy còn láo!

Một cậu lính ứng thình dạ và chạy ra sân nhưng không phải mất công in bàn tay vào mặt người bị hình phạt thảm khốc nữa: người ấy đã há hốc miệng, thè lưỡi, hai mắt trắng già, đầu ngả xuống vai, chết rồi. Người ấy cố thu hết tàn lực, chửi mắng những kẻ hành hạ mình được mấy câu, đến mấy tiếng “bay hành hạ tao thế này à?...” là cùng tận, muốn tiếp thêm không được nữa: lửa đã khoét xong cái lỗ ở bụng dưới, ruột gan xô ra lòng thòng.

Cây đuốc thịt người tẩm với dầu mỡ, bốc cháy phừng phừng, chiếu sáng khắp sân, ra đến ngoài mộ.

Thím đội sợ quá, lấy khăn trùm kín mặt, không dám nhìn lâu hơn nữa; nếu cô Tần không ngắt trên vai thím và nói nhỏ bên tai, có lẽ thím đã kêu rú lên.

- Chị xem người ta đang tể kia kìa!

Thật quả, những người đội khăn mặc áo trắng ở trong từ đường lục tục kéo ra lúc này, đang cung kính tể lễ trước mộ Thượng Công.

Nhờ ánh sáng của cây đuốc thít người tỏa ra tứ phía, hai chị em nhận diện được một vài người đứng gần hương án hơn hết, vì có thêm cả đèn sáp nhiều hơn.

Họ rí tai hỏi đồ lẫn nhau:

- Người trẻ tuổi đứng chủ tể là ai, em đồ chị biết? Cô Tần hỏi:

- Tôi trông rõ như cậu ba Hán, con nuôi Thượng Công, có phải không cô? Thím đội nói.

- Chính phải! Mắt chị cũng tinh đáo để.

- Người cao lớn vạm vỡ đứng bồi tể thì tôi không biết.

- Ông phó vệ úy đấy mà, chị quên rồi sao?

- A! Ông Lê Văn Khôi...

- Phải, trước đã có mấy lần đến chơi nhà ta.

Bỗng nghe tiếng xướng: “Độc chúc”, kể thấy một người cao mà hơi gầy, cũng toàn thân tang phục như các người kia, tiến lên hương án, bung bài văn tể rồi quỳ xuống đọc: tiếng trong giọng tốt, nghe rất náo nùng, ai oán. Thấy nhiều người chung quanh, lấy áo gạt nước mắt.

Bài văn tể bằng chữ nho, cố nhiên chị em thím đội không hiểu; nhưng thấy bóng người đọc văn và nghe tiếng đọc, cả hai chị em càng giựt mình, sững sốt. Cô Tần hỏi nhỏ:

- Em đồ chị biết người nào đấy?

- Hình như nhà tôi! Thím đội đáp, tiếng nói hơi run.

- Lại còn ai nữa! Lúc mới thấy bóng, em còn ngờ ngợ, chùng nghe tiếng đọc thì quyết chắc lắm rồi: chính anh đội Kiều nhà ta.

- Quái lạ! Họ bày trò trống gì bí mật, khủng khiếp, lại có bố đội nhà mình dự vào, không khéo thì khôn... Tôi lo quá!

- Đấy! chị đi rình đã bắt gặp, giờ thử vào đánh ghen đi xem nào? Cô Tần nói vào làm bộ như đẩy thím đội bước tới.

Thím mình cầu trên vai cô.

- Tôi đang lo sợ phân vân, cô đừng nói chuyện giả ngộ! Mà người ta làm trò trống gì lạ lòng ghê gớm thế cô nhỉ?

Trông thấy quang cảnh này giờ, em đã đoán phỏng được đại khái rồi, để lát nữa đi đường, em nói chị nghe.

- Thôi, chúng ta đi chợ, kéo sáng mắt rồi, còn đứng đây làm gì nữa xem thế là đủ.

Thím đội kéo tay cô Tần. Hai người chạy ra mé ruộng, lấy gánh quẩy đi. Lúc ấy mới san canh năm độ một chốc; trên đường vào Chợ Lớn đã có nhiều người gồng gánh qua lại.

Đi được một quãng đường, chưa nghe cô Tần nói gì, thím đội Kiều nóng ruột, gọi chuyện:

- Cô bảo nói cho tôi nghe những gì, nói đi.

Cô Tần đang mãi suy nghĩ về tấn bi kịch mới diễn, nên không nghe tiếng. Thím đội gọi giật lại, giọng hơi gắt.

- Sao khéo giả điếc thế, cô Tần?

- Chị hỏi em thế nào?

- Cô chẳng hẹn đi đường sẽ nói gì đấy, quên à?

- Chuyện ban này?

- Ừ!

- Ấy chính em đang suy nghĩ để nói chuyện với chị. Em đoán chắc đấy chỉ là một cuộc phục thù tuyệt hận cho Thượng Công, do ở lòng người cảm nhớ ơn đức mà ra. Sinh thời, là bầy tôi trung dũng, có công lao như núi như non; đối với nhân dân Gia Định ta đây và tất cả Lục Châu cũng có ân to nghĩa nặng, thiên hạ đều biết. Thế mà ngài vừa nằm xuống, thịt chưa nguội, xương chưa tàn, người ta đã vội trở mặt làm trái, đổi ân ra thù, bày điều đặt chuyện để bôi nhọ kẻ chết và làm khổ kẻ sống, dân tâm phần nhiều lấy làm phần hận bất bình. Chị nghĩ thế nào, em không biết, chính em thấy thế cũng phải sôi tiết lên và ghét thói đời bạc bẽo. Ai cũng thiên lý ấy, nhân tâm ấy, nó tích lại thành cái ung độc, giờ chín mục thì phải vỡ ra đó thôi.

- Cô nói thế thì anh đội Kiều cũng là một trong số người bất bình ấy.

- Cố nhiên! Vì anh cũng trong bọn thủ hạ thân tín của Thượng Công ngày trước.

- Nhưng còn người bị trói làm bó đuốc sống kia là người nào, tội tình gì chứ?

- Trưa chị em ta đi chợ về, hỏi anh đội nhà thì biết.

Đến ngã ba Thuận Kiều, hai chị em đặt gánh xuống, vào một quán nước bên đường nghỉ chân.

Phía trước mấy hàng quán chỗ ấy, đồ ngổn ngang những võng cánh và xe thổ mộ, đang tranh nhau chào khách. Bên trong đầy những quan khách với chăn chiếu hòm xiềng của họ đem theo. Ông già bà lão, người lớn trẻ con, xem lẫn binh dân và quyền quý, trông mặt ai cũng có vẻ hốc hác, lo buồn. Thì ra họ đều là dân ở trong thành chạy loạn, thoát ra cửa tây đến đây, đang đợi thuyền hoặc thuê xe thuê võng, tìm đường về quê đào nạn.

Số người chậm bước chạy đến sau, kế tiếp mỗi phút một thêm đông đảo.

Cứ lóng tai nghe họ kháo chuyện với nhau cũng đủ kinh khủng.

- “Thật là đất bằng nổi sóng, giặc dậy bất ngờ, lại nhè đêm hôm tăm tối, chẳng biết đảng nào mà chạy. Không khéo người ta dày đạp lẫn nhau mà chết cũng nhiều”.

- “Ghê quá! Lúc đêm vì thằng bé nhà tôi nó ươn, thành ra tôi còn thức săn sóc nó; bỗng nghe trong dinh quan Thượng có tiếng la hét như sấm vang, tiếng chân người chạy đi chạy lại rầm rầm, tiếng lạy van gào khóc, tiếng đâm chém nghe rõ òng ọc như người ta chọc tiết con heo, làm tôi rợn cả tóc gáy, không còn hồn vía nào!”

- “Dễ thương cả nhà quan Thượng bị giặc giết hết, không để một mống”.

- “Có lẽ thế. Tại lính Hồi Lương như đàn cọp dữ, chúng được sổ chuồng hăng máu thì phải biết. Tôi nghe rõ tiếng chúng nó kêu réo nhau đi tìm xem còn đứa nào thì giết nốt đi”.

- “Hình như quan Án và quan Lãnh tẩu thoát”.

- “Thế à?”

- “Phải, chúng tôi trông thấy dường như hai trong y đi chân không, mặc áo cánh, chạy bán sống bán chết, ra phía cửa nam”.

- “Nhưng cả nhà quan Bồ cũng bị tàn sát thì phải...”

- “Gia quyền thế nào không rõ, nhưng chính ngài thì bị giặc bắt sống, trói lại, rồi điệu ra khỏi dinh, đem đi trầm hà hay xử trảm ở đâu chẳng biết”.

- “Nghe họ nói ban nãy, vào khoảng canh ba, canh tư, ở lãng Thượng Công có cuộc cúng tế linh đình lắm, chẳng biết có thật không? Chắc hẳn bọn khởi nghị kéo nhau vào cúng bái vong linh Thượng Công chứ gì? Lúc ở trong thành chạy ra, lại nghe văng vẳng chuông trống về mạn ấy”.

Ông lão nói và đưa mắt nhìn quanh mọi người, như có ý hỏi chung có phải thế không.

Cô Tần đứng gần, nhanh nhẹn đáp:

- Thừa cụ, hồi khuya ở lãng Thượng Công có tế lễ thật. Quan viên và lính tráng dễ thường đến hơn trăm người, mặc toàn đồ trắng. Cháu và chị của cháu đây (trò vào thím đội), hai chị em đứng nấp một chỗ dòm xem, thấy mà phát sợ. Họ bày một mâm đầy những đầu lâu người vừa cắt ra xong, máu me nhễ nhại; giữa sân họ trói một người quán vải tấm dầu để thắp làm đuốc mà tế; khốn nạn người ấy bị đốt sống như quay con heo. Kêu la rất thảm thiết, cháu nghe tiếng kêu, đoán là người đã có tuổi...

Mọi người xúm quanh, nghe cô thiếu nữ kể chuyện cúng tế khủng khiếp, ở đất Gia Định xưa nay mới thấy là một. Ông lão vỗ trán mình và nói:

- Trời ơi! Thế thì phải rồi: bọn khởi loạn trói quan Bồ điệu vào Bình Hòa xã, tấm dầu làm đuốc tế mộ Thượng Công. Còn những đầu lâu kia là gia quyền của hai quan đầu tỉnh, không sai...

Rồi mỗi người nói một câu, góp một chuyện, kể một sự thấy, thuật một tin đồn, thím đội Kiều và cô Tần hiểu rằng ban đêm trong thành Phiên An đã nổi lên cuộc phiến loạn đổ máu. Mà cuộc phiến loạn ấy, thầy đội Kiều, chồng thím và anh ruột cô, tức là một phần tử. Cuộc phiến loạn ấy với đám tế lễ kinh hồn mà hai người đã được mục kích, có thứ tự trước sau liên tiếp với nhau.

Đại khái là bọn khởi loạn, có những lính Bắc Thuận và Hồi Lương hưởng ứng, nửa đêm nổi lên, đánh phá dinh thự các quan đầu tỉnh, giết quan Tổng đốc Nguyễn Văn Quế, trói quan Bố chánh Bạch Xuân Nguyên làm đuốc tế thờ Thượng Công, và chiếm cứ thành trì Phiên An, ra mặt chống với triều đình. Giữa lúc thím đội với cô Tần nghỉ chân nghe chuyện ở hàng quán bên đường này, thành Phiên An đã đổi chủ, về tay bọn khởi loạn mất rồi.

Người đứng đầu chính là Lê Văn Khôi, họ thấy ông đứng chiếu bồi bái ở đám tế lễ ban nãy.

II. THƯỢNG CÔNG LÀ AI?

Phải đi lùi trở lại một chặng thời gian dĩ vãng ít lâu, cho được thấy rõ nguyên ủy sâu xa và cái động cơ gây ra cuộc loạn ở thành Phiên An năm 1833 dưới triều Minh Mạng.

Chúng ta đã thấy cái cử chỉ trước nhất của đảng Lê Văn Khôi là làm lễ truy điệu Thượng Công. Họ làm thành việc một cách có tổ chức; họ lôi kéo được một số đông dân tâm đi theo; họ ra mặt chống chọi với triều đình được ngót ba năm, tất cả then chốt ở hai tiếng “Thượng Công” làm linh hồn, làm phương hướng, làm sức mạnh cho họ.

Thượng Công là ai, sao đã quá vãng rồi mà còn cảm được lòng người, làm chuyển biến được cả thời cuộc một miền to rộng như thế?

Ấy là ông Lê Văn Duyệt.

Ta nên biết qua thân thế và công nghiệp ông, mới dễ hiểu vì sao có vụ loạn Lê Văn Khôi mà các ngài đã thấy ở đoạn trước một tấm màn đầu.

Có nhân mới có quả, việc gì chẳng thế.

Ông Lê Văn Duyệt sinh trưởng trong một nhà tiểu nông ở chợ Ông Hồ, bên Rạch Gầm, thuộc về làng Long Hưng, hạt Mỹ Tho. Thật là sẵn sàng tài liệu cho các thầy phong thủy và tướng số tha hồ tán rộng: sinh đẻ vào chỗ có “hồ”, có “long”, lại thêm con sông nhỏ chảy qua trước nhà, tên là “Gầm”, không trách lớn lên gặp được vị

sáng nghiệp đế vương đi theo phò tá, rồi trở nên một bậc khai quốc nguyên huân, công danh hiển hách.

Nhưng tương lai ở đâu chưa thấy, chỉ biết lúc cậu Duyệt mới chào ánh sáng mặt trời, ba má cậu thất vọng đáo đẽ. Vì cậu ra đời đủ cả ngũ quan tứ chi như ai, duy có cái bộ phận trọng yếu để nối dõi tông môn thì bà mẹ lại quên mất không nặn.

Tuy vậy, song thân cũng cố cày cấy lam lũ để nuôi con đi học, trong ý chỉ mong con về sau làm nên một chút thơ lại để lại gì cũng tạm về vang cho nhà mình. Tại chợ Ông Hồ lúc bấy giờ có một thầy đồ Huế mở trường dạy học, cậu Duyệt xin nhập môn. Nhưng chỉ học chữ được mấy năm rồi đâm chán, bỏ đi tìm thầy học võ, thu nghiệp côn quyền với mấy ông võ cử ở ngoài Bình Định vào.

Được theo sở thích, cậu học võ mau tấn tới lạ lùng; đâu chừng ba năm thì ông thầy dốc hết cả túi võ nghệ cho cậu, không còn nghề ngón nào hơn nữa. Đi xa tìm học danh sư thì tình thế gia đình không cho cậu đành ở nhà tự rèn tập thêm, và giúp đỡ cha mẹ trong việc đồng áng. Tính nóng và thẳng, cậu thường lấy bắp thịt làm cho lũ du côn anh chị trong vùng phải chiết phục; trước mặt cậu, chúng không dám dở thói hoành bạo lấy thịt đè người, cá lớn nuốt cá bé như trước. Dù là bậc đáng vai trưởng thượng và có quyền thế trong làng xóm, làm việc gì trái với lẽ phải, cậu cũng công kích không sợ.

Chính cái thiên tính cương trực nóng nảy ấy, sau này làm cho vua và nhiều đại thần trong triều, kiêng nể ngoài mặt mà thù ghét trong lòng, đến nỗi không dám làm hại lúc sống thì vu oan bôi nhọ sau khi nhắm mắt.

Hồi cơ nghiệp Nguyễn chúa ở Phú Xuân bị Tây Sơn làm nghiêng đổ, chúa Nguyễn Phúc Ánh - tức là vua Gia Long sau này - chạy vào miền Nam chiêu nạp hào kiệt, để tìm cách khôi phục, Lê Văn Duyệt là một người trong những nam trang anh tài đem thân ra truy tùy phò tá ngay lúc đầu tiên.

Song, bấy giờ Duyệt còn trẻ tuổi, chưa hề có danh vọng sở trường gì, trong tay lại cũng không có gia đình hộ hạ như Đỗ Thanh Nhân hay Châu Văn Tiếp, thành ra có tài sức hơn người mà chưa được tri ngộ, trọng dụng. Thoạt tiên, Chúa Nguyễn thu nạp cho làm

một tên nội thị; công việc chỉ có hầu hạ trong cung, vâng lời sai phái; nhưng quân cơ đại sự đâu đã đến lượt nói bàn, mà cũng chẳng ai thêm hỏi đến. Người anh hùng đành phải khuất thân như một cây dùi nằm trong túi, chưa trời được mũi nhọn ra.

Có một lần Chúa Nguyễn bại trận, phải chạy về mạn Hà Tiên, phần đông tướng sĩ tan tác mỗi người một nơi, bị quân Tây Sơn đuổi theo bén gót, tình thế rất là nguy cấp, từ đây đến chỗ bị giặc bắt sống chỉ còn cách nhau có một sợi tóc. Một mình Lê Văn Duyệt ra tay hộ vệ và đối địch. Trong cơn thăng thốt mà ông nghĩa ra mưu mẹo bày đặt nghi binh để chia bớt phần nửa đại đội quân giặc tách đi ngả khác, vì chúng tưởng Chúa Nguyễn có thể chạy trốn ngả ấy; còn lại phần nửa kia, thì ông với ngót trăm bại tốt tàn binh đã được ông thúc giục và truyền cho sức điện hăng hái cảm tử, tay mộc tay đao, thầy trò cùng lăn xả vào mà đánh, bằm, đâm, chém, khiến quân giặc phải bỏ lại một ít tử thi và khí giới mà chạy tháo thân, không dám đuổi theo nữa. Máu giặc nhuộm đỏ cả y phục mặt mũi ông, mà ông chẳng bị sướt da trầy thịt chỗ nào. Triệu Tử Long ở Đương Dương Tràn Bản ngày xưa bất quá cũng thế.

Kết quả, chuyến ấy Chúa Nguyễn thoát nạn thật cả trăm phần nhờ ở mưu cơ dũng lực của Lê Văn Duyệt.

Từ đây, Chúa mới biết tài ông, đem lòng yêu mến, tin dùng vào việc quân; rồi lần lần chiến công tích lũy, đưa ông tới ngôi đại tướng, cầm ấn nguyên nhung, và kể vào đệ nhất khai quốc công thần khi Chúa Nguyễn trở nên Gia Long hoàng đế.

Hai mươi năm nằm sương gối giáo, trăm trận giao phong, thủy có, bộ có, Lê Văn Duyệt luôn luôn với tấm lòng trung dũng, với tinh thần hy sinh, tỏ bày ra một người thao lược, can đảm, hiến thân vì Chúa, chẳng coi cái chết ra gì. Có thể nói cả quyền sử sáng nghiệp vẻ vang của vua Gia Long, trang nào cũng có công lao của Lê Văn Duyệt dự phần đóng góp, xây dựng.

Cứ xem một trận đánh ở cửa Thị Nại năm Tân Dậu (1801), đủ thấy Lê Văn Duyệt can đảm hy sinh đến thế nào?

Năm ấy, Tây Sơn tụ tập rất nhiều tinh binh mãnh tướng vây thành Quy Nhơn, vua từ trong Gia Định đem binh ra đánh, sai hai tướng Nguyễn Văn Trương và Tống Phúc Lương dẫn quân tiên đạo

đánh vào đồn thủy của giặc lập trên bờ bể, còn việc công phá hải cảng Thị Nại là việc gian nan nguy hiểm nhất, thì giao cho Lê Văn Duyệt và Võ Di Nguy, Ngài biết tài Duyệt, không những thiện chiến ở trên bộ thôi, cả dưới thủy nữa.

Cửa Thị Nại lúc ấy do một danh tướng của Tây Sơn là Vũ Văn Dũng trấn giữ. Quân Tây Sơn dùng hai chiếc tàu lớn và hơn 100 chiếc chiến thuyền án ngữ ngay ở cửa bể, làm như một hàng rào sắt, một chiến lũy hết sức kiên cố. Hai bên cửa bể lại có địa thế hiểm trở thiên nhiên giúp cho quân giặc càng dễ phòng thủ: bên trái có cù lao là Hòn Nhạn, bên phải có núi Tam Tòa, đều xây pháo đài và đặt súng thần công hạng lớn, chĩa mũi ra bể. Thuyền ấy, súng ấy, núi ấy hợp lại thành một sức mạnh chẳng phải tầm thường, làm sao lọt vào Thị Nại bải khải, cố nhiên không có chuyện dễ vậy.

Nửa đêm, ông Duyệt đem một đội thuyền chiến từ ngoài bể tiến vào. Đêm tháng giêng, trời tối đen như mực, ông thúc quân lặng lẽ từ từ vào gần chiến tuyến bên giặc. Vào khoảng một giờ khuya, đến bên cù lao Hòn Đất, xuất kỳ bất ý, bắt sống cả mấy tên quân giặc canh tuần trối lại, ông kẻ gươm vào cổ và hỏi:

- Khẩu hiệu của bay đêm nay chữ gì, nói mau; tao tha giết và thưởng công cho.

- Bẩm lạy quan lớn, hai chữ "*thanh phong*" ạ! Quan lớn sinh phúc, chúng con xin quy hàng.

Nhờ có khẩu hiệu, ông tiến binh qua lọt qua mấy vòng ngoài, gần đến giữa đại trại của giặc mà chúng không ngờ gì cả, vẫn tưởng quân nhà đi đánh đâu về.

Trong lúc ấy, Tổng Phúc Lương bơi chiếc tam bản, lên đến tận trại giặc, châm lửa đốt.

Ấy là hiệu lệnh tổng công kích.

Ông Duyệt liền hô quân nổi trống, reo hò xông vào công pháo trận giặc.

Quân Tây Sơn bị đánh bất ngờ, nhưng vẫn ra sức kháng chiến rất hăng, không hề nao núng.

Hai bên đánh nhau từ sáng sớm đến trưa, tiếng súng nổ liên thanh bất tuyệt, làm rung chuyển cả núi non, đạn bắn như mưa rào. Nhất là thần công ở những pháo đài giặc trên Hòn Nhạn và núi Tam Tòa bắn xuống dữ dội. Chiến thuyền bên Đồng Nai – Tây Sơn gọi quân chúa Nguyễn như thế, nghĩa là quân trong Gia Định - bị tổn thương khá nhiều; đại tướng Võ Di Nguy cầm đại đao đứng trước mũi thuyền áp trận, bị một viên đạn trúng ngay giữa ngực, lăn tòm xuống bể, mất xác.

Có lúc chính quân Đồng Nai xem thế đã nao núng, suýt nữa tan vỡ. Nhưng ông Duyệt rán sức đông xung tây đột, chạy ra đầu này, nhảy tới đằng kia, kêu gào khuyến khích tướng sĩ cố đánh, tự ông lại xông pha tên đạn để làm gương cảm tử cho mọi người. Nhờ thế mà khí phách ba quân thêm phấn chấn, ai nấy tranh nhau lăn mình vào trận giặc, không kể sống chết.

Tuy vậy, quân Tây Sơn cứ vững trận tuyến, chẳng lùi bước nào.

Hai ba lần, chúa Nguyễn đã thất vọng, vì thấy giặc đánh rất quá không mong gì thắng trận lọt qua Thị Nại được nữa, bèn sai người truyền lệnh cho ông Duyệt lui binh. Nhưng lần nào ông cũng gửi lờitau lại:

- Thần hạ đem binh vào sâu trọng địa quá mất rồi, không lùi được nữa. Nếu không thắng trận, thà xin gởi xác ở đây.

Thế rồi ông cứ thúc quân đánh.

Thì ra “sự thắng bại quan hệ ở chỗ gắng gượng một khắc đồng hồ sau cùng”, các tay danh tướng bao giờ cũng cầm vững cái chiến lược ấy.

Quả nhiên đến xế chiều thì trận thế Tây Sơn tan vỡ.

Một trong hai chiếc tàu của giặc còn kháng chiến không thôi; súng trên tàu bắn ra như vãi trấu, làm chiến thuyền Đồng Nai không dám lại gần. Ông Duyệt nổi xung, đứng lên mũi thuyền rồi thuận theo chiều gió, ném hỏa mai tứ tung vào tàu giặc. Một lát, tàu này phát hỏa rồi chìm lĩm. Lửa lại bén sang các thuyền nhỏ, bốc cháy tung bùng; hơn trăm chiến thuyền giặc bị thiêu gần hết.

Vũ Văn Dũng phải bỏ cửa Thị Nại và các đồn lũy trên bờ bể; quân sĩ bị thương và chết nằm ngổn ngang, lương thực khí giới cũng bỏ lại vô số.

Nhờ vì khéo dùng chiến lược, nhất là kinh sinh quyết thắng, ông Lê Văn Duyệt chiếm được Thị Nại một cách mạo hiểm vẻ vang, và tàn phá bên địch tổn hại rất lớn.

Quân Tây Sơn thua chạy thoát thân mà vẫn hồi hộp kinh hãi, vì đã trông thấy ông Duyệt cầm binh lâm trận, dũng mãnh hạ thường, khiến họ hoảng hồn khiếp vía, bảo nhau gọi là “*hổ tướng*”. Đến nỗi về sau giao chiến ở chỗ nào, hễ nghe có hổ tướng Lê Văn Duyệt thì quân Tây Sơn đã nhụt khí phách hết đôi ba phần rồi.

Sau trận Thị Nại, tháng 5 năm ấy, Nguyễn Vương đem binh ra đánh Phú Xuân, nhưng đến cửa Tur Dung thì bị tướng Tây Sơn là phò mã Nguyễn Văn Trị chống cự kịch liệt, không sao tiến lên được. Ngài lại sai Lê Văn Duyệt hiệp với Lê Chất đem thủy quân đánh tập hậu, phá được đồn lũy và đuổi sạch quân Tây Sơn.

Với công trận ấy, ông Duyệt mở đường cho Nguyễn Vương tiến binh, lấy lại được kinh thành Phú Xuân là nơi căn bản cơ nghiệp của tổ phụ, mà ngài đã phải xa lìa 27 năm trời, bây giờ mới được trở lại.

Qua năm sau (1802), ông vâng lệnh vào thu phục thành Quy Nhơn, rồi trở ra theo Nguyễn Vương đi đánh Bắc Hà, sau khi ngài đã lên ngôi tôn, kỷ nguyên Gia Long.

Vì có nhiều công lao chinh chiến như thế, nên khi ở Bắc Hà về, ông được nhà vua cất lên đến chức Tả quân và tước Quận công.

Ban đầu quốc gia mới định, mọi việc đang cần xếp đặt mở mang, sửa cũ đổi mới, trong chốn triều đình, ông là một người được nhà vua thường hỏi ý kiến, thường nghe lời khuyên hơn hết. Vì ngài ưa tính ông trung trực, thật thà, bao giờ cũng lo nghĩ đến việc lợi ích cho nhà nước, cho nhân dân, không màng những sự bồi đắp vinh hoa, cao hưởng phú quý, như các người thành công đắc chí kia.

Chính ông thời thường nhắc nhở nhà vua nên ghi nhớ ân đức của đức thầy Bá đa lộc, thân thiện với nước Pháp và ưu đãi những người Pháp đã có công lao giúp ngài trong việc đánh dẹp Tây Sơn, dựng nên đế nghiệp. Suốt đời vua Gia Long, đạo Thiên Chúa được truyền bá trong nước một cách thông thả, dễ dàng, các vị giáo sĩ thuở ấy phải nhìn nhận có ông Duyệt giúp đỡ bênh vực rất nhiều.

Cách ít lâu, thấy miền Nam nước ta tiếp giáp với Chân Lạp, Xiêm La, hay có nhiều việc đối phó giao thiệp khó khăn, phi một người vừa giỏi việc binh vừa có tài chính trị như Lê Văn Duyệt thì không cang đáng nổi, nên chỉ năm Tân Mùi (1811), vua sai ông vào thay ông Nguyễn Văn Nhân làm quan Tổng trấn Gia Định. Nghĩa là nhà vua phú thác cho ông tất cả công việc miền Nam.

Giữa thời kỳ ấy được có việc Xiêm La dùng binh xâm nhiễu Chân Lạp, vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân chạy sang Nam Kỳ, cầu ta cứu viện. Triều đình lấy chính sách ngoại giao hòa bình, viết thư trách hỏi Xiêm La. Họ trả lời rất từ tốn khôn ngoan, nhưng kéo dài đến hai năm, vẫn đóng quân ở thành La Bích (La bát) mà họ chiếm cứ, không chịu rút lui đi; hành ra Nặc Ông Chân vẫn lưu lạc tha hương, chưa được về nước phục vị, theo như sở nguyện.

Vì thế năm Quý Dậu (1813) vua Gia Long sai ông Duyệt đem một vạn quân, hộ tống vua Chân Lạp về bản quốc.

Cho đem một số quân lính như thế, chỉ tỏ nhà vua có ý cho ông được tiện nghi hành sự: hễ khi tướng Xiêm cưỡng mệnh, có phải đánh nhau thì đánh.

Trong khi đại đội quân mã còn đang thu xếp lên đường, thì ông đã cùng mười mấy người bộ hạ tùy tùng, dẫn cả Nặc Ông Chân đi theo, nhắm thẳng Chân Lạp tấn phát. Một gia tướng can:

- Chết nổi! Tướng công đi nói chuyện với những kẻ đang tranh hành cừ địch với mình, nay toan thâm nhập trọng địa, lại không đợi quân sĩ cùng đi, ngộ xảy ra việc nguy hiểm thì làm thế nào?

- Mặc kệ! Sinh bình ta đơn thân độc mã xông pha trận giặc đã quen rồi, giờ có mười hai thầy trò cùng đi với nhau thế này là nhiều chán. Cứ để quân sĩ thu xếp thông thả, rồi họ đi sau.

Thế là ông dẫn hơn chục người tùy tùng, đi lên Chân Lạp trước, đi như một cuộc ngao du sơn thủy, chẳng những không có quân giá hộ vệ, lại trong tay cũng chẳng cầm theo miếng sắt nào hết. Nặc Ông Chân lo ngại, nhiều người tùy tùng cũng lấy làm nguy, nhưng ông cười nói vui vẻ, thái nhiên như không.

Đến nơi, ông cỡi ngựa ung dung đi thẳng vào đồn La Bích là chỗ tướng Xiêm đóng đại bản doanh.

Tướng Xiêm, đã biết dung nhan và oai danh ông, lấy lễ nhà binh đón tiếp ông một cách cung kính.

Hai bên mở cuộc hội thương.

Ông yêu cầu Xiêm phải trả lại thành trì kho tàng của Chân Lạp mà Xiêm đã lấy, rồi thì rút quân về bản quốc, lại cùng nước Nam hòa hảo như cũ.

Tướng Xiêm nhất nhất y theo, không dám cãi chối khoản nào, vì kiêng nể ông vũ dũng mà sau lưng có đại binh sắp sửa đến nơi.

Nhưng quân Xiêm rút về đến tỉnh Bắc Tầm Bôn lại đóng giữ ở đấy, lấy cớ rằng để đất ấy phân phong cho mấy người em vua Nặc Ông Chân. Ông Lê Văn Duyệt viết thư sang trách, bấy giờ Xiêm mới triệt binh hẳn.

Nhân tiện, ông xin xây thành Nam Vang và thành La Lem, sau nhà vua sai tướng Nguyễn Văn Thụy (Thoại) đem một nghìn quân vào trấn thủ để bảo hộ Chân Lạp một cách rất gân guốc, nhàn hạ, không tốn một tên quân, một viên đạn nào, mà từ đấy Chân Lạp lại quy phụ nước ta.

Vua Gia Long nghe chuyện ông Duyệt nhất thân nhất mã đến trại binh Xiêm, ngài cũng phải sửng sốt, nói với mấy quan cận thần:

- Cái mặt của Lê Văn Duyệt dễ thương to hơn quả trứng!

Lúc quốc gia thái bình, không cần dùng đến bắp thịt nữa, ông vận dụng bộ óc chính trị kinh tế, lo mở mang cho xứ Nam kỳ nhiều việc có ích.

Nhất là về nông nghiệp, Ông sốt sắng khuyên giục nhân dân khai khẩn điền địa. Thấy đất Lục Châu màu mỡ béo tốt, mà nhiều khu vực còn để hoang phế mênh mông, chỉ vì thiếu nhân công và không tiện đường dẫn nước, cho nên ông lo một mặt chiêu dụ dân nghèo ở Đàng Ngoài vô, một mặt khởi công đào kinh xẻ rạch, đem nước Cửu Long vào các đồng xa cho dân cày cấy.

Công việc thứ hai, ông giao cho ông Huỳnh Công Lý chuyên trách; bắt đầu khơi sông rạch ở phía tây nam, tức là mấy tỉnh Hậu Giang.

Lê Văn Duyệt có công lao với Nguyễn Triều, ân đức với Lục Châu, đại khái là thế.

Người trong Nam thời bấy giờ, chỉ gọi là Thượng Công, chứ không nói phạm đến tên, không nhắc đến tước vị cao sang thiên hạ cũng đủ biết, ấy là một dấu tỏ kính mến tha thiết lắm vậy.

III. NHƯNG VUA MINH MẠNG KHÔNG ƯA

Giữa năm Kỷ Mão (1819), vua Gia Long phát bệnh, tự liệu mình không qua khỏi thiên số, liền giáng chỉ vời ông Duyệt về triều, để phú thác hậu sự.

Ông giao ấn tín Gia Định thành Tổng trấn cho ông Huỳnh Công Lý quyền tạm, rồi tức tốc lên đường, đi suốt đêm ngày ra kinh đô.

Nằm trên giường bệnh, vua Gia Long truyền gọi ông Duyệt lại gần, lấy lời ân cần dặn bảo ông hết lòng giúp đỡ tự quân:

Trẫm vẫn biết khanh là người trung, nghĩa lại nhiều lịch duyệt việc đời, tự quân một mai thân chính, chắc hẳn quốc gia đại sự, ban đầu hãy còn bỡ ngỡ, vậy khanh phải nghĩ phúc nước lợi dân làm trọng, mỗi việc đều nên trình tròng suy xét, phò tá tự quân, chớ phụ lòng trẫm tin cậy, ký thác.

Ông cảm động quá, vừa khóc vừa tâu:

- Lão thần được thờ bệ hạ từ những thuở Chúa tôi còn nằm sương gói giáo, trăm nỗi gian truân cho đến ngày nay, khăng khăng một niềm trung ái thể nào, bệ hạ thánh minh, tất đã lượng xét. Một mai bệ hạ thiên thu vạn tuế, trời cho lão thần còn được dư sinh ngày nào, thề xin báo đáp thánh triều ngày ấy, *dù ai hờn ghét cũng chẳng đổi tiết sòn lòng; lão thần chỉ biết tận tâm tận chức mong cho phúc nước lợi dân, như lời vàng ngọc bệ hạ vừa mới dạy bảo.*

Mấy hôm sau, vua Gia Long thăng hà.

Hoàng thái tử Đơm nối ngôi, tức là vua Minh mạng.

Qua năm Canh Thìn (1820), ông Duyệt vẫn còn ở lại kinh đô, chưa về Gia Định.

Theo sự biết của phần nhiều giáo sĩ, cùng sách vở người Pháp thông thuộc công việc nước ta ở đời bấy giờ viết ra, thì khi vừa lên ngôi, việc làm thứ nhất của vua Minh Mạng là quyết định khu trừ

những công thần như Nguyễn Văn Thanh, Lê Văn Duyệt. Ngay trong quyển sử của một nhà Pháp học tiên bối ở nước ta là ông Trương Vĩnh Ký cũng chép như thế.

Về việc ông Thành, sử ta chép rõ là ông bị tội phải uống thuốc độc tự tử vào năm Gia Long thứ 15, nghĩa là lúc vua Gia Long còn đang tại vị. Ai cũng nhớ nguyên do chỉ tại một bài thơ ngông cuồng của người con là Nguyễn Văn Thuyên, đồ cử nhân, viết gửi cho vài người bạn văn chương ở Thanh Hóa, tỏ ý ngưỡng mộ và mời vào kinh đánh chén làm thơ với nhau chơi. Khổ sở nên chuyện ở hai câu kết thế này:

“Thử hồi nhược đắc sơn trung tể.

Tá ngã kinh luân chuyển hóa ky”⁽¹⁾

Có kẻ đem đi cáo giác, rồi những bạn đồng liêu (trong số đó ông Duyệt là một) vẫn ghét ông Thành xưa nay thù dệt râu vua, buộc cha con ông Thành có ý mưu phản. Vì thế, ông Thành phải uống thuốc độc tự tử, còn Nguyễn Văn Thuyên thì bị kết án chém.

Nhưng các nhà chép sách kia đặt vụ án này vào thời kỳ Minh Mạng năm đầu. Họ nói nhà vua quyết trừ bỏ ông Thành, ông Duyệt. Những kẻ muốn lập công, đón biết ý vua bèn nghĩ ra mưu kế vãi tiền mua chuộc bộ hạ thân mật của hai ông, giả làm ra giấy tờ mưu phản, rồi ăn cắp ấn tín riêng của hai ông mà đóng vào, thì dù có mọc cánh bay lên đàng trời cũng không khỏi tội chết.

Ông Trương Vĩnh Ký thuật chuyện như vậy:

“Cách mấy hôm sau, có một bức thư giả, người ta rình bắt được và đưa trình vua Minh Mạng. Thư ấy kêu gọi nhân dân khởi loạn, chính là bút tích người con ông Tổng trấn Bắc Hà (tức là ông Thành), lại có ấn riêng của ông đóng ở dưới.

“Vua đòi ngay ông Thành vào cung xét hỏi; chữ con mình viết, ấn tín mình đóng rành rành, ông không cãi chối vào đâu được, Chứng cứ minh bạch nặng nề như thế, lập tức vua bắt buộc cha con ông Thành phải tự tử, không đợi cho ông được giải tỏ nỗi oan, cũng không kể gì công nghiệp vẻ vang của ông lúc trước.

“Phiên châu ấy có ông Duyệt.

(1) Nghĩa là: “Sơn tể phen này dù gặp gỡ, giúp nhau xoay đổi hội cơ này” (Theo bản dịch của ông Trần Trọng Kim trong *Việt Nam sử lược*).

“Ông Thành bị kết án tử tử ngay trước mắt ông Duyệt.

“Ông này từng hiểu dụng tâm của vua Minh Mạng, và đoán chắc người bạn già của mình bị người ta giả mạo, vu oan giá họa cho. Bỗng dung ông thấy chột dạ, tức khắc từ giã chốn triều đường, vội vã trở về dinh xem quả án của mình còn nguyên chỗ cũ hay không. Thì ra phải thấy quả án đâu mất. Thế là ông biết chắc rồi, liền sai gọi người thơ lại đến. Xem bộ anh này lúng túng khả nghi, ông khám xét trong mình hắn, chẳng những thấy quả án Tả quân, lại cả một tờ giả mạo, hắn đã viết rồi, sắp sửa đóng ấn thì gian mưu bại lộ.

“Chẳng giam cầm xét xử gì hết, ông rút gươm chặt phăng ngay đầu hắn ta, rồi vào trong cung bái biệt nhà vua để trở về Gia Định, vì có lắm việc rồi ren, ông cần về thu xếp trật tự mới được. Rồi ông lên đường quy trần ngay.”

Nếu quả thật câu chuyện ông Trương Vĩnh Ký vừa kể là đúng, thì ông Tiền quân Nguyễn Văn Thành bị người ta âm mưu giả mạo giấy tờ mà phải tội chết, là việc ở đời Minh Mạng nguyên niên; chỉ thiếu có một sợi tóc nữa, thì ông Duyệt cũng đi đời nhà ma in rập một kiểu như thế, nhưng ông nhanh trí mà tránh khỏi tai họa sát thân. Chúng tôi nhận thấy nhiều người Pháp nghiên cứu lịch sử ta, như các ông Delvaux, Maybon, Silvestre, Schreiner, Gaultier v.v... đều nói thế cả.

Nhưng cứ lấy sách “*Đại Nam thực lục*” của ta làm bằng, thì việc ông Thành phát ra từ bốn năm trước kia rồi.

Còn ông Duyệt, đến triều Minh Mạng, vẫn giữ chức Gia Định Tổng trấn như thường, không bị bạc đãi, cũng không có chuyện mưu hại gì như các nhà viết sử kể trên đã nói.

Tuy vậy, có điều chắc chắn là ông chỉ được nhà vua vì nể ngoài mặt, nhưng thật trong lòng thì không ưa thích tí nào.

Có ba nguyên nhân trọng yếu, đều từ bản tính ông cương trực xui nên, mà cùng là thành tâm vì nước cả, chứ không có mảy may tư danh tư lợi gì.

Ai cũng nhớ vua Gia Long có người con đầu lòng là Hoàng tử Cảnh, sinh ra giữa hồi bốn ba loạn lạc, ngài còn là Nguyễn Chúa lên đên nay đây mai đó ở đất Nam Kỳ, đang tìm cách đánh dẹp Tây Sơn, khôi phục cơ nghiệp

Năm Quý Mão (1783), ngài bị thua trận xiềng liềng, phải ăn núp quanh quần ở mấy hòn cù lao Cổ Cốt, Côn Lôn, Phú Quốc. Đến nỗi lương thực hết nhẵn, thầy trò phải hái rau và đào củ chuối ăn trừ bữa, tình cảnh thật là khổ sở gian nan, hầu như cùng đường tuyệt lộ. Chính lúc này ngài gặp ông Giám mục Bá Đa Lộc bàn nên cầu nước Pháp giúp đỡ.

Nhân thế, có việc ông Bá Đa Lộc đem quốc thư và Hoàng tử Cảnh, lúc ấy mới có 4 tuổi đầu, vượt bể sang tận nước Pháp, cầu cứu vua Louis XVI.

Hoàng tử đi từ 1784 đến 1789 mới về.

Tuy Pháp hoàng nhận lời ký ước mà rồi không thực hành được, nhưng ông Bá Đa Lộc tự mộ được hơn 10 người Pháp tài nghệ (các ông Chaigneau, Vanier, de Forcant, Ollivier, Dayot v.v...) sang Gia Định giúp đỡ Nguyễn Chúa luyện quân, đóng tàu, đúc súng, sửa sang mọi việc vũ bị. Ngài trở lại có thanh thế lực lượng mạnh, chắc bụng phá được Tây Sơn từ đó.

Đền lại công lao đi cầu viện, mà cũng là thuận lẽ tự nhiên trong chế độ quân chủ, năm 1793, Hoàng tử Cảnh được lập làm Đông cung, nghĩa là một người dự bị nối ngôi sau này. Đồng thời lại được phong chức nguyên soái, lĩnh tả quân doanh, dự việc quân cơ chinh chiến, có ông Bá Đa Lộc ở bên phò tá.

Nhân dân Gia Định sốt sắng tôn phù yêu mến vua Gia Long chừng nào, cũng sốt sắng tôn phù yêu mến Đông cung Cảnh chừng nấy. Ta nên nhận kỹ điều ấy cho được hiểu rõ cái ý nghĩa sâu xa của việc loạn Lê Văn Khôi về sau.

Nhưng ông trời cay nghiệt, chỉ bắt Đông cung ném mùi lưu ly binh hỏa, chứ không cho kịp đợi đến lúc sông trong bể lặng mà hưởng cái lạc thú đế vương. Vì việc nước nghiệp nhà, hồi còn bé bỏng, Đông cung đã phải vất vả đi xa; lớn lên lại phải truy tùy chinh chiến khó nhọc, mà bản chất lại yếu, thành ra dễ bị bệnh tật vô lấy. Năm 1801, sau ngày ông phụ đạo Bá Đa Lộc mất hai năm và trước khi phụ hoàng Gia Long chính vị thiên tử độ mười tháng, Đông cung Cảnh nhắm mắt già đời ở Gia Định, mới có 22 tuổi.

Mặc dầu đoản số, Đông cung để lại cho phụ hoàng hai đứa cháu đích tôn: Thái Bình và Ứng Hòa.

Từ đây cho đến mười lăm năm sau, ngôi Đông cung vẫn để khuyết. Mãi tới 1816, vua Gia Long thấy mình già yếu, xem ra mỗi ngày một thêm gần đất xa trời, bèn để tâm lo việc lập ngôi trừ nhĩ.

Giữa lúc ấy ông Duyệt ở Gia Định về kinh triều cận, vua nhân dịp vờ tất cả các vị cựu thần vào trong điện hỏi ý kiến. Ngài bảo:

- Ta với các người cùng chia xẻ hoạn nạn an lạc đã lâu ngày, đạo là vua tôi mà tình như thầy trò, vậy các người cứ lấy công nghĩa quốc gia mà nói.

Ba ông Thành, Duyệt và Lê Chất cùng tâu:

- Từ xưa, các bậc đế vương vẫn lấy sự truyền nối cho dòng đích tự làm trọng. Hoàng trưởng tử đã từng chính vị Đông cung, thiên hạ đều biết; nay Đông cung đã qua đời, nhưng còn hoàng tôn đó là dòng đích tự, bề hạ còn phải lựa chọn gì nữa. Nhất là Đông cung sinh thời có công lao trong cuộc khai sáng cơ nghiệp rất lớn, lại được lòng người tưởng nhớ tôn sùng.

Vua Gia Long ngẫm nghĩ giây lát rồi nói:

- Đã đành rằng thế, nhưng hoàng tôn hãy còn nhỏ quá, chưa biết gì, ta định lập hoàng tử Đờm thì hơn.

Lúc bấy giờ hoàng tử Đờm 26, 27 tuổi, đã trưởng thành, còn hoàng tôn Thái Bình mới có 15 hay 16 tuổi.

Sở dĩ bọn ông Thành, Duyệt một hai chủ trương phù lập hoàng tôn lên ngôi Đông cung, vì đã rõ biết phải hoàng tử Đờm có tính đa nghi và hiếu thắng lắm, e về sau có chỗ bất lợi cho việc nước nhà. Song, thấy ý vua Gia Long đã quyết định sẵn rồi, nên các ông ấy không dám nói nữa.

Sự thật, vua Gia Long cũng có lẽ phải của ngài, vì ngài nghĩ cơ nghiệp đang buổi nhất sơ khai sáng, cần phải có ông vua lớn tuổi, để tự quyết lấy mọi việc chính lệnh thì hơn. Nếu lập vua nhỏ tuổi, thế tất rồi đây trong cung không khỏi có đàn bà can dự vào quốc sự, ngoài triều thì các ông phụ chính đại thần không khỏi sinh chuyện tranh dành lẫn nhau hoặc mưu đồ bất trắc, thành ra những việc rối loạn, cướp ngôi, như các tiền triều thường có.

Bởi vậy, ngài nhất định lập hoàng tử Đờm làm Đông cung, bốn năm sau lên nối ngôi, là vua Minh Mạng.

Từ lúc còn ở Đông cung vua Minh Mạng vẫn căm những người không muốn phù lập mình, ông Duyệt là một. Đến khi được chính vị ngôi lớn, cũng không quên hoài hận chuyện cũ. Huống chi ông Duyệt hiển hách một phương trọng trấn, chức lớn quyền to, mà lại dám làm dám nói, chẳng trách nhà vua không ưa.

Đó là một chuyện.

*

Quốc pháp vô thân, ông Duyệt thực hành bốn chữ ấy một cách cặn tào ráo máng.

Nếu phạm vào đạo công và phép nước, thì dầu có một người đẻ ra một nàng ái cơ của vua, như Huỳnh Công Lý, ông cũng thẳng tay, không hề nhân nhượng dung tha.

Trên kia đã nói, lúc vua Gia Long ngọa bệnh, ông Duyệt giao ấn Gia Định Tổng trấn cho ông Huỳnh Công Lý quyền nhiếp, để ra kinh đô châu thổ an. Rồi ông phải ở luôn qua năm sau, vì hận việc tang lễ vua Gia Long, kể tới vua Minh Mạng đăng quang, một bậc lão thần như ông không thể thiếu mặt ở trên sân điện Thái Hòa bàn ban triều hạ.

Trong thời kỳ ông Duyệt đi vắng, Huỳnh Công Lý lạm dụng quả ấn Tổng trấn nhất thời, làm nhiều việc lạm quyền trái phép.

Nguyên trước Huỳnh được ủy thác trông coi đào kênh xẻ rạch ở vùng Hậu Giang. Công việc trải mấy năm nay vẫn còn tiếp tục chưa hết. Số dân phu cần dùng kể hàng mấy vạn. Lạ gì cái nạn “bắt phu” ở xứ mình thuở xưa, dùi đánh đục, đục đánh sãng, rút lại chỉ khổ bọn dân đen, mà quan nha lý dịch thì nhân cơ hội ấy để tác oai thủ lợi. Hồi có mặt ông Duyệt tại trấn, Huỳnh phải kiêng sợ ông là người liêm chánh, không dám thò ra ngón gì những lạm, hà hiếp dân. Nay được dịp tung hoành một mình, chẳng lo bị ai kèm chế, lại còn thêm cái oai quyền Tổng trấn của ông Duyệt để lại cho, Huỳnh tha hồ tác oai tác phước, sách nhiễu hối lộ tứ tung. Xã nào chậm trễ hay là thiếu số dân phu đưa ra đào sông, kẻ có trách nhiệm bị cùm kẹp đánh khảo, chừng nào ngọn roi tóe bạc nén mới thôi. Huỳnh lại lấy cớ làm việc công ích, bắt buộc các nhà giàu ở Lục Châu quyên nạp tiền bạc vô số; nhưng người ta biết chắc mười phần chui vào tư nang hết chín. Lại còn những nhà nào

không có con em đi phu, Huỳnh hạnh học bắt chuộc tiền là đằng khác. Tình tệ có vạn trạng thiên hình, kể ra không xiết.

Ấy là thủ đoạn làm tiền bằng cách bỏ bán ngôi thứ, còn chưa nói đến.

Huỳnh dám công nhiên tác tệ như vậy, chẳng những vì lẽ ý mình làm quan đầu trấn, lại còn cậy thế trong triều có bè đảng vây cánh đông, tất không ai có thể kẻ vạch hay làm gì mình được. Chỗ Huỳnh tự tin tự thị hơn hết, là có một cô con gái nhan sắc, tuyền vào hậu cung, được vua Minh Mạng sủng ái. Một người có con được làm phi tần, tức là một thế lực mạnh như sắt, lớn như trời, ai dám động đến.

Hơn nữa, Huỳnh chắc nắm thế nào cái ngôi Tổng trấn thực thụ cũng về mình chỉ trong sớm tối. Vì có tai mắt của Huỳnh ở trong Triều đã bí mật thông tin cho ông ta biết rằng: chuyến này Lê Văn Duyệt về kinh, tức là đem thân vào vòng trụy lạc, sắp đi theo chân Nguyễn Văn Thành, Đặng Trần Thường, chứ đừng mong trở về Gia Định nữa. Rồi quan Gia Định Tổng trấn sẽ là Huỳnh Công Lý, trong triều đã dự định thế rồi.

Thành ra Huỳnh càng đắc thế làm già, vượt cả ra ngoài đạo công phép nước, chẳng sợ gì cả.

Có biết đâu ông Duyệt ở kinh đã tiếp được nhiều hơn khiếu nại, nhiều thơ tố giác mọi việc Huỳnh lạm quyền nhiều dân; ông cứ lẳng lẳng cất đầy một tráp, rồi vội vã thu xếp về Nam.

Lúc vào bái biệt nhà vua, ông tâu “*có việc khẩn cấp phải xin về ngay để chỉnh đốn trật tự*”, chính là việc Huỳnh Công Lý.

Ông đi suốt ngày đêm, về Gia Định một cách thình lình, Huỳnh Công Lý không ngờ.

Đơn thưa kiện lại bay thêm đến công đường Tổng trấn như bướm bướm.

Huỳnh liền bị hạ ngục để xét xử.

Chiếu theo luật hình ban bố năm Gia Long thứ 11, Huỳnh bị kết án trăm quyết, vì những việc gian tham hối lộ có tang chứng rõ ràng.

Ông Duyệt thi hành chức quyền của nhà vua ủy thác, truyền lệnh đem phạm nhân ra giữa chợ xử chém, cốt để treo gương cho

quan lại thấy mà răn sợ, luôn dịp bày tỏ cho dân chúng biết rằng phép vua luật nước chí công, chẳng bao giờ dung thứ một kẻ có tội, dù làm quan lớn đến đâu cũng thế.

Hôm hành hình, thiên hạ kéo đi xem như đám hội. Nhiều người từ các làng các tỉnh đến, cơm hàng cháo chợ, cho được xem thấy cái giây phút chính pháp một chú tham quan. Ai nấy đều lấy làm thống khoái, bảo nhau:

- Con một dân, thế cho đáng kiếp!

Độ một tuần trước ngày chém Huỳnh Công Lý, ông Duyệt làm sớ tâu về kinh cho vua biết, mặc dầu ông có quyền “tiền trăm hậu tấu”.

Nàng ái cơ Huỳnh Thị Liễu hay tin, khóc lóc vật vã, xin vua làm sao cứu dùm cha nàng, không thì nàng nhảy xuống hồ Tịnh Tâm.

Vua Minh Mạng thừa biết tính khí ông Duyệt nóng nảy, nghiêm khắc, nếu để chậm trễ ngày giờ thì tính mạng Huỳnh Công Lý không còn, lập tức ngài sai mấy người chạy ngựa lưu tinh, bắt phân mộ dạ, đem dụ chỉ vào Gia Định, bảo phải hoãn cuộc hành hình và cho giải Huỳnh Công Lý ra kinh phúc thẩm. Ngài có ý muốn cứu họ Huỳnh vậy.

Đồng thời, trong dụ chỉ lại có những lời ban khen ông Duyệt, nào công bằng chính trực, nào vì nước vì dân, để cho ông được vui lòng.

Nhưng ông tâu về rằng chính phạm đã bị hành hình từ mấy hôm trước rồi.

Vua không quở trách ông vào chỗ nào được, nhưng trong thâm tâm thì ghét ngầm ngầm, vì lẽ ông ta không biết “vị thần phải nể cây đa”.

Ấy là hai chuyện.

*

Đến chuyện thứ ba, nhà vua bạc đãi những người Pháp có công với tiên đế thuở trước, lại xua đuổi hành hạ các giáo sĩ, ông Duyệt thường lấy lẽ phải can ngăn một cách cương trực.

Hắn ai đọc quốc sử cũng nhớ hồi vua Gia Long còn tại vị, những người Pháp có công lao giúp ngài trong buổi tranh giành thiên hạ với Tây Sơn, như các ông *Chaigneau* (tên ta là Nguyễn Văn Thắng, làm chúa tàu Long), *Vannier* (Nguyễn Văn Chấn, chúa tàu Phụng), *De*

Forçant (Lê Văn Lãng), *Ollivier* (Ông Tín) vân vân, sau khi dựng xong nghiệp lớn, đều được ngài tin dùng hậu đãi. Ví dụ phong cho quan chức ở trong triều; lúc nào Triều kiến được miễn lạy; mỗi ông có dinh thự lương bổng rộng rãi và 50 tên lính hầu. Ngài lại kiếm chỗ tử tế hỏi vợ cho: ông Chaigneau cưới cô Benoitte Hồ Thị Huệ, sinh hạ 11 đứa con; ông De Forçant thì kết duyên với cô em là Hồ Thị Nhơn, đều là con nhà hiền lương mộ đạo ở đất Thần Kinh.

Cố nhiên trong khi ấy các tên buôn Pháp lui tới nước ta thông thả, đạo Thiên Chúa được tuyên truyền tự do.

Trước ngày lâm chung, ngài đình ninh dặn bảo Hoàng thái tử Đờm tức vua Minh Mạng nay mai, phải nhớ đối đãi với những người công hầu Phú lãng sa cho thủy chung; đối với các giáo sĩ cũng thế, không bao giờ nên quên công đức của ông Bá Đa Lộc.

Nhưng vua Minh Mạng lên ngôi được mấy tháng, liền thay đổi thái độ, ra mặt ghẻ lạnh ngờ vực, đến nỗi mấy người Pháp làm quan tại triều phải chán ngán, lần lượt bỏ đi hết.

Tàu Pháp đến cũng bị đuổi đi không tiếp.

Hai ba phen ông Duyệt dâng sớ can gián, nói rằng “lời tiên đế di chúc thế nào, bệ hạ sao đã vội quên”. Tính vốn hiếu thắng, độc đoán, vua Minh Mạng thấy ông trực ngôn như thế, trong bụng ghét lắm. Lần sau, có sớ ở Gia Định ra, biết là ông Duyệt lại can gián, ngài bảo dẹp lại một chỗ, không xem đến.

Rồi thì thi hành chính sách cấm đạo và trừng phạt giáo sĩ, hết lệnh nọ đến lệnh kia, càng ngày càng nghiêm, càng ngày càng độc.

May mắn cho các giáo sĩ ở địa phận Nam Kỳ không bị những cấm lệnh thi hành gắt quá, vì nhờ có ông Tả quân che chở, bênh vực. Chẳng phải là con chiên, nhưng ông đối với đạo Thiên Chúa và giáo sĩ tây dương rất có cảm tình, độ lượng.

Vua Minh Mạng biết thế, bèn ra lệnh vời tất cả giáo sĩ tây dương gấp gấp về kinh để giúp triều đình về việc phiên dịch sách mới và làm lịch. Lẽ đương nhiên, có cả Nam Kỳ trong đó.

Ai cũng tưởng là thật, khắp khởi mừng thầm, cho là một điềm tốt. Ý chừng nhà vua đã hồi tâm, không cấm đạo nữa, lại biết lo việc

dịch sách khoa học phương tây, thì văn hóa nước Nam sẽ được mở mang bổ ích không nhỏ.

Trong số giáo sĩ người Tây ở địa phận Nam Kỳ lúc bấy giờ có ông Giám mục Taberd.

Được lệnh triều đình truyền gọi, ông Duyệt mời các cố vào dinh Tổng trấn thật tình khuyến khích thêm:

- Hoàng thượng đã có hảo ý như vậy, các ông cứ vững lòng, nên đi.

Được lời như cời tấm lòng, các cố lên đường lai kinh, đem theo hy vọng chan chứa.

Đến nơi họ mới ngã ngựa. Kỳ thật, chỉ là một cách gài bẫy, để tom góp giáo sĩ lại một chỗ mà quản thúc, không cho họ đi lại dân gian giảng đạo, chứ không thật bụng muốn dịch sách vở gì cả. Họ còn có cái nguy công cùm và mã tấu sắp sửa đến nơi, vì nghe như triều đình đang âm mưu quét hết một mẻ cho xong.

Biết mình chui đầu vào cạm, tình thế rất nguy, giám mục Taberd viết một bức thư khẩn thiết, sai người tức tốc đem vô Gia Định cho ông Duyệt, cầu ông tìm cách giải thoát họ.

Tiếp thư, ông Duyệt giựt mình, la hét vang nhà, nói chuyện với kẻ tả hữu:

- Tức quá! Nào ta có ngờ đâu có sự ra thế? Làm như ta nói khéo đánh lừa các thầy Phú lãng sa tư đem mình vào chỗ nguy khôn vậy. Không biết các thầy ấy làm nên tội tình gì mà mình ngược đãi người ta?...

Mỗi khi nói về giáo sĩ tây dương, ông Duyệt quen gọi là các thầy.

Rồi ông thở dài, nói tiếp:

- Hồi nào đức tiên đế thua trận, bôn ba cùng khổ, nhờ có người ta đi đem nhân tài khí giới về, mới chuyển bại làm thắng, dựng nên đại nghiệp. Người ta giúp mình như thế, đức Kim thượng quên rồi hay sao không biết.

- Tướng công dưng sớ về can gián đi! Một người nói.

- Ôi! Sớ mãi chỉ tốn giấy. Chuyến này ta ông thân hành về kinh điện, ấy mới được.

Cách vài hôm sau ông lên đường ra Huế đem theo một tập thư từ của vua Gia Long và ông Bá Đa Lộc ngày trước giao thiệp với nhau và đem cả tang chứng các võ quan người Pháp đã dày công giúp đức tiên đế sáng nghiệp những thế nào, để trình vua Minh Mạng xem, một hai khẩn khoản xin vua chớ có thay đổi chính sách ngoại giao của tiên đế.

Vua tức giận tím ruột, nhưng không để lộ ra ngoài, bấy đặc dĩ phải chuẩn lời tâu và hạ lệnh phóng thích các giáo sĩ ở đâu về đó. Không cầm giữ ở kinh đô nữa.

Thế là thêm một việc cho vua chẳng ưa ông Duyệt.

Ông Chaigneau thâm hiểu công việc triều đình nước ta rất cặn kẽ, nói về ông Duyệt đại khái như sau này.

- “Trong số các quan nước Nam thân thiện người Pháp, chỉ có một mình ông Tả quân, Tổng trấn Gia Định thành, dám đương đầu với vua Minh Mạng và tả hữu của ngài. Ông ta công nhiên trách ngài đã dày xéo những chính sách khôn khéo về vang của đức tiên đế và quên cả ơn nghĩa tiên đế dựng nên đế nghiệp.

“Ông Tả quân cương trực hiếm có; về chiến trận cũng như về việc cai trị, ông đều có tài năng đặc biệt. Chỗ nào người ta cũng kiêng sợ ông, nhưng dân chúng thì cảm mến vô cùng, bởi ông có tính công bằng ngay thẳng. Chính ông là một vị trong năm vị đại thần được vua Gia Long tín nhiệm. Lúc ngài sắp thăng bà, ân cần dặn ông hết lòng phò tá hộ vệ tự quân. Ngài lại dạy Hoàng thái tử phải nghe lời khuyên can của vị lão thần trung dũng ấy.

“Nhưng vua Minh Mạng đã chẳng nghe lời ông Tả quân, lại còn làm trái ngược hẳn và hờn ghét ông lạ lùng. Tuy vậy, nhà vua không dám triệt chức vị Gia Định Tổng trấn của ông, cũng chẳng hành hạ gì ông được, thấy ông được nhân tâm và có oai vọng to quá”⁽¹⁾.

Thật thế, ông Duyệt được nhân tâm yêu mến lạ thường, nhất là nhân tâm ở Nam Kỳ. Một là vì ông sinh trưởng ở đó, từ trong đám bình dân phấn phát làm nên. Hai là ông thanh liêm chính trực, thật lòng thương dân, không hề bóp nặn dầu mỡ của họ để xây dựng vinh hoa phú quý như hầu hết kẻ khác. Ba là ông chẳng lo mở mang

(1) Mấy câu trên thấy trong quyển *Souvenir de Hué* của ông Michel Đức Chaigneau chính là con của ông I.B. Chaigneau và do cô Benoite Hồ Thị Huê sinh ra theo cha về bên Tây, bà thọ 91 tuổi.

cuộc sinh sống và mọi việc công ích thịnh vượng cho dân khá nhiều. Lòng dân bao giờ chả thế: ai làm cho người ta có bát cơm no đủ, được sống trong cảnh yên vui, không bị hà lạm hiếp bức gì, tự nhiên người ta kính yêu ghi nhớ mãi.

Theo sách *Gia Định Thông chí* của ông Trịnh Hoài Đức, xứ Nam Kỳ lúc bấy giờ thường được phong đăng hòa cốc, nhiều năm sản vật canh nông thừa thãi quá, như dầu phộng (tức dầu lạc) chẳng hạn, dân bản địa dùng không hết mà bán ra ngoài cũng còn dư. Tại Chợ Lớn, hàng năm xuất cảng độ chừng 12.000 tấn gạo, 2.200 tấn bông gòn, 400 tấn đường, còn các thứ gỗ quý, mật ong, cá khô v.v... thuyền buôn ngoại quốc đến mua tấp nập.

Thời đại ấy, canh nông thương mại xứ Nam hoạt động được thế, kể cũng là thịnh vượng tốt đẹp khá lắm. Ai bảo đấy không phải là kết quả của cái chính sách đào sông mở ruộng ông Duyệt thực hành bấy lâu.

Không ưa mặc lòng, có lẽ vua Minh Mạng thông minh cũng phải nhìn nhận ông Duyệt là một tay làm quan xứng chức, được việc cho dân.

Nếu ngài không tự nhổ cây đinh trong mắt ấy đi được, rồi có vị thần số mệnh nhổ thay.

Ông Duyệt già yếu mắc bệnh, mùng 1 tháng 8 năm Nhâm Thìn (1832) tạ thế tại Sài Gòn. Thương tiếc, nhớ ơn, cả thành Gia Định, cho đến khách thương Hoa Kiều ở Chợ Lớn, làm tang lễ cụ long trọng, đưa ông về chôn yên nghỉ thiên thu ở Bình Hòa xã. Người ta gọi "*Lăng ông Bà Chiểu*" là đây.

Vua Minh Mạng liền bỏ chức Tổng trấn ở Nam Kỳ, để thu cả quyền hành về trung ương. Tỉnh Gia Định cũng đặt quan như các tỉnh khác, có tổng đốc, tuần phủ, bố chánh, án sát, lãnh binh.

Ngài bổ vào Gia Định: Nguyễn Văn Quế làm tổng đốc, Bạch Xuân Nguyên làm bố chánh Nguyễn Chương Đạt làm án sát.

Đồng thời hạ lệnh cấm đạo, bắt giáo sĩ rất nghiêm, và dụ cho tỉnh thần Gia Định mở ngay cuộc truy cứu Lê Văn Duyệt về tội sinh thời làm nhiều việc lạm quyền nghịch đạo.

Người chết bị kiện.

Ta sẽ thấy một người sống bất bình, ấy là Lê Văn Khôi.

IV. MỘT CHÚ MƯỜNG VỀ TRUNG CHÂU

Lê Văn Khôi dòng dõi người Mường ở tỉnh Cao Bằng xứ Bắc. Chính tên là Hựu Khôi, họ Nguyễn.

Sinh trưởng giữa khoảng rừng núi Vân Trung (tức Bảo Lạc). Khôi cũng như phần nhiều anh em đồng chủng, vì lẽ mưu sinh và cần phải giữ mình chống với độc xà mãnh thú từng bước, thành ra từ bé đã quen trải chạy nhảy, xông pha, khinh sinh, mạo hiểm. Khôi nhờ hoàn cảnh tự nhiên rèn đúc, lại được bề thế gia đình cho luyện tập thêm, có gân cốt nở nang, bắp thịt rắn rỏi, mới 14, 15 tuổi đầu, coi dáng đã đầy đặn cao lớn như một người tráng niên. Cả ngày chỉ xách dao tay súng, một mình cỡi ngựa vào rừng săn bắn; nhiều khi đến tối không về kịp, trèo lên cây nằm ngủ là sự thường, người chú họ răn bảo thế nào cũng không nghe. (Hình như Khôi mồ côi rất sớm, nhờ ông chú họ chăn nuôi từ nhỏ)

Ông cưới vợ cho, tưởng rằng lấy dây tình ái có thể ràng buộc thẳng cháu phóng túng ấy được.

Trái lại, khi ông được thêm một người bạn trẻ, Nông Văn Vân, chính là anh vợ, ngày ngày dắt nhau đi luông tuồng hết ngọn núi này qua đầu ghềnh khác; có bận đi đến năm bảy ngày mới về, chẳng thèm nghĩ đến gia đình hay sinh nghiệp gì cả. Hai người giao du rất tương đắc, vì có ý khí ngang tàng như nhau.

Cách sau mấy tháng, Khôi bỏ nhà đi xuống Thăng Long, ý hẳn mình tìm đường hiến thân lập nghiệp.

Lúc ấy vào khoảng 1798, Khôi mới có 17 tuổi. Xứ Bắc Kỳ đang ở trong quyền Tây Sơn, mà Tây Sơn thì đang dần dà suy yếu.

Nhân tâm vẫn tưởng nhớ nhà Lê, nhưng sự nghiệp anh hùng của vua Quang Trung một trận phá tan mười mấy vạn quân Tàu, người ta không thể không khen thắm và truyền làm giai thoại. Khôi nghe kể chuyện bỗng nức lòng phấn khởi, lấy làm khoái ý nhất là vua Quang Trung xuất thân từ chỗ hàn vi, mình đây như gặp được cơ hội thì chưa biết đâu là chừng. Rồi va cứ ngồi tám tắc khen mãi.

Gặp lúc Tây Sơn yết thị tuyển lính, va liền vào thành xin ứng mộ, được trực thuộc về đạo binh của Vũ Văn Dũng, một kiện tướng Tây Sơn.

Nhờ sức khỏe và mỗi khi ra trận can đảm lạ thường, Vũ Văn Dũng phải đề ý, cho làm chức đội trưởng. Hai năm sau, đạo binh Vũ Văn Dũng vô giữ cửa bể Thị Nại, để chặn đường thủy sư chúa Nguyễn tới Qui Nhơn.

Chính ông Lê Văn Duyệt đánh cửa Thị Nại hồi tháng giêng năm Tân Dậu (1801), như đã kể chuyện ở đoạn thứ 2; chiến thuật và tinh thần vô cùng anh dũng của ông khiến cho Khôi ở bên đối địch trông thấy, phải kinh phục là hồ tướng.

Va có lòng ngưỡng mộ ông Duyệt từ đó.

Mà chính va cũng được ông Duyệt nghe tên.

Trận ấy, các ngài đã biết quân Đồng Nai đánh rất từ tâng sáng đến quá trưa, đốt cháy gần hết lớp chiến thuyền Tây Sơn trước cửa Thị Nại, bấy giờ Vũ Văn Dũng mới chịu lui binh. Nhưng còn pháo đài trên núi Tam tòa vẫn cứng cổ kháng chiến, bắn như mưa bắc, hơn một giờ đồng hồ sau thật là thế cùng lực kiệt, không còn đạn bắn nữa, tàn quân ở đấy mới chịu bỏ chạy.

Quân Đồng Nai lên núi, thấy pháo đài tan vỡ tứ tung, tử thi chồng chất lên nhau; riêng ở đồn này không còn sót lấy một viên đạn. Có một số người bị thương, không thể chạy được, đành ngồi lại để chờ chịu trôi.

Quân sĩ giải bọn ấy đến nộp, ông Duyệt sai lấy thuốc rịt cho họ, rồi hỏi chuyện tỉ mỉ:

- Chính Vũ Văn Dũng tự giữ đồn Tam Tòa hay sao, mà kháng chiến đáo đẽ vậy?

- Bẩm lạy tướng quân: không phải.

- Thế thì ai cầm quân đồn ấy?

- Bẩm, một viên đội trưởng tin dùng của Vũ Văn Dũng.

- Bay nói: một viên đội trưởng?

- Dạ, bẩm tướng quân chính thế!

- Nó ép chúng bay chống giữ tới cùng?

- Thừa vâng.
- Chắc nó tử trận, nằm trong đồng thây ngổ ngang kia?
- Bẩm không ạ, lúc quân Đồng Nai lên núi, sắp sửa hãm đồn và bắt sống tất cả chúng con, thì viên đội trưởng ấy dẫn năm sáu chục tàn quân chạy thoát.
- Chắc nó đã có tuổi, trải trận mạc nhiều, sao chỉ mới được chức đội trưởng thôi? Tây Sơn nhà chúng bay chết đến nơi là đáng lắm.
- Bẩm tướng quân, thầy Đội chúng con còn trẻ lắm.
- Nó bao nhiêu tuổi mà bay nói còn trẻ.
- Bẩm, chỉ độ 20 tuổi thôi.
- Thật à?
- Dạ thật thế.
- Tên là gì?
- Thừa tên là Nguyễn Hựu Khôi.
- Người ở Đảng Trong hay Đảng ngoài?
- Bẩm chúng con nghe nói là người Mường ở đất Cao Bằng, miền thượng du Đảng Ngoài.
- Ủa! Mường có thằng khá thế à!

Ông Duyệt trợn mắt nói câu ấy, tỏ ý lấy làm lạ. Thâm tâm ông có lẽ tiếc cho Khôi có tài chiến trận thế mà lại đi theo Tây Sơn.

Lúc ấy, Khôi theo Vũ Văn Dũng ra giữ Phú Xuân, đến khi Phú Xuân vỡ lại chạy ra Đảng ngoài.

Qua năm sau, ông Duyệt hộ giá vua Gia Long đem đại binh ra Bình Định Bắc Hà, Khôi dòm biết Tây Sơn kiệt quệ lắm rồi, không còn lực lượng gì hòng gượng gạo được nữa.

Khi đạo binh ông Duyệt đi qua Nghệ An, Khôi cùng vài ba người bạn đồng chí ra đón trước đầu ngựa, giải tỏ tác lòng kính mộ và xin cho theo hầu trận mạc.

Ông rất vui lòng khi thấy người đến quy phục, chính là Nguyễn Hựu Khôi. Trông vẻ người tráng kiện, rắn rỏi, và xét ra tâm ý thành thực, ông liền nhận lời, cho sung vào hàng bộ hạ dưới trướng. Từ đấy, Khôi

đem hết tài lực và thành tâm thờ ông Duyệt như bậc sư phụ, càng ngày càng được ông yêu mến tin dùng sau nhiều việc thí nghiệm, coi như một gia thần, hơn nữa, một nghĩa tử, cho truy tùy luôn bên cạnh mình.

Mười năm, ông làm quan tại trào, Khôi ở ngay trong phủ Tả quân, trông nom phục dịch mọi việc hơn là con đối với cha. Nhất là ông không có con đẻ, nay thấy Khôi trung thành như thế, bèn cho đổi theo họ mình, gọi là *Lê Văn Khôi*. Có ai hỏi Khôi là người nào, ông đều trả lời:

- Nó là con nuôi của tôi!

Đến khi ông vào làm Tổng trấn Gia Định, đem Khôi đi theo giúp việc, bấy giờ mới bắt đầu bổ cho một chức vị trong ngạch võ, trực thuộc dưới quyền ông. Lần hồi cất nhắc lên đến chức Phó vệ úy, tức là phó tướng, cai quản riêng một đội lính, đồn trú ở trong thành Phiên An, gọi là lính *Hồi lương*.

Thuở ấy, những người phạm vào trọng tội, ở Đàng ngoài thì đày vào Đàng trong, cũng như ở Đàng trong thì đày ra Đàng ngoài. Tại Gia Định, có đến hàng nghìn người từ ở xứ Bắc đày vào; trong số ấy, một phần là quân đầu trộm đuôi cướp, sát nhân thủ tài; còn một phần nữa, có lẽ đông hơn, chỉ là quốc sự phạm, hoặc vì trước kia đã theo phò Tây Sơn, hoặc vì muốn vận động khôi phục nhà Lê tức là phạm tội phản nghịch đối với đương triều.

Sau khi mãn hạn lưu đồ khổ sai, họ được trả lại tự do, ra ngoài cày cấy làm ăn thông thả. Nhưng, mấy năm về trước, cái phần tử phạm tội trộm cướp, một khi mãn hạn ra ngoài, chẳng lo sinh nghiệp lương thiện, lại quần tam tụ ngũ, đi cướp bóc các phố phường và dân xã chung quanh, làm cho người ta phải kêu ca thiệt hại luôn luôn. Hai đời Tổng trấn trước không biết tìm cách thế nào xử trí cho phải.

Đến ông Duyệt nghĩa ra tổ chức một đội lính riêng, để thu dụng bọn ấy. Ông xét họ làm bậy, chỉ vì không có nghề nghiệp làm ăn, bây giờ lấy họ vào quân ngũ, cho ai nấy đều có cơm ăn áo mặc, vừa có thể hiệu lực với nhà nước và tu tỉnh lấy bản thân, đó là một cách lương thiện.

Vì thế đặt tên là lính *Hồi lương*, nghĩa là *những người trở về đời sống lương thiện*.

Quả thật họ sợ uy đức ông Duyệt và có chỗ no ấm, không ai dám nhúc nhích làm càn như khi trước nữa.

Lại thêm Lê Văn Khôi, viên trưởng quan mới, khéo cai quản, khuyên răn đối đãi họ với tình thân ái, thành ra ai cũng quý mến, khâm phục. Toàn đội bảy tám trăm người, hỗn tạp đủ các nhân cách, tâm tính, thế mà kỷ luật và hiệu lệnh của Khôi được tuân hành răm rắp. Họ nhân ông Duyệt mà kính nể Khôi, nhân kính nể Khôi càng nhớ ân đức ông Duyệt. Người ta nói nếu như Khôi muốn, chỉ hô lên một tiếng, dù bảo họ nhảy vào nồi nước sôi, đám lửa cháy, họ cũng nhắm mắt nhảy vào ngay, không kể tính mạng.

Nhờ danh vọng ông Tả quân, vả lại tự Khôi biết đạo xử kỷ tiếp vật, không hề kiêu hãnh với ai, chỉ lo giúp ích cho người mà chẳng màng tư lợi chút nào, thành ra Khôi được lòng cả những đội quân khác và phần đông dân chúng Nam Kỳ nữa, chẳng phải riêng đội lính Hồi lương mến phục mà thôi.

Bởi vậy, ông Duyệt vừa nhắm mắt được ít lâu, Khôi và những tâm phúc thân thuộc ông bị bắt hạ ngục, không biết bao nhiêu người lấy làm phần khích âm thầm.

Ông Duyệt mất đầu tháng 8 năm Nhâm Thân, đến khoảng tháng chạp thì tỉnh thành Gia Định tiếp nhận chỉ dụ ở Huế gửi vô, truyền mở cuộc truy cứu Lê Văn Duyệt sinh thời lộng quyền tiếm phép, đề tâu về triều đình nghị tội.

Hai vị quan tỉnh chuyên trách việc này, là Bố chánh Bạch Xuân Nguyên và Án sát Nguyễn Chương Đạt.

Họ Bạch sai bắt giam Lê Văn Khôi trước nhất, vì thấy Khôi là người thân tín số một của ông Duyệt, chắc hẳn biết rõ mọi việc ông cử động lúc sinh bình. Kế tới Dương Văn Nhã, Đặng Vĩnh Ứng, Võ Vĩnh Tiên, Võ Vĩnh Lộc, tất cả đến hơn bốn ngục người, đều có liên lạc với ông Tả Quân vì họ hàng hay vì giao thiệp thân mật.

Mấy thuở có một vụ án to lớn quan trọng như thế: bị cáo mặc dầu đã quá vãng, nhưng tiếng tăm vẫn là một bậc công thần khai quốc, làm quan tới cực phẩm triều đình, gần hai chục năm cai trị một đại trấn; còn những người chứng tá liên can, từ Lê Văn Khôi trở xuống, phần nhiều có địa vị trong xã hội. Vụ án này chính là một cơ hội cho tham quan ô lại, vẽ chuyện làm tiền, có thể vơ vét bạc vạn.

Bạch Xuân Nguyên vốn tham tàn, giảo quyệt, vợ được vụ án này như con mèo vợ được miếng thịt mỡ béo. Ông ta thừa thời, trát bắt lung tung cả trong hạt Gia Định, cho tới mấy tỉnh ở miền Hậu Giang, tất cả hơn vài trăm người bị đòi hỏi, giam cầm lôi thôi. Họ toàn là người vô can vô có, chả đến cửa dinh Tổng trấn bao giờ, nhưng chỉ vì giàu có nhiều tiền, cho nên quan Bố ta gấp vào để dọa nạt, ăn lễ.

Ngài có mấy tay môn hạ làm chó săn cò mồi, thấy nhà có máu mặt, lần lượt mò đến, đe dọa người ta và bảo phải sớm liệu cầu khẩn quan Bố làm ngơ đi cho, không thì trát bắt hạ ngục đến nơi. Vướng chân vào vụ này cứ cầm chắc là mất đầu, có nhẹ cũng bị lưu đồ hai ba nghìn dặm, đến chết mục xương ở chỗ núi rừng lam chướng.

Ai bị đưa hơi như thế cũng sợ hoảng hồn vội vàng lặn lưng dăm bảy chục một trăm nén bạc, lên lễ quan Bố cho được yên thân. Người nào cứng cổ, tự tin mình vô tội không phải lo, thì quả nhiên một hai hôm sau, có trát tập nã lên tỉnh giam lại để xét hỏi. Các ông phú gia điền chủ Lục Châu lo sợ ngay ngáy, thậm chí có người phải trốn vào trong rừng, chứ không dám ở nhà.

Số người vô cớ mắc họa ấy, nằm chật trong hai trại giam ở dinh quan Bố và dinh quan Án.

Ngày hai buổi hầu, Bạch Xuân Nguyên đòi những chính phạm là bọn Khôi, Nhã, ra trước công đường hỏi cung và tra tấn, buộc phải khai rằng sinh tiền ông Duyệt quả có lộng quyền vi pháp.

Khôi khóc lóc và nói:

- Bẩm quan lớn, dù chúng tôi sống hay chết không thể nào chúng tôi bịa chuyện vu cáo cho Thượng Công...

Bạch Xuân Nguyên bứt ngang lời Khôi và hét rầm lên:

- Không có Thượng Công nào cả! Ta chỉ vâng mệnh triều đình tra xét một tên phạm tội là Lê Văn Duyệt, nghe chưa?

- Bẩm, Thượng Công đến ngày tạ thế, vẫn còn là thần tử của triều đình, Hoàng thượng phái quan Khâm mạng vô truy tặng và điều tang, sự vẻ vang ấy ai nấy đều biết. Nếu là người có tội, sao lại được nhà vua ưu lễ như vậy? Nếu là người có tội, sao không truy cứu lúc Thượng Công còn sống?

Khôi nói ra vẻ phản kích, làm cho Bạch giận thêm:

- À! Mi dám cãi lý với ta! Lính đâu, nọc cổ ra, đánh cho nó ba chục roi.

Bị trăn nọc giữa sân, đánh ba chục hèo rất đau, Khôi cắn răng mà chịu, không hề kêu van nửa tiếng. Nha lại trông thấy, phải khen thầm là người gan góc lạ thường.

Đến lượt Dương Văn Nhã, Đặng Vĩnh Ung, nội bọn hơn ba chục người, đều bị khảo đả tàn nhẫn, bắt phải cung nhận các việc phi pháp do ông Bạch Xuân Nguyên bịa đặt ra, đổ tội cho ông Duyệt: từ việc xây thành Phiên An, mưu tính tự lập làm vua, cho đến việc kết giao với sứ thần Miến Điện và Anh Cát Lợi, chủ ý tư thông ngoại quốc mong họ giúp mình.

Nhưng người nào cũng cam tâm chịu đòn, chịu khổ, chẳng khai một lời nào gọi là phạm đến thanh danh trung nghĩa của ông Duyệt; trái lại càng làm tỏ rạng công đức ông hơn lên thì có.

Thành ra công việc xét hỏi kéo dài năm tháng, chưa thu được kết quả bởi nhọt tiếng tăm ông Duyệt, theo ý người ta muốn. Tỉnh thần Gia Định không thể tâu về triều đình với những tờ cung khai mà bọn Khôi Nhã khai trái nghịch hẳn. Có lẽ bản ý Bạch Xuân Nguyên cũng mình để dây dưa lâu ngày, hầu vợ vết cho đầy túi tham hơn. Cho nên sau mấy lần ra oai đánh khảo và lấy cung bọn Khôi Nhã không ăn thua gì, họ Bạch xếp lại một bên, để lo theo đuổi kiếm chác những người vô tội, nằm đầy trong ngục. Đám này đút lót xong được ra, thì đám khác kế chân vào.

Khôi Nhã bị nhốt ở trại giam trong dinh quan Án. Lính Hối lương nghĩ tình thầy trò, luân phiên nhau đưa cơm nước quả bánh vào nuôi nấng tử tế.

Quan Án Nguyễn Chương Đạt cũng là người hạt Cao Bằng, đối với Khôi có tình đồng hương, nên sự giam cầm canh gác có phần dễ dãi không bị thất ngạt quá như người. Ông để Khôi ở riêng một mình một buồng đầu chái nhà giam, không phải cùm phải xích, lại dặn lính tráng vài ba ngày cho người vào thăm nom và đưa vật thực vào một lần. Vả lại, lính tráng cũng có ý thương hại, vì nể; ngày thường, Khôi xử với ai cũng nhã nhặn được lòng, mặc dầu có chức phận là quan Phó vệ úy, một chức phận không phải tầm thường về ngạch bên võ; bây giờ mắc nạn ở lao, người ta nghĩ tình không nỡ bạc đãi.

Chính ông Nguyễn Chương Đạt, tuy là vì công danh, vì chức vụ phải vâng mệnh triều đình bảo sao làm vậy, không dám nói ra, nhưng trong thâm ý cũng cho rằng triều đình xử với ông Tả quân như thế, thật là bất công và quá đáng. Ông ngẫm nghĩ mấy lời Khôi nói trước công đường hôm nọ có lý: Nếu quả thật ông Tả quân có tội khi quân lộng quyền thì sao lúc ông còn sống không cách chức, không làm án, để thân mình quốc pháp có được không? Việc gì để ông chết rồi mới phanh phui ra, làm cho xao xuyến cả nhân tâm dư luận? Sự thật, ông Nguyễn Chương Đạt hẳn cũng nhìn nhận sinh bình ông Tả quân chẳng có tội lỗi gì, chỉ trung trực vì nước vì vua, và dày công lao khai sáng đối với hoàng triều thì có; bất quá nhà vua vì chuyện tư hiềm, nhưng phải dằn lòng kiêng kỵ một bậc lão thần có đại công, chẳng thể nào trả thù khi hãy còn sống, bây giờ đợi người ta quá cố mới sinh sự trả thù với nắm xương tàn! Bộ mặt thật của vụ án này chỉ có thế.

Bởi vậy, ông Chương Đạt đối đãi với Khôi một cách êm dịu, không phải chỉ vì cái tình đồng hương mà cũng vì cái lý theo như lương tâm đã âm thầm suy xét.

Khôi cứ nằm dài trong ngục hết ngày nọ qua tháng kia, ăn rồi đọc thuyết Tào làm vui, vì từ ngày được gặp ông Duyệt trở đi, có dịp học tập văn tự ít nhiều, khác hẳn lúc mới từ già núi rừng Vân Trung ra đi chỉ có bắp thịt rắn rỏi; lâu nay Khôi thêm được sự biết chữ nữa. Có một người khách, bị tội gì không rõ, ở cùng trại giam, cho mượn bộ Tam quốc. Khôi xem mê mết. Mỗi khi thấy một người nào trong truyện, anh hùng trung nghĩa mà bị vu oan mắc họa, Khôi lại mũi lòng chạnh nhớ đến ông Tả quân, rồi xếp sách lại, khóc thầm tức một mình. Có đêm, người lính canh trại thấy Khôi khoanh tay sau lưng và đi bách bộ trong buồng, chốc chốc lại tự đâm ngực một cái rầm, miệng nói hục hặc:

- Tức chết, trời ơi!

Hoặc là cười nói như người phát khùng:

- Ôi chao! Chú chuột mang hia... con trâu ăn kẹo... thật là chuyện chương đời chả bao giờ có. Mà cổ lai mới thấy có việc người chết còn bị tra án là một!...

Thấm thoát đến ngày 16 tháng năm.

Sáng dậy, Khôi nhờ một người lính bẩm với quan Án cho mình lên hầu có việc khẩn thiết.

Ông Nguyễn Chương Đạt cho gọi lên ngay:

- Thế nào? Chắc thầy Phó vệ đã hồi tâm nghĩ chín, bây giờ chịu cung khai như lời quan Bố khuyên bảo chứ gì.

- Bẩm không ạ! Khôi lắc đầu và đáp. Nếu các quan bảo chúng tôi khai những công nghiệp của Thượng công đã gian nan với hoàng triều những thế nào, thì chúng tôi xin ngay, dù một trăm giấy bản chép cũng chưa đủ. Còn nếu bảo khai vu cáo cho ngài thì chúng tôi thà chịu tru di tam tộc.

- Thế thì hôm nay thầy có chuyện gì?

- Chúng tôi mình xin quan lớn nghĩ tình đồng châu đồng quán, gia ơn cho một việc.

- Việc gì đây? Nếu có thể, tôi không hề từ nan.

- Bẩm quan lớn, ngày mai là ngày giỗ thân phụ chúng tôi, mà cả họ hàng chỉ còn lại một mình chúng tôi lo việc cúng cấp, nếu để nhan tàn khói lạnh, lòng hiếu tử thật không ổn chút nào. Vậy xin quan lớn rộng lượng cho phép chúng tôi được về nhà mấy hôm, lo việc cúng giỗ xong, lại xin vào ngục đợi lệnh.

- Nhà thầy ở đâu nhỉ?

- Bẩm ở Chợ Quán trong thành này.

- Được, phần riêng tôi thì tôi sẵn lòng, nhưng để tôi sang hỏi qua ông Bố đã, nghe.

Ông Nguyễn Chương Đạt liền qua dinh Bố chánh hỏi ý kiến của Bạch Xuân Nguyên, vì thả tù về nhà là một việc hệ trọng ông không dám lãnh hết trách nhiệm một mình.

Bạch Xuân Nguyên chịu ngay, là vì lão chỉ tham tiền, hôm qua tôi đã nhả riêng một cậu lính Hồi lương về bảo người nhà đem 30 nén bạc đến lễ quan Bố rồi. Như chuyện “ăn xôi ngậm miệng”. Huống chi nhà Khôi cũng ở trong thành, cách xa các quan có mấy trăm bước, lại cho lính đi theo anh giữ, chắc hẳn ta không trốn đi đâu được mà lo.

Trở về dinh, quan Án gọi Khôi lên bảo:

- May quá! Quan Bố cũng rộng lượng cho thầy về nhà ba bữa, lo việc nhang khói tổ tiên. Giờ tôi cho mấy tên lính hộ tống thầy về, nghe.

- Dạ, chúng tôi cảm tạ quan lớn! Khôi nói.
- Nhớ sáng sớm ngày 19, phải đúng hẹn trở vô đây, nghe!
- Xin vâng.

Đến hôm 19 thì còn gì là đời! Vì ngay lúc này, trong đầu óc bất bình của Khôi đã xếp đặt một âm mưu ghê gớm, là đánh thành khởi loạn.

V. LỜI THỀ VIẾT BẰNG 28 GIỌT MÁU

Nhà của Khôi ở - hình như ông Tả quân mới cất cho vài bốn năm trước khi ông tạ thế – là một tòa nhà ngói năm gian, rộng rãi, cao ráo. Cánh cửa chạm trổ và sơn thếp. Gian giữa bày bàn thờ; hoành phi câu đối treo la liệt. Đồ bài trí trong nhà phần nhiều bằng gỗ cẩm lai và gỗ trắc, đóng theo kiểu Tàu; mỗi món là một giá trị không phải hồ bao của ai muốn sắm cũng được.

Phía trước có sân gạch, giàn hoa; có bể nước thả cá vàng, cá bạc; có đôn sứ chậu cảnh với những cây cỏ quý lạ của khách trú ở Chợ Lớn cho. Từ ngoài cổng vào, hai bên trồng hai cây ngọc lan đã cao hơn mười thước, trên mỗi cây treo mấy lồng chim sơn ca, bạch yến và nhiều giống lạ khác mà người ta không biết tên. Vì tính Khôi bình nhật rất thích chơi chim, có thứ gọi mua từ bên Tàu hoặc cù lao Giang long ba (người mình đời ấy gọi đảo Batavia như thế), đắt mấy cũng không ngại.

Tất cả khu vũ rộng đến gần mẫu đất, chung quanh có đoãn tường bao bọc. Trông cơ ngơi có vẻ như một dinh thự nho nhỏ. Ta không nên quên rằng Khôi làm quan võ tới chức Phó vệ úy, không phải tầm thường, lại còn thêm cái địa vị cao sang là gia tướng, là con nuôi của ông Tả quân Duyệt.

Chính trong khu vũ ấy, người ta sắp tụ họp bất bình, bàn soạn mưu lược, không khác gì một cuộc quân sự hội nghị, kín đáo và quyết định, rồi thì khởi lên vụ phản đối làm cho tung bừng Lục châu và báo hại vua Minh Mạng lo ngay ngáy ba năm ròng rã!

*

Khôi được quan Bồ và quan Án rộng lượng cho về ba ngày lo việc cúng giỗ thân phụ, là về ở nhà ấy.

Người vợ họ Nông, lấy nhau từ lúc hàn vi ở Cao Bằng, đã qua đời tại Huế. Sau vào Gia Định, Khôi lấy vợ kế, người tỉnh An Giang, con một nhà điền chủ giàu có. Nhưng chỉ được mấy năm, nàng bị bệnh ban cua nặng quá, có một ngày thì mất, để lại một đứa con trai béo tốt, đĩnh ngộ, tên là thằng Kiệt hay Cừ.

Lúc trước, nhà Khôi ngày nào cũng có khách khứa đông đảo, hầu như một nhà chứa trọ. Nhiều người từ xa đến làm thực khách lưu liên hàng tháng. Vì Khôi biết nhún mình kết nạm bạn bè, có tiếng là Tiểu Mạnh thường quân. Song từ ngày Khôi bị bắt, họ sợ lụy đến mình, rủ nhau bỏ đi hết. *“Khi vui thì vỗ tay vào, đến cơn hoạn nạn thì nào thấy ai”*, thế thái như tình đời nào cũng rứa!

Thành ra lúc này nhà Khôi vắng vẻ tiêu điều; chỉ có mẹ con mụ Trê đóng vai quản gia trung thành, ở lại phục dịch ông chủ tí hon là thằng Kiệt; vài tên gia bộc trai tráng trông nom nhà cửa. Gọi là bạn tri giao bốn biển chỉ còn sót lại một mình ông võ cử nhân Tăng Vô Ngại, người ở ngoài Phú Yên hay Bình Thuận vào từ năm trước, giữa hồi cả thành Gia Định làm tang lễ ông Tả quân, rồi lưu lại nhà Khôi, mặc dầu nguy hiểm. Những người kia rủ đi tị nạn, ông nhất định không.

- Cổ nhân bảo “Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư” (*Nước nguy đừng đến, nước loạn đừng ở*); đây chính là một nhà hiểm nguy bói rồi mà ông không tránh đi, sao lại dại thế?

- Mình kết giao người ta lúc yên vui là để nhờ nhau lúc nguy hiểm, bây giờ mình bỏ đi là nghĩa thế nào! Ông điềm tĩnh trả lời.

Rồi ông cứ ở lại, thường ngày đi tìm chỗ dạy võ để kiếm ăn, tối về ngủ tại nhà Khôi, giúp đỡ việc nhà, chăm nom thằng Kiệt, y như nhà mình con mình vậy. Có đồng tiền nào, ông mua trà tậu thuốc lá và quà bánh nhờ mấy cậu lính Hồi lương đem vào ngục chờ Khôi. Hơn nữa, ông đang dự định ra Huế đánh trống dâng văn hoặc đón quý ngự giá, cầu khiêu oan cho anh linh ông Tả quân và xin vua tha cho tất cả bọn Khôi ra ngục.

Buổi trưa hôm ấy, ông đang ngồi trước án thư, cặm cụi viết tờ biểu khiêu oan, chợt ngẩng đầu ngó ra ngoài cổng, thấy Khôi sừng sững về nhà.

Ông mừng quá, ném bút xuống đất và quên cả giày guốc, tất tả chạy cẳng không ra đón. Khôi lấy làm lạ, hỏi ông trước:

- Kia, Tăng đại huynh còn lưu luyến ở đây, không sợ vạ lây à?

- Sợ gì?... Tôi đang làm tờ khiếu oan cho ông... Chà, thấy ông được về tôi mừng dữ!... Kiệt ơi! Ba cháu đã về đây nè! Tội nghiệp thằng bé thương nhớ ông, chẳng ngày nào nó không nhắc đến.

Nhưng trông thấy sau lưng Khôi sáu bảy người lính bước vào sau, ông Tăng Vô Ngại sững sốt, hỏi nhỏ:

- Sao lại có tụi lính đi theo?

Vì ông nhận ra sắc áo, là lính Thuận Quảng trú phòng, chứ không phải lính Hồi lương mà bảo rằng họ đến chào mừng chủ tướng.

Khôi trở tay chiếc nhà ngang ở phía tả, bảo mấy chú lính kia vào ngồi uống nước, rồi day lại cười nói với họ Tăng:

- Lính võ lâm thị vệ theo hầu tôi đây, ông ạ!

Kỳ thật là toàn lính vâng lệnh quan Bố chánh Bạch Xuân Nguyên đi theo canh gác Khôi trong ba bữa được phép ở nhà làm giỗ.

Thằng Kiệt nghe tiếng gọi, chạy ra, trông thấy ba nó, nó reo mừng nhảy nhót, ôm lấy cẳng ba nó, hỏi dồn hỏi thúc:

- Ba ơi! Họ thả ba về với con, phải không ba?

Câu hỏi thằng bé ngây thơ làm cho Khôi mũi lòng, sa nước mắt, nhưng gượng cười và hun hít con:

- Ba về thăm bà nội, giờ ba trở vô, chứ ba có bị ai bắt hời nào mà được họ thả!

- Ô! Ba nói gạt con, con biết rồi! Mạ Trê đã mách con rằng họ bắt giam ba ở tòa Bố mà! Bây giờ ba phải ở nhà hoài hoài với con. Hễ chúng tới bắt ba đi nữa, thì con xách dao con chém đa!

Thằng bé phùng mang trợn mắt, nói mấy tiếng sau cùng ra vẻ châm bằm, tỏ hết ái tình con thương cha.

- Ủ, từ rày ba ở nhà với con hoài.

Khôi nói và ẵm con vào trong nhà. Mẹ con mụ Trê và hai người gia bộc gọi nhau ra chào mừng ông chủ. Nét mặt ai nấy đều tươi như hoa nở.

Mụ Trê ngót sáu chục tuổi, góa chồng từ lúc đưa con duy nhất là con Thu mới có một tuổi, năm nay nó mười lăm. Phục dịch nhà Khôi ngoại hai mươi năm, mụ thật thà, chăm chỉ, được lòng Khôi tin cậy, nuôi cả hai mẹ con như thân thuộc, trong mọi việc nhà nhất thiết ủy thác cho mụ. Mấy năm nay, kể thất Khôi qua đời, rồi chính Khôi bị hoạn nạn, một tay mụ săn sóc thằng Kiệt, trông nom việc nhà. Mụ kính mến chủ hết sức, giờ thấy chủ về, mụ mừng rỡ lính quỳnh:

- May quá! Ông về vừa vặn đến ngày giỗ cụ cố. Nhà ta lại vui như tết.

- Vậy, mụ đã sắm sửa gì chưa? Khôi hỏi.

- Dạ, tường ông vắng nhà kỳ giỗ này, cho nên tôi chỉ mua một cặp gà lớn, để hôm giỗ, em Kiệt cúng cụ gọi là tỏ lòng thành kính, thế thôi.

- Nhưng bây giờ tôi về, phải cúng giỗ thật lớn mới được. Vì tôi định mời khách khứa đông...

- Thưa ông, thế thì phải mổ heo.

- Ừ, phải ba bốn con là ít.

- Trời ơi! Làm gì mà nhiều thế.

- Nhiều gì? Ngoài ra còn phải thêm một trăm con gà vịt mới đủ. Mụ phải đi mua sắm các thứ ngay; nhớ gọi bếp Khách ở Chợ Lớn về nấu... À, nhà ta còn bao nhiêu tiền.

- Dạ, mấy chục nén bạc, ông cất trong rương còn y nguyên đó.

- Mụ lấy số tiền ấy đi mua sắm lần đi. Lát chiều, tôi sẽ mượn người ta rồi đưa thêm. Tôi giao hết công việc cỗ bàn cho mụ, rán làm sao hăn hoi tử tế nghe.

- Dạ, xin ông yên tâm... Tôi phải lo đi chợ liền mới kịp.

Mụ tất tả bước ra, Khôi gọi giục lại:

- Khoan, còn một chuyện nữa. Còn bảy chú lính ở nhà ngang, mỗi bữa mụ lo cơm nước cho họ đàn ông, đừng để họ phải than phiền đa!

Mụ Trê đi rồi, Khôi bảo thằng Ba và thằng Chín đi mời một ít người bạn thân đến nhà đàm đạo.

*

Chiều hôm sau, nhà Khôi tụ họp thân bằng khá đông. Phần nhiều là nông gia thổ hào quanh vùng Gia Định xưa nay vẫn kính Thượng Công, và một ít người là thuộc hạ hay đồng liêu bên ngạch võ. Người ta đến, không phải vì bữa chén; chỉ vì nghe tin Khôi được về nhà thành linh, tưởng y được tha hản và vụ án Thượng Công làm áy náy nhân tâm bấy lâu, chắc đã kết liễu vô sự rồi.

Người xóm giềng để ý nhận thấy thiếu bóng vồng cang ngựa xe các quan. Ngày nay những năm trên, tổng đốc tuần phủ các tỉnh, cò mở trống rong, về gần khắp mặt.

Nhưng khách tới ăn buổi chiều hôm ấy, chỉ là tám màn phủ ngoài; Khôi mình tỏ mình kính cẩn và thành thực cúng giỗ, để che mắt các quan tỉnh, vì thế nào chẳng có kẻ đi ăn giỗ về thuật lại tình hình cho Bố chánh Bạch Xuân Nguyên hay Tổng đốc Nguyễn Văn Quế nghe. Bởi vậy, hễ ai gọi chuyện hỏi thăm vụ án liệu chừng sẽ ra thế nào, Khôi làm ra đáng nhỏ nhoi sợ sệt và nói:

- Thừa các ngài, cơm vua áo chúa như trời như bể, mình chỉ biết có phận sự làm tôi con, tùy lượng triều đình thương cho thế nào, được nhờ thế ấy.

Sự thật, Khôi chỉ cốt triệu tập một bọn người thật lòng cảm mến Thượng Công và đối với mình cũng là chỗ thâm giao chí thiết, có thể nói chuyện tâm sự với nhau được. Sau khi những tập khách kia no say tản mác ra về hết rồi, buổi tối, bọn nay mới lục tục kéo đến.

Ấy là Lê Đắc Lực, Nguyễn Văn Tòng, Hoàng Nghĩa Thư, Nguyễn Văn Bột, Trần Văn Tha, Nguyễn Văn Trân, Lưu Tín, Nguyễn Văn Đà, Sáu Khả, Huỳnh, Trám, Thê. Chú khách Mịch Tấn Giai, chủ một hiệu buôn trong Chợ Lớn v.v... tất cả 26 người, kể luôn cả ông chủ võ Tăng Vô Ngại.

Khôi mời các đồng chí vào nhà trong, để tránh tai mắt của mấy chú lính gác.

Tiệc rượu đặt theo lối Tàu, ngồi vòng quanh một chiếc bàn tròn rộng lớn, Khôi gọi là "*Quần anh đại hội*".

Ban đầu, chén chú chén anh, câu cười tiếng nói, đầy không khí êm đềm vui vẻ, dường như cả chủ lẫn khách quên hết mọi sự lo nghĩ ở đời. Câu chuyện chỉ có đánh me với o mèo ve gái; nếu có kẻ nào rình

rập lúc bấy giờ, tin chắc bọn này chỉ là một phường tử nhục vô lại. Lần lần, họ đuổi hết tới tứ xuống nhà dưới, mặc họ thông thả tự chầm tự chước với nhau. Sẵn có hai thanh kiếm treo trên vách, Hoàng Nghĩa Thư và Lưu Tín lấy xuống cùng múa làm vui. Trong khi ấy, Nguyễn Văn Trân ca vọng cổ bài “*Kinh Kha nhập Tân*” rất hay, cả tiệc nghe đều giục lòng phấn khích.

Lúc này ai cũng có máu vận lên mặt ít nhiều, ra vẻ ngà ngà say cả rồi.

Khôi bỗng ôm mặt khóc rung rức.

Mọi người lấy làm lạ, xúm lại ân cần gạn hỏi căn do và tìm lời khuyên giải. Sáu Khả nói:

- Thì hôm nay là ngày giỗ anh hai chúng ta tưởng nhớ công đức sinh thành, sao khỏi mũi lòng hiếu tử, nhất là hiện thời đang lâm vào hoạn nạn bất ngờ...

- Không phải thế đâu! Khôi gạt lệ và nói: Sở dĩ tôi phải động lòng tới phát khóc, là vì có hai lẽ quan hệ hơn nhiều.

- Những lẽ gì anh cứ cho biết, để chúng tôi chia lo xẻ buồn với anh chứ? Trần Văn Tha hỏi.

- Ô! Tha nói phải lắm. Người anh hùng bình nhật kết giao, cốt giúp đỡ nhau trong lúc sinh tử hoạn nạn; chẳng thế thì anh hùng có hơn gì ai! Nguyễn Văn Trân nói thêm.

Mọi người tán thành, xúm quanh mình Khôi và thúc giục phải nói:

Khôi đứng phắt dậy, khoanh tay trước ngực, hai mắt trợn ngược và đỏ như hai hồ máu, không phải vì mới khóc, mà vì có than lửa phấn khích cháy trong tâm cao, bốc ngọn lên đây. Chỉ còn thiếu có thanh kiếm cầm tay, trông vẻ người hùng dũng và đầy sát khí, như lúc lâm trận ở pháo đài Tam Tòa ngày trước. Đêm hồ khuya, tiếng nói nghe rang rang.

- Trước hết tôi khóc là vì tưởng nhớ Thượng Công chúng ta. Nhất sinh ngài có huân lao khai sáng cơ nghiệp cho đương triều như núi như non, có công đức giữ gìn sự yên, mở mang sự sống cho nhân dân Lục Châu ta ngót hai chục năm, tóm lại ngài cúc cung tận tụy với nước với dân cho đến hơi thở cuối cùng, hỡi các anh đã biết...

- Vâng điều ấy hẳn thế! Lê Đắc Lực và mấy người nữa đồng thanh nói. Họ có kẻ đui mù mới không trông thấy.

- Ấy thế mà người đời vô ơn bạc nghĩa với Thượng Công thế nào, anh có ngờ tới được không? Khôi nói tiếp. Ngài vừa nằm xuống, thịt chưa rã, cò còn xanh, đương triều đã vì chuyện tư hiềm – mà Thượng Công gây nên tư hiềm ấy chính là vì nước – vu cáo ngài nào khi quân, nào lộng quyền muốn khai quật mồ mả lên để hình phạt nắm xương khô cho được hả giận. Lại quyết chém giết lưu đồ tất cả những người có quan hệ xa gần với Thượng Công lúc bình nhật. Giờ họ đang bắt đầu từ tôi và các anh Dương Văn Nhã, Đặng Vĩnh Ứng, mấy chục người đang giam cùm trong ngục. Rồi nay mai lần lượt đến anh em ta đây, dù anh em có mọc cánh mà bay cũng không chạy khỏi. Một lũ quan lại tham ô lại thừa đục nước thả câu, làm hại bao nhiêu người vô can vô tội. Trời ơi! Tức chết đi được, anh em ạ! Khôi tự đâm ngực và thở dài. Phàm ai là người có huyết khí ứng trước tình cảnh này mà không đầy gan ói mật? Tôi chắc trong quả tim các anh cũng phải đập cùng một nhịp như tôi.

- Thật thế! nhiều tiếng cùng đáp. Người ta xử với Thượng Công như vậy thì khôn nạn quá.

- Nào có phải một mình Thượng Công! Khôi rồi rít lên từng tiếng. Họ nhất định quét hết cả thân nhân và cựu chức của ngài nữa. Bởi vậy, tôi có lẽ thứ hai bắt phải cảm động phát khóc, là cùng các anh em vĩnh biệt từ hôm nay. Tôi cốt hỏi lộ và năn nỉ lão Bố chính Bạch Xuân Nguyên cho về nhà cúng giỗ vài ba hôm, tức là để cùng anh em nâng chén vĩnh quyết. Họ sai một toán lính Thuận Quảng theo canh gác tôi, đang nằm trong nhà ngang đằng trước kia kia. Mấy hôm nữa họ sẽ đóng cũi giải tôi ra Huế...

- Mèng ơi! Đóng cũi giải ra Huế nữa à?

Nguyễn Văn Tòng hỏi câu ấy với dáng kinh dị và ngây thơ, vì y không tưởng vụ án lại to tát đến thế.

Khôi trừng mắt, nói:

- Chứ sao! Họ sẽ giải tôi ra tới triều đình hậu chất để cùm kẹp đánh khảo cho đã đời, bắt buộc tôi phải cung nhận rằng Thượng Công bình nhật quả có khi quân lộng quyền, theo những việc họ sẽ bịa đặt ra thiếu gì. Rồi họ đem tôi ra phanh thây chém đầu trước,

đến lượt những người khác sai. Chúng ta vĩnh quyết nhau ở trần gian hôm nay, nhưng sớm muộn thế nào cũng được trùng phùng tái hội dưới âm giới. Tôi đã lóng tai nghe bọn tinh yêu thuộc dinh Bồ và dinh Ân nói thì thảo với nhau rằng cuối tháng này đóng cũi giải tôi lên đường rồi, sẽ nã tróc năm bảy chục người khác nữa. Chẳng đến lượt các anh em thì còn ai, vì họ thừa biết ngày thường anh em có cảm với Thượng Công. Tôi chắc trong đám anh em tụ họp với nhau đêm nay, sẽ có năm bảy cái đầu mất chỗ đội nón là ít, còn thì xiềng chân gông cổ đày ra Cao Bằng, Lạng Sơn ngoài Bắc, làm bạn với sốt rét, với muỗi mòng, với các giống độc thú mãnh xà, rình rập vô mình từng bước, như thế đến mãn đời mãn kiếp, đừng trông có ngày nào được trở lại với quê hương gia quyến.

Nội đám, Nguyễn Văn Tòng quê mùa thật thà nhất, nghe Khôi nói tới đó thì rùng mình lè lưỡi thật dài, tỏ vẻ lo sợ đáo đẽ:

- Trời đất ơi! Nếu thế thì sống cũng như chết. Đại ca nói tôi nghe lạnh buốt xương sống.

- Vậy thì chúng ta phải liệu thân trước, mỗi người trốn đi một phương?... Lưu Tín ngỏ ý.

- Trốn đi đâu bây giờ? Một người hỏi.- Thiếu gì chỗ mà lo. Ví dụ sang Cao Miên hay trốn tuốt qua Xiêm chẳng hạn! Lưu Tín đáp:

- Anh này nói chuyện thật khủng quá! Người vừa hỏi mới rồi cãi lại. Đi đày với đi chốn cũng là một mẹ, vì hai đảng cùng phải vĩnh biệt vợ con nhà cửa, cũng sống nhờ đất khách, thác chôn quê người có khác gì nhau?

Lưu Tín cứng họng, làm thinh.

Khôi nói tiếp:

- Phải đấy, đi đày với đi trốn, đảng nào cũng là khổ thân mạt kiếp. Thà cứ cam tâm đợi ngày chịu chết, may ra vợ con còn lượm được nắm xương đem về đắp điểm; hay là bị đày ra mạn ngược xứ Bắc, có chết cũng là trong vòng đất nước ông bà, vợ con nó thấp hương khấn vọng thỉnh không, oan hồn chúng mình có lẽ còn nghe mùi lần bước trở về từ đường tổ tiên được. Đi trốn thì tiêu mất cả xác, lạc mất cả hồn. Rút lại đảng nào cũng là một cái chết vô danh, vô tích, còn ai đếm xỉa tới mình. Tôi nghĩ lại, anh em chúng ta vì một bức người anh hùng trung

nghĩa như Thượng Công mà bị chém giết hay đày đọa, dù thật oan uổng mà kẻ cũng về vãng, nhất là bộc lộ ra chỗ ác độc khốn nạn của những kẻ vô ân bạc tình, rồi thế nào cũng có công luận. Chỉ đáng tiếc cho thanh danh chúng ta, một bọn đường đường nam tử thế này, có trí khôn biết suy nghĩ phải có bắp thịt cảm nỗi thanh gươm xông pha chiến trường, hoặc có gia thế, có địa vị trước mắt dân chúng, bình nhật mang ơn Thượng Công để lại tri ngộ biết bao, thế mà bây giờ chúng ta đành chịu khoanh tay nhắm mắt để cho sự nghiệp ngài bị người ta vố tuột, anh linh ngài bị người ta bôi nhọ, nay mai xuống hoàng tuyền gặp ngài, anh em mình sao khỏi hổ thẹn? Đã vậy, mình lại mang tiếng là hạng anh hùng hảo hớn thuở nay, mà tự nhiên ngựa cổ chịu lấy hình phạt một cách bất công bất bình như vậy, chẳng dám ho he, nhúc nhích, nghĩ thật là hư sinh, thật là tủi hổ. Thà trước kia đừng sinh ra làm người, cho làm con vật hay là giống cỏ cây vô tri vô giác còn hơn!

Mấy lời Khôi nói thiết tha kích thích quá, như đối vào ruột gan, đâm vào lòng tự ái, nấu sôi cả mạch máu người ta lên. Ai nấy đều thấm thía cảm động, không sao dần được cái khí phần uất bốc lên phùng phùng trên mặt. Mỗi người nói một câu, phụ vào một lời giận dữ rít lên một hơi thán tức bất bình, góp lại thành một cơn ồ ạt, sôi nổi, không thể phân biệt câu nào lời nào của ai.

- Tôi thấy điên tiết lên rồi đây...
- Ồ! Thế thái nhân tình thật là khốn nạn!
- Thượng Công linh thiêng, vắn hòng chúng nó đi!
- Đồ quên ơn bạc nghĩa!
- Lê đại huynh nói phải lắm: mang tiếng hảo hớn mà phải chịu thế này, nghĩ thật nhục nhã.
- Hừ! cho chúng nó một bài học công lý.
- Tôi cũng nghĩ thế.
- Đưa thanh mã tấu đây, tiểu đệ đi hót quách chỗ đội mũ cánh chuồn của Bạch Xuân Nguyên cho mà coi.
- Còn thằng Nguyễn Văn Quế không đem làm mắm ngấu cho luôn, để mà thờ à?

Người nào cũng cố đặt một vài tiếng của mình vào để tỏ ý bức tức, nhưng chưa ai nghĩ ra phương pháp giải quyết ra thế nào. Lê Văn

Khôi nghe chừng tâm huyết mọi người đã nung nấu tới nhiệt độ cần dùng rồi, liền đưa tay ra hiệu và cất tiếng nói lớn:

- Xin anh em yên lặng cho tôi nói một lời.

Ai nấy đều lặng lẽ chú ý.

- Nếu tôi không hiểu sai tâm ý của anh em, Khôi nói, thì không lẽ nào chúng ta lại khoanh tay cúi đầu cho người ta chém giết đầy đọa mình mà không chống lại, có phải thế chẳng?

- Chính thế! Cả 26 tiếng cùng ứng một lượt.

- Tôi khen anh em, thế mới không hề danh hảo hán ở đời. Vậy thì bây giờ chỉ có một cách, là...

Khôi chưa nói dứt câu, mọi người đã nhao lên, đặt tiếng nói vào:

- Giết kẻ tham tàn Bạch Xuân Nguyên!

- Hạ thành Phiên An!

- Khôi gật đầu lia lịa, chờ anh em ngừng tiếng rồi nói:

- Kẻ mưu trí ở đời, sở kiến bao giờ cũng ám hợp với nhau. Anh em đều là hảo hán có khác, đoán trúng ngay tâm ý của tôi. Thật thế, chúng ta chỉ có một cách tự cứu, là cử đồ đại sự. Tôi đã xếp đặt phương lược rồi: sách Bình thư dạy rằng “xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị”, vậy nội đêm mai mỗi đứa chúng ta một thanh đoản đao, giết Bạch Xuân Nguyên để tế cờ, chiếm lấy thành Phiên An làm căn bản, kháng cự triều đình và tuyên bố Lục châu thành một quốc gia riêng; rồi cho đạo Thiên Chúa tự do truyền bá, mở cửa cho các nước Tây dương đến thương mại, cải lương cả mọi việc chính trị, kinh tế, học thuật, dân sinh, theo như cái chương trình phú cường của Thượng Công ngày trước đã có dịp tâu bày cùng vua Gia Long, và được mấy người Phú lãng sa tài giỏi là ông Long (Chaigneau, chúa tà Long), ông Thắng (Vannier) chịu tận lực giúp đỡ, nhưng bị đình thần độ ấy tìm cách phá ngầm, không cho Thượng Công được thực hành mở mang xứ Nam Kỳ theo mới... Chúng ta sẽ kế tiếp sự nghiệp của Thượng công. Đại khái phương lược tôi trù tính là thế, anh em nghĩ sao?

Hoàng Nghĩa Thư và Lưu Tín cùng nói:

- Lê đại huynh mưu tính như thế là hay tuyệt. Nhưng đường đi tất phải lần bước từ đầu: việc trước nhất chúng ta phải ra tay, là lấy

thành Phiên An làm căn bản, mà trong thành hiện có binh triều đồn trú khá đông, chúng ta chỉ có một tốp mấy chục người, làm sao đàn áp cho được? Đại huynh hẳn đã nghĩ cách giải quyết chỗ đó.

- Vâng, tôi đã nghĩ cả rồi, Khôi đáp. Hiện ở Gia Định có 800 lính *Hồi lương*, chẳng nói, anh em cũng biết: họ tuy là mặc binh phục của triều đình cấp cho, nhưng kỳ thật là bộ hạ tôi, tôi chỉ nói một tiếng, họ vâng theo răm rắp và sẽ là đảng vũ chúng ta, điều ấy cầm chắc. Còn đạo binh Thuận Quảng độ năm trăm người, dù có phải giao chiến, hẳn anh em cũng chẳng ngại, vì ta đã có trong tay tám trăm lính *Hồi lương* kia, can đảm và luyện tập hơn. Nhưng tôi muốn thuyết họ về với chúng ta, không thì họ cũng ngảnh ngoác, để mặc chúng ta hành động. Việc ấy nội ngày mai tôi quyết trang trải xong, anh em khỏi lo. Còn đến dân tâm thì không phải nói: ai nghe chúng ta vì Thượng Công mà dấy nghĩa, lại không lấy làm khoan khoái và hết giúp đỡ. Bởi thế, binh lực có, dân tâm có, tôi tin quyết đại sự chúng ta định làm, mười phần thành công cả mười.

Cả bọn nghe phân giải minh bạch, không còn chỗ nào ngờ vực lo ngại nên cũng hăng hái tán thành và tình nguyện theo lệnh Khôi cất đặt:

- Chúng tôi xin tôn đại huynh làm chủ tướng.

- Anh em sẵn lòng tin yêu, phú thác cho cái gánh ấy, kẻ cũng quá nặng cho tài lực tôi, nhưng vì thanh danh Thượng Công, vì việc chung, tôi xin vâng lĩnh, bề nào cũng nhờ anh em tận tâm hiệp lực, giúp đỡ cho tôi mới được.

Khôi nói rồi vòng tay xá chung cả anh em ba xá, tỏ dấu đã thụ lĩnh cái uy quyền các bạn đồng chí đặt lên vai mình. Đáp lễ, mọi người cũng xá lại ba xá. Lễ nghi rất đơn giản ở giữa giây phút rất thiêng liêng.

- Tất cả anh em đều nhất tâm quyết định cùng nhau khởi nghĩa không có nghi nan điều gì nữa chứ? Khôi hỏi lại.

- Vâng, chúng tôi quyết định lắm! Cả bấy nhiêu người cùng đáp một lượt.

- Dù sinh tử tồn vong cũng chẳng quên?

- Vâng, đại trượng phu chỉ có một lời.

- Nghĩa là hai mươi bảy anh em chúng ta thề đồng tâm cộng sự tới cùng...

Khôi vừa nói tới đó và anh em đồng chí đang lắng tai nghe, bỗng dung thấy động cánh cửa ngoài thông với nhà trong và có tiếng lạ nói chõ vào:

- Cho tôi nhập bọn nữa là 28!

Ai nấy đều giựt nảy mình, tái mặt, giá có địa lôi nổ dưới bàn chân, dễ thường họ cũng không sững sốt lạ lùng đến thế. Năm mươi tư con mắt cùng nhìn chòng chọc về phía cửa hông, ban nãy gài then đóng chặt hăn hoi, bấy giờ tự dung mở banh ra, thấy một người khăn lượt áo the, ngoài thắt lưng nhiều điều, gài thanh mã tấu bên cạnh, chân đi ghép quai ngang, từ bậc cửa lững thững đi vào, nét mặt rắn rỏi và tươi cười, tỏ ra không có một chút nào ác ý.

Khôi và mọi người càng ngạc nhiên khi nhìn mặt mũi khách lạ: Đội trưởng Nguyễn Kiều!

- Vâng, tôi là Nguyễn Kiều xin chào các ngài.

Đội Kiều cúi mình chào rất lễ phép rồi tiến lại gần.

Chính là thầy đội vâng lệnh các quan tỉnh sai dẫn sáu tên lính đi theo coi chừng trong lúc Khôi được phép về nhà làm giỗ.

Nhưng đột nhiên thầy xông vào tư thất, giữa cuộc tư hội thế này, giống như một cách khiêu khích phá đám. Hoàng Nghĩa Thư, bản tính nóng nảy, còn cầm thanh kiếm trong tay, phăm phăm chạy lại muốn chém vì tưởng chắc thầy đội Kiều đem lính tới vây bắt cả đám.

Mau lẹ như chớp, thầy đội bắt lấy thanh kiếm trong tay Hoàng Nghĩa Thư, đồng thời rút mã tấu giắt bên mình ra, để cả trên bàn và nói:

- Quân tử mưu sự, lấy lòng thành thật tin cậy nhau làm đầu. Giờ hãy để khí giới một chỗ, ngày mai mới dùng đến.

Đứng trước cử chỉ ngôn ngữ ấy, cử tọa càng ngơ ngác khó hiểu. Trong khi chưa ai kịp nghĩ đối phó thế nào, đã nghe thầy đội tha thiết bày tỏ:

- Thưa các ngài, lúc này đến giờ các ngài mưu định việc gì, tôi đều nghe rõ cả. Tất nhiên các ngài lấy làm lạ: tường dày cửa kín, tứ phía như bưng, sao tôi lại rình nghe được? Xin trông lên mái nhà kia kia, tôi tháo hai miếng ngói ra, dán tai in mắt vào đấy, cho nên chẳng

những nghe rõ từng câu lại thấy rõ từng người nữa; tôi vui mừng nghĩ thầm trong bụng: Đây là các bạn đồng tâm đồng chí với ta. Bởi vậy tôi không nề hà mạo muội, nguy hiểm, tự đến yết kiến xin cho tôi nhập bọn với, là 28 người, chưa đủ “*nhị thập bát tú*”. Tôi thề cùng các ngài quyên sinh cộng sự, vì tôi cũng một lòng bất bình triều đình bạc đãi Thượng Công, một lòng giận ghét những kẻ tham tằm hại dẫu. Chúng ta cùng một tâm chí, theo một mục đích, sẽ cùng chia xẻ tử sinh ưu hoạn. Vừa rồi nghe các ngài đang mình tìm người thuyết khách, để rủ đạo binh Thuận Quảng theo mình, bằng không thì họ khoanh tay ngó lảng, để mình hành động tự do, họ đừng can thiệp. Thưa các ngài, tôi xin đảm đương việc ấy, cam đoan rằng thành công, nếu không thì tôi xin chịu quân lệnh. Vì rằng đạo binh ấy phần nhiều là bộ thuộc của tôi, tôi bảo họ tuân lời chắc chắn. Tôi mai, tôi xin cùng các ngài ra tay, và tình nguyện làm tiên phong, sống chết không quản.

Mọi người lẳng lặng nghe thầy đội Kiều nói rồi đưa mắt nhìn nhau, chưa biết đối đáp xử trí thế nào cho phải. Quái lạ! Một người mặc nhung phục của triều đình; có trách nhiệm trừ loạn an dân, và phụng mạng đi coi chừng một tên tù trọng yếu; nay tên tù bí mật mưu loạn, mà người ấy không hề tố giác, không đem một vài đội lính tới bao vây tróc nã, người ấy lại thành thật yêu cầu nhập bọn khởi loạn?

Thầy đội hiểu ý họ còn nghi ngại bất quyết, nhất là Khôi đứng ngó thầy trừng trừng, cho nên thầy đồng dục nói tiếp:

- Xem chừng các ngài chưa tin bụng tôi thì phải. Nếu quả các ngài ngờ vực tôi nhị tâm, gài bẫy hay là thế nào, thì xin hãy trừ bỏ tôi đi lập tức. Nay ông Phó vệ Úy! Tôi là người vâng lệnh theo canh phòng ông, nhưng tôi yêu cầu ông hãy lấy thanh gươm hay mã tấu đang để trên bàn kia, đâm ngay cho tôi một nhát, cho tôi được tỏ lòng thành thật quân tử, nếu thằng Kiều này than thở hay kêu la nửa tiếng, nó không phải là hảo hán, trượng phu.

Thầy đội vừa nói vừa vạch áo đưa ngực ra:

- Đây, các ông thích một mũi gươm vào chỗ này thì đúng quả tim, tôi chết được mát ruột.

Trước cái cử chỉ cương quyết lạ thường, ai nấy cùng lắc đầu, le lưỡi.

Ông cử võ Tăng Vô Ngại nói nhỏ với Khôi:

- Người ấy chính là anh hùng tráng sĩ, mình chớ phụ lòng người ta!

Tức thời, Khôi chạy lại ôm lấy thầy đội reo mừng nói với mọi người:

- Bớ anh em ta! Trời đem thầy đội Kiêu đến cho chúng ta thật là bất ngờ và quý hóa. Ấy là điềm trời báo trước cho anh em ta nắm vững thành công trong tay rồi. Tan nên vui vẻ đón rước thầy đội vào số 28 đồng chí.

Bấy giờ người ta mới xúm lại cùng thầy đội Kiêu tay bắt mặt mừng, chuyện vãn hết sức rộn rã, niềm nở.

- Giờ chúng ta nên làm tờ huyết thệ, lấy thần minh làm chứng, các ông nghĩ thế nào? Thầy đội Kiêu ngỏ ý.

- Phải lắm! Tất cả tán thành.

Lập tức, mỗi người cầm dao tự chích đầu ngón tay cho mấy giọt máu nhỏ chung vào một cái ché, nghĩa là máu của 28 người hòa chung trộn lại với nhau để tả huyết thư. Khôi lấy bút chấm máu ấy viết thành huyết thư, cả bấy nhiêu người cũng chấm máu ký tên mình vào: đứng đầu là Lê Văn Khôi, sau cùng là Nguyễn Kiêu.

Huyết thư viết chữ Hán, chúng tôi dịch ra sau này:

“Năm Quý Ty, tháng 5, đêm hôm 17, rạng ngày 18, hai mươi tám người chúng tôi trộn máu viết lời thệ ước và ký tên dưới đây, thề nguyện cùng nhau một lòng góp sức, cử đồ đại sự, gian nan cùng chịu, sống chết không màng, nếu ai phụ lời, thần minh giết chết”.

Ta để ý thấy họ viết ***năm Quý Ty***, chứ không để niên hiệu ***Minh Mạng thứ 14***, đủ tỏ ra chỗ dụng tâm kháng cự triều đình vậy.

Họ lại đặt hương án giữa sân, làm lễ tế cáo trời đất và tuyên đọc lời thề bằng máu, rồi trở vào trong nhà, ngồi bàn định những việc sẽ làm đêm mai. Cuộc tiến công nhất định khởi từ nhà Khôi và ám hiệu là hai chữ Tả quân.

Trước khi giải tán, Khôi đình ninh căn dặn thầy đội Nguyễn Kiêu:

- Tôi ủy thác tin cậy ngô huynh tất cả việc xử trí đạo binh Thuận Quảng, nhé! Cuộc thành bại của chúng ta quan hệ ở việc ấy nhiều lắm đó.

- Vâng, xin minh chủ yên tâm; tôi đã nói nếu việc không thành thì chịu quân lệnh! thầy đội trả lời.

*

Giữa đêm hôm 28 tháng sĩ tụ họp ở nhà Khôi thề nguyện khởi nghĩa, như chúng ta được thấy tình hình trên đây, Bồ chánh Bạch Xuân Nguyên qua dinh Tổng đốc trao tay cho Nguyễn Văn Quế 75 lạng bạc trong số 200 lạng mà Bạch đã được hối lộ của một thầy cừu cai tổng, nhà giàu ở Gia Định, đem tới lễ quan lúc chập tối, cho khỏi bị vu oan giá họa vào vụ án Lê Văn Duyệt.

Bạch vốn tham lam, đục khoét được món nào cũng giấu bớt đi, tiếng là phân phi “cửa hai” với tổng đốc Nguyễn Văn Quế, nhưng kỳ thực chưa bao giờ Bạch cũng giữ phần dư về mình. Còn với Án sát Nguyễn Chương Đạt thì năm ba món mới cho dây máu ăn phần có một.

Có mấy tháng trời, thủ đoạn tham nhũng của Bạch vợ vét được hàng vạn. Bạc nén, đồ vàng xếp đầy mấy tráp, để dưới sập gụ đóng theo kiểu riêng, có đáy, ở trong tư thất, và chính là chiếc sập Bạch nằm ngồi trấn thủ đêm ngày với bộ bàn đèn nha phiến. Người vợ cả về ở nhà quê, vì khinh bỉ chồng tàn ác với dân, nhiều lần khuyên can chẳng được, giận dữ không thèm ở chung; tại dinh chỉ có hai cô ái thiếp, sắc sảo ranh ma nhất là Thị Huệ, thường bày mưu vẽ chuyện để bón tưới thêm vào mầm ác của Bạch cho nên người ta oán thán Bạch lại nguyên rửa cả nòng nữa.

Đêm hôm ấy, Bạch ở bên dinh quan thượng trở về dinh nhà, còn sai lính dẫn một vài tên tù béo bở ký giam dưới trại lên dọa nạt đồ dành ít câu, rồi mới đi ngủ.

Một lúc sau, đang giữa giấc ngủ, bỗng dưng Bạch kêu rú lên, hỏi liên thanh “*Mấy tráp bạc đâu? Máy tráp bạc đâu?*” Rồi ngồi vùng dậy, hai mắt cú vọ trợn trừng, dồn hết tia sáng vào chỗ để vàng bạc dầu mỡ dân chưa hề suy chuyển.

Té ra một giấc mộng.

Thị Huệ hơi hải chạy đến, hỏi:

- Quan khó ở, hay làm sao thế?

Bạch ngồi lặng một lát cho hoàn hồn mới nói:

- Ô! Ta nằm mộng ghê quá.

- Mộng thấy thế nào?

- Ta thấy cả dinh thự tự nhiên bay bổng lên không, còn ta thì bị một vàng mây đỏ quấn chặt lấy thân thể, mình gỡ ra nhưng không sao gỡ được; ta sợ mất mấy tráp vàng bạc, cho nên hốt hoảng kêu rú lên thế. May quá, chỉ là mộng mị!

- Ôi chà! Có thể thôi ư? Vậy mà tưởng đang đêm phải gió động kinh gì kia, làm cho người ta hết hồn, dở dang mất giấc ngủ đang ngon.

Nàng nói với nét mặt cau có rồi bỏ về chỗ nằm như cũ, để mặc Bạch thao thức và suy nghĩ vơ vẩn, từ đây tới sáng, không biết thế là điềm lành hay dữ.

Trưa lại, xong buổi hầu trở vào tư thất, Bạch sai một tên lính phi ngựa vào Chợ Lớn mời thầy khách Thiên lý Minh ra đoán mộng.

Lão thầy khách này tướng pháp giỏi có tiếng, lại khéo thù phụng các nhà đương đạo, nhất là hồi này càng phải kiêng sợ, vì họ mình vu hãm bắt bớ ai mà chẳng được. Sau khi nghe Bạch kể lại giấc mộng, Thiên Lý Minh đứng tên vòng tay và nói:

- Công hỉ quan lớn, thật là mộng tốt lạ lòng.

- Thầy bảo thế nào mà tốt? Bạch hỏi.

- Bẩm quan lớn, dinh thự bay bổng lên cao mà ngài lại được vàng mây bao bọc lấy mình, ấy là điềm lành báo trước quan lớn sắp được vinh thăng một cách đặc biệt. Bỏ chuyện dị đoan ra một bên, cứ lấy ngay nhân sự mà đoán: xong vụ án Lê Văn Duyệt này rồi, tất nhiên ngài được triều đình nghĩ đến công lao, cho đặc cách đi tổng đốc một tỉnh hay lai kinh làm đầu một bộ cũng nên. Sách nho chẳng có câu “phan thanh vân nhi trực thượng” (*vịnh mây xanh mà thẳng vút lên cao*) là gì? Bởi vậy, nằm mộng thấy mình bay lên mây, tức thị điềm tốt, còn phải nghi ngờ gì nữa.

- Nhưng đằng này tôi mộng thấy mây đỏ kia mà? Bạch hỏi lại.

- Bẩm, thế lại càng tốt! Thiên Lý Minh nói. Vì mây đỏ chính là hồng vận đấy.

Bạch nghe đoán, hơn hờ mừng thầm, lấy một nén bạc thưởng cho thầy khách.

Lúc ở dinh Bồ về, giữa đường Thiên Lý Minh gặp Mạch Tấn Giai, gọi đứng lại nói chuyện, nhân tiện kể lại câu chuyện mình vừa mới đoán mộng cho quan Bồ họ Bạch:

- Ấy, tôi chỉ lựa gió xoáy buồm, đoán thù phụng mấy câu mà đi cho rồi, chứ kỳ thực hắn ta nằm mộng như thế, chính là điềm vận số của hắn sắp hãm vào tuyệt lộ mất rồi.

- Thật à? Mạch Tấn Giai hỏi với tất cả vẻ mặt ngạc nhiên.

Thiên Lý Minh chậm rãi nói:

- Quả thế! Con người ác tâm thế nào cũng có ác báo chờ bên, chẳng sớm thì muộn. Ban nãy tôi dòm khí sắc hắn ta thấy u ám lạ thường, huống chi cái điềm mây đỏ quấn mình, không khéo rồi phải bắt đắc kỳ tử đến nơi, mà chết về lửa có lẽ. Ông cứ nhớ mà nghiệm xem, tôi đoán không sai.

Mạch Tấn Giai nghĩ thầm trong trí, càng lấy làm kinh dị:

- Trời ơi! Thầy dám tiên tri đến thế kia ư?

- Chứ sao! Thiên Lý Minh cười ha hả và nói. Nay đến sắc mặt ông hôm nay, rõ ràng có sát khí ngùn ngụt, tôi cũng trông thấy; ý chừng đang mưu toan một cuộc chém giết bạo động gì hắn thôi? Có thì xin chịu thầy đi?

Mạch Tấn Giai sợ quá, giựt nảy mình, mồ hôi đượm trên trán lấm tấm, định chắc lão thầy tướng này là thám tử của các quan tỉnh Gia Định và đã biết rõ cái mưu của mình cùng các bạn đồng chí hiện đang bôn tẩu xếp đặt. Vì giữa lúc ấy, Mạch cũng như 27 người kia, mỗi người một việc, đang đi sửa soạn để tối nay khởi sự.

Trông thấy Mạch có vẻ hốt hoảng, lúng túng. Thiên Lý Minh càng đoán già, Mạch càng sợ cuống, suýt nữa đến quỵ xuống bên đường van lơn, năn nỉ:

- Tôi van ông Trần Đoàn quý cốt tái sinh chớ có tiết lộ mảy may gì mà chết cả chúng tôi đây. Ông nên nghĩ tình chúng ta là người đồng hương với nhau, nghe!

Thiên Lý Minh đắc ý, kiếm lời an ủi:

- Xin ông yên tâm, tôi không bao giờ thổ lộ sở kiến của mình để thiệt hại cho ông, Chẳng qua vận số cả vùng này sắp lâm vào tai họa binh cách một độ mới yên, có lẽ ông sẽ bị lôi cuốn vào trong thời cuộc ấy, Tôi chỉ khuyên ông làm việc gì cũng phải cẩn thận, mới khỏi di lụy đến thân mình về sau.

Mạch Tấn Giai trân trọng cảm tạ, rồi từ giã Thiên Lý Minh, đi thẳng ra Saigon, đến nhà Khôi, báo cáo cho mình chủ biết rằng khí giới và mọi vật liệu dẫn hỏa đã thu xếp xuống thuyền, do đường thủy chở ra, chập tối đến nơi. Đồng thời, mấy người khác cũng lục tục đến trình Khôi về nhiệm vụ họ đã xong xuôi, hoàn hảo, chỉ còn có việc chờ hiệu lệnh.

Buổi chiều, trong thành Gia Định, từ các nha môn dinh thự cho đến phố phường dân xã, đều hoạt động yên tĩnh như thường, không ai ngờ sắp có một cuộc thay đổi lớn.

Thứ nhất là Bạch Xuân Nguyên, từ lúc trưa được nghe mấy lời Thiên Lý Minh đoán mộng trong lòng thấy phấn chấn, vui vẻ, tin chắc kết quả vụ án Lê Văn Duyệt sẽ đưa mình chóng lên tới cực phẩm triều đình. Phen này lại đục khoét được tiền của xứ Gia Định khá nhiều, nay mai tha hồ làm nhà tậu ruộng ở quê quán, cái cảnh hưu dưỡng về sau đã nắm vững giàu có sung sướng. Muốn cho mau chóng xong việc và tỏ ra mình làm quan trung thành mẫn cán, nội buổi chiều hôm ấy, Bạch sai căng nọc tra tấn mười người oan uổng, đánh vãi máu tươi; phi sức đi bắt thêm mấy chục người khác xem chừng có máu mặt, một hai bảo họ có dự vào âm mưu Lê Văn Duyệt; ấy là chưa kể mấy người đem hối lộ đi vào cửa sau, do Thị Huệ dẫn mối.

Tối lại, Bạch còn ngồi ở công đường phê phát giấy tờ, hạch sách tù tội, khá lâu mới vào tư thất.

Một mâm cơm đầy cao lương mỹ vị, hai cô hầu non ngồi hai bên đơm xới và quạt hân, Bạch ăn uồng phê phỡn, cười nói hề hà luôn miệng, trong ý dương dương tự đắc, thấy cuộc đời mình, cả hiện tại lẫn tương lai, một màu tươi đẹp như vườn anh đào đua nở.

Khuya thế, mà đưa con trai Thị Huệ sinh ra, bảy tám tuổi đầu, còn ngồi khóc nhè vùi ăn. Bạch nựng nịu con và hỏi:

- Nào, cậu ấm đọc bài học hôm nay cho ta nghe, ta thưởng một cuốn chả giò.

Thị Huệ thở dài:

- Ấm với chén gì! Thằng bé, rõ con nhà quan mà ngu như con heo, chỉ giỏi ăn tham, còn học thì dốt ôi là dốt, cả tháng có ba chữ thiên trời địa đất mà nhai mãi chẳng thuộc, thầy đồ phải khổ sở bực mình với nó!... Quý hóa gì cái thứ cậu ấm sứt vùi!...

- Hừ! Cô mình gàn quá? Bạch vừa nói vừa cười. Ở đời này chị có lệ luật nào bắt buộc người ta tất phải có tính nết tốt, học hành giỏi, mới làm được quan. Thằng con nhà mình ngu độn thế lại hóa hay đây. Cụ Tô Đông Pha ngày xưa đã có hai câu thơ ngôn chí rất truyền tụng: “*Đã nguyện nhi tôn ngu thả lỗ; vô tài vô nạn đáo công khanh*”, nghĩa là “*Chỉ muốn bày con ngu với độn, vô tài vô nạn đến công danh*”, cô mình hiểu chưa? Cậu ấm nhà ta học hành tối tăm thế nào mặc kệ nó, đã là quan từ trong trứng đẻ ra, mai sau cứ việc tập ấm rồi ra làm quan như bốn!...

Bạch nói đoạn, rung đùi và ngân giọng ngâm nga mãi hai câu giai cú của họ Tô, vẻ đắc ý phơ phất trên gương mặt.

Bỗng dưng Thị Huệ biến sắc, khoát tay ra hiệu cho Bạch đừng ngâm thơ nữa:

- Ông hãy im để tôi nghe: rõ ràng có tiếng la cháy, cháy, ở ngay cổng dinh nhà ta.

Quả thật có những tiếng kêu cháy rất gần, thêm những tiếng người la ó ồn ào, rùng rợn, hình như lại có tiếng khí giới đụng chạm nhau nghe xoang xoảng, làm dựng tóc gáy, nhất là chỉ cách xa tư thất Bạch có mấy bước. Lúc bấy giờ vào khoảng canh hai.

Ấy là hiệu lệnh khởi sự của bọn Khôi. Họ đốt cái chòi canh ngoài cổng dinh Bồ để làm hiệu rồi tiến bừa vào; đồng thời, những người bị giam trong trại đã được mật báo từ trước, thấy hiệu lửa nổi lên, ủa nhau phá khám đánh ra; hai cánh nhập lại làm một.

Nhanh như chớp, họ bổ vây dinh Bồ, đụng ai chém nấy, bất cứ lính hầu hay người nhà trong khi ấy một tốp đích thân Khôi chỉ huy, xông vào tư thất tìm bắt Bạch Xuân Nguyên.

Lúc Bạch nghe rõ những tiếng động lạ tai, đã có ý chọn, toan chạy ra ngoài xem thử chuyện gì, nhưng chưa kịp cất nhắc thì loạn đảng đã ào ào đến ngay trước mắt, ai nấy nai nịt gọn ghẽ và cầm mã tấu sáng quắc. Khôi chỉ mũi gươm ngay mặt Bạch Xuân Nguyên và hô đồng chí:

- Anh em trói thẳng một dân này lại cho ta!

Từ hai nàng hầu, ấy đứa trẻ, cho đến gia đình thị nữ, đều bỏ chạy tán loạn: người tuôn xuống bếp, kẻ vào trong buồng, đóng chặt cửa lại. Vì biến cố xảy tới bất ngờ và táo tợn quá, chính Bạch cũng run sợ đến mê mẩn tinh thần, bủn rủn chân tay, mất cả tiếng nói, chẳng thốt ra được lời nào cũng không cưỡng lại gì cả. Con người tham tàn, lúc nào hé miệng ra lửa, bóp dân ra tiền, bây giờ một mực thụ động và trở như khúc gỗ, chỉ khác có hồn.

Loạn đảng cốt bắt sống một mình Bạch vì có chỗ định dùng, cho nên khi đã bắt được rồi, liền dẫn Bạch ra ngoài và nổi lửa đốt dinh Bố chính. Cử chỉ ấy có hai mục đích thâm hiểm: một là thiêu cả gia quyến kẻ tham tàn ra tro; hai là dẫn dụ Tổng đốc Quế và Án sát Đạt tự đến nộp mình cho họ thịt nốt.

Khôi cầm đầu mọi việc, nhất thời truyền hiệu này, hét lệnh kia, đông xung tây đột nhanh nhẹn như cái cắt, sức khỏe như mãnh hổ; lính tráng trong dinh có muốn chống cự, nhưng chỉ thấy bóng Khôi cũng đủ làm cho họ run người chùn tay. Những kẻ làm bạo chống lại, đều nghe lưỡi đao loạn đảng đưa lạnh vào đầu cổ hay bả vai cạnh sườn, nằm ngổn ngang tứ phía.

Quả nhiên, Tổng đốc Nguyễn Văn Quế nghe bên dinh Bố phát hỏa ồn ào, chẳng hiểu sự tình thế nào, vội vàng đầu trần chạy đến, bị loạn đảng đón đường cho một đao ngã quay chết liền tại trận, không kịp ngáp hay hỏi han câu nào.

Khôn hồn cho Án sát Nguyễn Chương Đạt không sang. Ngay lúc ấy lão đưa gia quyến thoát ra cửa Bắc chạy lên Biên Hòa. Hình như lão biết trước sự thế nguy hiểm. Có người nói chính Khôi thông tin cho lão đào tẩu, vì nghĩ tình đồng hương và nhờ lão cho phép về nhà làm giỗ, Khôi mới có cơ hội thông thả mưu loạn.

Nội đêm, loạn đảng chiếm lĩnh trọn thành Gia Định một cách dễ dàng, không phí hơi sức. Vì các cửa thành, các dinh thự, các trại

lính, cho tới lằm lúa, kho tiền, đồn thủy sư, xưởng khí giới, đâu đâu Khôi cũng xếp đặt có người vây cánh đồng tâm; lúc thấy hiệu lửa ở dinh Bố phát lên, họ hưởng ứng một loạt, thành việc như trở bàn tay.

Vì thế, đang đêm Khôi có thể thái nhiên đưa Bạch Xuân Nguyên vào trước mộ ông Duyệt ở làng Bình Hòa, bày ra cuộc tế lễ bằng bó đuốc thịt người, cảnh tượng hãi hùng mà hai người đàn bà đi chợ khuya là thím đội Kiều và cô Tần đã được chứng kiến.

VI. BÌNH NAM ĐẠI NGUYÊN SOÁI

Sáng sớm hôm sau, dân cư trong ngoài thành Phiên An thức dậy với sự kinh ngạc.

Việc dữ dội xảy ra ban đêm, duy có những xóm nhà ở gần xung quanh được trông thấy và hiểu ngay ý nghĩa quan hệ. Người ở những xóm ấy hầu hết là thuộc viên văn võ cùng nha lại trong ba dinh quan tỉnh; ngay lúc nửa đêm thấy tình thế nguy hiểm, đã gói ghém tiền của và dắt vợ con chạy ra ngoài thành trốn nạn. Phố phường và những làng xóm ở cách xa, đêm khuya tuy có trông thấy ngọn lửa và nghe văng vẳng tiếng kêu, nhưng ai cũng yên trí là một đám cháy nhà, mùa hè thường có, chẳng hề tưởng đến giữa lúc thái bình vô sự lại có việc gì lạ lùng xảy ra.

Mặt trời mọc lên, người nào việc ấy, họ từ trong túp nhà tranh bước ra, sự nhìn thấy trước nhất, khiến cho ai nấy đều phải giật mình sửng sốt, không hiểu mình tỉnh hay mộng, ấy là quang cảnh thành trì phường phố đã thay màu đổi vẻ, không giống mọi ngày.

Trên chòm cột cờ cao ngất, không phải pháp phối lá cờ đuôi nheo thêu rồng, như hôm qua trở về trước, ai cũng trông thấy quen mắt; giờ tung bay trước gió một lá hồng kỳ to bằng hai ba chiếc chiếu, trên đề hai chữ, “*chiêu an*” thật lớn, người đứng phía xa cũng thấy rõ ràng từng nét rần rỗi, lực lưỡng.

Các cửa thành đều có binh lính nai nịt chiến bào và tuốt gươm trần đứng canh gác, xem xét mọi người ra vào. Nhất là cửa Tuyên Hóa, cửa chính của thành Phiên An, thiên hạ lui tới tấp nập, có vài

ba trăm lính đứng án ngữ, từ trên vọng lâu xuống chân thành, lồ lộ toàn những nón sơn áo nẹp, xen lẫn với gương đao sáng chói cả mắt. Trên mặt thành, mỗi bên để hai khẩu thần công hạng lớn, chìa đầu ra ngoài, trông rất hùng hổ.

Có điều lạ, người ta để ý những binh lính ấy không phiền nhiễu ai, cũng không có thái độ trừng trợn khoát nạt thiên hạ như mọi khi. Họ nghiêm trang, đứng đắn; những người ở ngoài muốn vào trong thành với gồng gánh buôn bán, hoặc xem có vẻ lương thiện làm ăn, họ bảo: - “Các người cứ việc đi lại tự nhiên, mạnh bạo; chúng tôi đứng đây cốt vì nghĩa vụ trấp đạo an dân, chứ không có mảy may ác gì đâu mà các người rụt rè, lo ngại. Các người trông lên hai chữ trên là cờ kia thì biết!”

Nhưng đám nào ở trong thành muốn đi ra ngoài, mà trẻ già dật dίου, hòm xiềng bộn bề, có vẻ tìm đường chạy loạn, thì người chỉ huy toán lính tuần phòng cửa thành, thế nào cũng hô thủ hạ ngăn lại, khám xét đồ đạc một cách nhã nhặn, hỏi dò chủ nhà là ai, làm nghề gì, có sao lại muốn bỗng bề đi đâu; thế rồi họ khuyên bảo người ta nên trở về:

- Các ông các bà cứ ở trong thành an cư lạc nghiệp như thường, chớ nên xao xuyên vô ích. Nhất thiết tính mạng tài sản và sự yên ổn của các ông các bà, đã có chúng tôi chăm nom, bênh vực, dù một sợi tơ sợi tóc, của ai nấy làm chủ, không suy chuyển đi đâu mà sợ...

- Tại sao có cuộc biến đổi thành lính thế này, thưa ông? Có người thấy vị trưởng quan đám lính ra dáng hiền lành thì đánh bạo hỏi.

- Tại triều đình dùng bọn tham quan ô lại, làm khổ lương dân Gia Định, cho nên chúng tôi nổi lên vì dân trừ hại, để dựng lại cuộc đời sung sướng yên ổn cho cả bá tính. Chúng tôi là nghĩa sĩ, chứ không phải giặc cướp, xin các ông các bà phải hiểu cho như thế.

- Nhưng ngộ quân triều đến đánh thì làm thế nào? Người kia lại hỏi.

- Thì chúng tôi đánh lại chứ sao! Vị trưởng quan trả lời. Các ông các bà cứ việc yên tâm lưu trú trong thành; quân triều đình dù có mọc cánh, cũng không bay đến chân thành Phiên An của chúng ta được đâu.

Đoạn lại nói tiếp:

- Chúng tôi vì đại nghĩa làm việc, đã có ước pháp với dân, hiểu thị khắp nơi, các ông các bà chưa xem thấy à? Mời đến chỗ kia mà xem.

Vị trưởng quan vừa nói vừa trở tay về phía cửa thành.

Thật thế, cách đó mấy bước, trên một cánh cửa thành, dán nguyên cả tờ giấy bản rộng, viết toàn chữ nôm, nhiều người đang xúm quanh đọc lầm rầm từng chữ.

Tờ biểu thị như sau này:

“Nghĩa quân Minh chủ họ Lê có lời hiểu thị cho tất cả quan dân sĩ thứ Gia Định được rõ:

“Triều đình “chẳng những vội quên công nghiệp Thượng Công là người đã nhọc nhằn giúp đỡ tiên đế khai quốc, lại phụ bạc dân chúng Gia Định là nơi đã đóng góp bao nhiêu con em tiền của vào cuộc sáng lập bản triều. Gần đây lại thi hành những chính lệnh tàn hại dân lành, tăng gia sưu thuế, và sai bọn tham quan ô lại trấn nhậm xứ ta, rập nhau vu oan giá họa, hối lộ ban ngày, cậy oai xiềng xích gông cùm, hãm người vô tội, khiến cho nhân dân sáu tỉnh phải khôn khổ đủ cách, oan khúc trăm bề.

“Ta cùng anh em đồng chí lấy làm đau lòng vì dân, cùng nhau dựng cờ khởi nghĩa, đã xử tử bọn Nguyễn Văn Quế, Bạch Xuân Nguyên, và chiếm lĩnh thành trì Gia Định, để tỏ bày công phần của nhân dân sáu tỉnh chúng ta và muốn tự mình xây dựng lấy hạnh phúc của mình.

“Công việc thay cũ đổi mới, ta với anh em đồng tâm đồng chí của ta, xin đờm đương tất cả trách nhiệm đối với bà con sáu tỉnh.

“Bởi vậy, ta khuyên bà con nên vững lòng tin cậy nơi việc làm cùng sức mạnh của nghĩa quân, ai nấy cứ việc an cư lạc nghiệp, không nên xôn xao náo động, hoặc thừa thời làm việc lợi dụng, phi vi, có hại cho cuộc sống còn chung.

“Nghĩa quân có phận sự bao bọc nhân dân đủ khắp mọi bề, nhưng cũng có phận sự không thể dung thứ những việc làm trái phép.

“Nếu ai phạm vào mấy khoản kể ra sau đây sẽ bị xử vào quân pháp:

“Một – Tư thông với quân Triều, tội chém.

“Hai – Nhân lúc lộn xộn, đốt nhà cướp của người ta, tội chém.

“Ba – Đốt phá nhà thờ đạo Gia Tô hoặc đình chùa miếu vũ bên lương, tội chém.

“Bốn – Hãm hiếp con gái đàn bà, tội chém.

“Năm – Man khai lúa gạo và ẩn lậu thuyền bè, có ý ngăn trở việc hành binh của Nghĩa quân, tội chém.

Phàm là khí dụng, lương thực, hễ Nghĩa quân cần dùng của dân cung cấp, đều chiếu theo giá chợ, trả tiền phân minh; tư hào của dân, Nghĩa quân không hề sang đoạt hay xâm phạm.

“Sáu – Ai chứa chấp trong nhà mình những quan viên, chức dịch hoặc binh lính bên triều mà không thực tình khai báo, tội chém.

“Bảy – Vô cớ lăng nhục hay phạm đến tính mạng tài sản của người nước ngoài kiều ngụ trong xứ, tội chém.

“Ấy là bảy khoản ước pháp với dân, ai nấy vì nghĩa lớn việc chung, gìn giữ cẩn thận, kéo để phạm phép lụy mình, lại trách sao Nghĩa quân không minh cáo trước.

“Những người đã bỏ nhà đi trốn, bất cứ là quan, lại, binh, dân, hẹn trong hai ngày phải trở về bản gia bản nghiệp, làm ăn cung chức như thường. Nếu quá hạn ấy không thấy về, không những tư cơ điền sản đều tịch một sung công, mà chính bản thân sẽ bị tập nã trừng trị.

“Nay yết,

“Năm Quý Tị, ngày 19 tháng Năm

Dưới lại phụ thêm mấy câu sau này:

“Nghĩa quân cần dùng nhân tài, ai có võ nghệ hoặc mưu lược gì hay, nên lập tức đến miếu Hội đồng biên tên ứng mộ. Mười năm học tập, một hội công danh, khuyên ai chớ nên lỡ dịp”.

Những người xem hiểu thị rồi, hoặc bỏ đi thẳng không quan tâm gì đến thời cuộc thay đổi an nguy, hoặc đứng xúm năm tụm ba ở một góc thành, bàn riêng nói nhỏ với nhau. Có một đám người trai trẻ, khăn áo chỉnh tề, ra dáng nho sĩ, đứng dựa bao lơn cầu cuốn ở trước cổng thành, trao đổi ý kiến, bàn nói tự nhiên, hình như không ngại những chú lính vào bọn khởi loạn kia nghe tiếng.

- Ô! Thế ra lũ này ra mặt phản kháng triều đình, chứ gì? một người nói.

- Cái đó đã đành! Người khác đáp. Nhưng anh không xem lý sự của họ cứng cáp đầy chứ. Từ hồi Thượng Công mất đi, lục châu ta bị

nạn tham quan lại những, mùa màng mất luôn, lại thêm triều đình ra những lệnh cấm đạo một cách tàn khốc, làm cho nhân dân khốn khổ ai oán thật tình!

- Họ Lê là ai thế nhỉ? Hay là Lê Tập, chánh vệ đạo binh Thuận Quảng lúc trước chăng?

- Ôi chà! Thằng cha béo nghịch ấy chỉ tài giỏi có một việc com nhà quạ vợ, ăn vào cho đầy, chứ làm nên trò trống gì hử. Đây chắc là Phó vệ úy Lê Văn Khôi, con nuôi và là bộ hạ anh dũng của Thượng Công ngày trước, tôi đoán cấm sai.

- Nhưng nghe nói va bị hạ ngục mấy tháng nay mà?

- Anh còn lạ gì với những tay trượng phu hảo hớn, xiềng xích không phải là sắt gang, mà chỉ là sợi búa, họ thối nhẹ cũng đủ tháo tung như chơi. Công việc ngày nay, tắt một tay va sắp đặt chủ trương cả đấy.

- Nếu quả thật họ Lê ấy thì triều đình có đánh giết được cũng còn một xác... Giờ tôi đến miếu Hội đồng biên tên ứng mộ đây, có anh nào cùng đi với tôi không?

- Trời ơi! Thế ra anh định theo phò lũ phản nghịch triều đình à?

- Ai vì dân mưu lợi thì tôi theo; mặc chỗ ai phản nghịch ai, tôi không cần biết đến Hoàn Ôn đã bảo người ta “sống chẳng làm nên danh thơm muôn thuở, thì chết để lại tiếng xấu nghìn đời, cũng là một bức đại trượng phu”.

Người ấy nói rồi phăng phăng đi vào trong thành. Mấy người kia đứng nhìn lượng lự giây lát, rồi cũng tắt tả đi theo.

Sau này chúng ta còn có lúc gặp họ.

*

Trong lúc ấy Lê Văn Khôi và các đồng chí bộ hạ hội họp ở công đường dinh Tổng để bàn bạc công việc tiến hành.

Sau khi thấp đuốc bằng thịt sống Bạch Xuân Nguyên ở trước mộ ông Duyệt và tế cờ khởi nghĩa rồi trở về thành, dễ thường bọn Khôi chẳng chộp mắt tí nào. Sự thành công có sức mạnh hơn những vị thuốc đặt bả, khiến cho ai nấy đều vui vẻ phấn chấn lạ lùng. Con người ta, bao giờ phần hồn sung sướng, đắc ý, phần xác có nhọc mệt thế nào cũng quên lãng đi được.

Thành trì Phiên An to rộng kiên cố nhất cả miền Nam, bên trong lại chứa đầy súng đạn, quân lính, thế mà bọn Khôi 28 người trong khoảng mấy giờ đồng hồ, hoàn toàn chiếm lĩnh, dễ dàng như trở bàn tay, thật không phải là một cuộc phản loạn tầm thường. Tài năng, cơ hội và nhân tâm cùng giúp sức cho họ. Trước hết, họ đều là hạng người anh dũng, quả quyết, lại khéo xếp đặt sẵn sàng, như ráp bộ máy, đến lúc ra tay, đầu đó cùng chuyển động đúng theo khuôn nhịp. Sau là dân tâm giữa hồi ấy đang ngấm ngấm bất mãn đối với triều đình: người bên lương thì oán hận về lũ quan lại tham tàn, người bên giáo thì bức dọc về chính sách cấm đạo quá ư hà khắc; đây là chỗ nhược của triều đình bị Khôi đánh trúng. Đến nỗi trong thành có đạo quân Thuận Quảng trấn thủ, cũng có cơ gì lạnh lẽo nằm ở đáy lòng, chẳng muốn vì triều đình trung thành xuất lực, thành ra chỉ một lời nói của đội trưởng Nguyễn Kiều, đủ cảm dỗ tất cả mấy trăm người ấy mang gươm mặc giáp của nhà vua, hoặc phụ theo phe can thiệp gì trong lúc bọn Khôi hành động. Mấy nguyên do thuận lợi góp lại như thế, trách nào bọn Khôi chẳng làm chủ thành Phiên An mau chóng dễ dàng như trở bàn tay.

Không có gì lạ, nếu ta thấy họ vui vẻ phấn chấn, quên cả mệt nhọc chiến đấu ban đêm.

Họ cắt nhau mỗi người một việc, bốn tàu hoạt động suốt đêm đến sáng, không hề thấy sự cần dùng nghỉ ngơi.

Khoảng mười giờ sáng, mọi người đã lục tục đến dinh Tổng đốc, giờ đổi làm bản doanh của Lê Văn Khôi, để báo cáo việc mình đã làm và họp bàn phương lược đối với thời thế vừa mới thay đổi vì tài năng thủ đoạn của họ góp lại.

Hoàng Nghĩa Thư đệ sổ kê khai những thuốc đạn, lương tiền, thóc gạo chứa ở mấy kho lẫm trong thành mà mình đã kiểm điểm kỹ lưỡng và giao cho đội lính Hồi lương thay phiên canh giữ.

Đặng Vĩnh Ứng đọc cho Khôi nghe bản thảo của cố Du ở Mạc Bắc (bây giờ thuộc tỉnh Trà Vinh), mời lên Gia Định hội thương. Cố Du là tên bản xứ của giáo sĩ Marquet, người Pháp, học rộng và rất đạo đức, sinh thời ông Lê Văn Duyệt vẫn kính mộ. Bấy lâu vì những chỉ dụ cấm đạo của vua Minh Mạng hết sức nghiêm khắc, hễ vớ được giáo sĩ tây phương là xử vào cực hình, cố Du được mấy nhà ngoan đạo ở vùng Mạc Bắc bao bọc, trốn lánh. Từ hôm lập chí khởi loạn,

Khôi đã có ý thu phục nhân tâm bên giáo, cho nên bây giờ muốn đón cổ Du lên giúp mình, nhất là về mặt ngoại giao, cũng như đức cha Bá Đa Lộc giúp vua Gia Long ngày trước vậy.

Nguyễn Kiều và Trần Văn Tha trình bày kế hoạch luyện tập mấy đạo quân mới.

Anh em Võ Vĩnh Tiên và Võ Vĩnh Lộc coi việc tuyển mộ ở miếu Hội đồng, ngỏ ý vui mừng được thấy lòng người tán thành sốt sắng, vì yết thị mới dán từ sáng sớm đến giờ, đã có hơn hai trăm người đến xin ứng mộ. Sau hết, Mạch Tấn Giai báo cáo về việc đi chiêu hàng thủy sư chỉ được thành công một nửa. Nghĩa là mới thu phục được vài ba trăm thủy quân và độ sáu bảy chục chiến thuyền, nửa số thủy sư thường trực ở Gia Định; còn nửa kia đã tìm đường tẩu thoát, chắc hẳn ra bể.

Trưa đến, Khôi bày tiệc khao thưởng đồng chí và tướng sĩ quy thuận.

Giữa tiệc, người ta đem vấn đề chính ra bàn cãi náo nhiệt.

Những người cộng sự buổi đầu với Khôi có thể chia làm hai cánh. Một cánh thực tâm làm việc đại khái như Nguyễn Văn Trân hay Nguyễn Kiều chẳng hạn, đầy lòng hăng hái, chỉ thích xông pha mạo hiểm, dám vì đội trưởng, vì dân chúng hi sinh cả thân danh mình, miễn sao đạt được mục đích thì hã hê sung sướng, chứ riêng họ không cần lấy lợi lộc tiếng tăm gì cả. Một cánh chủ lập công danh phần đông là người đã đứng tuổi như Dương Văn Nhã, Đặng Vĩnh Ứng muốn đội nâng Khôi lên bậc phú quý tôn vinh nhất hạng, cho họ được bám lấy đuôi rồng, phụ theo cánh phượng, thề ngà áo gấm, ấm tử vinh thê, có vậy mới khoái.

Dương Văn Nhã xướng lên trước:

- Cổ lai những người mưu toan sự nghiệp to lớn, cần phải danh chính ngôn thuận trước nhất. Tôi tuy học nho kém cỏi, chữ viết như gà bươi tro bếp, nhưng cũng nhớ lời Khổng Tử dạy rằng: “danh không chánh thì nói không thuận; nói không thuận thì việc không thành.” Bởi vậy, tôi tưởng anh em chúng ta phải tôn Lê đại huynh chính vị hoàng đế, hầu có danh nghĩa đường hoàng để hiệu triệu thiên hạ, thì công việc chúng ta làm mới có căn bản và mong thành tựu đẹp đẽ. Anh em nghĩ sao? Nếu ai nấy đồng ý thì ta nên chọn ngày tế cáo thiên địa, làm lễ tấn tôn cho sớm.

Mười tiếng họa theo một lúc:

- Dương huynh nói phải đấy, chúng tâm đều muốn như thế.

Hoàng Nghĩa Thư, diện mạo vốn đen xầu và có tính nóng nảy, người ta thường gọi là Phan Khoái, Trương Phi, bỗng cười sảng sặc và nói bậm trợn:

- Không nên! Ta cứ kính trọng Lê đại huynh là bực anh cả như thế này, thời thường còn được tụ họp một bàn, chén anh chén chú, có phải vui vẻ không? Tội gì tôn lên hoàng đế, để cho ngôi thứ cách biệt, rồi lúp ngúp mà lạy cho mỗi gối khổ thân. Tôi xin nói trước, tôi không biết lạy đâu; đời tôi chưa lạy ai bao giờ!

Lê Văn Khôi và cử tọa nghe mấy lời Nghĩa Thư nói thật thà, sòng sạo, đều phải cười ồ; cả những người không lấy làm đồng ý.

Nội đám, toàn là bạn bè thân thích lâu ngày, đã hiểu rõ chí hướng tâm tính của nhau duy có Nguyễn Kiều mới nhập bọn giờ chót, và lại được Khôi có vẻ kính mến, nên chỉ nhiều người muốn dò ý kiến.

Dương Văn Nhã ngồi cạnh Nguyễn Kiều, vỗ vai và hỏi:

- Thế nào? Nguyễn huynh có đồng ý với chúng tôi không?

Nguyễn Kiều tắc lưỡi:

- Hừ!... ở đời, thực sự mới đáng quý hóa, hư danh không đủ khinh trọng mà khiến người ta phải nói bàn cho nhiều... Tôi chắc một người có hùng tài đại lượng như Lê minh chủ ta chỉ thích làm việc anh hùng hơn là cầu danh hoàng đế. Chúng ta thử nhớ lại lịch - sử cổ lai, biết bao nhiêu hoàng đế qua đời là mai một thân danh, người sau không ai nhắc đến. Vì sao? Chỉ vì không có lý tưởng gì cao xa, sự nghiệp gì mới lạ, để cho thế nhân phải ghi nhớ. Trái lại, một người anh hùng, bao giờ cũng được thiên hạ hậu thế nhớ mãi tên tuổi sự nghiệp. Anh em ta nên cầu cho Lê huynh làm người anh hùng.

Phe thích công danh đưa mắt ngó nhau, có vẻ phật ý. Họ tưởng Khôi nghe tất cũng bất mãn, nhất là kẻ phát ngôn lại là một người mới quen mà dám nói ngổ như Nguyễn Kiều.

Không ngờ Khôi dời khỏi chỗ ngồi chạy lại nắm lấy hai tay Nguyễn Kiều, nói rất niềm nở:

- Nguyễn quân thật là người bạn tri kỷ của tôi!

Mỗi người đóng góp một vài câu, vấn đề chính danh có thể dai như chảo rách, chưa biết đến giờ phút nào mới dứt.

Thấy thế, ông Tăng Vô Ngại sợ người ta chỉ vụ danh bỏ thực, hư hỏng công việc; từ nãy được lắng lắng ngồi nghe, làm như một lão quê mùa ngu độn, không dám bàn chuyện quốc gia đại sự, giờ ông mới xen vào bàn giải. Ông đưa tay lên, đồng dặc:

- Xin tất cả chư vị tráng sĩ cho phép tôi nói một câu, hay thì các ngài hãy để vào tai, dở thì xem như một cơn gió thoảng vậy...

Phe công danh cùng nhô lên tán thành, vì họ tin chắc lão già này một cánh:

- Vâng! Chúng tôi đang muốn nghe lời kim ngọc của một bậc lão thành như cụ để quyết định việc lớn cho xong.

Ông Tăng nhìn họ với nụ cười sâu sắc, rồi đứng dậy chấp tay thủ lễ, trước khi cất tiếng.

- Tôi xin thưa các ngài thế này: công việc các ngài chủ trương, như tòa lâu đài vừa mới đắp nền khởi công, hiện giờ cũng chưa có thể, mà cũng không nên định trước mai sau ta sơn son thiếp vàng bên trong thế nào hoặc bày biện những đồ đạc gì. Việc làm nên có thứ tự trước sau. Ta vội lo chuyện trang sức lâu đài trong lúc bắt đầu xây dựng, biết chắc công cụ xây dựng có được tốt đẹp như ý không? Một trận gió bão làm sập đổ nửa chừng, biết đâu? Bởi vậy tôi khuyên các ngài hãy đồng tâm cộng lực, lo việc xây dựng bây giờ đã, một mai hoàn thành, muốn trang sức ở trong thế nào tùy ý. Chưa chi đã vội khoác áo hoàng bào cho một người, rồi những người khác lớp ngóp quỳ lạy, lấy thế làm sung sướng, tôi e người đời chê cười bọn ta chỉ là một lũ hiếu danh vô vị; nhân tâm chẳng theo, công việc tất hỏng. Nên biết hiện tại, dân chúng vẫn còn tưởng mến Nguyễn triều, mà anh em chúng ta thì chưa làm việc gì công đức với dân. Huống chi việc trong, chúng ta chưa tổ chức tí nào, bên ngoài sắp phải đối chiến với quân triều đình là tay cường địch; khoan nói triều đình xa xôi chưa kịp phát binh đánh ta, nói ngay thủy sư Lê Văn Bôn từ Vũng Tàu ập vào, bộ binh các tỉnh Định Tường Vĩnh Long tiến lên, đều là mũi giặc đáng lo chỉ trong khoảnh khắc sớm tối. Lúc này ông Nguyễn Kiều nói phải, việc thành bại quan hệ ở thực lực, không ở hư danh. Giờ chúng ta hãy dồn cả lòng dạ tài sức vào việc đối kháng triều đình, cứu vớt dân

chúng; câu chuyện xưng vương xưng đế nếu phải bàn đến, có chăng là một ngày sau.

Ông Tăng nói thống thiết quá, Khôi và những người vụ thực nghe phải rơm rớm nước mắt.

Bọn Dương Văn Nhã cứng họng, không dám nói gì; nhân phẩm và dĩ vãng của ông Tăng làm họ phải chịu thiếp phục.

Khôi đứng dậy, hướng mặt về ông, chấp tay xá ông và nói:

- Đa tạ tiên sinh có lòng trung cáo, tất cả chúng tôi xin kính vâng lời dạy.

Rồi nói chung với mọi người:

- Tăng tiên sinh vừa khuyên bảo anh em chúng ta thật là khẩn thiết, chí lý. Anh em nên cùng tôi trở tài rấn sức làm thành chí nguyện cứu thế an dân, từ nay chớ nghĩ đến chuyện tôn vương vớ vẩn hão huyền, mà hăm tôi vào vòng bất nghĩa, bị thiên hạ hậu thế cười đấy!

Cùng trong giây phút Khôi nói mấy lời kể trên, một người trai trẻ cỡi con ngựa bạch, từ ngoài thành phăm phăm chạy vào, đến trước viên – môn nhảy xuống, ra vẻ hấp tấp, móc túi lấy một bức thư, trao tay cho toán lính gác, bảo đem trình ông Phó vệ úy tức khắc, rồi phốc lên mình ngựa đi ngay.

Bức thư viết tháu, chỉ có mấy câu:

“Nhân thấy các ông thành tâm làm việc trừ bạo an dân, nên tôi mách giùm một chuyện cơ mật. Chánh vệ thủy sư Lê Văn Bồn đem chiến thuyền trở vào Nhà Bè, hiện đang chiêu binh bày trận, định xuất kỳ bất ý đánh vào Phiên An để lấy lại thành trì đấy.

“Một người đồng chí vô danh”

Khôi chuyền bức thư cho mọi người xem, rồi nói hớn hờ, như cách phân bua:

- Chứng cứ đây nhé! Nếu anh em mình chưa làm nên việc thực đã đội lốt hư danh, quyết không thu phục được cảm tình dân chúng như thế này.

Một lát nói tiếp:

- Việc hiện tại là phải trừ ngay mũi giặc thủy quân Lê Văn Bồn, không để nó kịp xâm phạm tới mình. Tăng lão tiên sinh mưu lược giỏi thật, vừa mới rồi đã nói trước.

Nguyễn Văn Bội và Hoàng Nghĩa Thư cùng hăng hái xin đi, nhưng Khôi đều gạt ra:

- Việc xuất binh đầu tiên, thắng bại quan hệ tới đại cuộc không nhỏ, anh em phải nhường phần trách nhiệm cho tôi.

- Ủa! đại huynh lại nở lòng đi choảng một người cùng họ à? Nghĩa Thư nói hớn hột trắng trợn, theo thói quen thường ngày.

- Quân sự không kể họ hàng thân sơ gì cả, hễ đối lũy thì cứ chém giết nhau, mạnh ai nấy được. Huống chi họ Lê ấy có tộc thuộc với họ Lê tôi đâu! Anh em ở nhà lo sắp đặt mọi việc, để tôi đi cắt bộ râu lão Bồn đem về làm cái chổi đánh ruồi chơi. Lão ta râu quai nón và dài lượt thướt, các ông không nghe tiếng sao?

Khôi nói đoạn, phân tán mọi người đi theo phận sự đã định, chỉ lưu lại một mình Mạch Tấn Giai để trừ hoạch thể trận bắt sống Lê Văn Bồn.

*

Vào khoảng canh hai đêm hôm ấy, một chiến thuyền nhỏ chở hơn hai chục người lính thủy, chèo đến bên thủy trại Lê Văn Bồn, đóng ngay trước mặt pháo đài Dương Đông, xưng là quân nhà, xin trở về đội ngũ.

Lính tuần tiểu bắt trói cả bọn giải vào trình chủ tướng, cầm chắc là quân gian tế của bên địch sai đến do thám.

Lê Văn Bồn sai nổi đuốc lên, nhận diện quả thật quân nhà; chẳng những vì thấy sắc phục đúng, lại thấy họ nhớ cả khẩu hiệu ngày hôm qua nữa, chứng tỏ ra họ thuộc về mấy đội thủy quân đã bị giặc bắt sống với một số chiến thuyền. Người nào trông cũng lem luốc, rũ rượi, nhọc mệt, nhưng được về bản đội, họ vui mừng luống cuống.

- Các người trốn được à? Lê Văn Bồn hỏi.

- Bẩm quan lớn, vâng! cả bọn cùng đáp.

- Thằng Khôi là một tay dùng binh khá lắm kia mà! Chúng nó canh phòng sơ lậu thể nào mà các người thoát được thế?

- Bẩm, cũng may có cơ hội quân giặc tấp nập kéo lên Biên Hòa, cả thủy quân cũng đem đi đâu không biết, chỉ còn đỗ ở bến Thị Nghè độ vài chục chiếc thuyền để tuần mặt sông. Chúng con ở trong số đó, thừa lúc trời nhá nhem, và lại phần nhiều quân giặc uống rượu say khướt, chúng con rủ nhau lén mở một chiếc thuyền, chèo riết về đây.

Lê Văn Bồn nghe nói, vừa lo vừa mừng. Lo quân giặc tiến đánh cả mấy đồn: Long Thành, Biên Hòa, tức là chặn đường binh triều không thể vào Nam mừng là thành Phiên An chắc hẳn binh lực không mấy, có thể “xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị” mà lấy lại dễ dàng.

Chỗ cao đoán của Lê Văn Bồn tức là chỗ mưu kế của Khôi thả mồi nhử cọp, thanh đông kích tây. Cả toán lính gọi là “quân nhà” kia chỉ là bộ binh và kiện tốt của Khôi sai mặc giả lính thủy trốn về, cốt thúc giục Bồn cả quyết tiến công, để đón đường mà đánh.

Quả nhiên Bồn trúng kế.

Ngay lúc ấy, Bồn ra lệnh cho toàn quân đồng thời xuất phát, mỗi mái chèo hai người hợp lực, cho thuyền chạy rẽ mau, giao hẹn trước tờ mờ sáng phải đến Thị Nghè.

Đêm trăng, sông rộng, ngót trăm chiến thuyền lớn nhỏ; chạy thành hàng ba, vùn vụt trên mặt nước, kéo dài đến hai dặm, chiếc nọ nối liền chiếc kia, trông như một con tràng xa đang vươn mình lướt sóng. Quân sĩ vừa chèo vừa hát, mà hàng nghìn mái chèo khua động dưới nước, nghe tiếng du dương chìm bổng tức là cung đàn nhịp phách tự nhiên.

Thuyền chủ tướng đi giữa trung đội, trên ngọn cột cờ treo một lá cờ “Lệnh” bay phấp phới; Bồn và mấy viên tì tướng đang ngồi bàn định kế hoạch tâng sảng lên bộ, đánh rốc vào thành Phiên An.

Khi còn cách Nhà Bè độ sáu bảy dặm, tiền đội trông thấy xa xa có vài chục chiếc thuyền đi tới; nhận rõ là thuyền chiến, nhưng có điều lạ, chiếc nào cũng treo đèn lồng tứ phía, quân sĩ ngồi xúm xít, hình như đang uống rượu hay đánh bạc; có thuyền lại gảy đàn và ca vọng cổ làm vui, đêm lặng gió xuôi ở xa nghe rõ mồn một.

Ấy là đội thuyền Mach Tấn Giai cốt đi dụ địch. Họ chủ tâm bày trò ung dung vô lại như thế, để khiêu khích Lê Văn Bồn.

Lúc hai bên còn cách nhau chừng vài trăm thước, đội thuyền Mạch Tấn Giai cất tiếng reo mừng vang dậy mặt sông, rồi nhẹ nhàng thoăn thoắt, cả mấy chục chiếc thuyền cùng quay mũi trở lại đi trước.

Quân tiền đội Lê Văn Bồn ngỡ ngác chẳng hiểu thế nào. Bỗng nghe đội thuyền phía trước có tiếng loa gọi:

- Bớ quân gia!... Ông Lê Văn Bồn viết thư hẹn đêm nay đem bản bộ thủy quân lui hàng, vì thế đại nguyên soái sai chúng ta trưng đăng kết thể đi đón rước... Ông bỏ triều đình nhập bọn với ta, bây giờ tức là anh em một nhà... Quân ta hãy chào mừng ông đi!

- Hò khoan!... Xin chào ông Bồn!

Cả mấy trăm tiếng cùng hòa một loạt và reo cười âm ỹ.

Mấy tiếng loa gọi, không khác châm lửa vào thùng đựng thuốc súng. Quân giặc muốn khiêu khích chế nhạo thế nào mặc kệ, nhưng trước mặt binh lính triều đình mà chúng bị dựng đứng lên rằng Lê Văn Bồn viết thư xin hàng, thì Lê Văn Bồn tức giận đầy gan ói mật. Chúng bịa chuyện khốn nạn như thế, khác nào nhổ vào mặt ông, làm phí tiếng trung nghĩa của ông đi, còn gì? Đến tai triều đình, thì có chết cả vợ con họ hàng ông không nhất là đêm nay ông chủ tâm đem binh lực của triều đình đi khôi phục thành Phiên An, nhưng quân giặc làm cho tướng sĩ bộ hạ ông đâm ra phân vân nghi sợ, dường như ông đánh lừa họ, dẫn họ đi theo giặc vậy.

Ông dậm chân, ông gầm thét, ông chửi rủa; giá có phép tiên chạy trên mặt nước như bình địa và đám cho mỗi chiếc thuyền giặc một đám tan tành, chìm lỉm, chắc ông làm ngay. Tiếc ông không có phép thuật thần tiên ấy, chỉ rút cổ hò hét, ra lệnh cho quân mình tận lực đuổi theo, bắt sống tất cả bọn giặc trước mặt cho ông băm vằm chúng nó mới là hả giận.

Nhưng thuyền giặc vẫn ở phía trước, giữ mực cách xa đằng sau chỉ độ dăm chục thước mà không làm sao theo kịp.

Một lát, lại nghe ở đội thuyền trước có tiếng loa gọi:

- Bớ hàng tướng Lê Văn Bồn!... Có lệnh của đại nguyên soái truyền, nghe...

Những tiếng sau ồ ạt theo gió, không nghe rõ.

Lê Văn Bồn càng tức, càng thúc quân đuổi.

Không ngờ tiền đội vừa qua khỏi Nhà Bè, bỗng dưng hai bên bờ sông cùng có tiếng pháo nổ, tức thời mỗi bên rừng lau xông ra hàng trăm chiếc thuyền, đâm thẳng vào thủy quân Lê Văn Bôn, chặt đứt ra làm ba đoạn, trước sau không cố cập được nhau.

Quân mai phục ấy chính Khôi chỉ huy.

Giữa tiếng quân sĩ reo hò và gươm đao chạm nhau sang sảng, nghe rõ tiếng Khôi gào hét như sấm vang, áp đảo nhất thiết:

Bắt lấy thằng râu quai nón Lê Văn Bôn!... Đừng cho nó chạy thoát!...

Binh triều nghe tiếng dữ dội ấy, biết là chính Khôi cầm quân đối trận, ai nấy đều giựt mình, mười phần nhuệ khí bỗng lạnh lùng tiêu tán hết sáu bảy. Lại kinh ngạc hơn nữa, là nghe giữa hàng ngũ mình đồng thời có những tiếng “dạ” cực to, ứng theo tiếng hô của tướng giặc mà phát lên tứ phía. Rồi mấy chục người lố nhố, tay gươm, tay mộc, không day mặt trở ra giao chiến với giặc, lại hướng cả về phía có thuyền Lê Văn Bôn hăm hăm muốn nhảy sang...

Thôi chết rồi! binh triều bị ngoại công nội ứng, tức là bọn tự xưng “quân nhà” trốn thoát tay giặc, xin trở về bộ hạ Lê Văn Bôn lúc này: sự thật là người của Khôi.

Đồng thời, đội thuyền Mạch Tấn Giai cũng đánh vật lại.

- Bớ anh em! bắt lấy thằng râu quai nón!
- Ai đầu hàng thì khỏi chết!
- Thuyền Lê Văn Bôn có cờ hiệu kia kia!... Vây bắt lấy nó!

Quân giặc vừa hó hét rầm rĩ, vừa xấn xỏ chiến đấu hăng quá, binh Triều cự địch không lại. Hai bên đánh áp lá cà, không ai dùng đến súng đạn; nhưng giặc lại phóng tên lửa, làm cho binh triều cháy xém mình mẩy và thuyền bị đốt cháy mà chìm vô số. Tiếng van lơn kêu khóc vang cả trên sông. Nhiều người đánh quăng khí giới xuống nước, xin hàng bên giặc.

Lê Văn Bôn cũng bị tên lửa thiêu trụi cả tóc lẫn hàm râu quai nón. Quân giặc mất dấu tích riêng để nhận diện. Nhờ vậy, Lê Văn Bôn nhảy sang một chiếc thuyền nhỏ, rồi thừa lúc lộn xộn, lách mãi vào cạnh rừng lau bên bờ, rồi chạy tuột ra cửa bể.

Tảng sáng, thủy sư bên Triều chỉ còn lại là những binh lính tử trận hoặc bị trọng thương, nằm ngổn ngang rên rỉ trên những chiếc thuyền tàn khuyết, trông rất thảm đạm.

Khôi giao cho Mạch Tấn Giai ở lại thu nhặt những lính bị thương, cùng thuyền bè, khí giới, lương thực, bắt được của bên Triều rồi dẫn thủy quân thắng trận trở về. Còn mình khi đem sáu trăm kiện tốt để đồ lên bộ, cắm trại cho quân lính nấu cơm và nghỉ ngơi lấy sức.

Nhưng tự mình không biết nghỉ ngơi là gì, hoặc chỉ tạm nghỉ ngơi xác thịt, còn tinh thần thì luôn luôn vận dụng về chương trình hành binh sắp tới. Khôi sai một tên lính cưỡi ngựa lưu trình chạy tốc về thành Phiên An báo tin thắng trận cho các đồng chí biết, luôn dịp trao cho Lê Đắc Lực, Nguyễn Văn Trân một bức thư khẩn cấp, trong ấy có mạng lệnh và phương lược cho hai người tức khắc xuất binh.

Lúc ấy là buổi sáng ngày 20.

Chủ ý của Khôi là đánh cho mau, và đánh cho mạnh để cho binh Triều ở mấy thành trì đồn lũy chung quanh không kịp trở tay đối phó; nhân đây, củng cố địa vị Phiên An là nơi mình lấy làm căn bản.

Bởi vậy, sau khi quân sĩ ăn uống nghỉ ngơi lại sức rồi, mặc dầu giữa trưa, Khôi cũng hạ lệnh tiến đến đồn Long Thành. Chập tối, đồn này bị công kích có vài giờ đồng hồ thì thất thủ, tuy quân Triều cự lại dữ tợn, nhưng quân giặc đánh dữ tợn hơn nhiều.

Cũng trong khoảng ấy, một nghìn kỵ binh và bộ binh, phân làm hai đội, do Nguyễn Văn Trân và Lê Đắc Lực thống xuất, lạng như tờ, nhanh như gió, tiến lên Biên Hòa. Họ đánh tới sáng thì hãm được thành này, tướng trấn thủ bên Triều là Tôn Thất Gia bị bắt sống, nhưng không chịu đầu hàng, chửi rủa quân giặc đả đốn. Lê Đắc Lực nổi đóa, cho voi đạp chết.

Chiều hôm 21, cả hai cánh quân thắng trận cùng trở về thành Phiên An.

Chiếc thuyền chở Lê Văn Bồn trốn thoát hôm qua, giờ phút này đang chạy thẳng buồm ngoài bể, cổ lướt sóng gió thật mau, để ra kinh đô cáo cấp.

Địa vị thành Phiên An đã tạm thời yên ổn, cả mặt thủy lẫn mặt bộ, không lo quân Triều có thể tập công thành lĩnh; Khôi yên tâm nghĩ đến việc tổ chức chính phủ, cho được danh chánh ngôn thuận trước mặt dân chúng Lục châu, và chinh bị võ lực mở mang bờ cõi, đi tới chỗ mục đích đã sắp đặt trong trí.

Mục đích ấy là chiếm cả toàn hạt Nam Kỳ, lập thành một nước riêng, chứ không phải một tỉnh Gia Định mà lấy làm mãn túc.

Bởi vậy, Khôi cần thu phục nhân tâm, tăng thêm lực lượng.

Khôi treo bảng mộ binh, trong ba ngày đã có sáu bảy nghìn người ra đầu quân, mà quá nửa là dân có đạo ở quanh miền Gia Định.

Nhưng còn những quan lại, quân dân cũng cần phải chiêu phục.

Hôm trước, quan lại văn võ trong thành, thấy cuộc biến loạn phát ra thảng thốt, kéo nhau chạy trốn ra ngoài rất nhiều. Ai nấy chỉ lo tẩu thoát lấy thân, trong lòng tiếc rẻ của cải vật dụng chẳng kịp đem theo, cầm bằng mất sạch với quân giặc.

Sau họ nghe cửa nhà tài sản họ để lại trong thành, đều được quân giặc tôn trọng và niêm phong gìn giữ tử tế, tư hào không phạm đến; lại thấy Khôi rao truyền khuyên nhủ họ về, sẽ được trọng dụng. Những người tận trung với triều đình thì bỏ đi luôn, không kể gì vợ con an nguy, tài sản còn mất. Song còn nhiều người tùy thế lập danh, non sông thành quách về ai làm chủ cũng được, miễn họ có thể nương dựa để cầu lấy công danh phú quý thì thôi; những người ấy lục tục trở về hai ba hôm nay, không phải số ít.

Trong bọn trở về rất sớm, có Thái Công Triều là một.

Thái Công Triều, người Thừa Thiên, làm Chánh vệ đạo binh Tả bảo, tức là một trong hai đạo binh Thuận Quảng, do triều đình sai vào đồn trú ở thành Phiên An. Tính người tàn nhẫn, gian ác, trong quân nhiều kẻ không phục, trước nhất là đội trưởng Nguyễn Kiều. Đêm hôm 18, khi thấy bọn Khôi nổi loạn, Công Triều vùng dậy vào trại hô quân, nhưng chỉ có mấy chục người thân tín chịu nghe lệnh, còn thì không ai nhúc nhích, vì đã bị Nguyễn Kiều cảm dỗ, nhất định bất can thiệp, lại còn lập tâm theo giặc là khác. Biết sự thế nguy hiểm, Công Triều không kịp nghĩ đến vợ con và một cô ái thiếp ở nhà, vội vàng cỡi ngựa thoát ra cửa thành chạy lên Hóc Môn ẩn núp.

Khôi sai người, bảo vợ con Công Triều thông tin cho Công Triều về, sẽ để dành cho một chức quyền trọng yếu; bằng không tri cơ thì chẳng những gia quyến không còn mà chính bản thân cũng không khỏi truy nã làm tội. Vì chỗ Công Triều đang ẩn núp đã lọt vào trong phạm vi thể lực của nghĩa quân, trừ ra Công Triều mọc cánh mới bay đi được. “*Thuận ta thì sống, trái ta thì chết*”, Khôi bắn tin với Công Triều như thế.

Vì thương vợ con, vì tiếc cô ái thiếp trẻ tuổi và nhan sắc như hoa như mộng, vì ham cả mọi công danh phú quý, chức trọng quyền cao, còn hơn ở với triều đình chắc hẳn già đời ở ngôi chánh vệ, Công Triều vội vàng trở về. Trong thâm tâm của đứa tiểu nhân này, trở về lại còn một dụng ý bất cá hai tay: vừa theo giặc để hưởng phú quý, dò la hư thực của giặc để làm phản sau này, lấy chỗ gỡ mình chuộc tội đối với triều đình.

Nhưng trong nghĩa quân chẳng phải không có người hiểu rõ tâm thuật Công Triều.

Đặng Vĩnh Ứng đã nói riêng với Khôi:

- Thằng cha ấy trước mặt người ta thì làm bộ cung kính, rụt cổ co vai, nhưng sau lưng thì hay nói thảm liếc trộm, rõ ràng là đứa phản phúc tiểu nhân, việc gì mình phải ân cần với nó lắm thế?

- Một khi mình nắm chặt trong tay, còn sợ gì nó phản! Khôi trả lời vắn tắt.

Kỳ thật, nhân cách Thái Công Triều ra sao, Khôi đã thừa biết; nhưng tiếc là người có tài, và lại có ít nhiều thanh vọng đối với những đội quân triều đồn trú rải rác các tỉnh, Khôi muốn lợi dụng Công Triều cốt vì chỗ ấy.

Buổi chiều 22, Khôi mở cuộc đại hội quan dân tướng sĩ. Nghị sự đường treo đèn kết lá, bài biện long đình hương án, tàn lọng, cờ quạt, rất là nghi vệ; quân lính mặc toàn sắc phục mới, cầm binh khí sáng choang, đứng dàn hầu vòng trong vòng ngoài. Cả chức việc các làng tổng trong hạt đều được lệnh vờ đến dự hội; dân cũng được vào xem. Người ta nói từ lúc vua Gia Long dời triều đình ra Phú Xuân, thành Gia Định chưa thấy có lễ nghi nào tôn nghiêm như thế.

Trước hết, Khôi mũ áo chỉnh tề, bước vào chiếu giữa, làm lễ tế cáo trời đất, tự lĩnh chức *Bình Nam đại nguyên soái*, tổng lãnh nhất

thiết quân cơ, chính sự. Các quan viên văn võ cùng bài ban hành lễ, một quả ấn vàng có khắc tám chữ “*Bình Nam đại nguyên soái Lê chi ấn*” và một lá cờ “tướng lệnh”; tướng sĩ và các quan văn lấy cử chỉ ấy tỏ lòng mình tôn phù tòng phục.

Đoạn, bước lên thêm cao, đứng ngảnh mặt trở ra, Khôi nói rất hùng dũng:

- “Tam quân tướng sĩ cùng các quan viên chức dịch, hãy lắng lắng nghe ta phân trần...

Mấy nghìn người đang lao xao, bỗng dừng im bật, hầu như không có một tiếng động dậy, nín cả hơi thở. Giữa khoảng im lặng, tiếng Khôi vang như gõ chuông, quân dân chen chúc ở ngoài cổng lớn cũng nghe rõ:

- “Ta cùng tướng sĩ phải ra tay trừng trị lũ Bạch Xuân Nguyên, chiếm thành Phiên An, và nay mai tất cả Lục châu, không phải vì hiệu danh vụ lợi gì đâu, chỉ là vì dân vì nước.

Thật thế, vì nước vì dân trừ tàn khử bạo.

Vì nước vì dân mưu cầu một cuộc hạnh phúc yên vui mới.

Cũng không phải ta chống chọi với nhà Nguyễn.

Nhưng nói cho đúng, theo ý muốn âm thầm của nhân dân Lục châu, bất bình và chống chọi triều đình Minh Mạng.

Vì sao?

Lê Thuợng công là người có đại công sáng lập nhà Nguyễn, cho nên được tiên đế tin cậy yêu mến, phú thác cả nhân dân thổ địa miền Nam, mà Thuợng công sẵn sóc mở mang, trải mười mấy năm, nhân dân đều được yên vui nhờ cậy. Tóm lại, ngài dày công với nước, có ơn với dân, chứ có tội gì? Thế mà Minh Mạng nghe lời tiểu nhân, Thuợng công vừa mới nhắm mắt, liền vô ơn đặt chuyện, định bôi nhọ vong linh ngài và làm tội cho đến thân thuộc, bộ hạ, thật là tàn nhẫn vô đạo.

Ấy là chưa kể đến những mối tệ hại, nào là tham quan ô lại bóc lột lương dân, nào là thuế nặng sưu cao làm nghèo bá tánh, lại còn dân lương dân giáo sinh ra ngờ vực chém giết lẫn nhau, cũng tự Minh Mạng gây nên, khiến dân chẳng được an cư lạc nghiệp. Các người thử nhớ hồi tiên đế còn tại vị, tình cảnh nhân dân đâu có khổ thế.

Ta biết dân tâm bất bình lắm, khôn nhưng họ không biết bày tỏ bằng cách nào!

Ta đây là tiếng kêu của họ, là cánh tay của họ. Hỡi chư tướng sĩ quan dân! Các người nên hiểu rõ lòng ta như thế!...”

Khôi nói rần rỏi thống thiết quá, làm cho mấy nghìn người đứng nghe, dù phục hay không phục, cũng phải chạnh lòng và cảm động. Trong ấy không thiếu gì quan lại của triều đình, nhưng chẳng ai dám ho he một tiếng, cả Thái Công Triều vốn người thối mác cũng nín thin thít. Nói ra, nếu phản đối thì chết ngay với giặc, dù có mấy đầu cũng chẳng còn; mà tán thành thì e mai sau đắc tội với triều đình. Duy có bọn tướng sĩ và thứ dân, công nhiên hô lớn:

- Đại nguyên soái cứu thế an dân, chúng tôi thề tán thành tuân lệnh đến cùng, sống chết không quản!

Khôi hát hàm và nói:

- “Rõ ràng nhân tâm ở đâu tức là thiên mạng ở đó. Nhưng ta nói để các người biết rằng công việc sáng khởi nhất sơ, thì ta tạm cầm quyền bính thế thôi; nay mai sẽ có một người mà ta cùng các người đều phải tôn phù, tuân lệnh...”

- A? Người ấy là ai? Mấy trăm tiếng cùng hỏi một cách sùng sốt.

- “Ấy là đức hoàng tôn Thái Bình, con trưởng của tiên hoàng thái tử Cảnh, ngày trước Thượng công ta đã xin tiên đế cho đem về Gia Định nuôi và lĩnh trách nhiệm giáo dục. Sau Thượng Công ta phúc thác một người bạn Pháp đưa hoàng tôn sang du học bên tây. Hiện ngài đã trưởng thành và học thông thái lắm; chính ngài là linh hồn việc nghĩa cử này, chỉ trong nay mai ngài trở về làm vua ở Lục châu, chừng ấy địa vị và quyền hành ta tạm lĩnh đây sẽ dâng nộp về tay ngài, tất cả chúng ta phải hết lòng tôn phù... nghe!”

Cả mấy nghìn tiếng đồng thời tung hô:

- Hoàng tôn điện hạ vạn tuế!

Kỳ thật, Khôi phần chí mà khởi loạn, trong thâm tâm vốn mưu toan dựng lên đại nghiệp cho mình, một ngày kia thành sự thì đổi áo vải lấy long cổn, hoàng bào, cũng như chúa Trịnh, chúa Nguyễn, hay anh em Tây Sơn về trước, chứ không dành để cho hoàng tử hoàng tôn

nào. Và lại, chính bà nguyên phi của thái tử Cảnh và hai người con trai là Thái Bình, Ứng Hòa, cả ba mẹ con đều chết trong ngục tối, ngay khi vua Minh Mạng mới lên kế vị, mà người ngoài không biết. Nhưng Khôi hiểu rõ nhân tâm Lục châu vẫn thương yêu nhà Nguyễn, nhất là thương yêu hoàng tử Cảnh mất sớm không được hưởng cuộc vinh hoa có ông đóng góp rất nhiều trong khi xây dựng, nên Khôi mượn tiếng hoàng tôn để thu phục nhân tâm, thế thôi.

Thủ đoạn khôn khéo ấy đã có kết quả. Chứng cứ là bao nhiêu người tung hô mong mỗi hoàng tôn: nhân đây, tán thành việc Khôi đương đầu kháng cự triều đình.

Buổi chiều hôm ấy, mọi người ra về đầy lòng tin cậy ở Khôi và thâm nhận công việc bọn Khôi làm là quang minh chính đại.

Chính phủ cách mạng của Khôi thành lập từ hôm ấy:

Khôi chia bộ binh ra làm 5 quân: *trung, tiền, hậu, tả, hữu*; thêm *tượng quân* và *thủy quân*, tất cả 7 quân. Mỗi quân có một người làm chánh tướng, một người làm phó tướng.

Trung quân: Thái Công Triều và Lê Đắc Lực.

Tiền quân: Nguyễn Văn Đà và Nguyễn Văn Tông.

Tả quân: Dương Văn Nhã và Hoàng Nghĩa Thư.

Hậu quân: Lưu Tín và Nguyễn Văn Bột.

Thủy quân: Mạnh Tấn Giai và Trần Văn Tha.

Tượng quân: Nguyễn Văn Tâm và Nguyễn Văn Trân.

Không kể thủy quân và tượng quân, nói riêng 5 quân bộ chiến gồm hai vạn người; binh lực ấy ở đương thời đã xem là lớn.

Còn việc nội trị. Khôi cũng đặt ra sáu bộ như của triều đình; duy người làm đầu mỗi bộ, không dùng danh hiệu thượng thư mà gọi là *Thái khanh*.

Như Đặng Vĩnh Ứng làm *Lại bộ Thái khanh* tức là Lại bộ thượng thư, trông coi hết thủy quan lại bên văn.

Ông cử võ Tăng Vô Ngại được phong *Quân sư*.

Thầy đội Nguyễn Kiều làm *Gia Định* thành *Hộ thành đề đốc*, kiêm *Binh lương sứ*.

Các quân, các bộ đều ở dưới quyền đại nguyên soái Lê Văn Khôi điều khiển.

VII. MỘT CÂU HÁT ĐƯỢC VUA KHEN THƯỞNG

Đêm mừng một tháng sáu, phiên ông Phan Bá Đạt túc trực trong Nội.

Lệ triều đình, các vị đường quan từ tham tri, thị lang trở xuống, phải luân phiên mỗi đêm một ông đi “trực”, nghĩa là vào chầu chực ở tòa Nội các từ tối đến sáng, để phòng có tin quân quốc trọng sự thì tâu báo, hoặc bất thời Ngài ngự có việc đòi hỏi.

Lúc bình thường vô sự, một ông quan đi “trực” chỉ có nghĩa là tạm biệt bà lớn ở nhà, đi ngủ lang một đêm, mà là ngủ lang trong đền nhà vua, đánh khi một giấc đến sáng thì về.

Nhưng gặp những lúc quốc gia đa sự, và một ông vua chăm chỉ hiếu học như vua Minh Mạng, thì đi “trực” lại là một phận sự gian truân, nguy hiểm, nhiều quan lớn xem như một cơ hội thuận tiện để bộc bạch tài năng, cũng có nhiều ông khác coi như một việc khổ sai, đêm nay vô “trực” sáng mai phải truất lương giáng chức cũng nên. Vì lắm lúc nửa đêm gà gáy, thỉnh linh tiếp được thành chỉ vờ đến ngự tọa, han hỏi về chính sự, dân tình; nguy nhất là khi ngài hiếu kỳ hiếu học, vặn hỏi những xuất xứ một câu văn, điển cố một chữ sách, nếu tấu đối không xuôi thì khổ.

Vậy, đêm mừng một tháng sáu, phiên “trực” của ông Phan Bá Đạt, thị lang bộ Hình, một tay đại khoa tài học có tiếng.

Quá nửa đêm, vua Minh Mạng suy nghĩ chuyện gì không biết, nằm trần trọc mãi chẳng ngủ, mặc dầu hai ba nàng cung nữ quạt hầu và đấm bóp. Sự mất ngủ có lẽ tại mùa hè nóng bức, nhưng có lẽ tại nhà vua để trí vào một nghĩa lý sách vở nào đó, vì ngài vốn hiếu học, có thời giờ rảnh việc, thường thích xem sách; có khi gửi mua những bộ sách quý bên Tàu, tốn mấy trăm lạng không tiếc.

Đêm ấy, quả thật nhà vua nằm nghĩ tẩn mẩn về học vấn, trong trí quay cuồng không sao ngủ được. Một chập sau, ngài vùng ngồi dậy,

sai cung nữ cầm đèn lồng soi đường, ngự đến tòa Kinh diên, lục hết sách này đến sách kia, có ý tìm tòi nghĩa lý hay điển tích để cỗi một điều ngờ vực đang vướng ở trong tâm não.

Nhưng, dễ thường tìm kiếm không ra, hoặc không tự lấy làm mãn ý, cho nên thấy ngài dán con mắt trên quyển sách, miệng thì hỏi tên thái giám khoanh tay đứng hầu sau lưng:

- Trục thần đêm nay là ai?

- Muôn tâu hoàng thượng: trục thần là Hình bộ thị lang Phan Bá Đạt! tên thái giám nhanh nhẹn tấu đối, vì đã để ý thuộc lòng.

- À... Phan Bá Đạt?... Nếu thế thì hay lắm, mi ra truyền chỉ với trục thần vô châu,ta hỏi.

Tên thái giám vội vàng treo giò lên cổ, chạy ra trục phòng, lay thức ông Phan Bá Đạt đang giữa giấc ngủ ngon lành:

- Có thánh chỉ đòi vô châu lập tức. Ngài đang ngự ở tòa Kinh Diên!

Giá có sét đánh bên tai, ông cũng không kinh khủng cho bằng tiếp được thánh chỉ tuyên triệu giờ này, vì ông mới đổi về bộ ít lâu, tuy có di “trục” năm bảy phiên nhưng năm bảy phiên ấy ông đều được ngủ ngon một giấc đến sáng, đêm nay mới có cái vinh hạnh thánh thượng đòi hỏi, gang tấc thiên nhan là lần thứ nhất. Hơn nữa, sự vinh hạnh ấy khiến ông mừng thật có mừng mà sợ cũng có sợ, vì nhà vua nghiêm khắc, ông đã nghe tiếng.

Ông tỉnh táo ngay, vội lấy chậu thau khăn mặt, gọi là bôi bác, để xóa những dấu vết ngái ngủ biết đâu không còn dính lại ở hai khóe mắt, rồi lật đặt chít khăn, lật đặt khoác áo tấc xanh vào mình, lật đặt theo tên thái giám đến tòa Kinh Diên bệ kiến.

Lúc ông khúm núm bước vào làm lễ khẩn đầu, vua Minh Mạng ngược mắt lên nhìn ông và nói:

- Cho khanh ngồi kia, trẫm muốn hỏi chuyện.

Tội nghiệp ông nghĩ nhà vua ban cho ngồi hầu như thế, là một ân huệ đối với ông có bề quá phận, ông không dám đương, cho nên vừa tâu vừa run:

- Muôn tạ thánh ân, nhưng hạ thần đâu dám khiếm lễ...

Với nét mặt hòa nhã và giọng nói bình dị, nhà vua trở một chiếc ghế đầu trước sập ngự:

- Không! Ta cho phép khanh cứ ngồi thư thái, có chuyện văn nghĩa cần phải bàn lâu.

Nhưng ông khéo nép lại đặt mình trên một chiếc ghế để dựa bên cột đằng xa, ngồi cúi mặt vòng tay, thu hình lại rất nhỏ.

- Khanh có thường đọc kinh sách nhà Phật không? Vua Minh Mạng phán hỏi.

- Tâu bệ hạ, ngu thần vốn con nhà học trò, đời đời chỉ lo học đạo trung hiếu của Khổng Mạnh, không dám để tâm đến đạo lý thanh tịnh yếm thế của nhà Phật. Về sau, đôi khi việc vua việc quan có chút giờ rảnh, tuy cũng có đem sách Phật ra lạo thảo nghiên cứu, chẳng qua chỉ gọi là lĩnh hội qua loa, không dám nói được rằng biết.

Vua gật đầu cười nụ, chắc ngài cũng khen thầm ông Đạt tâu đối một cách khôn khéo, kín đáo.

- Theo như ý khanh, nhà Phật hay nói quả báo là nghĩa thế nào? Và suy ra việc đời có đúng cả không? Nhà vua lại hỏi.

- Muôn tâu bệ hạ, nếu ngu thần không hiểu lắm, thì con người ta ở đời, làm điều thiện thì được thiện báo, làm điều ác tất gặp ác báo. Đạo trời trả vay thưởng phạt, thế mới công bằng.

Ông Đạt tâu chưa hết lời, nhà vua đã hỏi dồn câu khác.

- Khanh nhớ trong kinh truyện đạo Nho ta có câu nào tương đương với ý nghĩa quả báo của nhà Phật chẳng? Từ tối đến giờ trầm tư suy nghĩ mãi không được; khanh học rộng nhớ nhiều, thử nghĩ ra xem.

Không ngần ngại gì cả, ông Đạt tâu ngay:

- Bẩm có! Thánh hiền dạy rằng: “Đắc đạo giả đa trợ, thất đạo giả quả trợ” (*Kẻ nào ở phải đạo thì có nhiều người vừa giúp, trái đạo thì ít người vừa giúp*), ngu thần tưởng cũng là một nghĩa quả báo.

Vua gật gù, tỏ ý khen ông Đạt nói phải.

Câu chuyện giữa vua tôi lúc ấy, càng mở ra càng rộng về mặt nghĩa lý, càng thất lại càng chặt về việc đương thời. Nhưng chính nhà vua mở ra rồi thất lại trước:

- Có điều ác báo chưa chắc lúc nào cũng đúng, Xem ngay như hai ông vua sáng nghiệp nhà Hán, nhà Đường, thật là đa sát và làm chuyện thất đạo không phải là ít.

- Dạ!

- ... mà nhất sinh hai ông vua ấy vẫn hưởng vinh hoa phú quý được trọn vẹn, cùng cực, và lại hai đời Hán, Đường chẳng lâu dài đầy ư? Nếu có ác báo sao lại được thế?

- Muôn tâu bệ hạ, cái luật quả báo đúng lắm. Phàm một việc ác người ta đã làm, thế nào cũng có tai họa báo lại; có khi báo ngay ở đời mình, có khi báo đến con cháu đời sau không tránh đâu khỏi. Việc thiện cũng vậy. Bởi thế, các bậc hiền nhân quân tử, thánh chúa minh vương, trọn đời chỉ chăm chăm ở lòng nhân, làm điều thiện.

Vua trừng mắt nhìn và hỏi:

- Khanh thử viện dẫn một vài việc trong sử sách để chứng cái thuyết ấy xem nào?

Giờ ông Đạt thần nhiên tấn đối, không run sợ quá như trước:

- Thánh thượng đã dạy, ngu thần không dám không cặn tỏ tác thành. Vừa rồi, bệ hạ nhắc đến Hán Đường, thần xin nói theo thánh ý. Sự thật rõ ràng biên chép trong lịch sử, hai vị vua sáng nghiệp ấy đa sát và có chỗ thất đạo – theo như bệ hạ đã cao minh phán đoán - đều để lại ác báo cho đời con cháu rất gần. Hán Cao Tổ vội phụ công thần, tìm cách giết hại, qua đời Văn đế phải chịu tai họa của cánh họ Lữ; cũng như Đường Thái Tôn quên tình cốt nhục, đang lòng hạ sát hai anh là Kiến Thành, Nguyên Cát, lại lấy chị dâu, trong khi ấy đã nuôi Võ thị tài nhân trong cung, tức là tự ương lấy mầm ác báo, về sau người đàn bà ấy trở nên Võ hậu, tàn hại con cháu Thái tôn cơ hồ không còn một mống và chiếm đoạt cơ nghiệp nhà Đường hết mấy chục năm. Tâu bệ hạ, đó là đòn cân thiên đạo chí công, chẳng có việc ác nào mà quên được báo đền cân nhắc...

Vua Minh Mạng sầm mặt lại, khoát tay và nói:

- Thôi cho lui!

Ông Đạt khấu đầu ba lần, lom khom giật lùi bước ra, không dám ngược mặt lên, cho nên không nhận thấy nét mặt nhà vua biến sắc,

buồn thiu. Ông thực tình dẫn lại điển cố, để chứng thuyết của mình, không ngờ phạm đến thời sự cấm kỵ, châm trúng vào tâm sự áy náy của nhà vua mà ông không tự biết.

Nhưng độ mười lăm phút sau, ông lại trở vào tòa Kinh Diên với bước chân hấp tấp, hai tay bung một cái hộp sơn đỏ vẽ rồng; lần này cả ông cũng biến sắc. Nhà vua đang thần thơ nghĩ ngợi, mắt tuy để vào sách nhưng dễ thường chẳng trông thấy chữ nào; bỗng nghe tiếng động, ngai ngẩng mặt lên, lại thấy viên trực thân vừa mới cho lui:

- Ô! Không có chỉ đòi, nhà người trở vô làm gì đó?...

Nhà vua nói có vẻ nặng nề lãnh đạm, vừa toan đuổi ra nữa, nhưng nhác thấy cái hộp sơn trên tay ông Đạt, ngai phải giật mình, vì giờ này hộp ấy xuất hiện không phải là sự tầm thường.

Ngài hỏi dồn hai ba lượt:

- Việc chi rứa?... Việc chi rứa?...

- Tâu hoàng thượng, có văn thư cáo cấp của biên hầu vừa mới đệ tới nơi!... ông Đạt nói giọng kinh hoàng run rẩy, trong khi tên thái giám tiếp lấy hộp sơn đệ lên ngự án.

- Biên thần ở mô?

- Bẩm, ở Nam Kỳ.

- Chuyện chi?

- Bẩm, thành Phiên An đã thất thủ về tay quân giặc...

- Giặc mô? Xiêm la hay Chân Lạp?

- Dạ không. Giặc là bọn Lê Văn Khôi.

- Lê Văn Khôi?...

- Dạ, Lê Văn Khôi, phó vệ úy ở dinh Tổng trấn Gia Định lúc nọ, tức là bộ hạ Lê Văn Duyệt; nó vì Duyệt báo thù, nổi lên chiếm thành và giết cả tổng đốc Nguyễn Văn Quế, bố chánh Bạch Xuân Nguyên. Giờ khắc này có lẽ Nam Kỳ lục tỉnh đã luân hãm tất cả...

- Trời ơi!... Thế giặc hung dữ hoành hành đến vậy kia à?...

Vua Minh Mạng lại tái mặt, vừa thở dài vừa mở văn thư cáo cấp ra xem. Xem rồi nổi giận lôi đình, mắng nhiếc tất cả văn quan võ

tướng lục châu là phường túi cơm giá áo, vô tài vô dụng, phụ lòng tin cậy ủy thác của triều đình; chỉ có một việc mâm cao cỗ đầy, vinh thân phì gia là giỏi, chứ lúc có giặc giã thì bó gối khoanh tay, chẳng dám hi sinh đối phó... Để cho toàn hạt Nam Kỳ luân hãm về bọn giặc Khôi... Nam Kỳ là đất khai cơ lập nghiệp của Liệt thánh?!...

Giận cá chém thớt, nhà vua rức lác tứ tung, quăng cả sách vở, nghiên mực làm cho ông Đạt với tên thái giám và ba nàng cung nữ, đều sợ tái mét; mỗi người đứng nép một chỗ. Lúc ấy giá có thanh gươm trong tay, đồ khỏi có người chẳng biết cũng mang thương tích suốt đời. Nhà vua có tính lúc hiền cực hiền, nhưng nóng cực nóng, trong cung ngoài triều, ai cũng kinh khủng, cố tránh.

Qua cơn giông bão chốc lát, trời lại quang đăng êm ái ngay. Nhà vua gọi ông Đạt và hỏi:

- Việc loạn này, ý khanh nghĩ thế nào?
- Hạ thần thiết tưởng bọn tên Khôi chỉ là quân ô hợp, làm sao đứng được lâu; triều đình chỉ phát binh đánh dẹp ít ngày là xong.
- Ta cũng nghĩ thế, nhưng bề nào cũng tổn dân tài, hại dân sinh, lòng ta lấy làm ái ngại.

Nhà vua cho ông Đạt lui châu, rồi cứ ngồi ở tòa Kinh Diên, trầm ngâm tư lự đến sáng.

*

Thì ra, trước vì học vấn, sau vì quốc sự, làm bận trí nhà vua thức trắng đêm ấy.

Trời mờ mờ sáng, tại điện Cần Chánh đã thiết đại triều bất thường để bàn tính phương lược khẩn cấp, đối phó với thời cuộc miền Nam.

Cả triều đình cùng có vẻ lo lắng hiện trên gương mặt. Việc Lê Văn Khôi làm loạn, thật là bất ngờ; nhất là bất ngờ Gia Định lục tỉnh thất thủ quá mau và lực lượng quân giặc to lớn đến thế?

Tiếng gọi là đình nghị, nhưng thật vua Minh Mạng quyết định một mình, sau khi hỏi ý triều thần lấy lệ.

Một mặt, phong Bình Định tổng đốc Lê Phước Bảo làm Tổng thống Quân vụ, cho phép tiện nghi hành sự, đem quân bốn tỉnh Bình

Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, tức tốc khởi binh, kỳ cho thu phục được thành Phiên An, dù phải đánh đổi với giá nào cũng được.

Nhân dịp, chánh vệ thủy sư Lê Văn Bồn ra tới kinh đô, tâu rõ tình hình quân giặc và kết quả hai trận thủy chiến bất lợi, nhà vua liền sai đới tội lập công, dẫn ba đội chiến thuyền ở Đà Nẵng tiến vào cửa Cần Giờ, để làm thanh viện cho các đạo binh Lê Phước Bảo.

Một mặt truyền chỉ ra Bắc Hà, dạy các tỉnh thần Cao Bằng, lập tức bắt giam thân thuộc nội ngoại của Lê Văn Khôi để trị tội. Nhà vua quyết đánh kẻ cừu địch cả về tinh thần lẫn võ lực.

Sau phiên triều ra, nhiều bạn đồng liêu đi theo ông Phan Bá Đạt, dò hỏi tin tức Gia Định, bởi văn thư cáo cấp đến nơi giữa đêm, nhằm phiên ông túc trực, tất được xem rõ đầu đuôi.

Vui chuyện, ông kể luôn cả việc tấu đối lúc đêm, tự hào rằng mình đã gặp dịp may hiếm có.

Mấy ông bạn đồng liêu cùng trợn mắt le lưỡi:

- Chuyện bác nói đó thật hay bõn?

- Thật chứ! Ông Đạt trả lời, nhưng không hiểu tại sao mấy ông bạn lại le lưỡi thật dài, như muốn làm con ma để nhát mình.

- Thật bác đã đem chuyện Hán Cao tổ bách đãi công thần và Đường Thái tôn xử với Kiến Thành Nguyên Cát, tâu với Ngai ngự?

- Phải, tôi dẫn chứng sử sách chứ có bịa đặt ra đâu!

Một ông thở dài:

- Chết nổi! Có khi đến chuyện sử sách cũng không nên nhắc lại.

Ông khác đưa tay lên sờ cổ ông Đạt và nói:

- Quả thế thì chúng tôi khuyên bác nên liệu thu xếp cho vợ con về Hà Tĩnh đi thôi, còn bác thì chúng tôi xin nghĩ một câu đối phúng bác trước.

- Có nợ mụ Trê tiền đồ tiền ca đêm nào không, phải lo trang trải đi, chớ để nợ lại kiếp sau nhé! Một ông nữa nói mà không cười.

Mỗi người nói một câu, nửa bõn nửa thật, khiến ông Đạt sững sốt, ngẩn ngơ, gần muốn phát cáu:

- Quân tử lấy điều trực mà quy gián nhau; tôi có thất thổ sự gì, các bác nói ngay vào mặt, chứ làm cái lối bốn cột bóng bảy, khó chịu quá!

Mấy ông bạn nhìn sau ngó trước, rồi ghé tận bên tai ông Đạt, tiều chú ít câu, ban đầu còn thì thầm, chót hết nói lớn:

- Vì thế mà đem việc Hán Cao tổ, Đường Thái tôn ra nói, hình như mình cố ý xâm xoi thời sự, có ai tin mình là vô tình, trực ngôn? Chúng tôi lo sợ cho thân danh báo thật đấy.

Ông Đạt thấy lạnh cả xương sống, bây giờ mới hiểu mình đã thất ngôn, chỉ vì không biết đâu việc kín ở đời mà kiêng tránh.

Quả nhiên hôm sau ông lẳng lặng thu xếp cho gia quyến lên đường ra Bắc, một mình ở lại trong bộ, sớm tối đợi chỉ: không lẳng trì, trăm quyết, thì cũng cách tuột khoa danh, đầy đi ba nghìn dặm là ít.

Cách sau hai hôm có thánh chỉ thật; nhưng trái hẳn với điều ông lo sợ, tưởng tượng, nhà vua phong ông làm chức tham quân, đi theo đạo binh Lê Phước Bảo, lại phú thác điều tra nguyên do việc loạn ở Gia Định. Nghĩa là ông không bị truất tí nào; hơn nữa, thăng quan tiến chức và được nhà vua tin dùng, giao cho một trọng nhiệm.

Mấy bạn đồng liêu hôm nọ lo ngại giùm, ông giờ phải lấy làm lạ.

Họ không hiểu rằng thời cuộc Gia Định chiếm hết tâm trí nhà vua, không còn nghĩ đến cái hiềm ông Đạt, vô tình hay hữu ý, đã lỡ lời xoi mói việc riêng đem nọ; chỉ biết việc nước cần dùng hiền tài, mà ông là người thanh liêm trung trực có tiếng, thì ngài cất nhắc tin dùng.

Tuy loạn ở cách xa nghìn dặm, nhưng cả kinh thành Huế và các tỉnh ngoài cũng phải chấn động.

*

Quân lính trong nước đã được thái bình an lạc ba mươi năm nay, giờ lại có giặc giã khiến họ sắp phải bạt thiệp nghìn trùng sông núi, vào mãi Đồng Nai đánh dẹp thì lấy làm ngại. Mà giặc giã này lại là quân kinh địch lợi hại, nào phải tầm thường. Bình nhật đã nghe tiếng Khôi võ nghệ cao cường, ra trận hung dữ như cọp, nay thấy quân giặc có thanh thế lớn, trong mười mấy ngày chiếm cứ gần hết Gia Định lục tỉnh; thứ giặc không vừa ấy mà người ta sắp đưa họ vào đánh, thật không ai thấy hăng hái vui vẻ tí nào.

Còn nhân dân cũng bàn tán, lo ngại. Nhất là những nhà có con em, cha chú, vào làm việc hay đi lính ở Đồng Nai bấy lâu, chẳng biết mất còn sống chết. Họ thăm oán triều đình khắc bạc đa đoan, gây ra loạn lạc. Thân thuộc họ lại sắp phải chia lìa để dẫn mình vào vòng binh lửa thập tử nhất sinh một cấp nữa.

Thời cuộc và nhân tâm như thế, không trách vua Minh Mạng phải lo ngay ngáy.

Đối với Triều đình, Gia Định lục tỉnh là vựa lúa, là đất khai cơ, sự còn mất có ý nghĩa cực kỳ quan hệ. Khôi lại khéo lợi dụng danh nghĩa hoàng tử Cảnh là người rất được cảm tình dân chúng Nam Kỳ, đây là chỗ nhà vua không yên tâm hơn cả.

Bởi vậy, luôn mấy hôm sau, nhà vua mất ăn mất ngủ.

Nhưng ngài không chịu để trôi chảy những ngày giờ ấy mà không làm việc. Vì bản tính ngài rất cần mẫn, chúng ta đã biết. Có lẽ chính những đêm mất ngủ, ngài làm việc nhiều nhất; làm việc một cách chịu khó và mới lạ, chưa từng thấy có ở trong lịch sử quân chủ nước ta.

Đêm lại, nhà vua cải trang một người thường dân lam lũ, đánh bộ quần áo cộc rách, đội chiếc nón lá đã toi bươm bươm, lén ra ngoài thành nội, một mình đi thơ thẩn hết phường này đến xóm kia; có khi nửa đêm hay gà gáy mới về.

Nhưng mà nơi nhà vua để ý hơn hết, là nha môn, bộ viện, cùng biệt thự của các quan triều thần. Ngài lóng tai ghé mắt, xem có dính nào đêm khuya tụ họp cờ bạc hay bàn soạn gì chẳng? Có ông quan nào lén lút cho dân sự đêm hôm ra vào hỏi lộ chẳng? Bình nhật ngài năng khuyên nhủ quan lại lấy đức thanh liêm, và thường sai quan khâm mạng đi bí mật thanh tra khắp các tỉnh trấn phủ huyện; một vị “dân chi phụ mẫu” tham tàn hỏi lộ, tất bị trừng trị nặng nề. Ngài lấy làm ân hận, nếu như biết sớm mà triệt bọn tổng đốc Nguyễn Văn Quế, bố chánh Bạch Xuân Nguyên, dễ thường tất được ngồi loạn ở Gia Định không phát.

Một đêm, vua cũng nón mê áo rách, từ trong cấm thành ra cửa Hậu bổ, vòng lên đến sau dinh Lại bộ, thì gặp trời mưa to, phải đứng ẩn núp dưới một cây cổ thụ. Lúc ấy đường sá vắng tanh, không có bóng người nào qua lại.

Ngài nản chí, tính đợi ngót mưa thì trở về cung. Nhưng ngót giờ đồng hồ, trời vẫn chưa gió sấm chớp tung bùng. Đứng lâu mỏi cẳng ngài đánh ngòi bật xuống gốc cây, áo quần lấm ướt thấm hại.

Sau một chập, một bóng người lù lù, từ phía sau vườn Hậu bỏ đi lại, đến cổ thụ cũng ghé vào ẩn mưa, cách chỗ vua ngồi vài bước. Dưới làn chớp nhoáng, ngài nhận thấy người ngồi gần mình, hình như đã có tuổi, đầu cạo trọc lóc, mặc áo đen rách tã, dưới đóng khố, tay cầm một đoạn dây thừng và một vật gì dài và sáng, trông như thanh sắt. Cùng trong giây phút nhờ có ánh sáng nhấp nháy ấy, hắn ta đưa mắt nhìn ngài rồi thở dài; ý chừng thương hại cùng phường rách rưới nghèo khổ gặp nhau.

Hắn gợi chuyện trước:

- Khổ quá! Từ tối đến giờ, chưa làm ăn gì được lại gặp mưa tầm tã!... Còn... đằng ấy cũng chưa vớ được món nào hay sao mà ngồi chết rằm ở đây thế hử?

Hắn nói khe khẽ, làm như sợ có người thứ ba nào nghe, mặc dầu trời tối đêm khuya, tứ phía vắng ngắt.

Vua nghe hỏi, sùng sốt:

- Anh này nói chuyện bá láp gì, tôi nghe không hiểu...

- Hừ! rõ khéo vờ vịt... Cùng làm cái nghề “lương thượng quân tử” với nhau, đêm hôm gặp gỡ thì ta nói chuyện làm ăn may rủi mà nghe, việc cóc gì phải giấu giếm chứ... Đằng ấy trông bộ dạng tở có phải là bộ hạ của quan đề đốc Hộ thành đâu mà còn giả vờ giữ kẽ cho mất công.

- Ô, thế ra anh làm nghề ăn trộm à?

- Tở thì tở can đảm trả lời đằng ấy rằng: chính thế! Thừng đây!... Thuổng đây!... Thừng để làm thang mà leo. Thuổng để đào tường khoét vách. Những đồ nghề này, đằng ấy còn lạ quái gì!... À, nhưng đằng ấy đi làm ăn với hai tay không, thế thì vào bọc đại bọm đây.

Vua nín lặng không nói gì. Chớp nhoáng, ngài thấy hắn ta nhe hàm răng vỡ, vười và hỏi lại:

- Còn anh?... Thật anh không phải là Đạo chích?

- Không! Không! Nhà vua đáp. Tôi cũng là con nhà nghèo thì có, nhưng không phải là ăn trộm.

- Thế anh làm nghề nghiệp gì? Đi đâu đêm hôm mưa gió mà ngồi vò võ thế này?

- Tôi ở thôn quê ngoài Quảng Trị kia, cày thuê cuốc mướn, làm ăn lương thiện, chứ trộm đạo mà sống, không khi nào tôi chịu làm, anh ạ! Thà cam chết đói.

- Giỏi! Ban nãy tôi trông mặt bắt hình dung, cũng tưởng anh là “lương thượng quân tử”; giờ xin cắt bỏ hai chữ trên, để lại hai chữ quân tử cho anh. Nhưng tôi xin hỏi ông quân tử lần mò đến kinh thành làm chi, mà trông bộ tịch bơ vơ khổ nạn như thế?... À, tôi ngu thật, nghe tiếng anh nói vang động như chuông, không luân lạc đến nghề trộm đạo cũng phải.

- Tôi cốt vô kinh tìm người thân thuộc làm việc trong bộ, không ngờ họ đổi đi xa mất rồi. Tôi lang thang mãi trong thành, một đồng một trụ chẳng có, mà cửa thành đóng cả, đành ngồi đấy chờ sáng ra về... Té ra anh lại biết xem tướng nữa sao?

- Không, tôi có xem tướng xem số gì được đâu. Có điều trời phú cho cái khiếu riêng là nghe tiếng nói có thể nhớ người; một khi nghe tiếng ai nói, chẳng bao giờ tôi quên.

- Anh ạ! Tôi cũng thế, chẳng biết tướng số gì, nhưng tôi xem anh vạm vỡ, khỏe mạnh, lại như có đôi chút chữ nghĩa, sao không tìm nghề lương thiện mà sinh nhai? Làm chi cái nghề Đạo chích, đêm hôm lặn lội nguy hiểm; còn lo bị bắt thì tù tội khổ thân.

Tên trộm có ý cảm động, chắt lưỡi và nói:

- Thú thật với anh, tôi nguyên là chân học trò nông cuồng tự phụ; hồi đời tiên đế tại vị, cha con ông tiền quân Thành bị tội chết oan, tôi có làm mấy bài thơ cảm khái thời thế. Người chung quanh đua nhau truyền tụng. Bọn quan lại tham nhũng ở tỉnh tôi, đòi tôi phải lễ một trăm nén bạc, không thì họ buộc vào khoản “yêu thư, yêu ngôn”, tôi bay lên trời cũng chẳng khỏi lẳng trì trăm quyết. Cơ khổ, bán cả gia viên, điền sản nhà tôi lấy mười nén cũng không đắt. Tôi phải lén bỏ quê hương, hiến danh ấn tính đem mẹ già cùng vợ con thơ đại vào nương nấu ở đây... Anh nghĩ xem một thằng sọ tội, có bao giờ dám chường mặt tìm công việc tử tế làm ăn?... Vì phải nuôi lão mẫu thân, lâu dần côi trọi lạc đến nghề ăn trộm... Nhưng ăn trộm mặc lòng, tôi cũng làm một cách lương thiện đáo để anh ạ!

Nhà vua hắt hàm về phía tên trộm, và trợn trừng hai mắt, như người được thấy xuất hiện trước mắt mình một bức dị nhân hay một con quái vật:

- Anh nói churóng quá!... Ăn trộm mà còn có thứ ăn trộm lương thiện?

- Tôi đoán ngay anh không tin!... tên trộm thản nhiên đối đáp. Nhưng thật quả trộm đạo cũng có cách làm được lương thiện, hữu ích... Là vì...

- Là vì...? Vua hỏi sẵn đón nóng biết.

- Là vì tôi chỉ lấy của bọn làm quan...

- Bọn ấy mất của cái, vật dụng về tay anh, dễ thường như thế không phải thiệt thòi đau đớn cho họ, cũng như kẻ khác à?

- Khoan, tôi chưa biết, thì anh đã vội ngắt lời bịt họng tôi lại... Chả trách thân ở nhà quê mới đến bờ ngõ, chưa nghe khét tiếng kinh thành lão Vích, một tên đục khoét hơn mười năm nay chuyên tay ăn trộm của tụi làm quan hồi lộ tham tàn và tụi nhà gian cho vay cắt cổ. Ngoài ra hai hạng khả ố đó, người khác dù để vàng bạc ngoài ngõ, hay đặt tận tay nó, nó cũng bắt phạm tơ hào.

- Thế anh tức là lão Vích ấy?

- Chính là tôi.

- Nhưng anh làm sao phân biệt ông quan nào thanh liêm hay tham nhũng?

- Khó gì? Con mắt chúng tôi. Trời sinh ra để mà dòm thấy trong đêm tối, anh ạ... Nghề mình làm ăn, bắt buộc phải dò la những cử động ám muội của họ, không thể nào sai... Quyền sở quan lại ở nội kinh thành, cho tới đường lối, tôi tớ, tục quen mỗi nhà, đều ghi chép rành mạch ở trong đầu óc tôi đây này... Hễ tôi chòm món nào là đúng món ấy. Ban ngày họ bóc lột dân, đêm tối mình bóc lột họ, thiên đạo tuần hoàn là nghĩa như thế...

Nhà vua lẳng lẳng, nghĩ thầm trong trí: mình đây thống ngự bách quan, mà kẻ nào thanh liêm, kẻ nào tham nhũng, dễ thường không biết rõ bằng lão Vích. Nhưng muốn thử tới cùng cho biết, ngài nói khích:

- Anh khéo nói bẻm, bộ anh mà biết hết được nhà các quan, và lại...

Không đợi ngài nó dứt câu, lão Vích chặn ngang, có ý hờn mát:

- Hừ! Có khó khiến gì? Muốn rõ hư thực, lát nữa ngót mưa anh đi theo tôi.

- Theo anh đi ăn trộm?

- Ủ! Theo tôi mà xem... Cho anh đứng ngoài coi chừng, tôi vào trong làm gì mặc tôi, khi tôi chuyễn đồ qua tường, thì anh đỡ lấy, rồi chúng ta chia đôi với nhau... Tài thượng phân minh thị trượng phu, biết chưa?... Thôi, trời đã ngót mưa, chúng ta nhổ rể lên được rồi, chứ ngồi mãi thì sáng mất.

- Ủ, đi thì đi...

Nhà vua nói và đứng phắt dậy.

Hai người men theo chân tường bóng cây, định qua trước Lục bộ, vào xem Giác hoàng rồi xuống Đông Ba, nơi có nhà binh các quan ở nhiều.

Lúc đi ngang qua mấy khóm nhà lá ở trước cửa Hộ bộ, nhà vua nghe trong một nhà có tiếng đưa võng kéo kẹt, hòa với giọng người thiếu phụ hát ru con:

*Bao giờ đánh được thằng Khôi,
Lấy thành Gia Định chồng tôi mới về.*

Ngài đứng sững lại nghe lấy làm thích, có lẽ cảm về câu hát tình tứ trung hậu hơn là cái giọng trong trẻo du dương của người hát, Nhất là câu hát chỉ tỏ ra dân tâm rất trung thành với hoàng triều, sốt sắng với vương sự. Thành ra ngài muốn đứng nghe mãi, không chán. Lão Vích sẽ thích cánh và cầu nhàu nói khẽ bên tai:

- Đi chứ! Bỏ mê ca mất hết ngày giờ. Cố làm một mẻ đêm nay cho khá, ngày mai thuê hẳn một chiếc đò trên sông Hương, gọi mấy con thanh sắc nó ca *nam bằng nam ai* cho mà nghe, tha hồ.

Bấy giờ nhà vua mới chịu đi.

Từ đây qua Giác Hoàng, Đông Ba, lão Vích trở mỗi nhà quan, nói chủ nhân đỗ khoa nào, làm chức gì, trong nhà có mấy người, nhân phẩm tính hạnh hình thể náo, nhất nhất kê khai lý lịch rõ ràng, dường như lão là con ma xó vậy.

Ngài chỉ một nhà cạnh đấy:

- Ta vào quách nhà này, trông đáng chứng chắc, hẳn có tích súc.

- Ấy chết, không nên! Lão Vích nói. Đây là nhà con quan tham tri bộ Binh, trông thế nhưng mà thanh bạch, chả có gì đâu. Vì ông ta thanh liêm có tiếng, chả ăn lễ của ai bao giờ. Đến nỗi con gà thúng gạo cũng từ chối, nói rằng bổng lộc vua ban cho, thừa sự ăn mặc. Ta chớ nên lấy của nhà ấy, tội nghiệp.

- Còn ngôi nhà đối diện thì sao?

- Ô chà! Cái nhà này giá chằm cho nó một mối lửa cũng đáng... Thằng cha này trước đã nghiêm nhiên tuần phủ một tỉnh ngoài, bóc lột dân có tiếng, bị án tham tang, giáng tam cấp, khéo lo chạy được về kinh làm hữu thị lang bộ Hình, nhưng vẫn chứng nào tật ấy, ăn của đút ra phá. Có điều của chìm của nổi, nó chuyển cả về một biệt thự ở bên An Cựu, chứ không để đây. Tôi đã dò la kỹ rồi, để hôm nào sang tận An Cựu sửa cho nó một mẻ, báo thù hộ dân.

Đi quanh co mãi, sau cùng đến một cổng dinh, lão Vích buông tay nhà vua và nói:

- Đây chính một thằng đại một dân, thậm chí người ta xin bỏ một chân thơ lại, thông lại, còn có nước non gì, nó cũng bóp nặn ra tiền mới bỏ... Đêm nay ta hãy sửa nhà này... Anh đứng núp sau tường coi chừng đợi tôi nhé...

Miệng nói chân bước, chớp mắt lão Vích nhảy phóc qua tường, lủi vào bóng tối.

Nhà vua đứng đợi bên ngoài.

Cách hơn nửa giờ, một bọc to tướng chuyền qua mặt tường ra trước, tiếp đến lão Vích ra sau.

Trong bọc có xanh nôi, quần áo, vòng vàng khuyên bạc, một bộ áo châu và một ống đựng sắc. Đúng lời ước hẹn, lão Vích chia phần:

- Quân tử nói sao làm thế, lấy tín làm đầu... Chỗ này chia hai, mỗi thằng một nửa. Còn áo châu và ống sắc, để tôi ném qua tường, trả lại nhà nó, chứ vật này chúng ta lấy làm quái gì, có bán chắc sao được!

- Thế thì để hai món ấy cho tôi! Nhà vua nói. Tôi chỉ lấy phần bấy nhiêu là đủ, còn các đồ vật kia, công phu anh lấy, về phần anh tất.

- Đã hứa chia đôi là chia đôi, tôi không thể sai lời... Áo châu, ông sắc, anh muốn lấy ..., tôi khỏi mất công vớt trả nhà nói.

- Không! Tôi thích lấy hai món này thôi.

Nhà vua nói và cuộn áo châu ông sắc ôm vào nách; lão Vích thì vác cái bọc trên vai. Hai người đi tới bên vườn Hậu bồ thì từ giã nhau: nhà vua trở về cung, lão Vích lên ngả Trường Thi.

Vô phúc cho lão, chỉ còn độ dăm chục thước thì về đến nhà, bị lính tuần bắt được, đưa cả người lẫn tang vật về nha Hộ thành.

Ngày hôm sau, quan Tham tán đến dinh Hộ thành trình báo về việc nhà mình mất trộm đêm qua; may sao vừa gặp kẻ trộm đã bị bắt và đồ vật không mất.

Nhưng kiểm điểm lại thấy hai vật mà quan lớn cho là quan hệ nhất: ông sắc và áo châu. Vì phận sự trị an trong thành mà cũng vì tình đồng liêu, quan đề đốc Hộ thành tận lực tra xét vụ trộm này, phải dùng tới căng nọc lão Vích:

- Mi lấy trộm của nhà quan Tham tán. Còn áo châu và ông sắc mi cầm bán cho ai rồi, phải khai thiệt ra mau. Không thì chết đòn!

- Bẩm quan lớn, con vừa lấy xong được một lúc thì bị lính bắt liền, nào kịp cầm bán cho ai? Lão Vích bình tĩnh trả lời ở trước roi vọt.

- Mi không cầm bán thì hai vật ấy đâu? Dễ thường tự nhiên nó biến mất đi được à?... Lính! Đập cho nó hai chục hèo... Nó không chịu khai thì đem lò than kèm sắt ra đây.

Lão Vích cắn răng chịu đòn, không hề kêu khóc. Xong hiệp roi ấy, quan đề đốc gạn hỏi:

- Bây giờ mi chịu nói thiệt chưa nào?

- Thà con chịu tội; dù có nói thiệt, chắc quan lớn cũng không tin! Lão Vích thưa.

- Cứ nói!

- Bẩm, con chia phần cho người ta.

- Nó ở đâu, tên là gì, để tao sai lính đi tróc nã lập tức, lấy đồ trả lại sự chủ. Mi phải biết hai món ấy quan hệ đến thế nào?

- Bẩm, người ta tên gì, ở đâu, quả con không biết.

- Thằng này nói láo! Bạn cùng nghề ăn sương với mì, há lẽ mì không biết à?

- Bẩm quan lớn, con không dám man khai tí nào. Vì đêm khuya mưa gió, con gặp hấn ta giữa đường, thì rủ đi làm ăn và chia phần, thật quả không từng quen nhau, và trời tối như mực, cũng chẳng nhìn rõ mặt được nữa.

Đoạn, lão Vích đem chuyện gặp gỡ ban đêm kể rõ đầu cuối, rồi kết thúc:

- Có điều, còn tài nhớ tiếng nói; nhất là tiếng người ấy nói kêu như chuông, giá lại được nghe tiếng nói thì con nhận ra ngay.

Vụ trộm lạ lòng này tra xét dở dang tới đó; lão Vích vẫn bị giam cùng trong ngục, trong khi lính Hộ thành đi dò la tung tích áo châu ống sắc của quan Tham tán.

Cố nhiên, chuyện lạ đưa tới thâm cung, do đám cung nhân thị vệ làm tai mắt, nhà vua cười thầm và rất chú ý.

Mấy hôm sau, một con voi chiến của vua nuôi ở Hậu bộ, đau bụng hay làm sao không biết, tự dưng lồng lên phá chuồng và đập tung cửa nhà cây cối chung quanh, nhiều quân tượng kèm giữ toát mồ hôi và suýt chết mới yên. Nha môn Hộ thành đem mấy chục tù phạm đến giúp sức binh lính, dọn dẹp sửa sang những chỗ hư hại. Trong số công sai ấy có cả lão Vích.

Nhà vua vi hành ra xem, có quan đề đốc Hộ thành theo hầu; nhưng ngài đứng cách xa chỗ mọi người hì hục làm việc, và lại có hàng phen liếp ngăn, họ không thể trông thấy.

Ngài hỏi quan đề đốc:

- Đã tìm ra người đàn bà ở xóm trước Hộ bộ hát ru con đêm ấy là ai chưa?

Nửa câu sau, ngài dụng ý nói tiếng thật to, coi như quan đề đốc Hộ thành có bệnh điếc tổng vậy.

Lão Vích đang khom mình cuốc đất ở phía sau hàng rào, bỗng đứng buông tay, hót hơ hót hải chạy đến bên thầy đội và nói ra vẻ vui mừng khôn tả:

- Thầy làm ơn bắt hộ... Tôi nhớ tiếng nói rõ ràng... Đích thị hấn ta đây...

- Hắn ta nào? Thầy đội hỏi gắt.

- Thì cái người lấy phần áo châu ống sắc đêm nọ ấy mà!... Thầy bắt ngay không hắn trốn mất, hắn vừa nói tiếng bô bô đó...

Sợ hãi xanh mặt, thầy đội vội vàng đưa tay bung miệng lão Vích, một tay thì cầm roi vụt trên mình lão túi bụi:

- Thằng này phạm thượng... chết chém bay đầu đi bây giờ... Người vừa nói to tiếng, là Ngài ngự đây, biết chưa!

Đồng thời, quan đề đốc Hộ thành ở bên kia hàng rào, gọi thầy đội và bảo:

- Ngài ngự truyền không được đánh đập tù phạm, nghe không!

Một lát, nhà vua bảo quan đề đốc theo về trong nội. Trên long án thấy để sẵn 50 quan tiền và một gói giẻ cột giây bọc kín. Quan đề đốc khắp khời mừng thầm, định chắc trong trí là vua ban thưởng cho mình số tiền ấy và một gói vải lụa.

Ngài trở vào cái gói trước:

- Nhà ngươi đem áo châu và ống sắc trả cho thầy Tham tán... Người đi với lão Vích đêm ấy chính là ta... Nó nghe tiếng nói nhớ người thật đúng. Ngày mai nhà ngươi bỏ nó làm một chân cai hay đội ở Hộ thành... Còn 50 quan tiền này thì đem thưởng cho người đàn bà ở xóm nhà lá trước dinh Hộ bộ...

Quan đề đốc lui ra, kinh dị thất sắc.

Bấy giờ cả triều đình mới vỡ chuyện; ai bấy lo giữ chức phận trung thành, sợ nhà vua bất thần đêm hôm dò xét. Nhân dân cũng cảm mến nhà vua để lòng đoái thương mình một cách đặc biệt.

Tình hình ở kinh thành như thế thì không có gì lo ngại; nhưng mà luôn mấy ngày sau, có tin bại trận ở Gia Định đưa về liền liền.

VIII. HUYẾT CHIẾN TRƯỚC THÀNH BIÊN HÒA

Những hôm ở kinh sư có chuyện ly kỳ chúng ta đã biết, trong Gia Định, Lê Văn Khôi và Thái Công Triều chia tay nhau mở mang thế lực khắp đất Nam Kỳ.

Khôi tự lĩnh phần việc chống cự binh triều ở mặt ngoài.

Thái Công Triều đem tác lữ đi du thuyết các tỉnh Lục châu, chiêu dụ quan dân quy thuận.

Anh chàng này được Khôi chiêu hàng và trọng dụng, trong hàng chư tướng có nhiều người âm thầm bất mãn. Nhất là bọn lão thành cẩn thận như Tăng Vô Ngại, Đặng Vĩnh Ứng, và những người thiếu tráng có kiến thức, có tâm huyết. Không phải họ có ý ganh ghét Công Triều về chỗ quyền to chức lớn, chỉ khinh bỉ hấn sinh bình có tính siểm nịnh, phản phúc; họ nghe tiếng hấn khi trước còn ở kinh đô, nhờ khéo nịnh hót mà được thăng quan tiến chức mau, đến nỗi không từ những thủ đoạn hèn mạt, như kẻ vạch cái bẫy anh em đồng liêu chẳng hạn. Con người như thế là bất chính.

Sau hôm thành lập Quân chính phủ, các quan văn võ nhậm chức, tại phủ Nguyên soái mở tiệc khánh hội; văn quan bận áo chèn màu lam, tướng võ mặc nhung phục và được đeo kiếm đến dự. Bữa tiệc hội họp cả thân hào hàng tỉnh, mấy nhà đại thương khách trú trong Chợ Lớn; thêm bốn năm vị giáo sĩ tây nam mà Khôi ân cần mời đến, muốn chỉ tỏ cho dân đạo biết chính sách mới của mình là tín ngưỡng tự do, lương giáo thân thiện, khác hẳn chính sách cấm đạo nghiêm khắc.

Hoàng Nghĩa Thu đeo kiếm tất tả đi vào, vỏ kiếm va phải cột, có tiếng kêu loảng xoảng. Thái Công Triều ngồi gần đấy, day lại cười và nói:

- Chà! Tiếng sắt reo lên, nghe lạnh cả mình! Hoàng tướng quân bây giờ đường đường một bậc tả quân đô thống, còn hà tiện gì không sắm một thanh kiếm mới, vẫn chịu khó đeo thanh kiếm cổ lỗ như thế?

Chả biết có phải Công Triều dụng tình nói kháy hay không, Nghĩa Thu muốn thừa dịp tỏ lòng phản kích của phần đông anh em một cách bóng bẩy:

- Kính chào quan Trung quân!... Ngài dạy phải lắm, nhưng tôi chỉ tiếc thanh kiếm này đã ở với mình lâu năm, lại có một đặc tính rất hay, khiến người biết đạo ăn ở thủy chung không đành bỏ nó...

- Đặc tính thế nào mà tướng quân quý nó giữ nó, đến nỗi cái vỏ đã rỉ tứ tung và thủng cả ra thế kia? Công Triều hỏi lại.

- Bẩm, tôi theo thầy học kiếm từ năm 17 tuổi, giờ đã ngoài ba chục tuổi đầu, chỉ có một mình nó đẩy thôi, không hề thay đổi... Nó có cái đặc tính lạ, hình như có thần, là mỗi khi gặp kẻ cừ địch và những quân nào lòng dạ phản phúc, bất chính, thì tự nhiên nó khiến phải động chạm cho có tiếng kêu loảng xoảng, làm như báo hiệu cho mình biết và muốn tuốt ra khỏi vỏ để lấy đầu thẳng gian vậy.

Mấy người bạn đồng chí lại được dịp phụ họa thêm:

- Thanh kiếm của Hoàng quân thế là thành thần rồi còn gì! Những bao kiếm ngày xưa như Can Tương, Mạc Da, bất quá cũng rứa. Té ra có khi đối diện với kẻ gian tà phản phúc, chính mình không biết, nhưng có thanh kiếm mách bảo hộ mình à?

- Chính vì thế mà nó cũ kỹ tồi tàn, tôi vẫn quý hóa đây, các bác ạ! Nghĩa Thư nói và ý nhìn vào mặt Công Triều.

Công Triều tái mặt, lảng qua chuyện khác.

Hắn biết chư tướng hiểu rõ tâm địa hắn và để ý rình xét, trong trí lấy làm nhột nhột khó chịu. Khi về nhà lại bị người ái thiếp can ngăn day nghiền, làm cho Công Triều tuy được vênh vang về danh vọng, xác thịt nhưng thật bứt rứt về tinh thần.

Nàng họ Lý, tên là Cầm Huê, tổ tích vốn là người Tàu biến hóa ra người Việt Nam độ vài ba đời nay. Xuân xanh ngót ba chục tuổi và trải qua sinh nở hai lần, nàng khéo gìn giữ sắc đẹp, trông còn mơn mớn như gái tơ mười tám đôi mươi. Nguyên là một đào hát bội ở Bình Định, nhưng thuở nhỏ nàng có được học, cho nên biết chữ ít nhiều; lúc Công Triều cung chức ở đây, mê vì sắc, trọng vì tài, không ngần ngại bỏ ra 300 quan tiền, cưới làm tiểu thiếp. Từ đó, Công Triều đi làm việc quan ở tỉnh nào cũng đem Cầm Huê đi theo. Nàng thông minh, lanh lợi, thường giúp đỡ chồng về mưu chước vì giấy tờ việc quan thành ra Công Triều phải vị nể.

Mấy hôm nay còn lẩn lút ở vùng Hóc Môn, Khôi sai người dụ dỗ Công Triều về hàng sẽ được trọng dụng; Cầm Huê khuyên Công Triều cố từ, nhưng Công Triều tham công danh phú quý, vả lại có cái lập tâm lựa gió xoay buồm ở trong đầu óc, không chịu nghe lời nàng khuyên nhủ lợi hại.

Lãnh chức Trung quân của Khôi phong cho, Công Triều dương dương tự đắc, lập dinh thự ở nha môn bố chánh lúc trước và gọi ngay thợ nề sửa lại cổng cái, trên đắp năm chữ “*Trung quân Đô thống phủ*” thật to, lấy một đội lính canh gác với gương trần hèo bạc, trông rất oai nghiêm. Một tên gia bộc quen miệng “bầm ông, bầm cô” như mọi khi, hôm nay bị rức mắng tàn nhẫn:

- Đồ ngu như con heo! Từ nay thừa gởi phải vòng tay cúi đầu, bầm cụ lớn và bầm cô lớn, biết không? Hễ sai thì tao lấy đầu đi!

Cầm Huê vẫn tự nhiên như thường, không thay đổi cử chỉ, cũng không động thanh sắc chút nào. Nhân lúc vắng người, nàng căn nhắc Công Triều về sự thụ lĩnh quan chức của đảng nghịch:

- Mình chẳng nghe tôi, đi lĩnh quan chức của bọn phản loạn làm gì chứ? Tôi nghĩ triều đình bấy lâu đãi mình không phải phụ bạc, giờ quay đầu theo giặc, không sợ lỗi đạo thần tử và thế gian chê cười à?

- Rõ thật trí nghĩ đàn bà nông nổi! Công Triều nói. Ở đời gặp biến phải tòng quyền, không theo chúng nó thì chúng nó giết đi, còn gì!

- Ô! Tôi xin ông, khéo chữa mình vừa vừa chứ! Kỳ tình ông tham công danh phú quý, không thế thì ta tìm cách đi trốn, hồ dễ quân giặc lôi được ông ra mà trông cho cái chức Trung quân ư? Cuộc đời, càng cao danh vọng càng dày gian nan; ông không nhớ các ông Tiên quân Thành, Tả quân Duyệt, về sau kết quả ra sao đấy à? Ấy là với triều đình chính thống mà chung cuộc các ông Thành, Duyệt còn thảm đạm như thế; huống chi ông đây là Trung quân của loạn đảng, thứ công danh phú quý đó liệu có bền được không, mà vội hiêu hiêu tự đắc? Thà bỏ trốn đi để giữ toàn danh tiết còn hơn!

Công Triều lắc đầu:

- Trốn đi đâu? Nói nghe dễ dàng quá!

- Thì ta trốn ra chỗ nào có binh Triều đóng, nghĩa là đi khỏi trấn biên đình một quãng, chứ xa xôi gì? Cầm Huê đáp.

- Phải, không xa xôi, nhưng mình có biết đâu hiện thời trên bộ dưới thủy, chỗ nào cũng có quân giặc canh gác, khắp vùng Gia Định ở trong vòng thế lực của chúng, có cánh cũng chẳng bay lọt được đâu!

- Hừ! Tôi chấp cả thiên binh vạn mã; nếu mình muốn trốn, tự khắc có mẹo thoát hiểm dễ dàng như chơi.

- Thật à?

- Sao lại không thật...

- Thế nào, Mình thử nói xem có nghe được không đã.

- Mình có thành tâm quyết kế thoát hiểm thì tôi sẽ nói, bằng không thì thôi, kéo sợ muôn một tai vách mạch rừng, lại thêm mang lụy. Nếu quyết kế thì ngay trong đêm nay, tôi với mình, mỗi người một ngựa, ra khỏi thành Phiên An...

Công Triều trầm ngâm nghĩ ngợi một lát, rồi nói:

- Khoan đã! Trong trí tôi sẵn có mưu chước còn hay hơn nhiều, lúc này bắt tất phải trốn. Vả lại, đã lỡ ngồi trên lưng cọp, làm sao vịn cổ bắt sống được nó mới giỏi chứ. Triều đình sẽ thưởng công cho tôi thì có, mình đừng lo ngại.

Giữa lúc ấy có tên lính cầm cờ lệnh mời quan Trung quân đến phủ Nguyên soái có việc quân cơ bàn định.

Công Triều sai bày nghi trượng đi ngay, có mấy chục bước đường mà cũng rềnh rang cờ quạt lính tráng, tiền hô hậu ủng, cốt để huyễn diệu tai mắt nhân dân và tướng sĩ bộ hạ.

Mặc dầu ngôi cao quyền lớn, Khôi bước xuống thêm đón rước rất nhã nhặn.

Hai người ngồi đối diện nói chuyện.

Khôi hỏi rất niềm nở:

- Thế nào, tướng quân có mưu lược gì hay, đối với đại sự của chúng ta?

- Mọi việc đều tùy nơi cao kiến của nguyên soái định đoạt, chúng tôi chỉ là người thừa hành! Công Triều chấp tay nói, làm ra vẻ hết sức phục tòng cung kính bề trên.

- Ta có một việc quan hệ, muốn phiên tướng quân...

- Vâng, hẳn là việc chiêu dụ Lục tỉnh.

Khôi hơi choáng người, vì thấy Công Triều đón biết ý muốn của mình:

- Chính thế. Mặt ngoài để ta đảm đương, còn việc Lục tỉnh, ta xem chỉ có tướng quân mới đủ tài thu xếp.

- Nguyên soái đã sai khiến, chúng ta đâu dám từ nan.
 - Vậy ta có thể ủy thác tướng quân việc ấy, để ta rảnh tay đối phó mặt ngoài nhé!
 - Xin vâng.
 - Theo ý tướng quân, phải cần binh lực, chừng bao nhiêu thì đủ?
 - Chúng tôi thiết tưởng việc này cốt ở miệng lưỡi khôn khéo hơn là binh lực.
 - Tuy thế, cũng phải có ít nhiều quân gia đi theo, để phòng tỉnh thành châu quận nào kháng mệnh thì đánh.
 - Địa thế Lục châu, hãn nguyên soái thừa biết; thế thì thủy binh cần dùng hơn là bộ binh, xin phát cho tôi vài tiểu đội chiến thuyền theo là đủ.
 - Nhưng việc binh quý ở thần tốc, ta muốn tướng quân thu xếp đi ngay.
 - Vâng, xin nguyên soái cho lệnh tiền đề lấy thủy quân, chúng tôi có thể lên đường ngay lúc gà gáy đêm nay.
 - Một lần nữa, ta hoàn toàn phú thác công việc miền tây cho tướng quân... Thanh kiếm thượng phương đây, tướng quân cứ tiện nghi hành sự... Xong việc này tức là lập công thứ nhất với nghĩa binh ta đây.
- Công Triều đứng dậy, hai tay lĩnh thanh kiếm từ biệt lui về bản đồ để sửa soạn đêm khuya lên đường.
- Khôi sau Công Triều đi Lục châu và Công Triều hơn hờ lĩnh mệnh đi liền, mỗi người đều có một thâm ý.
- Nghe nhiều người dèm pha, Khôi cũng đâm ngại, sợ để Công Triều ở Gia Định, chẳng những có thể xung đột với chư tướng, còn lo hãn tinh quái, biết hết nội tình quân cơ của mình và nếu dùng hãn về mặt trận ngoài, tất hãn được tiện dịp ám thông tin tức với binh triều mà quay lại làm nội ứng thì khôn. Chi bằng sai đi Lục châu, để hãn biệt tích một nơi, vừa lợi dụng được chỗ hãn sở trường, vừa để kiểm chế rủi khi hãn trở lòng sinh biến. Khôi tưởng mình xử trí như thế là vẹn toàn, không ngờ đâu thả Công Triều về Lục châu tức là tự gieo lầy mằm hại bại vong cho mình sau này.

Còn Công Triều khôn ngoan, thừa hiểu chư tướng đầy lòng nghi kỵ mình, sợ ở Gia Định không được yên thân, chả biết sớm tối lúc nào Khôi có thể nghe lời chư tướng mà trừ mình đi không chừng. Sẵn dịp Khôi phú thác công việc chiêu dụ Lục châu, Công Triều vội vã nhận lời đi ngay, một là xa hẳn phạm vi nguy hiểm bất trắc, hai là muốn lập công trạng này để trở tài với bọn Khôi, nhân thể nâng cao địa vị thanh thế, ba là ở Lục châu xa cách, tha hồ hoành hành, tùy cơ ứng biến, Khôi chẳng biết đây là đâu mà đề phòng kềm chế.

Lúc ấy *Lại bộ thái khanh* Đặng Vĩnh Ứng đang ngồi đối ẩm với quân sự Tăng Vô Ngại ở công đường Lại bộ, tức là dinh án sát Gia Định hôm trước. Hai người chén thù chén tạc, bàn chuyện quốc gia rất là tương đắc.

Chợt tiếp công văn về việc Thái công Triều phụng mệnh đi Lục Châu, Đặng Vĩnh Ứng vội vàng nhả cơm, buông đũa, đứng dậy kéo tay ông Tăng Vô Ngại.

- Chết! Chết! Ông đi với tôi, cùng đến can gián nguyên soái, chứ thả cộp về rừng thế này, mai sau anh em mình tất nguy vì nó...

Hai người tức tốc đến soái phủ.

Đặng Vĩnh Ứng nghiêm cả từ sắc:

- Trời ơi! Đại ca muốn giết anh em chúng tôi hay sao, lại cho Thái công Triều xuống Lục châu?

- Tại sao thế? Khôi cười gằn và hỏi.

- Chúng tôi đã nói mãi rằng nó là người có tướng phản phúc, chớ nên trọng dụng.

- Ấy, chính vì ta nghe lời các người, cho nên sai hẳn đi cách biệt ở Lục châu, cho dễ kềm chế đấy.

Cau mặt và thở dài, Đặng Vĩnh Ứng nói:

- Chết nổi! Đại ca nghĩ thế thì sai mất rồi. Không giết nó đi thì cũng đừng dùng: thà cứ lưu nó ở lại Gia Định này, cho nó có hư danh mà không có thực quyền, không thể hoạt động, thế mới thật là kềm chế. Đây này, giao việc Lục châu cho nó, để nó có đất tung hoành, gây dựng thế lực, một mai trở mặt đánh quật lại chúng ta, trong khi binh triều ở ngoài đánh vào, chừng ấy sau lưng trước mặt ta đều bị công kích thì làm thế nào? Đại ca đã nghĩ đến cái hại xa xôi ấy chưa?

Tăng Vô Ngại phụ thêm:

- Đặng quân lo xa như vậy chí phải!

Khôi cúi mặt ngẫm nghĩ, có ý hối hận mình thất sách:

- Các ông bày tỏ thấu suốt lợi hại, tôi nghe phải quá. Nhưng bây giờ làm thế nào?

- Có gì là khó? Đặng Vĩnh Ứng nói. Nguyên soái chỉ có việc thu hồi tướng lệnh, đừng sai nó đi nữa...

Khôi lắc đầu, tỏ ý ngần ngại:

- Khó quá! Vẫn biết hiện giờ Thái Công Triều chưa lên đường đâu, nhưng mà tướng lệnh vừa ra ban nãy, giờ đã thu về, e mất thể thống, lấy gì thủ tín với tướng sĩ và nhân dân? Ta nghĩ xem có phương pháp nào khác chăng?

- Nên sai một tướng nữa cùng đi, bề ngoài là tiếp ứng, mà kỳ thực bề trong là cốt xem xét cử động hấn ta một cách kín đáo! Cả Đặng Vĩnh Ứng và Tăng Vô Ngại cùng đáp.

- Theo ý hai ông, trong hàng chư tướng, ta nên sai ai đi?

- Chúng tôi xin tiến cử Tả quân Dương Văn Nhã...

- Đồng ý! Ta sẽ hạ lệnh tức thời.

Ở soái phủ đi ra Đặng Vĩnh Ứng nói riêng với quân sư Tăng Vô Ngại:

- Nguyên soái ta là người anh dũng thật đấy, nhưng đáng tiếc có tính độc đoán, mỗi việc thi thố không muốn bàn tính trước với ai, tôi e hỏng mất đại sự sẽ ở chỗ đó. Nhất là thằng Thái Công Triều tiểu nhân quỷ quyệt lắm kia, nếu nguyên soái cứ tin dùng nó, thì cơ đồ tất cả chúng ta, xây dựng không khéo một tay nó làm cho tan nát... Lão tiên sinh ở chức quân sư, phải tùy cơ can gián nguyên soái mới được:

Họ Tăng thở dài:

- Ôi! Chúng ta chỉ biết làm hết nhân lực, đến như thiên mạng không biết đâu mà nói trước; cổ nhân đã bảo “*mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên*”, tướng quân không nhớ à?

- Tôi chỉ nhớ có bốn chữ “*đĩ thực vi thiên*”... Việc thiên hạ thành bại hãy gác ra một bên đã, bây giờ lại mời lão tiên sinh về nhà tôi, để cạn hồ rượu ta bỏ dở dang ban nãy.

Đặng Vĩnh Ứng vừa nói vừa cười, lời luôn ông Tăng Vô Ngại trở về Lại bộ.

Trong lúc Thái Công Triều đi chiêu dụ quân dân binh sĩ sáu châu quy phụ đảng nghịch, Khôi huyết chiến với binh triều trước Biên Hòa.

*

Ta đã biết ở triều đình khi được tin. Lê Văn Khôi dấy loạn, chiếm đất Gia Định và đang thân trưng thế lực ra cả Lục châu, vua Minh Mạng liền hạ dụ, sai tổng đốc Bình Định là Lê Phước Bảo làm tướng, đem quân mấy tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa vào đánh dẹp,

Có lẽ triều đình tưởng giặc Khôi tầm thường nên mấy đám thảo khấu khác, chỉ sai một viên tổng đốc là quan văn với ba nghìn quân lấy ở ba tỉnh giáp giới như thế, là để tiêu trừ thành công trong bóng tối. Chính Lê Phước Bảo cũng tưởng thế, nên lúc đêm tối lên đường, trong trí đầy sự hy vọng khôi phục Gia Định để lập công với triều đình, sau quân công này chắc chắn được phong tước rồi vào kinh làm thượng thư một bộ.

Sự thật, Phước Bảo cũng biết dùng binh và có tướng tài nhiều ít, nhưng không phải một tay có thể đối địch với Khôi, thành ra chỉ vào đến Biên Hòa thì bị quân giặc vây khốn, suýt chết.

Biên Hòa là cửa ngõ xung yếu của Gia Định lục tỉnh, các vua chúa tiền triều lập ra trấn biên đình tại đó, thành cao hào sâu, chung quanh xây pháo đài, đặt đồn lũy, binh thế rất là kiên cố, hiểm trở. Thuở trước cốt để phòng thủ Chân Lạp đối với giặc Xiêm thời thường quấy nhiễu; đến sau vua Gia Long nên nghiệp thống nhất, thì đây tức là căn cứ võ bị, trông coi sự yên ổn cả xứ Nam Kỳ đối với ngoại xâm hay nội loạn.

Khôi biết vị trí Biên Hòa quan hệ như thế cho đến ngay khi mới nổi loạn, thừa thắng lúc phá tan thủy sư Lê Văn Bồn, liền xuất kỳ bất ý, đem quân đến đánh có mấy giờ đồng hồ, chiếm được Biên Hòa, sai một tướng bộ hạ ra trấn thủ.

Ban đầu, viên tướng trấn thủ quan ải này là tiền quân đô thống Nguyễn Văn Đà.

Nhưng mấy hôm sau, Khôi sai phó tướng Trần Minh Thiện ra thay, để triệu Nguyễn Văn Đà trở về Gia Định, giao cho công việc theo ý Khôi là quan hệ hơn: huấn luyện quân mới tuyển mộ.

Minh Thiện còn trẻ và có tình tự đặc, nguyên là một tay du côn anh chị ở Chợ lớn, có chân trong *Thiên Địa Hội*, võ nghệ khá, nhưng chẳng có trí thức gì về việc binh; cái tài giỏi chơi dao găm quả đấm là một chuyện, đến cái tài giỏi về binh sự quân cơ lại là một chuyện khác, Khôi chỉ nghĩ đến sự coi giữ mà quên mất sự có lúc cần phải đánh giặc, cho nên mới sai Minh Thiện làm tướng trấn thủ Biên Hòa.

Anh chàng này là tiểu nhân đặc chí và hống hách cật khỏe, ra đến Biên Hòa, chẳng lo gì đến những việc sửa sang đồn lũy, xếp đặt tuần phòng; mặc bọn cai đội thủ hạ làm sao thì làm. Việc hấn sốt sắng, là sai người tìm kiếm mấy ả giang hồ thanh sắc ở quanh miếu, đưa vào trong dinh đàn ca chuốc rượu làm vui. Hấn uống nước men như người ta uống nước lã, tới ngày không có mấy lúc không ngất ngưỡng say sưa. Con say, hấn thường khoe khoang sức khỏe, tự tin rằng nội các danh tướng của triều đình ngoài Huế, không ai chịu nổi một quả đấm của mình. Ợc một hơi cạn sạch hồ rượu, rồi xoay tròn ra, vươn hai cánh tay chuyển sức lấy gân, cho bắp thịt nổi lên như hai con chuột lớn, và nói:

- Các người xem: với những quả đấm bằng bắp thịt như sắt này, tướng giỏi của Minh Mạng như Tống Phúc Lương, Nguyễn Văn Trọng, cũng phải nát ngầu như tương.

- Tướng quân thật có thần lực, Phan Khoái, Mã Siêu đời xưa bất quá cũng thế.

Nghe bộ hạ và mấy con đĩ phụ họa nhau tán dương như thế, Minh Thiện đắc ý cười ha hả. Lại càng uống cho đến say như, nằm đờ như xác chết.

Một tòa thành trì xung yếu, số quân trấn thủ không đầy một nghìn, đặt vào trong tay một ông tướng chỉ lo đánh chén hơn là đánh giặc, tình thế chông chênh như quả trứng để trên đầu đũa.

Theo lệ, mỗi ngày Biên Hòa phải có ngựa lưu tinh mang tờ bẩm chạy về Gia Định một lần, trình báo những tin tức quan hệ về binh tình và chính sự. Tờ bẩm của Minh Thiện ngày nào cũng nói toàn sự vững vàng, tốt đẹp, để cho Khôi yên tâm.

Hôm được tin triều đình Huế sai quân Tam tỉnh (ba tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa) tiến vào Gia Định, Minh Thiện gửi về soái phủ một tờ bẩm, đầy vẻ khinh địch và tự kiêu:

... “Tiểu tướng đã thám thính chắc chắn, quân Tam tỉnh gồm có hơn một nghìn người, phần nhiều là hạng lão nhược, chưa được ngửi mùi thuốc súng bao giờ, mà kẻ cầm đầu lại là tổng đốc Lê Phước Bảo, chỉ giỏi múa bút lông mèo... Quân ấy, tướng ấy, đưa nhau vào Gia Định phen này, tức là nộp mình vào chỗ tận số... Để chúng nó vào đây, tiểu tướng chỉ đánh một trận là đủ phá tan, bắt được tù trưởng lớn cho chí trưởng bé. Xin nguyên soái cứ yên tâm, không cần phải bận lòng lo nghĩ đến việc ở Biên Hòa... Tiểu tướng đã có sẵn sàng phương lược, chỉ đợi quân địch tới thì đánh. Nhưng mùa này từ Phan Rang Phan Rí trở vào, trời đổ mưa lũ suốt ngày, đường đi hết sức gian nan, dám chắc Lê Phước Bảo phải đình quân ở miền Phan Rang, không thể tiến được, có lần mò đến Biên Hòa cũng còn lâu, nghĩa binh ta có thể gồi đầu trên gươm, nằm khểnh mà đợi một vài tháng nữa là ít...”

Lúc tờ bẩm này đến nơi, Khôi cùng quân sư Tăng Vô Ngại đang ngồi làm việc ở Nghị sự đường, Khôi xem rồi trao cho Tăng và hỏi ý kiến.

Tăng biến sắc, khi đọc hết tờ bẩm kêu căng của Minh Thiện. Khôi nhận thấy, cười và hỏi:

- Tiên sinh sợ quân Tam tỉnh lắm sao mà tái mặt đi thế?

- Không, tôi có sợ quân Tam tỉnh đâu! Tăng trả lời thông thả. Tôi chỉ lo cho số phận một nghìn tráng sĩ ta giữ thành Biên Hòa, chết oan vì cái ngu của thằng Minh Thiện.

- Tại sao?

- Nguyên soái thử nghĩ xem cổ lai có xem người nào làm tướng, một đạo binh nào vâng lệnh của vua sai đi đánh giặc hỏa tốc, mà lại sợ mưa gió không tiến bao giờ? Cổ nhân đã dạy binh là hung khí, chiến là nguy sự, cho nên giây phút nào cũng phải đề phòng, lo nghĩ, nếu khinh địch mà sai một li, đi một dặm thì chết. Huống chi...

Khôi ngắt lời và hỏi, có ý hơi chọn:

- Tiên sinh tính thử ngày giờ và đường đất thì phỏng chừng hôm nào quân Tam tỉnh vào đến địa đầu ta?

Không phải suy tính, Vô Ngại đáp liền:

- Ví dụ tôi là Lê Phước Bảo, thì ngay lúc chúng ta ngồi xem tờ bản của Minh Thiện, không khéo quân Tam tỉnh sắp đến chân thành Biên Hòa rồi.

- Trời ơi! Nếu thế thì Biên Hòa có lẽ nguy mất! Khôi trợn mắt và nói.

- Thật thế, ta phải sai quân tiếp ứng đi ngay, không có thì hỏng.

Tuy thế, Khôi bán tín bán nghi, chưa quyết định về việc sai tướng nào đi cứu việc đồn Biên Hòa. Vì trong trí Khôi không tưởng binh triều có thể tiến gấp, mà dẫu có đến nơi chẳng nữa, Khôi tin Minh Thiện có sức chống chọi được, không nhiều cũng ít. Con người dũng cảm khẳng khái, nhưng phải cái tật trù trừ bất quyết, lại thích tự chuyên, ít muốn nghe lời trung cáo và tối tăm về sự dùng người, thành ra chung quanh tuy có nhân tài mà rồi đại sự đổ nát vì thế.

Tối hôm ấy, ông Tăng Vô Ngại phải vật nài một lần nữa, bấy giờ Khôi mới chịu nghe.

Sáng hôm sau, Nguyễn Văn Bột vâng lệnh đem bộ binh và kỵ binh đi tiếp ứng Biên Hòa.

Binh tiếp ứng đi gần nửa đường, đã thấy bại binh ở đồn Biên Hòa, lũ lượt chạy về, cậu nào cậu nấy áo xông tả tơi và đói mệt rũ rượi. Hỏi ra Biên Hòa đã bị quân Tam tỉnh công hãm và tướng trấn thủ Minh Thiện tử trận rồi.

Phải nói Minh Thiện bị giết chết giữa cơn say rượu thì đúng hơn.

Nguyên là Lê Phước Bảo tiếp được dụ chỉ vua sai, tức tốc cử binh lên đường; thoát tiên lấy quân Bình Định một nghìn, đi qua Phú Yên, Khánh Hòa lấy thêm quân hai tỉnh này mấy nghìn nữa, chọn toàn những hạn trai tráng, cốt có sức khỏe đi mau. Đồng thời, một cánh thủy quân từ cửa Hàn tiến phát, đi đường bể thẳng vào Cần Giờ, chở lương thực và quân cứu ứng.

Phước Bảo thúc quân đi mỗi ngày hai ba trạm mới cho nghỉ ngơi. Càng vào miền trong, đường sá càng gay go với những núi rừng hiểm trở, mỗi bước chân là một gian nan khổ sở, lại thêm mưa lũ tối ngày, mà binh sĩ cứ phải ướt át xông pha, đến nỗi nhiều người cảm hàn bỏ xác giữa đường, chẳng ai nghĩ tới sự thu nhặt chôn cất.

Đường đi một thẳng rút lại hơn mười ngày, binh số ba phần có lẽ rải xác giữa đường hết một, nhưng Phước Bảo đạt được sở nguyện, là đến chân thành Biên Hòa một cách mau lẹ bất ngờ, bên giặc không kịp phòng bị.

Phước Bảo lập mưu, lấy được Biên Hòa, giết được Minh Thiện dễ dàng, hầu như một cuộc cho quân sĩ đi chơi mát.

Khi còn độ ba bốn ngày nữa đến nơi. Phước Bảo đổi hẳn hành trình, thúc quân đi suốt đêm, để ban ngày cắm trại trong rừng, cố che tai mắt Gia Định. Không biết Phước Bảo do thám tài tình cách nào, lại biết rõ tính nết của viên tướng giặc đồn thủ Biên Hòa là người kiêu căng khinh địch và thích chè chén đêm ngày, bê trễ cả việc quân; mình có thể đánh vào chỗ nhược ấy mà cướp lấy đồn lũy địa đầu, khiến giặc trở tay không kịp.

Phước Bảo liền chọn mấy chục tên quân lanh lợi, trao cho mật kế đi trước, đại binh ngậm tăm lặng lẽ theo sau.

Chiều hôm ấy, một toán hơn hai chục người mặc binh phục Gia Định, gánh rượu và giắt bè, giắt dê, có cờ lọng đi hộ lễ, nghiêm trang đến trước cửa chính thành Biên Hòa, tuyên lệnh rằng nguyên soái thương các tướng sĩ giữ thành khó nhọc, sai đem dê rượu ra, gọi là úy lạo những kẻ có công đồn trú xa xôi.

Minh Thiện nông nổi, tưởng thật là Khôi biết tính mình hay chén, sai đem rượu thịt ra tặng thưởng, liền bảo mở cửa thành cho bọn kia vào, rồi giục hỏa đầu quân thui bò mổ dê, nhắm với rượu đế - một thứ rượu ngon có tiếng ở Nam Trung - và cho khắp mặt bộ hạ tha hồ ăn uống no say.

Bọn kia vào lọt trong thành và được tiếp đãi thân thiết như quân một nhà, chia nhau đi thăm cả anh em đóng giữ pháo đài, đồn lũy. Vào khoảng canh ba, họ xuất kỳ bất ý, rút đoản đao ra chém giết lính gác, nổi lửa làm hiệu, mở tung cửa thành cho quân Tam tỉnh tiến vào tự do. Tên gia đình của Minh Thiện hốt hoảng, chạy vào nhà lay thức ông chủ:

- Ông ơi! Dậy mau! Có giặc, có giặc!

Minh Thiện còn say chưa tỉnh, bị lay động rất mạnh, mới cựa mình và nói ú ớ, mắt vẫn nhắm:

- Giặc nào, mày chỉ nói láo!... Đưa bát nước sâm thang tao uống, khát quá!

Quân Tam tỉnh phá cửa vào gần đến nơi, tên gia đình cuống quýt kêu réo lần nữa:

- Giặc đến kia rồi, ông ơi!... Hãy chạy ra cửa sau, kéo chết...

Vừa lúc quân Tam tỉnh ập vào bên giường:

- Chính bay là giặc chứ ai!... Có chạy lên mây...! Để chúng tao hóa kiếp cho!

Họ nói và hoa đao chém cả Minh Thiện và tên gia đình: tở chết khi tỉnh, thầy chết vẫn mê.

Trong cơn thảng thốt, quân sĩ thủ thành bị tử thương và đầu hàng gần hết, chỉ độ dăm sáu chục người chạy thoát nửa đường thì gặp đạo binh Nguyễn Văn Bội đi lên.

Trước tình thế trái cựa, Bội tạm dừng quân lại giữa đường và phi báo về Gia Định.

Khôi nghe tin, xám mặt run người, vừa tức vừa thẹn: tức vì quân mình thảm hại oan uổng, thà được giao chiến đường hoàng mà thua trận cho cam; thẹn vì mình dùng lầm Trần Minh Thiện để mất đồn ải địa đầu, tất phải thu phục cho kỳ được, để lấy lại uy danh và nhuệ khí.

Đồng thời lại có tin báo thủy quân của triều đình lên cửa Cần Giờ, hai đồn Long Thành và Nhà Bè cũng đã thất thủ, vì binh lực kém, Khôi càng nổi xung, lập tức khởi binh tiến phát.

Một mặt truyền lệnh Hoàng Nghĩa Thư đem binh đi tiếp ứng Nguyễn Văn Bội, phú thác hai người công việc đốt phá chiến thuyền bên triều ở cửa Cần Giờ và lấy lại hai đồn Nhà Bè, Long Thành, giao hẹn hễ không thành công thì đừng về trông thấy mặt nhau. Một mặt, Khôi tự thống xuất quân sĩ hai dinh Hồ Bôn và Hùng dựng lên Biên Hòa nhất định làm cho binh triều phải đền bồi lại một giá cực đắt.

Ta đã biết Lê Phước Bảo chiếm được Biên Hòa không phải ở tài gì thao lược chiến đấu của mình, chỉ nhờ ở chỗ Minh Thiện say sưa và khinh địch. Hình như Phước Bảo không tự biết thế, trở lại coi thường tất cả tướng sĩ Gia Định, đến nỗi không lo bồi bổ thêm cuộc phòng thủ thành trì mới vào tay mình, lại muốn thừa thắng tiến bừa đến Phiên An, trong ý tưởng, chắc thu phục thành này cho triều đình, dễ như trở tay, ngon như ăn gỏi.

Vừa khi ấy quân Gia Định rần rộ kéo lên, mà người cầm đầu chẳng phải là tay Phước Bảo có thể đối địch.

Muốn dương oai diệu võ cho giặc trông thấy binh lực triều đình mà khiếp, Phước Bảo tự dẫn đại binh đi nghinh chiến ở một khu rừng cách xa thành trì độ bảy tám dặm, địa thế quanh co hẻo lánh, định giăng lưới sắt ở chỗ này để bắt sống quân giặc, không vợ cả đám tất cũng phải nắm chớp được một mẻ khá to.

Không ngờ Khôi lanh trí mau chân, đã đến đấy trước. Lúc quân Tam tỉnh tới nơi, chưa kịp nghỉ chân, đã nghe tiếng súng nổ đi độp chào đón, kẻ đến trống trận nổi lên tứ tung, hòa nhịp với tiếng người reo hò rầm rĩ, biến hẳn khu rừng lặng lẽ trở nên khủng khiếp; nhất là ngoảnh mặt về phía nào cũng có tiếng đạn nổ trống hồi và tiếng người gầm thét, mà chính người ở đâu, tuyệt nhiên chẳng trông thấy bóng. Kẻ non gan yếu bóng vía có thể tưởng tượng là một trận ma quỷ giao chiến với người.

Quân Tam tỉnh khiếp đảm, bỏ cả hàng ngũ, mặc kệ tướng lệnh rao truyền rất cổ; ai mấy chen lấn nhau tìm những gốc cây và bờ bụi lấy chỗ ẩn núp. Tuy có bắn trả, nhưng chỉ là bắn vu vơ, có khi quân mình tự hấn nhau thì có.

Trong quân xen lẫn cả người quê quán ở Bình Thuận. Họ cũng tin là ma quỷ, vì chính họ đã trải nhiều cảnh hãi hùng bởi mà làm quỷ nhất; “*cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận*”, hai cái ghê sợ truyền tụng từ xưa.

Kỳ thật chỉ là mấy toán quân tiên đạo của Khôi sai mai phục và bày tỏ như thế.

Phước Bảo biết mình mắc mưu giặc, nhưng muốn hô quân liều chết kháng chiến cũng chẳng được. Một khi quân sĩ đã táng đờm, còn nói chuyện đánh chác nổi gì? Khổ nhất là họ bị đạn của kẻ địch vô hình bắn trúng thì ngã, chẳng chết cũng phải thương tích đau đớn; còn họ bắn trả không có mục đích mà ngấm.

Chẳng đợi Phước Bảo truyền lệnh tháo lui, quân Tam tỉnh tự xô đẩy nhau chạy tán loạn. Chỉ những tranh đường dày đập lẫn nhau mà chết cũng đủ nhiều.

Tướng lại thúc quân chạy về bản trại cho mau, sợ giặc có đường ngang ngỗ tất nào mau hơn, đoạt lại đồn lũy Biên Hòa thì khôn.

Cũng may, quân Gia Định chỉ đuổi theo sau,

Về tới Biên Hòa, Phước Bảo tức tốc sai người chạy trở ra Bình Thuận lấy quân cứu viện, rồi đóng chặt cả bốn cửa thành, lo việc phòng thủ.

Khôi tiến binh đến, vây bọc tứ phía.

Trong khi ấy, Nguyễn Văn Bội và Hoàng Nghĩa Thư phân binh đốt phá truyền lương thuyền chiến của triều đình ở cửa Cần Giờ và tiến công hai đồn Nhà Bè, Long Thành dữ dội, thành ra binh triều hai nơi thủy bộ, như con rắn đã bị chém đứt làm hai đoạn không thể giao thông tin tức hay cứu ứng lẫn nhau.

Ở mặt trận này, binh triều tổn hại vừa lương thảo vừa quân sĩ cũng nhiều; nhưng quan hệ kịch liệt ở mặt trận Biên Hòa hơn.

Nhưng trước khi đánh thành, Khôi muốn đem nghĩa lý chiêu hàng.

Một bức thư ghim trên đầu mũi tên bắn vào trong thành, kể sự hôn ám của vua Minh Mạng và khuyên Lê Phước Bảo nên biết xét mình, thương dân, hiểu thời, lượng sức, tự đem thành trì quy hàng, để cùng Nghĩa đảng vì dân ra sức sửa sang lại quốc gia, xây dựng lên nghiệp mới, như thế là người tức thời, mai sau được Hoàng tôn ghi nhớ công lao, không đi đâu mất phần sung sướng phong hầu phong ấp. Trái lại, thì bộ ngựa cản xe, trứng chọi với đá, chỉ trong sớm tối binh thua thành vỡ, thân danh không còn, chẳng hóa ngu dại lắm ư?

Khôi bắn thư vào thành rồi hạ lệnh cho quân sĩ hoãn việc công phá thúc bách để chờ trả lời, Phước Bảo ở trong thành thấy vậy, bèn lợi dụng thời cơ, khất lần hẹn lửa, hôm nay nói rằng xin để cho thư thả suy nghĩ, ngày mai lấy cờ dò xét lòng quân, vì có một vài phần khẳng khẳng quyết chiến, nhưng bề nào rồi cũng giàn xếp xong. Kỳ thật Phước Bảo không chịu đầu hàng, chỉ hứa hẹn lần nữa, đợi viện binh từ phía ngoài sắp đến.

Đến ngày thứ sáu, Khôi lại bắn tin vào thúc giục. Phước Bảo liệu chừng không kéo dài hạn được nữa, liền viết thư trả lời, buộc giấy từ trên mặt thành thả xuống. Trong tờ giấy chỉ có tám chữ “*Không hàng phản tặc, có đánh thì đánh*”, tỏ ý cương quyết chống cự đến chết thì thôi, không khi nào thành trì quân sĩ triều đình mà lại đầu hàng Khôi là kẻ phản tặc.

Như Châu Du bị Khổng Minh chọc tức, Khôi nổi giận điên cuồng, lập tức truyền lệnh cho mấy nghìn quân sĩ bản bộ và cư dân các làng xung quanh, khẩn cấp làm hai vạn cái sọt đan bằng mây, có việc quân dụng, hẹn đúng giờ Ngọ hôm sau phải nộp đủ số.

Ai nấy học tốc làm theo tướng lệnh, nhưng không đoán ra chỗ dùng làm gì.

Đúng hẹn trưa mai, có đủ hai vạn cái sọt.

Khôi kiểm điểm qua loa, rồi lại ra lệnh thượng khẩn cho quân dân lấy đất, đá hay cát, đổ vào những sọt ấy cho đầy, phòng khi bất kỳ dùng đến.

Buổi chiều hôm ấy và suốt cả ngày hôm sau, quân Gia Định bắn vào, quân Tam tinh bắn trả hăng hái; hai bên cứ giao chiến nhất gừng đến thế thôi, cố nhiên trong thành binh lực ít, không dám xông ra, nhưng quân vây ở ngoài, cũng không bày dấu tỏ gì công hãm kịch liệt. Gần tối, quân ngoài im hẳn tiếng súng, lại làm ra vẻ thu dọn đồ đạc, súng ống, gươm đao, như sắp sửa bỏ đi vậy.

Tối lại, trừ ra trước mắt các cửa thành và mấy chỗ xung yếu, còn thấp thoáng có bóng quân vây bọc, nhưng không đông đặc bằng trước; còn nhiều khoảng họ bỏ trống han, khiến cho quân lính trong thành càng tin rằng quân Gia Định tự giải vây đã rút đi phần nhiều rồi. Có lẽ chúng biết cứu binh ở Khánh Thuận vào đến nơi, sợ bị ngoài đánh tới, trong đánh ra, thì phải thế núng, mà biết thân lui trước đó chăng?

Nhưng, thật sự chúng có tháo lui đi đâu và cũng chẳng có bóng viện binh nào sắp đến.

Nửa đêm, Khôi cho quân sĩ ăn uống nai nịt hẳn hoi, truyền bảo ai nấy biết ba nơi mà họ cùng dân đình phải khiêng những sọt đất kia đến, là chính cửa tiền và hai góc đông nam và tây bắc. Cần nhất là hai góc nay, quân sĩ phải bản thân xuất lực, còn chính cửa tiền chỉ là hư ứng, thì để cho dân đình.

Trước khi quân sĩ ra tay, Khôi đứng nói khuyến khích mấy câu và dặn dò phương lược luôn thể:

- Ta cùng các người thề quyết vào thành Biên Hòa tảng sáng nay, dù phải bước qua đồng thây, lội qua suối máu, chúng ta cũng cứ

việc vào. Các người nhớ nghe lời ta căn dặn nghe: Hòì trống thứ nhất, thì phải xếp những sọt đất ở dưới chân thành cho xong; qua hòì trống thứ hai thì tuốt gươm reo hò mà leo bừa lên, chỉ có tiến chứ không lui, nghe không? Sống cùng sống, chết cùng chết, có ta chia phần gian nan với, các người đừng lo!

Nhiều người ứng thanh nói:

- Xin vâng theo lệnh nguyên soái! Hễ đưa leo trước chập chòn muốn lui, thì đưa sau cứ việc chém chết mà lên!...

- Ủ! Lâm trận phải thế mới được!... Khôi nói và đưa ngón tay lên ra hiệu cho viên giám trận nổi trống.

Tức thời, những tiếng trống đại cổ nổi lên, như sấm sét vang động, xé toang bầu trời tĩnh mịch.

Quân sĩ dũng được lâm trận, ai nấy ganh đua hăng hái lạ thường, Phần nhiều là hạng lính trai tráng vừa mới tình nguyện nhập ngũ, đang sôi máu chiến đấu, chả coi nguy hiểm ra gì.

Chưa hết hòì trống thứ nhất, ở hai góc đông nam và tây bắc, những sọt đất đã xếp đồng cao gần bằng mặt thành.

Nghe bên ngoài bỗng có tiếng người reo trống thúc rầm rầm, quân trong thành biết mình bị giặc công phá. Nhưng ban đầu Phước Bảo dồn quân chống giữ mặt tiền, vì tướng binh giặc cốt đánh chính diện, cho nên cứ hô quân nhà bắn riết vào những bóng đen nhấp nhô đang lù lù tiến gần đến cửa thành. Lạ thay súng càng bắn già, những bóng ấy cứ lảng lảng tiến vào càng gần. Chúng ta đoán cũng biết đây chỉ là dân đình phụ cận, mà Khôi dùng khiêng vác những sọt đất tới cửa thành mặt tiền, như kế hoạch đã định, cốt làm tấm bình phong che mắt Phước Bảo không thấy sự hành động cốt tử đang diễn ở chỗ khác. Dân đình mỗi người có một che đỡ, tuy súng trong thành bắn ra dữ dội, họ không tổn thương và cứ việc tiến.

Đến khi Phước Bảo thấy hai góc đông nam và tây bắc nguy biến, dời quân tới phòng thủ thì đã hơi muộn.

Giặc đang ồ ạt nổi nhau trèo lên mặt thành, như kiến vỡ tổ. Quân Tam tinh ở trên cao đánh xuống, rất là đắc thế, lại cự chiến hết sức dũng cảm nhất là ở góc đông nam; đến nỗi có nghe nhiều người trúng mấy vết thương ở cánh tay mà còn đủ sức ôm lấy ngang lưng

binh giặc, quăng xuống dưới đất huỳnh huých, và cậu nào hô thò đầu lên là chặt phăng cậu nấy. Có giây phút binh giặc đã chùn lại, không dám tiến nữa.

Nhưng họ nhớ lại mấy lời chủ tướng vừa bảo “*chỉ có tiến, chứ không được lui*”, khiến cho khí thế ai nấy bỗng trở lại mạnh mẽ bội phần. Họ gầm thét xô đẩy nhau cứ tiến bừa lên. Mỗi người cảm thấy sau lưng mình như có mũi gươm đâm chĩa vào, nếu lùi thì chết. Ai nấy hóa ra phần chân, dững mảnh, người nọ bị thương ngã xuống, liền có người kia nối gót trèo lên ngay.

Quân hai bên hò hét rầm rĩ, tiếng gươm đao chạm nhau chan chát, nẩy lửa.

Một lát, nghe ở cửa tiền có tiếng loa truyền gọi:

- Anh em Gia Định ta cố lên, nguyên soái ta đã trèo lên địch lâu đây rồi!

Thì ra Khôi thừa cơ Phước Bảo rút bớt quân lính ở cửa tiền đi chống giữ hai mặt kia, đã dùng những giây thừng một đầu có móc sắt, tung bổng lên cho móc bám lấy rìa thành, rồi chính mình treo gương can đảm, miệng ngâm bảo kiếm, hai tay nắm giây mà trèo lên thoăn thoắt. Năm chục tên thân binh trông thấy thế, cũng đua nhau lên theo, lấy sức một chọi mười, đánh tan được quân thủ thành và chiếm lấy địch lâu.

Quân sĩ đang chiến đấu ở hai góc thành, nghe tin nguyên soái đã phá được cửa tiền, càng thêm hùng hổ, sấn lên mặt hành, quân Tam tỉnh đành phải thụt lùi, không sao cản nổi; mạnh ai nấy chạy, mong thoát lấy thân.

Mờ sáng, đồn lũy Biên Hòa hoàn toàn về quân Gia Định chiếm giữ.

Lê Phước Bảo đem tân binh chạy mãi đến Gia Rai mới dám nghỉ chân, kiểm lại binh sĩ, mười phần tử thương hết già nửa; chưa kể bao nhiêu khí giới, lương thực, đều bỏ lại tất cả.

Trận này, binh triều thua đau đớn.

Muốn đời tôi lập công, rửa nhục bại trận, cách bảy tám hôm sau, nhân có viên binh ở Khánh Thuận kéo vào đến nơi, Phước Bảo quật trở lại đánh Biên Hòa, bị quân Gia Định giáng cho một trận chua cay hơn nữa.

Khôi bắt được mười khẩu thần công, hơn 600 tù binh, 4 thớt voi, vô số lương thảo.

Xấu hổ và sợ tội, Phước Bảo day mặt về hướng bắc lạy năm lạy, rồi tự đâm cổ chết.

Mấy tin bại trận đưa về kinh đô liên liên, làm vua Minh Mạng choáng người, không ngờ giặc mạnh đến thế. Ngài vội vàng phong Tống Phúc Lương, Nguyễn Văn Trọng, Trương Minh Giảng làm tướng, thống lĩnh đại binh vào đánh Gia Định.

IX. THÁI CÔNG TRIỀU, CON THÒ LÒ XẤU MẶT.

Lê Văn Khôi, theo mưu lược của ông Tăng Vô Ngại, toan lấy thêm binh, trù thêm lương, thừa thắng đánh thốc ra phía ngoài, hai đảng thủy lục cùng tiến, đánh lần lần cho đến kinh đô Huế.

Cuộc thành bại chưa biết đâu là chừng, có điều với tình thế nước ta lúc bấy giờ, sự mưu toan của Khôi chẳng phải nông cuồng tí nào, nếu đừng vì một lẽ nội tình cảnh trở, thì có thể đem ra thực hành, ngay sau khi chiến thắng ở đồn Biên Hòa, đã làm cho binh triều chấn động và giảm nhiều nhuệ khí.

Huống chi Khôi đã giao ước với anh rể là Nông Văn Vân khởi binh ở mạn thượng du xứ Bắc, rồi một đảng từ ngoài đánh vào, một đảng từ trong đánh ra, lấy kinh đô làm mục đích. Chẳng gì cũng khiến triều đình phải một phen khùng khoảng.

Nhưng “mưu sự ở người, thành việc ở trời”, cổ nhân đã nói.

Người ta bảo thiên ý không cho Khôi làm nên việc tranh bá đồ vương, nên chỉ xui khiến ra Khôi tuy có chí nhảy cao bước xa, mà có kẻ ở sau lưng níu kéo trở lại.

Kẻ níu Khôi lại, tức là Thái Công Triều.

Những lúc Khôi lăn lộn với máu và sắt ở mặt trận Biên Hòa, Triều ung dung đi thu phục bốn tỉnh phía dưới (Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) bằng tác lược.

Trước hết nên biết đạo binh thuyền của quan lớn Trung quân họ Thái đi trải việc quan, gồm cả hai vẻ oai nghiêm và phong nhã.

Dẫn đầu là một tiên đội chiến thuyền đi hàng đôi, trước mũi đặt súng thần công, quân sĩ đội nón chóp sơn, mặc áo nẹp đỏ mới tinh; những tay chèo cũng vậy. Thuyền một loạt như nhau, trong sơn đen ngoài thép vàng bóng lộn. Phía sau lái mỗi chiếc thuyền, một viên cai đội mặc nhung y, đeo mã tấu, đứng trước một lá cờ lớn, thêu hai chữ “chiêu an” tay cầm trống khẩu, đánh tung tung nhịp nhàng, ra hiệu cho ba chục mái chèo, đồng thời cày nước. Thủy thủ vừa chèo vừa hát khúc quân ca, nghe rất du dương, hùng dũng, chính của quân sư Tăng Vô Ngại mới đặt ra, chúng tôi thật lấy làm tiếc chưa sưu tầm được toàn khúc.

Kế tới đại thuyền của Triều, mình rộng mũi cao, tương truyền tức là chiếc thuyền *thừa lương* của ông Tả quân Lê Văn Duyệt ngày trước, do thợ khách trú chế tạo theo kiểu cách những thuyền du hồ, gọi là họa phỏng ở Tây Hồ bên Tàu, nhưng đằng này to lớn và trang hoàng hơn. Có thể coi như một lâu đài thu nhỏ lại và xây nổi trên mặt nước. Trong thuyền có phòng, có viện, người ta có thể thẳng mình đi lại ra vào, không phải khom lưng cúi đầu gì. Tứ phía chạm trổ sơn thép cực khéo; hai bên có cửa sổ dòm ra ngoài sông. Trên nóc lại có một tầng gác xinh xắn, đủ chỗ bày một tiệc rượu cho năm ba người phong nhã, ngồi đánh chén và xem trăng đón gió thanh thoi.

Sinh thời, Tả quân Duyệt thường đi thuyền này rong chơi trên sông Cửu Long những lúc việc quan nhàn hạ, người ở ven sông thấy đã quen mắt. Giá như bây giờ không nhận thấy lá cờ pháp phối ở đầu mũi thuyền bày ra sáu chữ to tướng “*Gia Định thành Trung Quân Thái*”, không chừng người ta nghĩ ông Tả quân còn sống.

Nay Công Triều ở trong thuyền ấy, ôm ấp mấy cô mỹ nhân ca kỹ lén đem từ Gia Định đi theo. Chung quanh mình đầy những gấm vóc, kim ngọc, cực kỳ xa xỉ đối với đương thời. Đi tới đâu, thiếu món gì, tự nhiên bổ cấp ở đây hoặc những nhà hào phú quanh miền tự đem đến cống hiến. Lạ gì ở đời loạn, mà Triều lại là một bậc yếu nhân hiển hách, tham lam, dễ tác oai tác phúc, không thiếu chi người kiêng sợ bóng gió, tự đến cầu cạnh đút nhét, cho được bảo toàn lấy thân gia tài sản của mình. Vì thế, khi Triều đến Hà Tiên, có nhà điền chủ hiến luôn một lúc hai nàng thiếu nữ song sinh, cho làm tiểu thiếp. Những vàng bạc châu báu thu lễ mỗi nơi, chất đầy khoang thuyền, là chưa nói đến.

Ngay sau lưng Triều là chiếc thuyền “nhà bếp”, kho chứa những trân cam mỹ vị, bất cứ nửa đêm gà gáy, quan lớn muốn xơi yến sào hay hải cẩu thận, một tên tiểu đồng bơi chiếc xuồng nhỏ đi truyền mạng lệnh, tức thời có ngay.

Sau hết lại một đoàn chiến thuyền đi đoạn hậu, số đông gấp hai tiền đội, còn nghi vệ thì cũng thế, ta đã thấy rồi.

Ấy là nói sự thể thống quan lớn Trung quân đi trẩy ở trên mặt nước. Tới chặng nào cần lên đi bộ, thì đã có bộ binh hộ tống, cờ mở trống rong, tiền hô hậu ủng, kéo dài hai ba dặm đường, những vồng lọng cờ quạt với tiếng thét dẹp đường đủ khiến dân làng hai bên phải trầm trồ khùng khiếp uy thế của giặc.

Chúng tôi cốt phác qua cảnh tượng Thái Công Triều đi trẩy dưới thuyền trên bộ một cách tự do hách dịch như thế, để tỏ ra bốn tỉnh miền dưới Nam Kỳ lúc bấy giờ, tiếng là đất của triều đình, mà thực là quy phụ về Khôi cả rồi. Triều phụng mệnh Khôi đi chiêu phủ, nhưng không khác gì một ông chủ mới, ung dung đến nhận đất và xếp đặt công việc kinh doanh thế thôi. Bất quá Triều chỉ tốn công đi, trở tài miệng lưỡi hiểu dụ, cứ không phải đánh chác gì cả; trái lại, còn được cái lợi là đem rượu ngon gái đẹp đi du lịch khắp xứ chẳng tốn đồng trinh nào của nhà; hơn nữa, lại nhân cơ hội tự gây riêng thế lực anh chị để trở mặt cướp địa vị Khôi sau này.

Trừ ra, lúc đến Châu Đốc, Triều mới gặp cuộc chống chọi của hai vị quan triều đình có chức trách thủ thành bảo thổ ở đây, là tuần phủ Lê Đại Cương và án sát Lê Văn Lý. Nhưng hai cụ lớn ta chỉ chống cự miễn cưỡng gọi là che mắt thế gian và lấy tiếng với triều đình vậy thôi. Vài hiệp súng thị uy của Triều đủ quăng hai cụ lớn lên trên lưng ngựa, xám xanh cả mặt, run bần cả người, té thẳng lên Nam Vang nường nấu, phó mặc nhân dân thành trì Châu Đốc cho quân giặc làm cỏ hay không, tự ý.

Ta nên nhớ sau lưng Triều, lúc nào cũng sẵn có đạo binh Dương Văn Nhã mà Khôi sai đi tiếp ứng xa xa, phòng khi lưỡi mềm không xong, phải dùng đến sắt cứng. Nếu quả Châu Đốc hay thành trì nào chống cự hần hoi, cũng phải tan vỡ.

Nhưng trừ ra Châu Đốc gượng gạo chốc lát, không có thành trì đồn lũy nào chống cự cả. Từ Định Tường xuống mãi Hà Tiên, Triều

chỉ thấy những tòa thành bỏ không, vô chủ, hoặc là chính những tuần phủ, lãnh binh, treo cờ trắng, mặc áo rộng xanh, bày hương án, thân ra đón rước và tình nguyện quy hàng.

Thành ra, sự tình quả thật như trên đã nói, Triều đến Lục châu, ung dung chẳng khác một người thay mặt chủ điền, đi nhận đất mỗi nơi, rồi phân phát cho người khác lĩnh canh.

Đi qua mỗi hạt, Triều với hợp văn thân, hào lý, dân chúng, giải tỏa cho họ biết vì những nguyên nhân nào và cốt có mục đích gì đại nguyên soái Lê Văn Khôi cùng anh em đồng chí phát cờ khởi nghĩa; kết thúc Triều nói:

- Các người hãy nghe lời ta phân trần cho rõ: công việc phản đối triều đình là công việc cứu nước an dân, bao nhiêu quan lại tham ô cùng những chính lệnh hà khắc, cố nhiên phải quét sạch và đổ tống xuống bể cho hết. Từ nay dân ta an cư lạc nghiệp với chính lệnh mới, quan lại mới, mà trong đó các người đều có phần trách nhiệm về mọi sự lợi hại hay dở quan hệ đến mình... Ngay bây giờ, ta để các người tự quyền lựa chọn lấy người xứng đáng ra làm việc quan, coi sóc mọi việc cai trị, hình án, bình lương trong bản hạt...

Đời ấy, Thái Công Triều đã được nghe phong phanh tư tưởng dân chủ bên Tây phương, hay là tự va nghị sao nói thế, sức nhớ đến cái thuyết “*dân vi quý*” của Mạnh Tử hay sao không biết; ý kiến va mới bày tỏ trước mặt văn thân, hào lý, dân chúng, tức là tư tưởng dân quyền, cho dân được công cử đại biểu, như đã thực hành ở nhiều nước Âu châu lúc bấy giờ, trước nhất là nước Pháp.

Vì thế, văn thân hào lý cùng mọi người đứng nghe hiểu dụ, đều lấy làm bối ngỡ, lạ tai, không hiểu rõ Triều muốn nói gì.

Thoạt tiên ai nấy ngơ ngác nhìn nhau, rồi có người đánh bạo hỏi lại:

- Bẩm quan lớn, ngài vừa mới nói “*cho dân tự quyền lực chọn lấy người xứng đáng ra làm việc quan*”, câu ấy là nghĩ thế nào, xin dạy bảo cho chúng dân biết rõ.

- Nghĩa là cách thức cai trị bây giờ sửa đổi mới hẳn; Triều đáp. Quan chức lớn nhỏ ở một hạt, cho dân tự do bầu cử lấy người nào ở trong đám mình xét ra xứng đáng thì làm, chứ đại nguyên soái ở Gia

Định không phải bỏ quan ở đâu đến trấn nhận mỗi tỉnh thành, mỗi phủ huyện như lối cũ, nghe chưa? Làm thế, để chỉ tỏ ra chúng ta khởi nghĩa là cốt vì dân.

- Bẩm quan lớn, cả chức tuần phủ, tổng đốc, cũng cho dân tự kén chọn bầu cử lấy?

- Phải, từ tổng đốc trở xuống cho đến những chức đề lại, thơ lại.

- Thưa, hễ dân chọn ai thì đại nguyên soái ở Gia Định chuẩn y người ấy?

- Chính thế, Gia Định sẽ gởi bằng sắc cho những quan lại dân cử.

- Bẩm, vậy thì người dân cử làm quan mỗi hạt, tất phải con nhà trâm anh, hay là đỗ đạt cử nhân tù tài chẳng hạn?

- Không nhất định phải thế!... Triều cười và đáp. Các người muốn bầu cử một cha căng chú kiết nào lên làm quan bản tỉnh cũng được cả, miễn là người hiền đức và có tài năng. Nhiều kẻ đỗ đạt mà vô tài vô hạnh, không bằng một anh bố y!

Trong hàng thính giả đứng gần có mấy người bàn nói xầm xì với nhau, tán tụng chính lệnh mới:

- Đại nguyên soái sửa đổi như vậy chí phải, Nam Kỳ ta sẽ được thấy cuộc thịnh trị như đời Nghiêu, Thuấn, Tam đại, người ta quý chuộng chân tài hiền đức hơn là hư danh.

- Nếu thế thì mẹ đỡ nhà tôi có lúc được làm bà lớn cũng nên.

Thái Công Triều nghe lọt, đưa mắt nhìn bộ dạng người dân áo vải cũ kỹ ấy; gật gù nói:

- Trông nhà người rắn rỏi vạm vỡ thế kia, đang lúc quốc gia dụng võ, nhà người có thể đem cho mẹ đỡ cái danh phận bà lớn lãnh binh được lắm đấy.

Nói rồi, Triều sai mở những kho tiền gạo của Triều đình, còn được bao nhiêu, đem phân phát cho dân bản cùng tất cả.

Triều đi hạt nào, cũng chiêu phủ nhân dân bằng cách khôn ngoan như thế được người ta hoan hô quy phụ như nước chảy. Họ cày cấy làm ăn vất vả, mà bị trời làm mất mùa đói kém thông luôn mấy năm, đã khốn đốn về sự sống vật chất, lại thêm đau khổ tinh thần, bởi tụi

tham quan ô lại hành hà những nhiều đủ cách. Một cái chính lệnh của Triều đình nghiêm khắc chỉ có một phần, nhưng tụi ấy thừa hành, bày vẽ thêm phần nghiêm khắc đếm mười, đến trăm. Triều đình ở cách xa quan sơn nghìn dặm, có biết đây là đâu. Tội nghiệp nhất là những dân đi đạo – mà Nam Trung thuở ấy rất đông – vì chính sách cấm đạo khiến họ bị bọn quan lại thừa nước đục thả câu, làm cho khổ sở dữ dội hơn. Ai có tiền bạc dứt nhét còn khá; không thì phải giam cầm, cùm xích, trốn tránh phiêu bạt quanh năm, chả được giây phút nào yên nghỉ và khỏi lo sợ. Tóm lại, nhân tâm đang oán hận triều đình và khát khao cuộc đời an cư lạc nghiệp, nay bỗng có phong trào tới trả thù giùm họ, giúp họ có hy vọng sinh sống yên vui, lại chần cấp tiền bạc thóc lúa và bảo họ tự bầu cử lấy quan lại, như thế phỏng ai chẳng hả lòng thích ý?

Người ta xem Khôi với Triều như hai vị phúc tinh giáng phạm. Nhiều nhà có bề thế, đem khí giới binh lương giúp giặc. Hạng trai tráng đua nhau đầu quân, xin làm bộ hạ Triều vô số. Riêng phần Triều, giờ tỏ uy danh đã đành, lại có binh lực cũng hùng hậu nữa.

Đem ba tác lược đi chưa đầy một tháng, thu phục được bốn tỉnh dễ dàng, trong lúc Khôi cầm binh đánh chác vát vả và ở một tỉnh Biên Hòa, Triều có vẻ bề nghệ nhất thế, tự cho mình là anh hùng số một, công lao số một, trong thâm ý vênh vang tự đắc, chẳng coi nhân tài nghĩa đảng thâm tháp vào đâu kể bắt đầu từ Khôi mà đi.

Duy có trước mắt nàng Lý Cẩm Huệ thì lạ thay! Triều lại thu hình nhỏ như con kiến.

Hôm ấy, đạo thuyền trẩy đang đóng ở Hà Tiên, nghĩa là Triều tới đoạn chót hành trình và đã thành công rực rỡ, chỉ còn sửa soạn quay về Saigon. Nhân đêm trăng tốt, Triều sai chèo lâu thuyền ra đậu giữa sông, rồi bày tiệc đàn ca tiêu khiển với mấy ả thanh sắc đem theo; luôn dịp ăn mừng hai cô thiếu nữ mơn mớn đào tơ, vừa được một nhà hào phú sở tại dâng làm tiểu thiếp.

Giữa cảnh trăng thanh, sắc đẹp, đàn ngọt hát hay, Triều say sưa ngả ngón, tay nâng chén, đầu nghiêng dựa bên nào cũng đụng chạm mỹ nhân, tự phụ mình lúc này phong lưu hiển hách nhất đời, có thể ví như các bậc lương thần danh tướng đời cổ, gật gù ngâm hai câu “Túy chằm mỹ nhân tất, tính ác thiên hạ quyền” (*Cơn say gỏi đùi mỹ nhân, lúc tỉnh cầm quyền thiên hạ*) mà không phải then chút nào!

Bỗng có mấy tiếng nhẹ như gió mà ghê như sét, phát ra từ các cậu lính canh gác chung quanh thủy trại loan báo lẫn nhau:

- Phu nhân đến!

- Phu nhân đến đó, nghe!

Trong lúc ấy, một thiếu phụ ôm cậu con trai độ bốn năm tuổi, ngồi trên chiếc tam bản nhỏ, do một tên lính bơi chèo, lừ lừ tiến ra lâu thuyền của Triều.

Hắn ai cũng đoán ngay Lý Cẩm Huê cùng đưa con nàng, từ Sài Gòn bạt thiệp ra đây tìm chồng. Hôm Triều phụng mệnh ra đi, lấy có việc binh nguy hiểm bất trắc, để nàng ở nhà, cho được tự do đem theo một lũ tình nương ca kỹ mua vui giữa đường; nàng thừa hiểu, nhưng chẳng kêu ca than thở gì hết.

Ba tiếng “phu nhân đến” ném trúng vào giữa cuộc thanh sắc ngả nghiêng thế này, làm Triều bại hứng, khủng khiếp; giá ai làm phúc chọc thủng lâu thuyền cho va chìm xuống đáy sông, có lẽ mát ruột hơn. Bình nhật, va kiêng sợ nàng và nàng ghen tuông dữ, hai đảng cùng nổi tiếng như nhau.

Con người, trong óc đầy trí khôn xoay trở thời cuộc, mà đứng trước một việc nhỏ mọn lại phải hãi hùng; luống cuống. Triều định chắc Cẩm Huê lần mò từ Sài Gòn xuống chỉ cốt đánh ghen, chứ không còn vì lẽ gì khác. Phen này biến to!

Không biết làm thế nào, Triều chỉ còn vừa kịp khoát tay ra hiệu cho đàn ca im đi, các cô tẩu đi, rồi mình thì thối phụt đèn, vội vàng chui xuống khoang thuyền, nằm dán mình dưới ván, trùm chăn lên trên, nín khe không dám thở.

Tội nghiệp mấy cô sợ bị đòn mang nhục, bỏ chạy tứ tung. Cả hai người tiểu thiếp mới hiến cũng thế. Người này nhảy bừa xuống chiếc xuống con, bơi đi tất cả. Người kia nhào đại xuống sông, làm mồi cho cá sấu.

Mà tưởng Cẩm Huê đến, là cốt làm sấm sét giông tố gì sao?

Nàng phăm phăm trèo lên lâu thuyền, đánh lửa thắp đèn, rồi làm như người bắt ếch đã quen thuộc hang hốc, xuống thẳng dưới khoang, kéo chăn lôi Triều dậy, nói năng niềm nở:

Mời ông lớn ngồi dậy cho mẹ con tôi xem mặt một tí nào!

Triều nghe, tưởng là câu nói giận lẫy, không dám ngửa mặt lên nhìn vợ, giả đồ bóp đầu vỗ trán và nói giọng rên rỉ như người có bệnh:

- Từ chiều đến giờ lên cơn sốt, làm nhức đầu, khó chịu quá!

- Lại bệnh Tề tuyên, chỉ uống thang mỹ nữ là khỏi, ai còn lạ gì? Cẩm Huê nói và cười gằn, càng khiến Triều hồi hộp.

- Mình chỉ nói nhảm! Triều đáp.

- Nói nhảm à?... Vừa mới rồi ở trên bờ còn nghe tiếng đàn ca inh ỏi, cười đùa rầm rĩ trên sông, làm cho Hà Bá mất ngủ... Sao mà phát bệnh chóng thế?

- Đấy hẳn là quân sĩ nô đùa ca hát làm vui... Thế mà tôi nằm sốt mê man, chẳng biết gì cả.

- Ông lớn vờ vịt khéo quá... Làm như người ta đui điếc tất cả.

- Thật đấy!

- Ông lớn muốn chối, hử?... Ngồi bên, mùi rượu còn sặc cả lên... Lại còn phấn của mấy cô ấy dính cả vào đầu tóc râu ria đây này, tang chứng rành rành...

- Thôi, tôi van lạy mình, nói khe khẽ chứ!... Chuyện gì hãy để mai một về Sài Gòn sẽ hay. Nếu ở đây, mình diễn kịch ghen tuông, cả lời lớn tiếng, để trò cười cho binh gia cùng những người tai mắt ở xứ này, làm tôi mất cả thể thống đi.

Khốn nạn, Triều cúi đầu van lạy thật, sợ cuống cả người. Trước hàm con sư tử Hà Đông, đến anh hùng hào kiệt cũng nhiều người phải khiếp, chẳng riêng gì Triều.

Cẩm Huê thấy bộ tịch mà phì cười, không nỡ hình phạt tinh thần nữa:

- Mình gàn quá! Đại trượng phu làm nên công danh sự nghiệp ở đời, muốn vui chơi thanh sắc cứ việc đường hoàng công nhiên, oan gì mà phải che đậy, chối cãi. Đừng thèm bắt chước những kẻ đêm hôm mò mẫm như ranh, ban ngày làm bộ từ hiền như bụt, để lấy tiếng tốt với đời, như thế là giả dối, hèn hạ.

- Thú thật với mình, tôi vui chơi công nhiên trước mặt thiên hạ, nhưng với nhà thì phải che đậy chối cãi, vì sự thương yêu kiêng nể khiến thế!... Triều nói một cách ôn tồn, nhỏ nhẹ, tưởng nịnh khéo như thế cho Cẩm Huê hả lòng.

Không ngờ được thấy kết quả trái hẳn:

- Thế thì ông lớn càng sai lầm to! Cẩm Huê nói với giọng trực tiết. Người quân tử làm việc gì cũng vậy, cần minh bạch đối với vợ con nhà trước hết, mới minh bạch với thiên hạ được chứ.

- Mồm mép lý sự ấy, tôi xin đầu hàng bái phục. Tiếc sao mà mụ không nặn cho mình ra đời làm đàn ông?

- Ủ, mình thử nghĩ xem tôi nói thế không phải à?... Vả lại, mẹ con tôi lặn lội ra đây chuyến này, có phải chủ ý tìm mình để ghen tuông sinh sự gì đâu! Mình vui chơi cứ vui chơi, mắc mớ gì phải luống cuống bãi tiệc thối đèn rồi đắp chăn giả bệnh...

- Thật vậy ư?... Triều chận ngay lời vợ và hỏi. Chính tôi đang muốn hỏi mình: kỳ hẹn tôi sắp về Sài Gòn đến nơi, mình phải lặn lội ra đây làm gì? Tất có duyên cớ quan hệ thế nào thì mình mới đi!...

- Có thể!... Mấy hôm trước, nội thành Phiên An người ta đồn rầm lên rằng quan Trung quân đã tử trận ở đồn Châu Đốc... Tôi choáng váng cả người, lập tức vào soái phủ hỏi thăm tin mình, ai nấy đều trả lời một cách lúng túng, có vẻ bí mật, khiến tôi thêm lo ngay ngáy... Vừa may gặp ông Tăng Vô Ngại đến phủ, tôi nín áo hỏi săn hỏi đôn, ông ta tươi cười yên ủi và khuyên tôi chớ nghe lời thiên hạ đồn đại vô bằng. Ông nói nếu quả thật quan Trung quân có mệnh hệ rủi ro thế nào, thì soái phủ phải nhận được tin hung báo trước nhất, mà đằng này soái phủ chẳng tiếp được tin tức gì lạ, thế nghĩa là quan Trung quân vẫn được bình yên. Nhân dịp, ông kể chuyện cho tôi nghe binh triều ở Châu Đốc có chống cự qua loa, nhưng quan Trung quân bắn súng thị oai mấy hiệp, là chiếm được đồn lũy ngay... Vậy là tôi được yên tâm, cách mấy hôm, lại có một tin khác, làm tôi giật mình lo ngại, đứng ngồi không yên...

- Còn tin gì nữa?... Còn tin gì nữa đây?... Triều hỏi dồn.

- Cái tin này quan hệ, đáng nên giới tâm... Ấy là tin Triều đình treo thưởng 300 nén bạc để lấy đầu Lê Văn Khôi và đầu mình, hễ ai thành công, ngoài món tiền thưởng to tát ấy, lại được phong làm thiên hộ... Vì thế, hiện nay có bọn lực sĩ thích khách hăm hờ công danh

phú quý, đua nhau hoạt động dữ lắm. Hôm nọ, trời vừa nhá nhem, có người lạ mặt, la cà ở trước cửa phủ ta, dò hỏi quan Trung quân hôm nào ở Hậu Giang trở về, để tới yết kiến... Tôi chạy ra nom theo, thấy đúng người thật khả nghi. Tụi gia nhân đều nói thấy hắn có dấu dao nhọn trong mình. Chắc là một thích khách.

- Khả nghi sao không hô lính bắt cổ nó lại? Triều nói:

- Lúc ấy không kịp nghĩ đến, Cẩm Huê đáp. Nó lẩn vào bóng tối, nhanh như cái cắt. Nghe nói bọn thích khách định dùng tới mỹ nhân kế cho được dễ thân cận những người mà họ muốn cắt lấy thủ cấp để lĩnh thưởng của triều đình. Cái gì chứ gái đẹp thì tôi còn lạ gì tính nết “hảo ngọt” của mình, hễ thấy là híp mắt lại, vồ vập ngay... Biết đâu trong mấy cô ả mình tưởng là che được mắt tôi, đem theo từ Sài Gòn, lại chẳng có một đứa đóng vai mối chài cạm bẫy của quân thích khách?... Sợ mình không biết cái tin triều đình treo thưởng mua đầu, sợ mình quá híp mắt về gái, chẳng biết đề phòng mà bị kẻ thù thừa cơ ám sát, cho nên tôi lo sốt cả ruột, vội vàng đâm bổ xuống đây...

- Ôi! Đàn bà chỉ khéo lo nghĩ vẩn vơ! Triều nhìn Cẩm Huê vừa nói vừa cười. Tôi đi đâu tiền hô hậu ủng; ở đâu có quân gia hộ vệ canh phòng tứ vi, thích khách muốn hót cái đầu của thằng này khó lắm.

- Mình bảo tôi vẩn vơ?... Phải biết con người ta, càng cao danh vọng, càng dày gian nan, chẳng thiếu gì kẻ ghen ghét, rình mò làm hại, nhất là người ở vào cảnh ngộ như mình, đẳng nào cũng dở dang, nguy hiểm. Máy hôm, mẹ con tôi nằm dưới đòn từ Gia Định về đây, chỉ những hồi hộp, chả biết xuống đến nơi còn được thấy bình yên vô sự, bây giờ trông thấy mình vô sự, tôi mừng rỡ như được tái sinh vậy.

Triều ngồi lặng suy nghĩ giây lâu, rồi lắc đầu và nói lẩm bẩm, như nói một mình:

- Hừ!... Vô lý!... Đây hắn là tụi Đặng Vĩnh Ứng đồ hiền tạt năng, bày vẽ ra để làm mưu mô phản gián gì đó; chứ không lẽ triều đình lại sai người ám sát tôi!

- Tại sao! Cẩm Huê lấy làm lạ, hỏi.

- Chỉ tại... Triều trả lời ngập ngừng, không muốn nói hết. Nhưng mà thôi, đàn bà biết gì việc nước mà cũng tò mò.

- Ô! Ông lớn khinh em vừa chứ! Cẩm Huê nói giọng hờn mát. Một người đàn bà vượt qua bao nhiêu sông ngòi khói lửa đến đây, thấy chồng ngoại tình mê gái rõ ràng, mà không thèm ghen tuông hay tra hỏi nửa lời, chỉ ân cần lo nghĩ về tính mạng chồng nguy hiểm... thưa ông lớn, người đàn bà ấy có thể nghe bàn quốc gia đại sự được lắm.

- Phải, tôi vẫn biết bà đáo để, không thể mà nghe nói “phu nhân đến” người ta sợ hết hồn vía... Có điều việc này, tôi không muốn mình phải bận lòng; nào ai dám khinh?

- Nhưng mình cứ nói cho tôi nghe.

- Có gì lạ đâu, triều đình để tôi an toàn lúc này thì sẽ có lợi hơn; tôi tin trong triều, bề nào cũng có những bậc trí mưu, nghĩ đến chỗ ấy.

- Dễ thường mình là công thần hay quốc trượng gì, mà bảo triều đình phải quý tính mạng của mình như thế?

- Chẳng phải công thần quốc trượng gì cả, nhưng triều đình thuê người giết tôi bây giờ thì lấy ai thu phục Gia Định lục tỉnh lại cho!

Triều nói câu ấy có vẻ tự đắc ra mặt. Cẩm Huê sừng sốt ngó chồng rồi ghé tai hỏi nhỏ:

- Mình lại rắp tâm làm phản, phải không?

Không trả lời vợ câu hỏi ấy, Triều nói lảng qua chuyện khác:

- Hôm mình ra đi, tình hình Gia Định xem ra thế nào, vẫn yên ổn chứ?

- Yên ổn lắm, người ta trở lại buôn bán làm ăn vui vẻ như thường, xem ra nhân tâm ngày càng mến phục nghĩa đảng và mong đợi Hoàng tôn mau về làm vua.

- Còn ở mặt trận Biên Hòa?

- Nghĩa binh đại thắng, Khôi chiếm lại được thành Biên Hòa, đánh binh triều tổn thương vô kể. Một vài hôm, Khôi về Phiên An một lần, xem xét công việc, rồi lại lên Biên Hòa, bài binh bố trận, chờ ngày chống cự với đại binh của triều đình sắp đến.

- Đại binh ấy, ai làm tướng, mình có nghe nói không?

- Có, tôi nghe phong văn thế này, chả rõ là đúng hay sai: Triều đình đã phong Tống Phúc Lương làm thảo nghịch tã tướng quân và

Nguyễn Xuân làm tham tán; Phan Văn Thúy làm thảo nghịch hữu tướng quân, Trương Minh Giảng làm tham tán, hiệp với bình khấu tướng quân Trần Văn Năng, Nguyễn Văn Trọng, đem cả bốn quân thủy, bộ, kỵ, tượng, phân làm mấy đường tiến công Gia Định, hình như sắp sửa đến nơi. Phen này chiến tranh hẳn là dữ dội, mình há? Mình làm Trung quân đô thống, binh quyền to, trách nhiệm cũng to; nay mai ra trận, phải cố bảo trọng thân thể, kéo khổ vợ con nghe!

Triều đứng phắt dậy, truyền báo quân sĩ sửa soạn buồm lái, rồi day lại nói với Cẩm Huê:

- Nếu thế, ngày mai ta phải trở về Gia Định thượng khẩn mới được.

*

Quả thật, Triều rắp tâm phản Khôi ngay từ buổi đầu, cho nên có mấy may cơ hội nào khả thừa, và cũng lợi dụng tới đáy, không chịu bỏ lỡ, chỉ mong sớm được chuộc tội với triều đình.

Hôm đánh Châu Đốc, mà hai quan thủ thành là Lê Đại Cương và Lê Văn Lý thua chạy, trốn lên Nam Vang, kính đô nước Chân Lạp, Triều sai người thân tín theo gót, đưa hai ông ấy bức mật thư sau này:

“Kính xin nhị vị đại nhân chiêu giám”

“Triều tôi phải tạm thời theo giặc, chỉ vì tình thế bất đắc dĩ, nhưng tác lòng trung nghĩa, không bao giờ quên được ân đức trời bể của đấng quân vương. Chủ ý mình bảo toàn tâm thân hèn mọn này, để nay mai có dịp dõng dạc lập công với triều đình, thiết nghĩ còn hơn là hôm nọ tử tiết mà không ích gì.

“Hai ngài có dịp tâu sớ về triều, xin làm ơn vì tôi giải tỏ nỗi niềm khổ tâm, hầu mong triều đình soi xét cho tôi lập chí trung quân báo quốc là thế.

“Việc tôi trù liệu sẽ thực hành nay mai.

“Hai ngài tạm náu ở kinh đô Chân Lạp ít lâu, tôi sẽ đón rước trở về thành trì cũ.

“Gió thu mát mẻ, xa chúc bình an.

“Chánh vệ úy Thái công Triều bái thư”

Thế là Triều chủ tâm trở mặt rõ ràng. Đến hôm Cẩm Huê xuống Hà Tiên. Triều nghe tin triều đình mua lấy thủ cấp mình 300 lạng bạc, tin ấy thực hư không biết, nhưng va càng lo sợ và nóng nảy làm phản, vì e để dây dưa lâu ngày, lực lượng bọn Khôi thêm phần kiên cố khó phá, mà mình đối với triều đình chậm trễ chừng nào tội to hơn chừng ấy.

Bởi thế, Triều lật đật trở về Gia Định, khi được tin đại binh của triều đình sắp vào đến nơi mà trong những người làm tướng có Nguyễn Xuân là chỗ quen biết, có thể trông mong ông ta binh vực hộ mình.

Triều đến Phiên An giữa hôm Khôi cũng ở Biên Hòa trở về phê phát công việc.

Sau khi nghe Triều bày tỏ kết quả chiêu phủ các tỉnh. Khôi cứ độc đoán, tức thời chọn lính Hồi lương, phải đi mỗi tỉnh mười lăm hay hai chục người lanh lợi, khỏe mạnh, gọi là lính khâm phái, để giúp đỡ các quan mới trong việc tuần phòng, cai trị.

Bọn họ Tăng họ Đặng vì việc chung không thể nín hơi, lại bộc bạch lợi hại, can ngăn đến ráo lời, khô cả nước miếng. Khôi nằng nặc không nghe. Trong ý tự cho mình làm thế là phải, vì lính Hồi lương đối với Khôi có tình thầy trò tin cậy, có thể ủy thác hơn.

Nội chư tướng không ai vui lòng; duy có Triều làm thỉnh, chẳng nói thị phi gì cả, lại còn mừng thầm. Vì tụi lính ấy sẽ là khí giới gián tiếp cho Triều lợi dụng trong cuộc mưu phản.

Kỳ thật, trong thâm ý Khôi cũng đã nghi Triều, lại nghi cả những quan lại mới cử ở các tỉnh, sợ là vây cánh Triều xếp đặt, cho nên cần phải người tín cẩn ở Gia Định xuống đóng rải rác mỗi tỉnh, tiếng gọi là giúp việc, mà sự thật cốt để bí mật giám thị.

Nếu những người được giao phó trách nhiệm ấy, đứng đắn tử tế, thì chẳng những giúp Khôi được lòng nhân dân các tỉnh quý mến, phục tòng, lại làm cho Triều mất chỗ dựa, tức thị không dám ho he phản trắc gì nữa.

Khốn nhưng họ là lính Hồi lương.

Một hồi trên đã nói qua, độc giả hẳn còn nhớ: những người phạm tội trộm cướp sát nhân ở các tỉnh Đàng ngoài, bị án lưu đồ vào Gia Định; sau khi mãn hạn, phần nhiều ở lại sinh nhai, chứ không về xứ; lúc ông Tả quân Duyệt còn làm tổng trấn, sợ để họ trà trộn với

dân gian, rồi thì chúng nào tạt ấy, tưng đỏi làm càn, sinh ra nhiều sự, ông bèn nghĩ cách thu biên họ vào quân đội riêng, cho họ có việc làm yên ổn, vừa có thể lập công hiệu lực với nhà nước. Nhân thế, mấy đội lính đặc biệt ấy có tên là Bắc Thuận, là Hồi lương.

Khi còn là thần tử triều đình, chính Khôi cai quản đội lính Hồi lương, tình nghĩa ân uy khắng khít lâu ngày, thầy trò rất là tương đắc.

Bình nhật họ yêu mến kiêng sợ Khôi, ai nấy một niềm giữ tròn chức phận, không dám làm chuyện gì trái ngược, phạm phép. Khôi cũng tin cậy ở lòng họ trung thành và dễ thống ngự.

Ta đã biết cuộc khởi nghĩa của Khôi thành công mau chóng, có công lao đội lính Hồi lương đóng góp một phần khá nhiều.

Nay, Khôi bá chủ một phương, ngôi cao quyền lớn, nghĩ lại thầy trò tình cũ nghĩa xưa, lẽ tự nhiên muốn tìm cách để bạt cho đám cựu bộ của mình có cơ hội lập chút công danh, bỏ lúc cùng nhau tử sinh hoạn nạn. Huống chi họ lại là người Khôi tin cậy thuở giờ, cho nên công việc trình thám mọi sự cử động ở Lục châu, Khôi tất tả suy nghĩ cân nhắc, có thể đặt lòng tin nhiệm vào đám Hồi lương hơn là ai khác. Phàm người có thối mắc, tinh ma, nếm nhiều mùi đời cảnh khổ, mới làm được việc rình mò thiên hạ. Trong ý Khôi cảm chắc bọn đầu trộm đuôi cướp ấy được mình răn dạy bấy lâu, đã sửa đổi tính nết, tất nay không làm sự gì càn rỡ, để phụ lòng mình phó thác.

Có biết đâu họ như thú dữ, phải nhốt một nơi và có người kèm chế luôn; một khi thả buông nó ra thì lại hung tợn, say máu, vồ bắt người ta mà ăn như cũ.

Bọn Hồi lương khi ở Gia Định dưới quyền Khôi quản thúc, cố nhiên phải hiền lành tuân thủ kỷ luật; nhưng bọn Hồi lương thả cho đi lục tỉnh một mình, đeo thanh gươm, mặc áo dậu, có chút quyền hành trong tay, sẽ hiện nguyên hình trở lại căn tính!

Trước hôm họ đi, rủ nhau đến phủ Trung quân chào biệt, được Thái Công Triều nhồi sọ và cho ăn “bánh thánh” một cách thâm hiểm, dường như đánh thức căn tính họ dậy bảo họ cứ làm việc ác đi:

- Các anh nên biết đại nguyên soái tuy chẳng nói ra, nhưng ngài sai các anh đi Lục châu phen này, tức là cho các anh có cơ hội vinh thân ấm tử xây dựng tương lai hạnh phúc đấy. Ở cái đời binh đao loạn

lạc, tranh tối tranh sáng này, chỉ có thằng nào khờ dại mới không biết kiểm chác lấy ít tiền của để nay mai thái bình mà hưởng!... Việc gì các anh cứ thẳng tay, bề nào cũng đại nguyên soái với ta bênh vực...

Một lát, Triều cười hề hà nói tiếp:

- Nay Lục châu của tiền như nước, gái đẹp như tiên, tha hồ cho anh em tiêu khiển! Mà người ta lại hiền lành, chỉ lấy uy mà đè nẹt thì việc gì cũng xong!...

Những lời dụng tình kín đáo, kêu gọi tham vọng người ta như thế, không khác gì cơn gió thổi vào đồng lửa tắt lại bùng lên.

Quả nhiên tình nào tốp ấy, họ vừa đặt chân đến Lục châu, con heo vô lại ở trong bản tính, liền vùng chỗ dậy, tha hồ hoành hành tác ác.

Họ ý mình là công sai của đại nguyên soái, nhất cử nhất động, hết sức ngang tàng, hồng hách, không còn đếm xỉa lẽ phải trái mà cũng chẳng coi ai ra gì. Ban ngày thì dùng oai quyền làm mưa làm gió ở châu thành; đêm tối dắt nhau về các làng xóm, sách nhiễu chèn chén, cướp bóc nhà giàu, chọc ghẹo đàn bà con gái; hễ ai cưỡng lại thì họ chẳng ngần ngại ra oai căng nọc, đánh đập, đến nỗi rút gươm chém giết, coi tính mạng người ta rẻ rúng như thể cọng rơm con kiến vậy.

Ban đầu họ còn quấy nhiễu nhà dân, sau đến các dinh thự công môn cùng vợ con hầu thiếp của các ông quan mới, họ cũng không tha.

Có thể nói tóm lại, không việc gian ác nào họ chẳng dám làm; không trôi qua một ngày nào mà dân gian không bị hãi hùng và chịu sự tai hại bởi tội Hồi lương gây ra.

Bấy giờ, người ta thấy chế độ mới, cuộc đời mới, ngỡ rằng tốt đẹp, lại hóa ra xấu xa, chẳng có lợi gì cho mình. Cân nhắc, so sánh tham quan ô lại lúc trước thế mà không làm khổ dân quá quắt cho bằng tội Hồi lương hiện giờ. Tất nhiên lòng người phải nghi ngờ ngؤi lạnh với cuộc đời mới, trở lại nhớ tiếc chế độ đã qua.

Hôm nọ, nhân tâm nồng nàn hoan hô quy phục Khôi, nay trở lại oán thán ngấm ngấm rồi thì nổi xung lên, lấy bạo lực đối phó với bạo lực của bọn Hồi lương.

Chỗ nào, người ta cũng coi bọn ấy là bọn cừu địch không thể dung thứ.

Dur luận sôi nổi tứ tung.

Không nhịn được nữa, người ta gặp bọn Hồi lương ở đâu, xúm lại trừng trị ở đấy.

Tỉnh này Hồi lương bị dân đón đường đánh chết, bêu đầu trên ngọn cây, và phanh thây ném xuống Cửu Long giang cho cá sấu. Hạt kia, người ta bắt trói lại phơi nắng, cấm tuyệt cả cơm nước; mấy cậu lạy lục cũng không tha, rát cổ kêu la cũng không ai thêm cứu. Đàn bà con trẻ còn lấy phân bôi trát vào mặt mấy cậu và nói giận dữ: “ác giả ác báo đáng kiếp chúng bay!”

Có nơi, dân đánh đuổi cả bọn quan lại mới, chính họ đã tuyên cử hôm tháng trước, rồi đi tước các quan cũ trở về cai trị. Người ta oán hận tội Hồi lương, giận lây đến quan lại mới, cho là một phe gian ác; không biết trong đám ấy có nhiều kẻ cũng bị Hồi lương ngược đãi như ai.

Trong vòng một tháng, nhân tâm ở Lục châu đối với Khôi lãnh đạm và ly tán hầu hết.

Người ta quay lại nhớ tiếc triều đình.

Những lúc bọn Hồi lương lộng quyền tác tể ở Lục châu, Khôi bận rộn việc quân trên vùng Biên Hòa, đôi ba bữa về Gia Định một lần, tuyệt nhiên không nghe biết gì cả. Chính bọn ấy phải gửi tờ bẩm báo công việc lên soái phủ luôn, nhưng khi nào lại tự kể xấu mình; còn quan lại thì sợ vạ lây, không dám thóc mách.

Thái Công Triều có tai mắt khắp Lục châu, thừa biết những sự hành động bạo ngược của bọn Hồi lương nhưng hắn ta đang cần lợi dụng chỗ đó, còn âm thầm khuyến khích cho thêm lớn chuyện lên, tự hắn giả diếc làm thính, không đại gì cho Khôi được sớm biết tình hình để kịp cứu chữa.

Đến nỗi tin tức nào, tờ bẩm nào từ các tỉnh đưa về Phiên An, cũng đều nói tình hình Lục châu yên ổn, các ông Hồi lương đứng đắn, trung thành và rất được việc. Vạn nhất có nguồn tin hay tờ bẩm nào nói đến thực sự, thì Triều bùng bít đi ngay. Có hôm, một người lính kỵ mã thường chạy tờ bẩm từ tỉnh Định Tường lên Gia Định, bị giết cả người lẫn ngựa ở khoảng Bình Chánh, Bình Điền, mà cái túi đựng công văn thì mất biến tông tích. Đó là một thủ đoạn của Trung quân Triều che mắt thế gian.

Vì thế, Khôi cứ yên tâm về phía Lục châu, những kẻ bộ hạ tin cần thuở nay tất là làm tròn chức vụ mình đã phó thác.

Mãi cho đến hôm những tấn thảm kịch Hồi lương diễn ra tứ tung, mà tai vách mạch rừng, thiên hạ đều biết; nghĩa là đến hôm nhân tâm lục châu mười phần ly tán hết tám chín rồi, khó thể vẫn hồi được nữa, bấy giờ Khôi mới được biết rõ sự thật.

Khôi đang ở Biên Hòa tìm xét địa thế lập trận, đón đánh đại binh Tống Phúc Lương sắp vào đến nơi, bỗng nhận được tin tức Lục châu nguy biến, tự vò đầu bứt tóc, như người phát điên.

Thời cuộc biến đổi đến thế, thì nguy hiểm cho Khôi thật.

Và mong dựng nghiệp lớn, cần phải lấy bốn tỉnh miền dưới làm chỗ dựa lưng vừa là kho tàng thóc gạo, tiền bạc, nhân dân, có thể mới đủ lực lượng chống với binh triều ở trước mặt. Nay mất chỗ dựa lưng, mà trước mặt thì quân đại địch như nước lũ sóng cồn ào ào tràn tới, một thành Phiên An, một tỉnh Gia Định, lấy gì án ngữ cho được? Thế nào cũng phải vớt lại chỗ dựa lưng trước đã.

Vội vàng, luống cuống, Khôi chỉ kịp truyền miệng cho tả hữu đi gọi Nguyễn Văn Bột ở Nhà Bè về trấn Biên Hòa, rồi nhảy phốc lên lưng con Thần Phong, một mình một ngựa, phi thẳng một mạch về Gia Định.

Về đến soái phủ, rờ lại khăn bịt trên đầu đã bay mất lúc nào không hay.

Lập tức vời họp các tướng lĩnh có mặt tại Gia Định. Bàn cách gỡ nước cờ bí.

Các tướng lão thành kiến thức hoặc đàm trực ngôn như hạng Tăng, Đặng và Hoàng Nghĩa Thu, đều vắng mặt vì phận sự: người thì mắc đi thanh tra các phủ huyện, người thì đang ở mặt trận. Hiện diện chỉ có những người thật thà, cục mịch, chỉ biết công hiến bấp thập cho nghĩa đảng và một niềm phục tòng, bất cứ đại nguyên soái nói quan tám cũng ừ, quan tư cũng gật; về quân cơ cũng như về chính trị, họ chẳng có ý kiến gì mà cũng không quan tâm đến.

Giữa cuộc hội nghị này hai ông chánh phó chủ tịch cãi nhau kịch liệt.

Mấy tháng trước, Triều còn kiêng nể Khôi và giữ lễ tôn kính bề ngoài; bây giờ tự phụ mình công cao, ở Lục châu cũng có vây cánh thế lực, lại nhân thấy Khôi đang cơn túng bĩ tất chả dám động phạm đến mình, cho nên Triều ngôn ngữ tự do, coi như bình đẳng, không cần giả đồ khúm núm từ tốn như độ nọ.

Khôi thông trách Triều có dã tâm vun bón thanh danh thế lực riêng, đã âm thầm xúi bầy ly gián nhân tâm Lục châu, có ý lợi dụng thế nào đó? Sở kiến của Khôi đâm trúng vào chỗ u ẩn trong ruột Triều, nhưng con người gian ngoan quỷ quái này, khi nào chịu nhụt và nhận lỗi mình.

Trái lại, Triều trợn mắt gân cổ, lớn tiếng cãi lại, đổ trút vào Khôi tất cả những lỗi lầm mà Khôi đã buộc cho hắn:

- Ô hay! Ông nói thế mà nghe được à?... Sao không thử rờ sau gáy xem: lỗi mình to như cái đình, không biết tự trách, lại đi gây gổ trách móc thiên hạ?... Tôi nói có mặt tất cả chư tướng làm chứng: vẫn biết tôi không phải là bạn đồng chí ban đầu, không dự phần vào lúc mới cử sự, tôi tán thành và gia nhập sau, nhưng đối với ông, đối với việc nghĩa đảng, có ai sốt sắng trung thành và lập nên công trạng cho bằng tôi? Thật thế, trong khi chính ông thập tử nhất sinh chiến đấu khó nhọc với đồn Biên Hòa, tôi ra công đi chiêu phủ được cho ông cả thành trì nhân dân bốn tỉnh Định Lường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, không hề tổn một mạng người, rỏ một giọt máu. Lại xếp đặt cả việc cai trị và tuyên dương đức tốt của chế độ mới; nhân dân đâu đó hơn hờ quy phục, ca tụng thanh danh ông như trời... Nếu quả tôi có dã tâm gì, thì tôi đã chẳng làm thế, tôi đã ở lại miền dưới mà an hưởng phú quý, tự đại tự tôn chẳng được hay sao, còn đem thân trở về Gia Định, đóng vai tuồng “hàng thần lơ lảo” tứ phía ganh gổ này làm gì không biết?...

Triều nghi hơi giây lát, nói tiếp:

- Nay, ông Khôi ơi! Thu phục Lục châu cho nghĩa đảng ấy là công tôi, mà làm cho phân tâm Lục châu chia lìa chán nản nghĩa đảng như bây giờ, chính là lỗi ông...

- Ô!... Lỗi tôi?... Ông này nói lạ! Tôi có ám gì?... Khôi sốt ruột, hỏi vặn lại.

- Phải, chính là lỗi ông. Quân Hồi lương là bộ hạ ông từ xưa, tâm tính tư cách chúng du côn tàn nhẫn thế nào, hẳn ông không lạ... Ai

bảo ông sai phái bọn ấy đi Lục châu, để chúng được thể lộng quyền, làm toàn những việc gian tà, trái phép. Nào cướp bóc nhà dân, nào hãm hiếp phụ nữ, nào chém giết vô tội, nào những nhiều lương dân, hơn một tháng trời, chúng thả cửa hoành hành, gây nên bao nhiêu thảm kịch, tội ác, mà ông giả điếc ngó lơ, chẳng ra lệnh triệt bọn ấy về hay là thả phép trừng trị, để cho nhân tâm được hả...

- Nào tôi có được biết tin tức gì đâu? Khôi nói.

- Mặc kệ!... Người ta biết rõ Hồi lương là bộ hạ tin cẩn của ông, chắc hẳn ông dung túng, nên chúng mới dám ngang tàng như thế... Chờ đợi không mấy ông trừng trị, dân họ phải tự ra tay trừng trị lấy... Lúc trước nhân tâm quý mến nghĩa đảng chúng ta bao nhiêu, vì ông dùng lầm và dung túng bọn Hồi lương gây thì gây oán khắp xứ, bây giờ nhân tâm quật lại chán ghét nghĩa đảng chúng ta bấy nhiêu. Bảo rằng không phải lỗi ông làm mất lòng dân lục châu thì còn lỗi ai?

Khôi cúi mặt, có lẽ tự hỏi tự thẹn, nhìn nhận Triều nói có lý, đành phải xuống nước xử nhữn:

- Ông Trung quân tỏ bày căn do và quy cứu về tôi như thế, rất phải. Việc đời, không có lửa làm sao có khói... Nhưng chuyện đã qua, dù sao cũng dĩ vãng rồi, chúng ta ngồi cãi cộ đổ lỗi cho nhau, chẳng ích gì cả. Bây giờ, chúng ta phải bàn chuyện bây giờ thì hơn.

- Lục châu đã mất, cũng là một chuyện dĩ vãng rồi, Triều nói; bây giờ còn phải bàn chi nữa?

- Không! Chúng ta phải tìm cách cứu vãn lại chứ.

- Phải lắm, không có thì trước mặt sau lưng cùng bị mũi giặc, làm sao chịu nổi.

- Lần này, nghĩa đảng lại phiên đến tài lực của Trung quân mới được.

- Thưa, việc gì kia? Triều hỏi giả vờ như không biết. Chắc nguyên soái muốn sai tôi lên mặt trận Biên Hòa.

- Không phải, bản chức lại muốn tăng phiên Trung quân đi chiêu phủ Lục châu một phen nữa. Bận trước, ông sẵn có thanh vọng đối với dân, tình hình bây giờ tất ông mới thu thập lại được.

- Tôi xin chịu thôi!... Triều đáp một cách quả quyết, mặc dầu trong trí mừng thầm.

- Sao thế? Khôi hỏi có vẻ bồn chồn, chỉ sợ Triều từ chối.

- Ngài muốn bảo tôi nhảy vào nước sôi đồng lửa nào, tôi vui lòng nhảy vào ngay. Nhưng lại đi Lục châu thì tôi xin chịu. Lần trước tôi nói như rồng như phượng, rồi sau người ta trông thấy “ngôn hành tương phản”, bận này lại vác mặt xuống thì họ nhổ nước miếng vào, hoặc lấy dao rạch mặt tôi ra, còn gì?... Thôi... thôi!... xin ngài chọn tướng tài khác.

Khôi vật nài với giọng tha thiết:

- Tôi đã biết tài năng của ông hơn cả mọi người... Việc cứu vớt cuộc diện lục châu, phi tay ông chẳng ai đương nổi! Thế nào ông cũng chịu khó đi hộ, không thì đại sự hỏng bét.

Các tướng dự hội cũng nài nỉ:

- Thôi, đại nguyên soái đã ân cần phó thác như vậy, tướng quan Trung quân chớ khá từ sau... Việc là việc chung tất cả.

Thái Công Triều biết cơ hội đã tới cho mình để thực hành sở định rồi, nhưng còn làm bộ khó khăn ngần ngại giây lâu, rồi chắt lưỡi và nói:

- Vâng, đi thì đi!... Việc ông chẳng lẽ thấy khó mà tránh?... Có điều, nếu như nguyên soái muốn cho tôi đi lục châu chuyến này nữa, trước hết xin chuẩn y của tôi một điều thỉnh cầu, vì sự thành bại quan hệ ở đó...

- Điều thỉnh cầu thế nào? Khôi hỏi:

- Chỉ sợ nguyên soái lại nghĩ sai lầm mà không y theo được!... Triều đáp nửa úp nửa mở, chưa chịu nói ngay.

- Được, ông cứ nói. Điều gì có lợi cho việc chung, tôi vui lòng y theo ngay.

- Bây giờ tôi với ngài, hai ta cố nhiên hợp lực mà ông phân quyền, thì mới trông mong thành được đại sự.

- Nghĩa là... Theo ý ông muốn?

- Theo ý tôi muốn, chúng ta nên chia hai quân lính, quyền hành, bờ cõi, để mỗi người hành động trong một khu vực riêng, tự chịu lấy trách nhiệm; tôi xin cáng đáng mặt sau để ngài thông thả đối phó binh triều ở mặt trước. Chắc ngài cùng chư tướng đang suy nghĩ, nghi

ngại, không hiểu rõ chân tâm của tôi... Vậy tôi xin nói may để ngài hiểu cho rằng: sở dĩ tôi muốn như thế, chỉ cầu cho được yên thân mà làm việc kéo tôi cứu ở trong tay ngài mà chư tướng hay nói ra nói vào, nay vu tôi phản trắc, mai xin ngài giết tôi, thế thì tôi không sao vui lòng chắc dạ mà nói chuyện làm việc cố sức cho được?... Ngài thử nghĩ xem. Chẳng qua bây giờ cũng như ngài tình nguyện làm giấy giao quyền chia việc cho tôi vậy, mai sau thành công, tôi lại xin nộp lại và ở ngôi thứ phục tòng như cũ...

Khôi cũng khôn ngoan, nhưng không xa tưởng đến sự Triều có dụng tâm gì tai hại, chỉ thầm nghĩ thằng này muốn dự bị tranh ngôi cướp quyền đại nguyên soái của mình là cùng. Huống chi tình thế lúc này càng lúc càng khẩn cấp, mà có người bảo lĩnh trấn áp mặt sau cho mình có chỗ dựa lưng vững vàng, có lương thực tiếp tế, để mình yên trí rảnh tay đối phó mặt trước, Khôi đang cầu lấy, dù phải đánh đổi với một giá nào cũng không cho là đắt. Bất quá tạm thời chịu nhận điều khoản kia cho vừa lòng Triều, mai sau xong việc, sẽ lấy quyền trên mà lật trái lại, chả khó khăn gì, Khôi nghĩ nông nổi như thế, cho nên tươi cười theo ý Triều muốn:

- Giờ tôi tính khuôn xử thế này ông nghĩ có được không, né?
- Vâng, xin ngài cho nghe cao kiến; Triều đáp và lắng tai chờ đợi.
- Ta chia ra hai khu trách nhiệm, mỗi người một khu: từ Gia Định trở ra đến Huế, nhất thiết công việc về phần tôi chủ trương; từ Định Tường lên tới Nam Vang thì xin phú thác một tay ông gánh vác; ý muốn của ông là thế, chứ gì?
- Vâng, thiện ý tôi đại khái như thế. Còn về binh lực thì nguyên soái tính thế nào?
- Thì cũng chia hai chứ sao, mỗi đảng một nửa, cả tướng ta lẫn binh lính.
- Cảm tạ ngài có lòng tốt, nhưng ngài chia cho binh lính là đủ, còn tướng tá thì xin lưu lại dưới trướng mới phải, vì sẽ cần dùng chiến đấu trận mạc nhiều. Phần tôi đi Lục châu không phải cần đến; vả lại, tôi sẽ chọn nhân tài ở Lục châu thì hơn. Duy có về thủy quân..
- À! về thủy quân chiến thuyền vì ông cứ chiều số mà lấy hai phần ba... Tôi để cho ông phần hơn.

- Nguyên soái định thế là phải, vì ở miền dưới, sông, ngòi, kinh rạch, chạy tứ tung như mạng nhện, cần nhiều thuyền bè mới tiện công việc.

- Quân tử nhất ngôn, như thế là minh bạch, phải không? Khôi nắm tay Triều và nói trịnh trọng. Xin ông tận trung tận lực, không bao giờ nghĩa đảng quên được công lao...

- Thưa ngài cứ vững lòng tin cậy nơi tôi, từ nay không phải lo ngại gì về mặt sau lưng nữa!... À quên! Phiên ngài viết cho một tờ giao quyền đảng hoàng, cho được trọng sự thể đối với quân dân.

Khôi cười và tức tịch viết tờ ủy quyền cho Triều, biên rõ các điều khoản như trên đã định. Triều cung kính nhận tờ của Khôi trao tay, làm như người hết sức thật thà, tòng phục.

Sau cuộc hội nghị, Triều về dinh thu xếp đồ đạc, sáng sớm hôm sau đem gia quyến lên đường ngay, lấy có tình hình bình Lục châu khẩn cấp, cần phải đi liền. Kỳ thật, sợ lưu liên ở Gia Định, rủi Khôi tỉnh ngộ hoặc nghe lời bọn mưu sĩ mà cản trở và làm hại mình chẳng.

Triều để lại mấy viên gia tướng ở lại, chờ vài ba hôm nhận lấy phần chia quân lính và chiến thuyền sẽ dẫn đi sau.

Xong việc hôm ấy, Khôi cũng hấp tấp trở lên Biên Hòa, vì nghe tin báo rằng tiên phong của hai đạo binh Nguyễn Xuân và Tống Phúc Lương càng ngày càng áp gần bờ cõi. Hình như có mấy đội đã cắm trại ở Mô Xoài trên Bà Rịa rồi.

Cách hai ngày, quân sư Tăng Vô Ngại đi hiệu dụ ở các phủ huyện trở về, bộ hành đề đốc Nguyễn Kiều và hai tướng Hậu quân Võ Vĩnh Tiền, Võ Vĩnh Tài, thuật lại tấn kịch đã diễn cho ông nghe.

Ông dẫm chân kêu trời:

- Chết chửa! Sao các ông chẳng can ngăn đi? Hôm nọ, trước khi tôi đi, đã căn dặn nguyên soái gọi bọn Hồi lương hướng về, còn thằng Triều, thì ta cứ trọng đãi nó ở thành Phiên An này, đừng sai khiến buông thả nó đi đâu nữa hết. Khốn nạn! Lời tôi nói chỉ như nước đổ lá khoai... Giờ lại phóng nó đi Lục châu, là sự quá quắt lắm rồi, còn phân quyền chia đất cho nó là nghĩa ý gì?

Ba người cùng nói:

- Tiên sinh còn lạ gì tính nguyên soái độc đoán, chúng tôi phận nhỏ, can ngăn có được đâu... Đến ngay tiên sinh và ông Lại bộ Thái Khanh (Đặng Vĩnh Ứng) vẫn được kiêng nể, mà nói còn chẳng thêm nghe! Nhưng việc lại thả Công Triều đi Lục châu hệ trọng cho đại cuộc lắm thế kia ư?

- Chứ sao! Tăng nói và thở dài. Phên này ông soái nhà ta thả Triều xuống Lục châu, sẽ có cái hại cũng như ngày xưa Hạng Vũ cho Lưu Bang vào đất Thục vậy... Nó được tự do đào huyết để chôn tất cả anh em ta, rồi đẩy các ông xem.

Té ra Khôi nhượng bộ Thái Công Triều, tưởng là thu xếp cho êm phía sau lưng, không ngờ lại tự gây ra mũi giặc sau lưng nữa.

X. HAI NGƯỜI CON GÁI LẠ ĐỜI

Thoát thân ra khỏi Gia Định, Thái Công Triều có thể nung đúc tất cả tâm tư trí lực vào một việc thực hành: phản Khôi để lấy công chuộc tội với triều đình.

Trên chiếc quan thuyền chở Triều và gia quyến từ Sài Gòn xuôi Mỹ Tho, chiếu cặp điều trải bọc chính giữa, bày la liệt nào ấm chén Nội phủ, nào coi trầu bằng bạc chạm trổ hoa mỹ, nào tráp khảm xà cừ, nào điều ông ngà bịt vàng, xe trúc dài bốn năm thước và uốn cong vắt; thứ trúc rất quý ở Tuyên Châu bên Tàu đem saung, mình đỏ gân xanh, có tính chất dị thường là lửa đốt không cháy; một đoạn trúc như thế phải đổi tới mười lăm nén bạc mới được, phi bọc người sang trọng hiển hách như Triều lúc bấy giờ không khi nào dám xài.

Ngồi dựa mình bên gối xếp, Triều luôn tay xoắn xoe hai chòm râu cá chốt, tỏ ra vẻ người có sự khoan khoái gì trong lòng. Bên cạnh, ái thiếp Cẩm Huê ngồi pha nước trà tàu, rồi tay gõ nhịp, miệng ca một vài khúc nam bằng, tình tứ véo von, để cho phu quân đồng thời được nếm cả hương vị lẫn thanh sắc.

Chốc chốc, Triều lại gật gù cao hứng và cười nụ một mình: Ý nghĩa của những nụ cười ấy, cố nhiên là vui lòng đắc ý tới cực điểm, nhưng không phải vì được thưởng thức nhan sắc đẹp, hương trà thơm,

tiếng hát hay; kỳ thật vì những con sóng khoái hoạt về tiền đồ công danh đang sôi nổi ở trong tâm não, chỉ có một mình cảm thấy rục rĩ vô hạn.

Và cười Khôi ngu, vận số đến lúc mặt kiếp, tức là sung sướng đắc ý về chỗ mình trí mưu xuất sắc, khéo chuyển nguy ra an, chuyển họa thành phúc, cảm chắc hồng vận đang tiến đến nơi. Chỉ trong nay mai, bọn Khôi tất phải bại vong, Triều đình khôi phục được Gia Định lục tỉnh, đều nhờ ở tài trí công lao của mình, chắc nhà vua không vắn tội, còn thêm phong thưởng là khác. Ngó mong ra con đường trước mắt, thấy phủ đầy gấm vóc, rải toàn hoa hường.

Triều suy nghĩ chừng nào, cao hứng chừng ấy, không thể không thích ý cười thầm.

Có chỗ lạ, trước cái trạng thái khác mắt thế mà Cẩm Huê chẳng tò mò tìm hỏi căn do, lại dường như cũng không quan tâm đến.

Bỗng dung Triều hỏi nàng đột ngột:

- Mình biết cỡi ngựa nha?

Nàng sững sốt, tưởng mình lãng lai, nghe sai lầm chẳng:

- Ông lớn hỏi tôi thế nào kia?

- Tôi hỏi có phải mình biết cỡi ngựa không? Triều nhắc lại câu hỏi.

- Ông hết cả chuyện nói rồi sao, phải đâm hỏi vắn vơ? Cẩm Huê cười và đáp.

- Không! Tôi chợt nhớ lại chuyện cũ, nhưng còn phẩn phở, nên muốn hỏi lại cho chắc, thế thôi.

- Cỡi ngựa?... Đàn bà con gái sinh trưởng ở vùng tôi đều phải biết ít nhiều. Họ cỡi ngựa đi chợ là sự thường, lúc còn ở nhà, tôi cũng phải thạo như họ.

- Thật à?

- Ai nói láo!

- Tôi ngấm dung mạo mình, giá như đánh bộ quần áo đàn ông, đội nón dứa kính, đi đôi giày dừ, thêm chiếc áo địa màu xanh, mà ngồi trên lưng ngựa, thật trông ra phết một phong lưu công tử, con gái thấy phải chết mệt...

- Ô!... Sao tự dưng hôm nay ông lớn nãy nòi ra lắm cái kỳ tướng thế? Tôi mặc nam trang mà thiên hạ phải lắm, con gái phải mê?

- Ủ, tôi nói thật đấy. Nhưng chả biết cô mình có gan cái trang hay không?

- Mà để làm gì chứ?

- Nói ví dụ như khi cần dùng đến.

- Nếu lâm khi cần dùng, cái trang thì cái trang, khó khiếm gì chuyện đó mà phải lo có gan hay không!... Hồi trước, ở trên sân khấu, tôi chẳng thường đóng vai đàn ông khéo tuyệt là gì?

- Ô nhá! Thế mà tôi quên... Lại còn tài sức cỡi ngựa, trời nắng đường xa, cô mình liệu có chịu đựng nổi, hay là vài ba dặm đường đã kiệt sức ngã lăn ra thì buồn cười...

- Thử nói xem đường xa độ bao nhiêu mà phải lo?

- Chả mấy! Ví dụ đi về áng chừng ngót ba trăm dặm, mà được cái đường sá phẳng phiu, đồng bằng, chả phải len đèo xuống dốc gì cả.

- Nếu thế thì tôi xem dễ như trò đùa, ngon như ăn gỏi... Tưởng đâu ba nghìn dặm mới sợ, chứ ngót ba trăm dặm mà lại đường phẳng thì có mùi vắn gì! Cẩm Huê nói rất quả quyết, có vẻ tự hào hiện trên khuôn mặt.

- Mình nói thật hay bỡn? Triều hỏi vặn nàng, có ý ngờ vực.

- Chẳng bỡn tí nào! Để khi lâm sự tự tôi trở tài cho mà xem.

Đến đây, cả hai vợ chồng cùng ngồi lặng lẽ, đưa mắt lên trông sao dòm trời, mỗi người để trí suy nghĩ một đằng.

Hồi lâu, nàng vỗ vai chồng, tỏ dấu thân mật và hỏi tỉ tê:

- Mình à! Tôi ngẫm nghĩ mãi không hiểu vì sao tự nhiên mình lại khẩn khoản những sự tôi có biết cỡi ngựa và có sức đi xa hay không?... Tất có lai lịch thế nào, mình nói trắng cho tôi nghe, kéo lòng tôi bút rút khó chịu từ nãy đến giờ... Hay mình có việc gì hệ trọng, cần dùng đến tôi chẳng?

- Chính thế, mình đoán đúng! Triều đáp. Tôi định ngày mai đến thành Định Tường, sẽ có một việc phải cậy đến mình.

- Việc gì thế, mình?

- Mai đến Định Tường sẽ hay.

- Không, tôi muốn được biết ngay bây giờ... Cứ dứ tôi với về bí mật, tôi bức lắm. Trong khoang thuyền này chỉ có tôi với mình, với bầu trời mặt nước, còn quân gia thủy thủ cách biệt hai đầu, vả lại đều là kẻ thân, không còn tai vách mạch rừng mà ngại. Tôi nóng ruột được nghe, để tư liệu xem tài lực mình có kham nổi công việc của chồng phú thác hay không?

- Tôi biết sức mình làm thừa đi, nếu như sẵn lòng!.. Triều nói và nhìn nàng chăm chăm.

- Việc ấy cần đi đường xa?

- Phải.

- Đến xứ nào, khoảng nào lận?

- Vào khoảng Bà Rịa.

- Lại cần giả làm đàn ông?

- Phải, vì sợ lộ hình ích, thiên hạ nhiều người biết mặt mình.

- Nhưng kẻ khác đi thay không được à, lại cứ phải tôi?

- Cứ mình mới được; kẻ khác đi sợ người ta thông tin, tức là không được việc.

- Nghĩa là tôi có một vật thị thực để thiên hạ trông thấy mà tin?

- Đại khái như thế.

- Nhưng tôi đến Bà Rịa để làm việc gì? Cầm Huê cố hỏi xoắn xít, rồi nàng cười và nói tiếp. Hay là ông bắt tôi đi đón một cô tiểu tinh nữa cho ông đây, có phải thì thú thật phăng đi? Bây giờ phú quý hiển hách cực điểm, tính chuyện năm thiếp bảy thê?...

Thường tình đàn bà, trong óc bao giờ cũng nghĩ chuyện ghen tuông trước hết. Nhưng Thái Công Triều không cười, cũng không đáp; nét mặt rất nghiêm. Thái độ ấy khiến nàng chột tỉnh ngộ ra ngay, ghé bên tai chồng và nói khẽ:

- Mèng ơi!... Tôi hiểu ra rồi. Mình muốn sai tôi làm thằng phu trạm bí mật, tin cần, đem tin ra Bà Rịa cho binh triều, chứ gì? Tôi bói đến tim đen, phải chịu ngay đi!

Bây giờ Triều mới nhích miệng cười:

- Cô mình bói hay thật, xin chịu.
 - Thế là phen này mình quyết bỏ tụi Gia Định, quay về với triều đình?
 - Mình nói đúng.
 - Đã nghĩ chín chắn chưa?
 - Chín chắn lắm rồi.
 - Mai mốt, mình sai tôi đi Bà Rịa là cốt đem mật thư cho Tổng Phúc Lương, tỏ lòng hối hận, rồi thì nội công ngoại kích để mình lập công chuộc tội với triều đình.
 - Quả thật như thế. Phải người tin cẩn như vợ con ruột thịt, mới phó thác việc đưa tin ấy được. Đường lối đi lại phải qua nhiều đồn quân của Lê Văn Khôi canh gác, cho nên tôi nghĩ mình nên cải trang làm đàn ông, nhất là làm một công tử chơi bời, để đánh lộn sòng với con cháu các quan nhà nó ở Gia Định, tất là quân canh không để ý... Cố nhiên, việc đi này có hơi vất vả hiểm nghèo, nhưng quan hệ cho tiền đồ thân danh tôi không nhỏ; hănh mình chả tiếc công mà đi hộ tôi...
 - Không! Tôi chịu thôi! Cầm Huê trả lời ngang một cách chắc nịch như đóng đinh vào cột.
 - Có lẽ mình ngại đường xa và sợ nguy hiểm đến thân? Đàn bà lo xa thế ấy cũng phải... Nhưng tôi sẽ có mưu chước bảo lĩnh cho mình đi lại bình yên.
 - Không phải tôi sợ sệt lo ngại gì cả... Có điều, việc đem thư ấy, mình chọn một người bộ hạ khả dĩ tin cẩn phú thác không thiếu gì, sai họ đi có phần chắc chắn hơn là tôi... Tôi đi e hỏng việc mất.
 - Vì sao thế?
 - Vì thế nào tôi cũng tiện đường ghé vào thành Phiên An, đưa ngay mật thư ấy cho Lê Văn Khôi xem, trước khi đến tay Tổng Phúc Lương.
- Nàng nói rất dịu dàng, tự nhiên, chẳng lộ mảy may khí sắc gì hờn dỗi hay dọa nạt.
- Triều ngó nàng trừng trừng, choáng váng cả người, toát mồ hôi trán. Và không hề tưởng tượng có câu nói quái gở ấy, phát ra từ cửa miệng một người chí thân:

- Ấy chết! ... Thế thì mình định tổ giặc tôi à?...

Nàng lắc đầu, trịnh trọng:

- Khi nào tôi có bụng chó má ấy. Nhưng, sở dĩ tôi nói thế, chỉ để tỏ ra ý tôi không thích trông thấy mình muối mặt phản Khôi. Hắn ta đả mình cho tới phân quyền chia đất, danh vị ngang nhau như bây giờ, thật là trọng hậu; thế mà mình còn dáo dở phản bội, không sợ hổ thẹn lương tâm và thiên hạ hậu thế mĩa mai à?... Tôi đoán chắc trong trí mình đang suy nghĩ. Khôi là phản tặc Triều đình, nhân tâm không theo, thiên mạng không đến, lực lượng không đủ, thủy chung thế nào cũng phải bại vong. Đợi hắn bại vong, mình bị lôi cuốn ngã theo, chẳng nộp mình ở chiến trường thì cũng mất đầu với quốc pháp. Chi bằng ta tính nước trước, bán rẻ quách nó đi, vừa chuộc được tội, vừa lập được công với triều đình, vinh gia ấm tử, tiến chức thăng quan, chẳng hơn là chết lây một chùm với lũ giặc ư?... Nếu mình suy nghĩ thế thì nông nổi lắm, mình ạ! Cứ theo con mắt tôi là đàn bà dòm xét đại thế: việc Khôi làm, được nhân tâm Nam kỳ lục tỉnh tán thành quy phục rất đông, nào là những người yêu mến Thượng công, nào là dân gian bất bình quan lại tham nhũng, nào là tín đồ Thiên chúa đang khốn đốn oán hận chính sách cấm đạo, ai nấy được Khôi đứng lên sửa lại tình trạng, giải thoát cho họ, đều lấy làm mừng... Có thể nói nhân tâm ba phần, Khôi chiếm được hai rồi... Lực lượng cũng chẳng phải tầm thường. Mình với hắn cứ thành tâm hợp lực, chống chọi binh Triều, dám chắc binh triều không dễ phá nổi. Nhưng hai người ly tán, làm hại lẫn nhau, thì lực lượng phải yếu; cố nhiên hắn phải ngã trước, còn mình cũng chưa chắc đứng yên. Tôi khuyên mình nghĩ kỹ chỗ đó.

Cầm Huê nói thốc một hồi, cả từ lẫn sắc cùng có vẻ tha thiết.

Triều nghe sững sốt cả người, không ngờ một con đàn bà, nhất là con hát xuất thân, giờ lại nảy ra có kiến thức về việc đời, lạ lùng đến thế. Nhớ lại những lời nàng khuyên can mình hôm cuối tháng năm ở thành Phiên An, Triều càng lấy làm lạ lùng khó hiểu:

- Lúc trước mình can tôi đừng nhận quan chức của Khôi mà phụ triều đình; bây giờ mình lại bảo tôi không nên trở về với triều đình mà phụ tình Khôi!... Đàn bà sao mà nhiều lưỡi lắm giọng thế?

Nàng nghiêm sắc mặt, trả lời:

- Phải, độ ấy tôi khuyên mình nên giữ tròn danh nghĩa đối với triều đình, chớ nhận lấy tước lộc của đảng nghịch; nếu muốn thoát thân ra khỏi hang cọp, thì tôi tìm cách đem đi, an toàn vô ngại... Nhưng lúc bấy giờ mình không nghe, cứ ở lại với bọn Khôi, công nhiên lĩnh chức trung quân, hưởng sự phú quý. Tôi đồ chừng mình đã suy xét chán và tự cho việc mình làm như thế là phải, cho nên mình mới làm. Con người ta vì chí hướng, vì thân danh mà lựa chọn đổi thay chỗ đứng, không phải sự lạ. Có điều là, đại trượng phu ở đời, một khi đã lựa chọn việc gì đáng làm mà làm, thì phải nhất tâm theo đuổi cho tới cùng, chớ sớm Tần chiều Sở, nay đông mai đoài, xoay quanh như chong chóng, thì còn ra cái quái gì? Ai còn tin được lòng mình và coi mình ra làm sao?

Triều cúi mặt làm thinh. Nàng nói nhiều, khô cả môi, uống một chén nước thấm giọng, rồi lại nói tiếp:

- Nghĩa vợ chồng phải lấy lẽ phải trái thẳng thắn bảo nhau, tôi muốn nói cho cạn lời hết ý, rồi sẵn thanh gươm đây kia, mình có giận mà chém giết tôi cũng cam! Cơ khổ! đời mình đã mang tiếng phản một lần rồi, thế cũng là quá' giờ lại còn toan phản đi phản lại tới hai lần, tôi e thiên hạ hậu thế cười cho đến ngập mặt, mục xương. Trừ phi một người coi lương tâm và nhân cách rẻ rúng như bùn, mới đành làm thế được. Và lại, mình tướng bấy giờ lại quay đầu về đối tội lập công với triều đình là đắc sách và yên thân, tất triều đình là đắc sách và yên thân, tất triều đình sẽ bỏ qua tội cũ mà ban thưởng công mới cho; trời ơi! đừng có tin chắc mà khổ. Tôi tưởng là sự mơ mộng nguy hiểm cho mình thì có. Mình quay về để chuộc tội, mình giúp sức triều đình để trừ Khôi, không khéo chỉ là tự đào lấy huyết chôn mình đấy. Thôi, tôi không muốn nói nhiều hơn, chỉ van lơn mình suy nghĩ cho chín!...

Nàng vừa khuyên vừa mắng chua chát, Triều ngồi trơ như tượng gỗ, chả biết biện bạch thế nào; một lúc lâu mới gượng gạo:

- Mình bàn tán cũng phải, nhưng việc sở định của tôi không thể thay đổi được đâu. Chỉ xin mình giữ kín mồm miệng, chớ tiết lộ với ai nha!

Cầm Huê vùng vằng:

- Tôi nói phải trái thế thôi, biết nghe hay không, tự ý. Còn việc mình làm mặc mình, tôi chẳng tán thành thì thôi, không phá hoại làm

gì!... Thử nhìn kỹ mặt này xem có phải con người chó má đi thóc mách hại chồng hay không?

Nói rồi, nàng bỏ vào khoang thuyền đằng sau, nằm ôm con thao thức thở dài đến sáng.

Trưa hôm sau đến Định Tường, Triều đóng hành viên tại dinh tổng đốc, chờ đợi mấy ngày có quân gia ở Sài Gòn lục tục kéo xuống, mới bắt đầu hoạt động.

Hai hôm đầu, Cẩm Huê trông nom công việc nội trợ như thường, không lộ chút gì là vẻ buồn chồng, chán đời, hay có điều bất như ý.

Qua ngày thứ ba, nàng và đứa con trai nhỏ cùng biệt tăm tích.

Mặt trời đã lên cao, bọn thị nữ gõ cửa mời bà lớn và công tử chỗi dậy, mới hay là gian buồng trống không.

Trên bàn, một bức thư niêm phong chính bút tích nàng để lại cho Triều; thư viết chữ nôm, vì chỉ có chữ nôm, Triều mới đọc được:

“Tôi đi, và đem thằng bé cùng đi, cốt để bảo toàn giọt máu này cho tông môn họ Thái nhà mình khỏi phải tuyệt tự. Vạn nhất sau này mình tránh khỏi đại nạn, tự tôi sẽ cho con trở về tìm mình với một vật làm tin, cho phụ tử đoàn viên, chung hưởng phúc trạch. Trái lại, mình có từ giã cõi đời, cũng được nhắm mắt yên hồn vì không đến nỗi hương tàn khói lạnh”.

“Cẩm Huê vĩnh quyết”

Triều xem thư rồi châm lửa đốt ngay, mặt mày nhăn nhó, nói lầm rầm một mình.

- Đồ quái gở!

Thế rồi thôi, quan niệm chuộc tội lập công, chiếm hết tâm não hấn ta, vợ con ở hay đi mặc kệ, chả cần nghĩ đến.

Ngay hôm ấy, hấn sai một tên gia bộc cầm mật thư đi đường tắt đến Mô Xoài đưa trình *Thảo nghịch tướng quân* Tống Phúc Lương, hết sức bộc bạch niềm trung lòng hồi, nhờ chuyển tâu về triều đình. Đại ý hấn nói trước kia chỉ vì sự thế bức bách mà phải theo giặc, chứ thâm tâm vẫn trung thành hoài mộ triều đình, không khi nào nguôi. Và chẳng, nhờ sự chu hoàn với giặc mấy tháng mà dò xét được cả nội tình thực lực của chúng. Nay hấn xin giúp sức binh triều, nội ứng ngoại hợp, để trừ

bọn Khôi, thu phục đất cũ. Hiện giờ hấn xuống Lục châu cốt để tuyên dương đức lớn nhà vua, hiệu triệu dân tâm phản chính, rồi thì binh triều từ ngoài đánh thốc vào, hấn ở dưới đánh quật lên, hai đầu dồn lại, bọn Khôi mọc cánh cũng không bay thoát. Tóm lại, chỉ xin triều đình rộng lòng tha thứ lỗi trước, để cho hấn đời tội lập công, vì nước ra sức v.v...

Quả thật, phen này Triều xuống Lục châu cốt thực hành cơ mưu đâm đá sau lưng con người mà hấn đã theo phe, đã nhận lấy tước lộc, và cách hơn một tháng trước, chính miệng hấn nói tốt đủ về.

Bây giờ, đi qua châu thành phủ huyện nào, hấn cũng ngấm kết phe đảng, khích khuyến lòng trung, ca tụng sức mạnh của triều đình, kể lễ tội ác của bọn Khôi, cố nung nấu lòng dân phải ăn năn kiêng sợ bên kia và chán chường oán ghét bên nọ.

Muốn chặn họng dư luận không thể trách van mình làm sao tiền hậu, bất nhất, Triều kiểm chuyện dọa già người ta và tự bào chữa mình rất khéo:

- Triều đình đã phái mười vạn đại binh, trăm viên thượng tướng, với những khẩu súng đại bác khổng lồ mua bên Tây phương về, chia làm mấy ngả thủy bộ cùng tiến vào nam, quyết trừ giặc Khôi và tất cả đồ đảng nó. Trước binh lực khí giới của triều đình ghê gớm như thế, bọn Khôi lấy gì kháng cự cho nổi? Chúng nó bị sa vào lưới phép đến nơi. Bất cứ thành trì châu quận nào theo giặc, sẽ bị quan quân làm cỏ tất cả. Chính tôi đã nhờ được gần gũi mà biết rõ chân tướng bọn Khôi. Chúng nó chỉ là một lũ du côn vô hại, tự hạ nhau làm càn, nói láo nói xược, gạt gẫm dân chúng...

Đến chỗ này, Triều gân cổ nói lớn, cho ai nấy nghe phải để ý và nảy ra cảm giác không tốt đối với Khôi:

- Tức như chúng nó bảo sẽ rước Hoàng tôn ở Âu châu về làm chúa đất Nam Kỳ, ấy là một chuyện bố láo thượng hạng... Các ông nên biết rằng tiên hoàng thái tử Cảnh chỉ có hai người con trai đã qua đời tất cả, còn có Hoàng tôn nào đâu?... Chẳng qua chúng nó chỉ vì tư lợi mà phản bội triều đình, làm cho nhân dân ta mang vạ khổ lây. Chúng có là bọn Hồi lương quấy nhiễu tàn hại dân gian thế nào, cứ xem đây thì biết!...

Lòng người đang thấp thỏm kinh sợ uy lực triều đình và giận bọn Hồi lương tàn ác đã sẵn, nay nghe lời Triều nói, dù ai còn có chút

cảm tình với Khôi cũng hóa ra lạnh lùng, tiêu tan. Người ta hy vọng ở Hoàng tôn, té ra Hoàng tôn cũng chuyện bịa đặt nốt!

Một mình không đủ, Triều phát nhiều bộ hạ thủ túc đi khắp xứ cổ động.

Các tỉnh miền dưới Nam Kỳ trở lại quy hướng triều đình, cả về tinh thần lẫn quyền chính.

Những quan lại triều đình lúc trước bỏ thành bỏ chức đi trốn, như trường hợp hai ông Lê Đại Cương và Lê Văn Lý ở Châu Đốc chẳng hạn, nay Triều đưa về nguyên vị lần lần.

Hắn cố thi thố đủ mọi cách để giải tỏ lòng mình đã ăn năn tội lỗi và thật dạ trung thành với vua. Giá có thể mổ trái tim ra rồi lại ráp vào mà không chết, hắn không ngần ngại mổ tim mình gởi cho Tổng Phúc Lương xem nó đầy máu trung nghĩa thế nào, để họ Tổng tâu hộ về kinh.

Tuy vậy, Tổng Phú Lương là người dè dặt, cẩn thận, không dám hấp tấp tin lòng Triều. Biết đâu con người tham sinh úy tử, phản phúc nhất hèn ấy, chẳng bày mưu lập kế trá hàng dụ địch sao đó, để dử quan quân vào hãm hố bất trắc cũng nên? Tổng nghĩ xa xôi như vậy, cho nên chỉ giữ thái độ lạnh lùng hoài nghi đối với hèn ước của Triều, cứ đồn binh ở Mô Xoài, chưa muốn vô vấp chờ các đạo binh sau cùng đến, sẽ định phương lược.

Sốt ruột, Triều sai tin đi mỗi lại đôi ba lần giục dã, Tổng vẫn thản nhiên, chỉ nói bần tin với kẻ đem thư:

- Thái tướng quân có lòng hối hận trung nghĩa như thế, thật là quý hóa. Khốn nhưng chưa có một chứng cứ nào chắc chắn ông ta đã đoạn tuyệt với giặc rồi, cho nên ta còn trù trù, và cũng sợ mang lấy tội khi quân, không dám tháo thứ tâu gửi gì về Triều. Trừ phi ông ta có một vật gì làm tin... đại khái như thủ cấp một viên tướng giặc có tên tuổi, để cho ta được tin lòng.

Kẻ đưa thư trở về thuật chuyện y thế, Triều cười và nói:

- Hứ!... Tướng lão ta đòi chị Hằng mới khó kiếm, chứ đòi sọ dừa người ta... thì có sẵn kia rồi!

Triều nghị đến Tả quân Nhã.

Ta đã biết Dương Văn Nhã phụng mệnh đồn binh ở địa đầu Gia Định, giáp giới Định Tường, để xem xét Triều động tĩnh, vì quân sư Tăng Vô Ngại đã ngờ hấn có phản tâm.

Song hấn khôn ngoan quỷ quái làm việc rất mực kín đáo, không để lộ chút gì là thay lòng đổi dạ; bề ngoài vẫn giữ tình giao hảo với các tướng ở Gia Định, làm như mình tử tế với anh em, trung thành với nghĩa đảng như thường. Nhất là bờ cõi đã chia hai, quan lại ở Lục châu hết thuộc về quyền Gia Định, cho đến tụi Hồi lương còn chú nào sống sót cũng đã triệt về; Triều hành động tự do ở trong khu vực của hấn, không ai có thể đến đây mà dòm hành kiểm thúc gì được.

Thành ra, Nhã đóng binh gần kề một bên, mà Triều hoạt động phản đảng những gì, tuyệt nhiên không biết, vẫn yên trí rằng hấn không nhị tâm như y ta quá lo, và vẫn coi hấn là bạn đồng liêu quý hòa.

Không trách, khi hấn cho người ân cần mời thỉnh Nhã đem tỉnh lý Định Tường ăn tiệc, Nhã vui vẻ nhận lời, không chút nghi ngại, rồi chỉ đem theo mười tên lính hầu, bơi một chiếc thuyền nhỏ đến ngay.

Giữa lúc chén anh chén chú đang vui, Triều lăm lăm hỏi Nhã:

- Bấy lâu người ta sai bác đi do thám tôi, khó nhọc lắm nhỉ?... Mà bác có thấy sự gì lạ không?

- Quá thật lạ không! Nhã đáp. Ai nghi ngờ sao mặc họ, tôi với bác, anh em vẫn tử tế với nhau luôn luôn.

- Nghĩa là chỗ anh em thân, giá tôi có điều gì phiền bác, hấn bác giúp ngay? Triều hỏi một cách trắng trợn.

- Chứ sao! Nhã nói và nâng chén rượu ực một hơi. Anh em mà còn tiếc rẻ nhau không phải là hảo hán.

- Quý hóa thật!... Chả nói đâu gì, hiện thời đệ cầu xin bác... một món.

- Món gì thế?

- Món... cái đầu của mày, Nhã ạ! Võ sĩ đâu? Lấy đầu cho ta!

Nhã đứng phắt lên, trợn mắt:

- Thằng Triều? Mày phản...

Chưa kịp nói hết lời, đầu đã bay trên tiệc. Cả bọn thủ hạ cũng đồng thời bị hại.

Triều đóng thủ cấp Nhã vào hòm gỗ, sai người đem nộp Tổng Phúc Lương và hối thúc tiến binh.

Một mặt, Triều rải tờ lộ bá, kể hết tội trạng Khôi, vừa sửa soạn binh mã, con người lúc trước quên ơn phản vua, bây giờ sắp mặt phản giặc.

Cả thành Phiên An lại xôn xao rung động. Nhiều nhà hàng phố vội đóng cửa nghỉ buôn bán, hoặc thu xếp chạy ra ngoài thành. Các tư gia củ soát đồ vật trong nhà, liệu xem món gì đáng tiền thì lo tìm nơi chôn cất. Giá gạo củi vật thực ngoài chợ bỗng tăng lên gấp đôi gấp ba. Bọn du côn anh chị, ngày thường ần bóng nín hơi, giờ lại nho nhoe tụ bạ, toan sự thừa thời vào nhỏ ra to.

May nhờ Hộ thành đế đốc Nguyễn Kiều khéo yên ủi dân tâm và già tay đàn áp những lũ ma chuột, cho nên trật tự vẫn giữ được nghiêm túc, không đến nỗi rối loạn.

Thật ra thời cuộc nghiêm trọng có một, miệng tiếng thiên hạ bàn xằng đồn nhảm đến mười, làm cho nhân tâm hồi hộp, nao núng.

Người ta tưởng đâu binh đội Tổng Phúc Lương hoặc Thái Công Triều ập vào thành Phiên An ngay; họ không biết rằng binh triều dù mạnh và đặc thế mặc lòng, một đi lọt vào bên trong cửa thành, ngày giờ còn là lâu, hơi sức còn lã mết.

Nhưng quả tình thế nghĩa đảng như một ván cờ lâm vào đường cùng nước bí thật.

Nguyên mấy hôm trước, ở Biên Hòa, Khôi giao chiến với tiền đội binh triều mấy trận đều bị thất lợi. Cả ở Long Thành và Nhà Bè cũng vậy, danh tướng Nguyễn Văn Bội tử trận, Lê Đắc Lực bại tẩu, đã trốn vào trong một ngôi chùa cổ, nhưng có kẻ tố giác nên binh triều đến vây bọc bắt sống và chém bêu đầu.

Chuyến này vua Minh Mạng sai năm đạo binh tiến đánh Gia Định, ngót hai vạn người, quyết sống mái với Khôi kỳ được mới nghe.

Binh lực Gia Định sánh lại rất ít lại phải luôn phiên chiến đấu luôn mấy tháng nay, không khỏi mệt nhọc, đuối sức. Còn binh triều

thì toàn là quân sinh lực, đã đông người và bây giờ mới xuất trận, tự nhiên khí thế rất hăng. Khôi bị thất lợi, không phải chuyện lạ.

Huông chi va lại bình sẵn.

Một mình đương đầu tất cả công việc binh cơ trận mạc ở vùng Biên Hòa lâu ngày, còn phải đi đi về về Gia Định luôn, để xem xét chính sự, Khôi làm việc quá độ, thêm kẻ cừ địch là lam sơn chướng khí, bắt va sốt rét liên miên có gần nửa tháng nay.

Va toan về Phiên An thuốc men dưỡng sức thì binh triều âm âm kéo tới, thế phải ôm bệnh gượng gạo đối địch, rước lấy sự thua.

Đã thế rồi, lại tiếp thêm cái tin sét đánh: Thái Công Triều làm phản, sắp tiến binh từ Định Tường đánh lên.

Một mũi giặc trước mặt lo chưa cản nổi, giờ thêm mũi giặc nữa ở sau lưng.

Uất quá, Khôi học máu tươi.

Càng ngẫm nghĩ càng hồi hận, bực tức, và rút thanh gươm lót dưới chiếu, toan đâm cổ chết đi cho rồi. Bỗng có tay một người dằng lấy thanh gươm, vứt xuống dưới đất và nói:

- Trượng phu mà hèn thế à?

Khôi nhìn lại, té ra ông Tăng Vô Ngại vừa ở Gia Định lên, một tay còn cầm roi ngựa.

- May quá tiên sinh mới lên! Khôi nói. Sẵn đây, việc binh xin để tiên sinh chủ trì. Tôi nghĩ hồi hận dùng làm thằng Triều để ngày nay nó phản, làm chúng ta phúc bối thụ địch. Tội lỗi tôi to như núi và nghĩ xấu hổ, chẳng nên sống làm gì nữa!

- Chết nổi! thấy việc khó chưa chi đã muốn trốn, đâu có phải là anh hùng. Việc thằng Triều phản, ông lấy làm lạ, chứ tôi đoán trước lâu rồi, mà nói ông nào có chịu nghe? Nhưng mà thôi, chuyện quá khứ bỏ hết, tôi lên đây cốt để cùng ông bàn cách tháo gỡ cái nguy cuộc hiện tại.

- Theo ý tiên sinh định thế nào?

- Chúng ta nên rút quân về Phiên An, giữ lấy căn bản, đóng cửa thành lại mà cố thủ; với sức chúng ta, quân triều có phá nổi cũng còn

nhược xác!... Ta cốt chống giữ ít lâu mà chờ ngoại viện, rồi thừa thế đánh ra...

- Tiên sinh nói ngoại viện? Khôi hỏi có ý sừng sốt.

- Phải, tôi nói ngoại viện; Tăng trả lời. Một đảng viện ta bằng thực lực, một đảng viện ta bằng thanh thế.

- Tôi vẫn chưa hiểu, xin tiên sinh chỉ giáo rõ ràng cho.

Tăng ngồi gằn lại, ghé sát bên tai Khôi nói nhỏ nhỏ giây lâu, bỗng Khôi tươi tỉnh nét mặt, ngồi phắt lên, như tiêu tán mất cả bệnh hoạn:

- Vậy thì ta quyết kế rút về Phiên An?

- Vâng!... Nhưng ông nên rút binh từ từ, đừng hấp tấp mà thị quân triều đuổi theo đấy, Phải dùng mẹo nghi binh thì được an toàn... Giờ để tôi về Phiên An trước, sửa sang các cuộc phòng thủ và tích trữ lương thực.

Tăng nói rồi lên ngựa về Phiên An ngay.

Hộ thành đề đốc Nguyễn Kiều vừa kiêm chức *Binh lương sứ*, cho nên ở trước hiện tình, phải đồng thời xếp đặt lo liệu cả hai việc, giữ thành và vận lương.

Việc dưới, Kiều có sẵn hai tay chuyên môn trong nhà, là người vợ và cô em gái giúp sức. Em gái là cô Tần, còn người vợ, ngày trước ta gọi là *thím đội*, cả hai cùng chuyên nghề hàng xay hàng xáo, buôn bán gạo thóc đã quen, hần độc giả còn nhớ.

Hôm ấy, chị dâu em chồng ngồi bàn nhau ngày mai Chợ Lớn xem có bao nhiêu thuyền lúc thóc tải ở lục tỉnh lên, sẽ mua kỳ hết. Đắt mấy cũng mua, vì Nguyễn Kiều bảo thế. Lại cho người về các thôn quê phụ cận, mua vợ vét càng nhiều càng hay. Cô Tần tỉ mỉ hỏi chị:

- Quái nhỉ? Em thấy kho lương nào cũng đầy nhóc, nhắm chừng quân lính ăn tới mùa sau cũng còn thừa, sao còn phải đi mua tích trữ làm gì thế, không biết?

- Phòng bị quân triều tới vây thành, có lương thực cho quân lính ăn, cô ạ! Chị dâu, tức vợ Nguyễn Kiều hay *Hộ thành đề đốc phu nhân* trả lời.

- Thật à?

- Ủ, ban sáng tôi nghe anh nhà nói chuyện thế đấy.
 - Thế ra chị em mình cũng sẽ bị vây chặt trong thành, thỉnh thoảng không được về thăm ngôi nhà xưa của mình ở Bình Hòa xã ư?
 - Giặc vây thì cô bảo đi ngõ nào mà ra được chứ!
 - Ô! Thế thì buồn quá, hé?
 - Nghĩa vụ tôi phải theo chồng, cô phải theo anh, vui buồn khổ sướng, cam chịu số phận với nhau, dù sao cũng chả ân hận.
 - Cố nhiên!... Chị nói rất phải, em cũng nghĩ thế... Nhưng này chị ạ! Không biết quân triều do tay nào làm tướng, lại giỏi hơn được ông phó vệ úy, ấy chết em quên, giỏi hơn ông đại nguyên soái ta đây sao, mà kéo binh tới vây được thành ta lặn?
 - Nghe đâu tên là Tống Phúc Lương.
 - Hiện nay quân địch đến đâu rồi?
 - Anh nhà nói chuyện rằng họ còn đóng ở tận Mô Xoài kia.
 - Nghĩa là Bà Rịa?
 - Phải.
 - Trời ơi! Thế mà đã phải lo sốt vó lên? Cô Tần nói và cười như nắc nẻ.
 - Đừng có cười! Cô tính nếu như ta không cản được, thì từ đó tới đây, họ đi chả mấy bước mà đến.
 - Đường đi độ bao xa?
 - Người ta đi giỏi, chỉ già nửa ngày. Hồi tôi còn là con gái, thường đi chợ lên mãi vùng ấy.
 - Hiện giờ ta không có cách gì đánh lui quân triều hay sao hả chị? Không thì cũng khiến họ phải hoãn binh, không vây được thành ta?
- Cô Tần càng hỏi càng thêm thắc mắc khó khăn, vượt ra ngoài trí lự một người đàn bà mộc mạc như chị dâu nàng. Lúng túng, chả biết trả lời thế nào, chị dâu nói bừa đi cốt cho xuôi chuyện:
- Có chứ!... Miễn là giết chết được Tống Phúc Lương.
 - Ô! Hề ta giết chết được Tống Phúc Lương thì giặc phải lui, hoãn được cái họa thành ta bị vây, có phải không chị?

- Phải, quân cứ lệnh, lính cứ truyền, hễ tướng đi đòi nhà ma rồi thì lính bơ vơ như đàn gà mất mẹ, lấy ai sai khiến...

Một ý nghĩ ghê gớm bỗng nảy ra trong óc cô Tần:

- Thế thì ta giết quách Phúc Lương đi có được không?

- Cô nói nghe dễ dàng như bỡn.

- Vẫn biết là khó. Nhưng có người dám hy sinh mạng hiểm làm đây, chị ạ!

- Ai thế?

- Em đây chứ ai!

Vợ Nguyễn Kiều trở mắt nhìn gườm cô Tần, tỏ ra hết vẻ kinh ngạc:

- Trời ơi! Con bé này nó điên?...

- Không, em vẫn tỉnh và em muốn làm việc ấy.

- Đừng có dại dột nào! Cô phải biết một ông đại tướng như thế, thiên binh vạn mã, rào kín chung quanh, dễ gì vào lọt.

- Mặc kệ, ta cứ thử xem!

- Huống chi mình lại là con gái...

- Con gái càng dễ lọt hơn, chị ạ!

- Để mà tự tử?...

- Chị nghĩ xem thiệt thân một mình mà hoãn binh cứu nạn cho bao nhiêu quân sĩ nhân dân thành này, kể cũng sung sướng!

- Cô định làm thật à?

- Vâng, em định làm thật!... Chị ở nhà lo việc quân lương, em đi mạo hiểm làm thích khách, tử sinh thành bại, phó mặc ông xanh! Mỗi người đều hết sức với nghĩa vụ. Nói giả tử một mai thành trì tan vỡ, liệu chừng chị em ta có chắc yên lành được không?

Chị dâu lẳng lặng, cô Tần nói tiếp:

- À!... Em nhớ anh Kiều có con dao găm Mã Lai, ở đâu nha?

- Tôi để trong ngăn tủ kia.

- Chị cho em mượn chứ?

- Cô dùng thì lấy.

- Em van chị đừng nói gì với anh tôi nghe. Độ ba ngày mà chị không thấy em về, tức là em không còn sống nữa.

- Mai tôi đi vái lạy ông Bôn phù hộ cho cô...

Bà vợ Nguyễn Kiều nói rồi đứng dậy đi làm công việc; trong bụng thầm nghĩ cô em chồng mình vui chuyện thì bàn suông nói phießm thể thôi, chứ sức gái làm sao thực hành được việc mạo hiểm hy sinh ấy?

Không ngờ sáng sớm hôm sau cả nhà thức dậy, không thấy cô Tần; chị dâu vội mở ngăn tủ ra xem, con dao Mã Lai cũng biến.

Nàng lặn dao găm trong mình, lén mở cửa ra đi từ đầu trống canh năm, mình mặc áo dài vải đen, đầu đội nón lá, tay cầm cái thúng, ra về một gái quê đi buôn bán đứng đắn.

Cửa thành vừa mở, nàng chen ra trước tiên, đi thẳng một mạch không nghỉ, vào khoảng quá trưa thì đến Mô Xoài.

Giữa đường, thấy nhiều người gồng gánh hoa quả bánh trái đi lên, nói rằng để bán cho binh lính Đàng ngoài mới vô đóng đồn mấy bữa nay. Nàng nghĩ bụng nếu mình mon men tới chỗ lính đóng, tất cũng phải giả làm người bán quà bánh, hầu che mắt thế gian, khỏi mang tiếng thị phi hoặc ngờ vực.

Sẵn có chợ búa đang họp buổi sáng, nàng rẽ vào mua lưng thúng bánh tét, đội ra đi nhập bọn với những người kia.

Họ lên bán hàng từ mấy hôm nay đã quen thuộc cả đường lối dinh trại, nói ra vanh vách những bộ binh ở làng xóm nào, khu rừng nào; nhà ai hay công sở gì làn ời đóng dinh của quan thống tướng, quan tham tán.

Lắng tai nghe chuyện, cô Tần biết đại tướng Tống Phúc Lương đóng ở nhà ông thiên hộ Bình, cơ ngơi rộng rãi và chính là sở tại Mô Xoài.

Nàng vừa đi nhằm cho nhớ.

Đến nơi, trông thấy cờ quạt súng ống rợp trời, quân gia voi ngựa đóng tràn đồng chật nội, liền khít mấy dặm đường, giá người yếu bóng vía chắc phải chột dạ. Nhưng nàng coi là thường, vì chính nàng

có anh ruột cũng làm đề đốc, cảnh gươm dao như rừng, binh sĩ như kiến, con mắt nàng đã quen thấy ở thành Phiên An.

Nàng đội thúng bánh tét, miệng rao xinh xắn dễ yêu, đi lại bán quanh ở xóm chợ và gần nhà ông Thiên Hộ Bình; các cậu lính thấy cô hàng bánh đẹp, nàng cố nuốt hơi giận vào trong, bề ngoài cố làm bộ tươi cười niềm nở với họ.

Mục đích nàng chỉ mong đợi Tổng Phúc Lương ra đi đâu - hễ có võng lỏng trống cờ, tiền hô hậu ủng thì đích là hắn – sẽ nhảy sổ lại mà đâm cho một nhát. Nhưng cả buổi chiều hôm ấy cho đến tối mịt, nàng đi lại mỗi chân và bán hết thúng bánh, chẳng được như ý.

Đêm tối, không biết ở trọ nhà ai, nàng tìm đến một khu rừng vắng thật xa, lấy cơm nắm ra ăn qua quýt, đoạn ngồi dựa bên gốc cây mà ngủ.

Sáng hôm sau, lại lần vào chợ mua bánh tét đi bán quanh xóm Thiên Hộ Bình; hai mắt chăm chăm không rời khỏi nhà này, cổng kính tường cao, quân lính canh gác cực nghiêm, nàng biết thế mình không làm sao được lọt vào, mà ngong ngóng rình rập mãi, suốt ngày đến gần tối, lại vẫn chẳng thấy Tổng Phúc Lương thò mặt ra đi đâu một bước.

Nàng buồn rầu thất vọng vô cùng; ngồi bệt xuống đám cỏ bên đường, mắt ngó lờm lờm vào nhà ông Thiên Hộ, trong trí mơ tưởng vẫn vợ, ước gì lúc này mình hóa ra con rắn rết thật độc, bò vào mà mổ kẻ thù cho chết thì sung sướng biết chừng nào.

Mặt trời đi trốn đã lâu; bầu vũ trụ dần dần phủ tấm màn đen.

Bỗng một mục già từ trong cổng nhà Thiên hộ đi ra, gặp thầy đội hầu, liền nắm lấy tay thầy, cầu nhàu than thở:

- Khổ tôi quá!... Quan lớn lại bắt đi tìm người đâm bóp khác; con bé hôm qua ngài không ưng, chê nó xấu đũa.

- Tính quan lớn “hảo ngọt” như thế, mục phải cố chiều... Để ngài nổi giận lên thì như ngài ban cũng rộng mà!... Thầy đội nói cười có vẻ ranh mãnh.

- Vẫn biết thế... Ví dụ ngài vừa mới hẹn tối nay cho người đâm bóp một nén, thưởng tôi một nén... Nhưng tôi xem chừng như cục xương mắc cổ, thế khó nuốt trôi...

- Vì sao hả mù?

- Thầy nghĩ xem trời tối mất rồi, biết tìm đâu ra món tốt cho ngài được như ý? Phải chi còn sớm...

- Thôi, mù cố đi lòng cho kỳ được, không thì quan lớn cho ăn mã tấu đây.

Thầy đội nói rồi đi vào trong nhà; mù nọ ngược lên xóm chợ.

Câu chuyện hai người vừa nói với nhau, cô Tần ngồi nghe được lôm bôm.

Nàng đoán thầm Tống Phúc Lương là người hiếu sắc, nhân lúc còn đóng quân ở đây, mỗi đêm sai con mẹ Tú bà dờ dăng kia đi tìm mấy cô phong nguyệt sinh nhai đến làm bạn canh khuya, di dưỡng tuổi già, gọi theo tiếng nhà quan, là “người đấm bóp”. Đã thế thì ta lợi dụng cơ hội cho được lọt vào trong nhà; muốn làm đại sự, bất tất phải giữ tiểu tiết; nàng nghĩ vậy liền mạnh bạo đứng lên, lui lui theo hút mù già.

Đến một chỗ vắng, dòm sau ngó trước không thấy ai, nàng khẽ kéo vạt áo mù già và nói:

- Bà ơi! Đứng lại một chút cho cháu thưa chuyện.

- Chuyện gì mà níu áo người ta, con chết bầm này? Mù quay lại và đập gắt gông.

- Bà xem bộ diện cháu liệu có ưng ý quan lớn được chăng?

Mù nhìn sững sốt, nàng nói luôn:

- Mới rồi, cháu nghe lôm chuyện bà nói với thầy đội... Bà làm ơn dẫn cháu vô hầu quan lớn... Cả nén bạc về phần riêng cháu, cũng xin biếu bà, cháu không dám lấy... Chỉ cần được chỗ nhờ cậy tấm thân lâu dài.

Mù đang lo tối tăm, chẳng tìm đâu ra người đấm bóp cho quan lớn ưng ý, đề mà nuốt lấy nén bạc thưởng, cho nên đi thất thởi và nhảm tính. Tự dung có một cô tự xin cung tiến, lại tình nguyện nhường cả nén bạc phần riêng cho mù; dưới bóng nhá nhem, trông người tầm thước, mộc mạc, trẻ, đẹp như tranh vẽ, chắc hẳn quan lớn thích mê! Mù sung sướng như bắt được của bầu trời cho không ngờ liền phá cười ngặt nghèo, đổi giọng nói rất ôn tồn:

- Mời cô em về chơi nhà lão ở gần trong xóm kia!..

Về nhà, mẹ ân cần dọn cơm cho nàng ăn, lấy một bộ y phục lượt là đã cũ, cho nàng mượn tạm thay đổi, rồi ngồi tỉ mỉ căn dặn những cách thức đi đứng nói năng với quan lớn phải thế nào, hầu được ngài vui lòng. Nàng nghe chết cay chết đắng trong ruột, nhưng cũng phải giả là gật đầu, vâng vâng dạ dạ.

Mẹ không quên dặn nàng có nói cười phải giữ mồm giữ miệng, chớ có bô bô lên không được; vì quan lớn ngài cần giấu giếm tất cả tướng sĩ bộ hạ, trừ ra mặt người hầu cận, như thầy đội ban này chẳng hạn.

Sau hết, mẹ nói nhỏ bên tai nàng làm như sợ có ai rình nghe, mặc dầu mẹ ở nhà cô độc một thân, tí đằng cuối xóm:

- Cô em phải nhớ như chôn vào óc rằng: tên húy của quan lớn là Lương, vậy khi nói năng thưa hỏi, có động tới tiếng ấy thì phải kiêng khem, nói trại ra là... Lang nha! Chớ có phạm húy mà khỗ!...

Lời dặn ấy nàng chú ý và mừng thầm nhất. Nhờ thế, nàng có thể chắc dạ rằng con người mà mình sắp được ra tay Kinh Kha, Nhiếp Chính, đích thật Tống Phúc Lương.

Gần nửa đêm, mẹ mới dắt nàng đến nhà ông Thiên Hộ Bình; hai người rón rén đi cổng ngách, vào một tòa nhà ngang năm gian, biệt tịch, ấy là nơi quan lớn tả tướng quân họ Tống lấy làm hành viện.

Cách dăm phút, một mình mẹ già khép cửa ra đi, trong tay cầm một gói gì nho nhỏ, nét mặt dường như vui vẻ.

Người đâm bóp mẹ dẫn vào đã được quan lớn ngài chăm.

Sau đây, sự tình bên trong ra sao chỉ có trời biết.

Cai Hạnh phiên gác đêm nay, treo gươm trên cột, rồi ngồi bó gối ngoài thềm, ngủ gà ngủ gật.

Một chập, cậu giựt mình choàng dậy, nghe trong nhà có tiếng lục đục, tiếng xô xát, tiếng chửi rủa... Kế thấy quan lớn nhẹ nhàng hé cửa thò đầu ra, gọi cai Hạnh vào, trao cho cô ả mới đến ban này mà một bàn tay ngài nắm lấy hai cườm tay nàng như con gà bị trói. Ngài bảo:

Mẹ dẫn con bé này đi hành hình trăm quyết rồi về báo tin... Đi ra cổng ngách chớ làm ồn ào gì cho ai hay, nghe!... Đưa nó tới một cụm rừng nào xa xa hãy chém!... Đi!

Thì ra trong lúc nàng ngồi đầm bóp hầu quan lớn, đã rút dao Mã Lai, nhắm ngay giữa ngực họ Tống đâm tới mà không trúng.

Chắc hẳn mệnh số còn vượng, nên có quỷ thần hay tâm thần mách bảo hay sao không biết, Tống đang nằm nhắm mắt để tận hưởng cái lạc thú “tắm quất” khoan khoái bởi hai bàn tay dịu dàng của người thiếu nữ, không ngờ giữa cơn chớp nhoáng mũi dao gần cắm vào ngực, bỗng mở trừng mắt ra.

Tống lạnh lẽo nắm chặt cổ tay nàng khiến cho bất động, rồi vươn mình đứng phắt lên.

Nàng cố sức dằng co, nhưng con gái yếu đuối, chống sao lại một ông đại tướng, tuổi già mặc lòng, có võ nghệ và vẫn khỏe sức.

Tống biết ngay là thích khách, nhưng tự lỗi mình dẫn cộp vào nhà, bởi tính “hảo ngọt” mà ra nông nổi, nếu giờ làm to chuyện ra, tất làm náo động cả ba quân, không khỏi bị họ xâm xì dị nghị; rồi lại tai tiếng về đến triều đình, e mất thể diện một bậc lão thành danh vọng, chẳng hóa già đời chưa trót, còn ra làm sao?

Thà cứ mật đi còn hơn.

Bởi vậy, Tống cố đè nén lòng giận, giữ gia thanh thích không cho ồn ào, chỉ khẽ gọi thủ hạ tin cẩn là cai Hạnh vào dẫn con nữ tặc đến một chỗ xa, cho nó một gươm là xong. Muốn bùng bít nhất thiết, Tống cũng không truy vấn mục già chim xanh kia đã vớ được con nữ tặc ở đâu mà đưa đến, chỉ còn thiếu bằng một mấy lông nữa thì tính mạng mình không còn.

Cho tới vết thương chữ nhất ở ngay lòng bàn tay, vì lúc nàng cố dằng co khiến ra mũi dao thích nhằm, máu ra không ít, chả phải không đau, Tống bảo với tả hữu đó là tại mình vô ý trong khi bỏ một quả cau ăn trầu. Tóm lại, Tống cốt giao nàng cho cai Hạnh đem đi xử quyết một cách êm ái, rồi coi như chẳng có chuyện gì xảy ra vậy.

Đêm sao vắng vặc cai Hạnh dẫn nàng quanh co hai ba dặm đường vẫn chưa chấm được chỗ nào nên làm pháp trường theo ý chủ muôn.

Nàng mong chết phứt cho rồi, đi được mấy bước lại đứng khựng lại, giục giã:

- Trời ơi! Xin cậu cho ngay em một dao chết ở xó xỉnh nào chả được, cứ dẫn em đi bách bộ mãi thế này.

- Cô muốn chết gấp thế kia ư? Tội nghiệp cô phạm tội gì với quan lớn, đến nỗi má hồng bạc phận, tôi tiếc giùm.

Sự thật, cai Hạnh thấy dung nhan ngôn ngữ nàng mà sinh cảm, gọi nàng bằng cô và muốn kéo dài giờ khắc, để cho nàng hưởng thêm sự sống được chừng nào hay chừng ấy. Nhất là cậu cũng trẻ tuổi có học thức ít nhiều không phải võ biền như hạng lính xô bồ kia. Lòng tiếc sự đẹp, thêm tính tò mò, bảo cậu thông thả hãy giết nàng, để gạn hỏi cho biết chuyện gì mà quan lớn họ Tống căn dặn bí mật và đành tâm xô đẩy một người con gái thanh xuân hờ hớ như nàng về cõi đời khác.

- Tôi vừa mới hỏi cô phạm tội tình gì với quan lớn mà ra nông nỗi thế này? Cai Hạnh nhắc lại câu hỏi. Ban nãy cô định giết quan lớn phải không?

- Vâng, có thể! Nàng đáp.

- Vì chuyện gì mà cô hung tợn đến thế? Tôi thoáng trông cô không có vẻ nào là hạng bợm bãi thì phải.

- Quả thật, cậu thật là người có con mắt xanh. Em là con nhà lương thiện, hãy còn đồng trinh, bị mẹ già kia gạt gắm vào đám bốp hầu quan, em vì sợ uy thế mà phải đi.. Cũng tưởng là cần răng nhắm mắt thù phụng bề ngoài thế thôi... Ai ngờ quan lấy uy lấy sức ra muốn cưỡng bức em, thế tất em phải mượn con dao để giữ lấy danh tiết mình... Quan giận dữ hổ thẹn, buộc em vào tội hành thích; nghĩ thật oan tình!

Cố nhiên, cô nàng tìm có khác che đậy sự thật, không dám lộ chuyện mình từ Phiên An đến.

- Quan tôi có cái tính thế thật! Cai Hạnh nói. Thâm ý tôi không thích, nhưng vì nghĩa thầy trò, vì sự kỷ luật, chả biết làm sao!

- Ô! Được cậu biết giùm khổ tâm và cho việc em tự bênh vực danh tiết như thế là phải, em chết đêm nay cũng được mát ruột. Thôi, cậu tuân lệnh hành hình em đi, còn về phục mệnh kéo sáng mắt...

Không trả lời thẳng câu ấy, cai Hạnh nhìn tận mặt nàng và hỏi:

- Nhà cô ở đâu?

- Thưa cậu, xa lắm, đi hết những nửa ngày đường kia! Nàng đáp.

- Chắc ở Gia Định?

- Vâng.

- Thế cô lần mò lên đây làm gì, để rước lấy tai vạ vào thân?

- Nhà nghèo, em nghe nói có quan quân vào đây đóng đồn, sửa soạn đánh giặc, nên em buôn bánh tét lên bán kiếm lời, về nuôi mẹ già em bé...

Cai Hạnh lại dẫn nàng đi một thôi nữa, ra đến quan lộ về ngã Gia Định, cời trói ở tay nàng ra và nói rất tự nhiên:

- Cô đi đường này mà về nhà cô.

Nàng thụt lùi mấy bước, ngơ ngác:

- Cậu không tuân lệnh giết em em ư?

- Không, tôi tha cho cô.

- Ấy chết! Ngộ nhớ hệ lụy đến cậu, thì làm thế nào?

- Mặc kệ! Ông chủ tướng tôi đã làm việc bất công, thì tôi lấy lẽ công mà đền bù lại. Nếu tôi lại giết cô là người trong sạch vô tội, chỉ hóa ra tôi cũng làm việc bất công thất đức sao? Thôi chúc cô đi bình yên nhé!

Không đợi cho nàng cảm ơn hoặc thốt thêm lời gì, cai Hạnh nói rồi bỏ chạy như bay.

Nàng đứng trồn chân ở chỗ đó, như ngây như dại, giây lâu mới tỉnh hồn. Cầm chắc cái chết trong tay, nàng không ngờ mình lại sống sót, không ngờ ở đời có người nghĩa hiệp đến thế? Nhất là người ấy không thềm cho biết tên tuổi và nhận lấy hai tiếng cảm ơn của mình.

Vừa cảm khái, vừa mừng rỡ, khiến nàng quên cả mình đang trơ trọi giữa cảnh lau sậy tứ vi, trời còn đêm tối; thân gái dậm trường, cứ việc xãng xái nện bước chân trên đường quan lộ hiu quạnh. Nàng đi thật nhanh, con đường về Phiên An mỗi lúc rút ngắn lại...

XI. THÀNH PHIÊN AN BỊ VÂY HẮM

Theo kế nghi binh của quân sư Vô Ngại, Khôi rút được toàn quân ở mặt trận Biên Hòa từ từ về Phiên An.

Binh triều sợ trúng kế mai phục, không dám đuổi theo bén gót, vì Khôi vốn có tài dùng binh và nhiều mưu trí, khiến các danh tướng bên triều phải kiêng nể.

Chẳng thế mà Khôi thừa đêm khuya rút quân đi rồi, sáng ra binh triều trông thấy trong các đồn lũy Biên Hòa vẫn có la liệt bóng cờ, tiếng trống trận vẫn thúc dòn dã, tướng quân giặc còn cố thủ, không ai dám xông vào.

Kỳ tình quân giặc đánh lừa, lấy dây mây buộc trói những trâu và lợn vào cán cờ cùng dùi trống; sau đuôi mỗi con vật lại cột mỗi rơm đốt cháy. Lửa đốt nóng đuôi, những con vật khốn nạn ấy dằng co vùng vẫy chùng nào, làm cho cờ phát huyên thuyên, trống đánh rầm rĩ chùng ấy. Chỉ có thế, mà binh triều nghĩ quân giặc còn đóng y nguyên trong các đồn lũy.

Cho tới khi những mối rơm tắt, tức thì cờ lặng trống im, binh triều mới biết là gian kế, thì quân giặc đã bỏ thành trì trống rỗng, kéo đi lâu rồi.

Bảy giờ các đại hội bên triều mới nhổ trại tiến phát.

Khôi đem quân về đến Bình Hòa, một yếu điểm ngoài thành Phiên An, muốn lợi dụng địa thế hiểm trở ấy để xuất kỳ bất ý, đánh úp binh triều một trận, may ra gỡ được nước bí, khỏi phải vào thành cố thủ, theo như kế hoạch đã định.

Công cuộc mai phục Khôi xếp đặt tạm xong thì đại binh triều mấy mặt cũng vừa đến nơi.

Đạo binh của thượng tướng Nguyễn Văn Trọng đến Hòa Phong. Một chập, đạo binh Trương Minh Giảng cũng đến, sau khi đi băng qua đồng ruộng lụt lội rất khổ.

Tổng Phúc Lương dẫn quân đến đóng tại cầu Cao Man.

Thủy sư Trần Văn Năng thì vào cửa Giao khẩu.

Thành Phiên An lúc này như lâm vào cảnh bốn mặt đều nghe tiếng hát người Sở lú lo.

Tuy vậy, cửa thành phía trước vẫn mở toang, như lúc vô sự. Cảnh mua bán có phần náo nhiệt bằng mấy thường ngày.

Nghĩa quân đã có chủ định cố giữ thành trì Phiên An rất lâu dài, cho nên cần dự bị lương thực càng nhiều, càng hay. Nhân có tờ yết thị của quan Hộ thành đề đốc Nguyễn Kiều ngỏ ý muốn mua các đồ thực phẩm quân dụng với giá rất đắt, nên chỉ hai ngày nay, suốt từ sáng sớm đến chiều tối, cửa thành Phiên An chen chúc những người buôn bán cầu lợi, không lúc nào ngớt.

Khách trú trong Chợ Lớn, dân quê ở các làng xung quanh, thi nhau chuyên chở gồng gánh nào thóc gạo, nào cá khô, nào mắm muối, cho tới đồng, sắt, vải, diêm, đem vào trong thành bán cho nghĩa quân, đông hơn họp chợ.

Mà họ bán được giá cao thật, nói bao nhiêu nghĩa quân trả bấy nhiêu, không hề mặc cả lời thôi hay là cò kè thêm bớt, miễn là mua tích được nhiều.

Nhưng, sự thật trong những người có vật liệu đem tới bán, ta hay khách trú cũng thế, chỉ cần được lợi hơn thường ngày chút đỉnh, cho bỏ công lao khiêng vác khó nhọc thế thôi, không ai có ý đầu cơ, bán cho nghĩa quân với giá cắt cổ. Chỗ ấy cũng tỏ ra nhân tâm đối với Khôi và các bạn đồng chí Khôi vẫn nặng tình mến phục vậy.

Người được nghĩa quân phó thác công việc mua sắm này chính là thím đội Kiều mà ta đã biết; giờ phải gọi là bà đề Kiều, vì chồng bà, Nguyễn Kiều, lĩnh chức Hộ thành đề đốc từ ngày thành trì Phiên An về tay nghĩa quân.

Bà ngồi lộ thiên, phía trong cửa thành trước mặt kê chiếc bàn to, bạc nén và quan tiền xếp từng chồng cao ngất. Sau lưng có hàng chục thầy thơ lại ngồi biên chép sổ sách, phàm là hàng hóa mua được những gì và chi bao nhiêu tiền, đều ghi vào sổ cẩn thận, tơ hào không sai.

- Gánh gạo này muốn bán bao nhiêu?
- Bẩm, con xin bà cho 5 quan.
- Được rồi, 5 quan đây! Bà đề Kiều xia tiền rất mau lẹ, day lại bảo một viên thơ lại biên sổ và nhận lấy gạo.
- Tôi có hai sọt cá khô này, bà có mua không? Một chú khách hỏi.
- Nị lấy bao nhiêu?
- Xin bà trả cho mỗi sọt một nén.
- Ô, chú này chém nặng thế kia ư? Bà đề nói và cười.

- Thừa bà, không đắt gì đâu. Cá này ở Biển hồ xứ Chân Lạp đem xuống kia mà, bà xem thì biết.

- Nói chơi thế thôi, hai nén thì hai nén, chú đem cá vào kho kia rồi trở ra đây lấy tiền.

Đã nói nghĩa quân cốt thu nhật lương thực cho nhiều, cho nên sự mua bán mau lẹ rộng rãi, chỉ cầu lấy vật ngon của tốt cho các chiến sĩ dùng, đắt mấy cũng chẳng quan ngại. Ví dụ có năm bao muối, người bán xin hai chục quan tiền, bà đề Kiều trả y số ấy; mấy thầy thơ lại ngồi bên xầm xì nói với nhau:

- Thật là muối đắt như vàng!

- Vàng có khi chẳng quý bằng muối, các thầy ạ! Bà đề day lại nói. Một mai thành trì bị vây, dù để triệu quan bạc nén chất cao như núi, phỏng chừng quân sĩ có nhai mà sống được không? Bây giờ ta phóng tài hóa thế này, có hai điều lợi: vừa câu được người ta mai sau tiếp tế lương thực cho mình, vừa được dư dật các thứ cung đốn quân sĩ, họ mới vui lòng chiến đấu mà giữ vững thành trì chứ.

Ai nghe cũng thầm phục bà đề Kiều cao kiến, biết lo xa thấy rộng.

Giữa lúc ấy cô Tần về đến thành Phiên An, lách qua hàng rào người và gồng gánh, rón rén lại sau lưng bà đề, lấy hai bàn tay bưng chặt mắt chị.

Bà đề giựt nảy mình, tưởng quân gian tế nào thừa cơ vô cớ cướp tiền bạc:

- Ai làm gì lạ thế này? Quân lính ta đâu, bắt nó cho tôi!

- Em đây, chị ạ! Cô Tần nói cười và buông hai tay ra, chạy lại trước mặt.

Nửa mừng nửa sợ, bà đề rú lên, hai mắt nhìn cô Tần không chớp:

- Kìa cô đã về đây à?

- Vâng, em đã về...

- Trời ơi! Người thật hay là oan hồn hiện về nhất tôi thế?

Bà đề ngỡ em mình mạo hiểm đi ám sát Tổng Phúc Lương, chắc bị chúng giết chết mười mươi, đây là hồn phách về báo cho gia nhân biết, vì thế bà nghi sợ.

Những người có hàng hóa đem tới bán, và bọn thợ lại, binh sĩ, xúm xít chung quanh đều ngơ ngác nhìn tấn hoạt kịch, nửa bí nửa hài, đang diễn trước mắt họ, mà chẳng ai hiểu đầu đuôi thế nào.

Cô Tần không thể nhịn cười; cái cười vui vẻ quá độ của nàng, híp mắt và phơi cả hai hàm răng trắng bóc, càng khiến bà chị thêm nghi, thêm chọn:

- Có phải em thác oan, để chị làm chay siêu độ linh hồn cho, đừng về nhát chị tội nghiệp. Chị đang làm việc công cho cả nghĩa quân ta, tình hình rất gấp...

Mà mũi lòng, nói rồi khóc mếu, tỏ ý thương xót em chồng vì việc nghĩa quân mà phải hy sinh tính mạng đang xuân.

- Chết nổi! Chị tưởng em là hồn ma hiện về thật à? Cô Tần vỗ vai chị và hỏi, làm chị càng rùng mình, kinh hãi.

- Tôi biết chắc cô đi làm việc đó, không thể nào sống sót mà về được.

Bà đề trả lời và nhìn chồng chọc vào cô Tần, từ đầu xuống chân.

- Khổ quá! Thật em của chị đây, em sống hoàn toàn vô sự mà trở về đây, không phải oan hồn ma quỷ nào về nhát chị đâu mà sợ. Chị đã biết hễ là ma quỷ thì chân đi không sát tới mặt đất; đằng này chân em đứng khít với đất, chị xem. Còn sự phân biệt nữa: chỉ người thật mới có bóng, ma quỷ thì không; bóng của em lù lù thế này, làm sao chị ngờ là ma được không biết? Chị hãy nhìn kỹ xem nào!

Cô Tần vừa nói vừa đập bàn chân dưới đất thành thịch và day qua trở lại, trở vào bóng mình.

Mọi người cùng nhìn, bảo nhau quả thật cô là người, chẳng qua bà lớn đề đốc vài bữa nay quá bận việc, đâm ra rối trí tưởng lầm thế thôi.

Bấy giờ bà mới tỉnh ngộ, ôm chầm lấy em, tươi cười vồn vã:

- Tôi cảm ơn trời đất quý thân. Nói thật, nhờ có phúc đức ông bà, cô mới được sống toàn vẹn mà về thế này... Hai hôm nay tôi chỉ những hồi hộp mất ăn mất ngủ, trong trí cảm chắc thế nào cô cũng chẳng còn đời!... Việc thì khó khăn mà cô táo tợn quá.

- Thế mà suýt nữa em thành công đấy, chị ạ! Cô Tần nói và bặm môi, tỏ ý tiếc rẻ.

- Nhưng cô làm thế nào đến gần được bên mình Tống Phúc Lương?

- Khó gì, mỹ nhân kế.

- Rồi cô thừa cơ rút dao đâm nó, con dao Mã Lai ở nhà đem đi ấy phải không? Thế là mất mẹ con dao gia truyền của anh cô rồi... Nhưng đâm không trúng à?

- Trời ơi! Chỉ còn xa cách có mấy lông sợi tóc thì trúng vào mạng mỡ nó, song nó sức khỏe và giỏi võ, nên mới tránh thoát.

- Thôi, giết nó không được mà cô kịp đào tẩu về đây, thế cũng là may phúc.

- Đào tẩu làm sao thoát được, chị ơi! Quả như lời chị đã nói: chung quanh thẳng giặc già ấy, có năm bảy lớp gươm dao vệ sĩ, nghiêm mật lạ thường, con ruồi bay qua không lọt...

- Thế cô bị nó bắt tại trận?

- Vâng, ngay lúc bấy giờ, vào khoảng nửa đêm... Nghĩa là chính đêm qua đây.

- Nó hô lính đem chém?

- Cố nhiên!

- Nhưng thừa lúc khuya khoắt tối tăm, cô lủi trốn được?

- Không!

- Cô này nói lạ; không trốn thoát sao lại lủi mò về đây?

- Thừa chị, lạ thật! Chính người phụng mạng dẫn em đi chém, không hiểu va suy nghĩ thế nào, lại tháo xiềng xích, thả cho em đi, lại chỉ bảo đường lối về Gia Định cho nữa. Người nghĩa hiệp ấy, em chẳng biết tên là gì, cũng không nhìn rõ diện mục thế nào.

- Ô! Đời này có người nghĩa hiệp thế ư? Làm sao run rủi có cơ hội cho ta được gặp mà báo đáp họ mới được.

- Em cũng nghĩ thế.

Hai chị em nói chuyện đến đây, một toán nghĩa quân áp giải hơn trăm tù binh đi vào cửa thành; nhiều người máu me đầy mình, quần áo mang dấu khói đạn lợ lem. Hỏi ra tức là binh triều bị bắt ở mặt trận đưa về.

Chuyện mạo hiểm của cô Tần vừa kể và đám tù binh này, đều in cảm giác rất tốt ở trong trí mọi người đối với nghĩa quân.

Ai nấy trầm trồ kinh phục một người thiếu nữ ẻo lả như cô Tần mà dám mưu việc Kinh Kha, Nhiếp chính, dù thất bại cũng tỏ ra can đảm lạ thường; đàn bà con gái của nghĩa quân còn thế, tưởng đám tu mi trắng sĩa từ Khôi trở xuống còn nhiều người giỏi đến đâu. Thêm bọn tù binh vừa giải vào thành, chứng tỏ lực lượng nghĩa quân còn to, binh triều chưa chắc đã làm gì nổi.

Tiếng súng ở mặt trận nổ đi ùng liên thanh, trong thành nghe rõ mồn một. Những người bán hàng nhôn nhao sốt ruột:

- Bẩm bà lớn có mua giúp chúng tôi, còn để chúng tôi ra về cho kịp, kéo nghe tiếng súng kêu réo bên tai, ghê quá.

- Ôi! Còn chán thời giờ! Các người sợ gì mà nóng nảy lắm thế? Cô Tần nói.

- Thưa cô, chúng tôi là bách tính, sợ quân Huế ập đến thành linh, thì làm thế nào? mấy chị bán gạo đồng thanh nói.

- Hề chúng đến thì ta đánh, can chi mà sợ? “Giặc đến nhà đàn bà phải đánh”, các chị quên tục ngữ rồi à?

- Vâng, cô có gan, giỏi võ, dám làm tới việc thích khách như chúng tôi vừa nghe lỏm câu chuyện; có thể, giặc đến nhà, cô mới đánh được, chứ như chúng tôi thì đánh chắc gì; có mà đánh... mấy bát cơm!

- Còn lo không về kịp mà bị nhốt trong thành thì chết đói mới nguy!... một người khác nói thêm.

- Điều đó tôi xin các cô bác anh chị đừng lo; cô Tần trả lời. Vạn nhất đến thế, chúng tôi sẽ cung đốn ngày hai bữa no nê... Không xem chúng tôi mua trử lương thực đây à?

Đoạn, cô day lại nói với bà đề:

- Hẳn chị mỗi mệ?

- Ủ, luôn hai bữa nay tôi chẳng được rảnh tay chợ măt lúc nào, bàng hoàng như người mất trí, không trách lúc nầy tôi lẫn thần tưởng cô là ma!

- Thế thì chị về nhà nghỉ ngơi dưỡng sức đi, để em thay đỡ công việc mua bán này cho... nào! Cô bác anh chị có mong muốn bán thì đem lại đây.

Giữa lúc ấy ở ngoài mặt trận có cuộc giao chiến kịch liệt. Tiếng súng bắn và tiếng reo hò vang động tới chân thành.

*

Từ Biên Hòa rút về Phiên An, Khôi đoán chắc bề nào binh Huế cũng đuổi theo sau gót mình; lại đoán chắc bề nào Nguyễn Văn Trọng – viên thượng tướng, thống lĩnh các đạo binh của triều đình – cũng yên trí rằng Khôi ít quân, thế cùng lực kiệt, tất tả chạy một mạch vào thành Phiên An, đóng chặt cửa lại mà cố thủ, chứ không chống đối kháng chiến đường trường, hay có mưu mô ý ngoại gì khác.

Bởi vậy, khi về đến Bình Hòa, chỉ còn cách mấy dặm đường thì vào thành Phiên An nhưng Khôi không vào thành vội. Khôi truyền đóng binh lại Bình Hòa, muốn lợi dụng cái thời giờ mình nhanh chân giả nửa ngày, bố trí phục binh, để đánh úp quân Huế sắp tới nơi, nhất là đạo quân Nguyễn Văn Trọng.

Hễ phá vỡ đạo quân chủ lực này, thì mấy đạo kia núng thế, chẳng đánh cũng tàn.

Được thế, chẳng những cái nguy cuộc của thành Phiên An tự nhiên thư bớt, mà thanh danh Khôi ở trước mắt nhân dân Nam Kỳ lại hiển hách như cũ. Bây giờ Khôi sẽ thân dẫn một cánh quân, quay về miền dưới, thu phục các tỉnh, và bắt sống thẳng bội phản Thái Công Triều như bốn.

Nhân được địa thế chỗ này hiểm yếu, từ Bình Hòa đến cầu Cao Man (tức là cầu Bông ngày nay, trên đường từ Sài Gòn vào Gia Định), toàn ruộng sinh lầy và nhiều lùm cây sầm uất, tiện lợi cho cuộc mai phục, Khôi quyết gài bẫy trong khu vực nhỏ hẹp ấy để bắt Nguyễn Văn Trọng.

Khôi tự vẽ địa đồ, xếp đặt phục binh kéo dài như hình con rắn, hễ đầu nổi lên thì đuôi ứng; khúc giữa quật dậy đánh thì cả đầu đuôi cùng tiếp chiến. Lúc ấy bộ hạ có chừng 2500 người; Khôi tự lĩnh một nghìn, đảm đương ở khúc đầu, còn thì phân phát cho ba tướng Hoàng Nghĩa Thư, Trần Văn Tha, Võ Vĩnh Tài mỗi viên lĩnh 500 người mai phục rải rác ở những yếu điểm, theo Khôi chỉ định.

Đồng thời, sai người đi truyền lệnh cho thủy sư Lưu Tín và Mạc Tấn Giai phải cố ngăn cản những đội chiến thuyền của Trần Văn Năng ở Giao khẩu.

Chưa đầy nửa ngày, Khôi đốc thúc tướng sĩ làm xong mọi việc: nào gài địa lôi, nào cắm chông đóng cừ, nào là đào những hầm hố bên trên phủ cỏ rác, đâu đó từng tiệm hoàn hảo. Ai nấy hăng hái tự nghĩ mình đã lập thành trận thế Bát môn để đón Nguyễn Văn Trọng, mà đây tức là cửa tử vậy.

Mỗi người thủ sẵn một nắm cơm phòng đói và trong tay lăm le khí giới chỉ chờ có hiệu lệnh là nhảy ra chém giết.

Kể ra mọi việc Khôi lo toan xếp đặt kỹ lưỡng, có nhiều hy vọng thành công, nhưng còn quên một chỗ quan hệ, là không nghĩ đến Thái Công Triều.

Những tưởng một mình Nguyễn Văn trọng, nhơn nhơn khinh địch, cứ cho quân sĩ nhắm mắt tiến bừa, tất phải sa vào cạm bẫy của Khôi mà tổn hại chưa biết đến đâu. Cuộc diện Phiên An sẽ vì đó thay đổi khác hơn cũng nên. Những trận đánh thực mạng sau chót, có thể chuyển nguy ra an, biến thua thành được, là việc xưa nay thường thấy.

Nhưng ở đây có Thái Công Triều làm cái gậy ngáng lấy bánh xe.

Con người bội phản chí tái chí tam này, đã phụ lời thề mà nhảy sang bên kia chiến lũy rồi, không còn ở trong bộ tham mưu nữa, nhưng không hiểu tại sao lại dò biết được cơ mưu hành binh của Khôi. Muốn làm thân với Nguyễn Văn Trọng và tâng công với triều đình, Thái Công Triều lập tức dẫn một toán bộ hạ đi đường tắt, đón đầu binh triều để nói cho biết.

Lúc giáp mặt, Triều vòng tay cúi mọp, chào Nguyễn Văn Trọng và nói:

- Tiểu tướng trân trọng mừng giùm nguyên soái.

Vị lão tướng này có ý khinh bỉ Triều là đứa nhát hèn phản phúc, đã bỏ vua theo giặc, lại phản giặc trở về triều đình, đáng lẽ phải không thèm tiếp kiến. Song, nghĩ đang lúc dùng binh, người đã thông tỏ nội tình giặc như nó, tất có ích cho bên Triều, vả lại nó mới ăn năn quy thuận, ta nên chiêu đãi và lợi dụng sự biết của nó, kéo đứa tiểu

nhân xoay như chong chóng, có thể bất như ý mà lại quay về với giấc không chừng. Bởi vậy, ông dừng ngựa lại, vồn vã nói chuyện:

- Từ hôm ta phụng mệnh xuất binh, nào đã lập nên chiến công gì đâu mà nhà ngươi mừng giùm?

- Bẩm, sự đáng mừng là nguyên soái gặp được Triều này, rồi lập nên chiến công đầu hết! Thái Công Triều nói rất tự nhiên.

- Thật à? Nguyên Văn Trọng hỏi. Tất nhà ngươi có mưu chước gì hay giúp ta?

- Thưa vâng!

- Ủ, nhà ngươi cố đoái tội lập công, thế nào hoàng đế cũng sẽ lượng tình mà châm chước; phần riêng ta cũng tâu về triều đình hộ cho nhà ngươi.

- Đa tạ nguyên soái; tiểu tướng chỉ mong mỗi có thể.

Đoạn, Triều tỏ hết sở kiến của mình về Khôi, khuyên Nguyễn Văn trọng nên coi chừng phục binh ở khoảng Bình Hòa và cầu Cao Man. Lại chỉ rõ những địa điểm nào nguy hiểm và hiến kế đánh phá trận, kế mai phục của Khôi.

Trọng mừng lắm, liền sai Triều đi hướng đạo, chia quân ra làm ba toán; tự mình dẫn toán đầu. xung đột vào mặt tiền, cốt nhử cho quân giặc tưởng rằng binh triều trúng kế mai phục, trong khi hai toán kia đánh riết vào bên nách, khiến cho quân giặc trở lại vây, tất là phải vỡ.

Quả thật như Trọng đã liệu định.

Ban đầu, tiền đội binh triều đến nơi, Khôi để mặc cho đi qua, đến nửa chừng mới để pháo hiệu cho quân nhà xông ra đánh. Khôi cầm gươm đốc thúc quân sĩ, hò hét, xông pha, dũng cảm lạ thường, binh triều không dám lại gần. Nguyễn Văn Trọng đứng núp trên mô đất cao, ngó thấy, phải tấm tắc khen thầm:

- Thật là hổ tướng! Một ngày nó chưa chết thì ta ăn ngủ chưa yên và đất Gia Định chưa dễ thu phục.

Khôi yên trí rằng ba đội mai phục của mình cùng nổi dậy tiếp ứng, không dễ gì trận trường xà đã bị cắt đứt ra làm mấy khúc, rời rạc lẫn nhau; bọn Hoàng Nghĩa Thụ ba tướng đều bị đánh thúc bên hông ai nấy tự cứu mình chưa xong, làm sao tiếp ứng nhau được.

Binh triều lại biết rõ những chỗ nào có địa lôi, hầm hố, cạm bẫy, nhờ Thái Công Triều mách bảo mà tránh, không một người nào bị sa hãm.

Té ra binh Gia Định mai phục tính để bắt người, lại bị người bao vây mỗi lần thêm chặt, nếu không tìm cách thoát thân ngay thì khôn.

Hai bên giao chiến từ đầu giờ Dậu đến giữa giờ Tuất, tình thế của binh Gia Định cheo leo khẩn cấp như trứng, để đâu đâu sắp sửa rơi vỡ tan tành. Số tử thương vài trăm người. Được điều ai cũng trông gương Khôi hăng hái tử chiến, không một người nào núng chí hay khiếp sợ, quăng gươm đầu hàng.

Võ Vĩnh Tài bị trọng thương ở cánh tay, chạy vào chùa Kim Chương gần đấy, tìm lá bó lại cho cầm máu, tính lộn trở ra chiến địa; bắt đồ Thái Công Triều theo hút vào ôm chặt lấy, bắt sống.

Vĩnh Tài vùng mạnh một cái, Triều phải rời tay và văng xa mấy thước. Tay trái còn cầm thanh gươm, Vĩnh Tài hăm hăm muốn xông tới đâm chết thẳng phản phúc, nhưng trông thấy sau lưng nó đông thủ hạ, liệu thế không làm gì nổi, nên phải ngừng lại.

- Chắc mày bắt tao để nộp thủ cấp lấy công, có phải không Triều? Vĩnh Tài trợn mắt, hỏi.

- Chẳng biết mày còn để làm gì! Triều nói.

- Được rồi, thân tao để tao tự xử lấy, không phải để thanh gươm của đứa phản trắc hèn hạ như mày được làm bản da thịt tao.

Tức giận đỏ mặt, Triều hô lính bắt trời nhưng không kịp: Vĩnh Tài nhanh như chớp, nói rồi liền trở mũi gươm đang cầm trong tay, tự đâm giữa ngực mình, ngập hết cả lưỡi, xuyên qua sau lưng, chết ngay.

Ở ngoài chiến địa lúc ấy, sắt vẫn động chạm nhau chan chát; mỗi phút có một vài người trọng thương hay tử trận, lăn nhào dưới đất, không của bên nọ thì bên kia.

Một sự tình cờ giải vây cứu nạn cho quân Gia Định.

Ở mấy làng xóm cách xa chiến địa một cánh đồng, và sau lưng binh Triều, không hiểu vì có phát hỏa bay trộm cướp thế nào, bỗng dưng có tiếng trống ngũ liên và người kêu réo ầm ỹ, làm như ở góc trời ấy cũng đang có chiến trường thứ hai vậy.

Lanh trí, Khôi chụp ngay lấy cơ hội bất ngờ ấy, muốn làm cho loạn quân tâm bên Triều, may ra giải nguy cho mình. Tức thời có mấy người cầm loa cỡi ngựa, xông pha khói đạn, chạy từ Bình Hòa lên cầu Cao Man, lại từ cầu Cao Man trở lại Bình Hòa vừa chạy vừa truyền loa, tiếng nói vang rền, nghe rất đông đặc, rõ ràng:

- Bớ quân sĩ Gia Định ta! Đại nguyên soái truyền lệnh nghe: Anh em cứ đánh hăng hái, có viện binh đang tới kia rồi!

Nguyễn Văn Trọng giựt mình, tin là sự thực, lại thấy trời gần tối, sợ mắc gian kế của giặc, vội vàng hạ lệnh thu binh.

Thái Công Triều can:

- Tướng quân cho đánh một chập nữa thì bắt được thằng Khôi chắc chắn, có sao lại bãi chiến thu binh?

- Hừ! Ta chinh chiến đã nhiều, không cần phải nhà người vẽ khôn. Nếu nhà người có giỏi, chắc đánh một lúc nữa bắt được thằng Khôi, thì làm quân lệnh trạng đi.

Triều cúi mặt làm thinh. Một người đã ham sống sợ chết, phản vua phản giặc tới đôi ba lần, khi nào dám làm quân lệnh trạng.

Nguyễn Văn Trọng thu binh, cắm trại ở trước đồn Hòa Phong.

Lúc thấy hàng ngũ phía sau binh triều chuyển động. Khôi định chắc Nguyễn Văn Trọng rục rịch lui quân, lại làm bộ hò hét thúc giục tướng sĩ Gia Định đánh giã, để tỏ ra sức mình chưa đuối.

Binh triều rút đi hết rồi, bấy giờ Khôi mới chỉnh đội kéo về trong thành.

Tính lại, Gia Định thiệt hại chừng 600 quân và một viên đại tướng. Chưa kể thủy sư cũng vì lẽ quả bất địch chúng mà phải bại trận ở Giao khẩu, ngót bảy chục chiến thuyền bị Trần Văn Năng đốt phá, không còn mấy chiếc nguyên lành.

Bọn Lưu Tín và Mạch Tấn Giai túng thế, bỏ cả chiến thuyền để cứu lấy quân sĩ và ít nhiều khí giới, cùng nhau lên bộ, chạy về thành Phiên An sau Khôi độ vài giờ đồng hồ.

Thủy sư Trần Văn Năng thừa thắng tiến vào đóng chốt ở trước Thị Nghè.

Tuy vậy, binh triều đánh nhau trên bộ với quân Khôi, tổn thất cũng nặng, có lẽ nhiều gấp đôi. Chính mắt Nguyễn Văn Trọng ngó thấy quân lính Gia Định dũng cảm liều chết, người nào cũng lấy sức một chọi hai ba, không coi nguy hiểm tử sinh là gì. Đó cũng là một cơ khiến Trọng nhân trời sắp tới cả quyết thu binh, sợ vương phải sự bất trắc.

Vào thành, Khôi chẳng nghỉ ngơi gì cả. Con người đầy nghị lực hình như gang sắt rèn đúc, càng nện càng thấy rắn. Bước xuống mình ngựa, vào ngay công phủ, chỉ húp một bát nước cháo của quân lính vừa nấu chín, đủ lấy lại hơi sức, rồi vời các đồng chí họp quân sư hội nghị khẩn cấp.

Trần lĩnh tự nhiên, Khôi nói:

- Chẳng nói, anh em cũng thừa biết quân triều tất bao vây chúng ta tình thế ta phải tạm cố thủ thành nay để nhờ cơ tường cao hào sâu, tướng sĩ cùng lòng quyết đấu, kẻ địch không làm gì nổi. Tôi và Tăng tiên sinh đã có phương lược nay mai giải thoát cuộc nguy này. Hiện tại chỉ là vấn đề hết sức giữ thành, chắc hẳn anh em đồng tâm cộng lực với tôi?

Chư tướng cùng nói:

- Vâng! Chúng tôi thề hết sức phò tá đại huynh; chừng nào binh triều có thể đi trên cây ma chúng tôi thì mới vào lọt được thành này...

Nghe chư tướng nói những tiếng “đi trên cây ma chúng tôi mới vào được thành” Khôi cho là điềm gở, trong thâm ý không vui, nhưng cố đè nén, bề ngoài vẫn giữ vẻ hăng hái mạnh bạo như thường:

- Việc chiến hay thủ đều cốt ở nhân tâm; Khôi nói. Tướng sĩ ta quyết tâm như thế là quý lắm rồi; chúng ta cứ biết cùng nhau làm hết nhân lực, còn việc thiên mệnh về sau thế nào, không kể đến vội.

Đoạn, day qua hỏi Đặng Vĩnh Ứng và Tăng Vô Ngại:

- Công cuộc phòng thủ, hai ông sắp đặt mấy hôm nay, tất đã hoàn thành cả rồi?

- Vâng, có thể gọi là hoàn thành; Tăng Vô Ngại đáp. Hiện tôi đang ếp quân sĩ đào những hầm đất ở giữa thành, làm chỗ cất thuốc súng cho kín đáo, thần công bên địch ở ngoài nã vào cũng không sợ bị rủi ro tiêu hủy.

- Tiên sinh trù liệu chu đáo thế là phải lắm; Khôi gật đầu và nói. Còn quân sĩ giữ đồn ở mấy nơi, nếu để họ ở bên ngoài sẽ là chơ vơ cô lập, tất bị kẻ địch tóm được, chi bằng cho gọi cả về, hợp lực thủ thành, như rết thêm chân, càng nhiều càng tốt.

- Tôi đã tiên liệu sự đó rồi, đại nguyên soái khỏi lo; Đặng Vĩnh Ứng trả lời. Sáng nay đã cho hỏa bài đi các nơi triệu về, nội đêm nay chắc họ đến nơi.

- Số ấy hiện còn độ bao nhiêu?

- Tính già giặn cho là một nghìn.

- Còn quân lưu trú trong thành?

- Vừa đúng sáu trăm.

- Thế là một nghìn sáu trăm, hợp với quân bản bộ tôi vừa đem về hai nghìn, cộng lại tất cả là ba nghìn sáu. Binh triều chắc là đông vô kể. Tăng tiên sinh có thể ước lượng binh lực chúng nó độ bao nhiêu không?

- Có, tôi đã thám thính mà biết được thực số; Tăng Vô Ngại trả lời. Kể cả ba đạo lính bộ của Nguyễn Văn Trọng, Trương Minh Giảng, Tống Phúc Lương, có một vạn bảy nghìn người; thêm ba nghìn thủy sư Trần Văn Năng nữa là hai vạn cả thấy.

Nghe nói số quân Huế đông như thế, nhiều tướng có vẻ giựt mình, nhìn nhau biến sắc, Tăng biểu ý, vội vàng nói tiếp:

- Tuy thế, phần nhiều không phải là quân thiện chiến; trừ ra dăm nghìn lính kinh kỳ, còn thì toàn thị mới điền, buông tay cày bừa vớ lấy gươm giáo, chưa từng trải chiến trận gì.

Các tướng yên tâm, sắc mặt tươi lại.

Trước sau, Khôi vẫn thản nhiên:

- Họ những hai vạn, chúng ta có hơn ba nghìn, nghĩa là lấy một chọi sáu. Ta lợi ở chỗ thủ hiểm. Có điều không biết hơn ba nghìn ấy có phải trung thành cảm tử cả chẳng? Theo ý Tăng tiên sinh xem xét quan tâm ra thế nào? Tôi không sợ chết, không ngại sự chiến đấu chỉ e trong số binh lính cùng chúng ta sinh tử quan hệ với thành trì này, rủi có dăm ba đứa như thằng Thái Công Triều cũng đủ nguy hiểm. Thú thật, tôi như “kinh cung chi diểu” sợ làn cây cong; đã một lần đại đột quá tin thằng Triều, há nên vương phải lầm lỡ đến lần thứ hai...

Khôi chưa nói hết, Tăng gạt đi:

- Đại nguyên soái giờ biết thận trọng lo xa như vậy, thật là có phúc cho nghĩa quân chúng ta. Nhưng không nên đa nghi để cho lòng quân chán nản. Kẻ nào có vẻ gian tà, hèn nhát, chúng tôi đã tẩy đi rồi, lựa lọc còn lại, toàn là hạng nghĩa khí, có thể cùng ta sinh tử. Hơn ba nghìn chiến sĩ ấy: phần là Hồi lương, tức là thân binh đồng chí của chúng ta; phần là dân có đạo, nghĩa là những người ác cảm với triều đình; như thế tướng quân còn phải lo ngại gì nữa.

Hăng hái đứng phắt dậy, trước hết Khôi vòng tay xá Tăng rồi vỗ trên thanh gươm mà nói:

- Đa tạ tiên sinh chỉ rõ điều lợi hại, Với số chiến sĩ ấy, tôi thề cùng chư tướng sống mãi còn mãi... Chúng ta hơn ba nghìn, nhưng chấp cả chúng nó hai vạn!

Tăng nói tiếp:

- Có điên nên lo, là vấn đề lương thực; bề nào quan Huế cũng tìm cách đoạn tuyệt lương đạo của ta...

Nhân nói lương thực, Khôi nhìn Nguyễn Kiều và hỏi:

- Việc này trách nhiệm ở ông Hộ thành đề đốc. Thế nào, mấy hôm nay quân ta mua trữ được những gì? Trước hết là thóc gạo?

- Trong kho ta hiện có 7 vạn thùng vừa lúa vừa gạo, và vẫn còn mua thêm. Nguyễn Kiều đáp:

- Muối có bao nhiêu?

- Hơn sáu nghìn thùng.

Phải có gà vịt trâu bò, thịt khô cá mặn, để nuôi quân sĩ có ăn sung sướng no đủ, mới lên thành cự giặc được chứ! Khôi vừa nói vừa cười. Nếu chỉ cơm chấm muối, thì tôi chịu thôi.

- Có, những thứ ấy đều có mua trữ mỗi món ít nhiều, nhưng còn linh tinh chưa tính được. Nhiều người lại khiên heo chở gạo đến tặng quân ta không thềm bán chác gì cả.

- Ô! Nhân tâm quý hóa nhỉ! Còn thuốc đạn thế nào?

- Có sổ biên rõ đây, mời nguyên soái xem; Nguyễn Kiều nói và cầm sổ trao cho Khôi. Chẳng gì, hiện diện trong quân cũng có hơn 6

vạn cân thuốc súng và một nghìn viên đạn thần công. Lúc này Tăng quân sư nói đào hầm để cất thuốc súng cho kín, là phải.

Khôi cầm sổ xem, thấy quân nhu vật dụng biên chép đầy năm sáu trang giấy, món nào cũng kể hàng nghìn trở lại, trong bụng rất mừng:

- Thế này thì quân dân trong thành Phiên An ta có thể yên ổn phong túc được mấy tháng, để chờ cơ hội phản công và ngoại viện tới kịp.

- Có thiếu thốn cần dùng món gì cũng không lo! Nguyễn Kiều nói. Tôi đã ước định với những dân đạo ở ngoài thành, sẽ thừa đêm tối do đường thủy Kinh đôi tiếp tế các thức vào thành cho chúng ta.

Bỏ qua câu chuyện Nguyễn Kiều nói, Khôi day lại hỏi Tăng Vô Ngại:

- Cái diệu kế gì tiên sinh nói với tôi ở đồn Bình Hòa hôm nọ, giờ phải thi hành đi thôi.

- Chính thế!

Tăng miệng nói tay lần trong bọc lấy ra một bức thư đưa cho Khôi, chữ viết ngòong ngoè, kỳ quái:

- Tôi đã viết thư sẵn sàng đây, nguyên soái chỉ có việc ký tên đóng ấn vào, rồi sai người thượng lộ ngay.

- Chữ gì trông xoắn xoe rối rít như tơ vò hay gà bới thế này? Khôi hỏi với vẻ mặt kinh ngạc.

- Thì chữ Xiêm đấy! Tăng đáp.

- Trời ơi! Tiên sinh thạo cả chữ Xiêm?

- Có gì là lạ! Tăng ung dung trả lời. Khổng Minh ngày xưa bảo một người làm tướng, phải biết đủ thiên văn, địa lý, tam giáo, cửu lưu, huống chi văn tự một nước lân cận.

- À, Tiên sinh viết thư này cho Xiêm tướng Chat Tri?

- Chẳng phải nguyên soái quen biết Chat Tri thân mật ư?

- Vâng, lúc Thượng Công ta còn sống, có lần phụng mệnh sang Nam Vang cùng Chat Tri hội đồng về việc Cao Miên; tôi có đi theo. Nhân thế, được cùng Chat Tri quen biết; ông ta định ninh hẹn ước, mai sau có việc gì cần đến, sẽ hết sức giúp.

- Thì trong thư này, nguyên soái nhắc lại tình xưa, cầu viện Chát Tri đem binh qua Nam Kỳ giải cứu nguy cuộc cho ta đây. Tôi định chừng trong vòng ba tháng, tất có viện binh Xiêm. Còn sự thông tin với Nông Văn Vân xứ Bắc là chỗ người nhà, thì Nguyên soái tự làm lấy, cần thiết là khẩn cấp. Ta cốt chia sẻ binh lực triều đình ra tứ tung để ta thừa cơ mở thành đánh thốc ra, tái tạo cơ đồ, chứ bị vây cứng mãi thì chết.

- Tôi xin như mệnh.

Khôi ký tên vào bức thư gửi qua Xiêm, đồng thời viết thư khuyến khích Nông Văn Vân, để giao cho hai người thân tín nội đêm khởi hành, mỗi người một ngả.

Xong cuộc hội nghị quân sự, Khôi cùng Tăng đi xem xét các cuộc phòng thủ mà quân lính đang hì hục làm suốt đêm.

Sáng hôm sau, cửa tiền vẫn mở, để chờ người ở trong thành muốn tránh vòng vây, di cư ra ngoài tự ý.

Những người buôn bán còn ham mỗi lợi, gồng gánh các thứ vật dụng vào bán cho nghĩa quân, tập nập không kém gì hôm trước.

Trong một nhà thờ cát tạm ở gần Cầu Kho, cố Du tước cố Marchand, người Pháp – bình tĩnh giảng kinh làm lễ cho dân theo đạo. Quân lính đi lễ khá đông, vì bộ hạ Khôi già nửa là giáo dân. Từ khi Gia Định về tay Khôi, người ta được tự do tín ngưỡng, những lệnh nghiêm cấm của vua Minh Mạng không có hiệu lực đến đây.

Khôi cùng mấy viên tùy tướng cỡi ngựa đi rào chung quanh vòng thành, xem lại các công cuộc phòng thủ và chỗ đặt thần công, chỉ bảo khuyến khích binh sĩ; chốc chốc lại trèo lên vọng lâu để dòm xét động tĩnh bên địch.

Lúc Khôi đi qua chỗ cô Tần trông nom mua bán, cô ra hiệu cho mọi người cùng đứng dậy tỏ ý cung kính. Khôi gọi cô và nói:

- Cô em liệu chằm chước mà mua nới giá với bà con nhé! Nghĩa quân chỉ cần có vật dụng cho nhiều, không ngại tốn phí đâu.

- Dạ, sự mua bán mấy bữa nay vẫn làm như lời đại nguyên soái đã dạy. Cô Tần cúi mình trả lời.

Những người buôn bán chỉ được nghe tiếng anh hùng Lê Văn Khôi, bây giờ mới trông giáp tận mặt. Ai nấy trầm trồ khen ngợi, nhất

là thấy binh triều đình gần đến chân thành, mà thần sắc Khôi cứ thản nhiên vui vẻ, không có chút nào tỏ ra sợ hãi, lo lắng. Một chú khách bán cá khô, nói líu lo, ngập ngọng:

- Ông lớn này lúc ra chiến trường, hấn không khác gì Triệu Tử Long ở Đương Dương Trảng Bả ngày xưa!

Một lúc sau, ở trên vòm cột cờ có tiếng loa truyền khẩn cấp:

- Giặc đến nơi rồi!... Đóng cửa thành lại!... Bớ quân ta ở lũy nào nhóm ấy, đâu đó sẵn sàng ứng chiến nghe!

Tiếng loa truyền hiệu lệnh ấy nhắc đi nhắc lại đến ba lần.

Xong lần thứ nhất, đội lính gác cửa đã chạy lại, mỗi bên mười người xúm đẩy hai cánh cửa lim, cao ba đầu người, dày sáu tấc, nặng mấy nghìn cân, dưới nó bánh xe, thoăn thoắt khép liền lại.

Người ta buổi sớm vào thành có việc quan, và đến hai phần ba dân quê cùng khách trú vào bán hàng, còn trùng trùng chưa kịp chạy ra thì cửa thành đóng chặt mất rồi.

Lắm chị nhớ tới chồng con ở nhà ngoài thành, đâm ra hãi hùng, luống cuống, gào khóc rầm rĩ. Họ chạy đến lạy lục binh lính mở cửa cho họ ra, nhưng giây phút ấy binh lính chỉ biết có lệnh trên và phận sự của mình, nước mắt với miệng lưỡi mấy cô gái quê xinh xắn hữu tình, không thể nào làm xiêu lòng tráng sĩ. Họ lại chạy lại bên cô Tần, một hai năm nỉ cô can thiệp cho họ được ra ngoài. Cô phải bực bội:

- Các chị làm gì mà phải khóc lóc rồi rít lên thế? Tưởng đâu cái chết đã đến bên chân!... Cô Tần cau mặt và nói.

- Cô không thấy binh triều ập tới đánh thành đấy sao? Trời ơi! Cháy thành vạ lây, họ tràn vào chém giết tứ tung thì chúng tôi chết oan mạng cả lũ còn gì! Trăm lạy cô bảo mấy chú lính mở cửa cho chúng tôi ra, làm phúc.

- Các chị này dốt thật, chả biết gì cả! Cô Tần trả lời. Bọn tôi tớ của Minh Mạng cậy thế đông người, kéo đến vây thành này thì có, chứ đánh vào trong thành được còn xoi! Các chị thử cho chúng nó ăn hết năm bảy mùa thóc lúa của nhà các chị, xem chúng nó đã lọt chân vào thành được chưa?

- Thế ra họ chỉ bao vây ở ngoài thôi à, thưa cô?

- Phải, chúng nó chỉ vây chung quanh đây thôi, làm như lũ mèo đói ngồi rình vồ lấy chúng tôi đây là miếng thịt mỡ... Các chị, các anh cứ yên tâm ở lại trong thành với chúng tôi, sẽ được nghĩa quân nuôi nấng đầy đủ; đàn ông thì làm lính, cùng chúng tôi xuất lực cự giặc thủ thành, còn đàn bà thì làm những việc nhẹ nhàng, phục dịch giúp đỡ trong quân. Trái lại, nếu ai muốn ra, thì đợi một hai bữa, rồi thừa cơ trời tối canh khuya, người ta sẽ tìm cách thông dây cho mà ra ngoài thành; chúng tôi không bắt buộc các người nhất định phải ở, phải theo mà sợ. Các người nên biết nghĩa quân chỉ lấy lẽ phải cảm hóa nhân tâm, chứ không ức hiếp dân như là kẻ kia đâu!

Mấy lời thành thật của cô Tần đặt ngay sự yên ổn tin cậy vào trong tâm não mọi người. Ai nấy nghĩ thầm một đứa con gái trong nghĩa quân còn khảng khái như thế, huống chi là bọn nam nhi tráng sĩ và anh hùng nổi tiếng như Lê Văn Khôi, thành này chắc hẳn vững vàng, binh triều khó mà phá vỡ.

Trừ ra mấy chục người đàn bà ngỏ ý mong đợi cơ hội nghĩa quân thông dây cho họ ra ngoài thành, còn hơn trăm người đàn ông, kể cả hăm mấy chú khách, vui vẻ tình nguyện ở lại, đăng vào hàng ngũ, đem bắt thịt và trí khôn giúp đỡ nghĩa quân giữ thành, không ngại gì cho tính mạng rủi hay may, còn hay mất.

Thành trì Phiên An, chu vi 2500 thước tây, diện tích gần 200 mẫu, có chừng hai vạn nhân khẩu vừa thường dân vừa binh lính, từ hôm nay trở đi phải nhốt trong vòng vây.

XII. ÁI TÌNH Ở TRƯỚC SÚNG ĐẠN

Với ba đạo binh cả thảy một vạn bảy nghìn người, đại tướng Nguyễn Văn Trọng vây thành Phiên An.

Nhưng thành chiếm được địa lợi vừa to vừa hiểm, ba mặt có sông bao bọc, phía tây và tây nam lại nhiều đầm vũng liên miên và đất sinh lầy; Trọng tự nghĩ binh lực mình hơi ít, nhất thời không thể vây kín được một tòa thành trì thiên hiểm như thế. Vả lại các công cuộc cần dùng cho chiến thuật vây thành cũng chưa thi thố kịp.

Cho nên ban đầu, Trọng sai Thủy sư chiến thuyền án ngữ ở khoảng Bến Nghé và rạch Thị Nghè, cốt nhất là đoạn tuyệt lương đạo của binh giặc, vì có hai con sông đào nho nhỏ, chảy xuyên vào trong thành. Còn ở trên đất thì Trọng cất đặt bộ binh trấn giữ trước mặt các cửa thành và mấy con đường độc đạo mà giặc có thể giao thông với miền Chợ Lớn, Chí Hòa, Gia Định thế thôi.

Mãi đến cuối tháng 10, Trần Văn Năng đem thêm binh ở ngoài vào tiếp ứng, và công cuộc bao vây cũng vừa xếp đặt hoàn thành, bấy giờ Khôi với nghĩa quân mới thật là bị vây bọc chặt chẽ.

Quanh khắp vòng thành Phiên An, Trọng lập những chiến lũy, những pháo đài liên tiếp nhau, lại xẻ đất làm ra vô số đường hầm, từ ngoài xa vào mãi chân thành để cho quân lính được tiện đi lại trong lúc hành binh. Đó là một chiến thuật Trọng bắt chước các võ tướng người Pháp đã giúp vua Gia Long đánh Tây Sơn bốn chục năm trước.

Song ván cờ gặp địch thủ sắc cạnh, Nguyễn Văn Trọng không thể dương dương đắc chí, mặc dầu mình được thế pháo tiên mã hậu, đang chực đâm tốt chiếu hãm người ta.

Bên ngoài, Trọng bày đặt thế đánh già dặn chừng nào, bên trong Khôi tìm cách đối kháng khôn ngoan chừng ấy.

Trong thành, như chúng ta đã biết, Khôi đào hầm hố cất kỹ thuốc đạn và lương thực, tính mệnh của ba quân, cho binh triều có tung vào bao nhiêu quả đạn thần công cũng chẳng can chi. Nội các chỗ hiểm yếu quan hệ, Khôi dùng ân uy và kỷ luật rất nghiêm, bố trí quân lính canh giữ. Cơ nào đội ấy thay phiên nhau ứng chiến suốt ngày suốt đêm, giao hẹn chỉ có chết thì thôi, không ai rời bỏ chiến lũy và khí giới của mình nửa phút, Bình nhật Khôi ở với thủ hạ rất được lòng cho nên bây giờ lâm nguy không ai không một dạ trung thành, hăng hái chịu chết.

Trên mặt thành luôn luôn có những đội cảm tử, nai nịt sẵn sàng, bên cạnh để gạch đá, tên nỏ tầm thuốc độc và các vật dẫn hỏa, chỉ đợi binh triều mon men đến chân thành lúc nào là sả thân chém giết lúc ấy. Bên dưới có những đội cảm tử khác chờ sẵn để nhảy lên tiếp ứng. Quyết tâm và khẩu hiệu của họ là không để một tên lính nào của triều đình leo lên được rìa thành Phiên An.

Mỗi chiến lũy, Khôi đặt một viên bộ tướng trông nom, kí tờ quân lệnh trạng trước khi nhận chức. Còn bản thân và các dũng tướng

như Nguyễn Văn Trân, Hoàng Nghĩa Thu, Nguyễn Kiều thì cắt lượt nhau tuần phòng đốc chiến ở mặt thành xông pha nguy hiểm. Đến bữa thầy trò cùng ngả cơm mắm muối ra ăn với nhau ngon lành vui vẻ, chẳng nề hà phân biệt đẳng cấp tí nào? Vì thế, lòng quân càng cảm kích và bội phần anh dũng.

Hơn bốn chục cỗ súng thần công của binh triều, đặt rải rác bốn phía và có chỗ ẩn trú kỹ lưỡng, từ sáng đến tối, thi nhau khạc những viên đạn to bằng quả bưởi vào trong thành, nghe thật dữ dội nhưng không nhằm mục đích gì cả. Chỉ có phố phường dân xã bị hại chút đỉnh, còn kho tàng hào lũy của nghĩa quân thì không tổn thương gì. Bởi những quả bưởi ấy ném vào, hầu hết rơi nhằm đất bùn mà nghĩa quân đã dọn sẵn để đón rước, sau khi lượng chừng tầm súng của bên triều.

Mỗi khi nghe hiệp súng của mình không có hiệu lực, đại tướng Nguyễn Văn Trọng lại gọi mấy thầy đội thần công đến viên môn quở trách. Thế rồi một viên tùy tướng mặc áo thụng xanh đem hương đèn tới lễ bái “ông súng”, tưởng ngài có điều gì bất bình, cho nên kếm nỏ. Cũng như lúc thần công tắc tị, người ta yên trí ngài rức đầu sổ mũi, lập tức đòi viên điều hộ tới kê đơn bốc thuốc.

Nghĩa quân trong thành không có mê tín lạ lùng ấy. Họ đâu có nhiều thần công, và lại rất ít đạn, cho nên bắn trể một cách dè dặt hết sức. Thỉnh thoảng, nhắm trúng một mục đích gì họ mới bắn ra một phát, bằng không thì thôi.

Binh triều nghĩ giặc cạn lương hết đạn, sắp nguy đến nơi, lại càng bắn giã.

Nguyễn Văn Trọng cốt thả sấm sét nhân tạo ấy rõ nhiều, để cho binh dân trong thành giây phút nào cũng xôn xao hãi hùng. Một mặt sai ném tờ chiêu an vào thành, khuyên dỗ người ta trốn ra, sẽ được triều đình bao bọc và tha thứ cho. Lại dùng lời bóng bẩy, ly gián bọn Khôi.

Chủ ý Trọng muốn tước dần vây cánh lực lượng của Khôi đi cho hấn cô lập, tự nhiên dễ đánh.

Nhưng mưu sâu của Trọng chỉ được thành hiệu một nửa. Có một ít dân cư nghĩ mình ở trong vòng khói lửa mà sợ, rủ nhau mạo hiểm trèo thành hoặc lặn hụp dưới sông trốn ra. Khôi biết quả thật là thường dân, chỉ cầu lấy sự sống, chứ không tiềm tâm gì khác, cho nên

dẫn bảo quân sĩ để mặc họ trốn, không cần bắt bớ ngăn trở. Vì trốn ra ngoài một tên dân nào, tức là trong thành bớt được một miệng ăn, để phần cơm ấy cho chiến sĩ còn hơn. Duy đến quân lính bộ hạ Khôi, thì lời dỗ ngọt và mưu mẹo phản gián của Trọng chỉ như nước đổ đầu vịt, gió thoảng ngoài tai: Không có một mống nào bỏ thành trốn ra. Họ chặt gươm dưới đất, thề trước mặt Khôi:

- Anh em chúng tôi thề có trời đất quỷ thần chứng giám, thà cùng đại nguyên soái cùng sống chết giữa vòng vây này còn mát mẻ vong linh hơn là theo chân Thái Công Triều để cho thiên hạ hậu thế xỉ tiếu!

Khôi thấy lòng quân đối với mình như thế, bất giác cảm động, tuôn rơi nước mắt.

Mỗi ngày năm bảy lượt, Trọng lại sai từng tiểu đội một trăm, hai trăm người, xuyên những đường hầm, đến bên chân thành khiêu chiến, cốt làm cho bọn Khôi phải ứng tiếp luôn luôn tất phải mỏi mệt, rồi đến kiệt lực.

Bọn Khôi mỗi mệt ở đâu chưa thấy, chỉ thấy có khi một hai trăm người của Trọng sai đến chân thành đánh giặc, chẳng còn người nào trở về, Quân giặc giết sạch.

Cậy mình có binh lực đông, khí giới nhiều, Trọng muốn chọc tức cho Khôi đem binh ra ngoài thành đánh nhau, để trừ kẻ địch cho chóng. Ông lên giọng thượng tướng triều đình, gọi Khôi là “ngụy” và sai bắn vào thành một bức thư.

“Tên ngụy Khôi biết tội thì mau bó tay ra hàng ta xin triều đình tha cho khỏi chết. bằng không thì nó kéo cả bầy cả lũ ra ngoài thành cùng ta quyết chiến một trận sống chết, đừng để dây dưa, khổ lây cho bá tính.

Có giỏi thì ra đây, ta làm phúc lui binh cách xa mười dặm, chừa chỗ cho nó ra lập trận. Mang tiếng hảo hớn mà nép mình trong xó thành như đàn bà, hèn nhất lắm.”

Dưới có năm chữ “Đại tướng quân Nguyễn thị” nghĩa là “quan Đại tướng họ Nguyễn bảo cho biết”.

Nhật được lá thư, Khôi xem và cười, ngảnh lại nói với chư tướng: “Thằng già này xỏ lá muốn nhử cộp ra khỏi núi mà bắt đây!” Rồi sai bắc loa gọi, trả lời:

- “Bớ Nguyễn Văn Trọng, nghe truyền đây nè! Đại nguyên soái ta không có máu tức Châu Du đâu, mà nhà ngươi hòng khêu chọc. Nói cho nhà người biết: khéo giữ lấy hồn, kéo già không trót đời ở dưới chân thành ta đây”.

Trọng không làm sao kéo Khôi ra ngoài quyết chiến được, đành dùng lối đánh tiêu hao: chốc chốc lại thả mấy đạo quân ồ ạt tới đánh góc thành này, rồi quay sang đánh góc kia, cốt làm cho bên địch tổn hơi mòn sức dần, và suốt ngày phải chiến đấu không được yên nghỉ.

Không ngờ Khôi đã đón trước chiến lược ấy, phân binh ra từng ban và góc thành nào cũng có cuộc phòng thủ kiên cố, không vì binh triều đánh luôn mà phải đối phó nhọc mệt.

Vả lại binh triều chỉ dám đến chân thành ban ngày thôi, đêm tối lại rút về chiến lũy ở xa. Lúc ấy nghĩa quân trèo thành ra, đào hào bốn phía cho sâu thêm, trao đổi tin tức với tai mắt bên ngoài, hoặc nhận lương thực tiếp tế thông thả.

Vậy thành đã hơn một tháng, binh Triều chẳng làm nên công trận gì như ý, chỉ thấy tổn hại thì có. Quân sĩ dầm mình vào sinh lầy và phơi mãi sương đêm nắng ngày, phát bệnh thương hàn mà chết rất nhiều. Đại tướng Nguyễn Văn Trọng lo lắng, đứng ngồi không yên, bèn hội tướng tá lại bàn định mưu kế, lấy thêm viện binh đến, rồi hạ lệnh tổng công kích.

Sáng sớm hôm rằm tháng một, binh triều bốn phía xúm lại đánh thành tường chắc phá vỡ ổ giặc, không dè tự rước thêm vào một trận thảm hại.

Những người dự trận đánh này, về sau kể chuyện lại rằng: tại lúc ấy quân lệnh thi hành không đều, có toán lính đã xuyên đường hầm đến bên chân thành giao chiến với giặc rồi, còn toán khác thì vẫn quanh quẩn trong chiến lũy, không ra tiếp ứng. Đã vậy, quân giặc lại chống sự hết sức can đảm và quý quyết. Chúng kháng cự một chập rồi như có mật lệnh sai khiến, đồng thời rút hết, trên mặt thành không còn một bóng người nào. Binh triều cầm chắc bọn Khôi thua mà phải rút, ai nấy hò reo đắc chí, vội vàng ném thang dây và đập ụ đất, thi nhau leo vào thành. Giặc để binh triều leo độ lưng chừng, bấy giờ lại nhô lên tua tủa, dùng những móc sắt, tên độc, dao quắm mà chặt dây, bắn vào đỉnh đầu, và lăn gạch đá xuống

như mưa. Không khác gì trái chín trên cây rụng xuống hào sâu, ngổn ngang, lênh bênh. Tiếng kêu khóc đau đớn nghe sồn tóc gáy.

Tóm lại trận này binh triều thất bại, hoàn toàn thất bại, tử thương có đến ba nghìn người. Thây nằm chồng chất trên bờ hào chân thành. Một phần trôi ra ngoài sông, thủy sư vớt mãi mới hết.

Nặng nhất là cánh quân Tổng Phúc Lương, cả chết lẫn bị thương đến nghìn người; còn thêm một trăm người bị quân địch bắt sống.

Khôi được trận này, thanh thế lại nổi như sấm. Người ta ngầm giúp lương tiền vô số. Khách trú buôn bán trong Chợ Lớn, nhân ở ngoài thành, tự nhiên phải kiêng nể Nguyễn Văn Trọng, nhưng bề trong họ vẫn bí mật giao thiệp với Khôi và giúp cho tiền bạc. Cái lối bắt cá hai tay ấy, ở đời không lạ.

Tướng sĩ bộ hạ Khôi cũng vui lòng khởi dạ, càng thêm phấn chấn, hy vọng. Họ tin quyết binh triều đình sẽ bị đánh tan, toàn cõi Gia Định lục châu lại trở về tay Khôi thống hạt như mấy tháng trước.

Trong lúc ấy, ở chiến lũy ngoài thành, người ta buồn rầu với nhau không đề đâu hết. Đại tướng Trọng vừa tức vừa thẹn, phát sốt mấy ngày; có lúc mê hoảng vùng chỗi dậy nói lớn:

- Ta đã bảo một ngày nào, thằng khốn nạn ấy chưa chết, một ngày ấy ta không thể ăn ngon ngủ yên!

Ba hôm sau bình phục, Trọng tự dâng biểu về triều nhận lỗi; một đảng tìm cách báo thù tuyết hận.

Trọng nghĩ vây thành mãi thế này chưa biết đến bao giờ mới phá vỡ mà trừ Khôi; hai bên chống giữ nhau xem chừng lai nhai còn lâu lắm, chi bằng lấy trí lực thay vào binh lực, ta cho người vào thành làm thuyết khách, dỗ Khôi quy hàng, không thì thừa cơ giết quách nó đi cho xong.

Theo kế hoạch Trọng đã định, việc dưới thành hay không thành chưa biết, nhưng có người sai đi được ngay.

Một toán lính chọn lựa sắc sảo, khỏe mạnh, vâng theo tướng lệnh, mon men đến chân thành, giả đồ công kích, rồi họ tùy tiện, hoặc quăng khí giới xin hàng giặc, hoặc để cho giặc bắt sống. Vào thành, tất họ bị giam một chỗ với trăm người bộ hạ Tổng Phúc Lương bị bắt

tại trận hôm nọ. Trong ngục, hai đám sẽ đồng mưu hợp lực với nhau, đêm khuya phá cũi đi ra, tìm giết được Khôi đành là vạn hạnh, không thì họ cũng cố sức làm sao mở tung cửa thành, đốt lửa làm hiệu, để cho binh triều đánh lừa vào.

Ngay chiều hôm ấy, quân sĩ Phiên An trấn giữ đông môn, bắt sống được trọn một tốp binh triều hơn ba chục người giải đến trình đại nguyên soái, chờ lệnh phát lạc. Nghĩa quân đang cần dùng nhân công, Khôi truyền đem giam họ vào trại tù binh, ở dinh đề đốc Hộ thành Nguyễn Kiều, nhập bọn với số tù binh trước.

Thế là cái mưu hành thích hoặc nội công theo ý Trọng muốn, đã có người sai đi vào thành trót lọt rồi.

Nhưng tìm người làm thuyết khách mới khó. Liệu phó thác ai đi cho may mắn được việc bây giờ?

Thoạt tiên, Trọng bảo mấy viên tùy tướng và quan văn tòng chinh, họ đều hoảng hồn, từ chối bầy bầy. Người này lấy cớ mình không hề biết người biết tính Khôi, làm sao hạ thuyết từ cho được, người kia thú thật họ tùy ý thống tướng sai khiến ra trận mạc gian nguy thế nào cũng xin vâng mệnh, không hề sợ chết, nhưng làm thuyết khách thì họ vô tài, sợ làm lỡ làng việc quan, càng thêm đắc tội.

Nghe mấy người nói thật thà có lý, Trọng không nỡ lòng ép buộc, chỉ ngồi thờ mặt ra suy nghĩ. Giá có ai đem cho một Tô Tần hay Trương Nghi lúc này, chắc ông mặc thụng xanh mà vái lạy tạ ơn.

Sau cùng, chợt một ý nghĩ nảy ra trong trí, thấy nét mặt ông hớn hờ vui mừng như người bắt được cả kho vàng ngọc, rồi vỗ đùi đắc chí, nói với mọi người:

- Thôi, không phiền đến các ông! Ta đã có người sẵn sàng, thế mà nãy giờ quên lửng.

Tướng tá bộ ngợ nhìn nhau, chưa đoán ra ai, nghe ông gọi một tên lính và truyền:

- Mi cầm lệnh tiễn đi gọi ông chánh vệ ủy Thái Công Triều lại đây, mau!

Công Triều vừa mới lấy quân Định Tường lên tiếp ứng, cũng sự cuộc vây thành và hiện đốc chiến ở cửa bắc môn.

Một lát, Công Triều đến viên môn, vái chào khúm núm”.

- Bẩm cụ lớn đòi tiểu tướng lại có việc sai khiến?

- Phải, ta muốn phiên nhà người vào thành Phiên An; Nguyễn Văn Trọng nói một cách trực tiệt, không úp mở gì cả.

- Bẩm cụ lớn, nghĩa là tiểu tướng phụng mệnh dẫn một cánh quân đánh thành Phiên An? Công Triều hỏi lại, vì sự thật không hiểu bản ý của Trọng.

- Không phải thế! Trọng đáp, ta định sai nhà người vào thành làm thuyết khách, lấy lợi hại nhủ bảo bọn Khôi ra hàng Triều đình... Nhà người sắp sửa đi ngay, để ta cắt tướng khác đốc chiến ở Bắc môn thay cho!

Công Triều sợ toát mồ hôi, sắc mặt ngăm đen biến ra trắng bệch như một xác chết, vừa nói vừa run:

- Cụ lớn sai đi việc ấy, thà cứ chặt đầu tiểu tướng đưa làm quà cho bọn Khôi trước còn hơn.

- Ô! Tại sao lại thế? Trọng hỏi lại sung sĩa. Chẳng phải nhà người quen biết cả bọn Khôi ư? Quen biết thì mới dễ đến gần, dễ nói. Nhà người cứ lấy ngay gương mình mà nói, đã quy thuận triều đình mà được tha thứ trọng dụng thế này, tất chúng nó tin lời chịu nghe. Vì thế, ta cốt ủy thác nhà người.

- Bẩm cụ lớn chưa biết thằng Khôi càng cường võ đoán thế nào, nên mới tưởng vậy, Nó đang oán hận tiểu tướng đến xương, hễ vớ được là nó băm nó chém tức tốc, có đợi cho há miệng đâu mà phân trần nghĩa lý lợi hại gì được với nó? Bởi vậy, tiểu tướng không dám phụng mệnh.

- Nhưng nhà người cứ đi xem sao. Tướng lệnh không phải chuyện chơi, nhà người hẳn biết.

- Bẩm tiểu tướng biết lắm, cho nên mới xin chặt đầu này trước đưa vào cho giặc còn hơn.

- Hiện thời ta cần người đi du thuyết, mà xét trong tướng tá không ai có đủ tài năng và được điều thuận tiện như nhà người, biết làm thế nào?

Trọng nói đến thế, tỏ ý bắt buộc Công Triều phải tuân lệnh, không còn nần nì thoái thác gì được nữa.

Công Triều đứng lặng ngắt giây lâu, trong óc quay cuồng ý nghĩ làm sao cứu gỡ được mình lại không trái với lệnh tướng việc quan. Tên gian hùng bỗng tìm ra đường hẻm thoát thân:

- Bẩm cụ lớn, nếu tiểu tướng tìm được một người đi thay, nhiều phần chắc chắn nên việc, cụ lớn có cho phép không?

- Ai thế? Nguyễn Văn Trọng hỏi:

- Thưa, Lê Văn Hán ạ!

- À, Lê Văn Hán! Nó là cháu Lê Văn Duyệt phải không?

- Bẩm, chính phải.

- Hiện nó ở đâu, không ở trong thành với thằng Khôi à?

- Bẩm không. Hắn muốn tranh quyền vị của Khôi không được, cho nên trong lòng vẫn ghen tức ngầm, không cùng ở một chỗ với nhau. Và cũng có ý muốn quy thuận triều đình mà chưa có dịp.

- Thế ư? Nhà ngươi hẳn biết tung tích nó?

- Vâng, tiểu tướng mới được tin Hán cùng mười mấy người giáo sĩ đến An Lợi chiều tối bữa qua, hiện chắc còn lưu ở đó, Cụ lớn sai Hán đi thuyết Khôi, có lẽ thành công.

- Thế thì nhà ngươi đi tìm nó đến đây. Hễ nó làm thành việc, nhà ngươi cũng được dự phần công lao.

Công Triều dạ một tiếng rồi ra đi liền trong mình nghe nhẹ nhàng, cất hẳn được gánh lo sợ.

Ba giờ sau, Công Triều đưa Hán đến viên môn, Đại tướng Nguyễn Văn Trọng tiếp đãi niềm nở và ngỏ ý mình muốn:

- Theo phép triều đình, một người khởi nguy thì cả tộc thuộc liên can bị bắt bị tội. Nhưng đảng này triều đình biết rõ cậu chỉ bị Khôi cám dỗ lôi kéo một hai hôm đầu, về sau không dự gì đến công việc phản nghịch nó làm, cho nên triều đình rộng lượng, chẳng muốn làm phiền đến cậu. Nay tôi muốn khuyên nó bãi binh quy hàng, sẽ được tha thứ bổ dụng như cũ, nhưng tìm mãi chưa có người nào đến gần giảng giải cho nó nghe. Cậu là chỗ người nhà, có tình thân thuộc với nó, tất bảo nó nghe...

Trọng chưa nói hết lời, Hán vội chặn ngang, khoe mình:

- Vâng, tôi khuyên bảo tất Khôi phải nghe ngay.

- Bởi thế, tôi muốn phiên cậu vào thành nhủ Khôi quy thuận, cậu có vui lòng đi hộ không? Trọng niềm nở nói tiếp. Cố nhiên tôi sẽ bảo tâu triều đình thưởng công cho cậu một cách xứng đáng.

Hán có ý nhơn nhơn tự đắc ngẫm, gật đầu nhận lời:

- Vâng, công việc quan hệ cho dân sinh quốc kế, quan lớn đã bảo, tôi xin lĩnh mệnh. Nhưng trước hết chỉ xin một điều.

- Điều gì? cậu cứ việc nói.

- Nếu được cam đoan rằng triều đình đề chức tổng trấn Gia Định cho tôi, thì tôi vào thành bảo được Khôi phải hạ khí giới, nộp thành trì, bó tay ra hàng lập tức.

Trọng giựt mình, cười thầm Lê Văn Hán ngu si mà tham vọng quá đáng; được tha khỏi chết là may, lại muốn tấp tễnh làm tổng trấn Gia Định như Lê Văn Duyệt ngày trước kia. Thật là con cóc muốn phình bụng cho to bằng con bò! Nhưng đang lúc việc quân dùng người, Trọng là một cáo già, khôn ngoan thối lơ đủ vẻ, tuy trong bụng ghét Hán đáo để mà cố nén xuống, ngoài mặt làm bộ tươi cười hể hả:

- Ôi chà! tưởng là điều gì, chứ điều ấy tôi xin cam đoan với cậu. Muốn cho thành việc, triều đình luận công ban thưởng, có lẽ phong vương cho cậu cũng nên, không phải khư khư một chức tổng trấn Gia Định mà thôi.

- Quan lớn hứa chắc với tôi như thế, Hán hỏi vặn lại.

- Phải, tôi hứa chắc và sửa soạn viết biểu dâng về kinh sư ngay bây giờ. Cậu cố đi cho được việc, tôi sẽ mở tiệc khao quân thật to, và mừng quan tổng trấn mới luôn thể.

Trọng nói và cười, như thật thà nhả nhận, mà ngụ vẻ ranh mãnh kín đáo, khiến Hán không thấy.

Ham công tin lời, Hán hăm hở ra đi, sau bữa tiệc trong quân thết đãi rất hậu. Trọng sai ba người tâm phúc đi theo, để thừa cơ dò thám binh tình và các cuộc phòng thủ của giặc; vì thâm ý ông ta không dám tin chắc ở sự du thuyết thành công, chẳng gì mình cũng dò xét hiểm yếu trong thành được ít nhiều, để phòng đánh phá.

Lê Văn Hán dẫn ba người tùy tùng đến chân thành, gọi cửa.

Khôi nghe báo, vội vàng lên dịch lầu dòm xuống, thấy bọn Hán đều ăn mặc lịch sự, diện mạo tươi tỉnh, không có dáng gì là người đào nạn, cho nên trong bụng sinh nghi. Tuy vậy, Khôi cũng sai quăng thang dây xuống cho họ lên mặt thành, rồi lấy khăn buộc kín hai mắt, bảo lính đưa vào dinh Hộ thành để họ ở đấy.

Bịt mắt dẫn vào, để bọn Hán không thể dòm dò những cơ quan phòng thủ trong thành, Khôi là con nuôi, Hán là cháu ruột của Lê Văn Duyệt, nhưng từ đêm hôm đốt bỏ chánh Bạch Xuân Nguyên làm ngọn đuốc sống, làm lễ tế cờ khởi binh, Hán có tham vọng làm minh chủ mà không thành, rồi bỏ đi tự bạ chơi bời, nay đây mai đó, chứ không thật tình cộng sự với nghĩa quân, vì thế Khôi rất ghét Hán.

Dẫn vào ở dinh Hộ thành, là để canh gác cho dễ.

Trong khi lính đưa bọn Hán đến dinh Hộ thành, Khôi vẫn còn đứng trên dịch lầu, bàn soạn việc quân với Nguyễn Văn Trân và Tăng Vô Ngại. Ông này ghé bên tai Khôi, nói nhỏ:

- Tôi xem bộ dạng mấy người này thật khả nghi. Thành Trì ta bị vây tứ phía chặt như nêm cối thế này, mà họ đến dưới chân thành gọi cửa, người nào người nấy khăn áo bánh bao, cử chỉ nhàn hạ như đi ăn cưới, chẳng lạ lắm sao?

- Tiên sinh nói phải lắm! Khôi vỗ vai Tăng vừa cười vừa đáp. Sở kiến hai ta sao mà hợp nhau thế. Chúng có lẽ tôi sai lính bịt mắt chúng nó và đưa về giam lỏng ở dinh Hộ thành. Nhưng theo ý tiên sinh, Hán xin vào thành cốt có mục đích gì? Mặc dầu có tình anh em, tôi ngờ thẳng ấy hết sức.

- Không vào du thuyết thì là do thám, chứ gì! Tăng đáp.

- Nếu thế thì chúng ta nhân kế của người để thi hành kế ta, càng hay.

Khôi nói rồi day qua Nguyễn Văn Trân, dặn bảo ít câu.

Trân gật đầu và đi xuống ngay.

Một lúc sau, ở Nghị sự đường bày biện cờ quạt, binh khí trông rất oai nghiêm, từ ngoài cổng vào đến dưới thềm, quân lính nai nịt nhung phục, đứng dàn hàng hai bên, chọn toàn những người vạm vỡ khỏe mạnh, Khôi ngồi chính giữa, án thư trước mặt để hòm ấn và thanh bảo kiếm; chư tướng ngồi hai hàng tả hữu như hình chữ bát.

Đoạn có lệnh truyền cho bốn người mới đến ban này vào hầu.

Có người áp dẫn bọn Hán đến chờ sẵn ở ngoài cổng. Theo mặt ý của Khôi, lần này người ta không bịt mắt Hán và ba kẻ tùy hành; lại cốt đưa đi quanh co, để họ trông thấy một phần những hầm lũy và kho chứa lương thực của nghĩa quân, rồi mới đến Nghị sự đường.

Sau khi được thấy lực lượng trong thành tỏ ra sung túc, đến vẻ oai nghiêm ở Nghị sự đường làm chột dạ thêm, Hán và ba người theo cùng run sợ tái mặt, định chắc nghĩa quân hội họp để tuyên án xử tử bọn mình.

Nhưng Hán khác ba người kia, chỉ giựt mình thoáng qua, rồi trấn tĩnh như thường, vì có chỗ ý mình với Khôi là anh em thân thuộc, hấn không nở mồm bụng ta đâu mà sợ.

Khôi cất tiếng hùng dũng, nói:

- Đây, chú Hán! Tôi với chú khi ở nhà là tình anh em bà con, nhưng phải biết ở đây là chốn công đồng hội nghị, vả lại đang cơn lưỡng quốc giao binh, không thể nào vị tình riêng mà bỏ việc chung. Vậy tôi hỏi thật chú nghe: có phải chú gọi cửa vào thành, cốt làm thuyết khách cho quân Huế thì nói.

- Vâng, anh cho phép thì em mới nói... Hán chằm rải đáp.

- Ủ, nói đi, chú nói giữa đây cho tam quân tướng sĩ cùng nghe.

- Em không cốt vào thành để làm thuyết khách gì cả, nhưng cốt vì tính mệnh sinh linh và sự lợi hại của Lục châu ta...

- Ôi chà! Chú nó thương dân lắm nhỉ!

Khôi chặn ngang lời Hán. Phải chi chú nó đem tấm lòng tử tế ấy ra Huế, khuyên can được triều đình trừ bỏ tham quan ô lại cho dân Lục châu, đừng có giết người theo đạo, và biết nhớ công nghiệp của Thượng Công, thì hay biết bao!

- Anh để cho em nói chứ... Em nghĩ hai bên đánh nhau mãi, chỉ khổ sinh dân không được an cư lạc nghiệp, ai có lương tâm cũng phải lấy làm đau xót. Huống chi cái thế mạnh yếu được thua lại chênh lệch nhau quá, anh là người thông minh, há không tự biết?... Bởi vậy, em chẳng nề nguy hiểm vào đây khuyên anh nên bãi binh nộp đất, quy thuận triều đình, chẳng những họ Lê nhà ta không mất cái ngôi Tổng

trần Nam Kỳ, mà anh và các bạn anh đều được triều đình dung thứ và bổ dụng, không có tội tình gì cả... Người ta cam đoan với em như thế...

- Người ta là ai?

- Đại tướng Nguyễn Văn Trọng.

- À, tôi ra hàng, sẽ tâu triều đình thưởng công chú bằng chức Tổng trấn Nam Kỳ, nối nghiệp Thượng Công ta ngày trước, có phải thế không?

- Chính thế, Hán trả lời không ngượng tí nào, lại còn hớn hờ đầy trên gương mặt; có lẽ trong trí tưởng chắc Khôi ăn phải bả rồi.

Trái lại, Khôi nổi giận hằm hằm, đứng phắt dậy, chụp lấy thanh gươm cầm tay, dí mũi gươm vào mặt Hán”

- Khốn nạn cho mày! Sao mày ngu thế, Hán!... Tao với các bạn đồng chí anh hùng, vì sự lợi sự sống cho cả sinh dân Lục châu mà chống với triều đình Minh mạng, chứ có phải vì cái ghế tổng trấn Nam kỳ đâu!... Mày nghe lời con cáo già Nguyễn Văn Trọng xúi bả, định gạt gẫm các anh này đây, nhưng các anh mày dễ bị gạt gẫm lắm sao?... Đại trượng phu làm việc đời, một là hành động, hai là bại tử, khi nào chịu hàng phục ai!... Tao giết mày chỉ tổ bắn gươm, và cũng không bỏ... Mày với tao là anh em, đáng lý đồng tâm cộng sự với tao mới phải; chẳng ngờ mày vì chút hư danh tiểu lợi, muối mặt đi phò tá kẻ thù định vào du thuyết thám thính tao!... Quân đâu! Dem giam cổ bốn thằng này xuống trại Hộ thành, nghe!

Thấy Khôi nóng như lửa, thét như sấm, bây giờ Hán sợ chết thật, không dám nói năng gì nữa, lẳng lặng đưa tay cho lính trói và điệu đi.

Cũng ở trong dinh Hộ thành, nhưng lúc mới đến, bọn Hán được tiếp đãi ở phòng khách, giờ bị nhốt vào trại giam, liền một khu cấm cố những tù binh.

Vào ngục, Hán bứt đầu bứt tai, than dài thở vắn, hình như hối hận mình đã nhận lấy một việc làm đại dột; trong bụng lo ngay ngáy, chỉ sợ Khôi thay đổi ý kiến, không tha chết cho mình thì nguy.

Ba người bị giam với Hán, phải kiếm lời an ủi và rỉ tai cho Hán biết rằng sự cầm tù thế này không đáng thất vọng, lại chính là bắt đầu của sự thành công.

Chúng ta đã biết đại tướng Nguyễn Văn Trọng có cái mưu kế cho một bọn mấy chục người cầu lấy thua trận bị bắt, để lọt vào trong thành, sẽ thừa cơ nội ứng, hoặc tìm cách giết Khôi.

Ba tên lực sĩ đi theo Hán cũng vâng mật lệnh ấy, cho nên không thấy bị giam mà buồn, lại còn được cơ hội thuận tiện để giao thiệp âm mưu với đám trước.

Nhưng đề đốc Hộ thành Nguyễn Kiều đã phòng bị về điều bất trắc ấy.

Từ mấy hôm trước, có kẻ bộ hạ khuyên Kiều nên cho một vài tên lính nhà, giả làm tù binh, vào ở trại giam với bọn kia để dò xét nghe ngóng cử động của chúng. Kiều lắc đầu và nói:

- Nếu quả chúng nó âm mưu chuyện gì, ta cứ dùng ngay chúng nó dò xét tố giác lẫn nhau còn hơn. Lạ gì người xứ ta, phần nhiều ham sống sợ chết, bất cứ mưu toan một việc nào cũng có kẻ chực phản bội tố cáo nhau để lập công danh, tìm lợi lộc; chúng có Thái Công Triều sờ sờ ra đây! Người ta vẫn nói “lấy giáo giặc đâm giặc” là thế!

Vịn vào chỗ hiểu tâm lý nhân tình ấy, Nguyễn Kiều lựa trong đám tù binh lấy một lợi lộc dễ dàng, bảo nó để ý dò la đồng bối, hề thấy có cử động gì lạ thì mật báo lập tức, sẽ được nghĩa quân hậu thưởng, lại tha cho ra ngoài thành mà trốn về quê quán với vợ con.

Quả nhiên kế ấy được việc.

Ngay đêm hôm bọn Hán bị tổng giam, trong ngục có cuộc âm mưu của đám tù binh, hẹn nhau đêm mai thì phá ngục chạy ra mở cửa bắc cho quân triều vào thành. Mỗi đêm chỉ có mười chú lính thay phiên canh gác, mà họ những ngót hai trăm người, sự phá ngục chắc dễ như bỡn. Tuy có nhiều người không tán thành âm mưu ấy, cũng bị cưỡng bách phải theo.

Sáng hôm sau, một người trong bọn thừa lúc đi ra làm việc khổ sai, đem chuyện mưu tính ban đêm đầu của tai éch thế nào, mật báo cho Nguyễn Kiều biết cả.

Chờ đến chập tối về trại giam ăn uống đông đủ, quan đề đốc Hộ thành thân dẫn ba trăm lính ập vào cùm trói khắp lượt, không để tự do trong khám như trước.

Chừng hai chục người bị váo là chủ xướng, thì Nguyễn Kiều sai dẫn lên một chái công đường nhốt riêng, để lấy cung rồi xử án.

Thế là cái mưu của đại tướng Nguyễn Văn Trọng sai người vào thành du thuyết và nội công, hai đằng cùng hồng.

Tron số hai chục tên đầu trò, Lê Văn Hán là một.

Nhưng, theo lời Khôi dặn bảo, Nguyễn Kiều giả đồ lơ đễnh cho Hán trốn đi, lại giúp ngầm va leo thành ra ngoài; một là nghĩ tình con cháu Thượng công, chẳng nỡ gia hại, hai là cốt để va sống sót, có người kể lại công việc cho Nguyễn Văn Trọng nghe.

Nửa đêm, Hán được thoát chết, ra khỏi vòng thành, hót hơ hót hải đến yết kiến Nguyễn Văn Trọng, trước hết xin lỗi vì nhiệm vụ thuyết khách không xong, sau bày tỏ công cuộc phòng thủ của bọn Khôi kiên cố và khôn khéo thế nào, cho nên việc âm mưu nội công cũng phải hồng nốt.

Giận cá chém thớt, đại tướng Nguyễn Văn Trọng mắng nhiếc Hán một hồi đáo đẽ, rồi truyền lệnh cho quân sĩ bốn mặt cùng tiếp tục đánh thành dữ hơn.

Từ đây, Hán ở trong hàng ngũ binh triều, đóng vai thừa hành nhỏ mọn, có ý muốn lập công chuộc tội; nhưng rốt cuộc Hán cũng như Công Triều, một khi xong việc, vẫn không khỏi bị triều đình hỏi tội và kết án. Ấy là chuyện sau.

Đây hãy nói tiếp về vụ âm mưu trong ngục đã phát giác.

Trừ ra Hán đã cho tẩu thoát, còn 19 người chính phạm, Nguyễn Kiều đem ra xét hỏi ngay lúc bấy giờ.

Bà đề đốc và cô Tần ở trong nhà nghe nói là vụ án quan hệ, cùng ra công đường, đứng nấp sau bình phong để nghe. Những lời vấn đáp cách đây mấy bước, hai chị em đều nghe rõ.

Đầu hết là một người trai trẻ, tuy sắc mặt võ vàng như đang có bệnh, nhưng tiếng nói vẫn rần rỏi.

- Tên chú này là gì?
- Thừa là Trần Hạnh.
- Bao nhiêu tuổi?

- Thưa, tôi 26 tuổi.

- Bộ hạ ai?

- Bẩm tôi là vệ sĩ của quan lớn Tổng Phúc Lương.

- Này, quan lớn của nhà người đề bên ngoài thành kia, đây chỉ nói đích danh cho gọn chuyện, nghe?

- Vâng, thế thì chủ tướng của tôi là Tổng Phúc Lương.

Bọn các người mưu toan phá ngục rồi mở cửa thành cho binh Huế kéo vào phải không?

- Anh em chúng tôi xin thú nhận.

- Chú là người thủ xướng?

- Bẩm ngài, sự thật anh em chúng tôi đây không ai là người thủ xướng cả. Thủ xướng chính là quan trên chúng tôi ở ngoài thành kia; chúng tôi chỉ là kẻ thừa hành lệnh trên, nhưng cũng tự biết là nguy hiểm, mười phần không chắc phần nào thành công. Là vì công cuộc phòng thủ của các ngài kiên cố vô cùng. Việc mưu tính không xong mà bị phát giác, chúng tôi đành phận đã chết vì việc vua việc quan, không ân hận gì cả.

Trần Hạnh khai một cách thái nhiên không sợ hãi và không ngạo mạn, khiến cho Nguyễn Kiều ngạc nhiên, có ý kính nể.

Nhưng người ngạc nhiên hơn hết là cô Tần. Mỗi lời Hạnh nói là mỗi lời bắt nàng giật mình.

Trong khi Nguyễn Kiều hỏi cung những người sau, nàng lôi chị dâu vào nhà trong, nói về hồi hộp:

- Đích thị hấn ta, chị ạ!

- Cô này vớ vẩn! Hấn ta là hấn ta nào? Bà đề hỏi. Bỗng dưng nói đột ngột như thế ai hiểu?

- Chính là người ở Mô Xoài đêm nọ, tha em không giết đó!

- Sao cô biết chắc?

- Tuy đêm ấy không thấy rõ mặt, nhưng tiếng nói thì em nhớ lắm, chị ạ. Vừa rồi nghe tiếng hấn ta nói, bỗng đánh thức trí nhớ của em; hấn lại khai tên là Hạnh, vệ sĩ của Tổng Phúc Lương, thế thì đích là hấn ta, không sai...

- Sai với không sai, hấn tự rước tội vào thân thì phải chịu lấy, chứ sao?

- Với chị thì thế, nhưng với em phải khác...

- Thế, cô định thế nào? Bất quá chờ hành hình rồi, ta xin xác hấn chôn cất tử tế; chắc vậy là sở nguyện của cô?

- Không, em muốn hơn nữa; em muốn cứu sống hấn ta cũng như hấn ta đã có dịp tha chết cho em.

- Nhưng quyền sống chết người ta đâu phải ở tay chị em mình?

- Vẫn biết thế. Em sẽ xin với anh đề đốc nhà ta; hoặc có phải đến xin với đại nguyên soái, em cũng không từ.

Một lúc lâu, Nguyễn Kiều xong việc hỏi cung, trở về tư thất, chưa kịp đặt mình ngồi húp bát cháo trắng với muối, để còn ra chiến lũy, cô Tần ghé lại nói đột ngột, vẻ mặt nghiêm nghị:

- Em can cớ xin anh tha chết cho người tên là Trần Hạnh.

- Vì lẽ gì? Nguyễn Kiều sững sốt, hỏi lại.

- Vì người ấy là cứu mệnh ân nhân của đứa em gái anh.

- Cô à?

- Thừa vâng, chính em?

Đoạn, nàng kể lại câu chuyện đi Mô Xoài định giết Tống Phúc Lương không xong, rồi Trần Hạnh được lệnh dẫn nàng đi chém mà động lòng nghĩa nghiệp tự tiện tha nàng đào thoát, tức là câu chuyện độc giả đã biết.

Nguyễn Kiều nghe em nói đến đâu, cảm động và kinh ngạc đến đấy, không ngờ con em gái mình có can đảm trượng phu tính làm một việc lạ lùng đến thế.

- Thảo nào, ta đi tìm mãi con dao Mã Lai mà không biết mất vào đâu! Nguyễn Kiều nói. Nhưng, khó một nỗi quốc pháp vô thân, lấy lẽ nào miễn tử cho người đó bây giờ?

- Khó gì? Em nghĩ một là lấy cớ hấn ta đang bệnh nặng, không dự vào âm mưu, hai là nói thật ngay với đại nguyên soái...

- Nói thật với đại nguyên soái thế nào? Cô tưởng đâu dễ lắm!

- Vâng, anh cứ xét cái lý thế này, dù ai cũng phải cho là phải: em đi làm việc thích khách bị bắt quả tang, mà người ta tha cho không giết; đằng này Trần Hạnh chỉ mới bàn tính, chứ nào đã nách dao tay chém gì đâu, nếu xử vào cực hình, chẳng hóa ra nghĩa quân Gia Định ta nhỏ nhen, hẹp lượng, không bằng một tên lính bên địch kia sao?

- Ủ, con bé này viện lý sự đúng quá! Nguyễn Kiều gật gù khen em.

- Bởi vậy, những người kia tùy anh nghiêm khắc thế nào cũng được, duy có Trần Hạnh thì em xin anh để ra ngoài, cho em săn sóc bệnh hoạn, gọi là trả nghĩa đền ơn người ta. Không khéo rồi nghĩa quân ta sẽ thêm một đồng chí, một chiến sĩ...

- Mà cô thì rồi có chồng cũng nên!... bà đề vừa vười vừa nói vào câu nàng đang nói dở dang, chưa hết ý.

Cả hai vợ chồng Nguyễn Kiều cùng cười, làm cho cô Tần then đỏ mặt.

Qua ngày hôm sau, vào lúc xế trưa, trên mặt thành Phiên An bày ra một cảnh rùng rợn: 18 cái xác nghiêng đầu ngoẹo cổ, căng thành hàng chữ nhất, trước ngực mỗi xác có dán một chữ to tướng, cứ theo thứ tự mà đọc từ xác đầu đến xác cuối, chập lại thành một câu hiệu lệnh, một tờ yết thị văn tắt, dịch nghĩa ra sau này: *“Ai dám chống cự và mưu toan thám thính nghĩa quân Gia Định thì hãy trông nào đây”*.

Binh triều ở ngoài, trèo lên ngọn câu hoặc công kênh nhau, cổ nhìn rõ mặt mày từng xác, rồi lắc đầu le lưỡi bảo nhau:

- Thôi, thế là bọn thằng Sửu, thằng Văn, thằng Tuất, đi đời cả nút. Tao trông thấy rõ mặt chúng nó.

- Đấy nhé! Anh em mình xông xáo đến chân thành phải rờ hồn, không thì giặc nó cũng làm thịt rồi căng xác như thế!

Nghĩa quân khéo làm quảng cáo, đoạn 18 cái xác ấy luân phiên bày khắp bốn mặt thành cho binh triều tứ phía cùng trông thấy, rồi quăng xuống bờ hào, truyền loa gọi: *“Nguyễn Văn Trọng ra lấy thịt này về nướng mà nhắm rượu!”*

Ấy là một toán binh triều vâng theo mật kế của đại tướng Nguyễn Văn Trọng, giá thua trận bị bắt cho được lọt vào trong thành Phiên

An, để mưu việc phá ngục nội công, nhưng nghĩa quân phát giác, xử tử 18 người quan hệ, căng xác lên mặt thành làm gương.

Kỳ dư, gồm cả tù binh thật và giả, nghĩa quân đều tha. Họ rửa nhau đầu hàng tất cả; và đăng vào đội cảm tử, tăng thêm đội này được mấy trăm người.

Còn một mình Trần Hạnh, ngay buổi tối thăm vấn, chàng khai xong liền vật ra ốm nặng, nằm sốt mê man ở chái công đường Hộ thành; giá như lúc ấy người ta cứ chặt đầu chàng đi, chàng cũng không biết.

Vốn khi ở ngục, chàng đã mang bệnh rồi, giờ thêm việc thất bại làm cho kích động quá, khiến phải quy xuống bất tỉnh nhân sự, sau khi cố gượng cung khai rành rọt.

Sáng ngày, chàng mới hồi tỉnh, mở mắt nhìn quanh, trong trí bàng hoàng ngơ ngẩn, không tự biết mình mộng hay tỉnh, sống hay chết. Không hiểu cùm xích biến đi đâu cả, mình được cất nhắc chân tay tự do, lại nằm trên giường chiếu sạch sẽ, có gối mềm êm ái. Té ra mình chưa chết à? Không phải ở trong trại giam nữa à? Nhưng mình đang nằm đây là đâu, nhà ai thế này?

Rồi cổ họng thật khát, bụng thấy đói, chàng đang tơ tưởng làm sao có chén nước nóng mà uống thì dễ chịu vô cùng, có thể đồng thời tạm yên cả hai việc đói khát. Bỗng nghe tiếng vãi kêu sột soạt và nhịp nhàng của bước chân từ xa lại gần, rồi thấy hiện ra bên giường mình nằm một thiếu nữ xinh xắn nõn nà, tay này xách ấm nước, tay kia bưng bát cháo nóng sốt, miệng nói tươi cười dễ yêu:

- Anh cố ngồi dậy ăn bát cháo cho khỏe. Lúc đêm sao mà anh sốt ghê quá, ai hỏi cũng chẳng nói, gọi chẳng thưa.

- Cám ơn cô!... Chàng cố thu hết sức còn lại, nhồm dậy và nói. Thưa cô, tôi ở chỗ này là đâu thế này?

- Đây là chái tây của dinh Hộ thành đề đốc.

- Tức là quan lớn hỏi cung anh em chúng tôi... chiều tối hôm qua hay hôm kia tôi quên lửng. Khốn nạn, một trận sốt rét làm tôi kém mất trí nhớ.

- Vừa mới tối hôm qua, anh khai xong một lát, vật ra sốt ngay... Thôi anh ăn cháo cho nóng, rồi nằm mà nghỉ.

- Cô có lòng tốt, tôi rất cảm động... Để lát nữa tôi sẽ ăn. Thưa cô, những người cùng bị một lượt với tôi ở đâu cả?

- Họ bị giải đi nơi khác, có lẽ giờ này sắp ra pháp trường.

- Còn tôi thì bao giờ?

- Không, anh thì không có bao giờ cả; anh cứ yên tâm dưỡng bệnh.

- Tại sao lạ thế, thưa cô?

- Tại nghĩa quân Gia Định rộng lượng, để báo đáp một việc hào hiệp mà anh đã làm.

Chàng sừng sốt hết sức.

- Lạ nhỉ! Thuở nay tôi có làm việc gì hào hiệp đối với nghĩa quân? Hay là cô nói xa xôi bóng bẩy thế nào đấy, tội nghiệp cho tôi.

- Không, tôi nói tình thật mà!

Nàng nói, và rót một chén nước trà nóng, ép chàng phải uống.

Đỡ lấy chén nước, uống cạn một hơi, chàng nghe trong mình khỏe khoắn, tinh táo; bỗng một sự nhớ mơ màng xuất hiện trong trí:

- Quái lạ! Không khéo tôi đến phát điên! Chàng để chén xuống vò đầu và thở dài, hai mắt nhìn nàng trừng trừng.

- Chuyện gì mà anh vò đầu trừng mắt, trông dễ sợ thế? Nàng hỏi và cười.

- Tôi suy nghĩ muốn bể óc, chẳng hiểu vì sao các ông nghĩa quân trong thành này lại không giết tôi, theo như lời cô vừa nói; còn cô là ai, lại phải mất công đem nước đem cháo cho một thằng tù thế này; tôi tự lấy làm áy náy, không yên tâm chút nào!

- Ô! Anh nghĩ vợ vẫn làm gì cho mệt! Tôi làm phận sự phục dịch một người đau ốm, thế thôi, anh hà tất phải tìm đầu dây mối nhợ làm gì không biết?

- Xin lỗi cô, tôi nghe tiếng cô nói thật quen, dường như được nghe ở đâu rồi, mà giờ nghĩ không ra.

Chàng nhắm mắt bóp trán, để gọi hồi trí nhớ:

- Thật à? Nàng hỏi và đưa bát cháo tận tay, giục chàng ăn đi kẻo nguội.

Nể quá, chàng chỉ húp một thìa cháo, rồi ngừng lại:

- Vâng, tiếng nói của cô trong trẻo, có duyên, ai chỉ nghe một lần, có thể ghim chặt trong trí nhớ; thế mà tôi vì binh đao, vì tai họa, vì bệnh tật, cho nên lãng quên thật là đáng tiếc.

- Để tôi nhắc hộ anh nhé! Có điều anh phải ăn hết bát cháo này đã.

Chàng vâng lời, nuốt vội nuốt vàng hết bát cháo rồi giục già:

- Nào, cô làm ơn nhắc hộ trí nhớ của tôi đi.

Nàng nói chậm rãi:

- Anh có nhớ một đêm nào được lệnh quan trên bảo dẫn một người đàn bà đi hành hình không?

- Có, có, một đêm ở Mô Xoài.

- Rồi tự nhiên anh thả người đàn bà ấy đi, không nỡ hạ thủ...

- Vâng, chính thế, Nhưng sao cô lại biết chuyện ấy kìa? Hay là...

- Phải, người đàn bà ấy đang đứng bên anh bây giờ; người đàn bà ấy tức là tôi.

- Trời ôi!...

Chàng thốt ra hai tiếng kêu trời rồi quên hết tật bệnh, nhảy vọt xuống khỏi giường, đứng khoanh tay nhìn sững nàng, như chiêm ngưỡng một vị thiên thần, phải kinh ngạc, phải cung kính:

- Thế ra, người con gái trẻ trung, can đảm, toan đâm chết chủ tướng tôi đêm ấy là cô?

- Phải, tôi.

- Mà cô là một người ở trong nghĩa quân Gia Định?

- Phải, tôi là em quan đề đốc Hộ thành. Vì thế, tôi làm lại cái cử chỉ hào hiệp anh đã làm với tôi. Anh yên tâm dưỡng bệnh, hôm nào lành mạnh, tôi sẽ đưa anh ra ngoài thành cho mà về.

Nhờ cô Tàn săn sóc tận tâm, mười ngày sau, Trần Hạnh thu dần sức khỏe gần như thường.

Nhưng bây giờ cả hai người cùng mắc phải một bệnh không ở trong bờ cõi y khoa mà ở thiên tính: *bệnh yêu*.

Họ yêu nhau một cách tha thiết, âm thầm không ai dám thổ lộ với ai. Cái tình yêu phải làm thinh, phải giấu kín, phải dồn vào trong tâm tưởng, bao giờ cũng khổ sở, khó chịu, khác nào người đau ốm mà không được rên, còn gì, bực cho bằng.

... (mất 2 trang báo)

Nàng yêu ở Hạnh một người thanh niên khôi ngô mà có khí phách hào mại, cử chỉ đứng đắn, tuy xuất thân hàng ngũ, nhưng vẫn giữ được thiên chân, không nhiễm theo thói thường, không có mấy may thái độ võ biền như phần nhiều thầy cai chú lính ý mình có bộ áo nẹp của nhà vua, tha hồ vênh váo, hống hách. Cái đêm ở bên rừng Mô Xoài, chỉ vợ có Hạnh với nàng, một người có quyền, một người có tội. Nếu một chú lính khác, tất nàng phải chết, mà trước khi phải chết, tất bị ô nhục, hay là thượng cẳng chân, hạ cẳng tay, người ta dằn vặt, nguyên rửa trăm cấp, còn khốn khổ chán mới được chết cho.

Thế mà đêm ấy Hạnh đối đãi nàng một cách quân tử, kính trọng nàng, thương hại nàng, rồi tự nhiên mở trời tha cho nàng đi. Hạnh làm việc ấy, chỉ theo thiên lương phát động dừng đứng thế thôi, chẳng biết nàng là ai, chẳng có một chút tư ý, chẳng trông mong gì mai sau.

Người ấy, cử chỉ lạ ấy, nàng vô cùng kính phục và ghi mãi trong trí nhớ. Lòng riêng vẫn khát khao ao ước làm sao mai sau mình được một người quân tử như thế mà thờ, mà trao gởi tấm thân. Không ngờ sự tình cờ lại đưa người ấy đến trước mặt, nàng tin tưởng nhân duyên run rủi tự nhiên nảy ra tình yêu.

Hạnh thì yêu ở nàng một người con gái nhu mì xinh đẹp đã đành, nhất là một người con gái có can đảm trượng phu, vì đức tin lòng thành đối với công việc bề đảng mình mà dám xông pha định làm tới một thủ đoạn người ta không thể tưởng tượng. Chàng cũng suy nghĩ hôm nọ mình tha nàng không giết, để cho bây giờ lại gặp nhau trong vòng vây này, ý hắn ông tạo vật có vì hai người xếp đặt định mệnh sao đó, không phải là chuyện ngẫu nhiên. Huống chi người như này, dù ai được gặp ở trường hợp nào cũng phải động lòng hâm mộ thương yêu, không thể đứng được.

Nhưng mỗi người một cảnh ngộ, trái nghịch hẳn nhau, biết làm thế nào?

Nhiều lần, Hạnh cũng như nàng, người nọ toan đánh bạo nói với người kia ba tiếng: “*tôi yêu mình*”, nhưng rồi vàng hồng nổi trên gò má, và như có cái gì chặn ngang đầu lưỡi, không thốt ra được.

Thành ra họ chỉ có thể yêu nhau lặng lẽ, làm thinh; duy trong cử chỉ ngôn ngữ có cái ý vị thân yêu mà họ hiểu ngầm với nhau được thôi.

Những lúc trong tâm não hai người đều có một trận chiến đấu giữa ái tình và danh nghĩa, chưa biết bên nào thắng, tiếng súng binh triều bắn vào thành và thỉnh thoảng trong thành bắn ra, xen với những tiếng quân sĩ reo hò, trống trận dồn thúc, làm vang động một góc trời. Ngày nào, binh triều cũng có đôi ba đạo ồ ạt đánh thành, nhưng chiến sĩ Phiên An lấy tử lực chống trả, buộc phải tháo lui.

Sau nửa tháng, Hạnh hoàn toàn bình phục, cô Tần nhắc lại lời hứa trịnh trọng ở bên giường bệnh:

- Giờ anh đã khỏe hẳn rồi, bất cứ ngày giờ nào muốn ra ngoài thành, anh chỉ nói một tiếng, truyền một lệnh; tức khắc tôi đưa anh ra, theo như lời ước.

Nàng nói mà trong tâm hồi hộp đợi câu trả lời:

- Cô đuổi tôi? Hạnh cười và nói.

- Không, tôi mời anh trở về phận sự đây chứ. Cũng như độ nọ anh tha tôi về với nghĩa quân mà anh không biết.

- Cám ơn cô, nhưng tôi chẳng muốn đi đâu hết. Cô thừa hộ quan đề đốc chém tôi như bọn kia, hay là cho tôi ở lại trong thành.

- Thật à? Anh không muốn trở ra ngoài thành? Nàng hỏi, có vẻ sung sướng hiện trên gương mặt.

- Vâng, tôi... tình nguyện ở lại trong thành! Chàng nói dần mạnh tiếng “*tình*” một cách dụng ý.

- Được, tôi thừa với anh tôi bằng lòng ngay. Nhưng anh không muốn về bản trận là tại làm sao?

Nàng có ý muốn dồn Hạnh tới chỗ phải thú thật: “Tại tôi yêu cô”; nhưng nàng thất vọng. Hạnh không khi nào chịu để ái tình ở trên

danh nghĩa, ở trên phận sự, mặc dầu chàng tha thiết yêu nàng; nếu sung sướng nói câu ấy ra, chàng sợ bị nàng khinh bỉ trước hết.

- Thừa cô, một bọn cùng vâng mệnh vào thành mưu việc nội công, chỉ có một mình tôi sống sót, mặt mũi nào trở ra trông thấy anh em đồng ngũ. Vả lại, chắc hẳn ngoài thành người ta cũng coi tôi như là chết rồi. Hạnh trả lời khôn khéo, càng nâng thêm khí khái của chàng ở trước mắt người yêu. Mà cũng là nói thật tình: anh em đồng ngũ ngoài thành cảm chắc Hạnh bị quân giặc làm mất rồi, không còn đâu nữa.

Nàng đang mừng thầm không phải xa mất người mình thờ mến trong lòng, thì Hạnh nói tiếp:

- Tôi tình nguyện ở lại trong thành, và lại tình nguyện làm việc mà sống, chứ ở lại đây mà phải ăn nhờ ở đậu phố phường dân xã, tôi không chịu được.

- Anh tính làm việc gì?

- Bất cứ việc gì. Cái đó tùy quan đề đốc sai khiến.

- Nghĩa là anh sẵn lòng giúp việc nghĩa quân?

- Vâng, đại khái như thế.

Cô Tần hớn hở chạy vào nói với Nguyễn Kiều.

Thế là cô níu giữ được người yêu ở bên mình và thêm cho nghĩa quân một chiến sĩ.

XIII. HÀNG XÓM VÀ ANH VỢ

Các ngài hẳn nhớ hôm Khôi rút binh vào thành Phiên An cố thủ, đã viết thư khẩn cấp cầu viện Phi Nhã Chất Tri, một lão tướng Xiêm mà Khôi được quen biết hai chục năm trước, lúc đi theo ông Tả quân Duyệt đến thành Nam Vang hội thương về việc Chân Lạp.

Một mặt khác sai người tâm phúc lên ra Bắc Hà, lên mạn ngược phiên động những dân Mườn thổ ở vùng Cao Bằng, Tuyên Quang, và đốc thúc người anh rể là Nông Văn Vân cố sức kháng chiến đến cùng, chớ thôi, chớ hàng.

Mục đích Khôi cốt làm cho binh lực triều đình phải chia tán mảc nhiều nơi, đánh dẹp nhiều chỗ, không thể dồn cả về mặt Gia Định, rồi Khôi xem chiều thời thế, sẽ đánh quật trở ra, khôi phục cả Nam Kỳ, chứ sơ tâm không chịu nhốt mình vĩnh viễn ở trong bốn vách tường Phiên An.

Tiếp được thư Khôi cầu cứu, lão tướng Chát Tri cả mừng, lập tức vào bệ kiến Xiêm hoàng.

Xiêm hoàng ưng ngay và phong Chát Tri làm thống tướng đem quân sang giúp Khôi.

Vua Minh Mạng được tin cấp báo các nơi, vẻ lo ngại hiện trên sắc mặt. Đương thời suốt cả Nam Bắc, cơ hồ không chỗ nào không có giặc. Nhất là miền Nam.

Quân lính thường trực ở kinh thành cùng các tỉnh phụ cận, đã phân phát đi đánh dẹp hoặc ra bắc, hoặc vào nam cả rồi. Huống chi còn phải góp quân để sai đi chống giữ ở mặt trận từ Quảng Trị ra đến Nghệ An, không còn thừa đâu mà phái vào Nam. Nếu sai đại tướng Nguyễn Văn Trọng lấy quân đang vây bọc Phiên An xuống Châu Đốc thì hỏng to; không khác gì triều đình chịu thua Khôi và thả cho hắn trở qua quật cường! Cố nhiên không thể làm như thế được.

Triều thần mỗi ông một cách, đều không thích hợp thời thế, Vua Minh Mạng tính chỉ có cách chia quân thứ Gia Định làm ba, bèn sai ngựa lưu tinh đem sắc thư khẩn cấp vào cho đại tướng Nguyễn Văn Trọng, bảo chia bớt quân lính cho Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân đi đánh.

Trọng phải vâng lời, để lại chừng một vạn quân cả bộ lẫn thủy, kế tiếp vây bọc Phiên An, còn bảy nghìn thì chia tạm cho hai tướng Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân đem xuống Châu Đốc.

Binh quý thần tốc hai tướng được lệnh được quân trong tay, lập tức lên đường, đi suốt ngày đêm. Cuối tháng giêng năm Giáp ngọ, quân Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân đến trước thành An Giang, Chát Tri được tin quân Nam ở Gia Định xuống, nhưng tính đường đất họ mới đến khoảng Cần Thơ là nhanh, không ngờ đâu nhanh quá như thế.

Trương Minh Giảng lợi dụng thông thuộc địa thế nửa đêm kéo binh đến đánh bất thành linh.

Nhờ vậy, binh ta ngăn được giặc phải chịu dừng bước không xâm lấn hơn được nữa.

Hai bên lập đồn lũy đối diện ở trên sông Hậu Giang, giữa khoảng Lập Vò thuộc lãnh Bình Thành Tây, để chống giữ nhau.

Còn Nguyễn Xuân thì tiến đánh thành Châu Đốc. Trận đánh này kịch liệt, bên nào cũng tử thương khá nhiều. Nhưng rốt lại quân ta phá tan được thủy sư giặc ở đây và khôi phục được thành trì.

Trong thủy quân giặc có cả người Tàu, và chính người mình theo đạo, nhập bọn cũng nhiều. Một vị linh mục ta, tên là Nguyễn Văn Tam, oán giận triều đình cấm đạo, không ngần ngại hô hào bọn đạo nên giúp tiền tài và thanh thế cho Khôi. Chính ông cổ vũ người mình đăng vào thủy bộ binh hai, ba nghìn người, để chống với triều đình.

Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân thấy bà con mình nổi giáo cho giặc như thế, hết sức căm giận, cho nên hễ bắt được tù binh là kẻ có đạo thì ngược đãi đủ điều, ai nghe cũng phải ghê sợ.

Hai ông cổ ra oai, cho tới mang tiếng độc ác cũng không từ, cốt làm gương cho những người kia thấy mà kinh hồn táng đờm, phải bỏ cả tín ngưỡng và quân giặc mà quy thuận triều đình.

Mấy hôm sau Thái Công Triều đem thêm viện binh ở Gia Định xuống, bấy giờ quân ta đánh rát, lấy lại Hà Tiên, khiến cho binh giặc trên bộ phải đứt mối giao thông với thủy sư ngoài bể.

Thế là ta thu phục tất cả mấy nơi ở phía tây Nam Kỳ đã bị quân giặc xâm chiếm, và đuổi giặc ra khỏi bờ cõi.

Thế là hy vọng của Khôi đặt vào phía tây nam đã tan vỡ, còn hy vọng đặt vào phía bắc cũng chỉ tản quát trong miền rừng rú.

Chúng ta đã có dịp biết Khôi có người anh vợ tên là Nông Văn Vân, dòng dõi thế hào ở đất Tuyên Quang. Thuở trẻ hai người là bạn thân bạn vui chơi với nhau rất tương đắc. Thấy Khôi là người có chí khí to, võ nghệ giỏi, Vân gả em gái cho, rồi cùng nhau uống máu ăn thề, ước hẹn mai sau vinh hoa cùng hưởng, lưu loạn cùng chia, nếu ai phụ lời, quỷ thần tru戮.

Sau Khôi bỏ rừng núi xuống Thăng Long tìm đường công danh, đi theo Tây Sơn một độ rồi về hàng ông Lê Văn Duyệt, trước

là thủ hạ, sau thành con nuôi. Lúc đã thành danh đặc chí, Khôi nhớ lời thề cũ, nhân thế lực ông Duyệt nói với ông Lê Chất, tổng trấn Bắc hành, lấy một vài quân công nho nhỏ cất nhắc Vân một tiếng lên chức tri châu.

Nhưng Vân sinh bình phóng túng đã quen, nhà lại giàu có sẵn, tôi tớ đông, chỉ ưa kết giao với bọn sơn lâm hảo hán, lấy rượu chè săn bắn làm vui, chẳng mộ làm quan, cũng không chịu luồn lụy. Thành ra trải mười mấy năm, Vân cứ là một viên tri châu, không được thăng quan tiến chức gì cả. Có khi bỏ việc quan hàng mấy tháng, vì lặn lội trong rừng theo đuổi một con cọp hay một con gấu. Triều đình cần dùng thổ hào để trị thổ dân mạn ngược, cho nên không trách hỏi gì về tội khoáng phế chức vụ.

Cuối tháng 5 năm Quý tị, Khôi khởi binh ở Gia Định, lúc ấy Vân đang làm tri châu Bảo Lạc.

Triều đình ban chỉ sai tỉnh thần Tuyên Quang và Cao Bằng nã tróc anh em họ hàng nội ngoại Khôi đem về kinh trị tội. Thời đại ấy, một người có công chưa chắc cả họ được nhờ theo như lời người ta nói, nhưng một người có tội thì cả họ phải chịu vạ lây, dù chẳng hiểu biết liên can cũng mặc.

Khôi nổi loạn ở Gia Định thành lĩnh, vợ con, cháu nội ngoại ở Bắc không biết đến. Sự thật, nửa năm nay, Vân không được tin tức nào của Khôi, trong trí vẫn tính như em rể mình còn làm chức phó vệ úy, không về kinh đô làm việc quan thì chỉ quanh quẩn nơi xứ Đồng Nai.

Một hôm về đầu tháng bảy, Vân đang tụ bọn thủ hạ làm thịt nai đánh chén trên núi bỗng một tên gia đình phi ngựa chạy đến báo tin:

- Bẩm ông có lính trên tỉnh sai về răn rộ, nã tróc bà con họ hàng ông phó vệ úy Khôi được hơn hai chục người, đã giải đi rồi. Còn trên tỉnh phái và một tốp lính ở lại, đang định bắt thêm nữa...

- Việc gì mà dữ dội thế? Vân hỏi một cách hốt hoảng, vì lòng yêu Khôi.

- Nghe nói ông Khôi khởi loạn ở Gia Định từ hồi tháng năm.

- Khởi loạn?

- Vâng, giết mấy tinh thần để tế cờ, chiếm cứ thành Phiên An, thống trị Lục tỉnh, tự xưng đại nguyên soái, nhiều đạo binh triều đình đi theo, đánh đâu được đấy, thanh thế to lắm...

- Thế à? Ai nói mà mi biết được rõ ràng thế?

- Bẩm ông, tôi hỏi dò mấy chú lính trên tinh phái về đó... Họ nói bây giờ sáu tỉnh Đồng Nai đều thuộc về loạn quân làm chủ. Nghe đâu triều đình đã sắc phái quan lớn Nguyễn Văn Trọng làm thảo nghịch đại tướng quân, đem đại binh vào Gia Định tiêu phủ.

- Nguyễn Văn Trọng nào nhỉ? Vân hỏi Nông Văn Hổ, một người em họ, hiện làm đầu mục mỗi toán lính đồng ở Bảo lạc.

- Nếu tôi nhớ không sai thì ông ấy tổng đốc Thanh Hóa! Nông Văn Hổ đáp.

Vân tu một hớp rượu rồi vỗ tay cười nói hê hà:

- Thế mà Khôi anh hùng hơn cả bọn anh em mình đây! Đại trượng phu sống chẳng làm nên danh thơm muôn thuở, thì chết để lại tiếng xấu nghìn thu, cũng vẫn hơn bọn mình sống một đời vô danh, vô vị!

Đoạn trở một đùi nai, bảo tên gia nhân:

- Đây, mày đem về nhà trước, dọn dẹp phòng khách, chốc nữa tao và mấy ông khách về.

- Ấy chết! Bẩm ông đừng về! Tên gia nhân ghé bên tai Vân nói khẽ.

- Sao? Vân hỏi lớn tiếng.

- Vì trong giấy nã tróc có cả tên ông, họ đang lùng đây, ông về nhà thì họ bắt giải tỉnh mất.

- Có lệnh bắt cả tao?

- Vâng, chính viên tinh phái đã đến nhà hỏi ông đi đâu, tôi không dám nói thật.

Sấn thắm hơi men, Vân nổi nóng cả người, hai mắt đỏ như mắt cá cháy, đứng phắt dậy múa tay vỗ ngực và nói:

- Triều đình làm thế thì ra bắt công và ức hiếp dân quá! Mọi việc Khôi làm ở cách xa những mấy nghìn dặm, triều đình lại muốn bắt gọi cả ta, là nghĩa lý gì?...Ồ! Chẳng triều đình thì chớ, chẳng tri châu thì

đừng thẳng Vân này tha không cự, tha chết chứ không chịu để triều đình ức hiếp đâu!... Hồ ơi! Ta bảo chú nghe: chú lập tức đem thủ hạ đi bắt trói tất cả bọn tinh phái, rồi đợi ta về xử trí chúng nó. Đi mau!...

Chỉ biết nhắm mắt vâng lời, Nông Văn Hồ dạ rồi thót lên mình ngựa đi liền.

Buổi chiều hôm ấy, dinh tri châu Bảo Lạc không phải là một quan nha thay mặt triều đình nữa, trở nên một nơi công phủ của loạn đảng mà chủ tướng tức là Nông Văn Vân.

Một bên phần khích bởi triều đình bắt bớ, một bên thúc dục bởi sự thành công của Khôi ở Gia Định, Vân cùng bọn đồng chí nhất định khởi loạn.

Nội những thân nhân thủ hạ cũng sẵn có năm sáu trăm người, Vân mộ thêm vài nghìn người nữa. Bọn dân vô lại đi theo rất đông.

Họ tụ tập trong núi, vật trâu, mổ bò làm lễ tế cờ, Vân tự xưng làm *Tiết chế thượng tướng quân*, rồi gọi viên tinh phái và mấy tên lính đến, thích vào mặt mỗi người một hàng chữ “*quan lại triều đình hại dân*” và đuổi về, cốt mượn tai mắt họ về báo tin cho quan tỉnh biết.

Giặc chia làm hai đạo, đánh phá các châu huyện rồi tràn lên hãm thành Tuyên Quang và Thái Nguyên. Quan triều cô thế phải bỏ thành chạy, đưa tin về Huế cáo cấp.

Vua Minh Mạng được tin báo, lo sợ thất sắc. Vì trong nước lúc ấy, chỉ trừ một giải Trung kỳ yên ổn, còn hai đầu Nam Bắc cùng có giặc giã liên miên. Ở Gia Định, Khôi vừa khởi nghĩa hơn hai tháng, uy thế bỗng bột như nước tràn lửa cháy, đến nỗi kinh đô phải đoạn tuyệt giao thông với toàn cõi Nam Kỳ. Còn ở đất Bắc, dồn dập hai ba cuộc loạn; mấy năm trước giặc Ba Vành làm cho quan quân khổ sở tổn hại khá nhiều, chỗ thương tích ấy hàn gấn chưa lành, tháng ba năm nay lại có Lê Duy Lương dựng cờ phản đối, lấy danh nghĩa con cháu nhà Lê, tung hoành sát phạt ở vùng Hưng Hóa. Nhà vua vội vàng khiển tướng điều binh, tận lực đánh dẹp, vì lòng dân tưởng mộ nhà Lê còn nhiều, sợ để Duy Lương mạnh quá, thì Bắc Hà về giặc, cũng như Nam Trung. Việc loạn Duy Lương hồ xong, thì bọn Nông Văn Vân đã nổi lên, hưởng ứng với Khôi trong Gia Định, mà lực lượng xem ra không phải tầm thường, nhà vua lo sợ là phải.

Nhất là không thể đưa quân ở kinh đô và mấy tỉnh Đàng trong ra đánh giặc ở mạn ngược xứ Bắc, lồm chồm toàn thị núi rừng. Tất phải dùng quân đội nào quen chịu thủy thổ và từng trải sơn chiến mới được.

Vua Minh Mạng hiểu rõ chỗ ấy bèn sai ngay Sơn Hưng Tuyên tổng đốc là Lê Văn Đức làm *tam tuyên tổng thống quân vụ*, Hải An tổng đốc Nguyễn Công Trứ làm tham tấu, hội với Ninh Thái tổng đốc Nguyễn Đình Phở, đem binh đi tiêu giặc Nông.

Tháng chín, quân giặc vây bọc hai thành Lạng Sơn và Cao Bằng, tình thế rất gấp. Binh triều đồn trú ở hai thành này không đông, nhưng được điều may là quân lính từng trải chiến trận, vả lại sẵn sàng lương thực đạn dược, cho nên tuy bị giặc cắt đứt giao thông và chẹn đường tiếp tế binh lương, nhưng vẫn cố sức kháng chiến. Nhiều phen giặc ồ ạt công hãm không được, quyết đem thêm viện binh tới, hạ cho kỳ được Cao Bằng Lạng Sơn mới nghe.

Đạo binh Lê Văn Đức mắc chống giữ ở mặt trận Tuyên Quang Thái Nguyên, còn lo đuổi sức, không thể phân binh cứu ứng Cao Lạng.

Lê Văn Đức phi báo về triều, xin phát thêm binh.

Vua Minh Mạng gấp sai Tạ Quang Cự, tổng đốc Nghệ An, lĩnh chức khâm sai quan vị đại thần, đem quân bản tỉnh ra đánh giặc ở mạn Cao Lạng.

Quân giặc đông lại dựa vào rừng núi trùng điệp, quen thuộc thung thổ và khéo dùng lối đánh đoản binh, du kích mà thủ hạ toàn dân Mường Mán, bản giỏi, leo trèo núi non thoăn thoắt. Chúng phân ra nhiều tốp, thường ẩn núp trong hang trong động, các đường hiểm yếu đều đào hầm gài bẫy để rình rập quân triều, hễ liệu thể đánh được thì đánh, đánh rồi lui vào bụi cây kẹt đá, không còn thấy tăm bóng đâu mà tìm.

Vì thế, binh triều phải bạt thiệp gian khổ, có khi cả một toán một hai trăm người bị sa hầm chết sạch. Chưa kể lam sơn chương khi làm chết cũng nhiều.

Đạo binh nào cũng đòi quân tiếp ứng luôn luôn. Nhà vua hạ lệnh cho các tướng, dù phải hao tổn bao nhiêu quân sĩ cũng là, miễn trừ diệt cho tới một tên giặc sau chót.

Mãi đến tháng chạp, đạo binh Tạ Quang Cự mới giải được vây cho tỉnh Lạng Sơn rồi lại thu phục được tỉnh Cao Bằng đã lọt về tay

giặc hết mười mấy ngày. Trận này, binh triều đánh đôi hai tỉnh với một giá hơi đắt: ngót bốn nghìn tráng sĩ hi sinh tính mệnh vì phận sự đối với vua quan.

Đồng thời, đạo binh Lê Văn Đức và Nguyễn Công Trứ xông pha muôn vàn nguy hiểm, tiến vào đến Vân Trung, tức là Bảo Lạc sào huyệt quân giặc. Vì binh triều đông quá, giặc thiếu cả lương thực lẫn đạn dược, không thể cản trở; Nông Văn Hổ tử trận.

Biết thế sào huyệt sắp vỡ Nông Văn Vân đem gia quyến vào một ít bộ hạ tạm lánh sang đất Tàu, từ đó tái chiến.

Trước đây dăm hôm, người thân tín của Khôi sai đem thư ra cho Vân ở Gia Định khởi hành khoảng cuối tháng mười, giờ mới lần mò đến Bảo Lạc.

Trong thư, Khôi kể rõ công việc mình chủ trương từ hồi tháng năm cho đến tình cảnh nguy nan hiện tại, đang cố thủ cô thành, bị vây tứ phía, vậy xin Vân rán cứu viện nhau bằng thanh thế; hoặc tiến về được Thăng Long dựng nên đình đám cho thật to chuyện càng hay; hoặc cố sức thì thủ ở mạn ngược rõ lâu để chia sức của binh Triều, không thể dồn hết toàn lực vào miền Nam, tự nhiên vòng vây Phiên An sẽ bị phá vỡ v.v...

Vân xem thư, ứa nước mắt khóc, nắm tay vào nhàu bức thư và tự đâm ngực huỳnh huých, kêu trời mà than thở:

- Không ngờ ta với Khôi cùng gặp bước anh hùng mạt lộ đến thế này ư? Trời hỡi trời!

Một lát, Vân nghiêng răng trợn mắt, vạch mũi gươm xuống đất và nói với người đem thư của Khôi:

- Không! Không! Ta chưa chịu thua đâu! Ta còn đánh; đánh cho tới khi nào cái đầu này rụng hay là kẻ địch kia phải tiêu diệt mới thôi. Nay mai ta lui sang Tàu chỉ là tạm thời, để xếp đặt quật cường tái chiến, như con mãnh hổ trước khi vồ lấy miếng mồi, thu mình lại để lấy thế mà vươn ra thật xa thật khỏe ấy mà! Ta với Khôi, anh em đã thề sinh tử uy hoạn có nhau, khi nào ta quên? Nhà người trở về Đồng Nai, nói rõ ý ta cho Khôi biết nghe. Cứ nói là ta còn đánh binh triều ở Bắc Hà này để làm thanh viện cho hấn trong Nam; ta đánh cho tới khi thành công hay là cái đầu này rụng mới thôi.

Quả nhiên, Vân giữ lời hứa, chỉ lánh sang Tàu độ một tháng, lại trở về củ hợp đồng chí, chống cự triều đình suốt cả năm Ngọ, giết hại binh triều không biết bao nhiêu nữa. Cho đến tháng ba năm Mùi, thể cùng lực kiệt, vẫn không chịu ra hàng, ẩn núp trong mộ khu rừng, đành để binh triều phóng hỏa đốt rừng mà chết. Đó là chuyện sau, nhưng chúng tôi muốn nói tắt như thế cho các ngài biết chung cuộc của Vân ngay ở đây, vì sau này không phải nhắc đến nữa.

XIV. HAI CON HỔ CÙNG CHẾT

Chúng ta đã biết sau khi hai mặt thủy lục cùng tiến, rầm rộ đánh vào mé tây xứ Nam kỳ, đại tướng quân Nguyễn Văn Trọng vâng lệnh triều đình, chia bớt số quân đang vây thành Phiên An cho tướng quân Nguyễn Xuân và tham quân Trương Minh Giảng đem xuống ngăn giữ ngoại địch ở mặt Hà Tiên Châu Đốc.

Tuy thế, vòng vây Phiên An không vì sự cầu véo ấy mà lỏng ra tí nào.

Chỉ có đại tướng quân Nguyễn Văn Trọng phải bận việc hơn và nặng lo thêm: ông sợ rằng Khôi thừa cơ chạy vượt ra mất, thì triều đình không để cho cái đầu bạc còn dính trên cổ, mà thanh danh mình làm quan làm tướng mấy chục năm, nhất đán tằm bùn bôi nhọ.

Bởi vậy, ngày đêm ông phải thân hành đốc chiến và tuần phòng luôn luôn. Không hở giây phút nào trong trí ông không quay cuồng hai ý nghĩ tha thiết: hoặc phá vỡ Phiên An bắt sống được Khôi là hay nhất, hoặc mưu kế làm sao dỗ nó ra hàng cho mau. Hai việc cầu lấy được một, để lập đại công với triều đình, không thì nay mai Nguyễn Xuân phá được giặc, chẳng hóa ra mình thua tài một viên phó tướng, còn gì là thể diện?

Hôm ấy, bóng đã xế trưa, ông mới trở về bản dinh ăn cơm tắt tả qua loa, vừa toan bước ra cửa dinh lại đi đối chiến, bỗng thấy hai tên bộ hạ theo sau một người thiếu nữ tuyệt đẹp, ung dung tiến vào.

Nét mặt lo nghĩ đổi hẳn, ông nhìn người thiếu nữ một cách hớn hở tươi cười hai con mắt nảy ra hào quang thèm muốn vô hạn. Trong

khi nàng và cả hai người lính chưa kịp nói gì, ông vẫy một người lính đến khít bên mình rầm rì hỏi nhỏ:

- Của quý ở đâu thế mi?

- Bẩm chúng con dẫn tới hầu cụ lớn! Chú lính nói và cố mím miệng để dấu nụ cười.

- Thế sao đêm qua bay không dẫn cái cô này đến cho tao, để gọi con yêu tinh quý sứ kia đến giờ tao còn thấy tởm?

- Bẩm, người này bây giờ chúng con mới bắt gặp...

Chú lính nói chưa hết lời, thực sự cụ lớn đã vồ vập chặn ngang, vì trong ý màng tưởng thế khác:

- Được đấy! Hãy tạm ký một nhà nào trong xóm, đến tối sẽ hay.

- Bẩm cụ lớn, người này ở trong thành trèo ra, tự xưng có quốc gia quan trọng muốn đến yếu kiến cụ lớn, cho nên chúng con áp dẫn đến trình.

- Ở trong thành Phiên An trèo ra?

- Thừa vâng!

- Thằng chó! Sao mày không nói trắng ngay lúc nãy?

Ông lườm chú lính với vẻ hằn học kín đáo, ta có thể giải nghĩa ra thế này: “Mày làm ông hộp tộp mắc lõm, để chốc nữa ông cho một trận”. Tức thời, ông trở lại sắc mặt nghiêm trang của một bậc thượng tướng, đồng dặc hỏi người con gái mới đến:

- Con bé kia đến có việc gì?

- Thừa, con là người của Lê Văn Khôi, có bức thư đệ trình cụ lớn.

Nàng nói và lấy bức thư trong túi ra, hai tay thận trọng đặt vào tận tay ông. Da thịt bàn tay nàng như có sóng điện mát rượi, làm ông thấy rùng mình. Mắt ông không nhìn bức thư, mà chăm chú nhìn vào gương mặt hồng hào kiều mị của người đưa thư; nhất là hai hồ mắt gợn sóng hữu duyên, như muốn lôi cuốn ông chìm lìm.

Ông mở bức thư ra xem; không biết nội dung nói những gì, người bàng quan nhận thấy gương mặt ông qua mỗi hàng chữ thêm vẻ hân hoan tươi tắn lên một tầng. Xem thư xong, ông đắc ý cười khúc khích một mình, rồi hô lính kéo ghế mời thiếu nữ ngồi.

Mọi người tả hữu mỉm cười đưa mắt với nhau, chả hiểu ra thế nào. Một bức đại thần thượng tướng, hách dịch nghiêm khắc như ông, mà lại mời ngồi một kẻ đem thư của tên tướng giặc, họ lấy làm lạ.

Nhưng đây là ông lấy tư cách một người tuy già mặc lòng còn biết yêu chuộng cái đẹp tặng một pho tượng hóa công tuyệt đẹp lên ghế mà nằm nghỉa, tỏ mình yêu đẹp, chứ không phải quan thượng tướng triều đình mời kẻ đem thư của tướng giặc đâu.

- Cô em năm nay bao nhiêu tuổi? Ông niềm nở hỏi sau khi thiếu nữ đặt mình trên chiếc ghế đầu một cách tự nhiên, không có vẻ gì e lệ, khúm núm.

- Bẩm, con 19 tuổi ạ! Nàng đáp chững chạc, tỏ ra người mạnh dạn lanh lợi.

- Nhưng cô với Lê Văn Khôi là thế nào? Chắc là thân thuộc?

- Vâng, ông Khôi là bậc thúc bá chí thân của con.

- Sao hắn ta không sai người nào đem thư, lại phiền cô làm vậy?

- Xin cụ lớn xét cho: vì con là người thân tín, mà công việc này phải ủy thác cho người thân tín mới được.

- Ủ, có lẽ thế! Nguyễn Văn Trọng gật gù nói, trong khi cặp mắt dán vào nhan sắc nàng, không ngưng không chớp. Vậy hắn ta định dâng thành quy phục thật chứ?

- Thừa tình thế bắt buộc phải vậy.

- Là vì...?

- Bẩm, vì lẽ thứ nhất là tuyệt lương; trong thành mấy hôm nay cạn hết lương thực, quân gia phải lột vỏ cây, đào rễ cỏ mà ăn, nông nổi khổ sở cực điểm. Tuy thuốc súng hãy còn, nhưng người ta chẳng nhai nó mà có sức khỏe đánh trận được. Hai nữa là vì tự nghĩ hối hận, không thể nào chống nổi triều đình, chỉ bằng bó tay quy thuận sớm ngày nào đỡ sự tổn hao vất vả cho trăm họ ba quân ngày ấy. Có điều mọi sự mong nhờ cụ lớn che chở hộ bác Khôi con được nhẹ tội với triều đình phần nào, tức là chúng con được nhờ phúc đức cụ lớn phần ấy.

Nàng nói với giọng âu sầu, lại rơm rớm nước mắt khiến Trọng cũng phải mũi lòng.

- Phải chứ! Quy phục triều đình sớm đi là phải; kháng cự mãi chỉ luống công vô ích mà thêm nặng tội. Được, ta sẽ bảo tâu triều đình châm chế cho Khôi... Còn cô, ý hấn cũng mong như thế, để tìm chỗ nương dựa tấm thân, chứ xuân xanh vui dập trong vòng binh lửa, chẳng uổng phí một đời ư?

Trọng vừa nói vừa cười, thích ý nhất là khi được nghe nàng trả lời:

- Cụ lớn sinh phúc, chúng con nguyện làm tì thiếp để báo bổ đại ân.

- Nhưng trong thư Khôi viết, sao không ấn định ngày giờ và cách thức nộp thành thế nào? Ông hỏi lại.

- Bẩm, chỗ đó bác con dặn miệng để thưa với cụ lớn thế này... Song việc quân cơ mật, xin cho tả hữu lui ra, con sẽ nói hết.

Ông ra hiệu cho tả hữu lui đi, rồi nàng nói tiếp:

- Bác con quyết hàng, và muốn hàng ngay, nhưng trong tướng tá bộ hạ có một số khăng khăng quyết đánh tới cùng, sống chết không kể. Với họ, nói chuyện nghĩa lý thế nào cũng vô ích chỉ có cách chặt đầu làm thịt mới xong. Bác con đang bí mật sắp đặt việc ấy, cho nên sai con đem thư trình cụ lớn trước và xin ước hẹn thế này: chậm lắm là ba hôm, bất cứ giờ khắc nào, tự tay bác con trừ được bọn khánh mệnh ấy càng tốt, không thì cũng thừa dịp mở cửa Tuyên Hóa và đốt lửa làm hiệu, chừng ấy cụ lớn cứ khua đại binh tiến thẳng vào thành, rồi nội ứng ngoại hợp, tất việc xong ngay. Cụ lớn nghĩ thế nào?

Nguyễn Văn Trọng trầm ngâm giây lát rồi hỏi gạn:

- Quái! Lê Văn Khôi vốn là đầu đảng, mà sự hàng hay đánh, lại không sai bảo được các tướng à?

Nàng cười rất mơn trớn:

- Con đoán trước thế nào cụ lớn cũng đặt câu hỏi ấy. Chẳng qua cụ lớn chưa rõ nội tình vòng vây, lâu nay hỗn độn lạ thường, bác còn tưởng là đầu đảng mà vì nhu nhược, để nhiều tướng tá bộ hạ hiếp chế, lấn quyền, lắm nỗi bức dọc, đây cũng là một cơ khiến bác con muốn hàng phục cho sớm.

- Thế thì mưu định của Khôi chắc như lời cô vừa nói?

Vâng, nếu cụ lớn còn nghi ngại gì, tướng cũng không khó giải quyết: bản thân con xin ở lại đây làm tin.

- Ô! Được thế thì còn nói gì!

Ông mừng thầm về chỗ nàng tự nguyện ở lại làm tin: mừng vì một hy vọng gì khác hơn là quân sự. Nhưng nàng lại thêm ngay:

- Chỉ hiềm, nếu con ở lại thì không ai đem tin cho bác con biết cụ lớn đã chuẩn y mật ước, mà để cụ lớn sai kẻ khác đi thì lộ chuyện ra mất. Chi bằng cụ lớn cho phép con được làm nhiệm vụ này trọn vẹn đến nơi đến chốn, rồi hôm cụ lớn vào thành, con xin đến tạ ơn, trăm sự nhờ cụ lớn bao dung che chở.

Lòng hiếu danh cao hơn hiếu sắc, ông Trọng lấy làm tiếc phải tán thành:

- Ủa! Cô không về thì ai đem tin? Đợi ta viết mấy chữ phúc đáp, cô đưa về bảo Khôi y ước thế nghe!

Thiếu nữ đợi lấy phúc thư, tươi cười từ giã, rồi thót lên mình ngựa, phóng về cửa thành.

Không ngờ giữa đường gặp Thái Công Triều, nàng nhanh trí khôn, nghiêng nón che mặt, nhưng cũng đã bị cặp mắt gian hùng nhìn rõ.

Công Triều gia roi tể ngựa, thẳng đến viên môn yết kiến Nguyễn Văn Trọng; sau khi thủ lễ kính chào bề trên, lời nói trước hết là lời bắt nọn:

- Quan nguyên soái vừa mới tiếp kiến người ở trong thành sai ra?

- Sao nhà ngươi biết? Trọng hỏi lại bằng vẻ mặt sừng sốt?

- Người ấy là một thiếu nữ?

- Anh này là ma xó chắc!

- Tiểu tướng không hiểu giặc Khôi cho mỹ nhân ra nói với quan nguyên soái chuyện gì, nhưng có điều biết chắc là chuyện ấy bất lợi cho triều đình.

- Nhà ngươi tin tưởng như thế?

- Thừa vâng! Nếu không phải là chuyện đáng giữ bí mật, xin quan nguyên soái cho tôi biết đại khái có được chăng?

- Được, ta đang tính hỏi ý kiến nhà ngươi đây.

Đoạn, Nguyễn Văn Trọng kể cho Thái Công Triều nghe việc Khôi gửi thư tình nguyện làm nội ứng để dâng nộp thành trì hàng phục triều đình.

Công Triều chắt lưỡi và thở dài hai ba lần trong khi nghe Trọng thuật chuyện.

- Vậy quan nguyên soái đã nhận lời ước hẹn với Khôi, hễ lúc nào thấy trong thành báo hiệu thì ta dẫn binh tiến vào? Triều hỏi.

- Chứ sao! Trọng đáp ra vẻ cương quyết. Nhà ngươi tính xem quân lính ta vây thành mấy tháng này chỉ có tổn hại, chứ không tiến được phân tấc nào; nay nhờ hồng phúc Hoàng thượng mà Khôi biết tự hối và xin quy hàng, thế là may mắn lắm, còn chẳng nhận lời thì sao? Không thế thì mùa mưa sắp đến, quân lính khổ sở về dầm nước lội bùn mong gì đánh chắc lấy lại được thành Phiên An!

- Quan lớn đã nghĩ kỹ chưa?

- Ta nghĩ kỹ lắm rồi.

Không dám đương diện chê bai quan trên, Công Triều làm bộ ủ rũ mày mặt và khóc rung rức, bắt buộc Trọng phải kinh ngạc, hỏi:

- Ô kìa! Tại sao nhà ngươi khóc?

- Bẩm, tôi thấy quan lớn có lòng thương hại quân lính cực khổ mà cảm động quá, bất giác nước mắt tuôn ra... Công Triều lấy vạt áo chùi mặt và nói.

- Bởi thế, ta càng căm quyết hiệp mưu với Khôi, để kết thúc cuộc loạn này cho chóng... Hay là nhà ngươi có sở kiến bất hợp thể nào, cứ việc nói thẳng đi?

- Bẩm quan lớn cho phép?

-Ừ, nhà ngươi biết Khôi rõ lắm, hoặc trong sự nó xin hàng, có ẩn gian kế gì chăng?

- Thưa, quả có thể. Quan lớn chưa rõ Khôi là người độc đoán và rất được lòng bộ hạ; chẳng khi nào Khôi có một lệnh truyền, một ý muốn, mà bộ hạ nó chẳng nhắm mắt cho vâng lời răm rắp. Nay nó viết thư ra cho quan lớn, ngỏ ý muốn hàng, nhưng còn có một phần bộ

hạ kháng mệnh, nó xin thừa dịp mở cửa thành, làm nội ứng, để binh triều tiến vào; tôi tưởng đấy là một gian kế, lừa cho quân đội ta vào nửa chừng, thì đổ ra đánh, e không còn ai sống sót được với nó. Ban nãy tôi khóc, thực tình là khóc mấy nghìn quân sĩ ta sắp bị làm thịt ở chân thành Phiên An vậy. Nhất là lực lượng Khôi còn mạnh lắm, đã suy chuyển gì đâu mà phải xin hàng? Chỗ đó thật là đáng nghi!...

Nguyễn Văn Trọng như người mơ ngủ mới tỉnh, vỗ vai Công Triều:

- Nhà ngươi nói phải! Tí nữa ta làm cho ba quân sa vào cạm bẫy gian tặc, tội lỗi không nhỏ.

Thấy mình chẳng thế, Công Triều hơn hờ:

- Bẩm, lần này là lần thứ hai, tôi biến mưu kế giúp nguyên soái khỏi làm lỡ việc quân, vậy xin ngài nhớ ghi công hộ tôi để mai sau triều đình châm chế cái tội theo giặc lúc trước.

- Được! Được! Ta không quên công lao nhà ngươi đâu. Chốc nữa ra viết sớ tâu về triều đình ngay.

Nguyễn Văn Trọng yên ủi cho qua chuyện thế thôi, không hề bảo tâu hộ Thái Công Triều một lời nào: vì ông vốn hiếu thắng, che lấp công lao kẻ dưới, triều đình cao xa có biết chỗ ấy đâu.

- Tuy nhiên có một điều nghĩ mà đáng tiếc ! Công Triều dậm chân và nói.

- Còn điều gì nữa? Trọng hỏi.

- Đáng tiếc quan lớn thả cho con bé đem thư đi mất.

- Ô! Ban đầu ta nhận lời ước hẹn của Khôi kia mà, tự nhiên để nó trở về thông tin... Vả lại nó là một đứa con gái hèn yếu có đủ khinh trọng gì mà tiếc.

- Chết nỗi! Quan lớn chưa biết con ranh ấy thế nào ư? Khôi chẳng sai ai đem thư mà sai nó, là có dụng tâm đáo đê. Chính nó độ trước dám đến tận Mô Xoài, dùng mọi nhan sắc tí nữa đâm chết Tổng Phúc Lương đấy.

Trọng nghĩ thầm, hơi có ý then, cúi mặt và nói:

- Thật ư?

- Vâng, nếu giữ con ranh ấy lại, ta khéo dễ dành hoặc làm oai tra tấn, thế nào cũng dò biết nội tình của giặc không ít.

Trọng thét gọi hai tên lính áp dẫn lúc này:

- Hai đứa bay tức tốc đuổi bắt con bé ấy lại đây cho tao, sống hay chết cũng được.

Hai người lính đi một chặp, trở về bẩm rằng không đuổi kịp, con bé ấy đã leo thang dây lên đến mặt thành mất rồi.

*

Độc giả thừa đoán người thiếu nữ đem thư ra lệnh lừa Nguyễn Văn Trọng không phải ai lạ, tức là cô Tần.

Vòng vây tuy chặt như nêm cối, nghĩa quân trong thành Phiên An vẫn có tai mắt để ở bên ngoài. Sự động tĩnh của họ ở trong có lẽ binh triều không biết; nhưng từ chân thành trở ra cho đến mấy trăm dặm chung quanh, mỗi sự động tĩnh ở ngoài đều có kẻ đưa tin cho họ biết cả.

Mặc dầu bộ binh Nguyễn Văn Trọng canh gác rình mò nghiêm ngặt, đêm khuya thường có mũi tên hay hòn đá bí mật vùn vụt bay ngang trên đầu binh triều mà vào trong thành. Cố nhiên mũi tên hòn đá ấy chẳng phải đi không; nó buộc hoặc gói một tờ giấy bản, tức là bức thư thông tin.

Một hôm, ở phía Câu Bông giữa ban ngày có mấy đứa trẻ đem điều bướm bướm ra thả chơi. Dăm sáu cậu lính Huế ở trong cơ binh phòng thủ một chiến lũy gần đấy, chắc là buồn tình, rủ nhau ra chơi điều. Các cậu rưng mỡ, tuôn mãi với trẻ cho vui buông dây ra cho điều bay lên cao tít. Bỗng dưng đứt dây, con điều rơi vào trong thành Phiên An mất. Đứa trẻ có điều tiếc của, lăn khóc bù lu bù loa, kêu réo âm ỉ:

- Tôi bắt đèn đây nào!... Phải vào thành lấy điều trả lại cho tôi nào!

- Tại mi chứ tại tao à? Một cậu lính nạt nộ nó buống, toan bẻ cả vú lấp miệng em.

- Cậu nói ngang quá ghẹ. Mặc kệ chúng tôi chơi bời với nhau có được không? Ai bảo mấy cậu tuôn mãi dây cho đứt mất điều tôi? Hu!... Hu!... bắt đèn đây nào!

Nó càng khóc càng thảm, càng gào càng to; các cậu lính sợ đến tai trưởng quan biết, sẽ bị trừng phạt vì bỏ chiến lũy đi chơi, đành bảo nhau chung góp bốn tiền để bồi thường đứa trẻ có điều cho xong chuyện.

Các cậu có ngờ đâu chính nó bấm đứt dây cho con điều rơi đúng vào trong thành Phiên An? Nó tức là một thám tử của quân giặc, cốt thả điều để báo tin; trên giấy phát điều viết chữ chi chít, nhưng không phải giấy lộn sách cũ, kỳ thực là một bức thư của bọn làm tai mắt bên ngoài, thông tin khẩn cấp cho Khôi biết.

Đây là một trong nhiều mưu chước ranh mãnh của cánh Gia Định trong ngoài mách báo tin tức với nhau, thành ra nhất cử nhất động ở ngoài vòng vây thế nào, họ ở vào cảnh cá chậu chim lồng, nhưng không chịu mất đuôi tai điếc.

Còn lương thực thì có hai ba con nước ở ngoài thông vào trong thành, nhất là rạch Thị Nghè và cái rạch thẳng đường Charner ngày nay, người ta đã lấp đi, cho nên có tên gọi con đường ấy là đường Kinh lấp.

Cũng thừa đêm khuya, bọn ở ngoài vẫn đưa thóc gạo mắm muối tiếp tế cho quân Gia Định, mặc dầu thủy sư Trần Văn Năng không giây phút nào không tuần phòng chặt chẽ.

Bọn ấy hầu hết là dân đạo, có cảm tình thân mật với bọn Khôi và bất bình vua Minh Mạng hành hạ tôn giáo.

Nhờ thế mà bao nhiêu chiến sĩ và dân cư trong thành không thiếu lương thực, cho tới tướng Chắt Tri tiến công Hà Tiên Châu Đốc thế nào, binh triều phải chia bớt lực lượng thế nào, Khôi cùng các bạn đồng chí nhận được tin tức hằng ngày, không bằng cách nọ thì cách kia, khiến họ như được mục kích vậy.

Lúc được tin Chắt Tri đến Hà Tiên, Châu Đốc rồi, Khôi vui cười hăng hái, trong ý nảy ra một chiến lược cực mạo hiểm: chia quân làm hai, một nửa ở lại giữ thành, còn một nửa theo mình liều chết đánh phá vòng vây xông ra, để tiếp ứng binh Xiêm. Nhất là chọn đường cứu viện của quân triều từ Đàng ngoài vào; đồng thời thu phục lấy thanh thế mình đã mất ở Lục tỉnh.

Nhưng phần đông chư tướng không tán đồng chiến lược ấy.

- Tại sao? Khôi quát mắt, hỏi.

- Chúng tôi tưởng không nên tháo thứ Đặng Vĩnh Ứng và Tăng Vô Ngại cùng trả lời, thay mặt phần đông chủ trương dè dặt... Ta nên đợi xem quân Chât Tri tiến thủ thế nào sẽ hay.

Khôi nhăn mặt thở dài:

- Chết nổi! Các ông tính nước há miệng chờ sung thế thì hỏng bét. Một người khoanh tay ngựa hòng ở dưới gốc sung, chỉ trông sự may rủi, quả nào rơi tọt giữa miệng mình mới được ăn. Không may nhằm phải quả ung, quả thối cũng phải nhắm mắt mà nuốt, quyền lựa chọn miếng ngon không ở nơi mình. Vì sao? Vì mình chẳng muốn tốn công dùng sức cũng trèo lên cây như người ta, tự nhiên phải chịu như thế...

Ai nấy lẳng lặng ngồi nghe, có vẻ tư lự. Khôi nói tiếp:

- Việc đời, tự mình chẳng muốn nhọc hơi tí nào, nhất nhất trông đợi vào người ta, tình cảnh đại khái cũng thế. Chúng ta với Chât Tri đến cứu viện, thật là một sự vạn bất đắc dĩ. Cũng rắn cắn gà nhà nên lấy gì làm vui! Nói thật, họ mong đợi về thổ địa mà kéo binh sang đây thôi, bản tâm chẳng vì có cảm tình thương xót gì anh em ta. Mà dầu có phải thương xót cứu viện ta đi nữa, tự ta càng nên hoạt động mạo hiểm, để chỉ tỏ cho họ trông thấy mình dám hi sinh kiệt lực, tự lo lấy việc mình hơn là hoàn toàn trông cậy vào người. Không thế thì một mai họ thành công muốn thí cho ta phần nào ta được phần ấy, mà ta không phần nản gì được; bởi ta chỉ khoanh tay trông họ làm giúp mà! Ví dụ nay mai cả xứ Chân Lạp và Nam Kỳ về tay quân Xiêm, dễ thường họ chấp tay mời chúng ta ở trong thành Phiên An kéo ra để nhận lấy đất, rồi họ rút về tay không đấy ư? Các ông thừa biết không có khi nào như thế. Chừng ấy, chẳng qua mượn sức giặc nọ đuổi hộ giặc kia, anh em ta không chắc được hơn chút nào, lại còn mang tội với đất nước ông bà nữa là khác...

- Thừa đại ca, mang tội với đất nước ông bà thế nào? Hoàng Nghĩa Thư lấy làm lạ, hỏi.

- Mang tội cũng rắn cắn gà nhà, rước voi về dầy mả chứ sao! Khôi đáp và nói tiếp. Bởi đây ta muốn mạo hiểm phá vòng vây ra, một là tỏ cho quân Xiêm biết ta có lực lượng và dám hy sinh đến phút cuối cùng, hai là làm thế ỷ gốc với họ; ba là cản trở họ luôn thế họ

muốn xâm phạm dân Chân Lạp thế nào mặc ý chứ ta để mặc nửa tắc đất Lục Châu cũng không được. Các ông nếu chịu dòm xa nghĩ rộng như tôi, chắc hẳn đồng ý?

Chư tướng rầm rì với nhau, chịu là nói phải. Đặng Vĩnh Ưng thay mặt anh em, bày tỏ ý kiến.

- Đại Nguyên Soái mới nói đây là lý; kể lý như thế thật đúng lắm rồi, chúng tôi không còn đặt lời bài bác vào đâu được nữa. Nhưng việc đời không riêng có lý mà thôi, còn phải tùy thế. Hiện nay ngài muốn thân dẫn một vài nghìn tử sĩ, xông phá vòng vây thật là một việc làm tráng liệt! Nhưng ngài có xét rằng binh triều đang vây ngoài thành kia thừa sức ăn tươi nuốt sống vài nghìn tử sĩ của ta không?

- Máy hôm nay Nguyễn Văn Trọng không phải chia bớt binh lực đi xuống Hậu Giang án ngữ ư? Khôi hỏi:

- Vâng, tôi đã dò biết binh số giải vây đi theo Nguyễn Xuân và Trương Minh Giảng, độ tám chín nghìn người! Nguyễn Kiều đáp:

Tăng Vô Ngại xen vào:

- Ta nên nhớ binh triều vây ta mấy tháng nay ngót hai vạn người, chưa kể thủy sư. Dù họ có đem đi nơi khác một vạn chẳng nữa, ở đây cũng còn một vạn người hay non non số ấy để cầm giữ ta. Chắc gì một vài nghìn tử sĩ của ta phá nổi vòng vây?

Nói cho già giận mà nghe: ví dụ nguyên soái với một vài nghìn tử sĩ ấy phá vòng vây ra được, Nguyễn Văn Trọng khôn ngoan, để mặc cho đi, bây giờ hãy tận lực hãm thành, binh ta còn lại trong thành, chắc không đủ chống giữ được nào. Sau khi hắn chiếm được căn bản ta rồi, sẽ khua đại binh đi theo chân tiểu trừ nguyên soái, thì chẳng mấy hơi. Lúc ấy căn bản đã mặc, bốn bề không nữa, hắn ngài chỉ còn có nước chót là nhập với quân Xiêm hay bó tay chịu tội với triều đình, dù muốn làm chủ một thành Phiên An cũng chẳng được nữa. Ngài nghĩ mà xem: sự mạo hiểm không chắc có lợi mà chỉ có hại. Anh em chúng tôi chỉ mong thành việc, chứ không phải sợ chết đâu!

Chư tướng đồng thanh phụ họa:

- Tiên sinh nói phải. Nén sự mạo hiểm mà có ích cho việc chung, tất cả tướng sĩ xin theo nguyên soái, dù chết cũng cam. Bao nhiêu lâu

nay, hằng giờ hằng phút chúng tôi vẫn tươi cười đón rước cái chết! Nghe họ Tăng mấy lời đề tỉnh về chỗ bình lực quá ít, không cho sự mạo hiểm được mấy may kết quả, Khôi bỗng giựt mình, ngồi thừ suy nghĩ; một lát mới nói:

- Vậy thì bây giờ nên làm thế nào? Chả lẽ chúng ta khoanh tay bó gối, tọa quan thành bại của Chắt Tri; bề nào ta cũng phải hoạt động mới được chứ!...Giờ các ông nghĩ cho tôi một hạ kế xem nào?

Trong khi chưa ai kịp ngó ý kiến, Khôi nói tiếp:

- Hay là ta làm kế trá hàng; Tăng tiên sinh nghĩ sao?

- Kế trá hàng ấy thế nào, xin nguyên soái cho biết? Tăng hỏi.

- Ta viết thư thông thiết cho Nguyễn Văn Trọng, bịa chuyện ra nói rằng bây giờ trong thành chúng ta đã mệt mỏi, sắp sửa tuyệt lương, tướng sĩ đã chia rẽ nhau, kẻ quyết hàng, người vẫn muốn đánh. Tôi giả đồ là người chủ hàng, vì đã ăn năn hối hận, giờ tôi gửi mật thư ra ước hội với Trọng, tình nguyện làm nội ứng cho binh triều vân... vân... Chủ ý là gạt họ tiến vào thành, ta mai phục mà triệt cho một trận thật toại bời, khiến lực lượng họ phải giảm đi, bây giờ ta sẽ đột vây mà ra, tự nhiên vô ngại. Tiên sinh liệu xem Trọng có bắt mối ấy không?

- Nguyên soái tưởng miệng hấn ta hãy còn hôi sữa chắc! Tăng Vô Ngại cười và đáp. Hấn lão thành chinh chiến, vị tất đã bắt mối trá hàng của mình đâu. Có điều ta cứ nên thí nghiệm, lão già ấy họa lai thần âm, mắc mớ không biết chừng! Vả lại gửi một bức thư cũng chẳng tổn hại mất mát gì; nguyên soái thử làm kế này xem, nếu không thành, tôi sẽ hiến một kế khác, chưa muộn.

- Vậy nhờ tiên sinh viết cho bức thư ấy đi, lời lẽ phải khôn ngoan tha thiết, mảy ra mới như được cộp đến chỗ sa hầm.

- Vâng, tôi xin thảo ngay.

Tăng nói rồi lấy giấy bút viết thư trá hàng trong lúc Khôi mời mọi người bàn soạn cách thức mai phục.

Viết xong, Tăng đọc lại cho mọi người nghe. Phần tướng sĩ biết chữ, đều trầm khen ngợi từ khéo văn hay, cho rằng ngày xưa tướng Hoàng Cái ở Đông Ngô viết thư trá hàng, sai Hàm Trạch đem đi, gạt Tào A Man vào trận Xích Bích, âu cũng đến thế.

Tăng gật gù vừa hỏi vừa cười:

- Với bức thư này, tôi chắc được năm phần cảm dỗ lòng tin của Nguyễn Văn Trọng, nhưng còn năm phần nữa quan hệ ở người đem thư... Ai đóng vai Hàm Trạch hộ chúng ta được bây giờ?

Lưu Tín và Trần Văn Tha cùng đưa tay lên ra hiệu xin đi.

- Hai ông ra trận chém tướng thì giỏi, nhưng đi việc này không được đâu!

- Tùy ý tiên sinh lựa chọn nên khiến ai đi; Khôi nói. Có lẽ trong hàng tướng sĩ ta không có lấy một người đóng vai Hàm Trạch được khéo hay sao?

- Thật thế, nội đám anh em ta không ai dùng vào việc này được; Tăng ung dung trả lời. Vì tôi muốn rằng vai Hàm Trạch của ta phải là đàn bà thì hơn.

- Đàn bà? Khôi hỏi với vẻ sững sốt, trong ý thầm nghĩ họ Tăng cầu kỳ hiếu sự.

- Vâng, đàn bà; cần nhất là một thiếu nữ nhan sắc, lại phải có tài khẩu thiệt ứng biến, ấy thế mới khó.

- Tôi biết tính Nguyễn Văn Trọng hảo ngọt (hiếu sắc) lắm; phải thêm nhan sắc người ấy bỏ vào văn từ của tôi, có lẽ hẳn ta mới dậm lòng tin.

- Chết nổi! Trong thành bây giờ tìm đâu có của hiếm hoi ấy? Khôi chắt lưỡi nói một cách hậm hực than tiếc.

Có tiếng ứng thanh đáp ngay:

- Tôi có!

Mọi người nhìn ra Nguyễn Kiều.

Kiều mặc đi tuần thành, mới đến dự hội vào đoạn chót, nghe bàn tính mỹ nhân kế mà chưa có người, liền nghĩ đến cô em mình, cho nên ứng theo tiếng Khôi mà nói: Tôi có.

Đoạn, với giọng thành thực, Kiều tỏ mình có người em gái son trẻ, xét ra đủ những điều kiện mà hội đồng đang ao ước; thưở nay lại sốt sắng với công việc của nghĩa quân, có thể xem như một nữ đồng chí, nếu bây giờ nghĩa quân sai khiến, Kiều xin cam đoan rằng em

mình vui lòng phụng mệnh ngay, dù khó khăn nguy hiểm cách mấy cũng không quản ngại.

Khôi vui mừng tươi tỉnh:

- Có phải là cô em đã toan làm thích khách ở Mô Xoài độ nọ và hôm mới rồi lại thu phục được Trần Hạnh nhập bọn chúng ta đây chẳng?

-Thưa, chính phải! Kiều đáp.

- Nếu thế thì còn nói gì! Vậy ông làm ơn cho mời cô em đến ngay.

- Tôi xin thân hành đi gọi.

Kiều nói rồi tức tốc về nhà bảo cô Tần sửa soạn và dẫn đến sáy phủ. Khôi và Tăng Vô Ngại dặn dò cơ mưu, rồi trao mật thư cho nàng đi.

Đầu trống canh năm, người ta lựa một chỗ kín đáo, thả dây cho nàng leo ra ngoài thành.

Mon men gần đến đồn canh thứ nhất, nàng cố làm ra vẻ trốn lén bí mật, để cho tiền đội binh triều bắt được. Mấy cậu lính Huế thêm nhát, soi đuốc thấy người xinh đẹp, xúm lại thả lời chòng ghẹo và lăm le xâm phạm vô lễ. Nhưng không ai chịu nhường ai, bọn hàn định rút thăm chia phần kẻ trước người sau. Nàng cả tiếng nạt nộ:

- Nói cho các chú rờ hồn, không được hỗn láo! Tôi mang một việc quân cơ tốt bọc quan hệ trong mình, các chú phải hộ vệ tôi đến ra mắt đại tướng quân; nếu để lỡ làm đại sự, đến tai cụ lớn thì đừng có trách!

Mấy cậu nghe nói điếng hồn, bảo nhau đái nàng tử tế; sáng lại, chuyển giao cho đội hậu vệ, đưa nàng tới chỗ đóng dinh của Nguyễn Văn Trọng.

Chinh nàng đến trước mặt Nguyễn Văn Trọng đưa thư và hẹn ước nội ứng ngoại công thế nào, độc giả đã biết.

Lúc trở về trong thành, nàng kể lại công chuyện, ban đầu Tăng Vô Ngại và Khôi đã mừng, cảm chắc Nguyễn Văn Trọng phải trúng gian kế. Nhưng khi nàng nói tiếp rằng bận về, Trọng cấp cho một con ngựa cỡi đi, giữa đường gặp Thái Công Triều, nàng cố nghiêng mặt để tránh mà không kịp. Tăng giựt nảy mình, tự vỗ trán và nói:

- Thế thì hỏng rồi!
- Sao?... Sao?... Khôi nóng nảy hỏi dồn.
- Thằng cáo già ấy đang cần lập công chuộc tội với triều đình, tất là phá mất gian kế của ta, không để cho Trọng mắc mớ.
- Tôi vái trời làm sao bắt sống được thằng khốn nạn ấy, mỗ lấy gan nó mà ăn cho sướng! Khôi nghiêng răng nói. Vậy thì tâm cơ mình xếp đặt cơ mưu này kể như mất toi?
- Mười phần có lẽ hết chín nên coi như thế!... Tăng đáp.
- Hôm qua tiên sinh nói kế này bất thành, sẽ định kế khác; vậy là kế gì?
- Tôi trù nghĩa cầu viện một nước Tây dương. Nhưng hãy để nghe ngóng, nếu như quân Xiêm bất lợi bấy giờ sẽ tính. Lâm thời, chính tôi phải thân hành đi một chuyến mới xong.

Như điên như cuồng, Khôi đứng phắt lên, vừa đấm ngực vừa nói phẫn uất:

- Tức quá! Đại trượng phu làm việc không thành, bất quá chỉ có một chết... Đợi ngày thứ ba, nếu quả Nguyễn Văn Trọng không dám vào thành, thì tôi nguyện đem tất cả anh em chiến sĩ xông ra ngoài thành sinh tử với binh triều phen này, còn thì còn, mất thì mất, tiên sinh ạ! Một điều chắc chắn là không khi nào thằng Khôi này chịu để Minh Mạng bắt sống được nó!...

Khôi phẫn uất đến nổi vận máu lên hai mắt đỏ ngầu, rồi tức tốc phi ngựa ra mặt thành đốc chiến, hét gào quân lính rầm rĩ. Giá như lúc bấy giờ tướng sĩ cùng ồ lên một tiếng, tình nguyện liều chết đột vây, chắc Khôi mở cửa thành xông ra ngay, bắt kể sinh tử.

*

Ngày hôm sau, các tướng sĩ thay phiên nhau ra chiến lũy, trên gương mặt người nào cũng hiện vẻ lo nghĩ, buồn rầu, vì đại nguyên soái của họ nằm liệt trên giường trọng bệnh, xem thế mỗi giây phút một thêm gần đất xa trời.

Khôi đang hăng hái khỏe mạnh như trâu, bỗng dưng thụ bệnh nguy cấp tới chết, dường như có thiên ý muốn rút ngắn việc loạn Gia

Định cho mau kết liễu vậy. Có thuyết bảo Khôi bị thủ hạ đánh thuốc độc. Vô lý! Khôi rất được lòng tướng sĩ yêu mến, vả lại tất cả tướng sĩ đều hăm hở quyết chiến, không ai có ý chịu quy phục triều đình, vậy không có lẽ nào họ đi mưu hại người minh chủ mà ai nấy cùng đặt cảm tình và hy vọng. Chứng cứ là Khôi có mưu định kén chọn vài nghìn tử sĩ để theo mình đột vây đánh ra, trong khi lệnh ấy chưa truyền, mà hơn bốn nghìn quân lính còn lại trong thành cùng muốn tranh nhau ứng tuyển, không ai chịu nhường ai. Lòng quân như thế, mà bảo họ đầu độc chủ tướng, thật là trái ngược.

Sự thật khác hẳn.

Nguyên chiều hôm trước, cũng như mọi khi, Khôi ăn cơm xong, liền phóng ngựa ra mặt thành đốc chiến. Khôi đứng nhìn kỹ trận thế và đồn lũy quân triều, thấy thừa thớt, lẻ tẻ, lũy nọ phân cách lũy kia hơi xa, không có vẻ dày đặc như cũ. Trong ý Khôi định chắc Nguyễn Văn Trọng lại phải chia thêm binh lực xuống Hậu Giang đối địch quân Xiêm, thế tất lực lượng ở vòng vây đã mỏng đi nhiều, ta đem vài nghìn tử sĩ, đột nhiên đánh ra, có thể phá được. Bởi vậy Khôi càng cương quyết trong trí cái mưu đột vây, nhất định thực hành trong mai mốt. Nguyễn Kiều đứng bên cạnh, Khôi trở tay về phía đầm ruộng sinh lầy và nói:

- Ông xem quân địch sợ hãi lội bùn đắm nước, cho nên phòng thủ lơ thơ mặt này, ta sẽ khua binh ra cửa hậu rồi chia làm hai, đánh bọc tới mặt tiền, xuất kỳ bất ý, chắc phá vỡ quân địch như chơi, mà bắt sống được Nguyễn Văn Trọng cũng nên.

- Vâng, ý tôi cũng...

Nguyễn Kiều muốn nói ý mình cũng nghĩ việc mạo hiểm đột vây lúc này là phải, mười phần có đến sáu bảy may mắn thành công. Nhưng mới nói được bốn tiếng, bỗng thấy Khôi như choáng váng mày mặt rồi ngã vật mình sượt dưới đất, mắt trắng giã, bọt miệng sùi ra, bất tỉnh nhân sự.

Kiều sợ hoảng thất sắc, độ chừng Khôi trúng phải gió độc, lập tức hô quân sĩ xúm lại khiêng về đại dinh, lấy dầu bạc hà thoa bóp và sắc nước gừng đồ cho, một lúc sau Khôi mới hồi tỉnh.

Đặng Vĩnh Ứng biết thuốc, chạy tới xem mạch, bảo Khôi chỉ bị cảm xoàng, để uống một vài thang thuốc thì bình phục.

Nội đêm ấy, do lỡ trống ở rạch Thị Nghè, Đặng thông tin với tai mắt bên ngoài, trao đơn thuốc cho một người tín cẩn, bảo hẩn chạy vào Chợ Lớn bốc thuốc đem về. Hiệu thuốc Tế sinh của chú Dềch trong Chợ Lớn, nửa đêm có tiếng gõ cửa, hỏi rõ là bốc thuốc cho Đại nguyên soái Lê Văn Khôi, chú niềm nở bốc ngay, không dám tính tiền, lại gửi thêm một cân sâm Cao Ly để kính biểu nữa. Thế cho biết thương khách ở Chợ Lớn lúc bấy giờ, bề ngoài tuy sợ uy lực triều đình, thường tỏ sự cung kính Nguyễn Văn Trọng, nhưng bề trong vẫn giữ cảm tình với nghĩa quân trong thành Phiên An.

Gần sáng, nhận được thuốc và sâm đưa vào, Đặng Vĩnh Ưng vội vàng đến đại dinh, tưởng chắc sẽ thấy Khôi đang nằm ngủ yên ổn ngon giấc. Không ngờ khi để tay lên mình Khôi, thấy nóng như lò lửa, mà lay gọi mấy cũng không thưa; Đặng soi đèn thấy những quầng đen lấm tẩm nổi lên khắp cả mình mẩy, bất giác kinh khủng, nắm lấy cổ tay bắt mạch.

Đặng án mạch giây lát bỗng biến sắc mặt, thở dài và khóc mếu:

- Trời đất ơi! Nguyên gốc chỉ cảm xoàng, sao bây giờ biến chứng ghê sợ thế này?

- Hay là tại chỗ nằm này không được kín gió? Tăng Vô Ngại và mấy viên tướng có mặt ở bên giường bệnh, cùng nói.

- Không phải tại gió; Đặng trả lời. Có lẽ tại nước, làm cho thành chứng ban của mà lại nhập lý rồi đây mà!

Đặng nói rồi gọi giạt tên lính hầu cận của Khôi:

- Giáp! Lúc này ông mầy có tắm nước lạnh không?

- Bẩm có! Giáp vừa nói vừa run.

- Chết nỗi! Sao mầy không khuyên, lại để cho ông tắm!

- Nào con có biết! Lúc nửa đêm, quan lớn tỉnh táo như thường, truyền lệnh bãi hầu, cho con đi ngủ. Con nằm một chập, nghe tiếng dội nước ầm ầm, chắc hẩn ngài tắm, con đâu có dè!

Quả thật, lúc chập tối, sau khi hồi tỉnh, Khôi thấy mình hơi nóng hâm hấp, lấy làm bức bối, suy nghĩ nếu mình đau ốm nằm liệt mãi đây, thì công việc quân gia trận mạc làm thế nào. Quen như mọi lần, hễ gặp cơn sốt hồ nổi lên, cứ tắm nước lã chân đi, tức thì cơn sốt

chạy mất. Bởi vậy, lần này nằm đến nửa đêm, Khôi vùng dậy ra sân dội nước tắm. Tắm vào một lúc, người phát nóng như lửa, đến lúc Đặng đem thuốc vào thì Khôi đã mê man, không biết gì cả.

Đặng lại soi đèn, vạch miệng kéo lưỡi ra xem, lắc đầu và nói:

- Khô quá! Số mệnh nhất định cướp người minh chủ của anh em ta rồi, các ông ạ!

- Ông xem bệnh tình nguyên soái nguy kịch đến thế kia ư? Chúng tướng hỏi.

- Chứ còn gì nữa! Đặng nói. Các ông xem thương hàn đã nhập lý, mà lưỡi đen thế này, có mà trời cứu. Chúng ta nên lo xếp hậu sự đi thôi. Tuy có thuốc men cũng là vô ích.

Lê Văn Cừ, đứa con 6 tuổi độc trụ của Khôi, đứng bên giường bệnh khóc nức khóc nở, vì thấy cha nằm mê man và mọi người chung quanh đầy vẻ lo buồn thương xót.

Khôi nóng sốt bất tỉnh như thế, cho mãi đến quá trưa. Chúng tướng thay phiên nhau, người ra mặt trận, kẻ ở phục dịch bên mình bệnh nhân. Đặng Vĩnh Ứng sẵn sóc, đổ nước thuốc nước sâm đến đầu, bệnh nhân nôn ra đến đó. Chứng bệnh chỉ còn đợi tử thần rước đi, chứ không chịu nhận thuốc men gì nữa.

Cuối giờ Mùi, Khôi sè cựa mình rồi từ từ mở mắt, nhìn quanh thấy gần đủ mặt anh em đồng chí, tự nhiên ứa hai hàng nước mắt, muốn nói lắm mà âm ức phát thanh không được, vì đã cấm khẩu mất rồi.

- Có lẽ hồi tỉnh được chăng? Họ Tăng mừng thầm, hỏi nhỏ Đặng.

- Ngọn đèn hết dầu, thường phùng lên một cái rồi mới tắt; Đặng trả lời. Con người ta sắp thở hơi cuối cùng cũng thế.

Vừa lúc Nguyễn Văn Trân ở chiến lũy về, đến thẳng đại dinh thăm bệnh. Khôi trông thấy, vẫy Trân lại gần bên cạnh, rồi kéo bàn tay thẳng Cừ đặt vào trong lòng bàn tay Trân, và nắm chặt cả hai bàn tay làm một.

Đặng hiểu ý, bảo Trân:

- Đại ca muốn phú thác đứa trẻ sắp sửa mồ côi cho ông đấy!

Khôi lặng lặng, chỉ tay lên vách tường, chỗ treo thanh bảo kiếm, tỏ ý bảo lấy xuống cho mình. Lính Giáp vội vàng lấy đem lại để ngay

bên chỗ nằm. Khôi đỡ thanh kiếm, lại đặt vào bàn tay kia của Trân, rồi nhìn quanh mọi người.

Đặng nói:

- À, tôi hiểu rồi. Đại ca muốn phú thác cô nhi và giao phó cả binh quyền cho Trân thay mặt tôi chí đây... Thừa, có phải ý muốn của đại ca như thế không?

Khôi gật đầu hai ba lần.

Trân cảm động quá, khóc sụt sùi và nói:

- Đại ca phú thác cô nhi, tôi xin nhận lĩnh, đến như binh quyền thì tôi đâu có tài đương nổi, vậy xin đại ca lựa chọn người khác... Phần riêng tôi, dù đại ca mất cũng như còn, tôi nguyện hiến thân tới cùng, trọn lời thề ước.

Khôi lắc đầu nhăn mặt, trở vào thanh bảo kiếm ở trong tay Trân, ra hiệu không thuận cho Trân chối từ, và lại như một lệnh truyền vậy.

Bình nhật, chúng tướng đều mộ tài năng và tâm địa Trân, nay thấy Trân được ủy thác binh quyền như thế là xứng đáng, cho nên ai thấy cùng sốt sắng tán thành:

- Đại nguyên soái biết tài biết bụng ông, mới phú thác tất cả quyền to, gánh nặng cho, ông không nên trái ý. Trước mặt nguyên soái, chúng tôi xin tôn phò ông để nối theo chú lớn đến cùng. Vậy ông nên bái lĩnh đi!

Trước mệnh lệnh Khôi và lòng tín nhiệm của chúng tướng, Trân không còn có thể khiêm nhường từ chối, liền ôm Cừ vào lòng, đưa thanh bảo kiếm lên ngang mặt, và nói:

- Vâng, tôi tuy bất tài, cũng xin bái lĩnh di mệnh của đại ca, thề có thần minh chứng giám rằng: nếu Trân này nhát hèn, bội ước, không cùng anh em đồng chí nối theo việc lớn, thì trời tru đất diệt... Xin đại ca yên tâm dưỡng bệnh, dù có mệnh hệ thế nào còn anh em chúng tôi đây, nhất quyết hễ mà thành công thì dựng nước Nam Kỳ may thất bại thì cùng thành Phiên An cùng chết, không khi nào chúng tôi làm phi danh xấu tiếng anh em minh thế của đại ca đâu.

Chúng tướng nói tiếp:

- Tất cả chúng tôi xin thề trước mặt Đại nguyên soái.

Khôi lại đưa mắt nhìn khắp mọi người, nét mặt dường như hớn hở và trên môi gượng hé nụ cười, tỏ dấu sung sướng vì được nghe tướng sĩ thề nguyện nối theo chí mình.

Đoạn, từ từ nhắm mắt và nằm thêm thiếp, độ nửa giờ sau thì tắt nghỉ.

Hôm ấy là chiều 14 tháng hai, năm Giáp Ngọ, Khôi thụ bệnh qua đời, sau khi cử binh chống cự Nguyễn triều hơn chín tháng, và trước khi trông thấy cuộc thất bại của binh Xiêm mà Khôi cầu viện đến, và của người anh vợ là Nông Văn Vân nổi lên hưởng ứng ở miền Cao Bằng.

Trân bàn chúng tướng không nên náo động phát tang gì cả, sợ quân địch bên ngoài thừa cơ thúc bách. Trong thành vẫn giữ vững yên tĩnh, làm như ngoài cuộc chiến tranh đang kế tiếp, nghĩa quân chẳng có biến cố gì xảy đến. Ai nấy chỉ thương xót khóc thầm, chứ không được to tiếng.

Tướng sĩ hạ một cây to, khoét thủng ở giữa, liệm thi hài Khôi vào trong, rồi đào sâu mười thước dưới đền Kính thiên làm chỗ mai táng, đầu quay về hướng nam, nơi chôn và cách chôn đều ngụ ý đối chọi triều đình.

Trước khi hạ huyết, Trân có mời Cổ Harebard - vẫn ở trong thành Phiên An từ lúc bị vây – đến đọc kinh, mặc dầu bình nhứt Khôi không đi đạo. Cử chỉ khôn khéo ấy cốt để mua chuộc cảm tình dân đạo ở trong thành ngoài thành, để họ sốt sắng giúp đỡ nghĩa quân.

Khôi nằm xuống đất rồi, từ giây phút ấy về sau, người cầm giữ binh quyền trong thành Phiên An và ra mặt đối kháng triều đình là Nguyễn Văn Trân.

Cuộc chiến tranh vẫn tiếp tục như thường và càng ngày càng thêm kịch liệt.

*

Tuy nhiên, việc Khôi bạo tử, trong thành cũng không dấu điểm ngoài thành được lâu. Vô quýt dày, móng tay nhọn, nếu quân Phiên An có tai mắt bên ngoài là bọn giáo dân, thì quân triều đình cũng có

ít nhiều tai mắt để trong thành là bọn quan lại theo giặc vì sự tình bức bách. Nhất là bọn phủ huyện lại mục ở Lục tỉnh, phần nhiều miễn cưỡng phải theo nghĩa quân rút về Phiên An cố thủ. Máy lúc Khôi còn, họ khiếp sợ uy nghiêm và lại bị đề phòng gắt, cho nên ít dám hó hé. Có nhiều người đã bị phanh thây hoặc xẻo tai cắt lưỡi vì bắt được quả tang làm gián điệp cho binh triều. Từ hôm Khôi mất, lòng quân ban đầu hơi có vẻ bối rối, bọn ấy bèn thừa cơ mật báo tin tức ra ngoài, cốt dọn đất lập công chuộc tội với triều đình sau này.

Vì thế mà từ lúc Phiên An hãm vào vòng vây, nhất cử nhất động trong thành có nghiêm thủ bí mật, chẳng qua chỉ giữ được ít lâu, rồi thế nào cũng có gió đưa đến tai Nguyễn Văn Trọng.

Không có bút mực nào tả hết được sự mừng rỡ của quan Đại tướng quân binh Triều khi ngài nhận tin phi báo cho biết rằng kẻ địch thủ của ngài không còn ở đời này nữa.

Ba bốn hôm nay ngài se mình, nằm rũ rượi trong trướng. Việc quân phú thác mấy viên bộ tướng coi sóc. Nhưng ngài se mình không phải vì cảm mạo lam chương như lũ binh sĩ cắt phiên nhau gói đáo nằm sưng, phơi mình trước nắng kia. Nói ngài lo quá phát ốm thì đúng.

Ngài lo phát ốm vì hai lẽ.

Một là việc đánh thành Phiên An lâu nay chỉ thấy có hại, chứ phần thắng lợi chưa thấy đâu. Khí thế và lực lượng quân giặc vẫn mạnh, thành trì họ cố thủ lạ lùng, binh Triều chưa làm mẻ được viên gạch nào. Thế mà quân sĩ luôn mấy tháng trời phải lăn lóc giữa đám lau sậy bùn lầy, phải chịu đựng mọi sự thiếu thốn, phải làm mồi cho các thứ muỗi mòng, rắn rết, tật bệnh, chương khí, chẳng những số người đã hao dần mà sức khỏe cũng mỗi ngày một kém đi nữa. Mùa mưa lại sắp đến nơi, Nguyễn Văn Trọng đang lo sẽ phải giải vây, rút quân đi một chỗ khô ráo tạm trú, rồi hết mùa mưa lại đánh Khôi. Không thế thì sức quân dần đuối vì bệnh tật khí hậu, hoặc lòng quân sinh ra oán hờn, chẳng khỏi có biến. Mà tạm thời rút quân giải vây, cũng là mở cửa cho giặc trong thành Phiên An lại ra hoành hành, điều đó Nguyễn Văn Trọng không thể nghĩ đến mà không lo sợ phát sốt.

Lẽ thứ hai còn làm cho ngài khổ sở khó chịu hơn. Trong khi chính mình là đại tướng cầm quân đánh thành Phiên An chưa mẻ

được viên gạch nào thì hai viên phó tướng Nguyễn Xuân và Trương Minh Giảng đi chống cự binh Xiêm lại liên chiến liên thắng. Luôn hai mươi ngày nay, ngài tiếp được tin báo về Gia Định liên liên, mặt trận quân ta ở Hậu Giang đã chuyển bại làm thắng: Té ra hai viên phó tướng của mình có chiến công to tát, còn mình thì khoanh tay vô dụng trước thành Phiên An; cho đến cái thằng phản phúc Thái Công Triều kia đem binh đi tiếp ứng cũng được dự nhiều ít huân lao! Nguyễn Văn Trọng nghĩ lấy làm xấu hổ.

Quan lớn ta lo buồn đến phát sốt phát rét từ đây. Ngài nằm xuôi xị trên giường bệnh; lúc nào hơi tỉnh táo là trong trí quay cuồng suy nghĩ mưu chước, không biết làm sao trừ được Khôi, hạ được thành để rửa mặt với kẻ dưới và khỏi mang tội “xuất sư vô công” với triều đình. Ngài càng nghĩ càng thâm oán Khôi, vì hôm nọ hắn ta định lừa ngài bằng mưu trá hàng.

Đêm khuya, những tiếng trống canh sừng biên trong thành rền đưa tới bên tai ngài, càng làm cho ngài khổ tâm, thao thức.

Giữa lúc ấy có tiếng Lãnh binh Trương Văn Sĩ hỏi dồn tên lính gác cửa:

- Cụ lớn còn thức hay ngủ?

- Có việc gì thế, thầy Lãnh? Vào đây!... Ngài vội vàng trả lời thay chú lính, trong lòng hồi hộp, lại sợ được tin hao binh thất trận gì chẳng.

- Bẩm, chúng tôi vừa có tin báo cho biết Lê Văn Khôi đã chết rồi! Lãnh binh Sĩ bước vào, và thở và nói.

- Thật thế à?

Cụ lớn vùng dậy, nhảy vọt từ trên giường xuống đất, mặt mày tươi tỉnh sung sướng hơn là tiếp chiếu thiên tử phong cho quận công; bao nhiêu nhức đầu, sốt rét, hồ thẹn, lo buồn, nhất thời tiêu tán. Ta nên để ý Nguyễn Văn Trọng nguyên là tổng đốc tỉnh Nghệ, phụng mạng cầm tiết việt làm đại tướng đi giệp giặc, giữa nơi binh hỏa chiến trường, vẫn không quên những khí vị bệ vệ một vị văn quan:

- Lính đâu?... Châm điếu, mày! Pha nước trà Tàu mau!... Lấy trà Thiết quan âm của khách Chợ Lớn đem lễ hôm trước đó, nghe!...

Thầy Lãnh ngồi chơi nói chuyện... Chà tự nhiên ta thấy nhẹ nhõm cả người!

Lãnh Sĩ ngồi kể cho cụ lớn nghe một lượt những tin do tai mắt trong thành vừa mật báo cho biết Khôi trúng độc mà chết và quân giặc chôn cất kín đáo thế nào.

- Bẩm thế là hấn chết, tính ra đến nay ngoại hai chục ngày rồi; Lãnh Sĩ kết thúc.

- Thằng quái ấy chết, từ nay ta ngủ mới yên! Nguyễn Văn Trọng nói và cười khanh khách, đắc ý.

Đoạn, đưa tay lên trán, nói tiếp:

- Thật nhờ có hồng phúc của đức Hoàng đế, thằng Khôi đi đời rồi, phen này ta hạ thành Phiên An dễ dàng như phá nhà giấy, chặt cành khô vậy.

- Bẩm cụ lớn, thế giặc xem ra còn mạnh lắm, có lẽ ta không nên khinh thường Lãnh Sĩ nói cách ung dung từ tốn.

- Thầy bảo trong thành còn có mặt nào? cụ lớn nhăn mặt hỏi lại.

- Thưa, chúng tôi thiết tưởng quân giặc còn nhiều tay lợi hại lắm.

- Lấy bằng cứ nào mà thầy tin tưởng như thế?

- Bẩm, chúng tôi lấy bằng cứ là từ hôm Khôi chết đến giờ, ngót một tháng, giặc vẫn kế tiếp kháng chiến, chứ không nhục bót nhuệ khí chút nào. Thế đủ rõ trong vòng vây còn có người khác.

- Ta hãy hỏi Khôi chết rồi, bây giờ ai làm đầu đảng giặc?

- Chúng tôi nghe nói là Nguyễn Văn Trân, một tay giỏi trận mạc và được quân giặc yêu mến lắm.

- Hình như thằng ấy là Tướng quân thì phải.

- Vâng.

- Hừ! Ta bất chấp cả!... Trừ ra thằng Khôi, chúng nó chỉ là một phường du côn tẹt nhẹp, có biết binh cơ trận pháp là cái quái gì; cả thằng Trân ta cũng coi như đồ bỏ... Để ta hạ thành, bắt sống hết ráo chúng nó phen này! Ngày mai, thầy loan báo anh em đến đây nghe ta hiệu lệnh nghe!

Lãnh binh Trương Văn Sĩ dạ và lui ra, nét mặt buồn thiu, có lẽ không mãn ý về chỗ thượng quan mình khinh địch thái quá sẽ gặp bất lợi, hay tự mình cảm giác một điều gì chẳng lành vậy. Qua ngày mai, Trọng chay tịnh thấp hương khăn vái rồi mở lịch thử ra xem ngày giờ, thấy ngày Dần giờ Tí lợi việc hành binh, tức nửa đêm hôm sau.

Buổi trưa, các tướng tá được lệnh hội họp ở đại dinh để nghe truyền bảo cơ nghi, nhất định đêm mai khởi cuộc tổng tiến công thành trì Phiên An.

Nhân dịp, Trọng sai biện trầu rượu, vàng hương cúng tế hết thầy các vị sủng thần công, để cầu các ngài sẽ trở hết thần oai trong khi lâm trận. Lại sai thui trầu mỡ lợn cho quân sĩ ăn uống thỏa thuê, rồi yết thị khuyến khích mọi người như sau này:

“Thượng tướng quân Nguyễn truyền bảo cho quân sĩ được rõ:

Bấy lâu các người vì việc vua việc nước phải đem thân xông pha lao khổ ở nơi xa xôi lam chướng này, triều đình vẫn ghi nhớ công trạng của các người, và ta là chủ tướng các người, chính mắt trông thấy sĩ tốt gian nan kiên nhẫn chùng nào, lòng ta cảm kích ngợi khen các người chùng ấy.

Từ ngày các người trông theo ngọn cờ, vâng theo tướng lệnh của ta, đuổi giặc chạy dài, đánh đâu được đấy, lại dôn cả quân nguy vào trong vây thành này, đó là một chiến công vẻ vang, ta cùng các người chia phần đồng lao cộng hưởng.

Nhưng, quân nguy kia một ngày chưa quét sạch, thì chúng ta có chức phận cầm gươm bảo vệ đất nước, một ngày chúng ta chưa được ăn ngon ngủ yên.

Các người tòng quân lâu ngày, quê quán sao khỏi chạnh lòng vợ con sao khỏi mong nhớ? Nhân tâm ai chẳng muốn sớm nên công nghiệp, chóng về gia hương? Ta muốn cho các người được sớm nên công nghiệp, chóng về gia hương, cho nên phen này quyết đánh một trận đáo để, ngõ hầu trừ diệt cho hết tàn đảng quân nguy và thu phục thành trì Phiên An nộp lại triều đình.

Vậy tất cả tướng hiệu sĩ tốt đều nên gắng công hết sức phen này. Ai nấy cùng lo chùi súng mài gươm, hăm hở dũng dực, một khi lâm trận, thì phải nghe theo lệnh truyền, lăn vào mà đánh, xông pha

không kể chết, có tiến không có lui, kỳ cho phá thành Phiên An, giết sạch quân giặc mới thôi. Ta đã xếp đặt mưu cơ đồ trận, để đưa các người tới chỗ toàn vẹn ấy.

Xong trận quyết liệt này, những kẻ nào sống sót hoặc bị thương tích, sẽ được ta tâu xin triều đình ân thưởng xứng đáng và phủ tuất tử tế, là lẽ cố nhiên. Còn những kẻ bắt hạnh tử trận, cũng được triều đình chu cấp cho gia đình và thưởng thụ ẩm sinh cho một đứa con, hoặc ban cấp công điền cho cha mẹ vợ con được trọn đời no đủ; như thế thì vong linh của người vương sự quyền sinh không phải lạnh lòng ân hận.

Các người cứ vững lòng tin cậy độ lượng của triều đình và lời hẹn chắc của ta!

Trái lại, nếu ai ra trận mà nhút nhát tháo lui, không tròn phận sự, thì quốc pháp rất trọng, quân lệnh chí nghiêm, lúc ấy đừng trách ta không bảo trước.

Nay lệnh.”

Quân sĩ nghe lời hiểu thị, xúm năm tụm ba, thăm thì bàn tán, sau khi mỗi người đã được dồi chắt một bụng thịt trâu, lòng lợn no say:

- Anh em nói vụng với nhau mà nghe, thế giặc xem ra còn hăng lắm, chưa chắc phá nổi thành trì mà vào lọt được với chúng nó.

- Vào lọt hay không, mặt kệ; tướng lệnh bảo xả thân mà đánh, thì anh em ta phải nhắm mắt vâng lời, không có cũng chết!

- Cái ấy đã đành...

- Anh ạ! Tôi nghĩ cứ đánh một trận rõ quyết liệt thế này cũng phải. Có thắng thì ta được trở về quê hương; bằng không thì chôn thầy dưới chân thành sớm ngày nào hay ngày ấy. Còn hơn đây đưa tháng ngày, dãi dầu lam chướng, nay cơn sốt, mai đi lý, rốt cuộc cũng đến chết dần chết mòn, mà vất vả khổ sở.

- Cố nhiên như lời anh nói... Song tôi chạnh nhớ đến cảnh quê nhà nghìn dặm, trong lòng thấy bứt rứt thế nào ấy!...

- Phải rồi! Tôi hiểu tại sao thằng Giáp nó bứt rứt?... Người thứ ba cười và nói xen vào.

- Rõ khéo nói trạng! Người tên là Giáp trả lời. Đó là thường tình ai cũng thế, chứ có tại sao?

- Phải, đó là thường tình, nhưng riêng với anh còn một lẽ khác... Để tôi nói trắng ra nhé: vì anh mới cưới con vợ trẻ măng, ằm chỗ chưa được ba đêm, thì có lệnh bắt đi tòng quân... Anh chị thêm thường nhớ nhung nhau, phải biết!

- Nhưng vì đâu mà biết rõ tình cảnh Giáp được như thế? người khác hỏi.

- Dạ, chúng tôi ở gần làng nhau.

- Nên thế, phen này nó chẳng may chết trận mà mày sống sót, thì về bảo cho vợ nó lấy chồng khác... Người ta trẻ trung mà bắt phải cô phòng thủ tiết, nghĩ cũng tội nghiệp.

- Thôi, anh Giáp làm sẵn tờ cái giá cho chị ấy đi!

Ai nấy cười ồ, làm cho Giáp hơi thẹn, nói xẵng:

- Mấy anh này nói gở miệng! Đã chắc gì phen này tôi tử trận à?... Dù sao, nằm sượng gỏi giáo, da ngựa bọc thây, chỉ là sự thường của kẻ nam nhi... Ngày mai lâm trận, tôi sẽ nhảy lên mặt thành trước nhất cho các anh xem!

Trong khi ấy, tốp khác đùa bỡn nhau về chuyện cậu ấm:

- Có thấy quan tướng chúng ta đại lượng ấy không? Ngài hện kẻ nào tử trận, một đứa con sẽ được phong ấm tử!... Đẳng ấy sẽ bất hạn thế nào, thằng cu ở nhà sẽ là cậu ấm, sung sướng vong linh nhé!

- Thôi, nhà cháu không có mã làm quan, các ông ạ!... Ấm với chén gì?... Các ông khéo tin lời hứa ấy mà nhớ!

- Sao thế, anh?

- Lại còn phải hỏi! Người ta khéo dứ mồi thế cho anh em mình xả thân tận lực đấy thôi. Một mai có thắng trận khai hoàn, bao nhiêu vinh hoa kẻ trên hưởng hết, đâu đến thứ anh em mình? Với mình, nếu không bị vùi xương ở chân thành này thì cũng trở về làm thằng lưng đen khổ rách, lại sống với bắp cày con trâu của mình là cùng. Anh em mình chỉ có việc lấy sức hay đem xương ra xây đắp lâu đài hạnh phúc cho kẻ khác thì có. Cổ nhân đã nói: “*Nhất tướng thành công vạn cốt khô*”, các bác không nhớ ư?

Một người lính bị thương nặng ở chân, phải chống gậy, nãy giờ đứng bên nghe chuyện, bỗng cười hề hà và nói bông lơn:

- Các chú mở mắt mà xem: tôi được phong quan nhất trụ rồi đây, này!

Mọi người cùng phá cười rồi tản lạc ai về đồn lũy ấy.

Quả nhiên, y theo ngày giờ bói toán đã định, đúng nửa đêm hôm sau, đại tướng Nguyễn Văn Trọng đốt pháo thăng thiên làm hiệu, ra lệnh cho bộ hạ nhất tề đánh thành Phiên An.

Tức thời, hơn bốn chục vị súng thần công lớn nhỏ của binh triều đã được vàng hương cúng tế, thi nhau khạc đạn vào cổng thành và mặt thành bên địch. Tứ phía nghe tiếng vang động như sấm; khói lửa tung lên mịt mù.

Ta nên nhận rõ chiến lược của binh triều chuyển này thay đổi: súng đạn không cốt công phá những kho tàng lương thực và quân hỏa trong thành như mọi lần; giờ chỉ chuyên chú phá vỡ cổng thành vách thành để mở đường cho bộ binh tràn vào công hãm.

Luôn bốn đêm ngày, chung quanh vòng thành Phiên An bị đợt mưa đạn tứ tung, liên thanh bất tuyệt. Trong lúc pháo binh đứng trong đám khói, hì hục lau chùi lòng súng, nhồi thuốc, châm mồi, bắn quả đạn xảy ra liền nập luôn quả khác vào, bộ binh đã sắp đặt sẵn sàng, đủ các thứ khí dụng như thang mây, bao đất, hỏa hổ, câu liêm, ai nấy lăm le túc trực, chỉ còn đợi một tiếng lớn, một hiệu lệnh, là xông vào hãm thành.

Lạ thay trong thành êm lặng như ru, không nghe bắn trả một phát súng nào, ban ngày cũng chẳng thấy một bóng người nào thấp thoáng ra vẻ phòng thủ hay kinh hãi gì, làm như bao nhiêu người trong thành đã vỡ óc chết sạch đâu rồi, chỉ còn trơ lại những bức tường trống không mà nguy nhiên bất động vậy.

Đến nửa đêm hôm thứ tư, binh triều ngừng bắn thần công, để cho bộ binh tiến lên hành động. Đại tướng Nguyễn Văn Trọng mặc nhung bào, cầm gươm trần trong tay, thân ra đốc chiến. Ai nấy đều nghĩ luôn bốn đêm ngày bắn dữ như thế thành trì tất đã vỡ tan một vài cửa, sạt hãm một vài nơi, quan quân chỉ có việc do mấy chỗ ấy mà leo vào thành, không có gì khó.

Tứ phía, đình liêu nổi lên sáng rực, tiếng quân sĩ hò reo xen lẫn với tiếng ngựa rít voi gầm, và Nguyễn Văn Trọng dùng cả tượng binh kỵ để trợ lực công thành.

Nhưng ông kinh ngạc dựng cả tóc gáy, sau khi tể ngựa đi củ soát một vòng, thấy thành trì vẫn còn uy nguy như núi sắt tường đồng, chẳng bong một tấm ván, vỡ một viên gạch nào, mà ngược mắt trông lên, từ vọng lâu đến mặt thành, chỗ nào cũng thấy lơ nhơ quân giặc trầm tĩnh ứng chiến. Trong ánh đuốc sáng, ông nhận rõ trên thành có cả đàn bà con gái tất tả lên xuống, chắc là đem cơm nước và đạn dược tiếp tế cho các chiến sĩ.

Bây giờ quân giặc mới bắn. Họ bắn rất hà tiện. Chốc chốc họ bắn ra một hiệp, vãi đạn vào một tốp binh triều mon men đến gần chân thành: dăm ba chục người không lăn ra giã chết thì cũng què quặt với họ.

Chính con ngựa Nguyễn Văn Trọng cỡi, trúng đạn giữa đầu, nó chết gục trần tiền, vật ngã ông xuống đất.

Kể ra ông xếp đặt chiến lược không phải không chu đáo, quyết thắng; nhưng chiến lược ông xếp đặt thế nào; có tai vách mạch rừng, đã mật báo cho quân giặc trong thành biết trước cả. Thành ra bốn đêm ngày binh triều định dọn đường mở lối bằng súng thần công, họ cứ mặc kệ cho bắn; ban ngày họ giả như một thành chết, đêm khuya mới lạng lẽ mạo hiểm lần mò, xem chỗ nào sạt hãm thì tức tốc sửa chữa. Họ đợi đến đêm thứ tư là đêm binh triều quyết liệt xung đột, mới ra ứng chiến án ngữ.

Nguyễn Văn Trọng tức lộn cả ruột gan, xem mình như đã ngồi trên mình cọp mất rồi, không nhảy xuống được nữa, chỉ còn nước đánh một được một thua, một sống một chết. Ông rao truyền tướng lệnh khắp cả bốn cửa, rồi tay dơ cao thanh kiếm lên, miệng hò hét dữ tợn:

- Quân bay cứ tiến lên, nghe!

- Dạ!... Tiến lên bớ anh em!... Máy nghìn quân sĩ ứng thanh đáp lại tướng lệnh và rần rần rộ rộ áp đến bên thành, khí thế rất hùng dũng.

Chỉ trong mấy phút, binh triều vượt qua bờ hào, tốp này chuyền thang mây đặt bên vách thành, tốp kia tung giây câu móc, rồi cùng reo hò sấn sổ leo lên. Ai nấy đều có đoản đao giắt lưng hay ngậm mã tấu ở miệng, để khi nhảy lên mặt thành, tuốt ra chém giết quân giặc.

Tội nghiệp, đám nào như đám ấy, chỉ leo lên mới được lưng chừng hay mấp mé đến gần mặt thành, đã bị quân giặc ở trên lăn gỗ đá xuống, không thì tưới dầu và các vật dẫn hỏa vào giữa đám, rồi phóng tên lửa xuống theo mà đốt. Những người còn ở dưới đất, bị gỗ đã làm cho vỡ

đầu gãy chân, kêu khóc oai oái. Bọn đang leo thang thì bị lưới dầu bén lửa, áo quần đầu tóc nhất thời phát hỏa, đến thang cũng cháy vèo vèo rồi gập quăng họ xuống đất, trông rất ghê sợ. Người ta tưởng trong như những chùm sung chín đỏ trên cây bị trận cuồng phong đánh rụng vậy.

Trong lúc ấy binh triều lại nã súng lên thành để hộ vệ cho đội xung phong, nhưng quân giặc chết người này tiếp người khác, vẫn ngang nhiên phòng ngự như thường, không hề nao núng, lui bước. Chúng nhất định không cho binh triều có thể đặt chân lên mặt thành, Nguyễn Văn Trân, Mạch Tấn Giai, Nguyễn Kiều, Lưu Tín, Võ Vĩnh Lộc, chia nhau mỗi người đốc chiến một chỗ, khuyên lơn sai ộp chiến cực kỳ anh dũng.

Dưới này đại tướng Nguyễn Văn Trọng cũng chẳng nhụt tí nào. Toán quân này chết cháy, ông hò hét thúc giục toán khác xông lên; gào thét lớn quá đến rát cả cổ họng.

Nhưng toán nào đến bên chân thành cũng bị đánh hay đốt cháy một cách thâm hiểm như trước.

Nhất là ở Nam môn, nơi mà binh triều dồn hết sức nặng, và cũng chính là nơi tướng giặc Nguyễn Văn Trân phòng ngự.

Quân giặc trên thành cười khúc khích với nhau, chõ mặt xuống thách đố:

- Có ai giỏi thì leo lên nữa đi!
- Có ta!

Lãnh binh Trương Văn Sĩ hăng tiết, ứng thanh nhận lời thách đố của giặc, quay lại vẫy bộ hạ đi theo mình, rồi phăm phăm chạy đến một cái thang để dựa bên thành chưa bị đốt cháy, trèo hai ba bước một, trong chớp mắt nhảy lên mặt thành. Ông múa đại đao, tả xung hữu sát, cố giữ đầu thang cho bộ hạ đang noi gương can đảm, thi nhau trèo lên.

Nhưng chỉ độ bảy tám người kịp nhảy lên mặt thành tiếp chiến, thì cầu thang vừa bị quân giặc bắn gãy. Những người trèo sau ngã vật từ trên cao xuống đất, hoặc chết tức khắc, hoặc bị trọng thương. Thấy thế, chẳng ai dám lại gần nữa.

Thành ra bọn Lãnh Sĩ chín người trở nên cô lập vô viện, tới lui đều khó. Tuy vậy, họ cũng cố cầm cự chốc lát, rồi bị bắt sống, đưa tới nộp Nguyễn Văn Trân.

- Nhà ngươi là một bọc hảo hớn đó. Trân nhìn Lãnh Sĩ và nói. Chịu hàng thì nghĩa quân ta tha chết cho.

Lãnh Sĩ trợn mắt:

- Tính mạng chúng bay như sợi chỉ mảnh treo chuông, còn rủ ai hàng? Ta là quan chức triều đình, khi nào đầu giặc. Bay đã bắt được tui tao thì cứ giết đi, không nói nhiều chuyện.

- Anh em ta cũng theo quan Lãnh, thà chết không thêm hàng giặc!... Tám người đồng thanh nói lớn, trong số ấy có người lính tên là Giáp mà ta đã biết. Thì ra chàng đã giữ trọn lời hứa, theo chân Lãnh Sĩ nhảy lên mặt thành trước nhất, vâng theo tiếng gọi của khí khái anh hùng; giây phút ấy chàng không nghĩ gì đến người vợ trẻ trung ở gia hương ngàn dặm.

Nguyễn Văn Trân có ý tâm phục, bảo một viên vệ sĩ đứng bên:

- Thôi, chú làm phúc đưa cho tui này mỗi đứa một nhát gươm, để chúng nó đi theo quan tướng chúng nó cho trọn nghĩa.

Nghe bốn tiếng “đi theo quan tướng”. Lãnh Sĩ giật nảy mình, ngảnh lại hỏi Trân:

- Mà nói đi theo quan tướng?...

- Ừ, Nguyễn Văn Trọng, quan tướng bất tài của bay chứ còn ai!... Trân mỉm cười và đáp.

- Thứ chúng bay mà bắt được quan thượng tướng của triều đình à? Lãnh Sĩ hỏi, ra vẻ không tin.

Trân lẳng lẳng, nắm hai tay bị trói của Lãnh Sĩ, dẫn đến lan can vọng lâu, bảo trông xuống và nói:

- Thượng tướng của triều đình nhà bay có nằm co quắp như con chó tiền rưởi trong đồng thây ma chồng chất kia kia!... Đấy cái xác áo nhung phục, không phải Nguyễn Văn Trọng nhà mi đó à!

Lãnh Sĩ nhìn xuống, nhờ ánh sáng đèn hiệu, nhận quả là tử thi chủ tướng mình, thờ dài một tiếng, rồi day lại cúi mặt đi theo người vệ sĩ đưa đến chỗ hành hình.

Trận đại chiến chung kết vào lúc ấy, quân giặc chống cự rất quá, binh triều tổn hại nhiều, đành phải rút về đồn lũy vòng vây, không dám mạo hiểm xung đột nữa.

Sáng ra, người ta bới trong đám tử thi ngổn ngang ở trước Nam môn, quả thấy quan thượng tướng của triều đình đã chết chung, một ngọn mác xuyên qua bụng và đâm xuống đất.

Thì ra hồi Lãnh Sĩ nhảy lên được mặt thành, Nguyễn Văn Trọng cầm chắc quân mình thắng thế, sắp phá vỡ thành trì Phiên An đến nơi cho nên chính ngài thét quân xông vào. Bỗng một ngọn mác từ trên mặt thành lao xuống rất mạnh trúng ngay giữa bụng ngài, chết lản tại trận.

Trận này, binh triều tử thương hơn ba nghìn người. Bốn phía thành lúc nhúc những thầy ma.

Nghĩa quân kiểm điểm lại số thiệt hại của mình, thấy khuyết đi mất 450 chiến sĩ. Trong số ấy có Nguyễn Kiều, đề đốc hộ thành, và Trần Hạnh, người đã theo về nghĩa quân trong trường hợp nào, hẳn các ngài còn nhớ.

Cô Tần vừa khóc anh ruột, vừa khóc người yêu.

XV. MỘT CHÉN THUỐC ĐỘC CHẲNG GIẾT ĐƯỢC AI

Trước đây mấy hôm, vua Minh Mạng khiêm an. Hôm nay mới ra thị biểu, vừa nhận được tin báo ở Phiên An bại binh: đại tướng Nguyễn Văn Trọng, lãnh binh Trương Văn Sĩ tử trận, quan quân tử thương hết mấy nghìn người.

Ngoài mặt ngài làm ra thịnh nộ, quở trách tướng sĩ Nam chinh bất lực bất tài: nhưng trong thâm tâm thì lo ngại. Không ngờ giặc đã bị vây mà còn quật cường đến thế? Giờ phải sai tướng tài nào có thể vào Gia Định quét được quân giặc?

Nhà vua rất phân vân về sự lựa chọn.

Lại dùng Tổng Phúc Lương? Không được ; vì triều đình phải dùng một viên tướng đã từng bại trận giáng chức như thế, thì còn gì là thanh thế.

Hay là với Trương Minh Giảng hay Nguyễn Xuân, hai người lấy một, ở mặt trận Hậu Giang về? Cũng không được; vì họ đang bận, hai người hai nơi, chống cự giặc Xiêm, không phải không quan hệ.

Triều thần xin điều ông Tạ Quang Cự ở ngoài Bắc vào, nhưng cũng không tiện. Vẫn biết ông này có tướng tài, song lại đang mắc đánh giặc Nông Văn Vân ở vùng Cao Bằng, Tuyên Quang, cũng là giặc lớn. Vả lại đường sá diệu vợ xa xôi, gọi ông ta ở Bắc đi qua kinh đô rồi mới vào Gia Định, mất nhiều ngày giờ; việc binh quý thần tốc mà ông tướng phải đi như rùa bò thì nguy.

Nhà vua lo nghĩ quá, bệnh cũ lại phát, nằm trong hậu cung, không ra thị triều nhiếp chính gì được. Có lệ triều đình ta, lúc vua ốm đau phải giữ bí mật; trừ ra mấy cụ đại thần, tin ấy không được truyền bá cho công chúng biết, vì sợ có cuộc mưu đồ phản nghịch gì thừa thời phát xuất chẳng.

Tuy vậy, cái tin bại binh ở Gia Định làm râm cả chốn Kinh sư, không giấu giếm ai được.

Một mục bán quán nem ở xóm Đông Ba, có chồng làm đội trưởng, đi quân thứ Gia Định; sáng sớm hôm ấy mẹ con nhà mục bỗng khóc bù lu bù loa, như có ai chết; hàng xóm kinh ngạc, kéo lại hỏi thăm:

- Có chuyện gì mà mẹ con thím gào khóc, nghe thảm thương ghê người lên thế?

Nước mắt chan hòa, mục nức nở kể chuyện:

- Ô, ông bà cô bác ôi! Nhà tôi chết rồi!...

Đêm qua tôi nằm mộng thấy nhà tôi máu me nhễ nhại, hai tay bung đầu, hiển linh về báo tin cho mẹ con tôi biết đã xấu số tử trận rồi... Tôi hoảng kinh và hỏi: Mình sống khôn thác thiêng, hãy chỉ rõ mồ mả cho vợ con vào nhận lấy xác... Hồn nhà tôi trả lời trận này quan quân ta chết ngổn ngang, thầy chồng như núi ở chân thành Phiên An, cái thì mất đầu, cái thì cháy đen, rồi sau người ta chôn chung một hố, còn biết xác ai là ai mà hòng nhìn nhận?... Khổ chửa, trời hời! Từ nay mẹ con nhà tôi, mẹ thì góa, con thì cô!

- Hừ!... Chuyện mộng mị lấy gì làm bằng? Một người hàng xóm khuyên giải Thím chó nên tin, mà phải thương tâm vô ích.

- Không có gì làm bằng thì tôi đâu có tin!... mù đội Thập – vì chính là tên mù - trả lời và tay trở lên một cái rui nhà. Xin ông bà cô bác hãy trông đoạn tre vừa mới cưa xong kia kìa.

Ai nấy bỡ ngỡ chưa hiểu, thì mù đội Thập nói tiếp:

- Nào tôi có biết lúc trước nhà tôi ăn nhịn để dành được ba nén bạc cất giấu vợ con ở trong cái rui nhà đó. Đêm qua vong linh nhà tôi nhập mộng, chỉ rõ chỗ ấy, bảo tôi cưa ra mà lấy làm vốn, mẹ con buôn bán nuôi nhau... Sáng sớm thức dậy tôi hốt hoảng bán tín bán nghi, chùng đi cưa rui nhà, quả thấy số bạc y như mộng triệu đã chỉ... Tức là ba nén bạc đây này!... Các ông các bà bảo tôi đừng tin sao được?

Mù nói đoạn, càng khóc thảm thiết, và đưa ba nén bạc lặn trong lưng ra cho mọi người xem. Hàng xóm nhìn nhau, chất lưỡi giựt mình, cho là sự linh thiêng quái lạ, rồi tản mác về dần.

Chuyện lạ ấy thực hư thế nào chưa rõ, chỉ biết không đầy nửa ngày, nó truyền từ miệng nọ đến miệng kia, đi quanh khắp kinh thành nội ngoại. Ai nấy sẵn có mầm mê tín dị đoan ít nhiều trong trí, đều tin tưởng anh linh đội Thập về báo mộng cho vợ con là chuyện thật có.

Trong dân gian nhân đây tuyên truyền sôi nổi rằng binh lính triều đình sai vào đánh giặc Gia Định bấy lâu, mới bị giặc Khôi đánh cho một trận “toàn quân phúc một”, từ quan thượng tướng cho đến một tên tiểu tốt, chẳng còn sống sót mống nào.

Những gia đình ở kinh thành, cha có con, vợ có chồng, anh có em, sung vào quân thứ ấy, chẳng biết thân nhân mình sống hay chết, chỉ nghe tin huyền truyền kia, nhất thời xao xuyến lạ thường. Đi qua xóm nào cũng nghe có tiếng khóc than rầm rức. Nhiều nhà cứ tự nhiên bày bàn thờ, đốt tang phục, rước thầy cúng về chiêu hồn, đến chùa làm chay phả độ. Nội thành ngoại thành chẳng ước hẹn nhau, mà những nhà có chồng con anh em cầm chắc tử trận, đồng thời ma chay khóc lóc như thế, trông rất thảm đạm. Những tiếng oán hận âm thầm là chưa nói đến.

Nhà vua ngự ở điện Dưỡng Tâm, đêm khuya nghe văng vẳng từ phía cùng có tiếng chuông mõ trống kèn, trong ý lấy làm lạ, gọi thị vệ hỏi:

- Hôm nay là ngày gì, bách tính họ cúng cấp nhiều thế, bay?

- Tâu ngài ngự, ấy là những nhà họ làm ma chay cho thân nhân đã tử trận ở Gia Định vừa rồi!... Viên thị vệ quỳ tâu sự thật.

Nghe nhắc đến chuyện bại trận, nhà vua lại động lòng bực bội lo buồn, bỗng quên cơn sốt, ngồi dậy, sai gọi quan Trung quân, Đô thống và Trục thần (ông quan mỗi đêm nằm túc trực ở Nội các) đêm ấy vào chầu nghe lệnh.

Với ông trên, ngài giao cho công việc tra xét nguyên ủy huyên truyền tin tức đã làm dân tâm xao xuyến và cho phép ông được tiện nghi hành sự. Còn với trục thần thì ngài dạy bảo tở chỉ dụ, ngày mai sẽ dán trước Phu Văn Lâu cho bách tính xem; trong ấy quy tội cho Nguyễn Văn Trọng khinh địch, mới có cuộc thất trận trong tháng vừa qua, nhưng quan quân chẳng thiệt hại mấy chút, mà dư đảng giặc Khôi thì sắp tiêu diệt đến nơi; vậy những gia đình có người đi quân thứ, cứ việc an cư lạc nghiệp, chờ đợi tin tức khai hoàn sẽ đến nay mai, không được nghe lời đồn huyễn, làm gì trái thường, mà phạm quốc pháp v.v...

Hôm sau, ông Trung quân Đô thống mở cuộc dò xét, té ra những nhà ở kinh thành sở dĩ này đặt ma chay là bởi có tin đồn ở Gia Định “toàn quân phúc một”, mà sở dĩ có tin ấy, nguyên ủy là từ mục đội Thập kể chuyện nằm mộng thấy chồng hiển linh về báo tin tử trận và chỉ nơi giấu bạc. Ông liền sai bắt mục tổng giam vào ngục Hộ thành và xin làm án trăm quyết, lấy cớ rằng mục bày chuyện mộng mị, làm mê dân hoặc chúng náo động nhân tâm.

Tội nghiệp vợ đội Thập thương nhớ chồng nằm mộng thế nào kể với hàng xóm như thế, không đâu bị buộc vào tội tày đình, bỏ năm sáu đứa con thơ dại bơ vơ ở nhà, vào nằm trong ngục để chờ ngày chết? Nỗi oan những muốn vạch trời mà kêu!

Nếu mấy hôm sau không có tin mừng ở Đàng trong đưa ra làm cho nhà vua đổi buồn hóa vui, triều đình trở lại phần chấn, thì chắc vợ đội Thập chết oan mạng thật.

Ấy là tin quan quân đại thắng giặc Xiêm, đuổi ra khỏi bờ cõi Nam kỳ và Chân Lạp, lại cướp được khí giới ngựa voi của giặc khá nhiều.

Trận đại thắng này cách trận đại bại kia không đầy một tháng.

Tin thắng phi báo đến kinh, vua Minh Mạng vui mừng hơn hờ, bệnh hoạn tự lui, mình rồng bình phục, không phải cần dùng đến các quan Thái y viện nữa.

Cả triều đình và nhân dân lại phấn chấn yên vui; kinh thành tan hân không khí ẩm đạm hôm trước.

Trên sông Hương có cuộc diễu duyệt thủy sư và đua bơi thuyền rồng; vua ngự ra xem, dân chúng được thấy nghi vệ oai nghiêm, cảnh tượng vui vẻ. Phố xá đều kết hoa treo đèn, có vẻ rộn rịp hơn tất nguyên đán.

Trong dịp ấy, ngài châu phê xá tội cho vài chục người phạm tử hình; trong số đó mộ đội Thập là một. Lại truyền thưởng cho mộ mười quan tiền.

Mộ trở về túp nhà tranh ở cửa Đông Ba, ôm lấy lũ con, mừng ra nước mắt. Lũ trẻ ngây thơ ấy đã có cha tử trận ở chân thành Phiên An, tí nữa chúng nó mồ côi lần thứ hai nếu người mẹ thác oan dưới thanh gươm của chú lính đao phủ! Mà thầy đội Thập quả chết trận thật, vì trong sổ quân lính tử thương trận ấy vừa mới tư về bộ binh, cả tên thầy. Mười quan tiền vua ban cho mộ, tức là số tiền tuất quả vậy.

Bây giờ khắp kinh thành đều ca ngợi công trạng Nguyễn Xuân và Trương Minh Giảng; nhất là Nguyễn Xuân. Vì những trận ta thắng nhờ có tài năng thao lược của ông nhiều lắm.

Sau Trương Minh Giảng ở lại Nam Vang, kinh lý việc bảo hộ Chân Lạp; Nguyễn Xuân thì đem quân trở về trước thành Phiên An, viếng mộ Nguyễn Văn Trọng và được chứng kiến những dấu vết thảm bại vừa qua, chưa kịp vui lấp hàn gấn.

Vua thấy Nguyễn Xuân bày tỏ tài năng và lập được chiến công như thế, liền hạ chỉ, dụ phong làm Thượng tướng, thay chân Nguyễn Văn Trọng, nghĩa là giao phó cho ông cái trách nhiệm khôi phục uy lực của triều đình ở đất Nam kỳ và phải tiêu trừ nguy đảng cho xong.

Nguyễn Xuân tuy riêng mừng cho mình được thăng thưởng một cách trọng hậu, nhưng nhìn lại bộ hạ không khỏi ái ngại lo nghĩ.

Đạo quân chiến thắng mà mình vừa đem ở Hậu Giang về, tinh thần có phần hăng hái, mà sức lực cũng đã mỏi mệt, sau những trận giao phong với quân cường địch luôn đêm luôn ngày. Nói gì những quân lính vừa mới thảm bại ở Phiên An còn được sống sót xem ra càng đuối hơi kiệt lực hơn nữa. Thôi thì đội ngũ tan tác, vết thương chưa hàn, cho đến khí giới quân như thứ gì cũng thấy tồi tệ, thiếu

thốn. Ai nấy ngồi trong chiến lũy đều có vẻ bơ thờ, ủ rũ, phần vì bệnh tật không rời bên mình, phần bởi tiết trời lúc này đang xấu. Binh lực đuối sức như thế, bảo họ phá thành giết giặc làm sao cho được?

Ông nghĩ mà giựt mình thon thót: lúc này quân nguy trong thành không dám tràn ra là may; chúng nó mạo hiểm đột vây chưa chắc quan quân có sức cản nổi?

Bởi vậy, ngay khi phụng mạng cầm giữ binh quyền trong tay, ông gấp thay đổi chiến lược và thi hành bãi việc khẩn yếu nhất.

Một là bỏ những hào lũy khi trước, dời hẳn quân lính đi cách xa thành trì Phiên An, đóng đồn ở tận Gia Định, trên những khu đất khô ráo sạch sẽ, chỉ cốt chẹn giữ các đường hiểm yếu, không cho nguy đảng trong thành có thể thoát ra. Quân nhà yếu đuối bệnh tật, ông để riêng một nơi, lo sự thuốc men điều trị cho họ.

Hai là làm cho quân tâm sĩ khí được phấn khởi; tinh thần họ phải yên vui hoạt bát mới nảy ra sức lực cường kiện cho mình dùng mà đánh giặc.

Tuy vậy, Xuân chưa nghĩ ra cách khích lệ tướng sĩ nên làm thế nào cho có hiệu lực mau chóng.

Giữa lúc ấy, tham tán Hoàng Đăng Thanh đến hỏi việc quân cơ. Xuân trả lời xong, thở dài, nói chuyện một cách thân mật:

- Tưởng là đuối giặc Xiêm rồi, anh em mình được về nghỉ ngơi dưỡng sức, chẳng dè lại vướng luôn của nợ Phiên An này, chưa biết đến bao giờ mới trả xong?

“Nam nhi vị liễu công danh trái, tu thính nhân gian thuyết Võ hầu” (Làm trai chưa trả xong nợ công danh, nghe người ta kể chuyện võ hầu tự lấy làm thẹn), Hoàng Đăng Thanh ứng khẩu đọc hai câu thơ của Phạm Ngũ Lão, danh tướng đời Trần, rồi cười và nói tiếp: Theo ý tôi tưởng, cái ngày anh em mình gỡ xong món nợ Phiên An, có lẽ không xa!

- Ông tin chắc thế ư? Xuân hỏi.

- Vâng, mà chắc tướng quân cũng tự tin như thế! Đăng Thanh đáp.

- Ông xem lực lượng quân giặc thế nào? Liệu chúng nó còn quật cường được nữa không?

- Ô! Chúng nó như cá nằm trên thớt cả rồi, còn gì phải nói.

- Chết nổi! Ông lại khinh địch thì có lúc khốn đấy.

- Không, tôi lấy thực sự mà nói, chứ không phải có ý khinh địch.

Tướng quân thử nghĩ xem: nếu quân giặc quả còn lực lượng khá, thì vừa rồi chúng nó đã thừa thắng phá vây đánh thốc ra. Lúc ấy cơ hội thật là dễ dàng, vì ngài Nguyễn Văn Trọng mới thảm bại, binh lực kém sút mỏng manh, mà các đội quân ta còn mắc chống cự với Xiêm ở Hậu Giang, không thể kéo lên tiếp ứng; dù kéo lên được cũng chẳng kịp nào. Thế mà quân giặc không thừa cơ hội đánh thốc ra, dù rõ lực lượng chúng nó mặc dầu thắng được nhất thời, cũng đã hao mòn, suy kiệt. Giờ ta chỉ có việc sửa soạn đâu đó, rồi đánh cho chúng nó một trận, như búa Thiên Lôi giáng ngay vào đầu chúng nó, là xong. Nhưng có một điều...

Đặng Thanh ngập ngừng không muốn nói tiếp, hoặc tránh sự động chạm vào lòng tự ái của Xuân, hoặc đợi ông này gạn hỏi sẽ nói. Hai người bây giờ mới có danh phận trên dưới (một đảng vừa mới được phong Thượng tướng, một đảng văn chức Tham tán từ khi đánh giặc Xiêm), nhưng trước là bạn đồng học, lại là đồng liêu, cho nên trong lúc đối diện đàm tâm, không khỏi quên cả hình tích và có vẻ anh em thân mật.

Quả nhiên, Xuân nóng nảy hỏi gạn:

- Nhưng có một điều thế nào?... Đang nói sao lại thôi đi?

- Ấy, tôi đang nghĩ về ông Thiên Lôi!... Đặng Thanh vừa vười vừa đáp. Thật thế, Thiên Lôi muốn đánh một búa chắc tay, không thể nào trật, tất nhiên phải mài lưỡi cho sắc, lấy gân cho cứng rồi nhắm đích cho trúng, chỉ giáng một búa là xong việc, chả phải đến hai. Nay ta muốn đánh một trận diệt trừ tặc đảng, cần phải bắt chước Thiên Lôi mài búa lấy gân, nghĩa là trước khi định đánh, phải làm thế nào chấn phát tinh thần chiến đấu của quân sĩ mới được, kéo họ mỗi một chán nản lắm rồi!...

Bị gãi trúng ngay chỗ ngứa, Xuân hớn hờ vỗ vai Đặng Thanh:

- Trời ơi! Người ta vẫn bảo ông là cái túi khôn, thật quả như thế... Ông làm như soi thấu ruột gan tâm não tôi... Cổ nhân nói: “Hạng người trí mưu, sở kiến giống nhau”; chính tôi đang băn khoăn nghĩ ngợi về chỗ ông vừa nói đó... Thôi, giốc nốt túi khôn ra đi!... Bây giờ,

ý ông định làm cách nào cho được chấn phát tinh thần chiến đấu của quân sĩ ta?

- Khó gì! Cho họ thả cửa ăn uống vui chơi, không lo tổn hại mất sức khỏe của họ đi sao?

- Không, kỳ thật trái lại, nếu ta biết xếp đặt các cuộc vui chơi cho họ. Phải hiểu họ toàn là người Thuận Quảng nghìn dặm vào đây, cậu nào lại chẳng có cái tình nhớ quê nhớ nhà; bấy lâu phải bó buộc thân hình, dầu dãi mưa nắng, bao nhiêu sự vất vả kham khổ làm họ càng thêm bức bối rầu buồn, giờ ta nên tìm cách cho họ giải trí mua vui mấy hôm, khiến tinh thần họ được thư sướng phần chấn trở lại, lúc ấy sẽ nói chuyện đánh.

- Thế thì việc này tôi ủy thác cho ngô huynh toàn quyền lo liệu nhé? Xuân nói và trao cờ lệnh cho Đặng Thanh. Này, cờ lệnh đây! Ông cố làm sao cho quân sĩ vui vẻ hăng hái, khi nào khả dĩ đưa họ ra xông pha chỗ chết được thì để đó phần tôi.

- Vâng, tiểu đệ xin lĩnh mệnh, vì là tướng lệnh, mà cũng là việc chung của triều đình quốc gia! Đặng Thanh đón lấy cờ lệnh và nói tiếp: Tướng quân giao cho tiểu đệ là thầy lang chữa bệnh chán nản của quân sĩ, vậy thầy lang xin đi kê đơn bốc thuốc ngay.

Từ giã viên môn ra đi, Hoàng Đặng Thanh tức thời bắt tay vào công việc.

Trước hết, các cơ các đội đều chia ra ba phần, để hai phần ở dinh túc trực, còn một phần thì được suốt ngày thông thả, cho phép đi dạo chơi phường phố trong Chợ Lớn hoặc các hương thôn quanh vùng Gia Định. Mỗi người lính được phát hai tiền để tiêu dùng trong lúc ngao du. Ngày mai đến phần khác trọn hưởng một ngày tự do. Cứ luân phiên cắt lượt như thế, người lính nào cũng được hưởng ba lần giải trí riêng, cho tới khi có những cuộc giải trí chung.

Cái hiệu Hoa thương trong Chợ Lớn và nhân dân ở Hóc Môn, Gò Vấp, cùng tiếp được giấy sức, kỳ hẹn ba ngày, phải đem nộp quân thứ: đèn, pháo, tre, gỗ, bánh trái, hoa quả v.v... để dùng vào việc khao lao quân sĩ. Bọn khách Chợ Lớn đang cần mua chuộc cảm tình của binh triều, có bao nhiêu đèn pháo trong hiệu đem ra nộp hết, mà không lấy về đồng tiền nào; lại còn tặng thêm các thứ thuốc men và

đường mật vô số. Các món vật dụng lục tục chở đến Xóm Chiều ngót trăm chuyến xe và thuyền.

Mấy hôm sau, tại đây và ở Gia Định bày ra nhiều cuộc vui chơi chung cả binh sĩ và dân chúng. Ban ngày có cờ người, đánh vật, bơi chải, múa gươm, bịt mắt bắt dê, thi lặn dưới nước; đêm đến rước đèn, đốt cây bông, hát tuồng Triều Châu.

Nguyễn Xuân khôn ngoan, tạm quên mình là bực thượng tướng, cũng đi dự các trò vui với binh sĩ, hỏi han người này, vồn vã người kia, tỏ ra vẻ thân yêu mật thiết.

Luôn năm đêm ngày, binh sĩ được ăn uống hả hê, vui chơi thả cửa, ai nấy đều quên sự nhọc nhằn đã trải, có ý thâm cảm lòng tốt của triều đình và quan thượng tướng đối với những người nằm sưng gỏi giáo, vì nước liều thân. Tâm hồn họ phần nhiều mộc mạc, không suy nghĩ gì xa xôi, cho nên chỉ một vài trò chơi và bữa chén, đủ khiến họ khôi phục tinh thần, giờ lại vui lòng để người ta giắt mũi đưa vào chỗ chết mà không chút gì ân hận.

Nhân dân Gia Định trông thấy giữa lúc can qua bối rối, lại vừa mới bị trận đòn khá đau, mà binh triều có vẻ ăn chơi nhàn hạ trấn tĩnh như vậy, tự nhiên họ đối với triều đình cũng thay đổi tình cảm khác hơn lúc trước. Trừ ra dân đạo vẫn thủy chung phản đối triều đình và giữ nguyên tình cảm với nghĩa quân Phiến An, còn mọi người thì đã dần dần tin tưởng sức mạnh của nhà vua, chắc hẳn quân giặc không chống cự được lâu nữa. Nhất là họ thấy Lê Văn Khôi đã qua đời, mà những người nổi chí thì kém tài năng và không được nhân tâm ái mộ như Khôi.

Nguyễn Xuân thi hành diệu kế của Hoàng Đăng Thanh, như một mũi tên bắn trúng cả đàn chim, không những khôi phục được tinh thần quân lính, thu hồi được hảo ý của nhân dân, lại gián tiếp làm cho nao núng ít nhiều vây cánh quân giặc trong thành nữa.

Những kẻ theo giặc bởi tình thế miễn cưỡng, bây giờ thấy gió xoay chiều, không khỏi mạnh tâm phản trắc.

Quả nhiên cuộc vui chưa tàn, Đăng Thanh đã nhận được mật thư của một người tên là Phạm Hữu Nguyên sai kẻ tâm phúc nửa đêm trèo thành đem ra xin hàng.

Đặng Thanh tất tả đem bức thư lại trình Nguyễn Xuân, nét mặt hớn hờ:

- Tướng quân xem cái mưu phần khởi quân tâm của tôi có kết quả đến thế này: bên ngoài binh sĩ ta vui chơi, khiến cho phe đảng quân giặc trong thành nao núng!

- Nao núng gì đâu? Xuân đón ấy bức thư và nói. Mấy bữa nay, quân giặc trong thành hình như cũng bày trò vui chơi, khao thưởng bộ hạ, có ý đối chọi với ta...

- Ấy, thằng tướng giặc Nguyễn Văn Trân quỷ quyết bày vẽ ra thế, muốn tỏ rằng ngoài thành chúng ta vui chơi nhàn hạ, thì trong thành chúng nó cũng nhàn hạ vui chơi, không kém cạnh gì. Nhưng phe đảng chúng nói nào phải trung nghĩa hy sinh với nhau cả đâu, tướng quân cứ xem bức thư sẽ biết.

Nguyễn Xuân vội vàng khêu đèn lên, xem bức thư, thấy văn chương trôi chảy, từ ý có vẻ thật thà, khẩn thiết.

Phạm Hữu Nguyên người viết mật thư ấy, trước vốn là quan lại của triều đình làm tri huyện Vĩnh Trị thuộc tỉnh Vĩnh Long, giữa lúc quân giặc chiếm cứ tỉnh này vào hồi tháng sáu tháng bảy năm ngoái. Đáng lẽ giữ thành đến chết, trọn đạo trung thần, Nguyên hèn nhát sợ hãi, lạy lục như tể sao và xin hàng giặc, lại biến nhiều mưu chước khôn khéo, giúp sức cho giặc trong công việc bình định Lục châu. Vì lúc ấy Nguyên thấy thế giặc mạnh như sấm, như sét, tưởng bề nào Lê Văn Khôi cũng xong việc khai cơ lập quốc ở miền Nam, thì mình không mất địa vị khai quốc công thần. Cỏ lai những phường quan lại khiếp nhược, sáng phò vua, tối theo giặc, là bởi sợ chết, mà cũng bởi mình sống với công danh phi thường như thế.

Nhờ lập công nhiều, Nguyên được Lê Văn Khôi đề ý, gọi lên Phiên An, phong cho một trọng chức trong phủ đại nguyên soái, giữ công việc văn thư giao thiệp.

Từ hồi thành bị vây, và trước ngày Khôi mang bệnh qua đời, Nguyên được Khôi thăng lên chức Đồng nhung, giúp Hậu quân đại tướng Võ Vĩnh Lộc cùng giữ Tuyên Hóa là chính môn thành Phiên An.

Nay thấy Khôi đã chết, xem chừng nghĩa quân gãy mất rường cột, không mong phần khởi như xưa được nữa, Nguyên bèn mạnh

tâm phản trắc, quay trở về triều đình, cho nên lên gửi thư ngỏ ý với Thượng tướng Nguyễn Xuân.

Trong thư đại ý tán tỉnh như sau này:

- “Ty chức xưa kia theo giặc, chỉ vì lâm phải sự thế bất đắc dĩ, nhưng trong thâm tâm không giờ khắc nào quên được ân đức trời bể của triều đình, những mong chờ có cơ hội để tỏ lòng báo đáp.

Hiện nay ty chức có trọng trách giữ cửa Tuyên Hóa. Bọn giặc bộ hạ, toàn là lính Hồi lương cũ, phần nhiều đã ăn năn hối hận, muốn được trở lại làm thần tử triều đình; những lúc cùng nhau nói chuyện tâm sự, họ vẫn ngỏ ý ước ao tha thiết như thế. Điều ấy ty chức dám lấy tính mệnh cam đoan.

Những bạn đồng tâm chúng tôi đã uống máu ăn thề với nhau, sẽ thừa cơ giết chết đầu đảng Nguyễn Văn Trân rồi mở cửa Tuyên Hóa cho binh triều tiến vào, hạ thành Phiên An và tận trừ đảng dễ dàng như một cuộc đưa sĩ tốt đi tiêu dao hóng mát vậy.

Thế là về phần triều đình có thể mau chóng dẹp loạn yên dân, mà về phần chúng tôi thì được cơ hội công đền tội trả. Dám mong nguyên soái lượng xét, bảo tấu với triều đình, cho ty chức được lấy công hiến thành ngày nay, bù tội lầm lỡ khi trước, thì ty chức xin sớm thực hành kế sách như đã bẩm minh v.v...”

Bản tính thận trọng và đa nghi, Nguyễn Xuân đọc bức thư xong, ném tọt xuống đất, lắc đầu và nói:

- Đồ trẻ con! Chúng nó lại tính kế trá hàng để làm thịt một mớ quân sĩ ta chứ gì?... Lừa dối thế nào được ta!

Đoạn, ngảnh lại nói với Đặng Thanh:

- Ông trả lời thằng đem thơ về bảo Nguyên rằng tôi sẵn lòng tâu xin triều đình cho y đại tội lập công; nhưng mỗi việc y phải thương lượng với Võ Vĩnh Lộc mà làm. Nhất là phải đốt kho thuốc súng của giặc trước khi mở cửa hiến thành, thì ta mới tin.

- Tướng quân bảo y thương lượng với Võ Vĩnh Lộc?... Đặng Thanh sừng sốt hỏi.

- Phải!

- Kẻ phản gián?

- Có lẽ như thế!... Xuân mỉm cười trả lời.
- Nếu vậy thì tướng quân mượn tay Võ Vĩnh Lộc giết Nguyên chứ gì?
- Ông tin rằng Nguyên muốn quy thuận là chân tình?
- Vâng, đồ tiểu nhân thấy ai yếu thì phản ai mạnh thì theo, xưa nay vẫn thế. Tôi quyết chắc hắn ta muốn giữ không rụng đầu lâu, thật tình xin quy thuận; nhưng đến việc đốt kho thuốc súng và dâng cửa thành, thì vị tất đã làm nổi với Võ Vĩnh Lộc. Nếu hắn thật thà, nghe lời tướng quân, đi thổ lộ tâm sự với Lộc thì nó giết chết mất...
- Ô! Được thế càng hay!... Xuân cau mặt, nói. Việc quân của mình chẳng thiệt hại gì, mà đời bớt đi một thằng phản trắc. Cho chúng nó đáng kiếp! Và lại, có mật dụ của Thánh thượng khuyên bảo chúng ta phải luôn luôn coi chừng lũ quan lại trước theo giặc, sau về hàng; vì sự hàng của họ chưa đủ làm tiêu cái tội theo kia. Chỗ anh em thân, tôi nói riêng cho ông biết: những kẻ như Thái Công Triều, chẳng qua triều đình tạm gởi cái thủ cấp ở trên cổ họ đấy thôi.
- Nhưng nghĩ như tướng quân, thì ta bịt mắt con đường cải tà quy chính của người ta còn gì?
- Ông đừng lo; đấy lại là một chuyện khác. Đến như bọn cùng cảnh ngộ với Nguyên, thì rồi tự thế bắt buộc, hết đũa nợ thì đũa kia, cầu cạnh lập công chuộc tội, chả thiếu gì đâu!

Cả hai người nói cùng có lý. Phạm Hữu Nguyên đại đột, hôm sau thổ lộ tâm sự với Võ Vĩnh Lộc, bị Lộc chém chết thật, bêu đầu ở cửa thành. Nhưng lũ rắp lòng phản bội, không vì trông thấy gương ấy mà sợ, vẫn kế tiếp trèo thành trốn ra, mong sự tăng công chuộc tội như thường. Lạ gì một tòa nhà sắp đổ, sâu một càng được thể sinh ra đục khoét thêm, trò đời vẫn thế.

Quả nhiên, luôn mấy ngày sau, đều có người trong thành lén trèo ra đầu hàng binh triều. Không phải là bạn đồng chí ăn thề hay bộ hạ tâm phúc của Khôi lúc đầu, họ chỉ là bọn bất đắc chí với triều đình, hoặc bách vì sự thế mà giữa đường theo Khôi, không ý tin cậy ở cuộc thành công của Khôi mà họ úy phục, sau đến cuộc ngoại viện của Xiêm mà họ cảm chắc gỡ được nước bí; nay Khôi đã chết và Xiêm đã thua, họ mất hết hy vọng. Bị giam hãm mãi trong thành khổ

sở, thêm phần nắm lỏng cái chết sắp sửa đến nơi, tự nhiên họ phải liều tìm đường sống, là trở về triều đình.

Nửa đêm, lãnh binh Võ Văn Duyên và một tốp bảy người nữa liều mạng chui qua lỗ cống dưới chân thành ra sông Thị Nghè, mấy lần chết hụt với cá sấu, mới lần mò đến thủy trại Trần Văn Năng, tự trói tay xin hàng, ngỏ ý hối hận.

Cả bọn được dẫn tới đại binh ở Gia Định. Không hỏi han gì hết, Nguyễn Xuân truyền giam cả lại, chờ lệnh triều đình phát lạc. Trước mắt ông, bất cứ một người nào từ trong thành ra, đều là tội nhân của triều đình hay là thám tử của quân giặc.

Nhưng một chập sau, Trương Văn Dĩnh mò đến, với tin tức quan hệ, khiến được ông thay đổi thái độ trước.

Lúc Dĩnh đến, vừa mở miệng xin quy phục, ông trợn mắt thét lính:

- Bay gông cổ thằng này lại cho tao!... Dem giam nó với tội ban này nghe!

Dĩnh đứng trả lời cứng cỏi:

- Té ra tôi ở trong thành theo giặc cũng chết, ra đây xin hàng triều đình cũng chết. Quan lớn có giết kẻ hàng thì cứ giết đi, hà tất trợn trừng và gào thét cho rát họng.

- À! Thằng này hỗn xược! Xuân giận quá, miệng nói tay rút gươm sẵn lại toan chém.

Dĩnh lùi xa mấy bước để tránh và nói lớn, cũng có vẻ giận:

- Tôi cốt đem một tin quân cơ hệ trọng để làm lễ tiến kiến đầu hàng, chưa chi quan lớn đã thịnh nộ muốn giết tôi; có giết tôi thì tôi đem tin tức quý hóa ấy theo xuống âm phủ là xong.

- Tin tức hệ trọng gì? Mày kiếm chuyện nói láo!

Dĩnh vốn là cuồng sĩ, bình nhật ngạo mạn đã quen, bây giờ tuy đứng trước mặt ông thượng tướng và cách xa gang tấc cái chết, nhưng không sợ hãi tí nào, bô bô cãi lại dõng một với ông Nguyễn Xuân:

- Quan lớn đã nghe nói tin tức gì chưa, mà dám bảo người ta kiếm chuyện nói láo nào?... Nói thật, chẳng có tôi, không khéo quan lớn đi theo ông Nguyễn Văn Trọng cho mà xem!...

Ông nghe chột dạ, đổi hẳn sắc mặt quăng thanh gươm đi và tươi cười nhìn Dĩnh:

- Ta muốn thử khí phách của nhà ngươi đây thôi. Nào, tin tức hệ trọng thế nào, nói đi!

- Chết rồi! Quan lớn thử khí phách như thế, tí nữa con không còn đời!... Giờ xin quan lớn ban cho một vài chén rượu áp kinh rồi con xin kể chuyện.

Lập tức, Xuân truyền lấy nậm rượu đưa ra. Dĩnh nốc một hơi cạn sạch rồi chậm rãi kể chuyện nội tình quân giặc và kế hoạch của chúng dự bị thi hành.

Cứ theo lời Dĩnh, từ độ Khôi chết, phú thác đưa con nhỏ và binh quyền cho Nguyễn Văn Trân, sĩ khí trong thành không được thuận hòa vượng thịnh bằng trước. Có một phe tướng tá, ban đầu có ý ganh công kỵ tài, không phục tòng Trân; chúng tầm ngầm mưu sử với nhau, toan bề tranh quyền bảo hộ Lê Văn Cừ - đứa con Khôi - và đoạt ngôi minh chủ của Trân. Nhưng con người lão luyện này chỉ chuộng nghĩa khí, phận sự không thiết gì hư danh; đối với bọn phản đối luôn luôn một niềm khôn khéo nhún nhường, mà đến kỷ luật trong quân thì giữ gìn nghiêm khắc và ngày đêm trông nom Lê Văn Cừ rất kỹ, sợ để hở cơ, bọn kia có thể làm hại đứa trẻ vô tội. Vì thế, phe bất bình vẫn phải nể mặt sợ uy, chưa có cơ hội gây ra nội chiến.

Đến sau, vì tướng quân Nguyễn Văn Trọng tháo thứ khinh địch mà phải tử trận và làm binh triều thảm hại hôm cuối tháng ba mới rồi, Trân thắng trận ấy mà địa vị hóa ra vững vàng. Bọn phản đối trở lại ăn năn, kính phục, nể sợ Trân một phép, không dám manh tâm gì nữa.

Duy có ngay hồi bấy giờ mưu sĩ của giặc là Tăng Vô Ngại bàn tính thừa thắng, đánh thốc ra ngoài thành rồi tiến thẳng xuống Hậu Giang, liên lạc thanh thế với quân Xiêm, có nhiều phần hy vọng khôi phục được cơ nghiệp dĩ vãng. Lão nói: “Chính tôi lúc trước khuyên can ông Khôi đừng nên mạo hiểm phá vây, thế mà nay tôi khuyên ông việc ấy, là vì tình thế mỗi lúc một khác. Bây giờ ta thừa thắng đánh bừa ra, chắc là giải vây cho thành Phiên An được đây!” Nhưng Trân lấy lẽ binh lực mình ít; binh triều tuy thua một trận, quân lính khí giới vẫn còn nhiều lắm, chớ nên khinh thường. Trân muốn luyện tập thêm

quân sẽ hay. Vì chuyện bất đồng ý kiến đó, Tăng Vô Ngại đã bỏ thành trốn ra, nói riêng với Đặng Vĩnh Ứng rằng đi Chân Lạp hoặc qua Xiêm tìm chỗ ẩn dật tu hành, chứ không mặt mũi nào quy phục triều đình và phản bội đồng chí. Lão già ấy đi, quân giặc thiệt mất một bộ óc khôn, chưa để tìm ai bù đắp.

Mấy tháng nay, Trần để hết tâm lực vào công việc rèn tập thêm quân để đánh giải vây. Hắn ta tự tin thời cơ giúp sức, từ khi thấy Nguyễn Xuân cầm quyền thượng tướng, lại chỉ để một lớp quân mỏng manh phòng thủ trước thành, còn đại binh thì rút về đóng ở Gia Định.

Huống chi vấn đề lương thực khủng hoảng đến nơi. Trước khi rút vào Phiên An, quân giặc đã tích trữ thóc gạo ngô khoai rất nhiều, có thể nuôi vài ngàn chiến sĩ một năm dư dật. Chúng xây hầm dưới đất, để thật kỹ lưỡng, tưởng chừng chỉ có ăn mất dần, không bao giờ hư hỏng gì được. Bất hạnh vừa rồi bị đạn bắn trúng, cháy rụi hết mấy kho; lại thêm mỗi một đục khoét mấy kho khác, thành ra phế vật trù liệu đủ cách, chứ không phải vừa; vả dụ trong thành còn trống miếng đất nào, chúng đều lợi dụng hết sức, trồng tía các thứ, cốt lấy cái ăn bổ sung cho quân lính, để cố thủ lâu dài. Song mười phần hoa màu ấy không thu hoạch được sáu bảy, vì thời tiết phá hỏng ít, mà vì khói đạn dày đặc tan nát nhiều.

Lúc trước, dân đạo bên ngoài còn có thể đêm hôm lén chở thóc gạo đến tiếp tế; có khi tới đôi ba thuyền gạo bởi rạch Thị Nghè, bí mật chuyển vận vào thành. Nhưng thủy sư Trần Văn Năng canh phòng đường nước gắt gao, bịt hẳn cái ngách vận lương ấy của giặc.

Vì thế, gần đây ngót hai nghìn chiến sĩ trong thành đã bắt đầu ăn uống thiếu thốn, kham khổ; chúng phải tính cách tiết kiệm vật thực, đến nỗi chia phiên cắt lượt với nhau, bữa nào ai ra chiến lũy mới được ăn no, kẻ nghĩ trong trại cam chịu ăn đói. Thóc gạo mới chẳng thấy tằm hơi đâu, còn lại ít kho thóc gạo cũ mỗi ngày tiêu mòn đi mãi; tính ra cũng chẳng còn được bao lâu.

Tình hình nguy khốn ấy bắt buộc quân giặc sắp phải dùng tới cực đoan. Bởi vậy, cách hai hôm nay - vẫn là lời Dĩnh nói - các tướng giặc có cuộc họp bàn sôi nổi, để tìm phương chống trả nạn đói. Ai nấy đều tán thành quyết nghị của Trần, nghĩa là sửa soạn toàn quân một

sống hai chết, mở tung cửa thành đánh thốc ra ngoài đôi lũy đường sống với giá đất thế nào cũng được. Nếu thắng được thì hay, ví bằng không thành công thì các tướng đồng thời đâm cổ tự sát tại trận, để cho quân lính đầu hàng triều đình. Từ Trân trở xuống, ngót ba chục tướng tá lớn nhỏ, đã thề nguyên nhất định với nhau như thế.

Nguyễn Xuân nghe Dĩnh kể chuyện tới đó, phải giựt mình tái mặt. Ông suy nghĩ nếu quân giặc quả có cái mưu như lời Dĩnh nói thì nguy cho mình; là vì ông đã rút đại quân về Gia Định, chỉ lưu lại trước thành một ít đồn lũy canh gác cầm chừng, quân giặc có thể xuất kỳ bất ý, thoát ra vòng vây như bôn.

Song ông vẫn còn nghi Dĩnh đặt chuyện làm quà, để dâng công chuộc tội:

- Chú nói câu chuyện vô bằng chứng ta khó tin quá! Ông nói và nhìn Dĩnh tròn trọc, cố xét thần thái của hắn.

- Phải, vô bằng chứng thì quan lớn không tin. Vậy xin quan lớn xem thử cái gì đây.

Dĩnh trả lời cứng cỏi, rồi móc túi đưa trình ông một tờ giấy ghi chép đại khái chiến lược của quân giặc định thi thố ra sao. Nhất là vị trí mọi đồn lũy binh triều ở chỗ nào, do cơ lính nào đóng giữ, số người bao nhiêu, viên tướng quản suất tên là gì, đều có ghi chép rõ ràng, tỏ ra quân giặc thám thính giỏi và quả có mưu đột kích thật.

Ông xem rồi lắc đầu le lưỡi:

- Chết nổi! Quân giặc thông tỏ binh tình của ta đến thế này ư?

- Bẩm vâng, có thế này mới tỏ ra tin tức của tôi là quý hóa! Dĩnh nói với giọng dương dương đắc ý. Muốn biết các tướng giặc cả quyết đến thế nào, tôi xin nói thêm để quan lớn rõ: hôm nọ chúng hội nghị, tất cả hằm hằm về sự đánh và sự chết, chứ không một ai chịu nói đến tiếng đầu hàng... Nay mai tất còn có nhiều kẻ khác phản giặc, trốn ra quy thuận triều đình; quan lớn cứ hỏi lại, sẽ nhận lấy lời tôi nói đúng.

- Được rồi, ta sẽ ghi vào sổ quân công cho nhà ngươi, và tâu xin triều đình bỏ qua tội trước cho! Nguyễn Xuân yên ủi Dĩnh và nói tiếp. Có điều bây giờ ta muốn sai khiến một việc, chẳng biết nhà ngươi có dám nhận không?

- Bẩm, việc gì quan lớn sai bảo tôi cũng dám lĩnh, trừ ngài giao trả tôi cho quân giặc thì tôi xin chịu!... Dĩnh gãi đầu, gãi tai, nói.

- Ô, chính ta muốn thế đấy.

- Trả tôi lại cho quân giặc?

- Ừ!

- Ấy chết! Nếu thế thì chúng nó làm mất mắt....

- Ta muốn phiên nhà ngươi trở về trong thành dò xét cử động của quân giặc, hề thấy gì lạ thì báo cho ta biết ngay... Nhà ngươi đã trốn ra được, tất cũng có cách lộn sông mà trở vào... Được thế công cán nhà ngươi càng to; triều đình chẳng những xá tội, lại sẽ trọng thưởng là đằng khác... Ta cho hai tên thủ hạ cùng đi với ngươi, nghe!

Dĩnh chết điếng cả người, tự biết việc sai khiến ấy có thể nguy đến thân mình, nhưng không thể nào không tuân lệnh. Tức thời, Nguyễn Xuân gọi hai tên thủ hạ thân tín là Nguyễn Văn Thanh và Nguyễn Văn Long, dặn dò cơ mật, rồi sai đi theo Dĩnh vào thành dò thám.

Đêm khuya, nhân được trời tối như mực, ba người lần mò đến chân thành, nghe ngóng giây lâu, tính quãng thang giây để trèo lên; bất đồ bị quân giặc đi tuần phát giác, kêu la rầm rĩ.

Ba người sợ hoảng bỏ chạy. Long và Thanh nhanh chân thoát được. Dĩnh say chập choạng, chạy sau, bị giặc bắn trúng vào bắp chân, ngã gục xuống; một chập gượng dậy, bò mãi gần sáng mới đến đồn lũy binh triều.

Nguyễn Xuân thấy tứ vi thành trì, lúc nào giặc cũng tuần phòng cẩn mật đến thế, trong bụng càng thêm lo.

Ông thâm nghĩ tướng giặc Nguyễn Văn Trân thật không là tay tầm thường; nó có thể bất thời kéo cả toàn quân đánh ra, như lời Dĩnh nói. Bởi vậy, ngay tảng sáng hôm sau, ông đem 5 nghìn quân ở Gia Định ra, bổ thêm lực lượng vào các đồn lũy để phòng ngự quân giặc.

Dĩnh đã nói đúng: số quan viên sợ chết, lăm le phản giặc trèo thành ra hàng còn nhiều; họ đùn ra dần dần nếu có cơ hội thoát hiểm. Mỗi chú có ý kiến xin tâng công chuộc tội một cách khác.

Trưa hôm ấy, tham tán Hoàng đẳng Thanh đang ngồi ở chái tây đại đồn Gia Định, xem xét công văn mới nhận ở Huế gửi vào, chợt thấy

hiện ra trước mặt mình một người hình thù cổ quái, góm ghiếc: mặt mày hốc hác, râu tóc xồm xoàm, thân trên mặc chiếc áo cánh đã rách tả tơi, ngoài khoác một tấm vĩ buồm để che mưa còn phần dưới thì đóng khố, phơi bộ đùi phù thũng, to và tròn như hai vị sủng thần công, Thoạt nhìn, tưởng chừng như người ở đời Toại Nhân Phục Hi còn sống sót, chứ không phải người kim thời. Nhất là trong quân đội triều đình, ai nấy nón sơn áo nẹp chỉnh tề, làm gì có hạng dị kỳ như thế.

Đặng Thanh giựt nẩy mình, quắc mắt thét bỏ:

- Thằng quý ở đâu đến thế này? Có việc gì?

- Bẩm, con tên là Lâm Ích, vừa ở trong thành Phiên An trốn ra; người lạ ấy cung kính trả lời.

- Ra xin quy thuận?

- Bẩm phải.

- Tội giặc không cho bay ăn uống gì sao mà hốc hác khốn nạn thế?

- Bẩm, lệ trong thành gần đây, duy có chiến sĩ mới được phép ăn no đủ lấy sức, còn những hạng già yếu vô dụng như con, chỉ được bữa khoai bữa cháo cầm chừng là may.

- Hắn mày bị chúng nó đánh đập hình phạt thế nào, sưng cả chân lên như hai cái trĩnh, thấy ghê?

- Bẩm quan, không phải! Con mắc bệnh phù thũng đấy.

- À quên! Cặp giò mày thế kia mà bảo trèo thành trốn ra được à?... Quân này nói láo, ông chém bay đầu đi bây giờ!

- Bẩm quan, thật tình chẳng phải tự con trèo thành ra được. Làm sao leo trèo với hai chân như hai cái vại này? Song, nhờ có thầy con ở trên mặt thành, thông dây thả con xuống đất.

- Thầy mày?

- Vâng, nghĩa là bề trên cơ lính con đóng ngày trước, tức thị quan thầy của con.

- Quan thầy mày tên gì?

- Thưa, lãnh binh Nguyễn Đức Diên, nguyên trấn thủ đồn An Lương...

- À, à! Ta nhớ hình như quen...

Đặng Thanh nói và mở quyển sổ ghi tên những quan viên chức sắc đã phản triều đình đi theo ngụy đảng, quả thấy có tên Nguyễn Đức Diên; dưới chừa thêm mấy chữ sau này: “Tự ý bỏ đồn, dẫn theo hơn trăm bộ hạ đầu hàng giặc Khôi, từ tháng 6 năm Tỵ”. trên đầu tên có chấm một chấm son, đánh dấu kẻ phạm tội nặng, không thể dung thứ.

Diên làm quan võ, đã thăng tới lãnh binh, nhưng bị tổng đốc Nguyễn Văn Quế không ưa, tổng ông đi trấn đồn An Lương thuộc hạt Gia Định, nhằm chỗ lam chướng, hẻo lánh. Vì thế bức mình, Diên đem cả quân lính, khí giới và lương thực của triều đình, tự đến hàng Khôi, ngay lúc Khôi mới khởi loạn. Vẫn biết là người võ nghệ xuất sắc, Khôi vui lòng dung nạp và tin dùng Diên, phong cho làm *Tả hộ vệ sứ Hồ Dực tướng quân*, thuộc phủ Đại nguyên soái, nghĩa là ở gần Khôi; bây giờ gần Nguyễn Văn Trân.

Nhờ có địa vị ấy, giờ định làm phản, Diên mới có bề thế dễ dàng, lén cho tên thủ hạ tâm phúc là Lâm Ích ra lọt ngoài thành, để giao thiệp với Hoàng Đăng Thanh về điều kiện quy thuận.

Do Lâm Ích thay mặt ngỏ lời, Diên khoa mình có thanh thế đối với những đội lính Hồi lương cũ, bản sao chúng theo vậy; lại được ở gần bên Nguyễn Văn Trân luôn; nếu như triều đình cam đoan xá tội cho y thì y xin tận lực lấy trung nghĩa dỗ dành bọn Hồi lương và đánh thuốc độc cho Trân chết, rồi y cùng các bộ hạ đồng tâm sẽ làm nội ứng cho binh triều lấy thành.

Trái hẳn tin tức mà Dĩnh đã ngỏ với ông Nguyễn Xuân trên kia. Diên báo quân giặc tuy có ý định toàn quân đánh ra ngoài thành, nhưng không phải vì lẽ thiếu ăn sợ đói. Sự thật, giặc muốn tiết kiệm lương thực cho được kéo dài lâu ngày, chứ không phải đã đến nỗi nào. Theo lời Diên, mấy nghìn chiến sĩ ở bên trong bức tường Phiên An còn đủ thóc gạo và thuốc đạn làm hàng muôn binh triều ở ngoài vát và còn lâu, mới động tới lông chân họ được.

Bởi thế, cái mưu của va định làm nội ứng và đầu độc Trân, để binh triều mau hạ Phiên An chính là một công cán to. Mai sau triều đình luận công hành thưởng, có thưởng va thế nào hay là không cũng được bây giờ có điều cần nhất là cam đoan quên bỏ lỗi trước, đừng

truy vấn cái tội va phản vua theo giặc, có thể thì va xin tận lực với triều đình.

Diên lo cứu thủ cấp mình, không ngại mặc cả với triều đình một cách ráo riết, và lại đòi có giấy mực để làm bằng.

- Được rồi!... Đặng Thanh mím miệng cười gằn, trả lời Lâm Ích. Đợi ta viết thư cho đem về.

Lập tức, Đặng Thanh viết mấy hàng văn tắt cho Diên cầm làm bằng, dưới đóng ấn “*Gia Định quân thứ*” đỏ chói. Đại ý bức thư như sau này:

“Nhà người biết ăn năn hối quá, dốc lòng trung nghĩa, thế nào triều đình cũng lượng thứ việc cũ và ban thưởng cho xứng. Vậy phải hết lòng làm sao cho mau thành việc đã hứa.”

Viết rồi trao cho Lâm Ích:

- Đây, cầm cái này đem về trao cho lãnh Diên và căn dặn y làm việc cẩn thận nghe!

Lâm Ích nhận thư toan đi, Đặng Thanh ra hiệu bảo hãy đứng lại và hỏi:

- Mày lại trở vào thành được à?

- Bẩm không...

- Không là thế nào?

- Thưa, con một lần ra thoát, đã là vạn hạnh, còn trở vào làm gì?... Con có cách riêng đưa tin cho quan lãnh... Và lại con thân tàn ma dại thế này, trèo thành trở về không nổi!

- Ủ nhỉ, ta quên!... “Tráng sĩ nhất khứ bất phục hoàn”... Đặng Thanh gật gù đọc câu cổ thi ấy, có vẻ tự đắc mình nhớ sách, và đem ra tức cảnh rất hợp.

- Bẩm quan lớn, con đâu dám đương hai chữ “tráng sĩ”... Lâm Ích ứng khẩu nói, trong ý tưởng Đặng Thanh đọc câu thơ ấy vì mình. Thưa, với con thì “Bệnh phù nhất khứ bất phục hoàn” có lẽ hợp người đúng cảnh hơn.

-Ồ! Chú này cũng biết chữ ư? Đặng Thanh sừng sốt hỏi, giờ gọi bằng chú, không mày tao nữa.

- Dạ, lúc trước con có đi học, đã thi vài khoa vào nhất trường, rồi phần chí, cho nên gác búi đầu quân.

- Tội nghiệp, thế mà đi theo đảng nguy, ta tiếc hộ chú! Đảng Thanh nói và thở dài, thương hại cả người bệnh lẫn nhà nho.

- Quan lớn có lòng đoái thương như thế, con rất cảm động... Chẳng qua vì tình thế bức bách phải theo bề trên, chứ bản tâm con đâu có muốn làm người phản bội triều đình!

- Thôi, chú đi thông tin cho lãnh Diên, rồi trở lại ta cho ở đây thuốc men điều dưỡng, nhân tiện làm chân thơ lại; rồi ta tìm cách xóa tên trong sổ “tòng nguy” đi cho, khỏi sợ tội vạ... À này, chú làm sao đưa thừa vào thành cho lãnh Diên được? Phải cẩn thận cho lắm, kéo nguy cho hấn ta đấy, nghe!

- Bẩm, con có cách bí mật và chắc chắn đến nơi thầy con...

Lâm Ích tỉ mỉ kể chuyện và cùng lãnh Diên đã giao ước nhau, lựa chọn một khoảng cực vắng vẻ ở thành hậu làm chỗ tin đi mỗi về. Đằng sau thành, khoảng ấy toàn là đầm vũng sinh lầy, cả binh triều và quân giặc cùng không đặt đồn lũy canh phòng gì ở đó. Đêm khuya, Lâm Ích sẽ đi men bờ, đến bên chân thành, đếm từ cây trụ đá phía hữu trở đi, cách năm chục bước, sờ thấy một hòn ngói buộc sợi giây gai nhỏ, từ trên mặt thành truyền xuống tới đất; có thư từ tin tức gì cứ buộc vào đấy, rồi lãnh Diên sẽ mò đến rút lên.

Vì được địa vị tin cẩn như ta đã biết, lãnh Diên thường đêm có phận sự đi tuần phía sau thành, có thể tự nhiên đến chỗ sợi giây nhận tin hoặc gởi tin với Lâm Ích mà không ai để ý, không sợ phát giác.

*

Nhận được tin Lâm Ích, nhất là mấy hàng thủ bút của Đảng Thanh hứa hẹn trân trọng, lãnh Diên vui mừng khắp khởi, nửa đêm đi lại trên mặt thành, trong chí không tưởng gì đến phận sự tuần phòng mà chỉ suy nghĩ về việc phản bội.

- Nếu thế thì ta sửa luôn cả Trân với thằng Cừ một lúc, công cán tất sẽ to hơn! Lãnh Diên tự nghĩ. Phên này xong việc, triều đình chẳng những không bắt lỗi ta, lại còn trọng thưởng là khác. Cái chức Đề đốc nắm lòng trong tay!

Diên xây mộng kê vàng trong trí, vì định chắc việc làm ngon ăn lắm, nhưng một lát, hấn lắc đầu nói lắm bầm một mình:

- Khó nhất là làm sao đánh lừa được con ranh con!

Ngoài bức thư, còn một gói gì nhỏ của Đặng Thanh trao tay Lâm Ích gửi vào cho, Diên bỏ vào túi kỹ lưỡng rồi bước xuống thành đi về trại; vừa nói vừa tư lự, nếu ai đi bên cạnh tất nghe hấn chắt lưỡi, nói câu này hai ba lần”

- Ô! nhất thành nhất bại... Đã túng thì phải tính, còn hơn là chết khô như con nằm ở trong vòng vây này!

Diên gọi “con ranh con” tức là cô Tần.

Từ khi anh ruột và người yêu đồng thời tử trận, cách sau mấy tuần, bà chị dâu cũng buồn rầu mà chết, nàng trở nên người chơ vơ, côی cút, tứ cố vô thân. Có lúc nàng quẩn trí, đã toan ra cây mít sau nhà, thắt cổ chết theo anh và Trần Hạnh. Nhưng nàng nghĩ lại mình chẳng báo thù được mảy may cho cốt nhục và ái tình đã vội chết, té ra uổng phí vô ích. Chí bằng cứ sống; sống nguội lạnh về mặt thể sự nhân tình, nhưng mà sống nồng nàn với chí khí báo thù tuyệt hận. Nàng nghĩ thế cho nên cố gắng ngậm sầu nuốt khổ mà sống. Sung vào đội hỏa đầu quân, nàng lo việc thổi cơm nấu nước, xay lúa giã gạo, suốt ngày làm vất vả, không hề oán thán, cũng không hay chuyện văn nói cười với ai, dù trong bọn đàn bà con gái đồng sự cũng vậy.

Người ta tôn kính sự đau khổ của nàng, để nàng lặng lẽ, không ai muốn gọi chuyện, sợ đánh thức ở nàng những nỗi thương tâm.

Được mấy hôm, Nguyễn Văn Trân nghe tiếng, gọi nàng vào ở trong soái phủ, coi như con em, giao trọn công việc bếp nước và trông nom Lê Văn Cừ.

Trân biết nàng là người trung thành, lại có nghĩa khí, và khá võ nghệ, nên muốn nàng ở với Lê Văn Cừ cho có bạn, nhân thể sẵn sóc bảo hộ đứa trẻ mồ côi ấy giúp mình. Vì lúc trước trong hàng tướng sĩ có phe ganh ghét, âm mưu với nhau định khuynh đảo Trân để cướp ngôi đại nguyên soái, mà công việc đầu hết là bắt lấy Lê Văn Cừ. Ai cũng biết nội tình Phiên An từ lúc Khôi qua đời, Cừ là cái đầu Trân là cánh tay. Gần đây, nhất là sau trận đại thắng tỏ tài của Trân như ta đã

biết, chính bọn phản đối đã phải ăn năn tâm phục rồi, nhưng Trân vẫn nơm nớp phòng bị nhân tâm biến chuyển bất trắc. Huống chi trong thành có nhiều quan lại binh sĩ của triều đình theo hàng bấy lâu, chính là phần tử khiến Trân đem lòng quan ngại hơn cả.

Chúng có thể làm hại đến tính mạng thẳng Cừ không chừng. Trước mắt Trân, thằng bé sáu tuổi ấy là linh hồn của nghĩa quân, để sự gì xảy đến thân nó, thì Trân phụ lòng ký thác, trái lời thề nguyện với Khôi, mà nghĩa quân cũng mất tính cách thiêng liêng, không còn cổ kết nhân tâm được nữa.

Bởi vậy, Trân lo gìn giữ bảo hộ Cừ hơn là bản mệnh, lúc phú thác cho cô Tần, không quên bày tỏ điều ấy. Trân lấy một thanh gươm đặt vào tay nàng, căn dặn tha thiết:

- Thanh gươm này để giết kẻ nào xâm phạm đến Cừ, hoặc em tự giết lấy em, chứ không để cho Cừ lọt vào tay ai!

Nàng rơm rớm nước mắt nhận lấy thanh gươm và mệnh lệnh.

Từ đây, nàng phụng sự Trân như cha như anh, chăm nom Cừ như em như chủ, dồn cả ngày giờ tâm trí vào sự sống yên lành của hai người ấy.

Cơm nước hằng ngày, bất quá rau dưa chẳng khác gì ai, nhưng chính tay nàng sửa soạn lấy cho Trân và Cừ ăn, kéo sợ có kẻ thừa hư đầu độc. Lúc nào Trân ra chiến lũy thời nàng nắm cơm với thức ăn, bỏ vào trong giỏ, niêm phong cẩn thận, rồi sai người lão bộc đem đi, giao hẹn giữa đường không để ai làm mất dấu niêm, bất cứ vì lẽ gì.

Lúc rỗi nàng đem những truyện anh hùng liệt sĩ đời xưa, kể cho Cừ nghe, chủ ý muốn cấy sâu mầm giống cách mệnh triều đình vào trong đầu óc nó. Ngày đêm, nàng không rời thằng bé ra ngoài tầm con mắt lúc nào. Từ cơm cháo đến hoa quả bánh trái, không có miếng ăn thức uống nào cho nó mà nàng không xem xét, cẩn thận. Nó mất cha mẹ sớm, tự nhiên thân yêu nàng, riu riu bên nàng, xem như một người vú nuôi, hơn nữa, một bà mẹ non vậy.

Lãnh Diên là một trong số mấy người vì phận sự năng ra vào soái phủ, tức là gần gũi Trân. Không hiểu sao chính Diên là một người khiến nàng gườm gườm để ý nhất, từ hôm nàng vào ở soái phủ.

Có lẽ tại Diên vốn cự tướng triều đình theo hàng nghĩa quân về sau, chứ không phải bọn anh em đồng minh lúc đầu?

Nhưng có lẽ tại thấy Diên mắt to mắt nhỏ mà nàng không ưa, vì nàng nhớ lại bình thời anh chị có lúc nói chuyện cho biết rằng người nào *“lưỡng mục bất tề, tâm chung bất chính”*.

Nàng sinh nghi nhất, từ hôm Diên gọi chuyện với nàng và tò mò hỏi đến sự ăn uống của Trân và Cừ.

- Mỗi bữa, chủ soái ăn cơm có được nhiều không, cô nhỉ? Diên hỏi.

- Ngài cũng ăn phần lương thực như các tướng sĩ, chứ làm gì có hơn! nàng nhìn vào mặt Diên mà đáp.

- Nghĩa là cũng có hôm phải ăn giảm một bữa?

- Chính thế!

- Dễ thường đồ ăn cũng bất ngoại mắm muối và cá khô là cùng?

- Vâng.

- Cả công tử (trở vào Cừ) cũng thế?

- Phải, cũng thế! Nàng cố trả lời lạt lẽo cho Diên thôi đi mà không được.

- Mỗi bữa, hân chủ soái và công tử ngồi ăn chung một mâm?

- Cố nhiên, chỉ trừ lúc nào ngài mắc việc ở chiến lũy.

- Tội nghiệp! Tôi kính trọng và thương hại quan chủ soái hết sức... Diên nói và thở dài, làm bộ buồn bã. Ngài ăn uống kham khổ quá thế thì chịu sao cho được, cô nhỉ?

- Ông tính ở trong cảnh ngộ này, ngài phải chung chịu với tướng sĩ và lấy mình làm gương cho mọi người chứ!

- Đã đành rằng thế, nhưng ngài có trách nhiệm nặng, công việc nhiều, tất phải bổ dưỡng mới có sức khỏe mà gánh vác phận sự. Có thực mới vực được đạo, cổ nhân đã dạy... Không mong hằng ngày hằng bữa, có điều mâm cơm ngài xơi, thỉnh thoảng nên có món ăn bổ dưỡng, một bát gà hầm hột sen hay một cái chân giò chẳng hạn!

- Chết nổi! ông nói tôi đủ thềm nhều nước miếng! Nàng nói và bật cười. Lấy đâu ra những của quý ấy ở trong vòng vây này?

- Cô tưởng thế, chứ muốn cần dùng đến chẳng thiếu gì!

- Đâu mà sẵn thế, ông?

- Ngay trong thành này chứ đâu! Cô không biết trong làng xóm cũng còn có nhà nuôi gà. Còn muốn ăn thịt heo, vẫn có thể mua ở ngoài thành đem vào kia mà!

Nhưng tôi biết ý quan chủ soái không khi nào chịu lấy tiền kho ra mua món ngon vật lạ, để độc hưởng cho sung sướng một mình... Không! Không!... Ngài muốn thủy chung sống khổ như tất cả tướng sĩ.

- Bởi thế, tôi nghĩ không đành tâm chút nào, cô ạ! Ngài ở ngôi minh chủ, sự phụng dưỡng tất phải khác người, chẳng ai trách vào đâu được... Tôi định thỉnh thoảng kiếm một vài món ngon giai vị để dâng ngài dùng... Lúc này tảo được con gà trống thiến, tôi đã bảo lính nấu món hầm, chóc nữa đem biếu mấy bát, cô nhớ dọn bữa ngài xơi nhé!

- Vâng...

Nàng trả lời vắn tắt, rồi ngảnh lại dắt Cừ ra sau vườn chơi.

Quả nhiên đến chiều, lãnh Diên thân hành đem lại soái phủ một mâm đồ biếu, trong đĩa hai bát gà hầm, một đĩa xào lòng hũy còn nóng hổi, mùi thơm ngào ngạt. Cô Tần niềm nở đón lấy và nói:

- Ông có lòng tốt thế này, chắc hẳn chủ soái cảm động khôn xiết... Chóc nữa tôi dọn để ngài xơi, khỏi nói cũng biết ngài sẽ thấy thích khẩu ra sao... Bao lâu nay mới có mấy món giai vị như vậy.

Nàng day lại nói với Cừ:

- Bữa tối nay tha hồ cậu xơi ngon miệng nhé!

Lúc ấy Trần còn mắc việc ở cửa Tuyên Hóa, một chập sau mới trở về dinh. Nàng kể lại đầu đuôi rồi nói một cách như van lơn.

- Cháu muốn xin bác đừng dùng mấy món đồ ăn này!

XVII. NGÓT 2.000 NGƯỜI BỊ CHÔN SỐNG!

Thảm thoát đến ngày 13 tháng 7 năm Ất Mùi...

Chúng ta đã nhảy qua một thời gian độ chừng mười tháng.

Trong khoảng mười tháng ấy, binh triều vẫn vây bọc bên ngoài, quân giặc vẫn cố thủ trong thành, hai bên chỉ thủ thế cầm chừng, thỉnh thoảng mới có một trận giao chiến nho nhỏ, mà phần thiệt hại, binh triều thường phải gánh chịu nhiều hơn.

Tuy vậy, cái lực lượng quyết thắng vẫn thuộc về cánh quân vây bọc bên ngoài, còn cánh quân bị giam hãm giữa bốn vách tường, dù có dũng cảm đến đâu, nhưng vì cạn lương đuổi sức, chỉ còn một việc kéo dài ngày giờ kháng chiến được chừng nào hay chừng ấy, rốt cuộc cũng phải đến lúc tận số: một hàng, hai là chết. Họ thừa biết chống cự mãi cũng đến chết, mà có đầu hàng cũng không mong được sống nào, cho nên họ quyết đánh tới cùng, chẳng chịu hàng phục.

Tình thế chênh lệch bày ra hiển nhiên: binh triều càng ngày càng xếp đặt vững thêm công cuộc đánh phá, trong khi quân giặc càng ngày càng đi sâu vào cảnh thiếu cơm đuổi sức.

Chúng ta đã biết cuối mùa thu năm ngoái, Hoàng Đăng Thanh mưu đánh thuốc độc Nguyễn Văn Trân không thành, nhờ có trí sáng của cô Tần, mà Trân thoát nạn. Lại nhân vụ ấy vỡ lở, Trân đề phòng rất mực nghiêm nhặt, khiến bọn chân trong chân ngoài không thể đào thoát và làm tai mắt cho binh triều được nữa.

Khi thấy đầu lĩnh Diên bên trên mặt thành, đại tướng quân Nguyễn Xuân chẳng lấy làm quan hệ khinh trọng gì, vì ông là một tướng võ trăm phần trăm, đã phụng mệnh nhà vua giao cho công việc đánh giặc thì chỉ nghĩ cách đánh, chứ không muốn dùng những thủ đoạn ám muội, như là phản gián hay đầu độc chẳng hạn. Nhưng Đăng Thanh thì lấy làm khó chịu, thấy việc mình chủ trương lại hỏng; nhất là nghe Nguyễn Xuân hỏi đùa một cách phong nhã mà điều cốt kín đáo:

- Thế nào!?... Hắn ông đã nghĩ xong câu đối phúng Nguyễn Văn Trân rồi?

- Nghĩ là tức trào máu!... Đặng Thanh nhăn mặt và đáp. Thuốc độc như thế mà Trân ăn phải không chết, thật tôi không biết nói thế nào! Hay là nó có ngọc quý trong mình, cho nên đạn bắn không trúng và thuốc độc không phạm được chăng?

- Sao ông này còn tin tưởng những chuyện dị đoan được thế? Nguyễn Xuân vừa nói vừa cười. Chắc hẳn thuốc độc của ông không phải là thuốc độc chứ gì!

- Bẩm không! Hôm nọ chúng tôi thân hành vào Chợ Lớn cân thuốc rồi tự tay tôi điều chế, tự tay tôi đưa Lâm Ích để trao cho lãnh Diên... Thiết tưởng, ai ăn nhầm mấy vị độc ấy cũng chết lăn đùng không kịp ngáp mới phải. Có lý nào Trân trúng độc mà còn sống được?... Tôi lấy làm bức tức vô cùng!

- Ôi! hơi đâu mà bức tức! Xuân vỗ vai Đặng Thanh nói... Đầu thằng Diên phơi nắng trên mặt thành kia, chỉ tỏ việc nó làm bại lộ mà Trân không hề nhúng môi vào thuốc độc tay ông bào chế...

- Vâng, có thể chứ! Đặng Thanh ngắt lời Xuân và nói cách đặc ý. Nếu nó nhúng môi thì đã chết tám đời rồi, còn đâu!

- Tôi khuyên ông từ nay đừng nghĩ đến việc chiêu hàng hay đầu độc như thế nữa. Có đánh thuốc độc chết thằng Trân này, quân giặc sẽ có thằng Trân khác lên thay quyền cầm quân, chống cự triều đình như thường. Bây giờ chúng ta chỉ có việc đường đường chính chính mà đánh chúng nó, phá tan sào huyệt, trừ sạch loạn đảng, để phục mệnh triều đình.

Nghe nói tiếng “đánh”, Đặng Thanh đổi ngay sắc mặt, đang buồn hóa vui, vì sự thật từ hôm Nguyễn Xuân phụng chỉ thay Nguyễn Văn Trọng nắm giữ binh quyền trước thành Phiên An, chưa giao chiến với giặc trận nào cho ra trận. Đang ức về chỗ mưu trừ Nguyễn Văn Trân để lập công mà hóa thất bại, Đặng Thanh vui mừng nghe nói sự đánh:

- Vâng, xin tướng quân ra lệnh tiến công đi!... Hôm nào bắt sống thằng Trân, cho tôi mổ lấy lá gan của nó mà ăn mới được thỏa nguyện.

Xuân chưa kịp trả lời, Đặng Thanh đã nói tiếp:

- Vả lại có dụ chỉ của Hoàng thượng hai ba phen giục giã tiến công để dẹp loạn Gia Định cho mau xong việc hẳn tướng quân còn nhớ.

- Phải, tôi nhớ lắm! Xuân đáp. Kẻ làm tôi con, nhất là làm tướng cầm binh ở ngoài, khi nào dám quên lời thánh chỉ. Có điều mùa này đã quá mùa dùng binh mất rồi, mà thật ra binh lực cũng chưa đủ quyết chiến. Những điều ấy tôi đã tâu rõ về triều, chắc được Hoàng thượng chuẩn y... Các ông nên tin nơi tôi, tôi định đánh một trận là xong, không phải dây dưa. Nhưng hiện giờ chưa đến lúc đánh.

- Thế thì bây giờ chỉ đóng binh ở đây cho họ ăn no dưỡng sức hay sao? Đăng Thanh hỏi lại, có ý bất mãn, vì nghe Xuân mới nói chưa phải lúc đánh.

Vốn người ưa thực hành nhiều hơn đàm luận, Xuân lẳng lặng tìm chồng giấy công văn, rút lấy một tập giấy viết chân phương hàng tám, mỗi trương giáp lề, đều đóng dấu son "*Gia Định Quân thứ*", trao tay cho Đăng Thanh và nói:

- Phương lược phá giặc của ta ở tất cả trong này. Giờ tôi ủy thác ông cứ y theo đây mà thi hành, mỗi ngày có tôi trông nom kiểm xét... Ông liệu thi hành cho đúng, một mai khai hoàn, tôi sẽ tìm một cô gái Huế tuyệt sắc, thưởng cho làm tiểu tinh - Nguyễn Xuân nói và cười, rồi trở lại nét mặt nghiêm chỉnh, - nếu như vi lệnh thì chiếu theo quân pháp đây, nghe!

Trước mệnh lệnh chủ tướng, Đăng Thanh đã lấy tập giấy công văn, chưa kịp xem trong ấy phương lược thế nào, cũng không dám hỏi han gì khác.

*

Thật thế, bọn Khôi dấy loạn và chiếm cứ thành trì Phiên An đã lâu ngày, binh triều chỉ thấy tổn hại mà chưa làm gì nổi, vua Minh Mạng lấy làm sốt ruột. Thử thời nam bắc cùng có giặc giã nổi lên tứ tung, dân gian thường bị mất mùa và khổ về việc binh, có ý oán thán đời mình không được thái bình an lạc; những lời ấy bay đến triều đình, khiến nhà vua bức dọc, đứng ngồi không yên. Chỗ này giặc chưa dẹp xong, đã có giặc khác dấy lên chỗ kia, triều đình cơ hồ không đủ binh tướng để ứng phó khắp cả mọi nơi, đến nỗi có mặt trận xin binh tiếp ứng rất gấp, mà triều đình thu xếp lúng túng chậm trễ, hoặc không còn cơ vệ nào rảnh, có thể sai đi.

Huống chi Gia Định vốn là đất khai cơ của bản triều, lẽ nào để có một bọn cứng đầu kháng cự mãi được? Nhà vua nóng ruột tiểu trừ đám ấy trước nhất.

Bởi vậy, nội mùa thu năm Ngọ, hai phen vua Minh Mạng hạ chỉ thúc giục Nguyễn Xuân tiến binh, miễn là quét sạch ngụy đảng và thu lại Phiên An, bất luận đánh đổi với giá đất nào.

Nhưng mỗi lần Nguyễn Xuân đều dâng sớ xin hoãn, lấy cớ rằng mùa này mưa gió bùn lầy, dùng binh không tiện; vả lại, thể giặc xem ra còn to, mà binh triều hiện có trước thành Phiên An không đủ một trận quyết chiến, vậy phải đợi mùa là một, thêm binh là hai, mới có thể tiến công và nắm cơ tất thắng.

Nhân dịp ông dâng ngự lãm và xin châu phê một vài phương lược thiết yếu mà ông đã trù nghĩ chín chắn.

Một là xin dùng ngay binh lực trong khi chưa đánh, thêm với ân phụ sở tại, xây đắp chung quanh vòng thành Phiên An, những ụ đất cao hơn mặt thành, trên dựng pháo đài chiến lũy, đặt súng thần công, để tiện ngắm trúng đích mà bắn vào các kho tàng cùng cơ quan phòng ngự của giặc. Công cuộc này lợi tiện cho việc hành binh nay mai, nhưng phải thi hành tốn kém một khoản tiền to, - độ mười vạn quan! - tự ông không dám quyết định.

Mà trước khi hành binh, những ụ đất ấy còn có công dụng khuy thám nhất cử nhất động của giặc; dù chúng có muốn tẩu thoát ra ngoài cũng chẳng được. Một mặt khác, thủy sư chặn hết các ngả sông và bộ binh tuần phòng nghiêm nhặt bịt chặt các đường hiểm yếu, không để quân giặc tiếp tế lương thực vào đâu được nữa, tự nhiên dần dà đói ăn kiệt sức, bây giờ chỉ đánh một trận là bắt sống tất cả.

Hai là xin cho phép bắt lấy dân đinh sở tại Lục tỉnh ra sung quân, như thế vừa thuận tiện hơn là cho viện binh từ Thuận Quảng hay các miền khác ở Bắc Hà vào. Lính xa đưa đến, không quen khí hậu, không thuộc thung thể cho bằng người sinh trưởng ở ngay chỗ dùng binh. Ví dụ cứ chiếu đinh số năm tên lấy một là vừa. Có điều mất công luyện tập ít lâu rồi mới dùng được.

Sự thật từ lúc Gia Định có cuộc loạn đến nay, binh triều đã bị thiệt hại nhiều; tính cả đến vài ba vạn người, già nửa chết vì tay giặc,

non nửa chết về bệnh tật, lam chướng. Triều đình dấu diếm chỗ ấy, sợ làm kinh động dân tâm. nếu cứ đem binh đàn ngoài vào tiếp ứng mãi, lòng người không khỏi nhốn nháo sinh nghi, bởi vậy Nguyễn Xuân muốn bắt lính sở tại, vừa được êm thấm, lại đỡ sự phiền phí chuyên chở.

Cả hai phương lược của Nguyễn Xuân đều được vua chuẩn y, tức là phương lược Nguyễn Xuân đã giao cho Hoàng Đăng Thanh thi hành.

Bắt đầu tháng chín, tứ phía ngoài thành, cách xa độ ba trăm thước, binh lính và dân phu làm việc tấp nập. Người khuân tre gỗ, kẻ vác sọt đất, ai nấy phơi mình trần dưới lò lửa mặt trời, vừa làm vừa hát, cho quên sự mệt nhọc.

Số người phục dịch đông như kiến, cả dân lẫn lính đến ngót ba vạn; họ làm quần quật từ sáng sớm đến tối mịt, bởi việc quân cần làm gấp rút.

Đăng Thanh phải cỡi ngựa đi vòng quanh chỉ huy; Nguyễn Xuân cũng ra đứng dưới nắng, trông nom chăm chút.

Không đầy sáu tháng, ngoài bốn mặt thành Phiên An, nổi lên bốn chục ụ đất đắp cao như trái núi nhỏ, từ dưới đi lên, có bậc xây rộng, trên mặt bằng phẳng, có thể dung được hai ba chục người đi lại thông thả. Trên mỗi ụ xây vòm gác kiên cố và đặt một cỗ súng thần công hướng mũi vào thành. Từ ụ này có đường thông sang ụ kia, ngoài cấm cừ tre đeo nhọn, chằng chịt lấy nhau, cốt để đỡ đạn cho quân lính khi họ chạy đi chạy lại.

Tóm lại, ngoài thành Phiên An như dựng lên một lớp thành mới bao bọc, mà lại cao hơn; đứng trên vòm gác trông suốt vào trong thành, quân giặc cử động gì đều thấy tỏ rõ.

Công cuộc xây dựng của binh triều sở dĩ đến sáu tháng mới hoàn thành, là vì ban đầu thường bị quân giặc thừa lúc đêm tối, lên ra đốt phá tai hại.

Lúc bên ngoài mới khởi công, Nguyễn Văn Trân đứng trên vọng lâu dòm ra, trông thấy binh dân tấp nập khiêng tre vác đất, hiểu ngay là binh triều xếp đặt công cuộc, quyết kế phá thành. Trong ý Trân phập phồng lo sợ, nhưng không phải lo sợ mà chịu bó tay chờ chết, chẳng cố sức đối phó lại thế nào?

Một mặt, Trần đốc sức thử hạ đào thêm hầm hố để cất dấu lương thực và thuốc đạn, sửa sang lại các chiến lũy cho được kiên cố, kín đáo hơn. Phàm các chỗ hiểm yếu xem chừng bên địch dòm dò nhất, Trần đều sai đóng cừ đặt súng, bố trí cách thức phòng thủ khác trước. Nhất là từ cửa Tuyên Hóa vào đến đại trại, hai bên đường có chôn địa lôi và gài cạm bẫy rất khéo; vì Trần đoán trước nay mai binh triều tiến công, tất là chú trọng phá cửa Tuyên Hóa hơn cả, dù có lọt vào trong thành, cướp được đại trại, cũng phải đánh đổi máu thịt với một giá cực đắt.

Chỉ khổ cho nghĩa quân, là những việc phòng thủ ấy toàn phải làm mò mẫm ban đêm, vì sợ làm ban ngày, bên ngoài có thể dòm thấy. Mà đêm khuya cũng không dám dùng đèn đuốc, họ hì hục làm mò với nhau, gọi là ánh sáng chỉ có mấy ngôi sao nhấp nháy ở không trung chiếu xuống.

Một mặt khác, Trần kén chọn một bọn trai trẻ, nhanh nhẹn, dám hy sinh tính mạng, sai họ đêm khuya lên ra ngoài thành, gài địa lôi phá vỡ những pháo đài và lũy đất của binh triều đang xây đắp dở dang; hoặc dùng các vật dẫn hỏa tưới đốt những đồng tre gỗ chất cao như núi.

Mỗi khi, thủ đoạn mạo hiểm ấy làm xong, họ chạy trở về thành được càng hay, nếu rủi ro bị bắt thì đành vờn cổ chịu chết.

Vì thế, trong mấy tháng đầu, binh triều bất ngờ bị giặc đốt phá vật liệu và các cuộc kiến thiết, tổn hại vô kể. Nhiều pháo đài xây gần xong, bỗng dưng có tiếng nổ như sấm, đổ ụp thành đồng gạch vụn. Không kể những đồng tre lá tự nhiên phát hỏa cháy ngùn ngụt, không sao cứu chữa được. Có khi giữa ban ngày, quân giặc trá hình thường dân, đinh tráng làm râu, cả gan trà trộn giữa đám đông, thi hành thủ đoạn đốt phá rồi nhanh chân trốn thoát.

Nguyễn Xuân tức mình, phái nhiều cơ lính ngày đêm canh phòng ráo riết, bấy giờ công cuộc quân sự mới yên ổn làm tiếp được. Việc đáng làm xong vài tháng phải kéo dài đến nửa năm.

Qua tháng ba năm sau (năm Mùi) thành trì Phiên An bị vây chặt chẽ hơn: ngoài vòng vây bằng người thêm vòng vây bằng sắt đá bao bọc tứ vi, tưởng chừng con ruồi muốn bay qua không lọt.

Các tướng sĩ định chắc Nguyễn Xuân ra lệnh tổng công ngay, sau khi những pháo đài và lũy gạch đã xây dựng hoàn thành, nhưng ông lắc đầu cười nói:

- Ô! Các người thèm nhát máu tươi thịt sống lắm thế ư? Đi đâu mà vội. Ta để cho quân giặc đói meo với nhau đã, gió thổi đủ ngã lăn chiêng, bấy giờ tha hồ các người trở tài, chỉ đánh một trận là xong. Hiện nay, tuy thế chưa phải lúc đánh!... Thông thả dăm ba tháng nữa có làm sao!

Sự thật, Nguyễn Xuân đã có thành toán xếp đặt trong trí, quyết làm như người đánh bạc về sáng, có bao nhiêu tiền trong túi trút ra hết, chỉ đợi nước bạc là đánh hết một tiếng. Nghĩa là ông muốn khua cả hai ba vạn quân một lúc quyết liệt một trận tất thắng với giặc. Hiềm vì lúc này hơn một vạn quân mới mộ còn đang luyện tập chưa khô ráo thuận tiện, cho nên ông nghĩ không nên đánh vội.

Tay chưa đánh giặc bằng súng đạn gươm đao, nhưng luôn từ mùa thu năm ngoái đến giờ chẳng ngày nào ông quên đánh giặc về mặt kinh tế lương thực. Ta đã biết chủ trương ghê gớm của vị danh tướng này là cắt hết lương thảo quân giặc cho đâu đó đứt đuôi nòng nọc rồi sẽ đánh.

Trước kia, binh triều chưa dò biết được hết mánh lới của nghĩa quân trong thành Phiên An, dù cho canh phòng nghiêm nhát thế nào, họ cũng vẫn có cách đem lương thực ở ngoài vào tiếp tế luôn luôn. Nhất là do đường thủy. Ai không nghĩ trên sông Saigon có thủy sư chiến thuyền của Trần Văn Năng cắm trại dày đặc, tuần phòng đêm ngày, thế thì nghĩa quân còn dùng đường thủy vận lương làm sao được? Ấy thế mà họ vẫn bí mật chuyển được gạo, bắp, mắm muối vào thành mới kỳ!

Ví dụ đêm khuya trên sông xuất hiện năm mười chiếc tam bản con con, trên mỗi chiếc chỉ có một người ngồi với đồ nghề câu cá, áo rách nón mê, trông rất tiêu tụy, là thủy quân đi tuần phòng bắt gắp, chắc không thể nào tưởng tượng những người ấy khác hơn là lũ dân nghèo ban đêm đi câu tôm câu cá kiếm ăn.

- Thuyền nào đi đâu đấy?

- Bẩm, thuyền con đi câu ạ! Trăm lạy các qaun các cậu rộng lượng cho con nhà nghèo đi tìm cá đổi cơm, tội nghiệp!

- Trên thuyền có chở gì thế, đưa khám xem nào?

- Khốn nạn! Thuyền bằng lỗ mũi thế này, ngồi một mình còn lo tròng trành dễ đắm, bảo chở đồ gian lận vào chỗ nào không biết!... Thưa đây là cái giỏ... đây là gói mồi... đây là gói cơm nắm, để đêm khuya đói thì ăn!...

- Được rồi, nhưng phải đi nép vào mé bờ, không được bơi chàng ràng giữa sông nghe!

Lát nữa tới chiếc thuyền khác, câu chuyện ứng đối tra xét đại khái cũng thế. Toàn là thuyền câu tí hon của hạng người bần cùng lam lũ, nghe lính tuần thét hỏi thì sợ run lên, nói năng rất lễ phép và có giọng van lơn, năn nỉ. Giá như lúc ấy có chú lính tuần nào ngẫu nhiên cắc cớ, bảo họ thử bơi thuyền đi mau xem nào, tất nhiên họ phải chịu phép và chân tướng họ bại lộ ngay.

Kỳ thật, họ chính là người bí mật vận lương cho giặc trong thành. Dưới đáy mỗi con thuyền tí hon ấy có buộc giây thông ngầm dưới nước, mà đầu mỗi kia thì đeo những vật nặng, hoặc một bao gạo, hoặc một giỏ cá khô, bên ngoài bọc gói vải sơn, nước không thấm ướt. Thuyền họ vờ vẹt đi câu, chỉ cốt rìu những bọc ấy vào rạch Thị Nghè, rồi mở giây thả nó ở một chỗ ước hẹn, chốc nữa có kẻ tài bơi tài lặn tự trong thành mò ra lấy, đem vào cho nghĩa quân.

Có lúc một vài chiếc thuyền vô chủ mà xếp đầy vật thực, đậu dưới bóng cây bần um tùm kín đáo ở tận bên kia sông, chờ khi lính tuần vừa đi qua, mặt sông vắng vẻ, mấy chiếc thuyền ấy tự nhiên chạy qua bờ bên nọ, vùn vụt như bay, mà không có ai bơi chèo gì cả. Thì ra họ buộc giây ngầm, có người núp sẵn trên bờ đối diện chỉ đợi cơ hội là kéo tuột sang.

Những mảnh lời quý quyết đại khái như thế, che mắt thủy sư Trần Văn Năng được một độ khá lâu.

Nhờ vậy mà trên hai nghìn nghĩa quân cố thủ trong thành Phiên An, tuy chẳng được no nê sung túc, nhưng vẫn thường nhận lương thực của đồng chí bên ngoài tiếp tế cho, không đến nỗi quá ư thiếu thốn. Mỗi người phải tập quen dạ dày thu nhận vật thực ít đi thì có, nhưng đến bắt nó chịu trống rỗng thì chưa. Một đoạn trên chúng tôi đã nói: nghĩa quân nhường nhịn chia phần với nhau, bữa nào nhằm phiên ai ra chiến lũy thì được ăn no, lấy sức mà chống giữ, còn kẻ ở trại vui lòng ăn ít, gọi là cầm hơi.

Song từ khi cái vòng sắt của Nguyễn Xuân bắt đầu vây bọc tứ phía ngoài thành, và các cơ mưu vận lương thuở này lần hồi bị khám phá chẹn giữ hết, nghĩa quân mỗi ngày một lâm vào cảnh đói khổ hãn hoi.

Trông thấy mấy kho lương càng ngày càng vơi mãi mà phương pháp bù đắp vào không có, Trần lo buồn hết sức. Muốn chi trì lâu hơn, thế tất anh em phải tự hạn chế sự ăn: từ tướng tá đến quân lính, bây giờ rút lại ngày có một bữa và bữa có hai lưng cơm chấm muối.

Ai nấy nhờ có tinh thần nâng đỡ, cho nên cam chịu cảnh khổ với nhau. Có điều dần dà trong mười người hết ba bốn, rồi đến phân nửa, vì thiếu ăn mà đuối sức, phát bệnh. Số người liệt nhược nằm ngổn ngang trong trại.

Không kể lúc trước, chỉ nói từ cuối tháng chạp năm Ngọ đến giữa tháng ba năm Mùi, binh số của nghĩa quân xóa tên vĩnh viễn hơn sáu trăm người, không phải chết vì súng đạn binh triều, mà chết vì gạo không đủ no, bệnh không có thuốc.

Tuy nhiên, người chết cũng giúp được việc, là để phần ăn của mình lại cho kẻ còn sống có thể gia tăng mỗi bữa chút ít.

Tội nghiệp, muốn bổ sức thêm, mỗi người bóc cả vỏ cây, đào cả rễ cỏ, lần mò bắt lấy con chuột, con cóc, hay con rắn mà ăn, tóm lại, vớ được thứ gì có thể nhồi vào dạ dày được thì nhồi, bất kể lành hay độc.

Cổ Du, tức giáo sĩ Marchand, lá người Tây Dương độc nhất ở trong vòng vây, cũng thái nhiên chia xẻ tình cảnh khốn đốn với người bốn đạo.

Trong nghĩa quân, có lẽ đến non nửa theo đạo. Dù đói ăn yếu sức, Cổ vẫn giảng kinh làm lễ, cứu rỗi phần hồn cho họ như thường. Nhiều người khuyên Cổ đi ra, nhưng Cổ không chịu.

- Cha nên lánh ra ngoài cuộc lâm than nguy hiểm này! Họ nói: bất quá Triều đình ra lệnh trục xuất, không cho cha ở trong nước là cùng, không có gì thiệt hại tính mệnh mà lo.

- Không. Cha có sợ chết đâu. Song giữa lúc các con khổ sở như vậy, Cha bỏ đi cầu lấy sung sướng phần xác một mình mà đành lòng được ư?

Cố ung dung trả lời, rồi vui vẻ cầm nắm cơm chấm muối ăn, ngon lành không khác mọi người.

Trong vòng vây, nhà tu hành đạo đức ấy được tôn kính như vị thần sống. Nhiều kẻ bệnh tật, lính cũng như dân, nhờ sự chăm nom chỉ bảo của Cố mà được tai qua nạn khỏi... Nhất là khi một người lính ở chiến lũy trúng đạn bị thương, dù là đêm khuya, Cố cũng thân hành đến trại, ra tay băng bó và tìm cách điều trị thương tích cho, bất cứ người ấy có đạo hay ngoại. Vì đó nghĩa quân càng cảm phục kính trọng, bảo nhau xin rửa tội theo đạo thêm đông.

Bước sang đầu tháng tư, trên ba chục ụ đất bao bọc thành Phiên An đặt súng thần công xong cả, Nguyễn Xuân sai bắn thử mã tài một loạt, tiếng nổ nghe rùng rợn, cốt để thị uy cho quân dân phản nghịch trong thành biết rằng binh lực và khí giới triều đình dữ dội như thế đấy, chớ có kháng cự dây dưa vô ích.

Kế lại bắn tờ hiệu dụ vào thành như bướm bướm, khuyên nhủ bọn Trần nên tự hồi quá đầu hàng, thì triều đình còn châm chước tội lỗi cho, nếu để nay mai Đại binh phải dùng sức, làm cỏ thành trì, bấy giờ ăn năn không kịp.

Nguyễn Văn Trần liệu thế binh triều sửa soạn quyết chiến đến nơi, mà anh em đồng chí và thủ hạ mình kiên nhẫn chịu đựng những nỗi đói khát bệnh hoạn đã lâu ngày, số chiến sĩ không đánh cũng chết mòn vì thiếu ăn, yếu dần vì mang bệnh, tự nhiên trong lòng Trần lấy làm đau đớn sầu khổ, muốn tự tử để quân sĩ đầu hàng cho rồi.

Bấy giờ trong hàng chiến tướng đã tàn khuyết nhiều, từ Mạch Tấn Giai trở xuống chỉ còn độ mười lăm người đủ sức gượng gạo chống chọi với lũ ma bệnh ma đói, Nguyễn Văn Trần họp chư tướng và cai đội các cơ vệ để bàn định với nhau một lần sau chót, xem nên đánh hay nên hàng.

Trần ứa nước mắt nói:

- Còn nhớ từ đầu mùa đông năm kia, Lê đại nguyên soái chúng ta rút quân về vô thủ thành này, gồm hơn bốn nghìn người trai tráng vạm vỡ... Lúc ấy chúng ta binh rộng lương đủ, tưởng là ngày một ngày hai có thể cùng nhau phá vỡ vòng vây, tung hoành thiên hạ, cho toại chí to và lời thề nguyện... Không ngờ sao dòi vật đổi, thấm thoát một năm

rưởi nay chúng ta vẫn còn bị nhốt chặt trong lồng bằng gạch này, hơn bốn nghìn chiến sĩ hồi nào đã vì súng đạn, vì đói khát tật bệnh làm tiêu diệt dần mòn, chỉ còn lại phần nửa, mà phần nửa ấy cũng bị đói khát tật bệnh làm yếu đuối, vô dụng đến một phần ba, chắc không còn bao lâu cảnh ngộ khốn cùng sẽ lôi cuốn hết... Thấy quân lính khổ sở thế này mãi, thật tôi không đành tâm chút nào; hình như vì tôi mà anh em chịu nổi lắm than, mà cuộc kháng cự chẳng qua chỉ kéo dài ngày giờ, chung quy rồi cũng vô ích... Đạn được hết dần... lương thực khô cạn... Không còn trông mong giải vây quật cường gì được nữa!... Âu là...

Chỗ này, Trần nghẹn ngào phải nghỉ ngơi một lát mới nói tiếp:

- Âu là tôi xin đâm cổ tự tử ngay bây giờ, để anh em mở cửa thành đầu hàng cho đỡ khổ sở thì hơn...

Không ai hện nhau trước, mà bấy nhiêu người cùng khăng khải một lòng, nhất thời nhao nhao lên dơ tay trợn mắt và nói với giọng quả quyết:

- Không hàng!... Không hàng! Đại ca nên cố sống với chúng tôi đến giây phút cuối cùng, đánh nhau với quân Triều cho tới khi hết sạch cả đạn, hết sạch cả cơm, hai tay không còn sức cầm nổi cây súng hay thanh gươm mới thôi!... Chết thì chết, chúng ta nhất định không hàng!

- Thế là anh em quyết chí kháng cự tới cùng? Trần hùng dũng hỏi.

- Vâng! Cứ đánh! Chư tướng đồng thanh trả lời.

- Tất cả anh em chiến sĩ cùng nhất tâm chăng?

- Nhất tâm lắm!... Vì chúng tôi biết rõ sở nguyện của họ: đánh cũng chết, hàng cũng chết, vậy thà đánh mà chết với nhau oanh liệt còn hơn.

- Anh em vui vẻ chịu đựng mọi sự đói khát thiếu thốn, theo đuổi kháng chiến tới phút sau chót, cùng tòa thành trì này cùng còn mất, có phải thế chăng? Trần hỏi lại căn vặn.

- Vâng, đây là bản tâm của chúng tôi! Chư tướng đáp lại dũng được.

- Ai nấy nhất đức nhất tâm, không có mấy may nào do dự hay là ân hận chứ?

- Vâng, chúng tôi xin thề!

- Được, thế thì còn nói gì!... Tôi xin giữ cái thân tàn này lại để cùng anh em sống thác có nhau!... Nhất định rằng binh triều có giỏi bước qua trên thây xác chúng ta mới vào lọt được thành này... Ngày giờ chúng nó tiến công sắp sửa đến rồi đây, anh em ta cố sức phòng bị kháng chiến nghe!

Chư tướng nghe Trần nói cùng tuốt gươm hoặc mã tấu đưa lên cao, tỏ ý thề nguyện phục mệnh, rồi tản tác đi ra chiến lũy. Ai nấy đều có vẻ hăm hở, khảng khái quyết chiến đến cùng; tinh thần mạnh mẽ giúp họ quên cả mọi nỗi xác thịt vất vả.

Thật quả mấy nghìn chiến sĩ còn sống ngắc ngoải trong thành Phiên An, từ viên tướng lĩnh đến một tên quân bực chót, từ kẻ đang nằm ốm liệt trên đồng rơm cho đến những người còn đủ sức múa được thanh gươm sai khiến khẩu súng, không một ai chịu nghĩ tới sự đầu hàng; mặc kệ thiếu ăn, mặc kệ tật bệnh, mặt kệ tình cảnh khôn đốn gần đến cực điểm.

Trước khi Trần họp tướng sĩ để hỏi ý kiến như trên đây vừa kể, người ta đã bàn định riêng với nhau, cân nhắc lợi hại và quyết chí kháng chiến đáo để rồi. Họ mạnh bạo xét bàn thời cuộc, tự đặt ra câu hỏi, tự đáp lấy đúng theo lý sự, rồi rút ra một kết luận đánh chết thì thôi, cả trăm phần trăm không nên bó tay nộp mình.

- Hiện thời tình trạng chúng ta đi đến chỗ nào?

- Chúng ta đang đi đến chỗ tuyệt lương, sắp hết đạn dược, chết khô cả lũ với nhau trong vòng vây này. Vì thế nảy ra ý nghĩ hàng quách cho rồi!

- Nhưng hàng để làm gì?

- Để cho tướng sĩ đỡ phải chết đói khổ thân.

- Song ta nên nhìn biết Minh Mạng hoàng đế là người rất nghiêm khắc, nhẫn tâm, bấy lâu oán giận chúng ta đến tím gan bầm ruột, ví dụ chúng ta có hàng cũng chẳng được tha thứ cho sống nào!

- Ấy đó, hàng để mong mỗi chết đói, nhưng hàng lại bị chết chém, thế thì chúng ta cứ đánh mà chết, không hơn là tự đưa đầu ra nhờ người ta chặt hộ ư?

Nghĩa quân lý luận với nhau như thế, cho nên ai nấy vui lòng chịu đói chịu khổ mà chống giữ với binh triều đình, không ai có chút biến tâm hay hối hận.

Sở kiến của họ quả không làm đoán sở định của nhà vua. Sự thật, từ hôm tháng giêng, Nguyễn Xuân đã tiếp được mật chỉ do một vị quan khâm mạng từ Huế đem vào, dạy ông phải “tiêu trừ đảng nguy một cách thẳng tay, không cần thương xót Nhà người được phép tiện nghi hành sự: đập thành Phiên An thành đất bằng, giết quân phản nghịch cho tiết nọc. Tất cả tướng sĩ nên gắng sức vì nước lập công, sớm được khai ca, không phục tòng trăm ủy thác, mong đợi”.

Cứ theo ý nghĩa mật chỉ thế ấy dù nghĩa quân có ra hàng cũng chẳng thoát khỏi tru lục. Hôm trước Nguyễn Xuân bắn tờ hiệu dụ vào thành, ngọt ngào khuyên bảo người ta quy thuận, bất quá là một cách nhử mồi vào cạm bẫy vậy.

Thế rồi đến ngày mười ba tháng bảy...

*

Trước ba ngày, nghĩa là từ sáng mùng mười, Nguyễn Xuân điều khiển các cơ các đội lực tục kéo đến dàn trận khắp bốn phía thành, với tất cả khí giới vật liệu để dùng vào việc công phá.

Hình như các đội quân chủ lực đều dồn cả về mặt tiền, nhất là cửa Tuyên Hóa, vì hình thế lợi tiện cho cuộc hành binh, cả bộ lẫn thủy, cho nên ba mặt kia chỉ để một lớp quân mỏng, cốt án ngữ không để giặc tẩu thoát, thế thôi. Càng ở phía ấy có nhiều đầm vũng sinh lầy, càng lơ thơ ít quân, cách mấy chục thước mới để một nhóm; Nguyễn Xuân đồn rằng trong thành đói ăn với bệnh hoạn lâu ngày, chẳng còn được bao nhiêu chiến sĩ, dù có muốn thoát thân mặt hậu cũng không qua lọt vòng vây.

Tính ra binh triều lúc này đông đến hai vạn rưỡi người, để vây đánh một tòa thành trì rộng chưa đầy 200 mẫu đất và trong đó chỉ còn độ 2500 quân giặc, mà hết một phần ba đã kiệt lực, không cầm nổi binh khí.

Số hai vạn rưỡi ấy, ngót một vạn là lính sở tại mới mộ và luyện tập chừng dăm tháng nay, thêm ba bốn nghìn thổ binh Chân Lạp mà Trương Minh Giảng vừa đem ở Nam Vang xuống trợ chiến. Hạng lính

này, cho uống ba hớp rượu vào, xách dao xông pha trận mạc, không kể sống chết; bởi thế, Nguyễn Xuân sắp đặt vào hàng tiền tuyến, để họ che đỡ mũi tên hòn đạn cho quân lính nhà.

Đối với thành Phiên An bị vây gần hai năm, lực lượng binh triều như thế, không khác gì núi Thái Sơn sắp sửa đè xuống quả trứng.

Chiều hôm 12, Nguyễn Xuân dời bản doanh đến đóng sau một mô đất đối diện với cửa tiền để tiện việc chỉ huy tướng sĩ, trên nóc trại cắm lá cờ “*Lệnh*” bay phấp phới. Giặc đứng trên vọng lâu trông ra tất thấy rõ ràng.

- Bẩm nguyên soái, mệnh hệ ba quân cốt ở ông tướng, sao nguyên soái lại cắm trại ở chỗ bộc lộ quá thế này? Một viên tướng của Nguyễn Xuân nói, tỏ ý muốn can ngăn.

- Bộc lộ thì có làm sao! Nguyễn Xuân cau mặt hỏi lại.

- Thưa, quân giặc sẽ nhắm chỗ này làm đích mà bắn thì nguy...

- Ô! Nhà người thật thà quá! Binh pháp hư thực, thực hư, thế mới khó lường... Quân giặc có nhiều đạn thì cứ nhắm vào đây mà bắn, ta càng mừng!...

- Dù sao mặc lòng, chúng tôi muốn van lơn quan nguyên soái đóng trại cách xa độ vài ba trăm thước nữa thì hơn!

- Không, tướng lệnh chỉ có một lời, chứ không có hai. Nhà người có sợ chết thì ta cho phép cắm trại cách xa đằng sau; còn ta thì nhất định đóng chỗ này để chỉ huy hiệu lệnh cho dễ... Rồi ai tận lực hay nhút nhát, không qua được mắt ta!

Nguyễn Xuân hậm hực trả lời, rồi thét bảo quân lính đào sẵn một cái hố sâu ở bên mô đất, kích thước liệu chừng một thân người nằm lọt. Khi quân lính đào xong, ông trở tay vào hố và nói khảng khái:

- Phên này ta không trừ xong giặc Khôi và thu phục thành Phiên An lại cho triều đình, cho phép chúng bay chặt đầu ta rồi đập thây ta xuống hố này, nghe!

Một lát ông nói tiếp, ra vẻ trực tiệt:

- Bất kỳ tướng sĩ lớn nhỏ, mai sáng hễ ai ra trận không làm hết bổn phận, thì ta chặt đầu người đó trước, nghe chưa!

Nội đêm, ông loan báo cho tướng sĩ các pháo đài chiến lũy biết rõ hiệu lệnh và giao hẹn đâu đó tức trực ứng chiến.

Mờ sáng hôm 13, một hồi tù và thổi ra hiệu vừa dứt, súng thần công đặt trên pháo đài chung quanh ngoài thành, đồng thời phát nổ, kế tiếp liên thanh, khạc đạn tứ tung vào thành, âm âm như trận mưa sấm sét.

Từ giây phút ấy, binh triều bắt đầu bắn phá thành Phiên An.

Chiến lược của Nguyễn Xuân cốt đánh bằng đại bác thần công trước, một là hủy phá những cơ quan quân sự của giặc ở trong thành, hai là dọn đường cho binh sĩ xung phong đột trận sau.

Suốt từ mờ sáng cho tới đúng trưa, mấy chục cỗ thần công của triều đình nạp mỗi nọ bắt mỗi kia, tung vãi vào thành đến hai trăm viên đạn. Khói và cát bụi bay lên mịt mù. Nhà cửa trong thành đổ ngã lung tung, phát hỏa nghi ngút.

Tướng sĩ hí hửng bảo nhau:

- Quân giặc chắc hằn nát như ra cám tất cả!

Người ta có tin tưởng ấy, vì từ lúc binh triều khởi công, bắn vào dữ dội và thế, tuyệt nhiên không thấy giặc xông xao kháng chiến, cũng không nghe chúng bắn trả lại một phát súng nào. Ai nấy cảm chắc phen này phá thành dễ như trở tay, ngon như gỏi.

Bởi vậy đến trưa, tướng lệnh truyền nghỉ bắn thần công và hô quân sĩ rút đoản đao nhất tề xông tới hãm thành, tứ phía tiếng người reo hò vang dậy, đồng thời bức đến chân thành, nghe ồ ạt rùng rợn như nước lụt vỡ đê, chảy tủa vào binh nguyên, không có sức nào ngăn nổi.

Chẳng ngờ sức ồ ạt rùng rợn ấy đến cách xa chân thành khoảng năm chục hay một trăm thước, bỗng dừng hẳn lại. Những hiệp sung của quân giặc bắn vãi như mưa, đón rước họ ở nửa đường; vật ngã hàng tiểu đội nằm ngổn ngang khiến bọn đằng sau khiếp đảm, phải đứng sững lại, không dám tiến nữa.

Họ phải nằm rạp xuống lề đường và bờ ruộng để tránh đạn giặc, mặc dầu hiệu lệnh hò hét cứ tiến.

Thì ra những lúc thần công vãi đạn vào thành, quân giặc làm thỉnh giả chết, không hề lên tiếng trả lời, chỉ núp kín ở những hầm hố đào sẵn

bên chân thành. Trên miệng hầm đậu bằng tấm ván, lót mấy lớp rơm rạ nhúng nước, dù đạn thần công có rơi nhằm cũng vô hại. Chờ khi binh triều sấn sổ tới gần, chúng mới nhoi lên ứng chiến, bắn ra loạt nào trúng đích loạt ấy, thành ra binh triều tử thương rất nhiều. Nhất là thổ binh Chân Lạp mà ta cho đi trước con đường, chú nào chú nấy hơi có hơi men ngà ngà, hùng hổ dấn vào trước tiên, bị vài hiệp đạn, liền múa đao quay trở lại, vừa chạy vừa la, mặc kệ trật tự và kỷ luật. Bọn thổ binh ấy làm cho hậu đội chen lấn, dày đạp lên nhau, và bị thương tích vô số, đến nỗi muốn tiến cũng chẳng được, vì hàng ngũ đã vỡ lở mất rồi.

Nguyễn Xuân gào thét rất cổ, và chính tay phải chém chết mười mấy tên lính tại trận, mới bắt buộc được quân sĩ khởi xôn xao tháo lui.

Ông nghiêm lệnh tướng sĩ phải cố sống chết ở ngay chỗ họ đã đến, không tới hơn nữa thì thôi, nhưng không được lùi lại. Theo ý ông muốn, tiến được phân tấc nào hãy giữ vững phân tấc ấy rồi sau sẽ liệu.

Trời nắng như thiêu như đốt, quân sĩ phải xoay trần ra cầm cự với giặc. Tóp nập gặp được chỗ có bụi tre bóng mát còn khá; nhiều người phơi mình dưới lò lửa mặt trời, lại làm bia chịu đạn của giặc mà chẳng dám oán thán nửa lời. Hơi hám ở những thầy ma ngồn ngang trước mắt, làm họ đủ ghê tởm, khó chịu. Trời còn ban ngày, không thể nhặt nhanh thầy ma ấy mà chôn cất hay đem đi đâu, vì hễ họ nhô đầu thò mặt lên, khác gì gọi giặc mà bảo tôi đây, xin ngài bắn hộ.

Cuộc tấn công buổi trưa thất bại và thiệt thòi khá đau, nhưng Nguyễn Xuân thành thực tự trách mình nhiều hơn là đổ tại bộ hạ bất lực. Ông cho cuộc tấn công này chỉ là thí nghiệm dò thử sức giặc thế nào, sự thành bại không đủ khinh trọng và cũng không đụng chạm thay đổi gì chiến lược đã định. Hồng keo này ta vật keo khác, miễn đến chung kết hạ được kẻ đối thủ thì thôi.

Liên ngay lúc ấy, ông truyền lệnh cho quân sĩ nghỉ ngơi dưỡng sức, rồi một mặt sai lính hỏa dầu bắc bếp thật xa, nấu cơm và nắm đem lại trước thành cho quân sĩ ăn; một mặt vời hộc Trương Minh Giảng, Hoàng Đăng Thanh, Thái Công Triều cùng các bộ tướng lớn nhỏ, để dặn bảo cơ nghi.

Ông bảo chủ tướng:

- Các ông cố giữ hai bên tả hữu và mặt hậu cho kỹ, nếu quân ta không vào lọt thì thôi, nhất định không cho một tên giặc nào tẩu

thoát... Một mình tôi đương cự mặt tiền, thế nào mở một huyết lộ cho quân ta vào thành Phiên An. Ta sẵn thuốc đạn, cứ nã mãi thần công vào, không hôm nay thì mai, không mai thì một, sớm muộn chúng nó cũng phải tiêu diệt...

- Vâng, quan lớn dạy rất phải, Thái Công Triều nói giọng nịnh khéo. Chúng nó như ngọn đèn sắp hết dầu mà binh lực triều đình ở tay quan lớn điều khiển, như cơn gió to, tất nhiên thổi tắt đèn kia đến nơi.

Nguyễn Xuân nhìn xéo Công Triều, nhưng không để ý gì câu hấn vừa thù phụng:

- Từ giờ phút này trở đi, chúng ta đánh thành cả ngày lẫn đêm; cứ sau mấy hiệp súng thần công, lại khua quân sĩ tiến lên xung phá một lượt, kỳ cho hãm thành mới thôi!... Chư tướng đều phải cố sức nghe!

Chập tối, bao nhiêu miệng súng thần công thi nhau khạc đạn vào thành. Tiếng nổ đùng đoanh liên tiếp dữ dội hơn trước. Những chỗ gọi là dinh trại kho tàng quân giặc đều bị cái bầy tứ tung, cơ hồ không còn mái nhà hay bức tường nào nguyên lành. Nhiều cây to cũng bật gốc, đổ gãy ngả nghiêng. Quân giặc đã phòng bị ẩn núp kín đáo, chẳng thiệt hại gì; duy có thường dân bị tan nát nhà cửa và tử thương rất nhiều nhất là đàn bà con trẻ. Những tiếng kêu gào thóc lóc, vang động tới bên ngoài.

Đầu canh hai, binh triều lại reo hò xung sát đến chân thành. Quân lính tiến trước, dân phu khiêng vác nào thang, nào móc, nào bao cát, nào vật liệu hỏa công, rầm rộ theo sau. Bao nhiêu mãnh lực dồn cả mặt tiền, cốt phá cửa Tuyên Hóa lấy lối vào thành, còn ba mặt kia chỉ là hư ướng.

Giặc cũng biết thế, cho nên đem hết tinh lực chống giữ ở cửa tiền. Chính Nguyễn Văn Trân xông pha đốc chiến, lăn lộn giữa vòng khói đạn, không biết nguy hiểm là gì.

Lần này cũng như lúc trưa, quan quân đến chân thành bị chống cự hết sức kịch liệt, dầu hỏa và bắn tên lửa tung tóe, thiêu đốt quan quân và khí cụ cháy rụi. Kẻ chết, người bị trọng thương, nằm chồng chất lên nhau trước cửa Tuyên Hóa.

Lúc tiến lên xung sát, quan quân thấp đuốc sáng trưng còn quân giặc thì đánh mò, lại ở trên cao đánh xuống, được thế mạnh hơn.

Chúng cứ nhằm vào đám sáng mà bắn vãi, làm quan quân tổn hại nhiều quá, đành phải rút lui.

Qua ngày thứ hai, cả ban ngày lẫn đêm, quan quân bốn lần bắn súng thần công tàn phá trước rồi bộ binh tiến vào sau ra sức xung sát, nhưng lần nào cũng bị giặc kháng chiến rất quá, không làm thế nào mà leo lên thành được. Mỗi lần thiệt hại đến hàng nghìn người là ít.

Giữa trưa, người ta đứng trên pháo đài dòm vào trong thành, thấy cảnh tàn phá la liệt, ghê thảm tột bậc, thế mà quân giặc vẫn cố thủ, kháng cự, nhuệ khí chưa nhụt tí nào. Chúng quần tụ từng nhóm dăm ba chục người, mình trần trụi trụi, đầu đội tàu lá hoặc chiếc khăn vuông rách tả, để che ánh nắng khốc hại của mặt trời chính ngọ. Người nào cũng cầm khí giới lăm lăm trong tay, không rời ra giây phút. Thấp thoáng vô số đàn bà con trẻ, đầu đội rổ cơm, tay xách vò nước, đem tới phân phát cho các chiến sĩ. Hình như mỗi người chỉ có một phần cơm nắm nho nhỏ, mà không có đồ ăn gì cả, bày tỏ ra lương thực của họ đến lúc khô kiệt lắm rồi. Dòm thấy nhiều người cởi trần phơi rõ bộ xương gầy còm thì biết.

Tuy vậy, chúng vẫn hăng hái chiến đấu, lấy sức một chống chọi lại trăm, khiến cho quan quân ngã lòng và có vẻ lo sợ. Tướng sĩ thăm thì bàn nhau, tỏ ý ao ước hãy tạm đình chiến, để chờ dịp khác có binh lực hùng hậu hơn và luyện tập đầy đủ hơn, mới hạ nổi quân giặc.

Thầy đội Lê Viết Thành, vốn tính nóng nảy, đã bị đạn trúng vào mang tai trong trận đánh lúc đêm, mà không được mấy ông điều hộ quân thứ chăm nom rịt thuốc tử tế, có ý bức dọc, thở giọng oán hờn quan trên ra mặt. Lại công nhiên phiến động binh sĩ nên bỏ hàng ngũ mà trốn đi, tội gì phải hy sinh tính mệnh vô ích, viện cớ rằng đánh trận có thắng, công danh ân thưởng, tất cả về phần người trên, chứ lũ tiểu tốt được gì mà xông pha tên đạn, bao giờ cũng lũ tiểu tốt chết trước.

Nguyễn Xuân kiểm điểm lại binh số, tính ra trong hai ngày sáu trận huyết chiến, đã tổn thất hơn năm nghìn người. Có cơ vệ chết sạch. Vì dụ cơ Hùng Võ và mấy đội thổ binh Chân Lạp của Trương Minh Giảng đưa từ Nam Vang về, đếm lại không còn được hơn mười mạng sống sót.

Nay quân tâm xao xuyến, nếu để sinh biến thì nguy, thế tất phải ra uy một vài và làm cho tướng sĩ nô nức mới được.

Sẵn có câu chuyện Lê Viết Thành xui giục quân lính đào ngũ, Nguyễn Xuân liền sai chém ngay thầy đội ấy, bêu đầu khắp các pháo đài chiến lũy để cho binh lính thấy mà kiêng sợ. Ông lại hiệu dụ các quân với những lời quyết liệt sau này:

- Phàm trong quân ta, ai nói đến tiếng lui, đều chiếu quân pháp xử trăm tức khắc như tên đội Lê Viết Thành này. Ai nấy trông đó làm gương! Bản soái nhất định nội nhật ngày mai dẫn tướng sĩ vào thành Phiên An uống rượu khao thưởng. Vậy bất cứ ai cũng phải cố gắng một trận cuối cùng, theo hiệu cờ tiếng trống mà tiến; sau khi hạ thành, mỗi người đều có phần thưởng, và kho tàng tiền bạc của giặc còn bao nhiêu, cho phép các người lấy hết. Ngày mai lâm trận, kẻ nào nhút nhát thụt lùi, trái với hiệu lệnh, tất bị chém chết tại trận, quyết không dung thứ!

Sự thật, kho tàng tiền bạc của giặc chẳng còn gì, điều ấy Nguyễn Xuân thừa biết. nhưng ông cứ giao hẹn quân sĩ cho cướp lấy chia nhau, để họ có nhiều hy vọng mà ganh nhau chiến đấu tận lực. Quả nhiên ông khéo kêu gọi lòng sợ và lòng tham của quân sĩ, khiến họ đang chán nản lo ngại, bỗng trở lại hăng hái, ai cũng lăm le muốn xông vào thành Phiên An trước.

Qua sáng hôm sau, Nguyễn Xuân chuyển hết thần công lại mặt tiền dữ tợn, làm vách thành sát vỡ mấy chỗ. Nhưng giặc mạo hiểm khới đạn, khuân gỗ đá hàn gắn lại ngay. Kẻ nọ trúng đạn ngã, kẻ kia tiếp tay lập tức, không hề sợ chết. Mọi người đã hốc hác, mỗi một lăm rồi, mà sức cự chiến còn hăng đáo để. Có lẽ chúng còn nhin đó mà đánh là khác.

Xế chiều, tiếng súng mới ngớt, tính lại không biết bao nhiêu viên đạn quăng vào một góc thành mà không phá vỡ. Nguyễn Xuân tuốt gươm, hò thét quân sĩ tiến lên; một mặt, sai một đoàn tượng binh gồm mười lăm con voi chiến rất lực lưỡng, xông vào phá cửa Tuyên Hóa.

Từ lúc bảy giờ cho đến nửa đêm, trước sau bốn lần quan quân hồ leo vào thành lại bị giặc đánh gạt ra.

Nguyễn Xuân vội vàng rút lấy tám phần mười binh lính trấn giữ cửa hậu và hai bên tả hữu, đem lại tiền môn, nhất định đánh tiếng bạc chót.

Mãi tới đầu trống canh năm, quân giặc chống giữ ở cửa Tuyên hóa luôn ba đêm ngày, người nào người nấy mệt lả kiệt sức hầu như

không cử động nổi khí giới nữa; bấy giờ quan quân mới ồ ạt phá trọc cửa thành mà lọt vào thành ngoại.

Nguyễn Xuân dẫn một toán lính trèo lên mặt thành, thấy quân giặc nằm sóng sượt gối đầu lên nhau, mắt lơ đờ, miệng há hốc, người đã chết cứng rồi, kẻ còn hoai hóp thở. Bước vào vọng lâu, cảnh tượng cũng thế, chứng tỏ bọn giặc trấn giữ cửa thành đã mạnh bạo kháng cự đến phút cuối cùng, đến hơi thở sau chót.

Ông gọi Thái Công Triều lên xem có nhận diện được ai không, Công Triều giờ được soi đèn từ thi xếp hàng ở vọng lâu, nhìn ra mấy mặt mà hẩn quen biết:

- Bẩm, thằng này là Lưu Tín, thằng này là Nguyễn Văn Đà... còn thằng có râu, tay cầm đại đao này chính là Nguyễn Văn Trân, làm đầu đảng từ lúc Khôi chết đến giờ... À! Mình nó còn hơi nóng, hình như chưa chết... Vết thương ở cổ đây, chắc nó tự cắt, nhưng xem chừng không phạm lắm.

Công Triều nhận đúng, chính Nguyễn Văn Trân. Luôn ba đêm ngày, Trân ở trên vọng lâu, đốc chiến mặt tiền, quên cả ăn ngủ, cho đến lúc quá nửa đêm nay, liệu thể cửa thành bề nào cũng bị phá vỡ, Trân bảo một người thủ hạ chém hộ mình chết đi cho khỏi bị bắt mang nhục. Người thủ hạ ấy thương xót chủ tướng, hoặc gân tay đã yếu, cho nên vội đưa một nhát gươm không được mạnh lắm, rồi tự tử ngay bên cạnh. Nhát gươm ấy còn níu giữ hơi thở mong manh của Trân, khi Công Triều soi đèn nhìn mặt và nói ồn ào, làm Trân hồi tỉnh, mở mắt thấy Triều, uất khí vận lên, nghiêng răng và nói trắng trợn:

- Mày đây à, thằng khốn kiếp! Mày phản bội chúng tao để cầu phú quý, rồi xem này có được hưởng không, nhớ!

Trân nói xong, nấc lên mấy cái rồi tắt nghỉ. Công Triều đang tay chặt đầu người bạn đồng chí cũ, xách xuống thang lầu.

Trong lúc đó quan quân vẫn phải hò hét đánh nhau với giặc từng bước; từ đây cho tới phá được vòng thành nội vào đến đại dinh, bị những địa lôi hầm hố cạm bẫy của giặc sắp đặt rải rác bên đường, làm cho tử thương vô số. Hai bên đánh nhau ở đường phố Saigon. Qua mỗi chòm cây, mỗi góc tường, quan quân đều gặp một tốp giặc mai phục trở ra đánh cực dữ tợn. Đến khi chúng đâm chém đã thềm

và kiệt quệ gân sức mới chịu buông khí giới để cho quan quân bắt trời.

Chúng đã thực hành được sở nguyện, là chết thì chết, thua thì thua, nhưng bắt buộc binh triều phải mua cuộc thắng trận bằng một giá rất đắt.

Gần sáng, quan quân vào lọt cả hai lớp thành, thế mà còn phải bồi thêm vài nghìn mạng người, và đánh bắt kể sống chết, tới lúc mặt trời lên cao ba trượng, mới quét sạch những tốp giặc chòm giặc nhóm mai phục tứ tung, xó nào cũng có. Vì thế quan quân nổi cục, trông thấy thường dân hoảng sợ giắt nhau đi trốn, cũng đuổi theo bắn giết, bảo họ là giặc. Tội nghiệp thường dân bị vạ giạn cá chém thớt mà phải uổng mạng cũng nhiều.

Người ta đồn cả tù binh - gồm cả chiến sĩ và một số đàn bà con trẻ, thân quyến của giặc, - tụ họp ở một khu đất trước mặt hành cung, đếm được 1994 tên.

Duy có một đứa tuy còn bé bỏng nhưng rất quan hệ, là cậu bé Lê Văn Cừ, con Lê Văn Khôi, không thấy có mặt trong đám tù binh mà Thái Công Triều đã tìm đi soát lại rất kỹ.

Nó còn sống hay đã chết giữa loạn quân rồi? Mặc kệ phải tìm kiếm cho ra, nếu để sót mất thằng nhỏ ấy, triều đình sẽ trách cứ không phải chuyện chơi. Biết đâu chẳng có dư đảng cứu thoát nó đi chỗ nào, rồi tôn làm minh chủ, mưu toan phục thù phiên loạn nữa thì nguy to.

Nguyễn Xuân giục già bộ hạ chia nhau tứ tán đi lùng trong thành, phải tập nã thằng nguy tí hon ấy cho kỳ được, nếu quả nó chết trận thì đem xác về nộp.

Họ lần mò đến một cây đề cổ thụ rườm rà sầm uất, ở cạnh miếu Hội đồng (tức Hiền lương từ của nhà Nguyễn lập ra, thờ những văn võ có công lao khai quốc), thấy gốc cây có một cái hốc to, bên trong vùng rộng, trải một chiếc chiếu mà còn thừa chỗ. Tương truyền thuở xưa Hoàng tử Cảnh, chơi đùa với mấy bọn trẻ, thường đến ẩn náu trong hốc ấy, kín đáo hiểm hóc, lũ bạn tìm mãi không ra.

Bọn lính thắc mắc, đồ chừng trong hốc không khéo còn có một hai tên giặc ẩn núp, bèn bảo nhau dòm vào thử coi.

Một người vạch tà lá ngồi che ngoài, chui đầu vào dòm giây lát, vội vàng thụt ra, mặt đầy vẻ kinh ngạc:

- Ghê quá! hấn nói và tắc lưỡi:

- Cái gì thế? Mấy bạn đồng sự xúm hỏi. Thấy rắn có mào hử?... Phải rồi, hốc cây cổ thụ thường sẵn hổ ấy.

- Ghê quá, các anh ạ! Chú lính kia trả lời. Không biết là người hay ma quỷ hiện hình? Trên manh chiếu rách một cái xác nằm xoài, giữa ngực cắm con dao găm ngập lút cả lưỡi, máu còn đầm ướt chung quanh; bên cạnh, một thằng bé ở trần đen thui, đầu trọc lóc, ngồi gục mặt xuống, nghe như khóc thầm; gần đấy, một hũ nước, một nắm cơm ăn dở dang... Trông cảnh tượng thật âm u, dễ sợ...

- Anh nói thằng bé?

- Phải, trông nó còn bé lắm, tôi cho bảy tám tuổi là cùng... Không lẽ thằng ranh con ấy giết người kia rồi ngồi bên mà khóc? Hay yêu ma biến hóa ra thế để nhát anh em mình chăng?

- Dễ thường thằng bé là Lê Văn Cừ đấy, báo hại chúng ta đi tìm mãi!

- Nhưng còn người có dao găm đâm lút vào ngực kia?

- Biết đâu?... Chỉ biết thấy có nhân mạng khả nghi thì chúng ta điệu cả đứa chết đứa sống, đưa về trình báo quan trên, kỳ dư mặc kệ thiên hạ... Đã thấy mà không trình báo, vạn nhất là chuyện quan hệ, chúng ta tất bị trách cứ... Có phải thế không?

- Thế thì phải!

Cả bọn phụ họa tán thành rồi kéo thằng nhỏ ra trước, xác chết ra sau, kẻ dắt người khiêng, trở về đại trại.

Họ kinh ngạc hơn nữa, là khi kéo xác chết ra ngoài hốc cây, nhận thấy diện mạo đàn bà, chính thật là mọi người con gái còn trẻ măng. Giữa đường, người ta cố dỗ dành, hăm dọa, vỗ về thằng bé, muốn cạy miệng nó, nhưng đều vô hiệu.

- Có phải em là Lê Văn Cừ không?

- Mà không nói thật, tao vạn cổ chết.

- Chính mày giết người con gái kia phải không?

- Hay là ai giết, mày nói đi?

Dỗ ngọt, dọa già, gạn hỏi thế này thế khác, thằng bé một mực ngậm miệng làm thinh, chẳng chịu nói năng ừ hử gì hết.

Bọn lính dẫn thằng bé về tới công đường.

Thái Công Triều lúc ấy cũng ở công đường thấy dẫn thằng bé vào, liền chụp lấy nó và nói hớn hờ:

- Trời ơi! Thằng ngụy con đây rồi, thế mà đi tìm mãi.

- Ông nhận diện đúng nó là Lê Văn Cừ, con Khôi? Trương Minh Giảng hỏi.

- Bẩm vâng, tiểu tướng đã nhả mặt cha con nhà nó!... Rõ giống thiu điều, không thể lầm lẫn được.

- Còn cái xác chết để ngoài sân kia là ai?

Công Triều ra sân xem xét tử thi và vết tích cẩn thận, rồi trở vào thờ vắn thờ dài:

- Tiếc quá, nó tự tử mất!... Đáng lẽ nên bắt sống con ngụy cái này mà để triều đình chính pháp làm gương thì phải. Tôi nhận đích nó là Thị Tần, em ruột Nguyễn Kiều; cả hai anh em cùng trung thành với quân ngụy... Thằng anh đã tử trận năm ngoài; con em thì lâu nay đóng vai hộ vệ thằng Cừ. Hắn nó sợ tôi, cho nên tự đâm ngực chết trước đây.

Công Triều đoán trúng.

Trước mấy hôm thấy binh triều rục rịch công thành, Trần đã chọn cái hốc cây cổ thụ bên miếu Hội đồng và dặn bảo cô Tần.

- Phen này quân địch sắp sửa đánh ta dữ dội lắm đa, cháu! Đến hôm ấy, cháu đem Cừ vào đó mà núp; bác đã xem hốc cây khá rộng, hai chị em có thể nằm ngồi thông thả, lại vừa kín đáo, nhờ có bức tường đỡ che...

- Thưa, cháu với Cừ cứ núp quanh trong dinh này cũng được! Cô Tần nói. Hà tất đem nhau đi xa tới miếu Hội đồng?

- Ấy chớ! Trần nhả mặt và nói, dấu tỏ mỗi khi có chuyện hệ trọng. Cháu phải biết thần công chúng nó sẽ bắn vãi vào thành, chẳng nhắm những nhà cửa dinh thự, thì còn bắn vào cái gì?... Bởi vậy ta phải lo bảo toàn phòng bị cho Cừ, nếu nó rủi ro thế nào, thì Nghĩa

quân ta tuyệt vọng, mà bác có lỗi với anh linh của Lê Nguyên soái... Nay mai, chắc bác phải đốc chiến ngày đêm sáng tối ở trên mặt thành, không trông nom đến nó được đâu. Vậy bác hoàn toàn phú thác tính mạng nó cho cháu... (Trân suy nghĩ ngàn ngừ rồi nói tiếp): Sống cùng sống, chết cùng chết đó, nghe!

Sáng sớm hôm 13, binh triều bắt đầu nổ phát súng đánh thành, cô Tần ôm chiếc chiếu, xách lọ nước gội com và dắt Cừ đến ẩn trong hốc cây cổ thụ bên miếu Hội đồng, theo Trân dặn dò phú thác.

Nàng trải chiếu rồi đẩy Cừ vào tận trong, còn mình thì ngồi phía ngoài, như con gà mái xè cánh ra che chở gà con, phòng có mảnh đạn nào rơi đến gần, thà mình hứng lấy nguy hiểm. Nhưng sự thật chỗ này bình yên, là vì gần mạn đồng lầy, binh triều không đánh rát như các mặt kia, thành ra không sợ trúng đạn.

Tuy vậy, nghe súng nổ ầm ầm chung quanh, nhất là thò cổ nhìn ra phía nào cũng thấy khói bụi mịt mù, hai bên chiến đấu chưa bao giờ dữ dội như lần này, cô Tần hơi có ý chợn. Không phải vì mình, mà chỉ vì Cừ. Nàng ôm ấp Cừ, chẳng khác người mẹ ôm chặt lấy con bé khi có sấm sét, tay đặt vào ngực để nghe tiếng đập của quả tim, âu yếm hỏi nó:

- Súng nổ dữ thế, em có sợ không?
- Em không sợ, chị ạ! Thằng Cừ đáp. Mấy năm nay đã nghe quen lỗ tai rồi.
- Thế thì em giỏi, chị ngỡ em sợ.
- Đấy, chị xem em có đánh trống ngực đâu nào! Nhưng em chỉ tức mình, không hiểu tại sao người ta cứ đánh nhau hoài vậy, chị? Cừ hỏi một cách ngây thơ.
- Tại người ta thù ghét ba em.
- Thế ư?... Nhưng ba em chết rồi còn đâu mà họ thù ghét?
- Phải, ba em chết, mà có bác Trân họ cũng thù ghét bầm gan tím ruột.
- Tại sao ba em với bác Trân để họ thù ghét, hả chị?
- À, để chị giảng sơ cho em nghe: tại Triều đình xử tệ bạc với Thượng công...

- Ông nội của em đó à?... Cừ chặn ngang lời nói của cô Tần.

- Chính thế! Triều đình xử tệ bạc với ông nội em, cho nên ba em với bác Trân lấy làm bất bình, nổi lên chống cự họ, khiến họ tổn hao chết hại nhiều, tự nhiên họ thù ghét, gọi là quân nguy... Em đã hiểu chưa?

Nàng xoa đầu Cừ và nói tiếp:

- Giờ chị hỏi thật em câu này nha: em có thương ba em không nào?

- Ô!... Em thương ba em vô cùng, chị ạ! Bởi chúng vây thành, làm cho ba em đau ốm chẳng có thuốc men mà chết, cho nên em đây cũng oán giận chúng thấu xương...

Cừ trả lời và rơm rớm nước mắt, khiến nàng cũng mũi lòng, không cầm được lệ.

- Nhưng oán giận họ thì em làm gì được họ, em hãy còn bé thế này? Nàng hôn hít Cừ và hỏi.

- Hừ! Chị bảo em không làm gì được à... Thử chúng lại gần, em lượm đá em ném, xem chúng có vỡ đầu vỡ mặt không?... Chị không thấy em ném đá tài tình ư? Hôm nọ con chim đỗ trên cành cây mà em ném một cục đá trúng ngay vào đầu, ngã lăn quay đấy!...

- Thôi, chị hỏi mai sau em lớn, em định làm gì nào?... Đi học thì đỗ ông cống ông nghè rồi ra làm quan nhá?...

- Không!... Không!... Em chỉ thích học võ cho thật giỏi, để trả thù cho ba em thôi!... Bây giờ, chúng nó làm ba em chết oan và làm khổ bác Trân, em chỉ vái trời cho em mau lớn để em trả thù...

Cừ nói mà trợn mắt múa tay, ra vẻ hăng hái, cả quyết. Nàng nghĩ bụng mừng thầm: Thế thì thằng bé này không phải đồ bỏ! Có thể chứ, chả lẽ hổ phụ sinh ra khuyển tử bao giờ!

Chị em mải nói chuyện, không biết trời đã quá trưa. Lúc này tiếng sùng đã yên, nhưng đến tiếng người hò reo rầm rĩ, nhiều nhất là ở mặt tiền và bên hữu. Cô Tần buông tay Cừ và nói:

Em cứ ngồi đây, để chị đảo về dinh chốc lát, xem bác Trân có bảo gì không nhớ!... Nhất định em không được ra khỏi hốc cây một bước nào đấy.

- Vâng, em xin y theo lời chị!... Cừ đáp và nằm dài, xoay mặt vào phía trong. Chị về xem bác có sai bảo gì, lại mau mau trở ra với em nghe.

- Ủ, chỉ nhai dập bã trầu thì chị trở lại với em.

Kỳ thật, nàng nghe tiếng quân sĩ đôi bên reo hò dữ quá mà nóng ruột, tất tả chạy ra mặt thành, để xem binh tình biến hóa thế nào; quân nhà liệu có hy vọng gì không?

Một chặp nàng tất tả cũng như lúc đi, trở lại gốc cây với nét mặt vui vẻ, tay cầm nắm cơm sốt rêu đưa cho Cừ và nói:

- Này cơm sốt có tôm rang bên trong ăn đi em!

- Có chuyện gì mà coi chị tươi cười lắm thế? Cừ đón lấy nắm cơm và nhìn vào mặt nàng, lúc ấy mặt trời rọi ngay vào, làm cho hai gò má đỏ ửng, như dán hai bông hường mới nở.

- Em hỏi chuyện gì mà chị tươi cười ư?... Quân nhà đánh chúng nó chết lãn như rạ, em ơi! Chị được trông thấy sương cả mắt. Lạy trời!... Lạy Phật!...

Nàng vừa nói vừa ôm lấy Cừ mà nựng nịu như mẹ nựng nịu con.

Trưa hôm sau, nàng lại dẫn Cừ nằm yên trong hốc cây một mình, rồi trùm khăn vuông trên đầu, phăng phăng chạy ra chiến lũy.

Lần này nàng vắng mặt khá lâu, vì còn lần quản hết nhóm này qua nhóm kia, hoặc phụ giúp mấy người chị em thổi cơm bung nước lên mặt thành cho chiến sĩ ăn uống, hoặc giúp tay săn sóc những lính bị thương.

Lúc này trở về hơi buồn, Cừ thấy thế không dám hỏi han chuyện trò gì cả.

Hôm ấy nàng thức suốt đêm, dường như suy nghĩ việc gì hung lắm. Mỗi khi Cừ trở mình tỉnh giấc, đều nghe hơi nàng thở vắn than dài.

Đến hôm thứ ba cũng thế: quá trưa nàng lại để Cừ ở hốc cây mà ra chiến lũy làm việc phục dịch như hôm trước.

Bận này càng lâu hơn. Mãi lúc chạng vạng mới trở về. Cừ ngồi xồm, thò mặt ra ngoài hốc cây, hồi hộp mong đợi. Nó ngạc nhiên thấy

nàng đi thất tha, thất thiếu bước chân uể oải, như cất lên không nổi. Chừng nàng đến nơi, Cừ ta sững sốt hơn nữa, vì nhìn thấy gương mặt nàng rũ rượi, mà lần này nàng lại mặc đồ lính, bên lưng đeo con dao mã tấu đựng trong túi da, không còn vẻ gì là người con gái yếu ớt.

- Sao bữa nay chị về trễ thế, hờ chị?... Em mong đợi hết sức!...
Cừ nói và ôm lấy chân nàng, tỏ ý mừng rỡ.

- Lại có nắm cơm sốt chị đem về cho em đây, em ăn đi kẻo đói... Rồi để mặc chị nằm ngủ nha! Hôm nay chị mệt đuối.

Nàng nói và chui vào hốc cây, nằm nhoài bên Cừ, day mặt ra cửa, tay để lên trán ra chiều nghĩ ngợi.

Hai ngày nay, nàng buồn bã tuyệt vọng, vì xem thể binh triều công kích dữ dội, mà nghĩa quân thì hơi tàn sức kiệt lắm rồi; chỉ đói ăn cũng đủ chết; không nay thì mai thành trì tất bị phá vỡ, không còn gượng gạo được nữa. Chính nàng vừa ra chiến lũy cả buổi chiều, thấy rõ tình thế nguy ngập đến nơi, lại nghe tướng sĩ bảo nhau cố đánh tới cùng, giết hại quân địch được nhiều chừng nào hay chừng ấy, rồi thì chết theo thành trì, chứ không còn cách nào khác hơn. Bữa nay Cừ mong đợi sốt ruột và trông thấy nàng trở về với nhau sắc tiêu tụy là vì thế.

Nàng nói dối Cừ, bảo nó để yên cho mình nằm ngủ, kỳ thật nàng cần lạng lẽ cả xác lẫn hồn, cho được cân nhắc suy nghĩ mọi việc ghê gớm.

Việc ấy đã nẩy mầm trong trí nàng từ đêm hôm qua, đến nay sự thế bắt buộc phải giải quyết, cho nên bây giờ nàng đem hết mọi lẽ thiện ác thị phi đặt lên bàn cân tư tưởng để xem đảng nào phải thì làm, mà phải làm ngay.

Trong lúc ấy thẳng Cừ đã ngủ ngon lành, mặc dầu tứ phía vẫn có tiếng súng nổ đi đùng quân reo inh ỏi.

Nàng nghĩ thầm: “Phần riêng tôi thì đã đành thế rồi!... Anh chết, chị chết, người yêu cũng chết, cho đến cái cơ khiến ta gượng sống ở đời cũng là ngọn lửa sắp tắt, ta còn có mấy may vui thú gì mà cầu lấy sống?... Cố nhiên ta phải tự xử, không khi nào chịu để mình lọt vào tay quân địch, cho chúng nó làm nhục ta, hành hạ ta, rồi thì chém giết ta!... Không vương vịu thằng bé này thì thân ta tự giải quyết mau quá.

Khốn nhưng còn vương có nó, mà ta lãnh trách nhiệm trông nom, hộ vệ, bây giờ không biết phải tính thế nào?”

Nàng nhăn mặt cau mày, chốc lát lại thở một hơi dài, tỏ vẻ phân vân khó nghĩ:

“Ta có nên giết quách nó đi, cho nó cùng chết với ta chăng?... Để nó bị bắt, đổ khỏi triều đình xử đến cực hình, vì nó là con ông Khôi, người cầm đầu khởi loạn, chống cự triều đình ngót ba năm nay!... Bởi thế, bác Trăn phú thác nó cho ta, mà đình ninh căn dặn tới những tiếng sống cùng sống, chết cùng chết ý hằm bác đã tiên liệu dù đến sự thế ra sao cũng không để một giọt máu còn sót lại của ông Khôi cho người ta dày vò hình phạt... Nếu thế thì bây giờ ta giết nó đi, tức là làm một việc đảng nào cũng phải: hợp theo ý muốn bác Trăn, khỏi hổ vong linh ông Khôi, vừa cứu nó khỏi bị hình phạt nhục nhã, lại vừa tròn vẹn phận sự của ta... Ừ, nên lắm!... nên lắm!... ta nên quyết định đi thôi, kéo để dây dưa, không khéo chậm trễ mất... Giây phút này có lẽ quân địch sắp phá thành vào lọt rồi chăng?”

Nàng ngồi bật dậy, rút lấy mã tấu gói dưới chiếu, lăm lăm cầm tay, định chừng đúng chỗ thẳng Cừ nằm, rồi thì nhắm mắt bặm môi, thu hết đảm lực... chỉ còn thiếu đẩy mũi dao tới là xong.

Nhưng nàng lắng nghe hơi thở nó đều đều, trong giấc ngủ say lại nhẹ nhàng đưa tay lần được vạt áo nàng và nắm chặt lấy, như là van lơn nàng hộ vệ nó, lúc thức cũng như lúc ngủ, cơn tỉnh cũng như cơn mê vậy. Bỗng nàng toát mồ hôi, chính tay cầm dao thấy bủn rủn, trong bụng thì bồi hồi, đau xót, nghe như có tiếng của thần Thiên lương mách nhủ bên tai:

“Bất cứ vì lẽ gì mà lại đang tay kết quả một đứa trẻ măng sữa dễ yêu như thế ư? Mà có nghĩ đi phải có nghĩ lại thử xem nào!”

Tự nhiên nàng buông con dao, cúi xuống đặt mấy cái hôn rất âu yếm vào hai gò má thẳng bé, rồi ngồi thờ thần nghĩ lại:

“Thật thế, ta có quyền gì thúc kết cái đời một thằng bé dễ yêu và đầy tương lai như thế này? Chết nổi! Ta cam đoan hộ vệ nó, lại đi giết nó, té ra ta làm việc sát nhân một cách hèn nhát, vì nó còn bé bỏng, thì tội của ta thêm nặng gấp năm, gấp mười... Không! Không! Ta định giết nó là nghĩa lý gì?... Biết đâu chẳng có quỷ thần hay là anh linh cha nó

che chở, bênh vực, lôi kéo, run rủi nó thoát cơn ba đào giông tố này, rồi thì khôn lớn, học hành, trở nên một người kia khác ở thế gian?... Lúc này, nó chẳng ngờ với ta rằng nó lập chí mai sau trưởng thành, sẽ báo thù tuyết hận cho cha nó đấy ư?... Vậy mà ta định giết nó mà bảo là việc đại nghĩa đương nhiên, rõ thật nghĩ quẩn? Vả lại, cha nó làm phản triều đình thì cha nó có tội, chứ nó trẻ người non dạ, không dính dấp hiểu biết gì chuyện cha nó làm, vậy thì đối với triều đình, nó có phạm tội gì đâu nào? Dù có bị bắt, người ta cũng chỉ giam cầm ít lâu, rồi phải tha nó mà thôi!... Chả lẽ triều đình lại hình phạt gì đến một đứa bé vô tội, mới có bảy tuổi đầu? Sao ta quên nghĩ tới cái công lý ấy, tý nữa phạm tội sát nhân mà làm thằng bé chết lây oan uổng!... Phải rồi, ta chết một mình ta thôi, cứ để nó sống, bất quá bị giam mấy tháng, hay người ta đưa nó đi đày là cùng, bề nào nó cũng còn sinh mệnh, vẫn có tương lai...”

Giữa lúc ấy binh triều đã phá vỡ vòng thành ngoài, đánh vào vòng thành nội, những tiếng quân sĩ hò hét, những tiếng địa lôi nổ âm âm, những tiếng đàn bà con trẻ trong làng xóm gào khóc kêu réo nhau đi chạy nạn, đều là dấu tỏ cho cô Tần biết thành trì đã bị công hãm, nghĩa quân đã đến cùng đồ rồi, mà thân nàng muốn tránh khỏi bắt bớ nhục nhã, cũng không nên kéo dài mạch sống thêm giây phút nào nữa.

- “Trời ơi! Tôi còn sống làm gì? Hồn anh Hạnh ở quanh đâu đây, rước em đi với!

Nàng khấn lầm rầm, vớ lấy con dao, day mặt lại hôn vào má Cừ để từ giã, rồi tự đâm một mũi dao phập vào giữa ngực... Tất cả chỉ trong một phút giây chớp nhoáng.

Cừ vẫn ngủ ngon, không biết gì cả. Mãi đến tảng sáng, nó tỉnh giấc, nghe như có nước thấm ướt dưới lưng, mới lồm cồm trỗi dậy, trông thấy cảnh tượng rùng rợn cô Tần nằm bên, dao cắm giữa ngực. Thì ra máu ở vết thương của nàng vọt ra lenh lánh trên chiếu và thấm ướt lưng thằng bé nằm bên.

Nhưng nó không hiểu đầu đuôi thế nào, tưởng là ban đêm ai giết chị Tần của nó, động lòng xót thương, ngồi cạnh rên rỉ khóc lóc, cho đến lúc bọn lính đến bắt đi.

Bắt được Cừ, đại tướng Nguyễn Xuân vui mừng như vớ được một vật thiêng liêng quý báu. Ông tỏ sự đặc ý với chư tướng:

- Thế này cuộc thắng trận của ta mới thật là trọn vẹn... Thà là thắng ranh con chết đi thì khỏi nói chuyện, nhưng nếu nó sống mà thoát đi đâu, tất nhiên chúng ta không khỏi triều đình quở trách. Thôi bây giờ ta yên tâm lắm rồi.

Tức thời, ông sai đóng cũi nhốt Cừ, và cắt riêng một toán lính hai chục người, luôn phiên canh gác đêm ngày, không được sênh ra lúc nào.

Ông lại ủy cho Hoàng Đăng Thanh công việc kiểm điểm và làm danh sách tù binh bắt lúc hạ thành Phiên An.

Đăng Thanh cùng bọn thuộc viên thơ lại làm hai ngày mới xong.

Trừ ra số đã tử trận không kể, quân giặc bị bắt hiện diện 1994 người. Trong số ấy, ông lão, đàn bà và trẻ con độ hai trăm người, còn thì toàn là chiến sĩ. Nhưng phần nhiều hoặc ốm đau, hoặc bị thương tích què quặt bởi chiến trận, người nào người nấy trần trụi, hốc hác trông chẳng ra hình người. Ngay những kẻ gọi là khỏe mạnh, vô bệnh vô thương, cũng đầu bù tóc rối, mặt mày lem luốc, thân thể gầy còm, vì nổi vất vả đói khát chịu đựng đã lâu; nhất là ba ngày đêm vừa qua, hơi sức còn được bao nhiêu, họ đem ra chiến đấu tất cả, đến nỗi nằm mệt nhoài ngủ quên lúc nào chẳng biết, chừng tỉnh dậy mới hay mình là tù binh.

Thế mà trước mặt kẻ thắng trận, không một ai hạ mình van lơn, năn nỉ, hay chối cãi mình không phải theo giặc, dù cho kẻ thắng ngược đãi và chửi mắng đến điều.

Nhiều người có đạo, cứ đọc kinh cầu nguyện một cách thái nhiên, mặc kệ lệnh cấm.

Một viên đội già, thủ hạ Trương Minh Giảng lắc đầu chất lưỡi, nói chuyện với đồng bối:

- Lão bạc đầu ở hàng ngũ trận mạc, từng theo quan quân đi dẹp giặc, khắp cả Nam Bắc Miên Lèo dư hai ba mươi năm, thú thật chưa thấy giặc nào cứng cỏi như lũ quân ngụy này, dao kề tận cổ mà không thềm sợ sệt, hồi hận!

Nguyễn Xuân để riêng sáu tên tù trọng yếu là Đặng Vĩnh Ứng, Võ Vĩnh Tiền, Võ Vĩnh Lộc, Mạch Tấn Giai, Lê Văn Cừ và cố Du tức giáo sĩ Marchand; bỏ mỗi người vào trong một cái cũi đóng bằng tre,

sai quân đi đêm ngày áp giải về kinh, hiển phù báo tiếp, nghĩa là đưa tù về dâng và báo tin thắng trận.

Người ngồi trong cũi tuy được dân phu khiêng đi, nhưng khổ sở vô hạn, vì cũi đóng chỉ vừa một người bó gối, không còn cựa quậy nhúc nhích gì được. Chưa kể chân tay mang xiềng và cổ đeo gông khá nặng.

Đồng thời, còn cái cũi thứ bảy đựng hai chiếc đầu lâu: một là đầu Nguyễn Văn Trân đã tự tử lúc thành thất thủ mà người ta cắt ra; hai là đầu Lê Văn Khôi, nói là sọ dừa thì đúng hơn vì người ta đã tìm được mả chôn kín ở dưới nền Vọng cung. Tất cả xương tàn của Khôi đem thiêu ra tro rồi bỏ vào miệng súng thần công bắn ra tứ phương, mỗi phương một ít, duy có cái sọ dừa thì đưa về kinh dâng nộp để chịu quốc pháp.

Còn lại 1988 người kia thì Nguyễn Xuân giải quyết một cách rất giản tiện, như kiểu ngày xưa tướng Tần và Bạch Khởi xử trí 40 vạn quân Triệu bắt được ở Trường Bình; ai đã xem truyện *Đông Chu Liệt quốc* hẳn phải rùng rợn.

Ông chọn một khoảng đất trống ở ngay trong thành, bắt dân phu khẩn cấp đào một cái hố rộng và sâu, rồi truyền lệnh cho quân đao phủ trói từng tốp năm chục hay một trăm tên tù, bất cứ nam phụ lão ấu, đến bên miệng hố, chặt cho mỗi kẻ một đao và lăn xác xuống đáy.

Cái hố ấy hãy còn dấu tích ở Saigon đến nay, gọi là “**Mả ngụy**”.

Đao phủ xong việc, tất tả về trại, để mặc dân phu lấp đất. Bọn mày vừa mới xúc được vài xèng đất, chưa kịp đổ xuống hố, bỗng nghe có tiếng chiêng rền trống nhịp, lại thấy người ta chạy ngược chạy xuôi tấp tểi, họ lấy làm lạ, ngừng tay xúc đất để nói chuyện khảo với nhau, vì công việc lấp hố chẳng phải vội gì.

Mỗi người một câu bàn tán:

- Quái lạ! Đám rước gì thế nhỉ?
- Ủ, lạ thật, làng xóm phố phường bỏ chạy tan hoang chưa về, không có kỳ thần bái xã gì mà có chiêng trống!
- Hay là quan nguyên soái đi trẩy về kinh chăng?
- Vô lý! Thành trì mới thu phục, quan lớn còn phải ở lại thu xếp mọi việc, chứ vội trẩy về Kinh thế nào được? Vả lại, tiếng chiêng trống này lạ thường, nghe như đón rước gì thì phải...

- Ô, anh này giỏi âm nhạc thế kia ư? Nghe tiếng chiêng trống mà phân biệt đón rước hay tiễn đưa!

- Chớ sao! Sinh thời Thượng Công trấn thủ thành này, hay có những điệu chiêng trống này luôn, cho nên tôi nghe đã quen tai. À, các chú lắng yên, để tôi lắng tai nghe kỹ xem nào... Thôi phải rồi, đây là đám rước sắc chỉ!

- Chắc thế hử?

- Ừ, tôi quyết thế đấy, Các chú có dám đánh cuộc với tôi mười phong thuốc lá Gò Vấp không nào?

Giữa lúc ấy, những người đi lại trên đường reo mừng nhảy nhót; người này nói chuyện cho người kia nghe:

- Có sắc chỉ đấy, bà con ạ!

- Thật ư?

- Phải, sắc chỉ, mới ở Huế vào.

- Nhưng mà về chuyện gì chứ?

- Sắc chỉ Hoàng thượng đại xá cho hết thầy quân sĩ thứ Gia Định; ai đã lỡ theo đảng ngụy, bất kể thế nào, nhà vua đều gia ân đại xá cho yên lòng dân, chẳng làm tội ai hết...

Bọn dân phu lấp hố nghe rõ câu chuyện, không ai bảo ai, mà trên nét mặt mỗi người đều in một vẻ sùng sốt, thương hại. Một người đã có tuổi, hình như đám đầu mục đám ấy, lên tiếng giục giã:

- Thôi thì mỗi người một tay, chúng ta lấp đất mau mau cho yên mồ yên nấm của những người oan mạng này!... Cơ khổ, giá như sắc chỉ vào sớm mấy giờ đồng hồ, thì họ đã không chết, bất quá đi đây đi thú là cùng!

Rồi ai nấy cặm cùi xúc đất lấp hố; tay làm việc, miệng không ngớt thở vắn than dài, yên trí rằng sắc chỉ nếu đưa vô đến nơi, không cần gì sớm chiều, chỉ độ ba giờ đồng hồ trước thôi, ngót hai nghìn người già trẻ lớn bé ở dưới hố này, không đến nỗi chết.

Những tiếng chiêng rền trống nhịp mà họ vừa nghe, quả thật là đám tờ chiếu Đại xá, kính cẩn đặt trên long đình, do một đạo binh nhung phục chỉnh tề, gươm trần cờ mở, tiền hô hậu hét, rước từ ngoài

cửa Tuyên Hóa vào đến Vọng cung, để các qaun làm lễ bái mạng cho trọng sự thể rồi ban bố cho dân.

Trong tờ giấy vàng uy nghiêm nhân đức ấy, nhà vua tỏ hết độ lượng trời bể, tha thứ cho tất cả mọi người đã lầm lỡ đi theo nguy Khôi làm việc phản loạn. Nay, nguyên hung đã chết, thành trì đã thu phục, mấy tên trọng phạm đã giải ra kinh đô hậu thẩm, thế là công đạo trọn lành, quốc pháp rõ rệt; kỳ dư, triều đình đều rộng lòng tha tội cho, không thêm chấp trách v.v...

Một chập sau, hàng trăm bản yết thị, sao lục tờ chiếu Đại xá, dán khắp trong thành Phiên An và gởi đi các tỉnh.

Theo lời thánh dụ ân cần rộng rãi như trên đã kể đại lược, cố nhiên 1988 người vừa bị chém đầu quăng xác xuống hồ kia cũng vào hạng được hưởng ơn Đại xá trước hết.

Nhưng mà sắc chỉ vào thì muộn.

Đến người thứ 1988 tắt thở và nằm chổng trên đồng xác, thì ngoài kia, ở cửa Tuyên Hóa, mới bắt đầu trống rung cờ mở, rước chiếu chỉ Đại xá vừa đến nơi.

Số kiếp những người ấy chết oan hay là một vụ ngẫu nhiên hơi lạ?

Người ta xem yết thị đều phải thở than, rồi bản thân nói nhỏ với nhau:

- Đại tướng Nguyễn Xuân cảm tức quân giặc chống cự trong ba ngày ráo riết, làm cho binh triều đình vẫn hạ được thành, nhưng mà chết hại quá nhiều. Ông định bụng trả thù, chẳng những đối với bọn chiến sĩ đã cầm gươm kháng cự mà thôi, cả đàn bà con trẻ của họ, cũng bắt giam tất, để làm thịt một mẻ, cho được mát vong linh thù hạ ông đã trận vong tai hạn vì họ. Bởi vậy, ông dụng tâm làm cho tờ chiếu Đại xá đến chậm mấy giờ đồng hồ. Nào có gì khó? Ông đã biết trước có tờ chiếu ấy sắp đến nơi, cho mấy tên bộ hạ thân tín phi ngựa đi đón tận trên Biên Hòa, tìm cách làm cho người lính trạm công văn hoặc được thù lạc, hoặc gặp sự trắc trở bất ngờ ở dọc đường; và do sự tính toán của ông để giờ khắc nào chôn xong mấy nghìn tù binh kia, tờ chiếu Đại xá sẽ đến cửa thành Phiên An là vừa.

Tuy có chiếu Đại xá công bố rồi mặc lòng, đại tướng Nguyễn Xuân vẫn chiếu theo danh sách của giặc mà ông đã vớ được trong khi hạ thành, trừng trị những người đã đang từng hay giúp đỡ giặc nhiều ít. Có một số Hoa kiều ở Chợ Lớn bị cắt tai vì họ ngầm giúp bạc tiền lương thực cho giặc. Nhiều người sở tại Gia Định bị tịch gia sản hay bắt đi sung quân, cũng vì tội ấy. Bọn tiểu nhân lại thừa cơ vu hãm và tố giác người ta, nhất là dân có đạo phải chịu báo oán khổ sở.

Việc ở Gia Định biết thế là đủ, ta hãy đi theo chân 6 người ngồi cũi và 3 chiếc đầu lâu áp giải ra Huế.

Tám chiếc đầu lâu biết đi

Sau tiết Trung thu vài ba ngày, đoàn cũi trọng tù giải từ Gia Định ra đến kinh thành.

Từ phía trong Hương Trà Thanh Thủy cho đến bến đò Hương Giang, thiên hạ lũ lượt kéo ra hai bên đường chờ xem, đông như trẩy hội. Người ta đồn nhau trong đoàn tù này có nhiều sự lạ, cổ kim chưa thấy: nào là một thằng bé mới có bảy tuổi đã có võ nghệ cao cường, nào là hai cái đầu lâu cũng bị giải ra triều đình xử tội. Cho nên khi đoàn cũi giải đi qua, ai nấy xúm xít dòm ngó hai điều lạ ấy nhiều nhất.

Đến khi thấy rõ bọn tù đều trần trụi, lem luốc, chẳng còn nhân hình, nhất là Lê Văn Cừ lập tâm nhin đói cho chết, dọc đường chẳng chịu ăn uống gì, trông càng hốc hác thảm hại. Bấy giờ người ta đổi lòng hiếu kỳ ra lòng thương xót.

Có người quên bằng những kẻ ngồi co ro trong cũi kia là trọng tù của triều đình, chỉ thấy họ đau khổ quá, khiến mình phải động tâm, bèn mua bánh trái đút vào cũi cho họ ăn. Nhưng quân lính áp giải thét mắng, cản trở; vì có lệnh trên nghiêm cấm, suốt từ Gia Định ra đến đây, không để cho tù được nhận bánh trái nước nôi của ai, sợ có phe đảng ngụy Khôi thừa cơ tráo thuộc độc để tù tự tử trước khi phải chịu quốc pháp chẳng.

Đến kinh, họ bị giam trong nha môn Hộ thành, riêng hẳn những tù khác là một toán năm chục tên lính cắt trong đội cấm vệ ra, canh gác đêm ngày.

Muốn cho chắc chắn hơn, người ta thay sang cũi mới, bề cao hai thước rưỡi ta, dài 3 thước và rộng 2; với cũi mới, tù vẫn phải ngồi xồm và cúi mình mới vừa.

Cũi xếp thành hàng dài ở trước hiên, cái nọ xa cách cái kia độ bảy tám thước. Dân chúng được phép vào đứng dưới hiên mà xem, cho biết mặt mũi những kẻ gọi là đại nghịch bất đạo mà triều đình đã bắt sống ở Gia Định đưa ra và sắp sửa xét án.

Thật thế, họ về đến kinh hôm trước qua hôm sau phải đem ra thẩm vấn.

Vua sắc cho Hình bộ lập thành hội đồng xét xử án lớn này ở Tam Tòa.

Tiếng là xử 6 người bắt trong Gia Định ra, nhưng kỳ thật là xét vụ Lê Văn Duyệt mà việc Khôi phản loạn tức là chi tiết bên trong.

Hội đồng xử án do ông lão thần Trịnh Hoài Đức làm đầu, các ông danh thần đương thời như Phan Bá Đạt, Hà Quyền, Nguyễn Tri Phương, Lê Bá Tú, Nguyễn Hữu Thận v.v... sung làm phán quan.

Sáng sớm hôm 18, các quan làm lễ bái mệnh rồi bắt đầu làm việc ngay.

Hội thành đến Tam tòa, mới mở cho tù ra, đứng xếp hàng dưới thềm để hậu thẩm. Mặc dầu cổ gông tay xích, họ thấy những giây phút này khoan khoái dễ chịu, vì hai chân được co duỗi tự do, bù với một tháng rông rã chỉ ngồi gập mình xếp gối trong cũi.

*

Tiếng trên thềm thét truyền:

Thầy đạo lên hầu trước...

... Sau đến lượt Mạch Tấn Giai.

Độc giả hẳn còn nhớ Mạch Tấn Giai là người Tàu buôn bán trong Chợ Lớn, có chân trong Thiên địa hội, võ nghệ giỏi, dự vào bọn 28 đồng chí ăn thề khởi loạn buổi đầu. Khôi giao phó quản lãnh thủy quân. Chính Mạch Tấn Giai cầm binh đánh Trần Văn Năng nhiều trận, khiến thủy sư triều đình bị tổn hại vô kể. Sau lại tổ chức những cuộc bí mật vận lương vào thành do rạch Thị Nghè, nhờ thế mà một

năm đầu quân giặc bị vây, lương thực không bị thiếu thốn. Khôi mang bệnh chết, Mạch buồn rầu đã toan tự tử, Nguyễn Văn Trân can mãi mới thôi. Ở trên bộ và đánh trận cũng dữ tợn như dưới thủy; hai tay hai thanh gươm múa tít, chém bên này, đâm bên kia nhanh như chớp; binh triều khiếp sợ bảo nhau kiêng mặt. Hôm binh triều phá được vòng thành ngoài, vào thành trong, còn bị tổn hại nhiều; họ nhận thấy một mình Mạnh Tấn Giai làm tử thương ngót trăm người, cho đến lúc mỗi mệt quá, mới chịu buông gươm ngã nằm sóng sượt cho mà bắt.

Quân sĩ tức giận, vừa toan chặt ra làm mấy khúc để trả thù cho bạn hữu, nhưng Hoàng Đăng Thanh cười ngựa chạy đến nơi nhận ra Mạch Tấn Giai, vội vàng cản lại:

- Trời ơi! Bay năm óc được thằng đại phạm thế này, phải để nó sống, giải nộp mà lĩnh thưởng, chứ sao lại đại đột toan giết đi?

Vì thế lúc bấy giờ Mạch khỏi chết, nhưng cũng đã bị què hết một chân. Lúc giải về kinh lại phát bệnh thần kinh, nhiều khi như lảng trí khôn. Có điều là sự lảng trí kiêng đòn. Lính áp giải đã biết tính và quen lệ, mỗi khi va nói gì vẫn vờ làm nhảm cứ phết cho mấy roi đau điếng, tức thời trí sáng hồi ngay như thường.

Bây giờ lính dìu lên công đường, trước mặt các cụ đình thần uy vệ tôn nghiêm cũng thế. Mạch Tấn Giai tưởng như cuộc hội họp anh em đồng chí trong thành Phiên An lúc nọ, cho nên va tươi cười ra vẻ thân mật, gật gù chào cụ lớn nọ là *Tăng xénh xáng*, cụ lớn kia là *Lê đại ca* v.v... chỉ còn thiếu chạy lại vỗ vai bá cổ.

Trịnh Hoài Đức ngạc nhiên, cau mặt hỏi gắt:

- Thằng ni điên hay cố ý ngạo mạn đình thần hử? Quân bay, nọc...

- Dạ, bẩm cụ lớn, nó có cơn lảng trí, nhưng có cách trị được ngay!

Một thầy đội hầu ứng thanh nói, và thẳng tay vả cho Mạch Tấn Giai mấy cái thật đau, làm va chúi đầu, chúi mặt, nẩy đom đóm, trí nhớ hồi tỉnh nhấp nháy:

- Ối chao!... Ối chao!... Bẩm các quan bảo tôi khai thế nào, tôi khai thế ấy...

- Ủ, có thể chứ!... Lý Văn Phúc đỡ lời Trịnh Hoài Đức còn đang bậm môi trừng mắt, chưa hết kinh ngạc. Cụ lớn truyền cho mi đầu đuôi nhập lỏa ngục Khôi thế nào, phải khai cho thực, nghe!

Mạch Tấn Giai chậm rãi đem những sự tình từ lúc ăn thề khởi loạn, kể hết một lượt, không giấu giếm gì cả.

Quan khâm mạng (tức Trịnh Hoài Đức vâng lệnh vua sai làm đầu xét xử vụ án lớn này) gọi tên bị cáo và hỏi:

- Này, Mạch Tấn Giai! Mi là người Tàu sang đây kiêu ngạo buôn bán được bao lâu rồi?

- Thưa, đã trên 15 năm! Mạch đáp.

- Đó, trong bấy nhiêu năm mi nương nhờ đất nước này được an cư lạc nghiệp, không biết đã gởi bao nhiêu của về Tàu, đáng lẽ phải nhớ ơn triều đình, mi lại theo hùa thằng Khôi làm phản là nghĩa thế nào?

- Bẩm, tôi với Khôi là chỗ thâm giao lâu ngày, lại có chân trong Thiên địa hội, thề nguyên sinh tử hoạn nạn có nhau, dù sao cũng không thể phụ ước. Một khi hấn khởi binh, nhắc tới thề nguyên ấy, tôi không lẽ từ chối... Vả lại, hấn khởi binh lấy danh nghĩa và có mục đích là vì bản triều, như thế, nào phải làm việc phản loạn? Vì đó mà lúc đầu bá tính Lục châu quy phục như nước chảy.

Các cụ lớn cùng trừng mắt nhìn Mạch Tấn Giai lờm lờm, trong khi quan khâm mạng nói:

- Mi ra chỗ này phải rờ hồn cái miệng, chớ nói bá xàm mà chết!...

- Không, tôi đã hứa biết sao nói thế, không dám nói sai, Mạch đáp.

- Vừa rồi mi nói Khôi dấy loạn, lấy danh nghĩa và có mục đích vì bản triều?

- Bẩm vâng.

- Mi nói minh bạch ra xem: thế nào là lấy danh nghĩa và có mục đích vì bản triều?

- Thưa mục đích khởi binh của Khôi là để phù lập đức Hoàng trưởng tôn, con Đông cung Cảnh, lên ngôi hoàng đế; vì sinh thời Đông cung có công lao to với nhà nước và được nhân dân Lục châu kính mến vô cùng; họ bảo Đông cung chẳng may mất sớm thì ngôi báu về phần

Hoàng trưởng tôn là phải lẽ... Cái mưu phù lập này, chính đức ông Kiến An là ngự đệ Kim thượng (em ruột vua Minh Mạng) xướng khởi, mà Khôi là tay chỉ huy thực hành, có hai người phù tá trọng yếu là Nguyễn Văn Trân coi sóc quân sự, cố Du giúp về ngoại giao...

- Cố Du là người mô rứa hê? Quan khâm mạng chặn lại hỏi, có vẻ sừng sốt, vì ông mới nghe nói cái tên ấy lần đầu, Mạch Tấn Giai chưa kịp nói gì, nghe một vị quan trong hội đồng đã nhanh miệng trả lời hộ:

- Tức là thầy đạo mà ta vừa mới hỏi cung đó! Cố tức là thầy giảng đạo.

- Rứa à!? Trịnh Hoài Đức vui mừng, vừa nói vừa gật gù, vì bắt được một cái thóp. Lính đâu? Lại dẫn thầy đạo ban nãy lên, nghe!

Người ta lại đòi cố lên công đường. Vừa trông thấy mặt, Trịnh Hoài Đức dồn hỏi lia lịa:

- Thế nào?... Thế nào?... Hẳn thầy đã suy nghĩ chín chắn để cung khai thú tội đấy chứ?

- Các quan nên biết cho rằng sự thật những gì, ban nãy tôi khai hết cả rồi; Cố ung dung nói. Tôi không phải suy nghĩ thêm bớt gì nữa.

- Được rồi, chuyện ấy để đó sẽ hay!... Giờ tôi chỉ hỏi thầy có biết người này là ai hay không? Trịnh nói và trở tay vào Mạch Tấn Giai.

Cố đoán là câu hỏi gài bẫy, nên chỉ trả lời ngoài đề, mà cũng đúng sự thật:

- Ô! Đây là người bạn đồng hành trong cũi với tôi, từ trong Gia Định, lẽ nào không biết.

- Ta hỏi nhà thầy là hỏi có biết người này là ai lúc ở trong thành Gia Định kia mà?

- Có!... Có!... Đây là Mạch Tấn Giai, người khách, làm thủy quân đề đốc của Lê Văn Khôi, nếu như trí nhớ của tôi không sai.

- Trời ơi! Trí nhớ của thầy chắc như đinh đóng cột, chẳng sai tí nào!... Ta không hiểu sao thầy biết tường tận lắm nhỉ? Cả tính danh, quốc tịch cho đến chức tước. Hẳn thầy biết khắp mặt ngục đảng trong thành Phiên An, phải không?

- Vâng, tôi biết tên biết mặt dễ thường hầu khắp những người có chức phận trong thành lúc bấy giờ... Các ngài nghĩ xem: ở trong một thành này, cũng như ở trong một căn nhà hẹp, người ta buộc ông gặp gỡ chung đụng nhau hằng ngày, thế tất quen biết lẫn nhau, là chuyện rất tự nhiên; dù con trẻ đàn bà cũng thế, huống chi người có trí nhớ và chịu giao thiệp như tôi, cho đỡ cảnh buồn ở giữa vòng vây... Song, các quan có lòng công bằng vô tư, thì chắc phải xét hiểu lẽ này: biết mặt biết tên một người, có phải bắt buộc là bạn đồng tâm đồng sự với người ấy đâu...

Cố còn muốn nói nhiều, nhưng quan khâm nạng cản lại:

- Thôi, nhà thầy thuyết lý vừa vừa chứ, đây ta chỉ cần biết sự thực. Mạch Tấn Giai đã khai rằng thầy là một yếu nhân của quân ngụy, phò tá chúng nó về việc ngoại giao; thầy còn chối mãi vô ích, cứ thú nhận đi cho xong!

- Hắn ta man khai đấy! Cố trả lời. Một việc tôi không hề làm gì thì bảo tôi thú nhận nổi gì.

- Thầy liệu thú nhận ngay đi, cho khỏi bị kim kẹp đau đớn. Phan Bá Đạt nói với giọng nửa giọng dỗ dành, nửa đe dọa.

- Tùy ý các quan làm gì thì làm, tôi là người quả thật vô tội.

- Nhà thầy không chịu thú nhận hử?

- Tôi đã nói tôi vô tội mà!

Qua hôm sau, hội đồng mới hỏi đến bọn Đặng Vĩnh Ứng và anh em Võ Vĩnh Tiên, Võ Vĩnh Lộc.

Bọn này tự biết mình tất phải chết, không chạy đâu khỏi, cho nên khi ra trước mặt các quan đình thẩm, một mực giữ thái độ cứng cỏi, ngang ngạnh: hỏi câu nào họ cũng trả lời có, buộc tội gì họ cũng nhận, chẳng sợ hãi chạy chối gì cả. Họ nghĩ rằng đảng nào cũng chết, việc gì phải chối cãi việc mình đã làm, cho hóa ra con người hèn nhát. Đại trượng phu đã dám làm việc khó khăn mạo hiểm, bất quá thành thì sống, bại thì chết, không phải tự hạ chữa mình hay là sợ ai.

Nếu việc họ làm thành công, thay ngôi đổi bậc, tất họ cũng xét xử những người đang ngồi xét xử họ bây giờ. Bởi vậy họ ra trước tòa, khai rất đồng dặc, không có chút nào tỏ ra yếu ớt, hoặc tìm cách bào chữa đồ quanh để cầu lấy sống.

- Mi đồng lõa với nguy Khôi?

- Phải.

- Tại sao tụi mi dám phản triều đình?

- Tại triều đình dung túng những bọn tham ô, lợi dụng như Bạch Xuân Nguyên, Hoàng Công Lý, chỉ hà hiếp bóc lột dân Lục châu, đến con trẻ đàn bà cũng phải công phần, huống gì chúng tôi có huyết khí, kiết dùng thanh gươm!

- Bay có mục đích khởi loạn để phục thù cho Lê Văn Duyệt?

- Phải, sinh tiền Thượng Công có huân nghiệp to với dân, với nước, mà triều đình vì tư hiềm nữ quên ơn, bôi nhọ một người công thần khai quốc như ngài, dân Lục châu đều lấy làm bất bình.

- Lũ bay phạm tội đại nghịch bất đạo, lại còn khéo già hàm, kiếm có!

- Bẩm các ngài: thiên hạ còn có nhiều chuyện đại nghịch bất đạo bằng mấy, ví dụ bức hiếp chị dâu, sát hại cháu ruột, thì không ai dám mở miệng nói gì?

Người trả lời châm chích cạnh khóe ấy là Đặng Vĩnh Ứng. Các quan đưa mắt nhìn nhau. Trịnh Hoài Đức tái mặt, thét vang:

- Thằng khốn nạn, hãy câm cái miệng! Quân bay, vả vào mặt nó kia!

Thầy đội hầu đứng gần, dạ một tiếng rồi tay nọ túm ngực, tay kia vả hai bên mặt Vĩnh Ứng túi bụi. Vĩnh Ứng không thém năn nỉ hay kêu la nửa tiếng, lại còn nói giọng óc:

- Giờ người ta ở trong tay các chú rồi, các chú làm gì chả được? Thử đặng thằng gặp nhau ở chỗ chiến trường coi!

Thầy đội bị khích, toan xông lại thượng cẳng tay hạ cẳng chân nữa, nhưng các quan ra hiệu cản lại không cho hành hung, có lẽ vì câu nói của Vĩnh Ứng khiến các ngài suy nghĩ không muốn cậy quyền dõ thói võ phu với một tên tù.

Nhân tiện, các quan truyền cho tù vào cũi và đưa về ngục.

Lúc đứng dậy, Võ Vĩnh Lộc tự xé một miếng áo cộc trong mình đã rách, chùi máu cho Vĩnh Ứng và nói mấy câu sau này khá to, cốt để các quan đình thẩm nghe được:

- Họ muốn giết hay muốn làm gì anh em mình cũng thế thôi!....
Đây có phải sợ chết đâu, chỉ cần được chết cho chóng!

Còn thằng Cừ, bảy tuổi, các quan cũng đem ra lấy cung, chiếu lệ. Nó còn ngây thơ, thật thà, chả biết đầu đuôi câu chuyện ba nó khởi binh xướng loạn thế nào mà nói.

Ra trước mặt các quan, nó đứng xuôi tay trở mắt, nhìn hết bộ râu bạc phơ của ông nọ, đến chiếc điều ngà tráp khám của ông kia. Người ta hỏi câu nào đó trả lời được thì trả lời dõng một; phần nhiều là bởi việc ở trên sự hiểu biết của nó thì nó chỉ lắc đầu và đứng ngây người ra.

Ví dụ hỏi lúc ở trong thành Phiên An, ai săn sóc nó và ba nó có hay tụ họp bè bạn không, nó trả lời rằng lúc trước ở với vú nuôi, đến sau chỉ chơi với chị Tần, còn ba nó khi còn sống, thường họp bè bạn luôn, mà người nào cũng mang gương.

Một ông hỏi nó với giọng nhỏ nhẹ, vỗ về, nhưng không rõ là vô tình hay dụng ý:

- Ngay sau lớn lên, mi định làm gì nào?

- Tôi muốn học võ giỏi để báo thù cho ba tôi! Thằng Cừ thật thà trả lời như đã nói với cô Tần hôm nào.

- Vì sao thế? Ông quan hỏi lại.

- Vì quân giặc nó vây thành, làm ba tôi mang bệnh mà chết!

Thằng bé gọi binh triều là giặc. Không chừng trong óc non nớt của nó, tưởng ba nó vì phẫn sự đối với vua quan mà đánh nhau với giặc, rồi bị giặc vây, chứ không hiểu thế là phản loạn cũng nên.

Dù sao, câu trả lời thật thà của nó cũng là một hòn đá sẽ đè nặng trên ý quyết định của các quan làm án sau này. Có người nghĩ như thế. Nhưng chúng tôi nghĩ ở đời bấy giờ, một kẻ làm phản nhà vua, thì cả vợ con dòng họ phải chết, vô luận có tội hay không tội, biết hay không biết.

Vụ đáng lẽ chỉ xử mấy hôm là xong. Vì kết quả thế nào đã nhất định từ trước, ai mấy thừa biết rồi; ví bằng không bày vẽ xét xử đi nữa cũng được. Nhưng người ta cốt làm ra quốc pháp uy nghiêm, triều

đình công chính, lập thành tòa án đình thẩm, rồi nay hỏi một ít, mai một ít, kéo dài đến ngót tháng rưỡi mới xong.

Cả 6 người cùng bị kết án lăng trì, thứ hình phạt nặng nhất, ghê gớm nhất, chỉ để dành cho những người phạm tội phản nghịch nhà vua.

*

Ta hãy để bọn ấy ngồi khom trong cũi, cho đến ngày hành hình cứ một tiếng trống, xẻo đầu một miếng thịt, đây nói chuyện ông Lê Văn Duyệt tuy đã hết lâu rồi, cũng bị triều đình kết án nghiêm ngặt.

Từ ngày Khôi dậy loạn, khiến triều đình tổn hao nhiều tiền nhiều máu mà đánh dẹp mãi chẳng xong, vua lại càng oán giận ông Duyệt, đổ lỗi tại ông sinh thời dung dưỡng thủ hạ, mới đẻ ra cuộc loạn ngày nay. Trong ý ngài càng nhất định truy phạt được Duyệt thật nặng, và đợi ngày bắt được bọn Khôi sẽ kết án thầy trò một thể.

Bây giờ các cụ triều thần làm án sáu người kia xong, dâng cả hồ sơ và bản án lên tâu vua chuẩn y. Trong lời tâu, không quên chiêu đón ý vua, gài ông Lê Văn Duyệt vào một cách chặt chẽ, một hai xin vua trị tội ông để làm gương. Nhất là ông Phan Bá Đạt, chẳng những xin lột hết quan chức Lê Văn Duyệt mà thôi, lại xin bắt cả vợ con giao cho Hình bộ nghiêm trị nữa.

Vua liền hạ dụ như sau đây:

“Lê Văn Duyệt vốn xuất thân là kẻ yêm hoạn, lúc trước làm một tên đầy tớ trong nhà. Sau gặp buổi trùng hưng, rồng mây gặp gỡ, việc đánh dẹp Tây Sơn, nó cũng có dự phần công lao.

Đức Hoàng khảo ta nghĩ nó thuở nhỏ hầu hạ trong cung, nên đem lòng tin cậy, nhiều khi cho nó cầm quyền đại tướng. Không dè bọn ấy phần nhiều là quân bất lương, mỗi ngày sinh ra kiêu căng, manh lòng phản nghịch, sinh chí làm càn, ăn nói hỗn xược. Nhưng vì nó e sợ hoàng khảo ta thanh minh, cho nên dẫu có lòng gian mà chưa dám lộ. hoàng khảo ta đến mấy năm về già cũng đã biết rõ điều đó.

Tuy vậy, ngài suy nghĩ nó tuy manh lòng gian tà, song nay thiên hạ đã yên, hễ trong thần dân không ai đại gì đi theo đũa tôi tớ yêm hoạn như nó, thì nó chẳng làm gì nên chuyện mà lo.

Kịp đến trầm lên nổi ngời, dòm lại cự thần không còn mấy người, lại nghĩ nó tuổi tác đã già, nên chỉ hãy tạm khoan dung, họa chăng nó biết ăn năn, hối cải cho được toàn vẹn công danh, như thế cũng là việc hay, trầm rất mong muốn.

Ngờ đâu tên Duyệt lòng như rắn rết, tính giống sài lang, càng ngày càng thêm kiêu ngạo, dám nói xấu triều đình trước mặt đông người và tự khoe tài cán mình chẳng ai bì kịp. Năm nọ những kẻ tù phạm xứ Thanh, xứ Nghệ, cùng là bọn hung ác bất lương, Duyệt đều chiêu dụ ra thủ, tâu xin ghép vào quân đội bản bộ để cho vây cánh thêm nhiều...

“Lê Văn Khôi là đưa vô lại, Duyệt tiến cử đến chức vệ úy, đặt dưới cờ mình, dùng làm thủ hạ tâm phúc. Thổ hào như bọn Dương Văn Nhã, Đặng Vĩnh Ứng, thì nó giao kết dùng ngầm, họ hàng như bọn Võ Vĩnh Tiên, Võ Vĩnh Lộc thì nó âm thầm lập đảng. Tù phạm ngoài Bắc đày vào Gia Định, nó cho ở cả trong thành, rồi thu biên làm lính; vợ vết thuyền bè khí giới của Nam kỳ lục tỉnh, đem chứa vào thành Phiên An; lại nghe lời tên Trần Nhật Vĩnh bày mưu lập kế, bòn rút của dân Nam kỳ.

Nó xây thành Phiên An, cố ý đắp cao như kinh thành, hào thì đào sâu hơn. Nếu bảo cần có thành cao hào sâu để phòng bị giặc Xiêm, thì mặt bể phải phòng ở Hà Tiên, mặt bộ phải phòng ở Chân Lạp kia, lẽ nào bỏ mặc bốn tỉnh An, Hà, Long, Tường không lo giữ, lại chỉ lo giữ ở Phiên An là nghĩa lý gì? Điều ấy chứng tỏ ra nó dụng tâm phòng bị đối địch triều đình, chứ không phải phòng bị ngoại xâm vậy. Cứ suy như thế thì ruột gan nó ra sao, người đi đường cũng nhìn thấy rõ, ai chẳng căm giận, chỉ tiếc không ai chịu nói rõ cho triều đình biết sớm mà thôi.

Đến nỗi ngày nay như nuôi cái ung độc để nên đau mỗi ngày mằm vạ một lớn, cho nên kẻ hoạn thị lộng quyền kia đều chịu quốc pháp chém giết mới đáng đời, mà bọn nhỏ nhát vây cánh nó còn dám giữ thành làm phản. Ví bằng quan cai trị không đón hèn như Nguyễn Văn Quế, tham tàn như Bạch Xuân Nguyên đi nữa, chúng nó cũng có ngày tìm cơ khác mà làm phản, không sao tránh khỏi. Bởi lũ bộ hạ nó toàn là hung đồ quen làm những việc gian ác. Chúng đã quen thấy nó dối chúa lẫn trên, đều bắt chước nó.

Rất dối nó dám nói với người ta rằng nó vào trấn Gia Định, vốn là phong vương để giữ lấy đài, chứ không phải như các tổng trấn tầm

thường khác. Mồ mả cha nó, em nó, cũng tiếm gọi là lăng. Có khi đối với người ta, nó dám tự xưng là “Cô”, để cho thủ hạ tập quen thành thói, chỉ biết kiêng sợ Lê Văn Duyệt mà không biết đến triều đình.

Xưa thầy Hữu tử đã có câu nói: Không ưa phạm người trên mà ưa làm loạn, chưa có lẽ ấy bao giờ. Vậy thì ưa phạm bề trên mà không ưa làm loạn, cũng chưa có lẽ thế bao giờ. Mối vạ gây nên đã lâu, muốn cho bọn tiểu nhân kia không làm phản sao được?

Vậy nên nó chết chưa bao lâu, bọn Lê Văn Khôi đã nổi loạn, mà cháu ruột nó cũng đồng tình dự mưu, để cho cả bọn bản bộ quân mã của nó đều theo giặc hết thầy, chẳng một tên nào trốn đi. Rồi tên Khôi kết tử đảng, cày có thành cao hào sâu, lương thực chứa chan, khí giới tinh nhuệ, vây cánh lại đông, ra mặt kháng cự quan quân, dai dẳng đến ba năm trời. Nhiều lần đã mở đường sống cho chúng nó, mà chúng nó vẫn không biết ăn năn hàng phục, một mực chống cự vương sư, đến nỗi binh lính nhân dân gan óc lầy đường, nói ra đau xót. Truy đến cội nguồn, thì tội của Lê Văn Duyệt kể từng sợi tóc cũng không xuể.

Nay hãy đem những công việc nó làm, rõ ràng ở tai mắt người ta, để gây nên họa hoạn, hiểu thị cho ai mấy đều biết.

Còn Lê Văn Duyệt và con cháu nó nên xử tội thế nào, thì giao cho đình thần xét rồi tâu lên”.

Đọc tời dụ này, ta thấy nhà vua buộc tội ông Duyệt hết sức gắt gao, ví dụ ông còn sống mà có phép tiên, rụng đầu này mọc đầu kia, chịu chém đến hàng chục thủ cấp cũng chưa vừa tội.

Nặng nhất là những tội tiếm việt. Nào là đắp thành Phiên An cao bằng kinh thành; nào là dùng tiếng “Cô” để tự xưng; nào là mồ mả cha mẹ dám gọi là lăng; ở đời quân chủ độc tôn, những việc làm ấy nguy hiểm cho phạm nhân, đến nỗi chỉ kể lấy một khoản thôi, cũng bị án sát thân diệt tộc.

Hồi đó ông Duyệt không còn sống để bênh vực ấy mình, nhưng đã có sự thật bào chữa hộ ông.

Thành Phiên An, ông xây xong năm Minh Mạng thứ 11 (1830), tường cao hào rộng thế nào, trước khi khởi công đã tâu vua chuẩn y; bây giờ bảo ông tự tiện xây cao bằng kinh thành là dụng tâm tiếm việt, thật oan cho ông. Mồ mả song thân của ông để ở Long Hưng, gần Rạch Gầm, lúc ấy vẫn sò sò trước mắt mọi người trông thấy ngôi

nào cũng xây bằng đá, theo kiểu cách mồ mã các nhà quan to đương thời, chứ không có vẻ gì là lãng tằm. Ngôi mộ bà cụ xây năm Giáp Tuất (1814), có mộ chí khắc những hàng chữ sau này:

Tuế tại Giáp Tuất trọng hạ cái nhật
Việt cổ hiển tĩ Khâm sai trưởng kỳ
Lê hầu chính thất Nguyễn phu nhân chi mộ
Hiếu tử khâm sai Gia Định thành tổng trấn
Trưởng tả quân, bình tây tướng quân

Lê Văn Duyệt lập.

Nghĩa là:

“Năm Giáp Tuất, tháng trọng hạ, ngày lành. Đây là mộ mẹ tôi, Nguyễn phu nhân, chánh thất của quan Khâm sai Chương cơ, họ Lê, phong tước hầu.

Hiếu tử vâng mệnh Tổng trấn thành Gia Định, trưởng Tả quân, Bình Tây tướng quân, tước Quận công Lê Văn Duyệt dựng bia”.

Còn ngôi mộ ông cụ thì xây năm Tân Tỵ (1821), trước mộ cũng dựng bia khắc chữ: *“Đây là mộ thân phụ tôi, Vũ huân tướng quân, Khâm sai chương cơ, tể Thổng chế, Lê hầu”.*

Giữa lúc ông Duyệt xây mộ cho song thân, là lúc ông đang làm tổng trấn Gia Định, uy danh hiển hách, được vua nể dân yêu. Ai xem mấy ngôi mộ ấy đều nhận thấy từ chi tiết cho đến toàn thể, chẳng có chút nào tỏ ra ông tiếm việt, dám gọi mồ mã cha mẹ mình là lãng tằm như của nhà vua.

Theo chế độ xưa, một người được phong tước vương mới tự xưng mình là “cô” nhưng Nguyễn triều ta, ngay khi đức Gia Long nhất thống trong nước xong, liền định ra lệ không phong vương cho ai, trừ ra trong hoàng tộc, dù có công lao đến đâu cũng thế. Cho nên các ông Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành, Lê Chất v.v... đều có công lao khai sáng rất to, nhưng chỉ được *phong thưởng đến Quận công là tốt bậc*. Điều lệ triều đình đặt ra như thế, khắp nước đều biết. Chắc hẳn ông Duyệt không dại gì tự xưng là “cô” để mua lấy tiếng cười.

Đến như việc ông thu biên những tù đầy mãn hạn, cho vào quân đội, cũng là làm việc công cho nhà nước, nào phải vì việc riêng hay

là có ý phản nghịch? Một chứng cứ bày tỏ ra ông làm quan tận trung với vua, với dân, rõ ràng hơn hết là khi ông nhắm mắt, không để của cải gì cho vợ con khác hơn là vài ba mẫu ruộng.

Nếu lúc bấy giờ, một vị triều thần giàu công tâm đại nghĩa, sau khi đọc tờ dụ buộc tội của nhà vua, muốn bênh vực thanh danh hộ ông Duyệt, thật không thiếu gì sự lý hiển nhiên.

Song triều thần cũng không ưa gì ông, cho nên lửa cháy lại đổ dầu thêm, tìm cách buộc tội nhiều hơn, nặng hơn là khác.

Cứ theo sử chép, tờ dụ ban xuống hôm trước, hôm sau ba vị quan nội các là Hà Quyền, Hoàng Quýnh và Nguyễn Tri Phương cùng dâng sớ tâu rằng Duyệt bao dung cho quân phi loại, gây nên việc loạn ở Gia Định thật ra mầm vạ tích lũy đã lâu. Xét ngay trong những giấy tờ của Duyệt để lại, đủ thấy dấu vết y mưu đồ phản nghịch, là sáu việc kể ra sau đây:

1) *Tư thông Diển Điện*, - Năm Minh Mạng thứ 4, Duyệt sai thủ hạ thân tín là bọn Phan Đạt đi thuyền đem thư sang nước Diển Điện mượn cớ là đi do thám ngoại tình. Ý chừng trong thư có chuyện giao thiệp bí mật. Lấy nghĩa “làm tôi không được tự tiện giao thông với nước ngoài”, thì tâm sự Duyệt thế nào đã tỏ rõ ra đây. *Tội ấy là một.*

2) *Khinh thị triều đình*, - Sau Diển điện sai sứ qua nước ta. Sứ thần Diển điện đến thành, Duyệt mới tâu về triều, Hoàng đế hạ dụ nói việc đó quan hệ đến đại nghĩa, chớ nên khinh thường nghe lời bên ngoài mà bỏ tình hòa hiếu, gây mối cừ thù. Thế mà y cố xin dung nạp sứ bộ nước Diển. May mà triều đình trả đồ cống vật, cho xứ Diển Điện về nước, có thể danh nghĩa ta là nước lớn mới giải tỏ ra với thiên hạ. Y mưu toan việc nước sai lầm, lại cố giữ ý riêng để che điều lỗi. *Tội ấy là hai.*

3) *Tự phụ có quyền*, - Năm Minh Mạng thứ 7, có một chiếc tàu Anh cát lợi bị gió đánh bật vào cửa Bình Thuận; quan sở tại tâu về triều, vua hạ chỉ sai ngay sở tại hô đưa tàu ấy ra bể. Duyệt cố xin đưa tàu vào Gia Định; trong sớ có câu: “Quan địa phương không bằng thần có quyền, khiến cho kẻ kia sợ tướng lệnh và biết binh oai nước ta.” Đạo làm tôi xưa nay vẫn kiêng nói hai chữ có quyền, thế mà Duyệt ngang tàng tự nhận, thật là kiêu căng. *Tội ấy là ba.*

4) *Bị miện thị phi* – Năm Minh Mạng thứ tư, Thị vệ Trần Văn Tình vào Gia Định có việc công sai, lúc về có tâu việc Trần Nhật Vĩnh

làm riêng phổ ngói, mua trộm các món vật liệu, vì cậy có thể Duyệt che chở. Duyệt nghe chuyện ấy, năm sau về châu, một hai xin bắt Trần Văn Tình giao lại cho y để y chém, nếu không giao thì y xin trả lại chức tổng trấn Gia Định. Thế rồi y xin từ chức thật. Té ra y cố ý bức vua, còn có tội gì to hơn. Vả lại y đòi giết Trần Văn Tình, cốt ra oai để bịt miệng người ta, dù y có lòng quyền vi pháp thế nào, từ sau không ai dám nói nữa. Duyệt tâm như vậy thật là nham hiểm. *Tội ấy là bốn.*

5) *Ngôn ngữ bất kính* – Đã có chỉ bổ Trần Nhật Vĩnh làm ký lục Vĩnh Thanh, mà Duyệt cố xin giữ lại ở Gia Định. Lê Đại Cương cũng có chỉ tuyên triệu về kinh, nhưng Duyệt kéo nài lưu lại làm việc phủ Lạc Hòa. Hai việc y đều cố ý trái nghịch chiếu chỉ. Trong bản tâu của y nói rằng: “ích cho nhà nước ở chốn biên cương.” Lại trong bản tâu xin chi lương bổng cho bọn thơ lại, cơ, đội, các vệ, có câu: “Lão thần ở ngoài biên khổn xa xôi, chỉ e triều đình tin dùng không được bền vững”. Lời lẽ ấy tỏ ra bất kính. *Tội ấy là năm.*

6) *Hy vọng thoán nghịch*, - Năm Minh Mạng thứ sáu, y tâu xin tăng thọ cho Lê Chất, có câu rằng: “Ấy là vị thánh được khởi tử hồi sinh, tiếc gì mà không làm”. Y giữ chức trấn thủ biên cương mà dám kết đảng tự tình như thế, rất trái đạo làm tôi. Vả lại nghe nói bình nhật y thường khoe với người ta rằng y xin thơ tiên được bốn câu như sau này:

*“Tá Hán tranh tiên chư Hán tướng
Phụ Chu ninh hậu thập Chu Thần
Tha niên nhược ngộ Trần kiều sự
Nhất đán hoàng bào bức thử thân*

Nghĩa là:

*Giúp Hán không thua bầy Hán tướng.
Phòng Chu bá kém bọn Chu Thần.
Một mai gặp chuyện Trần Kiều⁽¹⁾ trước,
Bỗng chốc hoàng bào, khoác đến thân*

Tóm lại, bọn ông Hà Quyền xin vua giao cả lời tâu trên đây cho đình thần lấy tài liệu xét án Lê Văn Duyệt và định tội để rõ quốc pháp.

(1) Lấy điển Triệu Khuông Dã những làm quan Điện tiền Đô kiểm điểm nhà Chu, gặp lúc vua còn bé, phụng mệnh đem binh đi đánh giặc, đến Trần kiều, quân sĩ lấy hoàng bào khoác vào mình, tôn lên làm hoàng đế, ấy là Tống Thái Tổ (Tây lịch, thế kỷ thứ 10)

Vua chuẩn y.

Đã nói triều thần vốn sẵn lòng chẳng ưa ông Duyệt, lại muốn chiều theo ý vua, cho nên công việc nghị án làm rất chóng. Các cụ chỉ có việc lục xem các bản tấu sớ cũ, mà rút lấy những lời nói việc làm của ông Duyệt có thể buộc tội phản nghịch gồm có bảy tội nên chém, kể ra sau đây:

- 1) Sai người đưa thơ sang Diên Điện, bí mật ngoại giao;
- 2) Xin giao chiếc tàu Anh cát lợi vào thành Gia Định để tỏ
mình có quyền;
- 3) Xin giết thị vệ Trần Văn Tình để khóa miệng thiên hạ;
- 4) Vì lệnh triều đình, xin giữ những quan viên đáng lẽ
bổ dụng nơi khác;
- 5) Lập đảng và xin tặng thọ cho Lê Chất;
- 6) Giấu chứa giấy ngụy bảo;
- 7) Mỏ cha, tiếm gọi là lãng; đối với người ta, tự xưng là “cô”.

Ngoài bảy tội nên chém, còn có hai tội nên xử giảo: một là cố xin dung nạp Diên Điện để che chở lỗi mình; hai là nói chuyện với người ta xin được bài thơ tiên có câu: “Nhất đán hoàng bào bức thử thân”.

Thêm một tội nữa đáng phát phối sung quân, là tội tự tiện sai binh lính đóng tàu thuyền cho mình.

Triều thần xét ra vụ loạn Phiên An, chính Duyệt là đầu tiên, vậy chiếu theo luật mưu phản thì phải ghép y vào tội lãng trì mới đáng. Nhưng y đã chết rồi, vậy xin thu hết cáo sớ, mở quan quách ra mà giết thầy, hầu treo gương cho kẻ khác lấy đấy làm răn. Cho đến ông cha của y được phong tặng cáo sớ, nay cũng truy đoạt hết cả; mồ mả có chỗ nào xây dựng lạm phép thì xin phá hủy; vợ con cũng phải chịu tội, tài sản nhà y đều tịch một sung công.

Bản án đệ lên ngự lãm; vua Minh Mạng muốn tỏ công bằng, sai Hình bộ sao lục gửi đi các tỉnh, hỏi ý kiến các hàng tổng đốc, tuần phủ, cho phép cứ thực tâu bày. Nhưng có ông mô dám ngỏ ý kiến gì khác là điều vua đã muốn? Thành ra mỗi ông đều tâu về tán tụng rầm rập; chẳng nghe một tiếng nào bênh vực ông Duyệt, ngay những

người từng chịu ơn đề bạt của ông cũng vậy.

Vin lấy chỗ gọi là công luận ấy, nhà vua có lời châu phê như sau này:

“Cứ xem như thế thì đủ rõ lẽ trời không sai, mà công đạo ở lòng người không ai giấu được. Kẻ quyền gian kia gây nên tai vạ, ai ai cũng phải cảm giận, muôn miệng cùng lời, đủ tỏ cái án sắt nghìn xưa. Tội ác của Lê Văn Duyệt dù nhổ từng sợi tóc mà kẻ cũng không hết, nói ra đau lòng; dù có bỏ quan quách ra mà giết thầy, cũng là đáng tội. Song nghĩ nó chết đã lâu, vả chẳng đã truy đoạt quan tước, thôi thì xương khô trong mả chẳng bỏ gia hình. Vậy truyền cho tổng đốc Gia Định đến mả nó, san làm đất bằng, và khắc đá dựng bia ở trên viết to những chữ: *Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xir* ⁽¹⁾ để chính tội danh cho kẻ đã chết mà tỏ phép nước về đời sau, làm gương cho kẻ quyền gian muôn đời.”

Còn cháu ông Duyệt là Lê Văn Hán, có một lúc đã đóng vai thuyết khách chiêu hàng, nhưng bị Khôi mắng nhiếc một chập rồi đuổi đi, chuyện ấy độc giả hẳn còn nhớ. Bây giờ nhà vua cũng nghĩ lại công ấy, cho Hán ban đầu tuy có giao thông với giặc, nhưng chẳng qua cuồng dại một lúc không như những kẻ trước sau theo giặc chống cự quan quân, nên chỉ Hán chỉ bị khép vào tội trăm giam hậu, cũng án treo thế thôi.

Phụ lão ở Gia Định tương truyền rằng: hôm các quan tỉnh Gia Định vâng chỉ thi hành cái án Lê Văn Duyệt, đến ngôi mộ ông tại Bình Hòa xã, san thành đất bằng và đặt một dây xiềng bằng sắt chung quanh tâm mốc đá có tám chữ theo lệnh vua dạy, trời đang quang đãng bỗng hóa ra âm ỷ thăm sâu. Người ta kinh dị bảo nhau:

- *Cái oan khí của Thượng Công phát tiết ra đây!*

Không muốn để lại một tý dấu vết phản loạn, hay là nguy đảng đã bị trị tội nghiêm khắc thì bức thành cũng không nên dung tha, đồng thời nhà vua sai phá thành Phiên An đi, xây thành mới, nhỏ hơn, lui vào phía trong. Ấy là thành Gia Định.

Cách sau mấy chục năm, người Pháp đến Saigon, ra tay xây dựng mở mang. Lúc khởi công xây nhà thờ lớn ở Saigon hiện nay,

(1) Đây là chỗ tên yêm hoạn lộng quyền Lê Văn Duyệt chịu quốc pháp.

người ta phải dọn dẹp nhiều gò đồng chung quanh, để san thành đất bằng. Nhân thế, người ta đào thấy một lớp tro tàn và những mảnh vụn đã cháy đen. Có lẽ đây là di tích kho tàng lương thực của Khôi định đốt cháy trong khi binh triều hạ thành Phiên An tháng 7 năm Mùi. Trong lúc đào đất, dân phu lại phát quật được nhiều đồng tiền đồng đã chảy và dính cục lại; vô số quả đạn bằng sắt hay bằng đá còn nằm y nguyên dưới đất, xen lẫn ngói vỡ gạch vụn. Lại thấy cả thi hài trẻ con bỏ trong chum trong thạp đầy kín nữa.

*

Trong những hôm Triều đình xử vụ án Lê Văn Duyệt, bọn Mạch Tấn Giai, Lê Văn Cừ thanh án, vẫn nằm ở ngục Hộ thành đợi ngày thọ hình chính pháp.

Chẳng ai một sống hay cầu sống, mà cũng không còn mảy may nào trông mong thoát chết được nữa, cho nên họ sớt ruột cầu lấy chóng chết cho mát tâm thân, nhưng mà ngày ấy đến bao giờ, chưa biết.

Vì chính triều đình cũng còn chờ đợi.

Muốn cho cuộc xử quyết này có vẻ uy nghiêm long trọng ở trước tai mắt dân gian nhà vua cốt đợi tất cả tướng sĩ thắng trận ở thành Phiên An trở về kinh đô, làm lễ phục mệnh và hiệu phù tử tế, rồi bấy giờ mới đem bọn Mạch Tấn Giai ra chính pháp.

Cuối tháng mười, đầu tháng mười một, đại quân mới lục tục kéo về đến kinh thành. Họ được nhà vua sai quan khâm mệnh đi đón rước từ ngoài hai mươi dặm và ban đồ khao lao quân sĩ một cách rất hậu.

Thái Công Triều đi theo đại quân khai hoàn và cũng được coi như một chiến tướng có công trận.

Cách một hôm sau, cơ nào vệ ấy, đội ngũ chỉnh tề, cờ xí rực rỡ, đứng xếp hàng trước cửa Ngọ Môn, đối diện mấy đội cấm binh mặc nhung trang đỏ chói và tàn quạt voi ngựa dàn hầu cực kỳ uy nghi. Vua Minh Mạng ngự chính giữa trên lầu, đằng sau là các vị thân vương hoàng tử, hai bên thì văn võ đại thần đều bận triều phục.

Dứt hồi chiêng trống phát âm, do quan Lễ bộ xướng lễ, các tướng sĩ ở Gia Định khai hoàn, từ Nguyễn Xuân trở xuống, bài ban làm lễ phục mệnh hiến phù, dâng lên quyển sổ kê biên các khoản khí

giới, lương thực, vật dụng, cho đến số quân ngự đã bắt được ở thành Phiên An.

Đoạn, người ta đem bọn Lê Văn Cừ sáu người ở trong cũi ra, bắt họ làm lễ ngũ bái tỏ ý đầu phục nhà vua, trước khi đi chịu hình.

Người nào người nấy ở cũi lâu ngày, hai đầu gối như đã tê liệt, không còn cử động co rút được nữa. Lính phải đỡ từng người ra xếp hàng chữ nhất trước cửa Ngọ môn, để cho họ hành lễ. Nhưng tới khi lính buông tay ra bảo họ lạy thì cả sáu người cùng khuỵu chân, ngã quay lơ trên sân đá một lượt, chẳng lạy lục gì được.

Giá như có đứng vững chân, họ cũng không chịu lạy nào. Có người lính cầm vệ đứng gần, trông thấy Đặng Vĩnh Ứng đưa mắt ra hiệu cho đồng bối, rồi cả bọn đồng thời ngã vật xuống, làm bộ tê chân, không thể làm lễ. Họ nghĩ hai bên tương địch, mình thua trận bị bắt, kẻ thắng trận bắt quá chặt đầu phân thân mình là cùng, việc gì mà phải lạy lục.

Tuy vậy, lính cũng phải chiếu lệ, hai người đỡ một tên tù đứng thẳng lên và thét họ lạy Ngai ngự đi.

Họ lại ngã vật xuống keo nữa, rên rỉ kêu đau vang trời.

Lính lại đỡ dậy, rồi một chú ôm giữ ngang hông cho khỏi quy xuống, một chú nắm chụm hai tay họ lại đưa lên đưa xuống, bắt vái năm vái.

Họ trơ như người gỗ, mặc lính làm gì thì làm, chỉ cúi gằm mặt xuống đất, không hề cưỡng lại mà cũng không ngó lên trên lầu Ngọ môn. Người bång quan tưởng họ đã kiệt sức tê gân, chẳng thể làm lễ quy bái theo đúng nghi tiết triều đình, nhưng sự thật dường như họ làm ra vậy, lập tâm không lạy.

Lễ hiến phù xong, quan Đề đốc Hộ thành thân dẫn 150 tên lính, nhận lấy tù đưa thẳng ra hình trường chính pháp.

Trời tháng một chạp, vừa mưa vừa lạnh, mỗi tù nhân chỉ đóng một chiếc khổ mỏng để mình mảy trần trụi, cho nên người nào cũng lạnh tím da thịt và run lẩy bẩy.

Đội lính dẫn tù đi hành hình, có cờ trống, gươm đao, voi ngựa, quan Hình bộ giám sát, mặc đồ đại trào cỡi ngựa, mang gươm tuốt trần, xem rất uy nghi. Bọn tù cũng ngồi trong cũi có người khiêng.

Từ cửa Ngọ môn ra hình trường là bãi chợ Đông Ba, không có mấy bước đường, nhưng người ta được lệnh phải đi quanh co nhiều phố phường dân cư, để cho thiên hạ xem mà làm gương. Đi một khúc đường lại nghe tiếng loa thét vang, nói cho dân chúng biết rằng: đây là sáu tên đầu đảng quân ngụy Phiên An đã bị triều đình đánh tan, bắt sống, bây giờ đưa đi xử lăng trì.

Lúc đi ngang phố phường Thượng tứ, có mấy nhà từ tâm, thương hại bọn tù rét mướt run rẩy, lén quăng cho người thì gói mền cũ, người thì tấm áo rách, để họ khoác lên mình cho đỡ lạnh lẽo.

Người ta đi diễu quanh phố để làm quảng cáo mãi, hết một trống canh mới đến hình trường.

Giữa bãi, mỗi người thụ hình phải quỳ gối, ngảnh mặt về phía Hoàng cung, hai tay tréo lại sau lưng, trói chặt cả chân tay vào một cái cọc. Người nọ cách người kia độ 5 thước ta.

Mười hai đao phủ quân tuốt mã tấu ra sáng quắc, hơi sắt làm lạnh cả tóc gáy thiên hạ đứng xem chung quanh. Muốn được cẩn thận mười phần, các chú đem theo cả đá mài, để ngay trước mặt tội nhân mà liếc mài soàn soạt, trong khi những người lính kia hì hục làm việc trói tay đóng cọc.

Ba hồi trống giục...

Vừa dứt tiếng trống, quan Hình bộ đứng ngân giọng tuyên đọc tờ chiếu rồi đến bản án kể nhĩ sáu người đóng cọc kia vào tội lăng trì,

Thiên hạ lặng lẽ lắng tai, nhưng chỉ nghe lảng vảng những chữ “loạn thần tặc tử” và “quốc pháp” thế thôi.

Cuộc hành hình bắt đầu.

Sáu tội nhân đồng thời thụ hình.

Đao phủ quân cầm dao lăm lăm trong tay, cứ nghe hiệu trống đánh một tiếng đùng, thì tốp nào tù nấy, đưa dao xẻo của tội nhân một miếng thịt, bất cứ ở vai, ở đùi, ở lưng, ở bụng, con dao múa một vòng tiện đâu hạ xuống cắt đấy.

Người đứng xem tứ vi, dày đến mấy lớp. Nhiều khán giả may được chỗ đứng ở lớp trong, gần kê, xem rõ, nhưng lại yếu bóng vía, hễ nghe tiếng trống thì nhắm mắt lại; một lát mở ra, trông thấy máu

đỏ lỏm nhể nhại ở chỗ thịt vừa bị cắt. Trừ kẻ có lá gan sắt mới đứng xem mãn nhãn từ đầu chí đuôi, lắm người chỉ mở mắt nhắm mắt, hai lần, rồi thì lui đi chỗ khác.

Những người đứng lớp ngoài xa, tự nhiên không trông thấy gì cả, chỉ nghe sau một tiếng trống, là những tiếng ối, tiếng ái, tiếng kêu trời ơi, xen lẫn với những tiếng mắng, tiếng chửi... trước còn nhiều và rõ, lâu dần thưa bớt, nghe yếu mãi đi.

Thì ra tội nhân có sức chịu đựng khác nhau: cậu bé Lê Văn Cừ bị lóc có một miếng thịt đùi đã chết ngất, chẳng còn biết gì nữa; Đặng Vĩnh Ứng vốn là nho sĩ, da thịt mềm mỏng cần răn chịu được ba dao; duy có mấy viên võ tướng là bền hơi khỏe sức, coi sự cắt đi dăm bảy miếng thịt không có nghĩa lý gì, phải chặt đứt cổ thì họ mới chết.

Không ai lạ lòng gan góc như Võ Vĩnh Lộc bị xẻo tới mười hai người ba miếng thịt, nát khắp mình mẩy, máu loang đỏ người, mà trái tim vẫn đập như thường, miệng vẫn cười khanh khách và mắng chửi tứ tung:

- Chúng bay hèn lắm, muốn giết người ta thì chém phứt một đao cho xong, đừng cắt từng miếng chả bỏ ngựa thịt tao!... Chúng bay hèn lắm!

- Chặt đầu nó đi! Quan giám sát truyền lệnh.

Có thể mới bịt miệng thóa mạ của Võ Vĩnh Lộc.

Trong đám khán giả, nhiều người thuộc *truyện Tam Quốc*, xăm xỉ bảo nhau:

- Cái mặt của thằng cha đó, dễ thương to bằng mặt Khương Duy!

Một lúc sau, sáu tội nhân chỉ còn lại sáu chiếc thủ cấp bêu lên cao cho dân chúng thấy; còn thi thể đã cắt xẻo lung tung và những miếng thịt vụn, người ta nhặt nhanh đem đi một nơi đốt cháy thành tro rồi đổ xuống bể.

Sáu chiếc thủ cấp còn phải vát vả.

Vâng lệnh nhà vua, người ta lại bỏ sáu quả dưa có mắt mũi đỏ vào một cối, thêm hai cái sọ Lê Văn Khôi và Nguyễn Văn Trân là tám, trên cắm cây phượng dài bằng vải hồng điều, viết mấy chữ to: “*Đầu lâu bọn phản nghịch đã chịu quốc pháp*”, rồi sai chuyên đi các tỉnh, bêu cho dân thấy mà răn sợ.

Thoạt tiên, chuyển từ kinh đô ra Bắc Hà, tại từ Bắc Hà vào Nam Trung rồi trở về kinh để chịu lửa hóa ra tro, đem trộn với phân trâu phân ngựa, trước khi đổ trút xuống bể, tỏ ý làm tiêu diệt giống phản nghịch triều đình, không thể sinh hóa được nữa.

Tám thủ cấp đi chu du nam bắc hơn ba tháng trời, lúc trở về kinh chỉ còn trơ xương, hôi thối nồng nặc, trông rất ghê sợ. Ngay từ kinh đô chuyển ra Bắc Hà, đầu tháng giêng đến thành Thăng Long, mắt mũi ở tám chiếc mới đã tiêu hết, chỉ còn lại mấy cái lỗ trống, nhiều người thấy gớm, không dám nhìn ngó chán chường.

Nhất là ruồi nhặng chui vào những lỗ trống ấy mà đục khoét chân rồi bay ra một lượt đàn ong, ai cũng sợ chúng lại đậu vào mình thì khốn.

Lúc bêu chuyển tới Gia Định, trời lại nắng to, ruồi nhặng bu lại càng nhiều, sự bẩn thỉu ghê tởm không thể tả hết. Đến nỗi người Gia Định chạnh lòng thương hại, bàn riêng nói lên với nhau:

- Người ta có tội, chém giết thì thôi, làm gì hành hạ tới đâu lâu quá thế?... Lúc nọ quân ngự bắt được binh triều tướng triều có xử nhân tâm đến nước ấy đâu!

Trong mấy tháng đầu lâu đi dạo như thế, ở kinh thành, quan Hình bộ tại xử một vụ án phản nghịch nữa, cũng dính líu chặt chẽ với loạn Phiên An.

Hai bị cáo là Nguyễn Chương Đạt và Thái Công Triều.

*

Độc giả hẳn còn nhớ Nguyễn Chương Đạt làm án sát Gia Định, giữa khi triều đình giao cho công việc, cùng với tổng đốc Nguyễn Văn Quế, bố chánh Bạch Xuân Nguyên, tra xét vụ án Lê Văn Duyệt lộng quyền. Hồi đó Lê Văn Khôi và mấy chục người nữa là bộ hạ cũ hoặc họ hàng thân thích ông Duyệt đều bị bắt giam để xét hỏi.

Khôi bị giam trong trại quan án, cốt làm ra bộ tòng phục hiện từ để cho Nguyễn Chương Đạt tin. Kẻ tù và quan án lại còn có tình đồng hương, vì cùng là người Cao Bằng, mạn ngược xứ Bắc.

Vì thế, trước hôm 18 tháng 5 Quý Tị, Khôi mượn cớ là ngày giỗ cha, được Đạt thả lỏng cho về nhà một vài hôm, giao hẹn cúng giỗ

xong lại trở vào ngục để tinh thần Gia Định giải nội bọn ra kinh đô thăm vấn.

Nhưng thừa cơ hai hôm thả lỏng, Khôi bí mật họp đồng chí uống máu ăn thề, rồi khởi loạn ở ngay trong thành Phiên An, gây nên to chuyện như ta đã thấy.

Nhân có ơn thả lỏng, cộng với chút tình đồng hương, Nguyễn Chương Đạt không bị bọn Khôi phanh thây xô sát như Nguyễn Văn Quế, Bạch Xuân Nguyên, lại để cho Đạt thoát ra ngoài thành đào nạn.

Đạt tự hỏi mình có tội to, nên thò mặt ra tát chết, bèn thay hình đổi dạng, thừa cơ đàn độn, đáp thuyền mảnh trốn ra Bắc, lần trở về Cao Bằng ẩn trong rừng núi.

Kế triều đình có lệnh nã tróc bà con họ hàng Khôi ở Cao Bằng, người anh vợ Khôi là tri châu Nông Văn Vân khởi binh làm phản. Đạt liền đi theo làm mưu sĩ.

Tháng ba năm Ất Mùi, đạo quân tiêu phủ do Phạm Văn Điển chỉ huy, đuổi dồn Nông Văn Vân vào một khu rừng ở Tuyên Quang, vây bọc bốn phía và nổi lửa đốt, Vân bị chết cháy, Dư đảng tan vỡ.

Giặc Nông Văn Vân dẹp yên trước cuộc loạn Phiên An bốn tháng.

Đạt nghĩ trốn tránh mãi cũng chẳng thoát được nào, đành về kinh tự thú, bị giam ở Phủ Thừa để chờ xét xử.

Nằm trong ngục, Đạt tự biết số phận mình bề nào cũng chết, không như Thái Công Triều nhờn nhờn tự tin mình đã lấy công lao đền quá tội lỗi, phen này tất được tiến chức thăng quan, không nhiều cũng ít.

Thái Công Triều từ hôm quan quân hạ thân Phiên An, rồi lại theo về kinh sự lễ hiến phù, vênh váo tự đắc ra mặt.

Sự thật, trong sổ quân công, đại tướng Nguyễn Xuân ghi công cho Triều khá nhiều, lại định ninh hứa hẹn sẽ hết sức bảo tâu giùm, không những được bỏ qua lỗi xưa, còn có phần chắc chắn thăng thưởng là khác. Người ta bảo ông Xuân khôn ngoan kín đáo, thừa đoán mai sau Triều sẽ có cái kết cuộc thế nào, nhưng trong lúc ông cần dùng Triều về việc quân thì cứ dùng, tha hồ cho hắn ta ăn bánh hy vọng, miễn là được việc cho ông.

Vì thế, hấn được thể ngạo nghễ, tự phụ bạn ngang hàng và những kẻ dưới, trong khi thâm thụt cầu lụy bề trên để phần thắng thường càng thêm nắm chắc. Mấy hôm mới về kinh hấn chịu khó đi khúm núm lạy lục khắp mặt các cụ đại thần, cơ hồ chẳng có nha môn công phủ nào không thấy in dấu chân tư yết. Nhưng ra ngoài thì hấn vênh mặt hát hăm, tuy chẳng dám thốt ra miệng, mà thái độ đủ tỏ cho người ta thấy hấn khoe công, nếu phải nói ra thì hấn nói thế này: “Chẳng có ta thì binh triều còn lâu mới hạ nổi lũ ngụy Phiên An!”

Sáng hôm mồng một tháng chạp xem lễ Ban sóc (ban lịch mới sang năm), rồi Triều cưới ngựa lên Kim Luông, tìm nhà lão thầy Cháp để xem một quẻ bói công danh, vì người ta đồn rằng thầy đoán chiết tự cực hay, lại tinh thông tướng pháp nữa. Lúc này hấn đã sốt ruột, hơi tỏ ý hồ nghi; các tướng sĩ Nam chinh được Binh bộ tâu xin thăng thưởng gần khắp lượt, riêng mình đợi mãi chưa nghe tin tức gì, mà mình lại vào hạng có công to, đáng được thưởng sớm hơn mới phải.

Thầy Cháp không biết khách là ai, nhưng lúc khách mới đặt mình ngồi, thầy liếc mắt nhận xét tướng mạo thế nào không biết, có bộ chân chờ ngần ngại không muốn xem.

Triều tinh ý, cũng hiểu như thế.

- Thầy xem hộ tôi một quẻ nào! Triều nói có vẻ giục giã.

- Vâng, ngài hãy ngồi chơi thong thả xơi chén nước trà Tàu đã! Thầy Cháp trả lời và hồi trẻ nấu nước, nhưng hai mắt chăm chú nhìn gương mặt khách.

- Nghe nói thầy giỏi cả tướng pháp lẫn chiết tự?

- Không dám! Người ta quá khen đó thôi, nào tôi có tài học gì đáng kể.

- Tôi muốn xem quẻ công danh...

- Vâng, vâng để mời ngài xơi nước đã!...

Nhưng tôi tưởng ngài chẳng cần phải xem làm gì.

- Tại sao vậy, thầy?

- Vâng, mời ngài xơi nước thong thả. Đun nước mau lên con!... Cho củi nhiều nhiều vào nghe!

Thầy Cháp không trả lời ngay câu khách hỏi, chỉ mời khách ngồi chơi, hỏi con nấu nước, ý muốn thoái thác khéo, mà không tiện nói ra. Vừa sáng sớm mở hàng, đã xem cho một người có hoi khí trên mặt, sợ xui xẻo ế hàng cả ngày cho nên nhà nghề muốn tránh.

Nhưng Triều sống nước rồi năn nỉ ân cần quá, khiến thầy cả nể, không sao từ chối được, bèn đưa giấy bút và nói:

- Vâng, ông viết một chữ tôi xem.

Triều cầm bút nắn nót viết chữ “hữu 友” là bạn, rất tốt. Khi đặt bút ngẩng mặt lên, thấy lão thầy Cháp thè lưỡi dài như con ma nhát người, đầu lắc qua lắc lại lia lịa, còn lưỡi thì đánh nhịp tắc tắc trong miệng. Thầy nhìn thẳng Triều và hỏi:

- Ông muốn tôi đoán sự thật, hay là nói dựa lấy lòng?

- Ô hay! Người ta đã đến xem, chả cốt nghe lời đoán ngay thật chứ, không thì ai mất công đến làm gì! Triều trả lời với giọng gay gắt, khó chịu.

- Vâng, nếu vậy thì tôi xin nói thật với ông thế này: trên mặt ông ám đầy hoi khí, giờ lại viết chữ “hữu” ấy là điềm ông sắp chết đến nơi rồi đấy.

Triều quắc mắt hỏi gay:

- Thầy này nói thật hay bỡn thế?

- Nói thật đấy, ai bỡn với ông! Thầy Cháp trả lời cũng bằng giọng hơi xẵng.

- Hừ! Thầy hữu nhỡn vô châu, không biết đây là người thế nào chắc? Triều nói lên nước trịch thượng khoe mình. Đây là một bộ tướng Nam chinh vừa mới thắng trận khai hoàn, thầy không nghe à?... Nếu đoán láo thì mất đầu đấy, coi chừng!

- Quái! Ông này vô lễ nhĩ!... Thầy Cháp nghiêm nét mặt mắng lại. Ông là hộ tướng Nam chinh hay là Bắc chinh Đông phạt cũng mặc kệ ông, tôi cứ biết quẻ ứng sao đoán thế không sợ mịch lòng ai! Vậy mà vừa rồi bảo người ta cứ đoán thật...

- Đấy, tôi viết chữ “hữu” thầy đoán thật thì thế nào, thử giải ra xem!... Triều nói hơi dịu giọng, vì trong ý đã hơi chột.

- Dễ quá, trông thấy là biết ngay: đó là cái triệu “*phản tặc đứt đầu*” ửng ra nét bút rành rành còn phải đoán gì nữa!

- Thầy nói “phản tặc đứt đầu”?

- Phải, tôi nói hẵn thế đấy!

- Nhưng lấy lẽ gì mà thầy dám nói xưng xưng ra thế, thử cắt nghĩa cho tôi nghe có thông không nào?

- Này nhé: tôi để ý nhìn xem, lúc ông viết chữ “友 hữu” vừa xong, thì có con kiến bò ngang qua nét đầu từ bên này sang bên kia làm như trên mất đầu chữ, còn lại chữ “反 phản”, Tôi lại xem gương mặt ông quý sắc bao phủ tất cả. Do đó tôi đoán quyết là *phản tặc đứt đầu*, tất ông phải chết nay mai.

Triều sầm mặt, lẳng lẳng ra về, bấy giờ trong trí mới đâm ra hồi hộp lo sợ, trời rét thảng chập mà mồ hôi toát ra ướt cả áo kếp.

Hắn suy nghĩ lẫn mẩn, hiểu lẽ vì sao Binh bộ đã tâu thăng thưởng cho nhiều tướng sĩ chinh nam mà bỏ rơi công mình chưa nói gì đến. Ừ, mình theo giặc buổi đầu, nhưng sau quy hàng triều đình, giúp nên công trận rất nhiều; bao nhiêu công trận ấy không đủ trừ tội thừa đi à? Dễ thường người ta âm thầm bàn tính, sắp sửa hỏi tội mình, không kể công lao chẳng? Không có lẽ đại tướng Nguyễn Xuân đã hứa bảo tâu chắc chắn kia mà! *Phản tặc đứt đầu!... Phản tặc đứt đầu!...* Lão thầy Cháp đoán sung sung, nghe ghê cả người.

Có tật giật mình, Triều sợ luống cuống, vội vàng đến gõ cửa Nguyễn Xuân; ông này đi vắng. Rảo khắp các dinh quan thầy, đều không được tiếp kiến. Hôm nay Ban sóc, các cụ được vô dự yến trong nội, chưa về.

Lo thân, phần chí, oán mình, giận đời, đủ các thứ ý nghĩ đánh nhau lung tung trong óc Triều, đến nẩy ra tư tưởng muốn ra Hương Giang đâm đầu xuống cho xong. Nhưng lại suy nghĩ: biết đâu lão Cháp không đoán láo nói xằng; mình tin theo mà sợ, sợ hã mà chết, chết rồi mà Binh bộ làm xong bằng sắc phong thưởng cho mình thì sao? Như thế chẳng là chết oan uổng ư?

Hay là đi trốn?

Cũng không được, Gia tử mình trốn rồi có thể thưởng công thì Nội các lục tổng cho ai? Khoan đã, việc gì phải trốn?

Con người ấy, hồi nào phản bội anh em đồng chí và cố kính lập công với triều đình thì quý quyết khôn ngoan, mỗi việc toan tính sáng suốt đáo để; giờ đến việc hệ mệnh cho bản thân thì vẫn vơ lúng túng, chả biết tiến thoái đằng nào.

Bực mình, Triều về nhà trọ, sai đi mua nem rượu, ngồi một mình gật gù đánh chén, cho tới say như, nằm vật ra ngủ.

Xế chiều mới tàn hơi men, hấn vừa cựa mình tỉnh dậy đã nhận thấy hai tay bị trói năm sáu người lính đứng vây trước mặt, cầm mộc bài, tay thước, túi roi, thét bảo có lệnh quan Đề đốc Hộ thành nã tróc, rồi dựng đầu dậy, lôi đi tức thời.

Triều bị bắt, giam trong khám Hộ thành, riêng một căn phòng; cách đây mười bước là buồng giam Nguyễn Chương Đạt mà người ta mới giải ở Phủ Thừa qua hồi sáng.

Hôm sau đưa ra Hình bộ lấy cung, Triều mới hay Đạt cùng chung với mình một số phận.

Sau mười hôm, một buổi chiều chạng vạng, Triều đang ngồi khoanh tay bó gối trong buồng giam, chân xỏ vào cùm, đầu nghiêng dựa bên cột, nghĩ ngợi thở than, bỗng nghe cửa kết mở, một người đàn bà có bóng dáng như còn trẻ, bưng bát cơm gạo lức, trên phủ mấy con tôm kho, bước vào và nói:

- Này, tù dậy ăn cơm đi!

Triều sững sốt ngó, chẳng nói chẳng rằng, cũng không đỡ lấy bát cơm.

- Nè bụng lấy mà ăn, nhìn gì? người thiếu phụ đặt bát cơm vào tay Triều.

- Thế mụ già Khoách không cho cơm tù nữa sao, giờ đến cô lạ? Triều nói và đỡ lấy bát cơm, nhưng mãi vẫn nhìn sững.

- Ủ, mụ ấy về quê thăm nhà, tôi làm thay ít hôm... Ăn đi!... Lon nước uống đây!...

- Quái! Nghe tiếng quen quen,

- Dễ thường quen thực đấy... Nhìn kỹ xem nào! Thiếu phụ nói mấy tiếng sau nho nhỏ.

Triều thu hết sức mắt và trí nhớ, một lát nhận ra, muốn kêu rú lên:

- Trời ơi!... Mình đây ư?

- Nói khẽ chứ! thiếu phụ đưa tay ra hiệu và nói tiếp chỉ vừa đủ hai người nghe. Phải, tôi đây, Cẩm Huê đây!... Hồi ở Gia Định tôi đã nói trước thế nào, không chịu nghe tôi, giờ để khổ thân.

- Số mệnh khiến thế, biết làm sao hờ mình! Triều nói và thở dài. Thế còn thằng nhỏ đâu?

- Mình yên tâm; nó hiện ở Tây Ninh, tôi gửi một người quen nuôi hộ. Tôi đã biến tên đổi họ nó rồi... tôi đã hứa giữ lại một chút máu thịt của mình, tôi xin làm trọn.

- Thế mình ở Gia Định ra đây?

- Phải, vừa đến nơi thì mình đã bị bắt.

- Nhưng làm sao lọt vào chỗ này?

- Tôi cứ lót mụ Khoát và cai đội ở đây. Tay chân đưa cơm tù cho được gặp mình, nuôi mình và ... cứu mình.

- Cứu tôi?

- Phải, nếu như mình chịu... Nhưng mà thôi, ngày giờ còn nhiều, để hôm khác sẽ nói... Giờ nán ná lâu, tội thủ ngục sinh nghi thì hỏng mất cả.

Triều gật đầu, cầm bát cơm đổ vào góc buồng rồi trao bát không cho thiếu phụ đi ra.

Thiếu phụ chính là ái thiếp của Triều, hồi ở Gia Định đã khuyên Triều đừng theo giặc không được sau lại khuyên Triều đừng phản giặc cũng không được, bèn viết thư để lại, ẵm con đi mất, hăn độc giả còn nhớ.

Bây giờ nàng lần mò từ Gia Định ra Huế, cốt gỡ cho Triều trước khi bị bắt nhưng không kịp.

Từ hôm ấy trở đi, mỗi ngày nàng hai lượt đem cơm vào cho chồng, lén đưa dăm dúi nào quà bánh, nào đồ ăn, nào thuốc lá Cẩm Lệ và mỗi bận nói chuyện mấy câu.

Nàng năn nỉ Triều đào ngục, vì nàng đã dự bị đủ mưu chước có thể thành công mười phần. Nhưng Triều khẳng khẳng từ chối, trong ý tin chắc thế nào Nguyễn Xuân cũng nhớ lời ước hẹn mà cứu mình.

Đến hôm gần xử, nàng thừa lúc đem cơm, trao cho chồng một gói nhỏ. Triều mở ra thấy ba viên thuốc hoàn màu như thanh đồng, lấy làm lạ:

- Cái quái gì thế này?

- Thuốc độc đây! nàng trả lời:

- Mình đưa thuốc độc bảo tôi uống ư? Triều nhăn mặt hỏi.

- Phải! Họ đem mình ra xử là cố ý giết mình, chỉ biết mình có tội, chứ không hề mình có công... Thế thái nhân tình là thế... Thà tự tử trước còn hơn, đừng để họ đem mình ra công đường hạch hỏi bêu riếu nọ kia mà nhục.

- Không, họ không xử tử tôi được, bắt quá xung quân hay đi đày là cùng. Giờ chót, Triều vẫn mơ màng sự sống, cho nên miệng nói chân đạp ba viên thuốc độc tan nát. Lý thị nhỏ nước mắt nói:

- Thế là lần thứ tư, tôi khuyên mình điều phải, mình không nghe, nhớ! Mình chết sẽ ân hận vô cùng.

Quả như Lý thị đã nói, sáng ngày hôm sau Thái Công Triều và Nguyễn Chương Đạt cùng phải ra trước công đường Hình bộ chịu cuộc xét xử.

Đạt thú nhận lỗi mình đã vì nhẹ dạ và cảm tình đồng hương, thả lỏng cho Khôi về nhà làm giỗ mà gây nên vụ biến Phiên An, chỉ xin triều đình nghĩ lại công mình tận trung vì chức vụ từ trước mà chước giảm cho.

Còn Triều thì đối khẩu với quan Hình bộ kể những công cán mình đã lập mưu biểu thế nào, quan quân mới dồn được Khôi vào thành Phiên An mà bao vây cho tới trừ diệt. Triều tự bênh vực thứ cấp mình một cách hăng hái, mạnh bạo.

Song triều đình bảo hấn tự hỏi mà quy thuận, chỉ vì trông thấy quan quân thế mạnh, chứ không phải thành tâm. Hấn là võ quan đương chức của triều đình, phận sự phải đánh giặc ngay khi chúng mới nổi lên hay là tuần tiết vương sự mới được..

Triều làm thỉnh.

Kết quả, Hình bộ xử cả hai người phải án lăng trì, nhưng xét lại Đạt ra tự thú và Triều cũng lập công chuộc tội ít nhiều, cho nên giảm

xuống trăm quyết, mồ mả san bằng, gia sản cũng bị tịch một, vợ con thì bắt làm quan nô.

Ngay chiều hôm ấy, xử trăm Đạt và Triều ở bãi chợ Đông Ba, nơi đã lăng trì bộ Lê Văn Cừ hôm đầu tháng một.

Người ta chỉ bắt được vợ con Đạt sung làm quan nô, theo án triều đình đã xử, còn Lý thị chim ngàn cá nước, không biết đâu mà tìm.

ĐÀO TRINH NHẤT
(Tuyển dịch)

LIÊU TRAI CHÍ DỊ
(Bồ Tùng Linh)

BỐN PHƯƠNG XUẤT BẢN

TIỂU TRUYỆN TÁC GIẢ

Tiên sinh họ Bồ, húy Tùng Linh tự Lưu Tiên, hiệu Liễu Tuyền, đỗ cống sinh năm Tân mao (D.L. 1711) triều vua Khương Hi nhà Thanh, nổi tiếng văn chương phong tiết một thời. Lúc mới lớn lên, thi hạch đồng tử, được Thi Ngu Sơn tiên sinh (đậu tiến sĩ, làm học chánh tỉnh Sơn Đông) viết bài, văn hay dậy tiếng. Thế mà cả quyết bỏ dứt lối học khoa cử, để chuyên tâm về cổ văn, ở nhà viết sách, bi phần, cảm khái, tự dựng nên một lối văn riêng.

Tiên sinh tánh tình chất phác, rộng giao du, trọng danh nghĩa, cùng bạn đồng quận Lý Hy Mai, Trương Lịch Hữu và các danh sĩ đương thời hợp thành thi xã, lấy phong nhã và đạo nghĩa cùng trau dồi khuyến khích lẫn nhau. Ông Vương Ngự Dương ở Tân Thành vốn phục tài lạ của tiên sinh, nói rằng bọn học tầm thường không thể sánh kịp.

Nhà tiên sinh còn giữ được sách vở tiên sinh soạn ra khá nhiều mà bộ LIÊU TRAI CHÍ DỊ được người đời ham chuộng hơn hết.

(Tuy Xuyên huyện chí)

Thanh minh của dịch giả

Nhiều người bảo *Liêu trai* là truyện thần quái dị đoan có lẽ chỉ nghe nói mà chưa đọc qua bao giờ. Hay là có đọc, nhưng không ngẫm nghĩ nhận xét.

Cả hai cùng lầm.

Trước hết, *Liêu trai* không phải hoàn toàn nói chuyện yêu tinh chồn quỉ, mà ngay đến chuyện yêu tinh chồn quỉ đi nữa cũng là một cách kí thác một thể ngụ ngôn. Thân thể và mục đích lập ngôn của tác giả, càng cho ta thấy rõ người viết *Liêu trai* đâu phải cảm dỗ người ta tin tưởng ma chồn.

Lúc ông BỒ TÙNG LINH ra đời, Trung Quốc mất chủ quyền về di tộc Mãn Thanh đã già nửa thế kỉ.

Ông thấy việc nước thối đời như vậy mà bi phẫn, khái nhiên bỏ đứt lối học khoa cử cho khỏi xu phụ thời thế, ở nhà chuyên trị cổ điển, viết văn soạn sách, lấy việc khuyên răn thế tục, uốn lại nhân tâm làm nhiệm vụ của nhà văn.

Ông lựa chỗ núi non vắng vẻ, bên cạnh thông reo suối chảy, cất riêng một nhà học, đặt tên là *Liêu trai*, ban ngày thường họp năm ba đồng chí uống rượu ngâm thơ, ban đêm ngồi tịch mịch một mình, chong đèn viết sách, chép truyện ma quỉ. Tác phẩm nổi tiếng này đẻ ra trong khung cảnh đó; vì tên nhà học *Liêu trai* mà sách được danh là *Liêu trai chí dị*.

Bởi nhà Thanh lúc ấy có người thiểu số Mãn Châu xuống thống trị nước Tàu, luôn luôn phòng sợ Hán tộc phản đối cho nên bày ra những chính sách và luật lệ kiểm chế dư luận rất gắt gao, ai phạm nhằm tất bị tù tội chém giết. Vì thế ông Bồ Tùng Linh phải mượn yêu chồn ma quỉ đóng trò để viết ra *Liêu trai*, đại khái cũng như thi hào LA FONTAINES hóa những heo, bò, cóc, nhái ra người mà làm thơ ngụ ngôn bất hủ vậy.

Điều đó ta thấy tác giả *Liêu trai* bày tỏ kín đáo ở mấy câu kết thúc bài tựa: “*góp da may áo, nối càn theo truyện cũ u minh, nâng chén làm văn chỉ thành ra bộ sách phần chi, sự kì thác như thế cũng đủ đáng thương vậy*”.

Lập dịch vì cừu, vong tục U minh chi lục; phù bạch tái bút càn thành; Cô phần chi thư, kí thác như thử diệc túc bi hi⁽¹⁾.

Đến văn chương thì lỗi lạc tài tình, không cần phải nói. *Liêu trai* hay cả truyện lẫn văn, không lạ gì nó được truyền tụng xưa nay, coi như một bộ đoản thiên tiểu thuyết đặc sắc nhất của Trung Quốc.

Chẳng riêng với Á đông, nhiều nước Âu Mỹ đã có bản phiên dịch từ lâu. Một nhà phê bình không ngần ngại viết rằng: Nhiều truyện trong *Liêu trai* có giá trị làm bài học tu thân xử thế, há phải là loại đọc tiêu khiển cho người hiếu kì mà thôi.

Đây là bản dịch Việt ngữ.

Nguyên văn tất cả mười sáu quyển, gồm bốn trăm ba mươi một truyện: dài đôi ba trang có, ngắn mười lăm hàng có. Chúng tôi tự xét không tiện dịch toàn bộ, nên chỉ lựa chọn những truyện lí thú nhất mới dịch. Tập này mới có năm mươi truyện, sẽ có tập sau kế theo.

Mỗi truyện dịch giả đặt ra một đề mục riêng, để bạn đọc dễ lĩnh hội đại ý trong truyện, dưới đề mục ấy có cước chú nguyên văn là truyện gì, ở quyển thứ mấy, ai muốn tìm chánh bản đối chiếu cũng tiện.

Dịch *Liêu trai* cố nhiên không phải công việc dễ dàng; bởi thế, nếu như ở trong có chỗ nào sai sót xin các bạn cao minh lượng thứ và nhuận sắc lại cho, ấy là điều mong mỏi thành thực của chúng tôi vậy.

DỊCH GIẢ

*Ngày trùng cửu, năm Canh dần,
tại Sài Gòn 20-X-1950*

(1) Sơn Đông có loài chồn, miếng da phía dưới nách tốt nhất, người ta phải bắt nhiều chồn, góp nhiều miếng da ấy để may áo rét, cho nên gọi là *góp da may áo*, *U minh lục* tên sách của Lưu Nghĩa Khánh đời Tống. Hàn Phi Tử ở đời Chiến Quốc viết sách phê bình thời cuộc trong đó có thiên *Cô phần* tả nổi bất bình.

1. VỢ THI HỘ CHỒNG

(Truyện Nhan Thị, quyển X)

Thuận Thiên Mỗ sinh, nhà nghèo, gặp phải năm đói kém theo cha đi đất Lạc kiếm ăn. Tánh chàng rất độn, mãi mười bảy tuổi đầu mới viết chữ thành hàng lối, nhưng được bộ mặt lịch sự trai, khéo pha trò, tài nghề viết thư từ, cho nên ai thấy cũng tưởng là chàng học giỏi lắm, chứ không dè bên trong rỗng tuếch.

Không bao lâu, cha mẹ kế tiếp qua đời, chàng trở trọi một mình phải làm nghề gõ đầu trẻ ở Lạc, kiếm ăn độ nhật.

Lúc đó trong xóm có người con gái mồ côi, họ Nhan, dòng dõi một nhà học giỏi. Khi người cha còn, thường dạy nàng học, chỉ đọc qua một lượt là nhớ nằm lòng. Ngoài mười tuổi, học làm thơ; người cha nói:

- Nhà ta có nữ học sĩ, tiếc không được đội mũ thôi.

Vì thế, ông rất mực yêu quý, chỉ mong kén được người chồng quý hiển cho con. Sau lúc ông qua đời, bà mẹ nàng vẫn ôm cái chí lớn đó, nhưng theo đuổi ba năm cũng chẳng toại nguyện, kể bà cũng mất. Có người khuyên nàng lấy chồng học trò, nàng cũng đồng ý, nhưng cũng chưa kén được ai.

Vừa lúc mục hàng xóm leo tường qua, nói chuyện với nàng, trong tay cầm một giấy viết chữ gói chỉ thêu, nàng mở ra xem; thì là chữ của Mỗ sinh, viết gởi cho bạn ở lối xóm. Nàng xem đi xem lại, khen ngợi chữ tốt. Mục nọ dòm biết ý tứ, nói nhỏ:

- Ấy là một chàng đẹp trai, cũng mồ côi như cô, tuổi ngang với cô, nếu cô bằng lòng thì tôi mách chàng cậy mối đến là xong.

Nàng lẳng lặng không nói chi.

Mục nọ về ngỏ ý với chồng. Người bạn lối xóm vốn chơi thân với chàng, đem chuyện ấy nói, chàng bằng lòng lắm, nhân có chiếc vòng vàng của mẹ để lại, bèn cậy người đem đến làm lễ vấn danh và xin cưới liền.

Vợ chồng như cá nước duyên ưa, hết sức vui vẻ. Đến bữa được thấy văn bài chồng làm, nàng phì cười và nói:

- Văn với mình dường như hai người, thế này biết đời kiếp nào thi đỗ?

Từ đó sớm hôm khuyên đốc chàng học, nghiêm khắc như thầy đối với trò. Tối đến, nàng châm đèn ngồi, tự cất tiếng ê a học trước, để làm gương cho chồng; học mãi đến canh ba mới nghỉ.

Như vậy được hơn một năm, văn chương thi cử của chàng đã hơi thông, nhưng đi thi khoa nào cũng rớt. Thân danh lận đận, sinh sống lại nghèo, tự nghĩ tình cảnh buồn tênh, bất giác hu hu khóc lóc. Nàng phát cáu, mắng nhiếc to tiếng:

- Trời để cho mình làm đàn ông thật uổng. Nếu để cho tôi bỏ khăn yếm, thay đổi làm con trai, thì tôi coi sự thi đỗ dễ như trò chơi vậy.

Chàng đang buồn rầu héo gan thắt ruột, nghe vợ nói khoác như thế, quắc mắt nổi giận nói:

- Mình là đàn bà, chưa được bước chân đến chỗ thi cử bao giờ, mới tưởng công danh phú quý như chuyện xuống bếp múc nước hay nấu cháo vậy. Nếu cho được làm đàn ông, thì rồi cũng lận đận rớt lên rớt xuống như ai, chứ tài giỏi gì?

Nàng cười:

- Mình đừng nên giận, tôi nói thiệt đó. Đến khoa thi này, tôi sẽ cải trang mà đội tên mình vô trường thi, nếu quả thật tôi cũng lận đận rớt lên rớt xuống như mình, thì xin khoét mắt không dám coi rẻ thiên hạ nữa.

Chàng cũng cười và nói:

- Khanh chưa biết nổi cay đắng bên trong ra sao, nên muốn nếm thử. Đã muốn vậy thì cứ làm, nhưng tôi chỉ sợ chân tướng lộ ra, bị làng xóm cười cho thôi.

Nàng trả lời:

- Tôi định làm thiệt, không phải giả ngộ đâu. Còn nhớ thường ngày mình nói tổ tiên có nếp nhà cũ ở đất Yên, vậy tôi xin cải trang làm con trai đi theo mình về ở đó, giả làm em mình, làng xóm biết đấy là đâu.

Chàng nghe theo. Nàng liền vô buồng bịt khăn mặc áo nam tử đi ra, hỏi chồng:

- Mình xem tôi có làm con trai được không nào?

Chàng nhìn vợ quả thật là một thiếu niên đẹp trai, trong lòng mừng rỡ, lập tức đi chào lối xóm để về cố hương. Những người chơi thân đều có quà tặng, mua một con ngựa đỡ chân, cùng vợ lên đường.

Người anh con nhà bác của chàng còn sống thấy hai em về, cùng trẻ đẹp, hết sức vui mừng, sớm hôm chăm nom giúp đỡ. Lại thấy hai em thức khuya dậy sớm, chăm chỉ học hành, lòng thêm yêu quý, thuê một thằng bé để hầu hạ riêng. Nhưng buổi tối, chàng đuổi thằng bé về.

Mỗi khi trong làng có đám cưới, đám giỗ mời thỉnh, duy có anh (anh đây tức là chàng) ra mặt, còn em chỉ ngồi học trong buồng, đến nỗi về làng đã nửa năm mà ít người được trông thấy mặt.

Có người nào ân cần xin giáp mặt, thì anh chối từ hộ. Người ta xem văn bài của em hay quá, lấy làm kinh hãi. Có kẻ xông vào tận nơi, thì em chỉ vái chào qua loa, rồi ẩn mặt ngay.

Những người được thấy dung nhan, đều hâm mộ tán dương, vì thế, tiếng tăm vang dậy, mấy nhà quyền quý tranh nhau, muốn gả con gái cho. Người anh con nhà bác đem chuyện ấy bàn tính, em chỉ nhoen cười; cố nài ép thì nói:

- Thề lập chí treo lên mây xanh, không thi đậu thì không lấy vợ.

Gặp kì thi hạch tại tỉnh, anh em cùng đi thi. Anh lại rớt. Em đậu số một, rồi thi Hương đậu cử nhưn thứ tư, qua năm sau đậu luôn tấn sĩ.

Trào đình bổ đi tri huyện Đồng Thành, việc cai trị giỏi giang, lần hồi thăng làm Chương Ân Ngự sử ở Hà Nam, giàu có ngang bậc vương hầu. Rồi viện có bệnh tật, xin về quê quán hưu dưỡng. Quan khách đến thăm đầy ngõ, đều từ tạ không tiếp.

Từ lúc còn là học trò tới khi quý hiển, không hề nói tới sự cưới vợ, khiến ai cũng lấy làm lạ. Sau khi về hưu, dần dà có nuôi thị nữ hầu hạ. Người ta nghi chắc có tòn ten với mấy ả này, nhưng người chị dâu để ý dò xét, tuyệt nhiên không có sự gì ám muội.

Minh trào mất ngôi, trong nước đại loạn, bấy giờ mới tự thú với chị dâu:

- Thú thiệt với chị, em không phải đàn ông, mà chính là vợ Tiểu lang đó. Vì thấy chồng học lồi thối thi mãi chẳng đậu, em phát cáu

tự làm cho biết tay. Bấy lâu giấu giếm hồi hộp, chỉ lo đổ bể ra, bị nhà vua triệu vô tra hỏi thì thiên hạ cười chết.

Chị dâu không tin. Bèn tháo giày vớ, đưa bàn cẳng cho xem, bấy giờ chị mới chung hững, nhìn trong giày thấy lót đầy bông gòn và vải. Từ đó, nàng trở lại làm đàn bà, còn chức hàm của vợ thì chàng lãnh lấy. Hồi nào tới giờ, nàng không hề chữa đẽ, bèn ra tiền mua hầu cưới thiếp cho chồng và nói:

- Phàm ai làm nên giàu sang, cũng mua hầu có thiếp để tự phụng cho sướng thân. Riêng tôi làm quan trải mười năm, chỉ vò vố một mình, thế thôi. Mình phước gì mà được ngồi hưởng hầu non gái đẹp như vậy chứ?

Chàng cười và nói bốn:

- Thì mình lựa chọn lấy ít cậu đẹp trai để chúng hầu hạ, như kiêu Sơn Âm công chúa, em Tống Phế đế ngày xưa vậy, có sao? Xin mình cứ việc.

Người đồn nhau câu chuyện ấy làm một trò cười.

Lúc ấy, cha mẹ chàng đã được ơn vua truy tặng mấy lần. Các hàng văn thân đến mừng, đều tôn chàng là quan Thị ngự, nhưng chàng hổ thẹn về sự nhận chức hàm do vợ làm nên, cho nên suốt đời cam làm anh học trò tầm thường, đi ra chưa từng dùng võng lọng bao giờ.

2. TRƯỜNG HỌC TOÀN MA

(Truyện Tiểu Tà, quyển X)

Nhà ông Khương Bộ Lang ở phía nam sông Vị, có nhiều ma quỷ, thường nhát người ta, vì thế ông phải dời đi chỗ khác, bỏ nhà trống cho một lão bộc giữ cửa bên ngoài thôi. Lão này bị ma làm chết. Thay thế mấy người khác cũng chết nốt, thành phải bỏ hoang.

Trong làng có Đào Sinh, tên Vọng Tam, tánh ưa phóng khoáng, thích chơi đĩ, nhưng uống rượu ngà ngà rồi bỏ về.

Bạn cố bảo mấy ả chạy theo lôi vào, chàng cười mà không cự tuyệt, ở lại cách đêm song chớ có hề đụng chạm tới bao giờ. Có lần

ngủ đêm ở nhà ông Bộ lang, một nàng hầu đêm khuya đến tự hiến cho chàng, thế mà chàng khăng khăng chối từ, không chịu làm quấy. Bởi thế, ông Bộ lang càng trọng là người đứng đắn.

Có điều nhà nghèo, vợ lại mới chết, nhà tranh mấy gian, ẩm thấp nực nội khó chịu, bèn xin Bộ lang cho ở tòa nhà bỏ hoang kia. Bộ lang nghĩ nhà ấy nhiều ma, cho nên từ chối. Chàng viết bài luận vô qui đưa cho ông xem, và nói:

- Ma có làm gì được mình mà sợ!

Bộ lang thấy nài nỉ quá, đành cho.

Chàng dọn đến ở nhà giữa, mới chấp tối để quyển sách ở đó, về lấy đồ vật khác đem đến, thì sách đã biến đâu mất rồi, liền nằm ngửa trên giường, lặng lẽ chờ coi sự biến.

Giây lát nghe tiếng giày đi lẹp xẹp, liếc nhìn có hai thiếu nữ từ trong buồng đi ra, đặt quyển sách vừa mất trên bàn. Một cô chừng hai mươi tuổi, một cô độ mười bảy, mười tám, đều đẹp tuyệt trần, đứng quanh quần bên giường, ngó nhau mà cười. Chàng làm thinh không nhúc nhích. Cô lớn co một chân lên gác trên bụng chàng; cô nhỏ bụm miệng cười khúc khích. Chàng nghe trái tim hồi hộp, dường như bồn chồn không làm sao cầm được, liền ngồi lên chững chạc, trong trí suy nghĩ đứng đắn trở lại rồi thì ngảnh mặt ngó lơ.

Cô lớn thò tay trái vuốt râu chàng, còn tay mặt gõ nhẹ trên trán kêu lộp bộp, cô nhỏ thích thú, càng cười dữ. Bây giờ chàng vùng dậy quát tháo:

- Lũ qui sao dám hỗn xược thế à?

Hai cô hoảng sợ bỏ chạy mất. Chàng sợ bị quấy nhiễu cả đêm, ý muốn dọn về, nhưng đã lỡ nói cứng mất rồi, bỏ đi thì xấu hổ. Nghĩ vậy rồi khêu đèn sáng ngồi đọc sách, thoáng thấy bóng ma chấp chờn trong xó tối, nhưng chàng mặc kệ.

Gần nửa đêm, để đèn mà ngủ, nghe như có người lấy vật gì nhỏ ngoáy vào lỗ mũi bắt hắt hơi bắn người lên, trong xó có tiếng cười sặc sụa. Chàng không nói chi, giả đồ ngủ để xem còn làm trò gì nữa. Một lát, hé mắt dòm thấy cô nhỏ mon men đến nơi, chàng nhòm dậy mắng rầm, cả hai lui lui trốn mất.

Chùng dồ được giấc ngủ vừa thêm thiếp, lại bị ngoáy lỗ tai. Suốt đêm họ nghịch ngợm quấy nhiễu, hết trò này đến trò kia, mãi đến gà gáy mới yên. Lúc ấy chàng mới được ngon giấc, cả ngày không nghe thấy gì lạ.

Đến mặt trời lặn trở đi, ma lại xuất hiện. Chàng bàn tính cách nấu cơm đêm, cho được thức luôn tới sáng. Cô lớn dần dà ngồi xếp bằng trên ghế xem chàng đọc sách, rồi thò tay bịt lấy sách, chàng giận chụp bắt, nàng vụt biến đi. Chốc lại mò đến, chàng để tay chặn trên sách mà đọc. Cô nhỏ lén đến sau lưng, đưa tay bụng lấy mắt chàng, rồi chạy vụt ra đứng xa xa mà cười. Chàng phát cáu điểm mặt nhiech mắng!

- Con ma oắt tì kia, hể tao bắt được thì giết chết cả đôi!

Nàng cũng chẳng sợ, nhơn dịp, chàng nói giỡn chơi:

- Cái trò lăn lóc trên giường, tôi không thiện nghệ đâu. Các cô chọc ghẹo làm chi, vô ích!

Hai cô mỉm cười day mình đi vô trong bếp, chia nhau chẻ củi nhen lửa, vo gạo nấu cơm hộ chàng. Chàng ngó và khen:

- Hai cô làm việc có ích như thế, không hơn là nghịch ngợm ư?

Cơm nấu chín rồi lại tranh nhau lấy thìa muổng đưa chén bày trên bàn, chàng nói:

- Cảm ơn phục dịch, lấy gì báo đền được nhau đây?

Nàng cười đáp:

- Trong cơm có bỏ thuốc độc đó, coi chừng kéo chết.

Chàng trả lời:

- Xưa nay tôi có thù oán gì hai cô, lẽ đâu hại nhau đến thế?

Chàng ăn hết chén cơm, hai cô giành bới chén khác bung lại, bôn tẩu xăng xái, chàng thấy rất vui.

Ngày ngày thành ra quen thân, cùng người nói chuyện, hỏi đến tánh danh, cô lớn nói:

- Em là Thu Dung, họ Kiều; con bé kia Tiểu Tạ, họ Nguyễn đó.

Chàng tò mò hỏi đến nguyên do tại sao ở chốn này, Tiểu Tạ cười và nói:

- Anh này ngốc quá! Đến mình mấy còn chẳng dám phô ra cho người ta xem, ai mượn anh hỏi tới danh tánh cửa nhà, dễ thường muốn xin cưới đó sao?

Chàng nghiêm nét mặt, nói:

- Đối diện người đẹp, bảo tôi vô tình sao được? Có điều âm khí nặng nề, người ta đụng vào tất là phải chết. Vậy, không vui ở chung với nhau thì nên đi, nếu vui ở chung với nhau thì cứ ở, ai yên phận nấy. Ví bằng tôi chẳng được thương yêu, thì làm sao tôi xâm phạm được tới hai cô, ví bằng tôi đáng được thương yêu, thì chắc hai cô không nỡ lòng nào vật chết một thằng cuồng sĩ. Hai cô thử nghĩ như thế có phải không?

Hai nàng nghe nói, ngó nhau có vẻ động lòng, từ đó trở đi không nghịch ngợm tinh quái nữa, nhưng thỉnh thoảng vẫn chơi đùa thọc tay vào bụng chàng, có khi lột quần xuống tới đất, chàng không lấy làm lạ.

Một hôm chàng chép quyển sách chưa xong, thì có việc gấp phải đi, lúc trở về thấy Tiểu Tạ đang cúi mình trên bàn, cầm bút chép nổi. Nàng trông thấy chàng về, ném bút xuống đất mà cười; chàng đến gần xem, chữ viết tuy còn xấu, nhưng hàng lối ngay ngắn, tấm tắc khen:

- Cô viết khá đấy; nếu thích học thì tôi sẽ dạy cho.

Đoạn, ôm nàng vào lòng, cầm tay dạy viết.

Thu Dung ở ngoài chạy vô, mặt hơi tái, như có vẻ ghen tức. Tiểu Tạ cười nói:

- Hồi em còn bé, ông thân em đã dạy viết chữ song bỏ lâu ngày, giờ cầm bút như bỡ ngỡ mới tập vậy.

Thu Dung chẳng nói gì, chàng hiểu ý, giả đồ không biết, rồi cũng ôm nàng vào lòng, trao cây bút cho và nói:

- Tôi xem cô có viết được không nào?

Cầm tay nàng viết mấy chữ, đứng lên nói tiếp:

- Chữ cô Thu Dung viết tốt đáo để!

Bấy giờ Thu Dung mới hả lòng.

Liền đó chàng rọc hai tờ giấy làm nòng, cho hai nàng cùng tập viết, còn mình thì ngồi học với một ngọn đèn riêng, trong bụng mừng thầm ai cũng có việc làm, hết quấy rối nhau.

Viết xong, hai nàng đem đến cho chàng sửa chữa phê bình.

Từ trước, Thu Dung vốn chưa từng đi học, cho nên chữ viết nguệch ngoạc bất thành tự. Sau khi nghe chàng chỉ bảo, nàng tự xét thua kém Tiểu Tạ, mặt có vẻ thẹn, chàng phải vỗ về an ủi rất khéo, nhan sắc nàng mới tươi trở lại.

Hôm đó về sau, họ coi chàng như một thầy đồ, ngồi thì gãi lưng, nằm thì bóp căng, đã không dám lờn mặt, lại còn tranh nhau chiều chuộng.

Cách mấy bữa, Tiểu Tạ viết chữ coi ngay ngắn tốt đẹp, chàng buột miệng khen mãi, Thu Dung tủi thân, nước mắt rung rung, chàng phải khuyên giải đủ cách mới êm. Nhân đó, chàng lấy sách ra dạy học, cả hai cùng thông minh lạ thường, chỉ dạy qua một bận là nhớ, không hỏi tới hai lần. Thầy trò thi nhau đọc sách ê a, thường khi suốt đêm tới sáng.

Tiểu Tạ lại dặt thẳng em là Tam Lang đến thọ nghiệp. Cậu này mới mười lăm, mười sáu tuổi, mặt mày điển trai, đem dâng lễ nhập môn là cái móc bằng vàng.

Chàng để Tam Lang học chung một sách với Thu Dung. Từ đó, chàng làm như mở trường dạy học toàn ma, cứ tối đến, tiếng đọc sách vang rân cả nhà. Ông Bộ Lang nghe lấy làm mừng, thỉnh thoảng cho người mang gạo cùi tới giúp đỡ.

Được mấy tháng Thu Dung với Tam Lang đều biết làm thơ, thường cùng nhau xướng họa. Tiểu Tạ ngầm bảo chàng đừng dạy Thu Dung, chàng ừ; Thu Dung cũng ngầm bảo chàng đừng dạy Tiểu Tạ, chàng cũng gật.

Một hôm, gần tới khoa thi, hai nàng cùng khóc lóc sắp tiễn đưa chàng ứng thí, nhưng Tam Lang nói:

- Chuyến này thầy nên cáo bệnh đừng đi thi hơn. Không vậy, e gặp sự chẳng lành đó.

Chàng nghĩ sự cáo bệnh trốn thi là nhục, cho nên cứ đi.

Nguyên trước, chàng làm thơ chê bai thời sự, đã động chạm tới một nhà quý phái trong bản hạt; lão này vẫn ghi mối thù, đêm ngày tìm cách làm hại. Nay lão đem tiền đút lót quan đốc học; vu chàng

hạnh kiểm không tốt, bắt giam vô ngục dây dưa. Chàng hết sạch tiền túi, phải xin ăn quanh bạn đồng tù, trong lòng tự nghĩ mình đến chết khô ở chốn này, không trông gì được sống nữa.

Bỗng thấy một người thoáng vào chỗ giam, nhìn ra chính là Thu Dung đem cơm đến nuôi chàng. Hai người ngó nhau khóc thút thít. Nàng nói:

- Tam Lang từng lo thầy đi chuyến này gặp sự chẳng lành, nay đã quả nhiên. Tam Lang cùng đi với em, nhưng hấn cầm đơn vào pháp viện kêu oan rồi.

Nói qua loa một hai câu rồi nàng đi ra, nội ngục chẳng ai trông thấy gì cả.

Hôm sau, quan Hình bộ đi ra, Tam Lang đón đường kêu là có chuyện oan khuất, quan chấp đơn và giữ cả người để xét.

Thu Dung lại vô ngục báo tin cho chàng, rồi trở ra đi do thám, luôn ba ngày không thấy mặt, chàng buồn lòng đói bụng, coi một ngày đằng đẳng như một năm.

Chợt thấy Tiểu Tà đến, mặt mày ủ rũ muốn xỉu, nói Thu Dung bữa kia ở đây về, đi qua miếu Thành Hoàng, bị ông Phán Quan mặt lộ nòi ở hành lang mé tây chạy ra bắt đi, ép nàng làm vợ bé. Nàng không chịu khuất, hiện đang bị giam kín. Em rong ruổi hơn trăm dặm đường, vất vả muốn chết, khi đến cửa bắc lại bị gai gia đâm vào giữa bàn chân đau buốt thấu xương tủy, e bận sau em không tới đây được nữa.

Nói đoạn, đưa bàn chân ra phô, máu còn đóng giầy đóng cục; vội vả trao tay cho chàng ba lượng vàng, rồi khập khễnh biến đi.

Quan Hình bộ xét vụ Tam Lang khiếu nại, thấy va chẳng có họ hàng thân thuộc chi với bị cáo mà tự nhiên thay mặt kêu oan, cho thế là sự trái nghịch, toan thét lính căng nọc đánh đòn. Tam Lang ngã xuống đất biến mất, quan lấy làm kinh dị, xem tờ khiếu nại, thấy lời lẽ tha thiết, liền gọi lính giải chàng đến trước mặt xét hỏi Tam Lang là người thế nào. Chàng giả đồ không biết. Quan biết chàng oan uổng, lập tức thả về.

Chàng về nhà suốt cả buổi tối chả thấy một người nào tới, mãi đến nửa đêm mới thấy Tiểu Tà bước vào sâu thăm và nói:

- Tam Lang biến ở sân quan Hình bộ, lập tức bị thần áp giải xuống âm ti, Diêm Vương thấy va có nghĩa, đã phú cho đi thác sanh vô nhà giàu sang rồi. Còn Thu Dung thì vẫn bị giam cầm, em đâu đơn kêu Thành Hoàng, lại bị ngăn trở không được vô, giờ làm thế nào?

Chàng nghe nổi đóa mắng chửi um sùm:

- Thằng quỷ lọ nôi, sao dám ý thế hiếp người như vậy kìa? Để mai tao đập pho tượng nó mà chà thành đất bùn, lại điểm vào mặt Thành Hoàng hỏi tội lỗi, tại sao để cho thuộc hạ bạo tàn đến thế? Lão ta say sưa mê mộng không biết hay sao?

Hai người bị phần nhìn nhau, mãi tới gần hết canh tư, bỗng Thu Dung vụt đến, làm cho hai người mừng rỡ sùng sốt vô cùng. Thu Dung khóc và nói:

- Thật là vì chàng mà em phải chịu muôn vàn khổ nhục. Lão phán quan lọ nôi hàng ngày đưa dao gậy ra hiếp bức. Đêm nay tự nhiên thả cho em về nói rằng:

- Ta không có ý gì khác đâu, chỉ vì thấy người đẹp mà thương yêu, nếu lòng chẳng khứng thì ta cũng chẳng nỡ ép nhau mãi. Giờ tha nàng về, cảm phiền nói nhắn với ông Đào Thu Tào, chớ hiểm thù trách giận ta nghe.

Chàng nghe chuyện vui lòng hả dạ đôi chút. Nhân dịp cao hứng, muốn cùng ngủ chung một giường, nói rằng hôm nay vì khanh mà chết cũng cam. Hai nàng nhăn nhó và nói:

- Bấy lâu nhờ chàng dạy bảo, chúng tôi hơi biết nghĩa lí ít nhiều, nữ lòng nào lấy sự yêu chàng để giết chàng cho đành?

Hai nàng nhất định không chịu ngủ chung, nhưng nghiêng đầu bá cổ, tình thân mật y như vợ chồng. Vì có gặp tai nạn, ý nghĩ ghen tương của họ đã tiêu đi hết.

Một vị đạo sĩ gặp chàng ngoài đường, bảo chàng có quỷ khí; chàng nghe nói lạ, bèn ngỏ chuyện thật. Đạo sĩ nói:

- Ma đó tốt lắm, chớ nên phụ nó.

Rồi viết hai lá bùa trao cho chàng, căn dặn:

- Về trao cho mỗi cô ma một lá bùa này, để tùy theo phước mạng dun dủi, hễ nghe ngoài cửa có tiếng khóc con gái, thì nuốt lá bùa chạy ra tức khắc, cô nào ra trước thì sống lại.

Chàng cảm tạ, đem bùa về trao cho hai nàng, căn dặn như lời đạo sĩ.

Hơn tháng sau, quả nghe ngoài cửa có tiếng khóc thương con gái, hai cô tranh nhau chạy ra. Tiểu Tạ lật đật quá, quên nuốt lá bùa. Khi thấy đám tang vừa đi ngang. Thu Dung chạy thẳng tới, chun vô quan tài, còn Tiểu Tạ không chun vô đặt, khóc lóc trở về.

Chàng liền ra xem, thì ra đám tang người con gái nhà giàu họ Hác; ai nấy cùng trông thoáng thấy một cô thiếu nữ chun vô quan tài rồi mất, đều xầm xì bàn tán, cho là chuyện quái lạ. Giữa lúc đó, nghe trong quan tài có tiếng động, người ta bèn đổ lại để mở ra xem, thấy Hác nữ đã tỉnh lại. Tang gia bèn xin tạm kí ở ngoài cửa nhà học của chàng, sai người canh giữ.

Bỗng nàng mở mắt, hỏi Đào sinh đâu? Hác gia lấy làm lạ, xúm lại gạn hỏi nguồn cơn; nàng đáp:

- Ta không phải là con gái nhà ngươi nữa đâu.

Rồi kể rõ sự tình đầu cuối. Hác gia không tin, muốn khiêng về nhà. Nàng không nghe, chạy tuốt vô nhà học, nằm lì không dậy. Hác gia đành nhận diện chàng là chú rể, rồi kéo nhau đi.

Chàng đến gần xem, tuy diện mạo có khác, nhưng vẻ kiêu diễm không kém gì Thu Dung, mừng quá sở vọng cùng nhau nhắc chuyện bình sanh một cách niềm nở. Chợt nghe góc nhà có tiếng ma khóc hu hu, thì ra Tiểu Tạ đang khóc một mình trong xó tối. Hai người rất thương, cầm đèn đến soi và kiểm lời an ủi, thấy nàng vẫn khóc nức nở, áo xống đầm lệt, cứ thế cho tới gần sáng mới đi.

Sáng ngày, Hác gia đem rương hòm y phục và cho mấy người hầu hạ sang ở nhà chàng, nghiêm nhiên thành nhạc gia và gia tế vậy.

Tối lại, chàng vô buồng vợ, thì Tiểu Tạ lại khóc thảm thiết, kéo luôn sáu, bảy đêm khiến hai vợ chồng cùng xót thương cảm động, không thành lễ hiệp căn với nhau đặt. Chàng lo nghĩ nát ruột không tìm ra kế gì. Thu Dung nói:

- Đạo sĩ chắc là tiên, vậy mình lại đi tìm ông mà cầu khẩn, may ra ông thương tình cứu giúp.

Chàng lấy làm phải, liền đi tìm đến Đạo sĩ, quì mọp xuống đất bày tỏ sự tình. Đạo sĩ một mực trả lời rằng không có phép gì giúp được. Chàng ai cầu mãi, Đạo sĩ cười, nói:

- Anh chàng si tình này khéo làm rầy người ta thôi. Nhưng, thật anh có duyên số với con ma đó nữa, thôi để ta ráng sức giúp cho.

Đạo sĩ liền theo chàng về nhà, dờn ở riêng một gian tĩnh mịch, đóng cửa ngòai bên trong, bảo không ai được gọi hỏi gì cả. Luôn mười đêm ngày không hề ăn uống. Lén dòm, thấy ông ngồi thiếp như ngủ.

Một hôm mới tảng sáng, có một thiếu nữ vén màn bước vô, mắt sáng, miệng tươi, vẻ rất kiều diễm, mỉm cười và nói:

- Tôi bươn chải suốt đêm, mệt quá. Bị nhà người đeo theo làm rộn, mà phải bôn tẩu hơn trăm dặm đường, mới tìm ra một tòa nhà tốt đặng vô nghỉ chân. Đạo sĩ đi rước và cùng đến đây. Chờ nàng vô để giao phó thì xong.

Chập tối, Tiểu Tạ đến, thiếu nữ vội vàng đứng lên đón, ôm chầm lấy nàng, tức thời hai người nhập chung vào một thân thể; rồi ngã gục xuống đất, cứng đờ.

Lúc ấy, Đạo sĩ từ trong phòng bước ra, vòng tay chào rồi đi thẳng.

Chàng cảm tạ, tiến chân ra tới ngoài, chừng trở vô thì nàng đã tỉnh, liền ôm đặt lên giường. Hơi thở dần dần điều hòa, nhưng vẫn ôm căng la đau, mấy hôm sau mới đứng dậy đi lại được.

Sau, chàng đi thi, được khôi nguyên ghi tên và danh sách sĩ tử. Có bạn cùng sổ là Thái Tử Kinh, nhưn việc đến nhà chàng, ở chơi mấy ngày. Tiểu Tạ qua thăm lối xóm trở về, Thái trông thấy, rảo bước theo dõi. Tiểu Tạ kiếm đường tránh đi, trong trí thâm giận người khách vô lễ. Thái về nói với chàng:

- Có một chuyện quái lạ vô cùng, anh có cho phép tôi nói chẳng?

Chàng hỏi chuyện chi, Thái đáp:

- Ba năm về trước, cô em gái tôi chết yếu, cách hai đêm thì mất thi thể, đến nay hãy còn ngờ vực khó hiểu. Mới rồi dòm thấy phu nhơn sao mà giống cô em tôi hết sức.

Chàng cười:

- Vợ tôi là người quê mùa, làm sao sánh được quý muội, nhưng tôi với anh đã là bạn đồng phả với nhau, nghĩa rất thân mật, vậy để tôi cho nhà tôi ra chào.

Nói đoạn vô nhà trong, bảo Tiểu Tạ lấy đồ tuần táng hôm nọ mà mặc, rồi ra chào khách. Thái thất kinh nói:

- Chính em tôi đây mà.

Rồi khóc rưng rức. Chàng thuật chuyện gốc ngọn cho nghe, Thái mừng rỡ nói:

- Thế là em gái tôi chưa chết, tôi phải về liền, báo tin cho bà thân mẫu tôi yên lòng.

Mấy hôm sau, cả Thái gia kéo đến thăm, từ đó về sau, thường thường lui tới như Hác gia vậy.

3. ÁC BÁO GHÊ HỒN

(Truyện Mã Giới phủ, quyển X)

Dương Văn Thạch, nhà nho ở quận Đại Danh, thuở nay có tánh sợ vợ lạ lùng.

Vợ, họ Doãn, độc dữ khác thường, chồng hơi làm điều chi trái ý, là vác gậy đập liền. Ông cụ đẻ ra Dương, ngoài 60 tuổi và góa vợ đã lâu, họ Doãn coi cha chồng như tôi tớ: Dương cùng em là Vạn Chung thường lén đem cơm bánh cho ông cụ ăn mà không dám cho vợ hay. Tội nghiệp ông cụ lợm khộm rách rưới quá, anh em không cho khách khứa thấy mặt, sợ bị chê cười.

Vạn Thạch 40 tuổi chưa có con trai, cưới vợ bé là Vương Thị, mà tối ngày không dám nói năng với nhau nửa lời.

Hai anh em lên quận đợi thi hạch, thấy một thiếu niên ăn mặc nhã nhặn, bắt chuyện để làm vừa lòng, hỏi thăm tánh danh, thiếu niên tự giới thiệu là Giới Phủ họ Mã. Từ đó kết giao càng ngày càng thân mật, thăm hương thề quyết làm anh em, rồi từ biệt.

Chừng nửa năm sau, Mã bỗng dắt đồng bọn đến nhà Dương, vừa gặp lúc Dương lão ngồi ngoài cổng phơi nắng bắt rận; Mã tưởng là đùa ở liền nói tên họ, nhờ vô thừa với chủ nhân...

Có người báo cho Mã biết đó là cụ thân sinh ra hai anh em Dương, khiến Mã kinh ngạc. Anh em để đầu trần ra đón Mã vô nhà khách. Mã xin ra mắt cụ ông, Vạn Thạch nói trớ là cụ se mình, rồi nắm tay mời ngồi, hết chuyện nọ qua chuyện kia, chẳng dè gần tối. Vạn Thạch thường nói để dọn cơm ra ăn, nhưng lâu lắm, vẫn chưa thấy cơm bung ra. Anh em thay phiên nhau chạy vô chạy ra mấy lần, mới có thằng ở gầy nhom xách hồ rượu, uống giây lát đã hết nhẩn.

Ngồi đợi giây lâu, Vạn Thạch chạy đi thúc hối kêu gọi, đổ cả mồ hôi trán, lại thấy thằng gầy còm bung cơm ra, cơm gạo lức và đồ ăn rất xoàng, chả có món gì ngon lành.

Ăn xong Vạn Thạch vội vã đi, Vạn Chung thì ôm chần gối ra nằm ngủ với khách. Mã ngỏ lời phiên trách:

- Hôm trước tôi nghĩ anh em nhà ông cao nghĩa nên cùng đính ước anh em. Nay được trông thấy cụ già nhà ta thật tình chẳng được phụng dưỡng no ấm, khiến người đi đường thấy thế cũng xấu hổ giùm.

Vạn Chung nhỏ lệ và nói:

- Tình riêng chất chứa trong tâm, thật khó nói ra lời. Nhà tôi không may, gặp người chị dâu ác độc mà anh tôi thì hèn nhất yếu đuối, bị vợ giày vò hết sức. Tôi với anh, nếu không phải có cái tình ăn thề kết nghĩa với nhau, thì sự xấu trong gia đình tôi như thế quyết nhiên không thể nói thiệt.

Mã nghe chuyện, sừng sốt than thở giây lâu rồi nói:

- Ban đầu ta định sáng sớm mai thì đi, nhưng nay nghe được chuyện lạ này, chả lẽ không mục kích một lần xem sao. Vậy có gian nhà nào bỏ không xin cho tôi ở tạm, mặc kệ tôi tự nấu ăn lấy.

Vạn Chung làm y theo lời, dọn riêng một căn nhà cho thầy trò Mã ở. Đêm khuya lấy trộm lúa gạo rau củ, đem tới tiếp tế cho Mã, hồi hộp chỉ lo chị dâu hay được thì khốn. Mã hiểu ý, hết sức chối từ, lại mời Dương lão đến ăn ngủ với mình, rồi tự ra ngoài chợ mua các thứ vải lụa về may quần áo cho cụ mặc, vứt hết đồ cũ rách rưới. Cha con anh em thấy Mã xử tử tế quá, đều cảm động tới khóc.

Vạn Chung có thằng con trai tên là Hỷ Nhi, mới bảy tuổi, đêm nào cũng quấn quýt nằm ngủ với ông nội. Mã vuốt ve nó và nói:

- Thằng bé này phước thọ hơn cha nó nhiều, duy có lúc trẻ phải vất vả thôi.

Doãn thị (vợ người anh, là Vạn Thạch) thấy ông cụ được no ấm thì nổi giận, kiếm chuyện mắng chửi, bảo Mã khi không can dự vào việc nhà người ta. Ban đầu, những lời chì tiếng bác còn ở trong chốn buồng riêng, dần dà bay tới gần chỗ Mã ở; anh em họ Dương hổ thẹn toát mồ hôi, nhưng không sao bịt được miệng miệng đừng nói. Mã làm lơ, như tuồng chẳng hay biết chuyện chi.

Người vợ bé, Vương Thị có mang được năm tháng, mụ mới hay, lột áo nàng ra đánh đập thảm hại xong rồi gọi Vạn Thạch đến, bắt quì xuống mặc áo quần đàn bà, lại vác gậy rượt đánh chồng chạy ra tới ngoài đường cái.

Giữa lúc ấy Mã ở ngoài đường, cho nên Vạn Thạch xấu hổ, không dám thò mặt ra, nhưng bị mụ đuổi tới sau lưng, đành phải chạy tuốt ra ngoài mà trốn. Mụ theo ra, khoanh tay dậm cẳng, chửi rủa vang trời, hai bên xóm giềng đổ ra xem đầy đường chật ngõ. Mã trở vào mặt mụ và thét:

- Bước đi! Bước đi!

Mụ lập tức day mình trở vô, dường như bị ma quỷ rượt đuổi, đến nỗi tuột cả giày vớ, vải quần cẳng rơi ra lòng thòng trên lộ, chạy cẳng tron mà về, sắc mặt xám ngắt như gà mới cắt tiết; một lúc lâu mới hoàn hồn.

Con hầu đem giày vớ khác cho mụ mang xong, đầm ngực khóc rống, gia nhân đều sợ, chả ai dám hỏi han yên ủi gì cả.

Trong khi đó, Mã lô Vạn Thạch về căn nhà mình ở riêng, cỡi y phục đàn bà ra cho, thế mà Vạn Thạch cự nự không chịu, chỉ sợ khăn yếm tuột ra; Mã phải lấy sức mạnh mới cỡi ra được. Chàng đứng ngồi run rẩy không yên, vì sợ mụ bắt lỗi sao chưa được cho phép, đã vội cỡi ra. Mãi sau dò biết vợ đã nín khóc rồi, bây giờ mới dám mò về, len lén đi tới trước mặt, mụ không nói một tiếng gì, vội vã đứng dậy, đi vô buồng nằm ngủ.

Bây giờ chàng mới định thần yên tâm, nói riêng với em, cho Mã là người lạ. Nội nhà cũng lấy thế làm kì, tụ hợp xâm xì với nhau, hơi lọt đến tai mụ, làm mụ càng thêm tức giận, đánh đập nô tì khắp lượt. Lại kêu đến người vợ bé, nhưng nàng bị đánh đêm hôm trước còn đau nặng quá, chỗi dậy không được. Mụ cho là giả đồ, đến tận giường nằm mà đánh nàng tới băng huyết trụy thai mới thôi!

Đứng trước những việc tàn nhẫn như thế, Vạn Thạch vừa thừa lúc vắng người, than khóc với Mã.

Mã kiểm lời an ủi, rồi gọi tiểu đồng dọn cơm tử tế cho chàng ăn, mãi đến canh hai còn cầm giữ không cho chàng về.

Mụ ở buồng riêng, giận chồng không về, đã toan đi kêu rao mắng chửi cả chồng lẫn Mã cho đã nư giận, bỗng nghe có tiếng gõ cửa, liền bảo con thị nữ chạy ra mở, không dè cửa mở toang, một người khổng lồ dữ dội bước vào, bóng che khắp nhà, mặt mày như quỷ. Kế mấy người nữa theo chùn vô, tay đều cầm dao búa ghê sợ. Mụ hoảng hồn mất vía, toan la lên, người khổng lồ đâm dao ngay cổ họng và nói:

- Hễ la thì giết chết lập tức.

Mụ năn nỉ đem vàng lụa ra chuộc mạng, nhưng người khổng lồ gạt đi:

- Tao là sứ giả âm ti, không thèm tiền bạc của mày, chỉ cốt lấy trái tim của con đàn bà ác độc mà thôi.

Nghe nói, mụ càng sợ hãi, lay lục giập trán dưới đất. Người khổng lồ rút dao găm, vạch trước ngực mụ và kể ra từng tội lỗi:

- Như tội này có đáng giết không?

Nói ra như mỗi tội vạch một khía. Phàm những việc làm độc ác của mẹ thuở nay đều vạch gần hết, vết dao khía vào da thịt, có tới mấy chục. Sau cùng lại hạch tội nữa.

- Người vợ bé của chồng sinh ra thằng con trai, cũng là nòi giống nhà mi, sao mi nỡ đánh tới trụy thai, việc này không thể tha thứ được.

Nói đoạn, sai mấy người tùy tùng nắm chặt lấy tay mẹ, để mổ bụng con đàn bà độc ác xem ruột gan ra sao. Mẹ cúi đầu van lạy, thề in ăn năn chừa lỗi. Chợt nghe cửa giữa mở đóng, và có tiếng nói thanh không:

- Dương Vạn Thạch đã tới kia. Con ác phụ đã nói chừa lỗi, vậy hãy để cái mạng nó đó.

Mấy người liền bỏ đi tản lạc.

Giây phút chàng vô, thấy vợ cỡi trần bị trói, trước ngực có vết dao ngang dọc, không thể đếm hết. Chàng cỡi trói và hỏi nguyên do, lấy làm kinh hãi, nhưng trong bụng hơi nghi là Mã làm ra. Hôm sau thuật chuyện cho Mã nghe, Mã cũng tỏ vẻ sợ hãi.

Từ đó mẹ bớt làm sai, luôn mấy tháng không dám thốt ra nửa lời hung dữ. Mã nghe rất mừng, bảo Vạn Thạch:

- Giờ tôi nói thiệt với anh, phải kín miệng nhé! Hôm nọ tôi thi thố cái thuật còn con để làm chị biết sợ mà sửa lại tánh nết. Nay anh chị được hòa thuận rồi, tôi tạm xin từ giã.

Mã nói xong, thầy trò ra đi.

Đêm nào như đêm ấy, mẹ cố giữ Vạn Thạch ngủ chung, hết sức vui vẻ chiều chuộng. Thuở giờ chàng chưa từng được biết thú vui ấy nay mới được hưởng, đến nỗi đứng ngồi đều thấy bồn chồn. Một đêm, mẹ chợt nhớ lại người khổng lồ mà còn run sợ; chàng muốn nịnh vợ hơi lộ mòi giả mạo cho vợ yên tâm. Bất đồ mẹ bắt được thóp ấy, liền vùng trời dậy, o bế gạn hỏi, chàng tự biết đã nói lờ lời, không giấu được nữa, bèn nói thật đầu đuôi. Mẹ nổi giận lôi đình, mắng chửi rầm rĩ. Bây giờ tới phiên chàng sợ hãi run người tái mặt, quì xuống bên giường mà chịu trận.

Mẹ không thềm ngó tới. Chàng van lơn tha thiết mãi đến canh ba, vợ mới thềm nói:

- Giờ muốn được tao xá tội cho, thì phải lấy dao vạch ngực mày y như con số tao đã phải chịu, có vậy cái hận này mới tiêu được cho!

Tức thời mẹ đứng phắt lên, chạy vô bếp lấy con dao phay ra. Chàng sợ quá chạy trốn, vợ rượt theo, làm vang động cả nhà, đến nỗi chó sủa gà kêu, gia nhơn cùng thức dậy một lượt.

Vạn Chung thấy thế, động lòng thương anh, bất giác nổi dóa, lượm cục đá ném vào chị dâu trúng giữa đầu, mẹ ngã xuống chết. Vạn Chung nói:

- Ta chết, cha anh được sống là ta hả lòng.

Nói rồi nhảy tuốt xuống giếng, người ta vớt lên thì đã ngộp nước tắt thở rồi.

Giây lát mẹ hồi tỉnh, nghe tin Vạn Chung đã chết, cơn giận cũng nguôi.

Sau khi chôn cất xong, vợ góa của Vạn Chung thương xót đứa con, thề ở vậy thờ chồng, nhất định không cải giá. Mẹ thấy em dâu như thế, chẳng yên ủi khuyên khích thì chớ, lại còn mắng nhiếc hằng ngày không cho ăn cơm, bắt ép nàng đi lấy chồng cho khuất mắt.

Nàng đi rồi, để lại đứa con mồ côi, sớm tối bị bác gái đánh đập khổ sở. Mỗi bữa gia nhơn cho ăn no nê rồi, mẹ mới thí cho nó cơm dư canh cặn. Trái nửa năm thằng bé gầy nhom chỉ còn xương bọc lấy da, thở chẳng ra hơi.

*

Một hôm thành linh Mã đến. Vạn Thạch căn dặn người nhà chớ nói cho mẹ hay.

Mã trông thấy ông cụ lại rách rưới lam lũ như hồi nào, trong lòng sùng sốt tức tối, lại nghe chuyện Vạn Chung chết oan mà thương, đầm chun đầm ngực gào thét bi thảm.

Thằng bé thấy Mã đến, chạy lại quẩn quýt vồn vã, kêu gọi Mã thúc luôn miệng. Thoạt tiên Mã không biết là thằng bé nào, chừng nhìn kĩ mới nhận ra, kinh ngạc và nói:

- Trời đất ơi! Tại sao cháu tiều tụy đến nỗi này.

Ông cụ tỉ tê, thuật rõ sự tình. Mã phát phần, bảo Vạn Thạch:

- Lúc trước tôi vẫn nghĩ anh chẳng phải loài người, nay quả đúng thế. Anh em hai người chỉ có một đứa bé này nổi dãi tông đường, thế mà đành tâm giết nó chết đi lần hồi như vậy đây, là nghĩa thế nào?

Vạn Thạch chẳng nói được câu gì, chỉ ngồi cúi đầu cụp tai mà khóc rầm rức.

Chàng ngồi tiếp Mã một lát, thì mụ đã hay tin có Mã đến rồi. Tuy mụ chẳng dám thò mặt ra đuổi khách, nhưng gọi réo chồng phải vô, bạt tai chàng tới tấp mặt mày, bắt phải tuyệt Mã đi. Chàng nuốt lệ trở ra, những dấu vết tát tai còn in đỏ trên mặt. Mã giận quá, nói:

- Anh không làm oai với chị được, nhưng lại chẳng tổng cổ đi được ư? Mụ đánh cha giết em như thế mà anh còn nhịn, đâu phải là giống người nữa chứ?

Chàng nghe, thở dài, có vẻ động lòng. Mã lại khích thêm:

- Nếu tổng cổ mụ không chịu đi, thì anh phải lấy sức mạnh đuổi đi cho bằng được. Dù phải giết phứt cũng đừng thêm sợ. Tôi có đôi ba bạn thiết, đều giữ chức lớn ở kinh đô, tất họ sẽ hợp lực cứu anh, nhất định vô sự.

Chàng gật đầu, hung hăng chạy vào trong nhà vừa đụng đầu mụ; mụ thét hỏi định làm gì mà sắc mặt hầm hừ thế. Chàng luống cuống và thất sắc chống tay xuống đất nói:

- Chú Mã xúi tôi đuổi mình đi.

Mụ nổi dóa, ngảnh lại tìm dao hay gậy để đánh chồng. Vạn Thạch sợ, vội vàng chạy ra với Mã.

Mã phì nhổ, nói:

- Anh thật là người hư hỏng, không dạy bảo được nữa rồi.

Nói đoạn, mở tráp lấy ra gói thuốc bột đem hòa với nước, trao cho Vạn Thạch uống:

- Thuốc này là thuốc trượng phu tái tạo đây. Trước kia sở dĩ tôi chưa muốn dùng, vì sợ nó có thể hại người. Nay cực chẳng đã, phải cho anh dùng thử xem sao.

Chàng uống thuốc ấy vô giây lát, nghe phần khí nổi lên phùng phùng, như có lửa bốc cháy trong ruột gan, mà không sao nhịn được

nữa. Tức tốc chạy vào buồng vợ, gầm hét như sấm. Mụ chưa kịp hỏi gì, chàng đã co giò đá phốc một cái, mụ ngã bắn xa mấy thước. Rồi hai tay hai cục đá làm như quả đấm, cứ thụi mãi vào mụ huỳnh huỵch, không biết là bao nhiêu mà đếm. Mụ bị đấm đá xây xát cả thân thể, nhưng miệng còn mắng chưởi lia lịa. Chàng liền rút dao mang bên cạnh sườn ra, mụ vừa chưởi vừa nói:

- Bộ mày rút dao ra, dám giết tao chết đây chẳng?

Vạn Thạch chẳng nói chẳng rằng, hươi con dao chém vào bắp đùi mụ, đứt phăng một miếng thịt lớn bằng bàn tay rơi xuống mặt đất.

Chàng toan chém nữa, mụ khóc xin tha tội. Nhưng chàng không nghe, lại chém một dao. Người nhà thấy chàng nổi cơn hung dữ thái quá, vội vàng xúm lại, cố sức lôi ra bên ngoài. Mã chạy tới đón rước, cầm tay yên ủi chàng còn cơn giận chưa hết, chỉ lăm le chạy vô tìm vợ để chém nữa, Mã cố ngăn lại mới thôi.

Một chốc, hơi thuốc tan dần, chàng ngấn cả người, như giấc chiêm bao mới tỉnh. Mã căn dặn ân cần:

- Anh chớ có ngã lòng yếu vía đây nhé! Cái đạo làm chồng được phần chần lên, quan hệ ở chuyện này đó. Tẩu tẩu khiến anh sợ hãi quá lộ như thế, chẳng phải là chuyện đầu hôm sớm mai gì, sự thật do mỗi ngày một tí, dần dà mà có đã lâu lắm rồi. Chẳng khác chi hôm qua anh chết mà ngày nay sống lại, vậy từ đây nên rán tẩy cũ thay mới, nếu lại chịu lùi bước phen nữa thì hỏng to.

Rồi tức thời bảo Vạn Thạch vô trong nhà dò xem. Mụ thấy chàng trở vô, chun tay run rẩy, tim nháy thùm thụp, kêu gọi thị nữ đỡ mình, toan quì xuống lạy lạy. Chàng ngăn lại mới thôi. Trở ra thuật chuyện cho Mã hay. Hai cha con thấy gia đình thay đổi như vậy, đều lấy làm vui mừng. Mã muốn đi, cha con cùng năn nỉ lưu lại, nhưng Mã cố từ:

- Vừa rồi tôi có việc phải đi Đông Hải, cho nên tiện đường ghé thăm. Giờ tôi phải đi, để bạn trở về lại cùng hội họp.

Liên hôm đó Mã lên đường.

Hơn một tháng, mụ mới bình phục, thờ phượng ông chồng hết sức tử tế, hân hoan. Nhưng dần dà thấy chồng chẳng có tài nghệ gì đáng sợ, thế rồi lần hồi đâm ra dễ người, lòn mặt, kể đến chế giễu, rồi tới

mắng chửi. Không bao lâu, thói cũ lại hiện xuất nguyên hình. Ông cụ không chịu thấu, đang đêm bỏ nhà trốn đi Hà Nam, nhập tịch đạo sĩ. Vạn Thạch biết vậy, nhưng chẳng dám đi tìm cha về.

Cách trên một năm, Mã đến, trông thấy tình cảnh mà chán, trách móc Vạn Thạch tận tụy, rồi gọi Hỷ Nhi ra, ẵm ngồi trên mình lừa, gia roi đi thẳng.

Từ đó, người làng đều khinh Vạn Thạch, chẳng ai thèm chơi. Chàng lên tỉnh khảo khóa, văn bài dở quá nên bị đánh rớt và bôi tên trong sổ sĩ tử tỉnh nhà.

Bốn, năm năm sau, nhà chàng phát cháy, tất cả của cải nhà cửa đều hóa ra tro bụi, lại cháy lan cả làng xóm. Người làng chung đơn lên quận thưa kiện, chàng bị xử phạt tiền rất nặng. Gia sản còn sót lại chút nào, dần dà tiêu sạch, tới nước không có túp lều mà ở. Mấy làng quanh miền bảo nhau không cho Vạn Thạch ở đậu, không cho thuê nhà. Anh em Doãn Thị (bên vợ) cũng giận những việc thất đức mù làm bấy lâu, cho nên cự tuyệt không chứa cũng không giúp đỡ gì hết.

Vạn Thạch bí lối cùng đường đem bán nàng hầu cho một nhà giàu sang, rồi dắt vợ xuống ghe đi Hà Nam. Đến lúc tiền ăn đường sạch trơn, mù không chịu theo nữa, một hai kiếm chuyện để tự do đi lấy chồng khác.

Vừa gặp dịp một người làm nghề mổ heo mới góa vợ, bỏ ra ba trăm quan tiền mua mù đem đi. Chàng bơ vơ một thân, ăn xin khắp xóm này làng kia lần mò đến xin trước cửa một nhà quan, bị tên gác cửa thét mắng đuổi đi, không cho vô trong.

Giây lát một vị quan trẻ từ trong đi ra, chàng phục dưới đất mà khóc. Quan nhìn đi nhìn lại, hỏi qua tên họ, rồi sừng sốt nói:

- Cơ khổ! Bác tôi đây mà! Sao bác nghèo nàn đến thế?

Vạn Thạch nhìn kĩ, biết là Hỷ Nhi, bất giác khóc rống, theo cháu vô trong nhà, thấy nguy nga bóng lộn. Giây lát, ông cụ vịn vai một tiểu đồng từ trong bước ra, cha con đối nhau bi thương tấm tức. Chàng kể rõ tình cảnh điều đứng cho thân phụ nghe.

Nguyên khi Mã ẵm Hỷ Nhi ra đi, đưa thẳng tới đây. Mấy hôm sau lại đi tìm ông cụ đến, cho hai ông cháu ở chung với nhau, rồi rước

thầy về dạy Hỷ Nhi học. Thằng nhỏ thông minh, mười lăm tuổi đậu hạch, năm sau thi Hương đậu cử nhơn. Mã cưới vợ cho xong xuôi, muốn từ giã đi; ông cháu cùng khóc lóc cầm giữ ở lại. Mã nói:

- Tôi không phải người ta đâu. Thật là chồn tiên, các bạn đồng đạo đợi chờ tôi đã lâu, phải để tôi đi mới đặng.

Bây giờ cậu cử Hỷ Nhi kể chuyện ấy cho bác nghe, lòng còn cảm động chan chứa. Nhơn dịp nghỉ lại hồi xưa Vương Thị (vợ bé của bác Vạn Thạch), cùng chịu đối đãi bạo ngược như mình, động lòng thương hại, bèn cho xe ngựa và người đem tiền bạc theo để chuộc Vương Thị về.

Vương Thị về hơn một năm, sinh đứa con trai, nhân đó nhắc nàng lên ngôi vợ cả.

Còn Doãn Thị đi theo người mổ heo được chừng nửa năm, lại giờ thói ngang tàng như xưa. Thằng chồng nổi giận, sẵn dao mổ heo, xẻo phăng của mụ một miếng thịt đùi, lại lấy dây trói mụ lại, treo rút lên xà nhà, xong rồi gánh thịt heo ra đi.

Mụ đau quá kêu la rầm rĩ, lối xóm mới hay. Người ta đến cởi trói và cắt dây, mụ la đau vang dậy làng xóm. Từ đó, hễ thấy mặt anh chàng mổ heo đến thì sợ hãi đến sồn tóc gáy và lạnh buốt xương sống. Chỗ đùi tuy lành, nhưng mà què một cẳng, phải đi khập khểnh, nhưng vẫn sớm hôm phục dịch vất vả, chớ hễ dám than van, trề nài. Mỗi khi chàng mổ heo say sưa về nhà, là mỗi lần đánh chưởi mụ thậm tệ. Tới đây mụ mới hiểu ra thuở trước mình ác độc với thiên hạ ra sao, giờ mình phải chịu cũng thế.

Một hôm Dương phu nhơn (tức vợ Hỷ Nhi) cùng bác gái Vương Thị đi lễ chùa Phổ Đà, các cô các bà nông dân ở quanh đó xúm lại chào mừng. Doãn Thị hỏi mụ ấy là ai? Gia nhơn thưa là vợ người bán thịt heo, họ Trương; đồng thời thét bảo mụ phải đến gần cúi đầu làm lễ. Vương Thị cười và nói:

- Con mẹ này đi theo chàng mổ heo, chắc không thiếu thịt ăn, sao mà ốm gầy đến thế?

Doãn tức và thẹn, về nhà muốn thắt cổ chết phứt. Nhưng dây yếu quá không chết. Anh chàng ghét thêm. Hơn năm sau chàng qua đời, mụ đi đường gặp Vạn Thạch, đứng nhìn xa xa, nước mắt tuôn như mưa.

Vạn Thạch ngại mặt tôi tớ đi bên cạnh, không hỏi gì đến mụ, về nhà bàn với cháu, tính cho mụ trở lại. Cháu nhất định không nghe.

Mụ bị người làng xóm khinh bỉ quá, hết chỗ nương dựa, theo lũ ăn mày kiếm ăn. Thỉnh thoảng, Vạn Thạch còn hẹn hò gặp mụ trong một ngôi chùa, Hỷ Nhi cho thế là nhục, ngầm sai bọn ăn mày bêu xấu, bấy giờ chàng mới chịu tuyệt.

Chuyện này về sau ra sao, ta không nghe nói.

4. DUYÊN LỖ NGƯỜI TIÊN

(Truyện Vân Thúy Tiên, quyển X)

Lương Hữu Tài, nguyên là người Sơn Tây, trôi nổi xuống Tế Nam, làm nghề buôn bán hàng vật, trơ trọi một thân, chẳng có vợ con điền sản gì ráo.

Hôm đó Tài đi theo người lối xóm, lên núi Đại chơi.

Khoảng tháng tư, người ta lên Đại sơn lễ bái rất đông. Lại có vô số mụ đồng, thường đem hàng chục hàng trăm đệ tử, quì lung tung trước bàn thờ thần, cứ xem nhang cháy làm ngửi, gọi là *Quì nhang*.

Tài thấy trong bọn có một cô chừng mười bảy, mười tám tuổi, sắc đẹp, lấy làm khoái ý, liền giả làm khách đi lễ, mon men đến cạnh nàng. Lại giả đồ mỗi gói, cho nên vịn tay vào chân nàng. Nàng day lại ngó với nét mặt giận, rồi dang xa ra. Tài lại bò đến gần, giây lát, thò tay vịn cằm nàng như trước. Nàng đứng phắt lên không quì nữa, ra cửa chùa rồi đi.

Tài cũng đứng dậy theo gót, nhưng không biết nàng đi đường nào, lòng đã thất vọng, buồn bã ra về.

Giữa đường thấy nàng đi theo một bà già, hình như là mẹ. Tài rảo bước đi theo. Mẹ con vừa đi vừa nói chuyện. Mụ nói:

- Con chịu khó đi lễ bà như thế phải lắm. Con chẳng có em trai em gái gì, chỉ xin bà hộ cho lấy được thằng chồng xứng ý, miễn nó biết hiếu thảo, không cần phải là con nhà giàu sang.

Tài nghe mừng thầm, dần dà đến bên kiếm chuyện hỏi mẹ. Mẹ tự nói mình họ Vân, còn nàng là Thúy Tiên, con gái mẹ đẻ ra. Nhà thì ở Tây Sơn, cách bốn mươi dặm. Tài nói:

- Đường núi gồ ghề, mà bà thì lợm khộm, cô thì ẻo lả thế này, làm sao đi tới nơi cho được?

- Trời đã xẻ, mẹ con định ghé vào nhà ông cậu ngủ nhờ.

- Lúc này nghe bà nói kén rể, không chê nghèo hèn, vậy tôi đây chưa vợ, bà xem có ưng ý không?

Mẹ hỏi nàng nghĩ sao, nàng làm thinh. Hỏi đi hỏi lại đôi ba lần, nàng mới nói:

- Va kém phước đức, lại chơi bởi mất nét, con người khinh bạc ấy dễ tráo trở như bàn tay, con không thể làm vợ một anh chàng đều cáng như vậy được!

Tài nghe choáng người, vội vàng bày tỏ lòng mình thành ra trở mặt trời thề thốt. Mẹ vui mừng, nhận lời. Nàng thì vùng vằng, ra về rầu rĩ. Bà mẹ lại ráng vỗ về cho nàng vui lên.

Tài ân cần, xách gói hành lí hộ hai mẹ con, thấy hai chiếc kiệu núi đi tới, liền thuê cho mẹ con ngồi, còn mình đi bộ theo sau, như cách tôi tớ vậy. Đến khúc đường nào gập ghềnh khó đi, làm ra bộ chăm chú tử tế lắm.

Không bao lâu đến một xóm, mẹ bảo đây là nhà anh trai, mời Tài cùng vào. Có ông bà già ra đón, Vân thị gọi là anh và tâu tâu, lại giới thiệu Tài:

- Con rể tôi đây. Vừa vặn hôm nay tốt ngày, chả phải kén chọn xa xuôi, lấy ngay đêm nay cho hai cháu thành lễ.

Ông cậu cũng mừng, dọn cơm rượu thiết Tài xong, Thúy Tiên mặc áo cưới bước ra làm lễ thành hôn.

Chàng quét giường hỏi vợ đi ngủ. Nàng nói:

- Tôi vốn biết anh bất nghĩa, chỉ vì mẹ tôi bắt buộc nên phải lấy anh. Nếu anh tu tỉnh làm người tử tế, thì vợ chồng cùng sống thông thả, khỏi phải lo gì!

Chàng vâng dạ nghe lời.

Sáng mai thức dậy, mẹ bảo Tài về trước đi, ta sẽ dẫn vợ mi đến sau.

Chàng về quét dọn, nhà cửa vừa xong thì mẹ với nàng đến. Mẹ vô thấy nhà trông trơn, nói:

- Như vậy thì vợ chồng bay làm sao sống? Để tao về ngay, giúp đỡ cho bay chút ít đỡ khổ.

Mẹ nói rồi đi liền, hôm sau lại đến, đem theo mấy đĩa tơ trai, hầu gái và chén bát y phục các thứ, xếp đầy một nhà, rồi tất cả quay ra đi ngay, chứ không ăn cơm, chỉ lưu lại một con hầu để phục dịch hai vợ chồng.

Từ đó Tài được no lòng ấm cất, ngày ngày a dua đàn lũ với bọn vô lại, uống rượu và đánh bạc. Lần hồi ăn cắp cả bông tai trâm vàng của vợ đem bán để quăng vô cuộc đỏ đen. Nàng khuyên bảo lời hơn tiếng thiệt cũng không nghe, có ý buồn lòng sốt ruột, chỉ lo ôm giữ ruộng tráp, như là phòng bị giặc cướp vậy.

Một hôm, mẹ cờ bạc đến nhà thăm Tài, dòm thấy mặt nàng, lấy làm kinh dị, đùa bốn bảo Tài:

- Chú mày đại phú quý, còn lo nghèo túng nỗi gì?

- Phú quý ở chỗ nào đâu? Tài hỏi.

- Vừa rồi thấy mặt vợ chú đẹp như tiên, mà gia đạo lại không thuận với nhau, nếu đem bán cho người ta làm hầu thiếp, có thể được bạc trăm; bán cho thổ chủ thì được bạc ngàn. Có bạc ngàn trong nhà thì còn lo gì nhậu nhẹt, cờ bạc không có tiền chớ?

Tài không nói gì, nhưng trong bụng cho là phải.

Bữa đó đi chơi về, mẹ vợ mà than dài, thở vắn, chốc chốc lại kêu nghèo quá, không biết làm cách gì sống. Nàng mẹ lơ. Tài lại vỗ bàn và ném đĩa chén, gắt mắng con ở, làm đủ các trò gây gổ dễ ghét.

Một buổi chiều kia, nàng tự mua rượu cho uống, rồi thừa dịp nói đến chuyện nhà:

- Mình vì sự nghèo túng, ngày đêm lo nghĩ nát ruột. Em cũng chẳng có cách gì trị được cái nghèo, gọi là chia lo sốt buồn với mình,

thật là hổ thẹn. Tiếc em không còn có món gì đáng giá, chỉ có con bé ở này, hay là mình đem bán phứt nó đi, lấy ít nhiều xoay trở qua thời vậy.

Tài lắc đầu nói:

- Thứ nó mà được bao nhiêu, không bõ bèn gì mà bán.

Nói xong lại ngồi gật gù uống rượu. Giây lát nàng nói:

- Em đối với mình không có chỗ nào tiếc rẻ mà không đưa ra, chỉ khổ là đã kiệt lực rồi. Nghĩ lại cảnh vợ chồng ta nghèo túng xác xơ thế này, nếu ôm lấy nhau tới chết, thì cứ khổ sở như vậy mãi, có có gì mở được mày mặt với đời. Chi bằng đem em mà bán cho nhà giàu sang nào đó, thì cả vợ chồng cùng có ích lợi. Bán em đi thì chắc được món tiền hơn con nhỏ ở nhiều.

Tài làm bộ kinh ngạc, trách vợ sao lại nói tới chuyện quái lạ ấy? Nhưng nàng cứ nằn nì mãi; chàng mừng thầm và nói:

- Thì để thùng thẳng sẽ tính.

Liên hôm đó va đánh tiếng cho một nhà trung quý trong miền, để bán vợ vào phường hát. Trung quý thân hành đến nhà Tài trông thấy nàng rất ưng ý, lại sợ không mua được chẳng, liền hỏi Tài làm tờ thuận mai ngay, ngã giá tám trăm quan tiền, thế là việc xong. Nàng nói với chồng:

- Mẹ em thấy nhà rẻ quá nghèo, cho nên thường thường lo nghĩ săn sóc. Ngày nay như vậy là tình nghĩa đứt rồi, em sửa soạn về thăm mẹ một chút. Vả lại, chàng với em đoạn tuyệt, lẽ nào chàng không nên đến nói qua cho mẹ hay.

Tài sợ bị mụ ngăn trở. Nhưng nàng nói:

- Tự em tình nguyện kia mà. Mình cứ đi em cam đoan vô sự.

Tài yên bụng bèn cùng nàng đi.

Gần nửa đêm, mới đến nhà mẹ vợ, gõ cửa vô, thấy lâu đài ngang dọc, nguy nga, tôi tớ đi lại tấp nập. Nguyên từ hồi Tài lấy vợ, thường muốn đi thăm nhạc gia, nhưng vợ bảo đừng, thành ra hơn một năm, chưa đến nhạc gia lần nào. Hôm nay đến trông thấy cửa nhà đồ sộ, hết sức kinh hãi, bụng thầm nghĩ một nhà giàu có thế này, tất không chịu để cho con gái đi làm bé mọn người ta đâu.

Tới chừng nàng dẫn chồng lên lầu, bà cụ trông thấy sừng sốt, hỏi vợ chồng có việc chi dắt nhau đến đây. Nàng nói với giọng oán thán:

- Con đã từng nói nó bất nghĩa, nay đã quả nhiên.

Vừa nói vừa móc trong túi áo ra hai thoi vàng, đặt trên bàn và nói tiếp:

- Cũng may của này hãy còn, không bị đứa tiểu nham gạt mất, giờ con xin nộp lại mẹ.

Mẹ sừng sốt hỏi lại có gì, nàng đáp:

- Nó muốn bán con đi, con giữ vàng vô ích.

Rồi điếm mặt Tài mà nhiếc mắng:

- Quân chó đẻ! Lúc trước mày gánh hàng rong, mặt mày lem luốc như quỷ, mới đến gần tao, còn nhể nhại mồ hôi chưa lết, bụi bặm cáu ghét ở người mày rơi ra cả đám, muốn đổ cả giường, tay chân thì nổi chai lên dày một tấc, khiến người ta suốt đêm lộn mửa. Từ hồi tao về nhà mày, ngày hai bữa mày chỉ có việc ngồi ăn sung sướng, mới lột được lớp da quỷ sứ đi. Có mẹ làm chứng đó, tao có nói gian cho mày đâu?

Tài cúi mặt nín khe, nàng lại nói tiếp:

- Tao tự xét không có nhan sắc nghiêng thành, mà làm hầu thiếp hạng quý nham. Nhưng mà hạng nam tử đó, còn xứng đôi phải lứa với tao hơn là thứ mày. Thử coi tao có làm điều chi lầm lỗi, mà mày định bán tao đi, không nghĩ đến chút tình hương hỏa bấy lâu. Có phải tao chẳng có sức làm nhà lầu mua ruộng tốt được đâu, nhưng tao chỉ nghĩ mày là đứa bội bạc, tương ăn mày, trước sau gì cũng xa lìa, chứ không già đời tóc bạc được với tao.

Lúc nàng hạch tội Tài, lũ con hầu vú bé đứng vây chung quanh, đều phỉ nhổ và nói:

- Cô giết phăng nó đi, trách mắng làm gì cho tốn hơi v.v..

Tài sợ quá, quì mọp dưới đất, kêu ca đã biết ăn năn. Nàng lại cúi thêm:

- Đem vợ con đi ở đợ làm mướn cho người ta, đã là đại ác, nhưng chưa đến nỗi quá lắm. Sao mày nỡ lòng đem người bạn đầu gối tay ấp, gạt gẫm bán đi làm dĩ chứ?

Nàng nói chưa dứt câu, mọi người đều nghiêng răng trợn mắt, kẻ rút trâm gài đầu, người chạy đi lấy dao, thi nhau đâm vào bên hông túi bụi. Tài kêu rú cứu mạng, nàng ngăn cản mọi người:

- Thôi tha cho nó, nó tuy bất nhân, nhưng ta không muốn trông thấy bộ tịch nó run sợ thế kia!

Nói đoạn, cùng mọi người xuống lầu.

Tài ngồi lắng tai nghe ngóng một lúc, êm lặng tiếng người, bèn nghĩ muốn lên trốn. Bỗng ngửa mặt dòm trời, thấy phương đông đã hừng sáng, cảnh sắc mênh mang, đèn cũng vụt tắt, té ra không có nhà cửa nào hết, mình ngồi trên vách đá chót vót, dòm xuống dưới là vực sâu thăm thẳm. Chàng hoảng hồn vía, sợ té thì mềm xương.

Hơi cựa mình, nghe một tiếng rầm, hòn đá chàng ngồi rời ra, lăn xuống lưng chừng núi, quăng chàng ngã theo. May phước có một cây khô chắn ngang, không rơi tuốt xuống vực. Bụng chàng nằm vắt trên cây khô, chân tay chẳng có chỗ nào bầu víu, ngó dưới xa mịt mù, không biết là bao nhiêu trượng mà nói. Chàng nằm chịu trận thín thít, không dám động đậy, mình mẩy xây xát khắp nơi, tóm lại mắt, tai, mũi, lưỡi, cho đến hơi sức, thấy đều kiệt quệ, chỉ còn đợi chết.

Mặt trời lên cao, mới có bọn kiếm củi trông thấy, liền chạy đi kiếm dây, thòng đưa chàng xuống, đặt trên tảng đá, hơi thở thoi thóp. Họ làm phước khiêng về nhà.

Về thì cửa nhà trống toang, như ngôi chùa đổ, ghế bàn giường chiếu cùng các thứ thập vật đều biến đâu mất, trơ lại còn có chiếc chõng rách và cái bàn mục, là đồ cũ của chàng hồi xưa. Chàng nằm tiu nghỉu một mình, mỗi ngày đói bụng thì bò qua hàng xóm xin ăn một lần. Rồi thì thân thể lở lói gớm ghiếc, người làng vốn ghét tánh hạnh không tốt, nay đều mặc kệ, chả ai ngó ngang.

Tài hết kế sống, bán nhà đi vào hang núi, ngày ra đường sá ngửa tay ăn mây, luôn luôn có con dao đem theo bên mình. Có người khuyên bán dao đổi lấy cơm gạo chẳng hơn, Tài lắc đầu và nói:

- Tôi ở núi phải phòng hùm beo, cần dao để tự vệ.

Sau bắt gặp thằng bạn ngày trước khuyên mình bán vợ. Tài đến gần làm bộ năn nỉ, thừa cơ rút dao đâm nó chết tốt. Quan bắt

giam vào ngục, rồi xét rõ sự tình, nên không nổi tra tấn, chỉ cầm giữ ở ngục được ít lâu thì Tài ốm chết.

5. BÔNG SEN HÓA NGƯỜI

Tôn Tương Nhược, học trò Hồ Châu, một ngày mùa thu ra đồng thăm nom ruộng lúa, nhận thấy giữa khóm lúa dày tốt, rung động rào rạt, ông sinh nghi, men theo bờ ruộng đến tận nơi xem. Té ra một cặp trai gái đang giao hoan với nhau.

Chàng cười, toan quay mình bỏ đi, liền thấy cả đôi thẹn thùng vội mặc quần áo vào để chuẩn. Anh con trai đi trước. Chàng nhìn kỹ người con gái xinh đẹp, động lòng thêm muốn, định ôm ấp ngay chỗ đó, nhưng nghĩ lại hổ thẹn là chuyện tồi bại cho nên không làm; chỉ tiến đến gần vuốt ve nàng và bốn hỏi:

- Cuộc chơi dâu bộc có thú vị không?

Nàng cười không nói gì. Chàng đứng xấp lá cà, vạch áo nàng ra sờ soạng, nghe da thịt mát trơn như dầu, bèn hứng tay rờ mó trên dưới gần khắp. Nàng tức cười nói:

- Anh tú tài mắc dịch này, muốn làm gì thì làm đi; rờ mó người ta lung tung, chi vậy?

Hỏi tên họ là gì, nàng lắc đầu:

- Gió xuân một trận, rồi từ giã anh chàng anh, tôi đành tôi, can chi tò mò hỏi kỹ cho mệt. Có lẽ muốn biết tên họ người ta, đặt sau dựng bia kỉ niệm gái trinh chỗ này hay sao?

Tôn nói:

- Đem nhau ra giữa cỏ sương ruộng lúa mà chơi, là việc của bọn chăn trâu cắt cỏ, tôi đây không quen. Một người nồn nà xinh đẹp như cô, ví bằng ăn vụng chơi lén, cũng nên tự trọng lấy thân, chứ sao như thế?

Nàng nghe Tôn nói, chịu là nhầm lẽ hết sức. Nhơn dịp, Tôn rủ nàng về nhà học của mình cách đây không xa. Nàng trả lời trốn nhà đi đã lâu, giờ phải trở về, kéo gia nhơn sinh nghi, xin hẹn buổi tối

sẽ lại. Rồi hỏi thăm đường lối của nhà Tôn rất kĩ. Xong băng qua đường tắt mà đi rất mau.

Đầu canh một, quả nhiên nàng đến nhà học của Tôn. Thôi thì mây trận mưa cơn, rất mực thân ái.

Hai người u hội với nhau như thế hàng tháng, kín tiếng không có ai hay. Nhon có một vị phiên tăng ở chùa làng, trông thấy Tôn cả kinh và hỏi:

- Minh ông đầy tà khí, có vớ được món lạ nào đó chứ gì?
- Đâu có gì lạ! Chàng đáp.

Nhưng cách mấy ngày sau lâm bệnh; mỗi đêm nàng tới đều mang theo quả bánh cho chàng ăn và vỗ về chăm nom, quá tình chồng vợ. Duy có đặt mình nằm bên là ép chàng giao hoan. Chàng đang bệnh, mãi không sao chịu nổi, trong lòng nghi nàng chẳng phải người ta, song không có cách gì tẩy đi được; thừa dịp nói mại hơi:

- Hôm nọ có lão hòa thượng bảo tôi bị yêu tinh mê hoặc, nay phát bệnh, té ra lời lão nói đúng thật. Để mai cho mời lão đến nhà, xin bùa phép ếm đi mới xong.

Nàng nghe nói xám mặt, lộ vẻ buồn thảm. Tôn càng sinh nghi.

Hôm sau, sai người nhà đến chùa nói thật với thầy sãi. Thầy nói:

- Nó là chồn tinh đó. Nhưng con này phép thuật tu luyện còn kém, bắt trời không khó.

Rồi thầy vẽ hai lá bùa trao cho và dặn dò:

- Về lấy cái hũ sành để bên giường dán ngay một lá bùa trên miệng, đợi khi nó chun vô rồi, thì mau mau đập lại, dán nốt lá bùa kia trên nắp, rồi bỏ vô thùng nước mà nấu sôi lên, tất nó phải chết.

Gia nhon đem bùa làm y lời thầy sãi căn dặn.

Đêm khuya nàng đến, thò vào bọc lấy trái quýt ra, sửa soạn đến bên giường hỏi thăm và đưa quýt cho chàng ăn, bỗng dưng miệng hú kêu vút một tiếng, nàng đã bị hút vào trong. Gia nhon đã hờm sẵn, mau mau đập hũ và dán bùa, sắp đem đi nấu.

Tôn trông thấy quýt lăn ngổn ngang mặt đất, nhớ lại nghĩa cũ tình xưa, chạnh lòng thương cảm, liền hỏi gia nhơn thả ra. Vừa gỡ bùa mở nắp xong, nàng từ trong hũ chun ra, có vẻ co ro sợ sùng, cúi đầu nói:

- Em tu luyện sắp thành đại đạo, chỉ thiếu một chút nữa hóa ra tro bụi hoài công. Chàng thật có lòng nhơn đức, em thề sẽ báo đền. Nói rồi đi liền.

Mấy hôm sau, bệnh Tôn nặng thêm, gia nhơn chắc chết, ra chợ mua hòm. Giữa đường, gặp một người con gái hỏi:

- Chú là người nhà anh Tôn Tương Nhược của tôi phải không?

- Thưa cô, vâng.

- Tôn lang là anh cô cậu với tôi, nghe nói bấy lâu đau nặng, muốn đi đến thăm. Vừa rồi lại có việc cản trở chưa đi được, vậy tôi gửi chú gói thuốc này đem về cho anh tôi nhé!

Gia nhơn đem gói thuốc về, Tôn suy nghĩ một mình không có chị em cô cậu nào hết, đây tất con chồn báo ơn ta cứu mạng không sai. Suy nghĩ thế rồi cứ uống thuốc đó. Quả nhiên bệnh giảm dần, hết tuần thì bình phục.

Chàng đem lòng cảm ơn chồn, ngựa mặt lên thình không vái thăm xin cho gặp mặt lần nữa.

Một đêm, đóng cửa ngồi uống rượu một mình, chợt nghe tiếng gõ cửa sổ lạch cạch, chàng vội mở cửa giữa chạy ra xem ai, té ra cô chồn, mừng rỡ khôn xiết, nắm lấy tay nàng mà nói tạ ơn lia lịa và mời vô trong nhà cùng uống đôi chén cho vui. Nàng nói:

- Từ hôm từ biệt đến giờ, em nghĩ trong lòng băn khoăn, không biết đền đáp cách nào cho xứng đáng ơn dày đức lớn của chàng. Nay em định tìm cho chàng một chị vợ đẹp, như thế liệu có xong được nợ không?

Tôn hỏi người nào, nàng đáp:

- Người ấy chàng chưa biết đâu. Ngày mai, giờ Thìn, đi ra Nam Hồ cho sớm, nếu thấy người con gái hái hoa, vai choàng khăn lụa thì bơi thuyền rượt theo lập tức. Nếu cô ta trốn mất, thì nhắm theo phía bên bờ, có bông sen, ngấn cuống, mà nằm ép dưới lá, hái lấy đem về nhà, thấp đèn sáp ong mà đốt dưới cuống, là được vợ đẹp, lại thêm sống lâu.

Tôn xin ghi nhớ lời dặn. Nàng cáo từ đi. Tôn cố níu lại, nàng không nghe:

- Từ bữa chết hụt, em tỉnh ngộ đại đạo rồi. Bây giờ có lí đâu còn ham cái thú chăn gối, để cho thiên hạ thù ghét mình nữa ư?

Nàng nghiêm mặt nói thế, rồi đi thẳng.

Tôn y lời, hôm sau đến Nam Hồ, trông thấy một cô còn tóc xõa, choàng khăn lụa, quả đẹp tuyệt trần. Chàng liền bơi xuống đến bên. Chợt biến mất, chẳng thấy đâu cả. Chàng rẽ tìm trong đám hoa, thật có một nhánh bông sen đỏ, cuống ngắn không đầy một thước, bẻ ngay đem về.

Chàng để hoa trên bàn, sửa soạn đèn sáp để hơ, ngảnh đầu lại, thấy hóa ra mỹ nhân. Vừa mừng vừa sợ, chàng lật đật vái lạy. Nàng nói:

- Anh chàng si tình này thật là quý quái, tôi đây là chồn tinh, sẽ làm hại anh cho coi!

Tôn không nghe, cứ níu lấy nàng. Nàng cự nự:

- Ai mách lẻo cho anh làm rầy tôi thế?

- Tôi tự biết khanh mà, chàng đáp. Cần gì ai mách lẻo.

Nói đoạn, nắm cánh tay nàng lôi đi. Nàng ngã xuống liền tay, hóa ra cục đá quái lạ, cao một thước, tứ phía long lanh sáng láng. Chàng ôm đặt lên bàn, thấp nhang mà lạy và khấn làm rằm. Đêm đến, đóng chặt các cửa ngõ, bịt hết lỗ hở, chỉ sợ nàng biến. Sáng ra, lại không phải đá, mà là một chiếc áo sa, phảng phất mùi thơm, banh cổ áo ra xem, vẫn còn hơi hám mát dịu. Chàng trùm mền, ôm áo mà nằm.

Chập tối dậy thắp đèn, lúc quay về giường, đã thấy mỹ nhân gối đầu nằm đó, chàng mừng quá, nhưng chỉ lo nàng lại biến, cho nên thiết tha khấn vái rồi mới đến gần. Nàng cười và nói:

- Cay nghiệt thay! Không biết con nào dài lưỡi để cho anh chàng đa tình làm rợn tôi như thế này.

Tuy nhiên, nàng hết sức chống cự; chàng hun hít giao hoan, hình như nàng không chịu nổi sự cuồng bạo, thường nài nỉ chàng thôi đi. Chàng đâu chịu nghe; nàng bực mình nói:

- Nếu vậy, tôi lại biến đi bây giờ.

Tôn hoảng sợ, mới chịu ngừng.

Từ đó hai người ăn ở với nhau rất tâm đầu ý hiệp, mà trong nhà thường có tiền bạc, vải lụa đầy rương chật tủ hoành, cũng chẳng hiểu từ đâu tới.

Nàng thấy người lạ mặt chỉ ú ớ, dường như miệng không thốt ra lời. Tôn cũng giấu kĩ chuyện kì ngộ, không thổ lộ với ai.

Bụng mang dạ chứa đã trên mười tháng, nàng tính đến ngày đẻ, vô trong buồng kín, dặn chồng đóng chặt cửa, không cho ai ra vào, rồi tự cầm dao mổ bụng phía dưới rún, lấy đứa hài nhi ra xong, bảo chồng xé lụa rịt bó chỗ mổ; qua ngày sau đã liền.

Sáu, bảy năm sau, nàng bảo Tôn:

- Duyên nợ đền bù đã đủ rồi, em xin cáo biệt.

Tôn khóc bù lu bù loa:

- Lúc mình mới đến, nhà tôi nghèo khổ chẳng đủ bữa ăn. Nhờ nàng mà nhà trở nên khá giả, sao vội nói sự bỏ nhau như thế cho đành? Vả lại, mình đã nói không có bà con họ hàng nào cả, vậy thì về đâu? Mình bỏ đi, mai sau con khôn lớn chẳng được biết mẹ, há chẳng buồn hận lắm sao?

Nàng cũng ngậm ngùi, nói tiếp:

- Tự phải có tán, ấy là lẽ thường. Con có tướng tốt làm nên, chàng cũng thọ đến trăm tuổi, còn muốn gì nữa? Em vốn họ Hà, nếu chàng có lòng đoái tưởng, cứ ôm những đồ vật cũ của em mà hô *Hà hoa Tam nương tử* thì sẽ thấy em.

Nói đoạn, dang áo ra đi. Chàng sững sốt nhìn theo nàng đã bay cao gần nóc nhà, vội vàng nhảy vọt lên, định kéo lại, nhưng chỉ bắt được chiếc giày của nàng. Giày đó hóa ra con chim én đá, sắc đỏ như son, trong suốt như thủy tinh. Chàng cất giấu kĩ lưỡng, lại kiểm điểm trong rương, thấy chiếc khăn choàng khi mới đến, nay vẫn còn đó.

Mỗi khi tưởng nhớ, chàng ôm chiếc khăn và hô tên *Hà hoa Tam nương tử* thì thấy nàng hiện ra trước mặt, miệng cười mặt tươi, giống hệt ngày nào, chỉ không nói năng được thôi.

6. LỜI HẸN TÂY HỒ

(Truyện Bành Hải Thu, quyển VIII)

Nho sĩ ở Lai Châu, Bành Hảo Cô cất mấy gian nhà riêng ở nơi khác cách nhà chính hơi xa, để làm chỗ đọc sách cho tĩnh mịch. Gặp tiết Trung thu cũng ở luôn đó, không về nhà, một mình quạnh hiu vắng vẻ, suy nghĩ xóm này không chuyện trò với ai đành trù ra Khâu sinh là hạng danh sĩ, nhưng Khâu có thói xấu, thành ra Bành vẫn khinh bỉ xa lánh.

Mặt trăng đã mọc, càng thấy buồn tênh, cực chẳng đã viết thư mời Khâu đến cùng chén cho vui.

Lúc đang uống rượu, có tiếng gõ cửa cạch cạch, tiểu đồng chạy ra mở, một người ra dáng thư sinh, muốn vô ý kiến chủ nhơn. Bành vội vàng ra đón khách vô, mời ngồi quanh mâm rượu và hỏi thăm tên họ. Khách nói:

- Tiểu sinh người Quảng Lăng, cùng họ như ngài, tự là Hải Thu. Gặp được một đêm cảnh đẹp thế này, ở nhà trọ buồn quá, nhơn nghe danh ngài cao nhã, cho nên đường đột tới thăm.

Xem người mặc áo vải rất sạch sẽ, nói cười ra vẻ phong lưu, Bành mừng quá:

- Đêm nay may lắm, gặp được khách quý, lại là người đồng tông!

Liền rót rượu mời, tiếp đãi như bạn thân lâu ngày vậy, Bành xem ý khách khinh rẻ Khâu, đến nỗi Khâu xen vô câu chuyện, khách ngó lơ không thềm trả lời. Bành thấy thế hổ thẹn giùm Khâu, bèn tìm cách đánh trống lấp, xin hát một khúc để cho vui. Nói rồi tăng hăng lấy giọng hát khúc *Hòa sĩ Phù phong* của Lý Bạch, cùng nhau vui cười:

Khách nói:

- Tôi lấy làm tiếc không biết hát để họa theo cho vui, vậy xin tìm người hát hay có được không?

Bành trả lời được. Khách hỏi:

- Lai Thành này còn danh ca nào không nhỉ?

Bành lắc đầu tỏ ý không có. Khách lẳng lẳng giây lâu, bảo tiểu đồng:

- Ta vừa gọi một người đến ngoài cửa, mi chạy ra dẫn nó vô đây.

Tiểu đồng ra cổng, thấy một thiếu nữ đang loanh quanh có vẻ đợi chờ, liền dẫn vô nhà. Người độ hai tám trở lại, vẻ đẹp như tiên.

Bành hết hồn, kéo nàng ngồi, thấy mặc áo lụa, hương thơm bay nức cả nhà. Khách ngỏ lời yên ủi nàng phải xông pha ngàn dặm mới đến đây, có hơi phiền lòng. Nàng mỉm cười vâng dạ. Bành càng lấy làm kì, gạn hỏi cho biết nàng ở đâu tới mà bảo ngàn dặm xông pha. Khách đáp:

- Bởi thành này chẳng có mặt nào giai nhơn, đệ phải gọi cô này ở trong thuyền Tây Hồ đến đây.

Rồi day qua bảo nàng:

- Vừa rồi ở trong thuyền em hát bài *Chàng bạc tình* nghe hay lắm, bây giờ hát lại đi nào!

Nàng vâng lời, trỗi giọng hát khúc *Chàng bạc tình*, khách lấy cây sáo bằng ngọc ở trong mình ra, thổi sáo họa theo. Khúc hát vừa dứt, tiếng sáo cũng ngừng, hết sức ăn nhịp. Bành sửng sốt ngợi khen mãi, rồi nói:

- Từ Tây Hồ tới đây, đường xa há phải ngàn dặm, thế mà chớp mắt gọi đến, chẳng là tiên đó ư?

Khách nói:

- Đệ nào dám xưng mình là tiên, nhưng mà xem muôn dặm gần như ngoài cửa thì có thật. Đêm nay, phong cảnh trăng gió Tây Hồ vẫn còn đẹp lắm, không lẽ chúng ta không đi xem một chuyến. Ngài có theo tôi chơi được không?

Trong ý Bành đang muốn theo dõi để xem sự lạ tới cùng, liền nhận lời ngay:

- Ông cho đi theo thì hân hạnh lắm.

Khách hỏi muốn đi thuyền hay cỡi ngựa? Bành suy nghĩ đi thuyền thông thả hơn, bèn đáp:

- Muốn đi thuyền.

Khách nói:

- Chỗ này đi gọi thuyền hơi xa. Trên Thiên Hà (sông trên trời) tất đang có người chờ đò, ta gọi họ mau hơn.

Nói xong đưa tay ngoắt trên trời và gọi:

- Thuyền xuống đây! Thuyền xuống đây! Chúng ta muốn đi Tây Hồ chơi, đòi tiền công bao nhiêu cũng trả, không tiếc đâu.

Giây lát, một chiếc thuyền hoa từ trên không sa xuống, mây khói bao phủ xung quanh. Mấy người cùng lên, thấy chú lái cầm bơi chèo ngắn, cuối chèo gài lông chim ngũ sắc, hình như cây quạt, hơi động một chút nghe gió kêu vi vút, lần lần thuyền lên tít mây xanh, nhắm hướng nam mà tiến, vùn vụt như mũi tên bay.

Một chập thuyền hạ xuống nước, nghe tứ phía tơ trúc du dương, đồn ca thánh thót; ra ngoài dòm xem, mặt sóng trăn in, thuyền chơi hợp chợ. Chú lái ngưng chèo, mặt thuyền tự trôi. Nhìn kĩ, thật đúng Tây Hồ.

Khách ra khoang sau lấy rượu ngon vật lạ dọn tiệc, cùng nhau thưởng trăng đối ẩm rất vui.

Không bao lâu, một chiếc lâu thuyền lần lần đến gần; hai chiếc song đôi mà đi. Dòm qua cửa sổ, bên trong có hai, ba mống, đang ngồi đánh cờ vui cười rộn rục. Khách đưa một chén rượu cho nàng và nói:

- Uống chén này, là chén tiễn cô về.

Trong lúc nàng cầm chén rượu uống, Bành có vẻ bịn rịn bùi ngùi, chỉ sợ nàng đi bèn khẽ bám chi vào cẳng nàng tỏ ý quyến luyến. Nàng liếc mắt đưa tình, Bành càng chết mê, yêu cầu kì hẹn ngày sau. Nàng nói:

- Nếu chàng có lòng thương cứ hỏi thăm Quyên Quyên chẳng ai không biết.

Khách lấy tay khăn nhiễu của Bành trao cho nàng và nói:

- Tôi đính ước giùm cô ba năm sẽ tái ngộ.

Nói đoạn, khách đứng lên đặt nàng vào lòng bàn tay nói:

- Tiên ư? Tiên ư?

Rồi giờ cửa sổ chiếc thuyền bên cạnh, bắt tay nàng chun qua. Mặt cửa sổ chỉ rộng có vài tấc, thế mà nàng thon mình như rắn bò qua, không thấy gì chật hẹp. Liền đó nghe thuyền bên cạnh có người nói:

- Cô Quyên Quyên lai tỉnh rồi nè!

Tức thời thuyền tách ra đi phơi phới, trông thoáng đã thấy vô bờ, mọi người trong thuyền rộn rịp lên bờ đi tản hết.

Bành thấy đến đây, hứng chơi tiêu tan, bèn nói với khách, ý muốn lên bờ ngoạn cảnh chốc lát, rồi sẽ tính sau. Mới nói thế thôi đã thấy thuyền áp vào bến, liền giả thuyền lên bộ, xem chừng xa cách có ngoài dặm đường. Khách lẽo đẽo đến sau, tay dắt một con ngựa, bảo Bành cỡi đi. Nói xong lại đi, bảo rằng đi mượn hai con ngựa nữa sẽ đến.

Chẳng dè khách đi thẳng, Bành đợi lâu lắm, không thấy khách đến, lúc ấy đường đã vắng người đi lại, ngựa mất dóm trời, thì trăng đã xế tây, trời sắp hừng sáng, mà bạn Khâu sinh cũng biệt tăm dạng, chẳng biết va đi đường nào.

Cơ khổ, Bành cỡi ngựa bơ vơ, lui tới đều khó, trở lại chỗ thuyền đậu thì thuyền với người đều mất, tự nghĩ trong túi trống trơn càng thêm lo sợ.

Trời sáng rõ, mới thấy bên mình ngựa có đeo cái túi nhỏ, mò xem được chừng ba bốn lượng bạc, lấy tiền đó mua cái ăn đỡ dạ, rồi cố đợi nữa.

Đợi cho đến quá trưa vẫn không thấy tăm hơi gì cả, nghĩ bụng chi bằng hãy tạm đi tìm cô Quyên Quyên, có thể nhân đó dò thăm được tin tức Khâu sinh cũng nên.

Không dè đi hỏi Quyên Quyên khắp nơi, ai cũng lắc đầu, không biết tên ấy là người nào. Bành thêm rầu buồn, cụt hứng.

Ngày hôm sau quyết kế lên đường về quê. Cũng may ngựa có hai cặp giò cứng, chạy không đến nổi tẹt. Thành ra nửa tháng về đến quê quán.

Nhắc lại hôm ba người đáp thuyền mà thuyền vùn vụt bay lên mây xanh, tên tiểu đồng trở về nói:

- Ông chủ đã lên tiên rồi.

Cả nhà khóc rống, định chắc Bành một đi không về nữa.

Nay Bành cỡi ngựa nhong nhong về nhà, cột ngựa vào chuồng rồi sừng sững bước vô, cả nhà vừa mừng, xúm lại hỏi tíu tít.

Bành kể hết đầu đuôi chuyện lạ, chạnh nghĩ hôm đi có bạn cùng đi, bây giờ một mình trở về quê quán, e nhà họ Khâu đến tra hỏi thì rầy rà to, nên chi Bành dặn gia nhơn giấu kín, đừng nói.

Trong lúc chuyện vãn xưa sau, Bành khoe con ngựa của tiên tặng cho. Ai nấy nghe nói ngựa tiên, hẳn là vật quý, liền kéo nhau ra chuồng xem.

Đến nơi, chẳng có ngựa nào cả, chỉ thấy Khâu sinh, dây cương còn buộc bên chuồng, liền kêu Bành ra coi, Bành thấy Khâu cúi mặt dưới chuồng, sắc da đen xám, hỏi gì cũng không nói, duy có cặp mắt khi mở khi nhắm mà thôi.

Bành động tâm, không nỡ để bạn như thế, lập tức mở dây, đem Khâu lên nhà, đặt nằm trên giường, trông như mất cả hồn phách, đổ nước cháo cho, lần lần mới nuốt được. Nửa đêm hơi tỉnh, gấp đòi đi tiêu. Người ta đỡ đi, ỉa ra mấy cục cứng ngựa. Lại cho ăn uống một chút ít, bấy giờ mới nói đặng. Bành đến bên giường gạn hỏi, Khâu nói:

- Sau lúc ở dưới thuyền lên va bám tôi ra chỗ khác nói chuyện. Đến chỗ vắng, va đùa bỡn vỗ cần cổ tôi, thế là tôi mê mẩn té lăn cù. Nằm yên giây lát, tự ngó mình hóa ra ngựa; tâm vẫn tỉnh táo, chỉ có không nói được thôi. Đó là một sự đại sỉ nhục, quyết không nên cho vợ con hay, vậy xin anh giữ kín giùm tôi nhé.

Bành xin vâng, sai người nhà thắng ngựa đưa Khâu về.

Từ đó, Bành tư tưởng nàng Quyên mãi không quên.

Ba năm sau, vì có chồng người chị làm Thông phán tại Dương Châu. Bành đến thăm.

Lương công tử ở châu này lại sui gia với Bành, nhân dịp mời đến đãi tiệc.

Giữa tiệc, có mấy nàng ca kỹ, đều tới ra mắt.

Công tử hỏi Quyên Quyên đâu không thấy, gia nhơn bầm nàng bình không tới đặng. Công tử nổi giận:

- Con ranh lên mặt thế à? Bầy đem dây trói nó điệu về đây cho ta!

Bành nghe tên Quyên Quyên lấy làm lạ, hỏi là người thế nào. Công tử đáp:

- Nó là dĩ số một ở thành Quảng Lăng này. Vì hơi nổi tiếng chút ít dám lên mặt vô lễ chớ.

Bành nghi có lẽ trùng tên trùng họ thế thôi, không phải người gặp ở Tây Hồ năm xưa. Tuy nhiên trong trí hồi hộp mong mỏi, chỉ muốn thấy mặt cho mau.

Một lát Quyên đến, công tử hầm hầm trách mắng, Bành nhìn chăm chú, quả là người gặp hôm trung thu, bèn nói giùm Quyên:

- Cô này có quen tôi, xin công tử tha thứ.

Quyên ngó kĩ Bành, hình như cũng có vẻ kinh ngạc, công tử nghe Bành xin giùm, cho nên bỏ qua, chưa kịp hỏi kĩ gì cả, liền sai nàng hầu rượu. Bành hỏi còn nhớ khúc hát *Chàng bạc tình* không; nàng nghe càng sững sốt, mắt nhìn chăm chú giây lát, mới gõ nhịp cất tiếng hát bài cũ, nghe đúng như đêm trung thu trên Tây Hồ.

Tiệc xong, công tử sai nàng hầu khách chẵn gối. Bành nắm tay nàng và nói:

- Kì hẹn ba năm, bây giờ mới y ước đây mà!

Nàng nói:

- Hồi đó tôi theo người ta bơi thuyền xem cảnh Tây Hồ, mới uống có vài chén, mà đã choáng váng như say lắm. Trong cơn lơ mơ, bị một người đem đi, để đợi ở một xóm nọ, rồi một tiểu đồng dẫn tôi vô nhà; trên tiệc có ba người khách ngồi, chính lang quân là một. Sau rủ nhau đi Tây Hồ chơi, rồi đưa tôi chun qua cửa sổ mà về. Mỗi khi nhớ lại lúc cầm tay nhau hò hẹn ân cần, tôi ngỡ là chiêm bao, nhưng chiếc khăn kỉ niệm còn rõ ràng, tôi vẫn trân trọng cất giữ đến nay.

Bành nghe thuật rõ căn do, cùng nhau than thở. Quyên ôm lấy chàng, khóc nức nở và nói:

- Thần tiên đã làm mai như thế, xin chàng đừng cho em là kẻ phong trần mà bỏ chìm đắm ở trong biển khổ... nhé!

Chàng đáp:

- Lời hẹn trong thuyền, chẳng có ngày nào mà tôi không ghi nhớ trong lòng, nếu Khanh có ý muốn như vậy, dù tôi phải trút túi hay bán cả ngựa đi, cũng chẳng dám tiếc.

... Sáng ngày, Bành nói thật với công tử, mượn ngàn bạc đem chuộc Quyên rồi dẫn về quê quán. Khi ghé qua nhà học riêng của chàng, Quyên nhận ra chỗ ngồi uống rượu năm xưa.

7. LẤY VỢ CÔNG CHÚA

(Truyện Vân La công chúa, quyển IX)

An Đại Nghiệp, người Lô Long, mới lọt lòng đã biết nói, bà mẹ phải lấy máu chó đổ cho uống mới hết. Lớn lên đẹp trai, chẳng ai bì kịp, lại thông minh học giỏi, nhiều nhà giàu sang muốn gả con gái cho.

Lúc trước, bà mẹ thường chiêm bao thần dạy:

- Con mụ sẽ lấy công chúa.

Trong bụng rất tin. Nhưng con đến mười lăm, mười sáu tuổi, chưa thấy linh nghiệm, khiến bà lần hồi ăn năn, mình tin thần mộng quàng xiên.

Bữa nọ, An ngồi một mình, chợt có mùi thơm lạ sức nức, rồi một thị nữ đẹp chạy vào nói:

- Công chúa đến.

Vừa nói vừa trải chiếu dài trên mặt đất, suốt từ ngoài cổng vào thẳng trong nhà, khít bên giường chàng ngồi. Chàng đang kinh ngạc hốt hoảng, thấy một thiếu nữ vịn vai gái hầu lững thững bước vào, y phục dung nhan sáng chiếu khắp nhà. Gái hầu lấy gối thêu, nệm gấm lót trên giường, rồi đỡ thiếu nữ ngồi xuống.

An luýnh quýnh không biết làm sao, vòng tay nói rất cung kính:

- Ngài là thần tiên ở núi nào, động nào, có lòng đoái tưởng, chịu dãi gót giáng lâm nhà tôi?

Nàng mỉm cười, lấy tay áo che miệng không nói gì. Thị nữ nói:

- Đây là công chúa Vân La trong phủ Thánh Hậu. Vì Thánh Hậu để ý tới lang quân, muốn cho công chúa kết duyên, nên công chúa tự đến xem nhà cửa đó.

Chàng mừng quá không nói ra lời. Nàng cũng cúi đầu, ngồi đối diện nhau làm thính.

Bình nhật chàng vốn thích đánh cờ, bàn cờ thường để bên cạnh. Một thị nữ lấy khăn đỏ lau bụi sạch sẽ, đem ra đặt trên bàn và nói:

- Thường ngày công chúa ưa cuộc tiêu khiển này, thử chơi với lang quân xem ai thắng nào?

Chàng dõng ghế tới gần. Công chúa cười và gật đầu ưng thuận. Hai người qua lại độ ba chục nước, thị nữ thò tay xóa bàn cờ và nói:

- Thôi phò mã thua rồi.

Lượm quân cờ bỏ vào hộp, nói tiếp:

- Có lẽ phò mã là tay cao cờ ở phạm trần, công chúa chỉ có thể nhường sáu con thôi.

Liền chọn sáu con cờ đem ra bày lại bàn cờ, công chúa cũng gật đầu.

Lúc nàng ngồi đánh cờ, sai thị nữ ngồi dưới, đưa lưng cho nàng gác cẳng, còn cẳng kia thông xuống đất, thì một thị nữ khác phục xuống mà đỡ. Hai bên hai con bé đứng hầu. Mỗi lúc An ngẫm nghĩ nước cờ khó khăn, nàng co một cánh tay gác lên vai, ngồi đợi.

Ván cờ đánh mãi chưa phân thắng phụ, con hầu nhỏ cười nói:

- Phò mã thua một con.

Nhân dịp, thị nữ xen vào, thưa:

- Công chúa đã mệt mỏi, nên dẹp đi thôi.

Nàng nghiêng mình nói nhỏ bên tai thị nữ điều gì không rõ. Thị nữ chạy ra, giây lát trở lại, đặt ngàn vàng trên giường và bảo chàng:

- Mới rồi công chúa nói nhà cửa ảm thấp, chật chội, vậy phiên lang quân dùng số tiền này sửa sang lại, sửa xong thì sum họp đó.

Một thị nữ khác nói:

- Tháng này phạm vào sao Thiên Hình, không nên xây dựng gì cả. Qua tháng sau tốt lắm.

Công chúa đứng dậy, chàng ra trước mở cửa. Thị nữ lấy ra một vật trông giống như cái túi bằng da, liền gõ tại đó, tức thì có mây ở bên trong tỏa ra tứ phía rồi thì hợp lại, mù mịt chẳng trông thấy công chúa và bọn tùy tùng đâu nữa.

Mẹ chàng hay chuyện, ngờ là yêu quái. Nhưng chàng mơ tưởng mẩn mê, không sao quên được, lo gấp công việc cất nhà bất chấp ngày tháng kiêng kị. Chàng hối thúc thợ làm, không mấy ngày mà cửa nhà mới hẳn.

Nguyên trước có người học trò Loan Châu, tên là Viên Đại Dụng, đến trọ ở xóm bên, đưa danh thiếp vào tận nhà chàng để xin ra mắt. Chàng vốn ít giao du bè bạn, cho nên thác có đi vắng không tiếp, lại dò được hỏi Viên không có ở nhà trọ, mà đến chơi đáp lễ.

Hơn tháng sau, thỉnh linh gặp nhau ngoài cửa, té ra Viên là chàng thiếu niên mới ngoài đôi mươi, y phục thanh nhã. An đứng nói chuyện qua loa, thấy người rất đứng đắn, trong bụng khoái lắm, liền mời vào nhà đánh cờ tướng chơi, mỗi bên đều có hơn thua. Sau đó bày rượu ra uống liên miên, chuyện văn cực tương đắc.

Ngày hôm sau, Viên mời chàng đến nhà trọ mình, cũng đãi tiệc rượu ân cần tử tế. Có thằng tiểu đồng lười mười hai, mười ba gõ nhịp ca hát và nhảy múa giúp vui.

Chàng say quá bước đi không nổi, Viên sai tiểu đồng công về. Chàng thấy nó nhỏ con, yếu đuối, sợ không công mình đặt, nhưng Viên một hai bảo cứ để nó công xem. Quả nhiên nó công chàng về nhà khỏe re. Chàng lấy làm kì. Hôm sau đem tiền đến thưởng nó, nó chối từ đôi ba phen rồi mới chịu lãnh.

Từ đó, Viên với chàng giao tình thân mật, cách đôi ba ngày lại đến nhà nhau một lần.

Viên có tính sơ sài, lạng lẽ, mà khảng khái, hay giúp đỡ người ta. Trong chợ có kẻ mắc nợ phải bán con gái đi, Viên trút túi ra chuộc giùm, không có vẻ tiếc của chút nào. Vì thế An càng kính trọng.

Cách mấy hôm sau, Viên đến từ già chàng, tặng những đĩa ngà, kì nam, cả thấy mười món, lại thêm năm trăm đồng bạc để giúp chàng chữa nhà. Chàng trả bạc lại, chỉ lấy đồ vật, và đưa vài lụa tặng lại.

Vài tháng sau đó, ấp Lạc Đình có người đi làm quan xa về, hòm xiềng đầy nhóc của cải. Đêm khuya, cướp vào nhà, bắt trói chủ nhân mà nung sắt nướng kìm, tra tấn thảm độc, rồi vợ vết sạch sành sanh.

Người nhà biết họ Viên làm vụ đó, bèn trình báo quan sở tại. Quan tư giấy khắp nơi tróc nã.

Lối xóm An có nhà họ Đồ, ngày thường vốn xích mích với nhà chàng, nay thấy chàng xây dựng cửa nhà to tát, trong bụng âm thầm ghen tức. Sẵn dịp có thằng nhỏ ở cửa chàng lấy trộm đĩa ngà, đem đến nhà Đồ dạm bán. Đồ biết là vật của Viên tặng, liền báo quan huyện.

Huyện sai lính kéo về bao vây nhà chàng, nhằm lúc chàng với tôi tớ vắng mặt, liền bắt mẹ chàng đi. Bà cụ già yếu lại bị kinh khủng, thở không ra hơi, luôn hai, ba bữa không ăn uống gì cả, quan huyện thả cho về.

Chàng nghe tin mẹ, vội vã trở về nhà, thì mẹ đã bệnh nguy rồi, hôm sau qua đời. Thu liệm vừa xong còn chưa kịp chôn, thì chàng đã bị lính huyện áp giải đi.

Quan huyện thấy bộ tịch trẻ trung nho nhã, thầm nghĩ chàng bị vu oan, nhưng bề ngoài cũng làm ra nạt nộ. Chàng nói thật nguyên do kết bạn với Viên, không giấu một chút nào. Quan lại hỏi tự nhiên phát giàu là của ở đâu, chàng đáp:

- Mẹ tôi có chôn giấu được ít nhiều tiền của, nay tôi sắp sửa lấy vợ, cho nên sửa sang nhà cửa, thế thôi.

Quan huyện tin lời, liền viết tờ bẩm và cho lính đưa chàng lên quận xét nghĩ. Thằng cha hàng xóm là họ Đồ kia, biết thế nào lên quận chàng cũng vô sự, bèn đem nhiều tiền hối lộ cho tụi lính áp giải để chúng giết chàng ở dọc đường là xong.

Đường đi lên quận, phải qua núi sâu, lính kéo chàng đến sườn núi lởm chởm, rồi đẩy xuống vực sâu là rồi đời. Giữa lúc thiên nguy vạn cấp đó, bỗng dung một con cọp từ trong bụi rậm nhảy ra, cắn hai tên lính chết rồi tha chàng đến một nơi có lâu đài nguy nga, bỏ nằm ở đó.

Chàng hồi tỉnh, mở mắt thấy Vân La công chúa vịn vai thị nữ đi tới, nước nở chia buồn với chàng rồi nói:

- Thiếp muốn giữ lang quân ở lại đây, nhưng nghĩ lại chàng còn việc tang bà cụ chưa chôn cất xong, mà dính với quan nha cũng đang lỡ dở, nên ở lại đây không tiện. Vậy chàng nên cầm lấy tờ bẩm, lên quận tự nạp mình, chắc chắn là vô sự đó.

Nói đoạn lấy sợi dây lưng trước bụng chàng, thắt lại hơn mười nút, dặn dò chàng khi đứng trước mặt quan cứ lần mở những nút này, tức thì tai qua nạn khỏi.

Chàng nghe lời khuyên bảo, một mình đến quận tự đầu. Quan thái thú mừng là người thành thực, lại xem tờ bẩm, hiểu rõ oan tình, liền phê cho chàng về.

Về nửa đường gặp Viên, xuống ngựa cầm tay, kể lể tình trạng rắc rối bấy lâu. Viên nghe tức giận xám mặt, làm thinh không thốt lời. Chàng nói:

- Vẻ người như anh, làm chi tới chuyện trộm cướp để tự nhơ xấu danh tiếng.

Viên đáp:

- Tôi giết toàn hạng người bất nhân, tôi lấy toàn là tiền của phi nghĩa. Không vậy thì của bỏ rơi ở đường cũng không thêm lượm. Điều anh khuyên răn tôi rất phải, nhưng xin hỏi thứ người như thằng cha lồi xóm nhà anh, có nên để nó sống ở trên đời không chớ?

Nói xong chào biệt, thúc ngựa đi thẳng.

Chàng về chôn cất mẹ rồi, đóng cửa tạ khách. Bỗng một đêm, trộm vào nhà hàng xóm, cha con trên mười người, đều bị giết sạch, chỉ chừa lại một con ở. Giết xong cuộn gói tiền của, đồ vật, chia bớt cho tiểu đồng mang xách. Lúc ra đi, lấy đèn soi mặt và bảo con ở:

- Mi nhìn cho kĩ nghe. Giết người nhà này là tao đây, chứ không dính dấp tới ai.

Nói đoạn không cần mở cửa, hai thầy trò vọt lên mái nhà, nhảy qua vách tường đi mất.

Hôm sau, vụ án này đến quan. Quan ngờ An sinh hay biết, lại

bắt chàng đi, trừng mắt xem hỏi cực nghiêm. Chàng đứng giữa công đường, tay rờ vào dây lưng thắt nút, vừa tranh biện vừa cởi nút ra, quan không có chỗ nào buộc tội, lại tha cho về.

Lần này được về, chàng lại càng giữ gìn, chỉ ở nhà đọc sách, không đi đâu nửa bước, nội nhà chỉ có một vú già khắp khiêng lo việc cơm nước mà thôi. Mãn tang mẹ rồi, ngày ngày quét dọn nhà cửa chờ đợi tin lành.

Một hôm, mùi hương lạ thơm ngát trong nhà. Chàng leo lên gác xem, thấy trong ngoài đã bày biện khác hẳn, cuốn rèm lên thì thấy công chúa đã ngồi chững chạc từ hồi nào rồi. Chàng vội vàng vái chào, nàng nắm lấy tay và nói:

- Chàng không tin số, thành ra xây dựng nhà cửa lỗi thời gây nên tai vạ, lại thêm tang tóc, làm trễ cuộc sum họp của chúng ta mất ba năm.

Muốn gặp, té ra lại chịu trì hoãn, ấy việc đời đại khái như thế cả.

Chàng tính lấy tiền cho mẹ vú đi chợ, nàng gạt đi bảo không cần. Thị nữ lấy trong rương ra các món đồ ăn nóng sốt, như mới xào nấu dưới bếp đem lên, rượu cũng thơm ngon lạ lùng. Hai người uống rượu nói chuyện một lúc thì trời đã sẩm tối, mấy con hầu đưa lưng cho nàng gác căng đều tản mát đi hết. Nàng uể oải tay chân, co duỗi bắp đùi, dường như không che đậy gì cả. Chàng liền ôm nàng hôn hít. Nàng nói:

- Khoan đã! Chàng hãy buông tay ra, em giao hẹn câu này. Bây giờ có hai cách, chàng muốn chọn cách nào?

Chàng ôm cổ nàng và hỏi hai cách nào. Nàng đáp:

- Em với chàng, nếu kết bạn chén rượu cuộc cờ, thì được tụ họp đến ba chục năm, còn nếu kết bạn thú vui chăn gối, thì chỉ được sum họp sáu năm thôi. Chàng chọn cách nào?

Chàng cao hứng quá, nói đại:

- Hãy được sáu năm rồi sau lại tính.

Nàng làm thinh. Hai người giao hoan. Nàng nói:

- Em vốn biết chàng không sao tránh khỏi thú vui phạm tục, âu cũng là số mạng khiến vậy.

Rồi đó khuyên chàng nuôi thêm vú già con hầu, cho ở riêng căn nhà phía nam, lo việc thổi nấu cơm nước và kéo sợi dệt vải làm sinh kế. Còn ở căn nhà phía bắc tịnh không khói lửa, bên trong chỉ có bình rượu bàn cờ mà thôi, cửa đóng kín tối ngày. Chàng đẩy nhẹ thì cửa tự mở ra, ngoài chàng, không ai được tới đó. Tuy thế những người ở căn nhà phía nam làm việc chăm chỉ hay trễ nải, nàng đều biết rõ, thường khi bảo chàng qua rầy mắng người nào, thì người ấy phải chịu lỗi ngay.

Nàng không nói nhiều lời, không cười nói lớn tiếng, cùng chàng nói chuyện gì, chỉ cúi đầu cười nụ, hễ sánh vai ngồi thì ư nghiêng mình dựa vào chàng. Có khi chàng ẵm nàng lên đầu gối, thấy nhẹ như ẵm trẻ thơ. Chàng nói:

- Nàng nhẹ thế này, có thể đứng trên bàn tay người ta múa được.

Nàng trả lời:

- Chuyện đó có khó khăn gì đâu, có điều chỉ là phần việc của mấy con thị nữ, tôi không thềm làm đó thôi. Ví dụ con Phi Yến mà sách vở trần gian vẫn ca tụng đó, nguyên là thị nữ của chị Chín tôi, hay lẳng lơ mà bị tội, đày xuống trần gian, lại không biết giữ trinh tiết, cho nên bây giờ đang bị nhốt kín một nơi.

Trên gác trái đầy đệm gấm, mùa đông chẳng thấy lạnh, mùa hạ chẳng thấy nóng. Giữa mùa đông lạnh lẽo cắt ruột, nàng cũng mặc áo mỏng và nhẹ. Chàng may áo mới, ép nàng phải mặc, nàng vì nể, mặc vào chốc lát, cời ra nói:

- Vật phạm ô trọc đè nặng vào xương cốt đến thành bệnh lao chết.

Một hôm chàng ẵm nàng trên gối bỗng thấy nặng khác mọi ngày, lấy làm lạ. Nàng cười trở vào bụng:

- Trong này có giống phạm tục rồi.

Cách mấy hôm sau, nàng ngỏ ý muốn ăn đồ nấu nướng, chàng liền mua sắm những món lạ cho nàng ăn. Từ đó nàng ăn uống không khác gì người thường. Một bữa, nàng nói:

- Em vốn ốm yếu, không kham nổi việc sinh sản, con thị nữ Phàn Anh khoẻ mạnh, vậy để nó thay em.

Nói đoạn cởi áo lót mình, mặc vào cho Phàn Anh rồi nhốt nó trong phòng. Giây lát nghe tiếng trẻ khóc, mở cửa ra coi, té ra con trai. Nàng mừng và bảo:

- Thằng con này có phúc tướng, chắc sau thành người khá to, nên đặt tên là *Đại Khí*.

Nàng ẵm con trao cho chàng đưa về căn nhà phía nam cho vú sữa nuôi. Từ khi nàng thoát nợ sinh sản, vóc vạc lại nhỏ thó như cũ và không ăn vật thực phẩm trần nữa. Bỗng từ biệt chàng để về thăm nhà. Hỏi bao giờ trở lại, nàng đáp là ba ngày. Lúc đi, lại có túi da tuôn mây rồi biến đi như bận trước.

Đến kì hẹn, không thấy nàng về. Hơn một năm bật luôn tin tức, chàng đã tuyệt vọng, bèn đóng cửa đọc sách, thi đậu cử nhân, song không chịu lấy vợ, mỗi đêm nằm ngủ một mình ở căn nhà phía bắc, tắm gội với hương thừa hầy còn phảng phất.

Đêm nọ, thao thức trên giường không ngủ, chợt thấy đèn lửa sáng trưng, rọi qua cửa sổ, rồi thì cửa giữa tự mở, bọn thị nữ xúm đỡ công chúa bước vào. Chàng mừng hết sức, vùng dậy chào hỏi và trách lỗi sai hẹn. Nàng nói:

- Em có sai hẹn đâu nào. Trên trời mới có hai ngày rưỡi đó thôi.

Chàng khoe khoang thi đậu, ý hãnh nàng mừng. Không dè nàng buồn rầu và nói:

- Ôi! Cái thứ danh vọng thoáng qua đó có nghĩa lí gì đâu. Chẳng qua làm tội người ta tổn thọ thì có. Ngờ đâu vắng mặt có ba bữa mà chàng đã vương phải tục lụy sâu thêm một lớp nữa rồi.

Chàng nghĩ lời vợ nói phải, cho nên từ đó không muốn học hành thi cử gì hơn nữa. Cách mấy tháng nàng lại đòi về thăm nhà. Chàng bịn rịn không muốn cho vợ đi, nhưng nàng năn nỉ bằng được:

- Chuyến này em trở về mau, không để cho chàng trông đợi như kì trước. Vả lại, đời người biệt li đều có định số, mình xem trọng quá thì thấy nó dài, mặc kệ nó thì thấy nó ngắn mà.

Nàng ra đi, hơn tháng trở lại. Từ đấy thành lệ một năm hay nửa năm, có đi một kì, chừng vài tháng lại về, chàng thấy sự thường, không lạ gì nữa.

Vợ chồng ăn ở với nhau, lại sinh hạ thêm đứa con trai. Nàng ẵm lên và nói:

- Thằng này sai lang, nên bỏ đi, chớ nuôi.

Nhưng chàng không nỡ lòng bỏ, cứ để lại nuôi, đặt tên là *Khả Khí*. Vừa mới đầy năm, nàng đã gấp tìm nơi hỏi vợ sẵn sàng cho nó. Các bà làm mai mách mối, tới lui liên liên. Nàng hỏi tuổi đứa con gái kĩ lưỡng, đứa nào cũng chê không hợp, than thở rằng:

- Ta có ý muốn mưu sẵn một cái chuồng sắt để nhốt thằng con hùm beo này, mà mưu không thành, âu cũng là số.

Đoạn, dặn dò chồng:

- Chàng nhớ bốn năm sau, Hài thị sinh đứa con gái, sườn bên tả có cái bướu nhỏ, chính là vợ của thằng *Khả Khí* đó. Chàng nên dạm hỏi cho nó, bắt chấp nhà gái sang hèn gì cả.

Nàng nói rồi, buộc chàng chép vào giấy tức thời cho khỏi quên. Sau đó nàng lại về thăm nhà. Bạn này đi luôn không trở lại nữa.

Chàng nhớ lời vợ căn dặn, thường cậy bạn thân đi hỏi, quả có Hài thị sinh ra đứa con gái mọc bướu cạnh sườn, nhưng Hài thị là người hèn hạ mà tính tình rất xấu, không ai thèm chơi với. Chàng mặc kệ, cứ việc cậy mối lái đi hỏi con gái Hài thị cho thằng *Khả Khí*.

Con trưởng là *Đại Khí* mười bảy tuổi thi đậu, cưới vợ họ *Vân*. Hai vợ chồng đều hiếu hạnh, chàng rất yêu chuộng. Còn *Khả Khí* càng ngày lớn lên, xem chừng không thích học, chỉ lén ăn cắp tiền nhà đi cờ bạc với bọn vô lại, dần dà lấy trộm cả đồ vật đem bán để trả nợ chơi bời. Cha giận đánh đòn nhiều trận, nhưng chứng nào vẫn giữ tật ấy không chừa. Thế rồi cả nhà bảo nhau đề phòng, không thể lấy gì được nữa, bèn đi đêm ăn trộm lật vật của người ta, bị chủ nhà bắt trói dẫn lên huyện. Quan huyện xem rõ tên họ, viết danh thiếp cho lính đưa trả về nhà, nhưng cha và anh cùng trói lại. Cha lại đánh suýt chết, anh phải lạy lục năn nỉ hộ, cha mới chịu tha.

Vì đó cha phần uất sinh bệnh, kém ăn, bèn làm tờ chia của cho hai con. Những nhà lâu, ruộng tốt đều về phần *Đại Khí*. Thấy vậy *Khả Khí* tức tối, nửa đêm xách dao vô buồng toan giết anh, nhưng chém lầm phải chị dâu. Nguyên trước công chúa có để lại chiếc áo cũ, nhẹ

và mềm nhuyễn, anh giữ làm áo ngủ, giờ Khả Khí chém vào áo này lửa, cháy lập lòe tứ tung làm hấn ta sợ hãi chạy mất.

Cha hay việc này, bệnh nặng thêm, mấy tháng sau thì mất. Khả Khí nghe tin cha qua đời mới mò về. Anh đối đãi tử tế, nhưng hấn ngày càng hư, chỉ hơn một năm, phá hết điền sản của cha chia cho, rồi làm đơn thừa anh tại quận. Quận thừa biết là người thế nào cho nên xé đơn đuổi về không xét. Tình nghĩa anh em thành ra đoạn tuyệt từ vụ đó.

Cách hơn năm sau, Khả Khí hai mươi ba tuổi. Hầu nữ mười lăm rồi, anh nhớ lời mẹ dặn dò, muốn gấp cưới vợ cho xong, liền kêu Khả Khí về nhường tòa nhà đẹp cho ở. Khi cưới vợ về nhà, anh lại đem bao nhiêu ruộng tốt cha để lại, toàn số giao cho và nói với em dâu rằng:

- Mấy đám ruộng này, bấy lâu anh cố sống cố chết giữ gìn hộ, ngày nay anh giao lại hết đó. Em tôi vốn mất nết, dù cho nó nhiều ít gì cũng đều như của bỏ. Từ đây về sau, nên hay là hư cốt ở nơi thím. Nếu chú nó biết sửa nết, chịu khó làm ăn, thì chả phải lo đói rét, không vậy thì anh đây cũng chịu phép không lấy gì mà lấp đầy cái vực sâu không đáy kia đây.

Hầu nữ tuy là con nhà hèn mọn, nhưng thông minh, có sắc. Khả Khí vừa yêu vừa sợ, nàng bảo gì cũng không dám trái ý. Đi đâu, hén giờ khắc mà về không đúng thì nàng nhieếc mắng, không thềm ngồi ăn uống chung.

Nhờ vậy, Khả Khí cũng chưa bớt lêu lổng ít nhiều. Hơn năm sau, sinh đứa con trai, Hầu nữ nói:

- Từ nay, chẳng cầu gì ai. Mấy đám ruộng tốt đó, ta lo cày cấy, mẹ con no ấm có thừa, bây giờ chẳng có chồng cũng chẳng cần.

Có hôm Khả Khí xúc trộm lúa đi bán để đánh bạc, vợ hay, cầm cung tên đứng chặn ở cửa để chống cự. Khả Khí sợ quá, lẩn trốn mất mặt. Chừng dòm thấy vợ vào trong nhà rồi, lại mon men trở vào, định lấy lúa cho bằng được. Không ngờ vợ xách dao rình sẵn. Khả Khí bỏ chạy, vợ rượt theo chém trúng hông, máu tuôn đầm ướt giày tất, liền đến mách với anh, nhưng anh mặc kệ, đành hổ thẹn ra đi.

Sáng hôm sau lại bò về, quỳ trước mặt chị dâu mà khóc lóc kêu ca, nhờ chị nói giùm để vợ cho về nhà. Vợ nhất định không

nghe. Khả Khí nổi xung định giết chết vợ. Anh cũng mặc kệ, không nói gì. Khả Khí càng phần, xách ngọn móc hầm hầm ra đi. Chị sững sốt, toan chạy theo ngăn lại, nhưng anh đưa mắt ra hiệu bảo đừng, chờ cho Khả Khí đi rồi, mới cắt nghĩa:

- Nó làm bộ tịch vậy đó, cho ăn kẹo cũng không dám vác mặt về.

Nói rồi, sai người theo dõi, thì Khả Khí đã bước vào trong nhà rồi. Bấy giờ anh mới đâm lo tính, chạy theo can gián cho kịp, chẳng dè đến nơi, thì Khả Khí đã cúi mặt nín thít đi ra. Té ra chàng vào nhà, vợ đang đùa giỡn với con, thoáng trông thấy, liền đặt con trên giường, vào bếp xách con dao bổ củi ra. Chàng hét hồn hét vía, kéo lê ngọn móc chạy mất. Vợ rượt theo tới ngoài cổng mới chịu lui.

Anh biết rõ sự tình như vậy, nhưng làm bộ như không biết, cố ý gạn hỏi đã đâm vợ chết rồi chưa. Khả Khí chỉ úp mặt vào tường mà khóc nức nở, hai mắt đỏ ngầu. Anh động lòng thương, tự dắt Khả Khí vào nhà, vợ mới chịu tiếp. Chờ anh đi rồi, phạt chàng quỳ dưới đất, buộc phải thề độc, bấy giờ mới lấy cơm đựng vào tô xấu cho ăn.

Từ đó chàng sửa nét làm lành, vợ lại chịu khó chăm nom công việc làm ăn, thành ra nhà được phong túc. Chàng chỉ có việc ngồi ăn sẵn mà thôi. Đến năm bảy mươi tuổi, con cháu đầy nhà, còn có lúc bị vợ nắm râu bạc và bắt quỳ.

8. NGƯỜI DẠY MA ĐỒN

(Truyện Hoạn Nương, quyển IX)

Ôn Như Xuân, con nhà dòng dõi ở đất Tần, từ nhỏ đã ham mê đồn kìm, ngày ngày gảy luôn, không từng xao lãng, dù đi đâu xa cũng vậy.

Có lần đi Sơn Tây chơi, qua một ngôi chùa cổ, buộc ngựa ngoài cổng, vô trong tạm nghỉ ngơi đỡ mệt. Vô thấy có vị đạo nhơn áo vải, ngồi xồm ở hành lang, gậy trúc dựng bên vách, cây đàn thì dựng trong cái túi may bằng thứ vải thêu bông. Ôn thấy đúng vào sở thích của mình, liền hỏi:

- Đạo sĩ cũng rành nghề chơi này ư?

Đạo sĩ đáp:

- Cũng chẳng rành chi, có điều mong gặp tay nào rành để học thêm đó thôi.

Vừa nói vừa mở túi lấy đèn trao cho Ôn xem.

Chàng thấy cây đèn có vân tuyệt đẹp, thử gảy một vài tiếng, nghe trong âm dị thường, nổi hứng gảy luôn một khúc ngân ngẩn. Đạo sĩ mỉm cười hình như chưa cho là nghe được. Ôn hết sức trở tài, gảy một khúc. Đạo sĩ nhếch mép nói:

- Cũng khá đó! Cũng khá đó! Nhưng chưa đủ làm thầy ta được.

Chàng nghe nói khoe khoang, bèn xin đạo sĩ thử đèn cho nghe. Đạo sĩ tiếp lấy đèn, để trên đầu gối vừa mới rung động dây tơ, đã nghe có gió mát tự đến; giây lát thì cả trăm thứ chim bay tới đậu kín trên cây trước sân chùa. Chàng kính phục quá, vội vàng lạy xin thọ nghiệp.

Đạo sĩ đèn luôn ba đạo, chàng định thần lắng tai dần dà hiểu được nhịp nhàng. Đạo sĩ bảo chàng thử gảy lại, chỗ nào còn sai thì nắn sửa cho, rồi nói:

- Như vậy trần gian này không có ai bằng rồi đó.

Từ hôm đó trở đi, chàng ra sức nghiên ngẫm tập dượt mãi, thành ra coi tài đèn tuyệt hay.

Sau trở về Tần; còn cách nhà mấy chục dặm đường thì trời tối, lại mưa dữ dội không biết nghỉ chân vào đâu. Nhìn quanh bên đường có một xóm nhỏ, liền rào bước tới, không kịp hỏi han chọn lựa gì cả, thấy một cửa ngõ, xăm xăm bước vào, lên nhà giữa, vắng tanh như không có người nào.

Giây lát, một thiếu nữ ở trong đi ra, người độ mười bảy, mười tám tuổi, đẹp như thần tiên. Chợt trông thấy khách lạ sững sốt chạy thụt vô. Lúc đó chàng chưa có vợ, cho nên thấy nàng bất phải động tình thềm muốn đáo ễ.

Đến một bà lão bước ra hỏi khách là ai. Chàng xưng tên họ và xin cho ngủ đở một đêm. Bà lão nói sự ngủ đở không hề gì, chỉ phiền nổi trong nhà ít giường trống để mời khách nằm nghỉ, vậy phải lót rom trên mặt đất nằm đở thì được.

Bà nói đoạn, vô trong thấp đèn bùng ra, trái cỏ khô trên đất cho khách nằm; sự tiếp đãi của bà xem ra niềm nở, chàng liền hỏi họ tên. Bà trả lời:

- Lão họ Tiêu.
- Còn cô em tôi thấy hỏi này là ai?
- Nó là Hoạn Nương, con nuôi của lão đó.
- Nếu cụ không chê tôi nghèo hèn, tôi cậy mối lái đến xin cô em, có được chăng?

Bà cụ nhăn mặt và nói:

- Điều đó thì không vâng mệnh được.

Chàng hỏi vặn tại có gì, bà chỉ lắc đầu và đáp:

- Khó nói.

Câu chuyện tới đó chấm dứt bà vào nhà trong để cho khách tự do nằm nghỉ ngơi.

Nhưng chàng xem cỏ ứt và mục, không thể nằm được bèn ngồi gảy đàn tiêu khiến cho qua đêm dài. Chừng mưa tạnh, chàng từ giã ra về.

Trong làng có quan Lang Trung đã hưu trí là Cát Công rất ưa văn sĩ, Nhon đó, Ôn tìm tới chơi. Cát Công bảo gảy đàn cho vui. Lúc chàng gảy đàn, bên trong bức màn thấp thoáng có bóng đàn bà con gái đứng rình nghe. Bỗng cơn gió thổi mạnh, làm cho bức tranh hé ra, chàng đưa mắt thấy một thiếu nữ, nhan sắc tuyệt vời. Ấy là con gái chủ nhân, tên là Lương Công, giỏi văn chương từ phú và nổi tiếng tiên nữ trong vùng này.

Chàng động lòng, về bàn tính với mẹ, cậy người đến dạm hỏi. Nhưng Cát Công chê nhà họ Ôn đã sa sút, không chịu gả.

Từ khi Lương Công nghe Ôn gảy đàn, lòng hằng hâm mộ, chỉ mong lại được nghe nữa. Song chàng vì chuyện dạm hỏi bất thành, buồn tình phần chí, không thêm lui tới nhà Cát Công như trước.

Một hôm, nàng ra vườn chơi, lượm được tờ hoa tiên cũ, trên giấy viết bài từ *Tiểu xuân thừa*; nàng thích văn hay, ngâm đi đọc lại

ba bốn lần, rồi đem vào buồng riêng, lấy giấy nền gấm ra, chép thành bản khác đàn hoàng và để trên án.

Lạ thay, một lát nàng tìm không thấy đâu cả, thầm nghĩ là gió đánh bay đi. Giữa lúc đó Cát Công đi ngang qua phòng nàng, lượm được, định chắc là của Lương Công làm, có ý ghét lời lẽ lằng lờ, bèn đốt đi mà không nỡ nói ra, chỉ muốn mau mau gả nàng đi lấy chồng cho rảnh.

Vừa vặn có con quan Lưu Phương Bá ở làng cạnh đến dạm, trong bụng Cát Công rất ưng, song muốn được thấy người rồi sẽ quyết định. Lưu công tử diện cực sang trọng đến ra mắt. Cát Công thấy dáng dấp đẹp trai, lấy làm vui lòng, bày tiệc thết đãi tử tế. Khi công tử đứng lên từ giã, thấy chỗ ngồi bỏ rơi một chiếc giày con gái, Cát Công ghét là người ăn chơi điếm đàn, liền kêu mỗi lái đến nói rõ cho biết ý mình không chịu gả là tại có lẽ nào. Công tử hết sức biện bạch nỗi oan, nhưng Cát Công chẳng nghe, rồi nhất định cự tuyệt.

Nhà Cát vốn có hoa cúc xanh, bấy lâu giữ không truyền cho ai. Lương Công đem trồng một chậu cúc lạ ấy trong phòng riêng mình.

Quái lạ, vườn cúc ở sân nhà Ôn Sinh bỗng dưng nảy ra một, hai giò biến ra màu xanh. Mọi người nghe sự lạ, đua nhau tới nhà chàng thưởng ngoạn. Chàng cũng coi như của báu. Sáng hôm sau ra xem vườn hoa, lượm được bên luống hoa một tờ giấy viết bài từ *Tiểu xuân thừa*; chàng đọc đi đọc lại, không biết từ đâu đến, chỉ thấy trong đó có chữ *xuân* chính là tên mình, càng lấy làm lạ, đem về bàn học, ra công tô điểm và phê bình, lời lẽ có vẻ sỗ sàng và tục tĩu.

Nhằm lúc Cát Công nghe nói cúc nhà họ Ôn biến ra màu xanh, có ý kinh ngạc, thân hành đến thư trai của chàng xem, sẵn dịp trông thấy bài từ, liền cầm lên toan đọc. Chàng nghĩ những lời phê bình tục tĩu, không muốn để ông xem, bèn giăng lại mà vò nát ra. Cát Công chỉ kịp trong thấy một hai câu, thì chính là bài từ mà ông lượm được ở cửa buồng con gái hôm nọ, trong bụng đâm ngờ lạ lùng. Cả đến giống cúc xanh, ông cũng ngờ chính Lương Công đem tặng cho Ôn, không thì Ôn làm gì có.

Về nhà, ông kể chuyện với phu nhon, bảo tra hỏi Lương Công. Nàng oan uổng khóc lóc muốn chết, mà việc chẳng có gì làm chứng cứ, cho nên không biết sự thực ở đâu. Phu nhon sợ tai tiếng bèn bàn

tính với Cát Công nên gả con gái cho Ôn là xong chuyện. Cát Công cho là phải, bắn tin cho Ôn hay.

Ôn mừng vô kể, nội ngày hôm đó mời khách đến nhà dự tiệc cức xanh, rồi đốt nhang thơm ngồi gảy đàn cho tới đêm khuya mới thôi. Lúc chàng về ngủ rồi, tên tiểu đồng ở coi nhà học, nghe đàn tự nhiên gảy kêu tình tang: ban đầu còn nghĩ là bọn tôi tớ đùa giỡn, sau nhận rõ không phải là người bèn chạy vô nói cho chàng hay.

Chàng liền đến nhà học, quả thấy sự lạ như thế có điều là tiếng đàn còn sống sượng, làm như cố bắt chước mình nhưng chưa thành công vậy. Lập tức thắp đèn xông vào, thì nhà học vắng tanh không thấy ai cả. Chàng ôm đàn đi, thì suốt đêm yên lặng. Bảy giờ mới nghĩ là chồn tinh. Chàng biết chắc nó muốn học đàn nơi mình cho nên mỗi tối gảy một khúc, rồi để đàn lại đó, cho tha hồ tập dượt, làm như mình làm thầy đàn vậy.

Đêm đêm chàng lén rình nghe. Qua sáu, bảy đêm, đã gảy thành khúc réo rất dễ nghe.

Sau khi cưới vợ, cùng nhau kể bài từ bỏ rơi hôm nọ, hai vợ chồng mới biết rằng cuộc nhơn duyên gốc gác từ đó, nhưng còn tại sao lại bay tới nhà Ôn thì nghĩ mãi không hiểu.

Lương Công cũng đến rình nghe đàn rồi nói.

- Không phải chồn đâu. Nghe âm điệu ai oán não nùng, như có ma ở trong vậy, chắc là ma.

Ôn không tin, Lương Công nói ở nhà mình có tấm kiếng rất xưa, có thể soi rõ ma quỷ. Hôm sau nài người về nhà lấy kiếng đem tới, rình lúc tiếng đàn trỗi lên; thì tức tốc chạy vô, đưa kiếng ra soi và thắp đèn xem, quả có người con gái, đang lúng túng hốt hoảng ở góc nhà, không trốn đi đâu được nữa.

Chàng nhìn kĩ, té ra Hoạn Nương họ Triệu mình đã trông thấy hồi xưa, cả kinh và gạn hỏi nàng tại sao ẩn núp nơi đây. Nàng tuôn nước mắt và nói:

- Tôi làm mai cho anh chị nên vợ chồng, đối với anh chị, như thế chẳng phải là không có chút công lao, nữ nào bức nhau quá vậy?

Ôn bảo vợ cất kiếng đi, giao hẹn Hoạn Nương đừng biến mới được. Nàng ưng thuận. Lương Công bỏ kiếng vào túi Hoạn Nương, ngồi xa và nói:

- Em là con quan Thái thú, qua đời một trăm năm nay rồi. Lúc bé, em ưa đèn kìm đèn tranh. Riêng về đèn tranh đã tập được ít nhiều, duy có đèn kìm thì chưa được truyền nghề chánh tông, dưới tuổi vàng vẫn còn ám ức không thôi. Lúc anh tránh mưa, ghé vào trọ nhà em, mà em trộm nghe được điệu đèn, lòng rất mê hâm mộ. Chỉ tiếc mình đã là ma, không thể hầu hạ khăn áo cho anh đặt, bèn ngầm xe duyên làm mối cho anh lấy một người vợ tài cao sắc đẹp, hầu báo đền chút tình đoái thương của anh. Nay, chiếc giày Lưu công tử bỏ rơi; này, bài từ *Tiểu xuân thừa* bay đến, toàn thị em làm ra đó. Sự báo ơn thầy học đến thế, chẳng phải là không tốn công mệt trí vậy.

Vợ chồng Ôn cùng bái tạ. Hoạn Nương nói tiếp:

- Ngón đèn của anh, em đã luyện được quá nửa rồi, nhưng chưa lột hết tinh thần, vậy phiền anh gảy một lần nữa cho em bắt chước.

Chàng y lời; vừa gảy vừa chỉ bảo phương pháp. Hoạn Nương mừng lắm, nói:

- Em đã nhận hết được chỗ hay rồi.

Liên đứng dậy từ biệt đi.

Lương Công vốn thiện đèn tranh, nghe Hoạn Nương mới nói cũng sở trường, bèn xin nàng gảy cho nghe. Hoạn Nương vâng ngay, thật quả âm điệu du dương, cõi trần không có ai sánh kịp. Lương Công trầm trồ khen ngợi không ngớt, hơn dịp xin nàng chỉ bảo cho. Nàng lấy bút vẽ bản đèn tranh mười tám chương, xong lại đứng dậy cáo biệt. Cả hai vợ chồng cùng ráng cầm giữ ở lại, Hoạn Nương nói với giọng buồn thảm:

- Anh chị kết duyên cầm sắt, tức là bạn tri âm của nhau. Em là con người bạc phận, đâu có được hưởng cái phúc đó. Nếu trời có duyên gặp gỡ, thì kiếp sau sẽ được sum hiệp họa chăng.

Nói đoạn lấy ra một cuộn giấy trao cho Ôn và nói:

- Đây là bức hình của em, nếu anh chị không quên bà mai thì nên treo ở buồng nằm, khi nào khoái ý, đốt bình nhang thơm, gảy một khúc đàn tặc là được hưởng đó.

Nói xong, bước ra cửa biến mất.

9. MỔ TIM ĐỔI MẶT

(Truyện Lục Phán Quan, quyển I)

*Đổi cả tâm can, lẫn mặt mày
Tài như tạo hóa, đáng khen thay!
Lăng Dương miếu ấy nay đâu tá!
Ta muốn cùng ông kết bạn say.*

VƯƠNG NGƯ DƯƠNG

Châu Nhi Đán, người quận Lăng Dương, tên chữ là Tiểu Minh, tánh vốn hào phóng, nhưng thông minh hơi kém, cho nên học tuy siêng năng, mà chưa được nổi tiếng.

Một hôm, anh em làng văn họp nhau uống rượu, đông đủ, có người đùa bỡn Châu:

- Anh vẫn có tiếng rất hào, vậy tôi đổ anh đêm khuya dám tới đền thờ Thập Vương, cũng được ông Phán Quan ở đây bên trái về đây, chúng tôi xin mời anh một tiệc rượu cực to.

Nguyên ở Lăng Dương có đền thờ Thập Vương, các vị quỉ thần đều tạc tượng bằng gỗ, tô điểm trang sức y như người sống. Chái đông có pho tượng ông Phán Quan đứng, mặt xanh râu đỏ, diện mạo hung dữ nhất. Thường đêm nghe hai bên hành lang có những tiếng đánh khảo tra tấn, ai vào cũng phát sợ, dựng cả tóc gáy. Vì thế, mọi người muốn lấy chuyện khó khăn thách đố Châu.

Châu mỉm cười, đứng dậy đi liền.

Không bao lâu, ngoài cửa có tiếng gọi lớn:

- Tôi thỉnh được ông tôn sư râu đỏ về đây rồi!

Ai nấy cùng đứng phắt lên, sừng sốt. Liền đó. Châu công ông Phán Quan vô trong nhà, đặt ngồi trên ghế, nâng chén rượu kính mời ba lần. Chúng bạn run sợ ngồi không yên, xin Châu công ngài trả về đền.

Châu lại lấy rượu tưới xuống đất mà khấn rằng:

- Môn sanh thô kệch vô lễ, xin đại tôn sư lượng thứ cho. Nhà tôi ở cách đây không xa, lúc nào tôn sư cao hứng, xin cứ đến nhà tôi chơi, đừng e ngại gì hết.

Khấn xong ghé vai công Phán Quan về miếu Thập Vương.

Qua ngày hôm sau, chúng bạn y ước, đặt tiệc mời Châu.

Tối chiều tối, Châu giờ say về nhà hãy còn hứng rượu, bèn khêu đèn lên ngồi uống một mình. Chợt có người vén màn bước vô, nhìn kĩ, chính là Phán Quan. Châu choàng dậy, hốt hoảng nói:

- Trời ôi! Chắc tôi chết đến nơi rồi. Bữa qua tôi vô lễ với tôn sư, hôm nay ngài đến xử tội búa rìu đây chứ gì?

Phán Quan vênh hàm râu rậm, mỉm cười và nói:

- Hôm qua ông có lòng tốt hẹn hò. Bữa nay tôi rảnh việc, cốt đến y hẹn của người bạn hiền đó thôi.

Châu mừng lắm, kéo áo mời ngồi, rồi tự đi rửa chén, nhen lửa. Phán Quan gạt đi:

- Bữa nay khí trời ẩm áp, chúng ta có thể uống rượu lạnh cũng được, không phải hâm nóng làm chi.

Châu vâng lời, để hũ rượu trên bàn, rồi chạy vô nhà trong, hỏi gia nhân dọn đồ nhắm. Vợ nghe kinh hãi, khuyên chồng đừng ra. Châu không nghe, đứng chờ dọn vật thực ra, cùng khách chén tạc chén thù một chặp, mới hỏi thăm tên họ. Phán Quan nói:

- Tôi họ Lục, không có tên chữ gì cả.

Bàn luận cổ điển, hỏi đâu Lục nói đó, ứng đối trôi chảy. Châu hỏi:

- Ông có sành lối văn thi cử không?

- Chỗ hay dở, tôi cũng biết ít nhiều. Cõi âm học hành gần như dương thế.

Lục uống rất hào, một hơi cạn mười chung lớn. Châu đã uống suốt ban ngày, giờ lại uống thêm nữa, bất giác say mềm, gục xuống bàn ngủ kĩ. Chừng tỉnh giấc thì đèn tàn leo lét, ông khách ma đã đi hồi nào rồi.

Từ bữa đó trở đi, hai ba ngày ông lại tới một lần, tình càng ngày càng thân mật. Có khi gác chân lên nhau nằm ngủ là thường.

Châu đưa văn bài ra, Lục cầm bút son ngoặc đỏ, chê là không hay.

Một hôm, chàng uống quá say, vật mình ngủ trước, mặc kệ Lục ngồi chén một mình.

Trong cơn say sưa mơ màng, bỗng thấy ruột gan hơi đau, liền tỉnh dậy mở mắt ra nhìn thấy Lục ngồi chồm hồm bên giường mổ bụng chàng moi ruột xếp đặt từng món. Chàng hoảng sợ nói:

- Vốn không thù oán gì nhau, cứ sao tự nhiên ông giết tôi?

Lục cười:

- Đừng sợ gì hết. Tôi đổi giùm ông trái tim sáng suốt đây mà!

Nói đoạn, thung dung xếp gan ruột Châu vào, vá thịt cho liền lại, lấy vải rịt bó quanh bụng.

Công việc xong xả, nhìn lại trên giường không có vết máu, chỗ bụng nghe hơi tê. Thấy Lục để cục thịt trên bàn, Châu hỏi là vật gì? Lục đáp:

- Trái tim của ông đó. Tôi thấy ông làm văn không hay, là tại vật này bế tắc. Mới đây tôi chọn lựa dưới âm, trong đám trăm ngàn, mới vớ được trái tim này tốt, đem về thay đổi hộ ông. Còn cái cũ này sẽ đưa về âm, để châm vô chỗ khuyết đó.

Đoạn, Lục đứng dậy khép cửa đi ra.

Sáng ngày, Châu tháo vải rịt ra xem, thì nơi mổ đã liền, chỉ thấy một vết đỏ còn lại.

Từ đó, văn chương tấn tới lạ thường, đọc sách chỉ qua mắt là nhớ. Giờ lại đưa văn bài cho Lục xem, Lục nói:

- Được lắm. Có điều ông bạc phước, không thể đậu cao làm to được đâu, chỉ đậu thi Hương mà thôi.

- Thế bao giờ tôi mới đậu?
- Năm nay tất đậu thủ khoa.

Cách không mấy tháng, quả nhiên Châu thi đỗ đầu bảng Hiếu Liêm (cử nhơn). Thường ngày, các bạn đồng học vẫn chê cười Châu, nay xem quyền thi, ngó nhau lấy làm quái lạ. Hỏi kĩ mới biết nguyên do, ai nấy cũng năn nỉ Châu giới thiệu trước, nguyện kết giao với Lục.

Lục nhận lời.

Mọi người đặt tiệc rượu lớn để chờ, đầu canh một, Lục đến, hàm râu đỏ rung động, hai mắt sáng quắc như điện. Chúng bạn sợ mất máu mặt, hai hàm răng đánh nhau lộp bộp, dần dà lảng đi hết. Châu bèn dẫn Lục về nhà mình uống rượu tay đôi.

Khi đã ngà ngà, Châu nói:

- Nhờ ông rửa ruột thay tim, tôi mang ơn đã nhiều. Còn có một việc, ý muốn phiền ông, không biết có được chăng?

Lục bằng lòng giúp ngay. Châu nói thiệt:

- Tim ruột đã có thể thay, thì mặt mũi hăn cũng đổi được. Không nói giấu ông, vợ tôi là người cùng tôi kết tóc xe tơ từ thuở tám mần, chẳng đến nỗi tệ lậu, duy có mặt mày thì không được đẹp. Tôi muốn phiền ông ra tay dao kéo, ông nghĩ thế nào?

Lục cười và xin vâng, hẹn để thông thả sẽ tính.

Qua mấy bữa sau, đang đêm Lục tới gõ cửa, Châu vội vàng mở cửa mời vô. Thắp đèn lên, trông thấy Lục ôm theo một bọc. Hỏi là vật gì, Lục nói:

- Việc ông ủy thác hôm nọ, sự chọn lựa nhiều bề khó khăn. Tới nay mới kiếm được một đầu của mã nhơn, đem tới để thay đổi cho bà cử nhà ông đây.

Châu vạch gói ra xem, máu me ở cổ hầy còn đầm ướt. Lục hối thúc vô làm việc ngay, chớ để gà chó đánh hơi làm rộn. Châu e cửa buồng vợ ban đêm gài chặt, nhưng đến nơi, khẽ ấn tay, cửa tự dung mở ra. Vô buồng, thấy vợ Châu nằm nghiêng, một bên đang ngủ. Lục trao cái đầu Châu ôm giữ, rồi móc ra một lưỡi dao lá mía sáng

choang, chặn tay trên cổ phu nhân mà cắt, dùng sức nhẹ nhàng như xẻ trái dưa, buông tay là đầu lìa khỏi mình, rơi nằm bên gối.

Lục mau mau lấy cái đầu ở tay Châu mà ráp vào cổ phu nhân; ngấm nghĩa ngay ngấn rồi mới thoa miết chung quanh cho liền.

Đoạn, kéo gối kê đỡ bên vai. Còn chiếc đầu cũ thì sai Châu đem chôn vào một chỗ nào kín đáo. Xong việc, ra đi.

Sáng ngày, bà vợ Châu thức dậy, nghe nơi cổ hơi ngứa, sờ tay thấy có dính máu đặc, hết sức kinh hoảng, gọi con ở buồng chậu nước rửa mặt vô.

Con này trông thấy mặt mũi bà chủ máu me nhễ nhại, sợ hãi vô cùng. Bà rửa mặt, chậu nước đỏ ngầu. Chừng ngẩng đầu lên thì mặt mày bà chủ lạ hoắc, con ở lại càng sợ hơn nữa. Bà lấy gương soi mặt sững sốt không hiểu ra sao. Lúc đó, Châu vô kể chuyện đầu đuôi cho phu nhân biết; nhân dịp đứng nhìn đi ngó lại thấy sắc mặt mỹ miều, nụ cười tươi đẹp, y như người trong bức tranh vậy.

Lật cổ ra xem, thấy có một vành đỏ, mà sắc thịt trên dưới khác hẳn nhau.

Nguyên trước, quan Thị ngự họ Ngô có người con gái cực đẹp, chưa cưới mà đã chết hai đời chồng, cho nên 19 tuổi vẫn chưa thành gia thất. Hôm lễ Thượng nguyên (rằm tháng giêng) đi xem điện Thập Vương; khách du đông đảo và đủ các hạng người. Trong đó có một tên vô lại, dòm thấy sắc nàng đẹp mà thèm thuồng, bèn hỏi dò nhà cửa làng xóm, đêm khuya bắc thang leo vào, đào khoét cửa buồng, đâm chết một con tì nữ ngay dưới chân giường, rồi bắt nàng hiếp dâm. Nàng chống cự, la lớn. Nó nổi giận, cũng chém đầu nàng chết nốt.

Ngô phu nhân nghe tiếng huyền náo, kêu gia nhân vô xem thử chuyện chi. Người này vô, trông thấy tử thi sợ hoảng la lên. Cả nhà cùng thức dậy, xúm nhau khiêng xác tiểu thơ đặt ở nhà giữa, ráp cái đầu nàng bên cổ. Ai nấy đều gào khóc vang nhà, suốt đêm chộn rộn.

Sáng ngày, mở mền ra xem cái mình còn đó cái đầu mất. Phu nhân đánh người ở, con hầu khắp lượt, đổ tại chúng canh giữ lơ đễnh, để chó tha đi.

Thị ngự lên quận thừa. Quận nghiêm sức hện kì phải nã tróc cho được tội nhân. Trái ba tháng mà tội nhân ở đâu vẫn chưa bắt được.

Dần dà, chuyện lạ thay đầu ở nhà họ Châu đến tai Ngô Công.

Ngô sanh nghi, thoát tiên sai mấy mục giả đến tận nhà Châu dò thám. Họ vào thấy mặt vợ Châu kinh hồn hoảng vía, lập tức chạy về báo tin cho Ngô Công hay.

Ngô nửa lạ nửa ngờ, chẳng biết quyết định lẽ nào, chỉ đoán rằng Châu dùng thuật phù thủy giết chết con mình. Ông đến gạn hỏi Châu. Châu nói:

- Vợ tôi nằm mộng thấy thay đầu, không hiểu gì?

Nếu bảo tôi ghét con gái ông, thì oan cho tôi lắm.

Ngô không tin, kiện. Quận sai bắt cả người nhà Châu lên tra hỏi. Ai nấy cùng khai y như lời Châu, đến nỗi Quận cũng không thể quyết đoán lẽ nào.

Châu ở quận về, mời Lục đến hỏi mưu kế, Lục nói:

- Chẳng có gì khó. Để tôi khiến con gái họ tự nói ra là xong.

Đêm đó, Ngô mộng thấy hồn con gái về nói:

- Con bị tên Dương Đại Niên ở Tô Khê giết, chứ không dự chi tới ông cử họ Châu. Chẳng qua ông thấy mặt vợ mình không ngộ, cho nên Lục Phán Quan lấy đầu con mà thay vào. Thế là thân con tuy chết mà đầu vẫn còn sống vậy. Xin cha đừng oán thù kiện cáo người ta.

Ngô tỉnh dậy, kể chuyện nằm mộng cho phu nhân nghe, thì ra chính phu nhân cũng mộng đúng như thế. Tức thời Ngô lên quận bày tỏ. Quận xét hỏi, quả có tên Dương Đại Niên bắt về công đường tra tấn, nó chịu tội ngay.

Bảy giờ Ngô lại đến nhà Châu, xin cho giáp mặt bà cử. Từ đó ông nhận Châu làm rể, lại xin cái đầu cũ của vợ Châu đem về, ráp vô mình con gái mà chôn cất tử tế.

Châu ba lần đi thi Hội đều bị đánh hỏng, vì phạm nhầm luật cấm. Bảy giờ mới nguôi lòng mong mỗi đậu cao làm quan. Như thế trái ba chục năm.

Một đêm Lục đến bảo Châu.

- Số ông chẳng thọ lâu được nữa!

- Vậy ngày nào tôi chết?

- Còn năm ngày nữa thôi.

- Có cứu nhau được không?

- Đó là mạng trời đã định, sức người cứu làm sao được? Vả lại, cứ lấy cái trí con người thấu hiểu lẽ đời mà nói, thì sống chết cũng thế mà thôi, hà tất lấy sống làm vui sướng, chết làm bi thương chứ?

Châu nghe phải lẽ, liền sấm sửa, quan quách và đồ liệm. Khi đâu đó xong xuôi, mặc y phục tràng hoàng, lên giường nằm chết.

Ngày hôm sau, phu nhơn đang khóc bên quan tài, bỗng thấy Châu ở ngoài lững thững đi vào. Phu nhơn cả sợ. Châu nói:

- Thật tôi là ma đây, nhưng không khác chi hồi sống, chỉ vì lo ngại cảnh nhà mẹ góa con cô, cho nên bịn rịn không sao đi được.

Phu nhơn nghe khóc sụt mướt lệ tràn xuống tới ngực, Châu đứng bên khuyên lơn yên ủi mãi. Phu nhơn hỏi:

- Cổ nhơn có thuyết hoàn hồn. Ông sống khôn thác thiêng, sao không hoàn hồn sống lại, ở với vợ con?

Châu đáp:

- Số trời không thể nào cãi được.

- Bây giờ ông xuống âm phủ được làm chức gì?

- Lục Phán Quan tiền cử tôi trông nom việc án tử, có chức phận thành ra không phải khổ sở.

Phu nhơn muốn hỏi thêm ba điều bốn chuyện nữa, nhưng Châu chận lại:

- Lục Công cùng đến với tôi, bà đi lo dọn rượu ra đây!

Nói đoạn, rào bước đi ra. Phu nhơn y lời, dọn cơm rượu đãi khách, nghe nhà trên có tiếng ăn uống vui cười, chuyện vãn, y như thường ngày. Nửa đêm dòm xem thì đã biến mất.

Từ đó, cách vài ba ngày, Châu về nhà một lần. Có hôm ngủ lại để xem xét công việc trong nhà. Đứa con trai tên Vĩ, mới năm tuổi, lần nào Châu về cũng bỗng bể nựng nịu. Đến năm Vĩ bảy, tám tuổi, thì mỗi

đêm Châu dạy con học. Nó cũng sáng dạ, lên chín biết làm văn; mười lăm tuổi học trường quận, chẳng khi nào nó tưởng mình là mồ côi cha.

Nhưng về sau càng ngày càng thưa về; hàng tháng mới đến một lần thôi.

Một đêm, Châu về nói với phu nhân:

- Từ nay tôi cùng khanh vĩnh quyết.

- Vậy ông đi đâu?

- Tôi vâng lệnh Thượng đế, làm chức Thái Hoa Khanh, nay sắp sửa đến chỗ nhậm chức. Việc bận đường xa, cho nên không đi về như trước được.

Mẹ con ôm lấy Châu khóc lóc.

Châu nói:

- Chớ có làm như vậy. Con đã trưởng thành, nghiệp nhà có thể nuôi sống. Há có đôi loan phụng nào trăm năm không phải chia lìa được ư?

Đoạn, day lại bảo con:

- Cố gắng làm cho nên người, con nhé! Đừng để hư hỏng sự nghiệp của cha. Mười năm sau, cha sẽ gặp con.

Nói xong ra cửa đi thẳng.

Từ đó tuyệt tích.

Sau Vĩ hai mươi lăm tuổi, thi đậu Tấn sĩ, được bổ chức quan Hành nhân, phụng mạng đi tế núi Tây Nhạc đường qua Hoa Âm, chợt thấy một đám cò quạt lính tráng đông đảo. Vĩ lấy làm lạ, nhìn kĩ vị quan ngồi trong xe, thì chính là cha.

Vĩ xuống ngựa, quì bên đường, Châu dừng xe lại nói:

- Con làm quan có tiếng tăm tốt, thế là cha có thể nhắm mắt rồi.

Vĩ quì mọp không dậy. Châu thúc xe đi mau, không ngoái trở lại.

Đi mấy bước. Châu mới ngảnh mặt nhìn, cỡi thanh gươm báu trong mình, sai lính đem lại cho con và nói rằng:

- Mang thanh bửu đao đó thì được quý hiển, con ạ!

Vĩ muốn chạy theo, nhưng thấy ngựa xe quân lính vùn vụt như bay, chớp mắt không thấy đâu nữa. Tầm tức giây lâu, cầm đao xem kĩ,

thấy chế tạo cực khéo, trên có khắc hàng chữ: *Mật muốn to tâm muốn nhỏ, óc muốn tròn mà tâm muốn vuông.*

Về sau, Vĩ làm quan đến chức Tư Mã, sinh năm con là Trầm, Tiềm, Vật, Hồn và Thâm. Một đêm mộng cha về nói rằng:

- Bửu đao cha cho con bấy lâu, con nên cho lại thằng Hồn.

Vĩ nghe lời. Sau Hồn làm tới chức Tổng hiến, có tiếng chính sự giỏi giang.

10. ĐÀO MÃ LẤY VỢ

(Truyện Ngũ Thu Nguyệt, quyển VIII)

Vương Đình, tự là Tiên Hồ người quận Tân Bưu, tánh khảng khái, có sức khỏe, giao du lại rộng, hồi mười tám tuổi cưới vợ được ít ngày thì vợ chết, đâm ra buồn tình, thường bỏ nhà đi chơi xa, hàng năm chưa về một lần.

Người anh tên là Nại, nổi tiếng học giỏi ở vùng Giang Bắc, rất yêu mến em, thường khuyên em đừng đi chơi nữa, để cưới vợ khác cho. Nhưng Đình không nghe, lại thuê ghe đi Trấn Giang, tìm bạn chơi.

Bạn đi vắng xa, chàng bèn mượn phòng trọ ở trên gác một lữ quán ngó ra thấy nước sông dợn sóng, non xanh trước mắt, lấy làm vừa lòng thích ý.

Khi bạn trở về, rủ chàng dọn đến nhà mình cho vui, chàng từ chối. Trọ ở đây hơn nửa tháng, đêm nằm chiêm bao thấy một cô mười bốn, mười lăm tuổi, xinh đẹp đoan trang, trèo lên giường giao hoan với mình. Tỉnh dậy thì đã di tinh, trong lòng lấy làm lạ, nhưng chỉ cho là một sự ngẫu nhiên.

Đêm sau lại chiêm bao như thế, đến ba bốn đêm liền, bấy giờ mới phát sợ, lúc ngủ không dám tắt đèn, tuy nằm ngủ mà lòng vẫn hồi hộp. Vừa chợp mắt đã thấy nàng đến, đang giao hoan thì chợt tỉnh ngộ, liền mở mắt nhìn, té ra nàng đẹp như tiên, rõ ràng mình đang ôm ấp trong lòng.

Nàng thấy chàng tỉnh, có vẻ hồ thẹn.

Về phần chàng, tuy biết rõ nàng chẳng phải người nhưng trong ý rất tự đắc, cho nên cứ tiếp tục cuộc mây mưa. Nàng hình như không chịu nổi, phải nói:

- Hung dữ đến thế, chẳng trách người ta không dám bảo rõ cho biết.

Bấy giờ, chàng tạm ngừng để gạn hỏi gốc tích. Nàng đáp:

- Em tên là Thu Nguyệt, họ Ngũ, ông thân vốn bậc danh nho, lại tinh thông dịch lí, rất yêu chuộng em, nhưng người nói rằng em không thọ, cho nên chẳng nhận lời hứa gả cho ai. Đến năm mười lăm tuổi, quả thật em chết non, cha em sai đào đất chôn ở phía đông nhà gác này. San bằng mặt đất, chứ không đắp nấm mồ, cũng không dựng mộ bia, chỉ đặt một phiến đá bên cạnh quan tài, có khắc mười hai chữ thế này. *Gái Thu Nguyệt, chôn không mồ, ba chục năm lấy Vương Đình*. Tính lại, nay đúng ba chục năm thì chàng vừa tới ở trọ nhà này, lòng em mừng quá, muốn hiện hình để tự hiến, nhưng còn tất dạ thẹn thùng, cho nên phải mượn giấc mộng寐 đó.

Vương Đình nghe cũng mừng, lại đòi tiếp cuộc mây mưa còn bỏ dở, nhưng nàng gạt đi:

- Em thật phải cần có khí dương đầy, cho được phục sinh, nhưng không chịu được trận gió mưa ngán đó. Nay mai chúng ta được sum hiệp, sẽ tha hồ cho chàng làm sao tùy ý, hà tất ép nhau đêm nay.

Nói đoạn trời dậy đi liền.

Hôm sau lại đến, trước đèn cười nói, vui vẻ như đã quen nhau thân mật từ những đời nào. Khi tắt đèn lên giường, giao hoan không khác gì người sống...

Một đêm, trăng sáng vàng vạc, hai người đi bách bộ ngoài sân. Vương hỏi nàng:

- Dưới âm ti có thành quách gì không?

- Cũng như ở trần gian, nàng đáp. Nhưng thành trì dinh thự dưới âm không phải ở đây, mà ở cách đây chừng ba bốn dặm, và lấy đêm làm ngày.

- Người sống có thể xuống xem và trông thấy được không?

- Được lắm chứ!

Chàng yêu cầu nàng đưa đi xem âm phủ. Nàng ưng liền, thừa lúc trăng sáng, hai người dắt nhau đi. Có điều nàng đi vùn vụt như gió, chàng theo đuổi gần muốn hụt hơi.

Đi tới một chỗ, nàng bảo không còn xa mấy, chàng dòm ngó chẳng thấy gì hết. Nàng lấy nước miếng bôi hai mí mắt rồi bảo mở ra, chàng thấy sáng sủa khác thường, ngó thấy ban đêm rõ như ban ngày. Rồi trông thấy châu thành ở trong đám sương mù, người đi đường tấp nập như đi chợ. Bỗng có hai chú lính trói ba bốn người giải đi qua; một người cuối cùng, chàng lấy làm lạ, mặt mũi giống hệt anh mình. Đến gần chính thật là anh.

Chàng kinh ngạc, hỏi anh đi đâu thế này. Người anh thấy chàng, vùng sa nước mắt, trả lời không biết tự sao bị bắt trói dẫn đi như là tù phạm. Chàng nổi giận nói lớn:

- Anh ta là người quân tử, lễ nghĩa, sao lại trói rong như vậy?

Day qua xin hai chú lính thả trói cho anh. Lính không nghe, lại ra vẻ vênh mặt sừng sộ. Chàng tức trào máu, định ăn thua với họ. Anh ngăn can:

- Đó là lệnh quan trên sai khiến, họ chỉ thừa hành theo phép, có phải tại họ đâu. Chỉ có điều anh thiếu tiền xài, tới đâu cũng đòi hỏi lộ thấy khổ. Vậy em về nên lo liệu cho anh có tiền, là việc cần thiết.

Chàng nắm cánh tay anh, khóc rống. Lính giận, siết chặt sợi dây trói nơi cổ làm người anh muốn nghẹt thở. Chàng thấy vậy, lửa giận bốc lên đầy cả ruột gan không sao ngăn lại được nữa, rút ngay con dao đeo bên mình, chém một chú lính bay đầu tức khắc. Còn chú kia la lối om sòm, chàng lại chém bay đầu nốt. Thu Nguyệt sợ quá, nói:

- Giết chết lính tráng của quan thế này, tội không thể nào dung thứ, nếu chậm trễ thì tai vạ đến nơi. Vậy chàng tức tốc mướn ghe đi bắc, về nhà, chớ hạ cảnh phước, đóng chặt cửa ngõ, tuyệt sự ra vào, hết bảy ngày thì khỏi lo ngại gì nữa.

Vương Đình nghe lời, liền kéo anh đi, nửa đêm thuê ghe nhỏ, cấp tốc về bắc. Về đến nhà, thấy khách điều tang, tấp nập ngoài cửa,

biết anh quả chết thật. Chàng đóng cổng, khóa kĩ, rồi mới vô trong nhà, quay đầu nhìn anh, thấy biến đâu rồi, chừng vô nhà trong, thì người anh chết nằm kia đã tỉnh lại, kêu bụng đói như cào, đòi ăn tức tốc. Lúc đó, anh chết đã hai ngày.

Gia nhon thấy sống lại thành linh, đều sợ xanh mặt. Chàng nói rõ duyên cớ, ai nấy mới yên tâm. Hết bảy ngày mở cổng hạ phương, bảy giờ người ta mới hay người anh đã tỉnh. Bà con thân hữu hàng xóm đến hỏi thăm, gia nhon chỉ nói mập mờ cho qua chuyện, không dám tỏ sự thiệt.

Xong việc anh rồi, Đình lại nhớ tới Thu Nguyệt, canh cánh bên lòng, bèn trở xuống nam, mượn ở cái gác cũ, thắp đèn ngồi chờ lâu quá không thấy nàng đến.

Lúc mơ màng muốn ngủ, thấy một người đàn bà đến nói:

- Cô Thu Nguyệt cậy tôi đến nói cho lang quân hay rằng: vì chuyện giết lính hôm nọ, hung thủ trốn được, người ta bắt cô đi, hiện giam trong ngục, bọn thủ ngục đánh đập cô rất tàn nhẫn, ngày ngày trông đợi lang quân mưu tính cách nào cứu vớt cô ra.

Đình phùng phùng vừa thương vừa uất, liền theo người đàn bà đi. Tới một đô thành, rẽ qua phía tây, người đàn bà trở tay một cổng và nói:

- Cô em bị giam tạm trong này.

Chàng bước vô, thấy phòng kia buồng nọ lung tung, kí giam tù phạm rất nhiều, nhưng không thấy Thu Nguyệt. Lại đẩy một cánh cửa nhỏ, vào trong có gian nhà xếp, đèn thắp leo lét, chàng dòm qua cửa sổ, thấy Thu Nguyệt đang ngồi trên chõng, ôm mặt khóc rầm rức; hai tên lính ngồi bên vuốt má, kéo giày nàng để cười giỡn làm vui. Chúng càng chọc ghẹo, nàng càng khóc dữ. Một tên lính bá cổ nàng và nói:

- Cái thân có tội ở tù, mà còn giữ trinh tiết ư?

Chàng nổi giận, cầm gươm xông vào, chẳng nói năng gì cả, chém mỗi cậu lính một nhát ngã gục, y như chặt gai phát cỏ vậy, rồi kéo tay nàng đi ra, may phước không có ai hay biết. Về đến nhà trọ, thì chợt tỉnh giấc, trí đang nghĩ lấy làm lạ chiêm bao hung dữ chừng

mở mắt ra thấy rõ Thu Nguyệt đứng bên cạnh mình, mặt còn ngán lẹ. Chàng kinh ngạc vùng trời dậy, kéo nàng ngồi bên và kể chuyện chiêm bao cho nghe. Nàng nói:

- Thật đó không phải chiêm bao.

Chàng giật mình sợ hãi, hỏi nàng bây giờ phải làm thế nào. Nàng thở dài:

- Ấy là số trời định vậy. Đáng lí em phải chờ hết tháng này, mới tới kì phục sinh. Nay đã xảy ra công chuyện rắc rối như vậy, thì còn đợi sao đặng. Thôi chàng cấp tốc đào mả em lên, đưa em cùng về quê nhà, thường thường kêu gọi tên em, ba ngày thì em sống lại. Có điều là lúc chưa đủ ngày giờ, thì xương còn mềm, chân còn yếu, không làm nổi công việc xay lúa giã gạo, thế thôi.

Nói đoạn vội vã đi ra, vài bước day lại nói:

- Thiếu chút nữa em quên một việc rất quan hệ. Ví dụ âm ti theo bất thì làm thế nào? Đã có mẹo đây: sinh thời, ba em có truyền cho em quyển sách bùa phép và nói ba chục năm sau, vợ chồng ta có lúc phải dùng đến. Lúc ấy tức là hôm nay.

Nàng liền lấy bút vẽ mau lẹ thành ra hai lá bùa trao cho chàng và nói:

- Một lá chàng phải mang trong mình, còn một lá sẽ dán trong lưng em nhé.

Đó rồi nàng đi. Chàng tiến chân ra ngoài, cốt theo dõi xem nàng biến chỗ nào, để ghi nhớ lấy chỗ ấy mà đào.

Khi đào chừng một thước, đã thấy quan tài mục nát lộ ra, bên cạnh dựng tấm đá nhỏ, khắc mười hai chữ đúng như lời nàng từng nói lúc trước. Mở hòm ra xem, nhan sắc nàng như người còn sống. Chàng ôm xác về buồng trọ, áo xiêm theo gió bay tan đi hết, dán lá bùa xong, lấy chăn mền bọc lại, công ra bến sông, kêu ghe mướn đi, phải nói trớ rằng em bệnh nặng, cần chở về quê quán phục thuốc.

May nhờ gió nồm to, ghe chạy tới hừng sáng về tới cổng làng.

Chàng ôm xác vô đặt trong nhà hăn hoi rồi mới nói cho anh chị hay. Cả nhà thấy mà sợ hãi, sùng sốt, nhưng không ai dám nói là chuyện huyền hoặc.

Chốc lát, chàng lại mở mền ra, gọi tên Thu Nguyệt. Ban đêm thì ôm xác nằm ngủ. Mỗi ngày lần hồi có hơi ấm áp.

Sau ba ngày, nàng hồi sinh. Qua bảy bữa thì đứng dậy được, thay đổi xiêm áo vô chào chị dâu, dáng dấp phơi phới như thần tiên. Nhưng ngoài mười bước phải có người dìu dắt nàng mới đi được, không thì gió thổi cũng ngã, mình hay nghiêng về một bên. Người ta cho là nàng có tật ấy, càng tăng vẻ đẹp thêm.

Nàng thường khuyên chồng:

- Mình có tội nghiệt nặng lắm đó, phải cố tích đức và tụng kinh để mà sám hối. Không vậy thì mình không thọ được lâu.

Chàng vốn không tin Phật, bây giờ đọc kinh niệm Phật rất chăm. Từ đó tới già, chẳng có tai nạn gì cả.

11. BÀ CHÚA TÂY HỒ

(Truyện Tây Hồ chúa, quyển VIII)

Trần Bật Giáo, tự Minh Doãn, người đất Yên, vì cảnh nhà nghèo, đi theo phó tướng quân Giả Gián, làm chân thư kí.

Nhân có việc, đậu thuyền trên hồ Động Đình, chợt thấy một con thuồng luồng nổi lên mặt nước, Giả tướng quân lấy cung tên bắn trúng lưng nó. Có con cá ngậm đuôi thuồng luồng không bỏ, thành ra bắt được cả đôi, kéo lên mạn thuyền, chỉ còn hơi thở thoi thóp. Thuồng luồng há miệng ngáp hoài, dường như kêu cứu. Trần sinh trông thấy động lòng, xin phép Giả tướng quân cho thả nó đi, sẵn trong túi có thuốc trị thương tích, chàng đưa thoa vào vết thương của nó rồi thả xuống hồ. Nó lặn hụp giây lâu rồi đi thẳng.

Hơn một năm sau, chàng nghỉ việc về bắc, lại qua hồ Động Đình, bị gió bão lớn đánh ghe lật chìm, may phúc chàng ôm được một cái phen tre, lênh đênh cả đêm mới dạt vào bờ. Khi lên rồi ngó lại thấy một cái xác cũng theo chân dạt vô. Thì ra xác tên tiểu đồng theo hầu mình. Chàng cố kéo lên bờ, nó đã chết cứng. Chàng trong lòng đau đớn rầu buồn, ngồi trơ trọi trước thây ma. Dòm quanh chỉ thấy núi

non lỏm chồm, hàng liễu xanh xanh, chẳng có bóng người nào lại qua hòng thăm hỏi đường sá.

Từ sáng sớm đến quá giờ Thìn, buồn bực muốn chết. Bỗng dưng xác tiểu đồng cựa quậy, chàng mừng quá rờ xem, giấy lát nó ộc nước ra cả thùng, rồi thì sống dậy.

Thầy trò cởi hết áo quần phơi trên mặt đá, gần trưa mới khô ráo, mặc vào mình được, tới phiên bụng đói như cào, không sao chịu nổi. Bấy giờ dắt nhau băng núi mà đi, mong gặp xóm làng để xin ăn đỡ dạ.

Mới bò lưng chừng núi, nghe tiếng rung reng, đang dáo dác suy nghĩ, thấy hai cô thiếu nữ cưỡi ngựa từ đầu kia đi tới, rong ruổi như bay. Cô nào cũng khăn lụa bịt trán, tóc cắm lông trĩ, mình vận áo tím chần tay, thắt lưng gấm xanh, vai mang cung tên. Qua phía nam núi, có mấy chục người ngựa đang săn trong đám cỏ tranh, đều là mỹ nữ, trang sức như nhau.

Chàng không dám bước tới, chừng thấy một người đàn ông đi bộ, trông như lính chặn ngựa mới lần đến hỏi thăm.

Người lính đáp:

- Ngài là bà chúa Tây Hồ, lên Thủ Sơn săn bắn đó.

Chàng kể lai lịch của mình và kêu đói bụng. Người lính đưa cho gói cơm khô và căn dặn:

- Chú nên tìm đường tránh xa, nếu để chúa trông thấy thì chết mất xác đó!

Nghe nói sợ quá, chàng lật đật xuống núi, thấy trong rừng rậm có bóng lâu đài, ý chừng là cảnh chùa, liền nhắm hướng đó đi lần tới. Đến nơi, thấy vách tường sơn trắng, suối nước chảy qua, cửa sơn nửa khép, có cầu đá đi vào. Chàng dòm qua cửa, thấy bên trong san sát những lầu, những gác, như cảnh thượng uyển nhà vua, trong ý tưởng chắc là vườn của một nhà sang trọng nào đó, bèn lần mò vào. Hai bên đường đi, giàn hoa vắt ngang, hương thơm nức mũi. Qua mấy ngả quanh co, vào tới một tòa lâu đài khác, mấy chục cây dương liễu thành hàng cao dựng mái nhà, chim núi hát riu rít thì hoa càng bay, cơn gió thổi phe phẩy thì lá cây tự rụng, thật là cảnh sắc đẹp mắt khoái tâm, chẳng phải cõi trần. Đi xuyên qua một lớp tiểu đình, thấy một giá đu, cao vút mây xanh, lúc

đó tứ bề lặng lẽ, không có bóng người nào. Chàng nghĩ gần chốn khuê các, cho nên nhút nhát không dám vào nữa.

Bỗng nghe tiếng ngựa hí cổng ngoài, với tiếng con gái cười nói, chàng với tiểu đồng cùng nép mình nằm phục trong đám cây hoa. Một lát, tiếng cười tiến đến gần, nghe một cô nói:

- Bữa nay đi săn không vui, bắt được muông chim rất ít.

Một cô khác nói:

- Nếu công chúa không bắn rơi một con nhạn hôm nay, thì ra cuộc săn tốn công vô ích.

Liền đó, mấy người thị nữ áo đỏ nâng đỡ một vị thiếu nữ đến ngồi trong tiểu đình. Nàng mặc nhung phục, tuổi độ mười bốn, mười lăm, tóc mượt mình thon, vẻ đẹp hoa ngọc nhị quỳnh cũng không bì kịp. Bọn gái hầu dâng trà thơm và đốt trầm hương, khói cuộn long lanh như gấm dệt. Giây lát, nàng đứng dậy, bước xuống dưới thềm, một cô gái hầu nói:

- Công chúa cưỡi ngựa nhọc mệt, giờ có thể chơi đu được chăng?

Nàng cười và gật đầu. Bọn gái hầu liền xúm lại, kẻ đỡ vai, người nâng cằm, lại có đứa xắn quần, cầm giày, đặt công chúa lên bàn đu. Công chúa đưa hai cánh tay nòn nà, nắm lấy dây đu, chân thì nhún nhảy trên bàn đạp, nhẹ nhàng như chim én bay liệng trên mây.

Công chúa đánh đu một lúc, bọn hầu lại đỡ xuống và nói:

- Công chúa thật là nàng tiên!

Thầy trò cùng nói cười vui vẻ, kéo nhau trở về cung.

Trần lang hé mắt dòm từ đầu tới cuối, hồn phách tê mê. Chừng tiếng người im lặng đâu đó, chàng mới thò mặt ra, đến dưới cây đu, bồi hồi tơ tưởng, chợt thấy dưới giàn có chiếc khăn đỏ, biết của các cô mỹ nữ bỏ rơi, liền lượm bỏ vào túi, rồi bước lên tiểu đình ngắm cảnh chơi. Trông thấy trên bàn sẵn có bút mực, chàng bèn lấy khăn ra, đề lên một bài thơ tức cảnh:

*Người đâu tiên nữ nhón nhơ chơi
Tung búp sen vàng rải khắp nơi
Đố chị Hằng Nga khỏi ganh ghét
Mây xanh nhẹ gót thẳng lên trời.*

Đề xong, ngâm nga đắc ý rồi ra đi, tìm lại đường cũ thì mấy lớp cửa đóng then gài cả rồi. Chàng quanh quẩn không biết tính sao, quay lại dạo xem lầu nọ đài kia gần khắp lượt. Một thị nữ chợt đến, sừng sốt hỏi chàng tại sao lọt vào chốn này. Chàng vái chào nói:

- Tôi đi lạc đường, xin cô cứu cho.
- Anh có lượm được chiếc khăn đỏ nào không?
- Thừa có, nhưng đã viết chữ vào rồi làm sao?

Nói rồi lấy đưa cho nàng xem. Nàng cả kinh nói:

- Thôi, anh chết không có đất chôn rồi. Khăn này là đồ ngự dụng của công chúa, giờ vẽ bậy vào rồi, biết nói làm sao!

Chàng tái xanh mặt, năn nỉ xin lỗi. Nàng lắc đầu:

- Vào chốn cung cấm dòm dò, tội đã không tha thứ được rồi. Tôi nghĩ anh là học trò nho nhã, muốn lấy sự tử tế riêng mà bênh vực chu toàn giùm anh, nhưng đằng này anh lại tự gây ra tai vạ đến như vậy, thì tôi hết lỗi.

Nói xong vội vàng cầm khăn chạy đi.

Chàng run sợ hồi hộp, tức mình không có cánh mà bay, chỉ còn có cách vờn cổ đợi chết. Một chập sau, người thị nữ lúc nãy trở lại, nói nhỏ với chàng:

- May ra anh khỏi chết đấy. Công chúa cầm khăn xem đi xem lại ba bốn lần, mặt không có vẻ gì tức giận, có lẽ sẽ tha cho anh đi. Thôi, chịu khó ngồi đợi ở đây, chớ có tò mò leo cây trèo tường mà dòm ngó gì, nếu bị phát giác thì không tha được đâu.

Trời đã xế chiều, việc lành dữ ra sao chưa nhất định, mà bụng đói như thiêu như đốt muốn chết. Một lát, thị nữ cầm đèn đi tới, một cô khác thì xách giỏ cơm bầu rượu đem ra cho chàng ăn. Chàng sẵn đón dò hỏi tin tức, nàng nói:

- Vừa rồi tôi thừa dịp nói với công chúa liệu định có thả anh học trò trong vườn thì thả cho ra đi, không thì đói bụng chết. Công chúa ngẫm nghĩ rồi bảo trời tối rồi, đuổi người ta đi đâu bây giờ? Rồi công chúa dạy đem cơm ra cho ăn, thế tức không phải là diêm dữ đâu!

Chàng băn khoăn lo lắng suốt đêm, không sao yên tâm cho đặng. Qua hết giờ thìn, thị nữ lại xách cơm ra cho ăn. Chàng năn nỉ nói giùm. Nàng đáp:

- Công chúa không bảo giết, cũng chẳng bảo tha. Tôi là kẻ dưới đâu dám nhắc nhở lời thôi.

Cho tới mặt trời xé bóng, chàng mong đợi mãi không thấy gì, bỗng thấy thị nữ hơ hải chạy đến, nói không ra hơi:

- Thôi chết đến nơi rồi. Kẻ nào nhiều chuyện không biết, đi nói lộ ra cho vương phi hay. Vương phi đòi lấy chiếc khăn xem rồi quăng xuống đất, la mắng ngông cuồng rầm rĩ. Vậy e tai vạ của anh không còn xa nữa.

Chàng nghe hết hồn hết vía, mặt nhợt ra không còn sắc máu, quỳ mọp dưới đất, van lơn cầu cứu.

Chợt nghe tiếng người xôn xao đến gần, nàng vội lảng đi chỗ khác. Mấy người vác hèo cầm dây, hăm hăm bước vào định trói chàng giải đi. Trong đám có một thị nữ nhìn kĩ chàng rồi la thất thanh:

- Tưởng ai, té ra Trần lang đây mà!

Nàng nói và ngăn bảo đừng trói:

- Khoan đã! Khoan đã! Đợi tôi tâu với vương phi xem sao.

Nàng lật đật chạy đi giây lát, trở lại nói rất lễ phép:

- Vương phi xin mời Trần lang vào.

Chàng run sợ đi theo, qua mấy chục lần cửa, đến tòa cung điện, ngoài treo rèm ngọc móc vàng, liền có mỹ nữ cuốn rèm lên và xướng tâu:

- Trần lang vào chầu.

Một thiếu phụ ngồi trên, bào phục cực kì lộng lẫy. Chàng cúi đầu mọp mình nói:

- Thần là người ở xa xôi tới đây, rủi lạc vào chốn tôn nghiêm, muôn đội ơn trên tha thứ.

Vương phi vội vàng đứng dậy, tự đỡ tay chàng và nói:

- Nếu không nhờ có tiên sinh, thì tôi đâu còn tới ngày hôm nay.

Bọn tôi tớ chẳng rõ nguồn cơn, đến nỗi thất lễ với quý khách, lỗi đó lấy gì chuộc đặng.

Lập tức sai dọn tiệc hoa, rót rượu bằng chén ngọc, ân cần thết đãi. Chàng mờ mịt chả hiểu duyên cớ ra sao. Vương phi nói:

- Đại ơn tái tạo, bấy lâu chưa được báo đền, lòng hằng cắn rứt. Con gái tôi được chàng đề thơ vào khăn, âu hẳn là duyên trời tác hợp. Vậy ngay đêm nay, tôi cho làm lễ thành hôn.

Chàng đã khỏi chết, lại sắp có vợ đẹp, thật là sự mừng ra ngoài tưởng tượng, tinh thần lúc bấy giờ vui sướng ngây ngất, không tả ra được.

Trời mới tối, một thị nữ đến bẩm:

- Thừa phò mã, công chúa đã sửa soạn xong rồi, xin mời ngài đi hành lễ.

Rồi dẫn chàng lên điện, tức thời đàn sáo trỗi lên inh ỏi, khắp nơi kết hoa treo đèn, mấy chục tiên cô phò công chúa cùng chàng làm lễ giao bôi. Mùi thơm xạ hương sức nức trong ngoài.

Đoạn tân nương tân lang dắt nhau về buồng riêng, tình tự ân ái. Chàng hỏi công chúa:

- Tôi là người trôi nổi tha phương, thuở giờ chưa được hân hạnh bái yết, đã phạm tội bôi lọ vào chiếc khăn quý báu, được khỏi riu búa là may rồi, ai còn gá nghĩa nhân duyên. Thật là cái phúc tôi không dám tưởng đến.

Công chúa nói:

- Mẹ em là vương phi của đức vua hồ này và là con gái Giang Dương Vương, năm ngoái về thăm nhà, ngẫu nhiên dạo chơi trong hồ, bị mũi tên bắn trúng. Nhờ có chàng cứu mà được thoát nạn, lại xúc thuốc cho vết thương được lành, cả nhà em cảm bội, canh cánh bên lòng chẳng quên. Chàng đừng cho em là phi loại mà nghi ngại điều chi. Em theo Long Quân, đã được bí quyết trường sinh, nguyện cùng chàng hưởng chung cái thú muôn đời bất tử.

Bấy giờ chàng mới biết ra công chúa là thần. Lại hỏi trong đám gái hầu, sao có một đứa lại nhận được mặt, công chúa đáp:

- Hôm đó chàng ngồi trên thuyền ở hồ Động Đình, hăn trông thấy một con cá nhỏ ngậm đuôi thường luồng bị thương mà không rời bỏ, tức là con hầu ấy.

Chàng tỉ tê hỏi nữa:

- Hôm bắt được tôi trong vườn, đã không giết chết, sao lại chần chừ không chịu thả đi?

Công chúa cười và nói:

- Em đọc bài thơ, trong bụng thật là yêu mến cái tài của chàng, nhưng không có quyền tự chủ, thành ra bắn khoăn tơ tưởng cả đêm, nỗi khổ ấy có ai hiểu thấu cho mình?

Chàng tha thiết:

- Nàng thật là Bảo Thúc của tôi đó! À, còn thị nữ vẫn đem cơm cho tôi là ai?

- Nó tên là A Niệm, người tâm phúc của em.

- Vậy tôi phải đền ơn nó cách nào bây giờ?

- Đừng lo, sẽ có ngày nó hầu hạ chàng, chừng đó hãy lo đền ơn cũng không muộn mà.

- Còn đại vương thân phụ em, hiện nay ở đâu?

- Ngài đi theo hoàng đế đánh giặc Xuy Vưu chưa về.

Vợ chồng ăn ở với nhau mấy hôm, chàng nghĩ ở nhà mình mất bất tin tức, chắc là trông mong dữ lắm, bèn viết thư báo tin bình yên, sai thằng tiểu đồng về trước, cho gia nhân yên lòng.

Chẳng dè mấy ngày thần tiên là hàng năm cõi trần. Nhà chàng từ hôm nghe tin đắm thuyền ở hồ Động Đình, vợ con sô gai để tang đã hơn một năm rồi. Tiểu đồng đem thư về, mới hay tin chàng còn sống. Nhưng âm hao cách trở, người nhà e chàng vui sống cuộc đời trôi nổi, trước sau khó nổi trở về quê nhà.

Cách nửa năm sau, thỉnh linh chàng về, ngựa xe cực sang, trong túi đầy nhóc vàng ròng ngọc báu. Từ đó trở nên nhà giàu hàng vạn, tối ngày đàn ngọt hát hay, rượu ngon gái đẹp, tiêu xài hết sức hào phóng, dù những nhà giàu sang mấy đời cũng không theo kịp.

Luôn bảy, tám năm, chàng ở nhà với vợ, sinh hạ năm con, mà ngày nào cũng như ngày nấy, tụ họp bạn bè khách khứa ăn uống, cung phụng cực sang. Có người hỏi gặp gỡ món nào mà sẵn tiền lắm của như thế, chàng nói thật cả, không giấu giếm chút nào.

Có người bạn chơi từ nhỏ, tên là Lương Tú Tuân, đi làm quan ở miền nam hơn mười năm mới về, qua hồ Động Đình, trông thấy một chiếc du thuyền cửa sổ sơn son, bao lơn thếp vàng trông cực đẹp, bên trong có tiếng đàn hát thanh tao, dập dờn trên mặt sóng hồ, thỉnh thoảng lại thấy mỹ nhân mở hé cửa sổ đứng ngắm phong cảnh.

Lương dòm kĩ trong thuyền, thấy một người đàn ông thiếu niên, dựa đầu gác vế mỹ nhân, bên cạnh có hai cô son trẻ chừng đôi tám, thay phiên nhau hầu hạ đấm bóp. Ban đầu, Lương nghĩ chắc là một vị quan lớn nào đó ở miền Tương Sở, nhưng lấy làm lạ sao chẳng có người hầu lính gác nào cả. Chừng nhướng mắt nhìn kĩ, té ra bạn cũ Trần Minh Doãn, liền đứng ra mạn thuyền kêu gọi rùm lên.

Chàng nghe tiếng kêu, bèn sai dừng chèo, ra trước mũi thuyền, mời Lương qua chơi.

Lương qua, trông thấy những món ăn thừa, la liệt trên bàn, mùi rượu hầy còn sức nức. Trần sai dọn hết để dọn tiệc khác.

Giây lát, năm ba nàng hầu xinh đẹp, tíu tít châm trà rót rượu, các món sơn hào hải vị bày ra ê hề, toàn là thứ lạ, thuở nay mắt Lương chưa thấy bao giờ. Lương kinh hoàng hỏi bạn:

- Cách biệt mười năm không gặp nhau, sao anh phú quý đến thế này ư?

Chàng cười đáp:

- Anh khinh thằng khố dây này không thể mở mặt với đời hay sao?

Lương hỏi:

- Ban nầy có người đàn bà cùng ngồi uống rượu là ai?

Chàng đáp:

- Mẹ trẻ nhà tôi đó.

Lương càng lấy làm lạ, hỏi chàng đem cả gia quyến đi đâu đấy.

Chàng nói:

- Đi về miền tây.

Lương còn muốn hỏi nhiều chuyện nữa, nhưng chàng vội sai lũ ca nhi trỗi giọng đàn hát vang rền, làm như sấm đánh ù tai, rồi thì đũa chén và trúc tơ xen hòa ồn ào, che lấp cả những tiếng nói cười, không nghe được nữa.

Thấy gái đẹp nhớn nhơ trước mắt đông đầy, Lương thừa lúc ngà ngà say, cất tiếng nói lớn:

- Anh Minh Doãn có cho thằng bạn cũ này được hưởng thú bay hồn không nào?

Chàng cười xòa nói:

- Bạn say lắm rồi. Tuy nhiên tôi có thể tặng cho cô nhân để cưới một cô hầu cực đẹp nhé!

Nói đoạn, liền sai thị nữ lấy ra một trái minh châu sáng ngời để tặng Lương và nói:

- Với của này, anh có thể cưới một mỹ nhân tuyệt thế, như hàng con Lục Châu của Thạch Sùng ngày xưa cũng không khó gì. Như vậy để tỏ ra tôi không keo cú với bạn cũ từ ngày còn để chòm với nhau.

Kế lại nói tiếp, ngỏ ý kiêu từ:

- Hiện tôi có việc cần kíp, rất tiếc không thể cùng bạn ngồi đối diện đàm tâm được lâu hơn nữa.

Liền đó tiễn Lương về thuyền, rồi hô thủy thủ thuyền mình mở dây đi thẳng.

Lương về, ghé thăm nhà Trần, thì ra chàng đang ngồi ngất ngưỡng uống rượu với khách, trong bụng càng lấy làm lạ, liền hỏi:

- Vừa mới hôm kia gặp anh trên hồ Động Đình, về đây hồi nào mà nhanh quá vậy?

Chàng nói:

- Đâu có chuyện ấy. Tôi vẫn ở nhà mà!

Lương bèn thuật rõ mọi sự đã thấy, khiến cho mọi người cùng lắc đầu lè lưỡi, cho là một chuyện quái lạ.

- Anh trông gà hóa cuốc hay sao chứ! Nói vậy thì ra tôi có phép thuật phân thân ở hai nơi được ư?

Ai nấy cũng lấy làm lạ, nhưng nghĩ mãi chẳng hiểu đầu đuôi ra sao.

Về sau, chàng thọ tới tám mươi một tuổi mới mất. Khi liệm thi thể, gấn kĩ rồi mà thấy hòm nhẹ như không, mở ra xem thì quan tài trống rỗng.

12. KẾT DUYÊN VỚI ONG

(Truyện Liên Hoa Công chúa, quyển XIII)

Giao Châu Đâu Húc, tự Hiệu Huy, bữa nọ đang nằm ngủ trưa, chiêm bao một người bận áo vải nâu tới đứng bên giường, dòm quanh ngó quẩn, dường có điều chi muốn nói vậy.

Chàng hỏi đi đâu, người ấy thưa:

- Tướng công tôi mời ngài lại chơi.
- Nhưng tướng công nhà chú là ai? Chàng hỏi lại.
- Bẩm nhà ở gần đây.

Chàng dậy theo đi vòng qua vách tường nhà mình rồi đưa tới một nơi, lâu đài nguy nga, tiếp liền muôn lớp, đi quanh ngả vòng khúc kia, có đến trăm cổng ngàn ngõ, không phải là cảnh ở trần gian. Lại thấy những cung tần nữ quan, đi lại cực đông, ai nấy cũng hỏi người áo vải:

- Đâu lang tới đó ư?

Người áo vải gật đầu.

Chợt một vị quý quan đi đến, chào rất cung kính, chàng hỏi:

- Bấy lâu không được hân hạnh quen biết, cho nên chẳng đến bái kiến, nay ngài quá yêu đón rước như vậy, khiến tôi e ngại hết sức.

Vị quý quan đáp:

- Đức vua của tôi thấy tiên sinh là nhà dòng dõi tử tế, lòng vẫn hâm mộ, nên cần gặp mặt.

Chàng nghe càng sợ, hỏi đại vương là ai, vị quý quan trả lời vắn tắt:

- Lát nữa ngài sẽ biết.

Giây lát, có hai nữ quan ra đón, cầm hai lá cờ dẫn chàng đi, qua lớp cổng lớn vào ở trong, thấy một vương giả đang ngồi trên điện.

Vương vừa thấy chàng đến, liền bước xuống thêm chào đón, giữ lễ chủ khách.

Lễ tương kiến xong, yến tiệc dọn ra, cực kì sang trọng. Ngửa mặt trên điện, có bức hoành phi sơn son thếp vàng đề hai chữ Quế Phủ. Chàng thêm lúng túng run sợ, không biết ăn nói thế nào. Vương mở lời trước:

- Là chỗ xóm giềng với nhau, tình phải tự nhiên khăng khít. Vậy xin ngài cứ việc ăn uống chuyện văn thông thả, đừng quản ngại gì hết.

Chàng dạ dạ. Rượu được vài tuần, dưới thêm có phường nhạc trời đàn ca chiêng trống, nhưng tiếng nhỏ li ti, chàng không nghe rõ. Một lát, Vương hỏi tả hữu bá quan:

- Trẫm có câu văn này, chư khanh thử đối xem: Tài nhơn đẳng quế phủ (*Tài nhân lên phủ quế*).

Các quan còn đang suy nghĩ chưa ra, chàng đối liền:

- Tâu đại vương, tôi xin đối: Quân tử ái liên hoa (*Quân tử thích hoa sen*).

Vương phán:

- Hay, hay quá, Liên Hoa là tên công chúa, sao ngài đối thích hợp khéo léo đến thế, há chẳng phải là có túc đế nhân duyên?

Lập tức truyền gọi công chúa phải ra chào quân tử.

Giây lát, nghe tiếng ngọc khua rộn rã, hương bay ngát ngào, công chúa ra điện, tuổi độ mười lăm, mười sáu, nhan sắc đáng diệu tuyệt đẹp. Vương truyền làm lễ chào khách, rồi giới thiệu với chàng:

- Đây là tiểu nữ Liên Hoa.

Nàng chào rồi trở vào. Chàng trông thấy người tiên, tâm hồn rung động ngây ngất, đến nỗi ngồi thừ như tượng gỗ, dồn cả tư tưởng vào ai. Vương nâng chén rượu khuyển mời, nhưng mắt chàng không thấy. Có lẽ Vương xét rõ tình ý, bèn nói:

- Con gái tôi đáng nâng khăn sửa túi cho ngài đó, nhưng còn tự thẹn không phải cùng loài, thì làm thế nào?

Chàng vẫn còn ngơ ngẩn vì ai, mà không nghe mấy lời Vương nói. Người ngồi bên cạnh, đập nhẹ vô chân chàng và hỏi:

- Vương mời, ông không thấy ư?

Bấy giờ chàng như cơn mê mới tỉnh, mặt bẽn lẽn thẹn thùng, đứng ra ngoài tiệc, chấp tay nói:

- Thần mang ơn rất hậu, không dè vui chén quá say, thất thổ về nghi lễ, cúi xin đại vương rộng lượng tha thứ. Ngày giờ đã muộn, đại vương lại nhiều việc cần phải xem xét, vậy thì thần xin kiêu từ lui về.

Vương đứng dậy đáp lễ:

- Được thấy dung nhan quân tử, thật là thỏa lòng ta, chưa chi khanh đã thoái lui sao phải. Tuy vậy, khanh đã muốn về, quả nhân cũng không dám ép nài ở lại. Thôi, để dịp khác quả nhân lại sai mời đến.

Đoạn, Vương truyền nội quan đi tiễn chàng về.

Giữa đường, nội quan nói:

- Lúc nãy, đại vương có nói ngài cùng công chúa xứng đôi vừa lứa, cho nên muốn kết hôn.

Chàng giậm chân ăn năn, mỗi bước chân là mỗi tiếng than tiếc, thế rồi về tới nhà, thì mặt trời đã lặn, ngồi thừ mặt ra mơ tưởng cảnh đẹp người tiên, như còn phảng phất trước mắt.

Tối đến, chàng ở nhà học một mình, tắt đèn ngủ sớm, trong ý mong đợi giấc chiêm bao cũ lại tìm đến mình, nhưng suốt đêm không thấy tấm dạng gì cả, chỉ có thở than thêm tiếc mà thôi.

Một đêm, chàng đang nằm ngủ trên giường với một người bạn thì nội quan hôm nọ đến nói đại vương sai mời.

Chàng mừng quýnh, theo đi liền.

Đến nơi, chàng phủ phục làm lễ bái yết. Vương đỡ dậy mời ngồi và nói:

- Từ hôm từ biệt, quả nhân biết khanh nhọc lòng tư tưởng. Nay mời khanh đến ý muốn cho tiểu nữ hầu hạ áo khăn, tưởng khanh không đến nổi chê bỏ.

Chàng bái tạ nhận lời ngay.

Vương liền sai các quan học sĩ đại thần yến ẩm.

Tiệc xong cung nhân vào tâu:

- Công chúa đã sửa soạn xong rồi.

Một lát mấy chục cung nữ phò công chúa ra, gấm đỏ bịt đầu, chân bước êm ái, đứng trên nệm lông chiên, cùng chàng làm lễ giao bái thành vợ chồng.

Rồi cung nữ đưa hai vợ chồng về tòa riêng, vui thú động phòng, hết sức nhuần nhị. Chàng nói:

- Có khanh ở trước mắt, thật là khiến người ta vui sướng quên chết. Nhưng e cuộc gặp gỡ ngày nay, chỉ là giấc mộng thôi.

Công chúa vội vàng bưng miệng chàng và nói:

- Rõ ràng thiệp với chàng ngồi đây, sao lại bảo là mộng cho được!

Sáng dậy chàng đùa thoa son dôi phấn cho công chúa, rồi lấy dây lưng đo quanh bụng cho đến ngón tay ngón chân. Công chúa phì cười hỏi:

- Chàng điên sao chớ?

Chàng nói:

- Tôi thường bị chiêm bao đánh lừa nhiều rồi, cho nên muốn ghi chép vào trí cho nhớ, phòng khi có mộng đi nữa, cũng đủ chạnh lòng tưởng niệm nhau vậy.

Hai người đang nô giỡn cười đùa như thế, bỗng một cung nữ hơi hải chạy vào, vừa thở vừa nói:

- Yêu quái kéo vào nội cung. Đại vương đã lánh mình ra biệt điện rồi. Vạ lớn đến nơi đây bây giờ.

Chàng cả kinh, liền tới biệt điện ra mắt. Vương cầm tay chàng, khóc nói:

- Vừa mới được người quân tử có lòng đoái thương gắn bó, ý muốn cùng nhau tụ hội lâu dài, nào ngờ trời làm tai nghiệt, vận nước sắp đổ, biết tính làm sao đây?

Chàng sững sốt hỏi tại sao, Vương lấy một bản tâu còn để trên án, trao cho chàng đọc. Bản tâu ấy viết như vậy:

“Hàm hương đại học sĩ, thần Hắc Dực, cúi xin tâu bày về việc yêu quái phi thường, phải sớm dời đô, nhà nước mới còn.

Cứ theo viên Huỳnh môn quan báo cáo từ hôm mừng sáu tháng năm, một con rắn lớn dài ngàn trượng, chiếm giữ ngoài cung, ăn hết tôi dân trong ngoài, tính lại cả thấy một muôn ba ngàn tám trăm mạng. Nó đi qua chỗ nào, đền đài chỗ ấy sụp đổ thành gò bãi.

Thần phán khởi dũng khí, ra trước thăm dò, quả thấy con yêu quái, đầu tựa núi non, mắt như sông biển, nghênh đầu thì cung điện trôi, vươn mình thì lâu đài sụp, thật là dữ dội ngàn đời chưa thấy, tai vạ muôn kiếp không từng. Xã tắc tôn miếu, nguy ngập sớm hôm. Cúi xin Bệ hạ sớm đem cung quuyến, dời đi nơi nào yên ổn v.v..”

Chàng đọc xong, mặt tái mét, liền có cung nhân chạy vào cấp báo yêu vật đã đến. Khắp cung điện nổi tiếng khóc lóc kêu gào, tình cảnh rất thê thảm. Vương luống cuống không biết làm cách nào, chỉ khóc và day lại bảo chàng:

- Phiền tiên sinh lo giùm tiểu nữ nghe!

Chàng nghẹn ngào trở về tư thất, công chúa đang cùng tả hữu ôm nhau kêu khóc, thấy chàng bước vào, liền nắm áo nói:

- Lang quân tính sao cho thiếp bây giờ?

Chàng đau đớn muốn chết, hỏi công chúa:

- Tôi vốn nghèo hèn, tự thẹn không có nhà vàng để Khanh ở, chỉ có vài ba gian nhà lá, vậy ta đưa nhau về đó tạm lánh, được chăng?

Công chúa nức nở nói:

- Việc nguy cấp lắm rồi, còn lựa chọn sao đặng? Lang quân dẫn thiếp đi mau!

Chàng bèn đỡ công chúa ra đi. Một chập về đến nhà. Công chúa nói:

- Nhà này rộng lớn yên ổn gấp mấy cổ quốc của thiếp. Nhưng thiếp theo chàng đến đây được yên thân còn cha mẹ thì nương tựa vào đâu? Vậy xin chàng cất cho một gian nhà riêng, để phụ hoàng đem cả nước tới ở đậu cho vui.

Chàng cho là việc khó khăn. Công chúa gào thét:

- Trời ơi! Không thể cứu giúp người trong nguy cấp, thì ai còn cần dùng chàng được việc chi?

Chàng tìm lời an ủi qua loa rồi vô nhà trong. Công chúa nằm phục bên giường mà kêu khóc bi thảm, không thể khuyên canặng. Chàng bối rối gan ruột vì nỗi vô phương. Tới đó bỗng dưng tỉnh dậy, mới biết là giấc chiêm bao. Bên tai còn nghe tiếng than khóc vu vu chưa hết, lắng tai nghe kĩ, chẳng phải là tiếng người, chỉ hai, ba con ong bay lượn vo ve trên gối. Chàng kêu to:

- Quái lạ!

Người bạn nằm bên hỏi nguồn cơn, chàng kể rõ chiêm bao khiến ông ta cũng lấy làm lạ.

Hai người cùng dậy xem, thấy ong cứ bay đậu quanh quần bên áo chàng, đuổi cũng không đi. Bạn khuyên chàng làm ổ cho chúng ở.

Chàng nghe theo, mượn thợ về làm, vừa mới dựng xong hai bên, đã thấy đàn ong từ ngoài tường bay vào, liên tiếp như dật, dò xem góc tích, thì ra ong ở cái vườn cũ của ông lão hàng xóm bay đến.

Trong vườn này nguyên có một ổ nuôi ong, đã ngoài ba chục năm, sinh đẻ cực nhiều. Có người kể lại việc của Đậu sinh cho ông lão hàng xóm nghe. Ông chạy ra xem, thì ổ ong vắng tanh, lật bức vách ra, thật có con rắn nằm trong, dài lồi một trượng, liền bắt giết đi. Trên kia nói mãng xà ngàn trượng, tức là vật đó.

Từ ngày ong vào ở nhà chàng, sinh nở càng phồn thịnh hơn.

13. TIỆC RƯỢU TÂN HÔN

(Truyện Hồ Mộng, quyển XIII)

Ông Tất Di Am, bạn thân của ta, tánh khí buông lung khác thường, rất thích hào phóng, mặt đầy đà rậm râu, trong đám nhà văn đều biết danh tiếng.

Thường khi có việc, ông hay đến biệt thự của ông Thái Sử họ Thúc, nghỉ ngơi riêng trên lầu.

Người ta đồn đại lầu này vốn có nhiều chồn. Tất đã đọc qua chuyện Thanh Phượng ta chép, lòng rất hâm mộ, tức sao mình không được một phen gặp chồn ra sao cho biết. Nhon ở lầu này, lòng càng định ninh tư tưởng, chừng trở về nhà học của mình thì trời đã nhá nhem tối. Lúc đó nhằm mùa viêm nhiệt, ông xoay trần nằm ngủ ngay trước cửa.

Trong giấc ngủ ngon, có người đến lay dậy, ông tỉnh ngủ mắt mở nhìn, thì ra một người đàn bà độ ngoài bốn mươi tuổi, mà còn vẻ xuân sắc đáo để.

Ông kinh ngạc chỗi dậy hỏi ai, người ấy đáp:

- Ta là chồn đây mà. Vì ông định ninh tư tưởng bấy lâu, cho nên cảm tấm lòng ấy mà đến.

Tất nghe mừng quỳnh, giở ngay giọng đùa cợt. Người đàn bà cười và nói:

- Tôi đã già rồi, ví bằng người ta không chê, nhưng tự xét mình cũng lấy làm hổ thẹn. Tôi có đứa con gái nhỏ vừa mới đến tuổi vắn tóc, có thể nâng khăn sửa túi hầu hạ ông được. Vậy xin nhớ đêm mai đừng cho người nào lạ ở trong nhà này, con bé nhà tôi sẽ đến.

Nói đoạn đi thẳng.

Qua đêm sau, Tất thấp nhang thơm ngồi đợi, quả nhiên mục dẫn con gái đến, dáng điệu xinh đẹp, trên đời ít có. Mục bảo con:

- Tất lang đây vốn có tiền duyên với con, vậy con nên ở lại với chàng, mai sáng liệu mà về sớm đừng ngủ quên nghe con!

Tất nắm tay nàng dắt vô trong mừng, mây mưa vui thú. Sau khi rồi chuyện, nàng cười nói:

- Chàng mập nặng quá, làm người ta chịu không nổi.

Trời chưa sáng, nàng đã ra đi. Đêm tối lại đến, nói:

- Máy chị em nhà định làm tiệc tân hôn mừng tôi mới lấy chồng, vậy ngày mai chàng đi với tôi nhé!

Tất hỏi ở đâu, nàng đáp:

- Chị cả sẽ làm chủ tịch, nhà chị ở cách đây không xa gì.

Hôm sau, Tất ngồi đợi mãi không thấy nàng đến, mình mảy mòi mệt, gục đầu trên bàn ngủ thiếp. Bỗng thấy nàng chạy vào xin lỗi:

- Tôi làm phiền chàng đợi lâu nhỉ.

Rồi cầm tay chàng dẫn đi tới chỗ cửa nhà nguy nga, đi thẳng vào gian chính đèn thấp lổm đóm như sao sa.

Giây lát, chủ nhơn bước ra, tuổi ngót đôi mươi, ăn mặc sơ sài mà cực đẹp, khép nép mừng tân lang vừa xong, sửa soạn vào tiệc, con hầu vô bẩm rằng:

- Cô Hai đã tới.

Một cô chừng mười tám, mười chín tuổi, ở ngoài tiến vào ngó mặt nàng cười và nói:

- Em đã bị phá trinh rồi nhé! Được anh chàng thế có vừa ý không?

Nàng cầm quạt đánh vào lưng cô Hai, mắt nhìn khinh khỉnh. Cô Hai nói tiếp:

- Còn nhớ hồi chị em ta còn bé, chị thường cùng em vật lộn mua vui. Em sợ người ta thọc lét cạnh sườn thứ nhất. Hễ đưa ngón tay út ra ngó ngoáy, làm như sắp sửa thọc lét, thì em đã cười ngất, rồi đâm ra cáu kỉnh giận chị, trù nguyên chị mai sau lấy phải thằng chồng lùn. Đối lại, chị rửa em ngày sau vớ được anh chồng rậm râu, để khi hun hít nó đâm vào thịt nhói nhói cho mà biết thân. Ngày nay đã thấy ứng nghiệm quả nhiên đó nhé!

Chị cả bật cười và nói xen vô:

- Chả trách được em ba cái giận cũng phải. Nhà có chàng rể ngồi sờ sờ bên cạnh mà nói sống sượng như thế à?

Kế mọi người ngồi quanh bàn tiệc, ăn uống chuyện trò rất vui vẻ.

Bỗng một thiếu nữ ôm con mèo đến, tuổi mới độ mười một, mười hai, tóc còn bỏ xõa, nhan sắc tuyệt trần. Chị cả nói:

- Em Tư cũng muốn xem mặt anh rể ư? Nhưng đây hết chỗ rồi, không còn ghế dư cho dì út ngồi.

Chị cả vừa nói vừa ẵm cô Tư ngồi trên bắp vế mình và lấy bánh trái cho ăn. Một lát, bỗng qua để ngồi trong lòng cô Hai và nói:

- Trời ơi! Nó đè lên bắp đùi tôi đau quá.

Cô Hai lại nói:

- Con nhỏ mới có bấy lớn mà thân hình nó nặng như cây thịt trăm cân, tôi ốm yếu thế này, chịu làm sao nổi? Nó đã muốn xem mặt anh rể, thì ngồi lên đùi anh, vì anh to lớn mập mạp mới chịu nổi mà được.

Nói đoạn, chuyển qua lòng Tất Lang.

Nàng ngồi vào lòng nghe có hương thơm phức, mà thân thể nhẹ nhàng như không vậy; Tất Lang ôm ngồi, cùng ăn cùng uống. Chị cả nói:

- Con ranh không được uống lắm cho say nghe. Sợ mi say rồi cứ chỉ thất thố, bị ông anh rể cười cho đó.

Nàng cười ha hả, tay vuốt ve nắn bóp con mèo, làm nó kêu chí chóe. Chị cả la rầy sao không hất nó đi cho rồi. Cô Hai nhơn dịp nói:

- Thôi cứ để cho em nó ôm, chúng ta mượn ngay con mèo làm hiệu lệnh uống rượu cho vui nhé. Người nọ cầm đĩa đưa cho người kia, đĩa đến tay ai mà có mèo kêu, thì người đó phải uống.

Ai cũng tán thành cuộc chơi ấy.

Trở trêu thay, cứ đến lượt Tất thì con mèo kêu meo meo, thành ra chàng phải uống. Chàng vốn mạnh rượu, uống luôn mấy chung lớn. Té ra cô bé nhè đến lượt chàng thì cố ý bóp cổ mèo, khiến nó phải kêu.

Mọi người cùng phá lên cười. Chị Hai nói:

- Thôi, cô em bé đi ngủ đi, ngồi đờ nặng ông anh lâu lắm rồi, sợ chị Ba mày giận đa.

Cô bé vâng lời ẵm con mèo đi.

Chị cả thấy Tất Lang uống giỏi, liền hái một trái kết làm chén rót rượu để mời. Chàng thấy trái ấy nhỏ, chùng được chén rượu con là nhiều, thế mà uống mãi mới hết, dường như giầu; khi cạn hết, té ra nó là một tàu lá sen.

Cô Hai cũng muốn mời một đôi chén. Chàng từ chối đã uống nhiều lắm rồi, không thể kham nữa. Cô lấy cái nắp hộp đựng sáp thoa môi, nhỏ bằng viên đạn, rót rượu vô đó và nói:

- Tôi mời dượng uống chút đỉnh gọi là có mời thôi.

Chàng định một hớp nhỏ là hết, không dè khi uống cả trăm hớp mà rượu vẫn còn hoài. Cô Ba (tức là vợ Tất) ngồi bên cạnh; lấy chén hột sen nhỏ, đổi cái nắp hộp ở trong tay chàng và nói:

- Đừng để kẻ gian lừa gạt.

Nàng để nắp hộp trên bàn, chàng nhìn lại thì ra một cái tô lớn bự. Cô Hai nói:

- Ủa, can chi tới dì chớ! Anh chồng mới lấy nhau ba bữa mà âu yếm thân yêu đến thế kia ư?

Chàng cầm chén hột sen uống một hơi cạn sạch, mân mê cái chén thấy mềm nhéo và mát tay, dòm lại không phải là chén gì hết, chỉ là một chiếc giày (thứ giày của đàn bà Tàu thuở xưa bó căng) thêu trổ cực khéo. Cô Hai giăng lấy, miệng thì nhieéc mắng:

- Con ranh, lấy trộm chiếc giày người ta hồi nào, hèn chi thấy căng lạnh buốt.

Nói đoạn, đứng lên vô nhà sau thay giày.

Tiệc tan, nàng cáo biệt chị em và đưa Tất ra khỏi ngoài xóm, để chàng tự về nhà một mình.

Chàng tỉnh dậy, thì ra một giấc mộng, nhưng lỗ mũi lỗ miệng hãy còn sặc mùi rượu thơm ngát, tự lấy làm lạ. Buổi tối nàng đến hỏi ngay:

- Có phải đêm qua say rượu gần chết không?

Tất ngỏ ý ngờ là chiêm bao, nàng nói:

- Bọn chị em sợ chàng say sưa nông cuồng, cho nên thác vào mộng như thế, sự thật chẳng phải mộng đâu.

*

Thường khi, hai người đánh cờ, chàng thua hoài, nàng nói:

- Ngày nào chàng cũng ham cuộc chơi này, tôi định chắc là cao lắm, nay xem ra chỉ bình thường vậy thôi.

Chàng cầu chỉ giáo cho mình, nàng nói nghệ thuật chơi cờ, cốt ở mình tự giác ngộ, chứ ai dạy cho mình cao thêm sao được; cần nhất là ngày ngày thấm nhuần, rồi sẽ thấy khác.

Mấy tháng sau Tất thấy mình hơi tấn tới. Nàng thử một vài nước cờ rồi cười nói:

- Chưa được. Chưa được!

Tuy nhiên chàng ra ngoài đánh cờ với những bạn chơi thường ngày, ai cũng thấy khác, đều lấy làm lạ.

Chàng vốn là người ngay thẳng phổi bò, trong bụng không giấu giếm điều gì được, cho nên hơi có tiết lộ chuyện kì ngộ của mình cho anh em nghe.

Thế mà nàng đã biết rồi, la rầy chàng không kín miệng:

- Chẳng trách được những người đồng đạo không muốn chơi với thằng nông cuồng! Tôi đã căn dặn mãi rằng phải giữ kín miệng, sao vẫn ngồi lê đôi mách như thế.

Nàng giận dỗi đòi đi, chàng xin lỗi mãi, nàng mới hơi nguôi. Nhưng từ đó sự lui tới có hơi thưa dần.

Cách hơn năm sau, một đêm, nàng đến ngồi thừ mặt ngó chàng, rủ đánh cờ không đánh, bảo đi ngủ không đi, ngồi xuôi xị giây lâu rồi hỏi:

- Chàng xem tôi với Thanh Phượng, ai hơn?

Tất nói rằng nàng hơn. Nàng nói:

- Tôi tự hồ mình không bằng Thanh Phượng. Nhưng ông Liêu Trai là bạn văn chương với chàng, vậy chàng hãy cậy ông chép tiểu truyện đời tôi, chưa chắc ngàn năm về sau lại không có người yêu mến thắm ước gặp chồn như là chàng vậy.

Tất đáp:

- Tôi vẫn có ý đó nhưng bấy lâu nghe lời mình dặn dò kín miệng, cho nên tôi vẫn còn giấu giếm đó thôi.

- Phải, lúc trước thì căn dặn thế, nay sắp từ biệt nhau, còn phải giấu giếm chi nữa.

- Mình tính đi đâu?

- Tôi với em Tư được triệu đi làm Hoa Điều sứ của bà Tây Vương Mẫu, cho nên từ nay không lui tới được nữa.

Tất xin nàng tặng cho một vài lời để làm kỉ niệm; nàng đọc sáu chữ *Đẹp nóng nảy, ít lỗi lầm* rồi đứng dậy nắm tay chàng và nói:

- Chàng tiến chân tôi đi một chặng đường nhé.

Ra đi chừng một dặm hai người khóc lóc từ giã; nàng nói:

- Chúng ta có chí, biết đâu mai sau không được tái hội.

Nói đoạn, biến mất.

Ngày mười chín tháng chạp. Năm Khương Hi thứ hai mươi chín, Tất Công với ta nằm gác chân lên nhau, đàm đạo ở Xước Nhiên Đường, kể hết chuyện lạ này cho ta nghe. Ta nói:

- Có con chồn tri kỉ như thế, thì bút mực Liêu Trai vẽ vang biết bao! Vì thế ta chép truyện *Hồ Mộng*.

14. KÌ NGỘ TRONG NÚI

(Truyện Hoa Cô Tử, quyển VIII)

An Ấu Dư, đậu Bát công (cũng như cử nhon) Thiềm Tây, tánh vốn rộng rãi, hay làm việc nghĩa, thích phóng sinh, gặp ai đi săn được chim muông gì, không ngại tốn tiền mua rồi thả ra.

Nhơn lúc nhà ông cậu có đám tang, chàng đi đưa đám, chiều tối trở về, đường phải đi qua núi Hoa Nhạc, loanh quanh lạc lối trong núi, lòng rất lo sợ. Chợt thấy cách xa trước mặt một quăng, có bóng đèn lửa lập lòe, liền nhắm thẳng chỗ đó mà đi. Đi được mấy bước thấy một cụ già lom khom chống gậy, băng qua đường tắt và đi rất mau. An dừng bước toan hỏi, thì ông cụ đã cất tiếng hỏi trước chàng là ai? Chàng thú thật mình đi lạc đường, nhân dịp trở phía có đèn lửa, hỏi thăm có phải là một sơn thôn, để mình đi tới kiếm nhà ngủ đậu.

Cụ già trả lời:

- Chỗ ấy không phải là xóm yên ổn đâu. May được gặp già, thôi thì đi theo già về nhà, có lẽ tranh cho cậu yên nghỉ đêm nay.

An cả mừng, liền đi theo cụ chừng một dặm đường, thấy một xóm nho nhỏ. Cụ gõ cửa, một bà cụ chạy ra mở cửa và hỏi ngay:

- Có phải lang quân tới đó không?

Ông cụ gật đầu. Vô trong, thấy nhà cửa chật hẹp. Cụ kêu đèn mời chàng ngồi để sai người nhà làm cơm rượu; lại nói với bà cụ:

- Chàng đây không phải là ai xa lạ, chính là ân nhân của nhà ta đó. Bà đau chân đi lại không tiện, kêu Hoa Cô Tử ra đây hâm rượu nhé!

Giây lát, thiếu nữ bưng ấm chén vô đứng cạnh ông cụ, mắt liếc chàng luôn. Chàng ngó nàng tuổi nhỏ sắc đẹp, trông như cô tiên xuống trần vậy. Cụ day lại bảo nàng đi hâm rượu lên cho nóng.

Chái tây trong phòng sẵn có lò than, nàng liền vô đó nhen lửa.

Chàng hỏi ông cụ:

- Thưa cụ, cô đó là người nào vậy?

- Già đây họ Chương, bảy chục tuổi đầu chỉ có một mụn con gái đó thôi. Trong nhà không có tôi tớ nào hết, lại nghĩ ông đối với nhà tôi đâu phải khách lạ, cho nên mới sai vợ con ra chào mời hầu hạ, vậy xin ông chớ cười nghe!

- Thưa cụ, nhà chồng cô em ở làng nào kia?

- Không, nó chưa có chồng ông ạ!

An luôn miệng khen ngợi cô em xinh đẹp thông minh, cụ già đang ngỏ lời khiêm nhường cảm tạ, bỗng nghe thiếu nữ la hoảng ở chái tây. Cụ chạy vào, thì rượu sôi bắt lửa bốc cháy phùng phùng. Cụ dập tắt xong, rầy mắng con:

- Con bé khờ khạo quá, rượu sôi mà không biết ư?

Cụ day lại, thấy cạnh bếp có hình Tử Cô thần bằng bột nàng nắn còn dở dang chưa xong, cụ lại mắng tiếp:

- Đầu tóc mây bông bông thế ấy, mà còn chơi trò trẻ con!

Rồi cụ đem cho An coi và nói:

- Nó mắc lo sinh nhai với cái trò này, đến nỗi rượu sôi bắt lửa không hay vậy mà ngài khen ngợi nó không tiếc lời, khiến già hồ thẹn quá.

An xem hình thần, đủ cả mặt mây xiêm áo, nắn rất tinh khéo, lại khen ngợi.

- Xem cô nặn đồ trẻ con chơi mà khéo tay thế này, càng tỏ ra người thông minh.

Một lát bung rượu ra, nàng chạy đi chạy lại châm rượu đứng hầu, miệng luôn luôn tươi cười, không chút nào thẹn thuồng e lệ. An dòm liếc chăm chú, sóng tình xao xuyến trong lòng. Chợt nghe bà cụ ở trong nhà kêu gọi, ông cụ xin lỗi đi vào. Chàng thừa lúc vắng, nói với nàng:

- Trông thấy tiên dung, khiến tôi mê mẩn hồn phách; ý muốn về cây mối lái đến dạm hỏi cô, nhưng sợ không được, biết làm sao đây.

Nàng xách bầu rượu đi tới bếp lò, làm như tuồng không nghe An nói những gì. An gọi chuyện mấy lần, nàng đều làm thình không đáp, liền đứng dậy đi vô chái tây chỗ nàng hâm rượu, nàng đứng phất lên, nghiêm sắc mặt và nói:

- Cậu này điên khùng, vào làm chi đây?

Chàng quì xuống năn nỉ hết lời, nàng vùng chạy ra cửa. Chàng đứng chặn lại, muốn ôm chầm lấy nàng, nàng cất tiếng la khan. Cụ lật đật chạy vào. An mới buông tay nàng và đi ra, vẻ mặt vừa lo vừa thẹn. Nàng thung dung nói với cha:

- Rượu lại bốc cháy, may có lang quân chạy vào cứu được, không thì tiêu mất cả bình rượu rồi.

An nghe nàng nói trớ khôn khéo như thế, trong lòng mới yên, lại càng cảm ơn nàng và hôn phách tê mê thêm.

Đến đây, chàng giả say rượu xin ra khỏi tiệc, nàng cũng lui vô nhà trong. Cụ già trải chiếu ôm chăn ra cho chàng nằm rồi mới khép cửa đi vô.

Suốt đêm chàng nghĩ vợ vẫn không ngủ, mờ sáng đã thức dậy từ giã ra về.

Về đến nhà, liền cậy bạn thân đến nhà ông cụ để cầu hôn. Bạn đi cả ngày trở về, không tìm ra làng xóm cửa nhà đâu hết. Chàng nóng ruột, tức tốc sai người nhà thẳng ngựa theo hầu, tự đi tìm lấy.

Đến nơi chỉ thấy núi non chót vót, chẳng có làng xóm nào. Hỏi thăm mấy làng xóm xung quanh, tuyệt nhiên không có nhà họ Chương, đành thất vọng lui thui ra về.

Từ đó mất ngủ quên ăn, mắc bệnh mê sảng, gượng ăn một vài thìa cháo thì ảm ức muốn mửa. Trong cơn mê sảng, luôn miệng gọi tên Hoa Cô Tử, gia nhơn chả hiểu thế nào, chỉ lo suốt đêm thay phiên canh gác, vì bệnh càng ngày càng yếu, có thể nguy hiểm tánh mạng.

Một đêm, người ngồi canh giữ mỗi một ngủ quên đi, chàng thấy lơ mơ có người vuốt ve mình. Mở mắt ra nhìn, chính Hoa Cô đứng bên giường, tự nhiên thấy thần khí mình tỉnh táo, ngó nàng chăm chú, hai hàng nước mắt tuôn rơi. Nàng nghiêng đầu cười rĩ và nói:

- Con người si tình đến nông nổi này ư?

Đoạn, trèo lên giường ngồi trên bắp vế An, lấy hai tay nắn vuốt hai bên thái dương. An nghe có mùi xạ thơm kì, thấm tới xương, sặc cả mũi. Nắn vuốt một chặp, trán đổ mồ hôi, làn hồi nhẹ nhõm khắp cả thân thể.

Nàng nói nhỏ:

- Trong nhà đông người, em tới lui thường không tiện. Sau ba bữa em lại đến thăm.

Vừa nói vừa lấy trong bọc ra mấy chiếc bánh chưng để trên đầu giường rồi đi.

Nửa đêm, mồ hôi toát ra như tắm, chàng thấy bụng đói thèm ăn, mò lấy bánh chưng ăn đỡ dạ, không hiểu nhân bánh là thứ gì, thơm ngon lạ lùng. Chàng ngon miệng, ăn một hơi ba chiếc, lấy áo phủ đắp chỗ bánh còn dư, rồi nằm ngủ say một giấc.

Qua giờ Thìn hôm sau mới tỉnh, nghe như trút sạch gánh nặng đi đâu hết rồi. Ba ngày ăn hết chỗ bánh thì tinh thần khỏe mạnh hơn xưa. Bấy giờ mới giải tán gia nhơn, để chờ nàng đến. Lại lo nàng đến, ngõ vào không tiện, bèn lên ra ở riêng tại nhà học, gỡ hết khóa cửa, bỏ đi. Không lâu, quả nhiên nàng đến, cười và nói:

- Anh chàng si tình suýt chết này, không lo tạ ơn thầy thuốc ư?

Chàng mừng quýnh, ôm lấy nàng hun hít, ân ái mây mưa hết sức vui thú. Xong việc nàng nói:

- Sở dĩ em mạo hiểm chịu nhơ mà đến, là cốt đền ơn cậu đó thôi. Sự thật, không thể cùng cậu sắt cầm sum hiệp lâu dài được đâu, xin cậu sớm tính cuộc nhơn duyên khác đi.

An lắng lặng giây lâu rồi hỏi:

- Thuở giờ không từng có hân hạnh biết nhau, có ân huệ ở chỗ nào mà nàng nói báo đền, tôi thật không hiểu.

Nàng không trả lời thẳng vào đó, chỉ nói vắn tắt:

- Cậu tự nghĩ ra thì biết.

Chàng cố năn nỉ cho được ăn ở lâu dài, nàng lắc đầu:

- Đêm đêm lên lút đi lại, cố nhiên là sự không nên; mà vầy duyên cang lệ với nhau lại cũng không được.

An nghe nói bùi ngùi muốn khóc. Nàng nói:

- Nếu muốn thành việc, thì mời cậu đến nhà em tối mai.

An liền đổi buồn ra vui, hỏi:

- Đường xá xa xôi, chân cẳng em lại mảnh khảnh yếu ớt như thế, làm sao đi tới được đây?

Nàng đáp:

- Em đã về nhà em đâu. Bà lão điếc ở xóm đông này chính là dì em. Vì việc cứu bệnh cho cậu mà em nấn ná ở nhà dì mãi từ hôm đó tới nay, ở nhà cha mẹ em chắc lấy làm lạ.

Rồi đó, An nằm ngủ với nàng, nghe từ da thịt cho đến hơi thở không chỗ nào không thơm, hỏi nàng xúc thứ dầu gì mà mình mấy thơm lạ như thế? Nàng đáp:

- Từ nhỏ, em sinh ra đời vốn thế, không phải tại xúc dầu thơm nào cả.

Chàng càng lấy làm lạ. Sáng sớm, nàng dậy từ già. Chàng sợ mình đi lạc đường; nàng hẹn đón rước, không lạc đường đâu mà sợ.

Đến chiều An cỡi ngựa đi, quả nhiên nàng chực đón bên đường dẫn về chỗ cũ. Ông cụ bà cụ vui vẻ tiếp rước. Lần này mâm rượu không có món ăn gì lạ chỉ có rau dưa tấp nham, ăn rồi mời khách đi nghỉ. Xem ý nàng không sẵn sóc gì cả, chàng hơi lo ngại. Mãi tới canh khuya nàng mới mò đến, nói:

- Tại ông cụ bà cụ nhà em nói chuyện rầm rì mãi không ngủ khiến em không dứt ra mà đi đặng, làm cho cậu phải đợi lâu.

Hai người âu yếm vui thú cả đêm, nàng bảo An:

- Đêm nay tụ họp, rồi thì từ già trăm năm cậu ạ!

An sững sốt hỏi tại sao, nàng đáp:

- Ông cụ tôi cho cái xóm này vắng vẻ, ở buồn, cho nên sắp dời đi xa, em sum hiệp với cậu, đêm nay nữa là hết.

An không nở buông nàng ra, cùng nàng thở than bịn rịn, cho đến lúc trời sáng gần rõ mặt người; chợt, ông cụ sông sộc bước vào gắt mắng rầm nhà:

- Con ranh, mày làm nhơ nhuốc tiếng tăm nhà tao thế này, làm tao xấu hổ muốn chết.

Nàng tái mặt vội vàng chuồn mất. Cụ già cũng đi ra, vừa đi vừa chửi mắng con.

Chàng vừa sợ vừa thẹn, định bụng trèo tường vào xem sự tình ra sao; ông cụ đã nói có mang ơn mình, vậy nay dù cho bại lộ công việc, chắc cũng không trách móc chi lắm. Nghĩ thế rồi thừa lúc trời còn tối lần mò đi vào; té ra loanh quanh lạc lõng trong núi, không còn biết nhà cửa là đâu.

Trong lòng cả sợ, đang mò đường về, chợt thấy trong hang phẳng phất có bóng nhà cửa, mừng quá, liền đi tới đó, thấy cửa nhà nguy nga, dường như dinh phủ, mà cổng ngoài chưa đóng. Chàng đến trước mặt người gác cổng, hỏi thăm nhà họ Chương ở chỗ nào. Giữa lúc ấy có người thị nữ ở trong đi ra, hỏi đêm hôm ai tìm nhà Chương thị đó. An nói mình là người quen thân, chợt quên mất nhà, nên chỉ phải hỏi thăm đường đi nước bước. Thị nữ nói:

- Con trai không phải hỏi nhà Chương lão đâu, chắc đi tìm Hoa Cô chứ gì. May quá, đây chính là nhà thím của cô, và hiện có cô tại đây, đợi tôi vô nói giùm.

Giây lát trở ra, mời An vô trong nhà. Hoa Cô chạy ra đón và bảo thị nữ:

- An Lang lặn lội đêm khuya, chắc là nhọc mệt, mi lo sửa soạn chỗ ngủ mau đi!

An hỏi tại sao nhà không có ai cả. Hoa Cô nói:

- Thím em đi vắng, sai em coi nhà. May được gặp chàng ở đây, thật là duyên số.

Chùng nằm ngủ với nhau, chàng ngửi thấy mùi hôi tanh, trong lòng sinh nghi. Nàng ôm lấy cổ An rồi thè lưỡi liếm trong lỗ mũi, chàng nghe đau buốt như kim châm, hết sức kinh hãi muốn vùng dậy chạy trốn, nhưng thân thể như bị trói chặt. Một lát mê man, không biết gì nữa.

An đi mấy hôm không thấy về, gia nhon bỏ đi tìm kiếm tứ tung. Có chàng mách tin gặp chàng đi thất thơ trong núi chiều hôm. Gia nhon liền vô núi tìm, thấy chàng trần truồng, nằm dưới kẹt đá, lấy làm kinh quái, chẳng rõ duyên do tại sao, lật đặt khiêng về nhà.

Trong lúc người nhà đang xúm quanh khóc lóc thì một thiếu nữ tới thăm, từ ngoài cổng đi vô, vừa đi vừa khóc ròn, nghe cực thảm thiết. Nàng vỗ thi thể An mà nước mắt chan hòa, miệng kêu gào lớn:

- Trời ôi! Trời hỡi! Sao mà ngu dại đến thế!

Nàng khóc quá đến khan cả tiếng, giây lâu mới nín, dặn bảo gia nhon để đó bảy ngày, chớ vội liệm xác.

Không biết nàng là người nào, vừa toan mở miệng hỏi, thì nàng đã sừng sững đi ra, chẳng chào nói gì hết. Người ta muốn lưu nàng ở lại nhưng nàng đi thẳng, không thèm đoái hoài; theo hút rình xem, chớp mắt nàng đã biến mất, không thấy đâu nữa. Ai nấy đều nghi là thần, cho nên tuân theo lời dặn cẩn thận.

Đêm, nàng lại đến, cũng khóc thảm như trước. Qua bảy đêm, An bỗng hồi tỉnh, trở mình thở ra, gia nhơn đều kinh hãi. Thiếu nữ bước vào, nhìn thấy chàng khóc rầm rức; chàng đưa tay ra hiệu cho mọi người đi ra ngoài hết. Thiếu nữ lấy ra một bó cỏ núi, đổ một tô nước vô ấm mà sắc lên, đưa ngay cho chàng uống. Giây lát chàng nói được, than thở:

- Hai phen giết tôi là cô; hai bận tái sinh tôi cũng là cô.

Đoạn, kể lại cho nàng nghe cuộc gặp gỡ ban đêm ở nhà bà thím, nàng nói:

- Đó là con yêu rắn giả mạo làm em để hại chàng đó. Lúc trước chàng đi trong núi, thấy đèn sáng xa xa, nhưng ông cụ em khuyên đừng đến, chính là con yêu quái này đó.

An nghe nói, bấy giờ mới hiểu, hết sức cảm tạ nàng:

- Té ra khanh có phép làm cho xương khô mọc thịt, người chết lại sống thế này, chẳng phải là tiên ư?

Nàng đáp:

- Bấy lâu em vẫn định nói thiệt, nhưng sợ chàng kinh ngạc, nên chưa muốn nói. Năm, sáu năm trước, chàng có dịp đi qua núi Hoa Sơn, gặp lũ thợ săn vừa mới bắt được một con chương (cùng loài hươu nai, nhưng mình nhỏ, không sừng, mà có xạ thơm). Chàng xuất tiền mua đứt rồi thả nó đi, có phải thế không?

- Chuyện ấy quả có.

- Vậy con chương ấy tức là thân phụ em đó. Lúc trước nói chàng có ơn đức lớn với nhà em, là vì có ấy, hôm mới rồi, đáng lí chàng đã chết thật rồi và đã đi đầu thai vào nhà ông Chủ Chính họ Vương. Em với cha em xuống kiện tới Diêm Vương. Ban đầu Diêm Vương không nghe, cha em tình nguyện hoại đạo tu hành của mình để chịu chết thay chàng; kêu nài khóc lóc tới bảy ngày mới được việc đó. Ngày

nay chúng ta lại gặp gỡ, cũng là may. Tuy chàng khỏi chết, nhưng bị chứng tê liệt mình mẩy, phải lấy được máu con rắn ấy hòa rượu mà uống mới khỏi.

Chàng nghiêng răng cắn hờn con rắn làm hại mình, nhưng lo không có cách gì bắt nó được. Nàng nói:

- Sự thật không khó gì đâu. Chỉ khổ một điều là phải tàn sát hết nhiều sanh mạng, làm lụy cho toi mất hết trăm năm nữa, không được thành đạo lên tiên, thế thôi. Cái hang nó ở trong núi sâu, vào lúc quá trưa, chất cỏ khô bên ngoài mà đốt, một mặt dự bị cung tên cho tốt mà bắn, thì giết được con yêu quái đó.

Em không ở lại thờ chàng mãi đời, tự nghĩ hết sức đau đớn. Nhưng vì chàng mà công phu tu luyện của em tổn thất hết bảy rồi xin chàng thương xót giùm em. Tháng này nghe trong bụng cụ cựa chắc em có thai, vậy trai hay gái, năm sau em sẽ trao lại cho chàng.

Nàng nói xong, vừa khóc vừa đi.

An nằm cách đêm hôm qua ngày hôm sau, thấy từ bụng trở xuống tê liệt như chết, lấy móng tay cào véo thật mạnh cũng không biết đau.

Chàng bèn nói cho gia nhơn hay những lời nàng dặn dò khi từ biệt và bảo họ y theo kế hoạch mà làm.

Họ xông khói lửa vào trong hang, có con bạch xà lướt khói chạy ra, bị cung tên hùm săn cùng bắn một loạt, giết chết ngay. Lửa hun vào hang rắn nhỏ mấy trăm con đều bị thiêu rụi, mùi tanh hôi bay ra nồng nực.

Gia nhơn đem con bạch xà về, lấy máu hòa rượu cho chàng uống. Ba ngày, chàng thấy hai cẳng co duỗi được; nửa năm đứng dậy đi lại như thường.

Năm sau, một mình lững thững vô núi, gặp bà cụ già ôm đứa bé sơ sinh trao cho chàng và nói:

- Con gái lão gởi cho chàng đây.

An muốn hỏi chuyện nhiều, nhưng bà cụ đã biến đâu mất. Chàng mở mắt lột ra xem, thì là con trai, liền ẵm về nuôi, suốt đời không lấy vợ.

15. CỜ TRUÔNG RƯỢT MA

(Truyện Chương A Doan, quyển VIII)

Vệ Huy Thích, người tuổi trẻ chín chắn, có gan dạ dám làm. Lúc đó, một họ lớn trong làng có tòa nhà to, giữa ban ngày thấy ma hiện lên, người ở kế tiếp nhau chết, thành ra sợ hãi, tình nguyện bán rẻ.

Chàng thấy giá rẻ liền mua để ở. Nhưng nhà rộng mà người ít, những lầu gác ở phía đông cỏ mọc như rừng, đành bỏ hoang phế. Thường đêm gia nhân kinh hoàng, la sợ có ma. Được hai tháng, chết một con hầu. Cách ít lâu, vợ chàng mò đến khu lầu gác hoang phế kia trong lúc chiều hôm, trở về phát bệnh được mấy hôm cũng chết.

Gia nhân sợ quá, khuyên chàng dời đi chỗ khác. Chàng không nghe. Bây giờ vợ góa, trơ trọi một mình đã buồn cho thân, lại thêm lũ tôi tớ thường đem những chuyện quái lạ trong nhà ra nói, chàng phát cáu, ôm chăn gối ra nằm ngủ độc thân ở giữa căn nhà bỏ hoang bấy lâu.

Chàng để đèn sáng, chờ xem có sự gì lạ xảy đến không. Đợi lâu chẳng thấy gì, rồi ngủ quên đi.

Bỗng có người thò tay vào chăn, rờ mó sờ soạng. Chàng tỉnh giấc ngó thấy một cụ già, mặt mày đầu tóc trông nhăn nhoe bù rôi gớm ghiếc. Chàng biết là ma, nắm cánh tay đẩy ra, vừa cười vừa nói:

- Bà thì tôi không dám chơi.

Mụ hồ thẹn, khựng tay lại, bước cao bước thấp chuồn đi mất.

Giây lát một thiếu nữ từ mé tây bắc đi ra, dáng dấp xinh đẹp, đến thẳng dưới đèn, giận dữ la mắng:

- Thằng học trò nông cuồng ở đâu? Sao dám đến chỗ này nằm ngất ngưỡng như thế?

Chàng trỗi dậy, cười nói:

- Tôi là chủ nhà này, nằm đợi cô đến để đòi tiền thuê nhà đó.

Rồi đứng phắt lên, cởi trần truồng mà rượt bắt nàng. Nàng vội vàng chạy trốn. Chàng mau lẹ đến trước mé tây bắc mà chặn đường.

Nàng cùng đường bí lối, ngồi phịch trên giường chịu trận. Chàng đến tận nơi, thấy dưới ánh đèn nàng đẹp như tiên, lần hồi ôm nàng vào lòng. Nàng cười hỏi:

- Cuồng sinh không sợ ma ư? Ta sẽ vật cho xem.

Chàng cởi tuột áo quần của nàng, nàng cũng không mấy chống cự. Kế đó dịu dàng biện bạch:

- Em họ Chương, tên là A Đoan, sinh thời lấy phải thằng chồng lêu lổng chơi bời, tính nó hung dữ bất nhân, thường đánh đập thẳng tay, khiến em buồn rầu chết yếu, xác chôn tại đây trên 20 năm rồi. Dưới nền nhà này, toàn là mồ mả.

Chàng hỏi mục vụ già là ai, nàng đáp:

- Mục cũng là một con ma cũ ở đây, theo em để hầu hạ. Trên có người sống ở, thì ma quỷ ở dưới không yên, vì thế vừa rồi em sai mục ra đuổi chàng đi.

Chàng lại hỏi mục rờ rẫm là nghĩa thế nào, A Đoan nhoèn cười và đáp:

- Mục đó từng sống hơn 30 năm mà chưa được nếm mùi đời thú vị ra sao, nghĩ tình đáng thương, nhưng mục rờ rẫm chàng như vậy, kể ra thật không tự biết xét mình chút nào. Tóm lại, người nào nhút nhát thì ma chòng ghẹo, còn người cứng cỏi thì chẳng dám phạm đến.

Nghe chuông chùa bên xóm gõ rền, nàng mặc quần áo rồi bước xuống giường nói:

- Nếu chàng không nghi ngại, thì đêm em lại tới.

Trời tối, quả thật nàng lại đến, cùng nhau ôm ấp mây mưa cực vui vẻ. Trong lúc đầu gối tay ấp, chàng thở dài và nói:

- Vợ tôi chẳng may qua đời, tôi nghĩ thương nhớ không lúc nào nguôi, nàng có thể làm cách nào dắt hồn y về được không?

Nàng nghe nói càng chạnh lòng tủi thân:

- Tội nghiệp, em đây chết hai chục năm nay, có ai đâu đoái hoài tưởng nhớ em như thế. Anh thật là người đa tình, em xin ráng sức giúp anh việc đó. Nhưng nghe nói chị đã đi đầu thai rồi, chẳng rõ còn ở dưới âm ti hay không?

Qua đêm sau nàng đến báo tin:

- Chị sắp được đầu thai vào nhà sang trọng anh ạ. Nhưng vì sinh thời có lúc mất đôi hoa tai, nghi con hầu ăn cắp, đánh nó, nó bức trí tự tử. Vụ án đó hiện nay chưa xong, nên còn hoãn lại. Bây giờ chị đang bị tạm giam ở trước công đường Diêm Vương, có lính canh giữ. Em sai mụ vú đi lo lót hối lộ có lẽ sắp về.

Chàng hỏi sao nàng lại được thông thả. Nàng đáp:

- Phàm những ma quỷ uổng tử, nếu không tự xuống âm ti đầu thú, thì Diêm Vương cũng không biết tới.

Hết canh hai, mụ vú già dẫn vợ chàng cùng đến. Chàng nắm tay vợ khóc lóc bi thảm, vợ chàng cũng sụt sùi, nói không ra tiếng.

Nàng từ giã đi, nói:

- Thôi để anh chị hàn huyên với nhau, em xin đi, tối mai lại đến nhé.

Chàng yên ủi mà hỏi thăm vụ án con hầu tự tử, vợ đáp:

- Không hề chi, đã xử xong rồi.

Hai người đi ngủ, ôm ấp yêu đương y như lúc còn sống. Từ đó vợ chồng sum họp như thường. Sau năm bữa, vợ bỗng khóc ròn và nói:

- Ngày mai em phải đi Sơn Đông, thế là vợ chồng ta vĩnh quyết, biết làm thế nào?

Chàng nghe nói ôm mặt mà khóc vui, hết sức thống thiết. A Đoan khuyên giải hiển kể:

- Em có một cách, làm cho anh chị tạm thời sum họp được.

Hai người cùng gạt lệ hỏi cách thế nào? Nàng xin lấy mười xấp giấy tiền, đem đốt ở dưới gốc cây hạnh, trước nhà hướng nam, để nàng đem xuống âm ti hối lộ với kẻ phụ trách áp dẫn những người phải đi đầu thai, cầu xin trì hoãn ngày giờ lại ít lâu. Chàng làm y theo.

Tối đến, vợ trở về nói:

- May nhờ cô Đoan lo lót đắc lực, nay được tụ họp thêm mười bữa.

Chàng mừng quá, không cho Đoan bỏ về như mọi đêm, cố giữ nàng lưu lại, cùng nằm chung giường, suốt đêm tới sáng, chỉ sợ cuộc vui chóng hết.

Qua bảy, tám ngày, thấy kì hạn sắp hết, vợ chồng khóc nức nở suốt đêm, lại hỏi Đoan xem có mẹo cao gì khác. Nàng nói:

- Xem chừng bạn này khó tính quá! Tuy vậy, em cũng thử làm xem, nhưng không có giấy tiền trăm vạn không xong.

Chàng mua đủ số trăm vạn giấy tiền về đốt như trước.

- Em cậy người nói lót với chú cai áp dẫn, ban đầu ra vẻ khó khăn, chừng trông thấy tiền nhiều mới xiêu lòng. Bây giờ đã chọn con ma khác đi đầu thai thế chân chị rồi.

Từ đó ban ngày cùng ở với nhau, chẳng đi đâu nữa. Đoan bảo chàng dán giấy bịt kín cửa sổ, bên trong đèn thấp sáng luôn không lúc nào tắt.

Sống như vậy hơn một năm, bỗng dưng nàng mắc bệnh, mê man rầu rĩ, luôn luôn hoảng hốt như thấy ma làm. Vợ chàng rờ vào mình nàng và nói:

- Đây là bệnh ma thật.

Chàng ngạc nhiên hỏi:

- Quái lạ! Đoan đã là ma rồi, lại còn ma nào làm bệnh nữa kia?

Vợ cắt nghĩa:

- Không phải vậy đâu. Sự thật ma chết thành mị. Ma sợ mị cũng như người sợ ma vậy.

Chàng muốn đi mời thầy phù thủy về cúng lễ, vợ không nghe.

- Bệnh ma phải có thầy ma, chứ người chữa sao được. Mụ già họ Vương ở xóm ta hiện đang làm nghề cúng lễ ở dưới âm ti, để tôi đi gọi. Nhưng mụ ở cách xa hơn mười dặm, mà chân cẳng tôi yếu lắm, không thể đi được, vậy mình đốt cho tôi con ngựa giấy.

Chàng làm theo lời. Ngựa giấy chưa cháy tàn đã thấy con tó gái dắt con ngựa lông đỏ tới trước sân. Vợ chàng leo lên, chớp mắt biến mất. Giây lát cùng một mụ già cưỡi ngựa đến, cột ở dưới thêm. Mụ vào bóp mười ngón tay nàng, rồi thì ngồi xếp bằng ngay ngắn, tay bụng đầu lắc lư lên đồng, giây lát ngã xuống đất, rồi bò dậy nói:

- Ta là thần Hắc Sơn đại vương đây. Người con gái này bệnh nặng, gặp ta thật là phúc lớn. Bệnh này là bệnh ma làm nhưng không hề gì. Muốn khỏi bệnh, phải cúng ta thật hậu, vàng trăm nén, tiền trăm quan, cỗ bàn một tiệc, không được thiếu món nào cả.

Vợ chàng đứng bên, vâng dạ răm rắp. Mụ đồng lại ngã xuống mà hồi tỉnh, hướng về phía bệnh nhân la hét ít tiếng rồi thăng đồng, thế là xong việc. Mụ xin đi, vợ chàng đưa ra ngoài sân tặng luôn con ngựa, mụ hớn hờ lên đường.

Trở vào xem nàng, dường như hơi tỉnh, hai vợ chồng rất mừng, vỗ về thăm hỏi, bỗng dung nàng nói:

- Em sợ không sống ở đời được nữa. Hễ nhắm mắt là thấy oan quỷ hiện lên, âu cũng là số mệnh đã đến lúc hết rồi.

Nói đoạn khóc mướt.

Qua đêm sau bệnh càng trầm trọng thêm, nằm co run rẩy, như là trông thấy yêu quái gì nhất sợ vậy, kéo chàng nằm chung, rúc đầu vào bụng chàng, sợ ai đến bắt đi. Chàng đứng dậy đi chỗ khác, nàng liền kinh hoảng kêu la dữ dội. Như thế luôn sáu, bảy ngày, vợ chồng hết phương, không còn biết tính liệu cách nào.

Một hôm chàng có việc đi khỏi, nửa ngày mới về, nghe tiếng vợ gào khóc, té ra Đoan nương đã tắt nghỉ trên giường, thi hài phủ chăn còn đó. Chàng mở ra xem, thấy xương trắng một đống, thương khóc cực thảm rồi lấy lễ tống táng như người, chôn cất bên cạnh mồ mã ông bà.

Đêm nọ, vợ đang ngủ mà khóc thốn thức. Chàng lại hỏi chuyện gì, vợ nói:

- Vừa rồi tôi chiêm bao thấy Đoan nương về, kể chuyện thằng chồng cô đã hóa ra mị (ma chết thành mị), tới đến đòi mạng. Cô xin vợ chồng ta làm một tuần chay cho vong linh cô.

Sáng ra chàng thức dậy sớm, sửa soạn, đi rước thầy chùa và mua sắm các thứ để làm tuần chay, vợ ngăn lại và nói:

- Làm chay siêu độ ma mị, chàng biết đâu mà sắm sửa. Để đó tôi lo.

Nói rồi đi liền, một chặp trở về, cho hay đã sai người đi mời thầy chùa, bây giờ phải đốt giấy tiền trước cho họ làm lộ phí.

Chàng làm y lời.

Mặt trời vừa lặn, đã thấy lũ thầy chùa kéo đến, trống mõ đồ cúng mọi thứ giống như trần gian. Vợ chàng kêu trống mõ làm đình tai nhức óc, nhưng chàng tuyệt nhiên không nghe tiếng động gì hết.

Cúng xong, vợ lại chiêm bao thấy Đoan nương về tạ ơn, nhân dịp cho biết oan cừ đã rửa sạch rồi, sắp sửa đi thác sinh làm con gái của một vị Thành hoàng, nhờ chị nói lại cho anh hay.

Vợ chàng ở nhà với chồng ba năm, ban đầu gia nhân nghe thì sợ hãi, lâu dần trở nên quen thuộc, thân cận như thường. Chàng đi đâu vắng thì tôi tớ đứng ngoài cửa sổ, thừa bảm công kia việc nọ cho bà chủ biết.

Một đêm, tự dung vợ khóc và nói với chồng:

- Mình ơi! Người lính áp dẫn đầu thai độ nọ đã bị tiết lộ công việc man trá mà bị mất chức và bị tội rồi. Nay âm ti lòng bắt tôi gắt lắm, e vợ chồng ta không còn được sum họp bao lâu nữa.

Mấy hôm sau, quả nhiên sinh bệnh, nàng nói:

- Mọi tình gắn bó, chỉ mong được chết mãi còn hơn, chẳng vui sướng gì được đi thác sinh. Thế mà nay chúng ta sắp phải vĩnh quyết nhau, chẳng phải tự số trời xếp đặt ư?

Chàng bi thương hết sức, hỏi xem còn có mưu kế gì để được đoàn tụ mãi với nhau, vợ nói:

- Bây giờ không còn có cách gì nữa.
- Thế, mình trốn bấy lâu, có bị trừng phạt gì không?
- Có, nhưng chỉ phạt xoàng thôi. Trốn sống mới có tội to, trốn chết qua tội nhỏ.

Nói đoạn, không nhúc nhích cựa quậy gì cả, dòm kỹ lại thì mặt mày hình thể biến đi lần lần tới hết.

Chàng thường nằm ngủ một mình trong gian nhà hoang, mong được tái ngộ, nhưng không có chi lạ. Từ đó, nhà cửa hết có ma quỷ quấy nhiễu, gia nhân ở yên.

16. HÁO SẮC LUY MÌNH

(Truyện Phong Tam nương, quyển VIII)

Cô Mười Một họ Phạm, con quan Tế tửu ở Lộ Thành, tuổi nhỏ tuyệt đẹp, lại rất phong nhã, cha mẹ yêu quý như nâng trứng hứng hoa. Những người đến hỏi cha mẹ bảo nàng tự chọn lấy, nhưng nàng chưa thuận đám nào.

Gặp tết thượng nguyên, các bà vãi ở chùa Thủy Nguyệt mở hội cúng chay đốt mã, nàng cũng tới xem.

Trong lúc nàng đi dạo cảnh cù, một thiếu nữ đi theo bên gót, thường liếc nhòm nàng, ý chừng như muốn nói gì. Nàng nhìn kỹ là một cô gái đôi tám cực đẹp, trong lòng rất ưng, càng chăm chú nhìn. Thiếu nữ mỉm cười hỏi:

- Cô có phải cô Mười Một họ Phạm không?
- Thưa, chính là tôi.
- Tôi nghe danh tiếng đã lâu, nay mới được thấy mặt, quả thật là người ta đồn đại không sai.

Cô Mười Một cũng hỏi thăm quê quán họ tên, thiếu nữ đáp:

- Tôi họ Phong hàng thứ ba, nhà ở một xóm gần đây.

Hai người nắm tay chuyện vãn niềm nở vui vẻ, thành ra yêu mến nhau hết sức, không muốn rời ra, cô Mười Một hỏi sao đi trơ trọi một mình, chẳng có bầu bạn gia nhân cùng đi, thiếu nữ trả lời:

- Cha mẹ mất sớm, nhà chỉ có một vú già, phải coi nhà không đi với tôi được.

Cô Mười Một sửa soạn ra về, Phong Tam Nương nhìn sưng muốn khóc làm cô cũng buồn rầu, liền mời Tam Nương về nhà chơi. Tam Nương nói:

- Nhà cô gác tía lầu son, tôi lại không họ hàng chi, e đến chơi bị người nhà bàn tán nói này khác không tốt.

Cô Mười Một cố mời, Tam Nương hẹn để hôm khác.

Lúc từ biệt, cô rút một cành thoa vàng đưa tặng. Phong cũng lấy cây trâm biếc ở trên mái tóc để đáp lễ.

Cô về nhà đâm ra tưởng nhớ thiết tha, lấy cây trâm xem lại, không phải vàng cũng không phải ngọc, trong nhà không ai biết là thứ gì, đều lấy làm lạ.

Hàng ngày cô mong mỗi Tam Nương đến chơi không thấy đến nỗi buồn rầu phát bệnh. Cha dò biết cái nguyên cớ, sai người đi thăm các xóm làng chung quanh, nhưng không ai biết thiếu nữ họ Phong là người nào.

Nhằm tiết trùng cửu (mùng chín tháng chín), cô gầy còm buồn bã, gọi con hầu điu đỡ ra vườn ngoài chơi, trải nệm gối dưới giàn hoa ngò tiêu khiên. Bỗng dưng có một người con gái thò mặt lên vách tường dòm sang. Nhìn ra chính là Phong nữ chứ không phải là ai lạ. Phong kêu:

- Đỡ tôi xuống nào!

Con hầu chạy ra đỡ tay. Phong nhảy thoát xuống. Cô Mười Một mừng khôn thể tả, tự nhiên đứng phắt dậy, kéo Phong cùng ngồi nói chuyện, trách nàng đã sai lời hẹn và hỏi bây giờ ở đâu lại đây? Phong đáp:

- Sự thật nhà tôi cách đây xa lắm, thỉnh thoảng tôi đến chơi nhà ông cậu ở gần lối xóm này. Độ trước tôi có nói rằng nhà ở xóm gần đây, tức là nói nhà cậu tôi đấy. Từ lúc chị em từ biệt, tôi tưởng nhớ nảo nùng. Nhưng nghĩ mình phận nghèo khó, chơi với con nhà giàu sang, chân chưa bước tới nhà trong lòng đã có vẻ thẹn, chỉ e bị lũ tôi tớ trong nhà coi thường xem khinh. Vì thế mà tôi không muốn tới. Vừa rồi đi ra ngoài vách tường, nghe trong có tiếng con gái nói, liền trèo lên dòm xem, mong rằng gặp cô, nay quả như nguyện.

Cô Mười Một bèn kể cho Phong nghe vì đâu mình sinh bệnh. Phong khóc như mưa, khóc chán rồi nói:

- Chị có đến chơi thì xin giữ bí mật, sợ những kẻ sinh sự lắm điều, bàn dài nói vắn, không thể chịu nổi.

Cô xin y lời, đoạn dẫn nàng về phòng riêng với mình, ăn cùng mâm nằm cùng chiếu, thích cùng chuyện trò tâm sự mà bệnh cũng khỏi dần. Rồi đính ước làm chị em, áo quần giày vớ thay đổi lẫn lộn, không hề phân biệt. Hễ có người nào đến thì Phong núp vào bên màn. Như thế trải năm, sáu tháng Phạm công với phu nhân nghe phong thanh.

Một bữa hai chị em đang ngồi đánh cờ, phu nhân chợt đến thành linh, trông thấy, sững sốt, và nói:

- Thật là xứng bạn con ta!

Rồi quay hỏi cô Mười Một:

- Trong chốn khuê phòng con có người bạn tốt thì cha mẹ vui mừng cho, sao con không nói cho mẹ hay.

Cô bày tỏ ý muốn của Phong.

- Cô đến làm bạn con ta, thế là điều hay, cần chi phải giấu giếm?

Phong đỏ mặt làm thinh, mân mê dải áo, chẳng nói chẳng rằng. Sau lúc phu nhân đi, Phong muốn từ biệt, cô Mười Một năn nỉ mãi mới chịu ở lại.

Đêm nọ, nàng hốt hơ hốt hả từ ngoài chạy vào, vừa khóc vừa nói:

- Chị đã nói rằng ở lại không nên, thế mà vì nể em phải ở lại, bây giờ mới gặp lại cái nhục lớn lao thế này!

Cô kinh ngạc hỏi chuyện gì, nàng đáp:

- Vừa rồi chị ra thay áo, một chàng thiếu niên đón đường chọc ghẹo, may chị chạy thoát. Như vậy chị còn mặt mũi nào mà ở đây nữa chứ?

Cô gạn hỏi hình dáng, rồi tạ lỗi:

- Thôi, xin chị bỏ qua đi, người ấy là ông anh ngây thơ của em đó. Để em thưa với mẹ đánh đòn anh ta cho biết thân!

Phong cố từ, một hai đòi đi. Cô Mười Một khuyên đợi trời sáng sẽ đi, vội gì. Phong nói:

- Nhà cậu của chị chỉ cách đây mấy bước để chị bắc thang leo qua vách tường là được rồi.

Nàng đi rồi, cô Mười Một gục mặt trên gối khóc lóc thảm thương, xem như mất bạn tơ tóc vậy.

Cách mấy tháng sau, con hầu có việc đi tới xóm Đông, chiều tối về, gặp Phong giữa đường, có bà cụ già theo sau. Con hầu mừng rỡ, đứng chào hỏi. Phong cũng ngậm ngùi, hỏi thăm sức khỏe của cô Mười Một độ rày ra sao. Cô hầu nắm áo nàng và nói:

- Cô Ba ghé lại nhà tôi chơi đi. Từ lúc cô bỏ đi, cô chủ nhà tôi rầu rĩ mong đợi muốn chết.

Phong nói:

- Chính ta cũng nhớ cô mày đáo để, nhưng ta không muốn để cho người nhà biết, vậy mi về trước mở sẵn cửa vườn, tự ta đến.

Con hầu về nói chuyện cho cô Mười Một biết, cô mừng quá giục nó đi mở cửa vườn, té ra nó chưa kịp đi đã thấy Phong vào trong vườn lúc nào rồi. Hai người tay bắt mặt mừng, cùng kể lể lòng thương nỗi nhớ, hết chuyện nọ qua chuyện kia liên miên không ngủ. Phong dòm thấy con hầu đã ngủ say rồi, bèn trỗi dậy đến nằm chung gối với cô Mười Một, tỉ tê nói nhỏ:

- Chị vốn biết em chưa nhận lời ưng thuận đám nào, con người tài sắc dòng dõi như em lo gì chẳng lấy được một người chồng sang trọng. Như lũ công tử bột không thềm kẻ, nếu em muốn được một người chồng tử tế, thì chớ phân bì giàu nghèo chi hết.

Cô Mười Một cho lời nói ấy đúng. Phong nói tiếp:

- Cách chùa chúng ta gặp hồi năm ngoái, năm nay họ làm chay rất to, ngày mai em đi với chị đến xem, chị sẽ cho thấy mặt một người đáng làm chồng em. Từ nhỏ, chị đọc sách tướng đã nhiều, quyết không sai lầm đâu.

Tảng sáng, Phong đi trước, hẹn đợi nhau ở chùa. Chập sau cô Mười Một đến chùa đã thấy Phong ở đó trước rồi. Chị em dắt nhau đi dạo quanh chùa một vòng rồi mời cô Phong cùng đi xe về. Khi dắt tay ra cửa, thấy một vị tú tài lối mười bảy, mười tám tuổi bận áo xuềnh xoàng và dáng dấp đứng đắn. Phong khều cô và nói nhỏ:

- Con người mai sau thành đạt lớn đó.

Cô Mười Một liếc qua rồi Phong từ giã đi riêng:

- Em cứ đi về trước đi, tối chị sẽ đến.

Quả nhiên buổi tối Phong đến nói:

- Chị đã dò kỹ càng rồi. Anh chàng ấy tức là Mạnh An Nhân, người cùng xóm này mà.

Cô biết chàng nghèo, tỏ ý không thích. Phong thở dài:

- Cơ khổ, em mắng vượng phải thói đời như thế ư? Phải biết con người đó nếu như suốt đời nghèo hèn thì chị tự khoét mắt mình đi, không xem tướng ai nữa.

Cô hỏi:

- Nhưng biết làm thế nào bây giờ?

- Em cứ đưa một món chi, để chị đem lại trao cho chàng đính ước hôn nhân.

- Chị định làm dễ dàng quá vậy? Em còn cha mẹ sờ sờ, nếu cha mẹ không ưng ý thì sao?

- Ấy chỉ vì Phong sợ không được toại nguyện cho nên mới đính ước ngay bây giờ. Nếu như chị em cương quyết, thì dù có sống chết ai mà cướp được.

Cô Mười Một khẳng khẳng cho là không nên.

Phong nói:

- Nhân duyên của em đã nảy ra manh mối rồi nhưng nghiệp chướng vẫn còn vướng vít trong lòng chưa tiêu, cho nên hôm nay chị đến là cốt xe duyên cho em để báo đáp cái tình tử tế bấy lâu. Thôi để chị đi, tự lấy cảnh thoa vàng của em tặng chị năm ngoái vâng lệnh em mà đưa tặng chàng làm tin cũng được.

Cô Mười Một còn ngần ngừ suy nghĩ, Phong đã bước ra ngoài cửa đi tuốt.

Lúc đó Mạnh sinh nhà nghèo nhưng học cực giỏi, ý muốn kén vợ thật xứng đáng mới lấy, cho nên tuổi đã mười tám chưa dám hỏi đám nào. Ngày hôm đó đi chơi chùa được dịp trông thấy hai cô gái về nhà đâm ra tơ tưởng vẫn vợ. Mới tan canh một, Phong Tam Nương gõ cửa bước vào, chàng thấp sáng đèn nhìn mặt té ra một trong hai mỹ nữ mình may mắn trông thấy ban ngày, chàng mừng rỡ chào hỏi.

Phong nói:

- Tôi họ Phong, bạn gái của tôi cô Mười Một họ Phạm.

Chàng mừng quá không gạn hỏi chi nhiều lời, vội vàng tiến đến, muốn ôm lấy Phong. Phong cự hăn hỏi:

- Cậu này! Tôi chẳng phải là Mao Toại đem thân đến hiến nhé, mà chỉ đóng vai Tào Khâu đem tin đi mối cho người ta đó thôi. Số là cô Mười Một họ Phạm, muốn kết nhân duyên với cậu, cho nên tôi xin làm mụ mối cho cô cậu nên vợ nên chồng mà!

Chàng ngạc nhiên không tin, Phong liền trao cảnh thoa vàng làm chứng. Chàng mừng hết sức, cảm tạ và thề nguyện:

- Cô có lòng quyến chỉ giùm tôi như thế, xin thề nếu không lấy được cô Mười Một, thà cam ở góa trọn đời.

Phong từ giã đi.

Sáng ngày, chàng cậy bà cụ lối xóm đến nói với Phạm phu nhân. Quả nhiên phu nhân chê nghèo, không cần hỏi ý kiến con gái, cứ việc từ chối lập tức.

Cô Mười Một nghe chuyện như vậy, hết sức thất vọng, trở lại oán Phong báo hại mình, kim thoa đã lỡ trao, khó nổi đòi về, chỉ có cách thề chết giữ trọn lời nguyện thôi.

Một hôm sau có người con ông quan nọ đến cầu hôn, trong ý còn lo không thành, cho nên cậy quan huyện đứng ra làm mối. Lúc đó ông quan nọ đang ở chức trọng quyền to. Phạm công có ý kiêng sợ, hỏi cô Mười Một, cô tỏ vẻ không vui. Bà mẹ dỗi dành gạn hỏi, cô làm thinh không nói câu gì, chỉ khóc sụt sùi rồi cậy người nói riêng cho phu nhân biết rằng: không phải Mạnh sinh đến thì chết không lấy chồng nào cả.

Phạm công càng giận, cứ hứa gả cho người con ông quan nọ, trong ý lại ngờ cô có tư tình với Mạnh sinh nên chi càng gấp chọn ngày lành tháng tốt, thành lễ cho mau.

Cô Mười Một phần uất bỏ ăn, ngày chỉ nằm kiết, mãi đến hôm trước ngày cưới, tự dưng cô trở dậy soi gương trang điểm, phu nhân mừng thầm. Giây lát thị nữ tức tốc chạy vào nói tiểu thư đã tự thắt cổ. Nội nhà kinh hãi khóc, ăn năn đã muộn. Ba ngày làm lễ táng.

Nói về Mạnh sinh, từ hôm bà cụ lồi xóm trở về trả lời không xong, chàng ám ức muốn chết nhưng vẫn xa xa theo dõi tin tức, còn mơ tưởng cuộc nhân duyên có thể vẫn hồi. Chừng nghe tin danh hoa đã gần có chủ, ngày cưới đến nơi, bấy giờ chàng mới phẫn hận như lửa đốt ruột gan, từ đây muôn sự mong mỏi đều tiêu tan, không còn trông đợi gì nữa.

Không bao lâu nghe tin ngọc vỡ, hương vùi, nàng đã tự sát, Mạnh sinh càng đau đớn thảm thương, tức mình không được cùng mỹ nhân chết cho rồi đời. Chập tối chàng lần mò ra đi, trong ý muốn thừa lúc đêm hôm, đến khóc trước mả mỹ nhân cho hả chút lòng sầu khổ. Chợt thấy bóng người từ đầu kia đi tới. Đến gần té ra Phong Tam Nương.

Phong nói:

- Tôi mừng giùm cậu đến lúc thành cuộc nhân duyên đấy.

Chàng khóc òa và hỏi:

- Vậy cô không hay tin Phạm tiểu thư đã chết rồi ư?

Phong đáp:

- Ấy, vậy tôi bảo rằng thành việc, chính ở chỗ cô ta chết mà. Mau mau gọi gia nhân đi đào mả lên, tôi có thuật lạ, có thể làm cho cô hồi sinh.

Chàng mừng quá, nghe lời răm rắp. Đào mả bỏ hòm, lấp huyết lại như cũ, rồi chàng tự công tử thi cùng Tam Nương về đặt nằm trên giường. Tam Nương đổ thuốc vào miệng, giầy lát tiểu thư hồi tỉnh, nhìn thấy Tam Nương, hỏi đây là đâu. Phong trở vào chàng và đáp:

- Mạnh An Nhơn đây mà, em!

Rồi kể rõ nguyên do, lúc ấy cô như người chiêm bao mới tỉnh.

Phong sợ công việc tiết lộ bèn dắt nhau đi xa mười lăm dặm, lần trốn ở một xóm nhỏ trong núi. Đoạn Phong đòi từ giã ra đi, cô khóc lóc giữ lại làm bạn với mình, để ở riêng một gian nhà. Dem bán những đồ trang sức tấm liệm làm vốn sinh sống, nhờ đó cũng hơi dư dật. Mỗi khi Phong gặp chàng đến, liền tìm cách lẩn tránh, cô Mười Một thung dung nói:

- Chị em ta khác nào ruột thịt, nhưng trước sau gì cũng người đông kẻ tây, chẳng được sum họp suốt đời. Chi bằng chúng ta bắt chước Nga Hoàng, Nữ Anh ngày xưa thì hơn.

Phong gạt đi:

- Từ nhỏ, chị học được phép lạ có thể trường sinh, cho nên chị không chịu lấy chồng!

Cô Mười Một nói:

- Người đời truyền tụng những phép thuật trường sinh có thể chất đầy kín nhà bếp, chị học phép của tiên ông nào đó?

Phong đáp:

- Cái học của chị không phải như người đời đã biết kia đâu, người đời vẫn truyền tụng chẳng phải là chân truyền. Duy có Ngũ Cầm kinh của Hoa Đà là đúng. Phàm người tu luyện, chẳng qua chỉ muốn cho khí huyết lưu thông vậy thôi. Nếu chị gặp nhiều nghịch chướng, cứ vương mình như cọp thì chết ngay.

Cô Mười Một ngăm mưu với chàng giả đồ có việc đi xa. Đêm ấy cô ép nàng uống rượu thật say, rồi chàng mò vào làm càn. Nàng tỉnh dậy thở dài và nói:

- Em hại chị rồi đó. Nếu không vương nhằm sắc giới mà tu luyện thành đạo, có thể lên đến tầng thứ nhất. Nay lại bị sa ngã vào mưu gian, cũng là số mệnh khiến vậy.

Tức thời đứng dậy cáo từ. Cô Mười Một ân cần bày tỏ lòng thành của mình, và tha thiết xin lỗi. Nàng nói:

- Giờ chị xin nói thật, chị là chồn tinh đây. Chỉ vì năm trước trông thấy sắc đẹp của em mà sinh lòng yêu mến, giống như con kén tự buộc lấy mình, mới đến nỗi xảy ra thế, chẳng phải tự sức người ta. Nếu em cố giữ chị ở lại thì ma chướng càng nảy ra mãi, không biết đến đâu là cùng. Em hạnh phúc còn nhiều, xin giữ lấy mình khỏe mạnh.

Nói đoạn biến mất. Hai vợ chồng sững sốt, than thở rất lâu.

Qua năm sau, chàng thi đậu cả hương lẫn hội, được bổ chức hàn lâm, trở về đưa thiếp danh xin yết kiến Phạm công. Ban đầu Phạm công vừa thẹn vừa hối, không chịu tiếp, chàng năn nỉ mãi, ông mới chịu ra.

Chàng theo lễ con rể đối với cha vợ rất mực cung kính, Phạm công nổi giận, cho là chàng nhạo mình. Chàng xin phép nói riêng một câu chuyện kín, rồi kể hết đầu đuôi mọi việc đã qua. Phạm công chưa tin, liền sai người đến tận nhà xem, bấy giờ mới chung hứng vui mừng, dặn dò gia nhân kín miệng, khoan nói tung ra, sợ có họa, vì nhà ông quan cầu hôn trước kia hãy còn oai thế to.

Hai năm sau, ông ta phạm tội bị phát giác, cả hai cha con phải đi đầy làm lính ở Liên Hải, bấy giờ cô Mười Một mới về thăm nhà cha mẹ.

17. MỘT NHÀ ĐĨ CHỒN

(Truyện Nha Đầu, quyển VI)

Học sinh Vương Văn người Đông Xương, từ nhỏ tính vốn thật thà, đi chơi đất Sở, trời tối gặp sông lớn chưa qua được, phải vào nhà trọ nghỉ ngơi, dạo bước ngoài cửa xem cảnh.

Người đồng hương là Triệu Đông Lâu, buôn bán lớn, thường mấy năm không về nhà một lần, nay gặp Vương ở xứ lạ, tay bắt mặt mừng, liền mời đi tiêu khiển chơi.

Đến nơi, chàng dòm thấy trong nhà có mỹ nhân ngồi, kinh ngạc lùi bước. Triệu cố lôi kéo, lại đứng ngoài cửa sổ kêu gọi Nật Tử, biểu nàng tránh đi, bấy giờ Vương mới chịu vào.

Triệu sai dọn cơm rượu thết đãi, chuyện văn ân cần. Vương hỏi:

- Đây là nhà ai?

- Nhà này là một nhà chứa nho nhỏ – Triệu đáp – Tôi vì sống ở quê người đất khách lâu ngày, cho nên tạm lấy chồn này làm trò vậy.

Trong lúc hai người nói chuyện, Nật Tử thường ra vào dòm ngó luôn, khiến cho Vương nhột nhột không yên, liền đứng dậy từ biệt. Triệu cố níu chàng ngồi lại. Giây lát, một thiếu nữ đi qua trước cửa trông thấy chàng, liếc mắt đưa tình, sóng thu lai láng, mà dáng người ả có vẻ thần tiên. Thuở nay chàng vốn đứng đắn thế mà bây giờ ngáy ngất xiêu lòng, hỏi thăm cô gái đẹp ấy là ai? Triệu đáp:

- Con gái út của bà chủ nhà này đó. Nàng tên là Nha Đầu, mới có mười bốn tuổi, bọn vương tôn quý khách thường đem nhiều tiền cám dỗ bà mẹ, nhưng nàng nhất định không chịu, thành ra bị mẹ đánh đập khốn khổ, chỉ vì nàng còn ít tuổi, nhờ năn nỉ lạy lục mới êm, hiện nay còn đang kén chồng đó.

Vương nghe nói cúi đầu ngồi lặng, như mộng như si, đến nỗi chuyện trò thù tạc sai cả đầu đề. Triệu hỏi bốn:

- Nếu anh ưng ý thì tôi làm mai cho.

Vương ngậm ngùi nói mình không dám có ý nghĩ ấy đâu. Tuy nhiên, trời đã xế bóng, chàng vẫn ngồi chẳng nói gì tới sự đi về. Triệu lại đùa bốn hỏi lại lần nữa. Vương nói:

- Bạn có lòng tốt, tôi rất cảm tạ, chỉ hiềm cạn túi biết làm thế nào?

Triệu biết tình ý Nha Đầu cứng cỏi, nếu ít tiền chắc nàng không chịu tiếp, cho nên tình nguyện giúp thêm mười lượng. Chàng bái tạ về nhà trọ, dốc hết tiền bạc trong hầu bao rồi lại đến chỗ cũ, đếm được năm lượng, năn nỉ Triệu nói giùm với mục tào kê. Quả nhiên mục chê ít, không thuận. Nha Đầu nói:

- Thường ngày mẹ vẫn trách con không làm cây tiền cho mẹ, nay con xin theo ý mẹ muốn. Con mới học ra đời, thế nào cũng có ngày báo đáp ơn mẹ. Vậy mẹ đừng chê món tiền nhỏ mọn, mà xua đuổi ông Thần Tài đi.

Mục thấy tính con bướng bỉnh, giờ được nó ưng chịu như thế, hết sức mừng rỡ, bèn nhận lời ngay và sai con ở đi mời Vương Văn.

Triệu thấy vậy, không thể chạy chối lời hứa, liền xuất thêm mười lượng phụ vào món tiền của Vương mà trao cho mục.

Vương cùng Nha Đầu vui vẻ yêu đương nhau rất mực. Đoạn, nàng hỏi Vương:

- Em là con nhà trắng hoa hèn mọn, không đáng cùng chàng sánh đôi bằng lứa. Nay được chàng đoái thương, nghĩa ấy rất nặng, em không quên. Nhưng chàng trút túi để mua cho được một cuộc vui thú đêm nay, rồi ngày mai thì sao?

Chàng cảm động, khóc lóc than thở. Nàng khuyên can:

- Xin đừng bi thương làm chi. Em gửi thân trong chốn phong trần, nhưng không phải thật tâm muốn vậy, chẳng qua chưa gặp được người thành thực như chàng, đáng cho em trao gửi tấm thân, cho nên đành phải nắn ná đó thôi. Bây giờ em xin trốn đi theo chàng đêm nay.

Vương hớn hờ vùng dậy, nàng cũng đứng lên, nghe trống canh đã điểm ba tiếng, lật đật thay đổi y phục, giả làm con trai, cùng chàng mở cửa ra đi.

Chàng ghé nhà trọ, gõ cửa chủ nhân, lấy cớ có việc gấp rút, kêu lão bộc thức dậy thu nhật hành lý và dắt lừa ra đi tức khắc.

Nàng lấy bùa dán vào lão và bên tai lừa, thế rồi buông cương cho chạy như bay, hai mắt nhắm nghiền, bên tai chỉ nghe gió thổi vu vu. Sáng sớm đến Hán Giang, mướn phố ở tại đó. Vương ngó ý kinh ngạc, nàng thú thiệt:

- Nói ra có lẽ chàng sợ hãi chẳng? Sự thật em không phải là người, chính là chồn đây. Mẹ em tham dâm, hàng ngày em bị ngược đãi, chứa chất tức bực trong lòng đã nhiều, nay gặp may mắn được thoát thân bề khổ, ở ngoài trăm dặm, mẹ em chẳng biết đâu mà tìm, huống chi còn xa hơn nữa, vợ chồng ta có thể yên ổn vô ngại.

Chàng nghe nói yên lòng, chẳng còn ngờ vực chi, nhưng rồi chậm rãi thở than:

- Ngồi ngắm bông phù dung tươi đẹp, mà nhà trọ bốn vách, nghĩ thật buồn rầu, chỉ sợ mình cực khổ quá, rồi sớm muộn cũng đến bỏ tôi mà đi.

Nàng an ủi chồng:

- Sao lại lo nghĩ vớ vẩn như thế? Bây giờ ta buôn bán lật vặt, trong nhà chỉ có ba miệng ăn, sống với nhau một cách đạm bạc có thể no đủ. Vậy chàng bán phất con lừa kia đi mà làm vốn mua bán.

Chàng y lời, lập ngay trước cửa một quán tạp hóa nho nhỏ; hai thầy trò xuất lực làm việc, bên trong bán rượu và tương, mắm phụ thêm; còn nàng thì may thuê thêu mướn, ngày ngày kiếm được dư dật, sự ăn uống cũng được phong lưu.

Hơn một năm lần hồi nuôi được vú, bỏ con hầu, từ đó chàng không phải bắt tay vào việc nặng nhọc nữa, chỉ đứng chỉ bảo trông nom thế thôi.

Một hôm, bỗngưng nàng buồn rầu và nói:

- Đêm nay phải có tai nạn đưa tới, biết làm thế nào?

Vương gạn hỏi tai nạn gì, nàng đáp:

- Mẹ em đã dò biết tung tích, chắc bà sinh sự bức bách chứ không dễ yên. Nếu bà sai Nật đến thì vợ chồng ta khỏi lo, chỉ sợ bà thân hành đến mới nguy.

Đêm ấy đã khuya, nàng ngỏ ý vui mừng và nói cho chồng hay rằng:

- Chị Nật sắp tới đó.

Một lúc, quả nhiên Nật Tử đẩy cửa vào. Nàng tươi cười đón rước. Nật Tử nhieéc mắng:

- Con ranh bỏ nhà theo trai đi trốn, không biết thế là xấu hổ ư? Má sai tao trói mày dẫn về xử tội.

Nói đoạn lấy dây lòi tói ra, buộc vào cổ nàng.

Nàng phát giận, chống cự lại:

- Đi theo một người mà thờ, thì có tội gì chớ?

Nật Tử càng tức, lôi kéo nàng đứt cả vạt áo. Lũ tôi tớ trong nhà nghe động, cùng tụ tập lại can thiệp. Nật Tử sợ hãi, vội vàng đông mắt. Nàng nói:

- Chị về báo tin, mẹ em chắc sẽ tự đến. Vạ lớn tới nơi, ta nên tính trước.

Lập tức hô bảo gia nhân thu dọn đồ đạc để dời đi nơi khác. Bất đồ bà mẹ đã xông xộc bước vào, nét mặt hầm hầm:

- Tao biết con khôn nạn này vô lễ, cho nên tao phải tự tới đây mới xong.

Nàng quỳ xuống khóc lóc năn nỉ. Mụ chẳng nói chẳng rằng túm tóc nàng lôi đi mất.

Chàng thương nhớ băng khuâng, bỏ ăn quên ngủ, mau mau lên đường tới Đại Hà, mong có thể bỏ tiền ra chuộc lấy nàng về. Nhưng

đến nơi thì cửa nhà y cũ, người ở khác xưa, hỏi thăm không ai biết nhà mụ dọn đi đâu. Chàng ngậm ngùi trở về Hán Giang, rồi phân tán đồ đạc cho người ta, còn bao nhiêu thì chuyển vận về quê nhà Đông Xương.

Cách mấy năm sau, ngẫu nhiên đi vào Yên Kinh, qua viện Dục Anh (tức là nhà nuôi con trẻ côai cút), trông thấy đứa bé chừng bảy, tám tuổi, người lão bộc lấy làm lạ, bởi mặt mày đứa bé thật giống chủ như đúc, cho nên chăm chăm dòm ngó mãi. Vương hỏi tại sao cứ nhìn thẳng bé không chớp mắt, lão bộc cười và nói rõ nguyên nhân.

Chàng cũng cười, nhìn kĩ thẳng bé bộ dạng chững chạc, tự nghĩ mình chưa có con, nhận thấy nó giống mình, liền động lòng thương yêu, xuất tiền chuộc nó.

Hỏi tên họ là gì nó tự xưng là Vương Tư. Chàng hỏi vặn:

- Khi mày còn bé tí, đã bị cha mẹ bỏ rơi cho vào viện Dục Anh, tại sao biết tên họ rành mạch như thế?

Vương Tư đáp:

- Thầy học con thường kể chuyện lúc bắt được con đem về nuôi, trước bụng có viết hàng chữ: Con của Vương Văn ở Sơn Đông.

Chàng nghe cả kinh:

- Quái lạ! Ta đây chính là Vương Văn, có con hồi nào ở đây?

Chàng nói vậy, rồi suy nghĩ tất là người nào trùng tên với mình, nhưng trong bụng mừng thầm vớ được thằng bé ngộ nghĩnh lanh lợi, cho nên hết sức thương yêu. Đưa nó về quê nhà, người ta trông thấy không cần phải hỏi, biết ngay là con của Vương Văn.

Tư lớn lên, vạm vỡ có sức, thích săn bắn chứ không lo công việc trong nhà, lại ham đánh lộn chém người. Vương chẳng ngăn cấm được. Tư lại khoe mình trông thấy ma quỷ chồn tinh, ban đầu không ai thêm tin, về sau trong làng có nhà nọ bị chồn quấy nhiễu, mời Tư đến xem giùm.

Tư đến nơi, chỉ vạch những nơi chồn ẩn núp kín đáo, sai mấy người vác gậy cứ theo ngón tay mình trở bảo mà đánh túi bụi, quả nhiên nghe tiếng chồn kêu rối rít và tìm thấy chỗ đó còn lông máu tươi bời. Nhờ vậy nhà này mới yên. Sau đó, người ta bàn tán với nhau, càng tin Tư là một nhân vật lạ lùng.

Một hôm, Vương đi dạo phố, chợt gặp Triệu Đông Lâu, thấy khăn áo lôi thôi, mặt mày ảm đạm, bất giác sùng sốt, hỏi ở đâu đến mà thân thể tiêu điều quá vậy. Triệu nhăn mặt xin hẹn thông thả tỉnh hồn sẽ nói. Chàng liền dẫn về nhà đãi ăn uống, rồi Triệu kể chuyện:

- Mụ đi bắt được Nha Đầu đem về, đánh đập tàn nhẫn, khi dời nhà lên phía bắc, lại muốn ép gả cho người ta, nhưng nàng thề chết không lấy hai chồng. Vì thế, mụ giam giữ trong buồng kín suốt ngày, như tù ở ngục vậy. Nàng sinh hạ đứa con trai, mụ đem bỏ ra ngoài đường. Tôi nghe người ta đưa về viện Dục Anh nuôi nấng nó, có lẽ nay đã trưởng thành, ấy là cục máu của anh bỏ rơi đó.

- Nhờ trời xui khiến tôi đã đưa con tôi về đây rồi.

Đoạn, kể chuyện đầu đuôi gặp gỡ cho Triệu nghe. Triệu thở dài và nói:

- Anh ạ! Ngày nay tôi mới biết lòng dạ bọn lâu xanh bạc béo, chớ có tin tưởng quá mà chết. Nhưng khi tỉnh ngộ thì đã muộn rồi, còn nói chi nữa.

Nguyên lúc mụ dời nhà lên phía bắc, tức là Yên Kinh, nơi đóng đô của Minh triều hồi đó, Triệu lấy cớ buôn bán đi theo, những hóa vật nặng nề khó chở thì bán rẻ đi hết. Dọc đường bao nhiêu phí tổn chi tiêu, Triệu đều nai lưng gánh vác; mà phí tổn rất nhiều, cho nên thâm thùng tiền vốn hết. Đã vậy, Nật Tử lại đòi hỏi bóc lột thẳng tay, trong vài năm, bạc muôn của Triệu mất sạch. Bấy giờ mụ thấy Triệu hết tiền, xoay ra bạc đãi. Nật Tử cũng bỏ nhà đi ngủ với những vương tôn quý khách, luôn mấy đêm không về là thường. Triệu tức giận quá, nhưng không biết làm cách nào.

Có bữa, mụ già đi vắng, Nha Đầu đứng cửa sổ kêu Triệu và nói:

- Chồn lâu xanh không có tình nghĩa gì cả. Họ gán bó chiều chuộng người ta chỉ vì tiền bạc đó thôi. Anh còn luẩn quẩn ở nhà này, tất sẽ rước lấy tai vạ lớn đó.

Triệu sợ toát mồ hôi, như người ngủ mê mới tỉnh, quyết kế bỏ nhà này ra đi. Khi sắp lên đường, lén vào thăm Nha Đầu. Nàng trao cho bức thư, nhờ đưa hộ Vương. Đó rồi Triệu đi.

Nói đoạn, Triệu lấy bức thư của Nha Đầu đưa cho chàng. Đại khái thư viết thế này:

Em biết thằng Tư, đứa con yêu dấu của chúng ta, hiện đã ở bên cạnh chàng rồi. Tai ách của em ra sao, anh Đông Lâu thấy rõ, anh sẽ thuật lại cho chàng nghe. Kiếp trước em vụng tu thế nào khiến cho kiếp này khổ não, khôn xiết nói năng. Giờ em bị nhốt trong buồng kín, tối tăm không thấy bóng mặt trời, bị đánh đập tới phỏng da nát thịt, mà lửa đói như thiêu đốt ruột gan. Một ngày ở đây dài đằng đẳng như một năm. Nếu chàng không quên lúc chúng ta ở Hán Giang: đêm tuyết trời lạnh mà vợ chồng chỉ có một chiếc mền đơn, co ro với nhau cho ấm; vậy chàng nên cùng con mưu tính, giải thoát cho em ra khỏi tai ách này. Mẹ em với chị em dầu chi cũng là cốt nhục, xin chàng với con nhớ nương tay tha thứ, đừng làm thương tàn, ấy sở nguyện của em chỉ có thể thôi.

Vương xem thư khóc ngất, lấy vàng lụa ra tặng Triệu để cho Triệu đi.

Lúc này Tư đã mười lăm tuổi. Vương kể rõ gốc ngọn đầu đuôi cho con nghe, lại đưa cho con xem bức thư của mẹ nó gửi về. Tư trợn mắt tức giận, nội ngày hôm đó lên đường vào Yên Kinh, hỏi dò địa chỉ của Ngô Ôn. Giữa lúc xe ngựa đậu dầy trước cửa, Tư đi thẳng vào trong nhà. Nật Tử đang ngồi uống rượu với khách, trông thấy Tư cầm dao, sợ hãi biến sắc toan chạy nhưng không kịp, vì Tư đã xông đến nơi đâm chém lia lịa.

Khách khừa cả kinh, tưởng là giặc cướp, chùng ngó lại xác Nật Tử đã thấy hiện nguyên hình là con chồn. Tư xách dao vào thẳng nhà sau, Ngô Ôn đang đốc thúc tôi tớ nấu đồ ăn, thoáng trông thấy Tư, biết có sự chẳng lành, vội vàng biến mất. Tư ngó quanh tứ phía, mau mau lấy cung lấp tên, bắn lên dầm nhà, một con chồn bị trúng tim rơi xuống chết ngay. Tư cắt lấy đầu rồi tìm đến chỗ mẹ bị giam, vác đá phá cửa mà vào. Mẹ con thấy nhau mừng mừng tủi tủi cùng la thất thanh.

Mẹ hỏi bà cụ đâu, Tư nói đã giết chết rồi. Mẹ hờn giận nói:

- Sao con không nghe lời ta dặn dò từ trước?

Nàng nói rồi bảo Tư thu nhật thi thể bà cụ đem ra ngoài đồng chôn cất. Tư giả đồ vâng lời, nhưng lột lấy bộ da cất đi, rồi lục soát rương hòm của bà cụ, lấy hết áo xống tiền bạc trong đó, đưa mẹ lên đường trở về quê nhà.

Vợ chồng xa cách nay được trùng phùng, nửa vui nửa khóc. Chàng hỏi Tư về sự chôn cất Ngô Ôn, Tư đáp:

- Còn ở trong túi con đây này.

18. CẬU BÉ ĐA TÌNH

(Truyện Thanh Nga, quyển VII)

Hoắc Hoàn, tự Khuông Cửu, người đất Tấn (tức Sơn Tây ngày nay), cha làm quan Huyện úy mất sớm, để chàng mồ côi khi còn bé bỏng.

Chàng thông minh hơn người, mười một tuổi đã nổi tiếng thần đồng, vô học trường tỉnh. Nhưng bà mẹ cưng con hết sức, cấm ra khỏi sân nhà, thành ra mười ba tuổi đầu mà chưa biết phân ai là chú bác cô cậu.

Trong làng có ông Võ Bình Sự (họ Võ, làm chức Bình Sự, là người mộ đạo thần tiên, lên núi không về. Nhà có cô gái đẹp tên Thanh Nga, mười bốn tuổi, sắc tuyệt đẹp, thuở bé đọc trộm sách vở của cha, vốn thích Hà Tiên Cô. Lúc cha vô núi ở ẩn rồi nàng lập chí không lấy chồng, mẹ đành chiều ý con, chứ không biết làm cách nào ép uổng đặng.

Một bữa, Hoắc Sanh đứng chơi ngoài cổng, ngó thấy Thanh Nga. Trẻ con tuy chưa biết gì, chỉ thấy tình yêu nổi lên rạo rực, mà không biết ngỏ ra lời, chạy về nói thật với mẹ, đòi sai người đi làm mai Thanh Nga cho mình. Mẹ biết là chuyện không xong, cho nên ngần ngại. Chàng đâm ra uất ức bất đắc chí, mẹ sợ con buồn, bèn nhờ người lui tới ngỏ ý với nhà họ Võ. Quả nhiên thành việc.

Chàng đi đứng suy nghĩ, chưa ra kế gì hay. Vừa gặp một đạo sĩ ngoài cổng, tay cầm cái bay nho nhỏ, dài non một thước, chàng mượn xem, và hỏi dùng làm việc gì, đạo sĩ nói:

- Khí cụ để đào vị thuốc. Nó tuy nhỏ, mà đá cứng cũng đâm thủng như chơi.

Chàng không tin. Đạo sĩ liền chém vào tảng đá trên tường, liền tay bể nát. Chàng lấy làm lạ, cầm mân mê ngắm nghía không nỡ rời tay, đạo sĩ cười nói:

- Công tử đã ưa, thì tôi xin tặng đó.

Chàng mừng quá, muốn lấy tiền trả ơn nhưng đạo sĩ bỏ đi, không lấy.

Đem vô trong nhà, chàng chém thử vào đá, đều bể phẳng phẳng, chợt nghĩ ta dùng vật này đào tường khoét vách thì được thấy mặt mũi nhân, trong ý không hề biết sự đó là phi pháp.

Canh khuya vắng vẻ, chàng leo tường đi thẳng đến nhà họ Võ, đào khoét hai lớp tường mới vào tới sân giữa, thấy trong căn nhỏ còn sáng đèn, núp lén dòm vô, thì Thanh Nga đã mặc đồ ngủ, sửa soạn đi nằm. Giây lát, đèn tắt, tứ bề lặng lẽ không nghe một tiếng động, chàng xuyên tường chun vô, nàng đã ngủ say, bèn tháo nhẹ đôi giày leo đại lên giường. Lại sợ nàng thức giấc kinh hoàng mà rầy máng đuổi đi thì đại mặt, cho nên lén nằm phục bên cạnh mền thêu, lặng hơi thở thơm phức, trong lòng tự lấy làm sung sướng.

Khốn nỗi mất công nửa đêm đào khoét hì hục, tới đây mệt mỏi lắm rồi thành ra chợp mắt ngủ vùi lúc nào không hay. Nàng tỉnh giấc nghe tiếng ngáy khò khò mở mắt ra nhìn, thấy lỗ tường khoét có ánh sáng lọt vô, bất giác sợ hết hồn vía vội vàng chỗi dậy, lay nhẹ con hầu, cùng nhẹ nhàng mở cửa chạy ra, đứng ngoài cửa sổ kêu gọi gia nhân.

Bọn này thấp đuốc cầm dây chạy vô, thấy một cậu học trò để chỏm ngủ mê mệt trên giường. Họ dòm kĩ biết là Hoắc Sanh, liền đánh thức dậy.

Chàng vùng dậy, cặp mắt long lanh như sao băng dường như không có vẻ gì sợ hãi, chỉ thẹn thùng không nói được lời nào. Mọi người hô là kẻ trộm và lớn tiếng nạt nộ, bấy giờ chàng mới tuôn nước mắt khóc, và nói:

- Tôi chẳng phải trộm cướp gì đâu, thiệt tình chỉ vì yêu mến cô nhà, nên muốn được gần kề hương trạch thế thôi.

Người ta thấy tường khoét mấy lớp, ngờ rằng đứa con nít không thể làm nổi, chắc có đồng lõa. Nhưng chàng đưa cái bay cho mọi

người xem và tả phép lạ của nó. Họ thay phiên thí nghiệm, cùng phải kinh dị là của thần cho, toan đi trình báo cho phu nhơn biết. Thanh Nga cúi đầu suy nghĩ, có ý không muốn làm như vậy. Ai nấy đón biết ý nàng, cùng nói:

- Anh chàng này cũng là con nhà thanh danh, xứng với nhà ta, chi bằng thả cho y về, đặng y cấy mai mỗi lại đến cầu hôn thì hơn. Sáng ngày, chúng ta lấy chuyện trộm đạo, trình báo phu nhơn, như thế có được chăng?

Nàng không đáp. Mọi người bèn giục chàng đi, chàng đòi cái bay, khiến họ phì cười:

- Cậu bé ngây thơ vẫn không quên món đồ sanh chuyện này ư?

Chàng dòm bên gối, có một chiếc thoa, lén rút vô tay áo, con hầu trông thấy, mách với nàng; nàng không nói gì cũng chẳng có vẻ giận. Một mụ ở đây chàng biểu đi; chàng lại chun lỗ ra về.

Về nhà, không dám nói thiệt với mẹ, chỉ xin mẹ lại cấy mỗi đi nói. Mẹ không nỡ cự tuyệt ra mặt, nhưng cấy mai mỗi gấp rút đi tìm đám khác để dạm cho chàng. Thanh Nga nghe chuyện, trong lòng bàng hoàng, ngẫm sai người tâm phúc đến ngõ ý với bà mẹ chàng cứ tới nói, tất là xong việc.

Bà mẹ chàng mừng rỡ, liền cấy mỗi đi. Giữa lúc đó, con bé hầu đại mồm đại miệng tiết lộ câu chuyện hôm nọ ra. Võ phu nhơn lấy làm nhục nhã gia phong, hết sức phẫn uất. Mụ mỗi thò mặt đến, càng chọc giận thêm, phu nhơn cầm gậy vạch đất mà nhiếc mắng chàng, luôn tới bà mẹ.

Mụ mỗi sợ quỳnh, lật đật chuồn thẳng, về thuật lại tình trạng, mẹ chàng cũng nổi giận, nói lớn:

- Thằng ranh con làm chuyện đào tường khoét vách như thế, già này đâu có hay biết. Cớ sao buông lời vô lễ động chạm đến ta? Ngay khi bắt được chúng nó kẻ đui kẻ vể nhau, sao không đem cả đôi đảng nhi dâm phụ mà giết phăng đi có được không?

Từ đó, bà gặp họ hàng thân thuộc, đều giải bày chuyện đó, Thanh Nga nghe lọt, xấu hổ muốn chết. Võ phu nhân hết sức ăn năn, nhưng có cách nào cấm được mẹ chàng đừng nói. Nàng lại sai thân tín đến tỏ

bày yên ủi mẹ chàng, nhân dịp thể nguyên không khi nào thay lòng đổi ý. Lời lẽ thiết tha, khiến cho mẹ chàng cảm thích, bấy giờ mới chịu thôi không rêu rao nữa, mà việc dự định cầu hôn, cũng bỏ qua luôn.

Nhằm dịp Âu Công đến trấn nhiệm quận này, xem văn bài của chàng, đem lòng quý mến, thường gọi vô trong dinh, tiếp đãi rất hậu. Một hôm ông hỏi chàng đã vợ chưa; chàng đáp chưa; ông gặng hỏi tỉ mỉ chàng mới thú thật:

- Bẩm ngài, lúc trước tiểu sanh với con gái quan Võ Bình Sự có lời hẹn ước, về sau có chuyện xích mích, thành ra bỏ dở dang.

- Thế bây giờ cậu còn muốn lấy đám đó không?

Chàng đỏ mặt không nói gì, Âu Công cười:

- Nếu muốn thì ta giúp cho thành sự mà!

Lập tức, ông sai Huyện úy và Giáo Du đứng ra cầu hôn, nộp đủ lễ vật ở nhà họ Võ.

Võ phu nhân thấy vậy rất mừng, cuộc hôn nhân mới xong. Qua năm cưới nàng về, nàng ném cái bay xuống đất và nói:

- Đồ dùng trộm đạo này không quăng đi cho rảnh, còn để làm chi?

Chàng cười và lượm cái bay lên và nói:

- Nó là mụ mai cho vợ chồng mình đó, không nên quên ơn.

Đoạn, cột dây đeo bên mình, không rời lúc nào.

Nàng hiền lành, ít nói, mỗi ngày ba lượt đến thăm hầu mẹ chồng, còn thì đóng cửa ngồi lặng lẽ một mình, không lưu tâm gì đến việc nhà. Nhưng mỗi khi mẹ chồng có việc đi tiệc mừng hay đám táng mà vắng mặt, thì bao nhiêu gia sự một tay nàng lo liệu xếp đặt, đâu đó xong xuôi.

Hơn hai năm, nàng sanh một gái, tên là Mạnh Tiên, nhất thiết giao cho người vú trong nom, tự mình dường như chẳng ngó ngang thương yêu con chút nào.

Lại bốn năm sau, bỗng dung nói với chồng:

- Vợ chồng ta ăn ở với nhau, đến nay đã tám năm. Nay đến lúc li biệt nhau biết làm thế nào?

Chàng cả kinh, gạn hỏi duyên cớ, nàng chỉ làm thinh.

Kế đó, mặc áo tràng hoàng, vô nhà trong lạy mẹ chồng, trở về buồng riêng nằm ngửa trên giường, chàng theo cật vấn, thì ra nàng đã tắt hơi thở rồi.

Mẹ con thương khóc đau đớn hết sức, chôn cất trọng thể.

Bà cụ đã già yếu, thường thường lại ẵm cháu, lại tưởng nhớ mẹ nó, ruột gan như xé, vì đó mang bệnh mệt đuối không dậy được. Nằm nghĩ thèm ăn canh cá, mà quanh miền không có cá, muốn có, phải đi cách xa hơn trăm dặm mới mua được.

Lúc đó tôi tớ trong nhà lại sai đi công việc xa vắng tất cả. Tánh chàng chí hiếu, không thể chờ đợi tôi tớ trở về mà sai, liền bỏ tiền vào túi, ra đi một mình, đêm ngày không nghỉ.

Bận về đến giữa núi thì mặt trời đã lặn, hai cẳng đã kiệt lực, không muốn bước nữa. Chợt có một cụ già đi tới, hỏi chàng:

- Có phải sung cẳng không?

Chàng dạ dạ nói có. Cụ liền đỡ chàng ngồi xuống đường, cầm đá mài cạo vào nhau để lấy lửa, rồi bọc thuốc bột trong mảnh giấy mà hun hai cẳng cho chàng, xong rồi cụ bảo thử đứng lên đi xem.

Giờ chẳng những hết đau lại còn thấy cứng cáp lanh lẹ hơn. Chàng hết sức cảm tạ. Cụ hỏi có việc gì đi hấp tấp lắm vậy; chàng nói mẹ đau nặng ở nhà, hơn dịp kể hết gia đình. Cụ già hỏi:

- Sao không lấy vợ khác?

- Thừa cụ, vì chưa tìm được người nào khá.

Cụ già trở vào xóm núi trước mặt và nói:

- Trong đó có một giai nhân, nếu cậu theo lão dẫn đi, lão sẽ làm mai cho.

Chàng từ chối, nói rằng mẹ già đang bệnh, chờ lấy cá ăn, cho nên chẳng còn tâm địa nào vội nghĩ tới chuyện lúc này. Cụ chấp tay chào, hẹn ngày khác đến xóm này cứ hỏi ông cụ họ Vương sẽ cùng nhau tái hội, nói rồi từ biệt đi.

Về nhà, chàng mổ cá nấu canh dâng lên, mẹ ăn được chút ít, vài ngày sau thì khỏi bệnh.

Chàng bèn cỡi ngựa dẫn tôi tớ đi theo, tìm kiếm cụ già hôm nọ.

Đến chỗ cũ, nhìn quanh chẳng thấy xóm làng ở đâu. Quanh quất cả giờ, bóng chiều lần xế, mà núi hang tứ tung, không thể trông rõ được hết. Chàng và người tùy bộc chia nhau lên đỉnh núi đặng tìm nhận làng xóm cho dễ. Song đường núi gồ ghề cỡi ngựa không được, liền bỏ ngựa đi bộ mà lên, tới nơi thì trời gần chạng vạng rồi.

Đứng nhìn tứ phía cũng chẳng thấy xóm làng nào, vừa toan trở xuống, thì lạc mất đường đi, trong lòng nóng sôi như đốt.

Chàng lần mò từng bước, trượt chân ngã xuống triền núi thăm thẳm. May phước dưới đó mấy thước, có một ngôi nhà bỏ hoang, chàng té nằm trên nóc, bề rộng vừa đủ dung thân, dòm xuống dưới đen thui chẳng trông thấy đáy. Chàng sợ hết hồn, không dám nhúc nhích. Lại may sườn núi có những cây cối nhỏ nhỏ, ước chừng bằng cây song cửa, chàng vịn tay định thần giây lát, nhận thấy bên chân có một cửa động nhỏ, lòng khắp khởi mừng thầm, bèn dựa lưng vào đá, mon men chun vô.

Vô cửa động rồi hơi vững dạ, mong đến trời sáng có thể kêu cứu. Giây lát, nhìn trong xa có ánh sáng bé tí như ngôi sao, chàng đi lần tới chừng hai ba dặm, bỗng thấy nhà cửa san sát, bên trong chẳng có đèn đuốc gì hết, mà sáng trưng như ban ngày. Một mỹ nhân từ trong buồng đi ra, nhìn rõ là Thanh Nga. Nàng trông thấy chàng cả kinh và hỏi:

- Sao cậu lần mò tới được chốn này?

Chàng không tỏ bày căn do, nắm lấy tay nàng mà thỏn thức muốn khóc. Nàng khuyên lon và hỏi thăm tin mẹ với con, chàng kể hết cảnh khổ, khiến nàng cũng buồn thảm. Chàng hỏi:

- Ủa! Mình chết đã hơn một năm rồi mà. Đây là âm ti chẳng.

Nàng đáp:

- Không phải! Đây là động tiên. Lúc trước tôi không phải chết thiệt đâu. Cậu đem chôn, chỉ là một cây gậy trúc đó thôi. Nay cậu đến đây, là có duyên phận thành tiên.

Đoạn, nàng dẫn vô chào thân phụ, một người vạm vỡ, rậm râu, ngồi chễm chệ ở nhà trên. Chàng vô lạy chào, nàng đứng bên thưa rằng:

- Bẩm cha, có Hoắc lang đến chào cha.

Ông giật mình đứng lên, cầm tay hỏi chuyện rồi nói:

- Con rể ta đến đây thật là hay. Con có duyên số phải ở lại đây với ta.

Chàng chối từ còn có mẹ ở nhà mong đợi, không thể nào ở lâu đặng. Ông nói:

- Ta cũng biết vậy, nhưng ở chơi đôi ba ngày sẽ về có hề chi.

Rồi ông sai bày cơm rượu thết đãi xong, gọi con thị nữ dọn giường ở chái tây, trải nệm gấm cho chàng nằm nghỉ.

Chàng cáo thôi về phòng khách, một hai núu kéo nàng cùng nằm với mình. Nàng gạt đi:

- Đã nói chôn này là động tiên, chứ phải chỗ phạm trần đâu, mà hòng bày trò tục tĩu ra?

Chàng nắm tay chặt cứng, không chịu buông; con thị nữ đứng ngoài cửa sổ cười hì hì, khiến nàng thêm hổ thẹn. Giữa lúc đang trì kéo nhau, thì ông la mắng om sòm:

- Quân phạm tục làm nhor nhóp động phủ của ta, mau mau cút đi!

Thuở giờ chàng là một người nóng tánh, bây giờ bị xấu hổ không nhin được, trừng trợn đáp lại ông nhạc:

- Cái tình vợ chồng, ai mà thoát khỏi? Người sao lại đi rình dòm ngó, nghĩa là gì? Tôi có thể đi ngay lập tức, nhưng phải cho con gái ông đi với tôi mới được, đạo gái theo chồng phải thế.

Ông chẳng bắt bẻ gì đặng, đành bảo con gái đi theo, rồi mở cổng sau tổng hai chân ra. Nhưng lừa chàng đi ra trước, cha con đóng sập cửa lại. Chàng ngảnh lại xem, thì vách đá cao ngất, không thấy hở kết nào, mà chiếc thân bơ vơ, chẳng biết đi đâu; nhìn lên trời thì trăng đã xế, sao đã thưa; tàn ngàn giây lâu hết bi tới hận, rồi đứng trước vách đá kêu gào, cũng không nghe bên trong ừ hử gì hết. Chàng phần uất cực điểm, liền lấy cái bay vắn đeo bên mình ra, tấn công vào đá huỳnh huých, vừa đục vừa chươi, giây lát thùng sâu vào tới ba bốn thước, thì nghe văng vẳng bên trong có tiếng cười nói:

- Nghiệt chương thay!

Chàng ra sức đục khoét càng dữ; bỗng hai cánh cửa động mở bét. Võ ông đẩy Thanh Nga ra ngoài và nói:

- Cút đi! Cút đi!

Rồi vách đá liền khít lại như cũ.

Nàng nói tâm tức:

- Đã thương yêu tôi, lấy tôi làm vợ, sao lại xử với ông nhac tàn tệ đến thế? Không biết lão đạo sĩ nào cho mình cái hung khí đó, quấy rầy người ta muốn chết.

Chàng bắt được vợ trở lại rồi, thế là mãn nguyện, không thích cãi cọ gì, chỉ lo ngại đường sá hiểm trở khó về. Nàng liền bẻ hai nhánh cây, cho mỗi người cỡi lên một nhánh, tức thời hóa ra hai con ngựa, cùng nhau rong ruổi như bay, không mấy chốc đã về tới nhà. Lúc đó chàng đi mất biệt đã bảy ngày rồi.

Số là hồi vô núi, chàng với lão bộc lạc nhau, lão bộc tìm hoài không thấy, về nói cho mẹ chàng hay. Bà cụ sai gia nhân vào núi, chia nhau tìm kiếm khắp các hang hốc, không thấy dấu vết gì cả; trong bụng đang lo sợ, thì nghe tin con về, mừng rỡ chạy ra đón rước.

Bà trông thấy Thanh Nga, hải hùng gần muốn té xỉu. Chàng thuật qua tự sự cho mẹ nghe; bà mới vui mừng.

Nàng thiết nghĩ hình tích mình có chỗ lạ lòng e thiên hạ xâm xì bàn tán, cho nên xin mẹ dọn nhà đi nơi khác. Bà nghe theo, vốn có nếp nhà ở quận khác, tức thời thiên di tới đó, người ta không hay biết chi về gốc tích của nàng.

Vợ chồng ăn ở với nhau luôn mười tám năm, sinh thêm một gái, gả cho con nhà họ Lý ở cùng làng.

Sau bà mẹ qua đời.

Thanh Nga bảo chồng:

- Trong khu ruộng tranh của nhà ta (đây là nơi chỗ ở cũ), có kiểu đất chim trĩ ôm tám quả trứng, ấy là kiểu đất quý, có thể chôn mẹ, vậy mình với con trai Mạnh Tiên rước linh cữu mẹ về an táng ở đó. Thằng con chúng ta đã khôn lớn, nên để nó ở lại giữ mộ, không cản trở về đây.

Chàng y theo lời nàng, sau khi chôn mẹ rồi trở về một mình.

Hơn tháng sau, Mạnh Tiên về thăm, thì cha mẹ đã đi đâu mất, hỏi người lão bộc, lão nói hai ông bà đi đám táng chưa về. Trong ý Mạnh Tiên biết có sự lạ thế nào đó, nhưng đành than dài thở vắn mà thôi.

Mạnh Tiên văn hay nổi tiếng, song thi cử lận đận mãi, cho đến bốn chục tuổi, thi hoài không đậu. Về sau, lấy danh nghĩa là *bạt cống* (người học trò giỏi được quan địa phương tiến cử) vô trường thi Hội ở kinh đô gặp một người cũng tên Tiên như mình, tuổi độ mười bảy, mười tám, có vẻ chững chạc, trong lòng yêu mến cầm lấy quyển xem thấy đề *Thuận tiên lâm sanh*, (học trò được nhà nước cấp lương ăn học) *Hoắc Trọng Tiên*, lấy làm sững sốt kinh hãi, nhơn dịp tự giới thiệu tên họ của mình. Trọng Tiên cũng kinh ngạc, hỏi quê quán Mạnh ở đâu. Mạnh nói rành rẽ, bấy giờ Trọng mừng và nói:

- Lúc em sửa soạn lên đường vô kinh, cha em có dặn dò khi vô trường thì có gặp người nào họ Hoắc ở Sơn Hữu, ấy là dòng họ nhà ta đó nên cùng giao thiệp tử tế, nay thật quả nhiên. Duy có điều lạ sao danh tánh và biểu tự chúng ta giống nhau đến thế?

Mạnh Tiên gạn hỏi tới ông bà cha mẹ rồi thất kinh và nói:

- Ông là cha mẹ tôi đó.

Nhưng Trọng Tiên nghĩ tuổi tác chênh lệch quá e rằng không phải, Mạnh Tiên cắt nghĩa:

- Cha mẹ đều là tiên, lấy diện mạo mà bàn số tuổi sao đặng?

Đoạn kể rõ chuyện xưa tích cũ cho Trọng nghe, bấy giờ Trọng mới tin.

Thi xong không màng nghỉ ngơi, hai người vội vàng rủ nhau về, vừa tới ngoài cổng gia nhơn đã chạy ra đón rước, báo tin cho biết ông bà đi biệt đâu mất hồi đêm. Cả hai cả kinh. Trọng Tiên chạy vô hỏi vợ, vợ nói tối hôm qua ông bà còn ngồi uống rượu với nhau, bỗng mẹ bảo tôi rằng:

- Vợ chồng mi còn nhỏ tuổi, chưa thạo việc đời, ngày mai có anh cả bay đến, thì ta không phải lo gì nữa. Sáng ngày tôi vô phòng, chỉ thấy phòng không, ông bà đi hồi nào rồi.

Anh em nghe nói, dậm cẳng gào khóc. Trọng Tiên muốn bỏ đi tìm nhưng Mạnh Tiên bảo là vô ích, mới thôi.

Khoa thi Trọng Tiên đậu cử nhân, nghĩ lại mồ mả tổ tiên ở cả Sơn Tây, cho nên theo anh về đó. Lúc nào cũng hi vọng cha mẹ còn ở cõi trần, ra sức tìm kiếm thăm hỏi khắp nơi, rốt cuộc không thấy tông tích đâu hết.

19. TẮM GƯƠNG THU HÌNH

(Truyện Bát Đại Vương, quyển VII)

Lâm Thao Phùng sinh, tên thật là gì, người thuật chuyện không nhớ, chỉ biết chàng vốn dòng dõi thế gia nay đã sa sút rồi. Có người chài lưới thiếu nợ chàng mà không trả nổi, hễ lần nào bắt ba ba cùng loài cua đình cũng đem biếu chàng. Có lần biếu con ba ba cực to, trán có đốm trắng, chàng thấy hình dạng lạ lùng, liền thả ra sông.

Sau đó có dịp đi thăm con rể trở về đến bờ sông Hoàng Hà thì trời đã chạng vạng, thấy một người say rượu, hai, ba tiểu đồng theo sau, ngất ngưỡng đi từ đầu kia tới, giáp mặt chàng hỏi chàng là ai đi đâu vậy? Chàng trả lời là kẻ đi đường. Người say giận nói:

- Chàng có tên họ gì, sao lại nói cụt ngủn là kẻ đi đường?

Đường xa trời tối, chàng sốt ruột đi về, cho nên chẳng buồn trả lời, cứ phăng phăng đi qua. Người say càng giận, nắm chặt lấy áo chàng không cho đi, mùi rượu xông lên sặc sụa. Chàng rất khó chịu mà cố sức gỡ mình ra không được bèn nói xẵng:

- Nhà ngươi tên chi?

Người say đáp giọng lè nhè:

- Ta là Lệnh doãn cũ ở Nam Đô. Mà chú hỏi làm chi.

Chàng nói:

- Thế gian có thứ Lệnh doãn như vậy, thật là chửi thiên hạ. Ấy, may là Lệnh doãn cũ, phải là Lệnh doãn mới, dễ thường phải giết hết người ta chẳng?

Người say giận lắm, toan giở võ ra với chàng. Chàng đồng dặc nói:

- Ta đây là Phùng mỗ, không chịu anh đánh đâu.

Người say nghe nói, liền đổi giận làm vui, cúi mọp xuống lạy mà nói:

- Ngài là ân nhân của tôi, vừa rồi đường đột, xin đừng chấp trách.

Đoạn, trời dậy bão tiểu đồng đi mau về nhà trước dọn rượu. Chàng từ chối không được, nắm tay cùng đi vài dặm, đến một xóm nhỏ. Vào trong thì nhà cửa sang trọng, như phủ đệ quý nhân. Sau khi thấy chủ nhân đã tỉnh rượu, chàng mới hỏi thăm tên họ là gì. Chủ nhân nói:

- Thú thật với ông xin ông chớ kinh hãi. Tôi là Bát Đại Vương ở sông Thao đây. Mới đây, Thanh Đồng ở Sơn Tây mời đi uống rượu trở về có hơi quá say, nên mới xúc phạm tôn nhan, nghĩ rất hổ thẹn.

Chàng biết là yêu quái nhưng thấy tình ý niệm nở cho nên chẳng sợ hãi. Giây lát tiệc bày linh đình, mời chàng uống rượu nói chuyện. Bát vương uống cực hăng một hơi đã cạn luôn mấy ly lớn. Chàng sợ hấn lại say, sinh sự rắc rối như hồi nãy, bèn giả đồ mình say, đòi đi nằm. Bát vương hiểu ý, cười nói:

- Ông sợ tôi say quá hóa cuồng chăng? Xin ông chớ lo. Phàm người say nói xằng làm bậy, mà bảo rằng qua sáng mà tỉnh rượu, không còn nhớ gì việc mình làm, ấy là nói dối, nhưng đối với người trưởng giả như ngài, thật không dám làm điều vô hạnh. Tại sao ngài cự tuyệt tôi như thế?

Chàng nể lòng, lại ngồi xuống, nghiêm sắc mặt can gián:

- Ông đã tự biết mình làm lỗi, sao không sửa đổi đi?

Bát vương đáp:

- Lão phu hồi làm Lệnh doãn, say sưa be bét còn quá ngày nay. Từ ngày chọc giận Thượng đế, bị đày ở cù lao, cố chừa thói cũ, được hơn mười năm. Nay nghĩ mình già yếu sắp sửa vào hòm, mà tám thân còn vất vả chẳng được vầy vùng, cho nên thói cũ lại muốn trở lại mà không tự biết đó thôi. Nay được ngài khuyên bảo, tôi xin vâng lời.

Còn đang nói chuyện, thì nghe thấy tiếng chuông chùa xa đã gõ. Bát vương đứng dậy, cầm tay chàng nói:

- Tôi cùng ngài tụ họp không được lâu, vậy có một vật báu, xin tặng ngài để báo đáp ơn xua. Vật này chẳng nên mang lâu, chừng được như nguyện rồi, xin trả lại cho tôi.

Nói đoạn, khắc trong miệng ra một hình nhân bé tí hon, độ chừng một tấc, rồi móng tay nhọn rạch cánh tay chàng đau như xé ruột, vội vàng đặt hình nhân lên trên mà đè thật mạnh. Khi buông tay thì hình nhân đã lọt vào da thịt, mà dấu móng tay còn rành rành. Chàng sợ hãi cuống quýt, Bát vương cười mà không đáp, chỉ nói rằng:

- Ngài nên đi thôi.

Đoạn tiến chân chàng ra cửa. Bát vương trở lại.

Chàng ngoảnh lại, xóm làng nhà cửa đều biến mất, duy một con ba ba đang bò xuống sông, chàng sửng sốt giây lâu tự nghĩ vật báu mới cho tất là ngọc ba ba.

Từ đó cặp mắt cực sáng; phạm chỗ nào có châu báu, dù ở suối vàng cũng trông thấy. Ngay đến vật gì thuở nay không từng biết bao giờ cũng ứng khẩu nói ra đích danh. Nhờ vậy mà đào lên được mấy trăm bạc chôn giấu ngay trong buồng ngủ, thành ra sự ăn tiêu hơi phong túc.

Sau có người bán ngôi nhà cũ, chàng dòm thấy tiền bạc chôn giấu nhiều lắm, bèn mua giá đắt để làm nhà ở. Dần dà giàu có ngang bậc vương hầu, phạm loại ngọc quý trong thiên hạ, nhà chàng sưu tập tích súc đủ cả.

Trong số đó có một tấm gương, sau lưng chạm trổ hình chim phượng và bà Vương phi, bề mặt chiếu sáng tới ngót một dặm, rõ ràng từ mấy tóc sợi lông, có thể đếm được.

Nhất là mỹ nhân nào soi gương này, tức thời hình dạng in vào gương, chùi lau cách gì cũng không mất được. Nếu người đó thay quần áo khác mà soi lại, hoặc một mỹ nhân khác soi thì hình ảnh in trước mới được mất đi.

Lúc bấy giờ, bà chúa Ba, con gái Túc vương (tức là Túc Trang vương), hoàng tử thứ mười bốn của Thái tổ nhà Minh nhan sắc tuyệt

đẹp, chàng vẫn nghe danh mộ tiếng. Nhân dịp bà chúa đi chơi núi Không Động, chàng đi trước, lên núp trong hang, rình khi chúa ở trên kiệu bước xuống, lấy gương ra thu hình ảnh rồi mang về.

Chàng về, đặt gương trên bàn, nhìn kỹ, thấy mỹ nhân ở trong, tay cầm khăn, miệng mỉm cười và mấp máy muốn nói, làn sóng mắt cũng long lanh muốn động, chàng mừng quá giấu kỹ một nơi.

Hơn một năm, vợ ngồi lê đôi mách, nói lộ chuyện ấy ra, lọt đến tai Túc phủ.

Túc vương cả giận, bắt giam chàng lại, đòi lấy tấm gương và định đem đi chém. Chàng hối lộ rất nhiều cho một vị thân tín trong phủ, nhờ báo tin với Túc vương rằng:

- Nếu vương tha thì của gì báu nhất trên đời, muốn có cũng dễ. Bằng không, tôi chỉ chết là cùng, sự đó lại chẳng ích lợi gì cho vương.

Túc vương muốn tịch thu gia sản và đẩy chàng đi xa. Chúa Ba nói:

- Hắn đã dòm con rồi, dù hắn chết mười phần, cũng không gột rửa cái nhơ bẩn này, chi bằng gả con cho hắn là hơn.

Vương không nghe. Chúa đóng cửa không chịu ăn. Vương phi lo quá, hết sức nói với vương, bấy giờ vương mới chịu thả chàng ra khỏi ngục, lại sai người thân ngỏ ý với chàng. Chàng từ chối:

- Vợ tôi lấy từ thuở hàn vi, nghĩa không sao bỏ đặng. Tôi thà chết, chứ không dám phụng mạng. Nếu vương cho tôi chuộc tội thì hết nhà hết cửa cũng cam.

Vương giận lắm, lại bắt chàng giam ngục.

Bà vương phi vờ vợ chàng vào trong cung, toan đánh thuốc độc cho chết. Nàng đem chiếc giá gương bằng san hô làm lễ ra mắt, lời lẽ cực mềm mỏng. Vương phi rất vui lòng, sai giáp mặt Chúa Ba, chúa cũng ưng ý, đính ước làm chị em, rồi sai người vào ngục dụ dỗ chàng nữa. Chàng nhấn bảo vợ: “Con nhà vương hầu, không nên kể trước sau mà bàn chuyện lớn bé được”.

Vợ không nghe, cứ việc sắm lễ vật, đưa nộp vương phủ. Số người mang đội lễ có hàng ngàn, nhiều thứ châu báu quý ngọc lạ, nhà vương không biết tên gì. Vương mừng thả chàng về làm lễ cưới với chúa. Hôm chúa về nhà chồng, cũng đem gương báu cùng về.

Một đêm chàng nằm một mình, mộng thấy Bát vương nghênh ngang đi vào nói:

- Món đồ tôi tặng năm xưa, giờ nên trả lại. Mang nó trong mình lâu quá tổn hao tâm huyết và hại mạng nữa.

Chàng xin vâng, muốn cầm giữ Bát vương ở lại uống rượu chơi, nhưng Bát vương từ chối:

- Thôi, rượu thì tôi xin kiếu. Từ lúc nghe lời ông khuyên can, tôi bỏ dứt hơi men, được ba năm rồi.

Đoạn há miệng cắn vào tay chàng. Đau quá chàng tỉnh dậy, xem cục thịt nổi đã tiêu mất rồi. Từ đó y như người bình thường.

20. LÀM ĐĨ DƯỚI ÂM

(Truyện Mai Nữ, quyển VII)

Phong Vân Đình người ở Thái Hàng lên quận có việc, nằm ngủ ngày ở nhà trọ. Lúc ấy chàng vừa mới góa vợ mà tuổi đang độ trai tráng vậy trong cơn tịch mịch quạnh hiu sao khỏi suy nghĩ vợ vắn. Giữa khi mắt ngó đăm chiêu trên vách tường, thấy có bóng người con gái hiện ra, muờng tượng như tranh vẽ. Chàng nghĩ bụng chắc là tại mình mơ tưởng mà khiến ra thế. Nhưng lâu mãi, bóng ấy không tan cũng không nhúc nhích, chàng lấy làm lạ, trỗi dậy đến tận nơi xem, thì ra cái bóng càng rõ. Lại đến gần thêm, thấy nghiễm nhiên là một thiếu nữ, lè lưỡi dài dây quần quanh cổ đương ngó dáo dác và muốn rục rịch bước xuống.

Chàng biết là con ma thất cổ nhưng ban ngày bạo gan, không sợ gì cả, lại lên tiếng hỏi trước:

- Có phải cô thác oan, muốn cậy mượn tôi chuyện chi, tôi xin hết sức.

Bóng từ từ xuống và nói:

- Con người bèo nước, đâu dám vội vàng đem việc to tát làm phiền quân tử. Song nắm xương khô ở chín tuổi, lưỡi không được thụt vô, dây không được chặt bỏ, vậy xin chàng hạ cái giằm nhà xuống mà đốt đi, ơn ấy lớn như núi non vậy.

Chàng nhận lời, bóng mới biến đi.

Liền đó, chàng mời ông chủ đến hỏi thăm tình trạng. Chủ nhà nói:

- Mười năm về trước, đây là nhà họ Mai, đêm khuya có kẻ trộm lên vô nhà, Mai bắt được, giải nộp cho quan Diên Sử vấn tội. Diên Sử ăn ba trăm bạc của tên trộm đứt lót, vu cho người con gái họ Mai có tư thông với nó, lại sửa soạn bắt nàng tới công đường xét nghiệm. Nàng nghe chuyện mang danh xấu tiếng, liền thất cổ chết. Sau vợ chồng Mai cũng kế tiếp qua đời. Nhà này mới thuộc về tôi. Khách trọ thường thấy ma quỷ, nhưng tôi không biết làm cách gì cho yên.

Phong Sinh bèn thuật lại mấy lời ma vừa nói với mình. Chủ nhà tính toán phải giở nhà để thay cây rằm khác, phí tổn nhiều quá, sức mình không kham. Phong xuất tiền giúp thêm, khi sửa chữa xong lại đến ở trọ nhà đó.

Đêm ấy, Mai nữ đến, cảm tạ xong, sắc mừng chan chứa, dáng dấp tươi. Phong lấy làm ưng ý, muốn đòi giao hoan. Nàng nói có vẻ hồ thẹn:

- Quí khí âm thầm, chỉ có hại chứ không lợi gì cho chàng. Và lại, nếu em làm chuyện đó, thì cái tiếng xấu người ta vu cho lúc sanh tiền lấy hết nước sông Tây Giang cũng không rửa sạch. Sự hội hiệp có ngày sẽ đến, nhưng nay thì chưa.

Chàng hỏi đến bao giờ, nàng cười mà không đáp. Hỏi có uống rượu không, nàng cũng trả lời không uống. Phong nói:

- Trước mặt có giai nhân, mà ngồi ủ rũ ngó nhau thế này có thú vị chi?

Nàng nói:

- Trò chơi sinh bình của em, chỉ biết đánh cờ ngựa. Nay hai người ngồi tịch tịch, đêm tối lại không tìm đâu ra bàn cờ, thôi thì đêm nay em với chàng tiêu khiển ngày giờ bằng cách chơi giao tuyến (trò chơi vòng sợi chỉ quanh mấy ngón tay, đổ nhau gỡ ra).

Phong bằng lòng. Hai người giết thời giờ bằng trò chơi ấy mãi tới khuya, chàng lại ép Mai đi nằm. Nàng nói:

- Em là người âm, không ngủ, chàng cứ ngủ tự nhiên. Em thiện nghệ đâm bóp, vậy xin trở tài giúp chàng dễ ngủ, nhé!

Phong ưng liền. Nàng chụm hai bàn tay lại thoa vuốt nhẹ nhàng, từ đầu đến cẳng. Tay nàng đưa đi đến đâu, xương cốt chỗ đó dường như tê mê khoan khoái. Kế lại nắn gân bắt gió, chàng thấy trong mình thơ thới lạ thường, không thể tả được. Nắn bóp đến bụng thì tai miệng đều ê; tới đùi thì thêm thiếp ngủ say rồi. Chừng tỉnh dậy, mặt trời đã xế trưa, nghe các đốt xương êm ái, khác hẳn bữa qua. Vì thế, lòng càng yêu mến, đi chung quanh nhà gọi nàng, nhưng tứ bề lặng lẽ không nghe thừa.

Trời tối, nàng mới đến Phong hỏi:

- Cô ở chỗ nào, làm tôi kêu gọi hầu khắp?

Nàng nói:

- Ma không có chỗ ở nhất định, nhưng cốt là ở dưới đất.

- Thế dưới đất có hang hốc để dung thân hay sao?

- Không, ma chẳng thấy đất, cũng như cá chẳng thấy nước vậy.

- Phong nắm tay nàng và nói:

- Nếu cô mà sống, thì tôi bán hết sản nghiệp để mua cho kì được mới nghe.

Nàng cười:

- Việc gì phải bán hết sản nghiệp mới được.

Ngồi chơi đến nửa đêm, Phong lại ép liễu nại hoa, nàng gạt đi và nói:

- Cậu chớ ép nại em làm chi! Sẵn có ả gái chơi ở Tích Giang tên là Ái Khanh, mới đến ở xóm bắc, người trông có vẻ lắm. Đêm mai em rủ ả lại đây, để tạm thay thế em, cậu có bằng lòng không?

Phong chịu. Tối mai, nàng dẫn một thiếu phụ cùng đến, trạc độ ba mươi tuổi, cặp mắt đưa tình, lộ vẻ lẳng lơ kín đáo. Ba người ngồi xúm lại đánh cờ ngựa làm vui.

Sau khi đánh cờ xong, nàng đứng dậy mà nói:

- Cuộc vui đang nồng em xin cáo thối.

Phong muốn cầm giữ ở lại, nhưng nàng biến mất.

Chàng với Ái Khanh tình tự rất khoái, hỏi về gia thế của ả; ả hàm hồ không chịu tỏ hết nguồn cơn, chỉ nói vắn tắt:

- Nếu cậu thương tôi chỉ gõ ngón tay vào vách tường phía bắc mà gọi nhỏ nhỏ *Hồ Lô Tử ơi*, thế là tôi đến ngay, nếu gọi ba lần mà không thấy đến, đủ biết rằng tôi không rảnh, vậy đừng gọi nữa.

Trời mờ sáng, ả chun vô kẹt hở vách tường phía bắc đi.

Hôm sau nàng đến. Phong hỏi thăm Ái Khanh, nàng cho biết rằng ả bị Cao công tử kêu đi hầu rượu, cho nên không tới đây được. Hai người chuyện vắn thân mật dưới bóng đèn nhiều lần. Mai nữ hình như muốn nói chuyện gì đó mà toan mở miệng lại thôi. Chàng cố gan hỏi, nàng vẫn không chịu nói, chỉ ngồi thờ dài. Thấy vậy, chàng lại ép nàng đánh cờ cho khuây, mãi đến lúc tan canh mới đi.

Từ đó, cả hai đều có thường tới luôn, tiếng cười giỡn thâu đêm suốt sáng. Vì đó, trong thành ngoài phố đều hay.

Viên Điện Sử mỗ, cũng là con nhà dòng dõi ở Tích Giang, bà vợ lớn vì tư tình với tên đầy tớ mà bị truất, lấy họ Cố làm kế thất, đôi bên thương yêu đắm thắm, chẳng may được một tháng thì Cố thị qua đời. Điện Sử thương xót vô cùng, nghe đồn Phong có ma thiêng hay lui tới, trong ý muốn hỏi về chuyện tình duyên cho nên cỡi ngựa đến thăm Phong tận nhà.

Ban đầu, Phong không chịu nhìn nhận mình có bạn ma, nhưng Điện Sử năn nỉ mãi, Phong mời ngồi uống rượu và hứa sẽ mời bạn ma đến hỏi giùm.

Trời nhá nhem tối, chàng gõ vách gọi Ái Khanh, chưa dứt ba tiếng ả đã tới nơi. Nhưng ả mới thò đầu vô, trông thấy mặt khách, đã thất sắc toan chạy. Chàng đứng chặn ngang trước cửa không cho ả lui. Trong khi ấy, Điện Sử nhìn kĩ mặt ả, dùng dùng nổi giận, cầm cái tô lớn mà liệng, ả vụt biến mất tăm.

Phong sững sốt, chả hiểu tại sao, vừa toan gan hỏi Điện Sử, bỗng dung một mục già, từ trong xó nhà tối tăm chạy ra, mắng nhiếc ông nọ râm rì:

- Thằng chết bầm kia, mày làm bể nồi gạo của nhà bà rồi đó, muốn sống phải bồi thường 30 quan lập tức.

Mụ vừa nói vừa giơ gậy đánh trúng đầu Diên Sử.

Ông này ôm đầu kể lể:

- Con đó tức là Cố thị vợ tôi, trẻ tuổi chết non, lòng tôi đang bùi ngùi thương tiếc, chẳng dè nó làm ma bắt trình, cho nên tôi giận mà đánh, có dự chi tới bà chớ?

Mụ cũng giận, nói:

- Mày vốn là một thằng vô lại ở miền Tích Giang, nhờ khéo đút lót mà mua được một chức quan, đã vênh mặt lên. Mày làm việc quan chẳng kể trắng đen phải trái gì cả, ai có ba trăm đồng tiền đem lễ, mày coi như cha, bảo gì mày cũng nghe. Vì thế, thần hồn người giận, ngày chết sắp đến nơi, cha mẹ mày lay lục ở dưới âm ti, nguyện cho nàng dâu yêu quý ở lâu xanh, đặng trả nợ tham tàn cho mày, mà mày không biết ư?

Nói đoạn mụ lại đánh nữa. Diên Sử lay lục năn nỉ nghe mà thương tình. Phong đứng xem, đang suy nghĩ không biết làm sao cứu giùm, lại thấy Mai nữ tử trong buồng đi ra, trợn mắt thề lưởi, bộ dạng gớm ghiếc, đến gần rút cây trâm dài toan đâm vào tai Diên Sử. Phong lấy mình che đỡ hộ khách. Nàng hậm hực vô cùng, Phong khuyên bảo nhỏ nhẹ:

- Người này dù có tội đi nữa; nếu chết ở nhà trọ của tôi, thì chính tôi cũng có lỗi. Vậy xin cô nên nghĩ “cầm đá ném chuột, còn kiêng bề đồ đạc” mà bớt nóng giận cho tôi nhờ.

Nàng bèn chạy qua mụ già và nói:

- Thôi, bà cũng nên vị nể Phong lang, mà nương tay cho cái sống thừa này, làm phước.

Diên Sử vội vàng lúi thủi ra đi một mạch. Về tới dinh, phát bệnh đau đầu, nửa đêm thì chết.

Đêm sau nàng đến, vừa cười vừa nói:

- Sung sướng quá! Hả lòng uất ức rồi.

Chàng hỏi có chuyện oán thù gì, nàng đáp:

- Trước kia tôi đã nói: chính viên Diên Sử ăn hối lộ và vu oan cho tôi, tôi căm giận nó đã lâu, thường muốn cậy chàng giải bày oan khúc ấy cho, nhưng tự thẹn mình chưa có chút công đức gì với chàng mà

hòng làm phiền, cho nên mỗi lần muốn nói lại thôi. Đêm qua, tôi nghe bên ngoài chộn rộn, núp lén mà nghe, không ngờ gặp được kẻ thù.

Phong ngạc nhiên hỏi:

- Hắn chính là kẻ vu oan cho cô đó ư?

- Phải, nó làm Diên Sử ở đây luôn mười tám năm, mà em thác oan trải mười sáu xuân thu đắp đổi rồi.

- Còn mục già kia là ai?

- Một mục đi già.

- Ái Khanh ở đâu?

- Hiện ở đang bệnh nằm ở nhà.

Đoạn nàng tỏ vẻ tươi cười, nói tiếp:

- Độ trước em từng nói sum họp có ngày, nay không còn xa nữa. Cậu thường nghĩ ý bán nhà lệch nghiệp để mua chuộc em cho bằng được, cậu có nhớ không?

- Ngày nay, tôi vẫn có ý muốn đó, không đổi.

- Vậy thì em xin nói thiệt với cậu nhé, cái ngày em thất cổ chết rồi, liền đi đầu thai vô nhà ông họ Triền ở quận Diên An. Nhưng vì hồn to chưa giải nên còn nấn ná ở đây. Nay cậu lấy lụa mới làm một quỉ nang để em có thể dựa vào cậu mà đi tới nhà họ Triền cầu hôn, tất là xong việc.

Phong còn ngại chỗ gia thế cao thấp khác nhau, e bị người ta chối từ. Nàng nói:

- Cậu cứ việc đi, chớ lo ngại gì hết.

Bây giờ Phong mới vâng lời, nàng lại căn dặn:

- Đi đường, cậu nhớ kêu gọi em nghe! Đợi tới động phòng, sẽ lấy *quỉ nang* choàng vô đầu cô dâu mà gọi mau:

- Đừng quên! Đừng quên!

Phong y lời, bèn mở quỉ nang ra, nàng đã nhảy thót vô, đem tới Diên An. Hỏi thăm quả có Triền Hiếu Liêm, sinh ra một gái, dung mạo cực đẹp, duy có bệnh ngơ ngẩn, hay thè lưỡi ra ngoài miệng dài

thòn, như con chó lúc mệt thở vậy. Vì thế đã mười sáu tuổi mà không ai chạm ngõ. Cha mẹ rất lo buồn.

Phong đến cửa đưa danh thiếp vô yết kiến và tỏ bày giòng họ nhà mình. Sau khi trở về, liền cậy mối lái đến hỏi. Triền Hiếu Liêm vui mừng nhận gả ngay, đòi Phong ở rể tại nhà.

Cô dâu ngớ ngẩn đến nỗi không biết làm lễ gì hết. Hai cô hầu phò về buồng riêng. Khi chúng tản đi rồi, cô lột phăng áo xuống để lộ cặp vú ra đối diện Phong cười cợt như điên. Phong chụp quĩ nang lên đầu mà gọi. Cô ngớ sững, ra vẻ suy nghĩ. Phong hỏi:

- Cô làm lạ, không biết tôi ư?

Vừa nói vừa giơ quĩ nang cho xem. Bấy giờ cô mới tỉnh ngộ, vội vàng khép áo vô, cùng nhau chuyện trò vui vẻ.

Sáng ngày, Phong vào chào ông nhạc. Hiếu Liêm nói:

- Con bé nhà tôi ngớ ngẩn không biết gì, anh đã có lòng thương yêu thì xin rộng lượng tha thứ. Trong nhà này có vô số con hầu son trẻ, sắc đẹp, tùy anh lựa chọn con nào tôi cũng bằng lòng.

Phong cố biện bạch là vợ mình có ngớ ngẩn đâu; Hiếu Liêm đang nghĩ ngợi thì cô con gái vừa bước vô, cử chỉ nói năng rất đàng hoàng đúng phép, khiến cả nhà cũng lấy làm lạ. Cô chỉ mỉm cười không nói gì. Hiếu Liêm tra hỏi con, nhưng cô ngập ngừng, nói ra sợ thẹn. Phong đứng bên tỏ ý đại khái cho ông nhạc nghe. Hiếu Liêm nghe mừng quá. Chiều con chiều rể hơn lúc bình thường.

Được hơn một năm. Đại Thành ra vẻ khinh bạc, anh rể và em vợ sanh ra xích mích, lũ tôi tớ thừa cơ bới lông tìm vết để kẻ vạch thêm. Triền Hiếu Liêm bị mấy phía đâm thọc, cho nên đối với Phong không được như lúc mới.

Vợ thấy tình cảnh như thế, nói riêng với chồng:

- Nhà cha vợ không phải là nơi có thể ở lâu. Phàm những kẻ làm rể mà ở nhà vợ lâu ngày, đều phường ăn bám không biết tự lập. Nay ta nên thừa lúc chưa tới giai đoạn quyết liệt, mà tự đem nhau đi trước là hơn.

Phong cho là phải lẽ, xin cáo từ cha vợ.

Triển Hiếu Liêm muốn giữ con gái ở lại, nhưng nàng nhất định theo chồng. Cả nhà cùng mặc kệ cho đi, chẳng giúp ngựa xe hay lộ phí gì cả. Nàng bán bớt tư trang để mua ngựa, cùng chồng lên đường về quê nhà.

Sau Triển Hiếu Liêm nhắn bảo con gái về thăm nhà, nàng cố từ chối không về. Cho tới khi Phong thi đậu Hiếu Liêm, cha vợ và chàng rể mới đi lại tử tế với nhau.

21. TÌNH NGHĨA VỚI CHIM

(Truyện A Anh, quyển VII)

Cam Ngọc, tự Bích Nhon, người quận Lộ Lăng, cha mẹ mất sớm còn người em trai, tên Giác tự Song Bích, mới có năm tuổi, nhờ anh chị nuôi nấng.

Người rất hữu ái, chăm nom em chẳng khác gì con ruột. Năm tháng qua đi, Giác trưởng thành, mặt mày khôi ngô lại thông minh học giỏi, cho nên Ngọc càng quý, thường nói:

- Thăng em ta lỗi lạc thế này, phải có vợ tài mạo song toàn mới xứng đáng.

Nhưng kén chọn khó tính quá, thành ra dạm hỏi chẳng xong đám nào. Một hôm, Ngọc lên chùa núi Khuông Sơn đọc sách rồi ngủ lại đó, gần khuya đi nằm nghe bên ngoài cửa sổ có tiếng con gái thổ thê, nhìn ra thấy ba, bốn cô gái ngồi xúm nhau trên bãi cỏ, mấy con tó gái bày rượu và đồ nhắm, cả bọn đều có sắc đẹp. Một cô hỏi:

- Tàn nương tử! Tàn nương tử! Sao A Anh không đến chơi với chị em ta?

Cô gái ngồi hàng cuối trả lời:

- Bữa qua nó từ cửa ải Hàm Cốc đến đây bị một thằng hung bạo làm đau cánh tay phải; cho nên không thể cùng chị em mình ngao du đêm nay.

Mỗi người một lời, tỏ vẻ tức tối cho A Anh. Rồi một cô gái nói:

- Đêm trước nằm chiêm bao ghê quá, hôm nay nhớ lại còn toát mồ hôi.

Cô ngồi hàng cuối xua tay gạt đi:

- Chớ nói ra! Đêm nay chị em tụ họp vui vẻ, nói chuyện nhất sợ người ta mất khoái đi.

- Con bé này sao nhất gan đến thế! Nó làm như beo cộp đến vô đi chẳng? Nếu muốn cho ta đừng nói thì phải một bài thuốc chuốc chén cho chị đây. Cô nọ liền ngâm nho nhỏ:

*Bông đào đua nở đầy thêm tốt tươi
Hôm qua hẹn ước chớ có đơn sai
Nhấn nhủ cô em người bên xóm
Đợi nhau chút đỉnh chớ nên giục tôi
Mang giày cánh phụng rồi tôi tới nơi.*

Cô ngâm xong, cử tọa đều tấm tắc khen hay.

Giữa lúc chị em đang vui cười, bỗng một người to lớn hăm hăm đi vào, mắt lồi, mặt dữ tợn, các cô cùng hoảng hốt la lên:

- Yêu tinh đến đó! Yêu tinh đến đó!

Rồi mạnh ai nấy chạy tán loạn, như chim lạc đàn, duy cô vừa mới hát không chạy kịp, bị yêu tinh bắt được, kêu la thảm thiết, cố sức giằng co để gỡ mình ra. Yêu tinh giận dữ cắt đứt một ngón tay của cô mà nhai liền đó. Cô ngã xuống đất chết giấc.

Cam Ngọc nhìn thấy động lòng xót thương không sao nhịn được, lập tức rút gươm mở cửa xông ra, chém yêu tinh, trúng vào bắp về đứt lìa, nó đau quá chạy mất.

Ngọc đỡ nàng vào nhà, thấy mặt đầy cát bụi, máu thấm ướt áo, té ra đứt ngón tay cái, liền xé vải buộc lại cho nàng. Bấy giờ nàng mới tỉnh, nói rên rĩ:

- Cái ơn cứu mạng lấy gì mà đáp đền?

Từ khi Ngọc trông thấy nàng, đã ngầm tính tới chuyện làm mai cho em, bèn ngỏ ý với nàng, nàng nói:

- Con người có tật như tôi, không thể làm việc nội trợ được nữa, để tôi làm mai một người cho em ông.

- Người ấy họ chi?

- Cô ấy họ Tần.

Đoạn, Ngọc tự lấy chăn của mình đắp cho mình. Hôm sau, Ngọc về thuật chuyện với em, lấy làm hồi hận không hỏi nàng cửa nhà làng xóm ở đâu.

Một hôm, em Ngọc là Giác ngẫu nhiên đi chơi ngoài đồng, gặp một cô xuân xanh đôi tám, mặt mày cực xinh, ngó chàng mà cười chúm chím, sau liếc quanh bốn phía rồi nói:

- Cậu có phải là cậu Hai nhà họ Cam đó không?

- Thưa phải! Chính tôi!

- Ông cụ thân sinh ra cậu hồi xưa có đính ước hôn nhân cho cậu với tôi, sao hôm nay cậu lại muốn trái lời ước cũ, đi dạm hỏi họ Tần?

- Thưa cô, tôi mồ côi cha từ hồi còn bé, cho nên những lời hẹn hò thế nào, không từng hay biết. Vậy xin cô nói rõ họ tên, để tôi về hỏi lại anh tôi.

- Thưa cậu ạ, không cần tra hỏi tỉ mỉ làm chi. Miễn được cậu ừ một tiếng, rồi tôi sẽ tự đến nhà.

Giác từ chối, lấy cớ là chưa nói với anh, không dám hứa bừa, nàng cau mày nói:

- Cậu này ngây thơ quá, sợ anh đến thế ư? Đã vậy thì thôi, nói cho biết: Tôi đây họ Lục ở thôn Sơn Vọng thuộc về Sơn Đông. Nội trong ba bữa tôi đợi tin cậu đấy.

Nói đoạn, nàng từ giã đi.

Giác về thuật chuyện với anh, anh nói:

- Con đó nói láo. Hồi cha mất, tao đã ngoài hai mươi tuổi, nếu có chuyện đính hôn đó, lẽ nào tao lại không hay.

Ngọc lại nghĩ, con gái đi một mình ngoài đồng, gặp đàn ông con trai tự dưng bắt chuyện như thế là hạng gái không ra gì, cho nên trong

lòng khinh bỉ, không thềm để ý. Tuy nhiên, cũng hỏi em coi dung mạo nàng ra sao? Giác then đỏ mặt, không thốt được một lời nào. Chị dâu cười hỏi:

- Ý chừng cô ả đẹp lắm thì phải.

Ngọc nói:

- Nó con nít, biết gì xấu đẹp? Dù cho đẹp cũng không bằng họ Tần đâu. Đợi xem chừng nào họ Tần không xong, sẽ tính đám này cũng chưa muộn.

Giác lẳng lặng bỏ đi.

Cách mấy hôm sau, Ngọc đi đường, thấy một thiếu nữ vừa đi vừa khóc trước mặt, liền buông cương kìm ngựa lại mà dòm mặt thấy sắc đẹp tuyệt trần, bèn sai tên tùy tùng hỏi nàng vì sao mà khóc.

Nàng đáp:

- Tôi lúc trước đính hôn với cậu hai nhà họ Cam vì nổi nhà nghèo nên phải đi xa, phải bất tin tức. Gần đây mới về, lại nghe Cam gia thay lòng đổi dạ, quên lời ước cũ, bây giờ tôi cốt đến hỏi người anh cả là Cam Bích Nhân xem anh ấy liệu cho tôi ra sao?

Ngọc sừng sốt vừa mừng vừa tự giới thiệu:

- Cam Bích Ngọc chính là tôi đây cô ạ! Ông cụ nhà tôi thưở trước có hẹn ước ra sao, thật tình là tôi không biết. Đây cách nhà tôi không xa, mời cô về nhà tôi bàn tính.

Nói rồi xuống ngựa, nhường cho nàng cưỡi, tự mình đi bộ theo sau, đưa nàng về nhà.

Nàng tự nói tên là A Anh, mà không có anh trên em dưới nào cả, duy chỉ có một người chị bên ngoại, họ Tần cùng ở chung. Bấy giờ Ngọc mới hiểu cô nọ đã nói hôm trước tức là người này. Ngọc muốn sai người đi báo tin cho nhà cô biết, nhưng cô nhất định cản đi.

Ngọc mừng thầm, em mình vớ được vợ đẹp, nhưng sợ nàng lẳng lơ, e bị thiên hạ chê cười. Cưới về một thời gian, nhận thấy cử chỉ đoan trang, lại mềm mỏng khéo nói, hầu hạ chị dâu như là mẹ, chị dâu cũng hết lòng yêu chuộng.

Gặp tiết trung thu, vợ chồng đang ngồi ăn uống thân mật, chị dâu sai người đến mời, kéo nài thế nào nàng cũng phải đến nhà anh chị uống rượu thưởng nguyệt cho vui. Trong ý Giác còn phân vân, thì nàng bảo người đi mời cứ về trước, nàng sẽ tới sau. Nhưng rồi nàng cứ ngồi lì ở nhà nói chuyện vui cười với chồng, lâu lâu mà không có ý ra đi, làm Giác phải giục giã, sợ chị dâu chờ đợi mãi, không nên. Nàng chỉ cười, sau rốt vẫn ngồi nhà chớ không đi đâu cả.

Sáng ngày, nàng chải đầu thoa phấn vừa xong, thì chị dâu thân hành đến thăm viếng, hỏi tại sao đêm qua ngồi với mình mà có vẻ xuôi xị không vui. Nàng mỉm cười.

Giác thấy chuyện lạ, hặc hỏi đôi co, té ra hồi hôm vợ ngồi cả buổi ở nhà không chịu đi, đồng thời lại có mặt tại nhà chị mới kỳ. Chị cả kinh, nghĩ bụng, nếu như nàng chẳng phải yêu ma, có sao có phép thân phân hai nơi như thế. Ngọc cũng phát sợ, đứng cách bức màn mà nói:

- Nhà tôi đời đời tu nhân tích đức, vốn không chuyện oán thù gì với cô. Nếu phải cô là yêu tinh thì xin đi mau, chớ giết em tôi tội nghiệp.

Nàng then thùng nói:

- Vâng, em vốn không phải là người. Chỉ vì ngày xưa ông cụ có lời đính ước, thành ra chị Tần thúc giục em tới đây. Chính em tự nghĩ không thể sinh đẻ gì được, cho nên thường muốn từ biệt mà đi cho rảnh; bấy lâu hãy còn bịn rịn chẳng nỡ dứt tình chỉ vì cảm tấm lòng anh chị đôi đũa tử tế đó thôi. Nay anh chị đã sinh lòng ngờ vực thì em xin đi biệt từ đây.

Chớp mắt đã hóa thành chim anh vũ bay mất.

*

Nguyên hồi Cam ông còn sống, có nuôi một con anh vũ cực khôn, mỗi ngày ông tự dứt mỗi cho nó ăn. Lúc đó Giác mới bốn năm tuổi, hỏi cha tại sao cứ phải cho chim ăn. Ông nói giỡn:

- Cho nó ăn để sau này làm vợ mày đó.

Nhiều khi sợ chim ăn chưa đủ no, ông kêu Giác:

- Kìa, con không cho nó ăn thì dâu của tao chết đói còn gì?

Gia nhân cũng lấy chuyện đó mà đùa bỡn với Giác. Về sau, chim duộc dây, bay vù đi mất.

Nay người anh nhớ lại chuyện xưa, mới tỉnh ngộ nàng nói cự ước là vậy đó.

Bây giờ, Giác thấy rõ vợ không phải là người nhưng biến đi thì lòng thương nhớ khôn nguôi. Chị dâu cũng nặng tình tưởng nhớ, đến nỗi sớm chiều khóc lóc. Ngọc động lòng hối hận song việc đã lỡ chẳng biết làm sao kéo lại cho được.

Sau hai năm, Ngọc cưới con gái Khương thị về cho em, nhưng trong ý không nguôi chuyện cũ.

Có người anh họ làm chức Tư Lý ở Quảng Đông, Ngọc đến thăm, lâu ngày không về. Vừa gặp thổ phỉ dấy loạn, xóm làng xung quanh đổ nát quá nửa. Giác sợ quá đưa cả nhà vào hang núi lánh nạn, trai gái hỗn tạp, không còn biết ai là ai. Chợt nghe tiếng con gái nói thô thể, nghe giống như A Anh, chị dâu hỏi Giác lại gần xem thì quả A Anh.

Giác mừng quýnh nắm chặt lấy cánh tay không buông, nàng nói với người cùng bọn:

- Cô hãy đi trước, tôi đợi chị dâu tôi đến.

Khi đến nơi, chị dâu trông thấy khóc nức nở, nàng an ủi đôi ba phen, lại nói chốn này không thể yên thân, nên kéo nhau về nhà là hơn. Mọi người sợ cướp quấy nhiều thì nguy. Nàng nhất định bảo cứ về, không có gì lo. Bấy giờ mọi người đưa nhau về.

Nàng đào đất bịt cửa, dặn dò ai nấy cứ ở yên bên trong, không được ra ngoài. Ngồi nói ba điều bốn chuyện, nàng rục rịch muốn đi. Chị dâu vội vàng nắm chặt cánh tay, lại bảo hai con hầu mỗi đứa ôm cứng một chân. Cục chẳng đã, nàng phải ở lại, nhưng chạy về buồng riêng. Giác năn nỉ hẹn hò ba bốn lần nàng mới đến một lần.

Chị dâu thường nói với nàng rằng Khương thị lời thôi, nên không vừa ý chú Hai (tức Giác) nàng bèn thức dậy thật sớm, ra tay trang điểm trau dồi cho Khương thị. Người ta vào thấy xinh đẹp gấp bội. Cách ba bốn ngày biến đổi rõ ràng là một mỹ nhân. Chị dâu lấy làm lạ, nhân dịp mình không có con, ý muốn mua một cô hầu cho chồng, nhưng bấy lâu chưa rảnh mà tính chuyện ấy, nay thấy nàng có

tài biến xấu ra đẹp như thế, bèn hỏi nàng trong đám thị tì, chẳng biết có thể nào tô điểm biến hóa được không? Nàng nói:

- Bất cứ ai cũng có thể biến hóa được. Duy có kẻ nào sẵn sàng chất tốt, thì đỡ tốn công phu thế thôi.

Đoạn, nàng xem tướng khắp mặt con hầu trong nhà, có một đứa vừa đen vừa xấu nàng bảo có tướng sinh con trai. Liền đó nàng gọi nó đi tắm rửa xong, tự lấy phấn trộn với thuốc bột mà thoa khắp cơ thể cho nó. Làm vậy ba bốn bữa, sắc mặt lần lần biến vàng. Sau hơn hai mươi tám ngày thì dầu mỡ thấm nhuần da thịt, thành ra con người dễ coi.

Ngày ngày nàng chỉ đóng cửa làm trò vui cười, tuyệt nhiên chẳng hề kể gì tai nạn binh hỏa rầm rộ bên ngoài.

Một đêm, tiếng kêu ồn ào tứ phía, cả nhà sợ quính. Giây lát, ngoài cửa dậy tiếng người la ngựa hí, kéo đi nằm nập. Sáng ra mới biết hồi khuya cả xóm bị cướp đốt phá gần hết, bọn cướp lục soát khắp nơi, những người ẩn núp hang núi đều bị giết chóc. Bấy giờ cả nhà mới cảm ơn nàng, coi nàng như thần. Bỗng dưng nàng nói với chị dâu:

- Em đến đây chuyến này chỉ vì cảm ơn nghĩa của chị không thể quên được cho nên cùng chị chia sẻ cảnh buồn loạn ly. Anh sắp về tới nơi chị ạ! Em còn ở đây nghĩ cũng kỳ, khác nào tục ngữ thường nói: “Chẳng ra môn khoai gì cả”, âu thật buồn cười. Thôi em phải đi, chừng nào rảnh sẽ ghé thăm chị.

Chị dâu hỏi tin tức người đang đi đường có bình yên mạnh giỏi không. Nàng đáp:

- Giữa đường có nạn lớn nhưng chuyện này không dự chi đến người ta. Chị Tần mang ơn nhiều, tất là nhân dịp báo đáp, vậy thì gặp nạn cũng chẳng hề chi.

Chị dâu cố giữ ngủ lại một đêm nữa, trời chưa sáng rõ thì nàng đã đi rồi.

Nói về Cam Ngọc từ Quảng Đông về, nghe tin quê nhà giặc giã, cố đi ngày đêm để về cho mau. Giữa đường gặp giặc, hai thầy trò phải bỏ cả ngựa, gói ghém tiền nong cột vào bụng lén núp trong bụi gai góc. Một con Tần Các Liễu (tên riêng của loài chim anh vũ) bay tới đậu trên

bụi gai, xòe cánh ra che đậy. Ngọc nhìn cái cẳng thấy khuyết một ngón, trong bụng lấy làm lạ. Giây lát bọn giặc xúm quanh tứ phía tìm tòi khắp các bờ bụi, Ngọc và tên tùy bộ nín hơi, không dám thở mạnh.

Giặc lục soát không thấy gì, bỏ đi tứ tán, bấy giờ chim mới bay đi.

Về nhà, vợ chồng cùng thuật cho nhau nghe những chuyện đã thấy, lúc đó Ngọc mới biết Tần Các Liễu tức là mỹ nhân mình cứu mạng năm xưa.

Sau, hễ khi nào Ngọc đi chơi lâu không về, đêm ấy A Anh tất ghé về nhà, nhắm chừng Ngọc gần về thì nàng đi. Giác gặp lại nàng tại nhà chị dâu, lần nào cũng mời thỉnh đến nhà mình chơi, nàng ừ nhưng không đến bao giờ.

Một đêm, Ngọc đi chơi, Giác định chừng A Anh sẽ đến, bèn núp một nơi để chờ. Một lúc quả nàng có tới, Giác xông ra đón đường, lôi kéo về nhà mình kỳ được mới nghe. Nàng nói:

- Tôi với cậu tình duyên đã hết rồi, nếu cố sum họp e bị trời ghen ghét, vậy ta nên lưu chút tình đó để thỉnh thoảng gặp nhau thì hơn.

Giác không nghe, cứ việc ôm ấp nàng, rồi giao hoan.

Trời sáng, đến nhà chị dâu, chị dâu lấy làm lạ, nàng cười nói:

- Em đi nửa đường, bị cường khấu bắt cóc, khiến chị phải mong đợi, thật em có lỗi muôn vãn.

Nàng nói chuyện dăm ba câu rồi đi ra. Một lúc sau, con mèo lớn trong nhà ngậm chim anh vũ đi qua trước cửa buồng ngủ, chị dâu nghi là A Anh, sửa soạn đi tắm mà phải bỏ tắm, kêu người nhà đồ ra bắt con mèo mà lấy chim anh vũ lại. Cánh bên tả rướm máu, hơi thở thoi thóp, chị dâu đặt lên đầu gối vuốt ve khá lâu, chim mới hồi tỉnh, tự lấy mỏ rĩa lại lông cánh, giây lát bay quanh trong nhà miệng nói:

- Xin chào chị ở lại, em đi. Em oán cậu Giác lắm.

Đoạn vỗ cánh bay thẳng.

22. TAY ÁO LÀM MAI

(Truyện Cung tiên, quyển VII)

Cung đạo nhân, không có tên tự, cũng không biết là người ở đâu, có lần đến xin ra mắt Lỗ vương, nhưng người canh cổng không cho vào.

Có người thân tín trong vương phủ đi ra, đạo nhân vái chào và ngỏ ý muốn. Thân Tín thấy ông xấu xa bản thủ, lại xua đuổi thêm.

Ông đi rồi trở lại. Thân Tín nổi giận sai thủ hạ vừa đuổi vừa đánh. Đến chỗ vắng vẻ không có ai, đạo nhân cười và đưa ra cho trăm lượng vàng, nhờ kẻ đuổi theo nói hộ với vị Thân Tín kia rằng:

- Bản tâm ta không cần giáp mặt vương hầu, chỉ nghe tiếng vườn hoa sau vương phủ có cây cối lâu đài, đẹp nhất thế gian, nếu sẵn lòng dẫn ta đi xem một phen là đủ mãn nguyện.

Nói xong lại móc tiền bạc ra đút lót người đuổi theo mình. Anh này thấy tiền mừng rỡ, quay về thưa lại Thân Tín.

Thân Tín cũng mừng, liền dẫn đạo nhân vào cửa sau, xem đủ mọi cảnh, rồi bước lên lầu. Thân Tín đang đứng dựa bên cửa sổ, đạo nhân xô một cái, tự nhiên thấy mình té xuống bên ngoài, may có dây leo vướng bụng, thành ra treo tòn teng lơ lửng giữa trời. Ngó xuống thấy sâu thăm thẳm mà nghe dây leo kêu rắc rắc, dường như sắp đứt, sợ hoảng hồn xám mặt, Thân Tín kêu la vang trời.

Mấy tên thái giám chạy đến, trông thấy cũng sợ khiếp đảm, vì nhấm Thân Tín thấy cách xa mặt đất cao quá. Họ chạy tuốt lên lầu cùng xem, thì ra đầu dây cột vào bao lơn, muốn cởi ra để cứu nhưng thấy dây leo vắn vít cả nùi, nhấm bẻ không thể dùng sức mà tháo gỡ nổi. Đi tìm đạo nhân thì đạo nhân đã biệt tăm dạng, họ nghĩ bó tay hết kế, bèn chạy tâu cho Lỗ vương hay.

Lỗ vương đến mục kích lấy làm lạ, đành sai lính tráng rải cỏ khô và bông gòn dưới đất, rồi sẽ chặt đứt dây leo cho Thân Tín rớt xuống

khỏi bể đầu như xương. Công việc dự bị vừa xong, thì dây leo tự đứt mà chỉ cách mặt đất không đầy một thước thôi, ai nấy cùng tức cười.

Xong đó Lỗ vương sai người đi tìm xem đạo sĩ ở đâu. Nghe tin ông ở đậu nhà thầy tú tài họ Thượng, lính đến đó hỏi, thì ông đi ngao du chưa về. Họ thất vọng, bảo nhau trở về, may gặp ông ở giữa đường, liền dẫn tới trước mặt Vương.

Vương mời ngồi ăn tiệc, và yêu cầu đạo sĩ làm trò lạ cho xem. Đạo sĩ thưa:

- Thần là người quê mùa, chẳng có tài giỏi chi, nay ngài thương đến mà sai bảo, vậy xin dâng nữ nhạc để chúc thọ ngài.

Nói đoạn, mò trong tay áo ra một mỹ nhân đặt xuống đất; nàng cúi đầu chào vương rồi đạo sĩ sai diễn tuồng *Dao Trì tứ yến*, chúc vương muôn năm. Nàng vừa ra sân khấu hát mấy câu, đạo sĩ lại thò vào tay áo lấy ra một người nữa, tự bạch là Tây Vương Mẫu. Giây lát nào Đồng Tiên Nga, nào Hứa Phi Quỳnh, cả đám tiên cô trên trời, lần lượt xuất hiện. Sau hết tới Chức Nữ ra trò, hiến Lỗ vương một bộ áo trên trời, màu vàng rực rỡ, chói rạng khắp nhà.

Lỗ vương nghĩ là đồ giả, đòi xem tận nơi. Đạo sĩ vội vàng cản ngăn, nói rằng không nên. Vương không nghe, cứ việc lấy xem, quả nhiên áo trời liền lác một mảnh, không có đường may nào hết, thật sức người không sao làm được. Đạo sĩ không vui, nói:

- Thần hết lòng tôn kính đại vương cho nên mượn bộ áo trời của Thiên tôn đem xuống, nay bị trọc khí nhuốm vào rồi, làm sao trả lại nguyên chủ được đây?

Lỗ vương lại nghĩ những nàng ca hát, tất đều là tiên cô, cho nên muốn giữ lại vài cô, nhưng khi nhìn kĩ, thì không ai khác hơn là con hát thường ngày trong phủ mình. Vương xoay ra ngờ khúc hát họ chưa từng học qua sao mà hát được? Hỏi ra chính họ mù mịt chẳng biết tại sao.

Đạo sĩ lấy bộ áo trời châm lửa mà đốt, rồi mới bỏ vào trong tay áo mình. Mới đó mà người ta khám xét, chẳng thấy dấu tích gì cả mới kì.

Từ đó, Vương rất trọng đạo sĩ, giữ ở trong phủ. Nhưng đạo sĩ từ chối, lấy cớ mình quen tính bình dân, ở cung điện xem như ở trong lòng chậu, không bằng ở nhà thầy tú tài quen, được tự do hơn.

Thế rồi ban ngày vô phủ Lỗ vương, nhưng thế nào tôi cũng về nhà Thượng tú tài. Có lần Vương nài ép lắm thì cũng ngủ lại trong phủ. Mỗi khi giữa yến tiệc thường đảo lộn hoa cỏ bốn mùa để làm trò chơi. Vương hỏi:

- Ta nghe nói người tiên cũng chẳng khỏi động tình thích gái, có quả thế chẳng?

Đạo sĩ đáp:

- Không chừng người tiên mới thế, còn tôi không phải người tiên, cho nên lòng như cây khô héo vậy.

Một đêm, ông ngủ lại trong phủ, Vương sai một ả đào non đến rình xem.

Nàng vào phòng, kêu mấy tiếng không nghe thưa, thắp đèn soi thấy đạo sĩ nhắm mắt ngồi trên giường. Lay gọi, ông hé mắt một chút lại nhắm nghiền lại. Lay gọi nữa thì tiếng ngáy khò khò. Xô đẩy thì liền thấy ngã lăn xuống giường mà vẫn ngủ say và ngáy vang như sấm. Gõ trên trán, chỉ thấy ngón tay mình đau như gõ vào nồi gang hũ sắt vậy. Nàng trở về phục mạng, kể rõ tình đầu cho Vương nghe. Vương sai lấy kim mà đâm. Kim đâm không vào. Người ta cố sức xô đẩy, thấy nặng không thể lung lay. Thêm mười mấy người nữa, xúm nhau khiêng ông quăng xuống chân giường, nghe có tiếng nặng trịch như tảng đá ngàn cân rơi huých xuống đất vậy.

Sáng ngày đến dóm, ông vẫn ngủ nguyên dưới đất. Tỉnh dậy cười và nói:

- Một giấc ngủ say, rơi xuống chân giường mà không biết.

Lần khác, Vương sai lũ con gái trẻ măng sắc đẹp, nhè lúc nằm ngồi, đến bên véo thịt ông làm vui. Nhưng bận đầu véo còn thấy thịt mềm, qua bận sau đã cứng như sắt đá rồi.

Đạo sĩ ở nhà Thượng tú tài, thường khi suốt đêm không thấy về, tú tài khoá cửa đi ngủ, tới sáng đã thấy ông ngủ vùi trên giường hồi nào.

Nguyên trước, Thượng tú tài nhân tình với đào hát Huệ Kha, đôi bên thề thốt lấy nhau. Huệ hát cực hay, đường tơ giọng hát vang dậy một thời. Lỗ vương nghe tiếng, vờ nàng vào ở trong phủ hầu hạ,

vì thế Thượng tú tài với nàng dứt tuyệt đi lại, nhiều khi thương nhớ muốn chết, mà không có cách nào thông tin được với nhau.

Một đêm, Thượng hỏi đạo sĩ vào phủ có trông thấy Huệ Kha lần nào không? Đạo sĩ nói:

- Đào hát trong phủ đều thấy, duy không biết Huệ Kha là cô nào.

Thượng tả hình dung và cỡ tuổi, đạo sĩ mới nhớ ra. Nhân đó Thượng cầu nhắn giùm một đôi lời. Đạo sĩ cười nói:

- Tôi là người tu hành, không làm chim xanh cho ông đặt.

Thượng năn nỉ mãi, đạo sĩ đưa tay áo lên và nói:

- Nếu nhất định muốn thấy mặt người yêu một phen thì chui vào đây, tôi đưa đi.

Thượng dòm bên trong thấy rộng rãi như cả gian nhà, liền chui mình vào, lại thấy lộng lẫy sáng sủa, bàn ghế, giường mùng, chẳng thiếu thứ gì, cho nên ở trong thấy sung sướng, không buồn rầu chút nào. Đạo sĩ vào phủ, ngồi đánh cờ với Lỗ vương, thừa dịp Huệ Kha tới gần, giả vờ phe phẩy tay áo để giữ bụi. Huệ Kha bị thu hút vô trong, mà chẳng một người nào trông thấy.

Khi đó, Thượng đang ngồi tư tưởng một mình, chợt nghe có vật gì từ mái nhà rơi xuống, nhìn lại té ra Huệ Kha. Hai người sùng sốt mừng rỡ, kể lễ tình xưa. Thượng nói:

- Cái duyên lạ lùng của đôi ta hôm nay, không lẽ không ghi nhớ bằng văn chương. Vậy tôi với mình làm thơ liên cú để kỉ niệm nhé.

Chàng nói rồi viết câu mở đầu trên vách tường:

Hầu môn thăm thăm bấy lâu nay

Huệ Kha nối theo:

Ai ngờ chàng Tiêu lại gặp đây

Thượng tiếp câu thứ ba:

Tay áo mênh mông trời đất rộng

Huệ Kha đọc câu kết:

Trai thương gái nhớ được sum vầy.

Viết bài thơ vừa xong, bỗng có năm, sáu người áp vào, bịt khăn đầu rìu, mặc áo màu hường, nhìn ra đều không quen biết, mà họ cũng lẳng lẳng không nói gì, chỉ bắt Huệ Kha dẫn đi. Thượng kinh hãi chẳng hiểu nguồn cơn tự đâu.

Về nhà đạo sĩ gọi Thượng ở trong tay áo ra, hỏi chuyện tình tự có hả lòng chưa, Thượng còn giấu giếm không nói hết, đạo sĩ mỉm cười, cởi áo lộn bên trong đưa cho chàng xem. Chàng nhìn kĩ thấy có tự tích lờ mờ, nhỏ tí, tức là bài thơ tình tự hai người liên cú hồi nãy.

Cách sau mười mấy hôm, chàng lại xin chui vào tay áo lần nữa. Trước sau gồm ba lần. Huệ Kha bảo Thượng:

- Em nghe trong bụng cục cựa, nghĩ mà lo quá, thường ngày em lấy lụa buộc bụng thắt lại, còn có thể giấu nhem được, nhưng trong vương phủ tai mắt rất nhiều, một mai ở cũ, làm sao giấu được đứa trẻ khóc oa oa, vậy chàng phải bàn tính với đạo sĩ, chừng nào em sinh đẻ, thì ông ra tay cứu cho mới đáng.

Thượng nghe lời, đêm ấy trở về quỳ mọp trước mặt đạo sĩ, chưa kịp nói chi, đạo sĩ đã nâng đỡ trở dậy và nói:

- Thôi mà, anh chị căn dặn nhau những gì, tôi biết dư rồi. Xin ông đừng lo, dòng giống nhà ông nhờ có một chút đó, lẽ nào tôi chẳng hết sức giúp đỡ. Nhưng từ nay trở đi chớ đòi chui vô tay áo nữa nhé! Tôi muốn báo đáp ông, chẳng phải nguyên ở tự tình mà thôi đâu.

Mấy tháng sau, một hôm đạo sĩ ở ngoài về, tươi cười và nói:

- Tôi đã rước cậu bé về đây, sửa soạn tã lót mau!

Người vợ Thượng vốn hiền lành, ngoài ba chục tuổi sinh nở mấy lần, chỉ nuôi được một đứa con trai, vừa rồi lại sinh con gái, đầy tháng thì bỏ, nay nghe chồng báo tin, vui mừng khôn xiết, tức tốc chạy ra đón rước đứa bé.

Đạo sĩ thò vào tay áo, lấy đứa bé ra; nó đang ngủ say và rón chưa cất. Vợ Thượng đón lấy bỗng trên tay, bấy giờ nó mới khóc oa oa. Đạo sĩ cởi áo và nói:

- Máu đẻ vấy dơ cả áo thế này, đạo môn kị nhất. Nay vì sự giúp đỡ ông, mà vật cũ hai chục năm, bỗng chốc phải bỏ đi.

Thượng đưa áo khác cho đạo sĩ thay. Đạo sĩ căn dặn:

- Cái áo cũ của tôi, chớ nên bỏ uổng. Để làm thuốc trị bệnh hay lắm đó. Chỉ xé một miếng độ một chỉ mà đốt, hòa với nước nóng, có thể cứu được trụy thai và sinh đẻ khó.

Thượng xin vâng lời.

Đạo sĩ ở một thời gian lâu nữa, chợt bảo Thượng:

- Chiếc áo cũ nên để dành ít nhiều, về sau tự mình cần dùng, điều đó sau khi tôi chết cũng không nên quên, nghe!

Thượng cho là lời nói bất tường, nhưng đạo sĩ lẳng lẳng ra đi, vào phủ Lỗ vương nói:

- Tôi muốn chết bây giờ.

Vương thất kinh hỏi tại sao. Đạo sĩ thưa:

- Đó là số trời đã định còn phải nói chi!

Vương không tin, cố giữ lại chơi, đánh xong một ván cờ, đạo sĩ vội vàng đứng lên. Vương lại ngăn cản. Chừng xin phép ra nhà ngoài, Vương mới y cho. Đạo sĩ ra đó nằm vật mình xuống, xem lại thì ông đã chết rồi. Vương sấm sửa quan tài chôn cất đủ lễ. Thượng rất thâm, bấy giờ mới hiểu lời ông nói hôm nào tức là báo trước vậy.

Cái áo cũ ông để lại làm thuốc cho đàn bà đẻ mau, thật là linh nghiệm. Người đến xin, chen vai nối gót ở trước cửa. Ban đầu còn cho cái tay áo có vấy máu, lần hồi xé tới cổ áo, bất cứ chỗ nào làm thuốc cũng hay. Sau nhớ lại câu đạo sĩ căn dặn, e chính vợ mình sẽ có tai vạ vì sinh sản, cho nên cắt lấy một miếng vải có máu, to chừng bàn tay, cắt kĩ để dành.

Gặp hồi Lỗ vương có nàng ái phi chuyển bụng ba ngày không đẻ, bao nhiêu lương y đều bó tay. Có người mách Thượng có cách chữa tuyệt diệu. Vương gọi Thượng vào, quả thật chỉ một chén thuốc là ái phi sinh đẻ dễ dàng. Vương mừng hết sức, trả lễ bằng tiền bạc gấm vóc cực nhiều. Nhưng món gì Thượng cũng từ chối không nhận. Vương hỏi:

- Vậy anh muốn chi?

- Thưa, tôi không dám nói ra.

Vương gạn hỏi đôi ba lần, Thượng cúi đầu nói:

- Nếu đại vương ban ơn cho, tôi xin người đào hát cũ Huệ Kha là đủ.

Lập tức, Vương gọi nàng ra hỏi bao nhiêu tuổi. Nàng thưa:

- Thiếp vô trong phủ từ hồi 18 tuổi, trải 14 năm nay rồi.

Vương thấy tuổi nàng đã lớn, bèn cho phép Thượng chọn lựa trong đám đào hát son trẻ, muốn lấy cô nào cũng cho. Thượng không chọn cô nào cả, khẳng khẳng chỉ chọn cô đào già Huệ Kha mà thôi. Vương cười nói:

- Anh học trò này khờ quá. Hay là đôi bên đã đính hôn từ mười năm về trước chẳng?

Thượng kể chuyện thật từ trước đến sau. Vương liền sai thẳng xe ngựa chở cả Huệ Kha và những tiền bạc gấm vóc đã cho, để làm tư trang cho nàng đi về nhà chồng.

Đứa con trai Huệ Kha để lúc trước tên là Tú Sinh, có ản nghĩa là để trong tay áo, lúc này đã được 11 tuổi.

Hàng ngày vợ chồng nhớ ơn đạo sĩ, năm nào đến tiết thanh minh cũng đi viếng mộ.

Có người ở Tứ Xuyên lâu năm, gặp đạo sĩ ở giữa đường trao cho một quyển sách và nói đó là sách trong phủ Lỗ vương, vì đi vội vàng, quên chưa nộp lại, nay phiên đem về trả giùm.

Người đó về, nghe tin đạo sĩ đã chết, thành ra không dám tâu bày cùng Lỗ vương. Sau nhờ Thượng trả quyển sách và tâu hộ tự sự, Lỗ vương mở ra coi thì quả là một quyển sách của mình đã cho đạo sĩ mượn coi năm xưa. Nhân đó, Vương sinh nghi, đào mả đạo sĩ lên xem, thì ra chỉ còn cái hòm trống rỗng.

Về sau, chính thẳng con trai của vợ Thượng sinh ra chẳng may chết yếu, nhờ có Tú Sinh nói dối tông môn, đúng lời tiên tri của đạo sĩ.

23. MỘT ĐÊM LẤY MA

(Truyện Công Tôn Cửu Nương, quyển VI)

Vụ án Vu Thất dậy giặc, làm người ta bị vạ lây mà chết, nhiều nhất là người ở hai huyện Thế Hà và Lai Dương. Có ngày bị bắt mấy trăm người, điều ra trường tập võ chém tất, máu đào lênh láng, xương trắng ngổn ngang. Quan trên động lòng từ bi, giúp tiền mua hòm; các tiệm đồ gỗ ở Thế Thành, đóng hòm tới đâu, bán sạch tới đó. Những người bị xử tử, phần nhiều bị chôn vùi ở Nam Giao.

Khoảng năm Giáp Dần, có người học trò người huyện Lai Dương, có việc đến phủ Tế Nam chơi; vì chàng có hai, ba bạn thân cũng ở trong đám chém, nên nhân dịp mua vàng hương đi viếng mộ bạn, rồi thuê một căn phòng ở trong chùa trọ.

Sáng hôm sau, vào trong thành có công việc mãi đến trời xế chưa về.

Bỗng có một thiếu niên đến buồng trọ của chàng thăm viếng, nhưng thấy chàng đi khỏi, liền bỏ mũ leo lên giường, chân để nguyên giày mà nằm ngửa mặt. Tên đầy tớ hỏi chàng là ai, khách nhắm mắt làm thinh không trả lời.

Đến lúc chàng về thì trời đã nhá nhem tối, nhìn mặt người không rõ, đến bên giường hỏi khách; khách trừng mắt nói:

- Ta đã bảo rằng đến viếng ông chủ mi, sao cứ phải hạch hỏi lời thôi mãi, bộ ta ăn cướp ăn trộm gì ư?

Chàng cười nói:

- Chủ nhân chính là tôi đây.

Thiếu niên vùng dậy, đội mũ mặc áo mà ngồi, vồn vã hỏi thăm. Chàng nghe tiếng nói như người quen, liền hô thấp đèn cho sáng, nhìn mặt hóa ra Châu sinh, người đồng hương chết vì tai nạn Vu Thất. Chàng sợ hãi khiếp vía, toan chạy. Châu sinh níu lại và nói:

- Tôi với anh là bạn văn chương, sao lại vô tình với nhau như thế? Bây giờ tôi đã chết thành quỷ, nhưng cái tình bạn cũ vẫn canh cánh bên lòng. Nay có một chuyện đến làm rầy anh, xin chớ coi nhau là dị vật mà ra chiều bạc bẽo.

Chàng mạnh dạn ngồi xuống, hỏi muốn chuyện chi, Châu sinh nói:

- Người cháu gái của anh hiện còn ở góa chưa lấy ai; tôi cần một người nội trợ đôi ba phen cậy mỗi đến đàm hỏi, nhưng cô ta khăng khăng từ chối, lấy cớ không có mạng lệnh bề trên cho phép. Vậy xin anh, anh nghĩ tình bạn cũ, tán thành cuộc nhân duyên này giúp tôi.

Nguyên trước chàng có đứa cháu gái, kêu chàng bằng cậu, từ nhỏ mồ côi mẹ nên chàng đem về nuôi nấng, mười lăm tuổi mới về ở với cha. Nó bị bắt giải tới Tế Nam, nghe tin cha vừa bị tử hình, thương xót quá đỗi, kêu thét lên mà đứt hơi chết luôn. Nay Châu sinh muốn cưới người cháu gái đó về làm vợ. Nhưng chàng lưỡng lự nói:

- Ủa! Con bé đó thì nó có cha nó làm chủ, sao anh phải cầu đến tôi?

Châu sinh đáp:

- Ông thân sinh cô ta đã được thằng cháu lấy xương cốt đi cải táng chỗ khác cho nên hiện thời không có mặt tại đây.

- Vậy thì con bé ở với ai?

- Cô ta sống chung với mẹ hàng xóm.

- Nhưng tôi là người, làm sao mới lái cho ma được?

- Được, hễ anh bằng lòng thì xin theo tôi.

Châu sinh đứng dậy, nắm tay chàng kéo đi. Chàng cố từ chối và hỏi đi đâu.

Châu nói:

- Cứ việc đi với tôi sẽ thấy.

Chàng phải miễn cưỡng ra đi. Châu dẫn đi về hướng bắc độ một dặm, thấy một xóm làng to, chừng mấy trăm nóc nhà. Đến căn nhà thứ nhất, Châu gõ cửa, tức thời có mẹ già chạy ra mở cửa, hỏi Châu muốn hỏi ai?

Châu nói:

- Bà làm ơn nói cô ở trong nhà rằng có ông cậu của cô đến đây.

Mụ trở vô giây lát, ra mời chàng vào, day lại nói với Châu sinh:

- Nhà tôi chật quá, phiền công tử đứng đợi ở bên ngoài một lát nhé.

Một mình chàng theo gót mụ vào, thấy nửa mẫu sân rêu, hai túp nhà nhỏ. Cháu gái đứng trước cửa đợi cậu, vừa chào vừa khóc sụt sùi. Trong nhà đèn thấp li ti, sắc mặt cháu xinh xắn như lúc còn sống. Nàng gạt nước mắt hỏi thăm cô thím ở nhà làm ăn có mạnh giỏi không? Chàng đáp:

- Mạnh giỏi tất cả. Duy chỉ có mợ cháu tức là vợ chàng thì đã qua đời rồi.

Nàng lại khóc nức nở và nói:

- Hồi bé, cháu nhờ cậu mợ nuôi nấng dạy bảo, công đức ấy cháu chưa đền đáp được một chút nào thì không may đã chết trước, nghĩ thật ân hận trong lòng. Năm nọ người anh con nhà bác đã dòi xương cốt cha cháu đi nơi khác chứ không nghĩ đến cháu, thành ra ngoài mấy trăm dặm, chiếc thân bơ vơ côi cút như én lạc đàn. Nhờ cậu có lòng đoái tưởng đến, đốt vàng mã cho, cháu đã nhận được rồi. Sau hết, chàng nói chuyện Châu sinh cầu hôn, nàng cúi mặt làm thinh, mụ già đứng bên đỡ lời:

- Ấy, hôm trước Châu công tử cậy bà Dương đến dạm hỏi năm ba phen, già bảo là việc rất nên, nhưng cô em không chịu lấy chồng một cách gàn như lén lút, nay có ông cậu đến chủ hôn cho, thì thật là danh chính ngôn thuận.

Mụ đang nói thì có một cô mười bảy, mười tám tuổi, có con tó gái theo hầu, ở đâu phăng phăng bước vào, trông thấy chàng liền day mình toan chạy. Nàng nắm chéo áo lại và nói:

- Chị đừng ngại. Đây là ông cậu ruột tôi, không phải ai lạ.

Chàng vái chào, thiếu nữ bẽn lễn đáp lễ. Người cháu gái giới thiệu:

- Cô này là Cửu Nương, họ Công Tôn ở huyện Thái Hà. Ông thân cô là người dòng dõi, nhưng nay cũng bị sa sút, cô không thích chơi với ai, sớm tối chỉ đánh bạc với cháu.

Chàng liếc thấy vẻ người tươi tắn, bền lền mà tuyệt đẹp, gật đầu khen ngợi:

- Phải trông người đủ biết là đại gia, chứ lẽu tranh vách đất làm gì có sắc mỹ miều đến thế.

Cháu cười và nói:

- Đã đẹp lại là thi sĩ nữa, cậu ạ! Thơ phú làm hay đáo để, cô thường dạy bảo cháu luôn.

Cửu Nương mỉm cười:

- Con nhỏ này khi không bêu rêu người ta làm cho ông cậu cười chết!

Cháu cũng cười nói tiếp:

- Mợ cháu qua đời, mà cậu chưa lấy ai. Cậu xem cô này có vừa lòng không?

Cửu Nương cười thẹn, vừa chạy vừa nói:

- Ranh con này phát khùng nói nhảm rồi đó.

Nói đoạn đi thẳng.

Lời nói tuy gần như đùa bỡn, nhưng chàng nghe lấy làm thích ý. Cháu dòm thấy ý cậu bèn nói:

- Tài mạo Cửu Nương thiên hạ không ai sánh kịp. Nếu cậu không chê là dị loại, thì cháu xin nói giùm với bà mẹ cô ta.

Chàng bằng lòng lắm, nhưng sợ người với ma làm sao kết thành vợ chồng được, cháu biện bạch:

- Không hề chi đâu cậu ạ! Cậu với cô ta vốn có lương duyên túc đế với nhau.

Chàng từ biệt ra về, cháu tiễn chân và nói:

- Năm bữa nữa, trăng thanh người vắng có người đến rước.

Chàng ra ngoài cửa, không thấy Châu sinh đâu cả, ngảnh cổ nhìn về hướng tây, bóng trăng lơ mờ, nhận ra con đường cũ mà đi, thấy một tòa nhà ở mé nam. Châu ngồi trên bệ đá ngoài cửa, lật đật đứng dậy đón chào:

- Tôi ngồi đợi anh đã lâu. Đây là nhà tôi, mời anh quá bộ vào chơi.

Nói đoạn dắt tay chàng vào, ân cần cảm tạ, rồi đưa ra một cái chén vàng, trăm hột trân châu, và nói:

- Thưa anh, tôi xin nộp mấy vật mọn này để làm lễ cưới. Kế đó nói tiếp ngay:

- Nhà tôi có rượu đây, nhưng đó là vật dưới âm ty, không muốn đem mời khách quý, xin anh lượng cho.

Chàng xin cáo thoái, Châu tiến ra đến cửa đường mới trở lui.

Về chùa, nhà sư và người tùy tùng xúm hỏi, chàng giấu giếm và nói:

- Bảo tôi gặp ma, ấy là nói xàm. Vừa rồi tôi đến nhà bạn nhậu chơi đó thôi.

Sau năm hôm, quả thấy Châu đến, gương mặt rất vui vẻ, mới vào tới sân đã chào hỏi cười nói:

- Việc vui mừng của anh đã xếp đặt xong rồi, động phòng ngay trong đêm nay.

Đoạn, ngồi lại đợi anh sửa soạn cùng đi. Chàng tỏ vẻ sững sốt:

- Quái lạ, tôi vì chưa nhận được hồi âm, cho nên chưa nộp lễ cưới gì cả, sao anh lại bảo là xong việc rồi?

Châu nói:

- Tôi đã thay mặt anh mà nộp đâu đó cả rồi.

Chàng hết sức cảm tạ, rồi theo Châu tới nhà Châu vào thẳng trong buồng, thấy có cháu gái y phục sang trọng, chờ đón rước cậu. Chàng nói:

- Cưới nhau hồi nào?

Châu trả lời:

- Đã ba hôm nay.

Chàng đưa ngay số hột ngọc của bạn tặng riêng cho hôm trước, cho cô cháu gái để thêm vào của hồi môn. Cô từ chối đôi ba lần rồi mới chịu lãnh, rồi kể chuyện lại cho cậu nghe:

- Cháu đem ý muốn của cậu bày tỏ với Công Tôn lão phu nhân; bà bằng lòng lắm, nhưng chỉ lấy có mình già nua, mà đường con cái

hiếm hoi, ngoài Cửu Nương không có cốt nhục nào khác cho nên không muốn gả nàng đi lấy chồng xa. Phu nhân hẹn đêm nay cậu đến gửi rở tại nhà. Nhà không có ai là đàn ông, vậy để nhà cháu dẫn cậu đi.

Châu liền dẫn chàng đi, tới cuối xóm, thấy một nhà mở cửa sẵn sàng. Hai người vào trong nhà, ngồi giây lát thì gia nhân báo tin phu nhân đến. Hai nàng thanh y nâng đỡ bà cụ bước lên thềm nhà, chàng muốn lạy chào, nhưng bà cụ gạt đi:

- Tôi già yếu lợm khộm đáp lễ không đáng, vậy xin khước đi nhé.

Nói rồi, truyền thanh y bày tiệc rượu mừng. Châu cũng gọi gia nhân đem cỗ bàn riêng ở nhà mình lại và một hồ rượu riêng, để chuốc chén mừng chàng. Trong tiệc ăn uống không khác trần gian, duy có chủ nhân tự uống tự ăn, chứ không vồn vã mời khách. Tiệc tan, Châu ra về.

Thanh y dẫn đường cho chàng vào nhà trong, Cửu Nương diện sang, ngồi bên đuối hoa đợi sẵn. Trai tài gái sắc, cá nước duyên ưa, cuộc gặp gỡ nhau vui sướng thế nào, không cần phải nói ra.

Nguyên lúc trước, mẹ con Cửu Nương bị bắt, người ta định giải về kinh đô, nhưng khi đến quận Tế Nam thì bà mẹ chết vì không chịu nổi cực khổ, Cửu Nương cũng tự vẫn chết theo mẹ. Nay cùng tân lang đầu ấp tay gối kể chuyện thân thế đã qua mà hồn thức không tài nào ngủ được, bèn khẩu chiếm hai bài thơ tứ tuyệt:

I

*Áo lụa hồi xưa hóa bụi trần
Luống đem nghiệp chướng trách tiền thân
Mười năm bóng chiếc sương khuya lạnh
Gác tía đêm nay mới thấy xuân.*

II

*Nấm mồ côi cút gió mưa vây
Ai ngỡ dương đài lại hóa mây?
Chợt nhớ rương xưa đem vật cũ
Quần là vấy máu hầy còn đây.*

Trời gần sáng, nàng hồi thúc chồng:

- Mình nên về sớm đi chớ để bọn tôi tớ bàn tán khó chịu.

Từ đó ngày tới đêm đi lại ái tình hết sức gắn bó. Một đêm chàng hỏi vợ:

- Làng này tên chi?

- Tên là Lai Hà Lý. Nàng đáp- Trong làng phần nhiều là ma mới, vốn là người hai huyện Lai Dương, Thế Hà cho nên thành tên.

Chàng nghe bùi ngùi khôn xiết, nàng cũng bi cảm nói:

- Cô hồn bơ vơ, ngàn dặm trôi nổi, tình cảm hai má con tôi, nói ra đau lòng xót ruột. Nếu chàng nghĩ đến ân nghĩa một đêm, thì lấy cốt em mà táng bên mộ ông bà để cho em có chỗ nương tựa muôn đời không còn ân hận gì nữa.

Chàng nhận lời, nàng lại nói:

- Âm dương cách trở, người quý khác nhau, mình cũng không nên bịn rịn ở chốn này lâu.

Nói rồi đưa tặng chàng cái khăn lụa để làm kỷ niệm và gạt lệ giục chàng lên đường. Chàng rầu rĩ ra đi, trong lòng còn thương tiếc không đành, bèn tiện đường gõ cửa nhà họ Châu.

Châu chạy chân không ra đón, vợ cũng trời dậy, đầu tóc rũ rượi, thấy cậu nửa đêm đến nhà mình, có ý sừng sốt hỏi gạn căn do. Chàng ngẩn người giây lát, mới thuật lại lời nói của Cửu Nương. Châu nói:

- Mợ cháu không nói với cậu thì cháu cũng định nói, vì mấy hôm nay cháu suy nghĩ đêm ngày đã tính đến việc đó. Chốn này không phải là trần gian, thiệt tình cậu chẳng nên ở lâu.

Hai cậu cháu ngó nhau trào nước mắt. Một lúc chàng mới gạt lụy, từ biệt lên đường.

Trở về gõ cửa nhà trọ nằm trần trọc tới sáng.

Thức dậy, muốn đi tìm mộ Cửu Nương ngay, nhưng lại quên hỏi dấu tích thì biết mộ nàng ở đâu mà tìm. Mong cho mau tới đêm tối lại đi nhưng mờ mả lộ nhỏ ngổ ngang không đường nào xóm cũ đành phải thở dài bỏ về.

Chàng nhớ chiếc khăn nàng tặng, lấy ra xem, gặp gió thổi rách tả tơi, nát như tro tàn.

Thầy trò sửa soạn hành lý trở về quê quán, luôn nửa năm trời bứt rứt trong tâm, không sao chịu nổi, lại cưỡi ngựa đến trước cửa thành Tế Nam, may ra gặp được nàng chăng? Khi đến Giao Nam, trời đã chạng vạng, liền buộc ngựa vào gốc cây trước sân, rồi lần mò vào bãi tha ma.

Nhưng chỉ thấy mồ con mã lớn, gai góc um tùm, lập lòe lửa ma. Tê lòng sờn óc, đành bóp bụng trở về quán trọ, rồi ngày hôm sau rầu rĩ lên đường hồi hương.

Đi chừng một dặm, xa trông thấy một thiếu nữ đi thơ thẩn một mình trong đám mồ mả, nhìn cách ăn mặc đi đứng thật giống Cửu Nương, vội vàng xuống ngựa để nói chuyện với nàng. Nhưng nàng bỏ chạy, làm như không từng quen biết. Chàng lại muốn tới gần nữa, thì nàng nhăn mặt trừng mắt tỏ vẻ giận dữ, đưa tay áo lên che mặt. Chàng kêu Cửu Nương mấy tiếng, nàng biến đâu mất.

24. MẶC ÁO LÁ CÂY

(Truyện Phiên Phiên, quyển VII)

La Tử Phù người Phên Châu, cha mẹ đều mất sớm, hồi tám, chín tuổi ở nhà chú là Đại Nghiệp nuôi.

Ông này làm quan ở Quốc Tử Giám, nhà giàu mà không có con, cho nên thương yêu La như con ruột vậy. Lúc chàng mười bốn tuổi, bị kẻ gian dụ dỗ đi chơi gái. Vừa gặp một ả lâu xanh ở Kim Lăng đến quận này ở trọ kiếm tiền, La trông thấy say mê. Sau ả trở về Kim Lăng, chàng bỏ nhà chú mà trốn đi theo, đêm ngày ăn ở nhà ả.

Được nửa năm, tiền túi hết sạch, bị các chị em khinh rẻ lạnh lùng, nhưng chưa nỡ tổng cổ đi. Không bao lâu, ung nhọt bể mủ, thối tha, làm thắm ướt dơ dáy cả giường chiếu, chàng bị chị em lâu xanh đuổi ra khỏi nhà, phải ra ngoài chợ ăn xin. Người chợ trông thấy vội vàng xa lánh.

Chàng lo sợ chết mất xác ở quê người, nên quyết kế xin ăn dọc đường, lần mò trở về quê quán. Mỗi ngày đi ba bốn chục dặm, lần hồi về đến ranh giới Phân Châu.

Nhưng lại nghĩ mình rách rưới hôi thối, không mặt mũi nào về làng xóm mình, còn thơ thần ở quanh miền chưa dám về nhà vợ.

Trời tối, định bụng đến ngủ nhờ một ngôi chùa trên núi, nửa đường lại gặp một thiếu nữ, dung mạo như tiên, tới gần hỏi chàng đi đâu? Chàng kể thật tình. Nàng nói:

- Tôi xuất gia tu hành, ở trong hang núi, có thừa chỗ trải chiếu cho anh ngủ nhờ, không sợ gì beo cọt đâu.

Chàng mừng rỡ, theo đi, vào tận núi sâu, thấy một hang động. Bước vào bên trong, thấy cửa bắt ngang khe suối; đi mấy bước, có hai căn nhà đá, ánh sáng chói lọi, không cần đèn đuốc. Nàng bảo cởi áo rách, ra khe suối tắm thì khỏi mụn nhọt. Lại kéo màn quét chiếu, giục chàng đi nằm.

- Anh đi ngủ cho khỏe, tôi may áo quần cho.

Đoạn, nàng lấy mấy tàu lá to như lá chuối, cắt và may thành áo. Chàng nằm liếc mắt dòm, thấy nàng may chốc lát đã xong, xếp để trên giường, nói:

- Sáng thức dậy, lấy áo mới đó mà mặc!

Rồi nàng nằm giường đối nhau mà ngủ.

Sau khi chàng ra khe suối tắm rửa sạch sẽ, nghe những vết thương không đau đớn gì nữa. Chàng tỉnh ngủ rờ xem, thì mụn đã lên da. Trời sáng sắp dậy lòng còn ngờ vực lá chuối may áo thì mặc sao đặng, nhưng cầm tay nhìn kỹ, té ra gấm xanh cực đẹp.

Một lúc sau, dọn cơm, nàng hái lá gì trên núi chẳng rõ, nói là bánh và bảo chàng ăn: chàng ăn quả thật là bánh. Nàng lại cắt lá thành hình gà với cá, đem ra mổ, đều như vật sống. Một cái lọ để góc nhà, bảo là rượu ngon, múc uống, quả thật rượu. Múc hơi cạn thì lấy nước suối đổ thêm vào.

Mấy hôm ghẻ lở khỏi hẳn, đôi nằm ngủ chung với nàng. Nàng tức cười và nói:

- Thằng cha bọm bãi này mới vừa được yên thân, đã muốn nọ kia.

Chàng nói:

- Tôi muốn đền ơn cô mà!

Rồi hai người nằm chung, hết sức ân ái.

Một hôm, có một thiếu phụ đến, cười nói:

- Con ranh Phiên Phiên độ này vui sướng quá ta! Liệu bao giờ có mang đây, em?

Phiên Phiên mơn trớn nói:

- A, cô Hoa Thành hèn lâu không bước chân tới đây. Hôm nay bị gió tây nam thổi vù đến. Thế nào? Cậu bé đã ẵm đi chơi được chưa?

Hoa Thành đáp:

- Lại một con bé thì có.

- Sao Hoa cô không ẵm cháu lại chơi luôn thế?

- Nó vừa khóc rồi ngủ thít, chị mới đi được đây.

Hoa Thành nói đoạn ngồi xuống đòi đãi rượu uống chơi, lại day qua La sinh, bảo chàng đốt thứ hương tốt cho thơm. Chàng để ý dòm Hoa Thành độ hai mươi ba hay hai mươi bốn tuổi, tuy gái mấy con nhưng vẫn còn đẹp, trong ý ưa muốn lắm. Lúc gọt trái cây, lỡ đánh rớt xuống bàn, chàng vờ cúi xuống lượm, để thừa dịp rờ chân. Hoa Thành ngó lảng và cười như tuồng không hay biết gì cả.

Chàng đang vui sướng tâm thần, chợt thấy trong mình lạnh lẽo, ngó lại áo mình mặc, đã biến ra lá cây, trong trí hoảng sợ, phải ngồi lặng giây lát mới thấy nó biến trở lại gấm vóc như cũ. Lòng khắp khởi mừng thầm hai nàng không thấy.

Chén tác chén thù chốc lát, chàng lại nổi chứng cũ, thừa lúc Phiên Phiên ngoảnh mặt chỗ khác, thò ngón tay gãi vào bàn tay mềm mại của Hoa Thành.

Hoa Thành cứ thản nhiên cười đùa, hình như không để ý. Nhưng áo quần chàng bỗng hiện nguyên hình lá cây, một lát mới biến trở lại. Từ đó chàng hồ thẹn ngồi nín khe, chẳng dám mơ tưởng xằng bậy nữa.

Bấy giờ Hoa Thành mới cười xòa, nói với Phiên Phiên:

- Anh chồng tí hon của dì nó thật không đứng đắn tí nào, ví bằng gặp phải vợ dữ, thì có lẽ hẳn nhảy vọt lên tới mây xanh không chừng.

Phiên Phiên cũng cười mỉm:

- Thằng cha bạc tình nên để chết rét cho đáng kiếp.

Hai người cùng vỗ tay thích chí. Đoạn Hoa Thành đứng dậy nói:

- Thôi, phải đi! Con bé ngủ thức dậy khát sữa, e khóc tới đứt ruột mất.

Nàng cũng đứng dậy nói giỡn.

Sau khi Hoa Thành đi rồi, chàng nơm nớp lo sợ Phiên Phiên trách mắng về tội thấy gái như mèo thấy mỡ, nhưng may nàng làm lơ không nói gì, đối đãi y như bình thường.

Không bao lâu, thu mãn sang đông, sương sa lá rụng, nàng lo nhặt nhanh những lá rơi, để dành làm đồ ngự hàn. Chừng day lại ngó chàng rét ngồi co ro, bèn ra ngoài cửa động, bóc lấy mây trắng làm bông gòn, may áo lót cho chàng mặc, thấy mềm nhuyễn mà nhẹ nhàng, lúc nào cũng ấm áp như bông mới tinh vậy.

Qua năm, nàng sinh hạ một con trai, cực xinh xắn, thông minh, hàng ngày chàng ở trong động ẩm bông nựng nịu con làm vui. Nhưng lòng thương nhớ quê hương muốn rủ nàng cùng về; nàng nói:

- Tôi không thể đi theo mình đặng. Nếu nhớ quê thì xin tự đi một mình, mặc tôi ở đây.

Nấn ná hai, ba năm, thằng con lớn dần, chàng bèn định ước sui gia với Hoa Thành. Nhiều khi chàng ngỏ ý lo nghĩ đến ông chú già ở nhà, không ai chăm sóc, nàng nói:

- Ông chú, cố nhiên tuổi tác đã cao, nhưng nhờ trời phù hộ vẫn còn mạnh khỏe, mình không phải lo. Thôi thì mình cố ở đây cho tới khi cưới vợ cho con rồi sự đi hay ở tùy mình quyết định.

Nàng ở trong động, lấy lá làm giấy viết chữ chép sách, dạy con học. Thằng nhỏ sáng dạ, chữ nào qua mắt cũng thuộc lòng ngay. Nàng nói:

- Thằng bé này có phúc to lắm, cứ thả cho nó lăn lộn vào cũi trần, chả lo gì không làm nên quan lớn.

Thấm thoát, nó được mười bốn tuổi. Hoa Thành tự đưa con gái đến nhà chồng. Con nhỏ mặt đẹp, dung nhan lộng lẫy như trên trời sa xuống. Hai vợ chồng La sinh và Phiên Phiên rất vui lòng. Cả nhà yến tiệc linh đình. Phiên Phiên gõ cây trầm làm nhịp mà hát:

*Ta có con hiền,
Không chuộng quan sang.
Ta có dâu thảo,
Không chuộng bạc vàng.
Đêm nay sum vầy
Cả nhà vui vẻ
Mời chàng chén này,
Cầu chàng sức khỏe!*

Hoa Thành đi rồi, hai người cùng đôi vợ chồng mới cùng ở đối diện nhau trong hang đá. Con dâu hiếu thảo, chăm lo săn sóc hầu hạ mẹ chồng tới ngày riu rít bên cạnh, vì đó Phiên Phiên thương yêu như con ruột.

Chàng lại bàn chuyện hồi hương, nàng biết thế không cầm giữ được nữa, đành thu xếp cho chồng đi:

- Mình có cốt tực, chung quy không sao thành tiên đăng, thôi thì mình đi. Thằng con chúng ta cũng là người trong làng phú quý, vậy mình nên đem con về theo, tôi không muốn cầm giữ để lỡ mất cuộc vinh hoa một đời của nó.

Con dâu đang suy nghĩ làm thế nào gặp mẹ đẻ từ già, thì Hoa Thành đã tới nơi. Con khóc lóc bịn rịn, hai bà mẹ cùng yên ủi:

- Con hãy tạm đi, sau sẽ có dịp trở lại.

Phiên Phiên cắt lá thành hình con lừa, cho ba người cưỡi mà đi.

Lúc này ông chú ruột La sinh già nua, đã cáo quan về nhà, trong trí tin tưởng bề nào thằng cháu cũng chết bỏ xác đâu rồi; nay bỗng thấy cháu lù lù trở về, lại có cả con trai con dâu cùng theo, ông cụ hết sức vui mừng như bắt được của báu vậy.

Khi ba cha con vào đến trong nhà, ngó lại áo mặc, đều thành lá chuối, xé ra, mây lót bên trong ngùn ngụt bay lên không. Ông chú đưa quần áo thật cho ba cha con thay đổi.

Sau chàng thương nhớ Phiên Phiên, dắt con đi vào núi thăm, chỉ thấy lá vàng lấp ngổ, cửa động mây phong, cùng nhau ngậm ngùi trở về.

25. VỢ DỮ HƠN CỢP

(Truyện Giang Thành, quyển VII)

Cao sinh ở Lâm Giang, tên là Phồn, thông minh, dáng dấp xinh đẹp, mười bốn tuổi đã vào học trường quận, cho nên nhà giàu quanh miền tranh nhau gả con gái cho.

Nhưng chàng kén chọn khó khăn, thường trái ý cha.

Cha là Trọng Hồng, sáu mươi tuổi, chỉ có một cậu con trai nên hết sức chiều chuộng, không muốn làm trái ý con.

Nguyên trước ở thôn Đông có họ Phàn, làm nghề gỗ đầu trẻ ở chốn thị tứ, đem cả gia quyến lên mướn phố ở gần nhà chàng. Phàn ông có con gái tên Giang Thành, cùng tuổi với chàng, lúc đó cũng cỡ tám, chín tuổi; hai trẻ ngày thơ ngày ngày quần quít chơi giỡn với nhau.

Sau Giang Thành theo Phàn ông dời đi xứ khác, trải năm, sáu năm không nghe tin tức.

Một hôm chàng đi trong hẻm, thấy một cô gái tuyệt đẹp, có con nhỏ sáu, bảy tuổi theo hầu. Chàng không dám ngó ngay mặt, chỉ đưa mắt liếc. Nàng nheo mắt nhường như muốn nói, lại thôi. Chàng nhìn kỹ té ra Giang Thành, chàng vừa sững sốt, vừa mừng rỡ. Hai người đứng trân trân ngó nhau không ai nói gì. Giây lát ai đi đường nấy mà tình ý xem chừng bịn rịn, không muốn rời nhau.

Chàng cố ý đánh rơi chiếc khăn rồi bỏ đi. Con nhỏ theo hầu nhặt lấy trao cho nàng. Tức thời nàng móc túi lấy khăn của mình ra, đưa cho con nhỏ và nói:

- Cao tú tài không phải là người nào lạ, chớ có lấy đồ vật của cậu ấy đánh rơi, vậy mi đuổi theo mà trả khăn lại cho cậu.

Con nhỏ đuổi theo đưa khăn trả chàng. Chàng vợ được khăn nàng, trong ý rất mừng, về thưa với mẹ, xin cậy mai mối hỏi Giang Thành cho mình. Bà mẹ nói:

- Nhà nó chẳng có đến cái túp lá để che mưa nắng, chỉ nay đây mai đó trôi nổi quanh năm, sao con lại muốn phối ngẫu với nó.

Chàng thưa mẹ rằng tự ý mình muốn vậy, về sau ra sao chịu vậy, cố nhiên không dám ăn năn gì hết.

Trong ý bà mẹ do dự không quyết, bàn tính với cha chàng. Cha chàng nhất định bảo không nên. Chàng nghe chuyện sinh buồn, bỏ cả cơm cháo. Mẹ chàng lo sợ quá, liền nói với cha chàng:

- Họ Phàn tuy nghèo, nhưng cũng là nhà nho, chứ không phải hạng vô loại. Vậy để tôi đến nhà xem mặt đứa con gái, nên thì dạm, bằng không thì thôi, có hại gì đâu.

Ông bằng lòng. Bà liền mượn cớ đi trả lễ ở đền Hắc Đế, tiện đường ghé qua nhà Phàn, thấy con gái mặt mày xinh đẹp, lòng rất vui mừng, rồi đem tiền lụa đến tặng và nói thiệt ý muốn. Phàn ông trước còn khiêm nhường, sau mới nhận lễ nhận lời. Bà về thuật lại, bấy giờ chàng mới tươi cười ăn uống như cũ.

Năm sau, chọn ngày lành tháng tốt, đón Giang Thành về. Hai vợ chồng triu mến nhau rất vui vẻ. Duy Giang Thành hay có tính giận hờn, hơi một chút là trở mặt coi chàng y như người lạ. Miệng lưỡi la lối, chàng nghe vang tai nhức óc, nhưng vì thương yêu quá đổi cho nên chuyện chi cũng cố nhịn.

Hai ông bà nghe phong thanh, lấy làm bất mãn, gọi con đến trách mắng. Nàng biết vậy, tức lắm, càng kiếm chuyện gây gổ nhục mạ chồng nhiều hơn nữa. Hễ chồng hơi trả lời nặng nhẹ, nàng giận dữ thêm, vác gậy đánh đuổi ra ngoài phòng, đóng cửa lại.

Tội nghiệp chàng đứng co ro bên ngoài, chứ không dám gõ cửa, đành ngồi xồm ở mái hiên, ôm gối mà ngủ.

Từ đó nàng xem chồng như kẻ thù. Ban đầu còn có thể quì gối xin nàng hết giận làm lành, dần dà đến quì gối cũng hết hiệu nghiệm,

thành ra lang quân khổ càng thêm khổ. Ông bà can thiệp trách nằng qua loa, nằng vung tay khoa chân, bộ điệu hỗn hào không thể tả xiết, đến nỗi ông bà phát giận đuổi nằng về nhà cha mẹ.

Phản ông vừa thẹn vừa sợ, cậy người đến năn nỉ Trọng Hồng cho Giang Thành trở lại, nhưng Trọng Hồng không cho. Hơn một năm sau, chàng đi đường chạm trán ông nhạc, ông níu áo lôi về nhà ân cần tạ lỗi và bảo con gái ăn mặc đàng hoàng ra chào. Vợ chồng gặp mặt nhau cùng tỏ vẻ đau thương. Phản ông bèn mua rượu về đãi chàng rể, khuyên mời niềm nở. Một lúc trời tối, ông cụ giữ chàng lại ngủ đêm. Giang Thành muốn nằm giường riêng, nhưng ông xếp hai vợ chồng nằm chung.

Sáng ngày, chàng về nhà, không dám nói chuyện thật với cha mẹ, chỉ tìm cách thuê dẹt và che đậy cho qua. Từ đó, cách dăm ba ngày, chàng lại ngủ đêm tại nhạc gia một lần, mà cha mẹ chàng không biết.

Một bữa Phản ông đến nhà Trọng Hồng xin cho giáp mặt nói chuyện. Trọng Hồng không tiếp, Phản ông năn nỉ mãi, Trọng Hồng mới ra mặt, Phản quì gối làm lễ tạ tội, Cao ông (tức Trọng Hồng, họ Cao) không nhận, đổ trút cho con, Phản nói:

- Đêm qua cậu nó ngủ tại nhà tôi có nghe chối từ cự nự gì đâu?

Cao sừng sốt, hỏi nó ngủ bao giờ. Phản kể rõ đầu đuôi, Cao then thùng xin lỗi và nói:

- Chuyện đó quả tôi không hay, vợ chồng nó đã thương yêu nhau, tôi há một mình thù hiềm cản trở nhân duyên của con ư?

Phản ông về rồi, Cao gọi con ra nhiếc mắng. Chàng chỉ cúi đầu, không nói gì cả. Giữa lúc đó Phản dẫn con gái đến. Cao nói:

- Tôi không thể nào gánh giùm lỗi lầm cho dâu con, chi bằng ở riêng ra, ai có nhà nấy.

Tức thời cậy Phản làm chứng giám hộ cha con mình về cuộc riêng nhà chia bếp. Phản khuyên lơn mãi, Cao nhất định không nghe, dọn căn nhà riêng cho vợ chồng ở, lại sai một con hầu chuyên việc hầu hạ.

Trong vòng hơn một tháng vợ chồng ăn ở với nhau hơi yên, chẳng nghe điều tiếng gì cả, ông bà đã mừng thầm trong bụng.

Nhưng cách đó không bao lâu, Gianh Thành lại dần dà hung dữ, trên mặt chàng thường có vết móng tay cào cào, cha mẹ biết rõ là thế nhưng cũng ần ần không hỏi đến.

Một hôm chàng bị vợ đánh dữ quá, không thể chịu nổi phải chạy tọt sang nhà cha mà trốn, run rẩy xanh xám giống như chim sẻ bị cò ó mổ vạy. Hai ông bà đang kinh ngạc, đã thấy nàng xách roi xông xộc chạy vào đến ngay bên cạnh ông, tóm lấy chàng, vụt lấy vụt để. Ông bà rầy la rầm rĩ nàng cũng mặc kệ, cứ việc đánh chồng tới mấy chục roi mới hăm hăm bỏ đi.

Cao đuổi con đi và nói:

- Tao muốn tránh sự ồn ào, cho nên mới ở riêng, còn mày lấy thế làm vui thì ở đó mà hưởng, trốn đi đâu làm chi?

Chàng bị cha đuổi, bơ vơ không biết về đâu, Cao ông sợ con buồn tự tử, bèn cho căn nhà ở một mình, lại cấp dưỡng cho. Lại gọi Phàn đến, bảo dạy dỗ con gái thế nào, kéo để lằng loàn quá đổi. Phàn vô nhà, giảng dụ trăm phương ngàn cách nàng cũng chẳng thềm nghe, lại còn nói hỗn với cha. Phàn tức mình phui áo ra đi, thề dứt tình cha con.

Không bao lâu, Phàn giận con quá sinh bệnh, cùng bà vợ kế tiếp nhau qua đời. Nàng bực tức, không về điều tang đưa đám cha mẹ, tối ngày ngồi mắng chửi cách vách, cố ý lớn tiếng cho Cao ông Cao bà nghe. Cao mặc kệ không thềm đếm xỉa tới.

Chàng từ khi được ở riêng một mình thấy dường như thoát khỏi nước sôi lửa bỏng, nhưng chỉ khổ vì nỗi quạnh hiu buồn bực. Muốn được khuây khỏa chàng bèn chi tiền mục Lý, để mục dẫn gái vô nhà học tiêu khiển, gái thường lui tới ban đêm.

Ít lâu sau, Giang Thành nghe biết, tới tận nhà học mắng chửi thậm tệ. Chàng hết sức phân trần nỗi oan và trở lên mặt trời mà thề nàng mới chịu lui.

Từ đó ngày ngày rình mò cử động chàng. Một hôm mục Lý từ trong nhà học đi ra, nàng bắt gặp, kêu gọi rùm lên. Mục Lý xanh xám mặt mày, nàng thêm sinh nghi, tóm lấy mục đe dọa:

- Có thể nào thì cứ việc nói thật, họa may còn tha thứ cho, nếu giấu giếm, tao vặt không còn một sợi lông đó!

Mụ vừa run vừa nói:

- Trong vòng nửa tháng nay duy có Vân nương, là gái ở nhà chứa đến đây hai bận mà thôi. Còn vừa rồi công tử lại nói bữa trước đi chơi núi Ngọc Ti dòm thấy cặp chân của người vợ Đào gia xinh đẹp, cho nên muốn cậy tôi làm manh mối, để dụ nó tới đây. Con đó tuy lẳng lơ nhưng chưa chắc chịu làm như gái nhà chứa. Công tử đã bảo tôi thử dụ nó coi, việc thành hay không thật chưa chắc.

Nàng thấy mụ nói thành thật, cho nên rộng lòng khoan thứ. Mụ sửa soạn đi, nàng cố giữ lại cho đến trời tối, buộc phải làm theo mưu kế của mình:

- Đến ngay nhà học làm bộ nói nhỏ với công tử bảo tắt đèn đi, cô ả Đào gia tới rồi đó.

Mụ làm y lời. Nàng theo chân bước vô, chàng mừng quá, nắm tay mời ngồi và tỏ lòng khát khao mộng ước. Nàng làm thính, chàng mò trong bóng tối sờ cằm nàng và nói:

- Sở nguyện ôm ấp bao lâu, nay mới được toại, lẽ nào không cho thấy mặt?

Nói xong, chàng tự thắp đèn lên soi mặt. Trời ơi! Chính là Giang Thành!

Chàng sợ hãi thất sắc, đánh rớt cây đèn xuống đất run rẩy quì mọp, dường như gươm dao đã kề trên cổ vậy.

Nàng xách tai kéo về buồng mình, lấy kim thật nhọn đâm vào hai bắp đùi khắp, rồi bắt nằm dưới gầm giường, hể tỉnh giấc hồi nào thì kể tội và mắng chửi hồi đó. Chàng đã sẵn sợ như hùm beo, cho nên dù khi được nàng ngúi ngoai mơn trớn, cho nằm chung trên giường nhưng trong lúc đầu áp tay gối, chàng vẫn run sợ hãi hùng, cơ hồ không phải là con người nữa. Nàng vả vào mặt và thét đuổi đi, tỏ ý khinh khi và chán ghét, không coi chàng là hạng người nữa. Thành thử hàng ngày chàng được ở trong khoảng hương xông xạ ử, mà như ở tù, thấy bóng người canh ngục là chết khiếp.

Giang Thành có hai chị, cùng lấy chồng nho. Người chị lớn hiền lành ít nói, tính tình thường không hợp với nàng. Còn chị thứ hai lấy

họ Cát, người giáo huyệt khéo nói, tuy dung mạo kém Giang Thành nhưng ghen tuông độc ác thì ngang vai sánh gót. Chị em gặp nhau không có việc gì khác hơn là đem những chuyện bắt nạt chồng ra khoe khoang đắc ý với nhau. Vì thế hai người đi lại với nhau rất thân. Chàng đến nhà bà con họ hàng nào, nàng cũng giận dữ trách mắng, duy chỉ đến nhà họ Cát thì nàng không nói gì.

Một hôm chàng đến nhà Cát uống rượu. Lúc sau ngà ngà, Cát chế giễu chàng:

- Sao chú sợ vợ quá thế?

Chàng cười đáp:

- Thiên hạ có nhiều việc không sao hiểu nổi anh ạ! Tôi sợ vợ tôi là sợ sắc đẹp. Vậy mà có cái đẹp thua xa vợ tôi, người ta cũng sợ cái ngang như tôi mới là kỳ chứ.

Cát then đỏ mặt, không nói được câu gì. Con hầu nghe chuyện tọc mạch với chị hai (tức vợ Cát). Chị hai nổi giận, vác gậy chạy ra, chàng thấy bộ tịch hung dữ, toan bỏ cả giày mà chạy lấy thân. Nhưng gậy đã nện vào lưng, chàng bị ba gậy ngã quỵ ba lần không dậy nổi, đập cả đầu, máu tuôn như xối. Chờng chị hai đi rồi, chàng mới lom khom cựa nhấc về tới nhà.

Nàng trông thấy cả kinh, gạn hỏi duyên cớ. Ban đầu chàng nghĩ mình chọc giận chị vợ mà bị trận đòn nên không dám nói. Đợi ba phen tra vấn, mới kể rõ đầu đuôi. Nàng lấy lụa rịt bó đầu chàng xong, nổi cơn tam bành:

- Chồng của người ta, ai mượn nó đánh giùm cho ra thân thể này chứ?

Lập tức mặc áo cụt, xắn cao quần, tay cầm chày gỗ, dắt một con hầu đi theo, hăm hăm đến thẳng nhà Cát.

Chị hai tưởng như mọi bận, tươi cười ra đón. Nàng chẳng nói chẳng rằng, đánh chị túi bụi, ngã gục, rồi xé bươm cả áo xống, lại đánh thêm nữa, chị hai bị đánh tới bể môi gãy răng, vãi cả cứt đái, nàng mới chịu bỏ đi.

Nàng đi rồi, chị hai mới lồm cồm trỗi dậy, vừa then vừa tức, sai chồng phải đi mách với Cao ông.

Cát đến cửa, chàng ra đón, kiểm lời êm dịu an ủi. Cát nói nhỏ bên tai:

- Tôi đến đây vì thế bắt buộc, không đi không xong. Lạ gì con đàn bà ấy hung dữ thuở nay, nhờ tay dì nó trùng trị cho một bữa là đáng kiếp lắm. Còn tôi với chú thì có hiềm gì với nhau đâu.

Bất đồ Giang Thành nghe lén, tức tốc chạy ra điếm mặt anh rề và mắng như tát nước:

- Thằng đều giả kia! Vợ bị đòn đau điếng, không nghĩ cách nào rửa hận cho nó, lại còn nói vụng nói lén với người ta thế ư? Cái giống đàn ông thế đó, không đáng đánh cho chết còn để làm gì?

Rồi nàng tru tréo kêu đầy tớ:

- Bay đâu, đem gậy ra đây cho tao mau mau!

Cát sợ hoảng hồn, vội lách ra cửa, co giò chạy mất.

Từ hôm ấy trở đi, chàng sợ chị vợ theo dõi, không dám tới lui nhất định một chỗ nào cả. Có hôm bạn đồng học là Vương Tử Nhã đến chơi, chàng mời ở lại uống rượu cho vui. Trong khi chén tạc chén thù, đem chuyện khuê phòng ra nói bỡn, có hơi tục tằn. Chẳng dè nàng núp lén nghe rõ đầu đuôi, lén bỏ bã đậu vào cháo bùng ra cho khách ăn. Một chập, Vương thượng thổ hạ tả dữ dội nằm thõ như hấp hối sắp chết. Nàng sai con hầu ra hỏi:

- Còn dám nói hỗn nữa thôi.

Bấy giờ Vương mới hiểu rõ vì sao mình lại mưa thốc mưa tháo bèn rên rỉ xin lỗi. Nàng đưa cháo đậu xanh nấu sẵn cho ăn để giải độc. Vương ăn cháo ấy mới hết bệnh. Nhân chuyện này bạn bè mách bảo nhau phải kiêng mặt, về sau không dám đến nhà ăn uống gì nữa.

Vương sinh có quán rượu, trong có nhiều hồng mai đua nở, đặt tiệc mời anh em bạn đến thưởng lãm. Chàng mượn có hợp văn xã, tân trình với vợ, xin phép đi dự. Chiều tối đã say, Vương sinh nói:

- Vừa mới có một cô đào non ở Nam Xương trôi nổi đến đây, ta nên gọi lại chuốc rượu cho vui nhé?

Mọi người vui vẻ tán thành, duy có chàng đứng dậy xin kiêu ra về. Anh em kéo lại và nói:

- Bà sư tử nhà anh có tai mắt dài đến đâu chẳng nữa cũng không tài nào nghe thấy được tới chốn này. Anh ở lại cho vui, chúng tôi xin thề sẽ ngậm miệng, không nói lộ ra đâu mà sợ.

Chàng lại ngồi xuống. Giây lát đào mới tha thướt bước vào, tuổi độ mười tám mười chín, hỏi tên cô khai họ Tạ, tên là Phương Lan, nói năng cực lạnh lợi thanh nhã, khiến cho ai nấy cùng mê say như cuồng. Xem ra cô ta để ý chàng hơn cả, thường liếc mắt dòm sang chàng luôn, anh em biết thế liền kéo hai người ngồi sánh vai nhau. Cô nắm lấy tay chàng viết trong lòng bàn tay một chữ “ngũ”. Lúc đó chàng thật tiến thoái lưỡng nan, muốn đi thì không đành, muốn ở thì không dám, lòng rối rộn không sao nói xiết. Hai người ngồi dựa đầu cạnh nhau, nghiêng tai nói nhỏ, càng say chừng nào càng lả lơi chừng nấy, quên cả sư tử ở nhà.

Một chốc trông canh điểm khuya, khách trong quán rượu dần dà bỏ về gần hết, duy có một thiếu niên xinh đẹp ngồi dưới bóng đèn uống rượu một mình, bên cạnh có tiểu đồng cầm khăn đứng hầu hạ. Ai nấy khen thầm là người cao nhã. Giây lát, thiếu niên uống xong đứng dậy đi, tiểu đồng ra theo rồi trở lại, nói ngay với chàng:

- Thưa ngài, chủ tôi đợi ngài ngoài kia để nói một câu chuyện.

Không ai hiểu người đó thế nào, duy có chàng mặt mày thất sắc không kịp chào anh em, vội vàng sắp ngựa ra đi, vị thiếu niên ấy chính là Gianh Thành, tiểu đồng là con hầu, hai thầy trò giả dạng đi rình chàng vậy.

Chàng theo về nhà, chịu nằm mà nhận roi vọt. Từ đó chàng bị cấm cố gắt gao, mọi việc khách điều cùng tuyệt. Chàng buồn bực lo là việc học, kỳ hạch năm đó thi rớt, bị giáng làm thường dân và rút mất học bổng.

Một hôm thì thầm với con hầu thế nào chẳng rõ, nàng nghi là có tư tình liền lấy hũ rượu úp kín đầu con bé mà đánh lấy đánh để. Rồi lại trói chàng và con hầu chung nhau, cầm kéo cắt thịt bụng mỗi người miếng và đắp thịt của người nọ vào bụng người kia. Đoạn cởi trói ra để tự buộc lấy vết thương. Hơn tháng sau, chỗ vá thịt đó dính liền làm một.

Còn độc ác hơn nữa, nàng thường lấy cẳng chân chà đạp chiếc bánh nhào nhoét, lại ném đất cát bụi rồi thét bảo chàng phải lượm lên mà ăn. Những cử chỉ tàn nhẫn của Giang Thành đối với chồng đại khái như thế, bà mẹ thương con, ngẫu nhiên đến nhà chàng ở, trông thấy con gầy, ốm mà động lòng. Lúc trở về bà nghĩ đau đớn khóc lóc, muốn chết cho rảnh, đêm ấy, chiêm bao một cụ già hiện đến nói:

- Bà chớ nên lo phiền. Đó là nhân quả kiếp trước để lại, Giang Thành kiếp trước nguyên là Tinh Nghiệp hòa thượng có nuôi con chuột trường sinh. Còn công tử nhà bà tiền kiếp là học trò, một hôm đến chơi chùa vô ý đạp chết con chuột ấy. Vì thế kiếp này phải chịu ác báo về phía Giang Thành, chừng trả hết nợ mới yên, chứ không lấy sức người xoay đổi gì được. Tốt hơn là cứ thành tâm tụng niệm bài chú của Quan Âm (Nam Mô Phật, Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng v.v..) mỗi ngày một trăm lần tự nhiên sẽ có hiệu nghiệm.

Sáng hôm sau, bà thuật lại chiêm bao cho Trọng Hồng nghe, cùng lấy làm lạ. Vợ chồng tuân lời thầy dạy, ngày ngày niệm chú Quan Âm. Hơn hai tháng Giang Thành vẫn ngang ngược như cũ, lại có thêm điên cuồng, hễ nghe ngoài cửa có tiếng kèn trống thanh la, nàng liền xõa tóc chạy ra đứng đón dác, cả ngàn người cùng chỉ trở chệch vai, nàng cũng thấy kệ. Ông bà thấy con dâu khát khùng như vậy, rất hổ thẹn nhưng không làm sao ngăn cấm được, lấy làm bực tức.

Chợt thấy một lão tăng đến trước cửa thuyết pháp, người ta đứng xem vòng trong vòng ngoài. Lão tăng thổi vào mặt trống, thành ra kêu như trâu rống, nàng vội chạy đến, thấy người đứng kín mít không có khe hở mà lách vào lọt, bèn gọi con ở đem ghế ra để nàng đứng lên cao mà xem. Bao nhiêu cặp mắt cùng hợp vào mình nàng, nhưng nàng thản nhiên dường như không hay biết gì cả.

Một lát, lão tăng giảng sắp xong gọi lấy một tô nước lạnh cầm đến trước mặt nàng mà tuyên đọc:

Chớ nên hờn!

Chớ nên hờn!

Kiếp trước chẳng phải giả

Kiếp này chẳng phải chân

Ôi!

Con chuột rút cổ chạy!
Kéo bị mèο xoi ngon!

Lão tăng đọc xong, ngâm nước phun vào mặt nàng, làm cho son phấn nhẽ nhại, trôi xuống áo xiêm. Ai nấy sợ hãi đoán chắc nàng nổi cơn tam bành đánh bể đầu trọc không chừng. Chẳng dè nàng lạng lẽ chùi mặt mày rồi về, lão tăng cũng bỏ đi chỗ khác.

Về nhà, nàng ngồi ngây ngất, như người mất hồn. Trọn ngày không ăn, tự giữ giường chiếu đi nằm.

Bỗng dưng nửa đêm gọi chàng thức dậy. Chàng ngỡ vợ muốn đi tiểu, vội vàng bung chậu tiểu dâng lên. Nhưng nàng lấy tay đẩy ra, kéo cánh tay chàng lôi vào trong mền nằm chung. Chàng phụng mạt mà chân tay run cầm cập, như ông quan khi tiếp kiến chỉ của vua ban xuống vậy.

Nàng khẳng khái nói:

- Trời ơi! Tôi làm cậu ra thân thể này, còn đáng làm người sao đặng.

Rồi hai tay xoa khắp mình mẩy chàng, cứ tới chỗ vết tích dao bầm roi đánh thì khóc rầm rút, lấy móng tay nhọn tự cào vào mình, muốn cho chết ngay tức khắc. Chàng thấy tình trạng động lòng bất nhẫn, ra sức khuyên lơn yên ủi vợ, nàng nói:

- Em nghĩ ông hòa thượng lúc ban ngày, tất là Bồ Tát hóa thân, một chén nước lạnh, như thay đổi cả gan ruột. Giờ em nhớ lại những việc làm lúc trước như việc ở kiếp nào khác vậy, có lẽ em chẳng phải giống người chăng? Có vợ chồng mà không biết vui vẻ, có cha mẹ mà không biết phụng dưỡng thờ phụng là nghĩa thế nào? Sáng mai vợ chồng ta phải dọn đến ở chung với cha mẹ, để chăm nom hầu hạ cho dễ.

Vợ chồng nói chuyện suốt đêm, như là cách biệt mười năm giờ mới gặp gỡ vậy.

Tảng sáng nàng trời dậy, thu xếp xống áo mậm chén, con ở xách thúng mùng, nàng tự đội chăn mền, giục chàng đi trước kêu cửa. Bà mẹ hoảng sợ, mở cửa hỏi chuyện chi? Chàng tự bày tỏ ý muốn của vợ. Trong khi bà cụ còn đang ngần ngại, ý không muốn chứa, nàng với con ở đã tay xách nách mang bước vào.

Bà mẹ theo gót trở vào, nàng phục dưới đất khóc lóc thảm thương chỉ xin cha mẹ tha chết cho nàng để nàng đền tội. Bà xét ra ý nàng thành thật, cũng khóc và nói:

- Con ta sao thay đổi mau lẹ thế này?

Chàng thuật rõ câu chuyện đã qua, bây giờ bà cụ mới nhớ lại giấc chiêm bao, thật quả ứng nghiệm, vội vàng bảo tôi tớ dọn dẹp căn nhà cũ cho hai vợ chồng ở.

Từ đó nàng thờ cha mẹ chồng còn hơn người con hiếu thảo. Cử chỉ đoan trang như cô dâu mới về nhà chồng. Có ai bốn cợt nhắc lại chuyện cũ thì nàng đỏ mặt ra dáng hổ thẹn. Tính lại cần kiệm, khéo ăn nhin để dành, trải ba năm, cha mẹ chồng không phải bận lòng vì sinh kế trong nhà, mà cửa để cũng có hàng vạn rồi.

Năm ấy chàng thi đậu cử nhân. Nàng thường hỏi chồng:

- Ngày nọ em thấy mặt cô Phương Lan một lần, nàng vẫn còn thương mình à?

Chàng trả lời rằng, bây giờ sung sướng thế này là mãn nguyện rồi, chả dám mơ tưởng gì nhiều chuyện nữa.

Rồi chàng vô kinh thi hội, mấy tháng mới trở về. Lúc bước vào nhà, thấy Phương Lan đang ngồi đánh cờ với Giang Thành, lấy làm sững sốt. Hỏi ra thì do nàng tự xuất trăm đồng chuộc Phương Lan ra khỏi hồng lâu, vì là người năm xưa được chàng thương yêu.

Hồi ta đến chơi miền Tích Thiệu, được gặp ông Vương Tử Nhã, cả đêm kể cho nghe chuyện nàng rất rõ ràng.

26. XÁC CHIM HỒN NGƯỜI

(Truyện A Bảo, quyển II)

*Năm xưa từng có gái lìa hồn
Nay đến người si lại hóa khôn
Hồn mượn xác chim bay đến ả,
Ả thể sống thác với chàng Tôn.*

Miền tây tỉnh Quảng Đông, có người tên là Tôn Tử Sở, nổi tiếng danh sĩ, khi cha mẹ sinh ra đã có ngón tay nhánh (bàn tay sáu ngón). Bốn tánh ngây ngô, ai bịa đặt gặt gẫm chơi, cũng tin là thật.

Gặp khi trên tiệc nhà quen có đào hát chúc rượu, chàng đến, trông thấy tận đằng xa là ù té bỏ chạy. Có người biết vậy, cố dụ chàng tới, rồi biểu mấy ả đào đề ra chòng ghẹo, thì chàng đỏ mặt tía tai, then toát mồ hôi hột. Bạn bè lấy đó làm trò, lại nhái bộ dạng ngây ngô của chàng, cùng nhau đồn đại bêu rếu, đặt cho cái tên là *Tôn Si*.

Trong miền ấy có Mỗ Ông là nhà buôn bán lớn, giàu có ngang vương hầu; thông gia đều hạng sang trọng. Ông có con gái tên A Bảo, tuyệt đẹp; hằng ngày để ý kén chồng sang cho con. Nhiều nhà đại gia tranh nhau dạm hỏi, nhưng ông chẳng vừa lòng đám nào.

Lúc ấy, Tôn đã góa vợ, có người đùa bốn, khuyên chàng cậy mối đi dạm hỏi A Bảo, chắc được. Tội nghiệp chàng không tự xét mình, quả nhiên nghe lời.

Mỗ Ông vốn nghe tiếng chàng học giỏi, nhưng chê chàng nghèo, không gả. Mụ mỗi sửa soạn ra về, thì gặp Bảo vô; ông nói chuyện cho nàng hay và hỏi ý kiến. Nàng nói giỡn chơi:

- Cậu ấy chặt ngón tay nhánh đi, thì tôi xin ưng thuận.

Sau khi về thuật lại với chàng như thế. Chàng nói:

- Khó quá! ừ việc đó!

Sau khi mụ mỗi vừa đi khỏi, chàng lấy búa tự chặt ngón tay thừa, đau buốt thấu ruột gan, máu tuôn như xối, suýt nữa thì chết.

Cách mấy hôm sau mới dậy được, đến tìm mụ mỗi và đưa tay cho xem. Mụ cả kinh, chạy tới nói với Bảo, Bảo cũng lấy làm kì, lại đùa bốn nhấn lời, biểu chàng bỏ nốt tánh si đi, sẽ thuận làm vợ.

Chàng nghe nói, biện bạch phân bua um sùm, một hai tự cho mình không si; nhưng chẳng biết làm sao giáp mặt, hầu bày tỏ cho A Bảo thấy được. Kể lại suy nghĩ: A Bảo chưa chắc đẹp như cô tiên trên trời, lấy gì bắc bực làm cao đến thế? Từ đó, ý nghĩ thêm muốn lúc trước nguội lạnh dần đi.

Gặp tiết Thanh Minh, theo tục lệ, đàn bà con gái đi ra ngoạn

cảnh. Các cậu trai trẻ khinh bạc cũng lũ lượt theo đuôi, tha hồ bình phẩm xấu đẹp. Có bạn đồng học, cố kéo chàng đi chơi. Bạn khác trông thấy, giễu cợt:

- Ý chừng muốn đi xem mặt con Bảo chứ gì?

Chàng tự biết là anh em giễu cợt mình, nhưng vì có đôi ba phen bị nàng thử thách đùa bỡn, trong lòng vẫn ức, hôm nay ý muốn thấy mặt con người làm cao đó xem ra thế nào. Cho nên chàng vui vẻ theo bạn đi nhìn gái thăm cảnh chơi.

Xa trông có người con gái ngồi nghỉ dưới bóng cây, lũ thiếu niên mắt dầy đứng vây bọc chung quanh. Chúng bạn nói: “Chắc là A Bảo!”. Đến nơi, chính thật là Bảo; chàng nhìn kĩ, quả nàng xinh đẹp vô song.

Giây lát, người ta xúm lại càng đông. Nàng vội vàng đứng dậy đi. Mọi người ngây ngất, cậu này tán cái mặt ngọc, kẻ kia khen bàn tay xinh, mỗi người khen một câu, ồn ào như chợ. Duy có Tôn Tử Sở lặng yên chẳng nói gì. Đến lúc ai nấy tản đi nơi khác, ngảnh lại thấy chàng còn đứng ngây ở chỗ cũ, mà hỏi không nói, gọi không thưa. Chúng bạn lay hỏi:

- Hồn phách đi theo A Bảo rồi chăng?

Chàng cũng không đáp. Ai nấy vẫn biết tánh chàng ngây ngô, cho nên chẳng lấy làm lạ. Rồi thì người lồi đằng trước, kẻ lồi đằng sau, đưa chàng về nhà.

Về đến nhà, liền nằm vật mình trên giường, suốt ngày không dậy, mê man.

Gia nhorngờ là xiêu hồn lạc phách đi đâu, lập tức ra ngoài đồng hú gọi, cũng không ăn thua. Cố sức lay đập gọi hỏi, thì chàng lim dim đáp rằng: “*Ta ở nhà A Bảo*”. Muốn gạn hỏi rõ ràng, thì chàng lại làm thinh không nói nữa. Cả nhà sợ hãi bối rối, chả hiểu ra thế nào?

Nguyên lúc chàng thấy nàng đứng dậy đi, trong ý không nỡ bỏ nàng; thế rồi tự nhiên thấy mình đi theo trước còn xa xa, sau dần dà đi sát bên cạnh, mà không nghe ai la rầy chi, bèn theo nàng về tận nhà. Khi nằm khi ngồi, riu rít bên nàng; đêm lại cùng nàng ôm ấp, khoái ý vô cùng. Duy nhất bụng đói lạ lùng, chỉ muốn trở về nhà mình, nhưng mê mẩn đường lối, không biết đâu mà đi.

Về phần A Bảo, thường đêm nằm mộng giao hoan với một người, hỏi tên là gì, người ấy đáp: “Tôi là Tôn Tử Sở đây mà!”. Nàng nghĩ riêng lấy làm lạ, nhưng không thể nói ra với ai.

Chàng nằm như thế ba ngày, hơi thở còn thoi thóp, như sắp sửa đứt.

Người nhà chàng sợ quá, cậy mượn người quen đến năn nỉ Mỗ Ông, đề ông cho phép tới chiêu hồn tại nhà. Mỗ Ông cười và nói:

- Xưa rày y không hề lui tới, làm sao lại hồn vào nhà ta cho được?

Gia nhân ai cầu mãi, ông mới chịu cho. Thầy phù thủy đem bộ áo cũ và manh chiếu nằm tới niệm chú gọi hồn. A Bảo thấy vậy, cả sợ, không cho thầy đi nơi nào khác, tự đưa thẳng vào căn nhà mình ở, mặc thầy làm lễ chiêu hồn rồi đi.

Thầy phù thủy trở về mới đến cửa ngõ thì ở trên giường, chàng đã vươn vai tỉnh dậy. Phàm những đồ vật trang sức trong buồng riêng của nàng, món nào tên gì, món nào sắc gì, chàng nói ra vanh vách, không sai chút nào.

A Bảo nghe nói, càng sợ, lòng riêng cảm kích tâm tình chàng đối với mình.

Từ khi chàng lìa khỏi giường nằm, khi đứng, khi ngồi, lúc nào cũng tư tưởng băng khuâng, chỉ rình cơ hội A Bảo đi đâu, cho mình gặp gỡ một phen nữa.

Nhằm lễ Tắm Phật⁽¹⁾, nghe tin nàng sắp đi dâng hương ở chùa Thủy Nguyệt. Tảng sáng hôm đó, chàng ra châu chực bên đường, chờ đợi mỏi mắt, cho tới gần trưa, mới thấy nàng đến.

Nàng ngồi trong xe dòm thấy chàng, lấy tay vén rèm lên ngó chàng không chớp mắt. Chàng càng xúc động, đi theo đằng sau. Bỗng nàng sai con hầu đến hỏi tên họ chàng; chàng ân cần bày tỏ, tâm hồn càng xao xuyến.

(1) Tục miền nam nước Tàu, mỗi năm đến ngày mừng 8 tháng 4, các chùa nấu nước bằng 5 thứ cỏ thơm để tắm rửa tượng Phật và khâm thờ gọi là “Giục Phật tiết”. Ta gọi là ngày vía Phật, vì là ngày Phật tổ ra đời.

Xe nàng đi khỏi, chàng mới về nhà. Về lại phát bệnh, nằm li bì bỏ cả ăn uống, trong cơn mơ mộng gọi tên A Bảo luôn miệng. Lúc tỉnh thì tự giận hồn mình chẳng linh như trước. Đã lâu, trong nhà có nuôi con kéc, nay tự dưng chết; trẻ con cầm cái xác ấy đến chơi nghịch bên giường nằm chàng; chàng nghĩ bụng: “Phải chi mình là con kéc, thì có thể vỗ cánh bay đến nhà người yêu”.

Lòng đang tơ tưởng, thân đã hóa ra chim kéc, liền vỗ cánh bay thẳng đến nhà nàng.

Nàng mừng, vô lấy, cột dây ở nách, cho ăn hột mè. Chim kêu lớn: “Cô đừng cột tôi, tôi là Tôn Tử Sở đây mà”. Nàng cả sợ, liền cởi trói ra, chim cứ riu riu bên cạnh không đi. Nàng khẩn rằng:

- Thâm tình đã ghi khắc trong tâm, nhưng nay người chim khác giống cuộc nhân duyên làm sao vuông tròn cho đặng? Chim đáp:

- Được gần bên cô là đủ mãn nguyện.

Ai cho ăn, chim cũng không thèm, tự nàng cho ăn, chim mới chịu ăn. Nàng ngồi, chim đậu bên gối; nàng nằm, chim đỗ bên giường. Như vậy ba ngày, nàng rất thương xót, sai người lén dòm nhà chàng, thấy chàng nằm cứng, tắt hơi đã ba ngày, duy có ngực chưa lạnh thôi.

Nàng lại khẩn vái: “Chàng có thể trở lại làm người thì tôi nguyện theo nhau đến chết”. Chim nói: “Mình lừa gạt ta!”. Nàng bèn thề độc, chim nghiêng mắt như có vẻ suy nghĩ.

Giây lát, nàng cuốn tóc tháo giày, leo lên giường nằm; chim nhảy xuống ngậm chiếc giày và bay đi. Nàng kêu gọi rôi rít, nhưng chim đã bay xa mất rồi.

Nàng sai mụ ở đến nhà dò la, thấy chàng đã tỉnh.

Người nhà chàng thấy con chim kéc tha chiếc giày thêu ở đâu về, ngã xuống đất chết, bấy giờ mới lấy làm lạ.

Chàng vừa hồi tỉnh, liền đòi hỏi chiếc giày thêu đâu ai nấy càng lấy làm lạ, không hiểu tại sao. Vừa khi đó mụ ở nhà A Bảo sai tới, vô thăm viếng chàng và hỏi chiếc giày. Chàng nói:

- Đó là vật làm tin của cô A Bảo, sau khi thề nguyện với tôi. Vậy mụ về nói giùm với cô rằng tôi không quên lời vàng ngọc của cô đã hứa hẹn đâu.

Mụ ở về nhà thuật lại y vậy, nàng hết sức kinh ngạc cố ý xui giục mấy con hầu rầm rĩ tiết lộ chuyện ấy đến tai bà mẹ. Bà nói:

- Anh chàng có tài danh chẳng phải là kém, nhưng chỉ phải tội nghèo xác. Nhà ta kén chọn mấy năm, mà quờ lấy thằng rề như vậy, e những nhà sang trọng có cơ chê cười ta.

Nàng viện cớ chiếc giày làm tin, và thề không chịu lấy người nào khác. Cha mẹ đành phải chiều ý con, sai người đi báo tin cho chàng biết ngay.

Chàng mừng quá bệnh tật khỏi lập tức.

Mỗ Ông định bắt chàng ở rề nhà mình, song A Bảo gạt đi:

- Thừa cha, rề không nên ở nhà cha mẹ vợ lâu ngày. Huống gì chàng nghèo sẵn, nếu ở rề thì e chàng bị người ta khinh khi. Con đã lấy chàng, dù ở lều tranh cũng cam, ăn muối dưa cũng không ngại.

Chàng bèn làm lễ thành hôn, rước tân nương về nhà. Vợ chồng gặp nhau vui vẻ như được tái thế.

Từ khi có của hồi môn bên vợ đem về, nhà chàng trở nên hạng khá, lại nhân vốn liếng đó, mua sắm của cải thêm. Nhưng chàng say mê sách vở, không biết trông nom việc sinh kế trong nhà. Trái lại nàng chịu khó lo liệu tích súc, không muốn để chàng phải bận lòng. Nhờ vậy mà ba năm sau, nhà càng giàu có.

Bỗng dưng chàng mắc bệnh tiêu khát, lăn ra chết. Nàng khóc thảm thiết, bỏ cả ăn uống, ai khuyên giải cũng không nghe; thừa lúc đêm khuya, thắt cổ tự tử. Con hầu bắt gặp, vội vàng cứu nàng tỉnh lại, nhưng vẫn không chịu ăn.

Ba ngày, hội họp bà con họ hàng, sửa soạn chôn cất chột nghe trong quan tài có tiếng thở dài kêu gọi, mở nắp ra xem, thì chàng đã sống lại.

Chàng kể chuyện hôm mới chết xuống dưới âm. Diêm Vương xét là người bình sanh thành thiệt, bèn cho làm chức Bộ Tào. Kế có quỷ sứ vô bầm rằng vợ Tôn Bộ Tào cũng sửa soạn xuống tới đây. Diêm Vương sai tra sổ tử, rồi nói số mạng nàng chưa phải chết. Quỷ sứ thưa: “Nhịn ăn đã ba ngày rồi”. Bây giờ Diêm Vương day lại ngó

chàng và nói: Ta cảm vợ người tiết nghĩa, nên mới cho người tái sanh đó”. Nói đoạn, sai lính dắt ngựa đưa chàng trở về dương thế.

Năm ấy, vừa gặp khoa thi. Trước ngày nhập trường, bọn thiếu niên tinh quái lại tìm cách đùa giỡn. Họ tự nghĩ ra bảy đầu bài hiểm hóc, lôi chàng ra chỗ vắng, nói rằng nhờ có tay trong thần thế, cho biết đầu bài trước, vậy anh em mách chàng, xin phải giữ kín.

Chàng tin là thật, đêm ngày gò gẫm, làm sẵn bảy bài. Anh em thấy vậy, cười thầm.

Ai ngờ viên chủ khoa thi ấy, sợ ra những đầu bài theo lệ quen sáo cũ, thì có cái tệ trộm cắp cổ văn, cho nên ông làm trái lại, ra đầu đề toàn mới lạ khúc mắc. Té ra bảy đề cùng phù hợp, nhờ đó chàng đậu thủ khoa.

Năm sau đậu luôn Tấn sĩ, được bổ vào Viện Hàn Lâm. Vua nghe nói chuyện lạ, vời đến hỏi. Chàng tâu bày rõ ràng từ đầu đến cuối; vua nghe rất vui lòng, liền vời A Bảo vô xem mặt và ban thưởng rất hậu.

27. CÁI ĐẦU KẺ THÙ

(Truyện Hiệp Nữ, quyển II)

*Ân oán xong rồi; biến hóa mau,
Nhớ thương mặt ngọc biết tìm đâu?
Cho hay hạng gái phi thường ấy,
Sánh với người xưa há kém nhau.*

Cổ Sanh người Kim Lăng, giàu tài nghệ, mà nhà nghèo khó, lại có bà mẹ già, cho nên chẳng nỡ xa lìa dưới gối; ngày ngày viết liễn vẽ tranh cho người ta, lấy tiền thuê mướn để nuôi thân; đến nỗi 25 tuổi đầu vẫn lẻ loi, chưa có đôi bạn.

Đôi cửa, vẫn có một tòa nhà bỏ trống. Bỗng một bà cụ già với một thiếu nữ đến mướn ở đó. Chàng thấy nhà không có đàn ông con trai, nên chẳng tò mò dò hỏi là hạng người thế nào.

Một bữa, chàng ở ngoài đi về, thấy thiếu nữ từ trong phòng mẹ bước ra, trông người mười tám, mười chín tuổi, đáng dấp xinh đẹp

thế gian ít có. Nàng trông thấy chàng cũng không trốn tránh e lệ gì, nhưng nét mặt có vẻ lạnh lùng nghiêm nghị.

Chàng vô hồi mẹ, mẹ nói:

- Ấy là cô nàng ở trước mặt nhà ta đó. Cô sang mượn kéo và thước may; vừa rồi nói chuyện bên nhà cô cũng có một bà mẹ già. Ta xem mẹ con nhà họ không phải hạng nhà nghèo. Hỏi tại sao chưa lấy chồng, cô nói tại còn có bà mẹ già. Ngày mai ta qua làm quen với bà, để dò ý coi; nếu họ không đòi hỏi chi nhiều, thì con nuôi giùm mẹ già cô ta luôn thể.

Hôm sau, mẹ chàng qua thăm, thấy bà cụ lắm cảm, điếc tai, xem chừng trong nhà không có gạo để cách đêm; hỏi làm nghề nghiệp gì, thì ra chỉ sống nhờ mười đầu ngón tay của cô con gái.

Dần dà đem ý muốn ở chung một nhà để ướm hỏi, thì bà cụ có vẻ bằng lòng. Nhưng bàn tính với nàng, thì nàng làm thinh có vẻ không nghe và tỏ ý ngờ vực:

- Hay là cô ả chê nhà mẹ con ta nghèo chẳng? Người đâu mà lắm lì, không nói cũng không cười, xinh đẹp như hoa đào hoa lí, mà lạnh lùng như sương giá, tuyết đông, thiệt là con người kì lạ.

Mẹ con bàn tán than thở với nhau rồi bỏ qua.

Có một bữa, chàng ngồi trong buồng học, một thiếu niên đến nhờ vẽ bức tranh, dáng người rất đẹp, tánh ý có chiều lả lơi. Chàng hỏi ở đâu tới, thiếu niên đáp ở làng bên cạnh. Từ đó, hai ba ngày đến chơi một lần, thành ra quen thân.

Nhân đó, lui tới càng ngày càng thân mật, gặp lúc nàng qua bên nhà Cố Sanh, thiếu niên liếc mắt đưa tình và hỏi dò nàng là người nào. Chàng nói là con gái lồi xóm, thiếu niên nói:

- Con người xinh đẹp như thế mà vẻ mặt trông thấy dễ sợ quá!

Giây lát chàng vô nhà trong, mẹ nói:

- Mới rồi nàng qua vay gạo, thú thật bếp không nổi lửa đã mấy ngày rồi. Mẹ xem con nhỏ ấy chí hiếu, mà cảnh nhà nghèo quá, nghĩ thiệt đáng thương ta nên giúp đỡ chút ít là phải.

Chàng vâng lời mẹ, bung một đấu gạo qua nhà nàng và nói rõ mẹ sai đưa sang. Nàng nhận lấy, nhưng không ngỏ lời cảm tạ gì cả.

Thường ngày chạy sang nhà chàng, trông thấy mẹ chàng ngồi vá áo sửa giày, liền đỡ tay may vá hộ. Những lúc ra vô trong nhà, thấy công việc gì cũng làm, y như người vợ, thành ra chàng cũng mang ơn khen thầm con người hiền đức. Bất cứ được ai đem biếu món gì, cũng chia phần đưa qua cho mẹ nàng, nàng cũng ra vẻ không buồn để ý tới những chuyện đó.

Cố mẫu bị mụn nhọt ngay chỗ kín, đêm ngày đau đớn rên la; chốc lát nàng lại đến bên giường thăm viếng, tự tay rửa ráy mụn nhọt và xức thuốc cho. Ngày ba bốn dạo như vậy, khiến Cố mẫu lấy làm áy náy không yên lòng chút nào, nhưng nàng cứ làm, chẳng nề hà bản thủ, hơi hám. Cố mẫu nói:

- Trời ơi! Làm sao cho tôi có người con dâu như cô, để nuôi dưỡng thân già này tới chết cũng hả!

Nói đoạn bà khóc tầm tức, tầm tưởi. Nàng vỗ về yên ủi:

- Cậu con bà đại hiếu, thế là sung sướng hơn cảnh con côì mẹ góa nhà tôi muôn phần!

Cố mẫu nói:

- Những việc lật vật ở đầu giường như thế này, có phải đưa con trai hiếu thảo mà làm nổi đâu. Vả lại thân tôi đã bóng xế tuổi già, sớm chiều có thể phạm vào sương nắng, chả biết lúc nào, thế mà tông môn chưa có nối dõi, cho nên tôi lấy làm lo.

Đương nói thì chàng bước vô, mẹ lại khóc òa, trở vào nàng, nói tiếp:

- Mẹ làm phiền cô đây nhiều lắm, con ạ! Con chớ có quên báo đền ơn đức ấy nghe!

Chàng cúi mình vái lạy tạ ơn. Nàng gạt đi và nói:

- Cậu kính mến bà mẹ tôi, tôi còn chẳng tạ cậu thay; có gì đâu mà cậu phải tạ tôi?

Từ đó về sau, chàng càng đem lòng kính yêu nàng, nhưng cứ chỉ nàng vẫn cứng cỏi, không thể xâm phạm bả lả vào chỗ nào đặng.

Một hôm, nàng ra ngoài cửa, chàng nhìn đắm đắm.

Nàng bỗng day đầu lại ngó chàng và mỉm cười. Chàng mừng rỡ ngoài sự tưởng, liền sấn tới, theo nàng vô trong nhà; chộc ghẹo, nàng cũng không cự, lại vui vẻ cùng chàng giao hoan. Xong việc, nàng bảo: “Chuyện này chỉ một lần thôi, không có tới hai đâu”.

Chàng lẳng lẳng ra về.

Hôm sau, quen lại môn trốn hẹn hò; nàng nghiêm sắc mặt bỏ đi thẳng không thèm quay đầu lại.

Thường ngày nàng lui tới nhà chàng; đôi bên gặp mặt nhau luôn, nhưng nàng không lộ vẻ gì thân yêu, từ sắc mặt đến lời nói cũng vậy. Hơi một chút giỡn cợt, là lời, nàng tỏ vẻ lạnh lùng như dội nước đá.

Có bữa, đụng nhau ở chỗ vắng, nàng hỏi:

- Anh chàng tuổi trẻ, thường ngày đến chơi, là ai thế?

Chàng kể rõ đầu đuôi, nàng nói:

- Nó có cử chỉ, đáng dấp vô lễ đối với tôi nhiều lần rồi. Vì cậu ăn nằm thân mật với nó cho nên tôi làm lơ. Nay tôi gởi lời để cậu bảo nó: nếu nó còn như vậy, là nó không muốn sống ở đời nữa đó!

Chừng thiếu niên tới, chàng y lời thuật lại và căn dặn thêm:

- Anh nên cẩn thận, không thể phạm vào con người ấy được đâu.

Thiếu niên nói:

- Đã không thể phạm, thế sao anh lại phạm được chớ?

Chàng cố biện bạch rằng mình với nàng không hề có chuyện trăng gió gì cả. Thiếu niên nói:

- Nếu không có chuyện chi, sao những lời tiếng lơ là, lại đến lỗ tai anh được kia?

Chàng cứng họng, chẳng biết trả lời thế nào; thiếu niên cười và bảo:

- Vậy tôi cũng gởi lời phiên anh nhắn giùm; con ranh đừng làm bộ đứng đắn nghe! Không vậy, tôi sẽ nói tung ra, cho thiên hạ cùng biết đó.

Chàng giận dữ tỏ ra sắc mặt, thiếu niên mới chịu ra đi.

Một hôm, chàng đương ngồi một mình, bỗng nàng đến nói nói cười cười:

- Tôi với cậu tình duyên chưa dứt, há không phải số trời xếp đặt ư?

Cố Sanh mừng rỡ cuống quýt, ôm nàng vào lòng. Chợt nghe tiếng giầy lộp cộp đi tới, hai người cùng kinh hoảng vùng dậy, thì thiếu niên đã đẩy cửa bước vô trong nhà rồi. Chàng hỏi sừng sốt:

- Giờ này anh còn tới đây làm gì?

Thiếu niên cười:

- Ta muốn đến xem mặt mũi con người trinh tiết ra sao đây thôi.

Rồi day mặt qua phía nàng nói tiếp:

- Hôm nay còn lên mặt với người ta nữa hay thôi?

Nàng đỏ mặt, dựng ngược lông mày, làm thinh chẳng nói gì, chỉ mở áo ngoài, thấy lộ hình cái túi bằng da, một vật từ trong túi theo tay rút ra, là con dao găm dài ngót một thước, sáng loáng như tuyết. Thiếu niên trông hoảng, sợ hãi tìm đường chạy trốn. Nàng rượt theo ra tới ngoài cửa, nhìn quanh tứ phía, rồi tung con dao lên không, nghe tiếng bay vút, lặn sáng một vạch như chiếc vòng dài. Giây lát, có vật trên rơi xuống đất cái huých. Chàng mau mau cầm đèn ra soi, té ra một con chồn lông trắng, đầu một nơi mình một nẻo rồi, trông thấy hết sức hãi hùng. Nàng nói:

- Ấy là thằng trẻ tuổi đẹp trai mà bấy lâu cậu say mê ôm ấp như vợ cậu đây. Tôi vẫn cố tình oán ghét để bụng thôi, nhưng tự nó không muốn sống ở đời nữa, thì biết làm sao?

Nói đoạn thu con dao bỏ vào túi da như cũ. Chàng lúi kéo nàng trở vào, nhưng nàng từ chối.

- Vì con quái vật này làm cho em mất hứng thú, vậy xin hẹn cậu đêm mai.

Nàng nói xong đi thẳng.

Đêm sau, nàng quả tự đến, cùng chàng giao hoan. Chàng hỏi về thuật lạ của nàng; nàng nói:

- Việc đó, cậu chớ nên tò mò làm chi, vậy nên giữ kín, sợ tiết lộ ra không phải là chuyện hay. Chàng nhắc nhở tới việc giá thú. Nàng gạt đi:

- Đầu gối tay ấp rồi, nấu cơm gánh nước rồi, chẳng phải vợ cậu là gì đó? Đã vợ chồng rồi, lại còn nói chi tới việc giá thú nữa ư?

- Hay là em chê tôi nghèo chẳng?

- Cậu nghèo, dễ thường tôi giàu có chắc? Cuộc tụ họp đêm nay, chính vì lòng thương cậu nghèo đó.

Lúc từ giã, nàng căn dặn:

- Việc chùng lén này, không nên làm hoài. Hễ em xét là nên thì em tự đến, không thì thôi, đừng ép buộc nhau chi, vô ích.

Về sau gặp mặt, chàng mon men muốn nói chuyện riêng, nàng đều lẩn tránh. Nhưng mà cơm nước áo quần, nhất nhất săn sóc chăm nom, như người vợ thiết vậy.

Mấy tháng sau, bà mẹ nàng mất. Chàng hết sức lo việc tống táng. Từ đó nàng ở trọ trọi một mình, chàng nghĩ có thể gò gẫm đặng, bèn trèo tường vô đứng trước cửa sổ kêu gọi mãi, không nghe trả lời. Xem cửa ngõ, thì ra nhà vắng người mà cửa vẫn đóng chặt. Chàng sanh nghi nàng có hẹn hò đám nào khác, cho nên tối hôm sau lại đến, cũng thấy vắng tanh như đêm trước, bèn tháo miếng bội ngọc của mình đặt ở cửa sổ rồi đi.

Qua hôm sau, gặp nhau ở phòng Cổ mẫu, khi chàng đi ra, nàng theo sau gót và nói:

- Mình ngờ tôi sao? Người ta ai có tâm sự nấy, không thể nói ra. Nay muốn cho mình hết ngờ, tôi phải biết làm cách nào đây? Nhưng hiện tại có một chuyện gấp rút, cậy mình lo tính giùm.

- Chuyện chi?

- Tôi có thai đã tám tháng rồi, không mấy ngày nữa là ở cữ. Tôi có thể vì mình sanh nở, nhưng không thể vì mình nuôi con vậy mình nói nhỏ với mẹ, để mẹ tìm vú sẵn đi, nói thác rằng xin con người ta về nuôi, chớ đừng nói con của tôi để nghe!

Chàng y lời, nói với mẹ; mẹ cười:

- Quái thật! Gái đâu có cái lạ đời? Cưới xin hẳn hoi thì không chịu, mà lại hiến thân cho con ta mới kì!

Bà vui mừng sửa soạn mọi việc để chờ đợi.

Cách hơn tháng sau, luôn mấy ngày không thấy nàng thò mặt ra ngoài; bà đâm nghi, tới dò trước cửa nghe vắng vẻ quanh hiu, gõ cửa giây lâu, mới thấy nàng tóc xõa mặt lem luot chạy ra mở. Mở cửa cho bà vô, rồi lại đóng liền. Vô trong nhà, thấy đứa bé mới sanh, đã nằm trên giường. Bà sừng sốt hỏi ở cử hời nào; nàng nói:

- Đã ba hôm nay!

Mở lốt ra xem, thì ra đứa bé con trai, mặt vuông trán rộng, bà mừng quá, nói:

- May dữ! Nhờ nàng mà thân già có cháu nội đây rồi. Nhưng linh đình phận gái tính nương dựa vào đâu?

Nàng thưa:

- Nỗi riêng canh cánh bên lòng, chẳng dám giải tỏ với lão mẫu. Thôi hãy đợi trời tối, bà sẽ ẵm cháu về bên nhà.

Bà về kể chuyện cho Cố Sanh nghe. Mẹ con cũng lấy làm lạ. Đêm, bà sang ẵm đứa bé về.

Mấy hôm sau, lúc gần nửa đêm, bỗng nàng gõ cửa bước vào, tay xách một túi da, cười nói:

- Việc lớn xong rồi, xin từ nay vĩnh biệt.

Chàng vội hỏi có gì; nàng đáp:

- Cái ơn chàng nuôi nấng mẹ tôi, giờ phút nào tôi cũng ghi nhớ không quên. Lúc nọ tôi nói “một lần, chớ không có hai”, tôi nghĩ chuyện báo đền chẳng phải ở nơi chung cùng chốn gối.

Thấy cảnh chàng nghèo không thể cưới vợ nuôi vợ được, tôi nguyện hiến thân để kéo dài sợi dây tông giống của chàng; trong ý vốn định chỉ “một lần” là đạt được kết quả. Không ngờ sau lần đó rồi, lại thấy thảng, cho nên phải phá giới “mà đi với chàng” lần thứ hai. Giờ đây, ơn chàng đã trả, chí thiếp đã toại, không còn điều chi ân hận nữa.

Hỏi vật gì đựng trong túi kia. Nàng nói:

- Cái đầu của kẻ thù đây!

Chàng dòm xem thấy tóc râu bờm xờm, máu me loang lổ, hết sức kinh hãi, một hai gạn hỏi đầu đuôi. Nàng nói:

- Trước kia, tôi không dám hở môi với chàng, vì e tẩu lộ phong thanh, hỏng mất công việc. Ngày nay xong việc rồi, nói thiệt cũng chẳng hề gì. Tôi là người Chiết Giang, cha làm quan Tư Mã, bị kẻ thù hãm hại, tịch thu mất ráo cửa nhà sản nghiệp. Tôi dẫn mẹ già đi trốn, vì mẹ còn sống. Tới lúc mẹ tôi qua đời, lại đến hòn máu của chàng gởi nằm trong bụng, thành ra nắn ná mãi đến ngày nay mới ra tay được. Chàng nhớ độ nợ, ban đêm tôi đi vắng không có chi lạ, ấy là đi dò thăm đường lối cửa ngõ, chỉ sợ không thuộc mà có sự sai lầm chăng?

Nói đoạn, trở mình đi ra cửa, lại dặn với:

- Chàng nên chăm nom con nghe! Chàng thì bạc phước, không thọ đâu, mai sau thằng bé ấy sẽ làm rạng vẻ cửa nhà. Thôi, đêm khuya chớ nên làm cho lão mẫu giật mình, để cho tôi đi!

Chàng toan hỏi đi đâu, thì nàng đã vụt đi như lằn điện, chớp mắt không thấy đâu nữa, khiến chàng ngơ ngẩn cả người như mất hồn phách.

Hôm sau kể chuyện cho mẹ nghe, cùng nhau thở than và khen lạ không ngớt.

Cách ba năm sau, quả nhiên chàng mất. Đứa con lên năm 18 tuổi đậu tiến sĩ, phụng dưỡng bà nội tới già.

28. KHẠC RA TRÁI TIM

(Truyện Họa Bì, quyển I)

*Bổng chốc yêu tình hóa mỹ nhân
Phấn son che mắt khách phàm trần,
Coi kìa mặt nạ, kìa chân tướng,
Phân biệt cho rành kẻ lụy thân.*

Vương Sanh, người Thái Nguyên, sáng sớm thức đi giữa đường gặp một cô ôm bọc áo đi lủi thủi một mình, nhọc mệt lê chân không nổi.

Chàng chạy theo kịp, té ra một cô thiếu nữ đôi tám xinh đẹp, trong lòng rất vui sướng, liền hỏi nàng tại sao trời còn tối, đi đâu một mình trơ trọi thế này?

Nàng nói:

- Khách đi đường, không hiểu được nỗi lòng rầu rĩ của người ta, hỏi làm chi mất công.

Chàng hỏi lại:

- Cô có chuyện gì lo buồn cứ nói cho biết, nếu giúp nhau được, tôi không từ chối.

Nàng buồn bã đáp:

- Cha mẹ tôi tham tiền, đem bán tôi cho một nhà quyền quý. Mẹ vợ lớn ghen dữ, sớm mắng nhiếc, chiều roi vọt, làm nhục quá tay, không sao chịu nổi. Bây giờ tôi bỏ nhà đi trốn.

- Nhưng cô tính đi đâu chớ?

- Con người trốn đi, làm sao có định sở mà nói.

- Nhà tôi ở cách đây không xa, mời cô ghé chân lại rồi sẽ tính.

Nàng vui vẻ ưng chịu ngay.

Vương Sanh đã lấy bọc áo ôm giùm cho nàng, và đi trước dẫn đường.

Nàng ngoái quanh trong nhà không thấy có ai, liền hỏi:

- Tại sao nhà cậu vắng người thế này?

- Đây là thư trai riêng của tôi ở đọc sách.

- Nếu vậy thì càng tốt. Cậu đem lòng thương mà cứu vớt em, thì nên giữ bí mật, chớ nói cho ai hay nghe!

Chàng xin vâng.

Từ đó hai người ăn ở với nhau, nàng trốn trong buồng kín, cho nên đã mấy ngày rồi mà không ai biết gì cả.

Chàng hơi nói mánh cho vợ biết. Vợ chàng họ Trần, nghi chắc cô nọ là hầu thiếp nhà quan nào đó, nên chỉ một hai khuyên chàng tống đi. Nhưng chàng tiếc rẻ, không chịu nghe.

Một bữa tình cờ đi qua chợ gặp một đạo sĩ dòm vào mặt chàng thì lộ vẻ kinh ngạc, hỏi:

- Nè, chú mới cặp với một con nào đó phải không?

Chàng chối không. Đạo sĩ lại nói:

- Tôi trông người chú rõ ràng có tà khí bao bọc khắp mình, sao lại chối không?

Vương Sanh một hai biện bạch không có gì cả.

Đạo sĩ bỏ đi, và nói:

- Khốn nạn thay! Đời có kẻ sắp chết đến nơi mà không tự biết!

Chàng nghe lời nói lạ lùng, trong trí hơi ngờ vực nằng. Một người gái đẹp rành rành như thế, có lí đâu là yêu quái hiện hình. Chẳng qua anh đạo sĩ muốn bày vẽ cho mình phải làm bùa ngải cúng kiếng để ảnh kiếm ăn đây thôi.

Cách không bao lâu, có một bữa chàng về thư trai, bị cổng đóng chặt không vô được.

Chàng nghi tất có chuyện lạ, bèn leo tường vô, thì cửa buồng cũng gài kĩ, liền tìm chỗ bám chân lên, để dòm qua cửa sổ, thấy một con quỉ hung tợn, mặt xanh, răng nanh tua tủa như răng cưa, trái tám da người trên giường, đang cầm bút sơn vẽ. Xong rồi quăng bút và cầm tám da mà giữ như ta giữ áo; đoạn mặc vào mình, tức thời hóa ra mỹ nữ.

Trông thấy tình trạng ấy, chàng sợ hãi run lên mau mau bò đi trở ra; lập tức ruồi tìm thầy đạo sĩ không biết ông đi đâu mất rồi. Hỏi thăm và theo dõi, mới gặp ông ở ngoài ruộng, chàng quỉ mọp năn nỉ ông cứu giùm cho. Đạo sĩ nói:

- Để ta trừ nó cho. Con quái này cũng tội nghiệp, nó vừa mới tìm ra kẻ thể mạng, cho nên ta không nỡ lòng làm thương tổn cái đời nó làm chi.

Nói đoạn, ông trao cây phát trần ở tay mình cho chàng đem về, dặn treo ở cửa buồng. Khi từ biệt lại hẹn nhau gặp gỡ lần sau ở miếu Thanh Đế.

Chàng về, không dám vô nhà học, phải vô ngủ ở buồng riêng của vợ, treo cây phát trần ngay cửa ra vào.

Khoảng canh một, nghe ngoài có tiếng rột rột, tự chàng không dám ra dòm, phải kêu vợ dòm coi.

Vợ dòm thấy người thiếu nữ đi tới trông thấy cây phát trần thì đứng khựng lại, không dám tiến bước. Nàng chau mày nghiêng răng giây lâu mới đi. Một lát, trở lại, cất tiếng mắng nhiếc:

- Thằng đạo sĩ này chỉ đe dọa ta. Miếng mồi ta đã ngậm vào miệng, lí nào lại chịu nhả ra ư?

Liền đó nàng giật cây phát trần xuống bẻ nát, rồi phá cửa buồng mà vô, leo thẳng lên giường chàng nằm, xé ngực chàng ra, moi lấy trái tim.

Vợ chàng gào khóc rầm rĩ. Con ở cầm đèn vô soi, thì chàng đã chết, ngực mổ phanh ra, máu me lênh láng.

Trần Thị (vợ chàng) vừa khóc vừa sợ, đợi sáng ngày sai Nhị Lang, người em thứ hai, đi tìm đạo sĩ. Đạo sĩ nghe chuyện nổi giận lôi đình:

- Tao đã thương tình không nỡ làm hại, ngờ đâu con quái vật lại dám ngang tàng đến thế.

Tức khắc ông theo Nhị Lang về nhà, thì thiếu nữ đã biến đâu mất dạng. Đạo sĩ ngửa mặt dòm quanh tứ phía rồi nói:

- Cũng may nó trốn chưa xa. Căn nhà hướng nam kia là nhà của ai?

Nhị Lang đáp:

- Chính là nhà tôi.

- Vậy thì con quỷ hiện ở trong nhà chú.

Nhị Lang sững sốt, nói rằng không có.

Đạo sĩ hỏi:

- Ta chỉ hỏi có một người nào lạ mặt, đến ở nhà chú hay không?

- Trong lúc tôi đi ra miếu Thanh Đế tìm ông, có ai lạ mặt đến nhà tôi không, tôi không được rõ. Để tôi về nhà hỏi xem.

Giây lát, Nhị Lang trở lại nói:

- Thưa có. Buổi sáng có một mục già tới xin ở làm mướn. Người nhà bảo mục ở lại đợi tôi về, hiện mục đang ở bên nhà.

- Con yêu quái là nó đa!

Đạo sĩ kéo Nhị Lang cùng về, tay cầm gươm gỗ, đứng giữa sân, gọi tên và nói:

- Con ranh kia, phải trả cây phát trần lại cho ta!

Mục già ngồi trong, run sợ biến sắc, vụt chạy ra cửa muốn tìm đường trốn. Đạo sĩ rượt theo và đánh, mục ngã gục xuống, bung cả tấm da người khoác ngoài, hiện nguyên hình là con quỷ dữ, nằm thõ hỏn hển như con heo. Đạo sĩ lấy gươm chặt đầu, còn mình nó thì hóa ra làn khói đen bao phủ mặt đất thành đám dày đặc.

Đạo sĩ lấy hồ lô trong bọc ra, mở nút, cho hút lấy đám khói ấy, trong nháy mắt tiêu tan; bấy giờ mới đập nút lại và bỏ vô đây.

Ai nấy cũng xem tấm da người, mắt mũi chân tay đủ cả. Đạo sĩ cuộn lại, như ta cuộn bức tranh, cũng bỏ vào đây, rồi từ giã sắp đi.

Trần Thị đón ở ngoài cửa, vừa lạy vừa khóc, năn nỉ Đạo sĩ làm phép hồi sinh cho chồng.

Đạo sĩ thôi thác, nói mình không có tài phép tới mức đó.

Trần Thị nằm mọp dưới đất không dậy. Đạo sĩ suy nghĩ rồi nói:

- Quả thiệt tài năng ta còn kém, không thể cải tử hồi sinh được đâu. Tuy nhiên, ta mách cho người, có lẽ người đó làm nổi. Cứ đi mà cầu, tất nhiên được việc.

- Thưa Đạo sĩ, người đó là ai?

- Ngoài chợ có thằng cha phung cùi, thường nằm trong bùn rãnh cắt đất. Thử tìm lão đó mà ai cầu chắc được. Giả tí lão có chọc ghẹo làm nhục bà, cũng đừng giận hờn mới được.

Nhị Lang cũng từng biết có lão phung cùi đó. Sau khi đạo sĩ từ biệt, Nhị Lang dẫn chị đi tìm người ăn mày nghèo ngao hát điên trên lộ, nước mũi lòng thông tới ba thước, mùi hôi thúi đến gần không sao chịu nổi.

Trần Thị quì gối bò lết đến bên. Người ăn xin cười ha hả và nói:

- Chị gái đẹp này mê ta, cho nên đến tìm ta để tự tình đó ư?

Trần Thị nói rõ nguyên do. Lão lại cả cười:

- Thì ai làm chồng cũng được. Nó chết rồi mặc nó, cứu sống làm chi?

Nhân dịp, Trần Thị năn nỉ khóc lóc, một hai xin lão làm phép khởi tử hồi sinh cho chồng. Lão đồ quạu:

- Quái lạ thay! Người đã chết mà chị đi cầu tôi làm cho sống lại, ta có phải là Diêm Vương ư?

Nói đoạn, giận dữ, cầm gậy đánh Trần Thị túi bụi. Trần Thị nhin đau chịu. Mọi người trong chợ, xúm lại xem như đám hội.

Lão khạc đàm ra đầy một vốc tay, đưa cho Trần Thị và bảo:

- Nè, ăn đi!

Trần then đỏ mặt, có ý ghê tởm, nhưng chột nhớ lời đạo sĩ căn dặn, bèn đón lấy đàm nhớt ấy mà ăn, nghe nó vô cổ họng cứng như từng nùi giẻ, làm ngóm chạy xuống, đến khoảng giữa ngực thì kết lại đó.

Lão ăn xin cười râm:

- Chị này mê ta thiệt tình!

Đoạn lão bỏ đi một nước không thèm ngoái lại.

Hai chị em theo chân, thấy lão vô trong miếu rồi mất dạng, tìm đâu cũng không ra. Trần Thị tức giận đi về, đã thương chồng phải chết thê thảm, lại hối hận mình phải nuốt đàm nhớt bản thủ, cho nên gào khóc bi thương, chỉ muốn mình cùng chết ngay cho rồi đời.

Nàng muốn chính tay rửa máu liệm thây cho chồng, vì gia nhân chỉ đứng xa mà ngó, không ai dám lại gần. Trần Thị ôm lấy thây chồng thu dọn ruột gan vào trong, vừa làm vừa khóc; khóc quá đến nỗi khan tiếng đến lộn mửa. Bỗng dưng những vật đóng cục ở ngực

ban này, ùng ục chạy ra, nàng chưa kịp chạy qua phía ngoài, thì nó đã chạy tuột vào trong ngực của chồng. Bấy giờ kinh hoảng ngó xem thử vật gì, thì ra nó là trái tim người ta, khi vô trong ngực rồi nhảy mấp máy, khí nóng bay lên y như đám khói.

Trần Thị lấy làm lạ, vội vàng lấy hai tay khép kín ngực chồng lại ra sức bóp chặt, hễ hơi nới tay thì nhiệt khí lại từ chỗ hở tuôn lên. Nàng xé vải lụa bó kỹ chung quanh, rồi lấy tay thoa bóp thầy chồng, dần dà thầy có hơi ấm. Lại đắp mền lên trên. Nửa đêm mở xem thì lỗ mũi phập phồng hơi thở.

Sáng ngày Vương Sanh sống lại, kể chuyện đã qua, mơ màng như là giấc mộng, nghe chỗ trái tim vẫn còn hơi đau. Nhìn lại vết thương mới lên da non bằng đồng tiền. Lâu dần mạnh hẳn.

29. MỸ NHÂN CỨU MẠNG

(Truyện Kiều Na, quyển I)

*Một kiếp tài hoa chẳng hổ danh
Khen ai lấy vợ khéo đa tình
Cô Tùng sắc đẹp, cô Na cứu
Lưỡi búa thiên lôi chết chẳng đành.*

Khổng Tuyết Lạp dòng dõi Khổng Thánh Nhân, tính tình đảm thắm, tài làm thơ, có người bạn đồng học cũ làm huyện lệnh Thiên Thai, gửi thư mời chàng đến huyện chơi.

Chàng tới nơi thì ông huyện vừa mới qua đời, vợ không có tiền trở về quê quán, phải ở đậu trong chùa Bồ Đà, viết thuê chép mướn cho mấy thầy sãi để nuôi thân.

Cách chùa hơn trăm bước về phía Tây, có tòa nhà của Đơn tiên sinh. Tiên sinh vốn con nhà quan, vì kiện cáo mãi mà nhà hiu quạnh, gia quyến lại ít người, ông liền dời vô trong xóm thành ra tòa nhà bỏ không.

Một hôm tuyết xuống, trên đường vắng tanh không có người qua lại, Khổng sinh chợt đi ngoài cửa thấy một thiếu niên từ trong đi

ra, vẻ người rất lịch sự. Thiếu niên trông thấy chàng liền chào hỏi rất niềm nở, rồi mời vào trong nhà chơi.

Chàng vui vẻ theo chân vào liền.

Nhà không rộng rãi mấy nhưng chỗ nào cũng treo màn gấm, trên tường đầy những tranh vẽ và chữ viết của người xưa. Trên bàn có một quyển sách, ngoài bìa đề chữ “*Loan Hoàn tảo ký*” (nghĩa là *Chuyện vật ở động Loan Hoàn*).

Chàng mở ra xem qua một lượt toàn thấy chép những cảnh mình chưa được thấy bao giờ. Nhân nghĩ thiếu niên ở tòa nhà họ Đôn, vậy tất là chủ nhà, cho nên không màng hỏi thăm về gia thế làm gì. Thiếu niên gạn hỏi tình cảnh của chàng, tỏ ý thương xót khuyên bảo chàng nên mở lớp dạy học.

Chàng than thở:

- Tôi là người bơ vơ lữ thứ thế này, có ai chịu dương danh mách mối cho mình?

Thiếu niên nói:

- Nếu đừng chê tôi đơn hèn, thì chính tôi xin thụ giáo đây!

Chàng mừng rỡ, nhưng không dám nhận là thầy học, chỉ xin làm bạn, nhân dịp hỏi thăm tại sao nhà này đóng cửa bịt bùng đã lâu?

Thiếu niên đáp:

- Đây là nhà của ông Đôn, lúc trước vì ông dời vào ở trong làng, cho nên chốn này bỏ hoang đã lâu. Tôi họ Hoàng Phủ, quê quán ông bà vốn ở đất Thiểm, vì nhà cửa tôi bị cháy rụi, phải đến tạm ở nhà này.

Bấy giờ chàng mới rõ thiếu niên không phải là Đôn. Ngay đêm hôm đó hai người chuyện văn rất vui vẻ, khi ngủ nằm chung một giường. Tảng sáng, đã có thằng nhỏ dậy đốt lò than trong nhà. Thiếu niên thức dậy trước, đi vào nhà trong, chàng vẫn còn ôm mềm trên giường. Thằng nhỏ vào nói có ông cụ đến. Chàng sững sốt vùng dậy. Một cụ già bước vào, râu tóc bạc phơ, chào hỏi rồi ngỏ lời cảm tạ chàng:

- Tiên sinh có lòng thương đến thằng con khờ dại của lão mà chịu ở lại đây dạy dỗ, lão rất cảm ơn. Nó mới bắt đầu tập viết và tập đọc, vậy xin đừng lấy nề làm bạn, coi nó như cùng trang lứa.

Đoạn lão sai mang ra biếu chàng một bộ áo gấm, và mũ lông cùng giấy vớ, mỗi thứ một món. Lão săn sóc cho chàng rửa mặt chải đầu xong rồi, gọi bung cơm rượu ra thết đãi. Các thứ áo, giường ghế không biết gọi tên là gì, chỉ thấy bóng lộn sáng ngời, choáng cả mắt.

Ngồi tiếp một hai chén rượu, lão đứng dậy từ tạ, chống gậy đi vào. Cơm xong, thiếu niên đem văn bài ra trình, toàn là giọng điệu cổ văn, không có lỗi khoa cử theo thời một chút nào...

Chàng hỏi tại sao, thiếu niên cười và nói:

- Tôi không cần học để thi đỗ làm quan chi hết.

Tối đến thiếu niên sai bày tiệc rượu lại nói rằng đêm nay uống thật say rồi thôi, ngày mai trở đi không được uống rượu nữa. Rồi gọi thằng nhỏ và nói:

- Mày xem ông cụ đã đi nằm ngủ chưa, hễ nằm ngủ rồi thì lên báo Hương nô ra đây nghe.

Thằng nhỏ đi một lát trở lại, ôm cái túi thêu đựng cây đàn tỳ bà mang ra trước. Giây lát một nàng hầu bước vào, mặc áo đỏ tuyệt đẹp. Thiếu niên sai gảy khúc Tương Phi. Nàng cầm thẻ ngà gảy đàn bổng trầm bi tráng, bài bản nhịp nhàng, không phải như người ta thường nghe. Lại sai nàng mang chén lớn tới chúc rượu, canh ba mới tan.

Ngày hôm sau cùng dậy sớm đọc sách. Thiếu niên rất thông minh, đọc qua là nhớ. Hai, ba tháng sau, câu văn viết cực rắn rỏi. Đôi bên hẹn nhau năm ngày uống rượu một lần. Mỗi lần có tiệc rượu, đều gọi Hương nô tới góp vui.

Một hôm, rượu say nóng mặt, chàng ngó Hương nô đắm đắm.

Thiếu niên hiểu ý nói:

- Người nàng hầu này, ông cụ tôi nuôi dạy đã lâu. Nay anh trở lại không có gia đình, ngày đêm tôi vẫn trù tính cho anh về chuyện đó. Để tôi sẽ tính một người vợ thật đẹp.

Chàng nói:

- Nếu cậu có lòng tốt, phải tìm cho tôi một người như Hương nô mới được.

Thiếu niên cười đáp:

- Anh này thật là người thấy ít, lạ nhiều. Hạng như con Hương nô mà anh cho là đẹp, té ra sở nguyện của anh muốn được vừa lòng cũng dễ lắm nhỉ.

Ở được nửa năm, chàng muốn ra ngoài dạo chơi, nhưng đến cửa thì hai cánh khóa trái. Hỏi thiếu niên cắt nghĩa rằng: “Ông cụ nhà tôi sợ giao du làm rộn tâm trí nên đóng cửa tạ khách đó thôi!”. Chàng tin như thế, yên tâm ở nhà.

Lúc đó nóng bức gắt gao, phải dời nhà học ra ngoài vườn, giữa bụng chàng nổi một cái ung, to như trái đào, qua đêm lớn bằng cái chén, đau đớn rên la. Sớm tối thiếu niên chăm nom săn sóc, đến nỗi bỏ ăn quên ngủ.

Mấy ngày nữa chỗ đau lại nặng thêm, cũng tuyệt ăn uống. Cụ già cũng ra thăm, đứng nhìn và thở dài. Thiếu niên nói:

- Đêm trước con nghĩ chứng bệnh của tiên sinh chắc em Kiều Na chữa được, nên đã cho người đến nhà bà ngoại kêu nó về. Không hiểu sao đến chừng này còn chưa thấy đến.

Bỗng thẳng nhỏ vào thưa:

- Cô Na đã tới, cả dì và cô Tùng cũng đến một lượt.

Hai cha con lật đặt đón vào trong nhà, một lát thiếu niên đưa em lại thăm bệnh cho chàng. Cô này lồi chừng mười ba mười bốn tuổi vẻ hoa lộng lẫy, vóc liễu thướt tha, chàng ngó thấy nhan sắc, bỗng quên cả đau đớn rên la, tinh thần tự nhiên khỏe khoắn.

- Anh này là bạn thân không khác chi ruột thịt, vậy em ráng xem mạch, điều trị cho anh.

Nàng bèn nén vẻ thẹn thùng, vén tay áo lên đến cạnh giường bắt mạch. Trong lúc tay chạm tay, chàng nghe mùi thơm phức, hơn mùi bông lan. Nàng bắt mạch rồi cười nói:

- Phát ra chứng bệnh này là phải, vì mạch tâm động lắm. Bệnh tuy rằng nguy, nhưng có thể trị đặng. Có điều cái nhọt đã cương, không bóc da khoét thịt không đặng.

Đoạn nàng tháo chiếc xuyên vàng đeo ở cánh tay mình ra, đặt vào chỗ nhọt của chàng, từ từ đè xuống, nhọt bỗng nổi lên chừng một tấc, cao hơn bên ngoài chiếc xuyên, nhưng cả vùng tím bầm dưới chân đều thu gọn cả vào bên trong chứ không lan rộng bằng cái chén như trước. Nàng vén áo móc lấy con dao đeo bên mình, lưỡi mỏng tanh như tờ giấy, rồi tay đè xuyên, tay cầm dao nhẹ nhàng lựa theo quanh nhọt mà cắt, máu tím chảy phun, ướt đầm giường chiếu.

Chàng thèm thuồng gần kề sắc đẹp, cho nên chẳng những không thấy đau đớn, lại còn lo công việc mổ xẻ mau xong thì cái khoái mình kề, tay áp không hưởng được lâu.

Không mấy chốc, nàng khoét xong thịt thối, từng hòn từng cục như cái bấu ở trên thân cây cắt xuống vậy. Nàng gọi đem nước lại để rửa chỗ mới cắt, rồi nhá một hoàn thuốc màu đỏ ở trong miệng ra, nhỏ như viên đạn, đặt trên thịt chàng và thoa khắp xung quanh.

Mới một vòng đầu, chàng nghe khí nóng phùng phùng, vòng thứ hai thì làm như xồn xang ngứa ngáy, vòng thứ ba thì khắp thân thể mát mẻ thấu đến xương tủy. Nàng thu lấy hồng hoàn bỏ vô miệng và nói:

- Thế là khỏi bệnh rồi!

Miệng nói chân rảo bước đi ra.

Chàng vùng trời dậy chạy theo cảm tạ. Bao nhiêu bệnh tật lê mê dường đã tiêu tan đâu hết, trong trí tưởng nhớ vẻ đẹp của nàng không thể nào khuây.

Từ hôm đó trở đi, bỏ cả sách vở không đọc chỉ ngồi ngẩn ngơ suy nghĩ, không được hoạt bát vui vẻ như cũ. Thiếu niên nhòm thấy, hiểu ý, nói:

- Em đã vì anh kén chọn được một người vợ đẹp rồi!

Chàng hỏi người nào? Thiếu niên đáp:

- Người đẹp cùng họ hàng với em.

Chàng lặng nghĩ giây lâu, chỉ thốt ra hai tiếng:

- Thôi đừng!

Rồi day mặt vào tường ngâm hai câu thơ cổ:

*Ngoài ra biển cả khôn tìm nước
Nếu bỏ non Vu đâu có mây.⁽¹⁾*

Hoàng Phủ công tử nghe qua hiểu ý, nói rằng:

- Thân phụ tôi vẫn mến tài anh, thường muốn kết làm hôn nhân. Ngặt vì tôi chỉ có một con em bé, tuổi còn nhỏ quá, nhưng bà dì tôi có người con gái tên là A Tùng năm nay đã mười bảy tuổi, nhan sắc không đến nỗi xấu xa. Nếu anh không tin lời tôi nói, thì Tùng nương sớm nào cũng dạo chơi ngoài vườn, anh đứng núp trước hiên, dòm coi sẽ biết.

Chàng y lời dặn, quả thấy Kiều Na dắt một mỹ nữ ra vườn, mắt vẽ mày ngài, chân mang giày phượng, sắc mặt xấp xỉ Kiều Na. Chàng rất mừng nhờ, công tử làm mối giùm.

Qua hôm sau, công tử ở trong nhà đi ra, chúc mừng chàng và nói:

- Việc xong rồi!

Đoạn, công tử sai dọn một nhà riêng, lo việc làm đám cưới cho chàng.

Đêm ấy, nhạc trời vang nhà, hương bay khắp chốn, chàng thấy như mình được nàng tiên cung trăng bồng cùng chấn gối, bất giác đâm ngờ cung điện Quảng Hàn chưa chắc ở trên mây xanh tuyệt vời kia mới có.

Sau khi thành vợ chồng, đôi bên rất tâm đầu ý hợp.

Bỗng một đêm công tử đến nói với chàng:

(1) Nguyên văn:

Tằng kinh thương hải nan vi thủy

Trừ khước Vu Sơn bất thị vân.

Thơ của một thi sĩ đời Đường khóc vợ, cực tả nỗi niềm thương nhớ, trên đời không có ai đáng cho mình yêu quý hơn nữa, cũng như đã ra biển cả mệnh mông, thì nước sông nước hồ chẳng có nghĩa gì; đã lên tận Vu sơn trông thấy mây đẹp thì mây ở chỗ khác chỉ là đám khói chứ không phải mây.

Không sinh mượn hai câu thơ này ngâm nga cảm khái, muốn tỏ ra trước mặt mình không còn ai đẹp hơn Kiều Na và chỉ Kiều Na mới đáng để cho mình lấy làm vợ thôi!

- Cái ơn của anh dúi mài bảo tôi học, không có ngày giờ nào tôi quên được. Mới rồi, Đơn tiên sinh kiện cáo đã xong, đòi lại nhà này rất gấp. Vì đó, gia đình tôi muốn bỏ chốn này mà dời đi phía Tây, thế khó tụ họp với nhau thành ra nông nổi lìa tan khiến tôi vẫn vương trong bụng.

Khổng sinh tình nguyện đi theo, nhưng công tử khuyên chàng trở về quê quán. Chàng lấy chuyện ấy làm khó khăn. Công tử nói:

- Đừng lo, bây giờ tôi có thể đưa chân anh về.

Một chốc cụ già dẫn Tùng nương ra, lấy một trăm lượng vàng tặng cho hai vợ chồng. Công tử đưa hai tay, dặn phải nhắm mắt đừng nhìn. Thế rồi vùn vụt bay trên không, bên tai chỉ nghe gió thổi. Chập lâu công tử nói:

- Đến nơi rồi đây!

Chàng mở mắt ra trông thấy quê quán mình, bây giờ mới rõ công tử không phải là người. Đến nhà gỗ cửa, bà mẹ không ngờ thấy con về, mừng rỡ khôn tả, lại thấy con có vợ đẹp, càng mừng hơn nữa. Mẹ con hớn hờ chuyện trò, chừng ngoảnh lại thì công tử đã biến đâu mất.

Tùng nương thờ phụng mẹ chồng rất hiếu thảo, đức hiền, sắc đẹp đồn dậy xa gần.

Sau khi chàng đậu tiến sĩ, được bổ chức Tự Lý (coi việc hình án) ở quận Diên An, muốn đem cả gia quyến đi theo, nhưng bà mẹ ngại đường xa, ở nhà không đi.

Tùng nương sinh đứa con trai đặt tên là Tiểu Hoạn.

Chàng vì tính khí cương trực, trái ý quan khâm sai, nên bị bãi chức. Nhưng vì còn có chuyện ngăn trở, chưa tiện trở về quê nhà. Hôm đó ngẫu nhiên đi săn ngoài đồng, gặp một chàng thiếu niên đẹp trai cưỡi một con ngựa nhỏ, đôi ba phen đưa mắt nhòm chàng: Nhìn kỹ té ra là Hoàng Phủ công tử! Hai người cùng dừng ngựa buông cương, nói chuyện mừng mừng tủi tủi.

Công tử mời chàng đi tới một xóm cây um tùm không trông thấy mặt trời. Vào trong nhà, thì đâu đó thếp vàng chạm nổi, rõ ràng là một đại gia quý tộc. Hỏi thăm cô em, thì cô em đã xuất giá, bà nhạc cũng đã qua đời, chàng rất động lòng thương tiếc.

Ngủ có một đêm rồi từ biệt ra về, hôm sau dắt vợ con cùng đến.

Kiều Na cũng tới, ẵm đứa con chàng nựng nịu hôn hít và nói bõn:

- Bà chị làm loạn mất dòng giống nhà rồi!

Khổng sinh tạ ơn Kiều Na đã cứu mạng ngày trước. Nàng cười và nói:

- Nay dưỡng sang trọng rồi. Vết thương đã hàn, có nhớ hồi đó đau rên như thế nào không?

Ngô lang là chồng nàng cũng đến thăm nhà vợ, ở một hai bữa rồi đi.

Một hôm công tử có sắc lo, hốt hải bảo chàng:

- Trời giáng tai họa, có cứu được nhau chăng?

Chàng không biết tai họa gì, nhưng cứ hăng hái nhận lời. Công tử chạy dẫn cả gia nhân cùng vào, quì lạy la liệt. Chàng kinh ngạc vội hỏi chuyện gì. Công tử nói:

- Thú thực chúng tôi là hồ tinh, chứ không phải là người. Hôm nay có số kiếp bị sét đánh, nếu anh chịu lấy thân ra cứu nạn, thì cả nhà tôi có trông được sanh toàn. Bằng không thì xin anh phải bồng con đi trước, đừng ở đây mà phải vạ lây!

Chàng kêu trời thề sống chết. Công tử bèn nhủ chàng cầm gươm đứng trấn ngoài cửa và căn dặn kỹ lưỡng:

- Sấm sét đừng đừng, anh đừng nhúc nhích!

Chàng y theo lời dặn quả thấy mây mù kéo tới, đen tối như mực, ngoảnh lại chỗ ở cũ, không còn thấy tòa ngang dãy dọc gì nữa, chỉ thấy đá cao lù lù, hang hốc thăm thẳm. Giữa cơn kinh ngạc, một tiếng sét đánh dữ dội, vang động núi non, mưa to gió lớn, đánh bật cả những gốc cây đã già. Chàng hoa mắt choáng tai, nhưng cứ đứng nguyên, không hề cựa cựa.

Bỗng trong đám mây đen gió thét hiện ra một con quỷ, mỏ dài nanh nhọn cắp một người từ trong hang ra, bay thẳng lên mây. Chàng trông thoáng áo giày giống hệt Kiều Na, vội vàng nhảy lên khỏi mặt đất, hươ kiếm đánh vờ theo. Người đó theo tay rớt xuống. Thế rồi núi non rung chuyển, sấm sét đừng đừng, chàng té rụi xuống đất chết giắc.

Một lát sau, trời quang mây tạnh, Kiều Na đã tự tỉnh hồn trông thấy chàng chết cạnh, cất tiếng khóc rống:

- Không lang vì ta mà chết, thì ta còn sống làm gì?

Lúc ấy Tùng nương vừa ra đến nơi. Chị em xúm lại vực chàng đem về nhà.

Kiều Na sai Tùng nương ôm đầu, thoát tiên lấy cây trâm cạy hàm răng, dùng lưỡi đẩy viên hồng hoàn vào trong miệng, lại kê môi mà hà hơi vào. Hồn hoàn theo hơi thở vào cuống họng, nghe tiếng ừng ực.

Một lát chàng tỉnh dậy, trông thấy vợ con, người nhà đông đủ trước mặt, nghĩ như cơn mộng bừng tỉnh.

Bảy giờ hết sợ tới mừng, cả nhà sum họp. Chàng nghĩ nơi mồ mả âm u chẳng nên ở lâu, bèn đề nghị cùng về quê nhà mình.

Ai nấy cũng tán thành, chỉ có Kiều Na không vui. Chàng xin mời cả Ngô lang cùng về ở chung, nhưng lại lo ngại ông cụ không chịu xa lìa cô bé. Vì thế suốt ngày bàn soạn chưa biết nhất định thế nào?

Chợt thấy thằng nhỏ ở bên nhà họ Ngô, mồ hôi nhễ nhại hơi thở hồng hển, từ ngoài bước vào. Mọi người sững sốt hỏi thăm nguyên do, thì ra cũng ngày hôm đó. Ngô gia bị số kiếp lôi đình, cả nhà chết ráo.

Kiều Na dậm chân gào khóc, nước mắt tuôn mãi không thôi. Ai nấy xúm lại an ủi khuyên lơn, rồi đó cái mưu toan tính cùng về mới được quyết định.

Chàng vào trong thành, mua bán, cách vài ngày sửa soạn hành lý lên đường. Về đến nơi, chàng để một khu vườn cát riêng cho công tử ở. Nhà thường khóa trái, lúc nào chàng và Tùng nương đến mới mở cửa ra.

Chàng với anh em công tử, chén rượu cuộc cờ, chuyện trò thân mật như người một nhà.

Tiểu Hoạn lớn lên, mặt mày xinh đẹp, hơi có vẻ chồn. Mỗi khi nó đi chơi phố phường, ai cũng biết là con chồn đẻ ra.

30. THỨ CỎ GIẾT NGƯỜI

(Truyện Thủy Mảng Thảo, quyển III)

*Chén ngọc trà xinh cũng thế thôi
Cô em mời mọc quá ngon xoi
Dù ai đã khát trong khi ấy
Mảnh vải chiêu hồn biết mượn ai?*

Thủy mảng là loài cỏ độc, mọc tràn dưới nước như dây sắn leo, bông nó sắc tím giống như đậu ván. Ai lỡ ăn lầm, chết ngay hóa thành *con thủy mảng*. Tục truyền thứ ma này không được luân hồi, phải có người khác trúng độc chết thay, bấy giờ mới được thác sinh. Vì thế, ở đất Sở, suốt một dọc sông Đào Hoa rất nhiều ma đó.

Người Sở có tục nhìn nhận những người cùng sinh ra một năm với mình là đồng niên, đến nơi đưa thiếp yết kiến, gọi nhau là canh huynh canh đệ, hàng con cháu gọi bề trên là canh thúc canh bá, thói quen từ xưa như thế.

Một hôm, Chúc sinh đi thăm bạn đồng niên, nửa đường khát nước thèm uống, chợt thấy bên đường có một cụ già bày cái quán để bố thí nước uống cho người qua lại. Chàng liền ghé vào nhà, bà cụ niềm nở chào mời và rót trà rất ân cần.

Chàng ngửi nước có mùi lạ, không giống mùi trà, để đó không uống, đứng dậy đi ra. Bà cụ vội ngăn khách lưu lại rồi nói:

- Tam nương ơi! Pha một chén trà thật ngon ra đây.

Giây lát, có một thiếu nữ bưng trà từ sau quán bước ra, tuổi chừng mười bốn, mười lăm, nhan sắc tuyệt đẹp, tay đeo nhẫn vòng vàng bóng lộn, có thể soi gương được. Chàng đỡ lấy chén trà, tâm hồn ngây ngất. Ngửi trà có mùi thơm ngào ngạt, chàng uống một hơi cạn chén, lại xin cho chén nữa. Thừa lúc cụ già vắng mặt, chàng đùa bốn nắm cánh tay nàng, tháo ra một chiếc nhẫn. Nàng đỏ mặt mỉm cười, khiến chàng bị cám dỗ thêm, nhân dịp hỏi về gia thế, nàng nói:

- Buổi tối cậu đến, em còn ở đây.

Chàng xin một nắm trà, lại lấy luôn chiếc nhẫn mà đi. Đến nhà bạn đồng niên thì ruột gan quặn quại, chàng nghi nước trà làm đau bụng, kể chuyện tình đầu cho bạn nghe. Bạn hoảng hồn và nói:

- Thôi chết rồi! Đó là con ma thủy mả. Thân phụ tôi ngày xưa chết cũng vì nó, không thể cứu được! Biết làm thế nào bây giờ?

Chàng sợ quá, đưa gói trà cho bạn xem, quả thật là cỏ thủy mả. Lại khoe chiếc nhẫn và tả hình dạng người thiếu nữ. Bạn ngẫm nghĩ, nhớ ra:

- Chắc là Khấu Tam nương đó!

Chúc sinh thấy đúng tên, hỏi bạn vì sao mà biết, bạn nói:

- Con gái nhà họ Khấu ở Nam thôn, vốn có tiếng sắc đẹp, mấy năm trước ăn nhầm thủy mả mà qua đời, tất là nàng làm yêu quái để giết anh đó. Có người nói rằng ai bị con yêu quái ấy hành, nếu biết được tính danh của nó, mà xin được cái quần đũng nó mặc, đem về nấu nước uống thì có thể lành mạnh vô sự.

Bạn lập tức đến nhà họ Khấu, kể rõ thật tình và năn nỉ xin cứu mạng. Khấu nghĩ rằng: Chúc sinh sắp chết, đừng thay thế con gái mình đi đầu thai, cho nên ích kỷ không cho cái quần cũ. Bạn tức giận ra về mà nói cho chàng hay. Chàng cũng nghiêng rằng tức giận nói:

- Tôi chết, nhất định không cho con gái nhà nó đi đầu thai.

Bạn sai người cõng chàng về nhà, gần tới nơi thì chết, mẹ chàng khóc lóc mà lo việc tống táng cho con.

Chàng mất để lại một thằng bé mới đầy năm. Vợ chàng không ở góa được, cách nửa năm bỏ đi lấy chồng khác. Tội nghiệp bà cụ ôm đứa cháu mồ côi cho ăn dỗ ngủ, vất vả không kham, sớm chiều nhớ thương con cháu, gào khóc thảm thiết.

Một hôm bà đương ôm cháu ngồi trong nhà, bỗng thấy chàng sừng sững bước vào, lấy làm sợ hãi, gạt nước mắt mà hỏi rõ nguồn cơn. Chàng nói:

- Con ở dưới đất nghe mẹ khóc mãi rất đau lòng xót ruột, cho nên con trở về để sớm hôm hầu hạ giúp đỡ mẹ đây. Con tuy chết nhưng đã lập thành gia thất, nay vợ con cũng theo về đây chia sẻ khổ cực với mẹ, xin mẹ đừng bi thương nữa.

Bà mẹ hỏi :

- Vợ con là ai?

Chàng thưa:

- Họ Khấu đành lòng để con chết, con hết sức oán hận. Chết rồi con muốn tìm kiếm Tam nương mà không biết nàng ở chỗ nào, gần đây gặp một vị canh bá trở đường lối, con đến nơi thì Tam nương đã đi đầu thai ở nhà quan thị họ Nhiệm. Con lập tức đuổi theo bắt nàng trở về và buộc phải làm vợ con. Vợ chồng con cũng tâm đầu ý hợp, chẳng khổ sở chi.

Giây lát, tiến vào một người con gái, ăn mặc xinh đẹp, quì xuống đất lạy mẹ. Chàng nói:

- Thưa mẹ, người này là Khấu Tam nương, vợ con.

Tuy con trai con dâu chẳng phải là người sống, nhưng bà mẹ được trông thấy cũng khuây khỏa nỗi lòng. Chàng hỏi Tam nương làm công việc trong nhà. Nàng không quen làm lụng, nhưng biết chiều chuộng mẹ chồng, ở luôn nhà cũ, không đi.

Nàng xin mẹ chồng báo tin cho bên nhà nàng hay. Chàng bảo đừng, song mẹ chiều lòng con dâu, sai người đi báo cho nhà họ Khấu biết.

Ông bà Khấu nghe tin hân hỉ, lập tức mượn xe đến nơi, trông quả là Tam nương, nhìn nhau khóc thất thanh. Nàng khuyên can mãi mới thôi.

Khấu bà thấy cảnh nhà chàng nghèo khổ, có vẻ thương hại con gái mình vất vả. Nàng nói:

- Con đã thành ma rồi, cần gì giàu nghèo. Huống chi mẹ con Chúc lang đối với con tình nghĩa ân cần, con lấy thế làm an phận lắm rồi.

Nhân dịp, Khấu bà hỏi thăm bà lão bán trà là người nào, nàng nói:

- Bà ấy họ Nghê, tự thẹn tuổi già, không thể cảm dỗ được khách qua lại, cho nên cậy con giúp sức, vậy thôi. Nay mẹ đã thác sinh vào một ngôi nhà bán rượu trong thành.

Nói đoạn lại quay sang bảo chàng:

- Mình đã làm rể mà không lạy mẹ vợ thì lòng em sao đành?

Chàng liền lạy chào theo lễ.

Rồi đó nàng xuống bếp đỡ tay mẹ chồng, nấu cơm để đãi ông bà sui gia.

Khẩu bà trông thấy động lòng thương xót sau khi trở về, liền sai hai con tới phục dịch. Thêm vàng trăm cân, vải lụa mấy chục tấm. Thỉnh thoảng, cho người mang rượu thịt đến biếu xén, thành ra Chúc mầu trở nên một nhà giàu nho nhỏ.

Cũng có lúc Khẩu gia kêu nàng về thăm bên nhà nhưng ở được vài ba ngày, nàng liền đòi về, nói rằng:

- Nhà chồng con vắng vẻ không có ai, phải đưa con về sớm mới được.

Có khi cha mẹ kiếm có lần khăn chưa cho người đưa về, thì nàng vụt đi một mình.

Khẩu ông xuất tiền cất nhà đảng hoàng cho Chúc sinh, mọi việc xếp đặt đầy đủ. Nhưng chàng chưa hề bước chân tới nhà cha mẹ vợ lần nào.

Một hôm trong làng có người trúng độc cỏ thủy mảng chết rồi sống lại, thiên hạ đồn rùm là một chuyện lạ.

Chàng nói:

- Ta cứu nó sống đó. Nguyên nó bị ma Lý Cửu hãm hại, ta vì nó mà đánh con ma ấy đi.

Bà mẹ hỏi:

- Sao con không tìm người khác để thay thế cho mình?

Chàng nói:

- Con vẫn đương oán hờn tụi đó đáo đẽ, đương ra sức khu trừ cho hết giống. Vậy khi nào con thêm làm cách ích kỷ hại nhân như chúng nó. Vả lại con được phụng sự mẹ, thấy vui sướng lắm rồi, không muốn thác sinh nữa.

Từ đó về sau, những người trúng độc thường bày cỗ bàn ở giữa sân mà khăn vải chàng, đều thấy hiệu nghiệm.

Trải hơn mười năm sau, bà mẹ qua đời, hai vợ chồng cũng thương theo lễ, nhưng không ra mặt tiếp khách, chỉ sai con mặc xô chống gậy, cử hành tang lễ thay mình mà thôi.

Chôn cất mẹ già rồi, lại ở hơn hai năm nữa, cưới vợ cho con, nàng dâu tức là cháu gái ông Nhiệm thị lang.

Nguyên trước người thiếp của Nhiệm công sinh ra đứa con gái được mấy tháng thì chết, nghe chuyện lạ của Chúc liền đến tận nhà đính ước sui gia. Đến giờ gả cháu gái cho con Chúc sinh, hai nhà qua lại với nhau luôn luôn.

Một bữa chàng bảo con:

- Thượng đế xét ta có công với người đời nên phong ta làm Tứ Độc Mục Long Quân. Bây giờ ta đi nhậm chức đây.

Giây lát thấy giữa sân có bốn con ngựa, thẳng vào cỗ xe mui vàng, cưỡi ngựa đều mặc váy lân. Vợ chồng cùng mặc áo tốt bước ra, ngồi chung một xe. Đứa con trai và vợ nó khóc lạy tiễn chân. Trong nháy mắt ngựa xe đều mất tăm dạng.

Cũng trong ngày hôm đó Khấu gia thấy con gái hiện về từ già mẹ cha, cũng nói những lời như chàng đã nói trên đây. Khấu bà muốn lưu lại, nàng nói:

- Mẹ để con đi, Chúc lang đã đi trước rồi!

Nói đoạn đi ra khỏi cửa biến mất.

Đứa con trai của chàng tên là Ngạc, tự Lý Trần, đến xin phép Khấu ông cho lấy hài cốt Tam nương đem về hiệp táng với chàng một chỗ.

31. CHỖN QUỖ TRẠNH CHỖNG

(Truyện Liên Hương, quyển II)

*Một bệnh trầm kha vì Lý nữ
Mười năm tái ngộ hứa Tang Sinh
Yêu nhau khi chết như khi sống.
Hổ quỉ ganh đua thế mới tình.*

Tang Sinh, tên Hiên tự Tử Minh, người ở Ngân Châu, mồ côi từ thuở nhỏ, mượn nhà ở bên đò Hồng Hoa.

Chàng là người ưa tĩnh mịch hòa nhã: mỗi ngày chỉ có hai lượt đi ra khỏi nhà, qua xóm đông ăn cơm, kì dư ở nhà ngồi lì mà thôi. Người bạn đồng học ngẫu nhiên đến thăm, hỏi bõn:

- Anh ở một mình như thế này, không sợ ma chồn ư?

Tang cười và đáp:

- Trượng phu sợ gì ma với chồn. Hễ con đực tới thì tôi có thanh gươm sắc, con cái tới thì ta còn nên mở cửa mời vào thay, can chi mà sợ?

Bạn về bàn mưu tính kế với mấy người quen rồi đêm khuya, cho một con đuóm bắc thang trèo vô gõ cửa. Chàng khẽ dòm và hỏi ai. Con đuóm tự xưng là ma đây. Con đuóm đứng loanh quanh giây lát rồi tự bỏ đi.

Sáng sớm, bạn đến nhà chàng; chàng kể lại việc thấy lúc đêm, nhân dịp nói mình sửa soạn về quê quán. Bạn vỗ tay và hỏi:

- Thế sao anh không mở cửa rước vô?

Chàng tỉnh ngộ là trò đùa việc giả, bèn ở yên nhà đó như cũ.

Nửa năm sau, một người con gái đêm đến gõ cửa, chàng đoán rằng ban lại trêu ghẹo mình, liền mở cửa mời vào, té ra một nàng đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Chàng kinh ngạc, hỏi nàng ở đâu lại đây, nàng nói:

- Tôi là Liên Hương, kĩ nữ ở trong xóm tây.

Nguyên ở bên đó có nhiều gái lầu xanh, cho nên chàng tin là thật; tắt đèn lên giường, yêu đương cực kì âu yếm. Từ đó, năm ba ngày nàng lại đến một lần.

Buổi tối hôm đó, chàng ngồi thơ thẩn nghĩ ngợi, bỗng một thiếu nữ xăm xăm bước vào, định chắc là Liên Hương, cho nên vồn vã chào hỏi, chùng nhìn mặt té ra không phải. Cô này mới độ mười lăm, mười sáu tuổi, áo choàng tóc vẫn trông có vẻ phong lưu xinh đẹp, mà bước đi lại ngả ngón, làm như nửa tới nửa dừng, khiến chàng hết sức kinh ngạc, ngờ nàng là con chồn hóa thân hiện hình. Nàng nói:

- Em là con nhà lương thiện, họ Lý, mộ chàng cao nhẽ mà đến, nhờ lượng bao dung.

Chàng mừng, nắm lấy tay nàng, thấy lạnh buốt như nước đá; hỏi tại sao lạnh thế, nàng đáp:

- Tấm thân yếu đuối đơn hàn lại dãi dầu sương gió ban đêm, không lạnh sao được?

Khi cởi áo, giao hoan thấy rõ còn là gái tơ. Nàng nói:

- Em vì tình duyên xui khiến, mà cái thân son trẻ nguyên lành này, được chàng không chê xấu xa, thì em xin thời thường hầu hạ chăn gối. À, trong căn nhà chàng không có ai lạ đây chứ?

- Không có ai lạ. Trừ ra một ả thanh lâu ở xóm gần đây, nhưng ả cũng không đến thường.

- Nếu vậy thì phải tránh mặt mới được. Em không thể ví như mấy ả lầu xanh. Vậy xin chàng giữ kín đừng nói, hễ ả tới thì em đi, ả đi thì em tới, là hơn.

Gà gáy sáng, nàng muốn từ giã ra đi, tặng chàng một chiếc giày thêu và nói:

- Đây là vật em mang dưới chân, khi rồi lấy ra mân mê cũng đủ khuây lòng tưởng nhớ. Nhưng có người lạ thì chàng đừng thò ra nghe!

Chàng cầm lấy xem lòng rất vui thích. Qua đêm sau, thừa lúc vắng người, lấy chiếc giày ra ngắm nghía vuốt ve, tự nhiên nàng ở đâu phời phới đi đến, lại cùng nhau đầu gối tay ấp, hết sức yêu đương. Từ đó hễ khi nào mân mê chiếc giày, đều thấy nàng đến tức thời, chàng lấy làm lạ, gạn hỏi cho ra lẽ. Nàng cười và nói:

- Ngẫu nhiên nhằm lúc đó thôi, nào có chi lạ!

Một đêm, Liên Hương tới, trông thấy sắc mặt chàng, sững sốt kinh hãi:

- Thần sắc của mình coi sao tiều tụy quá thế?

Chàng trả lời không tự biết tại sao, Liên Hương từ biệt, hẹn 10 bữa sau sẽ trở lại. Trong khoảng ấy đêm nào Lý cũng mò đến, thường

hỏi: “Tình nhân của chàng sao lâu ngày không thấy đến chơi?” Chàng nói còn hẹn 10 ngày. Lý cười, hỏi:

- Chàng coi Liên Hương với em, ai đẹp hơn ai?

- Có thể bảo cả hai cùng đẹp tuyệt. Nhưng Liên Hương thì da thịt ấm áp điều hòa.

Lý tái mặt nói:

- Chàng bảo hai người cùng đẹp chẳng qua muốn chiều lòng em mà nói dài buôi thế thôi. Chắc ả là nàng tiên cung trăng, em không sánh kịp.

Vì đó, nàng bùi ngùi không vui, tính đốt ngón tay, kì hạn mười ngày đã tới, một hai dạo dò chàng giữ kín, để cho nàng dòm lên xem sao.

Đêm sau, Liên Hương quả đến, nói cười rất vui vẻ. Đến khi nằm ngủ hã hừng và nói:

- Chết rồi: mười bữa không thấy mặt nhau, hôm nay sao chàng thêm suy yếu quá vậy? Đây hẳn có cặp kè với con nào rồi, chớ lẽ nào không?

Chàng hỏi có sao mà biết, Liên Hương đáp:

- Tôi lấy thần khí của chàng mà nghiệm thì biết. Mạch chạy lung tung như núi chỉ rồi beng, đích thị chứng ma làm đây mà!

Qua đêm bữa sau, Lý tới, chàng hỏi dòm nhan sắc Liên Hương ra thế nào; nàng đáp:

- Thiệt tình là đẹp. Em vốn ngỡ thế gian không làm gì có người đẹp đến bậc đó. Quả nó là chồn. Khi nó ra đi, em theo bèn gót, tới Nam Sơn, thấy chui tọt vào trong hang; không chồn là gì?

Chàng nghĩ chắc Lý ghen mà nói vậy, nên chỉ ậm ừ cho qua chuyện. Cách một đêm nữa, Liên Hương tới, chàng hỏi bốn:

- Tôi vốn không chịu tin lời nói xàm, nhưng có kẻ bảo mình là chồn đấy.

Liên Hương chụp hỏi ai nói. Chàng cười và đáp:

- Có ai đâu! Tự tôi bốn mình thế thôi.

Liên nói:

- Mà chồn có khác gì người ta đâu nào?

Chàng cãi:

- Không phải vậy đâu.

Nàng bèn nói:

- Theo cỡ tuổi chàng, cứ ba ngày sau cuộc giao hoan với đàn bà, thì tinh khí lại phục hồi. Như vậy, dù với chồn, cũng chẳng hại chi. Ví bằng đêm đêm truy hoan thì người ta còn tai hại gấp mấy mươi chồn lận. Thử xem thiên hạ bao nhiêu cái xác ho lao, con ma sài mòn, dễ thường đều chết vì chồn mê hoặc đó ư? Tuy nhiên, tất có đứa kẻ vạch thế nào chớ chẳng không?

Chàng cố biện bạch không có ai kẻ vạch gì cả, nhưng Liên gạn hỏi mãi, cực chẳng đã chàng phải nói thiệt. Liên nói:

- Tôi vẫn lấy làm lạ sao chàng suy kiệt, nhưng không ngờ mau lẹ đến ra thân thể này; hay nó không phải người ta chẳng? Vậy chàng cũng giữ kín đừng nói, để tôi mai, tôi lén dòm, y như hôm trước nó lén dòm tôi vậy.

Đêm ấy Lý tới, vừa nói được một hai câu. Chợt nghe ngoài cửa sổ có tiếng tăng hắng, vội vàng bỏ đi. Liên vô nói:

- Thôi chàng nguy rồi. Nó chính là ma, nếu chàng còn mê sắc đẹp không sớm tuyệt đi, thì đường xuống âm ti gần lắm.

Chàng nghĩ rằng Liên ghen, làm thinh không nói gì. Liên nói tiếp:

- Tôi biết trước rằng chàng say đắm, không thể nào buông bỏ ra. Nhưng lòng tôi không nỡ ngồi nhìn chàng chết, ngày mai tôi đem thuốc men đến đây, để trừ âm độc cho chàng. Cũng may bệnh căn còn nhẹ, chỉ mười bữa thì lành, tôi xin nằm chung giường để săn sóc cho tới khi khỏi bệnh.

Qua đêm sau, Liên quả đem thuốc đến, sắc cho chàng uống, giã lát, nghe ruột gan mát mẻ, tinh thần khoan khoái. Trong bụng chàng cảm ơn, nhưng vẫn không tin mình mắc bệnh ma làm.

Luôn mười đêm, Liên nằm bên cạnh nâng giấc chàng; chàng muốn giao hoan, bị nàng hắt ra.

Mấy hôm sau, da thịt nở nang rồi, nàng muốn từ giã, một hai căn dặn phải dứt tình với Lý. Chàng vờ nhận lời, nhưng khi Liên đi rồi,

đóng cửa khêu đèn, lại đem chiếc giày ra mân mê tưởng nhớ. Bỗng dung Lý đến. Nhân bị xa cách lâu ngày, nét mặt hơi tỏ sắc hờn giận.

Chàng nói:

- Luôn luôn mấy đêm nó ở lại thuốc men cho tôi, xin đừng giận dữ vì thế, tình thương yêu cốt ở nơi tôi kia mà!

Nàng nghe hơi nguôi. Khi đầu gối tay ấp, chàng nói nhỏ:

- Anh thương em hết sức. Nhưng có kẻ bảo em là ma hiện hình đó.

Lý cứng lưỡi giây lâu, mới thốt lời mắng nhiếc:

- Đây chắc con chồn dâm dục to nhỏ ý ôi với mình chứ ai. Nếu mình chẳng tuyệt nó đi, thì em không thêm lui tới nữa đâu.

Nói đoạn, nằm khóc tẩm tức, chàng phải khuyên giải trăm cách mới êm.

Qua đêm sau, Liên Hương đến, biết Lý lại tới, nổi giận và nói:

- Chàng nhất định chết hay sao thế?

Chàng cười, đáp:

- Sao mình ghen với người ta dữ vậy?

Liên càng giận thêm:

- Chàng tự gieo lấy mầm chết, tôi phải nhổ đi cho; không ghen thì làm thế nào?

Chàng kiếm chuyện trêu ghẹo:

- Nó bảo hôm nọ tôi bệnh, là tự chồn làm ra đó.

Liên than thở và nói:

- Nếu quả thật như lời chàng vừa nói, mà chàng say đắm không tỉnh, muôn một xảy ra bề nào, dù tôi có trăm miệng cũng tự bào chữa không nổi. Thôi thì từ nay xin từ biệt chàng; sau trăm ngày sẽ trở lại để trông thấy chàng đau nằm liệt giường liệt chiếu.

Chàng cố níu lại không được, Liên hậm hực đi thẳng.

Từ đó trở đi, Lý ở cạnh chàng hết đêm này qua ngày khác; chừng hơn hai tháng, chàng thấy mình đuối hơi kiệt sức quá lắm. Ban đầu còn tự tìm yên ủi lấy mình, nhưng rồi ngày càng ốm o mình gầy mặt võ, đến nỗi chỉ uống được một chén nước cháo mà thôi. Lúc ấy,

muốn về quê dưỡng bệnh mà còn bịn rịn với Lý, không nỡ rời nhau. Nấn ná mấy ngày sau thì bệnh tình trầm trọng, nằm liệt giường không dậy được nữa; cố nhướn mắt nhìn quanh tứ phía thì Lý đã bỏ đi đâu hồi nào, biệt mất tăm dạng.

Chàng nằm vò võ một mình trong căn nhà trống, tư tưởng Liên Hương như bác nông phu trông đợi lúa chín vậy.

Một hôm, đương nghĩ vợ vẫn, bỗng có người cuốn rèm bước vô, tức là Liên Hương:

Nàng đến bên giường, nói mát:

- Anh chàng nhà quê này, hôm nay mới biết ta nói trước có sai đâu nào?

Chàng ghen ngào giây lâu rồi tự thú mình biết tội đã nhiều, xin nàng cứu vớt. Liên nói:

- Bệnh đã ăn sâu vào trong tim phổi rồi, thiệt không có phép gì cứu được nữa. Tôi đến hôm nay cốt là cùng chàng vĩnh quyết, để tỏ mình chẳng phải ghen tương đó thôi.

Chàng khóc thê thảm và nói:

- Dưới gối có một vật nhờ mình đem ra băm vằm tan nát hộ tôi.

Liên mò dưới gối được chiếc giày thêu, đem ra trước đèn, day trở ngấm nghĩa. Tự nhiên Lý đến, vừa trông thấy Liên, vội vàng quay mình trở ra, tìm đường chạy trốn. Liên đứng chặn ngang cửa; Lý bối rối không biết làm thế nào. Chàng trông thấy, liền trách mắng và kể tội. Lý ngẩn người, chẳng trả lời được câu nào. Liên cười:

- Hôm nay tôi mới được giáp mặt di nó để đối nại với nhau một hai câu. Bữa trước, di nói lang quân mắc bệnh; là tự tôi gây nên, bây giờ di bảo thế nào đây?

Lý cúi đầu tạ tội. Liên hỏi:

- Con người mỹ miều thế đó, mà nỡ lấy tình yêu kết thành oán cừu như vậy ư?

Lý vật mình xuống đất khóc vùi, xin Liên thương tình cứu giúp, Liên đỡ nàng dậy, tra hỏi lai lịch. Nàng nói:

- Em là con ông Lý Thông Phán, tuổi nhỏ chết non, chôn ở ngoài vách tường nhà nàng. Con tằm đã thác hầy còn vương tơ; gần bó thương yêu chàng là sở nguyện của em, nhưng làm cho chàng chết, thì em đâu có lòng dạ như thế cho đành.

Liên hỏi:

- Nghe nói giống ma cốt làm cho người chết để có thể cùng nhau đoàn tụ lâu dài, có phải thế không?

Lý đáp:

- Không phải thế đâu. Hai con ma gặp nhau, tịnh không có chi vui sướng. Nếu được vui sướng, thì dưới suối vàng há phải thiếu hạng trai tráng ư?

Liên nói:

- Cô này ngơ ngẩn làm sao! Cứ đêm đêm dâm dục, thì người cũng không chịu nổi, huống gì là ma.

Lý hỏi:

- Chồn cũng hiểu dâm làm chết người ta sao lại bảo không có thuật ấy?

Liên đáp:

- Đó là hạng bổ khí luyện đơn, nhưng tôi không thuộc về loại ấy. Cho nên, ở đời, có thứ chồn không làm hại người, nhưng quyết chẳng có thứ ma nào bắt hại nhân, bởi lẽ âm khí nặng nề vậy.

Chàng nằm nghe hai ả nói chuyện với nhau, bấy giờ mới rõ chồn với ma đều có thật: nhưng vì gần gũi đã thường, thành ra hết cả sợ hãi. Song nghĩ đến thân mình, hơi tàn chỉ còn thoi thóp mỏng manh như sợi tơ, bất giác mũi lòng khóc lớn.

Liên day lại ngó Lý và hỏi:

- Cô tính xử với lang quân thế nào đây?

Lý đỏ mặt xin lỗi. Liên cười:

- Chỉ e lang quân lành mạnh rồi, cô lại ghen ngược với tôi nhé!

Lý khúm núm nói:

- Chị có tài Biển Thước, chữa cho lang quân lành mạnh, để khỏi mang tội với lang quân, em nguyện vùi đầu dưới đất, chứ còn mặt nào dám ngó thiên hạ nữa!

Liên mở cái đây lấy thuốc và nói:

- Tôi đã biết trước phải có ngày hôm nay, cho nên sau khi từ già, liền đi hái mới đủ được liệu. Bệnh lao hay trúng độc chí tử, uống liền thuốc này cũng tỉnh ngay. Nhưng mà chàng bệnh mắc phải vì đâu, thì phải lấy ngay cái đó mà dẫn thuốc mới được. Bởi vậy tôi không thể không cạy dì giúp sức một phen.

- Chị cần dùng em giúp sức chi?

- Tôi cần xin mấy nhều nước bọt ở trong miệng dì đó thôi. Tôi đặt hườn thuốc, phiền dì kê miệng nhỏ nước bọt vào được chuyển thuốc cho lang quân.

Lý then đỏ mặt mảy, cúi đầu loay hoay mà ngó chiếc giày. Liên hỏi:

- Dì đặc ý nhất, chỉ có chiếc giày thôi ư?

Lý càng then, cuống cả người, Liên nói:

- Đó là có ngón thường ngày đã quen nay lại tiếc rẻ hay sao?

Đoạn lấy hườn thuốc để bên môi chàng, và hỏi thúc Lý kê miệng nhỏ nước miếng tống thuốc vô. Cực chẳng đã, Lý phải làm theo. Liên biểu: Nhỏ nữa đi, Lý lại nhỏ nữa. Cả thấy ba, bốn lần. Hườn thuốc trôi vô trong cổ. Giây lát, nghe trong bụng ùn ụt như sấm vang. Liên cho uống một hườn nữa, tự mình kê môi để phà hơi cho thuốc chạy vào. Chàng nghe ruột gan nóng dậy, tinh thần mạnh mẽ.

Liên nói:

- Thế là khỏi bệnh rồi.

Gà gáy, Lý vội vàng từ già.

Liên suy nghĩ, chàng vừa mới khỏi bệnh, còn cần phải chăm nom bổ dưỡng, nếu mỗi bữa đi qua xóm đông ăn cơm thì không tiện. Nàng bèn đóng cửa ngõ và khóa bên ngoài, giả làm ra vẻ chàng về nhà quê để tuyệt bạn bè lui tới. Ngày đêm, Liên ở luôn bên cạnh chàng, hầu hạ săn sóc.

Đêm nào Lý cũng tới, trông nom cơm nước, rất ân cần và thờ Liên như chị, Liên hết sức thương yêu.

Trải ba tháng, chàng lành mạnh như cũ; bây giờ Lý mới thừa đến. Thường khi mấy đêm mới đến thăm một lần. Đến chỉ đứng nhìn một cái là đi liền. Lúc đối mặt nhau, thường bùi ngùi chẳng vui. Có khi Liên muốn giữ lại ngủ chung, nhưng Lý nhất định không chịu.

Chàng rượt theo ả về, thân thể nhẹ bỗng như đồ mã. Lý không trốn được, để nguyên cả áo lên giường nằm, cuộn tròn mình mấy không đầy hai thước.

Liên thấy vậy càng động lòng thương, lén bảo chàng ôm ấp nựng nịu đi, nhưng lay động mà nàng vẫn không tỉnh. Chàng ngủ quên, chùng tỉnh giấc rờ coi, thì nàng đã biến đâu mất rồi.

Luôn mười bữa sau, không thấy mặt Lý đến nữa; chàng tưởng nhớ thiết tha, thường đem chiếc giày ra mân mê, Liên phải than thở:

- Con người yếu điệu như thế ấy, tôi thấy cũng thương, huống gì đàn ông các người!

Chàng nói:

- Hồi trước, hễ khi nào mân mê chiếc giày, tức thời nàng đến, lòng tôi vẫn ngờ, nhưng không dè đâu nàng lại là ma! Nay đối vật tưởng người, xiết bao đau đớn.

Rồi chàng khóc òa.

Nguyên có nhà giàu họ Chương, có người con gái tên là Yến Nhi mười lăm tuổi, bị bệnh bế tắc mồ hôi mà chết. Hết đêm lại tỉnh dậy, nhìn ngó đáo dác rồi muốn vùng chạy.

Chương đóng chặt cửa ngõ, không cho chạy ra.

Yến Nhi tự nói ta là hồn con gái ông Lý thông phán, cảm tình Tang quân thương yêu, giày ta còn để tại nhà chàng. Ta chính là ma đây, cấm cố làm chi vô ích.

Chương gia nghe lời nói có ngành ngọn, liền hỏi vì sao lại đến đây nhưng nàng nhìn trước ngó sau, tỏ ra mặt mừng không tự hiểu vì sao?

Có kẻ nói Tang Sanh đau ốm đã bỏ về quê quán rồi, nàng cố cãi là chuyện bịa đặt. Người nhà nghe vậy cả nghi.

Người bạn xóm đồng học nghe chuyện lạ như thế, trèo tường vô dòm chàng, thấy chàng đương ngồi đối diện đàm đạo với một mỹ nhân. Bạn xông bừa vào; trong lúc chộn rộn, mỹ nhân đã biến. Bạn kinh hãi, cố tra hỏi ra lẽ; chàng cười và nói:

- Lúc nọ tôi chẳng từng nói với anh rồi ư? Hễ giống cái đến đây thì tôi mở cửa đón rước mà!

Nhân đó, bạn kể chuyện lạ Yên Nhi cho chàng nghe. Chàng muốn mở cửa, đi tới nhà họ Chương dò la, nhưng khôn nổi chưa tìm ra có gì.

Đồng thời, Chương mẫu hay tin quả thật chàng còn ở đó chưa về quê quán, càng lấy làm lạ, cho nên sai mụ ở tới đòi chiếc giày.

Chàng liền đưa trả chiếc giày cho mụ đem về.

Yên Nhi rất mừng vội vàng mang thử, té ra giày nhỏ thua chân một tấc. Nàng kinh ngạc, cầm gương soi mặt, bỗng tỉnh ngộ mình đã mượn xác để tái sanh, bèn thuật rõ đầu đuôi, lúc ấy Chương mẫu mới tin.

Nàng lại soi gương, cất tiếng khóc hu hu:

- Mặt mày ta ngày nọ, còn hơi tự hào; thế mà mỗi lần trông thấy chị Liên, ta còn phải xấu hổ thay! Bây giờ mặt mũi như vậy, thà cứ làm ma còn hơn làm người!

Nói rồi cầm chiếc giày gào khóc, ai khuyên giải cũng không thôi. Khóc chán rồi trùm mền nằm liệt, mời ăn không chịu ăn, mình mẩy sưng phù lên. Luôn bảy ngày nhịn ăn, vẫn không chết, mà bệnh phù dần dà tiêu đi, bấy giờ mới thấy bụng đói như cào, không thể chịu nổi, bèn ăn uống trở lại như cũ.

Vài ngày, khắp mình nổi ngứa, lột hết lớp da. Sáng dậy, thấy rơi mất giày, liền tìm để mang vô, thì giày lớn quá. Lại thử chiếc giày cũ, thấy vừa vặn như in. Nàng mừng quá, lại soi gương, té ra mặt mày mất mũi, nhất nhất giống hệt diện mạo sinh bình (nghĩa là khi còn là Lý nữ) càng mừng hơn nữa; lập tức rửa mặt chải đầu ra mặt bà mẹ. Ai thấy cũng sững sốt.

Liên Hương nghe đồn việc ấy, khuyên chàng cậy mối đi đàm hỏi Yên Nhi làm vợ. Song chàng nghĩ giàu nghèo cách tuyệt, chưa dám bàn vội.

Nhân gặp ngày mừng sanh nhật Chương mẫu, chàng đi theo bọn con cháu đến chúc thọ bà cụ. Bà thấy tên chàng bèn xếp đặt cho Yến Nhi đứng sau bức màn mà nhìn mặt khách.

Chàng đến sau chót, nàng liền chạy ra níu áo, một hai đòi theo chàng về nhà, Chương mẫu la rầy, nàng mới xấu hổ thụt vào nhà trong. Chàng nhìn kĩ, rõ ràng là Lý, bất giác động lòng rơi lụy, rồi quì mọp xuống đất mà lạy. Bà cụ phải đỡ lên.

Chàng về nhà, năn nỉ ông cậu đi làm mai. Chương mẫu bằng lòng và bàn định ngày lành giờ tốt cho chàng cưới gởi rể.

Chàng nói cho Liên hay và bàn tính về sính lễ, Liên ngần người giây lâu, rồi muốn từ biệt đi. Chàng giật mình sùng sốt, đến nỗi khóc sụt sùi, Liên nói:

- Chàng sửa soạn đến nhà người ta, làm lễ đuốc hoa với vợ mới. Tôi đi theo chàng, thì mặt mũi còn ra thế nào?

Muốn cho lưỡng tiện, chàng tính kế, trước hết đưa Liên về ở quê nhà, rồi sau sẽ cưới Yến Nhi. Liên nghe theo. Chàng đem tình thiệt ngỏ với nhà Chương. Chương nghe nói chàng đã có vợ ở nhà rồi, nổi giận gây gổ. Yến Nhi hết sức phân trần, Chương mới chịu y theo chàng rước vợ về nhà mình.

Đến ngày, chàng đi đón dâu. Khi ra đi, trong nhà chỉ xếp đặt xoàng xĩnh; thế mà bận về, từ ngoài cổng vô nhà trong, đều trái đẽm nhung, trăm nghìn đèn lồng, treo la liệt như dẹt. Liên phò cô dâu vô buồng căng toàn vải xanh, khi bỏ khăn nhiễu che mặt xuống, hai người thấy nhau, hớn hờ chuyện trò như bạn cũ.

Lúc uống giao bôi, Liên ngồi bên gạn hỏi chuyện lạ hoàn hồn. Yến Nhi nói:

- Hôm đó em uất ức buồn rầu, chỉ tội thân mình là ma, tự nghĩ mà thẹn. Sau khi từ biệt em chẳng muốn trở về mà mình làm chi, cứ theo luồng gió trôi nổi, trông thấy người nào cũng dấy lòng thèm muốn ao ước làm sao mình được làm người sống như họ. Ban ngày, em núp bóng cỏ cây, đêm thì tùy theo bước chân phiêu lưu vô định. Ngẫu nhiên đến nhà họ Chương, trông thấy một thiếu nữ nằm trên giường, hồn đã lìa xác. Em liền nhập ngay xác đó, ban đầu cũng chẳng ngờ mình được sống.

Liên nghe chuyện, ngồi lẳng lẳng như có điều gì suy nghĩ trong trí.

Cách 2 tháng sau, Liên ở cữ một đứa con trai. Đẻ xong thì phát bệnh nặng, ngày càng trầm kha, bèn nắm tay Yến và nói:

- Tôi để lại đứa con, phiền dì nuôi giúp, con tôi cũng như con dì vậy.

Yến khóc vùi, ân cần yên ủi, muốn rước thầy lang về cứu chữa. Nhưng Liên đều gạt đi. Bệnh dây dưa thêm nặng, hơi thở còn như sợi tơ mảnh; chàng và Yến thương xót quá, cùng khóc òa. Bỗng thấy Liên trừng mắt và nói:

- Đừng làm vậy chớ! Các người vui sống riêng ta vui chết; nếu còn tơ duyên thì sau mười năm, ta lại gặp nhau lo gì?

Nói đoạn tắt hơi. Chàng và Yến mở mền ra để rửa ráy, khám liệm thì thấy xác Liên đã hóa ra chồn.

Chàng không nỡ lòng để người, cứ việc lo liệu tống táng rất hậu, y như người ta vậy.

Đứa con tên là Hồ Nhi, Yến săn sóc nuôi nấng như con mình đẻ ra. Mỗi năm đến thanh minh, đều ẵm con ra mộ Liên đèn nhang khóc điệu tử tế.

Mấy năm sau, chàng đậu thi Hương, nhà cũng dần dà phong phú, duy buồn nỗi Yến sinh đẻ lần nào cũng không nuôi được.

Hồ Nhi khá thông minh nhưng thể chất yếu đuối, hay đau ốm luôn, Yến thường nghĩ tới sự mua hầu thiếp cho chàng.

Một hôm, tì nữ vào thưa rằng ở ngoài cổng có một bà già, dắt đứa gái theo, ngỏ ý muốn bán. Yến lập tức kêu vô, thoạt nhìn hết sức quái lạ, nói:

- Trời ơi! Chị Liên lại ra đời đây chăng?

Chàng thấy quả giống, cũng lấy làm kinh ngạc, hỏi bà cụ già:

- Con bé của bà năm nay được bao tuổi?

- Thưa, cháu nó mới 14 tuổi.

- Bà muốn bán lấy bao nhiêu tiền?

- Già chỉ có mình nó là con, nếu đặt chỗ nào cháu nhờ cậy yên thân, mà già cũng có ngày hai bữa mai sau nắm xương già chẳng đến nổi quăng ở ngoài sông rạch bờ bụi, thế là mãn nguyện không cần lấy tiền.

Chàng mua với giá đắt; và lưu cả bà mẹ ở lại nhà mình.

Yến cầm tay thiếu nữ, dặt vào buồng kín, cười và hỏi:

- Mi có biết ta không?

- Thưa tôi không biết; thiếu nữ đáp.

Hỏi tên họ quê quán; thiếu nữ nói:

- Tôi họ Vi, cha làm nghề bán tương ở thành Từ Châu, qua đời đã ba năm nay.

Yến bấm đốt tay suy nghĩ, sức nhớ Liên chết tới nay vừa đúng 14 năm; lại nhìn kĩ dáng điệu đi đứng của thiếu nữ, không vẻ nào không giống Liên ngày xưa như đúc, bèn vỗ trán nàng và gọi:

- Chị Liên ơi! Chị Liên ơi! Lời ước 10 năm sau lại gặp nhau, thật quả không sai!

Bỗng nàng như mơ mộng mới tỉnh, vùng nhớ lại tiền thân và kêu rú lên:

- A! A!

Rồi nàng nhìn Yến chăm chăm, như tìm trí nhớ. Chàng đứng bên cười và nói:

- Là chim yến quen nhà lại về chốn cũ ấy mà!

Nàng rướm nước mắt, thồn thức:

- Thôi, phải rồi. Nghe mẹ tôi nói lại, lúc tôi vừa mới sinh, đã biết nói, nhà cho là điều bất thường, lấy máu chó để cho tôi uống, thành ra quên mất kiếp trước của mình. Bây giờ tôi mới tỉnh mộng. Nương tử chính là dì Lý tử phạm làm ma đó chi?

Thế rồi hai người cùng nói chuyện tiền sanh với nhau, bao xiết mừng mừng tủi tủi.

Thấm thoát lại tiết thanh minh. Yến nói:

- Hằng năm, cứ đến ngày hôm nay tôi với lang quân ẵm con ra mộ khóc chị đó.

Nàng liền tự đến thăm mộ mình, thấy cỏ hoang cây đã vừa ôm, bất giác động lòng thở dài.

Lý nói với chàng:

- Em với chị Liên, hai đợt tình nghĩa, nay không nữa nào xa lìa nhau, vậy nên lấy xương chôn chung một huyệt.

Chàng nghe theo, đến mộ Lý, lấy xương đem về hợp táng với di cốt Liên. Bạn bè nghe câu chuyện lạ, rủ nhau khăn áo đến huyệt dự lễ hợp táng này; chẳng hẹn hò nhau mà tụ họp đến mấy trăm người.

Năm Canh tuất ta xuống miền nam chơi, đến Ngân Châu, vì mưa lâu phải nghỉ lại nhà trọ. Có Lưu Sanh Tử Kinh là anh em cô cậu, đưa cho xem tập *Tang Sanh truyện* do bạn đồng xã là Dương Tử Chương soạn ra, dài chừng một vạn câu. Ta được đọc trọn; ở đây chép lại tóm tắt đó thôi.

32. CÓ GAN ĐƯỢC VỢ

(Truyện Thanh Phụng, quyển I)

*Lầu hoa một bóng trăng soi
Trước ngọn đèn khuya rộn nói cười
Xem truyện nảy ra lòng cảm phục
Ngông cuồng gặp phước khá khen ai.*

Họ Cảnh ở Thái Nguyên, vốn là thế gia, cửa nhà rộng rãi mênh mông, về sau sa sút, đến nỗi lầu đài quá nửa bỏ hoang, chẳng có người ở, nhân đó sinh ra quái dị.

Tòa nhà lớn bỏ hoang, thế mà cửa ngõ tự dưng mở đóng, dường như có ai ở trong. Ban đêm gia nhân thường có chuyện xôn xao hoảng sợ. Cảnh đâm lo, phải dọn ra biệt thự ở, còn nhà cũ thì giao cho một ông già trông nom. Vì đó, cảnh tượng càng thêm hoang vu vắng vẻ, mà bên trong lại thường nghe có tiếng nói cười hát xướng mới kì.

Cảnh có thằng con nuôi tên là Khứ Bệnh, vốn người bạo dạn ngông cuồng, thường dặn ông lão quản gia hễ thấy có gì lạ, thì chạy đến báo cho biết ngay.

Đêm đó, lão thấy trên lầu có ánh đèn mờ tỏ, liền đến báo tin cho Khứ Bệnh.

Khứ Bệnh muốn vào tận nơi để xem sự lạ, mọi người can ngăn chàng đều không nghe.

Chàng vốn quen đường thuộc ngõ, một mình rẽ lau lách cỏ, quanh quất đi vào. Bước lên lầu, không thấy chi lạ, bèn xuyên qua lầu mà đi tới một căn phòng, nghe có tiếng người nói râm rì; lén dòm thấy bên trong thấp hai cây sập lớn, sáng như ban ngày; một cụ ăn mặc lối nhà nho ngồi day mặt về hướng nam; đối diện là một bà già, đầu lối bốn mươi ngoài tuổi; hướng đông, một chàng thiếu niên độ hai mươi; bên mặt là một thiếu nữ, chừng mới đến tuổi cài trâm vấn tóc. Trên bàn, rượu thịt ngồn ngang, cả bốn người vây quanh chuyện vãn vui cười.

Khứ Bệnh đột ngột bước vô, cười và nói lớn:

- Có một vị khách chẳng được ai mời, tự dẫn xác đến đây!

Mấy người hoảng chạy trốn, duy có ông cụ bước ra, thét hỏi chàng là ai, sao dám đường đột nhà riêng người ta như thế?

Chàng nói:

- Đây là nhà riêng của tôi, mà cụ chiếm đóng, có rượu ngon tự uống một mình, chẳng thêm mời chủ nhà, té ra keo lận quá.

Ông cụ nhìn kĩ rồi nói:

- Không phải chủ nhân mà!

Chàng đáp:

- Tôi là cuồng sanh Cảnh Khứ Bệnh, con nuôi chủ nhà đây.

Bây giờ ông cụ vòng tay kính lễ:

- Á, lâu nay vẫn được nghe đại danh của ngài.

Đoạn cụ mời chàng ngồi vô bàn tiệc, và kêu gia nhân dọn ra mâm cỗ khác. Chàng ngăn lại, biểu đừng làm phiền. Cụ rót rượu mời uống. Chàng nói:

- Chúng ta ở cùng nhà với nhau, vậy xin mấy vị ngồi đây lúc này không nên lánh mặt, cụ mời ra cùng uống cho vui.

Cụ gọi:

- Hiếu Nhi ra đây con!

Giây lát, thiếu niên ở ngoài bước vô. Cụ giới thiệu: Đây là con trai của già. Thiếu niên chào khách và ngồi nói chuyện.

Chàng hỏi tên họ là gì. Cụ già đáp rằng: Nghĩa quân họ Hồ.

Vốn người có tánh hào phóng, chàng uống rượu vào rồi chuyện tuôn ra như gió. Hiếu Nhi cũng là người lanh lợi. Hai người chuyện văn, sinh ra mến nhau.

Chàng 21 tuổi lớn hơn Hiếu Nhi 2 tuổi, cho nên gọi Hiếu Nhi là em.

Cụ già hỏi:

- Nghe nói cụ tổ nhà ta ngày trước làm ra sách *Đồ Sơn ngoại truyện*, ngài có biết không?

- Thưa có.

- Vậy thì tôi chính là dòng dõi họ Đồ Sơn. Từ đời nhà Đường về sau, hệ thống còn có thể nhớ được, nhưng Ngũ đại trở lên thì đã thất truyền; nay xin công tử chỉ giáo cho biết thì may mắn biết bao!

Chàng kể qua công lao của người con gái Đồ Sơn thuở xưa giúp vua Võ trị thủy. Nhờ khéo tô điểm thêm vào, câu văn lời nói nghe hay, tuôn ra như suối chảy. Cụ già mừng quá, bảo con:

- Nay gặp may mắn, được nghe những truyện chưa nghe bao giờ. Công tử đây chẳng phải là ai lạ, vậy con đi mời mẹ con với em con ra đây cùng nghe cho biết công đức tổ tiên nhà ta xưa thế nào?

Hiếu Nhi vâng lời đi vô trong buồng; giây lát bà cụ với thiếu nữ cùng ra. Nhìn kĩ nàng son trẻ mĩ miều, có nhan sắc thế gian không ai sánh kịp.

Cụ già trở vào bà cụ, giới thiệu mục này là bà lão quê mùa nhà tôi. Lại trở vào thiếu nữ mà nói: Con nhỏ này là Thanh Phụng, cũng như con ruột tôi. Nó hơi thông minh, phàm điều kiến văn, đều ghi nhớ không bao giờ quên. Bởi vậy lão muốn kêu cháu ra cho nó cùng nghe.

Chàng lại nói chuyện một lượt, nói rồi uống rượu, chăm chú dòm liếc thiếu nữ không chớp mắt. Nàng biết có người liếc mình, cho nên mỗi lần nhận thấy như thế là mỗi lần cúi đầu, e lệ. Chàng lén đưa chân bấm chí trên mũi giày nàng; nàng vội co chân vô, nhưng mặt không có sắc giận, khiến cho tâm hồn của chàng bay bổng quay cuồng, không tự nén được, bất giác vỗ bàn la lớn:

- Có người vợ đẹp như thế này, dù được làm vua cũng không thềm đổi.

Bà cụ thấy chàng gần say, lại càng lộ vẻ ngông cuồng bèn cùng con gái đứng dậy, đi vô trong buồng. Chàng thất vọng, cũng từ giã ông cụ ra về, trong lòng vẫn vương, không sao khuây được mối tình đối với Thanh Phụng.

Đêm sau lại đến, thì hương thơm hầy còn thoang thoảng, nhưng thâu đêm trông đợi, tuyết mù nào thấy bóng hồng ra.

Chàng về bàn tính với vợ, định dọn cả gia quyến lại nhà cũ, may ra có cơ hội gặp được Thanh Phụng. Vợ chàng không nghe theo, chàng dọn đến ở một mình, lấy từng dưới làm nơi đọc sách.

Một đêm, chàng ngồi dựa ghế băng khuâng, bỗng một con quỉ đầu bù tóc rối, hung hăng bước vào, mặt đen như sơn, trừng mắt ngó chàng. Chàng phì cười nhúng tay vào nghiên mực, tự bôi chèm nhem trên mặt mình, rồi cũng trừng mắt ngó trả lại con quỉ. Thấy thế, nó hổ thẹn bỏ đi.

Qua đêm bữa sau, canh đã khuya, chàng tắt đèn sửa soạn đi ngủ, chợt nghe tiếng kẹt cửa trên lầu phía sau. Chàng liền trỗi dậy dòm coi, thấy cánh cửa khép hờ, khi nghe tiếng giày nhè nhẹ, và có ánh đèn từ trong phòng vọt ra. Nhìn kĩ, té ra Thanh Phụng.

Nàng chợt thấy chàng, hốt hoảng chạy vào, vội đóng cửa lại.

Chàng quì ngoài cửa nói vọng vô:

- Tiểu sanh không nề hà nguy hiểm mà đến ở đây, chính là vì khanh. Nay được lúc vắng vẻ không có ai, xin khanh ra ân; nắm tay nói cười với tôi một chút, dù tôi có chết cũng hả lòng.

Nàng ở trong nói vọng ra:

- Thâm tình vương vít của chàng, thiếp há không rõ. Nhưng phép nhà rất nghiêm, cho nên thiếp không dám làm theo ước muốn.

Chàng hết sức năn nỉ:

- Tôi không dám trông cái tình thân da thịt gần kề đâu, chỉ xin được thấy nhan sắc một lần cũng mãn nguyện.

Hắn nằng bằng lòng, cho nên bước ra, nắm cánh tay mà lôi đi.

Chàng mừng cuống quýt, song song xuống dưới lầu, ôm nàng đặt ngồi trên đầu gối mình.

Nàng nói:

- Cũng may chúng ta có túc duyên với nhau, nhưng qua đêm nay dù có thương nhớ tương tư cách gì cũng là vô ích.

- Tại sao vậy?

- Ông chú tôi thấy cậu nông cuồng mà sợ, cho nên hóa làm con quỷ dữ để dọa cậu phải dọn đi; ai ngờ cậu không thềm nhúc nhích. Hôm nay đã mướn chỗ ở khác dời đi. Cả nhà dọn tới chỗ tân gia rồi, chỉ để mình em lại ở trông nhà này. Mai sáng, em cũng đi nốt.

Nói đoạn muốn đứng dậy đi liền, sợ ông chú về bất tử thì khốn.

Chàng cố giữ lại, ngỏ ý đòi giao hoan. Trong lúc đôi bên còn bàn nói giằng co, cụ già sòng sọc đi vào. Nàng vừa sợ vừa then thùng không để đâu hết, chỉ cúi mặt nép vào bên giường, lẩn mò lai áo, chẳng nói một lời. Cụ già thịnh nộ:

- Con ranh con làm nhơ nhuốc gia phong nhà tao, không cắt đi khuất mắt tao cho một trận đòn nên thân bây giờ.

Nàng cúi đầu lủi thủi đi. Cụ già cũng theo gót. Chàng lén theo dõi để nghe ngóng, tiếng cụ già mắng nhiếc thậm tệ, kể tiếng Thanh Phụng khóc nức nở. Lòng đau như cắt, chàng nói lớn:

- Tội ở tiểu sanh này cả, có dự chi tới Thanh Phụng? Nếu tha Phụng, bao nhiêu rìu búa gươm đao, một mình tôi chịu hết.

Giây lát lặng thinh, chàng mới về thư phòng yên giấc.

Từ đó trở đi, trong nhà tuyệt không có tiếng tăm ma quỷ gì nữa. Ông chú nghe lấy làm lạ, bằng lòng cho chàng dọn cả đến ở, mà không đòi tiền thuê mướn.

Chàng mừng rỡ, tức khắc thiên cả gia quyến đến ở, lấy làm vừa ý vô cùng, nhưng đến Thanh Phụng thì vẫn không giây phút nào ra ngoài trí nhớ.

Gặp tiết Thanh Minh tảo mộ, bạn về trông thấy hai con chồn nhỏ, bị chó đuổi gấp quá, một con chạy vào bãi cỏ hoang trốn thoát, một con ngơ ngác trên đường, trông thấy chàng có vẻ riu riu kêu thương, ngoắt tai rụt cổ như muốn cầu cứu.

Chàng thương xót, mở vạt áo ra, gói ấm đem về nhà đóng cửa, đặt lên giường, té ra Thanh Phụng. Mừng quá, yên ủi, hỏi thăm nàng nói:

- Lúc nãy em với con bé ở đường chạy giỡn gặp phải nạn to, nếu không nhờ lang quân cứu thoát, tất đã chôn xác vào trong bụng chó rồi. Vậy mong lang quân đừng cho là phi loại mà ghét bỏ em nhé!

Chàng nói:

- Ngày đêm tưởng nhớ, vẩn vít mộng hồn, nay được thấy em, khác nào bắt được của báu, ghét bỏ là nghĩa gì?

- Âu là số trời xui khiến, nếu không vì chuyện nghiêng ngửa như thế, làm sao mà được gặp nhau? Rứa mà cũng may, con nhỏ ở tin chắc là em đã chết rồi, vậy thì em được cùng lang quân gắn bó suốt đời không lo gì nữa.

Chàng mừng quá, dọn dẹp một căn nhà riêng cùng nàng ăn ở.

Cách 2 năm sau, một đêm, chàng ngồi đọc sách, Hiếu Nhi sừng sững bước vào. Chàng lấy làm lạ, ngưng đọc sách và hỏi Hiếu Nhi ở đâu tới có việc gì? Hiếu Nhi cúi mọp, nói giọng buồn rầu:

- Ông cụ nhà tôi gặp nạn bất ngờ, trừ anh ra, không ai cứu được. Đáng lý ông tự đến cầu khẩn, nhưng ngại anh không thềm tiếp, nên sai tôi đến thay.

- Việc gì? Khứ Bệnh hỏi.

- Anh có quen biết Mạc Lang phải không?

- Người ấy là con ông bạn đồng niên với thân phụ tôi, sao lại không biết.

- Vậy thì ngày mai hấn đi ngang qua đây, nếu anh thấy sẵn được con chồn nào thì nhờ anh làm ơn giữ lại giùm.

- Ô! Câu chuyện bị nhục ở dưới lầu, hãy còn canh cánh bên lòng tôi, nên tôi không muốn nghe nói chuyện gì khác nữa. Ví bằng muốn tôi ra sức giúp đỡ việc chi, không có Thanh Phụng thân đến nói một tiếng thì không xong.

Hiếu Nhi rơi lụy và nói:

- Tội nghiệp con em Phụng đã chết ngoài ruộng, từ 3 năm nay rồi, còn đâu!

Chàng phủi áo đứng dậy nói:

- Quả vậy thì mỗi hờn lại càng nặng thêm.

Nói đoạn lại ngồi cầm sách đọc to, không thêm đoái hoài.

Hiếu Nhi đứng dậy, khóc thất thanh, ôm mặt lủi thủi ra đi.

Chàng đến căn nhà Thanh Phụng ở, kể chuyện đầu đuôi. Nàng biến sắc và hỏi:

- Thế lang quân có chịu cứu giùm hay không?

Chàng nói:

- Cứu thì vẫn cứu, nhưng hồi nãy tôi làm bộ chối từ, chẳng qua là để trả đũa lại chuyện sỉ vả lúc trước vậy thôi.

Nàng mừng rỡ và nói:

- Em hồi nhỏ mồ côi, nhờ ông chú nuôi nấng trưởng thành. Hồi trước, tuy ông mang lỗi với lang quân, cũng tự phép nhà bắt buộc phải vậy mà thôi.

Chàng nói:

- Đã đành như thế là phải. Song chuyện cũ vẫn khiến tôi không thể nguôi lòng. Chớ chi mà em chết thiệt, thì bây giờ tôi nhất định không cứu ông già đó!

Nàng cười:

- Mình nhẫn tâm đến thế lặn?

Hôm sau, Mạc Tam Lang đi ngang qua, một đoàn chó săn chim mồi, tôi tớ hầu hạ cực đông. Chàng ra tận cổng ngoài đón rước vô nhà chơi, thấy Mạc săn được rất nhiều chim muông. Trong số đó, có một con chồn đen, máu dính đầy lông; rờ xem thì da thịt còn hơi ấm.

Chàng bèn lấy cói rỗng áo lông mặc rét của mình đã hư, muốn xin con chồn này đựng lấy da vá áo. Mặc sẵn lòng cho ngay.

Lập tức, chàng ôm vào nhà sau cho Thanh Phụng, rồi trở ra mời uống rượu giải lao.

Sau khi khách đi, nàng ôm con chồn vào lòng, ba ngày nó hồi tỉnh, loay hoay biến hóa thành ông già, mở mắt ra trông thấy Thanh Phụng có vẻ bờ ngõ, tưởng mình không phải ở cõi đời. Nàng kể rõ câu chuyện, ông già liền sụp xuống đất lạy, then thùng từ tạ trước. Đoạn, day mặt vui mừng nói với Thanh Phụng:

- Chú vẫn bảo rằng cháu không chết, nay thật quả nhiên.

Nhân dịp, Thanh Phụng bảo Khử Bệnh:

- Nếu mình có lòng thương tôi, thì xin mình lại cho gia đình chú tôi ở nhờ trong dinh cơ này, để tôi sớm tối thăm viếng, được đền ơn nuôi dưỡng thuở xưa.

Chàng ưng chịu liền.

Ông già bèn lên từ biệt ra đi.

Đến đêm, cả gia quyến cùng lại. Từ đó hai đảng ở chung với nhau thân mật như cha con, người nhà không có điều chi xích mích.

Chàng ở riêng nhà học. Hiếu Nhi thường lui tới chuyện trò vui vẻ. Lần hồi, đứa con lớn của chàng trọng tuổi, chàng giao cho Hiếu Nhi trông nom dạy dỗ. Hiếu Nhi khéo dạy trẻ đúng mẫu mực ông thầy.

33. NỔI GIẤC KÊ VÀNG

(Truyện Tục hoàng lương, quyển V)

*Mới đồ ông nghề đã tự kiêu
Càng nghe tăng bốc lại như điều
Nổi kê tích cũ không chi lạ
Giấc mộng giàu sang có bấy nhiêu.*

Ông cử họ Tăng, người Phúc Kiến, lúc vào kinh đô thi đỗ tiến sĩ vừa xong, cùng hai ông bạn tân khoa đi chơi ngoài thành. Chợt nghe

trong chùa Bi Lô có một thầy xem số tử vi ở trọ, liền rẽ ngựa tới đó bói một quẻ.

Tăng vào, nghênh ngang tự ngồi chẳng đợi ai mời chào. Thầy tướng thấy người có vẻ tự đắc, bèn kiếm lời nịnh hót thêm. Tăng cầm quạt phe phẩy, mỉm cười hất hàm hỏi thầy tướng coi mình có số mệnh mặc măng bào, đeo đai ngọc triều phục của tể tướng không?

Thầy tướng nghiêm trang nói Tăng sẽ làm Tể tướng yên ổn trong hai mươi năm. Tăng mừng lắm, vẻ mặt càng kiêu. Nhắm lúc trời mưa nhỏ bèn nhủ bạn vào trong chùa nhà thầy tạm ẩn. Một vị sư già, mũi cao mắt lõm, ngồi trên nệm cỏ, ngạo mạn không chào hỏi gì. Máy người giơ tay chào qua loa, rồi tự leo lên giường ngồi nói chuyện với nhau. Ai nấy đều mừng Tăng là tể tướng. Tăng càng nở mũi tự kiêu trở bạn đồng du mà nói:

- Lúc nào tôi làm tể tướng, tôi cử Trương huynh làm tuần phủ một tỉnh miền nam; ông anh cô cậu với tôi làm chức tham du; lão bộc nhà tôi cũng được chức thiên bả nho nhỏ, thế là mãn nguyện.

Mọi người cười vang. Kế bên ngoài mưa như trút nước, Tăng mệt mỏi, ngả người lên giường mà ngủ.

Bỗng thấy hai vị trung sứ đem tờ chiếu chỉ của thiên tử viết tay, đến vờ Tăng tể tướng vào triều bàn định việc nước. Tăng khoái chí lật đật vào chầu. Ngài Ngự bước ra nghênh tiếp, hỏi han niềm nở giây lâu, rồi truyền cho Tăng được tự quyền bổ các quan tam phẩm trở xuống; lại ban cho măng ngọc và ngựa quý. Tăng mặc áo măng bào, mang đai ngọc cúi đầu lạy tạ ơn rồi đi ra.

Về nhà thì thấy nhà mình ở cũ bây giờ là dinh thự, cột chạm cửa sơn, rất mực long lẫy, đến nỗi chính Tăng cũng không hiểu vì đâu mình chóng vinh hiển đến thế này. Chỉ biết giờ phút này cất tiếng khê gọi, đã nghe những tiếng vâng dạ vang như sấm dậy. Rồi thì các quan công khanh đem biểu sơn hào hải vị, tấp nập ngoài cổng. Các quan lục khanh (tức lục bộ thượng thư) tới thăm thì Tăng còn đứng dậy chào mời; hạng thị lang thì xá và nói chuyện với, còn từ hạng đó trở xuống, Tăng chỉ trả lời bằng cái gật đầu mà thôi.

Tuần phủ Sơn Tây gửi tặng một phường nữ nhạc mười người đều là gái mỹ miều son trẻ. Đẹp nhất Niều Niều và Tiên Tiên, hai người càng được yêu quý, hầu hạ vấn tóc gội đầu, ngày ngày đàn hát làm vui.

Một hôm nhớ lại hồi còn hàn vi, thường được một thân sĩ trong làng là Vương Tử Lương giúp đỡ nay mình đã chót vót mây xanh, mà ông còn lênh đênh trên đường sĩ hoạn, sao không đưa tay dìu dắt ông ấy một phen?

Sáng hôm sau, Tăng dâng sớ tiến cử Vương làm chức Giám nghị, liền được vua giáng chỉ bổ dụng ngay.

Lại nghĩ Quách thái bộc từng trợn mắt gây gỗ với mình liền mời bọn Lữ cấp gián và thị ngự Trần Xương tới, mách bảo ý tứ; rồi ngày hôm sau bọn ấy kế tiếp nhau dâng sớ kể tội Quách Thái bộc làm cho ông này bị cách chức và bị đuổi về vườn.

Xong việc ân đền oán trả, Tăng hơi mát lòng khoái ý.

Bữa nọ quan tể tướng đi chơi ngoài thành, một anh chàng say rượu đi loạng choạng thế nào đụng vào cờ quạt giàn hầu của ngài, ngài liền thét lính trói cổ và giải đến dinh phủ doãn kinh thành. Lập tức anh ta bị đánh đòn đến chết.

Những người có nhà cửa nguy nga, ruộng nương bát ngát đều sợ quyền thế mà dâng đất đai màu mỡ. Từ đó Tăng càng trở nên giàu có.

Không bao lâu Niều Niều và Tiên Tiên kế tiếp nhau qua đời. Tăng khuya sớm băng khuâng, chợt nhớ lại năm nọ, mình trông thấy cô gái ở xóm đông tuyệt đẹp, thường ao ước mua nàng về làm hầu thiếp nhưng vì hồi đó còn nghèo nàn chẳng được như nguyện. Bây giờ có địa vị cao sang, muốn sao được vậy, liền sai mấy đứa tôi tớ giỏi đem tiền đến ấn đại vào nhà nàng mà bắt nàng đi. Một lúc, vỗng khiêng nàng về dinh. Tăng trông thấy so sánh với khi mình trông thấy ngày trước, giờ nàng càng đẹp hơn. Nghĩ lại bình sinh như vậy đủ mãn nguyện.

Hơn một năm, xem ra các quan trong triều có ý thăm thì bàn tán, trong bụng chê bai, nhưng chẳng ông nào dám nói ra miệng.

Tăng thấy vậy càng vênh váo ngênh ngang, chẳng thêm bận lòng chú ý.

Có quan long đồ học sĩ họ Bao, dâng sớ hạch tội Tăng đại lược như sau:

“Thiết nghĩ: Tăng mỗi nguyên là một đũa rượu chè cờ bạc đảng điểm tiểu nhân, một lời nói hợp ý mà được hoàng thượng tin dùng, cha con vẻ vang, ơn huệ tốt bậc. Thế mà chẳng nghĩ làm sao dốc lòng hiến thân, báo đáp ơn vua trong muôn một; lại dám lòng dạ buông lung, tự tiện làm điều oai, phúc, cái tội đáng chết, nhổ tóc mà đếm không đủ.

“Danh vị quý báu của triều đình coi như món hàng đem bán lấy tiền làm giàu, tha hồ so đo gầy béo, đánh giá hơn thua, vì đó mà công khanh tướng sĩ đều phải luồn lọt tới lui nhà hấn, tính toán lo lót, như tuồng bán buôn, núp bóng nhờ hơi kẻ sao cho xiết. Hoặc có người là hạng kiệt sĩ hiến thân, không chịu a dua theo hấn, nhẹ thì đuổi về vườn còn nặng thì giáng xuống làm lính. Rồi đổi không về hòa với hấn, liền bị buộc tội hươu vượn không đâu, đầy đi những chốn hùm beo xa lắc. Nhân sĩ thấy mà lạnh mình, triều đình hóa ra cô lập.

“Lại còn máu mỡ của dân, tha hồ bóc lột, con gái lương thiện ép uổng làm hầu; đến nỗi tiếng oán than dậy, khí uất xông lên, mặt trời cũng phải vì đó mà u ám.

“Tôi tớ của hấn đi tới đâu, thì quan lại địa phương phải nể mặt, thư từ của hấn gửi tới đâu thì người cầm quyền tư pháp ở đó phải làm trái phép cho được chiều lòng. Có khi con cái bọn nấu ăn, giữ ngựa cho hấn, hoặc là bà con đi đâu cũng hạch sách ngựa trâu, hò hét như sấm vang gió bão, hễ địa phương cung cấp hơi trễ, là roi vọt lập tức ra oai. Thôi thì chúng ức hiếp nhân dân, sai khiến quan lại, thầy trò đi tới chỗ nào thì đồng ruộng chỗ ấy không còn một ngọn cỏ xanh.

“Trong khi đó, Tăng mỗi vênh mặt ý mình đắc thế, không chút ăn năn; khi ở trong triều đình thì giả dối xảo trá trước mặt nhà vua, chưa về tới nhà thì đàn ngọt hát hay đã chờ sẵn. Thanh sắc cầu mã ngày đêm hoang dâm, quốc kế dân sinh không chút lo nghĩ, ở đời há có thứ tể tướng như vậy ư?

“Vì thế, trong ngoài xôn xao, nhân tâm hồi hộp, nếu không kịp trị bệnh bằng hình phạt búa rìu, thế tất gây nên cái họa Tháo Mãng cướp nước. Hạ thần sớm tối lo lắng, không dám có lúc nào ăn ngon

ngủ yên, liều chết đề ra các khoản trên đây, dâng lên Thánh thượng xem xét. Mong thánh thượng ra lệnh chém đầu gian nịnh, tịch của tham ô, hầu trên hợp ý trời, dưới khoái lòng dân. Nếu xét ra thần bày đặt chuyện, thì dao búa vạc đầu xin làm tội thần lập tức. v.v..”.

Sớ này dâng lên vua, Tăng nghe hồn xiêu phách lạc, lạnh mình như uống băng; nhưng may nhờ vua khoan dung, xem sớ bỏ đó, không hỏi gì cả.

Tiếp đến các quan trong triều, ngoài quận thi nhau dâng sớ hạch tội trạng của Tăng. Ngay bọn xưa kia xin làm đồ đệ, thờ kính bằng cha, nay cũng đổi lòng trở mặt, theo hùa hạch tội như thường.

Bây giờ vua mới giáng chỉ tịch thu gia sản và bắt Tăng đi làm lính Vân Nam. Người con y làm thái thú quận Bình Dương, triều đình cũng sai quan ra tận nơi xét hỏi.

Tăng ở nhà nghe tin con, đang kinh hoảng đau xót thấy có mấy người võ sĩ, nách gươm tay mác, vào thẳng buồng, lột áo mao của Tăng, trói chung với vợ. Tiếp thấy bọn lính chuyển vận của cải trong nhà ra ngoài sân, vàng bạc tiền nong đến mấy trăm vạn; hột châu ngọc quý có đến mấy trăm hộc, những thứ chăn màn giường chiếu cũng mấy ngàn món. Đến nỗi những áo lót trẻ con và giày tất đàn bà rơi vãi lung tung ở trên thềm. Tăng nhất nhất trông thấy như đâm vào tim vào mắt.

Giây lát một người lính túm cổ nàng hầu đẹp của Tăng lôi ra, đầu bù miệng máu, mặt ngọc tái xanh khiến Tăng càng bi thảm như lửa đốt ruột gan, nhưng nén tủi nuốt thương mà không dám nói.

Rồi thì lâu đài kho vựa, niêm phong đâu đó xong xuôi, võ sĩ mới thét Tăng ra đi. Người cầm đầu toán áp giải lôi kéo bắt đi thật mau.

Vợ chồng Tăng thồn thức lên đường; lúc này cầu lấy một con ngựa xoàng, cỗ xe xấu cho đỡ mỏi chân cũng không thể được.

Đi được ngoài mười dặm vợ mỏi chân, đuối sức loạng choạng muốn ngã, Tăng đưa một tay ra nâng đỡ vợ. Lại đi hơn mười dặm nữa, chính mình cũng mỏi mệt hết hơi; xa trông thấy những ngọn núi cao ngất mây xanh, tự lo không thể trèo nổi. Chốc chốc lại nắm tay vợ nhìn nhau khóc sụt sùi nhưng chủ cai trọn mắt ra oai, không cho ngừng một tí nào khả dĩ ngủ đỡ, cực chẳng đã, vợ chồng níu nhau, cả nhắc đi từng bước.

Khi đến sườn núi vợ đã kiệt sức, ngồi phịch bên đường mà khóc. Tăng cũng đánh liều ngồi nghỉ, mặc kệ chủ cai mắng chửi.

Bỗng nghe trăm tiếng nổi lên ồn ào, một tốp trộm cướp vác giáo dài, dao nhọn nhảy qua lề đường mà tiến đến trước mặt. Chủ cai hoảng sợ bỏ chạy, Tăng quì mọp nói với bọn chúng rằng mình làm quan bị cách chức và đi đày xa, tro trọi một thân, trong hành lý chẳng có tài vật gì đáng giá, năn nỉ chúng tha cho làm phúc.

Bọn cướp trợn mắt nói:

- Tụi tao là bọn lương dân bị hại, chỉ lấy cái đầu thẳng nghịch tặc mà thôi, ngoài ra không đòi hỏi gì hết.

Tăng nổi giận:

- Tao dù mắc tội cũng là quan lớn của triều đình, lũ bay là lâu la giặc cỏ, sao dám hỗn xược như thế?

Bọn cướp nổi xung, hươ búa lớn chặt cổ Tăng, nghe đầu rơi xuống đất một tiếng huých.

Hồn vía đang hải hùng bỗng ngỡ liền có hai quỷ sứ đến nắm lấy tay lôi đi. Đi mấy khắc đồng hồ, vào một nơi đô hội. Giây lát trông thấy một tòa cung điện trang nghiêm, trên điện có một vị vương giả mặt mày dữ tợn, ngồi chễm chệ xét xử tội phúc. Tăng khúm núm ngồi xuống đợi lệnh.

Vương giả mở tập hồ sơ ra xem qua mấy hàng, bỗng thịnh nộ thét lớn:

- Thằng này phạm tội dối vua hại nước, phải bỏ vào vạc dầu.

Lũ quỷ dạ ran, muôn miệng họa theo, tiếng như sấm sét.

Tức thời có những quỷ cao lớn chặn lại, túm cổ Tăng lôi xuống giữa sân, thấy cái vạc dầu cao chừng bảy thước bốn phía đốt than, chân vạc đỏ rực. Tăng run rẩy kêu gào, muốn chạy trốn cũng chẳng được, quỷ lấy tay trái nắm lấy tóc, tay mặt xách cẳng đưa bổng Tăng lên mà ném vào vạc dầu. Tăng thấy mình tùy theo dầu sôi mà nổi lên chìm xuống, da thịt cháy bỏng, đau buốt đến tận tim, dầu sôi vào miệng, phanh xé ruột gan, ý muốn cho mau chết nhưng lại không chết

liền cho. Phỏng chừng xong xuôi bữa ăn, quý mới cầm cây nĩa lớn khều Tăng ra ngoài, lại đặt dưới thêm.

Bấy giờ Vương giả lại kiểm sổ sách, nổi giận và nói:

- Nó cậy thế hiếp người, phải xử phạt núi đao phanh thây xé xác nó mới xứng.

Quý lại lôi Tăng đi, đến chỗ thấy một trái núi không to lớn lắm nhưng đá mọc dựng đứng chung quanh có đao nhọn đâm ra ngang dọc tua tủa, như những khóm măng dày kiến. Đã sẵn có có mấy người bị đâm bụng thọc ruột đang vướng trên đó, nghe tiếng họ kêu gào và trông thấy cảnh tượng mà thương tâm thảm mục. Quý giục Tăng leo lên. Tăng khóc ròng lùi trở lại, quý cầm dùi nhọn đâm vào óc, Tăng đau quá, kêu lên van năn nỉ, khiến quý nổi giận, chụp lấy Tăng rồi ra sức tung bồng lên không.

Tăng thấy mình lơ lửng trên không, rồi rơi xuống một bụi gai, mũi đao nhọn đâm thẳng vào bụng, đau đớn không sao tả xiết. Giây lát vì thân thể nặng nề, thành ra lỗ đao đâm dần dà khoét rộng, rồi mới rớt xuống đất, chân tay rúm lại. Quý lại dẫn vào trước mặt vương giả.

Vương giả sai người tính sổ coi một đời Tăng bán chức buôn danh, cướp đoạt của cải thiên hạ, cộng lại số tiền là bao nhiêu? Tức thời, có người rậm râu đứng gảy con toán rồi đáp: “Hết thảy là ba trăm hai mươi tư muôn”.

Vương giả nói:

- Nó đã chứa vào, giờ bắt nó phải uống đi.

Một lát, bày quý khiêng vào tiền bạc ra xếp đồng dưới thêm, cao như gò núi. Đoạn, bỏ lần vào trong nồi gang, chất lửa mà nấu cho hóa ra nước.

Mấy đứa quý sứ thay phiên nhau lấy gáo múc nước ấy đổ vào miệng Tăng tràn qua hai má thì da thịt cháy xèo xèo, vào tới cuống họng thì ruột gan sôi lên sùng sục. Sinh thời chỉ lo cái vật ấy thu vào ít, bây giờ lại sợ nó đến mình quá nhiều.

Công việc uống vàng bạc tới nửa ngày mới xong. Vương giả sai người áp giải Tăng đi Cẩm Khâu, chuyển sinh làm con gái.

Đi độ vài bước, thấy trên giàn cao, gác một cây dầm bằng sắt, chu vi độ mấy thước, buộc một bánh xe khổng lồ, rộng lớn không biết là mấy trăm dặm, sáng lờn năm sắc, chiếu rọi mây xanh. Quỷ cầm roi vọt Tăng, bắt phải leo lên bánh xe ấy. Tăng vừa nhắm mắt leo lên thì bánh xe quay tít, dường như bị té rơi xuống, khắp thân thể mát lạnh, té ra đã hóa làm đứa trẻ sơ sinh, mà lại là con gái.

Rồi nhìn tới cha mẹ, thì áo rách quần lành, ở trong lều tranh vách đất, bị gậy treo kia, bấy giờ Tăng mới tự biết mình đã chuyển sinh làm con kẻ ăn mày.

Lớn lên, ngày ngày đi theo lũ trẻ đồng bối ăn mày ăn xin khắp nơi. Cái bụng lép kẹp, không một bữa nào được ăn no, mình mặc áo rách tả tơi, gió thổi lạnh buốt thấu xương. Năm mười bốn tuổi, cha mẹ đem bán làm nàng hầu. Ông tú tài họ Cố, tuy cơm áo hơi đủ no ấm, nhưng phải người vợ lớn độc dữ, hàng ngày roi vọt đánh đập luôn tay, lại nung sắt đỏ mà đốt vú. May được ông chồng khá thương yêu, cho nên tự an ủi đôi chút. Xóm bên đông có một thiếu niên hung tợn leo tường sang nhà, ép phải giao hoan với nó. Nàng tự nghĩ kiếp trước của mình làm nên tội ác những gì, để bị quỷ sứ hình phạt đày đọa thế rồi, có lý đâu kiếp này lại phải chịu như nhục lép về thế này nữa, nàng bèn kêu cứu âm lên. Chồng và vợ lớn vùng dậy, tên thiếu niên kia mới chạy trốn.

Không bao lâu, một đêm ông tú qua buồng nàng nằm ngủ, đầu áp tay gối, nàng đang rủ rỉ kể nỗi oan khổ của mình cho chồng nghe, bỗng dưng có tiếng thét vang, cửa buồng mở toang, hai tên côn đồ xách dao áp vào chặt đầu ông tú rồi vơ vét áo xống đồ vật mà đi. Nàng cuộn tròn trong chăn, không dám ho he. Bọn côn đồ đi rồi, mới kêu la âm và chạy qua buồng vợ lớn. Chị này cả kinh, ôm thây chồng khóc lóc, nghĩ nàng đưa tình nhân đến giết chồng bèn làm đơn trình quan thứ sử bản hạt.

Nàng bị bắt và bị tra tấn đau quá, buộc phải nhận tội. Quan kết án lăng trì (lóc từng miếng thịt) xử tử.

Lính trói ra chỗ hành hình, trong bụng nàng nghẹn ngào nỗi mình oan uổng, vừa đi vừa la trời cho rằng trên trần dưới âm, không có tình cảnh nào đen tối hơn thế này. Đang lúc kêu gào thảm thiết, nghe tiếng bạn đồng du lay gọi:

- Anh bị ma đè hay sao mà la dữ thế.

Bấy giờ Tăng mới tỉnh giấc, thấy vị sư già vẫn ngồi xếp bằng tròn trên chiếu. Các bạn xúm lại hỏi: “Trời chiều bụng đói sao anh ngủ ngon thế?”. Tăng buồn rười rượi đứng lên, vị sư già mỉm cười hỏi:

- Quê bói tử tướng đã thấy nghiệm chưa?

Tăng càng kinh hãi chấp tay vái sư và hỏi tại sao mà biết. Sư nói:

- Tu nhân tích đức thì trong lò lửa tự có bóng sen nở ra chứ bần tăng có biết gì đâu.

Tăng vênh mặt khi đến, bây giờ xuôi xị trở về, cái ý nghĩ đài các từ đó nguội lạnh, rồi vào núi tu, về sau thế nào không rõ.

34. CHẾT VÌ MÊ GÁI

(Truyện Đông Sanh, quyển I)

*Ăn thua ý nghĩ lúc ban đầu
Thọ yếu cơ trời định đã lâu
Giả tử nàng chưa thu hết máu
Chàng còn mơ mộng ngỡ yêu nhau.*

Đông Sanh, tên chữ là Hà Tứ người ở mé tây Thanh Châu tháng lạnh trời hôm, trải nệm trên giường và đốt than để sưởi. Khi sắp sửa thắp đèn, thì vừa gặp bạn đến rủ đi uống rượu, chàng liền khép cửa ra đi.

Đến nhà bạn, trong làng tân khách đã có một ông lương y ngồi chơi. Ông này giỏi xem mạch thái tổ, lần lượt án mạch đoán số cho cả mọi người, sau chót đến lượt Vương Cửu Tư và Đông Sanh thì ông nói rằng:

- Tôi xem người ta đã nhiều, không hề thấy ai có mạch lạ lùng như hai ông, mạch sang mà có vẻ hèn, mạch thọ mà có điểm yếu, đó là sự trái ngược tôi không hiểu nổi: Nhất là mạch của Đông quân.

Mọi người lấy làm lạ, xúm hỏi tại sao? Lương y nói:

- Cái thuật của tôi chỉ biết tới đó là cùng, không dám ứ đoán, chỉ xin hai ông cẩn thận giữ mình là hơn.

Hai người mới nghe sợ hãi, kể suy nghĩ chẳng qua là lời nói mò, cho nên không cần để ý.

Nửa đêm, họ Đồng về nhà, thấy cửa khép hờ, lấy làm nghi sợ. Trong cơn say rượu, tự hỏi trí nhớ, tất là hồi mình ra đi vội vàng, quên lỉnh khóa cửa.

Vô trong nhà, kịp thắp đèn, trước hết thò tay vào trong mền, thử xem chỗ nằm có ấm áp không. Vừa thò tay vào, nghe có người nằm ngủ êm ái, chàng sững sốt, rút tay ra, thắp đèn tới soi, té ra một người thiếu nữ mặt hoa da phấn, đẹp như thần tiên. Chàng mừng quỳnh, rờ bốn thân thể, thấy có đuôi và lông lá dài thòn, sợ hãi xanh mặt, muốn chạy trốn.

Giữa lúc đó người con gái đã tỉnh ngủ, thò tay ra nắm lấy cánh tay chàng, hỏi tính chạy đi đâu?

Đồng Sanh càng run sợ, một hai năn nỉ cô tiên tha thứ. Nàng cười và nói:

- Cậu lấy chứng cứ nào mà nghĩ tôi là tiên.

Đồng nói:

- Thú thật, tôi không sợ khúc đầu, mà chỉ ghê khúc đuôi thôi.

Nàng lại cười:

- Đuôi ở đâu nào? Cậu lắm rồi!

Nói đoạn, kéo bàn tay chàng, bắt phải rờ lại xem có đuôi hay không. Lần này, chàng rờ rẫm khắp mông đít, đằng trước đằng sau không thấy có đuôi. Nàng cười hỏi:

- Thế nào? Cậu say rượu mê man, trông gà hóa cuốc thế nào, mà dám vu cáo cho người ta như vậy?

Đồng Sanh mừng tự nhiên, được gái đẹp trong lòng càng say sưa, tự trách mình ban nãy trông lầm tưởng bậy. Song chàng vẫn nghi ngờ trong trí, không biết nàng ở đâu mà tới nhà mình. Nàng nói:

- Cậu không nhớ con nhỏ tóc vàng ở xóm đông ngày trước ư? Nhà tôi di cư đi chỗ khác, bấm đốt ngón tay đã mười năm trời rồi đó. Hồi đó, tôi còn bỏ tóc xỏa, mà cậu thì để chỏm trên đầu, nhớ không?

Đồng vụt nhớ lại:

- Chính phải. Cô nói ra, tôi mới lại phảng phất. Mười năm xa nhau, không dè cô mỹ miều đến thế. Nhưng cô làm cách nào tới đây lạ vậy?

- Em lấy phải thằng chồng ngu, qua bốn, năm năm cha mẹ chồng kế tiếp qua đời, rồi không may chồng cũng chết nốt. Em góa bụa một thân, chẳng biết nhờ cậy ai. Bỗng nhớ lại người quen thuở nhỏ chỉ mình cậu, cho nên em lặn lội đến đây. Khi em đến cửa thì trời đã chạng vạng, lại vừa gặp người đến mời cậu đi uống rượu, em tạm ẩn mặt để đợi cậu về. Phải đợi lâu quá, chân căng lạnh buốt, em leo đại lên giường cậu, lấy mền trùm kín, cho ấm. Đầu đuôi có vậy, xin cậu đừng nghi ngại chi, tội nghiệp.

Đồng mừng, cởi áo lên nằm ngủ chung, rất là tâm đầu ý hiệp.

Hơn một tháng, người gầy ốm lần. Gia nhân lấy làm lạ, gạn hỏi duyên do, chàng đều thoái thác không biết. Lâu rồi đến mặt mày hốc hác, bấy giờ chàng mới lo sợ, lại đến ông thầy xem mạch thái tổ lúc nọ, nhờ ông chẩn mạch giùm.

Ông nói:

- Đây là mạch ma quỷ. Cái điềm chết yếu tôi đoán ngày trước, bây giờ đã ứng nghiệm. Bệnh này hết phương điều trị rồi.

Đồng khóc rống không chịu đi. Thầy lang cực chẳng đã, phải lấy kim chích vào tay, đốt ngải vào rún, lại cho thuốc đem về uống và căn dặn:

- Nếu có gặp con quái đó nữa, thì cố mà tuyệt nó đi, nghe!

Đồng cũng tự xét mình nguy đến nơi, cho nên lúc về nhà, nàng tươi cười mơn trớn, chàng đồ quạu nói:

- Mình đừng kiếm chuyện khiêu dâm tôi nữa. Tôi sắp chết nay mai, còn đâu!

Nói đoạn, đi thẳng vô nhà, không thèm ngảnh mặt ngó lại. Nàng then quá, phát giận và nói lớn tiếng cho chàng nghe:

- Mà còn muốn sống được nữa sao?

Đêm lại, Đồng uống thuốc xong, ngủ riêng một chỗ. Vừa chợp mắt, đã mộng cùng nàng giao hoan, tỉnh lại thì tinh khí đã tiết rồi. Vì thế, chàng càng sợ hãi, dời chỗ nằm vào tận tư thất, để vợ con thấp

đèn sáng, thay phiên canh giữ suốt đêm. Nhưng chàng vẫn mộng tỉnh như cũ, dòm lại thì nàng đã biến đâu mất.

Cách sau mấy bữa, Đồng thổ huyết hàng chén rồi chết.

Giữa hôm đó, Vương Cửu Tư đang ngồi trong nhà học, thấy một thiếu nữ đến, nhan sắc cực đẹp; Vương say mê, cùng nàng giao hoan. Đoạn, hỏi nàng ở đâu đến, nàng nói:

- Em là người lối xóm của Đồng Hà Tứ. Lúc trước va có tình âu yếm với em, không ngờ va bị con chồn tinh làm cho mê hoặc chết. Tội đó ma quái đáng sợ, con nhà thi lễ như cậu, phải trông gương đó mà giữ lấy mình.

Vương nghe nói càng phục, giấu nàng ở trong thư trai, đêm ngày ôm ấp say sưa.

Được mấy hôm, người cũng võ vàng gầy ốm trông thấy. Một đêm Vương nằm mộng thấy Đồng Sanh hiện hồn về nói:

- Anh ơi con nhỏ hôm rày, chính là con chồn tinh đó. Nó đã giết ta, lại giết bạn ta nữa. Ta đã đầu đơn kiện nó dưới âm ti để rửa hờn này mới chịu. Anh phải thắp hương ngoài cửa buồng 7 đêm, xin chớ có quên.

Vương tỉnh dậy, lấy làm kinh dị, bảo nàng rằng:

- Tôi bệnh quá, không khéo bỏ xác đến nơi. Cho nên có người khuyên tôi đừng lấy vợ.

Nàng nói:

- Mạng mình đáng thọ, chẳng lấy vợ cũng sống, mạng không thọ dù không lấy vợ cũng chết như thường.

Rồi nàng ngồi lên mình Vương cười đùa trêu giỡn, khiến Vương động tình không sao giữ được, lại cùng giao hoan. Nhưng xong việc, chàng đâm hối hận; có điều muốn dứt nàng mà không sao dứt được.

Tối đến, thắp hương cắm trên cửa buồng; nàng tới nhở hết và quăng đi.

Đêm đó, Vương nằm mộng thấy Đồng Sanh lại đến, trách sao không chịu nghe lời căn dặn.

Đêm hôm sau, Vương lên bảo người nhà đợi lúc nàng vô buồng ngủ rồi thì cứ việc thắp hương ngoài cửa. Nàng nằm trên giường, bỗng nhiên kinh hãi nói:

- Lại thắp hương phải không?

Wương chối là không hay biết gì cả. Nàng vùng dậy, nhổ hương bẻ nát, rồi trở vô nói với chàng:

- Ai xúi biểu cậu cách đó?

Wương đáp: Chắc hẳn người nhà lo tôi bệnh hoạn, cho nên nghe lời thầy cúng làm cách yểm trừ, thế thôi.

Nàng xuôi xị không vui.

Gia nhân dòm thấy hương tắt, lại đốt thứ mới. Bỗng nàng than thở:

- Quả phước nhà cậu còn lớn. Tôi lỡ hại Đồng Hà Tứ rồi chạy đến cậu, đó thiệt là lỗi tôi. Nay tôi sắp cùng va đối chất ở dưới âm ti, nếu cậu có lòng tốt, không quên tình xưa nghĩa cũ, thì xin cậu đừng làm hư cái “túi da” của tôi.

Nói đoạn, nàng riu riu từ trên giường bước xuống, ngã lăn dưới đất mà chết. Cầm đèn soi, thì là con chồn.

Wương sợ nó sống lại, bèn hỏi gọi gia nhân lột da treo lên. Từ hôm đó, chàng vẫn bệnh nặng, mộng thấy nàng về đàm đạo:

- Tôi thừa kiện ở pháp tào dưới âm, pháp tào xét tra Đồng quân thấy sắc mà mê, chết là đáng tội. Nhưng pháp tào trách tôi hay làm người mê hoặc, nên thấu mất kim đơn, lại cho hồi sinh. Vậy chớ “túi da” của tôi đâu?

Wương nói gia nhân không biết, nên đã lỡ hủy đi mất rồi. Nàng ngậm ngùi nói:

- Tôi giết người quá nhiều, nay mới chết kể cũng hơi muộn. Nhưng cậu thiệt nhẫn tâm lắm thay!

Đoạn, nàng hậm hực ra đi.

Wương bệnh suýt chết, điều trị nửa năm mới lành.

*

35. GƯƠNG SÁNG ANH EM

(Truyện Trương Thành, quyển II)

*Vô rùng kiếm củi giúp cho anh
Nguy hiểm gian nan xá kể mình
Chẳng có trời xin cho cạp bắt
Lấy đâu sum hiệp một gia đình?*

Họ Trương ở đất Dự, nguyên xưa là người Tề. Lúc đó, quân Tĩnh Nạn dấy lên đất Tề đại loạn, bà vợ bị quân lính bắt đi đâu mất, không rõ. Ngày thường, Trương hay lui tới đất Dự, cho nên cất nhà ở đây, rồi lấy vợ là người sở tại, sanh ra đứa con trai tên là Nột. Không bao lâu, người vợ ấy chết. Trương lập kế thất, cũng sanh được một con trai đặt tên là Thành.

Bà vợ kế này, họ Ngưu, tánh cực hung dữ, thường ghét bỏ Nột, coi như đầy tớ, mỗi bữa cho ăn cơm thừa canh cặn. Lại bắt đi kiếm củi. Mỗi ngày bắt buộc phải có một gánh củi đem về, không thì mắng chửi đánh đập thậm tệ. Trong khi đó, mẹ ngầm cho Thành (con ruột) ăn những đồ ngon vật lạ, và cho đi học sung sướng.

Lần hồi Thành lớn có tánh hiếu hữu, không nỡ thấy anh vất vả đói khát, thường thăm thì khuyên can mẹ, nhưng mẹ không thềm nghe.

Một hôm Nột vào núi đốn củi chưa xong, thì trời mưa to gió lớn, phải tìm chỗ ẩn núp. Tới chừng tạnh mưa, thì trời đã xế, bụng đói như cào đành ôm củi ra về.

Mẹ kế xem thấy củi ít, nổi giận tam bành, không cho ăn cơm. Nột bị lửa đói thiêu lòng cũng phải vô nhà nằm nhòai chịu trận.

Thành đi học về, trông thấy anh xuôi xị, hỏi có phải bệnh sốt chẳng? Nột trả lời: “Không bệnh gì cả, chỉ đói bụng thôi!” Thành lại hỏi nguyên do: Nột kể đầu đuôi sự tình cho Thành nghe.

Mặt buồn rười rượi, Thành bỏ đi, một lúc trở lại, móc túi lấy bánh ra cho anh ăn. Anh hỏi:

- Bánh lấy ở đâu ra thế này?

- Em lấy trộm bột nhà, đưa nhờ bà hàng xóm làm bánh hộ. Anh cứ việc ăn đi, chớ nói gì cả.

Nột ăn xong, căn dặn em:

- Lần sau em đừng làm vậy nữa nghe! Lộ chuyện thì rầy rà đến em. Vả lại, anh có ăn mỗi ngày một bữa cũng đủ, không đến nỗi chết mà lo!

- Tội nghiệp quá! Thành trả lời. Anh vốn yếu đuối, hằng ngày đốn củi nhiều sao được?

Ngày hôm sau, ăn uống xong xả, Thành lén vào núi, đến tận chỗ Nột kiếm củi. Nột kinh ngạc:

- Chết! Em lén mò lên đây làm chi?

- Đến kiếm củi giúp anh mà!

- Ai biểu em?

- Em tự đến, chứ không ai biểu.

- Chẳng những em không đốn củi được, dù cho có được cũng không nên. Vậy em về đi, mau!

Thành không nghe, dùng tay chân bẻ củi giúp anh, và nói:

- Để ngày mai, em giắt cây búa theo.

Nột đến gần em, thấy em đã trầy cả tay, rách cả giày, bỗng dậy lòng thương xót, kêu rầm lên:

- Mày không về ngay, thì tao lấy búa này chặt cổ tự tử lập tức.

Bấy giờ Thành mới chịu về. Nột đưa em tới nửa đường, mới trở vào núi.

Chiều gánh củi về. Nột ghé vào trường học, dặn thầy đồ:

- Em tôi còn bé, xin ông coi chừng hộ. Trong núi cạp thiêng beo dữ lắm.

Thầy đồ nói:

- Sáng nay nó trốn học, chả rõ là đi đâu. Ban nãy ta đã đánh đòn rồi.

Nột về nhà nói với Thành:

- Không nghe lời anh, bị thầy đồ cho ăn roi vọt rồi đó.

Thành cười và nói:

- Đâu có!

Sáng hôm sau, dắt búa trong mình, lại mò vào núi. Anh thất kinh:

- Đã bảo em phải ở nhà, sao còn lần mò vô đây?

Thành chẳng nói gì, cứ việc lấy búa ra chặt cây phác củi lia lịa, toát cả mồ hôi; nhắm chừng vừa đủ một ôm thì bỏ đó cho anh, lẳng lặng về, không nói năng chi hết.

Về trường học, lại bị thầy đồ mắng. Thành kể chuyện thiệt. Thầy nghe, than thở và khen là hiền, từ sau để mặc, không cấm đoán nữa. Nột giảng giải ngăn trở thế nào, mỗi bữa Thành cũng vô núi kiếm củi giúp anh, không thôi.

Một hôm, cả bọn mấy người đang cặm cũi chặt củi trong núi, bỗng có cọp dữ tiến đến. Ai nấy cả sợ nằm rạp xuống đất, đợi chết. Cọp vô Thành, tha đi. Vì cọp cống người, nên đi hơi chậm, bị Nột đuổi kịp, ra sức bổ một búa thật mạnh, trúng vào mông. Cọp đau quá, hoảng vụt chạy, thoảng đã mất tích không còn biết đâu mà rượt theo nữa.

Nột gào khóc lộn về, mọi người khuyên giải, lại càng khóc dữ hơn và nói:

- Trời ơi! Em tôi là con cưng của bà kế mẫu tôi, hưởng chi nó vì tôi mà chết thì tôi còn sống mà làm gì.

Nói đoạn tự cầm búa chặt cổ. Chúng bạn vội vàng cứu gỡ, thì búa bằm vào thịt chừng một tấc, máu tuôn như xối, gần chết. Ai nấy hãi hùng, xé buộc chặt vết thương và xúm đờ về nhà.

Kế mẫu vừa khóc vừa mắng:

- Mày giết chết con tao, lại còn làm bộ chặt cổ để che lỗi cho êm chuyện à?

Nột rên rĩ nói:

- Xin mẹ chớ phiền, em con chết, con nhất định không sống đâu!

Người ta đặt nằm trên giường, nhưng vết thương nhức nhối quá, Nột ngủ không được, ngày đêm chỉ ngồi dựa vách mà khóc.

Cha sợ chỉ còn mỗi một thằng con này lại chết nốt, cho nên thỉnh thoảng đút cơm cháo cho ăn. Nguu Thị trông thấy, mắng nhiếc cả ông chồng. Vì thế, Nột cố nhịn không ăn, ba ngày thì chết.

Trong làng, vốn có một ông thầy pháp, thường giao thiệp với ma quỷ dưới cõi âm. Hồn của Nột từ nhà ra đi, nửa đường gặp thầy, kể lẽ nỗi khổ, nhân dịp hỏi thăm có biết em mình ở chỗ nào không?

Thầy pháp trả lời không biết, rồi trở lại dẫn Nột đi tới một nơi đô hội, thấy người mũ đen, áo dài từ trong thành đi ra: Thầy pháp đón đường hỏi giùm cho Nột. Người ấy liền mở cái túi đeo bên mình, lấy quyển sổ ra dòm xem, thấy ghi tên nam phụ lão ấu trên trăm người, không có tên phạm nào họ Trương. Thầy pháp nghi ở quyển sổ khác mới có. Người mũ đen đáp:

- Con đường này thuộc về phần ta trông nom, sai sót làm sao được?

Nột không tin, cố kéo thầy pháp vô thành với mình. Trong thành, ma mới, ma cũ đi lại tấp nập cũng có ma quen nhưng thăm hỏi tin tức không ma nào biết.

Bỗng dưng, cả đám xông xao, cùng nói Bò Tát đến kia. Ngửa mặt lên không, trên dưới sáng trưng. Thầy pháp nói:

- Anh cả Nột có phước lớn thay! Phải biết mấy ngàn năm Bò Tát mới xuống âm ti một lần, cứu độ mọi điều phiền não. Nay anh vừa gặp, thật là may mắn!

Thầy nói và kéo Nột quỷ xuống. Chúng quỷ hồi hả quỷ theo, tay chấp, miệng tụng những tiếng từ bi cứu khổ, vang rền một vùng. Bò Tát cầm nhánh dương nhúng nước cam lộ, nhỏ li ti như hạt bụi ở trên mây rải xuống.

Giây lát hào quang biến đi, không thấy Bò Tát đâu nữa.

Nột thấy cổ mình nhờ cam lộ thấm nhuần, nơi có vết búa chém trọng thương, giờ hết cả đau đớn. Thầy pháp liền dẫn đường cùng về, tới khi trông xa thấy cổng làng, mới từ giã Nột đi nơi khác.

Chết đã hai ngày, Nột bỗng tỉnh dậy, thuật rõ đầu đuôi mình đã trông những gì, một hai nói Thành không chết. Kể mẫu cho là bịa chuyện, lại mắng chửi thêm. Nột nghĩ mình oan ức mà không làm sao tỏ được, rờ lên chỗ đau thì đã khỏi hẳn, lồm cồm trỗi dậy, lạy cha và nói:

- Bây giờ con xin đi, dù phải xuyên mây lội biển cũng tìm em con cho được mới nghe. Nếu không tìm thấy thì trọn đời con không trở về nhà này, xin cha xem con như đã chết rồi vậy.

Cha động lòng, dắt con ra chỗ vắng, khóc lóc từ biệt, chứ không dám lưu lại.

Nột lên đường đi.

Phàm qua làng xóm phố phường nào cũng tả hình dạng và dò hỏi tin tức. Giữa đường cạn lương, phải ăn xin.

Trót năm, đến Kim Lăng, áo rách tả tơi, lợm khòm trên đường. Chợt thấy một đoàn hơn chục người cỡi ngựa phăng phăng chạy đến, Nột vội vàng nép mình bên lề đường để tránh.

Nội đám, có một người, trông như quan lớn, chừng bốn mươi tuổi trở lại, mình cỡi ngựa đẹp, người hầu rần rộ trước sau; tới thiếu niên cỡi con ngựa nhỏ đi theo.

Thiếu niên nhìn Nột chăm chú. Nột thấy là quý công tử, không dám ngược mắt trông lên.

Tự dưng thiếu niên dừng ngựa nhảy xuống và gọi:

- Có phải anh tôi đó ư?

Bấy giờ Nột mới ngẩng đầu dòm kĩ, té ra là Thành, liền nắm tay em khóc hu hu. Thành cũng khóc hỏi:

- Cơ khổ! Sao anh trôi nổi, cho đến thân thể này?

Nột kể rõ sự tình, khiến Thành càng cảm động khóc thảm thương. Cả đoàn kỵ mã cùng xuống ngựa, hỏi rõ có sự rồi bầm lại trông quan.

Ông này sai nhường một con ngựa cho Nột cỡi, song song về đến nhà, mới gạn hỏi đầu đuôi.

Nguyên là lúc Thành bị cộp tha đi rồi nó đặt nằm ở bên đường hồi nào, chàng mê man chết, không biết gì cả. Chàng nằm ở đó suốt đêm.

Hôm sau, ông Thiên Hộ họ Trương từ kinh đô về, đi ngang chỗ đó, trông thấy Thành mặt mày vẫn vẻ, động lòng thương xót, biểu kẻ tùy vực lên cứu cấp.

Lần hồi chàng tỉnh dậy, kể rõ nhà cửa làng xóm, thì ra chỗ này đã xa quê quán biệt mù. Nhân đó, ông Thiên Hộ chở về nhà ông, lấy thuốc xức những vết thương, mấy bữa mới lành.

Thiên Hộ không có con, hiện nuôi Thành làm con.

Hồi nầy Nột gặp đoàn kị mã giữa đường, là hồi cha con Thiên Hộ đi du ngoạn vậy.

Thành thuật chuyện rõ ràng cho anh nghe; đang nói thì ông Thiên Hộ vào. Nột thiết tha cảm tạ không ngớt. Đoạn Thành vô nhà trong lấy bộ quần áo lụa đưa cho anh mặc, rồi sai dọn tiệc rượu tư tình anh em bấy lâu xa cách.

Ông Thiên Hộ hỏi chuyện Nột rất niềm nở:

- Nhà cậu ở Dục còn có được mấy người trai tráng?

- Thừa không có! Nột trả lời. Cha tôi lúc nhỏ vốn ở Tề, sau lưu lạc đến ở đất Dục.

Thiên Hộ sững sốt:

- Thế là cùng làng với tôi. Nhưng có gì phải di cư đến Dục, cậu có rõ không?

- Thừa, bà mẹ trước của tôi bị quân lính Tĩnh nạn bắt đem đi đâu mất chẳng rõ. Cha tôi, bị nạn binh hỏa, mất sạch cửa nhà của cải, nhân lúc trước, buôn bán ở Dục, đi về quen thuộc, cho nên ở đó luôn.

Thiên Hộ lại càng kinh ngạc, hỏi tên thân phụ của Nột là gì. Nột nói rồi, Thiên Hộ sững sốt ngó trân, nhưng trong ý còn có chỗ ngờ vực, lật đặt chạy vô nhà trong.

Một lát, thái phu nhân bước ra. Anh em cùng đứng dậy chào. Bà cụ hỏi Nột:

- Mi có phải cháu nội Trương Bính đó ư?

- Bầm cụ phải!

Bấy giờ bà cụ khóc rống, trở vào Nột và nói với Thiên Hộ:

- Thằng này là em con đó.

Anh em Nột ngỡ ngác, chưa hiểu ra sao. Bà cụ nói tiếp:

- Hồi đó ta làm bạn với cha mi được ba năm thì bị giặc bắt, lưu lạc lên bắc phương, tấm thân phải thuộc một vị chỉ huy nọ. Vừa được nửa năm thì sinh được thằng anh mi đây (trở vào Thiên Hộ, vì bà cụ đã có mang với chồng cũ được ba tháng thì giặc bắt). Cách nửa năm sau, vị chỉ huy ấy qua đời, anh mi lấy phụ âm mà được làm chức quan này, nhưng bây giờ nó đã thôi rồi. Bấy lâu, nó vẫn tưởng nhớ quê hương, chẳng có giây phút nào nguôi, nên chỉ nó mới xin đổi sổ bộ, lại lấy họ Trương. Ngày thường vẫn sai người đến Tề dò la, nhưng không tìm thấy tăm tích gì té ra cha mi đã thiên về ở Dự, nào có ngờ đâu?

Rồi bà cụ biểu Thiên Hộ:

- Con nuôi em làm con, phải tội với trời đến chết!

Thiên Hộ nói:

- Lúc trước con hỏi em Thành, nhưng em Thành chưa từng nói là người Tề khi nào, có lẽ tại em bé bỏng không nhớ đó thôi.

Rồi anh em lấy tuổi xấp lại thứ tự: Thiên Hộ 41 tuổi là anh trưởng, Thành 16 là em út; Nột 20 tuổi, khi trước còn ở nhà thì là anh cả, giờ thành ra anh giữa.

Thiên Hộ gặp được hai em, hết sức vui vẻ, ăn nằm quán quýt lấy nhau. Lại lo thu xếp mọi việc làm ăn, tính dọn cả quê quán. Nhưng bà cụ e về không được ông cụ bao dung thì sao? Thiên Hộ nói:

- Cha con bao dung được thì cả nhà ở chung, nếu không thì ở riêng có lí đâu con biết cha còn sống ở quê quán mà lại chẳng về sum hiệp. Thiên hạ có cái nước nào không cha bao giờ.

Vậy rồi, Thiên Hộ bán tất nhà cửa ruộng đất ở đây, thu xếp hành trang, liền ngày hôm ấy lên đường về Dự.

Về đến nơi, Nột với Thành học tốc về nhà trước, để nói cho cha hay.

Ông cụ, từ ngày Nột bỏ nhà ra đi, kể đến Ngưu Thị cũng chết thành ra trơ trọi thân già, sớm tối chỉ có hình bạn với bóng.

Nay thấy Nột về, mừng quýnh, lại trông thấy Thành nữa, nỗi mừng chứa chan khôn tả, đến nỗi ông chỉ chan hòa nước mắt, chẳng nói được câu gì. Anh em Nột, Thành lại báo tin mẹ con Thiên Hộ đến, khiến ông ngạc nhiên, đã không thể tỏ cách nào là mừng cũng không thể tỏ cách nào là bi, ông chỉ đứng ngẩn người ra đó.

Thiên Hộ bước vô, chạy lạy cha rồi, cụ vô nắm lấy tay ông cụ, nhìn nhau mà khóc.

Trong khi đó tôi trai tứ gái, đoàn lũ kéo vào, chập ních nhà trong nhà ngoài, rất đông đứng ngồi cũng không chỗ. Thành không thấy mẹ, hỏi ra mới biết rằng mẹ đã chết, khóc quá đứt hơi, lúc lâu mới tỉnh.

Thiên Hộ xuất tiền xây dựng lầu đài, rước thầy về dạy hai em học. Lúc đó, người rợn trong nhà ngựa nuôi đầy chuồng, rõ ràng là một đại gia vậy!

36. NỤ CƯỜI SẮT NHÂN

(Truyện Anh Ninh, quyển II)

*Mơn hoa cười nụ sắc nghiêng thành,
Tình quá sâu rồi, lại chẳng tình.
Tánh khí thiên nhiên như thế đó,
Ngây thơ âu cũng tự trời sinh.*

Vương Tử Phục người ở La Điểm thuộc về đất Cử, sớm mồ côi cha, trí rất thông sáng, hồi 14 tuổi đã vô học trường quận; bà mẹ cực yêu chuộng, không có chuyện chi quan hệ, không cho con ra tới ngoài đồng ruộng.

Chàng đã dạm hỏi con gái họ Tiên làm vợ nhưng chưa kịp cưới thì nàng chết yếu, cho nên hiện giờ vẫn kén vợ mà chưa xong đám nào.

Gặp tiết Thượng Nguyên, có người con ông chú ruột tên là Ngô Sanh, đến mời chàng cùng đi ngoạn cảnh chơi. Vừa ra khỏi đầu xóm, thì bên nhà ông cụ sai người ở đến kêu Ngô Sanh về.

Chàng thấy con gái lũ lượt đi chơi đông đảo như kiến, liền hứng chí thả rong một mình. Trong đám có một thiếu nữ, dắt con hầu theo, tay cầm một nhánh bông mai, nhan sắc tuyệt đẹp, cười nói dễ thương. Chàng nhìn không chớp mắt, đến nỗi quên cả sợ sùng sùng.

Thiếu nữ đi qua mặt mấy bước ngoảnh lại nói với con hầu:

- Thằng cha gì đôi mắt trừng trừng như kẻ cướp!

Nói đoạn liệng nhánh bông xuống đất, cười giỡn rồi đi thẳng.

Chàng nhặt lấy nhánh bông, ngơ ngẩn cả người, thần hồn ngây ngất, buồn rười đi về.

Về nhà, giấu nhánh bông dưới gối, vật mình nằm ngủ, không nói mà cũng không ăn. Bà mẹ lo quá, lập đàn cúng lễ đủ thứ, nhưng da thịt chàng ngày một thấy sút. Thầy lang đến bắt mạch cho thuốc, chàng uống vào lại li bì mê sảng. Bà vỗ về gạn hỏi nguồn cơn, chàng làm thinh không nói.

Vừa lúc Ngô Sanh đến chơi, bà dặn dò tra hỏi giùm.

Ngô tới bên giường, chàng trông thấy vùng sa nước mắt. Ngô ngồi cạnh an ủi, dần dà hỏi đến nguyên do. Chàng kể chuyện thiệt, và nhờ mưu tính họ.

Ngô đáp:

- Nếu vậy thì chú ngây thơ quá, chuyện ấy có gì khó khăn mà lo chẳng được toại nguyện? Để anh dò xét giùm cho. Con gái mà đi bộ ngoài đường như thế, tất không phải con nhà quý phái. Ví bằng nó chưa có chồng, thì việc nhất định là xong rồi. Chẳng vậy thì ta quăng tiền của đút lót cho nhiều tất là thành sự. Nhưng bề nào chú cũng phải lạnh mặt trước đã, thành sự trông cậy vào anh đây, chớ lo.

Chàng nghe vui lòng khoái ý.

Ngô ra nói chuyện với mẹ chàng, rồi về dò hỏi dáng dấp và nhà cửa thiếu nữ, nhưng dò hỏi khắp nơi, không mò ra tung tích ở đâu cả.

Bà mẹ chàng cả lo, không biết tính kế ra sao. Được điều từ khi Ngô hứa hẹn về sau, chàng vui vẻ ăn uống, mạnh lần.

Mấy ngày nữa, Ngô lại đến. Chàng hỏi việc đã mưu tính thế nào? Ngô tìm lời nói gạt cho êm chuyện:

- Ô! Tìm ra được rồi, chú ạ! Anh cứ tưởng là ai xa lạ kia, té ra là con của bà cô anh đây, đối với chú là em đôi con dì mà. Nó chưa có ai dám hỏi. Tuy có chỗ hiềm là bà con thân thích, nhưng ta cứ nói thiệt tình, không có lí nào không êm.

Chàng vui mừng nở nang mày mặt, hỏi nhà ở làng xóm nào. Ngô nói dối là trong xóm núi tây nam, cách đây chừng ba mươi dặm. Chàng lại căn dặn đôi ba phen, nhờ Ngô đánh tiếng hộ. Ngô xin nhận lời và từ biệt ra đi.

Từ hôm đó, chàng ăn uống mỗi ngày khá hơn, dần dà lành mạnh như cũ. Bấy giờ lật dưới gối lấy nhánh bông ra xem, bông tuy khô queo nhưng chưa rời rụng; tay sờ nhánh bông, trong trí tơ tưởng, như là được trông ai ở trước mặt. Song lấy làm lạ sao đã lâu ngày mà Ngô vẫn biệt dạng không đến, liền viết thư mời.

Ngô tìm có thời thác không tới. Chàng phát giận, búi ngủi chẳng vui. Bà mẹ sợ con đau ốm trở lại, mau mau tìm chỗ dạm vợ cho chàng. Nhưng mỗi khi bàn tính đến chuyện đó, chàng đều lắc đầu. Chàng càng thêm giận, nhưng nghĩ ba mươi dặm đường đất, chẳng phải xa xôi gì, mình tự đi tìm lấy, hà tất trông cậy vào ai làm chi. Thế rồi lặn nhánh bông mai vào trong tay áo, hần học ra đi; người nhà không ai hay biết gì cả.

Một mình lữg thững, không biết ai mà hỏi thăm đường lối, cứ việc nhắm thẳng Nam San đi tới, chừng hơn ba chục dặm, đến chỗ núi non trùng điệp, cây cối um tùm, vắng vẻ không có bóng người qua lại, chỉ có một vệt đường hiểm hóc, biệt mù. Nhìn xa vào thung lũng, giữa đám hoa rừng cây khóm, lơ mờ có một xóm làng nho nhỏ.

Chàng xuống núi đi vô xóm đó, thấy nhà cửa lơ thơ, đều là nhà tranh, nhưng xem chừng rất sạch sẽ. Một nhà hướng bắc, ngoài ngõ, liễu mọc xanh dờn, trong tường, đào hạnh tốt tươi, lơ thơ khóm trúc, chim rừng bay lượn ríu rít. Chàng nghĩ đó là vườn người, cho nên không dám sấn sổ bước vô. Ngoảnh lại đối cửa, có tấm đá lớn vừa phẳng vừa láng, chàng bèn tới đó ngồi nghỉ chân.

Một lát, nghe bên trong tường có tiếng con gái kêu gọi Tiểu Vinh; tiếng nghe du dương bé nhỏ. Đang lóng tai nghe, thì một thiếu nữ đi từ phía đông tới phía tây, tay cầm một đóa bông hạnh,

vừa đi vừa cúi đầu gài lên mái tóc. Bỗng nàng ngẩng mắt lên trông thấy chàng, thôi không gài bông trên đầu nữa, cầm bông mỉm cười đi vô.

Chàng nhìn kĩ, chính là người con gái mình đã gặp hôm lễ Thượng Nguyên, trong lòng vui mừng khắp khởi, nhưng nghĩ không có cách nào làm quen; ý muốn kêu gọi nàng là em, xong thuở nay chưa từng lui tới biết mặt biết tên bao giờ, cứ ngần ngại e ngại.

Mà bên trong cổng, cũng chẳng có ai cho mình có thể hỏi thăm, thành ra chàng ngồi tần ngần trên hòn đá, suốt từ sớm mai cho tới xế chiều, chỉ những tập tễnh dòm nom vào trong, đến nỗi quên cả đói khát. Chốc lát lại thấy người con gái hé mặt dòm ra bên ngoài, dường như lấy làm lạ sao anh chàng kia ngồi mãi chưa đi.

Bỗng, một bà cụ chống gậy bước ra, nhìn mặt chàng và nói:

- Cậu này ở đâu tới đây? Nghe nói đến từ giờ thìn mà ngồi lì mãi tới bây giờ, trong ý muốn điều chi, không lẽ chẳng đói bụng ư?

Chàng vội vàng đứng dậy chào và đáp:

- Thưa cụ, cháu đến đây có ý muốn tìm thăm người bà con.

Bà cụ tai điếc không nghe gì hết.

Chàng phải nói lớn, bà cụ mới hiểu, hỏi lại:

- Người bà con của cậu tên họ gì?

Chàng nghẹn cổ không trả lời được. Bà cụ phì cười:

- Lạ thay! Tên họ còn không biết thì biết bà con nào mà viếng thăm chứ? Lão xem dáng mặt cậu, cũng là một anh học trò ngây thơ đó thôi. Chi bằng đi theo lão vô trong nhà, bảo bày trẻ dọn cơm qua quýt mà ăn cho đỡ đói bụng; trong nhà cũng có giường chõng nằm được, cho cậu ngủ tạm đêm nay, qua ngày mai trở về hỏi rõ tên họ người bà con, rồi sẽ đáo lại thăm viếng cũng không muộn gì mà.

Chàng đang lúc đói bụng thèm ăn, lại có thể nhân cơ hội được gần gũi nhân, cho nên trong bụng mừng rỡ, theo chân bà cụ vô nhà. Bên trong cổng lớn trở vô, đường đi lót đá trắng, hai bên hoa hường đua nở cánh hoa rụng đầy trên vỉa hè. Đi quanh co sang phía tây,

lại qua một cổng nữa, chậu hoa vàng đậu đầy sân. Bà cụ mời khách vô nhà, vách tường trắng bóng như gương soi, phía ngoài cửa sổ có những nhánh hải đường vươn mình vô tận trong phòng, các thứ giường chiếu ghế bàn trông đều sạch sẽ bóng bẩy.

Chàng vừa ngồi xong liền có ai đứng ngoài cửa sổ thấp thoáng dòm vô.

Bà cụ gọi Tiểu Vinh mau mau dọn cơm, bên ngoài có tiếng con hầu ứng thính vâng dạ. Sau khi ngồi yên vị, chàng tự giới thiệu họ tên. Bà cụ hỏi:

- Bà ngoại của cậu họ Ngô phải không?

- Thưa cụ, phải.

Bà cụ sừng sốt và nói:

- Thế thì cậu là cháu ta đó. Má của cháu là em ruột ta. Mấy năm vì cảnh nhà nghèo khó, lại hiếm hoi chẳng có con trai, thành ra tin tức cách tuyệt. Cháu đã trưởng thành đến thế, mà dì không hay chớ.

Chàng nói:

- Thưa, cháu lần mò đến đây là cốt tìm thăm dì. Ban nãy lính quýnh đến nỗi quên bằng tên họ đi.

Bà cụ tiếp:

- Dì họ Tần, không từng sanh đẻ, nay còn đưa con gái, cũng là con vợ bé của dưỡng cháu sinh ra. Dưỡng cháu mất rồi, thì má nó đi lấy chồng, để con nhỏ lại cho dì nuôi. Nó cũng không đàn độn chi, nhưng kém giáo huấn, suốt ngày cười cợt, chẳng biết buồn bã là gì. Để lát nữa, dì gọi nó ra chào hỏi, cho anh em biết nhau.

Không bao lâu, con hầu bung cơm ra, con gà vừa bằng nắm tay. Bà cụ ngồi khuyên nhủ chàng ăn uống có vẻ ân cần. Chừng con hầu thu dọn mâm bát xong, bà cụ bảo:

- Mi kêu cô Ninh ra đây.

Con hầu vâng lời đi ngay.

Giây lâu, nghe ngoài cửa có tiếng cười khúc khích, bà cụ kêu tên:

- Anh Ninh ơi! Người con đôi con dì với mi đây nè, vô chào anh đi con!

Ngoài cửa vẫn khúc khích cười hoài không thôi. Con hầu đẩy vô trong nhà, nàng còm bụm miệng cười. Bà cụ trừng mắt, nói:

- Có khách ngồi đó, mà hi hi ha ha, cười lấy cười để, còn ra về gì chớ?

Bấy giờ nàng cố nhin cười đứng lặng, chàng vái chào rồi, bà cụ nói:

- Chàng đây là Vương Lang, con bà dì của mày đó. Anh em một nhà mà không nhìn biết nhau, thế mới tức cười.

Chàng hỏi thăm cô em năm nay bao nhiêu tuổi, nhưng bà cụ điếc lác chưa nghe hiểu, chàng phải nhắc lại câu hỏi, khiến nàng lại phá ra cười sặc sụa, không nghẽn mặt lên. Bà cụ bảo chàng:

- Ta đã nói rằng nó kém giáo huấn, cháu cứ xem nó mà biết. Năm nay đã mười sáu tuổi đầu, mà còn ngây thơ như đứa bé con.

Chàng nói:

- Nếu vậy thì em đây kém cháu một tuổi.

- Nghĩa là cháu năm nay mười bảy tuổi, có phải canh Ngọ là tuổi ngựa không nhỉ?

Chàng gật đầu. Bà cụ hỏi luôn:

- Vợ cháu là con nhà ai?

Chàng đáp chưa có vợ, bà cụ nói:

- Tài mạo như cháu có sao mười bảy tuổi còn chưa lấy vợ ư? Con Anh Ninh cũng chưa có chồng; hai đảng thật xứng đôi phải lứa, chỉ hiềm vì bà con thân thích với nhau.

Chàng làm thinh không nói gì, đôi mắt dán vào Anh Ninh không chớp. Con hầu ghé tai nàng nói nhỏ:

- Cô xem cặp mắt trợn trừng, vẫn như kẻ cướp, không đổi.

Nàng vùng cười lớn, ngoảnh lại bảo con hầu:

- Mi ra coi bông bích đào đã nở hay chưa?

Đoạn, nàng đứng lên lấy tay áo che miệng rồi nhẹ nhàng gót sen đi ra. Khởi cửa, tiếng cười nổ như pháo. Bà cụ cũng đứng dậy, gọi con hầu đem chăn gối sửa soạn chỗ nằm cho chàng, và nói:

- Cháu đã lần được tới chốn này không phải chuyện dễ, vậy nên ở lại chơi năm ba bữa, thông thả dì sẽ đưa cháu về. Nếu có buồn cảnh vắng vẻ, thì sau nhà có khu vườn nhỏ, có thể tiêu khiển. Trong nhà lại sẵn có sách vở, đọc cho đỡ buồn.

Ngày hôm sau, chàng ra phía sau nhà, quả thấy cái vườn độ nửa mẫu đất, cỏ non trái thảm hoa dương lót đường. Giữa vườn có ba gian nhà lá, hoa cỏ bao bọc chung quanh. Chàng rẽ hoa đi dạo chung quanh vườn, bỗng nghe trên cây có tiếng khúc khích, ngẩng mặt lên xem, thì ra Anh Ninh ở trên.

Nàng trông thấy chàng, cười ngất muốn té. Chàng nói:

- Coi chừng, kéo mà té đó!

Nàng vừa leo xuống vừa cười giòn, khi gần tới đất thì vọt tay ngã quỵ, bấy giờ mới hết cười. Chàng nâng đỡ dậy, lén khều bắp tay của nàng, khiến nàng lại phá lên cười, đến nỗi phải đứng dựa vào cây, không đi được. Cười một lúc lâu mới chịu nín. Chàng đợi cho nàng hết cười, mới lấy nhánh bông khô giấy trong tay áo, đưa ra cho nàng xem. Nàng đón lấy và nói:

- Khô queo rồi, còn giữ làm gì?

- Đó là nhánh bông của em liệng bỏ hôm lễ Thượng Nguyên, cho nên anh giữ lại đó.

- Giữ lại có ý chi?

- Để tỏ lòng thương yêu không quên. Từ hôm Thượng Nguyên, được trông thấy em rồi, anh vợ vẫn tương tư mà phát bệnh nặng, tưởng phải chết rồi, không ngờ hôm nay, được gặp nhau tại đây, xin em thương tình anh với.

- Đó là một chuyện rất nhỏ. Đã họ hàng bà con thì có tiếc gì nhau. Trong vườn vô số thức hoa, đợi bữa nào anh ra về, em sẽ gọi lão coi vườn bẻ một ôm thật lớn, mang theo tiễn anh, lo gì?

- Em ngâm thơ hay sao chứ?

- Thế nào là ngây thơ, hả anh?

- Anh không phải yêu hoa, chỉ yêu người cầm hoa mà thôi.

- Chúng ta họ hàng bà con với nhau, cái tình yêu nhau là sự cố nhiên, cần gì phải nói.

- Không phải thế. Anh nói rằng yêu nhau, không phải là tình yêu họ hàng, mà là tình yêu vợ chồng kia.

- Ủa, nó khác nhau ở chỗ nào?

- Khác nhau ở chỗ bạn bên cùng chung chăn gối đó mà!

Nàng cúi đầu suy nghĩ giây lâu rồi nói:

- Em không quen ngủ chung với người lạ...

Câu nói chưa dứt thì con hầu lén đến; chàng hoảng hốt lánh đi chỗ khác.

Một lát sau hợp mặt nhà bà cụ. Bà hỏi: vừa mới đi đâu. Nàng đáp rằng nói chuyện với Vương huynh ở sau vườn. Bà cụ nói:

- Cơm chín đã lâu, có chuyện gì nói lắm thế?

Nàng thưa:

- Đại ca đòi ngủ chung với con...

Nàng nói chưa hết câu khiến chàng luống cuống vội vàng đưa mắt ra hiệu, nàng mỉm cười không nói tiếp nữa. Cũng may bà cụ điếc, chưa nghe ra, nhưng cụ cố hỏi đi hỏi lại; chàng phải lật đật nói qua chuyện khác để che lấp đi. Nhân dịp, rí tai trách nàng. Nàng nói:

- Câu chuyện vừa rồi, chẳng nên nói ra ư?

- Phải, đó là chuyện nói lén người ta.

- Thì nói lén ai, há nói lén mẹ già mình sao? Vả lại, chuyện ăn ngủ với nhau cũng là chuyện thường, can chi phải giấu?

Chàng bức tức nàng ngây ngô, nhưng nghĩ không có cách gì làm cho nàng hiểu ý.

Vừa ăn cơm xong, thì người nhà chàng dắt hai con lừa đến tìm.

Số là bà mẹ đợi chàng lâu lắm không thấy về, bấy giờ mới sanh nghi sai đi tìm kiếm hầu khắp xóm làng, không ra tung tích, bèn tìm đến ở nhà Ngô Sanh.

Ngô nhớ lại câu nói hôm trước, nên bảo gia nhân cứ đi vào núi tây nam mà tìm. Gia nhân lặn lội mấy xóm, mới tới chỗ này, vừa lúc chàng ra cửa bắt gặp.

Chàng vô nói với bà cụ, nhân tiện xin phép cho Anh Ninh cùng về. Bà mừng nói:

- Ta có ý muốn đó, không phải là mới từ đầu hôm sớm mai. Chỉ tiếc rằng ta già yếu, đi xa không được, nay cháu dẫn con em về theo để nhìn nhận bà con với dì nó, chính là việc này.

Rồi bà kêu Anh Ninh.

Anh Ninh vừa đi vừa cười rĩ, bà cụ nói:

- Con nhỏ này có chuyện gì vui mừng thì cười mãi không thôi. Nếu đừng có tặc hay cười, thì làm người hoàn toàn được đó.

Bà lườm nàng với sắc giận lại nói:

- Đại ca muốn dẫn mi về bên nhà, vậy mi sửa soạn hành lí đi.

Bà lại sai dọn cơm rượu thết gia nhân chàng rồi mới cho đi. Khi lên đường, bà dặn dò Anh Ninh:

- Nhà dì mi bên đó ruộng nương khá giả, có thể nuôi được người ăn không ngồi rồi. Vậy mi ở bên đó luôn, đừng về. Ráng học chút ít thi lễ, hòng mai sau biết đạo thờ cha mẹ chồng. Sẵn dịp, ta cậy dì kiếm cho mi một người chồng luôn thể.

Hai người ra đi, tới sườn núi, ngảnh lại còn thấy thấp thoáng bà cụ đứng dựa bên cổng, xa trông về hướng bắc.

Tới nhà, mẹ chàng thấy dẫn theo một cô gái đẹp quá, sững sốt hỏi là ai. Chàng đáp là con gái của dì. Mẹ nói:

- Bữa trước, Ngô Lang nói với con, là chuyện nói gạt đây. Mẹ có chị em nào đâu mà có cháu?

Hỏi nàng thì nàng nói:

- Tôi không phải con ruột của bà cụ đâu. Cha tôi họ Tần, lúc người qua đời, tôi hãy còn bé, nên không nhớ được chuyện cũ ra sao?

Mẹ chàng nói:

- Ta có một người chị, lấy chồng họ Tần thì đúng, nhưng bà chết đã lâu, nay còn đâu nữa?

Lại hỏi rõ từ nốt ruồi trên mặt, thì nhứt nhứt phù hạp, nhưng vẫn nghi ngờ!

- Nói vậy thì đúng là bà rồi, có điều bà qua đời lâu năm, đâu còn sống đến ngày nay.

Đang lúc bỡ ngỡ, thì Ngô Lang đến. Anh Ninh tránh vô nhà trong. Ngô Lang rõ nguồn cơn, ngơ ngác giây lâu, bỗng nói:

- Người con gái đó tên là Anh Ninh, phải không?

Chàng nói chính phải, Ngô kêu rú lên:

- Thế này thì quái lạ thật?

- Nhưng tại sao anh biết tên nàng?

- Nguyên lúc bà cô tôi qua đời rồi, thì dưỡng Tần ở góa, bị chồn tinh cảm dỗ quấy nhiễu, ốm đau, tiêu mòn mà chết. Con chồn ấy sinh hạ được một đứa con gái, đặt tên là Anh Ninh, quần tã đặt nằm trên giường, người nhà đều trông thấy. Dưỡng Tần mất rồi, thỉnh thoảng con chồn vẫn hiện về, sau phải cầu Trương thiên sư cho lá bùa dán trên vách, bấy giờ chồn mới chịu ẵm con gái đi. Có lẽ chính là Anh Ninh chứ gì?

Mẹ con cô cháu bàn tán, nửa tin nửa ngờ: nghe trong nhà có tiếng cười khúc khích, đều là tiếng cười của Anh Ninh. Bà mẹ chàng nói:

- Con nhỏ này khật khùng hay sao chứ?

Ngô muốn trông thấy tận mặt. Bà vô nhà trong, nàng còn mãi cười không ngó tới. Bà hồi ra nhà ngoài, nàng mới ráng sức nhin cười, lại xây mặt vô vách giấy lát, mới chịu đi ra. Khi ra chỉ vái chào một tiếng vội vàng quay mình trở vô, cất tiếng cười lớn. Đàn bà nội nhà thấy vậy đều tức cười theo.

Ngô tự nguyện đi đến tận nơi, dò xem sự lạ thế nào, sẽ xin đứng ra làm mối. Tìm đến xóm làng ấy, thì chẳng thấy cửa nhà nào cả, chỉ

có bông rừng cỏ núi bát ngát mà thôi. Ngô nhớ lại nơi chôn cất bà cô mình, phương phát không xa, nhưng nắm mộ đã bằng phẳng mất tích hồi nào, không thể nhìn nhận được nữa, đành than thở ra về.

Mẹ Vương Sinh ngờ Anh Ninh là ma, kể chuyện Ngô vừa đi tìm nhà không thấy cho chàng nghe, nàng chẳng có vẻ gì kinh hãi, bi thương, chỉ ha ha cười mãi.

Mọi người không đoán ra thế nào.

Mẹ cho nằm chung với người con gái út, tảng sáng thức dậy, liền đến hầu hạ thăm hỏi. Thêu thùa may vá thật khéo. Duy có tật hay cười, ngăn cấm thế nào cũng chẳng được. Nhưng vẻ cười dễ thương, cười như điên khùng mà không mất cái vẻ tươi đẹp thành ra ai cũng ưa. Đàn bà con gái lối xóm đua nhau làm quen với nàng.

Bà mẹ chọn ngày lành sửa soạn làm hôn lễ, nhưng vẫn còn sợ nàng là ma, lén dòm nàng lúc ra bóng mặt trời, thấy hình ảnh chẳng khác người thường chút nào.

Tới ngày, bà sai mặc áo cưới để làm lễ cô dâu mới, nàng cười quá thể, không sao đứng lên quì xuống được, phải bãi lễ ấy đi.

Thành hôn rồi, chàng thấy vợ quá si ngây, chỉ lo nàng nói tuột cả những chuyện kín ở phòng ra. Nhưng may nàng giữ kín đáo, không thốt ra nửa lời.

Mỗi khi mẹ lo rầu việc gì, nàng tới, chỉ một nụ cười là êm ngay. Tôi tớ có làm lỗi, chỉ lo bị đòn, cầu nàng nói với mẹ, đưa có tội thường khỏi bị trách.

Nàng có tật thích hoa, tìm kiếm khắp trong họ ngoài làng, không ngần ngại, lén lút cầm thế cây trâm vàng cài đầu, mua cho được giống cây quý hoa lạ. Vài tháng, đầu hè sau bếp, chỗ nào cũng đầy những hoa là hoa.

Phía sau có giàn hoa mộc hương, giáp ranh với nhà hàng xóm mé tây, nàng thường leo lên hái hoa chơi. Có khi bà mẹ trông thấy quả mắng, nàng vẫn chứng nào tật ấy, không bỏ.

Một bữa, người con nhà xóm tây trông thấy nàng đang hái hoa, đứng nhìn đăm đăm, có vẻ thèm muốn. Nàng không trốn tránh, mà lại còn cười. Cậu nọ tưởng nàng thuận tình, trong bụng càng thèm muốn

gắt. Nàng trỏ dưới chân tường, mỉm cười leo xuống. Cậu yên trí là nàng bảo chỗ hẹn hò, mừng quá, trời tối, mò đến, quả có nàng chờ đó. Cậu ôm ghì lấy giao hoan, thì hạ bộ như bị dùi đâm, đau buốt tới gan ruột, hét lên và ngã lăn nghiêng. Nhìn kĩ, không phải nàng mà chỉ là một khúc cây khô bên tường, nơi giao tiếp tức là cái hốc cây.

Cha cậu nghe tiếng kêu la, vội vàng chạy ra gạn hỏi. Cậu rên rĩ không nói gì. Chờng vợ đến, mới chịu nói thiệt. Cầm đèn rọi vào gốc cây, thấy ở trong có con bò cạp lớn. Hai càng như càng cua. Ông đập bẻ khúc cây, bắt giết đi, rồi cống con về nhà. Đến nửa đêm con chết. Vì thế ông đi kiện chàng, tố giác việc Anh Ninh yêu quái.

Quan huyện vốn trọng chàng có tài và biết chàng là người học trò nết na, xử ông hàng xóm vu vạ, toan nọc ra đánh. Chàng phải xin giùm quan mới tha cho về.

Nhân chuyện này bà mẹ bảo nàng:

- Con cứ ngông ngáo vậy hoài, ta đã sớm liệu từ trước là có chuyện mừng quá hóa lo rồi. Cũng may được quan huyện này sáng suốt, nên chồng con không bị liên lụy. Phải chi quan lôi thôi, tất đã bắt con tới công đường xét hỏi, thì phỏng chồng con còn mặt mũi nào trông thấy họ hàng làng xóm nữa không?

Nàng nghiêm sắc mặt, xin thề từ nay trở đi không cười nữa. Bà mẹ nói:

- Phàm con người ta ai chẳng phải cười, nhưng nên giữ gìn có lúc mới hay.

Nhưng, quả nhiên nàng giữ lời thề, từ đó về sau không cười nữa. Dù có chuyện đáng cười nàng cũng không cười bao giờ. Duy có nét mặt suốt ngày rầu rĩ. Một đêm, ngồi trước mặt chàng, bỗng sa nước mắt. Chàng lấy làm lạ, hỏi có tại sao.

Nàng tấm tức tấm tưởi nói:

- Độ trước, tôi nghĩ vợ chồng lấy nhau chưa được mấy lúc, sợ nói ra, khiến mình sợ hãi. Nay xét ra mẹ với mình, đều có lòng thương yêu tôi, vậy tôi xin nói thiệt, chắc cũng không sao. Tôi vốn là con của chồn tinh đẻ ra, mẹ ruột tôi bỏ đi giao tôi cho bà quý mẫu nuôi giùm.

Tới nương nhờ bà hơn mười năm, mới có ngày nay. Tôi lại trở lại không có anh trên em dưới nào hết, sở cậy chỉ duy có mình. Nhớ lại nắm xương của bà lão mẫu chôn vùi ở núi non thanh vắng, không có ai thương đến mà nhật về hiệp táng bên cạnh mồ mả chồng bà, hồn dưới chín suối không khỏi đau xót. Nếu như mình không tiếc phiền chí, để cho người nằm dưới đất kia tiêu được nỗi oán hờn, mà đưa con gái nuôi này được tỏ lòng không phải bội bạc, như vậy thì quý hóa biết bao!

Chàng nhận lời ngay. Nhưng lại sợ mồ mả lẫn lộn trong đám cỏ hoang, khó nổi nhìn nhận. Nàng nói đã có mình biết chỗ, đừng lo.

Qua ngày hôm sau, vợ chồng gia nhân khiêng hòm đi theo vô núi.

Giữa đám sương mù cỏ rậm, nàng trở bảo mồ mả; đào lên, quả có xác bà già, thịt da hầy còn. Nàng khóc thảm thiết, rồi bốc lên đưa về tìm mộ họ Tần, hiệp táng một chỗ.

Đêm đó, chàng nằm mộng thấy bà cụ về cảm tạ. Khi tỉnh thuật chuyện với nàng; nàng nói:

- Hồi khuya, mắt tôi trông thấy bà hiện về rõ ràng nhưng bà nhủ tôi đừng cho biết, hầu khỏi làm rộn mình.

Chàng tiếc sao không giữ bà ở lại chơi.

Nàng nói:

- Bà là hồn ma; ở đây người sống thì đông, khí dương thắng, bảo ở lâu sao được?

- Thế còn Tiểu Vinh là ai?

- Nó cũng là chồn, cực ranh mãnh, bà mẹ chồn của tôi để nó ở lại săn sóc tôi. Nó thường đi tìm bánh trái về cho tôi ăn, cho nên tôi mang ơn nó, không khi nào quên. Hồi hôm, tôi có hỏi thăm, bà quí mẫu cho biết nó đã lấy chồng rồi.

Từ đó về sau, hằng năm đến tiết Hàn Thực (mùng ba tháng ba), vợ chồng đến mộ họ Tần thắp hương khấn vái, không sai bao giờ.

Qua năm, nàng sinh một đứa con trai, lúc còn bông ẵm không biết sợ người lạ, thấy ai cũng nhoẻn miệng cười, y như tánh mẹ vậy.

37. VIẾT GIẤY BÁN VỢ

(Truyện Cừu Đại Nương, quyển III)

Cừu Trọng, người Tấn (tức Sơn Tây ngày nay), không nhớ là quận nào, làng nào; chỉ biết rằng gặp lúc loạn to, bị giặc cướp bắt đi đầu mất.

Trọng có hai con trai Phúc và Lộc đều còn bé. Người vợ kế họ Thiệu, nuôi hai đứa con cô, nhờ sản nghiệp để lại, nên ba mẹ con may được no ấm. Nhưng bị mấy năm mất mùa liên tiếp, bọn cường hào trong vùng lại ỷ thế bóc lột, thành ra ăn ở không yên.

Người chú của Trọng là Thượng Liêm mong cho họ Thiệu cải giá thì có lợi, cho nên thường khuyên nàng đi lấy chồng, nhưng nàng khẳng khăng không chịu.

Thượng Liêm ngầm mưu bán cháu dâu cho một người danh giá to trong làng, muốn dùng sức mạnh bắt ép nàng phải chịu. Đôi bên mưu tính với nhau đã xong mà không ai biết.

Trong làng có tên Ngụy, vốn người giáo quyết, từ xưa vốn không ưa gì nhà Trọng, hễ gặp việc gì cũng khuấy hôi, bôi nhọ, cho bẩn thỉu. Nhân thấy họ Thiệu ở góa nuôi con. Ngụy bày điều đặt chuyện rêu rao, cố ý bôi xấu. Nhà kia nghe thế, cho bà họ Thiệu không tốt, bèn bỏ việc đã mưu.

Cách ít lâu, âm mưu của chú chồng và miệng tiếng bên ngoài thế nào họ Thiệu dần dà nghe biết rõ cả. Nàng lấy làm oan ức, cả ngày khóc lóc than thân, đến nỗi chân tay lần hồi tê bại, nằm liệt trên giường.

Lúc ấy, Phúc, đứa con lớn mới có mười sáu tuổi. Họ Thiệu thấy trong nhà không người vá may giúp đỡ, liền gấp cưới vợ cho con!

Nàng dâu là con gái ông tú Khương Dĩ Triêm, người cũng hiền đức; mọi việc nhờ có dâu trông nom săn sóc, từ đây trong nhà hơi khá, Thiệu thị cho đứa con kế là Lộc đi học.

Thằng Ngụy thấy thế, càng sinh lòng ghen ghét, nhưng bề ngoài giả vờ đi lại tử tế, và hay rủ Phúc đi chè chén, Phúc thật thà xem Ngụy là cật ruột. Ngụy thừa cơ đâm thọc, bảo Phúc:

- Bà mẹ anh mang tật bất trí chẳng xem sóc được cửa nhà ruộng nương. Thằng em anh chỉ ngồi ăn sẵn, chẳng phải mó tay làm một việc gì cả. Hai vợ chồng anh tội tình gì phải làm thân trâu ngựa thế ư? Một mai thằng em lấy vợ, sẽ tốn hao tiền của vô số. Ta bày kế cho anh: chi bằng sớm chia gia sản đi, thì phần nghèo ở thằng em, mà phần giàu ở vợ chồng anh vậy.

Phúc về nhà bàn tính với vợ.

Vợ gạt đi, bảo là việc bất nghĩa.

Khốn nhưng Ngụy hàng ngày lấy câu bóng gió đâm thọc mãi, khiến Phúc xiêu lòng, liền đem ý mình muốn chia gia sản nói thẳng với mẹ.

Mẹ giận mắng nhiếc. Phúc càng cáu, xem của tiền thóc lúa trong nhà hình như của rơi, tha hồ phung phá không tiếc. Ngụy thừa cơ dụ dỗ đánh bạc, Phúc bán dần hết thóc lúa. Vợ biết cả, nhưng không dám nói.

Đến khi trong nhà hết cả gạo ăn, bà mẹ kinh ngạc gạn hỏi, nàng mới thú thật sự tình.

Bà mẹ tức giận quá, không biết làm thế nào đành phải chia của cải. May được họ Khương hiền lành, sớm tối cơm nước hầu hạ mẹ chồng phụng sự y như bình nhật.

Phúc được của chia rồi càng sinh hư, không sợ ai kềm chế nữa, tối ngày cờ bạc tha hồ. Trong vòng mấy tháng bán sạch điền sản để trả nợ ăn chơi, mà mẹ với vợ đều không biết.

Tới chừng Phúc nghèo túng quá đỗi, không xoay đâu ra tiền, bèn nghĩ cách làm giấy gán vợ lấy tiền, nhưng còn khó nổi tìm ra người nào chịu mua cho. Trong làng có tên Triệu Diêm La, nguyên là một tên đại bộm đang lọt ở ngoài lưới pháp luật, xưa nay, nó vẫn ỷ mình hiếp người đã quen, không sợ gì Phúc sai lời đoan kết, cho nên chịu bỏ tiền cho Phúc vay.

Phúc nắm được tiền trong tay, lại đi đánh bạc. Vài ngày hết nhẫn. Trong ý muốn lật lọng, nuốt trôi lời thề trong giấy văn tự. Triệu trợn mắt đe dọa, Phúc sợ hãi quá chừng, tính cách về nhà đánh lừa vợ để giao cho Triệu.

Thằng Ngụy nghe chuyện, trong bụng mừng thầm, vội vàng chạy đến mách bảo nhà họ Khương kì thực nó muốn nhân dịp làm hại Cừu gia tuyệt mật, cho thỏa lòng thù ghét bấy lâu.

Ông Khương tú tài nổi giận đi kiện.

Phúc sợ quá, bỏ nhà trốn mất.

Khương thị đến nhà họ Triệu mới biết mình bị chồng gán nợ, vật vã khóc gào, chỉ chực tự tử, Triệu dỗ dành ngon ngọt, nàng nhất định không nghe; lại ra oai bức hiếp, nàng còn giận dữ, mắng chửi rầm lên. Triệu đánh đập nàng cũng không chịu phục, rút trâm tự đâm vào cổ. Lập tức cứu gỡ nhưng trâm đã suốt vào cuống họng, máu vọt ra có vòi. Triệu vội vàng lấy lụa buộc vết thương, trong lòng mong mỗi để thông thả có thể khiến xiêu lòng đổi ý được.

Sáng hôm sau, có giấy quan đòi. Triệu nghênh ngang không coi vụ kiện tụng này ra gì. Quan xét quả Khương thị thương tích rất nặng liền thét lính tráng nọc Triệu ra đánh. Lính đứng nhìn nhau, không dám hạ thủ. Quan vốn nghe thấy tiếng Triệu ngang ngược bây giờ thấy vậy càng tin, nổi giận, gọi người trong nhà ra, nọc đánh Triệu chết liền tại chỗ.

Khương tú tài vồng con gái về nhà phục thuốc.

Từ lúc Khương tú tài đi kiện, Thiệu thị mới biết rõ nguyên thằng Phúc hư thân mất dạy đến thế; bà gào lên một tiếng, suýt nữa đứt hơi. Trong bụng hồ thầm, không để đâu hết. Mà thằng Lộc bấy giờ mới có mười lăm tuổi, hai mẹ con trơ trọi, không biết dựa vào ai.

Đời vợ trước của Cừu Trọng, sinh hạ một người con gái, tên là Đại Nương (chị cả) lấy chồng ở quận xa, tính người vốn bướng bỉnh, mỗi lần về thăm nhà, nếu ở nhà quà cáp đãi đằng không được vừa lòng thì cô ta gây gổ với cha mẹ, rồi vùng vằng ra đi.

Bởi thế, Cừu Trọng vẫn giận và ghét cô ta, lại vì đường xá xa xôi, có khi mấy năm chẳng thăm hỏi đến một lần nào.

Bấy giờ Thiệu thị bệnh gần chết, thằng Ngự tiểu nhân độc hiểm, muốn bắt tin cho cô về nhà, để gây ra chuyện tranh giành chơi. Sẵn có người buôn bán, ở cùng chỗ quê chồng Đại Nương, Ngự bèn nhờ người ấy đưa tin cho cô, và nói mách cho cô biết việc nhà đang cơn lục đục, có thể tranh phần điền sản được đấy.

Về đến nhà, trông thấy em bé hầu hạ bà mẹ ốm đau liệt giường liệt chiếu, cảnh tượng thê thảm khiến cô mũi lòng rơi lụy. Hỏi em Phúc đâu. Lộc kể rõ sự tình cho biết, như câu chuyện đã thuật trên đây. Đại Nương nghe rồi, khí uất đầy cổ, nói rằng:

- Nhà ta không có người lớn, để cho thiên hạ giày đạp thế này ư? Điền sản của nhà cha tao, bọn giặc sao dám toa rập nhau đoạt hết của nhà tao!

Nói đoạn, cô liền xuống bếp thổi lửa nấu cháo, trước hết mời mẹ ghẻ, gọi em và con mình cùng ăn.

Ăn xong, hăm hăm đi ra huyện nộp đơn kiện lũ cờ bạc. Bọn này sợ hãi, góp tiền hối lộ Đại Nương để cô đừng sinh sự. Cô nhận tiền, nhưng vẫn cứ kiện. Ông huyện sai bắt lũ tên Giáp tên Ất đến, chỉ đánh đòn trách mắng, còn chuyện ruộng nương thì làm lơ không hỏi đến.

Đại Nương tức quá, dắt con lên đến quận. Ông quận vốn ghét bọn cờ bạc. Đại Nương hết sức tỏ bày tình cảnh khổ não của mẹ góa con cô, và những cuộc đồ đen bóc lột. Lời nói của cô khoan thai khẳng khái, làm cho ông quận phải động lòng, minh xét vụ kiện này, sức cho viên áp tể phải truy hồi ruộng nương, trả cho nguyên chủ, và phạt tên Cừ Phúc vắng mặt, để răn kẻ hư thân mất nết lấy đó làm gương.

Nhờ vậy mà ruộng nương nhà họ Cừ bị cờ bạc gian lận đoạt mất ngày trước nay lại trở về.

Lúc đó Đại Nương cũng ở góa đã lâu, con cái đều khôn lớn cả rồi. Cô bèn cho thằng con út về nhà, dặn dò nó về theo anh chăm lo sinh nghiệp, không được mon men đến đây nữa.

Từ đó cô ở lại nhà cha mẹ, nuôi bà mẹ ghẻ, dạy đứa em trai, mọi việc trong ngoài rất có ngăn nắp, nhờ thế, bà mẹ được yên lòng, bệnh tật bớt dần; công việc nhà đều phó Đại Nương xem sóc.

Bọn hào cường trong làng hơi thò ngón bắt nạt, cô liền vác dao đến tận cửa, hăm hăm cãi cọ, biện bác, không đứa nào không chịu khuất phục.

Hơn một năm, điền sản mỗi ngày tăng thêm. Thời thường cô mua thuốc men và của ngon vật lạ, sai người đem đến nhà Khương tú tài để biếu nàng Khương (tức là vợ Phúc đã về ở nhà cha mẹ sau vụ kiện tụng nói trên).

Cô lại thấy em Lộc đã khôn lớn, thường cậy mỗi lái đi dạm vợ cho em.

Nhưng tên Ngụy tìm cách phá đám, nói rêu rao rằng: “Của cải nhà họ Cừu, đều ở trong tay Đại Nương, e sau này không lấy lại được đâu”. Người ta tin là thật, cho nên chẳng ai muốn gả con gái cho Lộc.

Trong miền ấy, có Phạm Tử Văn, con quan nhà giàu, có khu rừng rộng và đẹp, nổi tiếng bậc nhất ở đất Tấn. Vườn trồng các thứ hoa thơm cây quý rợp hai bên đường thẳng vào đến tư thất. Có lần, một người ngớ không biết, lầm lạc đi vào, giữa lúc công tử đang mời khách ăn tiệc, nên bị công tử ngờ cho là kẻ trộm cắp, nổi giận bắt trói, đánh đau gần chết.

Nhân tiết Thanh Minh, Lộc ở trường học ra về, Ngụy đón đường và dẫn đi chơi, dần dà đến vườn Phạm công tử. Ngụy vốn quen thân với kẻ làm vườn, nên được tự do cùng Lộc đi vào.

Hai người đi quanh quần, xem hết đình nọ đài kia, chợt đến một nơi có suối chảy cuồn cuộn, trên bắc cầu cuốn, bao lơn sơn đỏ chạy thẳng đến một cổng to. Đứng xa nhìn vào trong cổng, thấy hoa đỏ như gấm dệt. Đây chính là tư thất công tử.

Ngụy đánh lừa bảo Lộc:

- Chú cứ vào trước đi, tôi muốn đi tiểu một chút rồi vào sau.

Lộc lững thững tiến bước, tìm lối qua cầu để vào trong cổng, khi đến trước một tòa nhà, nghe có tiếng con gái cười, phải dừng chân đứng lại.

Giữa lúc ấy một con tó gái chạy ra trông thấy, liền quay gót trở vào. Lộc sợ hãi chạy trốn.

Giây lát công tử đi ra, thét người nhà đuổi bắt trói lại. Lộc cuống quýt, bỏ nhào xuống dưới suối. Công tử đổi giận ra cười, sai gia đình kéo lên, trông thấy người dáng điệu nho nhã liền bảo thay đổi áo quần

rồi dắt một nơi, gạn hỏi tên họ. Nét mặt và lời nói hiền từ của Lộc khiến cho công tử có ý vui vẻ thân thiết, đi vào nhà trong một lát trở ra, miệng tươi cười, tay dắt Lộc dẫn đi, trèo qua cầu, dần dà đến chỗ ban này.

Lộc chẳng hiểu ý ra sao, ngần ngại không dám vào. Công tử cố kéo. Lộc thấy trong giàn hoa, phát phới có bóng mỹ nhân đứng dòm. Khi vào ngồi vừa yên chỗ, thì bọn tớ gái dâng rượu. Lộc từ chối và nói:

- Tôi còn trẻ người non dạ, chưa biết việc đời, thành ra lắm lỡ bước chân vào chốn buồng khuê của ngài, được ngài rộng lượng tha cho, cũng đã ngoài sự mơ tưởng. Vậy xin sớm để cho về, tôi mang ơn không xiết.

Công tử không nghe. Một lúc các món ăn bày la liệt. Lộc lại đứng dậy, từ chối đã no say rồi. Công tử kéo ngồi xuống, cười và nói:

- Tôi muốn ra cho cậu một câu đối lấy ở tên một món nhạc khí, nếu cậu đối được thì để cho về ngay.

Lộc vâng dạ, xin cho biết câu đối thế nào? Công tử đọc:

- *Phách danh Hồn Bất Tự* cậu đối đi nào?⁽¹⁾

Lộc nghĩ ngợi giây lâu, rồi đối:

- *Ngân thành Một Nại Hà*⁽²⁾

Phạm công tử cả cười:

- Chính phải Thạch Sùng đây rồi.

(1) Câu này nghĩa đen là: Cây đàn tên là Hồn Bất Tự; mà Hồn Bất Tự nghĩa là không được giống.

Nguyên có điển tích xưa thế này: Bà Chiêu Quân có tiếng gảy đàn tỳ bà hay, nhưng lâu ngày, cây đàn ấy hư hỏng, bà sai người thợ âm nhạc làm cây đàn khác. Người thợ làm cây đàn mới, hình dáng nhỏ hơn. Bà Chiêu Quân nói: “Hồn Bất Tự”, ý nói không được giống cây đàn cũ. Nhân đó ba chữ Hồn bất tự thành tên một nhạc khí.

(2) Nhà Vương Tuấn ngày xưa giàu có, nhiều tiền bạc, cứ một nghìn lượng đúc lại thành một quả cầu tròn và to, gọi tên nó là Một Nại Hà, ý nói chẳng khiêng vác thế nào nổi, vì nó nặng quá không sao ăn cắp mà đem đi đâu được.

Vậy câu Lộc đối lại nghĩa là “Đồng bạc chẳng thể không” chọi với câu “Cây đàn không được giống”.

Lộc ngăn người chả hiểu ra sao. Thì ra công tử có cô con gái tên là Huệ Nương, sắc đẹp lại có học; bấy lâu vẫn để ý chọn bạn trăm năm. Đêm vừa qua nàng nằm mơ thấy một người đến bảo rằng: “Chồng cô là Thạch Sùng”. Hỏi ở đâu, thì người ấy trả lời:

“Ngày mai ngã xuống nước”. Sáng dậy, nàng kể chuyện mộng cho cha nghe. Cả nhà đều lấy làm lạ.

Hôm nay, thấy Lộc ở đâu đến bỏ nhào xuống suối. Công tử cho thế là hợp với điềm mộng của con, cho nên cố đem Lộc vào nhà trong, để phu nhân và cô con gái cùng xem. Giờ công tử nghe Lộc đối hay, càng mừng, nói rằng:

- Câu *Phách danh Hồn Bất Tự* chính con bé nhà tôi nghĩ ra đây, nhưng tìm mãi không biết đối thế nào cho hay. Bây giờ, cậu đối khéo như thế, âu là duyên trời xui khiến. Tôi muốn gả con bé cho cậu. Ngay ở đây không thiếu gì nhà cửa rộng rãi, không phải phiền cậu rước dâu về nhà đâu.

Lộc nghe lấy làm bối rối kiểm lời từ tạ, lại mượn cớ mẹ đang ốm đau, mình không thể bỏ nhà mà đi gửi rể. Công tử bảo về bàn tính. Đoạn sai người ôm cả áo quần ướt, thẳng ngựa tiễn đưa Lộc về.

Về nhà, Lộc kể chuyện đầu đuôi cho mẹ nghe. Bà kinh hãi, cho thế là chuyện bất ngờ. Nhưng lúc bấy giờ bà mới rõ thằng Ngụy hiểm độc, tính hại con mình, té ra nhân hung mà hóa cát, nên chí không đem lòng oán thù nó làm gì nữa, chỉ khuyên con xa lánh con người ấy đi thôi.

Cách mấy hôm sau, Phạm công tử sai người ngỏ ý với bà mẹ Lộc. Bà không dám nhận lời, nhưng Đại Nương cứ nhận. Tức thời cô cậy hai mẹ mỗi đi nộp lễ cưới vợ cho em.

Thế rồi Lộc đến ở gửi rể nhà họ Phạm.

Hơn một năm, lên bậc đại học, nổi tiếng tài danh. Nhân lũ em vợ đã khôn lớn, đối với Lộc hơi có ý khinh nhờn; Lộc tức giận, đem vợ về ở nhà mình.

Lúc này bà mẹ đã chống gậy đi được. Luôn mấy năm nhờ có Đại Nương lo liệu, cửa nhà cũng đã hoàn hảo. Lại được nàng dâu mới về, tôi tớ đều hầu đông đúc, ra vẻ một nhà kẻ cả.

Lại nói thằng Ngụy từ ngày thấy nhà họ Cừu xa lánh mình, càng lòng thù ghét, tức tối. Chưa tìm ra kẻ hở nào để báo thù. Vừa có vụ ăn trộm cướp rất lớn phát ra, tên đầu đảng bị kết án đày đi xa.

Ngụy nhân thể vu cáo Lộc giữ tiền của cho tên đầu đảng, thành ra Lộc bị vạ lây, cũng đày ra ngoài cửa ải (nghĩa là bên kia Vạn Lý Trường Thành).

Phạm công tử lo lốt khắp nơi, chỉ cứu được Huệ Nương khỏi phải đi theo, còn bao nhiêu điền sản nhà Lộc đều bị quan tịch thu sung công. May sao Đại Nương đem chứng thư chia của ngày trước, lên tận cửa quan kêu ca, tỏ ra nhiều đám ruộng vườn mới mua đều biên tên Phúc, chứ không phải hoàn toàn của Lộc. Nhờ thế mà bà mẹ và Đại Nương được an cư lạc nghiệp với ít nhiều ruộng đất khỏi bị tịch thu.

Lộc nghĩ mình đi đày không có ngày trở về nữa, cho nên viết tờ li hôn gửi cho nhà vợ, rồi khóc lóc ra đi.

Đi mấy ngày đến Bắc Đô, vào nhà trọ ăn cơm, trông thấy một kẻ ăn mày lảng vảng ngoài cửa, mặt mũi thật giống anh mình, liền chạy ra hỏi, thì quả là anh.

Lộc kể chuyện mình. Hai anh em cùng bi thảm. Liền đó, Lộc cởi áo lót ra lấy tiền chia cho Phúc mấy đồng và bảo anh nên trở về nhà.

Phúc nhận tiền và khóc sụt sùi từ giã nhau: em lên đường đày ải, anh trở về quê hương.

Ra ngoài quan ải, Lộc được cắt vào chân lính hầu một vị tướng quân. Vì thấy chàng là học trò ốm yếu, tướng quân thương tình, cho giữ việc sổ sách, ăn ở chung với bọn tôi tớ. Bọn này hỏi thăm gia thế, chàng kể rõ tình cảnh mình. Bỗng một người trong bọn kinh ngạc và nói:

- Trời ơi, con ta đây mà!

Nguyên là hồi trước, Cừu Trọng bị giặc bắt đem đi, sai việc chăn ngựa. Về sau lũ giặc chạy trốn, thành ra bơ vơ lưu lạc đến ngoài quan ải (tức là Sơn Hải quan ngày nay) rồi vào làm tôi tớ trong nhà vị tướng quân trấn thủ ải đó.

Lão cũng thuật cảnh khổ cho Lộc nghe, mới rõ thật là cha con, ôm nhau khóc lóc thảm thiết, nội nhà đều phải động lòng xót xa.

Cách không bao lâu, tướng quân bắt sống được mấy tên trùm giặc. Trong số ấy có một đứa, chính là đầu đảng mà ngày nọ thằng Ngụy vu oan giá họa cho Lộc có liên lạc vậy.

Khi lời cung đã rõ ràng như thế, hai cha con cùng khóc, kể với tướng quân về nỗi mình oan uổng.

Tướng quân dâng sớ về triều bày tỏ oan tình cho.

Nhà vua xem sớ, liền hạ lệnh cho quan địa phương trả lại điền sản cho họ Cừu. Hai cha con nghe tin, mừng rỡ không xiết.

Lộc hỏi rõ về nhân khẩu để tính cách đem tiền chuộc thân cho cha, bây giờ mới biết rõ Cừu Trọng đến ở nhà tướng quân lâu năm, đã trải hai lần lấy vợ, nhưng chẳng sinh đẻ gì cả, hiện nay vẫn ở một mình. Thế rồi Lộc sắm sửa lên đường về quê quán.

Nói về Phúc, khi từ biệt em đi về đến nhà, khúm núm tự thú tội lỗi. Đại Nương mời bà mẹ ngồi giữa nhà, tay cầm gậy hạch hỏi:

- Mày có chịu đánh phạt, thì có thể ở nhà. Nếu không thì ruộng nương mày được phân chia đã hết sạch rồi, nhà này cũng không cơm đâu cho mày ăn. Mày lại bước đi.

Phúc khóc và nằm rạp xuống đất, xin chịu đòn vọt. Đại Nương ném gậy đi và nói:

- Thử người đã bán vợ đi, cũng chẳng đáng trừng phạt làm chi! Có điều cái án của mày ngày trước chưa phải đã tiêu được đâu; vậy nếu mày tái phạm không chừa, thì sẽ đưa ra nạp quan đấy.

Liền đó, Đại Nương sai người đi báo tin cho Khương Nữ biết. Nàng mắng gửi rằng: “Ta còn phải là người gì của họ Cừu mà báo tin cho ta?”.

Đại Nương thường đem lời ấy kể cho Phúc nghe và nói gay gắt thêm, khiến Phúc thẹn quá, không dám nói gì.

Nửa năm trời, Đại Nương tuy cho Phúc ăn mặc đầy đủ, nhưng bắt làm việc như lũ tôi tớ, Phúc cảm cố làm lưng vất vả, không hề ngỏ lời oán than.

Có khi chị giao tiền bạc cho, Phúc cũng không dám tơ hào.

Đại Nương xét rõ Phúc đã biết sửa mình, bèn thưa với mẹ, xin đón Khương Nữ trở về.

Bà mẹ định chắc Khương Nữ đã nhất định dứt tình với Phúc rồi, không thể nào lấy lại được nữa, Đại Nương nói:

- Không phải thế đâu, mẹ ạ! Nếu như mợ ấy là người đổi thờ hai chồng được thì khi lâm vào tay thằng Triệu, việc gì phải tự đâm mình cầu chết? Chẳng qua em con xử với nàng tệ bạc, cho nên nàng không thể nào không căm giận đấy thôi.

Đoạn cô tự dẫn em sang tận nhạc gia lạy lục xin lỗi. Bỏ mẹ vợ trách mắng đáo đẽ. Cô thét bảo Phúc quì lạy tạ tội, rồi mới xin gặp mặt Khương Nữ.

Đại Nương hỏi Khương Nữ định ngày về. Nàng nói:

- Bấy lâu em mang ơn chị đoái tưởng rất nhiều. Nay chị đã dạy như thế, em đâu dám trái lời. Nhưng em về nhà, chỉ sợ chẳng biết có khỏi bị đem bán một lần nữa không?

Vả lại ân nghĩa với nhau đã tuyệt rồi, còn mặt mũi nào ở chung đụng với con người táng tận lương tâm ấy cho được? Vậy tôi về thì xin ở riêng một nhà, để sớm hôm được phụng sự lão mẫu, sánh lại còn hơn phải cạo đầu đi tu, thế là em đã mãn nguyện vậy.

Đại Nương thay mặt Phúc, tỏ bày hối hận, và hẹn nhau hôm sau, rồi chị em từ biệt ra về.

Sáng sớm hôm sau, Đại Nương thuê võng đi đón Khương Nữ về. Bà mẹ ra cổng quỳ lạy nàng dâu. Nàng phục dưới đất, khóc lớn. Đại Nương phải khuyên dỗ mãi mới thôi.

Đại Nương bày tiệc rượu ăn mừng, bảo Phúc ngồi cạnh, tự nâng chén rượu và nói:

- Bấy lâu nay tôi cố sức tranh đấu, giữ lấy nghiệp nhà không phải tự cầu lợi lộc gì cho mình. Ngày nay em tôi hối cải, vợ hiền trở về, vậy tôi xin đem sổ sách tiền của giao lại. Hồi nào tôi mình trần tay trắng đến đây; bây giờ vẫn mình trần tay trắng ra đi vậy.

Hai vợ chồng Phúc đứng dậy khóc lóc năn nỉ, Đại Nương mới chịu ở lại.

Cách đó ít lâu, có lệnh rửa oan truyền xuống; trong vòng mấy hôm nhà cửa ruộng nương lại về chủ cũ. Thằng Ngự thấy thế kinh

hãi lạ lòng, chẳng hiểu vì có gì. Nó tức tối suy nghĩ không biết thi hành mưu chước gì được hả lòng thù oán.

Vừa gặp lúc xóm tây có hỏa hoạn, Ngụy mượn cơ đi chữa nhà cháy, học tốc đến nơi, lén châm lửa đốt nhà Lộc. Gió to, lửa cháy lan gần hết xóm chỉ sót lại đôi ba nhà chỗ Phúc ở. Cả nhà ở chum vào đó.

Không mấy ngày, Lộc về đến nơi. Mẹ con, chị em gặp nhau, mừng mừng tủi tủi không thể nói hết.

Nhắc lại khi trước, Phạm công tử nhận được tờ li hôn của Lộc gửi lại khi lên đường đi đây, lập tức cầm vào nhà trong đưa cho Huệ Nương xem và cùng nàng bàn tính.

Nàng khóc thất thanh, xé giấy ném xuống đất, tỏ ý không muốn đổi chi tiết. Công tử phải tùy chí muốn của con, không dám cưỡng ép gì cả.

Hôm nay Lộc về, nghe tin nàng vẫn ở vậy chớ không đi lấy chồng, lấy làm mừng rỡ, liền đến nhà vợ thăm nom. Công tử biết tin nhà Lộc mới cháy, sợ chàng không có nhà ở, cho nên muốn lưu ở lại đây, nhưng chàng nghĩ thế không tiện, một hai từ chối và xin kiếu từ ra về, hẹn hò ngày khác.

Đại Nương sẵn có ít tiền dành dụm, bây giờ bỏ ra sửa sang nền cũ dựng lên nhà mới.

Phúc chốc đất đắp nền, đào được một cái hũ tiền, ban đêm cùng em mở ra, tiền bạc đầy ắp. Nhân đó thuê thợ làm to tát, mấy nếp nhà gác lầu cao, đồng thời xây dựng đồ sộ như dinh cơ một nhà sang trọng đã trải mấy đời.

Lộc nhớ ân nghĩa của vị tướng quân đối với cha con mình, bèn dự bị nghìn vàng để đi chuộc cha về.

Phúc tình nguyện đi việc ấy.

Trong lúc đó, Lộc đón Huệ Nương về nhà.

Ít lâu, cha anh cùng về đến nơi, cả nhà vui mừng hơn hở.

Đại Nương từ ngày cho đưa con út mình trở về nhà, còn mình ở lại giúp đỡ mẹ ghẻ em trai, vẫn ngăn cấm thẳng con không được lai

vãng thãm nom, phòng sợ miệng tiếng thiên hạ nghi mình có bòn rút của cái gì chẳng.

Ngày nay cha đã về, cô nhất định xin đi. Anh em Phúc, Lộc năn nỉ cô ở lại. Cha liền chia điền sản ra ba phần: anh em Phúc, Lộc hai phần, Đại Nương một phần. Nhưng Đại Nương cố từ không nhận. Anh em Phúc, Lộc khóc mà nói:

- Chúng tôi không nhờ có chị, thì làm gì có hôm nay.

Bây giờ Đại Nương mới chịu sai người đi đón lũ con, đem cả gia quyến đến ở chung.

Có người hỏi cô rằng: “Chị em là chị em khác mẹ, sao cô bận lòng đến thế?” Cô đáp:

- Chỉ biết có mẹ, mà không biết có cha duy giống muông thú mới vậy. Lẽ đâu loài người lại bắt chước ru?

Anh em Phúc, Lộc nghe chuyện, cảm động phát khóc, xuất tiền thuê thợ làm nhà cho chị ở, cũng đẹp như nhà mình.

Tên Ngụy tự nghĩ mình rông rã hơn mười năm, cố tình gây họa cho nhà họ Cửu, lại thành ra đưa phúc đến cho họ, trong lòng vừa thẹn vừa hối, nay thấy họ Cửu giàu có nên ý muốn giao hảo. Nhân dịp đem lễ đến mừng Cửu Trọng.

Phúc muốn khước đi, nhưng Trọng không nỡ, nhận lễ gà rượu của Ngụy đem tới. Con gà buộc chân bằng sợi vải, nó tuột ra, chạy vào nhà bếp, lửa bén vào vải rồi nhảy lên đồng củi phát cháy. May sao, người nhà đông đúc, dập lửa tắt ngay, nhưng bao nhiêu vật dụng trong bếp đã ra tro cả rồi. Vì thế, anh em Phúc, Lộc đều cho Ngụy là vật bất tường.

Đến ngày Cửu Trọng làm lễ thọ, Ngụy lại dắt con dê đến mừng. Cả nhà từ chối. Không được, phải buộc con dê ở gốc cây ngoài sân.

Ban đêm có thằng bé ở bị chú bếp đánh đập, nó tức mình chạy ra gốc cây cởi sợi dây buộc con dê, thắt cổ tự tử. Anh em Phúc, Lộc than với nhau rằng:

- Thà nó cứ tìm cách làm hại nhà ta như trước còn hơn là nó đến làm quen biếu xén thế này!

Từ đó, Ngụy dù ân cần biếu xén món gì, nhà họ Cửu cũng từ chối không nhận mảy may, còn cho tiền bù đắp.

Sau Ngụy già yếu nghèo khổ, phải đi ăn mày, họ Cửu thường chu cấp bằng gạo vải, lấy đức mà báo oán.

38. CÔ TÂN THỨ MƯỜI BỐN

(Truyện Tam thập tứ nương, quyển V)

Quảng Bình, Phùng sinh người ở khoảng triều Chánh Đức nhà Minh, từ lúc còn nhỏ đã có tính bê tha hay rượu. Một hôm tảng sáng đi chơi tha thân, gặp một thiếu nữ trùm vạt áo màu đỏ, nhan sắc cực xinh, có thằng nhỏ theo hầu, xằng xái dầm sương ướt cả giày tất; chàng trông thấy động lòng thầm mơ trộm nhớ.

Chiều tối, say rượu trở về, bên đường vốn có ngôi chùa cũ, sân cỏ rêu mọc đã lâu, chàng bỗng thấy người con gái từ trong chùa ấy đi ra, nhìn lại chính là người đẹp ban sáng.

Nàng chợt thấy chàng đi qua, vội vàng day mình trở vào chùa.

Phùng sinh nghĩ thầm, người đẹp thế kia sao lại ở trong ngôi chùa hoang phế? Lập tức buộc lừa ngoài cổng, rồi theo dõi vào tận chùa dò xem. Vào thấy tường đổ tứ tung, đầy thềm cỏ mọc, còn đương ngần ngừ về sự lui tới, thì một cụ già tóc bạc từ trong đi ra, áo mũ thơm tất sạch sẽ, hỏi chàng từ đâu tới.

Chàng nói:

- Tôi thấy ngôi chùa cổ, nên muốn vào coi cho biết. Còn cụ vì sao lại ở trong này?

Cụ già đáp:

- Lão lênh đênh không có chỗ ở, nên phải tạm mượn cảnh chùa cho bày trê ở đỡ. May mắn được ông chiếu cố, xin mời vào uống một chén trà núi để thay chén rượu.

Nói đoạn cụ kính cẩn mời Phùng vào chơi.

Phùng theo vào phía trong điện, tới một căn nhà đường đi lót đá bóng trơn, không thấy rêu phong cỏ mọc đâu cả. Vào trong nhà các thứ màn giường nệm chiếu đều có mùi hương ngào ngạt. Ngồi trò chuyện và hỏi thăm họ tên, cụ già đáp:

- Tôi là lão già Mông họ Tân.

Phùng thừa cơn say, hỏi liền:

- Nghe như cụ có một cô chưa lấy chồng, tôi không xét mình tự nguyện làm rể, mong đài gương soi đến dầu bèo có được chăng?

Tân lão cười và nói để bàn tính với vợ đã. Phùng cao hứng liền cầm bút viết bài thơ:

*Ngàn vàng mua chày ngọc
 Ân cần dâng tận tay
 Vân Anh nếu đoái tương
 Già thuốc hộ nàng ngay.⁽¹⁾*

Ông cụ xem thơ mỉm cười trao cho người nhà xem. Giây lát con hầu ở nhà trong ra nói thăm bên tai Tân lão. Tân lão đứng dậy, yên ủi chàng cố ngồi đợi, rồi cụ vén màn vào trong buồng, nghe vắng vắng cụ nói chuyện một hai câu lại trở ra liền.

Chàng tin chắc có tin lành, chẳng dè cụ ngồi nói những chuyện đầu đầu, không đã động chi tới việc đó, Phùng nhin không được hỏi phăng:

- Việc đó ra sao, xin cụ dạy bảo cho tôi được yên lòng.

Tân lão nói:

- Cậu vốn là người xuất sắc, lão đem lòng kính mộ đã lâu, khôn nổi vì có một cơ riêng chẳng dám hở môi đó thôi.

(1) Nguyên văn:

Thiên kim cầm ngọc chử
 Ân cần thủ thượng tương
 Vân Anh như hữu ý
 Thân vị đảo nguyên sương.

Bài thơ này lấy sự tích Bùi Hàng thi rớt, về qua Lam Kiều vô quán uống nước, thấy nàng Vân Anh đẹp quá, muốn hỏi làm vợ. Bà mẹ nàng thách cưới một cái chày bằng ngọc, hễ có đem đến thì bà gả con gái cho. Bùi Hàng tìm tòi mua được chày ngọc đem lại, bà cụ dùng chày ấy giã thuốc tiên đơn cho chàng với Vân Anh cùng uống, cả hai cùng thành tiên.

Chàng gạn hỏi có gì? Tân lão đáp:

- Con gái lão mười chín đứa mà mười lăm đứa có chồng rồi, việc gả bán thế nào là tự bà lão nhà tôi, chứ tôi không dự đến.

Chàng nói:

- Tiểu sinh chỉ cầu hôn với cô dất một thằng nhỏ theo hầu, hỏi sáng đi đêm sương đó.

Tân lão làm thinh. Hai người lặng lẽ ngó nhau. Nghe trong buồng có tiếng con gái râm rì, Phùng hỷ còn say, tức quá liền vạch màn xông đại vào nói:

- Cầu lấy làm vợ chẳng được, thì cũng phải để cho thấy tận mặt cho được hả lòng với nào!

Bên trong nghe cửa động, cùng đứng dậy nhìn sừng sốt. Trong đám quả có người vận áo đỏ đứng mân mê dải áo, có dáng e lệ. Cả nhà thấy chàng xông vào cùng hoảng hốt kêu lên. Tân lão cả giận sai mấy tên gia nhân lôi cổ chàng ra.

Lúc đó, hơi rượu càng nồng, chàng ngã lăn trong đám cỏ gai, gia nhân liệng gạch ngói theo như mưa, may sao không trúng vào người.

Chàng nằm trong đó một lúc mới tỉnh, nghe rõ con lừa của mình đương gặm cỏ bên đường, bấy giờ mới gượng dậy cưỡi lừa ra đi chập choạng. Trời tối, lạc đường, đi nhằm vào khe núi, những tiếng beo gầm vượn hú, làm cho chàng rợn gáy lạnh mình, ngáp ngừng nhìn quanh tứ phía, không nhận ra chỗ này là đâu. Xa trông về phía rừng mù mịt, có ánh đèn thấp thoáng khi tỏ khi mờ, chàng nghĩ bụng chỗ đó tất có làng xóm, liền ra roi phóng lừa chạy tới. Nhìn lên thấy cổng cao lớn, chàng cầm roi gõ cửa. Bên trong có tiếng người hỏi: “Ai đó! Nửa đêm tới đây làm chi?” Chàng đáp: “ Là kẻ lạc đường xin vào tạm trú”. Người bên trong nói: “Để hỏi chủ nhân đã, sẽ mở”.

Chàng đứng đợi sốt ruột, chợt nghe tiếng then động, cửa mở, một người tóc trắng kiện bước ra, đỡ lấy cương, dắt lừa và mời chàng vào.

Nhà cửa rất sang trọng, gian giữa thấp sáng trưng. Chàng ngồi giây lát, một người đàn bà ra chào và hỏi họ tên. Chàng nói thật danh tánh của mình. Cách sau một khắc có hai ba con thanh y (con hầu mặc

áo xanh) nâng đỡ một bà cụ tiến ra và nói: Quận quân ra đó! (Quận quân là danh từ tôn xưng bà mẹ vợ vua hay các bà quý phái).

Chàng vội đứng lên, sửa soạn nghiêng mình cúi lạy, nhưng bà cụ ngăn lại, biểu chàng cùng ngồi và hỏi:

- Mi có phải cháu nội Phùng Văn Tử đó chăng?

- Bẩm cụ phải ạ!

- Vậy thì mi là cháu gọi già đây bằng cô đây mà! Thân già bấy lâu như cảnh chuông đêm cảnh lụn, tuổi tác hồ tàn thành ra cách biệt bà con, chẳng tới lui thăm hỏi chi được.

- Thừa cô, con mồ côi từ nhỏ, những bà con đi về thăm nom ông nội, mười phần con không biết một. Cho nên hồi nào tới giờ chưa được hầu chuyện với cô, vậy xin chỉ bảo rõ ràng cho con biết.

- Rồi sau cháu sẽ tự rõ.

Chàng không dám hỏi nữa, ngồi đối diện với bà cụ mà óc tơ tưởng ở đâu. Bà cụ lại hỏi:

- Đêm khuya sao cháu lần mò được đến đây?

Chàng muốn thừa dịp khoe mình gan dạ, bèn kể đầu đuôi câu chuyện gặp gỡ trong ngày hôm đó. Bà cụ mỉm cười và nói:

- Thế cũng là một việc hay. Huống chi cháu là danh sĩ, sui gia với đám đó cũng xứng. Nhưng con chồn nhà quê lại dám lên mặt tự cao đến thế kia ư? Cháu đừng lo, để ta gọi nó tới đây.

Chàng vâng dạ cảm ơn lia lịa. Bà cụ day lại hỏi kẻ tả hữu:

- Ta không hay có gái nhà họ Tân có đứa nào xinh đẹp như thế à?

- Y có mười chín người con gái cả thảy, người nào cũng xinh xắn có vẻ, nhưng không rõ ngài định hỏi cô thứ mấy?

Chàng đáp cô ấy chừng mười lăm tuổi. Nàng áo xanh nói:

- Vậy thì là cô mười bốn đó. Cách ba hôm trước từng đi với mẹ tới đây chúc thọ Quận quân. Quận quân đã quên rồi sao?

Bà cụ cười:

- Hay con bé kết hột sen thành giày cao gót trong chứa bột thơm, ngoài bọc hàng mỏng mà đi, phải không?

- Thừa phải đó!

- Ủ! Con bé ấy biết làm ra vẻ quyền rũ khéo đáo để, nhưng quả thật có yếu điệu, thằng cháu ta thường đoán không sai tí nào.

Đoạn, bà cụ biểu nàng áo xanh:

- Sai thằng nhỏ đi kêu nó tới đây.

Nàng áo xanh dạ rồi đi liền. Một lát trở vào bẩm rằng:

- Cô Tân mười bốn đã đến.

Liền thấy cô mặc áo đỏ bước vào, cúi lạy bà cụ. Bà kéo dậy và nói:

- Mi sắp làm vợ thằng cháu ta, không nên làm lễ như con đòi đũa ở vậy nữa.

Nàng đứng thẳng mình buông tay, bà cụ vuốt ve mái tóc, rờ đôi bông tai của nàng và hỏi:

- Tân mười bốn, lúc này ở nhà có làm công việc gì không, con?

Nàng khe khẽ đáp:

- Bẩm lúc rảnh con chỉ thêu thùa.

Nói rồi day mặt trông thấy Phùng sinh có vẻ thẹn thùng bối rối. Bà cụ nói:

- Thằng cháu ta đó. Nó dộc lòng cùng con kết duyên sao con lại để nó đi làm đường, đêm khuya lạc lõng vào khe núi thế này?

Nàng lẳng lặng không nói sao. Bà cụ tiếp:

- Ta sai gọi con tới đây không vì chuyện gì khác hơn là muốn làm mai cho cháu ta đây thôi.

Nàng vẫn làm thinh.

Bà cụ gọi người nhà sửa soạn quét giường trải nệm để làm lễ thành hôn lập tức. Nàng đỏ mặt nói:

- Xin để cho con về thưa với cha mẹ con đã.

- Ta làm mai cho con thì có chỗ nào sai sót mà lo chứ?

- Quận quân đã dạy, thế nào cha mẹ con cũng phải vâng lời chớ đâu dám trái. Nhưng mà liệu linh như vậy con dù có chết, không dám phụng mạng đâu.

Bà cụ cười:

- Con bé này chí khí rắn rỏi, không thể ép uống được, thật xứng đáng làm vợ thằng cháu ta.

Nói xong, bà rút lấy một cái trâm vàng gài trên đầu nàng, trao cho chàng giữ lấy làm tin, bảo chàng về nhà lựa chọn ngày lành giờ tốt thì làm lễ cưới.

Một mặt sai con hầu đưa cô Tân mười bốn về.

Lúc nghe xa xa có tiếng gà gáy, bà cụ hỏi gia nhân dắt lừa đến tiễn chàng ra đi.

Chàng đi mấy bước, ngoảnh lại chỉ thấy cây cối um tùm, lau sậy lấp mả mà thôi. Chàng định thần giây lát, mới nhớ ra đó là quan thượng thư họ Tiết. Ông này nguyên là em bà nội chàng, cho nên gọi chàng bằng cháu. Lúc đó chàng tự biết mình gặp ma, nhưng không hiểu rõ cô Tân mười bốn là người dính líu thế nào?

Chàng đoái cảnh thở than rồi đi về nhà, thì trong ngoài vắng tanh, hỏi thăm những người ở gần họ nói trong chùa thường thấy chồn tinh xuất hiện. Chàng nghĩ thầm, miễn được vợ đẹp, có phải là chồn cũng không sao.

Đến ngày lành đã định, chàng sai dọn dẹp quét tước trong nhà ngoài ngõ; người nhà thay phiên nhau túc trực chờ đợi. Mãi tới nửa đêm, còn lặng lẽ chẳng thấy động tĩnh gì, chàng đã chán nản thất vọng.

Giây lát, nghe ồn ào ngoài cổng, chàng vội vàng chạy ra xem thì kiệu hoa đã đến giữa sân, hai thể nữ đang đỡ nàng vào ngồi trong nhà; của hồi môn không có cái chi lạ, chỉ có hai đĩa tứ trai khiêng một cái khạp, tục danh là “phúc mẫn” làm bằng đất, có khe để bỏ tiền vào mà không moi ra được, khi nào đầy thì đập bể ra, to lớn như cái lu. Chúng đặt lu ấy vào một góc nhà rồi đi ra.

Chàng mừng được vợ đẹp, không ngờ là yêu ma, lấy làm lạ hỏi nàng rằng:

- Bà lão kia chính là người chết thành ma rồi sao cả nhà nàng kiêng sợ và phục tùng quá vậy?

Nàng đáp:

- Quan thượng thư họ Tiết, hiện làm chức Ngũ Do Tuân hoàn sứ, phạm loài chồn quý ở quanh miền này mấy trăm dặm đều phải theo hầu. Vì thế ngài có ít ngày giờ về mã đó.

Chàng không quên ơn mai mối cho mình được vợ, nên hôm sau, thân đến trước mã Tiết thượng thư để tế lễ tạ ơn.

Lúc về, thấy hai thị nữ mặc áo xanh, đem tới một cuộn gấm để mừng, vừa nói vừa đặt trên bàn rồi đi. Chàng kể chuyện này lại cho nàng hay. Nàng xem cuộn gấm và nói:

- Đây là vật báu của phu nhân đó!

Sở công tử, con một vị quan cũng ở trong miền, thuở nhỏ là bạn đèn sách với chàng, tình khá thân mật. Nay nghe tin mới cưới vợ là chồn tinh, công tử sai đem quà tặng, rồi lại đến nhà chàng uống rượu nói chuyện.

Cách mấy bữa sau, công tử gửi thư mời chàng đến nhà mình uống rượu.

Nàng nghe chuyện, nói riêng với chồng:

- Hôm nọ công tử đến đây, em dòm khe cửa, thấy con người ấy mặt vượn trán gồ, không giao du lâu bền, vậy mình đừng đi!

Chàng nghe lời.

Bữa sau, công tử thân đến nhà chàng trách sự lỗi hẹn hôm qua; nhân dịp đưa khoe bài văn mới làm. Chàng phê bình có vẻ giễu cợt, khiến công tử đỏ mặt ra về.

Chàng vừa cười vừa thuật chuyện cho vợ nghe, nàng tái mặt buồn thảm và nói rằng:

- Con người ấy bụng dạ độc ác giống như sài lang, chớ có chòng ghẹo nó mà khốn. Mình không thèm nghe lời em khuyên bảo, đi rước lấy tai vạ ắt đến nay mai.

Chàng cười và xin lỗi vợ. Về sau, chàng gặp lại công tử liền kiếm lời phỉnh phờ cho công tử mát ruột, nhờ vậy mà chuyện xích mích trước dần dần tiêu tan.

Vừa gặp có kỳ thi ở dinh đốc học, công tử được chấm đậu số một, lấy làm tự đắc, liền bày tiệc rượu để mời chàng đến.

Chàng cố từ. Công tử viết thư ân cần mời thỉnh mãi, chàng mới chịu đến. Khi đến nơi mới rõ là ngày ăn mừng sinh nhật của công tử, quan khách đầy nhà, cỗ bàn sang trọng. Công tử đưa quyền thi ra khoe khoang, chúng đua nhau tán thưởng.

Rượu được vài tuần, dàn nhạc nổi lên, chủ khách chén tạc chén thù, hết sức vui vẻ. Bỗng dưng công tử nói với chàng:

- Tục ngữ có câu: “Trong trường học không luận văn chương hơn kém”, ngày nay mới rõ câu nói đó nói sai. Kỳ thi hôm rồi, em đậu trên anh chỉ nhờ có mấy câu khởi luận có ý kiến cao hơn của anh một bậc đấy thôi.

Công tử nói đoạn, cử tọa hòa theo khen ngợi, Phùng sinh đang say ngà ngà, không sao nhận được, cất tiếng cười vang và nói:

- Mãi tới ngày nay, anh mới biết văn chương sa sút tới mức ấy ư?

Nghe chàng nói ai nấy xanh mặt. Công tử vừa thẹn, vừa uất, không nói năng gì. Khách khứa lần lượt ra về, chàng cũng lần đi. Chàng tỉnh hơi men, lấy làm hối hận, kể hết chuyện thật cho vợ nghe.

Vợ trách:

- Mình thật là chú xã quê mùa. Phàm lời khinh bạc như thế, nói ra với người quân tử thì cái đức của mình thương tổn, nói ra với đứa tiểu nhân thì cái thân của mình nguy hiểm. Tất vả sắp đến cho chàng, không còn xa nữa. Em không nỡ trông thấy cảnh chàng khốn đốn lưu lạc, vậy em xin từ giã nhau từ đây.

Phùng sinh lo sợ khóc vùi tỏ ý ăn năn và cố lưu nàng ở lại, nàng nói:

- Nếu mình muốn cho em lưu lại thì phải hứa chắc với em điều này: Từ giờ trở đi, phải đóng cửa đọc sách, tuyệt hết bạn bè, không được bê tha trà rượu nữa.

Chàng xin y lời.

Cô Tân thứ mười bốn vốn có tính siêng năng cần kiệm, hàng ngày chăm chỉ dệt chiếu, thỉnh thoảng có về thăm gia quyến mình, nhưng đi rồi trở về nội ngày, không từng ở cách đêm bao giờ. Nàng lại xuất tiền ra mua bán kiếm lợi, hễ tiền bạc xài mỗi ngày còn dư, đều bỏ vào trong rương tiết kiệm như trên đã nói.

Ngày ngày chàng đóng cửa ngòai nhà đọc sách, bất cứ ai thăm viếng, nàng cũng bảo gia đình ra từ tạ không tiếp.

Hôm sau, công tử gửi thư đến, nàng giấu nhem không cho chàng hay.

Lại hôm sau nữa, chàng phải vào trong thành điếu tang, gặp công tử ở trong nhà đám. Công tử lôi kéo, nài nỉ; chàng kiếm chuyện từ chối, không đi. Công tử sai bồi ngựa cổ vực chàng lên lưng ngựa và nắm dây cương kéo đi bằng được mới thôi.

Về đến nhà, công tử liền sai bày tiệc, chàng uống vài chén rồi đứng dậy kiêu từ, công tử một hai năm giữ, lại gọi mấy cô hầu đàn hát cho vui.

Phùng sinh sẵn tính ngang tàng bấy lâu lại bị giam hãm ở nhà, hơi thấy buồn bực. Nay gặp rượu ngon gái đẹp, đàn ngọt hát hay, bỗng sinh hào hứng trong lòng không còn lo nghĩ gì nữa, cứ việc uống cho say mềm đến nỗi nằm lăn trên bàn tiệc.

Vợ công tử, họ Nguyễn hung dữ và cá ghen rất dữ, bọn hầu thiếp không dám trang điểm son phấn. Ban ngày hôm đó, một con hầu lên vào phòng học công tử. Nguyễn thị bắt được, dùng gậy đánh mãi trên đầu như mưa xối, con hầu bể óc chết liền, xác còn để đó chưa chôn.

Công tử vẫn căm giận Phùng sinh hay chế giễu mình, ngày ngày tìm cách báo thù, bây giờ gặp dịp bèn lập mưu phục rượu cho chàng uống thực say, để vu hãm chàng vào tội gian dâm cố sát.

Sau khi chàng say rượu ngủ vùi, công tử cho khiêng xác con hầu kia đến bên cạnh rồi khép cửa bỏ đi. Chàng say tới canh năm mới tỉnh, bây giờ mới rõ lại mình ngủ trên ghế, liền đứng dậy đi tìm giường để ngủ thêm một giấc nữa. Bất đồ có vật gì mềm dịu, cản trở bước chân mình, giở xem, té ra là người. Trong ý chàng suy nghĩ có lẽ chủ nhà cho một tiểu đồng nằm bên để trông nom hầu hạ mình; nhưng chàng lại lay gọi và rờ nắn, thì người đó cứng đờ không cựa cựa. Chàng cả sợ chạy vụt ra ngoài cửa, kêu la rầm rĩ.

Tôi tớ trong nhà vùng dậy, thấp đèn soi thấy xác con hầu, liền tóm chặt lấy chàng, hô hoán lên.

Công tử giả đồ hốt hoảng chạy tới, trông thấy có sự liên vu cho chàng cường gian sát hại con hầu nhà mình, hô người nhà bắt giải lên Quảng Bình để quan phủ xét xử.

Cách một ngày sau, cô Tân mười bốn mới biết câu chuyện là thế, khóc và nói:

- Từ trước ta đã tiên liệu có ngày hôm nay mà. Rồi đó mỗi ngày nàng gửi tiền bạc và thức ăn vào ngục cho chàng.

Trước mặt quan phủ, chàng nói rõ lý lẽ gì có thể giải bày nỗi oan của mình, cho nên sớm chiều bị tra khảo, đánh đập, đến tuột da nát thịt, mình mẩy không còn chỗ nào nguyên lành.

Nàng vào tận trong ngục hỏi thăm. Chàng trông thấy vợ, đau đớnghen ngào không thể nói ra.

Nàng biết chồng đã ngã xuống giếng sâu, bèn khuyên chàng đành phải nhận tội, cho khỏi bị tra tấn khổ thân. Chàng khóc lóc và xin nghe lời.

Chốn lao ngục canh gác nghiêm mật, mà nàng lui tới ra vào cách nhau gang tấc chẳng ai ngó thấy.

Hôm đó nàng đi thăm chồng trở về, buồn rầu than thở, đuổi hết tôi tớ ra ngoài, một mình đóng cửa ở trong nhà luôn mấy ngày để nghĩ mưu tính kế.

Sau đó mấy hôm, nàng cậy mụ mối, đi mua hộ nàng một người con gái lương gia, tên là Lộc nhi, tuổi vừa đôi tám, nhan sắc khá đẹp.

Nàng cùng Lộc nhi ăn cùng mâm, nằm cùng chiếu, yêu mến nâng niu, khác hẳn mọi người trong nhà.

Nói về Phùng sinh nghe lời nàng khuyên bảo, đành chịu nhận tội, quan phủ chiếu luật ngộ sát kết án thắt cổ, tên lão bộc hay tin khóc lóc thảm thiết, học tốc chạy về nhà báo tin cho nàng hay, mà không nói ra tiếng.

Nàng nghe với vẻ mặt thản nhiên dường như không thêm để ý.

Thẩm thoát đã đến kỳ sửa soạn đem xử những tù phạm tử hình, bấy giờ nàng mới bèn chôn rồi rít, ngày đi đêm về, không lúc nào yên

ngủ. Những lúc vắng vẻ thì ngồi than khóc một mình, đến nỗi bỏ ăn quên ngủ.

Một hôm trời nhá nhem tối, con hồ tì (tức là con chồn thị nữ, lúc nàng còn ở trong mộ Tiết phu nhân rất yêu thương thấm thiết) xằng xái đến nhà, nàng vội vàng đứng lên dắt nó ra chỗ vắng nói chuyện thăm thì một hồi. Rồi thấy nàng tươi cười vui vẻ, trông nom cất đặt việc nhà bình tĩnh như ngày thường.

Hôm sau tên lão bộc đến thăm, chàng gửi lời từ biệt nương tử vợ chồng vĩnh quyết nhau từ đây. Lão bộc về nhà thuật lại, nàng gật đầu qua loa mà nét mặt không thấy có chút đau thương buồn bã khi nghe chồng sắp bị hành hình. Trái lại nàng lạnh lùng như tuồng không thềm để ý đến chuyện đó.

Gia nhân bàn riêng lén với nhau, cho nàng là người vô tình và quá nhảm tâm. Bỗng nghe đường sá tuyên truyền tin tức quan Sở ngân dài (quan chánh án họ Sở, tức là cha ruột Sở công tử) đã bị cách chức, quan án Bình Dương vừa mới phụng chỉ xét lại vụ án Phùng sinh.

Lão bộc nghe tin, hớn hờ chạy về báo với bà chủ. Nàng cũng vui mừng lập tức sai lão bộc vào ngục thăm dò, thì chàng đã được thả ra khỏi ngục thất. Thầy trò gặp nhau xiết bao mừng mừng tủi tủi. Giây lát thấy lính áp giải công tử đến dinh; quan án tra hỏi, công tử liền thuật hết thực tình vụ án. Vì đó Phùng sinh được quan tha ngay và cho về nhà.

Chàng về đến nhà trông thấy vợ, bất giác bùng mặt khóc rùng, nàng cũng khóc theo. Chàng khóc chán rồi mừng hớn hờ, nhưng không hiểu vì sao vụ án của mình động tới tai hoàng đế, mà khỏi bị chết oan.

Nàng trở hồ tì và nói:

- Cứu tinh của chàng là con chồn nhỏ này đây.

Chàng kinh ngạc gạn hỏi mãi, nàng mới kể lại tự sự cho nghe.

Nguyên là hôm trước, nàng sai con hồ tì biến mình đến tận Yên Kinh, muốn vào trong cung cấm để kêu hộ chàng. Nhưng cung cấm có thần canh giữ, nó không vào lọt phải lang thang quanh quẩn ở bên hồ ngự của nhà vua luôn mấy tháng không tài nào đến gần thiên tử mà tâu bày oan khúc.

Nó sợ dây dưa hồng việc, tính trở về bàn mưu định kế với nàng, bỗng nghe tin thiên tử sắp ngự giá đi chơi Đại Đồng, nó liền tới trước giả làm con hát dạo, ở chốn hồng lâu. Thiên tử ngự vào đó chơi, thấy nó sắc đẹp, hát hay rất mực yêu chuộng.

Ngài tỏ ý ngờ nó không phải là hạng người phạm trần sa ngã, bấy giờ nó mới thừa dịp ôm mặt khóc nức nở. Nó liền thưa rằng quê quán ở tận Quảng Bình, con gái sinh viên Phùng mỗ, vì cha bị vu oan và kết án tử hình, cho nên nó bị bán vào chốn hồng lâu, thành ra lưu lạc đến đây.

Thiên tử nghe qua, vẻ mặt sầu thảm, ban cho một trăm lượng vàng trước khi ra đi, lại hỏi cận kề đầu đuôi vụ án, lấy giấy bút ghi chép tên họ. Sau rốt ngài tỏ ý muốn rước nó về cung để chung hưởng phú quý. Nó tâu rằng, chỉ muốn cha con đoàn tụ là vui, chứ không dám mong hưởng giàu sang gì cả. Thiên tử gật đầu ban lời khen ngợi yên ủi rồi mới đi.

Con hồ ly thuật lại câu chuyện rõ ràng thêm cho chàng nghe. Chàng lật đặt vái lạy tạ ơn, hai hàng lệ nhỏ ròn ròn.

Vợ chồng sum họp không được bao lâu, một hôm nàng nói với chàng:

- Em không vì tình duyên ràng buộc với chàng thì đâu có chịu lấy cảnh phiền não lâu này. Lúc mình bị bắt giam trong ngục, em ở ngoài bên tàu quanh nhà hàng họ thân thuộc, chớ hề có ai đoái hoài bày luôn cho một kế gì. Vì đó nay em chán đời phạm tục; em đã vì mình kén chọn người vợ hiền, còn em thì từ đây xin cùng chàng từ biệt.

Chàng nghe, nhào lặn mà khóc, nàng mới nể lòng ở lại không đi.

Đêm hôm, nàng sai Lộc nhi đến nằm với chàng. Chàng nhất định từ chối.

Sáng hôm sau, tự nhiên thấy nàng kém hẳn dung nhan. Hơn một tháng sau nữa thì da nhăn má hóp, gần như mù già. Cách nửa năm lại đen thui và lồm khồm chả khác gì bà lão quê. Tuy nhiên, chàng vẫn một lòng kính mến, không hề suy suyễn.

Bấy giờ nàng lại nằng nặc đòi đi, nói rằng: “Nay chàng đã có vợ đẹp rồi, còn giữ mù già xấu xí này làm chi?”.

Chàng khóc lóc cầm giữ như trước.

Cách một tháng sau bỗng nàng phát bệnh nguy cấp, bỏ cả ăn uống, chỉ nằm rũ rệch trong buồng. Chàng hầu hạ thuốc men, như đối với cha mẹ. Rước thầy pháp bà đồng về nhà, cúng lễ cũng vô hiệu; nàng tê liệt rồi chết. Chàng đau thương quá, chết giấc mấy phen. Nhờ có số vàng của con hồ tì được vua ban cho ngày trước, chàng làm lễ chôn cất long trọng.

Đám xong mấy hôm, con hồ tì cũng đi nốt.

Chàng bèn lấy Lộc nhi làm vợ, một năm sau, Lộc nhi sinh hạ một lúc hai đứa con trai. Nhưng chàng đi thi khoa nào cũng rớt, mà cảnh nhà ngày càng sa sút nghèo nàn. Vợ chồng không có cách gì mưu sinh, chỉ ngồi nhìn nhau buồn rầu than thở.

Bỗng chàng nhớ lại cái lu bể trong góc nhà, sanh thời cô Tân mười bốn thường hay ném tiền vào đó, chẳng biết có còn hay không? Chàng đến gần xem, thì vò tương chính mắt bày la liệt bên trên, phải dời từng món đi mới đến cái lu, cầm đũa khoảng vào trong nhưng đũa không vào được. Bấy giờ đập lu tan vỡ, thì tiền bạc tuôn ra đầy nhà.

Nhờ đó, chàng đương nghèo lại trở nên no đủ sung sướng.

Về sau, người lão bộc có dịp đi qua núi Thái Hoa, thấy cô Tân mười bốn cưỡi ngựa đi trước, con hồ tì cưỡi lừa theo sau. Nàng trẻ và đẹp y như hồi nào, ân cần thăm hỏi Phùng lang có bình yên hay không. Lại căn dặn lão bộc về nói cho ông chủ biết rằng: Ta đã thành tiên rồi.

Lão bộc vừa nghe dứt lời thì nàng biến mất, không thấy gì nữa.

39. THÂY MA SỐNG DẬY

(Truyện Liên Tỏa, quyển V)

Dương Vô Úy, dời nhà lại bên sông Tứ Thủy, buồng học ở bên cánh đồng rộng. Phía ngoài tường là bãi tha ma, có nhiều ngôi nhà xưa. Ban đêm nghe tiếng gió thổi những cây bạch dương kêu vi vút như nước tràn sóng vỗ. Đêm khuya, chàng ngồi bên đèn, trong lòng đang buồn bã băng khuâng, chợt nghe bên ngoài tường có người ngâm thơ:

*Gió lạnh đêm rằm thổi ngược chiều
Lập lòe đom đóm lọt buồng thêu*

Tiếng ngâm đi ngâm lại nhiều lần, nghe rất náo nùng. Lóng tai nghe kĩ, nhỏ dịu như tiếng con gái. Dương ngờ là ma, ngày hôm sau, ra ngoài tường xem xét, không thấy vết chân người nào cả, duy nhất một dải lụa tím, bỏ rơi trong đám gai góc, chàng lượm đem về, đặt trên cửa sổ.

Đêm đến, lồi canh hai, lại nghe tiếng ngâm nga như trước. Dương trèo lên ghế dòm ra ngoài, tiếng ngâm tự nhiên im bật, bấy giờ càng tin chắc là ma, nhưng lòng rất ao ước được gặp. Qua đêm sau, chàng núp sẵn bên tường, chừng hết canh một, thấy một thiếu nữ từ trong đám cỏ lũng thũng đi ra vịn tay vào một cây nhỏ, cúi đầu ngâm nga với giọng náo nùng, ai oán. Chàng khẽ đằng hắng, thiếu nữ vội lui vào đám cỏ hoang biến mất.

Từ đó, Dương cứ rình bên tường. Một đêm, đợi khi thiếu nữ ngâm dứt hai câu thơ, chàng đứng cách tường đọc tiếp hai câu nữa cho trọn bài:

*Tình riêng cảnh khổ nào ai thấy!
Áo chiếc trắng soi nghĩ trở trêu⁽¹⁾*

Đợi lâu không nghe động dạng gì nữa, Dương mới bỏ vô trong nhà.

Vừa mới ngồi ấm chỗ, bỗng thấy mỹ nữ ở ngoài bước vô, khép nép và nói:

- Chàng vốn là người phong nhã, vậy mà bấy lâu nay, thiếp cứ sợ hãi trốn tránh hoài.

Dương mừng rỡ, kéo nàng ngồi vào lòng, thấy nàng ẻo lả như mặc áo không muốn nổi. Hỏi quê quán nơi nào và đến ở đây bao lâu rồi, nàng nói:

(1) Nguyên văn hai câu của Liên Tỏa:

Nguyên dạ thể phong hốt đảo xuy

Lưu huỳnh nhạ thảo phục triêm y

Hai câu của Dương nối theo cho thành bài thơ:

U tình khổ tự hà nhân kiến

Thúy tự đơn hàn nguyệt thượng thi.

- Em là người quận Lũng Tây theo cha đi trôi nổi đến chốn này, hồi mười bảy tuổi mang bệnh chết cấp kì, tới nay có trên hai chục năm rồi. Thây vùi giữa bãi cỏ hoang, bơ vơ trơ trọi.

Hai câu thơ em thường ngâm đọc là của em tự nghĩ ra, để gởi lòng u hận. Lâu nay, em muốn nói hai câu nữa cho trọn bài, nhưng nghĩ không ra. Nhờ chàng nói giùm, khiến cho em ở chốn suối vàng lấy làm vui sướng.

Dương động ý đòi giao hoan, nàng cau mặt và nói:

- Thây ma dưới âm phủ, không giống người ở dương gian, nếu sanh chuyện mây mưa, tất làm cho người đoán thọ. Vì thế em không nở lòng làm hại chàng.

Bấy giờ Dương mới chịu dẹp lòng thèm muốn; chỉ thò tay sờ bóp ngực nàng, thấy đầu vú còn son, tỏ ra nàng vẫn còn đồng trinh. Lại dòm xuống đôi giày dưới chân. Nàng cúi mặt cười nói:

- Anh chàng này sao tò mò đến thế?

Dương cầm đôi giày lên xem, thấy bọc bằng gấm rất đẹp, nhìn kĩ có một chiếc thiếu mắt dải lụa tím để cột vào chân, hỏi tại sao không cột giải cả hai, nàng đáp:

- Đêm hôm nọ vì sợ chạy trốn, thành ra đánh rơi đầu mắt không biết...

Dương nói:

- Để tôi thay chiếc dải khác cho cô nhé!

Nói đoạn, chàng vói tay trên cửa sổ lấy chiếc dải tím đưa cho nàng. Nàng kinh ngạc, nàng hỏi được ở đâu. Chàng kể chuyện thật cho nàng nghe. Nàng cột dải vào giày xong, mở xem sách vở của chàng để trên bàn học, chợt thấy bài *Liên Xương cung từ*, động lòng cảm khái và nói:

- Hồi em còn sống, rất ưa đọc thơ này. Bây giờ lại được trông thấy, dường như mơ mộng vậy.

Chàng cùng nói chuyện văn thơ, thấy nàng thông minh hoạt bát đáng yêu, suốt đêm chong đèn xem văn, coi như gặp được bạn quý.

Từ hôm đó trở đi, đêm nào cũng vậy, hễ nghe tiếng nàng thỏ thẻ ngâm thơ, giầy lát thì nàng đến. Nàng căn dặn Dương:

- Xin chàng giữ kín, chớ cho ai hay. Em từ thuở nhỏ vẫn có tính nhát, cho nên sợ có khách khứa hung dữ chọc ghẹo, em không chịu nổi.

Hai người vui như cá nước gặp nhau, tuy chưa thành vợ chồng, nhưng mà chốn cửa gác phòng khuê, tình âu yếm còn đậm thắm hơn là vợ chồng thật sự.

Thường khi nàng ngồi dưới bóng đèn, chép sách hộ Dương, chữ viết đoan trang xinh xắn. Nàng tự lựa chọn một trăm bài cung từ, chép riêng thành bốn để ngâm nga tiêu khiển.

Lại biểu chàng sắm bàn cờ, mua đàn tì bà, mỗi đêm cùng chàng đánh cờ cùng vui; không đánh cờ thì nàng đem đàn ra vắn dây so phím, gảy khúc *Tiêu song linh vũ* (mưa rơi lách tách trên những tàu lá chuối ở trước cửa sổ), nghe ai bi nã nùng khiến người ta phải se lòng thắt ruột.

Dương không thể nào nghe trọn được bản đàn ấy, thì nàng đổi khúc *Chim hót buổi mai*; tự nhiên chàng thấy tâm hồn khoan khoái. Ấy đêm hai người cũng chong đèn mua vui như thế, cho tới quên cả khắc lụn canh tàn. Chàng thấy có hừng sáng rọi qua cửa sổ, nàng mới vội vã ra đi.

Một hôm, người bạn đồng học là Tiết Sanh đến chơi, gặp lúc Dương ngủ ngáy đang ngon giấc, bèn nhìn quanh trong nhà, thấy nào bàn cờ, nào đàn tì, toàn là thứ chơi phong nhã mà xưa nay Dương không thiện nghệ. Lại mở tập ra xem thấy chép ròng thơ cung từ, mà chữ viết đoan chánh, không phải chữ Dương, thành ra trong bụng càng nghi.

Dương ngủ đã thềm, thức dậy. Tiết hỏi những đồ chơi kia nhân sao có, ở đâu tới đây. Dương trả lời rằng mình muốn học đánh cờ và gảy đàn, cho nên mượn của người đem về học.

- Thế còn tập thơ của ai?

- Ấy, tôi cũng mượn bạn đó.

Tiết ngồi ngắm nghía tỉ mỉ từng trang, đến trang sau chót, thấy có hàng chữ nhỏ xiu: “*Ngày... tháng... Liên Tỏa viết*” bèn cười nói với Dương:

- Đây là tên của con gái mà, anh muốn lừa gạt tôi làm chi vậy?

Dương lính quỳnh không biết nói sao. Tiết thấy thế, càng hỏi vặn mãi. Dương không chịu nói thật. Tiết lấy tập thơ bỏ túi, toan đi. Vì đó, Dương càng bối rối, đành phải thú thiệt.

Tiết yêu cầu cho gặp nàng một phen. Dương nhắc lại lời nàng căn dặn từ trước làm cho Tiết thêm dậy lòng hăm mộ, một hai đòi gặp mặt ngay.

Cực chẳng đã, Dương nhận lời. Đêm ấy, nàng đến; chàng bày tỏ ý muốn của bạn. Nàng nghe nổi giận:

- Tôi căn dặn thế nào! Chưa chi đã mách lẻo với người ta!

Dương kể lễ tình đầu để chữa lỗi mình. Nàng nói:

- Thôi, duyên phận của tôi với chàng, thế là hết rồi.

Dương kiếm lời yên ủi trăm cách, nàng vẫn đầm đầm, không vui, đứng dậy kiêu từ ra đi:

- Để tôi tạm lánh mặt chỗ khác.

Qua hôm sau, Tiết đến. Dương nói cho biết là việc đó không xong. Tiết ngờ chàng kiếm chuyện thoái thác; chiều tối, rủ hai bạn học nữa cùng kéo đến nhà Dương, cố ý chuyện trò dằng dai không chịu ra về. Lại lập tâm làm râm rì suốt đêm. Dương bức tức đáo đẽ, nhưng không biết làm thế nào.

Họ đến khuấy rối luôn mấy đêm, đều không thấy tấm hơi động dạng gì, lần hồi có ý chán nản muốn lui, sự huyền não cũng bớt dần.

Chợt nghe tiếng ngâm thơ; mọi người cùng lóng tai để ý, giọng ngâm hết sức ảo não. Trong khi Tiết đang chăm chú nghe, người bạn học võ là Vương Sanh, lượm cục đá to, liệng phóng về chỗ vừa có tiếng ngâm thơ, và nói lớn:

- Khéo làm bộ không dám chường mặt bọn ta. Câu thơ lượm được ở đâu có ra quái gì, mà cũng ầm ức ngâm nga, làm cho người ta nghe rầu muốn chết!

Tự nhiên tiếng ngâm dứt liền. Mọi người giận lắm. Dương bực tức anh em, hiện ra lời nói và sắc mặt. Hôm sau, họ mới kéo nhau đi.

Dương ngồi vò vố một mình ở phòng học, chỉ mơ ước Liên Tỏa trở lại, nhưng nàng biệt mất tăm dạng.

Qua hai bữa, tự dưng nàng đến, khóc lóc và nói:

- Chàng rước những khách hung tợn đến nhà, làm em sợ quá.

Dương xin lỗi không kịp, nàng đã vội bước ra, vừa đi vừa nói:

- Em đã bảo duyên phận thế là hết rồi mà! Từ đây xin vĩnh biệt.

Chàng muốn níu lại, nhưng Liên Tỏa đã biến mất.

Từ bữa đó tới hơn một tháng sau, không thấy nàng tới nữa. Dương tư tưởng nhớ thương, đến nỗi mình gầy mặt vồ, không biết làm cách nào cho được thấy mặt nàng.

Một đêm, chàng đang buồn rầu, ngồi uống rượu trơ trọi một mình, bỗng nàng vạch màn bước vô. Dương mừng hết sức, hỏi han lia lịa:

- Em tha thứ cho tôi rồi chăng?

Nàng làm thinh, không nói câu gì, chỉ khóc tằm tức tằm tươi, nước mắt chan hòa. Dương gạn hỏi mãi, hai ba phen nàng muốn nói lại thôi, sau rốt mới chịu thốt ra:

- Hồi nào mình tức giận bỏ đi; giờ có chuyện nguy cấp lại phải đến cầu khẩn người ta, nghĩ mà hổ thẹn?

Dương yên ủi và cật vấn một hai, bấy giờ nàng mới nói thật:

- Có một tên lính lệ thô bỉ, ở xứ nào mới đến không biết, nằng nặc nài em phải làm nàng hầu vợ mọn nó. Em tự nghĩ mình vốn dòng thanh bạch, há chịu khuất thân làm vợ một thằng quỷ tôi mọi như thế. Khốn, nhưng em yếu đuối một thân, làm sao chống cự cho nổi? Nếu chàng có lòng thương yêu, coi em như bậc vợ chồng, thì hã chàng lo liệu giúp em, không để cho em bị sa đọa đến vậy?

Dương nghe nói tức giận đầy gan ói mật, có thể chết được. Có điều nghĩ lại, chỉ lo người với quỷ khác loài khác giống, dù có thương xót Liên Tỏa, cũng không biết làm sao ra sức bênh vực nàng cho được. Nàng nói:

- Đêm mai, chàng nhớ đi ngủ sớm, để em tới dắt chàng đi trong mộng là xong.

Đoạn nàng ngồi lại chuyện văn để đợi trời sáng. Khi nàng ra đi, còn dặn chàng ngủ ngay ban ngày mà dưỡng sức, hầu lo việc ước hẹn ban đêm.

Dương vâng lời. Buổi chiều hôm đó, lấy rượu ra uống mấy chén cho say ngà ngà, rồi leo lên giường, để nguyên song áo mà ngủ.

Bỗng thấy nàng đến trao cho con dao, rồi nắm tay chàng dẫn đi. Đến một tòa nhà, hai người bước vào, vừa mới đóng cửa và đang nói chuyện, thì nghe bên ngoài có kẻ cầm đá động vào cửa rầm rầm. Nàng sợ hãi thất sắc:

- Chết rồi! Kẻ thù đến đó mình ạ!

Dương mở cửa chạy tuôn ra, trông thấy một người đội mũ đỏ, vận áo xanh, hàm râu tua tủa như lông nhím ở hai bên mép. Dương cả thét đuổi nó đi. Nó trợn mắt nạt lại, lời lẽ rất ngạo mạn. Chàng càng giận dữ, áp tới đánh đuổi nó đi. Nó vác đá ném lại rào rào như mưa, trúng ngay cánh tay, chàng bị thương đến nỗi không cầm dao được nữa.

Giữa lúc nguy cấp, xa trông thấy một người, vai mang cung tên đi săn, nhìn kĩ chính là Vương Sanh.

Chàng kêu gào cầu cứu. Vương Sanh giương cung chạy tới, bắn vào bắp đùi tên lính. Bồi thêm một phát nữa, nó ngã chết tốt.

Dương mừng rỡ cảm tạ.

Vương hỏi duyên cớ. Chàng kể đầu đuôi sự thật. Bấy giờ đến lượt Vương mừng rỡ, vì đã chuộc lại tội lỗi trước đối với Liên Tỏa.

Đoạn, hai người cùng vào trong nhà nàng ở. Nàng sợ hãi và thẹn thùng, đứng xa mà nhìn, chẳng nói năng gì. Trên bàn có con dao nhỏ, dài chừng một thước, vỏ nạm vàng ngọc, rút lưỡi dao ra ngoài vỏ, long lanh sáng ngời. Vương khen ngợi mãi không nỡ rời tay; nói nhỏ với Dương, thấy nàng sợ hãi thẹn thùng có vẻ ái ngại, bèn từ biệt ra đi.

Dương cũng trở về nhà, vừa đến vách tường thì ngã gục rồi tỉnh dậy, nghe gà lồi xóm đã gáy vang mà cánh tay thật đau buốt khó chịu. Sáng ngày xem kĩ, thì da thịt chỗ đó sưng lên và đỏ ửng.

Buổi trưa, Vương Sanh đến chơi, nói cho chàng nghe giấc mộng đêm qua lạ lùng, Dương hỏi:

- Anh nằm mộng bắt tên chứ gì?

Vương Sanh lấy làm quái lạ sao Dương biết trước như thế. Dương đưa cánh tay cho xem, và nói rõ có sự.

Chừng đó, Dương thiết tha tiếc rằng chỉ được thấy nhan sắc Liên Tỏa trong giấc mộng, chứ không được trông thấy người thật. Nhưng may mắn đã có đôi chút công lao của nàng, cho nên Vương xin chàng nói trước với Liên Tỏa để cho mình diện kiến.

Đêm ấy, nàng đến ngỏ lời cảm tạ Dương.

Dương qui công cho Vương Sanh, nhân dịp giải bày thành tâm của Vương muốn được thấy mặt, cho thỏa lòng hâm mộ. Nàng nói:

- Người ta có công lớn cứu mạng, em đâu dám quên. Nhưng trông người vạm vỡ dữ tợn, thiết tình em sợ quá.

Rồi nàng nói tiếp:

- Xem ý Vương Sanh rất ưa con dao của em. Con dao đó gốc của thân phụ em ngày trước mua ở Quảng Đông, tốn hết trăm bạc. Em thích nó mà xin thân phụ em cho, đeo luôn bên mình, sợi dây kết bằng tơ vàng, ngoài vỏ nạm bằng minh châu. Chẳng may em xấu số chết yếu, thân phụ em thương xót, bỏ con dao vô quan tài, chôn theo với em. Nay em đành cần răng đưa tặng, Vương Sanh trông thấy con dao cũng như trông thấy mặt em vậy.

Hôm sau, Dương thay mặt ngỏ lời đó với Vương Sanh cả mừng. Đến đêm, nàng đem con dao lại cho và nói với Dương:

- Chàng dặn dò Vương Sanh gìn giữ trân trọng con dao quý này, vì nó không phải là vật báu ở Trung Hoa này đâu.

Từ đó, nàng lại đi đi về về nhà Dương như cũ.

Cách mấy tháng sau, một đêm nàng ngồi dưới ánh đèn, bỗng đứng tươi cười ngó Dương, dường như có chuyện muốn nói, nhưng đôi ba phen mặt nàng thẹn đỏ, rồi lại thôi. Dương ôm lấy nàng gạn hỏi ân cần, nàng mới nói với giọng bền lên:

- Bấy lâu được chàng yêu dấu, em tiếp thụ sinh khí của chàng, lại thường ngày ăn cơm đã quen, cho nên đông xương khô dưới mả có vẻ sống dậy. Nhưng còn phải cần ít nhiều tinh huyết của người sống truyền cho, thì em khởi tử hồi sinh mới được.

Dương cười, vuốt ve nàng và nói cách âu yếm:

- Điều đó tự mình bấy lâu không muốn, chứ tôi có tiếc chi?

Nàng nói:

- Nhưng em tiếp được tinh khí ấy rồi thì chàng phải ốm liệt hơn hai mươi ngày đấy. Nhưng thuốc men bồi bổ thì trở lại lành mạnh, vậy xin đừng lo sợ nghe!

Liền đó, hai người giao hoan cực kì thích thú. Khi ngồi dậy mặc lại quần áo, nàng nói thêm:

- Bây giờ còn phải cần một vài giọt máu tươi, vậy mình có khứng nhịn đau mà cho em chẳng?

Dương liền cầm dao sắc, tự đâm vào cánh tay để lấy máu ra. Nàng nằm ngửa trên giường, biểu Dương nhiều máu vào giữa rún. Xong rồi nàng đứng dậy nói:

- Em không đến nữa đâu. Mình ghi nhớ, đúng hẹn trăm ngày, ra trước mả em sẽ thấy con chim xanh kêu hát trên ngọn cây, thì tức tốc đào lên nhé!

Dương xin y lời. Lúc nàng bước ra ngoài cửa, còn day lại căn dặn:

- Mình nhớ cho kĩ, đừng quên nhé! Sớm quá hay trễ quá, đều hỏng việc đó.

Rồi nàng mới đi.

Hơn mười ngày sau, Dương quả phát bệnh, bụng chương to lên gần chết. Lương y cho thuốc, đại tiện ra những chất đen đặc như bùn, đúng mười hai hôm thì khỏi.

Tính đúng một trăm ngày, chàng dẫn gia nhân tới bên mả, sẵn sàng vác cuốc chờ đợi. Lúc mặt trời ngả bóng mới thấy một cặp chim xanh đáp xuống ngọn cây, cùng hát riu rít. Dương mừng nói:

- Đến giờ rồi đó.

Lập tức chàng đào mả lên, thấy quan tài đã mục mà nét mặt vẫn tươi như còn sống. Chàng rờ tay, thấy mình nàng hơi có khí ấm, liền bọc vào mền khiêng về, đặt nằm chỗ ấm áp; giấy lát nàng thở hơi ra nhè nhẹ, như sợi tơ mảnh. Dần dà đổ sữa cho nàng, nửa đêm thì nàng tỉnh dậy, rồi sống y như người thường.

Những lúc vợ chồng đầu gối tay ấp, nàng thường nói với chồng:

- Cái chết của em hơn hai mươi năm như một giấc mộng thế thôi, mình ạ!

40. CON GÁI NHÀ TRỜI

Ngô Thanh Am tên thật là Quân, tuổi trẻ đã nổi tiếng. Quan thái sử họ Cát, xem văn của chàng thường tấm tắc khen ngợi, bèn nhờ người quen mời đến nhà chơi cho được thấy rõ diện mạo và nghe chàng đàm luận. Thái sử nói:

- Lý nào một người có tài như Ngô sinh, mà lại nghèo hèn mãi ư?

Rồi ông sai người lối xóm đánh tiếng cho chàng biết rằng: “Nếu Thanh Am gán chỉ mây xanh, thì ta gả con cho”.

Lúc đó thái sử còn một người con gái nhan sắc tuyệt đẹp, chàng nghe mừng rỡ hết sức tự tin mình bề nào thi cũng đậu.

Không ngờ đến khi thi khoa hương, chàng bị đánh rớt, cậy người đến nói với quan thái sử rằng: “Sự giàu sang nhất định sẽ có không biết sớm hay muộn đó thôi. Vậy xin tiểu thư rón đợi tôi ba năm nữa, nếu tôi không thành danh, cô sẽ đi lấy chồng.”

Từ đó chàng ra sức học càng chăm.

Một đêm sáng trăng, có một vị tú tài đến thăm, da trắng râu cụt, vóc người nhỏ nhắn, móng tay để dài. Hỏi khách ở đâu lại chơi, khách tự giới thiệu mình họ Bạch tên chữ là Vu Ngọc.

Chàng cùng Bạch nói chuyện mấy câu, trong lòng thấy khoan khoái cho nên vui mừng tiếp rước, mời ở nghỉ đêm.

Sáng ngày, Bạch sửa soạn ra đi, chàng căn dặn mỗi khi đi qua tiện đường, bề nào cũng nhớ ghé chơi, Bạch cảm cái tình niềm nở ấy, tình nguyện lần sau đến, sẽ xin trọ ngay ở nhà này, rồi hẹn ngày tái ngộ và già từ lên đường.

Tối kỳ hẹn, một tên nô bộc đem các vật dụng nấu ăn đến trước. Giấy lát Bạch tối, mình cỡi ngựa vạm vỡ tướng như con rồng.

Chàng để căn nhà riêng cho Bạch ở, Bạch sai đầy tớ dắt ngựa đi, còn mình thì ở lại, sớm tối cùng Ngô gần gũi tương đắc.

Ngô để ý thấy sách vở của Bạch xem, không phải là thứ sách vở bình thường trông thấy. Lại cũng không thấy quyển sách nào là sách văn chương khoa cử. Chàng kinh ngạc và hỏi tại sao, Bạch cười đáp:

- Kẻ sĩ hiền đều có chí riêng, ai tùy thích nấy! Sở dĩ tôi không có loại sách thơ phú vì tôi chẳng phải là người trong vòng khoa cử công danh.

Thường đêm Bạch mời chàng uống rượu, đưa cả một quyển sách cho chàng xem, toàn là thuật tu tiên, luyện đạo, nhiều chỗ xem không hiểu nghĩa. Chàng thấy vu vơ không hợp với mình, không buồn để ý.

Lần khác, Bạch nói với chàng:

- Quyển sách tôi đưa cho anh hôm nọ, chính là con đường bất lão, nấc thang lên tiên đó.

Chàng cười:

- Việc gấp của tôi không phải ở chỗ đó. Vả lại muốn được thành tiên, tất cả chấm dứt nhân duyên, để cho mọi điều tư tưởng đều tuyệt mới được. Khôn nhưng tôi còn có tật đa mang làm sao mà tu được?

- Xin hỏi vì có gì?

- Vì có phải lo sinh con nối dõi.

- Thế sao lớn tuổi vẫn chưa lấy vợ?

- Bởi tôi có tật hiếu sắc!

Chàng vừa nói vừa cười, Bạch cũng cười:

- Chỉ xin ông đừng hiếu cái sắc tầm thường nhé! Và muốn hỏi cái sắc ông biết ra thế nào?

Ngô đem hết câu chuyện Thái sử muốn gả con gái cho Bạch nghe.

Bạch ngờ cô ả của Thái sử chưa chắc thật là người đẹp. Chàng nói:

- Nhan sắc của Cát tiểu thư xa gần đều biết, chẳng phải là tôi hạ mình. Bạ ai cũng yêu được đâu.

Nói đoạn mỉm cười bỏ đi nơi khác.

Hôm sau bỗng dung Bạch sửa soạn hành lý để đi. Chàng thấy vậy sinh buồn, cùng Bạch quyền luyến nói chuyện mãi chưa chịu thôi.

Bạch sai thằng nhỏ đội hành lý đi trước, mình còn nán lại cùng Ngô chuyện vãn từ biệt. Hai người bịn rịn không nỡ rời tay.

Chợt thấy con ve xanh kêu rít rít và đáp xuống bàn. Bạch nói:

- Ngựa xe tới rước rồi đó. Tôi xin giã từ ông từ đây. Nếu tương nhớ tôi thì quét chỗ giường tôi, lên đó mà nằm sẽ thấy.

Chàng đang muốn hỏi han nhiều chuyện, nhưng trong chớp mắt Bạch đã thu hình nhỏ lại như ngón tay, ngồi lên lưng con ve mà bay lên không, biến vào trong mây.

Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ Bạch chẳng phải người thường, rồi đứng ngẩn ngơ nghĩ giây lâu, vẻ buồn hiện rõ lên mặt.

Mấy hôm sau, trời đêm mưa phùn, lòng càng tưởng nhớ họ Bạch, ngó lại giường thấy bụi trắng xóa, chân chuột in tứ tung. Chàng thở than rồi lấy chổi quét dọn sạch sẽ, trải chiếu lên nằm ngủ liền.

Một lát sau thấy tiểu đồng của Bạch đến mời, chàng vui vẻ theo liền.

Vừa lúc đó có một con chim ngũ sắc bé nhỏ từ trên mây đậu xuống bên, tiểu đồng thưa:

- Đường tối đen khó đi, xin mời ông đỡ chân bằng con chim này.

Chàng lo chim bé nhỏ quá làm sao mang nổi. Tiểu đồng nói:

- Xin ông thử leo lên coi.

Chàng y lời leo lên mình chim. Té ra ngồi rộng rãi có thừa. Tiểu đồng bám ở khúc đuôi. Chim xòe cánh nghe một tiếng vù, cất mình

lên không bay đi vùn vụt. Không bao lâu tới một cái cổng sơn đỏ. Tiểu đồng nhảy xuống trước, đỡ chàng xuống sau. Chàng hỏi đây là chỗ nào, tiểu đồng thưa:

- Thưa, đây là cửa trời!

Bên cửa có con cộp lớn nằm phục. Chàng sợ run. Tiểu đồng lấy mình che đỡ cho chàng khỏi sợ hãi.

Chàng nhìn phong cảnh, chỗ nào cũng lạ lùng tốt đẹp, khác hẳn thế gian.

Tiểu đồng dẫn chàng vào cung Quảng Hàn, bậc thềm đều lót bằng thủy tinh, người bước lên trên như đi lên tấm gương. Hàng bên hai cây quế cao ngất và ôm lấy nhau, mùi hoa theo gió thơm phức. Trong cung san sát những tòa nhà, trổ cửa sơn đỏ, tháp thoáng có mỹ nhân ra vào, người nào người ấy, xinh đẹp lạ thường, thế gian không sao bì kịp.

Tiểu đồng nói cho chàng biết rằng: ở cung Vương Mẫu con gái còn mỹ miều gấp trăm, nhưng nó sợ ông chủ đợi lâu cho nên không dám đưa chàng đi thơ thẩn xem người, ngoạn cảnh nhiều nơi, đành phải dắt chàng trở ra.

Một lát đi tới tòa lầu đài kia, đã thấy Bạch đứng đón chàng ở ngoài cửa. Bạch nắm tay chàng cùng bước vào trong nhà. Chàng nhận thấy trước thềm có bãi cát trắng, suối nước trong nghe chảy rả rích. Khắp nhà dát ngọc sơn son, y như cung điện vua chúa.

Chủ với khách vừa ngồi xuống, liền có một cặp mỹ nữ bưng trà thơm ngát ra dùng. Kế đó Bạch sai người dọn rượu thì có bốn mỹ nhân khác bôn tẩu hầu hạ chung quanh. Đến vừa thấy trên lưng hơi ngứa, tức thời mỹ nhân thò tay vào áo mân mê gãi giùm. Chàng thấy tấm thân khoan khoái lạ thường. Đến lúc hơi men ngà ngà, chàng không giữ vẻ nghiêm trang được nữa, cười cợt dòm liếc mỹ nhân, muốn kéo nàng lại nói nhỏ. Mỹ nhân mỉm cười và lánh đi.

Bạch truyền lệnh đàn hát để chúc rượu, một nàng mặc áo sa bóng, bưng chén rượu đến trước mặt khách, rồi đứng tại đó, cất tiếng hát du dương, các mỹ nhân khác gõ xênh phách mà hát phụ họa theo, nghe rất nhịp nhàng réo rắt.

Qua lớp ấy, tới một cô áo xanh cũng chuốc rượu và hát. Còn một cô áo tím và cô áo trắng thì cười khúc khích, cô nọ khêu cô kia, không ai chịu ra trước.

Bạch sai mỗi cô mời một chén, hát một bài.

Cô áo tím bước tới bưng chén rượu mời khách. Chàng mượn cớ tiếp lấy chén rượu mà nắm cánh tay. Cô bật cười tuột tay, chén rượu nghiêng đổ xuống đất. Bạch rầy mắng. Cô lượm chén lên, miệng cố nhin cười và cúi đầu nói khẽ:

- Da lạnh buốt như bàn tay ma, thế mà cố véo vào tay người ta đó!

Bạch cả cười, phạt nàng tự múa tự hát một mình. Múa hát xong tới phiên cô áo trắng tiến lên mời chàng một chén.

Chàng từ chối:

- Say quá rồi, uống không kham nổi!

Cô bưng chén rượu có vẻ hồ thẹn, chàng bèn gượng uống cạn chén cho cô vui lòng.

Nhìn kỹ bốn cô dập dánh hay hay, không một cô nào mà chẳng kiêu diễm tuyệt thế. Chàng nói với chủ nhân:

- Sắc đẹp trên đời, tôi đây mong có lấy một người mà còn khó khăn, sao ông tụ tập cả đám giai nhân mỹ sắc đến thế, liệu có sẵn lòng chia cho anh em hưởng với không nào?

Bạch ngó chàng cười và đáp:

- Sao! Tự ông đã có giai nhân trong tâm ý rồi mà. Lũ này đâu có xứng đáng lọt vào mắt xanh của ông?

Chàng phải thú thật:

- Hôm nay tôi mới tự biết sự thật của mình còn hẹp hòi quá.

Bạch bèn gọi hết cả đám mỹ nhân đến trước để cho chàng tự chọn lấy.

Chàng thấy cô nào cũng đẹp thành ra phân vân, không thể tự quyết định. Bạch nghĩ cô áo tím đã có cái duyên khêu véo cánh tay, liền sai cô sửa soạn chăn gối để hầu khách hôm nay.

Cố nhiên đầu gối tay ấp, hết sức yêu đương không cần phải nói. Chàng đòi tặng món chi làm kỷ niệm, nàng tháo ngay chiếc xuyên cho chàng.

Giữa lúc đó tiểu đồng chạy vào nói:

- Tiên phạm khác nhau, ở lâu không tiện, vậy xin mời ông đi ngay.

Nàng vội vàng trối dậy đi mất. Chàng hỏi ông chủ đâu. Tiểu đồng nói:

- Ông chủ tôi đi châu Ngọc Hoàng. Lúc ra đi có dặn tôi lo việc tiễn khách về trần.

Chàng buồn bã theo chân ra đi, lại noi theo đường lối cũ. Gần ra tới cổng ngoài, quay lại ngó tiểu đồng, thì nó đã biến đi từ lúc nào. Con cộp gằm thét chồm lên. Chàng sợ hãi cầm đầu chạy trốn xuống dưới thăm thẳm mù khơi, chẳng biết đâu là đâu, nhưng hai chân đã lơ rơi tuột xuống rồi. Chừng đó kinh hồn tỉnh dậy thì trời đã hừng sáng.

Lúc sắp đứng lên, có một vật rớt nhẹ nhàng xuống chiếu, nhìn lại thì là chiếc vòng. Chàng càng lấy làm lạ.

Từ đó, ý nghĩ lúc trước thành ra nguội lạnh, thường muốn đi tìm ông Xích Tùng Tử để học đạo tu tiên, nhưng còn lo về nỗi không có con để nối dõi tông đường.

Cách hơn mười tháng, một hôm chàng đang ngủ say giữa ban ngày, mộng thấy cô áo tím ở ngoài đi vào tay ẵm đứa con nhỏ và nói:

- Xương máu của chàng đây. Trên trời không giữ vật này đặng, vậy nay tôi đem xuống trả cho anh.

Nói đoạn cô đặt đứa nhỏ trên giường, kéo vai áo chàng mà đắp cho nó rồi vội vàng muốn đi. Chàng kéo lại đòi giao hoan. Cô áo tím nói:

- Chuyến trước là động phòng, chuyến này là vĩnh quyết vợ chồng trăm năm đến đây là hết. Nếu chàng có chí thì, may ra còn có lúc ta lại được gặp nhau.

Chàng tỉnh ngủ, mở mắt ra quả thấy đứa hài nhi nằm trên giường, liền ôm vào trong nhà nói với bà mẹ.

Bà thấy được cháu rất mừng, tìm vú nuôi, đặt tên là Mộng Tiên.

Bấy giờ chàng sai người đến nhà ông Thái sử, báo tin cho ông hay rằng chàng sửa soạn đi ẩn, vậy xin ông lo kén rể khác cho tiểu thư.

Nàng nói:

- Xa gần chẳng ai không biết rằng con hứa làm vợ họ Ngô lang rồi. Bây giờ thay đổi thế là hai chồng còn gì?

Thái sử đem ý chí đó ra ngăn bảo chàng. Chàng vẫn khẳng khẳng một mực:

- Ngày nay chẳng những tôi không có chí về công danh, lại tuyệt tình về đường gia thất nữa. Nên tôi chưa bỏ nhà vào núi ngay chỉ vì còn mẹ già đó thôi.

Thái sử lại bàn soạn với con gái, nàng ta trả lời:

- Ngô lang nghèo con cam sống với rau muối. Ngô lang đi con xin thờ bà mẹ chồng, nhất định con không lấy người nào khác đâu.

Sứ giả lại đi thương thuyết đôi ba phen, đều không xong việc. Thái sử bèn chọn ngày lành cho xe ngựa chở tư trang và đưa tiểu thư về nhà chồng.

Chàng cảm là người hiền đức, hết lòng kính yêu. Nàng thờ mẹ chồng rất hiếu, nâng niu hầu hạ còn hơn gái nhà nghèo.

Qua hai năm bà mẹ chồng mất, nàng cầm bán tư trang để lo liệu ma chay đủ lễ. Chàng nói:

- Tôi được người vợ hiền như nàng, còn lo gì. Nhưng nghĩ đến xưa kia một người đắc đạo, cả nhà cùng theo gót lên tiên, còn tôi ngày nay sắp sửa đi xa mà nàng ở lại, trăm ngàn công việc đều phó thác cho nàng hết thảy.

Nàng thản nhiên không có ý bịn rịn chút nào.

Thế rồi chàng bỏ nhà ra đi.

Nàng ở nhà, ngoài việc đồng áng ra, trông dạy nuôi con, đâu đó ngăn nắp. Mộng Tiên dần dà khôn lớn, tính chất rất thông minh, mười bốn tuổi đã nổi tiếng thần đồng và đậu thi hương, mười lăm tuổi vào hàn lâm. Thường khi triều đình hỏi thăm cha mẹ để phong tặng cho nhưng Mộng Tiên không biết tên họ của mẹ đẻ là gì, chỉ khai một mình Cát mẫu mà thôi.

Đến ngày sinh nhật cha, Mộng Tiên hỏi Cát mẫu chỗ ở của cha nơi nào. Cát mẫu nói rõ sự thật, Mộng Tiên muốn treo ấn từ quan để đi tìm cha, nhưng bà mẹ gạt đi:

- Cha con bỏ nhà vào núi đã ngoài mười năm, có lẽ nay đã lên tiên rồi, con biết chỗ nào mà tìm.

Sau có dịp, Mộng Tiên dâng chỉ nhà vua sai đi tế núi Nam Nhạc, chẳng may giữa đường gặp cướp, trong xe lúc nguy cấp, thấy một đạo sĩ xách gươm xông vào đánh cướp, cướp thua chạy tán loạn. Nhờ vậy Mộng Tiên được giải vây, cảm ơn đạo sĩ, muốn tặng tiền bạc nhưng đạo sĩ không lấy, chỉ đưa ra một phong thư và căn dặn:

- Bần đạo có một ông bạn cũ cùng làng với quan lớn, vậy xin dám nhờ quan lớn thay lời hỏi thăm hộ.

- Nhưng bạn cũ của ông tên họ là gì?

- Thừa tên Vương Lâm!

Mộng Tiên nhớ kỹ trong làng không có ai tên ấy. Đạo sĩ nói:

- Hẳn ta con nhà hàn vi nên quan lớn không biết đó thôi.

Lúc già từ đưa ra một chiếc vòng vàng nói tiếp:

- Đây là món đồ khuê các, bần đạo lượm được, cũng chẳng biết dùng làm gì, vậy xin biếu ngài luôn dịp.

Mộng Tiên cầm lấy xem, thấy chạm trổ tuyệt khéo, đem về trao cho phu nhân.

Phu nhân sai thợ khéo cứ y mẫu cũ mà làm một chiếc nữa, nhưng nét tinh xảo vẫn kém xa. Lại dò hỏi khắp trong làng, chẳng ai có tên là Vương Lâm. Bấy giờ Mộng Tiên mới lén mở phong thư của ông đạo sĩ ra xem, phía trên có viết mấy hàng chữ như sau:

*Ba năm loan phượng
Phân cách tới nay
Nuôi con chôn mẹ
Nhờ nàng một tay
Lấy gì báo đức
Tặng hoàn thuốc này
Mở ra uống xong
Lên tiên có ngày.*

Sau chót là chữ: Kính gửi Lâm nương phu nhân!

Mộng Tiên đọc không hiểu là ai, liền đưa trình Cát mẫu. Cát mẫu xem thư khóc suốt mướt:

- Đây là thư của cha con gửi về cho ta. Lâm là tên chữ của ta đó! Bây giờ mới hiểu ra tên Vương Lâm là tên Cát mẫu hồi nhỏ.

Mộng Tiên ân hận than tiếc mãi, vì chính mình đã gặp cha mà không ngờ. Chàng lại đưa vòng cho Cát mẫu xem. Bà nói:

- Vật kỷ niệm mẹ để con đó. Hồi cha con ở nhà thường lấy ra, ta xem rồi.

Xem tới hoàn thuốc, thấy nhỏ bằng hạt đậu, Mộng Tiên mừng nói:

- Cha đã thành tiên, ngài cho hoàn thuốc này mẹ ta ăn hẳn trường sinh bất lão.

Nhưng Cát mẫu còn để dành, chưa muốn ăn vội, bèn gói cất đi. Gặp lúc quan Thái sử qua thăm, bà đọc bức thư Ngô lang cho cụ nghe, nhân dịp mang hoàn thuốc ra tặng cụ.

Thái sử cất ra làm hai, mỗi người ăn một nửa, trong giây lát đã thấy tinh thần thay đổi mạnh mẽ. Lúc ấy thái sử đã gần thất tuần, mắt mờ sức yếu lắm rồi. Thế mà vừa ăn nửa hoàn thuốc vào, bỗng thấy gân sức khỏe ra đến nỗi bận về, bỏ xe đi bộ mà đi rất mau, gia nhân theo mướt mồ hôi mới kịp.

Năm sau do thành có nạn cháy nhà, lửa bốc suốt ngày không ngớt. Cả nhà Mộng Tiên lo sợ, đêm không dám ngủ, tụ tập quây quần giữa sân, thấy lửa cháy lan, gần đến lối xóm. Cả nhà luynes huynes, chẳng biết làm thế nào.

Bỗng chiếc vòng vàng ở tay phu nhân nghe đánh vụt một tiếng, cất nhẹ bay đi. Trông lên thấy nó to lớn bằng mấy mẫu ruộng, úp quanh lên nhà, hình như vàng nguyệt, miệng vòng thì hướng về phía Đông Nam, ai nấy đều thấy rõ ràng, hết sức kinh ngạc.

Một lát lửa cháy từ phía tây lan tới chiếc vòng thì tạt qua hướng Đông. Tới khi lửa dịu dần, mọi người thăm nghĩ chiếc vòng chắc mất, không lấy lại được, tự dưng ngọn lửa vừa ngớt, thì chiếc vòng rơi xuống dưới chân nghe có tiếng kêu.

Trận hỏa hoạn này đốt hết mấy muôn căn nhà, trước sau tả hữu đều ra tro, chỉ có nhà họ Ngô không can gì, trừ ra một lều nhỏ ở phía Nam bị đốt tức là nơi miệng vòng để hờ vậy.

Cát mẫu ngoài năm mươi tuổi, trông còn trẻ đẹp như người mới độ hai mươi.

41. DẠ XOA PHU NHÂN

(Truyện Dạ Xoa quốc, quyển V)

Một người Giao Châu, họ Từ, vượt biển đi buôn, chợt bị gió bão lớn thổi ghe trôi biệt mù.

Khi mở mắt ra nhìn, thấy ghe mình dạt đến một nơi rừng núi sâm uất. Từ định chắc trong đó có dân cư, cho nên buộc ghe lại rồi lên bờ đem lương khô và thịt khô theo.

Lên bờ vào núi, thấy hai bên đều có hang động chi chít như tổ ong, mà bên trong vắng vắng có tiếng người.

Chàng tới một động, nhón căng dòm vào, trông thấy bên trong có hai con dạ xoa, hàm răng nhọn hoắt như giáo mác, hai mắt sáng chói như cặp đèn, đang lấy móng tay xé thịt nai sống mà ăn với nhau ngon lành. Chàng sợ hết hồn hết vía, toan tìm lối chạy trốn, bất ngờ dạ xoa ngó thấy, liền ngừng ăn, nhảy xổ ra mà tóm cổ chàng, lôi vào.

Hai dạ xoa nói với nhau như tiếng chim muông, tranh nhau xé áo của Từ, làm như sắp muốn ăn thịt vậy.

Từ cả sợ, vội vàng lấy cơm thịt khô trong giỏ đưa ra mời: chúng chia nhau ăn, gật gù, khen ngon. Lại đảo lộn cái giỏ của Từ xem còn gì nữa không.

Từ ra hiệu bảo hết cả rồi. Chúng tỏ sắc giận dữ, lại tóm lấy Từ, Từ năn nỉ:

- Thả ta ra, dưới ghe ta có nồi tráp để nấu ăn rất tiện.

Dạ xoa không hiểu là nói gì, vẫn hàm hàm tức giận.

Từ lại ra hiệu bằng điệu bộ, bấy giờ dạ xoa mới hơi hiểu, rồi theo chàng xuống ghe, lấy các đồ dùng nấu ăn đem về động.

Chàng bèn lấy củi nhen lửa, nấu chỗ thịt nai còn thừa bụng cho chúng ăn.

Cả hai ăn thấy ngon, cùng mừng.

Ăn xong, dạ xoa lấy đá lớn chặn cửa, dường như phòng sợ chàng đi trốn.

Chàng nằm co mà ngủ, lòng lo ngay ngáy không sao khỏi chết. Trời sáng, hai dạ xoa ra đi lại khiêng đá bịt cửa hang lại.

Giây lâu, chúng đem một con nai về trao cho chàng. Chàng lột da mổ ruột, vô sâu trong động, lấy nước rửa sạch sẽ, hầm mấy tô. Dạ xoa mời mấy chúng bạn đến ăn rồi, trở tay vào cái nồi, tỏ ý chê nhỏ.

Ba bốn hôm sau, một dạ xoa vác một chiếc nồi lớn về, xem như thứ nồi người ta đã thường dùng lâu. Từ đó, lũ dạ xoa thay phiên đem hươu, nai, lợn rừng đến cho Từ nấu. Lúc chín dọn ra, chúng kêu Từ cùng ăn.

Ở được mấy ngày, dạ xoa dần dà quen thuộc, có lòng tin Từ, nên khi chúng ra đi, cũng chẳng bịt cửa nhốt chàng trong động như trước. Chàng ở với chúng như người trong một nhà, lần hồi nghe quen hiểu ý, bèn bắt chước nói và chịu khó học tiếng dạ xoa.

Dạ xoa thấy vậy càng mừng, dẫn về một con dạ xoa cái, gả cho chàng làm vợ. Ban đầu chàng sợ hãi, không dám đến gần. Sau tự nó mon men đến cùng chàng giao hoan, rồi thường ngày để dành thịt cho chàng ăn có tình âu yếm như vợ chồng thật.

Một hôm, cả bọn cùng dậy sớm, con nào cũng đeo ở cổ một chuỗi ngọc châu, thay nhau ra ngoài cửa động lảng vảng làm như chờ đón khách quý nào vậy. Một mặt sai Từ nấu các món thịt cho nhiều.

Từ dò hỏi vợ cho biết căn do. Nàng nói hôm nay là ngày lễ Thiên Thọ. Rồi chạy ra bảo chúng bạn rằng: “Từ lang không có chuỗi đeo”, lập tức mỗi con dạ xoa tháo ra năm hột đưa cả cho nàng. Nàng lại tự tháo ở chuỗi mình, lấy ra mười hột nhập chung đủ số năm mươi hột, lấy cỏ xe thành dây để xâu chuỗi và đeo vào cổ cho chàng.

Chàng nhìn mỗi hột châu đáng giá ngoài trăm bạc.

Một lát, cả bọn cùng kéo nhau đi.

Mình chàng ở lại trong động hầm thịt xong rồi chờ vợ trở về dắt đi đón Đại Vương.

Vợ đưa chồng đến một động lớn, rộng gần một mẫu, giữa có tảng đá, láng bóng và phẳng như cái bàn, tứ phía đều có ghế đá. Trên có một ghế cao, lót da báo làm nệm, còn những ghế kia thì lót bằng da nai.

Cả thầy hai ba chục dạ xoa ngồi xếp hàng trong động. Ngồi giây lát, gió lớn tung bụi; cả bọn lật đật bước ra ngoài, thấy một vật to lớn đi tới, mặt mũi cũng giống dạ xoa, đi thẳng vào động, ngồi xếp bằng chính giữa, mắt ngó lảo liên. Bọn kia theo vô, chia ngồi hai bên, đều ngẩng đầu lên, chấp hai tay như hình chữ thập.

Đại Vương đếm từng đầu và hỏi:

- Dân ở núi Ngọa Mi, họp thế là đủ hết phải không?

Chúng rú lên trả lời đủ số.

Đại Vương ngó Từ hỏi:

- Còn tên này ở đâu lại đây?

Vợ Từ thưa là chồng mình.

Nội bọn cùng khen ngợi Từ hầm thịt rất khéo. Tức thời hai bà dạ xoa chạy đi lấy thịt đã hầm chín, đem lại bày trên bàn. Đại Vương bốc ăn đến no, cũng còn tấm tắc khen ngon và dặn dò từ nay thường hầm thịt như thế để ngài xơi. Lại day hỏi sao chuỗi hột của Từ đeo ngắn quá. Chúng thưa rằng: Vì chàng mới đến, cho nên sắm sửa chưa đủ.

Nghe nói, Đại Vương liền tháo chuỗi nơi cổ mình, tháo lấy ra mười hột đưa cho. Hột nào hột nấy đều to bằng đầu ngón tay cái và tròn như viên đạn.

Vợ chàng tiếp lấy, xâu vào chuỗi cũ rồi đeo vào cổ chồng, Từ cũng vòng tay chữ thập, nói mấy câu tạ ơn.

Xong đó, Đại Vương mới đi. Ngài lướt gió mà đi nhanh như bay. Lúc ấy cả bọn xúm lại, ăn chỗ thịt hầm còn lại, xong ai về động nấy.

Ở được trên bốn năm, chị vợ dạ xoa sinh đẻ: một thai mà ba con, hai đực một cái, đều như hình người, chớ không giống mẹ.

Lũ dạ xoa cùng ưả hai đứa con trai, thi nhau vuốt ve, bông ảm.

Một hôm, chúng ra ngoài động kiếm ăn hết thấy, duy có Từ ở trong động một mình. Bỗng một con dạ xoa cái ở động khác đến, một hai muồn ép Từ giao hoan với nó. Từ không bằng lòng. Nó phát giận, chụp Từ ngã xuống đất.

Giữa lúc đó, vợ ở ngoài về tới, nổi xung nhẩy vô đánh với con kia, nhe răng cắn tay nó. Một lúc con đực cũng về, gỡ con cái và biểu nó đi.

Từ đó, vợ chàng ở nhà canh giữ chồng, mỗi bước đi đứng không rời nhau.

Cách ba năm nữa, mấy đứa con chàng đều đi lại được, chàng bèn dạy chúng học tiếng người. Dần dà chúng biết nói lú lo lú lường, nhưng có giọng như người ta. Tuy chúng còn bé, mà chạy nhẩy trên núi như trên đất bằng, tối ngày ríu rít bên cạnh Từ, có tình cha con rất thân thiết.

Một hôm, vợ dắt một con trai và một con gái đi, nửa ngày không thấy trở về, mà gió bắc nổi lên vù vù, khiến Từ buồn chạnh lòng tưởng nhớ quê hương, bèn dắt đứa con thứ ba đi ra bờ biển. Nhân thấy chiếc ghe vẫn còn. Từ bàn sự đi về cố hương. Đứa con muốn chạy về động cho mẹ nó hay, nhưng Từ ngăn được.

Hai cha con xuống ghe kéo buồm ra khơi. Một đêm ngày, về tới Giao Châu.

Về đến nhà, thì ra người vợ cũ đã xuất giá rồi. Từ tháo ra hai hột châu đem bán được ngót triệu, nhờ vậy, cảnh nhà hơi phong túc.

Thằng con lấy tên là Bưu, hồi mười bốn, mười lăm tuổi, có sức mạnh nhắc nổi trăm cân, tánh lỗ mãng chỉ ưả đánh nhau. Quan nguyên soái Giao Châu thấy vậy lấy làm lạ, cho làm chức Thiên Tổng. Gặp lúc biên giới có loạn, Bưu đi trận mạc có công cho nên mười tám tuổi thăng chức phó tướng.

Hồi đó, có một anh lái buôn vượt biển, cũng bị gió đánh dạt đến núi Ngọa Mi. Vừa lên bờ, trông thấy một thiếu niên mà giật mình, nhìn biết là người Trung Quốc. Thiếu niên hỏi thăm quê quán, chú lái buôn nói cho chàng nghe. Chàng dẫn đến hang đá thâm u, ngoài cửa gai góc um tùm, căn dặn cứ ở đó, chớ đi ra ngoài.

Một chốc, thiếu niên đem thịt nai về đãi khách và nói cha mẹ mình cũng người Giao Châu.

Chú lái nghe nói, biết ngay là Từ vì xưa kia đi buôn bán từng quen biết nhau, bèn nói với thiếu niên.

- Tưởng ai lạ, chứ ông đó chính là bạn cũ của tôi. Nay người con ông đang làm chức phó tướng.

Thiếu niên không biết phó tướng là quý quái gì; lái buôn cắt nghĩa:

- Đó là một chức quan ở Trung Quốc.

- Nhưng quan là gì? Sao lại làm quan chứ?

- Làm quan, đi ra thì ngựa xe tấp nập, ở nhà thì cửa rộng lầu cao; gọi một tiếng có trăm tiếng dạ rân; ai thấy cũng lác mắt ngó, vòng tay chào, thế là làm quan.

Thiếu niên có vẻ ham thích và động lòng thèm muốn. Người lái buôn nói:

- Thân phụ của cậu đã ở Giao Châu, tại sao cậu lại phải nương náu ở chốn này mãi thế? Thiếu niên kể rõ tình đầu của mình. Người lái buôn khuyên nhủ nên về với cha. Thiếu niên đáp:

- Tôi thường nghĩ đến sự về, chỉ hiềm mẹ tôi chẳng phải người Trung Quốc, mặt mũi nói năng cũng khác. Vả lại, thêm sợ đồng loại ở đây hay biết việc mình đi, tất là sát hại. Bởi thế, bấy lâu nay tôi chần chờ lưỡng lự không dám.

Chàng bước ra ngoài động, day lại nói thêm:

- Đợi có gió bắc thổi, tôi sẽ đến tiễn chân ông đi. Nhân tiện phiên ông về bên đó, gặp cha anh tôi, hỏi thăm giùm một lời.

Chú lái buôn nằm ẩn trong hang gần nửa năm trời, thỉnh thoảng đứng trong bụi gai lén dòm ra bên ngoài, thấy trên núi có vô số dạ xoa tới lui lổ nhổ, trong lòng cả sợ, không dám nhúc nhích.

Một hôm, đến mùa gió bắc nổi lên vi vút, tự nhiên thiếu niên đến, dẫn đường đi trốn mau lẹ, và định ninh dặn dò chớ quên những lời kí thác.

Lái buôn nhận lời, rồi xuống ghe kéo buồm ra đi.

Khi về đến Giao Châu, thẳng vô dinh phó tướng, thuật rõ mọi việc.

Buru nghe thương xót cảm động, muốn thân hành đi tìm mẹ với em. Nhưng cha e sợ ba đào yêu quái, hiểm trở muôn phần, cho nên ra sức cản trở. Buru đầm ngực khóc lóc thảm thương, cha liệu bề không ngăn được, đành để cho đi.

Tức thời, Buru xin nguyên soái Giao Châu cho nghỉ phép, rồi đem theo hai tên lính, thả ghe ra biển. Ghe bị gió ngược, lênh đênh giữa biển nửa tháng, trông ra bốn phía chỉ thấy trời nước mênh mông, chẳng nhận rõ đâu là phương hướng. Chợt có giông tố nổi lên, sóng đánh ngất trời, chiếc ghe bị chìm.

Buru ngã xuống biển, theo sóng trôi bập bênh, giây lâu, bị một vật gì lôi đi, tới một chỗ có nhà cửa; nhìn kỹ vật ấy hình dáng như dạ xoa.

Chàng liền dùng tiếng dạ xoa nói chuyện. Dạ xoa lấy làm lạ, hỏi tại sao hiểu tiếng của mình. Buru nói rõ mục đích. Dạ xoa mừng nói:

- Ngọa Mi là quê cũ của ta. Nhà người đi lạc đường mất tám ngàn dặm rồi. Từ đây sẽ đi tới nước Độc Long, chứ không phải đi Ngọa Mi.

Dạ xoa nói đoạn, tìm ghe để dẫn Buru đi, dạ xoa bơi dưới nước, đẩy ghe chạy nhanh như tên, chớp mắt đi xa ngàn dặm. Qua một đêm thì đến bờ biển phía bắc.

Mới bước lên bờ, đã thấy một thiếu niên đang đứng ngó mông ra biển. Buru biết chôn này làm gì có người ta, ngờ chắc là em mình. Đến gần quả thật là em, cầm tay khóc lóc, rồi hỏi thăm tin mẹ với người em gái.

Em trả lời cả nhà mạnh giỏi.

Buru muốn cùng đi về động thăm mẹ, nhưng em can hãy thông thả. Nhân dịp, Buru day lại tạ ơn dạ xoa dẫn đường, chẳng dè nó biến đâu mất tăm rồi.

Một lát, mẹ và em gái đến, trông thấy Buru cùng khóc. Buru nói mình cốt ra đây rước mẹ và em về quê quán đoàn tụ, nhưng mẹ ngăn ngừa:

- Mẹ về Trung Quốc bị người ta ăn hiếp thì sao?

- Xin mẹ đừng lo, Bưu nói. Con ở Trung Quốc làm quan hiền hách, người ta không dám khinh khi mẹ đâu.

Sự về đã quyết định, còn lo có gió ngược khó lòng vượt biển.

Trong lúc mẹ con đang tần ngần, bỗng thấy vài buồm phồng lên về phía nam, nghe tiếng vù vù. Bưu mừng nói:

- Đó là trời giúp mẹ con ta!

Rồi mấy mẹ con dắt nhau xuống ghe, gió xuôi sóng thuận, ghe chạy như bay, cách ba hôm sau về đến bờ biển Trung Quốc.

Người ta trông thấy, sợ chạy tứ tán.

Bưu chia sống áo mình cho mẹ và hai em mặc. Về tới nhà, mẹ dạ xoa thấy mặt Từ ông, giận dữ trách móc om sòm, trách sao lúc đi không bảo cho biết.

Từ ông năn nỉ xin lỗi không ngớt.

Gia nhân vô chào bà chủ mẫu, đều run sợ lập cập, vì hình dung cổ quái. Bưu khuyên bà mẹ tập học tiếng Trung Hoa, mặc gấm vóc, ăn toàn của ngon vật lạ, bấy giờ Bưu mới hả lòng.

Bà mẹ và người em gái đều mặc y phục đàn ông, mấy tháng đã thông ngôn ngữ. Hai em lần hồi thay đổi sắc da, trở nên trắng trẻo. Em trai lấy tên là Báo, em gái Dạ Nhi đều có sức khỏe.

Bưu thấy hai em không biết chữ, lấy thế làm hổ thẹn, bèn ra sức dạy em học.

Báo rất thông minh, sách vở học qua một bận là thuộc, nhưng không thích theo đuổi nghiệp nho. Vì thế, Bưu cứ để cho em luyện tập võ nghệ, bắn thứ cung to, cỡi những ngựa dữ, sau thi đấu võ tiến sĩ, lấy con gái quan Du Kích họ A về làm vợ.

Còn Dạ Nhi không ai đi nói, vì người ta chê là khác loài. May gặp Viện Thủ góa vợ. Bưu ép gả em gái cho. Dạ Nhi có sức giương nỏ thứ cung trăm thạch, cách xa hơn trăm bước mà bắn chim nhỏ không sai phát nào. Cho nên mỗi khi Viện đi đánh trận ở đâu cũng đem vợ đi theo. Sau được thăng lên tới chức Đồng Tri tướng quân, phân nửa công lao nhờ vợ giúp nên.

Báo đến bốn mươi bốn tuổi thì mang ấn nguyên nhung lúc đi đánh giặc ở miền Nam, mẹ cũng đi theo con, thường mặc áo giáp cầm binh khí ra trận tiếp ứng con; giặc thấy đều khiếp vía chạy trốn. Vua hạ chiếu phong Nam tước cho bà, nhưng Báo thay lời mẹ dâng sớ xin từ, chỉ nhận phong là Phu nhân.

42. CẮT THỊT VÌ TÌNH

(Truyện Liên Thành, quyển VI)

Kiều sinh người quận Tấn Minh, nổi tiếng tài giỏi từ hồi nhỏ. Mới ngoài hai mươi tuổi, gan dạ, chơi thân với Cố sinh; sau khi Cố mất, thời thường chu cấp cho vợ con Cố. Quan áp tể (cũng như chủ quận hay tri huyện) lấy văn chương cùng chàng kết giao thân mật. Khi áp tể qua đời tại quận, gia quyến lần lữa mãi không về; chàng bán sản nghiệp đưa linh cữu áp tể về quê quán, khur hồi trên hai nghìn dặm. Vì thế mà giới trí thức càng trọng, nhưng gia đạo chàng từ đó càng thêm sa sút.

Ông Hiếu Liêm (cử nhân) họ Sử có con gái tên là Liên Thành, thù thừa rất khéo, lại hay chữ nên Hiếu Liêm hết sức quý chuộng. Nàng thù một bức tranh thiếu nữ ngồi thù một mối. Sử Hiếu Liêm đưa ra trưng cầu các cậu thiếu niên đề thơ vào đó, trong ý là muốn kén rể. Kiều sinh đề bài thơ như vậy:

*Dung hoàn cao kiết lục bà sa
Tảo hương lan song tú bích bà
Thích áo uyên ương hôn giục đoạn
Ấm đình trâm tiến xúc song nga.*

Nghĩa là:

*Óng ả trên đầu mái tóc tiên
Sáng ngời bên cửa rút bông sen
Uyên ương thù đến lòng như thắt
Kim chỉ ngừng tay có vẻ phiền.*

Ngoài ra chàng lại tặng riêng một bài khen nàng thơ khéo:

*Tú tiến khiêu lai tự tả sinh
Bức trung hoa điệu tự nhiên thành
Đương nhiên chức cảm phi trường kỷ
Hạnh bả hồi văn cảm thánh minh.*

Nghĩa là:

*Thêu như sống thật thấy tài chưa?
Hoa điệu trời xanh há kém thua
Tranh gấm nàng Tô đâu sánh kịp
Hồi văn may được cảm lòng vua.*

(Hai câu sau cùng nhắc tích xưa Tô Huệ thêu bài thơ Hồi Văn trên gấm, dâng vua để chuộc tội cho chồng. Hồi văn có thể đọc ngược xuôi đảo lộn, thành ra mấy trăm bài thơ. Kiều sinh tán tụng Sử tiểu thư. Sánh lại, Tô Huệ chỉ có Hồi văn cảm lòng thiên tử, chứ bức thêu gấm kia còn kém tài của tiểu thư.)

Nàng được hai bài thơ mừng lắm, trước mặt ai cũng khen Kiều sinh đáo để, nhưng cha có ý chê nhà chàng nghèo. Không muốn gả con gái cho.

Liên Thành gặp lại cũng khen ngợi Kiều sinh, lại sai mụ vú, giả vâng mệnh cha, đem tiền bạc đến giúp chàng chi phí đèn sách. Chàng nói:

- Liên Thành là người tri kỷ của ta.

Từ đó mơ màng tưởng nhớ như kẻ khát muốn uống, đói muốn ăn vậy.

Không bao lâu Sử Hiếu Liêm nhận gả nàng cho con một nhà buôn muối là Vương Hóa Thành; bấy giờ chàng mới tuyệt vọng, nhưng trong giấc chiêm bao vẫn còn tơ tưởng không dứt.

Ít lâu sau, nàng phát bệnh không ngồi dậy được. Có nhà sư Tây Vực đến thăm mạch, nói mình có thể chữa được, song phải có một đồng cân thịt ở ngực con trai, để trộn với thuốc mới đặt.

Sử công sai người đến nhà họ Vương nói cho chú rể hay. Chú rể cười nói:

- Lão già này kỳ cục, đòi cắt lấy thịt ở đầu trái tim ta ư?

Gia nhân trở về thuật lại, Sử công giận lại rao cho mọi người hay rằng: bất cứ ai dám cắt thịt thì ta gả con gái cho.

Kiều sinh nghe tin, lập tức đến nhà họ Sử, tay cầm dao kéo, tự cắt lấy thịt trước ngực, trao cho nhà sư Tây Vực, máu vấy cả áo chàng. Nhà sư phải xúc thuốc cho mới hết.

Với chỗ thịt đó nhà sư trộn thuốc thành ba chén, nàng uống ba ngày bệnh tật khỏi hẳn.

Sử công sửa soạn làm theo lời hẹn, nhưng trước hết sai người nói cho Vương biết. Vương nổi giận đòi đi kiện. Sử công bèn làm tiệc mời Kiều sinh đến, bày ngàn vàng lên án rồi nói:

- Mang ơn rất nặng, vậy xin có chút đỉnh báo đền.

Đoạn, Sử công bày tỏ ý định sai hẹn cho chàng nghe, chàng cau mày nói:

- Tôi không tiếc chi miếng thịt, là để báo đáp người tri kỷ chứ có phải bán thịt lấy tiền đâu.

Nói xong, chàng đứng dậy, phủi áo ra đi. Liên Thành nghe chuyện trong lòng không nở, liền nhờ mục vụ đến an ủi chàng và nói nhắn:

- Người tài như cậu chắc không phải sa sút lâu ngày. Trên đời thiếu gì giai nhân mà lo. Tôi từng chiêm bao thấy điềm chẳng lành, ba năm nữa tất chết, vậy cậu đừng thèm cùng ai tranh giành lấy được con người sắp chết này làm gì?

Chàng nói với mục vụ:

- Con người ta vì tình tri kỷ mà chết, chứ không vì sắc đẹp. Tôi chỉ e rằng Liên Thành chưa chắc đã thật là biết tôi; nếu quả thật nàng biết tới thì việc nhân duyên chẳng thành cũng không hại chi.

Mục vụ thay lời nàng thề thốt giải tỏ lòng thành, chàng nói:

- Quả thật như vậy thì tôi chỉ xin có một điều, là khi gặp nhau ở ngoài đường, nàng tặng cho tôi một nụ cười, dù tôi chết cũng không ân hận gì.

Mục vụ về nhà thuật lại với nàng.

Cách mấy hôm, chàng ngẫu hứng đi chơi, vừa lúc gặp nàng ở bên nhà ông chú về. Nàng đưa mắt liếc nhìn chàng và hé miệng cười rất tươi. Chàng cả mừng, tự nghĩ trong trí:

- Phải rồi! Liên Thành quả thật biết rõ lòng ta.

Kế đến nhà họ Vương qua bàn định ngày lành tháng tốt xin đón dâu. Bệnh cũ của nàng tự dưng nổi lên, được vài tháng thì chết.

Kiều sinh đến viếng tang, kêu rú một tiếng, ngã xuống chết giấc. Sử công cho người đem xác về tận nhà.

Lúc đó chàng tự biết mình đã chết rồi, trong lòng không thấy buồn tiếc gì cả, vội vàng đi ra khỏi thôn, muốn được nhìn thấy mặt Liên Thành. Xa trông nẻo đường phía tây bắc, người ta đi lại như kiến, chàng trà trộn vào trong đám đó.

Giây lát vào một dinh thự gặp lại Cố sinh. Cố lấy làm ngạc nhiên hỏi chàng tại sao đến đây, và muốn nắm tay chàng dắt lộn về ngay. Nhưng chàng thờ dãi nói rằng có chuyện tâm sự còn lôi thôi, cho nên chẳng muốn trở về. Cố nói:

- Tôi ở chốn này giữ việc sổ sách hơi được tin nhiệm, nếu anh có chuyện chi nhờ cậy, tôi xin cố sức không dám tiếc công.

Chàng hỏi về Liên Thành.

Cố liền dẫn đi tìm kiếm nhiều nơi, thấy Liên Thành với cô áo trắng, mặt râu lệ đầm, ngồi xồm ở một vỉa hè. Nàng thấy Kiều sinh đến, vội vàng trỗi dậy, vẻ như mừng rỡ, hỏi chàng đâu tới đây. Chàng nói:

- Nàng chết, tôi còn ở trên đời sống làm chi?

Liên Thành khóc:

- Con người phụ nghĩa thế này, chàng không phải nhỏ mà đá đi cho rảnh, còn lấy mình chết theo làm gì? Tôi đã lỗi hẹn với chàng kiếp này, xin đền bồi ở kiếp sau.

Chàng ngoảnh lại bảo Cố sinh:

- Anh có công việc bận xin cứ tự tiện, để mặc tôi ở đây, tôi vui sướng được chết, chứ không thích sống nữa. Có điều tôi muốn phiền anh tra sổ sách hộ xem Liên Thành thác sinh chỗ nào, để tôi đi theo nàng.

Cổ sinh gật đầu rồi đi.

Thiếu nữ áo trắng hỏi chàng là người như thế nào. Liên Thành thuật lại đầu cuối.

Thiếu nữ nghe chuyện bùi ngùi than thở. Liên Thành bảo chàng:

- Cô này cùng họ với em, tên là Tân Nương, con quan Sứ thái thú ở quận Trảng Sa. Chúng em cùng đi một đường tới đây, cho nên thương yêu triu mến nhau.

Chàng liếc thấy người có vẻ dễ thương, vừa muốn hỏi chuyện tỉ mỉ, thì Cổ sinh đã trở lại ngó mặt chàng mà ngỏ lời chúc mừng:

- Tôi đi thăm dò tin tức giùm chắc chắn lắm: nương tử đây được theo anh hoàn hồn về dương gian, như vậy có thích không?

Hai người cùng mừng rỡ, sửa soạn từ biệt ra đi. Cô Tân khóc rú lên:

- Chị đi thì em bơ vơ, biết nương tựa vào ai? Vậy xin chị vì tình cứu em, cho em được theo hầu hạ chị.

Liên Thành động lòng nhưng không biết phải làm cách nào, day lại bàn tính với chàng. Chàng lại năn nỉ với Cổ sinh. Cổ sinh tỏ vẻ khó khăn và can không nên làm việc đó, chàng cầu khẩn mãi. Cổ nói:

- Để tôi làm đại thử coi.

Một lúc, chàng ăn xong bữa xôm, thì Cổ sinh trở lại, khoát tay và nói:

- Ban nãy tôi đã bảo là không được mà. Thú thật tôi chịu dờ muôn phần, không sao giúp được.

Tân Nương nghe nói gào khóc thảm thương, đứng riu riu bên cạnh Liên Thành, chỉ sợ nàng vội đi. Cả hai cùng buồn bã không nghĩ ra cách nào, chỉ nhìn nhau đứng lặng, mà nét mặt thảm sầu, khiến cho ai nấy cũng phải nảo lòng héo ruột. Cổ sinh phát phần nói:

- Thôi thì xin anh chị cứ cho cô Tân đi theo, rủi có tội vạ thì tôi xin chịu hết.

Bấy giờ Tân Nương mới mừng, theo chàng lên đường. Chàng lo ngại giùm cô đi về nhà cô đường xá xa xôi không ai làm bạn. Tân Nương nói:

- Em xin theo cậu, chứ không muốn trở về nhà em.

Chàng gạt đi:

- Cô này ngây thơ quá, không về nhà cô thì lấy gì mà hồi sinh chứ. Mai sau tôi có dịp đi Hồ Nam, xin cô đừng lánh mặt thế là may mắn cho tôi.

Vừa vặn lúc ấy có hai mục giả, lãnh tờ sức đi tới Trảng Sa, chàng nói cho cô Tân đi theo và căn dặn hai mục chăm nom hộ dọc đường.

Tân Nương khóc và từ giã.

Liên Thành đi theo rất chậm chạp, đi chừng hơn mười dặm đường thì phải nghỉ chân một lần. Nghỉ chân đến mười bận thì mới trông thấy cổng làng trước mặt. Nàng nói:

- Cậu ơi! Sau khi em tái sinh, sợ lại có chuyện lật lọng, chi bằng cậu xin lấy xác em đưa về nhà, rồi em hồi sinh tại nhà cậu, thì không có sự ăn năn về sau.

Chàng nghe lẽ phải, dắt nàng về thẳng nhà mình. Nàng hồi hộp, uể oải như bước đi không nổi. Chàng phải đứng đợi. Nàng nói:

- Em về tới đây, chân tay run rẩy, như không còn sức tự chủ được mình, chỉ e ý muốn không toại vậy ta nên bàn tính thế nào cho thật kỹ lưỡng. Không thế thì sau khi hồi sinh, làm sao tự lo được?

Rồi hai người cùng vào căn phòng lạnh, lặng im giây lát, Liên Thành mỉm cười và nói:

- Mình có ghét em không?

Chàng kinh ngạc hỏi tại có gì, nàng đỏ mặt đáp:

- Em chỉ lo rủi ro không xong, thì lại phụ lòng chàng. Vậy em xin lấy hồn báo đáp cái tình tri kỷ của chàng trước đã.

Chàng mừng quá, cùng nàng giao hoan hết sức âu yếm. Nhân đó hai người quyến luyến không rời, ở luôn ba ngày trong phòng lạnh. Liên Thành chợt nhớ lại:

- Mình ơi! Tục ngữ có câu: Đàn bà xấu xí đến đâu, khi đã lấy chồng, trước sau bề nào cũng phải ra mắt cha mẹ họ hàng. Chúng ta bịn rịn ôm ấp ở đây mãi đâu phải là kế lâu dài.

Nói xong, nàng hồi thúc chàng vào nhà giữa, vừa mới tới chỗ thờ, thì chàng hồi tỉnh. Người nhà kinh ngạc, vội vàng đi lấy nước cháo đổ cho chàng.

Sau khi tỉnh hồn, chàng sai người đi mời Sử Hiếu Liêm đến ngõ ý xin xác Liên Thành đem về nhà, vì mình có phép làm cho nàng sống lại.

Sử công nghe lời. Xác của Liên Thành vừa khiêng đến nhà chàng, xem lại thì nàng đã hồi sinh, tự nói với cha:

- Thưa cha, con đã trao thân gửi phận cho Kiều sinh rồi, giờ không lẽ nào trở về được nữa. Hễ ai sinh sự đòi dòi một chút thì con chết thôi.

Sử công về, lập tức sai con hầu đưa ở tới phục dịch nàng.

Bên nhà họ Vương nghe tin, làm đơn đi kiện. Quan sở tại ăn hối lộ xử nàng phải về nhà Vương.

Kiều sinh tức giận muốn chết, nhưng không làm sao ngăn cản được.

Liên Thành đến nhà Vương, phần uất bỏ cả ăn uống chỉ cầu mau chết. Thừa lúc nhà vắng người, liền treo cổ lên xà nhà. Qua hôm sau, bệnh tình càng nặng, sắp sửa tắt hơi, Vương sợ quá, đưa trả về nhà Sử. Sử lại cho khiêng về nhà chàng. Vương biết thế nên đành chịu phép bỏ qua.

Liên Thành trỗi dậy, bình phục như xưa. Nàng thường tưởng nhớ Tân Nương, muốn cho người đi hỏi thăm, nhưng vì đường xá xa xôi, chưa thể đi được.

Một hôm bỗng dung gia nhân vào thưa rằng: ngoài cửa có ngựa xe khách lạ. Hai vợ chồng cùng nhau chạy ra ra thì là Tân Nương đã vào tới giữa sân. Đôi bên trông thấy nhau, vừa mừng vừa cảm. Quan thái thú thân đưa Tân Nương đến. Chàng mời ông vào. Thái thú nói:

- Con bé nhà tôi nhờ cậu mà sống lại, nó thề không chịu lấy ai, cho nên tôi phải theo ý muốn của nó mà dẫn nó đến đây.

Chàng vái lạy theo lễ con rể và cha vợ. Sử Hiếu Liêm cũng tới. Ba nhà đoàn tụ vui vẻ.

Kiều sinh tên thật là Niên, biểu tự là Đại Niên.

43. ĐÀO MẢ CÔ CANH

(Truyện Canh nương, quyển VI)

Kim Đại Dụng, con một nhà thế gia cũ ở Trung Châu, lấy con gái quan thái thú họ Vu làm vợ.

Nàng tên là Canh Nương, đẹp mà hiền đức. Vợ chồng rất âu yếm hòa thuận. Vì có loạn giặc cỏ đánh phá, ai nấy phải bỏ nhà, tìm đường xa lánh.

Kim dẫn gia quyến đi về miền nam. Giữa đường gặp một thiếu niên cũng đem vợ đi chạy loạn, tự giới thiệu mình là Vương Thập bát và tình nguyện làm hướng đạo, Kim mừng lắm, đi đứng lúc nào cũng có nhau. Canh Nương ghé bên tai chồng nói nhỏ:

- Ta chớ nên đi chung ghe với người đó. Hắn hay dòm liếc, đôi mắt nhấp nháy mà sắc mặt biến đổi, trong bụng hẳn là nham hiểm khó lường đó.

Chàng gật đầu.

Vương Thập bát sốt sắng đi tìm mượn chiếc ghe thật lớn, khiêng vác hành lý hộ chàng, ra về khó nhọc lắm. Chàng không nỡ từ chối để đi tách riêng. Lại suy nghĩ hẳn có đem vợ trẻ đi theo, chắc không có chuyện gì xảy ra mà lo.

Vương phụ cùng Canh Nương ở chung một khoang thuyền, xem người cũng có vẻ hiền từ. Còn Vương thì ngồi trên mũi ghe, cùng người chân sào nghiêng mình nói chuyện, dường như có họ hàng hay là quen biết đã lâu.

Không mấy chốc mặt trời lặn, mà sóng nước mênh mông, chẳng phân biệt phương hướng đâu là nam bắc.

Kim nhìn quanh tứ phía, thấy chỗ này thâm sâu hiểm hóc, trong bụng hơi nghi sợ. Một lúc sau trăng mọc, nhìn thấy lau sậy bát ngát.

Ghe đậu lại đó.

Vương mời cha con Kim lên mũi đứng xem phong cảnh, thừa cơ đẩy tuột Kim xuống sông. Thân phụ Kim thấy vậy muốn kêu lên,

nhưng người chủ ghe cầm sào đẩy ông xuống nước chết luôn. Đến bà mẹ chàng đang ở trong ghe, nghe tiếng ồn ào, chạy ra dòm xem, cũng bị chìm sông chết đuối nữa.

Bấy giờ Vương mới làm bộ kêu cứu.

Lúc bà mẹ bước ra, Canh Nương ở phía sau đã dòm biết sự tình ra sao rồi. Khi thấy cả nhà mình chết đuối, nàng cố trấn tĩnh, không lộ vẻ kinh hoàng, chỉ ôm mặt khóc nói:

- Cha mẹ chồng chết, chồng cũng chết nữa, thân tôi biết nương dựa vào đâu bây giờ, hỡi trời?

Vương đến bên vỗ về, khuyên nhủ:

- Nương tử chớ lo, xin theo tôi về Kim Lăng, tôi có ruộng đất cửa nhà đủ sinh sống, chẳng phải lo gì.

Nàng lau nước mắt và nói:

- Được như vậy là tôi mãn nguyện lắm rồi.

Vương rất mừng, đãi đằng chiều chuộng hết sức. Tối đến nó lôi kéo nàng đòi giao hoan. Nàng nói trong mình đang kì kinh, bây giờ nó mới chịu về chỗ vợ nằm. Cuối canh một, nghe tiếng vợ chồng cãi nhau rầm rĩ, không hiểu vì cớ gì, chỉ nghe vợ nói:

- Mày làm chuyện đó, tao e sấm sét đánh nát đầu cho mày xem.

Vương đánh vợ. Vợ la lớn:

- Mày giỏi đánh chết tao đi càng hay, tao không muốn làm vợ một đứa giết người đâu.

Vương gào thét giận dữ, tóm đầu vợ lôi ra bên ngoài, liền nghe một tiếng ùm, rồi Vương nói rêu rao lên rằng vợ té xuống sông chết đuối rồi.

Mấy hôm sau đến Kim Lăng, Vương dẫn Canh Nương về nhà, chào hỏi bà mẹ. Bà lấy làm lạ sao người này không phải vợ cũ, Vương trả lời vợ cũ chết đuối, nên mới lấy người này.

Lúc nàng vào phòng riêng, Vương lại muốn mò mẫm kia khác, nàng cười và nói:

- Con trai ngót ba chục tuổi đầu mà không biết việc phải ở đời thế nào ư? Dầu là con nhà đầu đường xó chợ, khi mới lấy vợ cũng phải có chén rượu lạt gọi là thủ lễ. Nhà người giàu có, việc ấy hẳn không khó khăn, chả lẽ đối diện suông tình với nhau còn ra thế thống gì nữa.

Vương nghe nhầm lí, bèn dọn tiệc rượu ngồi đối diện nhau. Canh Nương nâng chén khuyên mời hết sức niềm nở ân cần. Vương gần say, chối từ không uống được nữa. Nàng lại rót một li lớn, giả đồ là lời mời ép Vương uống cho kì được. Vương thấy vậy khoái chí không nỡ chối từ, liền uống cạn một hơi.

Bấy giờ nó say mềm, cởi tuột quần áo, thúc giục Canh Nương đi ngủ.

Nàng dọn dẹp mâm chén rồi tắt phụt đèn, lấy có đi tiểu bước ra ngoài phòng, dắt dao trong lưng đem vào, lò mò trong đêm tối, lấy tay vít chặt lấy cổ Vương.

Nó mơ màng ngỡ là người yêu bá cổ mình, cho nên còn nắm lấy cánh tay nàng nói giọng là lời. Nàng thừa thế ấn dao xuống thật mạnh. Vương kêu rú và vùng dậy, nàng chém bồi thêm mấy dao nữa hẳn mới chết. Bà mẹ nghe có tiếng động chạy đến hỏi chuyện gì, nàng thuận tay giết nốt. Em trai nó là Thập cửu hay tin chạy đến. Canh Nương tự biết mình không thoát khỏi, liền trở mũi dao lại đâm cổ. Nhưng vì hốt hoảng nên đâm vào không sâu, vội vàng mở cửa vọt ra chạy trốn.

Thập cửu rượt theo bén gót.

Nàng kịp nhào đầu xuống giếng tự tử. Thập cửu hô xóm giềng vớt lên cứu, thì nàng đã tắt hơi rồi, mà nét mặt vẫn tươi đẹp như lúc còn sống.

Mọi người cùng vào buồng xem xét tử thi của Vương, thấy trên cửa sổ có để bức thư liền mở ra xem, tức là thư Canh Nương kể số nỗi oan khổ của mình.

Ai nấy đều tấm tắc khen ngợi nàng nghĩa liệt, bàn nhau chung đạu tiền bạc mua vải liệm xác và lo cuộc tổng táng.

Sáng ra thiên hạ tựu lại có mấy ngàn người.

Ai trông thấy dung nhan nàng cũng kính cẩn vái lạy. Trọn ngày, quỳn góp được trăm bạc, an táng nàng ở ngoại ô phía nam. Có kẻ bày đặt nhiều chuyện đem cả mả nạm hột châu và áo bào phục mặc vào thi thể nàng rồi đem chôn một cách sang trọng, đầy đủ.

Giờ xin trở lại Kim Đại Dụng, lúc bị xô té xuống sông, tưởng chắc chết đuối, nhưng may phúc nín được tấm ván trôi nổi theo dòng nước, thành ra thoát chết. Gần xế chiều, trôi đến Hoài Thương, nhờ một chiếc thuyền nhỏ vớt lên.

Thuyền này vốn của Doãn ông, nhà giàu có, thả luôn trên sông, chuyên việc cứu vớt những kẻ đắm, đuối làm phúc.

Chừng được hồi tỉnh, Kim đến tận nhà Doãn ông để cảm tạ.

Ông đãi rất tử tế, lại muốn giữ Kim ở lại trong nhà để dạy con học. Nhưng Kim sốt ruột vì không biết tin tức cha mẹ sống chết thế nào, cho nên còn đang lưỡng lự, chưa quyết.

Giữa lúc ấy có người vô trình Doãn ông biết sự mới vớt được xác một cụ già và một bà lão chết trôi. Kim ngờ là cha mẹ mình, chạy ra nhìn mặt quả đúng. Doãn ông sắm sửa quan tài chôn cất tử tế.

Chàng đương khóc lóc, lại được tin mới vớt một chị đàn bà, tự nói chồng nàng là Kim Sinh.

Kim giật mình gạt lệ định chạy ra tận nơi xem mặt thì người đàn bà ấy đã tới nhà Doãn ông. Kim nhìn không phải Canh Nương, mà chính là vợ cũ Vương Thập bát.

Nàng trông thấy mặt Kim khóc ròng, một hai năn nỉ chàng đừng bỏ mình tội nghiệp. Chàng nói:

- Hiện tôi bồi rối ruột gan, còn có bụng dạ nào lo việc hộ người cho đặng.

Nàng càng khóc già.

Doãn ông hỏi rõ nguồn cơn, mừng là đạo trời báo ứng, cho nên khuyên nhủ Kim Sinh nên lấy nàng làm vợ.

Kim chối từ:

- Đúng lúc cư tang, lấy vợ không tiện, vả lại còn phải lo việc báo thù cho cha mẹ, sợ có đàn bà bịn rịn bên mình, sinh ra hệ lụy chẳng?

Nàng nói:

- Theo như lời chàng, giả tí Canh Nương còn sống thì chàng cũng lấy có báo thù và cư tang mà bỏ chị ấy đi chăng?

Doãn ông cho lời nàng nói đúng, ông xin chàng hãy tạm thu dưỡng nàng, để sau sẽ tính. Lúc đó Kim mới khứng chịu, rồi lo việc chôn cất ông cụ và bà cụ. Nàng cũng mặc đồ gai và khóc lóc như đối với cha mẹ chồng thật.

Sau khi an táng cha mẹ xong, Kim giấu dao nhọn trong lưng, đeo bị ăn xin dọc đường định tới Quảng Lăng tìm kẻ thù. Nàng ngăn lại và nói:

- Tôi họ Đường, tổ tiên vốn ở Kim Lăng, cùng làng với thằng khốn nạn đó. Lúc trước nói ở Quảng Lăng ấy là nói láo. Vả lại quân ăn cướp giang hồ, phần nhiều là đồng đảng của nó. Chàng chớ có mạo hiểm vu vơ e rằng đại cừu không báo được mà tự rước lấy tai vạ vào mình đấy thôi.

Kim nghe ngần ngừ không biết tính sao cho phải.

Chợt nghe thiên hạ đồn ầm về chuyện một người con gái giết chết kẻ thù, khắp cả đồ dọc biển sông, đâu đâu cũng biết, lại nói rõ cả tên họ. Kim nghe lấy làm khoái chí, nhưng lại càng thấy đau đớn trong lòng, nhất định chối từ không lấy Đường thị, nói rằng:

- Cũng may, vợ tôi không chịu ô nhục mà giết được kẻ thù. Một người có vợ nghĩa liệt đến thế, nỡ lòng nào phụ rẫy mà lấy vợ khác cho đành.

Đường thị trả lời rằng đã có lời nói nhất định trước rồi, không chịu giữa đường bỏ dở, thôi thì nguyện làm nàng hầu vợ mọn cũng cam.

Vừa vặn lúc đó có quan phó tướng Viên công, vốn quen biết Doãn ông, nhân tiện đi trấn thủ miền tây, ghé vào thăm Doãn ông, được trông thấy Kim, đem lòng yêu mến, xin chàng đi theo làm thư kí.

Không bao lâu, giặc cướp phạm vào đất Thuận, họ Viên đánh dẹp có công to, Kim cũng tham dự khó nhọc trong việc quân cơ, được thưởng chức quan du kích mà về. Bảy giờ mới cùng Đường thị làm lễ kết hôn, thành ra vợ chồng chính thức.

Ở lại mấy ngày rồi dắt vợ đi Kim Lăng, định tìm viếng mộ Canh Nương.

Kim bảo ghé thuyền đỗ bến Trấn Giang, ý muốn lên núi Kim Sơn viếng cảnh, chợt thấy giữa dòng có một chiếc ghe nhỏ đi qua, bên trong có bà cụ và một thiếu phụ ngồi. Kim thoáng trông lấy làm lạ, thiếu phụ hơi giống Canh Nương.

Chiếc ghe lướt qua mau lẹ, thiếu phụ thò đầu ra cửa sổ dòm Kim, khiến chàng nhận thấy hình dung càng giống như đúc, nhưng trong bụng nửa kinh nửa ngờ, không dám đuổi theo mà hỏi, chỉ vội vàng nói câu này thật lớn: “Xem đàn vịt đang bay trên trời kia kìa!”.

Thiếu phụ nghe lọt cũng nói to tiếng: “Chó con lại muốn ăn thịt của mèo ư?”. Ấy là câu nói lóng của vợ chồng thường đùa dỡn nhau trong chốn khuê phòng.

Kim cả kinh, giục ghe quay chèo lộn lại. Té ra thiếu phụ chính là Canh Nương.

Con hầu đỡ Canh Nương bước sang thuyền Kim. Vợ chồng ôm nhau khóc nức nở. Đường thị lấy lễ vợ bé đối với vợ lớn, chào hỏi Canh Nương.

Canh Nương sững sốt hỏi tại sao vợ Vương Thập bát lại ở đây. Kim thuật rõ đầu cuối. Canh Nương cầm tay Đường thị và nói:

- Câu chuyện đàm đạo trong khi cùng một chuyến đò, vẫn ghi nhớ trong lòng không quên, chẳng dè ngày nay được sum họp với nhau một nhà. Tôi nhờ có chị thay mặt tống táng cha mẹ chồng, đáng lí tôi phải tạ ơn chị trước, sao chị lại lấy lễ đích thứ đối với tôi thế?

Canh Nương hỏi ra Đường thị kém mình một tuổi bèn gọi Đường thị là em.

Nguyên hồi Canh Nương chết rồi, được các người hảo tâm chôn cất, không tự biết là trái bao xuân thu đắp đổi. Một hôm chợt nghe có người gọi tên và nói:

- Canh Nương ơi! Chồng mi không chết đâu, rồi vợ chồng mi sẽ lại được sum họp.

Khi đó nàng như chiêm bao mới tỉnh, rờ tay thấy bốn phía bụng bít như tường kín, bấy giờ mới tỉnh ngộ rằng mình đã chết, chôn trong quan tài, nhưng trong trí chỉ thấy buồn bực, chứ không có điều chi khổ sở.

May sao, có bọn người tham lam, thấy được khi người ta liệm nàng có nhiều đồ vật sang trọng, bèn thừa đêm khuya rủ nhau ra đào mả bừa hòm, để lấy những vật quý giá đó. Nào dè mở ra, thấy Canh Nương còn sống, cả bọn sợ hãi cuống quýt.

Canh Nương sợ chúng sát hại mình, cho nên lấy lời nhỏ nhẹ năn nỉ:

- Thật là nhờ có mấy anh, mà tôi lại trông thấy mặt trời. Vậy bao nhiêu trâm cài lược giắt trên đầu tôi, xin mấy anh cứ việc lấy đi, rồi đem tôi bán cho một chùa nào làm ni cô thì mấy anh còn được món tiền nhiều ít nữa. Tôi thề giữ kín, không lộ với ai mà sợ.

Bọn trộm cúi đầu thưa:

- Nương tử nghĩa liệt, dù người hay quỷ thần đều phải kính nể. Anh em chúng tôi chỉ vì nghèo túng vô phương mà làm việc bất nhân thế này. Chỉ cầu nương tử không nói lộ chuyện là may phúc cho anh em chúng tôi lắm rồi, đâu dám đem nương tử đi bán cho chùa.

Canh Nương đáp:

- Điều đó tự lòng tôi muốn mà.

Một đứa trong bọn nói:

- Tại Trấn Giang có Cảnh phu nhân, góa chồng mà không có con cái chi, nếu được nương tử về làm con nuôi, thì hẳn bà mừng lắm.

Canh Nương tạ ơn, rồi tự tháo các món châu báu trang sức trên đầu trao cho lũ trộm. Chúng không dám nhận. Nàng cố ép mãi, chúng mới chịu lãnh rồi mời nàng xuống ghe, chở tới nhà Cảnh phu nhân, nói thác rằng nàng bị bạt phong chìm thuyền lưu lạc đến đây.

Cảnh phu nhân nhà cao cửa rộng, thân đàn bà góa vò võ một mình, đang trong cảnh buồn, bỗng được Canh Nương, trong lòng vui mừng khôn xiết, liền nhận nuôi nàng và chăm nom chiều chuộng không khác nào con đẻ.

Hôm nọ, Kim Sinh gặp ở trên sông, là lúc hai mẹ con đi chơi Kim Sơn trở về.

Canh Nương kể rõ tình đầu cho bà nghe, rồi Kim Sinh qua chào. Bà tiếp đãi như mẹ vợ đối với chàng rể, lại mời đến nhà ở chơi mấy ngày mới cho về.

Từ đó hai vợ chồng lui tới nhà phu nhân luôn.

44. VẠN LÝ TÂM PHU

(Truyện Cung Mộng Bất, quyển VI)

Liều Phương Hoa, người đất Bảo Định, giàu có nhất trong làng, tính khảng khái, ưa tiếp đãi khách cho nên trên tiệc từng tụ họp trăm người. Lại hay giúp đỡ người ta trong lúc nguy cấp, bạc vàng không tiếc. Bạn bè khách khứa vay mượn không trả là sự thường thấy.

Duy có một người khách là Cung Mộng Bất, người Thiểm Tây, trước sau chưa hề cầu xin chuyện gì hoặc hỏi vay đồng nào. Một lần đến chơi, ở lại hàng năm, người nói năng lanh lẹ đứng đắn cho nên Liều hay cùng ăn ở chuyện trò nhiều hơn những khách khác.

Con trai của Liều tên là Hòa, lúc này còn bé, vẫn gọi Cung là chú. Cung thích chơi với Hòa, mỗi lần Hòa ở trường học về, cùng nhau gỡ những viên gạch lát trong nhà lên chôn đá vụn ở dưới, giả như chôn giấu vàng bạc, lấy thế làm vui. Nhà năm gian, bới đào chôn giấu khắp. Mọi người cười là tính khí trẻ con, chỉ có Hòa là ưa đùa nghịch với Cung là thân mật hơn ai hết.

Mười năm sau, nhà hơi kém, không thể làm vừa lòng của nhiều khách khứa đòi hỏi, thành ra khách khứa vắng dần. Tuy vậy trong nhà vẫn đôi ba chục người hội họp rượu trà chuyện văn, thâu canh suốt sáng là thường.

Tuổi Liều càng về già, nhà càng sa sút, nhưng vẫn còn cấp ruộng bán dần lấy tiền để những khi có khách đến thì mổ gà, dọn cơm rượu đãi đằng.

Hòa cũng xài lớn theo gương cha, mời thỉnh các bạn bè con nít với nhau, Liều biết mà chẳng ngăn cản gì.

Không bao lâu, Liều thọ bệnh qua đời, trong nhà đến nỗi không còn tiền để lo liệu việc tang. Cung bèn xuất tiền túi ra lo liệu giùm. Vì thế, Hòa càng mang ơn, phàm việc gì lớn nhỏ, đều nhờ chú trông nom.

Mỗi lần Cung ở ngoài về, tất có bọc ít ngói bể gạch vụn về ném vào trong xó. Nội nhà không ai hiểu là ý gì.

Hòa thường than thở cảnh nghèo với Cung, Cung nói:

- Cháu không biết sự làm việc khó khăn vất vả, dù bây giờ có đưa cho cháu ngàn vàng, cháu cũng vung vãi hết ngay. Thằng con trai chỉ lo không biết tự lập chứ lo gì nghèo.

Một hôm Cung từ giã ra đi, Hòa khóc và năn nỉ mau mau trở lại, Cung gật đầu rồi ra đi.

Hòa nghèo đến nỗi ăn uống hàng ngày cũng thiếu thốn, có gì cầm bán mãi, đến nỗi không còn thứ gì cầm bán nữa. Hàng ngày mong chú Cung đến, hầu lo chạy giùm mình, nhưng Cung vẫn vắng bật tăm bật tích, như chim hạc vàng một đi không về.

Nguyên hồi Liễu còn sống, đi dạm hỏi con gái nhà họ Huỳnh ở quận Vô Cực cho Hòa.

Họ Huỳnh nhà giàu có, sau khi nghe Liễu hết của, nay đã nghèo cho nên đã ngầm có ý trở mặt nuốt lời.

Khi Liễu mất, nhà có gửi thiệp báo tang đến. Huỳnh làm lơ chẳng đến phúng điếu chi hết. Ai nấy cũng nghĩ tại đường xá xa xôi mà thể lượng.

Đến lúc mãn tang, mẹ Hòa sai Hòa tự đến nhà nhạc gia để xin hẹn ngày cưới, trong ý trông mong Huỳnh thấy cảnh nghèo túng mà đoái thương giúp đỡ con rể vậy.

Nào ngờ khi Hòa đến nơi, Huỳnh nghe nói áo giày lôi thôi rách rưới, bèn ngầm bảo kẻ giữ cổng không cho Hòa vào, chỉ nhắn miệng rằng, về lo kiếm trăm bạc rồi hãy trở lại đây, bằng không thì từ nay xin tuyệt.

Hòa nghe, khóc lóc thảm thiết. Bà lão họ Lưu ở đối cửa thấy thế động lòng thương hại, gọi Hòa vào cho ăn, lại tặng ba trăm đồng tiền, bảo kiếm đường về quê quán đi.

Về nhà thuật lại nông nỗi cho mẹ nghe, mẹ cũng phần uất xót xa nhưng không biết làm sao khác hơn. Nhân đó, nhớ đến khách khứa thuở xưa vay mượn của nhà mình nhiều, mười ông còn đến tám, chín ông chưa trả, bà liền bảo Hòa chọn lựa những ông giàu có thì đến mà cầu họ giúp đỡ lại, Hòa lắc đầu:

- Mẹ ơi, ngày xưa họ lui tới giao du với nhà ta, chỉ vì nhà ta có tiền của nhiều đó thôi. Phải chi ngày nay con ngồi xe sang, cưỡi ngựa quý, thì vay mượn người ta ngàn vàng chẳng khó chi đâu. Nay cảnh nhà ta nghèo khổ sa sút thế này, còn ai nhớ lại ơn xưa nghĩa cũ mà hòng. Vả lại cha con sinh thời, cho ai vay mượn cũng chẳng có giấy tờ gì, nay đi đòi họ khó khăn lắm.

Nhưng mẹ cố ép, Hòa đi hơn hai mươi ngày không đòi được một trinh nào hết. Duy có người kép hát Lý Tự còn nhớ ơn xưa Liễu thường cứu giúp mình bèn tặng Hòa một đồng gọi là báo đáp.

Mẹ con ngồi khóc lóc với nhau, từ đó tuyệt vọng chẳng còn trông mong vào đâu nữa.

Nói về con gái họ Huỳnh đã đến tuổi lấy chồng, nghe việc cha tuyệt Hòa, trong lòng thầm nghĩ như thế là quấy.

Huỳnh muốn gả chồng khác, nàng khóc và nói:

- Thừa cha, Liễu sinh có phải lọt lòng ra là nghèo túng đâu. Chớ chi bây giờ nhà chàng giàu có gấp mấy thuở xưa thì bất tất phải nói, chả ai có thể tranh đoạt với chàng cho được. Nhưng ngày nay chàng nghèo mà ta khinh bỏ như thế là bất nhân cha ạ!

Huỳnh không nghe, kiêu có lời này có kia, khuyên dỗ nàng trăm cách nàng cũng không chuyển. Hai ông bà giận con, suốt ngày mắng nhiếc, nàng vẫn lặng thinh.

Cách không bao lâu, đang đêm cướp đến đánh nhà, nung dùi nung kẹp, tra khảo vợ chồng Huỳnh gần chết rồi vợ vét trong nhà sạch sành sanh.

Thấm thoát ba năm, nhà lại sa sút thêm. Có người chủ hiệu nghe biết nàng đẹp, tình nguyện cưới năm ngàn đồng. Huỳnh thấy tiền nhiều chói mắt, ưng chịu liền, định ép uống con cho bằng được.

Nàng biết mưu ấy, tự hủy hình dung, bôi mặt lem luốc, thừa cơ đêm tối bỏ nhà đi trốn, ăn xin dọc đường ròng rã hai tháng mới đến Bảo Định, hỏi thăm hàng xóm và thẳng đến nhà Hòa.

Bà mẹ Hòa thoát đầu trông tưởng là con ăn mày nào mắng và đuổi đi. Nàng thồn thức tự nói tên họ, bà nắm tay tay nàng khóc òa và nói:

- Tội nghiệp cho con, làm sao thân thể ra thế này?

Nàng thăm thiết giải bày căn do, rồi hai mẹ con cùng khóc. Khóc đã thém rồi, bà đi múc nước rửa ráy cho nàng, mặt mày sáng sủa, nhan sắc tươi đẹp trở lại. Mẹ con cùng mừng.

Song nhà ba miệng ăn, ngày chỉ có một bữa. Bà mẹ thương hại, không cầm nước mắt:

- Mẹ con ta cực khổ đã quen rồi, chỉ thương cho con dâu hiền của ta cũng phải chịu chung cảnh này thôi.

Nàng cười và an ủi mẹ chồng:

- Con dâu của mẹ từng trà trộn vào đám ăn mỳ, ăn xin nếm trải mùi khổ lắm rồi mẹ ạ! Bây giờ đem sánh với lúc đó, con thấy cách xa như cảnh thiên đàng địa ngục kia lận.

Bà mẹ nghe nói lấy làm hả lòng.

Một hôm nàng vào căn nhà bỏ không bấy lâu, thấy cỏ mọc rạp rạp, chẳng hớ chỗ nào. Vào dần mãi bên trong, rác bụi ngập đầy. Trong xó nhà có vật gì chất đống, chân vấp phải, lượm lên coi, té ra là tiền bạc tất cả. Nàng sững sốt chạy đi gọi Hòa.

Hòa cũng vào xem tận nơi, thì ra những gạch ngói vụn bể ngày xưa chú Cung ném vào xó nhà này toàn thị tiền bạc trắng xóa. Nhân dịp nhớ lại hồi nhỏ mình thường cùng chú Cung chơi nghịch giở gạch lót lên mà chôn đá cuội xuống dưới làm vui, có lẽ đều là vàng bạc thật cả chăng?

Nhưng ngôi nhà cũ đó đã cầm thế cho người ở xóm Đông mất rồi, chàng vội vàng mang tiền sang chuộc nhà lại. Đào lên, té ra những viên đá chôn dưới nền gạch xưa, cũng đều là tiền bạc hết thảy.

Ai ngờ chỉ trong chốc lát bỗng nhiên thu gom thành có bạc vạn.

Từ đó chuộc lại điền sản, xây dựng nhà mới, nuôi tôi trai tớ gái tập nập, cửa nhà nguy nga sang trọng còn hơn ngày trước. Hòa còn phấn chí tự cường:

- Trời ơi! Nếu không cố lập lấy công danh, thì phụ lòng tốt của chú Cung ta biết mấy!

Rồi cặm cùi đọc sách, ba năm sau đậu thi hương, bèn thân hành đem trăm bạc đến tận nhà bà Lưu tạ ơn bữa cơm hồi nào. Hòa mặc áo lịch sự thoáng mắt, mấy chục kẻ tùy tùng đều trai tráng, cưỡi ngựa đẹp như rồng. Lưu bà ở căn nhà nhỏ hẹp, Hòa vào ngồi ở bộ ván, còn tùy tùng đứng cả ở bên ngoài, người đông ngựa hí tấp nập cả xóm.

Nhắc lại ông Huỳnh từ khi con gái bỏ nhà trốn đi, người chủ hiệu bức bách hồi lại món tiền dẫn cưới, mà lỗ tiêu xài mất quá nửa rồi, thành ra buộc phải bán ngôi nhà đang ở mới trả đủ cho người ta. Vì đó mà trở nên khốn quẫn, y như cảnh Hòa lúc nào. Giờ nghe chàng rể cũ đổ đạt sang trọng, mà đến huyện diệu ngay lối xóm mình, không khác gì gai đâm trước mắt, vợ chồng Huỳnh hổ người, đóng chặt cửa ngôi trong nhà thở than với nhau, chẳng dám lộ mặt ra.

Lưu bà mua rượu dọn cơm đãi Hòa, trong bữa thuật chuyện người con gái Huỳnh hiền đức ra sao, lại tỏ ý than tiếc nàng bỏ nhà đi đâu mất biệt. Đoạn hỏi Hòa lấy vợ chưa. Hòa đáp lấy vợ rồi.

Cơm nước xong, Hòa cố mời Lưu bà đi với mình về nhà, cho được xem mặt vợ mình mới cưới. Thế rồi Hòa chở Lưu bà lên đường cùng về.

Đến nhà nàng vận y phục lộng lẫy ra chào, thị nữ dàn hầu hai bên, trông như tiên nữ giáng phàm. Nàng cùng bà Lưu ngó thấy nhau cùng hãi hùng sững sốt, rồi tay bắt mặt mừng, nhắc lại chuyện cũ, nhân dịp nàng hỏi thăm tin tức cha mẹ.

Bà ở chơi mấy ngày, được tiếp đãi hết sức niềm nở, phong hậu. Nàng may sắm y phục từ đầu đến chân, bấy giờ mới đưa bà về.

Bà sang nhà Huỳnh, nói cho biết tin tức con gái còn sống và nhắn lời hỏi thăm. Vợ chồng Huỳnh cả kinh, Lưu bà khuyên nhủ nên đi thăm con và rể, nhưng Huỳnh có vẻ ngần ngại.

Thế rồi đôi rách bức bách, cực chẳng đã phải đi Bảo Định. Tới nơi thấy cổng kín tường cao, người giữ cửa trợn mắt tỏ vẻ giận dữ. Huỳnh lóng nhóng suốt ngày chẳng được vào.

Mãi sau có một mục từ trong nhà đi ra, Huỳnh xuống nước dịu ngọt, tự nói họ tên, nhờ lên thông báo cho con gái biết. Một lát mục trở ra dắt Huỳnh vào một căn nhà cạnh đó và nói:

- Nương tử muốn gặp liền nhưng sợ lang quân hay đăng sinh rầy, vậy tốt hơn ngồi tạm ở đây chờ có cơ hội thuận tiện đã. Tội nghiệp ông lão đến đây từ hồi nào, đã ăn uống gì chưa, có đói bụng không?

Huỳnh được dịp tỏ hết nỗi khổ cực cho mẹ nghe. Mẹ đem ra một ve rượu, hai giỏ cơm, để trước mặt Huỳnh kèm thêm năm đồng bạc rồi nói:

- Lang quân hiện đang ăn tiệc ở phòng trong, nương tử e không có giờ phút nào hở mà tiếp rước ông lão được đâu. Mai sáng ông nên đi thật sớm, chớ để lang quân hay được thì khôn.

Huỳnh vâng lời. Mờ sáng, ông ôm gói ra đi, nhưng người giữ chìa khóa còn chưa mở cổng, đành phải nép mình bên xó cửa ngồi bên bọc hành lý mà đợi. Chợt có tiếng vang truyền ông chủ đi ra. Huỳnh muốn tìm chỗ ẩn mình lánh mặt, nhưng Hòa đã trông thấy, thét hỏi lão già ăn mày là ai. Gia nhân đều làm thinh không trả lời, Hòa giận:

- Tất là đứa gian, bay đâu bắt trói nó giải lên quan phủ xét nghe!

Chúng dạ vâng lấy dây thừng trói Huỳnh vào gốc cây. Huỳnh vừa sợ vừa thẹn, không dám nói năng gì hết. Giây lát mẹ ở hồi hôm trước lại ra quỳ trước mặt Hòa năn nỉ:

- Thưa ông chủ, người này là cậu ruột tôi, mới đến hồi hôm cho nên chưa kịp trình ông chủ rõ!

Hòa truyền lệnh cởi trói cho Huỳnh.

Mẹ ở dẫn Huỳnh ra cửa và nói:

- Chỉ tại tôi quên dặn trước người giữ cửa, thành ra có chuyện phiền. Nương tử có lời nhắn miệng rằng: khi nào tương nhớ thì cho bà lão ở nhà giả làm mẹ bán hoa cùng đi với Lưu bà đến đây mới được.

Huỳnh vâng lời.

Về nhà kể chuyện với bà vợ, bà này nhớ con muốn mau gặp mặt, bèn ngỏ ý với Lưu bà, rồi hai người cùng đến nhà Hòa.

Qua hơn mười lớp cửa ngõ mới đến được chỗ con gái ở. Nàng mặc gấm vóc, mang châu ngọc khắp người, hương thơm bay ra ngào ngạt, một tiếng véo von hô kêu, tức khắc cả đoàn thị nữ lớn bé già trẻ cùng dạ vang rân, chạy đến chung quanh đợi lệnh. Nào người nhắc ghế nạm vàng, nào kẻ pha trà mời khách.

Mẹ con dùng tiếng lóng đàm đạo việc nhà, nhìn nhau rung rung nước mắt. Đêm lại, dọn riêng ra một gian nhà để hai bà già nghỉ với nhau. Nệm gối êm đẹp, dù chính nhà mình năm xưa giàu có cũng chưa từng được dùng của quý ấy.

Lưu lại năm ba ngày, bà lão được nàng tiếp đãi cực tử tế. Bà dẫn con ra chỗ vắng nói chuyện, khóc lóc giải bày sự ăn ở quấy ngày xưa. Nàng nói:

- Giả mẹ con ta điều chi lầm lỗi mà chẳng quên được. Duy có nhà con vẫn còn tức giận không nguôi, bây giờ nói gì chàng cũng không nghe đâu.

Mỗi khi thấy bóng Hòa đi tới, bà liền lẩn trốn. Một hôm đang ngồi chơi, bỗng Hòa vô tình trông thấy, nổi giận thét mắng:

- Con mụ nhà quê nào đó, dám ngồi ngang hàng với nương tử à? Bây đầu lòi nó đi cho ta!

Lưu bà đỡ lời và nói:

- Đó là Vương tẩu, làm nghề bán hoa, có họ với bà già đây, xin ngài tha lỗi.

Hòa bèn chấp tay tạ lỗi, đoạn ngồi lại nói chuyện với Lưu bà:

- Bà đến đây chơi mấy bữa nay, tôi vì bận việc quá không có giờ rảnh hỏi chuyện gì được. Chẳng biết lão già súc sinh họ Huỳnh còn sống hay chết?

Lưu bà đáp:

- Thưa, cả ông bà còn mạnh khỏe, chỉ phải tội nghèo túng quá. Ngài bây giờ giàu sang, sao không nghĩ tình cha vợ chàng rể một chút?

Hòa vỗ bàn nói:

- Năm trước tôi không nhờ có bà cho một bát cơm đỡ lòng thì còn sống đâu mà về quê quán cho có ngày hôm nay. Lão già bất nhân bất nghĩa, bây giờ tôi muốn lột da mới cam lòng, can chi phải tưởng nhớ lão ta nữa?

Chàng nói đoạn phần kích quá, dậm cẳng đứng lên, chỉ trời vạch đất, mắng chửi om sòm.

Nàng chạnh lòng xen vào:

- Người dù bất nhân cũng là cha mẹ sinh đẻ ra tôi. Tôi đem thân ăn xin dọc đường từ ngàn dặm tới đây phỏng da rách cả cẳng, tự nghĩ như thế thật không phụ lòng chàng ở chỗ nào? Sao chàng đứng trước mặt con mà chửi mắng cha, khiến tôi đau tủi vô cùng.

Bấy giờ Hòa mới nguôi mà đứng dậy đi.

Bà vợ Huỳnh then thùng tím mặt, từ giã ra về. Nàng lấy hai chục đồng tặng riêng cho mẹ.

Sau khi bà trở về, tin tức hạn tuyệt. Nàng thương nhớ cha mẹ, rầu buồn hiện ra sắc mặt. Hòa bèn sai người mời hai ông bà đến.

Vợ chồng Huỳnh tới vẫn còn vẻ then, đứng ngồi không yên. Hòa kiếm lời an ủi và xin lỗi trước:

- Năm nọ ông bà đến chơi tôi không được rõ, thành ra nói năng xúc phạm rất nhiều. Xin lượng thứ cho!

Huỳnh chỉ ậm ừ không nói gì đặng, Hòa sắm áo quần mới tinh cho hai ông bà thay đổi.

Ở chơi hơn một tháng, Huỳnh vẫn tự thấy lương tâm cắn rứt, mấy lần xin về. Hòa biếu một trăm lượng bạc và nói:

- Tôi xin biếu số tiền nhiều gấp hai món năm nghìn của thằng chủ hiệu năm xưa đó!

Huỳnh bẽn lén nhận lãnh, Hòa cho xe ngựa đưa về tận nhà.

Nhờ món tiền đó mấy năm về già, Huỳnh sống một cách phong lưu trung bình.

45. VỢ BÉ LÀ CHỒN

(Truyện Hồ thiếp, quyển VI)

Lai Vu, Lưu Động Cửu, làm quan ở Phấn Châu, có bữa ngồi một mình ở trong dinh, nghe ngoài sân có tiếng cười nói, trước xa sau gần, rồi vào tới trong nhà, thì ra là bốn người con gái. Người lớn nhất độ

bốn mươi tuổi; thứ hai chừng ba mươi; thứ ba lồi hai bốn, hai năm trở lại; cuối cùng là một cô còn để tóc xõa.

Cả bốn cùng đứng trước kỷ ngó nhau mà cười.

Lưu vốn biết trong dinh nhiều chồn, cho nên mặc kệ, không buồn để ý. Giây lát cô bé tóc xõa lấy chiếc khăn đỏ ra ném giỡn trên mặt Lưu, Lưu nhặt lấy quăng lên cửa sổ, vẫn không thèm nhìn.

Bốn cô cười rồi bỏ đi.

Một hôm người lớn tuổi nhất đến nói với Lưu:

- Con bé em tôi có nhân duyên với ông, xin ông chớ chê là hèn hạ mà bỏ qua.

Lưu ậm ừ cho qua chuyện, người ấy mới đi. Lát sau, lại cùng một thị nữ dẫn cô bé đến, đặt ngồi sánh vai với Lưu rồi nói:

- Thật là tốt đôi. Đêm nay động phòng hoa chúc, ráng ở với Lưu lang, chị về nhé!

Lưu nhìn kỹ, thấy nàng tươi đẹp vô song, bèn cùng chuyện trò thân mật, thăm hỏi gốc tích. Nàng nói:

- Em đây chẳng phải là người, nhưng thật cũng là người, nguyên em là con gái ông quan trấn nhậm ở đây trước, bị chồn làm chết, xác chôn trong vườn. Lũ chồn làm phép cho em sống lại, cũng biến hóa như chồn vậy.

Lưu thò tay sờ phía sau. Nàng hiểu ý và cười nói:

- Ý hử chàng bảo chồn có đuôi phải không?

Rồi chuyển mình nói tiếp:

- Giờ thử sờ lại xem có đuôi không?

Từ đó nàng ở luôn trong dinh, khi đứng ngồi đều có con hầu nhỏ bên cạnh. Gia nhân một mực tôn kính là bà nhỏ, vú bô tôi tớ lên chào, được thưởng tặng món này quà kia khá lắm.

Sắp đến ngày sinh nhật của Lưu, Lưu sợ quan khách đông đảo, tính tới ba chục mâm cỗ, vậy cần phải nhiều đầu bếp làm cỗ mới đủ. Trước đó, Lưu đã ra sức đòi ở các nơi, nhưng chỉ có một hai người tới, thành ra đâm lo. Nàng biết, bảo Lưu:

- Không can chi mà lo. Số đầu bếp đã không đủ dùng, chi bằng đuổi mấy đứa kia về. Tôi tuy kém tài nhưng làm ba chục mâm cỗ cũng chẳng khó gì.

Lưu mừng rỡ, sai mang các món rượu, thịt, tỏi, gừng vào trong tư thất để nàng nấu cỗ. Người nhà chỉ nghe tiếng dao thớt kêu lách cách không dứt. Bên trong cửa đặt một chiếc bàn, những người túc trực bung cỗ cứ để mâm trên đó, ngoảnh đi ngoảnh lại các món ăn đã dọn đầy mâm, họ chỉ có việc bung đi. Hơn mười người đi lại liên tiếp, mà món ăn lấy hoài, có hoài chẳng hết.

Sau chót, một người bung mâm vào gọi lấy bánh chay. Bên trong trả lời:

- Quan ngài có bảo trước đâu, bây giờ gấp rút quá làm sao có được?

Rồi nói tiếp:

- Thôi thì đành phải mượn đỡ của người ta vậy.

Giây lát, người đợi lấy bánh đã thấy trên bàn hơn ba chục bát còn nóng hổi, khói bốc lên nghi ngút.

Khi các quan khách ăn xong ra về cả rồi, nàng nói với Lưu:

- Mình đưa tiền trả tiền bánh cho nhà kia đi.

Lưu sai người đem tiền đến nhà ấy, quả thật họ mất trộm mấy chục bát bánh vừa nấu xong, đang lấy làm kinh ngạc thì có người đem tiền đến trả, bấy giờ mới hết nghi hoặc.

Một bữa, ngồi uống rượu buổi tối, Lưu chợt nhớ rượu Sơn Đông mà thèm, nàng nói:

- Để tôi đi kiếm cho.

Nói đoạn bước ra cửa đi liền. Giây lát trở về chạy vào báo Lưu:

- Tôi lấy về một hũ ngoài cửa kia, đủ cho mình nhắm mấy ngày.

Lưu ra xem, quả thật rượu Sơn Đông, y như thể rượu thường cất ở nhà mình như mọi lần.

Phu nhân (vợ lớn của Lưu) lúc này ở quê quán sai hai người gia bộc đến Phân Châu. Giữa đường một người nói:

- Nghe đồn “bà thứ chồn” vẫn khao thưởng rộng rãi cho con hầu người ở. Chuyến này được tiền thưởng ta để mua một chiếc áo lông chiên mặc chơi.

Nàng ngồi ở dinh đã nghe biết cả rồi, bèn nói với Lưu:

- Gia nhân ở nhà quê sắp đến. Đáng ghét một thằng nói giọng xác xược, phải trị mới được.

Sáng hôm sau, tên gia bộc mới vừa vào trong thành đầu đã đau nhức, khi đến dinh thì ôm đầu mà kêu cha kêu mẹ, ai nấy bèn đi rước thầy bốc thuốc cho y, Lưu cười:

- Bệnh này không cần phải chữa, hễ ngày giờ đến thì tự nó hết.

Mọi người hơi ngờ y phạm tội gì với bà bé chẳng, nhưng y tự nghĩ mình mới tới đây, chân ướt chân ráo đã làm gì nên tội. Đến khi đầu nhức nhối quá, y không còn biết kêu van vào đâu, đành phải bò đến gần kêu bà bé.

Tiếng người trong màn nói ra:

- Mi gọi bà bé là đủ, sao còn thêm một tiếng nữa là nghĩa gì?

Bấy giờ tên gia bộc mới tỉnh ngộ, kêu van chí chết.

Trong màn lại nói:

- Mi có cần áo lông, sao lại dám vô lễ?

Kế nói tiếp luôn:

- Thôi mi hết đau rồi.

Tức thời tên gia bộc thấy bệnh tiêu tan đầu mất, toan lạy tạ đi ra, chợt thấy trong màn quăng ra một cái bọc và nói:

- Một chiếc áo lông dê non đó, cho mi lấy đi!

Tên gia bộc mở ra xem, thấy bên trong có gói năm đồng bạc. Lưu hỏi thăm tin tức ở nhà, tên nô bộc thừa nội nhà đều vô sự, duy có một đêm khi không mất một hũ rượu. Tính ngày giờ chính là đêm bữa Lưu nói thềm rượu Sơn Đông mà bà bé đi lấy về cho.

Và từ đó ai cũng kính sợ nàng có phép thần thông, bèn gọi là thánh tiên.

Lưu vẽ hình nàng để treo. Lúc đó ông Trương Đạo Nhất làm quan đề đốc sử nghe chuyện lạ lùng, lấy tình đồng hương đến chơi dinh Lưu, khẩn cầu được thấy mặt nàng.

Nàng không chịu.

Lưu đưa ra tám hình cho xem. Trương cố giật lấy đem về nhà treo cạnh chỗ ngồi, đêm ngày khẩn vái cầu đảo:

- Xinh đẹp như cô, muốn gì lại chẳng được? Sao lại gửi mình ở lão rậm râu. Tôi đây không kém thua Động Cữu, có sao không hạ cố tôi một phen?

Giữa khi đó nàng ngồi ở dinh nhà, thỉnh linh bảo Lưu:

- Nay, Trương công vô lễ, ta phạt lão đôi chút cho chừa đi.

Quả nhiên một hôm, Trương đang ngồi cầu chúc lâm râm như mọi khi, thấy như có người cầm thanh bản đánh ngay giữa trán nghe cái bốp, đau điếng vội vàng cuộn hình lại không dám cầu nữa.

Lúc hỏi có sao lại thôi, Trương giấu chuyện bị đánh, trả lời xuôi xị, Lưu cười và hỏi:

- Trán ngài có đau không?

Trương hết chối cãi, phải kể hết chuyện thật.

Cách đó ít lâu, người rể Lưu tên Nguyên đến thăm cha vợ, ngỏ ý muốn kính chào bà bé. Nhưng nàng từ chối.

Nguyên năn nỉ mãi, Lưu bảo nàng:

- Rể là con ta, chớ phải người lạ nào mà cự tuyệt nó quá vậy?

Nàng đáp:

- Rể đến ra mắt, tất phải có quà cho nó. Nhưng nó hy vọng lắm cơ. Mà tôi xét hiện tại không làm vừa lòng nó được, cho nên không muốn cho nó giáp mặt là lẽ đó.

Sau Nguyên lại ngỏ lời cầu xin lần nữa, nàng ưng chịu, hẹn mười ngày sẽ cho ra mắt.

Đến ngày hẹn, Nguyên vô đứng cách màn, chấp tay vái và kính lời thăm hỏi, nhưng thấy dung nhan một cách phảng phất, chứ không

dám nhìn kỹ. Khi cách xa mấy bước mới ngoảnh mặt lại ngó đăm đăm, nghe tiếng nàng nói:

- Kia chú rẽ đay đầu lại!

Nói đoạn cười khanh khách như tiếng quạ kêu, Nguyên nghe mềm nhũn cả chân tay, run rẩy như mất hồn phách. Lúc ra bên ngoài, phải ngồi giây lát, mới định thần nói:

- Vừa rồi nghe tiếng cười của bà như tiếng sấm sét, đến nỗi không biết thân mình còn hay mất.

Một lát, con hầu vâng lệnh nàng, mang ra ba mươi lạng tặng Nguyên, Nguyên lãnh số tiền rồi nói với con hầu:

- Thánh tiên ngày ngày ở với ông nhạc ta, há không rõ tính ta xài lớn, chứ không quen những món tiền nhỏ sao?

Nàng nghe nói trả lời:

- Ta đã biết trước mà. Hiềm vì trong túi vừa vặn hết tiền, ta đã cùng bạn bè đi Biện Lương để lấy, rủi ro trong thành bọn thần Hà Bá chiếm giữ, bao nhiêu kho bạc đều ngập dưới nước. Vì thế ta không lấy được nhiều tiền để nhồi vào túi tham không đáy của y. Nói giả tử ta có cho nhiều đi nữa, phước đức của y mỏng manh, cũng không được hưởng cơ mà.

Mọi việc, nàng hay kiên trì, cho nên trong nhà gặp việc chi nguy nan cứ bàn với nàng chẳng việc gì là không xong.

Bữa nọ, vợ chồng ngồi đàm đạo, bỗng nàng ngửa mặt lên trời, tỏ vẻ cả kinh và nói:

- Đại nạn sắp tới biết làm sao đây?

Lưu hoảng sợ hỏi vợ coi trong nhà lành dữ ra sao, nàng nói:

- Tất cả vô sự, trừ ra cậu hai đáng lo. Chốn này nay mai trở thành chiến trường, vậy chàng xin quan trên cho đi công cán nơi xa, mới khỏi tai nạn.

Lưu nghe lời, xin quan trên cho đi áp tải lương thực ở miền Vân Nam, Quý Châu. Đường sá xa xôi hiểm hóc, ai cũng lo ngại cho Lưu, duy có nàng lấy làm vui mừng.

Quả nhiên ít lâu, Khương Khôi đẩy binh làm phản, Phân Châu hóa ra hang ổ của giặc, con thứ hai của Lưu, từ Sơn Đông tới thăm cha, vừa gặp loạn nổi, bị giết. Thành bị giặc lấy, quan lại lớn nhỏ đều ngộ hại trừ Lưu đi việc quan xa, thoát nạn.

Chừng yên giặc xong. Lưu trở về. Rồi sau liên can vào vụ án lớn, nghèo túng tới nước thiếu cả bữa ăn. Các nhà cầm quyền lại đòi tiền đút nhiều, Lưu vừa quẫn vừa lo, muốn chết. Nàng bảo:

- Đừng lo, còn ba nghìn đồng chôn dưới chân giường lấy lên dùng đỡ cũng được.

Lưu mừng, hỏi nàng đánh cắp của ai, nàng nói:

- Trong thiên hạ, thiếu gì của vô chủ, can chi phải trộm cướp của ai.

Lưu dùng số tiền ấy lo chạy được thoát về quê quán. Nàng đi theo. Một năm sau, tự dung đi mất để lại mấy món đồ gói giấy tặng Lưu. Trong đó có cái phướn chỏ treo nhà đám ma dài độ hai tấc.

Ai cũng cho là điềm gở. Rồi ít ngày sau, Lưu chết.

46. LÊN CHƠI TRÊN TRỜI

(Truyện Lôi tào, quyển VI)

Nhạc Vân Hạc và Hạ Bình tử, hai người lúc nhỏ cùng xóm, lớn lên cùng học một trường, chơi với nhau rất thân.

Hạ thông minh từ bé, mười tuổi đã học nổi tiếng. Nhạc thờ như bậc đàn anh. Hạ lấy tình anh em chăm chỉ khuyên bảo; nhờ đó Nhạc học ngày càng tấn tới, danh cũng nổi dậy. Duy có thi cử vất vả, khoa thi nào cũng rớt luôn.

Không bao lâu, Hạ mắc bệnh dịch qua đời, nhà nghèo quá, không có tiền chôn cất. Nhạc khảng khái nhận hết công việc ấy về phần mình lo liệu. Hạ chết để lại vợ góa và đứa con còn ẵm trên tay. Nhạc thương lui tới chăm sóc, kiếm được thương lúa, đấu gạo nào đều chia làm hai.

Vợ con Hạ nhờ sự giúp đỡ tận tình ấy mà sống. Các bậc sĩ phu thấy thế càng khen Nhạc hiền đức.

Vốn nhà chẳng có của cải bao nhiêu, lại còn chu cấp cho vợ con của Hạ, thành ra Nhạc sa sút dần, phải than rằng:

- Tài học như Bình Tử, còn phải lận đận mà chết, huống chi là ta? Sự sang giàu của đời người cần phải kịp thời, nếu suốt năm cứ bận lòng rối trí như vậy mãi thì e đến chết bỏ xác ở ngòi rạch, trước loài chó ngựa, chẳng hóa uổng phí cuộc đời mình lắm ư? Ta nên sớm tính xoay nghề thì hơn.

Từ đó, Nhạc xếp sách vở lại, xoay ra buôn bán. Làm nghề này nửa năm, cảnh nhà hơi khá.

Một hôm đi buôn ở Kim Lăng, nghỉ ở trong quán trọ, thấy một người cao lớn, gân cốt nổi lên, mon men đến bên chỗ Nhạc ngồi, mà sắc mặt âm đạm, có vẻ lo buồn. Nhạc hỏi muốn ăn chẳng?

Người đó không nói gì hết. Nhạc đẩy mâm cơm ra mời ăn. Hắn lấy tay bốc ăn ngon lành, giây lát hết sạch.

Nhạc lại gọi một mâm cơm ê hề, cỡ hai ba người ăn mới xuể, thế mà một mình người ấy ngốn hết sạch. Nhạc gọi chủ quán cắt đùi heo và một đồng bánh chưng đầy ắp, hắn lại ăn sạch chỗ phần ăn của mấy người đó. Chừng ấy mới thấy no bụng, tạ ơn và nói:

- Ba năm đến giờ, tôi chưa từng được ăn bữa nào no nê như hôm nay.

Nhạc hỏi:

- Xem ra anh đáng mặt tráng sĩ lắm, sao bơ vơ trôi nổi đến thế này?

- Tôi mắc tội trời hành không thể nói ra được.

- Vậy quê quán nhà cửa ở đâu?

- Thưa, trên bộ chẳng có nhà, dưới nước chẳng có ghe. Sớm đứng đầu làng, tối nằm xó chợ, thế thôi.

Nhạc sửa soạn hành lý ra đi; người ấy theo khít một bên, có ý bịn rịn không nỡ rời nhau. Nhạc cố từ, người ấy nói:

- Anh sắp bị nạn lớn, tôi không muốn quên cái ơn đức một bữa ăn no.

Nhạc lấy làm lạ bằng lòng cho đi theo. Giữa đường vào quán cơm, Nhạc kéo vào ăn chung với mình, nhưng người ấy lắc đầu:

- Cả năm, tôi chỉ ăn có vài bữa thôi.

Vì thế Nhạc càng kinh ngạc.

Hôm sau, qua sông lớn, sóng gió nổi lên ùng ùng, thuyền chở thuê chìm sạch. Hai người cùng chìm dưới nước. Một chập gió yên lặng rồi, người ấy cũng Nhạc đập sóng mà lên, ngồi tạm một thuyền khách, rồi lại đập sóng rẽ nước đi.

Giây lát kéo về một chiếc thuyền, đỡ Nhạc sang ngồi, dặn dò canh giữ, rồi nhảy ùm xuống sông nữa. Hai cánh tay ôm bao hàng hóa ném vào trong khoang thuyền. Xong lại hụp xuống nước. Mấy lần hụp lên hụp xuống như vậy, ôm hàng hóa bày để bên trong thuyền.

Nhạc cảm tạ:

- Anh cứu tôi sống là đủ lắm rồi, đâu dám mong mỗi hàng hóa lại được châu về hợp phố?

Kiểm tra lại của cải không mất tí gì, trong bụng càng mừng, kính phục người ấy là thần. Nhạc giục lái ghe mở lái ra đi, người ấy xin từ biệt. Nhạc cố giữ mãi, bèn cùng nhau qua sông. Khi ghe mới xa bờ Nhạc cười và nói:

- Tính lại tai nạn này chỉ mất có một cây trâm vàng mà thôi.

Người ấy muốn đi tìm. Nhạc toan ngăn thì hắn đã nhào xuống nước mất tăm. Nhạc kinh ngạc giây lâu. Chợt thấy hắn mỉm cười ở dưới nước trôi lên, trao cây trâm cho Nhạc và nói:

- May quá tôi tìm thấy đây.

Mọi người trên bờ dưới sông đều phải lắc đầu lè lưỡi lấy làm quái lạ.

Nhạc dẫn về nhà, ăn cùng mâm, ngủ cùng chiếu. Cách mấy chục ngày hắn mới ăn một lần. Đã ăn thì ăn nhiều vô kể.

Một hôm lại đòi từ giã đi. Nhạc cố lưu lại. Giữa khi ấy, trời tối tăm muốn mưa. Nhạc nói:

- Trên mây chả biết có những gì? Sấm sét là vật chi? Làm sao được lên mà xem một phen cho biết, trong lòng mới hết nghi hoặc.

Người ấy nói:

- Anh muốn lên mây chơi ư?

Liền đó, Nhạc nghe trong mình mỗi một, nằm trên giường ngủ mơ màng. Chừng tỉnh dậy thấy mình rung rung lắc lắc, không phải cảnh êm ái như nằm trên giường. Mở mắt ra nhìn té ra là mình đang ở trong đám mây, chung quanh trắng toát như bông gòn. Bấy giờ mới kinh hoảng đứng dậy, mắt hoa lên tưởng chừng như đi thuyền nhưng đạp chân xuống thì chẳng thấy ván sập.

Chàng ngửa nhìn tinh tú như ở ngay trước mặt, bèn ngò mình chiêm bao. Dòm kỹ tinh tú dán vào vòm trời, chẳng khác nào hạt sen nhú ở trên cái đài sen, ngôi lớn như cái lu, ngôi nhỏ như cái chén, lấy tay lắc thử xem, thấy ngôi sao lớn bám chặt quá, không nhúc nhích còn ngôi nhỏ thì lung lay, dường như có thể bứt ra được. Chàng liền bứt lấy một ngôi, giấu trong tay áo, rồi vén mây nhìn xuống dưới, thấy bể bạc mênh mông, thành quách nhỏ li ti như hạt đậu. Trong trí kinh hãi, tự nghĩ nếu như rủi ro trượt chân, thì chết còn gì?

Bỗng thấy hai con rồng uốn khúc, kéo theo một chiếc xe căng màn chạy lại, trên xe để những chiếc khạp chu vi mấy trượng, đựng nước đầy tràn. Có mấy chục người cầm gáo múc nước, rải khắp trên mây.

Họ trông thấy Nhạc cùng lấy làm lạ.

Nhạc nhìn kỹ, té ra người bạn chí thiết của mình ở nhà cũng có dự trong ấy, bèn nói với họ:

- Ông này là bạn tôi mà!

Họ lấy một gáo đưa cho Nhạc, bảo múc nước mà tưới đi.

Lúc đó trời đang đại hạn. Nhạc tiếp lấy gáo nước, vạch mây nhìn xuống quê hương, cổ tưới thật nhiều.

Một lát, người bạn nói với Nhạc:

- Tôi vốn là thần sấm sét, vì trước mắc lỗi sai hẹn làm mưa nên bị phạt đầy ba năm, giờ đã mãn hạn trời, vậy xin từ đây vĩnh biệt.

Nói đoạn, lấy sợi dây buộc xe dài muôn thước bảo Nhạc nắm một đầu dây để thả xuống đất.

Nhạc lấy làm nguy, nhưng bạn cười mà bảo:

- Không hề gì đâu mà sợ.

Nhạc y lời, vù vù chớp mắt đã xuống tới đất. Dòm lại thì rơi xuống ngay làng mình, còn sợi dây thì rút dần lên mây, không thấy hút đâu nữa.

Hồi bấy giờ cả làng này đại hạn lâu ngày, gặp được trận mưa, ngoài mười dặm nước chỉ ngập ngón tay, duy có làng Nhạc thì hồ trạch đầy tràn.

Về nhà, mò lại trong túi, ngôi sao đã lấy vẫn còn, đem đặt lên bàn, ngày xem thì đen xạm như cục đá thường, đêm đến thì sáng lóng lánh, chiếu rọi khắp nhà. Bởi thế Nhạc càng quý báu, gói lại cất kỹ, mỗi khi khách uống rượu ban đêm, mới lấy ra thay đèn ngồi chung quanh chơi cho sáng. Nhìn thẳng vào tia sáng chói cả mắt.

Một đêm, vợ Nhạc ngồi trước ánh sáng đó vẫn tóc, chợt thấy ngôi sao đó nhỏ dần đi, chỉ còn như con đom đóm, mà cựa quậy bay ngang. Nàng đương kinh ngạc mở miệng muốn la, ngôi sao chui tuột vào miệng, khắc nhổ chẳng ra, lại xuống cổ nàng; nàng sợ hãi, chạy báo Nhạc, Nhạc cũng lấy làm kỳ, rồi thì đi ngủ. Đêm nằm chiêm bao, thấy Hạ Bình Tử hiện hồn về nói:

- Tôi chính là ngôi sao Thiên Vi, những việc anh giúp đỡ gia quyến tôi, tôi hằng ghi nhớ không quên. Anh lại có lòng tốt đem tôi ở trên trời về, thế là chúng ta có duyên gắn bó, nay tôi xin đầu thai làm con anh để báo đền đức lớn.

Hồi đó Nhạc đã ba mươi tuổi mà chưa có con, nằm mộng thấy vậy lòng mừng khôn xiết.

Từ đó vợ thụ thai. Đến khi ở cữ, sáng chiếu khắp nhà, y như lúc ngôi sao còn để trên bàn làm đèn vậy. Nhân đó lấy chữ Tinh Nhi đặt tên cho con.

Tinh Nhi thông minh lạ thường, mười sáu tuổi thi đậu tiến sĩ.

47. CON NGƯỜI QUỐC SẮC

(Truyện ma hồ, quyển VI)

Mã Thiên Vinh, con nhà làm ruộng, ngoài hai mươi tuổi góa vợ, vì nghèo quá không cưới nổi vợ khác.

Một hôm, đi ra thăm ruộng, trông thấy một thiếu phụ ăn mặc tử tế, xuyên bờ đập lúa mà đi, mặt đỏ xem có vẻ phong lưu, Mã ngờ là người lạc đường, dòm quanh tứ phía không có ai, bèn chọc ghẹo chơi. Nàng mỉm cười, Mã toan đề ra giao hoan tại đó. Nàng gạt đi:

- Giữa thanh thiên bạch nhật, sao lại làm chuyện bậy bạ như vậy? Anh về nhà trước đi, khép cửa đợi tôi. Trời tối, tôi đến.

Mã không tin lời, nàng thề nguyện nói thật. Mã bèn vẽ đường lối cửa ngõ cho nàng biết, rồi nàng từ giã.

Đêm lại, quả đến, thuận cho giao hoan. Mã thấy mình mấy nàng mềm nhũn, thấp đèn lên soi, da đỏ và mỏng manh như đứa trẻ sơ sinh, lông tơ đầy mình, phải lấy làm lạ. Lại ngờ tông tích nàng vu vợ, tự nghĩ không khéo là chồn, liền thử hỏi đùa xem.

Nàng tự nhận ngay là chồn, không hề chối cãi, giấu giếm. Mã nói:

- Đã là tiên nương, hẵn ai cần chi được nấy. Cô đã âu yếm với tôi, sao không cho tôi ít đồng qua con nghèo túng?

Nàng nhận lời. Đêm sau tới, Mã hỏi số tiền hứa cho đâu? Nàng làm bộ sững sốt và nói: “Rủi tôi quên mất rồi”. Chừng sắp ra về, Mã lại nhắc. Đêm tới khi nàng vừa đến, Mã hỏi ngay:

- Món đó cô lại quên nữa chứ gì?

Nàng cười hẹn đến hôm khác.

Cách mấy hôm, Mã lại hỏi. Nàng vừa cười vừa rút trong tay áo ra hai nén bạc, đáng giá năm sáu đồng, hai bên rìa có những khía nhỏ trông xinh đẹp dễ thương. Mã mừng rỡ, cất kỹ trong rương. Chừng nửa năm sau, có việc cần xài bèn lấy ra cho người ta xem và nhờ bán giùm. Người ta nói:

- Đây là chì mà, đâu có phải bạc!

Đưa lên răng cắn thử, bẻ ngay. Mã sợ quá, vội vàng nhặt lấy về nhà. Đêm nàng đến, Mã gây gỗ trách móc đáo đẽ. Nàng cười:

- Mạng anh mỏng manh lắm, không xài được bạc thật đâu.

Thế rồi cười xòa bỏ qua chuyện đó. Mã cũng cười và hỏi:

- Nghe nói giống chồn thành tiên, đều là trang quốc sắc, nhưng nay tôi thấy đâu có phải vậy.

Nàng nói:

- Loài chúng tôi đều tùy theo hạng người gặp gỡ mà hóa thân hiện hình. Thử anh, một đồng bạc còn không có phúc mà hưởng được, thì nhan sắc chim sa cá lặn, làm sao tiêu thụ cho nổi? Tôi xấu xí thế này, vốn không đủ dưng cho hạng thượng lưu, nhưng nếu đem so sánh với tụi chân to lưng gù thì tôi chính là quốc sắc đấy anh ạ!

Qua mấy hôm, nàng bỗngưng đưa ra ba lượng bạc cho Mã và nói:

- Anh đòi hỏi nhiều phen, tôi suy nghĩ mạng anh không thể có tiền để dành mà cho anh làm chi. Nhưng nay đến kì cưới xin, vậy tôi đem cái giá cưới một con vợ để tặng anh, và xin cùng anh từ giã luôn thể.

Mã bày tỏ mình không hề có chuyện mối manh cưới hỏi gì cả. Nàng nói:

- Trong một hai ngày, sẽ có mụ mối tự đến.

Mã hỏi mặt mày người vợ sắp lấy xấu đẹp thế nào? Nàng đáp:

- Anh khao khát quốc sắc, rồi có quốc sắc cho anh mà!

- Tôi chẳng dám mong tới bạc đó, nhưng với ba lượng bạc mua một con vợ sao đủ?

- Chuyện đó ông tơ bà nguyệt đã an bài, không cần ở nhân lực đâu.

- Nhưng tại sao cô vội từ giã tôi?

- Đêm nào tôi cũng dầm sương đội nguyệt mà đến hủ hỉ âm thầm với anh, đâu phải là cuộc lâu dài mãi được. Rồi anh sẽ có vợ anh, còn cầm giữ tôi làm chi?

Sáng hôm sau ra đi lại trao cho Mã một gói thuốc bột, dặn rằng: “Sau khi biệt nhau, e anh lâm bệnh, uống thuốc này thì khỏi”.

Liên ngày hôm sau nàng đi khỏi, quả có mặt mỗi đến. Mã hỏi nhan sắc người con gái trước hết. Mụ đáp rằng: ở giữa khoảng xấu đẹp. Lại hỏi tiền cưới độ bao nhiêu, mụ trả lời: chỉ độ bốn năm đồng.

Mã tuy không kéo nài về giá tiền đắt rẻ, nhưng chỉ muốn trông thấy người tận mắt cho được chắc ý. Mỗi tỏ ý lo ngại rằng con nhà tử tế, không chịu vác mặt đến nơi cho mình xem đâu. Nhưng rồi mụ hẹn cùng chàng đi đến nhà gái, sẽ tùy cơ liệu tính cho xem mặt cô dâu.

Khi đến làng đó, mỗi đi vào trước, bảo Mã đứng chờ bên ngoài. Lúc lâu mụ trở ra nói:

- Được rồi, người bà con bên ngoại tôi cùng ở nhà trên, vậy anh giả danh đến thăm bà con tôi. Nhà ngang trước cửa, chỉ cách gang tấc, tha hồ mà dòm.

Mã nghe lời, quả thấy nàng ngồi căn giữa, ngả mình xuống giường để cho người ta gãi lưng. Mã phớt qua, hai mắt ngó chăm thấy mặt mày như lời mỗi đã tả.

Đến lúc bàn định về khoản cưới, nhà gái không kéo nài gì hết, chỉ cần được một hai lượng, để mua sắm chút ít cho nàng xuất giá, có thể thôi.

Mã còn cò kè bớt một thêm hai, rồi mới nộp tiền, luôn dịp đền ơn mụ làm mai. Khi viết giấy tờ xong, tính ra ba lượng vừa hết, không thừa được xu con nào.

Vài hôm, chọn được ngày lành giờ tốt, đón vợ về nhà. Mã nhìn thấy vợ lưng gù bụng ỏng, cổ rút như cổ rùa, trông xuống bàn chân to lớn phát sợ. Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ những lời con chồn đã nói là có căn do vậy.

48. MẮT XANH CÔ MAI

(Truyện Thanh Mai, quyển VI)

Bạch Hạ Trinh Sinh tánh lỗi lạc, không phân biệt hơn thua với ai. Một hôm đi chơi về, nới giải buộc lưng ra, nghe như một đầu nặng trĩu, có vật gì rơi xuống, mà nhìn lại không thấy gì.

Day đi ngoảnh lại, thấy người con gái từ sau áo mình đi ra, vén tóc mỉm cười, sắc tuyệt đẹp. Trinh nghi là ma. Người con gái nói:

- Em là chồn, không phải ma.

- Nếu được người đẹp mà chơi, dù ma cũng chẳng sợ, huống chi là chồn.

Trinh nói rồi ôm lấy nàng hun hít.

Ăn ở với nhau hai năm, sinh hạ một gái, đặt tên là Thanh Mai. Nàng thường bảo Trinh đừng lấy vợ, để nàng đẻ con trai cho. Trinh tin lời, thành ra không chịu lấy vợ. Bà con bè bạn cùng chê cười, thét rồi, Trinh phải xiêu lòng, dạm hỏi họ Vương ở Hồ Đông làm vợ.

Chồn nghe chuyện nổi giận, đến ôm đứa trẻ cho bú rồi giao cho Trinh và nói:

- Nó là cây tiên bồi thường cho nhà anh đây, để nó sống hay giết nó chết, tùy nơi anh, can chi tôi phải làm con vú ở mướn cho ai!

Nói đoạn vùng vằng ra cửa, đi mất.

Thanh Mai lớn lên thông minh, mặt mày xinh đẹp y như mẹ lúc trước. Kế đó Trinh mắc bệnh qua đời, họ Vương bỏ đi lấy chồng khác, Thanh Mai ăn nhờ ông chú. Lão này vô hạnh, muốn bán cháu đi lấy tiền.

Gặp dịp có ông Vương tiến sĩ, thi đậu rồi còn ở nhà đợi bổ, nghe nói Thanh Mai thông minh liền bỏ nhiều tiền ra mua về, cho theo hầu hạ tiểu thư A Hỷ.

Hỷ mới mười bốn tuổi dung nhan tuyệt mỹ, thấy Mai rất vui mừng, ăn ở chung cùng với nhau rất thân mật.

Mai cũng khéo hầu hạ cô chủ, có thể nói rằng nàng biết nghe bằng mắt nói bằng mi, cho nên cả nhà cùng yêu thương.

Trong làng có Trương Sinh tên Giới Thụ, nhà cực nghèo, chẳng có điền sản gì hết, mượn một căn nhà của Vương mà ở, tánh người hiếu hạnh, không chịu làm nghề gì trái lẽ nghĩa; đã thế, lại còn chăm học là khác.

Thanh Mai, ngẫu nhiên đến nhà chàng, trông thấy chàng ngồi giã gạo nấu cháo, liền vô trong nói chuyện phiếm với bà mẹ, trên bàn có chiếc giò heo để sẵn. Lúc đó ông cụ đang ốm nằm liệt trên giường, chàng vô ôm đỡ cho cha tiểu tiện, nước đái văng ướt cả áo; ông cụ biết thế, tỏ vẻ ân hận, nhưng chàng che giấu chỗ áo ướt, vội vàng đi ra gội rửa, chỉ sợ cha hay mà buồn.

Mai thấy rõ trước sau, lấy làm lạ hết sức, về kể lại cho A Hỷ nghe và nói:

- Cô ạ, người ở thuê căn nhà của ta thật là người phi thường. Cô chẳng muốn tìm chồng xứng đáng thì thôi, nếu muốn tìm chồng xứng đáng thì Trương Sinh chính là người đó.

Hỷ sợ cha mình chê nghèo. Mai nói:

- Không phải thế đâu. Ưng hay không là ở cô, nếu ưng thì tôi ngầm bảo nhà họ sai người đến nói. Phu nhân chắc gọi cô ra thương lượng hỏi ý, cô cứ trả lời xin vâng. Thì là xong việc.

Nhưng Hỷ vẫn lo ngại sự nghèo của Trương Sinh mãi, e bị thiên hạ chê cười. Mai lắc đầu:

- Cô đừng lo chuyện đó, tôi tự xét mình biết xem tướng thiên hạ, không khi nào sai.

Hôm sau, Mai đến hỏi Trương bà (mẹ Trương Giới Thụ) chuyện ấy. Bà kinh hãi, cho là lời nói bất tường. Mai cắt nghĩa:

- Chính tiểu thư nghe nói nét ăn ở của công tử, mà khen là hiền đức, tôi dòm biết ý đó mà bàn tính với tiểu thư trước rồi. Bà cứ sai người làm mai đến nói, đã có hai chúng tôi ở trong bênh vực, chắc là xong việc. Mà dù cho không xong đi nữa, có nhục gì cho công tử chứ?

Trương bà bằng lòng, nhờ mụ bán hoa Hầu thị đến làm mai.

Vương phu nhân nghe mà cười, nói lại với Vương, Vương cũng cười, rồi gọi Hỷ đến, cho biết sứ mạng của Hầu thị. Hỷ chưa kịp trả lời gì, Thanh Mai đứng bên tám tắc ngợi khen Trương Sinh hiền đức, quyết phải hiền vinh.

Phu nhân lại hỏi con gái:

- Đó là việc trăm năm của con; nếu con ăn được gạo lúc cơm hẩm, thì mẹ nhận lời với người ta ngay bây giờ.

Hỷ cúi đầu giây lâu, nhìn vách tường mà đáp:

- Giàu nghèo ở mạng trời. Nếu như mạng nên, thì nghèo chẳng mấy lúc, rồi trở nên; không nghèo mãi mãi đâu. Trái lại, nếu như mạng xấu, thì về sau không đất cắm dùi, đâu có phải ít? Việc đó con xin tùy cha mẹ định liệu.

Bồn tâm họ Vương gọi con gái ra hỏi ý kiến, là cốt để làm trò cười mà chơi, giờ nghe nói như thế, trong lòng không vui, hỏi vặn:

- Mày muốn lấy Trương Sinh thật ư?

Hỷ không trả lời, Vương lại hỏi nữa, cũng không trả lời, khiến ông nổi giận nói:

- Con bé hèn hạ này muốn đeo bị làm vợ đưa ăn mày đó chẳng? Thật là xấu hổ!

Hỷ đứng lặng, rơm rớm muốn khóc liền bỏ đi nơi khác. Mụ mai cũng ra về. Thanh Mai thấy việc không xong, trong ý muốn tự làm mai cho mình.

Mấy hôm sau, đang đêm qua nhà Trương Sinh, chàng đương ngồi đọc sách, kinh ngạc hỏi đến có chuyện chi. Mai nói ấp úng. Chàng nghiêm sắc mặt từ khước. Mai khóc và nói:

- Em là con gái lương gia, chỉ vì thấy cậu hiền hiếu, nên chi em nguyện trao thân gởi phận cho cậu.

Chàng nói:

- Cô có lòng thương yêu tôi, vì cho rằng tôi là người hiền. Nhưng mà việc đêm khuya gặp gỡ nhau như thế này, người biết tự trọng còn không dám làm, há phải người hiền nên làm ư? Vả lại, ban đầu tăng

tịu mà sau thành lúa đôi, người quân tử còn bảo là không nên làm; không mong thành được thì hai đảng ngó mặt mũi nhau ra làm sao?

Mai hỏi:

- Nếu may ra thành việc, thì cậu có chịu lấy tôi không?

Chàng đáp:

- Được người như cô còn phải cầu gì hơn nữa. Song còn có ba điều không biết xử thế nào, cho nên tôi không dám liều lĩnh nhận lời đó thôi.

- Ba điều khó xử thế nào, xin cậu cho biết?

- Khanh không có quyền tự chủ lấy mình, điều ấy khó xử là một. Dù Khanh có quyền tự chủ, nhưng cha mẹ tôi không bằng lòng thì sao; điều ấy khó xử là hai. Hay dù cha mẹ tôi bằng lòng đi nữa, nhưng số tiền chuộc cô ra tất là nặng, mà tôi thì nghèo xác, không sao lo nổi, điều thứ ba đó còn khó hơn nữa. Thôi, xin cô về đi, kéo miệng thiên hạ đáng sợ lắm.

Khi từ biệt ra về, Mai căn dặn chàng:

- Nếu cậu khứng chịu, thì ta cùng lo tính với nhau có thể xong việc, đừng ngại.

Chàng nhận lời.

Mai về nhà, Hỷ gạn hỏi đi đâu về, liền quì xuống tự thú. Hỷ giận là cử chỉ dâm bôn, toan đánh đòn. Mai khóc lóc bày tỏ không có chuyện gì đáng trách, nhân dịp thuật rõ đầu đuôi sự thật. Hỷ nghe rồi than thở:

- Không chịu tăng tịu là lẽ; đợi lệnh cha mẹ là hiếu; chẳng hứa liều lĩnh là tín. Con người có ba đức ấy trời tất nâng đỡ, không lo nghèo khổ mãi đâu!

Kế đó hỏi Mai:

- Còn mi định liệu ra sao?

- Thưa cô tôi xin lấy chàng.

- Con ranh này có quyền tự chủ được ư?

- Không được thì tôi tự sát.

- Đừng nói đại dột. Bề nào ta cũng giúp cho em được như nguyện.

Mai cúi đầu cảm tạ cô chủ.

Cách vài hôm sau, lại hỏi cô:

- Hôm trước, cô nói là nói giỡn chơi, hay quả có lòng muốn từ bi tế độ thật? Nếu quả thật vậy thì tôi còn chút niềm riêng khó nghĩ xin cô rủ lòng thương xót.

Hỷ lật đật gạn hỏi:

- Còn chuyện gì khó nghĩ đó?

- Thừa cô, Trương Sinh nghèo quá không lấy đâu ra tiền cheo cưới được, mà tôi cũng vô lực để tự chuộc lấy mình. Nếu ông bà đòi phải trả đủ số tiền, thì sự gả chồng cho tôi cũng như là không vậy.

Hỷ ngẫm nghĩ giây lâu rồi nói:

- Điều đó không phải sức ta có làm gì được. Ta nói gả chồng cho em, còn e chẳng dặt lời, huống chi lại nói đừng lấy tiền cưới, việc ấy chẳng những cụ ông không ưng, mà ta cũng chẳng dám mở miệng nói đâu.

Thanh Mai nghe qua, sụt sùi khóc một, hai xin Hỷ ra tay cứu vớt, Hỷ suy nghĩ một lát nói:

- Thôi thì, ta có số tiền dành dụm được mấy lượng, đành lòng trút túi giúp em vậy.

Mai bái tạ rồi ngầm báo tin cho Trương biết. Trương mừng cả mừng, vay mượn đầu này đầu kia, được một số tiền, cất giấu một chỗ để chờ tin lành dịp tốt.

Vừa gặp lúc Vương được bổ làm tri huyện Khúc Ốc, Hỷ thừa dịp nói với mẹ:

- Con Mai đã khôn lớn, giờ cha lại sắp đi làm quan xa, chi bằng gả chồng cho nó đi.

Xưa nay, phu nhân vẫn cho Thanh Mai là đứa tinh quái, sợ nó xui con gái mình làm sự bất nghĩa, cho nên thường có ý gả nó đi lấy chồng cho rồi, nhưng chỉ sợ làm buồn lòng con. Nay nghe chính con xin điều ấy, phu nhân mừng lắm. Hai hôm sau, có mục ở mướn lối xóm đến bày tỏ ý muốn Trương thị xin cưới Thanh Mai cho con. Vương cười và nói:

- Có thể chứ! Con nhà ấy chỉ lấy bạn tôi đòi là vừa, sao hôm trước càn rỡ, dám mơ tưởng đến tiểu thơ? Nhưng mua con hầu của nhà cao sang, giá tiền phải gấp đôi mới được.

Hỷ đứng bên vôi vàng xen vào:

- Thừa cha mẹ, con Thanh Mai hầu hạ nhà ta đã lâu, nay bán nó đi làm bé mọn người ta, con nghĩ không đành lòng.

Vương bèn nhấn bảo Trương thị rằng chỉ lấy nguyên số tiền cũ thôi, rồi ông viết giấy, gả Thanh Mai cho Trương Sinh làm vợ.

Mai về làm dâu, đối với cha mẹ chồng hết sức hiếu thảo, lại còn biết cách chiều chuộng bằng mấy Trương Sinh. Lại chịu khó làm việc vất vả, ăn cơm gạo xấu cũng không lấy làm khổ, vì thế mà cả nhà cùng yêu kính Thanh Mai.

Nàng lại khéo nghề thêu thùa, thêu đến đâu bán hết tới đó, đắt hàng như tôm tươi; những lái buôn châu chực ngoài cửa mà mua, chỉ sợ mất mối. Nhờ đó mà trong nhà bớt túng bấn, nàng khuyên chồng cứ lo đọc sách, còn việc nhà cứ để mình gánh vác tất cả, chàng không phải lo việc trong nhà mà lỡ làng việc học.

Nhân dịp chủ cũ lên đường phó nhậm, Thanh Mai đến chào A Hỷ.

Hỷ thấy nàng, khóc và nói:

- Em được yên phận, ta thật kém thua.

Mai nói:

- Nhờ ơn ai giúp đỡ mà tôi có hôm nay, tôi đâu dám quên. Nhưng cô bảo rằng cô không bằng tôi, làm tôi tự thẹn.

Hai người khóc lóc từ biệt nhau.

Vương đến Sơn Tây cung chức được nửa năm thì phu nhân qua đời còn quản tạm trong một ngôi chùa.

Cách hai năm sau, Vương bị việc hối lộ miễn chức, phạt chuộc tội mất hàng vạn, lần hồi nghèo túng chẳng đủ chi tiêu, những kẻ tùy tùng bỏ trốn tản mát. Hồi đó bệnh dịch phát to, Vương nhuốm bệnh chết.

Hỷ càng bơ vơ khổ sở. Có bà lão hàng xóm khuyên đi lấy chồng. Nàng nói:

- Bất cứ ai chôn cất hộ song thân tôi, thì tôi xin lấy làm chồng.

Mụ nghe thương xót, cấp cho đấu gạo rồi đi. Nửa tháng trở lại nói:

- Tôi hết sức thu xếp giùm cô, nhưng bề nào cũng không xong việc. Kẻ nghèo họ lấy tiền đâu chôn cất song thân giùm cô, người giàu họ thấy cô là con nhà sa sút tuyệt mật, chê không thèm lấy, biết làm thế nào? Bây giờ chỉ còn một cách, nhưng cô không chịu ưng thôi.

Nàng hỏi cách nào, mụ nói:

- Vùng này có Lý Lang muốn kiếm một vợ bé, nếu va được thấy nhan sắc cô, chắc là nhận việc tổng táng, không tiếc tiền đâu.

Hỷ khóc òa:

- Tôi là con nhà dòng dõi mà phải hạ mình đi làm bé mọn thiên hạ ư?

Mụ già làm thỉnh bỏ đi. Từ đó, nàng ăn ngày có một bữa, cầm hơi chờ thời. Cách nửa năm sau, tình cảnh khốn đốn quá chừng, không sao gượng gạo được nữa. Một hôm mụ già lại đến, nàng khóc và nói:

- Nông nổi tôi khốn khổ đến bực này, chỉ muốn tự tử cho xong đời. Nhưng còn bịn rịn cuộc đời mà sống thừa sống nhục, chỉ vì hai chiếc quan tài chưa chôn kia, nếu tôi chết ai chôn cất song thân hộ tôi?

Mụ đưa Lý đến lén xem mặt nàng. Lý thấy đẹp mừng lắm, liền xuất tiền lo cuộc tổng táng Vương ông Vương bà xong rồi, đón nàng về nhà, vô chào vợ lớn.

Con mẹ này vốn ghen tương hung dữ, ban sơ Lý không dám nói sự cưới vợ bé, chỉ nói trớ là mua con hầu; đến khi trông thấy mặt nàng mụ liền nổi cơn tam bành lục tặc, vác gậy đánh cho một trận và đuổi ra khỏi nhà lập tức.

Nàng tóc rối đầu bù, nước mắt nhễ nhại, không biết tới lui vào đâu bây giờ. May sao một bà vải già đi qua, trông thấy tình cảnh, bèn rủ nàng về ở chung trong chùa. Nàng mừng, xin đi theo ngay.

Về đến am, nàng xin cắt tóc qui y, nhưng bà vải ngăn lại:

- Tôi xem tướng cô, không phải chìm đắm phong trần lâu ngày đâu. Trong am, xay lúa giã gạo, cũng đủ nuôi miệng, vậy cô hãy tạm nung nấu ở đây mà chờ thời. Hễ thời đến, thì cô cứ đi.

Nàng ở am không bao lâu, bọn vô lại thiếu niên quanh chợ, dòm thấy xinh đẹp, thường đến gõ cửa nói ghẹo làm vui, bà vải ngăn cấm chúng nó không được. Nàng gào khóc đòi tự tử. Bà vải thân hành đến nhà một vị quan Lại bộ, xin ông yết thị nghiêm cấm, bấy giờ bọn kia mới lui bót, không khuấy phá nữa. Vậy mà còn có đứa ban đêm khoét vách chun vô, bà vải hô hoán rầm rĩ, chúng nó đào tẩu mất. Bà lại đến cầu quan Lại bộ bắt được thủ phạm đem lên quận đánh đòn, từ đó về sau mới được ở yên.

Hơn một năm sau, có một quý công tử ghé vào am, trông thấy nàng đẹp mà thêm thuồng, cố ép bà vải giới thiệu, lại bỏ nhiều tiền đồ dành bà. Bà kiếm lời nói khôn khéo từ tạ: Hắn là con nhà trâm anh không chịu làm bé mọn đâu. Xin công tử hãy về, thông thả ít ngày già sẽ báo tin.

Công tử đi rồi, nàng toan uống thuốc độc tự tử; đêm nằm chiêm bao thấy hồn cha về, nói rằng: Cha không biết theo chí muốn của con, con mới ra thân thế này, cha ăn năn lắm. Khuyên con hãy đợi, chớ có vội chết; sở nguyện hồi xưa còn có cơ đền đáp đó. Nàng lấy làm lạ, sáng ngày thức dậy vừa rửa mặt xong, bà vải trông thấy cả kinh và nói:

- Xem gương mặt cô, trọc khí đã tiêu tan hết rồi, không lo gì vất vả nữa. Có điềm báo phước lành sắp sửa đến nơi, xin cô chớ quên già nhé.

Nói chưa dứt lời, đã nghe tiếng gõ cửa rầm rầm, nàng thất sắc, đoán chắc người nhà công tử đến lấy tin. Bà vải chạy ra mở cửa, quả thật bọn ấy hỏi bà việc tính xong chưa. Bà làm bộ tiếp rước niềm nở, chuyện trò ngon ngọt, xin hoãn cho ba bữa nữa. Chúng nó thuật lại lời công tử nhắn rằng: hễ việc không xong, thì vải coi chừng. Bà dạ vâng lời để chúng đi ra khỏi am cho qua.

Nàng nghĩ thân phận đau lòng quá, lại muốn tự tử. Bà vải can ngăn mãi; nàng sợ ba ngày sau, chúng nó quấy rầy, hết đường hứa hẹn thì sao? Bà vải nói: Có già đây, chúng nó muốn chém giết thế nào, già xin chịu hết.

Hôm sau, trời mới quá trưa, mưa lớn như xối, bỗng nghe mấy người gõ cửa gọi vang. Hỷ đoán là tai nạn đã đến, sợ hãi cuống quýt không biết phải làm thế nào cho khỏi.

Bà vải đội mưa chạy ra mở cửa, thấy có xe đỗ, mấy con tở gái, phò một mĩ nhân bước ra, kẻ hầu người hạ rộn rịp, mũ áo cực sang. Hỏi ra thì là gia quyến quan Tư Lý đi đường gặp mưa, tạm vào ẩn núp. Bà vải mời vô trong điện, nhắc ghế mời ngồi; bọn đàn bà tùy tùng chia nhau vô buồng riêng, tìm chỗ nghỉ ngơi. Họ vô một buồng, trông thấy Hỷ đẹp lộng lẫy, chạy mách với phu nhân.

Một lúc tạnh mưa, phu nhân đứng dậy xin phép đi xem nhà chùa. Bà vải dẫn đường cho phu nhân dạo xem các phòng. Đến phòng, trông thấy mặt nàng, phu nhân giật mình kinh hãi, nhìn không chớp mắt.

Nàng cũng ngó sững phu nhân giây lâu.

Phu nhân nào phải ai lạ, chính là Thanh Mai.

Hai người cùng òa lên khóc, kể lễ chuyện xưa cảnh cũ và bước đường trải qua:

Nguyên hồi Trương ông mang bệnh qua đời, chàng cư tang xong, đi thi liền trúng, cả Hương lẫn Hội, được bổ làm quan Tư Lý (tức như án sát). Chàng đưa bà mẹ cùng đi phó nhậm trước, còn gia quyến đi sau, cho nên Thanh Mai gặp nàng ở am này. Nàng than thở:

- Ngày nay chúng ta còn thấy nhau, khác nào trời cao vực thẳm.

Mai cười nói:

- Cũng may là cô gặp tai nạn dồn dập, hóa ra chưa có chồng, ấy trời muốn xếp đặt cho chúng ta xum hiệp một nhà đó thôi, nếu không có trận mưa ngăn trở, sao có cuộc gặp gỡ lạ lùng này. Ấu là có qui thần xui khiến bên trong, chẳng phải tự nhân lực vậy.

Mai nói đoạn sai lấy mũ châu áo gấm ra, giục nàng thay đổi. Vải ở giữa tán thành khuyên nhủ. Nàng ngại ở chung với nhau, danh không được thuận. Mai nói:

- Từ xưa đã có định phận, tôi bao giờ quên được ơn đức cô. Cô thử nghĩ xem Trương Lang đâu phải con người phụ nghĩa.

Mai ép nàng thay đổi y phục rồi cùng từ biệt cảnh chùa bà vải ra đi.

Đến chỗ Trương Sinh làm quan, cả hai mẹ con trông thấy mừng rỡ khôn xiết. Nàng vái Trương mẫu và nói:

- Nay con thấy mặt cụ mà lòng những hổ thâm.

Bà cụ cười và kiểm lời yên ủi, rồi cùng bàn tính đến sự chọn ngày làm lễ thành hôn. Nàng chối từ:

- Ví phỏng trong am mà còn có một tia đường sống, thì tôi cũng chẳng chịu đi theo phu nhân về đây. Nếu cụ bà với phu nhân còn nghĩ đến tình xưa, thì xin cho tôi một túp lều ở sau vườn, cho tôi dung thân tu hành, thế là mãn nguyện, còn nói tới việc hôn nhân làm chi?

Mai cười mà làm thinh.

Tới ngày lành đã chọn, Mai ôm bộ đồ cưới đến giục nàng mặc vào. Nàng tần ngần chưa biết làm sao cho phải; chợt nghe đàn nhạc nổi lên, lại càng luống cuống, không thể tự chủ được mình. Mai cùng mụ vú mặc đại y phục vô cho nàng, rồi vục nàng đi ra.

Trương Sinh vận triều phục, thấy nàng đến vái, nàng cực chẳng đã cũng phải vái trả. Thế rồi Mai dẫn nàng vào động phòng và nói:

- Em để trống cái ngôi này đợi cô lâu rồi.

- Đêm nay, được dịp báo ơn, chàng làm tròn phận sự nhé!

Mai nói đoạn, trở gót toan đi, nàng túm chặt lấy áo. Mai cười nói:

- Cô chớ giữ em. Việc này em xin chịu, không thay thế được đâu.

Rồi Mai giăng tay bỏ đi, để mặc Trương Sinh với nàng ở trong động phòng.

Mai đối với nàng rất lễ phép, không hề giành phần ân ái bao giờ. Nhưng nàng vẫn thấy ngượng nghịu, không được yên tâm.

Sau vâng lời bà cụ, hai người cùng gọi nhau là phu nhân. Tuy thế, Mai vẫn thủ lễ bé mọn, không quên.

Ba năm sau, Trương tiện đường vào kinh đô, ghé qua am bà vải, đưa ra năm trăm đồng chúc thọ bà, nhưng bà không nhận. Cổ nài ép,

bà mới nhận hai trăm đồng xây miếu thờ Đại sĩ và dựng bia Vương phu nhân.

Trương làm tới Thị lang, Trình phu nhân (tức Thanh Mai) sinh hai trai một gái, Vương phu nhân (tức A Hỷ) sinh bốn trai một gái. Trương dâng biểu trần tình, cả hai vợ cùng được phong là phu nhân.

49. BÁO ỨNG TRƯỚC MẮT

(Truyện A Hà, quyển VI)

Văn Đăng Cảnh Tinh, hơi có tên tuổi, ở cùng xóm với Trần sinh, nhà học chỉ cách nhau bức tường ngăn. Một bữa trời đã chạng vạng Trần sinh qua bãi đất vắng vẻ, nghe trong bụi cây có tiếng con gái khóc. Đến gần, thấy sợi dây vắt ngang trên cành cây hình như sữa soạn thắt cổ.

Trần hỏi căn do, nàng gạt lệ và nói:

- Mẹ em đi vắng xa, gửi em ở nhà người anh bên ngoại, không dè quân lang sói có dã tâm, xử với em không trọn thủy chung, thành ra thân phải bơ vơ thế này, không bằng chết đi cho rảnh.

Nói rồi lại khóc.

Trần sinh cởi sợi dây khuyên nhủ nàng tìm người mà lấy. Nàng lo không biết nương tựa vào ai. Trần mời về nhà ở tạm, nàng nghe theo.

Về đến nhà, khêu đèn sáng lên nhìn rõ mặt thật xinh đẹp, trong bụng thấy khoái, muốn vầy cuộc mây mưa. Nàng chống cự lại dữ dội. Những tiếng cãi lầy ồn ào thấu qua vách vên kia. Cảnh sinh leo tường sang chơi, bấy giờ chàng mới buông nàng ra.

Nàng thấy Cảnh ngó lâu không chớp mắt, lâu mới chịu đi. Hai người cùng rượt theo, nhưng không thấy bóng nàng ngả nào.

Cảnh trở về nhà mình vừa mới đóng cửa đi ngủ, thì nàng lững thững từ trong buồng đi ra. Cảnh ngạc nhiên hỏi, nàng đáp:

- Hắn ta bạc phước, tôi không nương tựa cả đời được.

Cảnh mừng lắm, gạn hỏi họ tên quê quán, nàng đáp:

- Ông bà tổ tiên tôi nhà ở đất Tề cho nên tôi lấy chữ Tề làm họ, tên là A Hà.

Cảnh giở ngón chòng ghẹo, nàng cười mà không ra vẻ chống cự, bèn cùng ăn nằm. Nhà thường có nhiều bạn bè lui tới, nên nàng hay núp trong buồng học. Qua mấy hôm nói:

- Tôi hãy tạm đi, bởi chỗ này lộn xộn, làm mệt người ta lắm. Từ nay xin gặp nhau vào ban đêm thì hơn.

Chàng hỏi nhà ở đâu, nàng trả lời không xa. Cứ sáng ngày đi, đêm tối lại đến, tình yêu càng thấy nồng nàn. Cách mấy ngày lại bảo Cảnh:

- Tình ái đôi ta tuy đẹp, nhưng vẫn là mới chung chạ, ngày có ngày không. Nay sẵn dịp ông thân tôi bỏ đi làm quan ở miền tây, sáng mai tôi phải theo mẹ đi. Vậy để tôi về nhà, thừa cơ thú thật với mẹ thì sẽ ở lại đây luôn với chàng trọn đời.

- Nhưng mình đi độ bao lâu?

- Phỏng một tuần thôi.

Thế rồi nàng đi. Cảnh suy nghĩ ở nhà học không tiện, bèn dọn vào nhà trong. Nhưng lại lo vợ ghen, tính là không gì hơn là bỏ vợ là xong. Chàng nghĩ rồi nhất định thực hành như vậy.

Vợ đến, chàng kiếm chuyện mắng chửi, khiến vợ nhục nhã không chịu nổi, khóc lóc đòi chết. Cảnh dỗ vợ:

- Mày chết làm phiền cho tao, thôi mày về nhà mày là hơn.

Nói đoạn, giục vợ đi cho mau, vợ khóc và nói:

- Tôi lấy anh mười năm nay chưa từng có chuyện gì thất đức, sao anh đành dứt tình như thế?

Chàng khẳng khẳng một mực đuổi vợ càng gấp, vợ phải cuốn gói bỏ đi.

Từ đó, sớm tối chỉ đợi nàng trở lại, nhưng mây ngàn hạc nội, chẳng thấy tăm hơi.

Vợ về nhà mình rồi, mấy phen nhờ bạn bè quen thân nói giùm, xin trở lại với Cảnh, nhưng Cảnh nhất định không nghe, bấy giờ mới cãi giá lấy họ Hạ Hầu.

Làng xóm Hạ Hầu giáp ranh với Cảnh, vì có ranh giới ruộng mà hai nhà thù hiềm với nhau lâu đời. Nay nghe vợ cũ đi lấy Hạ Hầu, Cảnh càng tức giận, nhưng trong lòng vẫn còn mong được A Hà trở lại, âu yếm an ủi tấm lòng.

Trải hơn một năm, càng ngày càng kiệt chẳng thấy tăm hơi gì cả.

Gặp ngày vái hải thần, trai tài gái sắc tấp nập trong miếu ngoài sân. Cảnh cũng đến đó, trông xa xa thấy một cô gái, mặt mũi giống hệt A Hà, chàng mon men đến gần thì nàng xen vào đám đông, chàng theo dõi, cho tới ra ngoài cửa cũng ra theo. Nhưng ngoảnh đi ngoảnh lại, nàng đi như bay. Cảnh đuổi theo không kịp, tức giận bỏ về.

Cách sau nửa năm, đang đi trên đường cái, thấy một cô mặc áo đỏ, cưỡi ngựa đen, lão bộc theo sau, từ đằng kia đi tới. Cảnh nhìn mừng rỡ, tưởng là A Hà, bèn hỏi thăm người tùy tùng: Nương tử là ai? Người này đáp là vợ kế của Trịnh công tử ở Nam thôn. Cảnh lại hỏi công tử lấy vợ từ hồi nào? Nghe lão bộc trả lời chừng nửa tháng nay thôi.

Cảnh bỡ ngỡ có lẽ mình sai lầm chăng? Giữa lúc ấy người con gái nghe tiếng nói chuyện ở phía sau lưng nên day mặt ngó lại. Cảnh trông thấy đúng thật là Hà, lại thấy nàng đã lấy người ta, cơn ghen tức sôi gan óc, cất tiếng kêu lên:

- Cô Hà ơi! Sao lại quên lời hứa cũ?

Người nhà đi theo, nghe gọi tên tục của bà chủ mình, toan túm lại đám đá Cảnh; nàng vội ngăn lại, mở tấm vải mỏng che mặt, nói với Cảnh:

- Con người phụ tình, còn mặt mũi nào thấy nhau ư?

Cảnh nói:

- Cô phụ tôi thì có, chứ tôi đâu có phụ cô hồi nào?

Nàng đáp:

- Anh phụ rẫy vợ anh còn bằng mấy phụ tôi kia. Với người kết tóc trăm năm còn thế, huống chi với ai? Trước kia nhờ âm đức ông bà

để lại nên thấy tên anh được ghi vào bảng thi đậu, tôi mới đem thân lấy anh. Nay vì anh bỏ vợ tằm cám, thần thánh xử phạt đã rút tên anh đi rồi. Khoa thi này người đậu thứ hai có tên là Vương Xương, thế vào tên anh đó, nói cho mà biết. Nay tôi đã lấy Trịnh quân, anh đừng mơ tưởng tôi nữa vô ích.

Cảnh cúi đầu, cụp tai, không dám mở miệng thốt ra một lời tiếng nào. Chừng ngó lên thì nàng đã giục ngựa đi như bay. Chỉ còn có âm ức đi về thôi.

Khoa thi ấy, quả nhiên Cảnh rớt. Người đậu số hai đúng là họ Vương tên Xương, cả Trịnh là chồng nàng cũng đậu.

Từ đó Cảnh mang tiếng là con người phụ bạc, bốn mươi tuổi không vợ, gia đạo sa sút, thường phải ăn nhờ ở vợ nhà bạn hữu.

Một hôm, ngẫu nhiên đến nhà Trịnh, Trịnh mời ăn cơm và giữ lại ngủ đêm. Nàng lén nhòm khách mà động lòng thương hỏi Trịnh:

- Người khách ở trên nhà có phải là anh Khách Vân chăng?

Trịnh hỏi từ đâu quen biết, nàng nói:

- Trước khi lấy ông, tôi từng lánh nạn ở nhà y, được y nuôi nấng cũng khá. Tính hạnh y tuy hèn, nhưng ân đức tổ tiên chưa dứt, vả lại, đối với ông cũng là cố nhân. Vậy cũng nên cứu giúp y manh quần tấm áo kéo để rách rưới tội nghiệp.

Trịnh nghe lấy làm phải, liền sai đưa quần áo mới cho Cảnh thay và lưu lại khoản đãi mấy ngày.

Nửa đêm, chàng sửa soạn đi ngủ, có con ở đem hơn hai mươi đồng ra tặng, còn nàng thì đứng ngoài cửa sổ nói:

- Đó là của riêng của tôi để dành, nay tặng cho anh gọi là đền đáp nghĩa cũ. Anh nên nhận lấy rồi tìm lấy một người tử tế làm vợ. Còn may là âm đức của tổ tiên dày nặng, đủ mở mày mở mặt cho con cháu mai sau. Từ nay anh ráng giữ nét na hảnh hoi, không thì tổn thọ đấy.

Cảnh cảm tạ, về nhà trích ra hơn mười đồng mua một con hầu ở nhà khoa cử trong miền về làm vợ, vừa xấu vừa dữ, sinh được một con trai sau đỗ đại khoa.

Còn Trinh làm quan đến Thị lang Lại bộ thì qua đời. Nàng đưa đám chôn cất rồi về, người ta vén màn che chiếc kiệu xe nàng ngồi thì là xe không, bấy giờ ai nấy mới biết rõ nàng là chồn hóa thân, chứ không phải người.

Ôi! Con người ta bất lương, được mới nói cũ, rút lại ỏ vớ mà chim bay vụt mất, ông trời báo ứng một cách thảm độc lắm thay!

50. MŨI DAO KINH KHA

(Truyện Diên Thất Lang, quyển VI)

Võ Thừa Hưu người Liêu Dương, thích giao du, phàm bạn chơi đều là người có tiếng. Đêm nằm chiêm bao, thấy một người đến nói rằng:

- Anh kết giao hầu khắp trong nước, nhưng toàn là bạn chơi phiếm. Duy có một người có thể cùng chia hoạn nạn, thì lại không hay.

- Người đó là ai?

- Diên Thất Lang chứ ai!

Võ tỉnh giấc lấy làm lạ, sáng ngày gặp bạn nào quen, cũng hỏi thăm Thất Lang là ai. Có người nói cho biết Thất Lang là thợ săn ở thôn Đông. Võ thân hành đến tận nhà, cầm roi ngựa gõ cửa; giây lát một người ở trong bước ra, độ hai mươi tuổi, lưng ong mắt báo, vận áo chẽn quần cụt, nhiều chỗ mạng vá, đứng chấp tay ngang trán, hỏi khách ở đâu tới. Võ tự khai tên họ và mượn cớ đi đường thấy khó chịu, muốn vô nghỉ nhờ cho đỡ mệt, nhân dịp hỏi Thất Lang. Người ấy đáp:

- Thất Lang là tôi đây.

Đoạn mời khách vào trong nhà. Võ thấy mấy gian nhà nát chống đỡ bằng cây. Vào một căn nhà nhỏ, trên vách treo đầy những da hổ báo, mà không có giường ghế chi để ngồi. Thất Lang trải tấm da cạp dưới đất, cùng Võ ngồi đàm đạo, lời lẽ thật thà. Võ nghe rất ưng bụng, liền đưa ra một món tiền, gọi là giúp chàng sinh kế.

Chàng không chịu lãnh. Võ nài ép mãi, chàng cầm tiền vô nhà trong nói cho mẹ hay. Lúc trở ra, lại đưa trả, nhất định không lấy. Võ ép đôi ba phen, chợt cụ già lồm khồm từ trong nhà bước ra, nghiêm sắc mặt nói:

- Già chỉ có vền vẹn thằng con đó, không muốn nó chơi với khách sang.

Võ then ra về, dọc đường suy nghĩ tới lui không hiểu ý bà cụ ra thế nào. Lúc này kẻ tùy tùng có dịp ra sau nhà nghe lỏm được những lời bà cụ nói, giờ kể lại cho Võ hay. Nguyên lúc Thất Lang cầm tiền vô thưa mẹ, mẹ nói:

- Tao vừa dòm mặt công tử thấy có nám đen, tất sẽ gặp tai vạ lớn. Mẹ nghe cổ nhân có nói: được người ta biết đến thì chia sẻ điều lo, mang ơn của người ta thì phải gánh đỡ tai nạn. Giàu báo đáp bằng tiền, nghèo báo đáp bằng nghĩa. Nay vô cớ mà người ta cho được nhiều tiền, ấy là điềm chẳng lành. Mẹ e người ta sẽ đòi con đem cái chết ra báo đền ơn nghĩa đó.

Vì thế bà cụ khuyên con đừng nhận tiền.

Võ nghe chuyện, khâm phục bà cụ là người giỏi, lại càng dốc lòng hâm mộ Thất Lang, qua hôm sau làm tiệc mời nhưng Thất Lang không đến. Võ đến tận nhà đòi uống rượu. Thất Lang mua rượu về thết đãi với nộm thịt nai, hết sức niềm nở theo lễ.

Cách ngày hôm sau, Võ lại mời tiệc, bảy giờ Thất Lang mới đến. Hai người uống rượu nói chuyện cực vui vẻ. Nhưng đem tiền ra tặng chàng vẫn không chịu lấy. Võ kiếm cớ đặt tiền để mua da cạp, chừng đó chàng mới chịu nhận, rồi từ biệt ra về.

Về nhà xem lại những tấm da cạp để dành, không đủ gán với số tiền, bèn nghĩ sự vào núi săn cạp mới có thể đủ số đem nạp cho Võ.

Vào núi luôn ba ngày không săn được gì. Lại nhằm hồi vợ lâm bệnh, phải ở chăm sóc thuốc men chẳng nghĩ tới việc săn bắn gì được. Ngót tuần vợ lại chết. Thất Lang phải lo việc ma chay, số tiền nhận phải đem tiêu xài gần hết. Võ đến nhà điều tang, lễ phúng rất hậu.

Chôn cất vợ xong xuôi, Thất Lang lại mang nô đeo gươm lần mò vào núi, trong trí thiết tha về việc trả món nợ cho Võ. Nhưng rốt cuộc vẫn không săn được con cạp nào.

Võ dò biết ý tứ khuyên bảo đừng gấp, chỉ mong mời Thất Lang đến nhà chơi là vui, song Thất Lang băn khoăn về món nợ còn thiếu chưa trả được, nên chỉ nhất định không chịu tới.

Muốn buộc chàng phải đến. Võ đòi giao trước những tấm da để dành ở nhà cũng được. Thất Lang kiểm điểm da cũ, thấy mỗi một làm hư, lông rụng mất sạch, trong lòng càng buồn.

Võ biết thế vội vàng đến nhà ân cần an ủi, rồi vào xem những tấm da cũ và nói:

- Da này cũng được, bản ý tôi không cần đủ cả lông mà.

Nói đoạn gỡ những tấm da xuống đem về, mời Thất Lang cùng đi chơi một thể. Chàng không chịu đi. Võ đành về một mình.

Luôn suy nghĩ về sự chưa trả đủ số da cân với số tiền, lấy thế làm tâm tức, chàng lại gói lương khô, mang khí giới vào tận núi sâu. Rình mò mấy ngày đêm, hạ sát được một con cọp, để nguyên lông da, đưa nộp cho Võ.

Võ mừng, bày tiệc khoản đãi nài Thất Lang ở lại chơi luôn ba bữa với mình. Chàng khăng khăng từ chối. Võ sai gia nhân khóa chặt cửa ngõ để cầm chân chàng ở lại cho kỳ được.

Khách khứa bạn bè trông thấy Thất Lang thô kệch, thầm chê Võ công tử chọn bạn sai lầm, nhưng Võ sẵn sóc chiêu đãi Thất Lang hơn cả mọi người. Lại mang y phục mới nguyên cho chàng thay đổi, chàng không chịu. Võ thừa lúc chàng ngủ đem áo mới để bên, mà lấy áo cũ giấu đi. Cực chẳng đã chàng phải dùng mặc áo mới. Sau khi về nhà, vâng lời mẹ dạy, sai người đem áo mới trả lại và đòi áo cũ của mình về. Võ cười và nói với người thừa sai:

- Chú về thưa giùm với cụ rằng áo cũ đã lở cắt ra may lót giày rồi!

Từ đó, thường ngày Thất Lang sai mang thịt thỏ, hoặc thịt nai đến biếu Võ, duy có mời đến chơi thì không đến nữa.

Một hôm Võ đến nhà Thất Lang, nhằm lúc chàng đi săn vắng, bà mẹ ra đứng tựa cửa nói:

- Từ nay xin ông chớ rủ rê con tôi nữa! Có ác ý gì đó vậy?

Võ rất kính lễ bà cụ, tự thẹn ra về.

Cách chừng nửa năm, gia nhân báo tin, Thất Lang vì tranh giành con heo săn được, mà đánh chết người ta, hiện đã bị giải lên quan rồi.

Võ nghe báo cả kinh, tức tốc đến quận nghe ngóng, khi chàng đã bị giam vào ngục rồi. Chàng thấy mặt Võ, không nói gì nhiều, chỉ dặn dò chăm nom giúp đỡ mẹ mình. Về nhà, Võ liền lấy ra nhiều tiền đút lót quan huyện, lại đem trăm bạc nhét cho bên trên, cầu xin bãi nãi. Hơn tháng, xử vô tội, thả Thất Lang ra về. Bà cụ khẳng khái bảo con:

- Da thịt tánh mạng của con nhờ có Võ công tử mà còn, mẹ không có quyền chi nữa. Mẹ chỉ trông mong công tử suốt đời yên ổn không vương họa chi, tức là cái phước cho con đó.

Thất Lang muốn đến tạ ơn Võ, bà mẹ lại nói:

- Con đến thì đến chớ có tạ ơn làm chi. Cái ơn nhỏ còn tạ được, chứ ơn to thì không tạ được đâu!

Thất Lang đến nhà Võ, Võ tiếp rước niềm nở, Thất Lang chỉ vâng dạ lơ là, không dă động chi tới chuyện vừa qua. Người nhà Võ đều lấy làm lạ, cho là chàng sơ tình. Trái lại, Võ mừng tình ý thành đạt, càng đối đãi tử tế hơn.

Sau đó thường cách vài ba ngày, chàng lại ở chơi nhà công tử, hễ tặng món chi cũng nhận liền, không chối từ mà cũng không nói sự báo đáp.

Gặp ngày mừng sinh nhật của Võ, khách khứa và bọn phục dịch tùy tùng đông quá, căn nhà chứa khách ngủ đêm đầy ứ. Võ và Thất Lang nằm trong căn nhà nhỏ. Ba người gia bộc lót rơm nằm ngay dưới chân giường. Qua canh hai, chúng đều ngủ kỹ, còn hai người vẫn nói chuyện chưa thôi.

Con dao của Thất Lang treo trên vách bỗng thò đầu ra ngoài vỏ đến mấy tấc, nghe tiếng khua loảng xoảng, mà lưỡi dao lóe sáng như điện. Võ thất kinh, Thất Lang cũng chồm dậy hỏi ai nằm dưới giường.

Võ trả lời chúng nó đều là tôi tớ trong nhà. Thất Lang nói:

- Nội trong nhà này tất có đứa hung ác.
- Tại sao anh biết?

- Con dao này của tôi mua ở ngoại quốc. Nó giết người chưa từng thấm máu, họ nhà tôi đeo nó đã ba đời rồi, tính lại chặt đầu có tới số ngàn, mà vẫn bén tốt như mới rèn. Hễ có kẻ ác thì nó reo và nhảy lên chắc chắn phải giết người đến nơi. Xin công tử nên thân người quân tử, xa kẻ tiểu nhân, họa chẳng tránh khỏi tai vạ đến mình.

Võ gật đầu, Thất Lang vẫn ngậm ngùi chẳng vui, cả đêm trằn trọc không ngủ. Võ nói:

- Chuyện lành chuyện dữ đều do số cả, việc gì phải lo quá thế?

- Bất cứ chuyện nguy hiểm tới đâu tôi cũng chẳng sợ, chỉ băn khoăn còn có mẹ già thôi.

- Có lý đâu tai vạ đến nơi mà lo?

- Tôi trông chừng đến càng may.

Ba đứa gia bộc ngủ dưới giường là: Lâm nhi ở trong nhà đã lâu, Võ rất vừa ý; một thằng nhỏ sai vặt mới mười hai, mười ba tuổi; một đứa nữa là Lý Ứng rất bướng bỉnh, thường vì chuyện nhỏ mà cãi cộ với công tử luôn, khiến công tử phát giận vì nó.

Đêm ấy công tử nghĩ thầm có lẽ ác nhân là nó, cho nên tảng sáng gọi nó đến nói khéo dỗ về rồi đuổi nó đi.

Người con trưởng của công tử tên là Thân, lấy Vương thị làm vợ. Một hôm công tử đi vắng, sai Lâm nhi ở coi nhà học giữa mùa cúc đang trổ hoa rực rỡ. Vợ Thân nghĩ cha chồng đi khỏi, nhà học vắng vẻ không ai, liền đến hái bông cúc. Lâm nhi chạy ra chòng ghẹo, nàng toan kêu lên, thì nó ôm đại vào trong nhà toan cưỡng hiếp. Nàng kêu khóc chống cự, đến nỗi xám mặt khản tiếng, Thân nghe chạy vào, Lâm nhi mới chịu buông nàng, rồi trốn đi mất.

Võ về nhà hay chuyện, nổi giận tìm Lâm nhi, nhưng không biết nó đi đằng nào. Qua hai ba bữa mới biết nó đã tới làm bộ hạ trong nhà ông Ngự sử nọ. Ông ta làm quan ở kinh đô, việc nhà giao phó cho người em, Võ lấy tính thanh khí nói với nhau, viết thư đòi trả Lâm nhi. Người em Ngự sử không trả, Võ càng tức, làm đơn lên huyện thưa.

Ông huyện có thảo trát đi bắt mà lính không bắt, quan cũng không hỏi đến.

Võ đang phần nộ thì Thất Lang đến chơi, nắm tay và nói.

- Máy lời bạn nói với tôi lúc trước, nay đã nghiệm rồi đó.

Rồi kể hết công chuyện cho Thất Lang nghe.

Thất Lang tái mặt, đầy vẻ bi thảm, nhưng trước sau không nói câu gì, bỏ đi liền.

Võ sai đầy tớ dò la tông tích Lâm nhi. Thừa đêm khuya mò về, liền túm cổ giải đến trước mặt Võ. Võ đánh đập nó khá đau, nó trả lời hỗn hào. Ông chú Võ vốn là người trưởng giả, sợ cháu mình quá nóng mà gây ra án mạng, bèn khuyên cháu đưa Lâm nhi lên huyện cho quan xử.

Vâng lời chú, Võ trói Lâm nhi đưa lên công đường bốn huyện, khi đó bức thư của nhà ông Ngự sử cũng vừa tới nơi, quan huyện lập tức thả Lâm nhi và giao cho gia nhân Ngự sử đưa về.

Lâm nhi càng được trớn, lên mặt giữa đông người, vu cáo bà chủ, tức là vợ Võ công tử, có tư tình với nó.

Võ nghe tức tối muốn chết mà không biết làm sao được. Có hôm đến cửa nhà Ngự sử réo chưởi om sòm, làng xóm khuyên lơn bảo về.

Bỗng sáng hôm sau, gia nhân cho hay Lâm nhi đã bị người ta giết, chặt ra từng mảnh ném ngoài đồng trống. Võ nghe, vừa hãi vừa mừng, hơi thấy hả lòng đôi chút.

Liền đó, nhà Ngự sử vô đơn thừa hai chú cháu. Võ theo chú lên huyện. Quan huyện không đợi phân trần gì cả, thét lính căn nọc người chú mà đánh. Võ cãi to tiếng:

- Chuyện giết người thì không có đâu. Còn sự đến cửa nhà khoa mục lớn tiếng nhục mạ thì quả có và chính là tôi làm, chẳng dự gì đến chú tôi mà tra tấn ông.

Quan huyện giả điếc không nghe. Võ trợn mắt toan nhảy lên công đường, bọn lính lệ áp vô lời cổ xuống, vì chúng toàn là chó săn của nhà Ngự sử.

Ông chú Võ công tử vốn già yếu cho nên bị đánh chưa đủ phân nửa số roi đã định thì xỉu đi mà chết.

Quan huyện thấy chú Võ chết rồi bỏ qua vụ này không thêm xét hỏi nữa. Võ vừa kêu gào vừa lẳng mạ, quan cũng làm như không nghe.

Công tử đành chờ ông chú về nhà, đau đớn uất ức, nhưng chẳng biết liệu tính cách nào, chỉ mong gặp mặt Thất Lang để cùng bàn soạn mà Thất Lang biệt dạng chẳng thấy chàng đến chia buồn và thăm hỏi gì hết.

Trong trí suy nghĩ bấy lâu mình đối đãi với chàng rất tốt, sao chàng vội lạnh lùng coi nhau như khách qua đường vậy. Người ta nghi ngờ tất cả là Thất Lang giết Lâm nhi; công tử suy đi nghĩ lại nếu quả như thế sao chàng không bàn tính với mình trước?

Bảy giờ công tử cho người đến thăm dò tận nhà Thất Lang, thấy cửa đóng then cài, tứ bề vắng ngắt. Xóm giềng cũng đều không rõ tăm hơi của chàng.

Một hôm, người em Ngự sử đang ngồi trong tư thất ông huyện cùng nhau bàn chuyện riêng. Người chức việc đem hương bồng đến nộp. Bồng dung một người tiều phu xông tới trước mặt, đặt gánh củi xuống, rút dao nhọn ra chạy tới trước mặt Mỗ (tức là người em ông Ngự sử) mà đâm. Mỗ hoảng sợ, đưa tay ra đỡ dao, dao chặt đứt cánh tay, tiều phu chém thêm nhát nữa đầu rơi xuống đất.

Ông huyện cả kinh chạy trốn. Tiều phu ngó đảo dác xem ông huyện chạy đường nào. Trong lúc đó bọn lính tráng và bọn chức dịch trong huyện, kịp đóng cửa ngõ, cầm dao vác gậy xúm lại vây bọc. Chú tiều phu tự biết khó thoát thân liền trở mũi dao tự đâm vào cổ chết.

Ai nấy xúm quanh nhìn mặt. Có kẻ nhìn biết đó là Điền Thất Lang.

Ông huyện lúc đó mới hoàn hồn hết sợ, trở ra phúc nghiệm, trông thấy Thất Lang nằm chết cứng giữa vũng máu lênh láng, tay vẫn nắm chặt dao nhọn.

Đột nhiên tử thi chồm dậy chém bay đầu ông huyện rồi lại ngã xuống.

Lính đến bắt bà mẹ Thất Lang nhưng bà mẹ đã trốn đi từ mấy bữa trước rồi.

Võ nghe Thất Lang chết, vội vàng đến nhìn mặt bạn khóc lóc cực thảm. Ai cũng bảo chính Võ chủ ý cho Thất Lang làm ra thảm sát này. Võ bán hết điền sản để lo chạy quan, mới được vô sự.

Xác Thắt Lang khiêng bỏ ngoài đồng, dầu dãi hơn ba chục ngày, các loài chim muông thay nhau canh giữ. Võ xin quan cho đem về tống táng rất hậu.

Đứa con Thắt Lang trốn tránh đến Đặng Châu, đổi ra họ Đông, lớn lên đi lính, có nhiều công trận, được thăng dần dà tới chức Đồng tri tướng quân. Khi ấy mới trở về Liêu Dương. Võ đã ngoài tám mươi, trở cho biết mồ mả thân phụ.

51. PHIÊN CHỢ GIỮA BIỂN

(Truyện La Sát Hải thị, quyển VI)

Mã Tuấn biểu tự Long Môi, con nhà buôn bán, đẹp trai, tính phóng khoáng, thích múa hát, theo phường hát hội lấy khăn gấm bịt đầu trông mỹ miều như con gái, nhân đây có biệt hiệu là Tuấn Nhân.

Hồi mười bốn tuổi, lên học trường quận, liền nổi tiếng học giỏi. Cha già yếu, nghỉ buôn bán ở nhà, bèn khuyên con:

- Máy quyển sách khi đói không thể nấu mà ăn, khi rét không thể may mà mặc, con ạ! Thôi thì con nghỉ học nổi nghiệp theo cha, xoay ra thương mại thì hay hơn.

Từ đó, Mã tập buôn bán, lần hồi, theo người ta đi buôn ngoài biển. Một hôm, ghe bị gió bão thổi băng đi mấy ngày đêm, tới một nơi đô hội, người trên đảo xấu xí lạ lùng.

Vậy mà họ thấy Mã, lại cho là yêu ma, ồn ào bỏ chạy. Ban đầu, Mã sợ hãi quá, đến khi biết rõ người bản xứ sợ mình, bèn lợi dụng ngay tình trạng ấy mà nhát họ. Gặp họ đang ngồi ăn, Mã chạy càn đến; ai nấy đều sợ hãi chạy tán loạn, chàng được xơi những món ăn thừa.

Lâu dần vào mãi xóm làng chân núi, thấy ở đây cũng có kẻ mặt mũi giống y như người, duy có quần áo lam lũ rách rưới như lũ ăn mày. Chàng ngồi nghỉ dưới gốc cây, người ta không dám mon men đến gần, chỉ đứng xa xa mà ngó trầm trồ. Lâu rồi thấy chàng không phải là loài cắn xé ai, bấy giờ mới dần dà đến gần.

Chàng cười và nói với họ. Tiếng họ tuy khác, nhưng có thể hiểu được nửa phần. Chàng tỏ căn do vì sao mình lạc đến xứ này. Người làng mừng rỡ loan báo cho làng xóm biết rằng người khách lạ không phải đến vô căn ai đâu. Tuy nhiên những kẻ xấu xí nhất hạng chỉ đứng xa ngó, chẳng nỡ bỏ đi ngay, nhưng không dám đến gần.

Bọn đến gần chàng, nhận thấy vị trí mũi miệng cũng giống người Trung Quốc. Họ bày rượu thịt ra mời ăn. Chàng hỏi tại sao thấy mình lại sợ. Họ đáp:

- Chúng tôi thường nghe ông bà truyền lại rằng: Cách đây hai mươi sáu ngàn dặm, về phía tây có người Trung Quốc, người dân mặt mũi kỳ quái. Bấy lâu chỉ nghe đồn thôi, ngày nay mới tin là có sự thật.

Hỏi tại sao dân bản xứ nghèo, họ đáp:

- Điều quý chuộng ở nước chúng tôi, chẳng phải ở văn chương mà ở hình mạo. Người đẹp nhất hạng làm chức thượng khanh; thứ đến chức dân xã; hạng dưới chót nữa cũng được các bậc quý nhân thương yêu, cho nên có lương bổng để nuôi con. Còn như hạng chúng tôi đây, lúc mới oa oa chào đời, cha mẹ cho là vật bất thường, nhiều nhà quăng đi không nuôi. Trừ ra nhà nào vì sự nối dõi tông môn thì mới không đành lòng bỏ đi; miễn cưỡng mà nuôi thôi.

- Nước này tên là nước gì?

- Đây là nước Đại La Sát, kinh đô ở cách ba mươi dặm về hướng Bắc.

Mã yêu cầu họ dẫn đi xem kinh đô một phen cho biết. Gà gáy thức dậy cùng đi. Trời sáng đến kinh đô. Thành xây bằng đá đen như mực; lâu đài cao ngót trăm thước, nhưng có ít lợp ngói chỉ lấy những phiến đá đỏ úp lên trên, trông chẳng khác sơn đỏ.

Vừa gặp lúc bảy giờ bãi châu, các quan nghênh ngang vồng lọng từ trong triều ra về. Người nhà quê cùng đi với Mã, trở vào một vị quan nói:

- Quan lớn tướng quốc đó.

Mã nhòm thấy hình dung quan lớn mà thấy rùng mình, hai tay ngoảnh ra lưng, mũi có ba lỗ, lông mày úp lấy ba mắt như treo tám màn. Đến mấy ngài cưỡi ngựa đi qua, người hướng đạo nói với Mã:

- Đó là quan đại phu. Lần lượt giới thiệu quan chức mỗi vị từ trong triều kế tiếp ra về. Mã trông mặt mũi người nào người nấy dị hợm quái kỳ, có điều quan chức càng thấp kém chừng nào thì diện mạo cũng bớt xấu xí chừng ấy.

Một lúc sau, Mã đi về qua các phố phường; người ta trông thấy vừa la vừa chạy, té lên ngã xuống làm như gặp phải quái vật chi vậy. Người quê hết sức phân giải, bấy giờ người chợ mới dám đứng ngó xa xa, không chạy tán loạn nữa.

Sau khi Mã trở về sơn thôn, khắp trong nước trẻ già lớn nhỏ, chẳng ai không nghe biết sơn thôn có một người quái dị cư trú. Từ đó các nhà quyền quý danh vọng muốn cho dân gian được rộng kiến văn cho nên tranh nhau bảo người sơn thôn luân phiên nhau mời Mã đến chơi.

Nhưng, Mã đến nhà nào, nhà ấy sợ hãi vội vàng đóng chặt cửa ngõ, đàn ông, đàn bà, con gái lén lút dòm qua khe cửa, run sợ bàn tán nhau; hết trọn ngày ấy, ngày khác không có ai mới tới gặp mặt. Người trong làng nói:

- Chốn này có một vị quan chấp kích, xưa kia từng phụng mạng tiên vương đi sứ ngoại quốc, từng trông thấy thiên hạ nhiều, có lẽ chỉ ông ta dám tiếp kiến anh mà không sợ hãi thôi.

Mã nghe lời, đến nhà ông chấp kích. Thật quả ông này vui mừng tiếp rước, đãi như thượng tân. Mã ngó diện mạo ông, như một cụ già tám chín mươi tuổi, hai con mắt nổi bật ra bên ngoài, râu tua tủa như lông con chim.

Ông ung dung nói chuyện:

- Hồi lão còn trẻ tuổi, từng phụng mạng vua đi sứ ngoại quốc rất nhiều, chỉ tiếc chưa đi tới nước Trung Hoa lần nào. Nay đã một trăm hai chục tuổi lại được trông thấy thượng quốc nhân vật thế này, thật là có phước, không thể nào không tâu thiên tử hay biết. Nhưng lão về ở ẩn nơi rừng núi đã mười năm nay, không dễ gót tới sân rồng; vậy sáng ngày mai, lão xin vì ông, cố gắng đi châu thiên tử một phen.

Lão nói đoạn, sai dọn tiệc thết đãi. Sau vài tuần rượu, gọi phường nữ nhạc gồm mười mấy cô ra trước tiệc thay phiên nhau múa hát làm vui. Cô nào mặt mày cũng xấu xí như quỷ dạ xoa, bịt đầu bằng gấm

trắng, mình vận áo đỏ quét đất, giọng hát nghe ô ô, chả biết là bản gì, mà nhịp nhàng cũng kỳ cục khó hiểu. Coi bộ lão quan vui sướng lắm, hỏi coi Trung Hoa có đờn nhạc xướng hát như vậy không? Mã đáp: có. Lão quan xin Mã hát thử một bài ca Trung Hoa cho nghe. Mã gõ nhịp trên bàn, ca một bài. Lão quan hơn hờ nói:

- Lạ thay! Tiếng hát như hoàng kêu, phụng gáy, lão chưa từng nghe bao giờ.

Sáng bữa sau, lão lên đường, vào chào quốc vương, cốt tiến cử Mã.

Vua hân hoan xuống chiếu vời ngay. Song có ba quan đại thần, râu bày hình dạng Mã quái gở, nếu vời vào châu, e làm kinh hãi thánh thể. Quốc vương nghe râu liền bãi lệnh tuyên triệu quái nhân Trung quốc.

Lão quan tức tốc về nhà, thuật chuyện cho Mã nghe và tỏ ý rất tiếc. Mã ở nhà lão quan lâu ngày đâm buồn, có hôm cùng chủ nhân uống rượu say, bèn cầm gươm đứng dậy múa, lấy than lộ bôi mặt đen thui đen thui, đóng vai Trương Phi. Chủ nhân trầm trồ khen thể là đẹp:

- Xin ông cứ để bộ mặt Trương Phi đến bái yết quan tể tướng, chắc ngài trọng dụng lo gì chẳng được chức cao lộc nhiều.

Mã lắc đầu nói:

- Trời ơi! Bôi nhọ thể này mà chơi đùa, còn có thể yêu thương được, có lý nào vác bộ mặt hát bội đi cầu lấy vinh hiển.

Chủ nhân cố nài ép mãi, Mã mới chịu nghe.

Hôm sau, ông làm tiệc lớn, mời các nhà đương quyền đến nhà yến ẩm, bảo Mã vẽ bộ mặt nhọ nòi sẵn sàng chờ đợi. Một chấp quan khách kéo đến đông đủ, ông kêu Mã ra trình diện. Khách đều sửng sốt, nói:

- Quái lạ, sao bữa trước xấu như ma lem, nay hóa mỹ miều xinh đẹp đến thế?

Rồi các quan cùng kéo Mã ngồi chung tiệc rượu, chén tạc chén thù hết sức vui vẻ. Mã đứng dậy múa may, hát ê a một khúc đúm, cử tọa tấm tắc khen hay. Qua ngày sau, các quan cùng dâng biểu tiến cử Mã với vua. Nghe nói Mã đã đổi xấu ra đẹp, vua lấy làm mừng rỡ sai đem cờ mao tiết đi vời chàng vào triều.

Khi làm lễ bái kiến xong, vua hỏi về đạo trị an của Trung Quốc, chàng cặn kẽ tâu bày, được vua khen thưởng áo để, liền ban yến ở ly cung. Rượu ngà ngà say, vua hỏi:

- Nghe đồn khanh giỏi múa hát, có cho quả nhân được thưởng thức chăng.

Mã đứng lên bỏ bộ múa hát, cũng bắt chước trum đầu bằng gấm trắng, hát giọng đồ đưa. Vua nghe thích chí liền phong cho Mã chức hạ đại phu. Chàng thường được vua ban tứ yến riêng, hậu đãi khác cả mọi người.

Lâu dần, các quan lớn nhỏ trong triều biết cái mặt chàng bôi nhọ là bộ mặt giả, nhờ đó mà công danh phú quý. Chàng đi tới đâu cũng được người ta nói thì thầm với nhau, không niềm nở với mình nữa. Từ đó chàng hóa ra cô lập, trong lòng cắn rứt không yên, liền dâng biểu xin về hưu dưỡng. Vua không cho. Lại năn nỉ xin nghỉ có hạn, vua cho nghỉ ba tháng.

Chàng dùng ngựa trạm, chở các món vàng bạc châu báu trở về sơn thôn. Dân sở tại kéo nhau ra quì đón bên đường. Chàng phân cấp tiền bạc cho những nhà tử tế với mình lúc nọ, tiếng chúc tụng hoan hô, vang dậy như sấm. Dân làng nói:

- Chúng tôi hèn mọn, mang ơn quan đại phu tặng cho tiền bạc, ngày mai có phiên chợ giữa biển, sẽ tìm mua vật quý để đền đáp quan đại phu.

Chàng hỏi chợ biển ở chỗ nào, dân làng nói:

- Tức là chợ họp dưới biển, người cá (người sống dưới nước như cá) ở bốn biển, gom góp châu báu, bốn phương một hai nước, cùng tới trao đổi. Trong đó có nhiều thần nhân đến chơi, mây ráng đầy trời ba đào cuồn cuộn; vì thế những hạng quý nhân tự trọng, không dám xông pha hiểm nghèo, cứ trao lụa là cho chúng tôi, mua giùm các món đồ lạ đem về cho họ. Nay mai sắp đến phiên chợ ấy rồi.

Mã hỏi tại sao biết chắc ngày giờ nào đến phiên chợ biển họp. Dân chúng cắt nghĩa:

- Mỗi khi chúng tôi thấy có đàn chim đỏ bay liệng tới lui tức là bảy hôm sau có chợ.

Mã lại hỏi hành kỳ bao lâu, ý muốn cùng đi xem chợ cho biết nhưng dân làng ngăn bảo chàng phải tự trọng, vì đi chợ rất mạo hiểm, thường thường có đi không về. Chàng nói:

- Các người đừng lo giùm tôi. Tôi vốn đi biển đã quen, sợ chi sóng gió.

Cách mấy ngày sau, quả thấy có người đến gửi tiền của để mua đồ. Tới kỳ chàng vận hành lý xuống thuyền cùng đi chợ biển với người ta. Thuyền chở được khoảng vài chục người, dáng thẳng lườn cao, mười tay bơi chèo, thuyền đi vùn vụt như tên.

Trải qua bốn ngày, xa trông khoảng mây nước giáp nhau, lâu đài lô nhô trùng điệp, những ghe buồm bán đậu dày như kiến. Một chập đến dưới chành thành nhìn lên vách tường cao bằng đầu người, lầu gác trên mặt thành chót vót đọng mây xanh.

Buộc thuyền xong vào bờ, thấy các món châu báu la liệt trong chợ, ánh sáng lóng lánh chói mắt, nhiều thứ trần gian không có. Một thiếu niên cưỡi ngựa đi tới, người hợp chợ đều dạt ra tránh đường, bảo nhau đó là Đông Dương tam thái tử.

Thế tử đi ngang, liếc mắt thấy Mã, nói:

- Người này là người xứ lạ!

Lập tức, có kẻ tùy tùng đến hỏi Mã tên họ là gì, quê quán nơi nào. Chàng đứng bên đường, chấp tay vái chào thế tử và tự giới thiệu mình. Thế tử mừng và nói:

- Được ngài quá bộ tới đây, thật có duyên phận không ít.

Nói đoạn, trao một con ngựa cho chàng cưỡi, cùng nhau song song theo hướng tây một quãng, mới tới bờ đất cù lao.

Ngựa phăng phăng nhảy đại xuống nước, chàng khiếp đảm kêu lên thất thanh; bỗng thấy nước biển tách ra thành đường đi, hai bên chót vót như vách thành dựng đứng. Đi một lát thấy bày ra trước mắt những tòa cung điện nguy nga, đôi môi làm kèo, vẩy rồng làm ngói, bốn vách thủy tinh, lóng lánh chói mắt.

Chàng xuống ngựa, bước vào cung điện, ngó lên thấy Long vương ngồi trên. Thế tử kính tâu:

- Thần đi xem chợ, được gặp một hiền sĩ Trung Quốc, nên dẫn về đây ra mắt đại vương.

Chàng làm lễ bái yết xong, Long vương hỏi:

- Tiên sinh là bậc học sĩ, hẳn làm văn hay, vậy quả nhân muốn cậy làm giùm bài phú chợ biển, xin đừng tiếc công nhả ngọc phun châu.

Chàng cúi đầu phụng mạng, liền có thị vệ đem ra nghiên thủy tinh, bút râu rồng, giấy trắng như tuyết, mực thơm như lan. Chàng tức thời viết thành bài văn hơn một nghìn chữ đưa trình. Long vương xem rồi khen không tiếc lời:

- Tài lớn của tiên sinh, làm cho thủy quốc vẻ vang biết mấy.

Rồi hội họp các thủy tộc, mở tiệc lớn ở cung Thế Hà. Sau vài tuần rượu, Long vương nâng chén hướng về phía khách nói:

- Quả nhân có đứa con gái cung, hiện chưa lấy chồng, muốn gả cho tiên sinh, thuận hay không?

Chàng tự thẹn không biết nói thế nào chỉ cúi đầu vâng dạ mà thôi, Long vương day lại tả hữu, nói gì chẳng rõ, giây lát mấy nàng cung nữ phò công chúa ra làm lễ, vàng ngọc leng keng, đàn sáo inh ỏi. Chàng đáp lễ và liếc dòm công chúa, mỹ miều như tiên.

Công chúa chào khách xong, trở vào hậu cung.

Sau khi bãi tiệc, hai thị nữ cầm đèn lồng, đưa chàng vào hậu cung.

Công chúa trang điểm ngồi đợi trong phòng kê giường san hô, chạm đồ bát bảo, tấm màn che ngoài kết bằng ngọc minh châu, viên nào viên nấy lớn như cái đầu; chăn mền nệm gối đều bằng thứ rêu mềm mại thơm tho. Trời mới bừng sáng, a hoàn cung nữ đã tấp nập trước mặt để chờ sai khiến.

Chàng ra triều đường bái tạ, Long vương phong chức phò mã đô úy, và sai chép bài phú gửi đi các biển xem.

Long vương ở các biển điều sai sứ đến mừng, nhân dịp gửi thiệp mời phò mã tới uống rượu.

Chàng vận đồ gấm vóc cưỡi rồng xanh ra đi, mấy chục võ sĩ cưỡi cá ngựa theo hộ vệ cùng mang cung sơn son, cầm hèo bịt bạc long lanh rầm rộ, lại có phường nhạc theo hầu, trên lưng ngựa gảy đàn tranh, ngồi trong xe gỗ phách ngọc.

Nội trong ba ngày, chàng dạo chơi khắp các biển, vì đó cái tên “Long môi” (rồng làm mai) vang dậy bốn biển. Trong cung có một cây ngọc, mình đầy một ôm sáng ngời và trong suốt như lưu ly trắng; giữa có rượu màu vàng lợt, nhỏ thua cánh tay, lá cây giống như bích ngọc dày bằng đồng tiền âm u rậm rạp. Thường ngày vợ chồng ngồi dưới bóng cây ngâm thơ thổi sáo làm vui. Đến mùa hoa nở chi chít, cứ mỗi lá rụng xuống đất, kêu lên một tiếng keng, lượm lên xem như mã não màu đỏ, có chạm trổ và trong sáng khác thường. Thỉnh thoảng có loài chim lạ, tới đậu trên cây hót véo von, lông vàng ánh, đuôi dài hơn mình, tiếng hót có khi nào nùng tới gan ruột. Mỗi lần chàng nghe đều chạnh lòng tưởng nhớ quê hương, bèn thừa dịp nói với công chúa:

- Tôi lạc lỏng đã ba năm, cha mẹ già bất tin vắng bóng, lần nào tôi nghĩ đến cũng thất lòng thất ruột, muốn về thăm quê quán, Khanh có vui lòng theo tôi về chăng?

Nàng nói:

- Tiên phạm cách trở, em không thể nào đi theo. Tuy nhiên em cũng chẳng nỡ vì tình yêu cá nước mà để chàng lỗi đạo hiếu với cha mẹ, vậy thông thả, em tính cho.

Chàng nghe khóc vui, nàng cũng than thở:

- Sự thế bắt buộc phải vậy, tình hiếu không thể lưỡng toàn.

Hôm sau chàng đi dạo, Long vương hỏi:

- Ta nghe phò mã muốn về thăm quê, vậy sớm mai khởi hành được chăng?

Chàng thưa:

- Thần bơ vơ lưu lạc may nhờ đại vương đoái tưởng, bấy lâu mang ơn quá nhiều, vẫn ghi trong gan ruột, chỉ mong sẽ trở lại hầu đại vương.

Tối lại, nàng đặt tiệc từ giã. Chàng hẹn sau lại gặp nhau, nhưng nàng thản nhiên nói:

- Tình duyên đôi ta đến đây là hết rồi.

Chàng xót xa khóc lóc cực thảm. Nàng an ủi và nói:

- Về nhà phụng dưỡng cha mẹ tỏ rõ lòng chàng hiếu thảo. Đời người ta tan hợp, trăm năm cũng như đầu hôm sớm mai, can chi khóc lóc như đàn bà? Miễn sao từ nay, em vì chàng mà giữ tiết trinh, cũng như chàng vì em mà giữ tín nghĩa, thì mỗi người một nơi, hai lòng như một, thế là vợ chồng gắn bó đầy; hà tất sớm tối ngồi ôm nhau, mới là bách niên giai lão ư? Nếu bên nào có ăn ở lỗi với thề nguyên, có lấy vợ lấy chồng cũng chẳng gặp tốt lành êm đẹp. Ví bằng chàng lo trong nhà không ai nội trợ thì có thể mua hầu cưới thiếp, không sao. Nhân dịp em còn một chuyện nói với chàng: từ ngày kết bạn đến nay, dường như em đã có thai, vậy xin chàng đặt tên sẵn cho con.

Chàng nói:

- Hễ con gái thì tên là Long Cung, con trai thì mang tên Phước Hải.

Nàng xin để lại một vật làm tin. Khi chàng ở nước La Sát được một cặp hoa sen bằng ngọc đỏ, nay đem trao cho công chúa giữ làm tin, nàng tính đốt tay căn dặn:

- Ba năm sau, đúng ngày mừng tám tháng tư, chàng nhớ bơi thuyền ra Nam đảo, em sẽ giao con.

Đoạn, nàng lấy một da cá làm túi, nhét đầy châu ngọc vào trong, đưa cho chồng và nói:

- Mình giữ kỹ túi này, mấy đời ăn xài cũng chẳng hết đâu.

Trời mờ sáng, Long vương thân đến từ biệt, tặng cho đồ vật cực nhiều. Chàng lạy tạ rồi ra khỏi cung vua. Nàng ngồi xuống xe dê trắng kéo, đưa ra tận bờ biển. Chàng lên bờ, xuống ngựa. Nàng ngỏ lời chúc mong trân trọng rồi quay trở về, thấm thoát đã thấy xa biệt. Nước biển khi ấy rẽ ra hai bên thành con đường đi, giờ khép lại cho nên không thấy công chúa đâu nữa. Chàng rầu rĩ xuống ghe, nhắm hướng về quê.

Từ ngày Mã sinh vượt biển, rồi mất tích, ai cũng bàn tán chết mất xác đâu rồi. Nay thấy lù lù trở về, cả nhà càng sùng sốt kinh ngạc.

Cũng may cha mẹ già còn khoẻ mạnh, tuy có người vợ đã đi lấy chồng khác. Chàng nhớ lại câu: “giữ vẹn tình nghĩa” của long nữ đã nói, thì ra nàng đã tiên tri vợ chàng cái giá vậy.

Cha mẹ muốn cưới cho vợ khác, nhưng chàng không nghe, chỉ mua một người về làm cô hầu để hầu hạ song thân, lo việc nội trợ.

Đúng kỳ hẹn ba năm và ngày tháng đính ước, chàng bơi thuyền ra tận hải đảo, thấy hai đứa trẻ ngồi lênh bênh trên biển, đang tạt nước đùa giỡn nhau, không động mà cũng không chìm. Chàng đến gần, hai đứa trẻ mừng rú lên, mỗi đứa nắm một cánh tay chàng, và nhảy vào lòng đòi ẵm. Một trong hai đứa bỗng khóc lớn tiếng, hình như giận dỗi cha không ẵm mình trước vậy. Nhìn kỹ té ra một trai, một gái diện mạo cùng tuấn tú, khôi ngô, đầu đội mũ hoa gắn ngọc, tức là bông sen đỏ làm tin. Trên lưng một đứa đeo túi gấm, chàng mở ra xem là bức thư nàng viết:

“Kính thăm chàng và song thân bình an.

Thấm thoát đã ba năm, bụi hồng cách tuyệt đôi nơi, chim xanh bề đi sứ; chẳng qua tư tưởng trong giấc chiêm bao, ngảnh cổ xa trông nào thấy mệnh mang trời biển, còn hận nào bằng?

Nhưng lại suy nghĩ: Chị Hằng còn để cung Quế vắng tanh, ả Chức còn bị sông Ngân cách trở, huống chi là đây là người gì mà hồng đoàn tụ mãi được. Em nghĩ tới đó, liền gạt nước mắt vui cười. Sau khi từ biệt được hai tháng thì em ở cữ sinh đôi. Nay hai đứa trẻ khỏi cần bông ẵm, cười nói lú lo suốt ngày đòi tào đòi lê, dù xa mẹ cũng có thể sống được rồi cho nên em giao lại cho chàng. Đôi hoa sen bằng ngọc đỏ em gài trên mũ hai đứa trẻ để làm tin đó. Những khi chàng ôm con trên đầu gối, hôn hít nâng niu cũng như có em bên cạnh vậy.

Biết chàng đã giữ trọn lời nguyên với em, em rất vui lòng. Phần em cũng một lòng duy nhất, đến chết không rời, bấy lâu vẫn sống một cách mộc mạc đơn sơ, gấm vóc xếp xó trong rương, phấn son không hề thoa mặt, chàng như chinh phu đi trận phương xa, em như quả phụ ở nhà thủ tiết, vậy đó chẳng là nhân duyên gắn bó sắt cầm hảo hợp ư?

Có điều em nghĩ, bây giờ cha mẹ chồng đã được ẵm cháu nội, mà còn chưa thấy mặt nàng dâu ra sao, xét đến tình lý cũng là điểm

khuyết. Vậy nếu năm tới bà cụ quy tiên, lúc đó, em sẽ đến mộ ai điều cho tròn đạo dâu con.

Ngoài việc ấy ra, Long Cung vô sự, có lúc mẹ con bắt tay; Phước Hải trường sinh, tất sẽ tới lui ngoài biển. Trân trọng kính thư, chúc chàng mạnh giỏi”.

Mã sinh đọc lại đôi ba lần, vừa đọc vừa khóc. Hai trẻ ôm cổ, nói: về nhà ta đi, khiến chàng đau đớn xót ruột, buồn lại thêm buồn, nựng con và hỏi: con có biết nhà ta ở đâu không nào?

Hai đứa cùng khóc rầm rức, một hai đòi về nhà. Chàng nhìn ra biển cả mênh mông, chân trời tím trong khoảng mây mờ sóng vỗ kia, không thấy người mình thương yêu tưởng nhớ ở đâu, bèn búi ngùi ôm con, quay mũi thuyền trở về.

Theo lời nàng nói, chàng biết mẹ già không còn thọ lâu, cho nên lo việc tang sự sẵn sàng. Quanh nhà trồng hơn trăm cây tùng. Năm sau quả nhiên bà cụ qua đời, khi quan tài sắp sửa hạ huyệt, có người con gái mặc sô gai đến bên làm lễ. Mọi người đang nhìn có vẻ sửng sốt, bỗng dung nổi cơn bão gió sấm sét, kể trời mưa to, trong nháy mắt nàng đã biến đi đằng nào mất. Những cây tùng bách mới trồng phần nhiều đã khô, bây giờ trở lại tươi tốt.

Phước Hải lớn lên, nghĩ tới mẹ ruột, tự đi ra biển thăm viếng, mấy hôm mới về. Long Cung là phận nữ nhi, không thể mạo hiểm, thời thường đóng cửa ngồi khóc một mình. Bữa nọ đang giữa ban ngày, trời tự nhiên tối sầm lại, Long nữ chột đến vỗ về con cái và nói: Con sẽ lập thành gia thất tốt còn ngồi khóc làm gì? Nói đoạn, cho nàng một cây san hô cao tám thước, một hộp long não hương, một hộp minh châu, một đôi vòng vàng chạm bát bảo, để làm của hồi môn khi lấy chồng.

Chàng nghe vợ tiên hiện về thăm con gái, tức tốc chạy đến nắm tay Long nữ mà khóc nức nở. Bỗng trời nổi mưa gió, sét đánh vang nhà, nàng biến đi mất.

TỰ CHÍ

(Nguyên văn của tác giả Bồ Tùng Linh đề trên đầu sách *Liêu Trai*, bản dịch văn và lời chú của thi sĩ Tản Đà).

Đai dây áo lá, họ Tam Lư ngùi cảm viết văn Tao⁽¹⁾

Thân rắn ma Trâu, cậu dài móng ngâm nga thành bệnh nghiện⁽²⁾

Thú ngâm vịnh thiên nhiên tự thích:

Câu dờ hay có chọn làm chi?

Ấy như thế phải vậy

Tùng,

Một ngọn đèn xanh lửa đóm, hắt hiu tranh sáng ới loài ma⁽³⁾

Bao phen dậm cát bụi hồng, tất cả khêu cười cho lũ quỷ⁽⁴⁾

Tài học ví đâu Can Bảo, sách thần linh muốn chép như ai⁽⁵⁾;

Tình hoài giống với Hoàng Châu, chuyện ma quỷ thích nghe người nói⁽⁶⁾.

(1) Ông Khuất Nguyên là công tước nước Sở, làm quan Đại phu Tam lư, là người bày tôi trung mà bị kẻ gian gièm pha, không được vua thân tín, cho nên buồn bực mà làm ra văn Ly Tao, có bài *son qui* nói về ma núi, có câu: “*Mặc áo bằng thứ lá bị lệ mà thắt dây đai bằng thứ dây như la*”.

(2) Lý Hạ đời Đường, dài móng tay, viết lạnh hơn người. Ông Đỗ Mục làm bài tựa cho tập thơ của Lý Hạ có nói rằng: “*Ma trâu thân rắn, không đủ kể là hoang đản vậy*”.

(3) Kê Khang thường ngồi đánh đàn ở dưới đèn, có một người vào nhà, ước mới thấy thời mặt rất nhỏ, chốc lát, lớn dần ra, dài đến hơn một trượng: Kê nhìn kĩ rất lâu, bèn thổi lửa tắt đi, nói rằng: “*Ta không thềm cùng với loài ma tranh sáng*”.

(4) Đời Nam Bắc triều, Lưu Bá Long làm quan Thái thú ở Vũ Lăng nghèo hiểu khổ lắm; ngậm ngùi muốn tính sự buồn thêm. Một con ma ở bên, vỗ tay cười rất to. Bá Long than rằng: “*Nghèo, giàu đành đã có mạng, lại còn để cho ma cười ru?*”.

(5) Can Bảo đời Tấn soạn sách *Sưu Thần Kí* ba mươi quyển, thập tập các tích thần kì linh dị cả xưa nay, những tình trạng biến ảo nói rất kĩ.

(6) Ông Tô Đông Pha lúc ở Hoàng Châu, mỗi sáng dậy, nếu không mời khách đến

*Nghe câu nào chép câu ấy;
Góp chuyện ngắn, nên tập dài.
Ngày lâu, còn lắm nơi gởi cho;
Người thích, cho nên của tìm đến.*

Nhiều quá đến:

*Rõ việc người đời hiện đó, lạ lòng cắt tóc để còn thua⁽¹⁾;
Cái lông trước mắt không xa, quái gỡ nước bay đầu chưa đến thế⁽²⁾.
Vung vênh lúc hưng, chẳng quả nông cuồng:
Khuếch khoáng vui lòng, kiêng gì ngậy đại:
Người đời ai đó khỏi sao lắm kẻ cười ta ru?
Nhưng ngã ba đường cái, đủ chuyện nghe câu được câu chẳng;
Mà hòn đá ba sinh⁽³⁾, thời hiếu có kiếp sau, kiếp trước?*

nói chuyện, thời cũng đi thăm khách cùng chơi, tùy theo tư tình của từng người cao thấp, nói chuyện khôi hài phóng dăng cho vui, không cần giữ lễ độ. Có kẻ không nói chuyện được thời ông bắt ép nói ma quỷ. Lại có kẻ bảo là không có chuyện nói thời ông bảo: “Cứ nói láo đi!”

- (1) Thái Bá, Ngu Trọng là hai vua Văn Vương nhà Chu, vì muốn nhường ngôi vua cho em, bèn đi trốn đến nước Kinh Man, vẽ mình và cắt tóc.
- (2) Sách *Dậu Dương tạp trở*: Phía Đông nước Nghiệp Thiện, phía Tây đất Long Thành, thường có người bay đầu, cho nên gọi là “giống Mùng bay đầu”. Trước một hôm đầu sắp bay, thời ở cổ và gáy có cái ngấn đỏ quanh khắp, vợ con thấy thế phải cùng giữ. Người ấy đến đêm thời như thể ốm sốt, rồi đầu lìa mình bay đi, tìm những con cua, con cá ở chỗ bùn, cạnh bến nước để ăn, gần sáng lại bay về, như thể mộng tỉnh mà bụng thời đã no.
- (3) Sách *Truyện Đăng Lục*: Một viên kí sự trong dinh tự đi chơi chùa núi Hoa, thấy mình đến ở dưới chỗ núi đá, trước mặt một người sư già, có nén hương còn cháy mà tia khói nhỏ lắm. Người sư nói: “Đây là của đàn việt cầu nguyện; nén hương còn, mà đàn việt đã ba lần sinh ra đời rồi”. Đàn việt là tiếng của nhà chùa gọi những người khách đến lễ bái.

Lại ở sách *Dậu Dương tạp trở* quyền nổi, chép rằng: Một người sư là Viên Trạch: cùng với Lý Nguyên Thiện hẹn nhau đi chơi núi Nga Mi, thuyền đỗ ở bến Nam Phố thấy một người đàn bà. Trạch bảo Nguyên Thiện rằng: “Người đàn bà này có mang đã ba năm, đợi ta làm con; nay đã gặp đây, không trốn lánh được nữa. Ba ngày nữa ông nên đến thăm ta, cười một cái làm duyên. Rồi sau mười ba năm, đến trung thu, sẽ cùng gặp thấy nhau ở chùa Thiên Trúc”. Đến chiều tối, Trạch mất mà người đàn bà đẻ. Ba ngày, Nguyên Thiện đến nhìn xem, cười một cái thật. Sau y

Câu nói liều lĩnh, chưa hẳn đã nên vì người mà bỏ qua.

Tùng trong lúc treo cung⁽¹⁾ Tiên đại nhân⁽²⁾ mộng thấy một vị Cô Đàm⁽³⁾ gầy ốm trần một cánh tay đi vào mà có miếng thuốc cao tròn như đồng tiền, dán ở trên chỗ vú. Tỉnh thời Tùng đẻ ra, cái nốt ruồi đen đúng như thế⁽⁴⁾.

Đã thế lại:

*Lúc bé, gầy mòn lắm bệnh;
Lớn lên, số mạng kém người,
Sân nhà vắng lạnh như buồng sư;
Bút mực kiếm ăn như cái bát⁽⁵⁾.*

Lắm lúc vô đầu tư nghĩ: có lẽ người nhìn mặt vào vách đá chính là đời trước của ta ru?⁽⁶⁾

Hẳn chỉ gò dưa căn nhân, người, trời vẫn chưa đầy quả phúc⁽⁷⁾

lời hẹn đi đến chùa Thiên Trúc, thấy ở bên bờ giếng, một đứa trẻ chăn trâu ngồi hát rằng: “Tam sinh thạch thượng cư tinh hồn. Thường nguyệt lâm phong bất yếu luân. Tầm quý cổ nhân viễn tương phóng, Thử thân tuy dị tinh linh tồn”. Nghĩa là: *Trên hòn đá ba sinh, cái tinh hồn cũ, chơi trăng hóng gió không cần bàn nói làm chi; thẹn thấy người cũ ở xa đến thăm nhau: cái thân này dầu khác, mà tính linh vẫn hãy còn.*

- (1) Thiên Nội Tắc kinh Lễ: Phạm con đẻ ra, là con trai, thời treo cái cung ở bên tay trái cổng, là con gái, thời để cái khăn tay ở bên tay phải cổng.
- (2) Tiên đại nhân, tức là nói ông thân sinh trước.
- (3) Cô Đàm: Hai chữ này nguyên là họ của Phật cho nên gọi Phật, hoặc vị sư tu hành đắc đạo là “Cô Đàm”.
- (4) Kinh Kim Cương: Đức Thế Tôn vào trong thành Xá Vệ để ăn xin. Có vị trưởng lão là Tu Bồ Đề, ở trong đám đông người, đương ngồi liền đứng dậy, vén trần một cánh tay bên hữu gồi bên hữu quì xuống đất, chấp hai bàn tay làm lễ kính chào.
- (5) Sách Truyền đăng lục: Thầy chùa thanh tịnh hỏi thế nào là phong vị nhà hòa thượng? Đáp rằng: “Một cái bình, một cái bát, đến đâu là sinh nhai đó”.
- (6) Truyện thần tăng: Xưa đức Bồ Đề Đạt Ma đại sư, từ Thiên Trúc vượt bể đến Kim Lăng, cùng vua Vũ Đế nhà Lương nói chuyện, biết cơ không hợp bèn lặn về đất Lạc Dương, ở tại chùa Thiền Lâm, núi Tung Sơn, nhìn mặt vào vách đá mà ngồi, chín năm, hình in vào trong đá. Người ta bảo tinh thần thấu suốt vào đá.
- (7) Sách Truyền đăng lục: Vua Vũ Đế nhà Lương hỏi thầy Đạt Ma rằng: “Ta dựng chùa, viết kinh, không biết bao nhiêu mà kể; như thế, có những công đức gì?” Đáp rằng: “Không có công đức gì cả! Thế chi là cái quả nhỏ của người đối với trời, bởi cái căn nhân còn rò rỉ không kín”.

Mà mới gió đưa rơi rụng, giận bùn nên nổi tui thân hoa⁽¹⁾;

Sáu đường man mác chớ nên cho lẽ đó là không vậy⁽²⁾

Chi như nay:

Đêm vắng canh khuya tàn bạc bắc:

Buồng vãn gió lọt, án lạnh ngờ băng.

Cóp da nách, làm áo cừu, nổi khuấy U Minh câu chuyện cũ⁽³⁾

Rót chén rượu, vắn quàn bút, học theo Cô phần sách người xưa⁽⁴⁾.

Trăm năm thân thế, như thế mong chờ, nghĩ đáng ngùi thương vậy.

Than ôi!

Sợ sương con én lạnh, ôm cây nào có ấm gì thân?

Viếng nguyệt cái trùng hay, ấp triện còn mong hơi có nóng⁽⁵⁾

Biết ta ai hời, có chẳng nơi ải tối, rừng xanh⁽⁶⁾.

Khang Hi, năm Kì vị, ngày mùa xuân⁽⁷⁾

LIÊU TUYÊN CƯ SĨ đề

(1) *Nam Sử* (Nam Bắc triều): Phạm Thận thừa với con Vua Cảnh Lăng là Lương rằng: “Người ta sanh ra đời, như các hoa ở cây cùng nở, rồi theo gió mà rơi xuống. Có chạm vào rèm, vào màn, mà rơi ở trên chỗ nệm, chiếu, ấy như đức Điện Hạ. Có cái mắc vào bờ rào, bờ giậu, mà rơi xuống ở chỗ bùn, rác, ấy như kẻ hạ quan”. Hai câu này trong nguyên văn, chỉ là nói: *kiếp trước tu chưa đến nơi, cho nên kiếp này số mạng phải chịu kém.*

(2) Kinh Phật có nói sáu đường, là *đường trời, đường người, đường ma, đường địa ngục, đường qui đói, đường súc sinh..*

(3) Trong bài Luận Tứ Tử của Vương Đạo có câu: “Cái áo cừu giá Nghìn vàng, thời không phải chỉ là cái da nách của một con hồ”. Lưu nghĩa khanh đời Tống (Nam Bắc triều) có làm sách *U Minh lục*.

(4) Hàn Phi là công tử nước Hàn, bị những kẻ gian thần ghét hại, không dung được ở triều, bèn làm ra những sách *Cô phần, Ngũ đố, Thuyết Nan*, hơn mười vạn câu nói. *Cô phần*, ý là một mình tức giận.

(5) Hai câu này, cùng một thể văn, mà trái khác nhau. Câu trên nói bỏ đi, câu dưới lại nói vớt lại.

(6) Ông Đỗ Phú có thơ mộng thấy ông Lý Bạch đương lúc ông Bạch bị ở ngục, hai câu nghĩa rằng: “Hồn lại, thời rừng phong xanh, hồn về đi, thời cửa ải đen tối”. Đây dẫn nói, cũng chỉ lấy ý ma mộng.

(7) Năm Kì vị này, là năm thứ 18 đời Khang Hi nhà Thanh, tức lịch tây 1679.

LỜI PHÊ BÌNH CỦA THI SĨ TẢN ĐÀ VIẾT MÙA THU NĂM MẬU DẦN (1937) SAU KHI DỊCH *LIÊU TRAI*

(Phụ lục vào đây để làm lời định luận cho sách này)

Đêm thu dưới trăng, một mình ngồi nghĩ ngợi. Nghĩ rằng: Hằng Nga Quảng Hàn liệu có thể là có, mà tự mình không muốn bảo là không; lại cả như Khiên Ngưu, Chức Nữ, Ngân Hà, có lẽ cũng là không, mà thế gian vẫn cứ nói như có. Vậy phạm câu chuyện của người đời có nói, tai ta có nghe, cứ chi là có là không; không hay có, ở tự lòng ta vậy.

Bộ *Liêu Trai* nguyên Hán văn của ông Bồ Tùng Linh soạn ra, tất cả 338 chuyện; từ đời Khang Hi nhà Thanh đến nay, kể có 260 năm⁽¹⁾. Hiện nay, các bản có chú giải, đồ họa điểm duyệt, tranh in ra để lưu hành. Vậy tất có lí thú như sao, cho nên mới được người đời mến chuộng thế.

Tôi từ tuổi trẻ thôi sự học khoa cử, trong lúc vô liêu thường hay xem *Liêu Trai*, chỉ thấy chuyện vui mà văn hay, dù là một tập sách tiêu khiển có giá trị. Mới đây, dịch bộ sách đó, nhân xem lại và nhận kĩ, thời thấy có hứng vị hơn xưa. Thấy rằng:

Bộ *Liêu Trai* của Tào, cùng với quyển *truyện Kiều* của ta, tuy văn xuôi, văn vần khác nhau, mà cái tài học của tác giả, cái giá trị của văn chương thực có giống nhau lắm. Hai tác giả cùng bậc học rộng, mà văn có đại tài. Cụ Nguyễn Du viết quyển *Kiều*, bao nhiêu câu lục bát, mà không câu nào phảng phất với câu nào. Ông Bồ Tùng Linh viết *Liêu Trai*, bao nhiêu chuyện dài, ngắn, mà không chuyện nào phảng phất với chuyện nào. Diễn tích dẫn dùng, lời lẽ gọt chuốt, đều hoành bác mà tinh công. Cho nên đều được người đời mến chuộng về lâu dài, là một lẽ xứng đáng. Tác giả *Liêu Trai* là người ở Trung Quốc, sinh vào đời Mãn Thanh, chắc có chỗ u phần mà mượn tập truyện đó để khiển hoai; cũng

(1) Đây kể từ năm tác giả để bài tựa, năm Kì vị năm thứ 18 đời Khang Hi tức lịch Tây 1679 đến nay 1938, vừa là 260 năm.

như cụ Nguyễn Du ta là cố thần nhà Lê, mà bùi ngùi vì thân thể xuất xứ vậy.

Riêng nói về bộ *Liêu Trai* này, chuyện hồ qui chiếm có quá nửa, minh bạch là câu chuyện bịa đặt, mà cái hay cứ hay. Cái hay của Liêu Trai, như nghìn vạn cảnh trạng ở nhân gian đều thu vào những phiên ảnh rất nhỏ bé, mà cảnh nào tình ấy, nhận cho kĩ, sẽ thấy được rõ ràng. Lại những ý tưởng quang minh chánh đại, những kiến thức khoáng đạt cao siêu, đều tùy thế chuyện, mượn mồm người, mà phát ra ngôn luận, đặt làm văn chương. Cho nên cái hay không những chỉ là đáng yêu, mà phần đáng trọng rất không ít. Cho nên không thể coi như một bộ tiểu thuyết tầm thường, mà cũng không phải như “Chức Nữ Hằng Nga”, chỉ thanh thú mà không có thiết đến nhân thế. Ấy là cái giá trị xác thực của Liêu Trai.

*Hà Đông năm Mậu dần, sau tiết
Trung Thu một ngày.*
TÀN ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU

PHỤ LỤC

Gần đây (tháng 6 năm 2011) trên tạp chí *Xưa&Nay* số tháng 6 năm 2011 có bài báo của tác giả Trần Thái Bình (ở Hà Nội) viết về Đào Trinh Nhất, cùng bài phụ họa của con trai thứ ông Đào Duy Mẫn về tác phẩm *Đào Trinh Nhất - Nhà văn, nhà báo bậc thầy*, *Đào Trinh Nhất - Tác phẩm* của tôi (NQT).

Nhân đây chúng tôi sao lục bào báo tôi gửi cho tạp chí *Xưa&Nay* và ý kiến tôi về bài báo trên, đề rộng đường dư luận.

TP. Hồ Chí Minh ngày 29-8-2011

Kính gởi tạp chí *Xưa&Nay* (cả ở Hà Nội và TP. HCM)

V/v nhà báo Trần Thái Bình, chép lại văn của tôi (NQT) và sử dụng tài liệu mà không ghi xuất xứ.

Tôi Nguyễn Quyết Thắng, bút danh Nguyễn Q. Thắng, điện thoại 0908162288 là tác giả một số tác phẩm, trong đó các cuốn:

- 1- *Đào Trinh Nhất - Nhà văn, nhà báo bậc thầy* (NXB Văn học, 2010)
- 2- *Đào Trinh Nhất - Tác phẩm* (NXB Văn học, 2010)

Trong báo *Xưa&Nay* số tháng 6 năm 2011 có đăng bài *Nhớ lại nhà báo Đào Trinh Nhất* của tác giả, nhà báo Trần Thái Bình. Với bài này tác giả đã tóm tắt nội dung một phần của hai cuốn sách trên của chúng tôi mà không hề ghi xuất xứ! Trong toàn bài gần 10 trang khổ A4 mà không hề có một cước chú nhỏ nào từ các cuốn sách của tôi xuất bản (2010). Đã vậy, tác giả này còn dùng những câu nguyên văn của tôi từ hai cuốn sách trên, như:

- Ngày 1-8-1939 là ngày ông Đào Trinh Nhất bị Pháp trục xuất về Bắc.
- Bài báo của nhà báo Bạch Điện (PVT) đăng trên báo Dân chúng ở Sài Gòn năm 1960,

- *Bài thơ của nhà văn Tam Lang điệu Đào Trinh Nhất.*

- *Bản thư mục, Đào Trinh Nhất... vân vân và vân vân...*

Các chi tiết trên dường như từ trên trời rơi xuống trúng tay ông Trần Thái Bình ở Hà Nội rồi ông đem in trên *Xưa&Nay*.

Trong bài, ông Trần Thái Bình cố tình đánh lạc sự chú ý của độc giả, khi thì ghi năm **1932** là năm ra đời cuốn *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam kì*, lúc thì năm **1942**. Thực sự, năm xuất bản cuốn sách này là năm **1924** do nhà in Thụy Kí xuất bản, mà hai cuốn sách thượng dẫn có ghi rõ ràng, chứ không phải như cách lập lờ cố ý của ông Trần.

Hoặc, cuốn Phan Đình Phùng, sơ bản in là *Phan Đình Phùng một vị anh hùng có quan hệ đến lịch sử hiện thời* (Cao Xuân Hỷ, Hải Phòng, 1936, Mai Lĩnh tái bản 1937). Đến năm 1957 NXB Tân Việt Sài Gòn tái bản với nhan đề mới: ***Phan Đình Phùng nhà lãnh đạo 10 năm kháng chiến (1886 – 1895) ở Nghệ Tĩnh***.

Trong cuốn sách đã dẫn, *Chương V – Tác phẩm*, chúng tôi giới thiệu văn bản, nội dung cuốn in ở Hải Phòng năm 1936, chúng tôi phân tích nội dung và cho rằng cuốn in ở Sài Gòn năm 1957 là *thiếu các tư liệu hình ảnh*. Nay ông Trần Thái Bình cũng *sao y phần chúng tôi giới thiệu*, và *phân tích bản Tân Việt (1957)* theo chúng tôi (NQT) là không nhất quán và gian dối. Trong khi đó, ông Trần Thái Bình trong bài báo thượng dẫn đã viết *giống hoàn toàn về nội dung sách* như cách phân tích của chúng tôi mà lại in ảnh bìa sách *Phan Đình Phùng là bản của nhà báo Tân Việt Sài Gòn...* Như vậy có phải tác giả bài báo cố tình “đánh lộn” độc giả? Nhằm che đậy việc “đạo văn” của mình (Tr TB)!

Thiên nghi suốt bài báo của mình, nhà báo Trần Thái Bình đã tóm tắt nội dung 2 cuốn sách của chúng tôi in trong năm 2010 về Đào Trinh Nhất. Trong khi soạn bản *Thư mục Đào Trinh Nhất*, tôi ghi 22 cuốn thì bài báo của mình ông Trần Thái Bình rút lại còn 21 cuốn. Nếu ông Bình soạn được bản thư mục này thì ông chính thức ghi tên mình đã sưu tầm ở dưới, chứ sao lại bỏ trống nhằm gạt độc giả trẻ tuổi. Thậm chí, trong các câu văn nhận định của ông Trần sao lại *y hệt nguyên văn của tôi* trong 2 cuốn sách đã dẫn, ông viết, nào:

“*Cuốn Phan Đình Phùng – một vị anh hùng có quan hệ đến lịch sử hiện đại (...). Đến năm 1957, sau khi tác giả đã qua đời từ năm 1951*

được giấy phép số 969 của Nha Thông tin Nam phần Việt Nam, có ghi chú là: “Có nhiều đoạn, bổ thêm tài liệu trước kia chưa in”. nhưng đối chiếu kĩ hai cuốn Mai Lĩnh, Tân Việt, ta sẽ thấy cuốn in sau của Tân Việt (1957) lại ít tài liệu hơn so với cuốn trước (1937?) (sic) khi tác giả còn sống”. (Theo bài Nhớ lại nhà báo Đào Trinh Nhất, tạp chí Xưa Nay số tháng 6-2011, Hà Nội). Trong khi đó cuốn Đào Trinh Nhất – Nhà văn, nhà báo bức thầy trang 49, NXB Văn học, 2010, chúng tôi viết:

“... Sách do NXB Cao Xuân Hưu, Hải Phòng, in năm 1936, nhà sách Mai Lĩnh, Hà Nội tái bản năm 1937, bản in lần thứ nhất có nhan đề như trên. Đến năm 1957, NXB Tân Việt Sài Gòn in lại (bản in lần thứ tư) với nhan đề **Phan Đình Phùng nhà lãnh đạo 10 năm kháng chiến (1886 – 1895) ở Nghệ Tĩnh**, theo NXB thì bản in lần thứ tư có nhiều đoạn bổ thêm tài liệu trước kia chưa in. Sách in lần này vào ngày 31-1-1957, giấy phép 969 của nha Thông tin Nam phần Việt Nam”. Có khác chăng là ông Trần cố tình xáo trộn thứ tự mạch văn thôi!

Người đọc có con mắt nhận xét, ắt thấy ngay người “đạo văn”. Nói một cách chơn thật mà cũng có tính nhân văn, ông Trần chính là người có tài “uốn sừng sửa xoáy” mấy con trâu bò ăn!

Cuốn *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam kì*, chúng tôi ghi năm xuất bản là năm **1924** (có in trong trang hình cuốn này trong sách đã dẫn, bản Thụy kí, trang 208, 209, trong bài báo của mình, ông Trần cố ý sửa thành năm **1942**. Tương tự như cuốn *Phan Đình Phùng* chúng tôi ghi năm 1937, nay ông đổi lại là 1973?, cũng là thái độ “lộn sòng” của ông Trần.

Điều đáng nói, nhất là ông Trần và tôi (NQT) ở cách xa nhau gần 1900 km, nghề nghiệp khác nhau và chưa hề quen biết mà sao văn ông và câu văn tôi giống y hệt nhau vậy?

Trong Chương III, tôi viết... “*Bằng ngòi bút biên khảo pha chất kí sự lịch sử, ông (ĐTN) khôi phục lại được truyền thống vẻ vang, quật cường của tiền nhân ta nói riêng và tinh thần thâm thúy phương Đông nói chung*” (Sđd tr 35).

Và hơn một năm sau (2011) ông Trần Thái Bình viết về họ Đào như sau:

“*Tác giả đã vận dụng ngòi bút biên khảo pha chất kí sự văn chương,*

khôi phục được truyền thống về vang quật cường của tiền nhân”. (Xưa Nay số đã dẫn).

Đã vậy câu văn trên ông Trần nhắc đi nhắc lại nhiều lần (3 lần) trong bài báo của ông dài gần 10 trang khổ A4. Nếu tác giả bài báo vừa dẫn, với tính trung thực thì chỉ cần ghi vài cước chú về nội dung bài của mình xuất xứ từ đâu? Hoặc tư liệu, sách tham khảo, Thư mục, tác giả (NQT) viết trước về học giả họ Đào... thì ắt hẳn độc giả Xưa Nay sẽ nghĩ rằng tác giả Trần Thái Bình là một người cầm bút có đủ “liêm khiết trí thức” (*probité intellectuelle*). Trái lại suốt bài báo dài, thực chất ông đã là một loại *cynique* (vô si) trong văn học, báo chí hiện đại.

Đã vậy, sau khi báo Xưa&Nay phát hành, ông Trần còn tung bài này lên mạng yêu cầu độc giả phản hồi về nội dung bài này. Tiếp ngay sau đó (ngày 25-7-2011) có ông Đào Đình Ngân tự giới thiệu mình “ông (ĐĐN) là con trai thứ của ông Đào Duy Mẫn (“tốt nghiệp Đại học sư phạm Hà Nội và trường Đảng cao cấp trung ương”) “là một người biết nhiều ngoại ngữ, đi nhiều nơi trên thế giới và am hiểu, có kiến thức rộng. Ông có những công trình tác phẩm về giáo dục và về xã hội để lại cho mọi người” (sic). Bài của Đào Đình Ngân con trai thứ ông Đào Duy Mẫn giới thiệu, nâng bi cha mình. Đúng là một duột “mẹ hát con khen hay” thời hiện đại.

Nội dung bài phản hồi của ông Đào Đình Ngân loan báo, ông Đào Duy Mẫn có sách viết về Nhà văn, học giả Đào Trinh Nhất nhưng chưa ra được là do “phía nhà xuất bản và Trung tâm văn hóa Đông Tây”. Trong bài này có kê đích danh tôi là “Ông Nguyễn Quyết Thắng làm việc trái với đạo lý, lương tâm”. Phải chăng các vị làm các việc này là để che đậy mưu mô xảo trá của quý vị!

Nhớ như vào khoảng tháng 7-2010 tôi vừa hoàn tất cuốn Đào Trinh Nhất... đã dẫn trên. Ông Đào Duy Mẫn có liên lạc qua điện thoại và email với tôi, nhờ tôi viết một bài về Đào Trinh Nhất. Tôi từ chối vì bệnh nặng! Sau khi cuốn sách của tôi ra đời, ông Mẫn vẫn tiếp tục nhờ tôi viết bài đóng góp với ông. Lúc đó tôi đề nghị ông Mẫn có thể trích một tiết hoặc một chương nào đó trong cuốn sách của tôi với điều kiện duy nhất là “trích từ Nguyễn Q. Thắng: Đào Trinh Nhất – Nhà văn, nhà báo bậc thầy, NXB Văn học, 2010”. Ông Mẫn đã nhất trí như yêu cầu của tôi. Mấy hôm sau ông Mẫn email cho tôi, trích Chương V: Phần đóng góp về văn hóa sử

của Đào Trinh Nhất, nguyên văn kí tên *Đào Duy Mẫn – Nguyễn Q. Thắng*. Đọc email trên, tôi phản đối ông Mẫn vì ông tự cho ông là đồng tác giả với Nguyễn Q. Thắng. Hôm sau, ông lại gửi tiếp cho tôi một email khác cũng nguyên văn bài trên mà đổi tên tác giả lại là Nguyễn Q. Thắng – Đào Duy Mẫn. Thế là tôi liền gửi email lại cho ông, nguyên văn:

“Trước đây tôi đồng ý để ông trích một số trang trong cuốn “Đào Trinh Nhất – Nhà văn, nhà báo bức thầy” của tôi.

Chiều chủ nhật 14-11-2011, ông cho biết là ông sẽ trích từ cuốn sách của tôi mà ông là đồng tác giả. Tôi khẳng định: như vậy là không được.

Vậy tôi xin nói lại ông rõ: kể từ nay ông không được in một dòng nào từ cuốn sách của tôi xin ông khỏi liên hệ lại với tôi”. (Thư còn trên máy tôi)

Trân trọng

NQT

Đã vậy trước đó (khoảng tháng 7 – 2011) ông Mẫn còn điện thoại lại với tôi đề nghị tôi tặng ông vài *bản sao tác phẩm Đào Trinh Nhất*. Tôi từ chối và hẹn sau khi sách ra đời, ông muốn sử dụng tác phẩm nào của cụ Đào đều được cả. Cũng trong lần điện thoại này, ông nhờ tôi tặng ông (Mẫn) cuốn *Lịch sử báo chí VN từ khởi thủy đến năm 1945* của tác giả Huỳnh Văn Tòng (1941 – 2011), tôi đồng ý sẽ tặng ông bản photo và cho người đến nhận là bà Bưởi (cháu ông Đào Duy Mẫn, ĐT số: 38113941) gửi về Hà Nội cho ông cùng 2 cuốn sách tôi là tác giả (*Khoa cử và Giáo dục VN, Đào Trinh Nhất – Nhà văn, nhà báo bức thầy*). Tuy ông đã nhận được sách mà chẳng có lời nào gọi là đã nhận được sách. Thậm chí, ông (Mẫn) còn nói với nhà văn Lại Nguyên Ân ở Hà Nội là ông gửi tài liệu về Đào Trinh Nhất và tôi (NQT) phồng tay trên in trước sách Đào Trinh Nhất! Về sự thật này, xin độc giả đọc bức điện thư mà ông Đào Duy Mẫn gửi cho tôi ngày 20/11/2010 để thấy rõ vấn đề. Thật là láo khoét và gian dối.

Thế mà nay ông dạy con trai thứ mình điều này, lẽ nọ để bôi nhọ người khác. Đúng là một loại “cynique” hiện đại của “một người biết nhiều ngoại ngữ, đi nhiều nơi trên thế giới và am hiểu, có kiến thức rộng. Ông có những công trình tác phẩm về giáo dục và về xã hội để lại cho mọi người”.

Trong khi đó ông lại “dạy” con ông còn cho rằng ông đã “trao đổi”

tài liệu về Đào Trinh Nhất, rồi tôi (NQT) phỏng tay trên in sách Đào Trinh Nhất trước. Đúng là với ý định, việc làm làm cho ông trở thành kẻ “hàm huyết phún nhân” thôi.

Thật đúng như nhà thơ núi Tản sông Đà từng than thở:

*“Văn minh chừng mấy ki lô mét
Tiến bộ như anh đã chán phê!”*

Than ôi.

Kính thưa quý báo

Đề rộng đường nghị luận, kính xin quý tạp chí cho đăng bài này lên quý báo để độc giả chân chính khỏi ngộ nhận.

Trân trọng
NQT

Sau đây là điện thư ông Mẫn gửi cho tôi (NQT):

--- On Sat, 11/20/10, Dao Duy Man <daoduyman@gmail.com> wrote:

From: Dao Duy Man <daoduyman@gmail.com>
Subject: Re: Tra loi ong Man ve cuoc dien thoai chieu Chu nhat
To: "pham ngoc tieu" <qthangpro@yahoo.com>
Date: Saturday, November 20, 2010, 4:13 AM

Kính gửi ông Nguyễn Q. Thắng

Như đã thống nhất, nay tôi gửi bài viết sẽ in trong Mục Phê bình - Nghiên cứu trong Tuyển tập Đào Trinh Nhất ở nhóm bài Chương Thâu - Nguyễn Đình Chú - Nguyễn Q. Thắng
Viết bài này, tôi giữ nguyên những ý cơ bản trong sách ông đã in. Phần nội dung tôi có kể chính đôi chút theo ý của riêng tôi cùng sự lý giải, minh họa.
Ông có ý gì bổ sung, bổ khuyết cũng xin cho ý kiến. Tôi sẽ chỉnh sửa trước khi đưa in.
Mong nhận được hồi âm càng sớm càng tốt.
Chúc ông bà hạnh phúc

Thân kính
Đào Duy Mẫn

TB: Rất mong có tên ông và những ý rất hay của ông về Đào Trinh Nhất mà chưa có ai nói.
Mong ông ủng hộ rồi.
Rất cảm ơn ông.

MỤC LỤC

Dẫn	5
– Lê Văn Khôi.....	7
– Liêu tri chí dị	333
– Thanh minh của dịch giả.....	335
1. Vợ thi hộ chồng	337
2. Trường học toàn ma	340
3. Ác báo ghê hồn	349
4. Duyên lờ người tiên	359
5. Bông sen hóa người	365
6. Lời hẹn Tây hồ	370
7- Lấy Vợ Công Chúa.....	376
8- Người dạy ma đờn	386
9- Mỏ tim đôi mắt.....	372
10. Đào mã lấy vợ.....	400
11- Bà chúa Tây Hồ	405
12- Kết duyên với ong	415
13. Tiệc rượu tân hôn.....	420
14. Kì ngộ trong núi.....	425
15- Cờ trường rượt ma	434
16- Háo Sắc Lụy Minh.....	440
17- Một nhà đi chồn.....	448
18. Cậu bé đa tình	455
19- Tám Gương Thu Hình ..	464
20. Làm đi dưới âm.....	468
21- Tình NGHĩa Với Chim .	475
22- Tay áo làm mai	483
23- Một Đêm Lấy Ma	492
24- Mặc áo lá cây.....	497
25- Vợ Dữ Hơn Cọp	502
26. Xác chim hồn người.....	512
27. Cái đầu kẻ thù	518
28. Khắc ra trái tim	525
29- Mỹ Nhân cứu mạng	531
30- Thứ Cỏ Giết Người.....	540
31. Chồn qui tranh chồng....	544
32- Có gan được vợ	558
33- Nổi Giấc kê Vàng	565
34. Chết vì mê gái.....	573
35. Gương sáng anh em	578
36. Nụ cười sát nhân	585
37- Viết giấy bán vợ.....	598
38- Cô Tân thứ mười bốn....	610
39. Thấy ma sống dậy	622
40- Con Gái Nhà Trời	631
41. Dạ Xoa phu nhân	640
42- Cắt Thịt Vì Tình	647
43- Đào mã cô Canh	654
44- Vạn Lý Tầm Phu.....	661

45- Vợ Bé Là Chồn.....	668	49- Báo Ứng Trước Mắt	692
46- Lên Chơi Trên Trời.....	674	50- Mũi Dao Kinh Kha	696
47- Con Người Quốc Sắc....	679	51- Phiên Chợ Giữa Biển ...	703
48. Mắt xanh cô Mai.....	682		

- Tự Chí.....	714
- Lời phê bình của thi sĩ Tản Đà viết mùa thu năm Mậu Dần (1937) sau khi dịch Liêu Trai	718
- Phụ lục	720

Đức thánh ông Bồ-tông Sinh
Ban lên ngòi viết sách Liêu-trai
Đánh rì Vươp Ngủ-Điáp đề thơ

姑妄言之，姑言之
豆棚瓜架雨如絲
料應厭作人間語
愛讀秋墳鬼唱詩

Cô vọng ngôn chi, vọng thính chi.
Đâu lênh qua giá vũ như Tỳ.
Siêu vãng yên tác nhân gian ngữ,
Chí ^{thích} ~~học~~ thu hồn quỷ xươp thi

Dịch nghĩa:

Cứ nói trần, cứ nghe trần,
Sân mưa thánh thoát trây giàn đậu, dĩa
Chuyện người từ ngàn xưa giờ,
Thích nghe ma quỷ chời mớ ngâm thơ

20-04-50

Thơ

20-04-50

Thơ

Thủ bút và chữ ký "Đào Trinh Nhất"